VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TUYỂN TẬP
NGUYỄN KHÁNH TOÀN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TUYỂN TẬP

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TUYỂN TẬP
NGUYỄN KHÁNH TOÀN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HOC XÃ HÔI
HÀ NÔI - 2010

VIỆN THÔNG TIN
KHOA HỌC XÃ HỘI
VV. 10998

GS. BÙI ĐÌNH THANH

(Tuyển chọn và biên soạn)



GIÁO SƯ, VIÊN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn tham gia các hoat đông yêu nước từ rất sớm, và đươc giác ngô cách mang từ những tác phẩm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đươc bí mât đưa vào Việt Nam lúc ấy, như *Bản án chế đô thưc dân Pháp* và tờ báo *Người cùng khổ* Ông đã đi theo con đường mà Nguyễn Ái Quốc là người mở đường: Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa công sản.

Cuôc đời hoat đông của Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn thât phong phú, đa dang Là một nhà cách mạng lão thành, môt nhà lãnh đao sắc sảo nhạy bén với nhiêm vu chính trı của đất nước, môt nhà khoa học uyên bác, ông đã có nhiều đóng góp to lớn trên các lĩnh vưc giáo duc, đào tao, khoa hoc xã hội và nhân văn.

Khı đươc Đảng và Nhà nước giao nhiệm vu lãnh đao Uỷ ban Khoa hoc xã hôi Viêt Nam (nay là Viên Khoa hoc xã hôi Việt Nam), Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã tích cực xây dưng cơ quan ngày càng vững manh, trở thành trung tâm nghiên cứu lớn nhất về khoa học xã hôi và nhân văn của cả nước

Đối với môt nhà khoa hoc xã hội và nhân văn như Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, người đã sử đung khối óc, trái tım và ngòi bút trong hơn 60 năm, từ tuổi thanh niên đến hết những năm tháng cuôi cùng của cuôc đời, thât khó có thể nêu hết, và hơn thế, đánh giá môt cách đầy đủ những giá trı văn hóa, tınh thần, tư tưởng chứa đưng trong những công trình nghiên cứu của ông

Ông đã có nhiều công trình khoa hoc đươc xuất bản, trong đó cuốn *Vài nhân xét về thời kỳ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long* và hai tập của bô sách *Vấn đề dân tôc trong cách mang vô sản* là những công trình đươc tăng

Giải thưởng Hồ Chí Minh. Năm 1999, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia đã cho xuất bản cuốn *Khoa học xã hội và nhân văn. Tuyển tập* của ông. Lần này, Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức xuất bản cuốn ***Tuyển tập Nguyễn Khánh Toàn*** do Giáo sư Bùi Đình Thanh tuyển chọn và biên soạn. Nội dung cuốn sách gồm 9 phần chính:

Phần I. Thân thế và sự nghiệp.
Phần II Những cống hiến cho sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam
Phần III. Về tư tưởng, đạo đức, tác phong Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Phần IV. Về khoa học xã hội và nhân văn
Phần V. Về giáo dục.
Phần VI Việt Nam và thế giới
Phần VII. Nhà báo xuất sắc
Phần VIII. Nguyễn Khánh Toàn trong lòng Đảng, các đồng chí, người thân và các học trò.
Phần IX. Thư mục.

Có thể khẳng định rằng đây là tuyển tập có nội dung sâu sắc, phong phú, thể hiện hình ảnh chân thật, lao động sáng tạo và sự đóng góp của một nhà hoạt động cách mạng lão thành, một nhà khoa học xã hội và nhân văn tiêu biểu. Điểm khác của tuyển tập này so với tuyển tập trước là toàn diện hơn, phong phú hơn.

Cuốn sách hoàn thành vào dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, thiết nghĩ đây là một việc làm thiết thực không chỉ để hướng tới ngày Đại lễ, mà còn là sự tri ân của thế hệ cán bộ, viên chức đang công tác tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam đối với Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Hà Nội, tháng 9 năm 2010

GS.TS Đỗ Hoài Nam
Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

1 Tôi được giao nhiệm vụ đọc 10.000 trang những công trình nghiên cứu và những bài báo của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn để chọn 1 000 trang đưa vào tuyển tập, một nhiệm vụ không hề đơn giản, dễ dàng Tôi đã phải đánh vật với khối lượng tư liệu đồ sộ đó trong suốt mấy tháng hè nóng bỏng

Khi bắt tay vào việc, tôi tự đặt cho mình nhiều câu hỏi: tuyển chọn theo phương pháp nào? dựa trên những tiêu chí nào? và quan trọng hơn hết là mục đích cuối cùng của tuyển tập là gì? Theo tôi, xét đến cùng thực chất của tuyển tập là phản ánh hiện thực, là khắc họa chân dung, phẩm chất, trí tuệ nhân vật chủ thể của tuyển tập

2 Nếu chấp nhận quan niệm đó thì con người Nguyễn Khánh Toàn sẽ hiện ra như thế nào qua tuyển tập?

Chúng ta biết Nguyễn Khánh Toàn là một nhà trí thức thuộc thế hệ những nhà trí thức những năm 20 của thế kỷ trước mang những đặc trưng do bối cảnh lịch sử tạo nên: sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước còn rên xiết dưới ách thống trị của chế độ thực dân Pháp, sớm giác ngộ cách mạng và đi theo con đường đấu tranh cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra, thấm nhuần hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây, đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Một cuộc đời như vậy là một hình tượng đẹp. Nhưng dựng lên được hình tượng đó qua tuyển tập không phải dễ dàng

3 Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn là một nhà trí thức nên có những tính chất chung của giới trí thức Việt Nam Nhưng mỗi trí thức lại có những nét đặc trưng riêng Điều quan trọng nhất của Tuyển tập này là tìm ra sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình hoạt động cách mạng và hoạt động khoa học của đồng chí

Theo tôi, có ba nhân tố căn bản tạo nên sợi chỉ đỏ đó với những nét đặc trưng ở con người trí thức Nguyễn Khánh Toàn: đó là *yêu nước, cách mạng, khoa học.*

Ba nhân tố này có mối quan hệ biện chứng, tác động ảnh hưởng lẫn nhau Tinh thần yêu nước của Nguyễn Khánh Toàn đã được hun đúc, nâng cao với nội dung sâu sắc do hai nhân tố cách mạng và khoa học đem lại Đó là sự kết tinh "ba trong một" Con người Nguyễn Khánh Toàn là sự tổng hợp hài hòa của con người trí thức yêu nước, con người trí thức cách mạng, con người trí thức khoa học. Chính là trên cơ sở của mối quan hệ biện chứng giữa ba nhân tố nói trên mà đã hình thành và phát triển một loạt những quan điểm được thể hiện sâu sắc trong các công trình nghiên cứu của Nguyễn Khánh Toàn: quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, giữa tính Đảng và tính khoa học, giữa những giá trị truyền thống của dân tộc với những nguyên lý cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế

4. Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã trải rộng kiến thức uyên bác, sâu rộng của mình trên các lĩnh vực triết học, sử học, văn hóa, văn học, giáo dục, ngôn ngữ, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin Tuy nhiên khi tôn trọng tính toàn diện đó, tôi cũng không thực hiện một cách bình quân mà dành phần quan trọng nhất cho khoa học xã hội - nhân văn và giáo dục là hai lĩnh vực mà đồng chí đã để nhiều công sức và tâm huyết nhất trong sự nghiệp cầm bút của mình.

5. Khi nói đến cầm bút, tuyển tập cũng đề cập đến sự nghiệp làm báo của Nguyễn Khánh Toàn, một lĩnh vực hình như chưa được quan tâm lắm trước đây. Có một Nguyễn Khánh Toàn, nhà báo xuất sắc. Theo thống kê chưa đầy đủ, đồng chí đã để lại một khối lượng bài báo khá đồ sộ gồm hơn 300 bài trên các báo trong nước và nước ngoài

Khi mới 20 tuổi, Nguyễn Khánh Toàn đã nổi danh với bài báo đập lại những luận điệu "ninh Tây", phản dân tộc của đại tá Đỗ Hữu Chấn, một bài báo được dư luận xã hội lúc bấy giờ

xem là "rực cháy" (incendiaire) làm cho chính quyền thực dân kinh ngạc và hoang sợ. Nguyễn Khánh Toàn đã được Luật sư Phan Văn Trường mời làm Chủ bút tờ báo L'Annam, một tờ báo chính trị chống thực dân Pháp khi mới 21 tuổi - Đó cũng là một sự kiện hiếm có trong lịch sử báo chí Việt Nam. Trên tờ L'Annam và tờ Le Peuple sau Cách mạng tháng Tám, độc giả quen dần và thích thú với kiến thức sâu rộng và bút pháp điêu luyện của Nguyễn Khanh Toàn.

Khi viết về bọn thực dân và bè lũ tay sai của chúng thì lời văn như những mũi kiếm sắc nhọn thọc sâu vào tim gan của chúng như lời Nguyễn Đình Chiểu đâm mấy thằng gian bút chẳng tà. Khi viết về đất nước, con người Việt Nam thì giọng văn tràn đầy tự hào dân tộc, tình yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lịch sử văn hoá, tiếng nói của dân tộc Việt Nam.

6. Nguyễn Khanh Toàn cũng là người có nhiều bài viết nhất về Chủ tịch Hồ Chí Minh, phân tích sâu sắc tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người. Đồng chí cũng là người đầu tiên đề nghị với Trung ương Đảng ngay sau khi Bác mất phát động một phong trào học tập và làm theo gương Bác, một phong trào hiện nay đã phát triển sâu rộng trong toàn dân và thu được những kết quả tốt đẹp.

7. Tuyển tập gồm những bài biết và công trình nghiên cứu từ cách đây gần nửa thế kỷ, gần đây nhất cũng là 30 năm, nên không thể đòi hỏi là văn hoàn toàn đúng với thực tế hiện nay, khi tình hình quốc tế và trong nước đã có nhiều thay đổi lớn, khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa và giáo dục của đất nước đã có những bước phát triển quan trọng trong thời kỳ đổi mới, ngay cả những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng cần được tiếp tục nghiên cứu theo một tư duy mới để phù hợp với cuộc sống hiện đại của xã hội Việt Nam, con người Việt Nam.

Ở đây, cần có một quan điểm lịch sử đúng đắn, không vì những sự đổi mới mà quên mất cái gốc là những giá trị cốt lõi của truyền thống dân tộc được phát huy bởi những quan

điểm sáng tạo của Đảng Đó vẫn là những cơ sở đáng tin cậy để hiểu biết và giải quyết những vấn đề mà chủ nghĩa Mác - Lênin và sự nghiệp văn hóa, giáo dục, khoa học đặt ra cho đất nước chúng ta Ví như, gần đây, trong cuộc tranh luận về đánh giá lại triều Nguyễn, về nền đại học của ta, về những vấn đề văn hóa, đạo đức dưới tác động của kinh tế thị trường, về những biện pháp nhằm giữ vững bản sắc dân tộc và xây dựng con người mới. những bài viết của Nguyễn Khánh Toàn về căn bản vẫn còn nguyên giá trị do tác giả đã vận dụng nhuần nhuyễn phương pháp luận Mácxít kết hợp tính biện chứng với lôgích của lịch sử

8 Tôi đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao Tốt đến đâu và còn điều gì chưa được, phải qua sự thẩm định và đánh giá của bạn đọc Khi thực hiện nhiệm vụ này, tôi liên tưởng đến việc Nhà xuất bản La Pleiade ở Pháp làm tuyển tập gần 2 000 trang của nhà nhân học nổi tiếng Claude Levi Strauss nhân dịp ông 100 tuổi Khi tuyển tập được công bố, ngoài lời khen của độc giả, cũng có ý kiến cho rằng tuyển tập đã bỏ sót một số nội dung cơ bản trong các công trình nghiên cứu của ông

Tôi nghĩ rằng dù có làm tốt đến đâu cũng không tránh khỏi khuyết điểm và thiếu sót Điều này chỉ có thể khắc phục bằng cách xuất bản toàn tập Nguyễn Khánh Toàn Nhưng đó là công việc của tương lai

9 Cuối cùng xin chân thành cảm ơn đồng chí Đỗ Hoài Nam, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, gia đình cố Giáo sư - Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã nhiệt tình ủng hộ và giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành Tuyển tập

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2010

Bùi Đình Thanh

Phần I

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

HỒI KÝ CỦA GIÁO SƯ, VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN*

Thời thơ ấu

Tôi là con út một gia đình nhà nho nghèo Cha tôi thi hương[1] hai lần trượt, đâm chán, ở nhà không làm gì Ông bà trước có để lại vài sào ruộng và một ngôi nhà gạch, không to không nhỏ, ở giữa thị xã Vinh Đó là của thừa tự Cha không làm gì, nhà bảy tám miệng ăn Ruộng, nhà lần lượt bị cầm và bán sạch Cảnh "nên thơ" đó có thể hấp dẫn đối với cây bút của Tú Xương hồi ấy

Vào khoảng 1914-1915, khi tôi mới lên 9, 10 tuổi đã trông thấy cảnh nhà tan cửa nát, cha ở tù nợ[2] Anh lớn đang học ở Trường Quốc học ở Huế, bỏ học đi làm tiểu công chức, lương tháng mười mấy đồng Anh thứ hai đang học lớp nhì Trường Pháp - Việt Vinh, cũng xin thôi, vào Huế học Trường Bá công[3] vì được học bổng (6 đồng một tháng)

Mẹ, với một chị dâu, hai chị ruột và tôi theo anh dắt nhau vào Huế (Huế vốn là quê nội)

Học Trường Bá công chưa đầy một năm, anh tôi tham gia bãi khóa chống tên hiệu trưởng người Pháp tham tàn (đầu năm 1916)

Cuộc bãi khóa bị đàn áp tàn nhẫn Những người cầm

---

* *Nguyễn Khanh Toan - Năm tháng, cuộc đời* Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 2005

1 Theo chế độ thi cử của triều Nguyễn, thi hương được tổ chức ở một số trung tâm, ba năm một kỳ tuyển cử nhân, tú tài Thi hội cũng ba năm một kỳ, tổ chức ở Huế, cho những người đã đậu cử nhân, để tuyển tiến sĩ, phó bảng

2 Dưới chế độ thực dân, những người mắc nợ không trả nổi, bị bắt giam

3 Tức là Trường Kỹ nghệ thực hành, đào tạo công nhân lành nghề - thợ may, thợ tiện, thợ khắc gỗ

đầu, trong đó có anh tôi, bị bắt giam và giao cho "Chính phủ Nam triều" xử (vì Trường Bá công ở trong nội thành) Anh tôi bị kết án 9 tháng tù vì tôi "bôi sư" (phản lại thầy).

Hằng ngày tôi đưa cơm vào khám cho anh Thấy anh bị gông cùm, tôi rất thương xót Me tôi khóc suốt ngày Nhiều lúc tức quá, bà nguyền rủa tui Tây[1] đôc ác:

- Bị hành ha người ta bỏ hoc, tôi tình chi mà giam với cùm? Mần như trôm cướp không bằng Má cha chúng nó!

Trong nhà lao, cái làm cho tôi để ý là môt "bàn thờ" ở trên để hai hũ sành, chung quanh chằng chịt những dây xích sắt to bằng ngón tay Hỏi, người coi ngục nói đó là hài cốt của "ngụy". Thì ra đó là di hài của hai cha con vua Quang Trung và Quang Toản[2]. Gia Long, tên vua rước voi về giày má tổ, trả thù những anh hùng có công cứu dân cứu nước là như vậy đấy.

Trong nhà lao, bị nhốt cùng môt gian với anh tôi, có ba thiếu nhi - hai trai, bằng tuổi tôi và môt gái, lớn hơn Người ta cho biết đó là ba đứa con của Cường Để[3] bị bắt làm con tin (Lúc ấy Cường Để đang ở Nhât, được Phan Bôi Châu đưa sang Nhât hồi phong trào Đông Du[4] để làm "minh chủ" cho phái của Phan)

Con Cường Để bị bắt làm con tin, chắc đó là sáng kiến của triều đình Huế

Hồi còn nhỏ tôi nghe mẹ kể cho biết câu chuyên như sau: Lúc còn loạn Văn Thân, một hôm quân quan giải một em bé độ 13, 14 tuổi, măt mũi khôi ngô, diễu qua các phố và chợ, vừa đi vừa rao: "Tên X làm giăc, con phải tôi chết

1 Tây lúc đó chỉ thực dân Pháp nói chung

2 Có tài liệu nói có cả hài cốt của Nguyễn Nhac

3 Cường Để gọi theo tước là Kỳ ngoại hầu, thuộc dòng của hoàng tử Cảnh con Gia Long

4 Phong trào sang Nhật học của một số trí thức cũ yêu nước, do Phan Bội Châu chủ trì, đầu thế kỷ XX

chém" Thì ra đất nước đang ở vào thời kỳ chống giặc ngoại xâm

Một buổi sáng mua hè năm 1916, quang cảnh thành phố Huế có vẻ khác ngày thường Dân tum năm, tum ba, thì thào Thiên ha truyền cho nhau

- Đêm qua vua (tức Duy Tân) trốn đi rồi!

- Đêm qua, trong đồn Mang Cá, lính mô[1] đinh nổi dây Nhưng Tây biết, vì có người báo Ho cũng chí rõ đứa phán là một tên gián diệp gọi là Phán Trứ dân Tây[2] làm thông ngôn Tòa sứ Thừa Thiên

Hôm sau người ta lại xôn xao

- Vua bị bắt đưa về rồi!

Người ta còn nói chi tiết Duy Tân núp trong một ngôi chùa ở Kim Luông (có người nói ở Nguyệt Biều, kẻ thì nói chính là chùa Thiên Mu) ngoại thành Hai tên thực dân là Saten (Châtel) lúc ấy làm "đại lý" (tức là đại diện của "Chính phủ bảo hô" bên canh "Chính phủ Nam triều"[3] và Xônhi (Sogny) trùm mật thám, chỉ huy việc lùng bắt Duy Tân

Nghe Duy Tân bị bắt, mẹ tôi khóc Có lẽ bà liên tưởng đến số phận con mình, trước đó mấy tháng cũng bị chúng lùng bắt như mèo bắt chuột Có thể vì một lý do khác Hồi ấy Duy Tân mới 15, 16 tuổi "Bằng ấy tuổi đầu" mà đã có chí, khiến ông già bà lão, nhất là các bà mẹ, đông lòng thương

1 Lính mô để đưa sang chiến trương châu Âu

2 Người nước ngoài được nhập quốc tịch Pháp (cũng gọi là vào làng Tây)

3 Chính phủ Nam triều (La cour d'Annam), từ vua cho đến các đại thần, chỉ là một lũ bù nhìn, công cụ phong kiến của bọn thực dân, có quyền hanh gì đâu Tuy vậy, bọn thực dân còn đặt ở mỗi "bộ" một đặc phái viên để giám sát và bắt các "cụ thương" làm đúng theo mệnh lệnh của chúng

Hơn nữa nhân dân ta sẵn lòng yêu nước, "ghét Tây" cho nên thương những người vì nghĩa mà bị kẻ địch ám hại

Tôi có ông chú làm y tá tại một bệnh viện Huế Khi nghe tôi kể lại chuyện vua Duy Tân đi trốn bị Pháp bắt, chú tôi thở dài, nói

- Giá không lỡ việc thì chúng mình cũng được nhờ .

Vài hôm sau, người ta đưa tin Pháp giao cho Nam triều xử vụ ấy Nghe nói "các cụ" trong cái "Hội đồng nội các" bù nhìn xin với Tây bắt Duy Tân chết đói

Nghe vậy, chú bảo

- Đồ các cụ ăn mày![1]

Vài ngày sau, Duy Tân bị đày sang đảo Rêuyniông (Réunion) - một thuộc địa của Pháp Sáu người coi là cầm đầu, trong đó có Trần Cao Vân, Thái Phiên, đội Siêu (Nguyễn Siêu) bị xử chém và đưa ra An Hòa (ngoại thành) hành hình

Những người đi xem về bàn tán, rất phục thái độ bình tĩnh và hiên ngang, tinh thần khẳng khái của các liệt sĩ Trần Cao Vân ngâm thơ giữa pháp trường; đội Siêu cho đến lúc đầu rơi, không ngớt chửi Tây và Việt gian

Tôi có một người anh họ có liên quan đến vụ ấy, bị xử ba năm khổ sai

Môi trường ấy, những sự việc ấy là những bài học vỡ lòng về tinh thần yêu nước đối với tôi Tôi vẫn nhớ ơn người thầy đầu tiên của tôi là nhân dân Huế, trong đó có mẹ tôi, chú tôi và anh tôi. Nhờ họ, tôi đã bắt đầu tập đọc trong cuốn sách của cuộc đời đau khổ của một dân tộc nô lệ. Nhất là tôi đã bắt đầu biết yêu và biết ghét

---

1 Hồi trước dân Huế chỉ dùng từ "cụ" trong hai trường hợp đối với bọn quan lại phong kiến cao cấp (cụ thượng) hoặc đối với những người hành khất (cụ ăn mày), hay là tên đạo phủ (cụ Ngáo) Dân Nghệ Tĩnh cũng dùng nó để chỉ tên một con quỷ thuộc truyền thuyết dân gian (cụ Bơ) Đây là một câu rủa

Cũng có một điều kiện gián tiếp đọc sách. Cũng như tất cả các trẻ em ở lứa tuổi ấy, tôi thích nghe chuyện và đọc truyện. Nhưng sách truyện thì không có tiền mà mua. Vả lại, ngoài một vài quyển tập đọc bằng tiếng Pháp do chính quyền thực dân soạn cho "học sinh An Nam" ra, có sách truyện gì đâu. Một lần, mượn được quyển "Sử ký An Nam" bằng hai thứ tiếng Pháp - Việt của Maybông (Maybon), tôi đọc say sưa (phần tiếng Việt). Tôi thích thú những truyền thuyết về thời Hùng Vương, An Dương Vương, những sự tích đánh giặc của hai chị em họ Trưng (nhiều nơi ở Bắc Bộ và Trung Bộ gọi là Đức Bà, Đức Mẹ), Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo (nhân dân ta từ Bắc chí Nam quen gọi là Đức Thánh Trần), Lê Lợi, Tây Sơn. Những chuyện ấy, sách kể sơ lược, nhạt nhẽo, nhưng đã để lại trong trí óc tôi một ấn tượng sâu sắc. Có lẽ nó lọt vào một tâm hồn đã sống trong cái môi trường tôi vừa kể trên. Thì ra nước mình dân mình cũng có một lịch sử lâu đời. Nhận thức ấy đã nhen lên trong tâm hồn tôi sự hứng thú đối với lịch sử.

Những năm ở Trường Quốc học

Sau khi ra tù, anh tôi tìm được việc làm ở Sở Lục lộ, làm công nhật[1], lương tháng 12 đồng. Phải đi vay 30 đồng tiền để lo "trà lá" cho mấy "thầy phán đầu tòa" mới tìm được việc. Nhờ vậy tôi mới học xong tiểu học. Năm 1918 tôi đậu bằng tiểu học.

Năm ấy thực dân Pháp bỏ chế độ thi cử cũ. Để khuyến khích thanh niên chuyển sang "Tây học", chính quyền thực dân đặt ra kỳ thi học bổng cho con em nhà nghèo được học lên bậc tiểu học cao đẳng. Tôi thi đỗ, được vào học Trường Quốc học, với học bổng 6 đồng một tháng, ở ngoại trú vì gia đình ở Huế. Học sinh các tỉnh đều ở nội trú.

1. Như bây giờ ta gọi là làm phu đồn, chưa được vào chính ngạch (chưa được xếp vào biên chế nhà nước).

VIỆN VĂN HỌC
KHO SÁCH
Vv. 10938

Ở trường này, giáo viên hầu hết là người Pháp ("Tây", "đầm") Giáo viên bản xứ (không kể thầy day chữ Hán) chỉ có 1, 2 người Họ phải học ở Pháp về, vào làng Tây, ông chỉa trước "có công" với thực dân, mới được day và cũng chỉ dạy các lớp dưới như năm thứ nhất, năm thứ nhì

Sách giáo khoa toàn bằng tiếng Pháp, cho các trường học của người Pháp Cái đó nói chung là có hại Nhưng cũng có cái lợi Cái hại là cứ bị nhồi nhét văn hóa phương Tây và bằng tiếng Pháp lâu rồi cái bản chất - dân tộc cũng đi đời Lợi là kiến thức nói chung có vẻ rông hơn, có cái có liên hệ với thực tiễn Trong các sách địa lý, tập đọc, thỉnh thoảng có đôi bài về đất nước Việt Nam, dân Việt Nam, phần nào nêu lên những khía cạnh tích cực, những mặt tốt Như trong quyển địa lý của P Phôngxanh (Pierre Foncin) "Nước Pháp và thuộc địa Pháp", về dân Việt Nam có nói "Ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, dân bản xứ là người An Nam, thông minh, hoạt bát, ham học" Chúng đã phải để lộ chân lý này nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một Người Việt Nam vốn thông minh, có tính năng động, chuộng văn hóa Hoặc như trong cuốn tập đọc của Gađiê (Gazier) có bài tả thành phố Huế: sông Hương, núi Ngự, cây tre, con thuyền, rất xinh đẹp, thơ mộng, cũng gợi cho mình lòng tự hào non sông gấm vóc

Mục đích của các tác giả chẳng qua là để khoe với thiên hạ rằng "nước Pháp hải ngoại" là giàu đẹp như thế đấy Cũng là một cách tuyên truyền để khuyến khích bọn tư bản độc quyền Pháp đầu tư sang Việt Nam nhiều trong thời kỳ sau chiến tranh Nhưng nó cũng đã có một tác dụng khách quan ngược lại: góp phần nâng cao ý thức của một bộ phận thanh niên về giá trị và sức mạnh của đất nước mình, của dân tộc mình Ngay cả khi học lịch sử nước Pháp, đến thời kỳ "oanh liệt" của Napôlêông, trong học sinh, đã có người so sánh.

- Nguyễn Huệ kém gì Napôlêông!

Cho nên khi học lịch sử nước Pháp, những câu chuyện đã

trở thành giai thoại như "tổ tiên chúng ta là người Gôloa", không dễ gì lọt vào đầu óc trẻ em Việt Nam hồi đó

Đó là phần "giáo dục nội khóa", nhưng "ngoại khóa" vẫn là phần chính, tức là cuộc sống hằng ngày

Tình cờ một hôm tôi vớ được một tờ báo tiếng Pháp Diễn đàn của người bản xứ (Tribune indigène) xuất bản ở Sài Gòn Đó là cơ quan ngôn luận của lớp địa chủ và tư sản Nam Bộ có thái độ "đối lập", nhưng đứng trên lập trường hợp tác với thực dân Pháp Họ có thái độ "đối lập" là để đòi thực dân Pháp nhả thêm cho họ một ít quyền lợi

Tuy vậy, nhưng lúc đó, thấy ai dám công khai phê phán Pháp, chê trách chung, thì thích và phục cái đã Ý thức chính trị còn đơn giản chỉ biết có hai hạng người ninh Tây, theo Tây, hoặc ghét Tây, chống Tây Ở Huế hồi ấy, những loại báo như vậy là đồ "quốc cấm" Người nào cả gan mua nó và đọc nó nhất định có tên trong sổ đen

Nhưng cũng chỉ được đọc báo Diễn đàn của người bản xứ có một lần ấy thôi Lý do vì sao không rõ Như để bù đắp sự thiệt thòi đó, một hôm có anh bạn cùng lớp cho mượn cuốn sổ tay, trong đó có một bài bằng tiếng Pháp chép tay nhan đề "Thư ngỏ của một người An Nam nổi loạn gửi cho một quan chức Pháp" (Lettre ouverte d'un révolté annamite à un fonctionnaire français) Dưới không ký tên Tôi đọc đi đọc lại hai, ba lần, tại nhà trọ trong giờ nghỉ trưa, vì anh bạn không cho mang về nhà Có thể nói đó là một bản cáo trạng khá gay gắt đối với chủ nghĩa thực dân Nó kể những tội ác của bọn thực dân, từ việc đào mả Tự Đức[1], cướp đoạt, bóc lột nhân dân Việt Nam, đưa bồi bếp và bọn macô lên làm quan, cho đến việc huỷ hoại thuần phong mỹ tục, nhập cảng nàn mãi dâm, đầu độc người Việt Nam bằng rượu cồn, thuốc phiện Ai đọc bài ấy cũng tức lộn ruột

1 Lúc Duy Tân mới lên ngôi, tên khâm sứ Trung Kỳ Mahê (Mahé) nghi ma Tự Đức có chôn nhiều vàng bạc, nó bắt đào lên

Cũng là lúc mọi người, trước hết là thanh niên, khao khát biểu thị tinh thần phản đế của mình bằng hành động cụ thể. Về mặt này, hoàn cảnh ở Huế lúc đó không thuận lợi bằng Sài Gòn hoặc Hà Nội. Người Pháp rất ít, đô một trăm, không kể binh lính. Nhưng phần nhiều là những tên đầu trâu mặt ngựa, thực dân tận xương tuỷ.

Về phía "ta" thì đó là một thành phố "vua quan", có tính chất sống gửi. Ở đó tập trung trong các dinh thự, lâu đài cổ kính những cái xấu xa, đê hèn của ách nô lệ thuộc địa và tàn tích phong kiến. Ngày nay trên đất nước ta, ra ngõ là gặp anh hùng. Hồi ấy, trên đất "đế đô", ra ngõ là gặp "quan". Quan cách biểu hiện chủ yếu ở cái bài ngà. Một lão thợ thủ công làm nghề đóng guốc và bán guốc, dành dụm được dăm, ba chục đồng, vác tiền đi mua chức "quan" quét dọn nhà thờ, với cái bài ngà khắc hai chữ "giám thủ". Hay là một viên thư ký công nhật thụt két, bị cách chức và ở tù ra, vì là người "hoàng phái" được tập tước và phong "hương công".

Từ các "cụ", các "mu, mê"[1] đến viên thư ký đánh máy, vênh váo ngồi trên chiếc xe kéo, với cái bài ngà đeo lủng lẳng trước ngực. Nhưng nếu có tên thực dân nào giở trò lưu manh, cho nếm mốn võ tây trước mặt công chúng, thì cũng đành giơ lưng chịu đấm. Hoặc khi vào chầu trực tên Đeloa đại lý của tòa khâm, các "cụ" phải mặc áo thung xanh, tụt giày để ngoài cửa. Nó không thèm bắt tay. Tụi thực dân chó má hết chỗ nói. Ngay cả những thằng Tây mệnh danh gọi là "trí thức" cũng là những tên lưu manh, loài khỉ đột cả. Có lần, một chị y tá đi ngoài phố quên chào một bác sĩ Pháp, tên này nhảy xuống xe, giựt nón của chị ta, vứt xuống đất và chửi. "Đồ chó cái, đồ lợn cái, con đĩ,.." Có mấy thằng Tây và mấy con đầm đi qua thấy thế, nhe răng ra cười, lấy làm thích thú! Phép lịch sự của văn minh thái tây đối với đàn bà là như thế đấy!

1 Cách tự xưng mình của những người đàn ông thuộc hoàng phái (của nhà Nguyễn) chẳng qua chỉ là lối lấp dí lố bịch

Một lần khác, một viên quan khá to (tham tri, thị lang gì đó) đang đọc bản tin Havát (Havas) trong sở bưu điện, một tên thực dân vào, đẩy viên quan đó ra. Viên quan đó nói gì không biết, bị tên lưu manh Tây tát cho một cái. Viên quan đó thuộc một gia đình đại phong kiến, rất trung thành với thực dân Pháp.

Trong khi đó, tên trùm mật thám Xônhi, với sự hiệp lực của các giáo hội Cơ đốc[1] buộc chặt vào sợi dây thòng long của chúng những gia đình phong kiến lớn, trụ cột của chế độ nhà Nguyễn - Ngô Đình[2] và bốn năm họ lớn khác ở Huế.

Lớp "thượng lưu" (vua, quan lại) thì hèn nhát sợ Tây, ninh Tây như thế. Nhưng dân thì khác. Họ rất bướng. Hễ có dịp là chê giễu, chửi, tìm cách trả thù cho hả. Đi đầu trong miếng chơi xỏ Tây là dân kéo xe, sáp ba đe[3] và học sinh. Họ gọi các "quý quan" bằng thằng, vợ các quý quan bằng con mẹ mụ. Dân Huế có câu: 'Sang như Tây, cầy như chó". Nghe kèn Tây thổi điệu kèn chào "Aux champs" học sinh cũng tán rộng ra bao kèn chửi:

- Mẹ cha một nghìn ba mươi vạn thằng Tây!

Đêm đến, có tên lính Tây nào say rượu gọi xe, phu xe cũng kéo. Nhưng đến chỗ vắng, xe đỗ lại, người phu xe dần cho tên Tây say một trận như tơi, lột mũ, phù hiệu

---

1 Missions etrangeres: Hội truyền đạo Thiên Chúa ra nước ngoài. Phần nhiều là những cơ quan tình báo gián điệp của bọn đế quốc.

2 Ngô Đình Khả, bố đẻ của Ngô Đình Diệm, Thân Trọng Huề, ông ngoại của mụ Lệ Xuân, vợ tên Ngô Đình Nhu. Chúng câu kết với nhau và với các gia đình đại phong kiến khác như Nguyễn Hữu Bài, Hoàng Cao Khải, Trần Văn Thông (Bắc) Đỗ Hữu Phương (Nam) bằng quan hệ hôn nhân. Những sự câu kết ấy nếu không phải do bọn thực dân tạo nên thì ít nhất cũng được chúng hết sức cổ vũ và bao che.

3 Tre con thất học đi làng thang thường được những người bồi bếp thuê đội rổ đi chợ (porte-panier). Do đó có danh từ "bade" đọc chệch từ panier nghĩa chung là trẻ lưu manh.

vứt đi, hoặc đá lăn cổ xuống gầm cầu Đông Ba "Để cho tui nó hết phách tấu!"[1]

Ở Trường Quốc hoc - trường trung hoc duy nhất[2] ở Trung Bô lúc đó, chúng cũng làm sao đảm bảo cho hơn phần nửa hoc sinh là "con dòng cháu giống", có "mang ơn với Nhà nước bảo hô"

Đời sông văn hóa là một con số không Các quan lớn, quan bé, ông phán, ông thông, chí biết đánh bac. Các bà, ngoài đánh bạc ra, còn có đồng bóng Một lối chơi đồi truy nữa là chơi thuyền ban đêm trên sông Hương Các phủ ông hoàng, bà chúa là những ổ đánh bac và mãi dâm Cả thành phố Huế chỉ có một rap chiếu bóng, ở đấy màn ảnh ngăn làm hai phía, phía trước cho Tây, phía sau giá rẻ hơn, cho người bản xứ Nhờ vậy mà nhiều hoc sinh đoc chữ trái rất thao Phim ảnh toàn là những chuyên trinh thám, kẻ cướp.

Hoat đông văn hóa mà thanh niên có thể tham gia tương đối rông rãi là đá bóng Hoc sinh lớn các Trường Quốc hoc, Quốc tử giám[3], Trường Pelơranh (Pellerin)[4] thường tổ chức những cuộc đấu với Tây lính (lính Pháp) Sân đá bóng đã trở thành nơi để cho thanh niên trút lên đầu bon lính Pháp[5] và lính lê dương lòng căm ghét của ho đối với thực dân

Những điều nói trên cho thấy rằng, hồi ấy nhân dân Huế bi thực dân Pháp và tay sai của chúng đặt trong vòng cương tỏa kiềm chế năng nề và khắc nghiệt như thế nào Nhưng, mặt khác, nó cũng dễ đưa tới một hâu quả ngược lai những điều sỉ nhục, những nỗi uất ức, những lực lương chông đối,

1 Tiếng Huê có nghĩa là làm bộ hoặc liều láo khoac lác

2 Vao khoang năm 1920-1921 ở Vinh và Quy Nhơn cũng co trương tiểu hoc cao đẳng Còn Trương Quoc hoc Huê thì đã có từ thơi Thanh Thai Lúc đó Bác Hồ cũng đã có hoc ơ Trường Quốc hoc Huê

3 Trương dành riêng cho bon âm sinh (con quan) va tôn thất

4 Trường tư thuc, do cac cô đao lập ra Cũng goi là trường nha dong hay là trường thầy dong

5 Dân Huê goi hnh Pháp là 'sơn đá" (từ tiêng Phap "soldat")

chứa chất đã bao lâu, càng bị kìm hãm, đè nén, thì càng dễ có tính chất bùng nổ. Và khi đã bùng nổ thì nó mang tính chất bền bỉ và dũng cảm hiếm có, ở những con người mà cử chỉ, lời ăn tiếng nói ngày thường vẫn hiền dịu, thỏ thẻ, đôi khi làm người ta có cảm tưởng là yếu ớt. Phải chăng đó cũng là một nét đặc thù của quá trình đấu tranh giải phóng của dân Trị - Thiên - Huế trong phong trào chống Pháp và chống Mỹ cứu nước?

Trong hoàn cảnh đó đã nổ ra cuộc bãi khóa của học sinh Trường Quốc học năm 1921. Đây không phải là lần đầu tiên thanh niên học sinh áp dụng hình thức đấu tranh ấy. Như đã có dịp nói ở phần đầu, hồi năm 1916 có xảy ra cuộc bãi khóa của học sinh Trường Ba công. Nhưng đây là lần đầu tiên, một cuộc bãi khoá của học sinh có tính chất nhất trí, có tổ chức và có màu sắc chính trị rõ rệt. Và điều quan trọng là nó đã kết thúc thắng lợi.

Học sinh năm thứ ba - lúc đó anh Trần Phú đang học ở năm ấy và là một trong những người cầm đầu cuộc đấu tranh, khởi xướng cuộc bãi khóa. Tiếp theo học sinh năm thứ ba, là học sinh năm thứ tư - năm cuối khoá, rồi đến học sinh năm thứ nhì, thứ nhất đều thôi học. Trong một ngày, toàn trường bỏ học. Lý do bãi khóa chống một giáo viên người Pháp dạy toán tàn ác. Hắn có bệnh thần kinh. Hễ bắt đầu giảng là hắn lên cơn, mắt và mặt đỏ ngầu. Học sinh nào bị gọi lên bảng bất kể trả lời đúng sai là làm mồi cho hắn đấm, đá tới tấp đến chảy cả máu mũi, máu tai. Tay thụi vào mắt, răng nghiến khít lại, mồm chửi "cả dòng họ An Nam nhà bay là quân mọi rợ là đồ thú vật". Nạn nhân của hắn không phải chỉ là những người dốt toán, mà ngay cả những học sinh có năng khiếu, những "thần đồng".

Trong lớp hễ ai cười[1] là chết với hắn. Hắn vồ lấy nạn

1 Người châu Âu nhất là người Pháp thay người khác cười mà mình không hiểu lý do rất khó chịu, cho là người ta chê giễu mình. Dân ta có thói hay cười gặp gì cũng cười nhiều khi làm người ngoài hiểu nhầm

nhân như hổ vồ mồi, đánh đá như tử

Một buổi sáng, như mọi hôm, tôi cắp sách đến trường Vừa vào cổng, có mấy anh em chạy lại báo:

- Lát nữa vô lớp, hễ Đ mở mồm chửi đứa mô bị hắn kêu lên bảng thì tất cả đều đứng dây, bỏ lớp ra Mi nhớ nghe! Tui ta làm reo!

Tôi rất mừng

- Ui chà! Rứa thì thích quá! Được, sẽ bỏ lớp ra.

Thì ra cuộc bãi khóa đã được học sinh nội trú[1] bàn và quyết định đầu tối hôm trước rồi

Năm phút sau khi vào lớp, Đ vừa bắt đầu gầm gừ, hò hét thì anh Trần Phú giả vờ ho rũ, đứng dây đi ra Tức thì cả lớp bỏ ra Đ. mặt tái mét như gà cắt tiết, nhảy xuống bục, cuống quýt, dang tay ngáng, không cho học sinh ra, mồm lập bập.

- Trời ơi! Các anh đi đâu? Ngồi yên mà học chứ!

- Ông tàn nhẫn quá! Chúng tôi không học với ông nữa

- Không! Không! Tôi sẽ không thế nữa đâu! Tôi hứa với các anh từ nay về sau tôi sẽ không hành ha các anh nữa

Quá muộn Y cúi gầm mặt, tay run lẩy bẩy, vội lấy cặp để trên bàn, đi tìm hiệu trưởng Lúc đó trông ông tướng đến thương hại Gan thỏ, lúc "sa cơ", làm cho học sinh thấy ngay "kẻ thù" thực chất là hèn nhát Ngày thường hùng hùng hổ hổ, như Thiên Lôi, nhưng vấp phải một sức chống cự rắn rỏi thì íu xìu như bong bóng lợn Từ chỗ ấy đến nhân thức "Chúng nó" đều rứa hết, không xa

Học sinh toàn trường lần lượt kéo nhau ra cả ngoài sân

---

nhân dân ta, cho ta thiếu lịch sự, kém xã giao Ở các nước bạn, nhất là các nước Đông Âu, người ta nhận xét người Việt Nam có ba đặc tính''' ăn nhanh, đi châm, hay cười

1 Anh Trần Phú ở nội trú Tôi ở ngoại trú

Giáo viên các lớp năm thứ nhất, thứ nhì, ngạc nhiên Lão Đ. không dạy các lớp ấy, sao học sinh cũng bỏ học?

Một bà giáo hỏi

- Các anh chống tất cả các thầy giáo hay sao?

Một học sinh trả lời

- Chúng tôi là anh em

Học sinh nội trú còn đòi nhà trường cải thiện ăn uống Một mụ đầm nhún vai

- Các anh đòi quá nhiều! Thức ăn như thế kia, - mụ ta bảo mụ ta đã nếm, - ông khâm sứ còn ăn được nữa là các anh

Một học sinh đáp

- Ông khâm sứ có thể ăn được, nhưng chúng tôi không ăn được!

Kết quả gần mốt tuần lễ bãi khóa là học sinh đã thắng Đ bị đuổi về Pháp Nhưng chỉ còn vài tháng nữa thì hết năm học, và phải đợi giáo viên mới từ bên Pháp sang, cho nên Đ vẫn ở lại dạy cho hết chương trình Chỉ có điều là trước kia thô bạo, tai ác bao nhiêu thì bây giờ hiền từ, nhẫn nhục bấy nhiêu

Cuộc bãi khóa cũng là một lời cảnh cáo gián tiếp cho cả bọn giáo viên người Pháp Ác như Đ là trường hợp có một không hai trong đám họ Nhưng tất cả giáo viên Tây đầm, lương tâm, không phải đều trong sạch cả

Bây giờ thì ngọt như đường Toàn là bụt ông, bụt bà Người nào cũng cố thanh minh

- Tôi luôn luôn vẫn tốt với các anh kia mà Các anh có cảm thấy thế không?

Quan trọng hơn hết có lẽ là cuộc bãi khóa đã cho học sinh thấy điều này: thắng lợi là vì *đoàn kết*: cả lớp làm reo, cả trường làm reo

Nhưng đã đấu tranh, không trầy da thì cũng sứt trán,

phải có ít nhiều "hy sinh" Nhà đương cục cũng cần giữ thể diện Hai học sinh năm thứ ba - lớp khởi xướng bãi khóa, bị đuổi ra trường Hai người này không phải trong số những người cầm đầu Nhưng, một là vì ngày thường có tính bướng vặt, hai là học không xuất sắc, nhà trường mượn cớ đó để đuổi họ, cho họ là "những đầu óc xấu" (les mauvais esprits) cố ý tránh dùng danh từ "người cầm đầu" (meneur) Còn những người cầm đầu chính cống như Trần Phú và một vài anh em khác, tuy nhà đương cục cũng biết thừa, song họ học giỏi, hạnh kiểm nói chung không có gì đáng chê trách, họ không bị thi hành kỷ luật, mặc dầu họ hưởng học bổng (Đối với học sinh hưởng học bổng, kỷ luật không đùa bỡn Nếu phạm lỗi, không những bị đuổi ra khỏi trường, mà còn phải bồi thường cho nhà nước số học bổng đã nhận từ trước tới giờ)

Năm 1922, tôi tốt nghiệp bậc tiểu học cao đẳng Anh Trần Phú đỗ đầu khóa ấy

Đường đến với Bác Hồ

Đối với thời ấy, tốt nghiệp bậc tiểu học cao đẳng coi như đã vào đời

Học xong tiểu học cao đẳng, tôi phải xin đi làm để nuôi mẹ và giúp gia đình lúc này vẫn còn đang trong cảnh túng thiếu Một tháng sau được lệnh đi công tác (được bổ làm giáo viên tập sự ở một trường tiểu học miền Trung).

Thành phố Đà Nẵng (hồi ấy gọi là Turan (tiếng Pháp), tiếng ta gọi là Hàn), ở trên đường đi nhận công tác Tôi ghé đến nhà người bạn của anh tôi, nghỉ trưa. Anh là một viên chức bưu điện, lớn hơn tôi đôi dăm tuổi

Anh niềm nở mời ăn cơm thân mật. Cơm xong, anh dắt tôi đi thăm Cảng Về nhà, anh cho xem một bài - hai trang đánh máy bằng tiếng Pháp dưới ký tên *Nguyễn Ái Quốc* Tôi không nhớ đầu đề. "Rồng tre" chăng? Nếu không thì,

theo nội dung, cũng là một biên thể Trong bản đánh máy, cũng không ghi trích từ đâu ra

Nội dung bài đả kích tên vua bù nhìn Khải Định vác cái xác thối của hắn với cả cái triều đình hề phường chèo của hắn sang chầu nước mẹ

Năm ấy (1922) có hội chợ (triển lãm) thuộc địa ở Mácxây. Tên Bửu Đảo, con Đồng Khánh - tên vua bù nhìn đầu tiên sau khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, được thực dân Pháp cho lên ngôi thay thế Duy Tân bị đày (1916) và kế tiếp sự nghiệp bán nước của cha hắn, lấy niên hiệu là *Khải Định* (cha đẻ của tên vua hộp đêm Bảo Đại) Thực dân Pháp cho hắn cái vinh dự đi dự hội chợ thuộc địa nói trên để tỏ tấm lòng trung thành của hắn và cha ông hắn đối với lũ giặc cướp nước Đó là tội ác tày trời của hắn Nhưng, cái tội ác trời không dung, đất không tha, là hắn đã tăng thuế và bắt dân Trung Bộ, vốn đã bị những con đỉa thực dân hút hết máu mủ, trở nên bần cùng đến cực độ trong những năm chiến tranh và sau chiến tranh, phải đóng góp từng đồng xu để cho hắn sắm sửa đồ trang sức xa hoa, cho cuộc "ngự giá như Tây" của hắn được lộng lẫy Về vụ này, cũng như việc hắn vét tiền của dân để ăn mừng "tứ tuần đại khánh" của hắn, dân Trung Bộ rất ta thán

Hắn là chúa đánh bạc và mắc nợ vì cờ bạc (phần nhiều bị hắn quỵt) Về ngón ăn hối lộ thì hắn thật là một "ông vua" có cả một lũ quần thần đắc lực giúp việc, như Nguyễn Hữu Bài, Thái Văn Toản Tài đục khoét, ăn hối lộ của hắn trơ trẽn đến nỗi chủ hắn cũng phải kêu Có lần tên Đeloa đổng lý văn phòng tòa khâm, cho gọi viên ngự tiền[1] của Khải Định đến mắng

- Anh về báo vua nhà anh tham ăn vừa vừa chứ!

Thằng Đeloa là một con khỉ đột Nó chẳng phải liêm

1 Một thứ chánh văn phòng, hoặc thông ngôn, thư ký riêng của vua bù nhìn

khiết gì. Chẳng qua nó muốn đoa Khải Đinh, với mục đích làm tiền

- Mày phải chia tiền cho ông mấy! Không thì

Từ Đồng Khánh, các vua, kể cả Thành Thái và Duy Tân, đều là vua bù nhìn, do thực dân Pháp đặt lên Một tờ báo tư sản ở miền Bắc hồi ấy đã vạch trần bản chất của vua bù nhìn như sau:

"Dầu là hoàng đế, bê ha hay gì gì đi nữa, nếu không có ngân sách và phải lĩnh lương tháng, không có quân đội và phải nhờ quân đội nước ngoài che chở, thì là một anh công chức, như những công chức khác, còn nếu muốn có quyền chặt đầu người ta mà không cần bày trò tố tung, lôi thôi, thì đó là một tên đao phủ, chứ vua với chúa gì!"

Nhưng, trong các vua bù nhìn, trừ con hắn là tên vua hộp đêm Bảo Đại ra không kể (thật cha nào con nấy!) chưa thấy ai đần đôn, lố lăng và thối như "Tám Đinh"[1]

Chỉ một việc hắn được Pháp cho lên làm vua thay thế Duy Tân bị đày vì chống Pháp, cũng đủ cho thiên hạ phỉ nhổ. Dân Huế, kể cả những người dân bình thường, không có đầu óc chính trị coi hắn có ra ma trơi gì. Một lần anh tôi (năm 1916 học ở Trường Kỹ nghệ bị ngồi tù vì bãi khóa) đọc báo thấy có đăng một "đạo dụ" hay một "thánh chỉ" gì đó của Khải Định, bắt đầu với những từ oai vệ "Nay trẫm thiết nghĩ...", anh trề môi, cười chế giễu, nói trước mặt mấy anh em.

- Cái thằng ma mào[2] nớ mà cũng xưng trẫm!

1 Không biết từ đâu và ai đặt cho Khải Định cái tên ấy Hình như một nhóm sinh viên Nam Bộ học ở Pháp, khi Khải Định sang đấy, thấy y có nhiều cử chỉ lố bịch trước mặt công chúng Pháp, họ bảo nhau "Chà! Anh Tám nhà mình hao quá ta!"

2 "Con yêu", "con yêu ma mào", tiếng mạt sát, khinh bỉ bọn "các mụ, các mệ" hay dùng với "người dưới" Có nghĩa như đồ chó chết, đồ mạt, đồ ba bị

Bài tôi đọc ở Đà Nẵng, tuy không kể tội ác thực dân Pháp nhưng qua việc mô tả tư cách của một tên vua bù nhìn - công cụ của thực dân, người đọc hiểu rằng người Việt Nam và thực dân Pháp không thể đội trời chung, bọn vua quan chỉ làm tay sai cho giặc

Bài dựa vào thực tế lịch sử Nó gợi lên một cách nhẹ nhàng lòng tự hào dân tộc, tự hào về những truyền thống anh hùng, bất khuất của cha ông

Không nói ra, nhưng bài đó chỉ cho người đọc phương hướng đấu tranh

Từ đó Nguyễn Ái Quốc, cái danh tính mà tình cờ tôi được biết lần đầu tiên qua một bài báo ngắn, gọn, có tính chất châm biếm không ra khỏi ký ức của tôi Và cũng từ đó, trong tiềm thức của tôi, đã chớm nở cái mầm của tinh thần tích cực

Tôi đến nhận công tác ở một tỉnh nhỏ Ở đấy dân sống rất nghèo khổ, nhưng có truyền thống quật cường Hồi phong trào chống thuế năm 1908, nông dân ở đây đấu tranh rất oanh liệt Thực dân Pháp trấn áp cực kỳ dã man Ruộng đất trong tỉnh - một tỉnh nghèo, đất xấu, hầu hết ở trong tay mấy tên phong kiến đầu sỏ, đại gian, đại ác, có nhiều nợ máu với nhân dân từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam Không lạ gì nếu 7, 8 năm sau, đó là một trong những tỉnh miền Trung mà phong trào nông dân mạnh nhất, sau Nghệ Tĩnh Và cũng dễ hiểu đó là một nơi phát động tổng khởi nghĩa (khởi nghĩa Ba Tơ) và giành chính quyền sớm hơn hết hồi tháng Tám năm 1945, một nơi có tinh thần trừ gian triệt để

Lớp "trí thức" của tỉnh vẻn vẹn trên vài chục người Phần nhiều tập trung ở hai thành phần nhân viên tòa sứ, giáo viên tiểu học Nói chung, họ chỉ biết cắm cúi làm ăn, không quan tâm đến thời sự, trừ một, hai người gọi là có đôi chút tinh thần Song, nếu có việc gì "bất thường" xảy ra thì họ cũng dễ nhạy cảm Như việc một người liên lạc tát tên

phó sứ ngay trong tòa sứ. Người liên lac này là một anh lính chào mào[1] và là thương binh Sau khi ở Pháp về, đươc vào làm loong toong (planton: liên lac viên) ở tòa sứ. Anh ta vốn người hiền lành, lễ đô, thât thà, ít nói Hôm ấy, bi tên phó sứ lăng ma thế nào đến nỗi anh ta nổi xung, giáng vào măt nó môt cái tát nảy lửa. Tên phó sứ vừa béo, vừa lùn, ngày thường rất hống hách, kiêu căng, lăn đùng ra khóc tru tréo như bò rống. Viêc ấy làm chấn đông cả tỉnh

Nói chuyên riêng với nhau, giới công chức, giáo viên lấy làm hể hả Ho coi đó là môt cử chỉ can đảm ít có. Có lẽ biết dư luận đứng về phía anh liên lac và cũng muốn gói ghém cho qua chuyên, kẻo bươi ra chỉ tổ thêm xấu, "cấp trên" chỉ sa thải "kẻ hành hung", không truy tố và xử lý năng hơn.

Lĩnh lương tháng thứ nhất, viêc đầu tiên là tôi gửi mua báo Diễn đàn của người bản xứ Không phải vì tôi còn mê tín đối với tờ báo này Nhưng hồi đó, nó vẫn là tờ báo duy nhất của người Viêt Nam phê phán công khai chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương Vá chăng, ở đây, người ta sống như trong cái hũ Nếu giúp đươc những người xung quanh quen nhìn nhân viêc đời với con mắt phê phán, thì cũng là một viêc bổ ích. Nhân đươc báo, đọc xong, tôi chuyển cho những đồng sư gần gũi.

Nhưng điều mà tôi trù tính khi mua báo là viết bài để đăng báo Bài đầu tôi viết ngắn gon, chừng 20 dòng Nó chỉ kể lai một việc mới nhất xảy ra ở Huế trong cách đối xử tàn bạo của bon thực dân Pháp với người Viêt Nam Tôi phải dùng bí danh, vì công chức "không đươc phép làm chính trị" Phê bình chính quyền "bảo hô" là làm chính trị

Trong số báo nhận đươc cách mười hôm sau, có bài của tôi

1 "Linh chao mào", lính mô sang chiến trường châu Âu trong chiến tranh 1914-1918 (ho đôi mũ calô, trên đầu phía trước nhon như đầu chim chào mào)

Thế là bắt đầu từ đó, tôi "đi vào nghề". Bước đầu ấy chẳng có gì là ghê gớm. Nó còn chập chững, vụng về. Nhưng, hình như nó cũng đã châm ngòi, hoặc làm tín hiệu cho đời sống giác ngộ của tôi sau này. Lời dạy nhẹ nhàng nhưng thấm thía, tuy gián tiếp, của vị lãnh tụ còn ở xa cách hàng vạn dặm, lọt vào tai tôi khi qua Đà Nẵng, đã có tác dụng.

Những năm ở Hà Nội

Làm giáo viên tập sự được một năm, tôi xin đi học Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội (1923). Trường này là một trong những trường thuộc hệ thống "Đại học Đông Dương". Sinh viên là những người đã tốt nghiệp tiểu học cao đẳng hoặc trung học bản xứ. Lúc này tôi có thể đi học. Về phần cha mẹ đã có các anh lo. Các chị đều có chồng con.

Hà Nội là thủ đô của "Liên bang Đông Dương", cho nên trường đại học có sinh viên của cả "5 xứ" (Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ, Miên và Lào).

Số lượng sinh viên rất ít, mỗi trường không đầy một trăm. Nhưng họ ở khá tập trung, hầu hết học nội trú. Tuy các trường chia làm ba địa điểm, nhưng cùng một khu vực, 2-3 trường ở cùng một địa điểm. Năm 1923, khi tôi vào năm thứ nhất, Trường Cao đẳng Sư phạm và Trường Cao đẳng Thương mại ở phố Hàng Bài, nơi Trường Trung học Pôn Be cũ của Pháp (nay là Trường Trưng Vương). Trường Luật, Nông lâm, và Công chính ở phố Tràng Tiền (chỗ phòng triển lãm của ta hiện nay). Trường Y, Dược và Thú y ở đường Lê Thánh Tông (nay là phân hiệu Trường Đại học Y khoa). Một năm sau, tất cả các trường đều tập trung vào một địa điểm, ở đại lộ Bôbiô (đường Lê Thánh Tông hiện nay), trừ hai Trường Nông lâm và Công chính.

Đi lại với nhau dễ dàng, Trường Cao đẳng Sư phạm có đặc điểm này: sinh viên phần nhiều lớn tuổi, nhiều người đã làm giáo viên năm, ba năm nay hoặc lâu hơn. Một số có

trình đô Nho hoc vững, nhất là các sinh viên Nghê Tĩnh Cũng có người xuất thân từ những gia đình đai phong kiến, đai đia chủ, tư sản Song, con nhà nghèo, nói chung là tiểu tư sản vẫn chiếm số đông

Chế dô hoc không năng nề Mỗi ngày chỉ lên lớp 1-2 tiếng, có giáo sư giảng, còn thì sinh viên "tư nghiên cứu" Như thế là dùng không hết "8 giờ vàng ngoc", có thể "làm viêc khác"

Nếu Trường Cao đẳng Sư pham là môt trong những mơi dễ tiếp thu những luồng tư tưởng tiến bô, thì điều đó cũng dễ hiểu Lúc mới vào trường, tôi đã thấy có vài biểu hiện của tinh thần ấy Ở trường có hai người[1] mua báo Chuông rè của Nguyễn An Ninh Báo đó là vào loai "quốc cấm" Nó đả kích manh chủ nghĩa thưc dân, theo tinh thần cách mang (khác với báo Diễn đàn của người bản xứ theo lập trường cải lương) Nhà trường thi hành kỷ luật báo bi tich thu, hai người mua báo bi cắt hoc bổng trong mấy tháng

Năm 1923, không khí trong nước đã bắt đầu khác trước Lớp thanh niên trí thức lớn lên sau chiến tranh không thể không nghe đến Cách mang tháng Mười, đến phong trào cách mang đang rung chuyển thế giới thuộc đia, nhất là nước láng giềng rất gần gũi Viêt Nam - Trung Quốc Ho không thể không biết đến sư ra đời của Đảng Công sản Pháp, gắn liền với tên tuổi của người công sán Viêt Nam dầu tiên - Nguyễn Ái Quốc Hà Nôi là nơi tập trung môt bô phân thanh niên trí thức trong nước Găp nhau, ho trao đổi tin tức, cho nhau mươn sách báo.

Vì vây, thưc dân đàn áp viêc mua báo Chuông rè không những không làm cho thiên ha khiếp sơ, mà còn gơi cho những người khác sư thèm khát đoc các đồ "quốc cấm" Cũng từ đó các báo Nhân đao, Người cùng khổ và các tác phẩm của Lênin, các sách chính tri, lot vào các trường ngày càng nhiều

1 Môt trong hai người la Giáo sư Cao Xuân Huy đã mất năm 1983 là cán bô nghiên cứu lão thành co uy tin và la Giao sư Hán văn cua Viên Văn hoc thuộc Uy ban Khoa hoc xã hôi Viêt Nam

Đương nhiên là đọc lén lút. Nhưng có khi cũng đọc "công khai". Một lần, được một tờ Người cùng khổ, tôi giở ra đọc trong giờ giáo sư lên lớp. Tôi cố giấu, để tờ báo ở ngăn dưới. Nhưng ngồi trên bục giáo sư (cũng là hiệu trưởng) vẫn nhìn thấy. Ông ta chỉ bảo nhẹ:

- Ông X., lúc này không phải lúc đọc báo.

Ông giáo thế là khôn. Làm to chuyện chẳng lợi ích gì. Kết quả có thể ngược lại. (Đây là hiệu trưởng mới. Viên hiệu trưởng xử phạt hai sinh viên mua báo Chuông rè về Pháp nghỉ).

Năm 1924, gió bắt đầu đổi chiều. Chớp đã lập loè ở chân trời.

Các tờ báo lớn hằng ngày - Trung Bắc tân văn[1], Thực nghiệp dân báo[2], Khai hóa[3] bỗng chốc đưa tin giật gân. Phạm Hồng Thái ném bom vào toàn quyền Méclanh ở Sa Diện. Tiếng sét nổ từ Quảng Châu đã xé toạc bức màn yên tĩnh đang phủ lên đất Thăng Long nghìn năm văn vật.

Thanh niên, học sinh, sinh viên ngày càng chú ý đến thời cuộc. Họ bàn tán. Có khi họ mượn cớ báo để thổ lộ tâm sự. Sự ham mê đọc sách báo chính trị đã chớm nở. Họ vớ được gì đọc nấy, chưa phân biệt vàng thau. Bên cạnh sách của Lênin, họ còn đọc về chủ nghĩa Tam dân, chủ nghĩa Găngđi, sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Dẫu muốn chọn lọc, phân biệt, cũng chưa có cơ sở. Chẳng như người cùng khổ đi đường xa trong lúc nắng hạn đang khát, gặp giếng uống nước giếng, gặp ao uống nước ao, gặp suối uống nước suối.

Cũng là lúc tìm bạn tâm giao. Trong địa hạt này, cũng như trong địa hạt đọc sách báo, còn là sự mơ hồ, lôn xôn, thương vàng hạ cám. Hễ họ nghe ai bảo người này có tâm

1 Của Nguyễn Văn Vĩnh, cũng là cơ quan chính thức của chính quyền thực dân.

2 Của nhóm tư sản kinh doanh.

3 Của Bạch Thái Bưởi, đại diện cho nhóm tư sản Bắc Bộ.

huyết, người kia có nhiệt tình thì tìm đến "bắt rễ, xâu chuỗi" Nhiều khi họ bắt phải rễ thôi, nhất là trong đám gọi là "đàn anh" Được một số thanh niên nào đó coi là đàn anh, hoặc họ tự cho họ là đàn anh, chỉ vì lớn tuổi, ra trường lâu, hoặc trước đây đã từng xuất dương, sau về hàng Pháp nhưng không làm quan Trong những người ấy, có những người yêu nước thành thật Nhưng, người của phong nhì[1] và những phần tử cơ hội cũng không ít Họ lợi dụng tính hăng hái bồng bột, nhưng xốc nổi, sự ngây thơ về chính trị và thiếu kinh nghiệm thực tế của thanh niên hồi ấy để gây thanh thế cho cá nhân họ, hoặc để lái phong trào thanh niên theo hướng của bọn trùm mật thám Pháp Tên trùm mật thám quỷ quyệt, nguy hiểm lúc đó là Lui Mácty

Mặt khác, bọn tay sai chính cống của thực dân Pháp cũng hoạt động rất riết Bọn Quỳnh - Vĩnh phân công nhau để ngăn chặn hoặc làm yếu ảnh hưởng của những tư tưởng lành mạnh của thời đại trong thanh niên trí thức Nguyễn Văn Vĩnh, chuyên dịch ra tiếng Việt những tác phẩm văn học kinh điển Pháp Phạm Quỳnh ngoài việc truyền bá những tư tưởng triết học phản đông phương Tây, còn đề cao triết học phương Đông, đặc biệt là Nho giáo Hội Khai Trí Tiến Đức[2] là nơi hoạt động và tạp chí Nam phong là cơ quan tuyên truyền của chúng

Như vậy là vào những năm 20, thanh niên trí thức đã bắt đầu thức tỉnh trong một hoàn cảnh chính trị xã hội khá phức tạp Tình hình ấy có thể nguy hiểm đối với vận mệnh chính trị của thanh niên nếu nó kéo dài, nếu họ không có chỗ dựa vững chắc, ngoài những cây cột mục nát nói trên

Nhưng cũng may Việt Nam đi vào giai đoạn mới, giai đoạn hiện đại của cách mạng giải phóng dân tộc trong khi tư tưởng tiến bộ nhất của thời đại, tư tưởng Mác - Lênin, đã chiến

1 Cơ quan mật thám thuộc phủ Thông sứ Bắc Kỳ

2 Nơi hiện giờ là Câu lạc bộ Thống nhất (ở bờ hồ Hoàn Kiếm)

thắng một phần sáu trái đất. Cũng vào lúc đó, giai cấp công nhân Việt Nam đã lớn lên thành một giai cấp vì mình. Thông qua đồng chí Nguyễn Ái Quốc, họ đã tham gia xây dựng phong trào cách mạng và phong trào công sản quốc tế và đang vươn lên phấn đấu để giành quyền lãnh đạo cách mạng trong nước.

Đó là cơ sở chung. Cụ thể về mặt tư tưởng, thì ngoài các báo như Người cùng khổ, Nhân đạo và sách của Lênin, công trình có hệ thống đầu tiên có tác dụng chuyển hướng cho sự suy nghĩ của thanh niên trí thức, là "Bản án chế độ thực dân Pháp". Nó đã lọt vào Việt Nam.

Khi đầu chỉ một, hai người trong sinh viên nhận được nó. Nhưng không bao lâu, nhiều người đã biết đến. Vì sao nó lan nhanh như vậy? Bí quyết là ở chỗ cụ thể, thiết thực, thẳng thắn, rõ ràng, dứt khoát. Nó nêu ra những việc thật, người thật, lấy từ trong đời sống hằng ngày trên đất nước mình, của những tầng lớp, họ là tuyệt đại đa số trong nhân dân và sức lao động là nường cột của cuộc sống xã hội, cũng là những tầng lớp bị áp bức và bị bóc lột hơn hết.

Thanh niên trí thức nói chung, tuy nhiệt tình, hăng hái, sẵn sàng phấn đấu và hy sinh vì lý tưởng, nhưng mắc phải nhược điểm cơ bản là sống xa thực tế. Về văn hóa, tư tưởng họ bị thực dân và tay sai bao vây. Về vật chất, họ bị thực dân nuông chiều phần nào (cám dỗ bằng danh lợi). Họ đâu có thấm thía tất cả sự tủi nhục của người dân mất nước, họ đâu có căm thù sâu sắc giặc cướp nước, nếu trong trí óc và tâm can họ không lọt vào cái hình ảnh của những nơi ở đấy bản chất của chủ nghĩa đế quốc biểu lộ một cách trắng trợn, hèn hạ và vô nhân đạo nhất, trên thân thể những con người mà với mồ hôi, nước mắt, xương máu và mọi sự thống khổ, tang tóc của họ, bọn đế quốc xây dựng nền thống trị và sự phồn vinh của chúng.

'Bản án chế độ thực dân Pháp" gợi cho họ cảm thấy rằng ánh sáng và sức mạnh chủ yếu là từ chỗ đó mà ra, chứ

không phải từ đâu xa lạ tới Nó chuẩn bị cho lý trí đi tới nhận thức về đường lối của sự nghiệp giải phóng dân tộc Điều quan trọng trước mắt là nó nói lên rằng đường lối đó dứt khoát phải là *đường lối cách mạng*

Từ năm 1925, những sự việc dồn dập xảy ra Việc bao trùm lên trên hết là cụ Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải và đưa về xử ở Hà Nội

Vụ này xảy ra khi dư âm của tiếng bom Sa Diện hãy còn Lúc đó, một giọt cũng đủ làm tràn cốc nước Tinh thần phản đế lên đến cao độ Một sự kiện nào đó, có ý nghĩa chính trị, có thể châm ngòi cho thùng thuốc nổ tung

Phan Bội Châu bị bắt giải về Hà Nội và giam tại nhà giam Hỏa Lò mùa hạ năm 1925 Lúc ấy học sinh, sinh viên học ở Hà Nội đang phân tán về nghỉ hè tại các địa phương Được tin, họ tìm gặp nhau, bàn tán sôi nổi Nhiều người lục tục kéo nhau ra Hà Nội trước ngày tựu trường rất lâu (ngày tựu trường ở đại học là ngày 1 tháng 10), chầu chực sẵn để khỏi bỏ lỡ phiên tòa

Mãi đến tháng 12, tòa mới đưa Phan ra xử công khai Vụ này giao cho "Hội đồng đề hình" (commission criminelle) xử Đó là một thứ tòa án binh đặc biệt, chuyên xử những vụ án chính trị, những người cách mạng Thường nó kết án tử hình, ít nhất là khổ sai chung thân

Người đi xem đông Thực dân cố ý cho người vào xem đông để uy hiếp tinh thần Đa số là học sinh, sinh viên Cả nước chú ý đến việc này Trong mấy ngày liền, dư luận hồi hộp theo dõi từng chi tiết của vụ án Những ai không dự phiên tòa, chăm chú đọc các bài phóng sự trong các báo hằng ngày Ở các trường, anh em thay phiên nhau đi dự vào những buổi ấy, ai bận học ở trường thì người khác không

bản vào giờ học, đi thay Trưa, tối về, họp nhau, báo cáo lại cho nhau và bàn luận

Thiên hạ bình luận những lời khai của bị cáo, những lời buộc tội của viên chánh án, những lời bào chữa của luật sư Họ hoan nghênh, thích thú những câu nói khẳng khái, nêu cao tinh thần yêu nước của bị cáo Giọng hằn học, thô bỉ, thoa mạ của tên chánh án Brido (Bride) làm mọi người tức giận Người ta có cảm tình với Luật sư Bônna (Bonna) (hồi ấy thực dân Pháp chưa cho người Việt Nam làm luật sư) vì y nhân danh Phan là một người yêu nước chân thật, đáng kính

Trong những ngày ấy, những hình thức hoạt động chủ yếu của thanh niên trí thức là họp mít tinh, diễn thuyết, rải truyền đơn Hăng hái nhất là sinh viên các Trường Cao đẳng Sư phạm, Y khoa Nông lâm, Thương mại Công chính, học sinh Trường Bưởi, Trường Trung cấp Sư phạm, Trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng

Một hình thức hoạt động khác nữa cũng được khai thác là viết báo Mặt này còn bị hạn chế Các tờ báo tiếng Việt, nếu không nói theo chiều hướng của thực dân Pháp thì cũng không được đả kích chúng Mà đã bênh vực Phan Bội Châu thì không thể không đả động đến chủ nghĩa thực dân Chỉ có một tờ báo Pháp xuất bản ở Hà Nội, có thể lợi dụng được để "chửi Tây" thả cửa Đó là tờ L'Argus indochinois (MinhTrí) của một tư nhân Pháp Báo này thường đả kích khá cay độc bọn cầm quyền Pháp (toàn quyền, thống sứ) giáo hội Cơ đốc và lũ quan lại phong kiến Việt Nam Nó còn vạch mặt bọn bồi bút, tay sai của thực dân như Phạm Quỳnh

Người chủ tờ báo này công kích những bọn trên không phải vì lý tưởng cao quý gì, mà vì y là một phần tử bất mãn, đánh đập lung tung và có động cơ làm tiền Song, những hạng người mà y đả kích đều là đối tượng của lòng căm ghét của nhân dân ta Vả lại, đó là tờ báo duy nhất ở miền Bắc dám công khai vạch trần bộ mặt của chúng Hơn nữa, khi

Phan Bội Châu mới bị bắt và đưa về Hà Nội, trước khi đưa ra xử, báo ấy đã có bài bênh vực Phan.

Đó là một dịp tốt. Anh em viết bài đưa cho báo. Đây là lần đầu tiên có thể nói thẳng không úp mở và trút sự căm hờn lên đầu quân cướp nước. Chủ báo hoan nghênh bài. Y khuyến khích tiếp tục viết. Từ đó L'Argus indochinois liên tục đăng các bài không những xung quanh vụ án Phan Bội Châu, mà còn về các vấn đề khác lớn hơn, có liên quan đến lịch sử xâm lược Việt Nam, chính sách bóc lột của đế quốc Pháp, chính sách văn hóa ngu dân của chúng. Cũng có những bài tranh luận với các tờ báo phản đông Pháp như tờ Tương lai của Bắc Kỳ (L'Avenir du TonKin) của giáo hội Cơ đốc, Ý chí Đông Dương (La volonté indochinoise) của tên chủ đồn điền lớn Đơ Mônggpơda (De Montpezat, Người thực dân Pháp (Le colon français) của bọn chủ mỏ Pháp..

Trong khi đó, ở Trung Bộ, nhất là ở Nam Bộ, tình hình cũng đang sôi sục. Một số chính trị phạm có tên tuổi có liên quan đến phong trào yêu nước trước chiến tranh từ Côn Đảo về nước - Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Lê Huân, Nguyễn Đình Kiên, Phan Châu Trinh cũng vừa ở Pháp về.

Họ là những bậc tiền bối. Trong đám đó, có người về sau này vẫn theo kịp phong trào, nhưng cũng có người về quan niệm, phương pháp, tác phong, còn giữ nhiều nếp cũ. Dù sao, ở một giai đoạn nhất định, họ đã có một sự cống hiến đối với phong trào. Họ đã bị bọn đế quốc và phong kiến khủng bố. Được thực dân "ân xá" họ không vì vậy mà đầu hàng kẻ thù, không ra làm quan, không làm Việt gian như tên Nguyễn Bá Trác[1].

1 Tên này trước có sang Nhật (Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu), sau về đầu thu, ban đầu công tác với Phạm Quỳnh trong tạp chí Nam Phong, sau được thực dân cho vào Huế làm quan. Sau khi thả Phan Bội Châu, thực dân Pháp đưa Phan vào an trí ở Huế và đặt Phan dưới sự giám sát của tên Nguyễn Bá Trác.

Vì thế nhân dân vẫn tôn trọng họ, coi họ là tượng trưng cho tinh thần yêu nước, ý chí độc lập của dân tộc Họ là một đối tượng tập hợp của mặt trận tư phát chống đế quốc và phong kiến trong hoàn cảnh bấy giờ

Đưa Phan Bội Châu ra xử công khai, thực dân Pháp cho đó là một mưu cao Chúng tưởng rằng bằng vụ xử, chúng có thể uy hiếp tinh thần nhân dân Việt Nam Chúng cho rằng chúng đã nắm vững tình hình Với một vài sự sửa đổi nhỏ giọt sau chiến tranh, như cho giai cấp tư sản Việt Nam một ít khả năng phát triển, đặt các cơ quan "dân biểu" ở Bắc và Trung Bộ, bỏ chế độ thi cử cũ và nới phần nào nền giáo dục "Pháp - Việt", chúng tin chắc rằng chúng có thể tha hồ hút máu mủ của công nhân, nông dân và nhân dân lao động Việt Nam Chúng cũng tin ở bọn tay sai của chúng có khả năng mê hoặc nhân dân Việt Nam về tinh thần, hô hào "kết duyên" giữa tư tưởng phương Tây và tư tưởng phương Đông, ban rong "học thuyết Pháp - Việt đề huề"[1] Cho Phạm Quỳnh đến giảng ở trường đại học, thực dân Pháp giao cho y nhiệm vụ khống chế sinh viên về mặt tư tưởng Dân tộc Việt Nam đã đẻ ra Trần Bình Trọng, Nguyễn Trãi, đâu dễ bị mê hoặc đến thế

Nói tóm tắt, thực dân Pháp đưa Phan Bội Châu về xử công khai, cho đó là một biện pháp cao tay, một thương sách để cô lập cách mạng, ngăn chặn phong trào cách mạng

Nhưng thực dân đã tính nhầm, thủ đoạn ấy không những không ngăn chặn được, mà còn là một cơ hội để tinh thần phản đế phát triển rộng, mạnh và công khai Không những nó không cô lập được cách mạng, mà còn làm cho đường lối cách mạng càng ăn sâu vào ý thức của tầng lớp nhân dân Việt Nam Kết quả là chính bọn đế quốc bị cô lập

Không những thế nó còn kéo theo nó sư phá sản của bon quôc gia cải lương[1], thực chất là tay sai của thực dân

Về vu xử Phan Bôi Châu, Pham Quỳnh có viết môt bài bằng tiếng Pháp đăng trong báo France Indochine (Cơ quan chính thức của phủ Toàn quyền) và trong tap chí Nam phong. Bằng giong lưỡi "tỏ đồng tình" có vẻ như thương hai cho Phan là "tương trưng cho chủ nghĩa yêu nước bất hanh" (hoăc thất thế) (le symbole du patriotisme malheureu)

Tức thời, mũi nhon của sự phẫn lô của nhân dân, ban đầu chĩa vào bon thực dân, nay chĩa luôn cả vào Pham Quỳnh và đồng lõa. Sinh viên hoc sinh - những người trí thức yêu nước lơi dung những cuôc hop ở Hôi Khai Trí Tiến Đức do chúng triêu tâp để vach măt chúng Trước kia, dưới nhãn hiêu "phuc hồi những giá trị văn hóa của dân tôc", Pham Quỳnh còn du dỗ đươc môt phần dư luân Nhưng từ khi bô măt thât của hắn lòi ra giữa ánh sáng, hắn nói trăng, nói cuôi gì cũng chẳng ma nào nghe

Sau đó không lâu, ở Trung Bộ, Nam Bô, bon cải lương các cỡ thuôc các màu sắc (ở Nam Bô nhóm Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, ở Huế nhóm Trần Đình Nam,) lần lươt, ở mức đô này hay mức đô khác, cũng chia số phân với Pham Quỳnh

Từ đó phong trào chống thưc dân gắn liền với phong trào "gỡ mặt na thương lưu", chỉ tên vach trán bọn yêu nước giả đối, bon tay chân của phòng nhì

Tòa xử Phan Bội Châu khổ sai chung thân, nhưng không vì thế mà phong trào dân thành thi và thanh niên trí thức chống thưc dân lắng xuống. Môt đợt khác, rông và có chiều sâu nối tiếp

*

* *

1 Bon quốc gia cải lương (national réformiste), dưới chiêu bài "yêu nước" để xướng hợp tác với thực dân

Chính phủ Pháp [lúc đó nội các cánh tả (cartel de gauche) của thủ lĩnh đảng cấp tiến Hêriô (thủ tướng) lên cầm quyền ở Pháp] đưa nghị sĩ "xã hội" A Varen (Alexandre Varenne) sang làm toàn quyền Đông Dương (cuối 1925). Người ta chuẩn bị "đón tiếp" toàn quyền mới. Học sinh, sinh viên, trí thức lại tụ tập, họp mít tinh. Ngoài khẩu hiệu "thả Phan Bội Châu" là yêu sách chính, người ta còn lập các bản yêu sách (cahier des voeux) bao hàm một số quyền tự do dân chủ như bỏ thuế thân, bỏ độc quyền muối, rượu, ban hành luật ngày làm việc 8 giờ, tự do hội họp, lập hội, tự do báo chí, tự do ngôn luận, bỏ lệ kiểm duyệt báo, lập nên đại học thực sự, tự do đi học nước ngoài, quyền bình đẳng giữa người Việt Nam và người Pháp về mặt đãi ngộ, bỏ chế độ pháp lý riêng đối với người bản xứ, bỏ "tòa án đặc biệt" (Hội đồng đề hình).

Tham gia dự thảo các bản yêu sách có sinh viên của cả ba kỳ (Bắc, Trung, Nam), nghĩa là của cả nước[1].

Như vậy, phong trào chống thực dân Pháp, xuất phát từ việc bênh vực Phan Bội Châu, đòi tha Phan Bội Châu, đã tiến thêm một bước, đi tới những yêu cầu chung hơn, gắn liền nó với chính sách thuộc địa, với ách thực dân của đế quốc Pháp.

Cũng như trước đó, phong trào học sinh, sinh viên và trí thức lần này vẫn còn mang tính chất tự phát.

Hôm Varen đến, thanh niên và dân phố kéo xuống đường. Họ tụ tập ở những nơi đông dân trên con đường từ ga Hàng Cỏ đến phủ Toàn quyền (phủ Chủ tịch hiện nay). Những người biểu tình mang theo nhiều biểu ngữ đòi "thả Phan Bội Châu", "Đả đảo chủ nghĩa thực dân dùi cui!" (A bas le colonialisme à la trique). Cũng có xen vào những khẩu hiệu thỏa hiệp, có tính chất xã giao như 'Nhà xã hội Varen muôn năm!"

---

1 Anh Hoàng Minh Giám là một trong những người tham gia dự thảo những bản yêu sách.

Ít hôm sau, Varen ra lệnh ân xá Phan Bôi Châu

Phải chăng đó là một thủ đoạn có tính trước của đế quốc Pháp? Phan Bôi Châu được "ân xá" chủ yếu là nhờ cuộc đấu tranh của quần chúng ở Việt Nam và của giai cấp công nhân Pháp (báo Nhân đạo và nhóm nghị sĩ công sản trong Nghị viện Pháp lúc đó lên tiếng bênh vực Phan Bội Châu), nhờ sức ép của tình hình sôi sục trong cả nước đã ấp ủ từ hai, ba năm trước đó, mà việc bắt và xử Phan Bội Châu chỉ là một thời cơ làm bùng nổ

Thấy việc làm không đưa lại kết quả theo ý muốn, bọn thực dân bèn xoay chiều Chúng bày ra trò hề kêu án khổ sai chung thân, để rồi cho Varen ra lệnh ân xá, theo sách lược "giơ cao đánh khẽ", để một là tỏ ra khoan hồng độ lượng, hai là lái phong trào chống thực dân ở Việt Nam vào con đường cải lương, hợp tác với thực dân Pháp, ba là tăng thêm uy tín cho Đảng Xã hội Pháp và gây ảo tưởng đối với Đảng này (nên nhớ rằng từ năm 1920, cánh tả Đảng Xã hội Pháp đã tách ra, thành lập Đảng Công sản Pháp[1] và gia nhập Quốc tế Công sản, còn cánh hữu thì hợp tác, câu kết với giai cấp tư sản Pháp trong việc đàn áp phong trào cách mạng ở Pháp trong và sau chiến tranh, và trong việc bóc lột thuộc địa và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa)

Phong trào của thanh niên trí thức năm 1925 đã đề cập đến những vấn đề chung, có liên quan đến chế độ thuộc địa Đó là một bước tiến về mặt ý thức: *gắn liền tinh thần yêu nước với tinh thần dân chủ*, không tách đấu tranh vì độc lập khỏi đấu tranh cho tự do Bước tiến ấy không phải ngẫu nhiên Lúc đó, ở trong nước phong trào công nhân đã bắt đầu lớn lên.

Dư luận trong nước cũng đã biết đến bản yêu sách của

1 Ở Đại hội họp ở thành phố Tua (tháng 12-1920) trong đó đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Công sản Pháp

Nguyễn Ái Quốc gửi hòa hội Vécxai[1] năm 1919 Năm 1925, báo Việt Nam hồn[2] ở Pháp và trong nước tờ báo L'Argus indochinois đã đăng nó Nhưng đặc biệt là cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp" khi lot vào Việt Nam, đã được lưu hành trong nhiều thanh niên trí thức yêu nước Nó đã tác động tích cực đến chiều hướng phát triển của phong trào yêu nước đương thời

Cũng từ đó, hình ảnh của vị lãnh tụ cách mạng trẻ tuổi bắt đầu rõ dần trong tâm trí của những người tham gia phong trào chống thực dân

Ở đây xin phép mở ngoặc để nói về sự ra đời của hai tấm ảnh của hai nhân vật lịch sử ảnh của Phan Bội Châu và ảnh của Nguyễn Ái Quốc

Với việc Phan Bội Châu bị đưa về và xử trong nước, nhất là sau khi được thả, ảnh của Phan Bội Châu được phổ biến và bán công khai ảnh Phan với những cách ăn mặc khác nhau, mặc quần áo Trung Quốc (khi mới bị bắt về và lúc ra tòa), mặc quần áo Việt Nam (áo sa, chít khăn lươt, mắt đeo kính trắng), mặc âu phục (lễ phục) trán hói, râu rậm và đen Đây là lần đầu tiên nhiều người mới hình dung được diện mạo của một nhân vật hoạt động cách mạng lâu năm, mà tên tuổi hầu như đã đi vào truyền thuyết

Cùng lúc, một số người cũng đã có ảnh của Nguyễn Ái Quốc Trong số đó có tôi Không phải mua ở các hiệu sách (tất nhiên) như ảnh của Phan, mà do một anh bạn sinh viên Trường Đại học Y khoa cho

Tôi giữ kỹ trong ví tấm ảnh của Nguyễn Ái Quốc cho đến

---

1 Hội nghị của bọn đế quốc thắng trận (Pháp, Anh, Mỹ) trong chiến tranh 1914-1918 đặt các điều khoản cho bọn đế quốc thua trận (Đức, Áo)

2 Của nhóm Nguyễn Thế Truyền ở Pháp Cũng từ năm 1925, Nguyễn Thế Truyền phan Đang sau khi về nước (1927) trở thành thân Mỹ ở vùng tạm bị chiếm miền Nam Năm 1967 ý có ra tranh ghế tổng thống bù nhìn miền Nam

cuối năm 1926, khi tôi bị bắt ở Sài Gòn, sách, tài liệu, giấy má, trong đó có tấm ảnh ấy, bị tịch thu

Sau khi Phan Bội Châu được thả, thực dân Pháp đưa cụ đi an trí ở Huế[1] Chúng có cho ghé lại Vinh ít hôm (quê cụ là huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh) Ở Vinh cũng như ở Huế, sự có mặt của Phan là một cơ hội để nhân dân biểu thị bằng nhiều hình thức tinh thần chống thực dân Pháp Điều đặc biệt là một số bà con Hoa kiều cũng tham gia phong trào Lúc đó, một cơn bão táp cách mạng cũng đang rung chuyển nước láng giềng Học sinh các Trường Quốc học Vinh và Huế và Trường nữ Trung học Đồng Khánh - Huế đặc biệt hăng hái

Cũng trong dịp này, dân Vinh và Huế tỏ sự căm phẫn đối với bọn quan lại phong kiến bù nhìn và Việt gian, như tên tổng đốc Nghệ và tên tri huyện Nam Đàn hồi đó, và tên Nguyễn Bá Trác. được mật thám Pháp trao cho nhiệm vụ giám sát Phan Bội Châu ở Huế và dò xét những người lui tới nhà Phan Họ cũng nhân rõ bộ mặt của những phần tử cải lương, bọn đầu cơ chính trị và tay chân của cơ quan mật thám Pháp

Sau vụ Phan Bội Châu, mà những lò sôi sục là Hà Nội, Vinh và Huế, nhiều vụ tiếp theo, xảy ra ở Sài Gòn, nhưng đã chấn động cả nước, là việc Nguyễn An Ninh bị bắt và nhất là đám tang Phan Châu Trinh Nguyễn An Ninh, chủ báo Chuông rè, tổ chức mít tinh tại đường Lăngdarốt (Lanzarott), tố cáo chính sách của thực dân ở Việt Nam Ngay sau đó, Nguyễn An Ninh bị bắt Tức thời đông đảo nhân dân Sài Gòn biểu thị phản đối: công nhân nhiều xí nghiệp, nhân viên

1 Chúng chỉ định chỗ ở của Phan Bội Châu là Bến Ngự (ngoại thành Huế) Do đó, người ta gọi cụ là "ông già Bến Ngự" Cùng với Vĩ Dạ, Bến Ngự (liền với An Cựu) và Phú Cam là hang ổ của bọn quan lại phong kiến, tôn thất và bọn gián điệp đội lốt tôn giáo

ngân hàng, bưu điện bãi công, học sinh các trường bãi học

Phan Châu Trinh ở Pháp về, chưa được bao lâu thì mất tại Sài Gòn (tháng 3 - 1926) Đám tang cụ đã trở thành một biểu thị mạnh mẽ tinh thần yêu nước và chống thực dân Pháp của toàn dân Cả nước làm lễ truy điệu Ở Hà Nội, các cửa hàng Việt Nam đóng cửa Hôm làm lễ truy điệu ở đền Hai Bà Trưng, học sinh bỏ học Các thành phố khác trong nước như Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Mỹ Tho, Cần Thơ cũng có những hoạt động tương tự

Thực dân Pháp bắt đầu khủng bố Những biện pháp bịp bợm thả Phan Bội Châu, cho một số chính trị phạm ở Côn Đảo và Phan Châu Trinh ở Pháp về nước, cử "nhà xã hội" Varen sang làm toàn quyền, không trấn an nổi nhân dân ta Trái lại, làn sóng chống thực dân vẫn lên Nhất là hấy giờ phong trào đã vượt ra ngoài những yêu cầu hiền lành, vô tội vạ như "Khoan hồng" đối với Phan Bội Châu, thì chúng giở thủ đoạn hèn nhát - đàn áp, khủng bố Chung cấm làm lễ truy điệu và đề tang Phan Châu Trinh Chúng đuổi học sinh, cắt học bổng những sinh viên tổ chức lễ truy điệu Phan, truy tố những người tổ chức mít tinh, bãi học, bãi công Báo chí thực dân phản động đòi nhà cầm quyền Pháp phải có "thái độ cương quyết Chúng đả kích Varen là "nhu nhược"[1] Báo chí hợp quốc gia cải lương (Tạp chí Nam phong của Phạm Quỳnh, tờ Diễn đàn Đông Dương của Bùi Quang Chiêu) kêu gọi nhân dân ta hãy "bình tĩnh", đừng có những hành động ồn ào vô ích (agitation stérrile)

Chúng làm quá lộ liễu Chúng mọi cả những đứa mất gốc từ bao đời, đã thành "Tây" hàng mấy thế hệ, rất hãnh diện với cái tước "gia đình Pháp - Việt" được thực dân phong cho, xui chúng nói dại, nói nhảm Như tên đại tá Đỗ Hữu Chấn, con của tên đại Việt gian Đỗ Hữu Phương[1] viết bài khuyên

1 Thường gọi là Đốc phu Phương hoặc Tổng đốc Phương, đã giúp đắc

nhân dân Việt Nam hợp tác với Pháp, như thế mới thật yêu nước! Xuấn đến thế là cùng!

Lì lợm và láo xược hơn nữa là Phạm Quỳnh, viết bài đăng trên báo France Indochine thóa mạ sinh viên, gọi họ là "nhãi nhép, tập làm chính trị", cho việc làm lễ truy điệu và để tang Phan Chu Trinh là "đầu cơ xác chết". Anh em sinh viên định cho hắn một bài học. Hai, ba người đứng đợi gần nhà in Lê Văn Phúc (ở phố Hàng Gai). Nhưng may phúc cho hắn: ra khỏi cửa hắn phóc ngay lên xe kéo, không phải vắt chân mà là vắt bánh xe lên cổ chuồn thẳng.

Varen giở trò mị thanh niên. Hắn đến thăm quán trọ sinh viên Việt Nam[1]. Sinh viên lợi dụng cơ hội tấn công hắn. Họ đón chào toàn quyền "xã hội" bằng một bài diễn văn "nảy lửa" (bọn thực dân gọi là discours incendiaire)[2].

Trong diễn văn, việc trước tiên được nhắc đến là *sự thức tỉnh của các dân tộc bị áp bức*, "đại pháo cách mạng nổ khắp thế giới" (dans le monde le canon de la révolution tonne). Đó là một lời cảnh báo đối với bọn đế quốc. Varen đến thăm quán trọ sinh viên với "nhã ý" như hắn báo trước, để cho thanh niên bày tỏ "nguyện vọng" (désiderata) của mình. Thì đó, "désiderata" của thanh niên là như thế!

Đáng chú ý là diễn văn không đả đđộng gì đến sinh viên, không xin xỏ điều gì.

Varen không nuốt trôi món quà ấy. Hắn phát cáu, tìm cách đánh tháo bằng một lời doa dẫm.

- Tôi còn ở đây thì thanh niên Việt Nam sẽ không cựa quậy!

---

lực thực dân Pháp "bình định" Nam Kỳ Lục tỉnh. Mấy anh em tên Chẩn đều vào làng Tây, lấy vợ đầm, làm quan Tây. Con gái Phương lấy Hoàng Trọng Phu, con của Hoàng Cao Khải.

1 "Foyer des étudiants annamites" ở phố Vọng Đức, do một sĩ quan người Pháp về hưu, tín đồ đạo Tin Lành thành lập.

2 Anh Hoàng Minh Giám là một trong những người thảo ra bài diễn văn.

Nhà "xã hội" Varen đã hiên nguyên hình là một tên thực dân "dùi cui"

Phải chăng đó là một triệu chứng báo rằng tư tưởng của thanh niên hồi ấy đã vượt ra ngoài khuôn khổ của những thỉnh cầu, những ước vọng đặt vào "đô lương" của bọn đế quốc, mặc dầu là "xã hội"?

Phải chăng đó là một sự chớm nở ý thức gắn liền sự nghiệp giải phóng dân tộc với cách mạng thế giới? Có phải đó là lúc nhân dân ta như con chim non, đã bắt đầu tập bay nhờ có đôi cánh mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã chắp cho không?

Một điều rõ ràng là người ta ngày càng nói nhiều đến chủ nghĩa cộng sản. Khi hỏi những anh em hăng hái, họ có phải cộng sản không, câu trả lời không chần chừ là tất nhiên!

Thậm chí đến cả chủ bút tờ báo L'Argus indochinois mà ở trên đã nói đến, không ai hỏi đến lập trường chính trị của y cũng tự khai báo

- Nói thật, tôi thiên về cộng sản hơn là xã hội

Điều hiển nhiên nữa là ngày càng nhiều người nhìn về phía Mạc Tư Khoa. Năm 1926 có mấy tốp thanh niên tìm đường sang Liên Xô, bằng cách xuống tầu sang Pháp, hoặc vượt biên giới Việt - Trung. Anh Trần Phú đi bằng con đường thứ hai. Trong số những người ấy, cũng có người đi không lọt, bị bắt[1]

Hồi đó, về những lãnh tụ cũ quốc tế, cùng với tên tuổi của Lênin, thanh niên trí thức Việt Nam còn nói nhiều về Tôn Trung Sơn và Găngđi. Nhưng, tác phẩm của Lênin được đưa vào ngày càng nhiều và ngày càng nhiều người đọc. Đôi lúc và đối với một số người, có sách của Lênin thành cái "mốt". Như có những em gái 16, 17 tuổi học sinh Trường nữ

1 Trong những người ấy có anh Tôn Quang Phiệt

Trung học Đồng Khánh ở Huế, trong cặp sách, bên cạnh sách giáo khoa, thường xen vào quyển *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản!*

Về những lãnh tụ dân tộc, ngoài hai cụ Phan vẫn được người ta nói đến nhiều và nói chung vẫn được cung kính, Nguyễn Ái Quốc, ban đầu người ta nói dè dặt, có vẻ bí ẩn, thân mật, nhưng rất nhanh, được người ta truyền cho nhau, đã thành trung tâm chú ý của những ai tham gia phong trào, hoặc quan tâm đến thời sự, thậm chí cả những người xưa nay không dính dáng gì đến chính trị Một việc nhỏ, ngẫu nhiên, sau này chứng minh điều đó

Một hôm có một ông bạn Trung Quốc cao tuổi, biết tôi có tinh thần yêu nước, đến chơi Tôi có người anh cũng có mặt trong buổi gặp gỡ Thấy ông già có vẻ nhiệt tình, tôi ngỏ ý muốn đi Trung Quốc Ông hỏi

- Anh có quen ai ở bên ấy không?

Tôi còn lưỡng lự, vì thực ra tôi chả quen biết ai ở bên ấy cả Anh tôi đỡ lời đáp ngay

- Có quen ông Nguyễn Ái Quốc

Tôi tưng hửng, không phải vì sự hấp tấp của anh, mà vì tôi chưa hề nói chuyện với anh về thời sự bao giờ, biết anh vốn là một công chức tầm thường, cả đời chả hay biết gì đến việc nước việc non Có thể có lần nào đó, anh tôi nghe lỏm khi tôi nói về những nhân vật cách mạng của ta Nhưng trước mặt anh, cũng như trước mặt bất cứ ai, tôi chưa bao giờ nói tếu là đã "quen" Nguyễn Ái Quốc

Thế là từ đó, đối với cả nước, Nguyễn Ái Quốc đã là một niềm hy vọng, giống như tia sáng đầu tiên ở chân trời lúc rạng đông, báo hiệu mặt trời sắp mọc Tên tuổi của Người đã khắc sâu vào tâm khảm của nhân dân ta như là lãnh tụ đương nhiên của cách mạng Việt Nam, không phải qua một sự quảng cáo rầm rộ Sự thừa nhận vai trò lịch sử của Bác

hình như đã có sẵn mầm mống trong tiềm thức của mọi người, nhờ một sự nhạy cảm, một thứ linh tính cách mạng.

Có thể đó là một triệu chứng báo rằng trong một tương lai không xa lắm, tư tưởng, đường lối Nguyễn Ái Quốc sẽ chiếm ưu thế trên đất nước ta. Chưa nghe ai công khai khẳng định như vậy, nhưng hình như điều đó đã lọt vào không khí, đang đi vào tiềm thức của những ai mong đợi một sự thay thời đổi thế.

Năm 1926, bắt đầu có sự phân hóa trong phong trào yêu nước của thanh niên trí thức, về mặt xác định thái độ đối với thời cuộc và hướng đi. Một đường ranh giới sơ bộ đã được vạch ra. Một số người, sau khi tham gia ít nhiều những hoạt động sôi nổi, trước sự đe dọa và khủng bố của thực dân, bèn rút lui, chăm lo học tập và làm ăn. Một số người khác tiếp tục hoạt động, nhưng chia làm hai cánh, một cánh hoạt động công khai, một cánh hoạt động ngấm ngầm. Một số nữa có lẽ là số đông, nằm im. Nhưng cũng như ở bất cứ nước nào, khi phong trào lên cao thì họ lại theo.

Phong trào sôi nổi những năm 1925-1926 có tác dụng khuấy lên tinh thần chống thực dân, ập ủ trong các tầng lớp trước đó chưa hoặc ít tham gia các hoạt động yêu nước. Trước kia, một phong trào như vậy chưa thể có được. Một là, vì việc thông tin liên lạc chưa thuận lợi bằng sau chiến tranh, hai là, những hoạt động yêu nước còn hoàn toàn bí mật, hạn chế trong một nhóm người, có tính cách "hội kín" và thuộc một tầng lớp nào đó. Chưa một tổ chức yêu nước nào biết kết hợp tính bí mật của cơ cấu tổ chức và tính quần chúng của hành động cách mạng thực tiễn.

Cũng không phải vì quần chúng sợ địch khủng bố. Ở Việt Nam, dưới thời thuộc Pháp, có lúc nào địch lại không khủng bố, ngừng chém giết, tù đày những người yêu nước? Bởi vì có lúc nào tinh thần yêu nước của người Việt Nam lại không nổ ra, bằng cách này hay cách khác?

Vấn đề là những người, những tổ chức đứng đầu phong trào có quan niệm công cuộc cứu nước cứu dân là do quảng đại quần chúng nhân dân làm hay không. Xét một cách công bằng, những nhà yêu nước thời ấy vẫn kêu gọi, cố gắng thức tỉnh, muốn thành thực đoàn kết tất cả các lớp người trong nước dưới lá cờ của đại nghĩa. Nhưng đó mới chỉ là đạo lý. Muốn thực sự đoàn kết họ thì phải biết tổ chức họ thành đội ngũ chỉnh tề, xác định lực lượng nào là nòng cốt, lấy cái gì để làm ngọn cờ tập hợp, động viên, thống nhất và thống lĩnh phong trào giải phóng dân tộc.

Phong trào những năm 1925-1926 đã bộc lộ quá rõ mâu thuẫn bên trong của nó: đông đảo quần chúng nhân dân đã thức tỉnh, muốn tham gia công việc cứu nước, nhưng vì họ chưa được tổ chức, cho nên quy mô còn bị hạn chế. Vì vậy, có thể coi năm 1924 như là một bước ngoặt, nói đúng hơn, nó chuẩn bị cho một bước ngoặt. Ít nhất nó cũng có tác dụng như một sự đánh dấu, ở chỗ nó cho thấy sự vô hiệu của đường lối cứu nước cũ, của thời kỳ trước chiến tranh, và đòi hỏi một đường lối mới khác trước. Suy đến cùng, đòi hỏi đó là một tất yếu nằm trong quy luật phát triển khách quan của sự vật, của quá trình tiến triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn khi mà độc lập phải đi liền với tự do, dân tộc gắn liền với dân chủ.

Lịch sử đã đặt ra vấn đề tức là cũng đã có cách giải quyết.

Vì thế nên tên tuổi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trở thành ngọn cờ tung bay dưới trời Việt Nam, thu hút sự chú ý của hàng triệu cặp mắt.

Điều lạ lùng là tên tuổi ấy hiện ra không phải rầm rầm rộ rộ, nhưng đã rất nhanh lọt vào tâm trí của thế hệ mới như là hình ảnh sáng ngời của đại nghĩa. Phải chăng vì tên tuổi ấy biểu tượng cho một khối óc và một trái tim, khối óc ấy kết tinh những ý nghĩ của hàng triệu khối óc, trái tim ấy đập cùng một nhịp với hàng triệu trái tim?

Chẳng qua đó là biêu hiên đầu tiên, xuất phát của bước tiến nhảy vọt của lịch sư dân tộc ta trong giai đoan mới của lịch sử thế giới Bước tiến nhảy vọt đó được tạo nên bởi hai sư kiên có ý nghĩa to lớn đối với sư tiến triển của cách mang Việt Nam và đối với tình hình quốc tế Hai sư kiên đó là·

Một, giai cấp công nhân Việt Nam, khi có Đảng tiền phong của mình, đã giành ngay được quyền lãnh đao cách mang ở một nước thuộc địa lớn nhất của đế quốc Pháp, với 25 triệu dân, một việc chưa từng có trong lịch sử giải phóng của các nước thuộc địa Hai, cách mang Việt Nam, bộ phận của cách mang vô sản thế giới, trong quá trình phát triển của nó, đã góp phần ngày càng lớn trong việc đẩy manh sư tiến triển của cách mang thế giới

Thật là một bước nhảy vọt kỳ diêu, có tính chất thần thoại Giai cấp công nhân ra đời chưa được bao lâu Đa số xuất thân từ những người nông dân cùng khổ, đói rách, mù chữ Về đấu tranh và tổ chức, chưa có kinh nghiệm bao nhiêu Chưa hề ghi vết tích gì của mình trong đời sống chính trị trong nước Ấy thế mà trong giai đoan mới của lịch sử, đã đứng ra đảm nhiệm sứ mang lãnh đao sư thay đổi vận mệnh của cả một dân tộc và viết ra những trang sử chói lọi của đất nước

Mùa hè năm 1926, là lúc tôi ra trường, sau "ba năm đèn sách" Phải thi tốt nghiệp Đây là giai đoan kết thúc một quãng đời của tôi

Một hôm, hiệu trưởng[1] cho gọi tôi lên phòng làm việc của y

1 Hiệu trưởng này mới đổi đến được một tháng Trước đó y đã làm hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công chính Cũng là một tên thực dân khét tiếng Hiệu trưởng cũ (người bảo tôi từng đọc báo Le Paria trong giờ học, bị gọi về Pháp, vì đã để xảy ra những việc "lộn xộn" trong đó sinh viên cao đẳng sư phạm đóng vai chủ chốt

- Mời ông ngồi! Giáo sư triết học cho biết ông có làm bài luận đầy rẫy tư tưởng chống Pháp. Suốt năm năm, ông chả lo học hành gì cả, chỉ đi làm những việc đâu đâu. Nhà trường quyết định không để ông thi tốt nghiệp kỳ này và lưu ông lại một năm.

Tôi hiểu họ muốn làm gì tôi. Biết trước, không sớm thì muộn, thế nào rồi cũng có chuyện rắc rối. Bài luận mà viên hiệu trưởng nêu ra là cái cớ tiện nhất, vì nó có liên quan trực tiếp đến việc học, đã xảy ra trong giờ học. Vậy bài luận đó là cái gì?

Trước đó độ một tháng, giáo sư triết học có ra cho cả lớp để bình luận đề tài về "những học thuyết thực dụng". Trong bài luận, tôi bác thuyết triết học vì triết học và chủ trương rằng học thuật phải có tính thực dụng, nghĩa là để làm việc gì có ích cho xã hội, đại khái như phục vụ công việc giải phóng đất nước khỏi ách người ngoài, chẳng hạn.

Hôm trả bài, giáo sư đã dành cả giờ lên lớp để "hỏi cung" tôi. Hắn còn trẻ, khoảng giữa 35-40 tuổi. Tuy ở Pháp mới sang, nhưng đầu óc thực dân không kém so với những tên đã ở thuộc địa hàng chục năm. Mặt hắn lầm lầm, hỏi vặn nhiều câu, cố ý đẩy tôi "đến chân tường". Hắn ghi chép kỹ những câu trả lời của tôi. Tôi còn nhớ câu hỏi cuối cùng của hắn:

- Vậy ý ông là phải đuổi người Pháp ra khỏi xứ này, phải không?

Vốn khinh và ghét thủ đoạn tầm thường của tên mật thám đội lốt nhà giáo, tôi nói thẳng:

- Người Pháp đến chiếm xứ sở chúng tôi, dân chúng tôi có nghĩa vụ giành lại độc lập!

Hắn kết thúc cuộc hỏi cung bằng tiếng "Bon!" (Được) rất giòn, đầy ý nghĩa đe doạ, và ghi lia lịa vào sổ tay.

Khi hiệu trưởng gọi tôi đến, ông đưa tôi xem bản báo cáo của tên giáo sư (cũng là biên bản của cuộc hỏi cung và là bản

cao trang) Trong đó có câu "Nước Pháp sang đây là do các hoàng đế An Nam yêu cầu giup đỡ, thế mà ông X lại bảo chúng ta đến xâm chiếm" Và kết luân "Ông X sẽ là một giáo sư sư học, nếu ông ấy dạy theo quan điêm chống Pháp như vậy thì rất có hại"

Những câu ấy được gạch đít bằng mực đỏ

Tôi hoi hiêu trưởng

- Thưa ông hiêu trương ông nói suốt năm tôi không học hành, mà chỉ làm nhưng việc gì đâu đâu Vậy xin ông cho biết cu thê tôi đã làm những việc gì?

Hắn bèn kê ra những sự việc ít nhiều có dính đến tôi, trong đo có bài diễn văn lúc Varen đên thăm quán trọ sinh viên

Vừa kê hắn vừa chỉ vạ đạp bàn tay vao tập hồ sơ xếp trên bàn giây của hắn Hắn bao đó là những tài liêu của Sở Mật thám cung cấp

Tôi nhân hêt Tôi cũng không cần tư bào chữa, biết rằng chung đã có ý đinh "thôp ngực" mình rồi Tôi chỉ yêu cầu hiêu trương cho tôi mượn bản báo cáo của tên giáo sư triết học có vài điều tố cáo mà tôi chưa thông Tôi có quyền kháng cáo

Hiêu trương cho mượn, muôn tỏ vẻ "công bằng"

Ý đinh của tôi lă chơi xỏ tên giáo sư triết học một vô, đê cho nó mất măt Trên cơ sở bản báo cáo của hắn, tôi chuẩn bi một cuộc "phán kích" bằng bút chiến, dày 20 trang, viêt trong ba ngày

Ý chính của bài đây là một vấn đề thuộc về quan điểm triết học Mỗi người có quyền bay tỏ ý kiến riêng của mình Nếu ý kiến sai, giáo sư, là người hướng dẫn, có trách nhiêm chỉ bảo cho sinh viên một cách bình tĩnh và vô tư, đường đường chinh chính bằng lý lẽ khoa học Như vậy mới là giáo dục Đằng này ông B - Đ lại không làm như thế Ông ta

vôi chụp lấy một vài câu mà ông ta cho là có ẩn ý, vạch lá tìm sâu, với mục đích khiêu khích và truy bức. Thế là ông ta không làm tròn nhiệm vụ của một nhà giáo dục. Người Việt Nam chúng tôi có truyền thống tôn sư trọng đạo, coi thầy học như cha. Ông B - D đã lung lạc lòng tin tưởng của tôi.

Nhân được bài trả lời của tôi, hiệu trưởng họp Hội đồng giáo sư để "xử". Tất nhiên tôi không được gọi đến dự. Nghe nói tên B - D bị các đồng nghiệp của y chỉ trích, cho rằng y đã làm một việc dại dột. (Tôi biết được những chi tiết ấy nhờ người chủ tờ báo L'Argus indochinois có người bạn Pháp quen bọn giáo sư đã dự buổi họp nói trên).

Phần nhiều giáo sư là viên chức thuộc địa cao cấp (giám đốc, vụ, sở). Tuyệt đại đa số tán thành xử lý "để làm gương". Nhưng làm êm thấm, một cách "tự nhiên", không gây thành một dư luận, để khỏi bươi ra và khuếch trương bãi phân lợn mà giáo sư triết học đã húc đầu vào.

Phương pháp hiệu nghiệm nhất là: cứ để thi tốt nghiệp, nhưng đánh hỏng! Thế là yên.

Họ đã làm như vậy.

Tôi cũng không hề có ảo tưởng. Về vụ này, trong sinh viên, có hai chiều hướng: một chiều hướng muốn "hành động". Chiều hướng khác lấy lời nói "tả" để đánh nước "lờ". Họ bảo "Tốt nhất là để cho sự việc tự nó nuôi căm hờn, hơn là những hành động phô trương, ồn ào". Trong đám này, có những bậc "đàn anh" mà tôi đã nhắc đến trong đoạn đầu của chương này. Cũng có cả một gã, trước kia vô danh tiểu tốt, tên Nhương Tống[1], tự phong là "nhà văn yêu nước". Hắn không phải sinh viên đại học. Nhưng có một số sinh viên thường đi lại các hiệu sách, gặp hắn ở đấy, hắn bắt làm quen. Riêng

1 Sau này là đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng và là mật thám cho Pháp, bị những nhà cách mạng xử án và bắt đền tội hồi kháng chiến chống Pháp tại Hà Nội.

tôi không quen biết, chuyên trò gì với hăn bao giờ

Từ trước, tôi có ý đinh xuất dương Bi xử lý, tôi tư coi như "thoát nơ trần" May mà không bi đuổi và phat va (bồi thường ba năm hoc bổng) Nếu có chuyên đó thì cũng khá rắc rối Hàng nghìn bac không phải chuyên chơi! Ít nhất là phải ngồi tù nơ

Còn nấn ná ở lai Hà Nôi là vì chưa có dịp đi Có lẽ vì tôi đã bi lô nên những anh em có trăch nhiêm tổ chức cho thanh niên ra nước ngoài e ngai, chưa bắt liên lac với tôi Một vài người biết ý đồ cua tôi cũng là những người ít nhiều có dính dáng đên thời sư và cũng đã bi lô

Có một lý do nữa Lúc đó me tôi ốm năng Xem chừng bênh bà khó qua khỏi, tôi đinh ở lai săn sóc bà đã Cả nhà chỉ còn mình tôi chưa có gia thất Là chỗ dưa duy nhất của me, tôi không nỡ dứt ra đi, khi me đang thoi thóp trên giường bênh

Tháng 9 - 1926 tôi đưa me về Vinh là nơi có đông bà con và là quê của me Vài hôm sau bà mất Lo việc cho me xong, ba ngày sau, tôi đi vào Nam

Từ đó tôi bước chân vào một cuoc sống mới Tôi cảm thấy từ nay con người tôi từ thân thê, tư cách, hoat đông, lời ăn tiêng noi, tình cảm, không còn cai gì là thuộc cá nhân tôi nữa

Ở Sài Gòn

Vì những hoat đông "chông Pháp', tôi bi thi hành kỷ luật sau khi tốt nghiệp, không đươc bổ nhiêm làm giáo sư bất cứ ở một trường công nào

Như vậy là từ nay tôi đươc rảnh tay để làm theo chí hương và lương tâm của mình - phuc vu sư nghiệp yêu nước Chỉ có Sài Gòn "đất của Tây", ở đó không khí tương đối dễ thở, mình mới có thể hoat đông đươc, cho nên tôi đinh vào Sài Gòn, hoat đông trong ấy trong một thời gian, xem tình hình ra sao, sau sẽ quyết đinh

Điều làm cho tôi cảm động là các anh em sinh viên, mỗi người góp dăm, ba đồng, gôp lai thành một món tiền giup tôi làm lô phí để đi vào Nam

Đi giữa đường có ghé lai Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, mỗi nơi tôi rất vui mừng gặp lai những ban hoc cũ ở Huê hoặc ở Hà Nôi, ho cũng biết và đồng tình với những công viêc tôi đã làm và ho khuyến khích tôi nên bền gan vững chí

Vào Sài Gòn, tôi gặp lai những người ban tốt đã tham gia hoạt đông trong phong trào thanh niên ở Sài Gòn những năm 1920 - 1925

Lời chào dón đầu tiên của ho đối với tôi là chúc mừng tôi đã viết một bài trả lời cho Đai tá Đỗ Hữu Chân, toàn văn đăng trên cả bốn trang của báo L'Annam (bằng tiếng Pháp) mà Chủ nhiêm là Luật sư Phan Văn Trường

Đỗ Hữu Chấn là một sỹ quan Pháp (dân Tây) con trai đầu của tên đai Viêt gian Đốc phủ Phương, cả nhà đều là làm quan Tây, lấy vơ đầm, con cái theo quốc tich Pháp

Bài tôi trả lời cho hắn tôi viết ở Hà Nôi, mấy ngày trước khi vào Nam Bài của hắn đăng trong một số báo Pháp ở Hà Nôi, sặc mùi Viêt gian Nó tâng bốc nước Pháp rông lương bảo hô Viêt Nam Nay nhân dân Viêt Nam có những hành đông chống Pháp như trong mấy năm nay là vong ân bội nghĩa và nó còn đe đoa người Pháp sẽ trừng tri thẳng tay . Tôi trả lời khá manh, dưới ký tên thât Bài ấy có tiếng vang rông, nhất là trong đám thanh niên trí thức Hiên nay anh Võ Nguyên Giáp thỉnh thoảng còn nhắc lai bài ấy (anh doc nó khi anh còn hoc ở Trường Quốc hoc Huế (1926))

Một số anh em trí thức ở Sài Gòn, phần nhiều là giáo sư tư thuc và các anh em ở Huế và Nghệ Tĩnh (trong đó có đồng chí Hà Huy Tập lúc đó đang làm giáo viên ở Hà Tĩnh) cũng viết thư yêu cầu tôi đứng ra chủ trì một cơ quan ngôn luân làm diễn đàn cho lớp thanh niên cách mang

Sau khi bàn bac và xem xét kha năng lưa chon người quan lý cơ sơ ấn loát, cả nhóm nhất trí giao cho tôi trách nhiêm làm chú nhiêm kiêm chú bút tờ báo bằng tiêng Pháp goi là Le Nhà quê - có ý thách thức bon thưc dân Pháp chúng quen goi người Viêt Nam môt cách khinh bi là - đồ nhà quê (espēce de Nhà quê)

Số đầu của tờ báo ra dăng trên đầu trang nhất ban tuyên bố kich liêt lên án đế quốc Pháp bắt Phan Bôi Châu vào an trí tai Huê, dưới sư giám sát của triều đình Huế thối nát và đê hèn (chúng cho tên Nguyễn Bá Trác, môt "sĩ phu" du hoc Nhât sau trở về làm mât thám cho Pháp, kèm căp Phan Bôi Châu, không để cho người ngoài tư do lai vãng

Tôi và các đồng chí trong tòa soan mới ra được số đầu thì Thống đốc Nam Kỳ ra lênh cấm chỉ, hôm sau, viên thẩm phán, tên chánh mât thám Sai Gon và môt lũ nhân viên Sở Mât thám đến khám xét chỗ ở, tòa soan, nhà tôi và tich thu tất cả moi thứ, bắt tôi, người quan lý và người phu trách nhà in tống giam

Chúng giam chúng tôi 4, 5 tháng, rồi đầu năm 1927 đưa ra xử, xử tôi môt năm tù án treo, còn những người khác thì tha bổng

Ngay sau đó, Luật sư Phan Văn Trường mời tôi làm chú bút cho tờ L'Annam (tờ L'Annam là tờ La cloche fêlée của Nguyễn An Ninh đổi tên lai, sau khi Nguyễn An Ninh bi bắt (tháng 3 năm 1926) (Khi tôi vào tù (tháng 12-1926) tôi bi giam cũng môt buồng với Nguyễn An Ninh, lúc ấy còn bi tù Vì thế sau này chúng tôi trở thành ban thân)

Vài tháng sau khi tôi phu trách tờ L'Annam, anh Hoàng Minh Giám lúc ấy làm Giáo sư ở Trường Sisowath ở Pnom Ponh, xin từ chức giáo sư và về Sài Gòn cùng với tôi phu trách viết báo L' Annam Báo L'Annam có ảnh hưởng ở cả Trung, Bắc và Pháp Tờ báo công khai tuyên truyền cho chủ nghĩa công sản, nói về tình hình Liên Xô, thính thoảng

trích những bài trong báo L'Humanité viết về Việt Nam và đăng toàn bộ bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản của Mác và Ăngghen

Báo ca ngợi công xã Quảng Châu Có đồng chí ở Pháp về ghé qua Sài Gòn, thăm báo L'Annam và cho biết Căn cứ báo L'Annam, Đảng Cộng sản Pháp thấy rằng đã đến lúc có thể thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam rồi

Báo lên án cuộc chính biến phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch ở Thượng Hải, viết và cho người đi rải truyền đơn trong đám lính Việt Nam được Pháp đưa đi Thượng Hải để giúp Tưởng Giới Thạch đàn áp cách mạng Cùng lúc đó báo L'Annam cùng một số anh em Trung và Bắc như anh Hà Huy Giáp, Trần Huy Liệu, tổ chức cuộc truy điệu Lương Văn Can vừa mới từ trần

Nhân những việc đó, nhất là việc đăng và giải truyền đơn xui binh lính bất tuân quân lệnh, làm lễ truy điệu Lương Văn Can và đăng trong báo những tài liệu về chủ nghĩa cộng sản; tôi, anh Hà Huy Giáp, anh Trần Huy Liệu và đô mười người khác trong đó có ông Nguyễn Huỳnh Điểu, nhà tư sản tiến bộ, chủ nhà in Bảo Tồn, bị bắt giam

Bị giam hơn nửa năm đến đầu mùa xuân năm 1928, vụ án đưa ra xử, tôi bị kết án 2 năm tù án treo, còn các đồng chí khác được tha bổng

Cần nhắc thêm là báo L'Annam bênh vực mạnh mẽ, quyên tiền giúp đỡ cuộc bãi khóa của học sinh hai Trường Quốc học và Đồng Khánh ở Huế (anh Võ Nguyên Giáp lúc ấy đang học ở Trường Quốc học), quyên tiền và giúp công nhân bãi công của đồn điền Phú Riềng (về sau, anh Trần Tử Bình lúc ấy làm việc ở đồn điền ấy, có nhắc lại)

Khi tôi ở tù được thả ra, Thống đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse đình trục xuất tôi ra Huế (là nguyên quán) nhưng sau nó thôi, vì nghe nói ở Huế học sinh đình tổ chức

đón tiếp nếu tôi bị trục xuất, cho nên tên Khâm sứ Trung Kỳ Graffeuil điện cho Blanchard de la Brosse đừng trục xuất tôi nữa

Vì thế khi tôi đệ đơn xin đi Pháp, Thống đốc Nam Kỳ chấp nhận ngay

Nhờ các anh em và các đồng chí quyên góp cho một số tiền khoảng hơn 300 đồng Đông Dương, cho nên tôi có thể mua vé tàu thủy hạng 3 để sang Pháp (chúng không chịu bán vé hạng bét (nằm trên boong) giá chỉ có hơn 100đ, là vì cùng chuyến đi sang Pháp lần ấy, có mấy trăm lính Việt Nam)

Ở nước ngoài

Sang Pháp, ở chung ở ngoại ô Pari (Gentilly, với một nhóm Việt kiều phần nhiều là người Nam Bộ, trong đó có công sản (anh Dương Bạch Mai) và có quốc gia (Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương) lúc đó hai người này chưa thành lập tờ báo Bon quốc gia (Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương) yêu cầu tôi chủ trì một tờ báo gọi là La Résurrection do họ đang sửa soạn cho ra Tôi từ chối, vì lúc đó, có đồng chí TongDong (bí danh của đồng chí Nguyễn Thế Thành) về và giục tôi chuẩn bị nhanh sang Nga Đồng chí giới thiệu tôi cho Đảng Pháp và sau một thời gian ở Pháp, tôi được đồng chí Tổng Bí thư Đảng Công sản Pháp lúc đó là đồng chí Sémard giới thiệu sang học Trường Đại học Công sản phương Đông (Université communiste des travailleurs de l'Orient) (đó là Trường Đảng của những người công sản phương Đông)

Tôi học ở đấy không đầy 1 năm thì được Đông phương Bộ của Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công sản đặc cách chuyển lên Ban nghiên cứu sinh của Viện nghiên cứu Khoa học các vấn đề dân tộc và thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công sản (Institut de recherche scientifique des problèmes nationaux et coloniaux près le Comité Exécutif de l'Internationale Communiste)

Là vì tôi học tiếng Nga nhanh và có trình độ văn hóa, mà lúc đó học sinh Việt Nam sang Liên Xô ngày một đông cho nên Quốc tế Cộng sản cho phép tôi được bồi dưỡng thêm để ở lại giúp đỡ cho lớp học sinh mới

Trong khi học và làm việc ở Trường Đại học Đông phương, tôi còn tham gia giúp việc cho Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế thanh niên phiên dịch tài liệu trong nước gửi sang ra tiếng Nga, phiên dịch tài liệu, văn kiện của quốc tế từ tiếng Nga ra tiếng Việt, viết bài về các vấn đề Việt Nam cho các báo và tạp chí của Pháp và của Quốc tế Cộng sản (báo l'Humanité, tạp chí La Correspondance Internationale và l'Internationale Communiste) Tham gia dự thảo bản chương trình hành động và bản cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương Tham gia dịch sách của Lênin ra tiếng Việt Ban Đông Dương, tiếng Nga là Indokitaiski cabinet là một Ban trong Viện nghiên cứu Khoa học các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Trưởng ban là một nữ đồng chí Nga tên là Vaxiliêva, cán bộ phụ trách về Đông Dương ở Quốc tế Cộng sản, tôi là Phó ban

Từ khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô để ở lâu (1934) công tác rất bận rộn, bởi vì đó cũng là lúc chuẩn bị cho Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản Tôi với đồng chí ở cùng một nhà

Sau Đại hội tình hình thay đổi nhiều Trước hết là có cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, Liên Xô và các Đảng anh em dồn sức giúp đỡ cho Mặt trận Bình dân Tây Ban Nha, và sau đó là Mặt trận Bình dân Pháp Mặt khác về phía Trung Quốc, chiến tranh xâm lược của Nhật Bản cũng ngày càng ác hết hơn, còn về phía châu Âu, Hítle ngày càng hung hăng, nguy cơ chiến tranh ngày càng cấp bách Cho nên sự lo lắng về vấn đề Việt Nam cũng đỡ hơn trước Các đồng chí Việt Nam lần lượt về nước (Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai)

Năm 1937, Quốc tế Cộng sản đã nhăm để đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi qua Pháp để về nước. Nhưng do những trở ngại nào đó, việc đó hoãn lại và đổi phương hướng, nghĩa là năm 1938, để đồng chí Nguyễn Ái Quốc qua đường Trung Quốc (là vì đồng chí biết Trung Quốc, và lại lúc đó Liên Xô đang giúp Tưởng Giới Thạch chống Nhật), nếu đồng chí đi lọt thì tôi và các đồng chí còn lại sẽ theo đường đó mà về.

Và quả thật đến năm 1939, tôi và hai đồng chí nữa được lệnh về nước qua đường Trung Quốc nhưng đi được nửa đường, khi đến Tây An, gặp các đồng chí đại biểu của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong đó có đồng chí Chu Ân Lai nói "Các anh đi về Việt Nam bây giờ thế nào được? Tưởng Giới Thạch đang tìm cách tiêu diệt chúng tôi. Các anh hãy đi vào vùng căn cứ của chúng tôi - Diên An, chờ khi nào có điều kiện thuận lợi hãy về". Như thế là họ thật tình có tinh thần trách nhiệm đối với Đảng ban.

Thế là chúng tôi phải theo họ vào Diên An, nơi có thể gọi là khỉ ho cò gáy, ăn ở sinh hoạt như Bát lộ quân, không biết bao nhiêu năm mới thoát khỏi, mà không làm trò trống gì có ích cho cách mạng, nghĩ mà chán và buồn.

Nhưng may thay tối hôm ấy tại Đại lễ đường Diên An có tổ chức một buổi biểu diễn văn công để chào mừng Chu Ân Lai và đoàn đại biểu Cộng sản mới về Diên An, chúng tôi cũng được mời đến đó. Thì tôi gặp mặt ngay đồng chí Vương Minh vốn là bạn thân của tôi ở Quốc tế Cộng sản. Đồng chí vui mừng ân cần hỏi thăm và biết được sự băn khoăn của tôi trong việc không phải đợi không biết bao giờ mới về nước, đồng chí nửa đùa nửa thật bày cho một cách, là dạy tiếng Nga cho sinh viên Trường Đại học con gái mà đồng chí là hiệu trưởng để họ dạy lại tiếng Tàu cho tôi.

Tôi chộp lấy đề nghị đó và đồng ý ngay. Thế là tôi đã trở thành Giáo sư Nga văn của Trường "Trung Quốc nữ tử Đại học" (thực ra đó là Trường Đảng dành cho nữ cán bộ), sau đó

vì tôi có tham gia giúp việc cho phong trào công sản quốc tế, đồng chí Vương Minh còn giao cho tôi phu trách Khoa Lịch sử cách mang thế giới

Hơn 5 năm trôi qua Năm 1945, khi chiến tranh kết thúc, tôi mới có cơ hôi về nước

Tháng 8 năm 1945, khi Nhật đầu hàng đồng minh, Mỹ xui Tưởng làm lành với Mao, cùng với Mao thành lập chính phủ liên hiệp (có lẽ để ngăn cản trước Liên Xô chăng?)

Mao Trach Đông, Chu Ân Lai và vài người nữa vôi bay ra Trùng Khánh để mở cuôc đàm phán với Nhật Ho báo chúng tôi: "Các đồng chí có thể về nước". Cùng với tôi có đồng chí Nguyễn Sơn, sang Trung Quốc từ lâu, đảng viên Đảng Công sản Trung Quốc, cũng xin đươc về Viêt Nam

Chúng tôi theo ho ra Trùng Khánh, để chờ đơi có dịp về Viêt Nam

Trong những ngày ở Trùng Khánh, chúng tôi đoc báo chí Trung Quốc (của phía Quốc dân Đảng) nói nhiều đến những sư kiên ở Viêt Nam - Cách mang tháng Tám, Hồ Chú tich, Chính phủ lâm thời Viêt Nam Dân chú Công hòa. Pháp đánh úp Sài Gòn

Môt hôm, Chu Ân Lai cho biết có môt ký giả Mỹ gốc Áo ở Viêt Nam sang Trùng Khánh, nếu các đồng chí muốn anh ta cho các đồng chí biết về tình hình hiên nay ở Viêt Nam thì sáng mai, tôi sẽ mời anh ta đến chỗ làm việc của tôi để các đồng chí nghe anh ta kể lại.

Sáng hôm sau chúng tôi gặp nhà báo Mỹ ấy Anh ta rất khen ngơi Hồ Chủ tich, khen trât tư an ninh nhanh chóng phuc hồi ở Hà Nôi Anh ta cũng nói hiên nay phe của Nguyễn Hải Thần đang tìm cách quấy rối

Chiều hôm ấy, các đồng chí Trung Quốc đưa cho chúng tôi xem môt số tap chí Mỹ Newsweek trong đó câu đầu của bài xã luân là:

"Tên thật của Chủ tịch Hồ Chí Minh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nguyễn Ái Quốc, người đã gửi bản yêu sách đến Hòa hội Vécxây năm 1919" Chúng tôi vui mừng reo lên Tối hôm ấy, trong lúc ăn cơm, Mao Trạch Đông hỏi chung tôi "Vị Chủ tịch nước các đồng chí là một phần tử tiến bộ hay phản động?" Chúng tôi liền trả lời

- Đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi

Họ cũng tỏ vẻ mừng

Về Hà Nội

Vài hôm sau, có mấy người Hoa kiều tiến bộ, có cửa hiệu ở Việt Nam và vài nước Đông Nam Á, nhân đưa chúng tôi về Hà Nội cùng họ, vẫn theo hộ chiếu Trung Quốc Đó là vào cuối tháng mười năm 1945

Về Hà Nội, khi qua cầu Long Biên nghe bọn lính gác người Trung Quốc nói Việt Nam Quốc dân Đảng có thể nổi loạn đêm nay, đồng chí Nguyễn Sơn có vẻ lo Đêm hôm ấy, chúng tôi ngủ tạm tại một khách sạn Hoa kiều ở phố Cửa Nam nghe bọn Hoa kiều trong khách sạn nói thường bọn cảnh sát Trung Quốc đem hay đến các khách sạn Hoa kiều lục soát Chúng tôi cũng đâm lo

Anh Nguyễn Sơn cả đêm không ngủ và nói rằng anh định trở sang Trung Quốc Tôi khuyên đã về đến nhà rồi mà còn muốn trở sang bên ấy làm gì Ta cứ liều ngủ đây một đêm, sáng sớm ta đi bắt liên lạc để nhanh nhanh cởi cái lốt người Hoa đi (vì trong mình còn mang hộ chiếu Trung Quốc), thì chẳng còn lo sợ gì hết

Anh ta yên lòng và sáng sớm chúng tôi đi phố, mục đích là để hỏi han may ra tìm gặp những người bà con quen thuộc cũ Rán đi đến bờ hồ Hoàn Kiếm, may sao thấy ở bức tường của Hội Khai Trí Tiến Đức cũ tờ áp phích với dòng chữ quảng cáo đỏ choét *Cơ giới phong cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương 22 Hàng Dầy*

Ngay lập tức chúng tôi phóng lên chiếc xe kéo (hồi ấy chưa có xích lô) và bảo kéo đến Hàng Đẫy Nhưng chú Vệ quốc quân gác ở cổng số nhà 22 Hàng Đẫy cho biết đó là Nhà in, còn Tòa soạn thì ở số nhà mấy Hàng Bồ Chúng tôi lại bảo người kéo xe kéo đến Hàng Bồ Đến đấy, thấy anh Nguyễn Minh (Minh bé) ở trong nhà đi ra miệng cười toe toét, ôm lấy tôi và hỏi anh về từ hồi nào?

Tôi bảo hãy đưa tôi đến tạm nghỉ một nhà nào rồi ta sẽ nói chuyện, thế là anh Minh đưa chúng tôi sang phố Hàng Ngang, đến nhà anh Trịnh Văn Bô (nay là nhà lưu niệm), đưa chúng tôi lên gác hai, còn anh ấy thì đến khách sạn trả tiền thuê buồng đêm hôm qua và lấy về hai va li áo quần của chúng tôi và báo với Trung ương Đảng có chúng tôi về

Đến chiều, đồng chí Trường Chinh (lúc đó gọi là anh Thân) đến, vui mừng Chúng tôi sung sướng được gặp đồng chí Tổng Bí thư

Các hôm sau, những anh khác cũng lần lượt đến thăm hỏi Anh Văn, anh Trần Quốc Hoàn, Trần Đăng Ninh, anh Cả, anh Trần Quốc Hương (giúp chúng tôi về sinh hoạt) Đô một tháng sau, anh Lê Đức Thọ, Lê Văn Lương trong Nam ra, cùng đến gặp

Tôi cũng rất vui mừng gặp lại các anh Bùi Công Trừng, Bùi Lâm, và rất ngậm ngùi khi được biết các đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai đã hy sinh

Sau khi về nước

Trước khi ra công khai

Hình như bọn mật thám Trung Quốc biết được có cán bộ Việt Nam ở Diên An mới về, Bác bảo với các anh đưa tôi ra ở ngoại ô (xưởng dệt bỏ trống ở Ô Chợ Dừa của Trịnh Văn Bô)

Vài hôm sau, tôi được phân công đi giảng chủ nghĩa Mác - Lênin ở các khóa đầu của Trường Nguyễn Ái Quốc Khóa Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai.

lấy đình Vạn Phúc ở Hà Đông làm giảng đường, mỗi khóa được chừng vài trăm đồng chí, còn anh Nguyễn Sơn được cử vào Nam

Sau khi ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, bọn lính Tàu và bè lũ Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội kéo nhau về Trung Quốc, thì tôi được ra công khai, các anh thấy nên đưa tôi lên ở trên phố - nhà Trịnh Văn Bô ở Hàng Ngang cho tiện việc đi lại vì tôi có thể giúp đỡ các anh trong một vài công việc

Sau khi ký Hiệp định sơ bộ 6/3 thì các lớp Nguyễn Ái Quốc cũng tạm giải tán, nhưng phải tăng cường hoạt động của Đảng về mặt thông tin tuyên truyền. Đó cũng là lúc ta sửa soạn tiến tới cuộc đàm phán Phôngtennơblô

Đảng giao cho tôi phụ trách tờ báo bằng tiếng Pháp Le peuple "Tất cả toà soạn chỉ có một mình tôi và anh thư ký tòa soạn. Tôi vừa là chủ nhiệm vừa là chủ bút phụ trách và tự viết lấy ba mục của tờ báo: 1- Các bài xã luận, 2- Mục châm biếm gọi là Nos epingles những bài đả kích với giọng khôi hài nhằm vào bọn thực dân, đế quốc, bọn Việt gian, bù nhìn, dưới bí danh Mia Mai, 3- Các chuyện cổ tích tiếu lâm, như trạng Quỳnh, trạng Lợn. Còn anh thư ký tòa soạn là một cán bộ mới nguyên là một tiểu công chức có trình độ trung học đi xin bài và liên lạc với nhà in Minh Sang

Bọn sinh viên và lính Pháp rất thích đọc Le peuple. Tờ báo chỉ phải bỏ tiền ra thuê in (nhà in Minh Sang là một nhà in của tư nhân) và không tốn một đồng xu cho chủ nhiệm, chủ bút và những người có viết bài đăng báo. Anh thư ký tòa soạn có được trả lương tháng không. Điều đó tôi không biết

Còn về báo chí tiếng Việt thì đồng chí Trường Chinh giao cho tôi trách nhiệm viết cho mục "tình hình quốc tế" của báo Sự thật cơ quan Trung ương của Đảng

Mỗi một số, ở mục "tình hình quốc tế" đều có bài của tôi với bí danh là Trần Quốc Bảo thỉnh thoảng tôi cũng viết bài cho báo Cứu quốc

Sau khi ra công khai

Tháng 9 năm 1946, sau khi Hội nghị Phôngtennơblô thất bại vì thực dân Pháp ngoan cố không chịu thừa nhận những quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và chuẩn bị xâm lược lại nước ta, Hồ Chủ tịch từ Pháp về nước, chúng ta phải chuẩn bị lực lượng Lợi thế của chúng ta lúc này, trước mắt ta chỉ còn có một tên địch, tức là thực dân Pháp, bọn đồng minh phản động lần lượt đã rút về nước chúng quân Tưởng, quân Anh, bọn Việt gian và tay sai của Tàu và cái gọi là Nam Kỳ đế quốc của thực dân Pháp ở miền Nam Việt Nam

Nhưng mặt khác ta có thế yếu là số quân Pháp đóng trên đất nước ta rất đông, chúng lại có ưu thế về kỹ thuật như xe tăng trọng pháo, phi cơ mà chúng ta thì hầu như không có gì hết, quân đội nhân dân mới thành lập, bộ phận hậu cần còn non yếu và thiếu thốn về nhiều mặt

Những ý đồ xâm lược của địch ngày càng rõ, chúng cố ý làm cho đàm phán hòa bình phải thất bại để áp đặt chiến tranh xâm lược cho ta, vả lại đó cũng là âm mưu của bọn đế quốc quốc tế sau khi tập trung sức lại để phá Cách mạng tháng Tám nhưng phá không nổi thì chúng dồn sức vào một tên trong bọn chúng - đế quốc vốn là tên thực dân đã thống trị Việt Nam, bây giờ với danh nghĩa là kẻ chiến thắng có quyền lấy lại những thuộc địa đã mất vào tay Nhật, như vậy chúng cho là sẽ thành công Chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp chống Việt Nam năm 1946 là một bộ phận của kế hoạch chống cộng, ngăn chặn và hạn chế chủ nghĩa xã hội ở phía châu Á của Mỹ và khối Nato nhất là sau khi Nhật Bản bị thất bại và các thuộc địa của bọn thực dân châu Âu hầu hết giành lại độc lập

Nhưng Cách mạng tháng Tám thành công vẻ vang, bọn đế quốc và các thế lực phản động chưa lại không phá nổi, thì

cuộc chiến xâm lược của đế quốc Pháp nhất định sẽ thất bại

Bác Hồ, Trung ương Đảng và nhân dân ta tin tưởng như vậy, và theo lời kêu gọi của Bác, cả nước từ Bắc chí Nam đoàn kết chung quanh Bác Hồ, đứng dậy chống Pháp. Đồng thời Bác và Trung ương cũng nói cho dân biết cuộc kháng chiến sẽ khó khăn và phải trường kỳ, nhưng nhất định thắng lợi. Vì vậy, Quốc hội được triệu tập, cái tổ lại chính phủ - không phải là chính phu liên hiệp và lâm thời nữa, mà là chính phủ kháng chiến của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có trách nhiệm tổ chức lực lượng để chuẩn bị cho các bộ các cơ quan đầu não và các cơ sở sản xuất quan trọng phải dời đi các nơi an toàn chỉ để lại bộ phận tối thiểu để đảm bảo công việc hằng ngày. Sau khi hiến pháp - được dự thảo sau cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ngày 6/1/1946 được phê chuẩn, chính phủ mới được bầu ra.

Nhưng chính phủ mới chỉ thành lập được hơn một tháng thì chiến tranh đã nổ ra. Đêm 19 tháng 12 năm 1946, quân Pháp mở cuộc tấn công ào ạt thủ đô. Nhưng mấy ngày trước đó, do chính sách khiêu khích của chúng ngày càng trắng trợn, chúng ngang ngược chiếm cơ quan này đến cơ quan khác của ta, dùng đại bác đánh phá và sát hại dân chúng các khu phố ở thủ đô, ở Hải Phòng và các nơi khác.

Về công tác giáo dục

Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên ngày 6/1/1946 bầu ra Chính phủ mới. Tôi được cử vào Chính phủ giữ chức Thứ trưởng. Hồ Chủ tịch giao cho tôi cùng với Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên xây dựng ngành giáo dục, chức vụ này tôi giữ mãi cho đến năm 1965. Bộ Quốc gia giáo dục lúc đó là cơ quan giáo dục của Chính phủ bù nhìn để lại, từ những người lãnh đạo cho đến nhân viên hành chính là những người đã làm với thực dân Pháp về công tác giáo dục. Lẽ tất nhiên những người lãnh đạo như bộ trưởng, thứ trưởng đều bị phế truất, còn những công chức, nhân viên hành chính và

chuyên viên thì họ vẫn tiếp tục làm việc như cũ Cán bộ của Bộ Quốc gia giáo dục trừ tôi ra không có ai là đảng viên Tôi bèn lấy hai đồng chí cán bộ hành chính ở cơ quan khác điều đến thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên ở Bộ Quốc gia giáo dục (1947), Công đoàn giáo dục và Đảng đoàn giáo dục (1950) Hằng năm lấy ngày 20-11 làm ngày nhà giáo Việt Nam

Chính phủ mới chỉ thành lập được hơn một tháng thì đêm ngày 19/12/1946 chiến tranh bùng nổ khắp cả nước Quân Pháp mở cuộc tấn công ồ at thủ đô, ta tam sơ tán ra ngoại thành Ít lâu sau Bác Hồ và Chính phủ lấy Việt Bắc làm căn cứ địa, giữ vững vùng nông thôn và miền núi, tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang để tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Mặc dù địch đánh phá nhưng công tác giáo dục vẫn tiếp tục chạy đều Một chỉ thị của Bác về việc phát triển giáo dục trong kháng chiến làm tôi vô cùng phấn khởi và ra sức lo lắng làm đúng lời Bác dạy Hai ngày sau khi sơ tán ra ngoại thành, Bác gửi cho tôi mảnh giấy tư tay Bác đánh máy trong đó chỉ có mấy câu nhưng nó đã trở thành một đường lối *"Phải kết hợp học với hành, một ngày chia làm hai buổi buổi sáng học chữ ở lớp, buổi chiều học sinh giúp gia đình trong công việc sản xuất ở đồng ang"*

Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên và tôi, hai anh em thảo ra một bản chỉ thị phổ biến chủ trương đó cho các trường phổ thông trong cả nước

Khi mới sơ tán năm 1946, tôi xin phép Trung ương lập ra một trường đại học chính trị đầu tiên mà học viên là những trí thức trẻ tuổi, tiến bộ thuộc Đoàn Thanh niên cứu quốc được triệu tập về học. có trình độ trung học tú tài cũ trở lên và học thêm 3 thứ tiếng nước ngoài Anh, Trung, Nga.

Lớp đầu gồm 30 người, mục đích là để đào tạo họ thành những cán bộ có khả năng sau này giúp vào công tác đối ngoại Trường đóng quá xa - ở bản Cóc sâu trong miền núi

Tuyên Các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp đều muốn đến giang nhưng xa quá, nên với sự giúp đỡ của bộ phận cận vệ của phủ Thủ tướng, trường dời đến xã Cù Vân nhưng chẳng may chỗ ấy trước kia là nơi sơ tán của lính Pháp đầu hàng ta, địch đã biết nên mấy hôm sau địch đến ném bom dữ dội Hôm ấy đồng chí Trường Chinh đến giảng nhưng rất may là anh không việc gì Ba, bốn anh em sinh viên hy sinh, trường giải tán

Năm 1949-1950, tôi đề xướng với Bộ thành lập Trường Cao đẳng Mỹ thuật kháng chiến và tập hợp một số anh em văn nghệ sĩ gồm 28 học viên về học, cử hai họa sĩ Tô Ngọc Vân và Trần Văn Cẩn phụ trách

Năm 1951-1952, để bảo toàn lực lượng trí thức và chuẩn bị phát triển mạnh sau khi kháng chiến kết thúc, tôi cho tập hợp một số anh em trẻ và có trình độ tự nhiên cao (toán, lý) thành lập trường khoa học cao cấp có cả bậc đại học, gồm Trường Sư phạm cao cấp và Trường Khoa học cơ bản Vì cần một khu học xá mà tìm không có nơi nào thích hợp, tôi xin phép Bác thương lượng với Trung Quốc chuyển khu học xá sang địa phận của họ Được sự đồng ý của Trung Quốc, cuối năm 1951 khu học xá đã được thành lập, trực thuộc Bộ Quốc gia giáo dục và chuyển sang một vùng nông thôn của người Choang gần thành phố Nam Ninh tỉnh Quảng Tây ở Trung Quốc Khu học xá này là trường đại học thứ hai của nước ta được xây dựng ở ngoài kháng chiến

Năm 1953, tôi đề xướng với Bộ tổ chức Trường Sư phạm miền núi trung ương Trường đặt cùng khu với Bộ ở Lang Quán, Tuyên Quang

Năm 1955, ba trường trên chuyển về Hà Nội Mặc dầu công việc của Bộ rất bận rộn nhưng tôi cũng trực tiếp làm hiệu trưởng trong hai năm Ban đầu trường chỉ đào tạo giáo viên cấp I rồi tiến nhanh lên đào tạo giáo viên cấp II Số giáo sinh từ 100 em của 6 dân tộc sau lên đến 810 em của

32 dân tộc trong cả nước từ Bắc chí Nam Trong hai năm đầu tôi làm hiệu trưởng cùng với anh Lê Văn Giang, Vụ trưởng Vụ Đại học chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục, tôi để ra mỗi tuần hai buổi một buổi lên lớp cho các thầy về cách giảng dạy ở các trường có con em dân tộc, một buổi gặp gỡ cán bộ và giáo sinh Để các em đỡ nhớ nhà, tôi nhân tất cả các em làm con nuôi và chăm sóc tận tình, ưu tiên các em về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần Khi về Hà Nội, các em ở một trường tốt nhất là Trường Nguyễn Trãi nằm ở phố Phan Đình Phùng Giữa năm 1956, trường được vinh dự đón Bác Hồ về thăm. Trường Nguyễn Trãi đẹp, sạch lại ở giữa thủ đô nhưng vì giáo sinh đông quá nên tôi bàn với Bộ xây một trường bằng gạch ở Láng có đầy đủ cả hội trường, thư viện, phòng thí nghiệm, có sân vận động thể dục thể thao, có đội bóng, xưởng hoa, nhà nghỉ cho khách đến thăm trường (như bố mẹ giáo sinh) Cho các em tổ chức đội văn công nghiệp dư với dàn nhạc cụ để khai thác vốn văn nghệ truyền thống Đội văn công của trường thường đi biểu diễn và có lần đã đứng thứ ba sau Đoàn văn công trung ương và Đoàn văn công quân đội Trường may cho các em mỗi năm hai bộ quần áo dân tộc để các em mặc những ngày lễ hoặc có khách đến thăm trường Nâng mức ăn của các em lên 18 kg gạo một tháng Nghỉ hè cho các em đi tham quan các cơ sở văn hóa, các bảo tàng ở thủ đô và các tỉnh; nghỉ mát ở các bãi biển Nhưng về mặt chất lượng đào tạo tôi cương quyết không cho các em được hưởng một ưu tiên nào Học sinh vào lớp cũng như ra trường phải bằng trình độ với học sinh cả nước Quan niệm này lúc đầu cũng khó thuyết phục được mọi người nhưng rồi cũng làm được Hiệu trưởng chính luôn có mặt và gắn bó với trường, điều hành mọi công việc của trường là anh Đặng Nghiêm Van, sau là giáo sư nghiên cứu dân tộc và tôn giáo của Viện Dân tộc học và Tôn giáo của Uỷ ban Khoa học xã hội Năm 1961, tôi tạm rời Bộ Giáo dục và chuyển sang làm Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa đối ngoại Thời gian này tôi thường đi công tác nước ngoài Lúc

về tôi nghe tin trường giải tán về địa phương Trường tồn tại được 9 năm (1953-1961) và đã đào tạo được 2000 giáo viên Nếu trường này được chuyển lên đại học mà vẫn ở lại thủ đô thì đẹp và có ý nghĩa biết bao! Thật đáng tiếc vô cùng Lớp giáo viên đào tạo sau khi tốt nghiệp ở Trường Sư phạm miền núi trung ương đã tỏa về núi rừng quê hương định cư của mình để lập thành một hệ thống trường phổ thông Cũng có một số em giữ những chức vụ quan trọng trong các ngành các cấp của Đảng và chính quyền địa phương như bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch tỉnh, huyện, giám đốc, phó giám đốc sở giáo dục miền núi, hiệu trưởng các trường cao đẳng sư phạm, hoặc trở thành nhà khoa học như Giáo sư Cầm Trọng nghiên cứu về dân tộc của Viện Dân tộc học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam

Ngoài vấn đề trên, chúng ta còn phải lo xây dựng ở vùng tự do những trường trung học chuyên khoa như Chu Văn An ở Việt Bắc, Trường Huỳnh Thúc Kháng ở liên khu IV Những trường trung học đã tạo nguồn sinh viên cho đại học, trong đó có Trường Đại học Y Dược được khôi phục sớm nhất Năm 1947, qua hai lần sơ tán lên Vận Đình Hà Tây rồi lên Chiêm Hóa Tuyên Quang, mặc dù địch đánh phá nhảy dù xuống Bắc Cạn định tiêu diệt cơ quan đầu não của ta, nhưng trường vẫn đảm bảo an toàn Không những thế còn đạt được những thành tích xuất sắc trong việc đào tạo cán bộ và phục vụ chiến trường Tiếp theo là mở lớp toán đại cương theo chương trình năm thứ nhất đại học dù chỉ có một mình Giáo sư Nguyễn Thúc Hào ở Nghệ An và Giáo sư Nguyễn Xiển ở Việt Bắc Năm 1947-1948, tôi trực tiếp làm Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ một năm Năm 1954, trường dời về Gia Lâm Hà Nội Trường có 4 khoa: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Đức Hóa Năm 1951-1954, mở trường dự bị đại học và Trường Sư phạm cao cấp ở Thanh Hóa, Hiệu trưởng là Giáo sư Trần Văn Giàu, Hiệu phó là Giáo sư Đặng Xuân Thiều

Sau ngày hòa bình lập lại, ở vùng bị chiếm cũ chẳng có gì để chúng ta tiếp quản nên chúng ta phải xây dựng lại tất cả. Những trường đã có sẵn từ trong kháng chiến được chuyển về Hà Nội như Trường Đại học Y Dược, Trường Khoa học cơ bản và lớp dự bị đại học. Và trên cơ sở đó tổ chức lại những trường mới. Trường Y Dược về sau tách thành hai trường riêng Trường Y và Trường Dược, Trường Khoa học cơ bản và lớp dự bị đại học được tổ chức thành hai trường mới là Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp. Cùng năm 1956, ta mở Trường Đại học Bách khoa và không bao lâu sau lại mở Trường Kinh tế tài chính nay là Trường Đại học Kinh tế kế hoạch.

Đế quốc Mỹ đánh phá ra miền Bắc ngày càng ác liệt. Để bảo đảm an toàn cho các cháu thiếu nhi của trường con em cán bộ miền Nam ra tập kết đặt ở Hải Phòng, ta đã có chủ trương kịp thời, nhờ hai nước bạn là Cộng hòa Dân chủ Đức và Tiệp Khắc nuôi dạy các cháu. Năm 1958, khi có dịp sang công tác tại hai nước này, tôi đến thăm thầy và trò của trường.

Ở Bộ Giáo dục có Vụ Giáo dục dân tộc thiểu số, Vụ Sư phạm, Vụ Văn hóa nghệ thuật, Ban Mẫu giáo và Ban Văn Sử địa tôi thành lập năm 1950, sau gọi là Ban Văn - Sử - Địa đặt ở Văn phòng Trung ương Đảng, rồi chuyển sang Bộ Giáo dục năm 1954 và chuyển sang Ủy ban Khoa học Nhà nước khi Uỷ ban này thành lập năm 1959. Ban Văn - Sử - Địa là manh nha của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam sau này.

Trong Bộ Giáo dục tôi phụ trách cả công tác bình dân học vụ. Tôi đặt ra cho Nha Bình dân học vụ chương trình bổ túc văn hóa cho những người đã biết đọc, biết viết để tiến tới thành lập ở những nơi có điều kiện những trường phổ thông công nông hoặc như Bác gợi ý gọi là trường phổ thông lao động.

Tôi rất phấn khởi làm công tác giáo dục trước hết là vì được Bác chỉ đạo thường xuyên. Ở sơ tán trên Việt Bắc, mỗi

lần họp Hội đồng Chính phủ Bác đều bắt chúng tôi báo cáo về công tác giáo dục Bác khen những cái làm đúng, chê trách khá nghiêm khắc những cái không tốt cán bộ cũ của ngành giáo dục hay dùng danh từ chữ Hán đầy rẫy trong sách giáo khoa như đồ dùng dạy học thì gọi là "giáo cụ trực quan", năm học thì gọi là niên khóa, trường học thì gọi bằng học đường mỗi lúc Bác nghe, Bác chỉnh cho nên thân

Các anh ở Trung ương anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp rất quan tâm đến giáo dục Có lần vào năm 1949 tôi ngỏ ý với anh Trường Chinh muốn tiến hành một cuộc cải cách giáo dục thì anh khuyên "Đúng nhưng phải thận trọng, làm từ từ, đừng tốc bất đạt" chính là lời anh nói bởi vì công tác giáo dục về mặt phương pháp là do kinh nghiệm của nhiều thế hệ đề lại Còn anh Võ Nguyên Giáp thì rất thiết tha với công việc rèn luyện tư tưởng quan điểm lập trường Mác - Lênin cho thanh niên học sinh cũng như quân đội

Tôi là Thứ trưởng anh Nguyễn Văn Huyên là Bộ trưởng Đứng về mặt chính quyền bao giờ tôi cũng nhường quyền quyết định cho anh Huyên, nhưng mặt khác, tôi là Bí thư Đảng đoàn, về đường lối tôi là đại diện của Trung ương Đảng cho nên bao giờ có những vấn đề liên quan đến đường lối chính sách của Đảng, tôi cũng có thuyết phục anh Huyên kỳ thực hiện

Công việc có ý nghĩa chung là đề án cải cách giáo dục năm 1950-1951 được Trung ương Đảng, Bác Hồ, Quốc hội, Hội đồng Chính phủ nhất trí ủng hộ và phê duyệt Cuộc cải cách giáo dục đầu tiên năm 1950-1951 ở Việt Nam từ giáo dục có tính chất thực dân sang giáo dục dân chủ nhân dân với ba phương châm "dân tộc, khoa học, đại chúng" theo như đề cương văn hóa của Đảng năm 1943 Dự án cải cách giáo dục ra đời với hệ thống trường phổ thông chín năm (vào đại học phải học thêm một năm dự bị) với sự liên quan mật thiết và quy theo một đường lối chỉ đạo duy nhất của

ngành học phổ thông, bình dân và chuyên nghiệp Việc cải cách đại học cũng được đặt ra và theo tinh thần mới học đi đôi với hành, nâng cao trình độ văn hóa, kết hợp với lao động sản xuất, động viên phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, tất cả các môn học ở cấp tiểu học, trung học, đại học đều được giảng dạy bằng tiếng Việt Việc giảng dạy bằng tiếng Việt ở tất cả các cấp từ phổ thông đến đại học đã có một tiếng vẻ vang Tháng 12/1958, Chính phủ Ấn Độ mời tôi sang để trao đổi về văn hóa giáo dục trong đó có kinh nghiệm của Việt Nam về giảng dạy tiếng mẹ đẻ ở các cấp học

Cuộc cải cách giáo dục năm 1950 có tính chất toàn diện Ngoài ngành giáo dục phổ thông nó còn xây dựng hệ thống bổ túc văn hóa và hệ thống giáo dục cao đẳng Bổ túc văn hóa được tiến hành song song với việc tiếp tục thanh toán nạn mù chữ Hệ thống bổ túc văn hóa cũng dựa theo hệ thống trường phổ thông trong việc chia cấp học nhưng với chương trình có khác với trường phổ thông là vừa học vừa làm là chính nhưng cũng có mở những trường học văn hóa tập trung cho cán bộ (trường phổ thông lao động)

Mùa hè năm 1950 Bộ tổ chức trại tu thư ở xã Đào Giã huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ và tập hợp hơn 30 giáo viên giỏi về trại biên soạn sách giáo khoa mới cấp I, II, III Ngày 1/8/1950 nhân trại tu thư của Bộ Quốc gia giáo dục họp, tôi có đến góp vài ý kiến về công tác soạn sách và tài liệu giáo khoa

Sau hơn một năm tiếp quản, năm 1956 ngành giáo dục thực hiện một cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai, gồm hai bước

- Bước thứ nhất Sát nhập hệ thống giáo dục ở vùng giải phóng vào hệ thống giáo dục của ta và nâng thời gian học ở bậc phổ thông lên 10 năm Chương trình học các cấp được cải tiến, sách giáo khoa được soạn lại

- Bước thứ hai Bãi bỏ chế độ trường tư thục, biến trường

tư thục thành trường dân lập. Cuộc cải cách này chúng ta đã thực hiện nhanh gọn không gây một xáo trộn lớn nào trong ngành giáo dục phổ thông[1]. Đồng thời việc cải tổ hệ thống giáo dục phổ thông ta đề ra kế hoạch thanh toán nạn mù chữ trong hai năm (1956-1958).

Sở dĩ đinh ra được kế hoạch trên là vì số người mù chữ ở vùng đồng bằng cũng như vùng tự do tỉ lệ người mù chữ còn rất ít, phần nhiều chỉ còn ở vùng địch chiếm cũ. Đồng thời với kế hoạch thanh toán nạn mù chữ, chúng ta phát động phong trào bổ túc văn hóa rộng rãi nhằm nâng cao trình độ văn hóa của công nhân, nông dân, chiến sĩ quân đội và cán bộ công nhân viên các ngành[2]. Hình thức học tại chức vẫn là hình thức chủ yếu, nhưng hình thức học tập tại trung cũng được phát triển mạnh. Các trường bổ túc công nông và phổ thông lao động cũng được mở rộng ra. Phong trào học tập mạnh mẽ cũng được phát động trong nhân dân. Các tỉnh lần lượt thanh toán xong nạn mù chữ, trong đó có những tỉnh có điều kiện phức tạp về địa lý, về kinh tế, về người như tỉnh Ninh Bình đã thanh toán nạn mù chữ trước tiên, khích lệ các tỉnh khác. Đến năm 1958 theo đúng kế hoạch nạn mù chữ đã căn bản được hoàn thành ở vùng đồng bằng miền Bắc nước ta. Đó là một thắng lợi lớn trong sinh hoạt văn hóa ở miền Bắc nước ta. Nó đã góp phần vào việc đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp và giúp nâng cao giác ngộ chính trị của nhân dân. Phong trào thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa sở dĩ có được sức mạnh và đã đưa lại những kết quả tốt đẹp cho nên Đảng và Chính phủ thấy đó là một tiền đề rất quan trọng cho việc tiến hành về sau này cuộc cách mạng tư tưởng, cách mạng văn hóa kỹ thuật. Với việc xóa nạn mù chữ cho mấy triệu đồng bào, với việc đẩy mạnh bổ túc văn hóa cho nhân dân lao động, nền giáo dục của ta trong giai đoạn quá độ từ sau ngày hòa bình

1. Cuốn *20 năm xây dựng giáo dục* của tác giả tr. 34, 35. Nxb Giáo dục Hà Nội, 1965.
2. Cuốn *20 năm xây dựng giáo dục* của tác giả tr. 36, 37, 38, 39.

lập lại đến khi bước sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa đã tỏ ra tính hơn hẳn của nó

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng to lớn của công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hết lòng hết sức ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam, Đảng đã quyết định tiến hành một cuộc cải cách lần thứ 3 trong ngành giáo dục nhằm phát huy đầy đủ và triệt để tác dụng của nó trong sự nghiệp cách mạng

Trong hai, ba năm nay với sự phối hợp và giúp đỡ của các ngành các giới, ngành giáo dục đã tích cực chuẩn bị cuộc cải cách đó và hiện nay việc chuẩn bị đã căn bản hoàn thành và từ năm học 1965-1966 nó bắt đầu được thực hiện Tuy cuộc cải cách tiến hành trong ngành giáo dục phổ thông nhưng nó có quan hệ khăng khít với cả ngành bổ túc văn hóa và ngành đại học chuyên nghiệp Thực ra cuộc cải cách giáo dục lần này là một quy hoạch phát triển lâu dài 15-20 năm của toàn bộ công tác giáo dục, bao gồm mục đích, phương hướng, phương châm, nội dung chế độ và biện pháp giáo dục trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc[1]

Ý nghĩa chính trị của cuộc cải cách lần này là xác định mục đích của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Như Đại hội Đảng đã nhận định giáo dục phải "Nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ Nhà nước" Đường lối giai cấp trong giáo dục chính là ở chỗ đó Trong xã hội ta, chế độ người bóc lột người đã bị xóa bỏ Kẻ làm chủ không phải là ai khác mà là nhân dân lao động Đó là công nhân, là nông dân hợp tác xã, là trí thức xã hội chủ nghĩa, là những người tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội, những người tự làm ra và điều khiển đời sống của mình Những người làm chủ của xã hội trước hết là những người tuyệt đối trung thành với chế độ, gắn bó với chế độ, sẵn sàng đưa hết trí lực và thể lực, hết lòng hết sức phục vụ chế

1 Trong cuốn *20 năm xây dựng giáo dục* của tác giả trang 107

đó "Mỗi người chúng ta, bất kỳ ai, làm việc gì, ở cương vị nào, đều phải là những chiến sĩ dũng cảm của sự nghiệp vẻ vang ấy" (Hồ Chủ tịch)

Cuộc cải cách lần này, về ngành giáo dục phổ thông còn nhằm làm cho mỗi trẻ em, trong giai đoạn hiện nay, ít nhất đều học hết cấp I, có trình độ tiểu học và trên cơ sở đó, đến hết kế hoạch 5 năm lần thứ hai, hoặc chậm hơn một ít, có thể phổ cập cấp II cho toàn dân Một điểm cần nói rõ là chúng ta chủ trương đại đa số học sinh cấp II đến tuổi lao động phải được trang bị những kiến thức kỹ thuật cần thiết để học hết cấp, có thể trở thành người lao động có văn hóa và có kỹ thuật

Như vậy hoàn toàn không có nghĩa là học sinh học hết cấp II không có triển vọng học lên nữa Họ có thể và nhất định phải tiến lên cấp III bằng cách vào trường cấp III phổ thông chính quy hoặc bằng cách học bổ túc văn hoá tại chức Cấp III cũng là cấp mà học sinh cần có những kiến thức khoa học kỹ thuật và những kỹ năng cần thiết để có thể trở thành người lao động tốt, có trình độ tương đối cao[1], nhưng mặt khác cũng có thể tiếp tục học lên đại học cũng theo hai con đường hoặc vào trường đại học ban ngày dài hạn, hoặc theo hình thức tại chức, gửi thư hay chuyên tu

Vì vậy, cuộc cải cách lần này phải thể hiện được sự kết hợp giữa nhu cầu trước mắt và nhu cầu lâu dài giữa thiết thực và dề cao Trong khi phục vụ tốt những yêu cầu trước mắt thì phải nghĩ đến và chuẩn bị để phục vụ những yêu cầu lâu dài Trong khi xuất phát từ cái thiết thực thì không quên phấn đấu để nâng cao chất lượng cho học sinh có một cơ sở văn hóa vững chắc

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) đề ra cho các ngành giáo dục ở miền núi nhiệm vụ " tiến tới căn bản xóa nạn mù chữ cho đồng bào miền núi từ 12 đến 40 tuổi, phát triển giáo dục phổ thông (nhất là cấp I, cấp II) giáo dục

1 *20 năm xây dựng giáo dục* trang 111

chuyên nghiệp và bổ túc văn hóa cho cán bộ Kết hợp dạy chữ phổ thông và dạy chữ dân tộc, sử dụng tốt các chữ dân tộc, để nâng cao nền văn hóa các dân tộc Ra sức đào tạo cán bộ chủ yếu là về các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, địa chất; chú trọng đào tạo thợ làm các nghề rèn, mộc, xây dựng . cho các vùng dân tộc thiểu số[1]

Trong ba năm qua sự nghiệp giáo dục ở miền núi đã hướng vào nhiệm vụ ấy và đã đạt được những thành tích quan trọng Công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa đã tiến thêm một bước Trên 20 vạn người trong đó có 23.000 cán bộ, đảng viên và thanh niên tích cực đã thoát nạn mù chữ. Hiện nay đã có 5 tỉnh miền núi. Hòa Bình, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn đã căn bản thanh toán nạn mù chữ Đặc biệt có ba xã người Mèo ở vùng cao thuộc tỉnh Lào Cai và tỉnh Hà Giang đã xóa nạn mù chữ bằng chữ của dân tộc mình Từ 8 đến 15 vạn người đã theo học các lớp bổ túc văn hóa cấp I, cấp II, nhờ đó khá đông đảo cán bộ chủ chốt ở xã và hợp tác xã ở vùng thấp đã có trình độ lớp 2, lớp 3. Các trường thanh niên dân tộc đã phát triển ở nhiều nơi Tính đến cuối năm 1963 đã có 61 trường gồm 5 155 học sinh. Các trường ấy đã đào tạo cho địa phương 1 135 thanh niên có trình độ văn hóa cấp I, cấp II để tăng cường cho hợp tác xã hay để tiếp tục đào tạo thành cán bộ kỹ thuật

Ý nghĩa thực tiễn của những thành tích giáo dục là đã góp phần củng cố quyền tư trị của các dân tộc thiểu số và cải tiến bộ mặt lạc hậu lâu đời về kinh tế và văn hóa của miền núi Các bản mường ngày nay đã đổi mới Sách báo đã về tận các làng bản hẻo lánh

Việc phát triển giáo dục ở miền núi hiện nay có một ý nghĩa chính trị to lớn. Tất cả các công tác ở miền núi nói

1 Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất Nxb Sự thật, H 1963

chung, công tác giáo dục nói riêng phải phục vụ được nhiệm vụ trung tâm của Đảng là tăng cường tình đoàn kết dân tộc Để thực hiện chủ trương đưa miền núi tiến kịp miền xuôi mà Đảng đã đề ra thì việc phát triển văn hóa và đào tạo cán bộ miền núi là những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng Trong 10 năm qua, chúng ta đã thu được một số thành tích nhất định trong việc chấp hành hai nhiệm vụ đó Nhưng so với nhu cầu hiện nay so với khả năng thì việc phát triển giáo dục ở miền núi chưa tiến hành với một quy mô và tốc độ đúng mức Vì vậy cần có một sự chuyển biến mạnh mẽ, kiên quyết trong việc phát triển giáo dục ở miền núi

Đó là những nét chính của cải cách giáo dục lần thứ ba này

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, một lòng một dạ phục vụ đường lối chính trị của Đảng, ra sức góp phần với toàn dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất nước nhà, ngành giáo dục sẽ lớn lên nhanh chóng cùng với những thắng lợi to lớn của cách mạng Cách mạng Việt Nam đang tiến những bước vô cùng nhanh chóng, to lớn, vững chắc Ngành giáo dục cũng đang đứng trước một triển vọng phát triển hết sức rộng lớn

Về công tác văn hóa đối ngoại

Năm 1960, tôi được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài Trong thời gian này có đi công tác mấy lần ra nước ngoài và ký với họ hiệp nghị hợp tác văn hóa

1 Ký với Bộ trưởng Văn hóa Liên Xô Mikhailốp Hiệp nghị hợp tác Việt - Xô

2 Đi (cùng với Bộ trưởng Ngoại giao Ung Văn Khiêm) sang Algêrie, Tuynidi, Marốc, Ghinê, Mali, Nigiê (1961) Ký với Mali và Nigiê hợp tác văn hóa, giáo dục với Ghinê và Mali

3 Ở Việt Nam (1962) ký với đoàn đại biểu Lào (Phumi Nôsavắn) hợp tác văn hóa

Về công tác khoa học xã hội

Năm 1959, khi thành lập Ủy ban Khoa học Nhà nước, tôi được cử làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban, phụ trách khối khoa học xã hội, đồng thời vẫn kiêm nhiệm chức Thứ trưởng Bộ Giáo dục, Chủ tịch Ủy ban Thiếu niên nhi đồng Trung ương Năm 1965, khi Ủy ban Khoa học Nhà nước tách ra làm hai, tôi được cử làm Viện trưởng Viện Khoa học xã hội, sau đổi tên lại là Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam

Khi Ủy ban Khoa học xã hội mới thành lập, Ban lãnh đạo chỉ có 3 người tôi, Chủ nhiệm, và 2 phó chủ nhiệm là đồng chí Trần Huy Liêu và đồng chí Trần Phương

Khi Ủy ban mới thành lập, nên viện chỉ có hai viện đã có sẵn trước Viện Sử và Viện Văn, còn các ngành khác chỉ là ban, nhập lại với viện này hay viện kia

Cũng là những năm khó khăn và gay go về vật chất, vì đế quốc Mỹ bắt đầu đánh phá ra miền Bắc Còn về trụ sở thì khi chia Ủy ban Khoa học Nhà nước ra thành đôi, người ta chỉ dành cho khoa học xã hội Viện Đo lường của Ủy ban Khoa học kỹ thuật, ở 27 Trần Xuân Soạn nay là trụ sở của Ủy ban Khoa học xã hội

Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, Ủy ban đã phải sơ tán hai lần Tuy vậy công tác vẫn phát triển, mặc dầu một Phó Chủ nhiệm Trần Huy Liêu sớm đã từ trần (1969) và Phó Chủ nhiệm Trần Phương thì 3/4 thì giờ bận làm việc với các cơ quan kinh tế của Chính phủ

Các ban chỉ trong vài ba năm, đều thành viện, lại thêm nhiều ban mới Ban Hán Nôm, Ban Đông Nam Á, Ban Địa lý, Ban Văn hóa tôn giáo, Ban châu Á và Thái Bình Dương

Có những ban, như Ban Đông Nam Á khi thành lập bị cả trong Ủy ban, cả ngoài Uỷ ban phản đối kịch liệt, tuy vậy vẫn kiên trì và tỏ ra có tác dụng

Lúc đầu chỉ có vài trăm người Hiện nay có trên 1000 cán bộ, không kể Viện Khoa học xã hội đặt tại thành phố Hồ Chí Minh

Hiện nay có 10 viện, chỉ còn có vài ba ban nhưng rồi cũng sắp sửa lên viện Có 10 tạp chí khoa học Có quan hệ hợp tác khoa học với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em, một số nước tư bản lớn và một số nước đang phát triển

CÁC NHIỆM VỤ VÀ CHỨC DANH ĐÃ ĐẢM NHIỆM
CÁC TẶNG THƯỞNG
TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

- Vào Đảng năm 1931

- 1946-1976· Thứ trưởng kiêm Bí thư Đảng Đoàn Bô Giáo duc, thưc hiên 2 cuôc cải cách giáo duc lần thứ nhất và lần thứ hai. Tất cả các cấp hoc từ cấp I đến đai hoc đều hoc bằng tiếng me đẻ - sư kiên này có môt tiếng vang Năm 1958, Chính phủ Ấn Đô mời đồng chí sang trao đổi hoc tập kinh nghiêm giảng day bằng tiếng me đẻ ở tất cả các cấp hoc

- 1960-1976· Ủy viên dư khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, đai biểu Quốc hôi khóa II, khóa III

- 1960-1965 Phó Chủ tich Ủy ban Khoa hoc Nhà nước

- 1964 Phó Trưởng ban Ban Khoa giáo Trung ương

- 1965-1982: Chủ nhiêm Ủy ban Khoa hoc xã hôi Viêt Nam

- 1960-1974: Chủ tich Ủy ban Thiếu niên - Nhi đồng Việt Nam

- 1975 Viên sĩ Viên Hàn lâm Khoa hoc Công hòa Dân chú Đức

- 1976: Viên sĩ Viên Hàn lâm Khoa học Liên Xô (nay là Viện Hàn lâm Khoa hoc Nga)

- 1958-1986. Phó Chủ tich Hôi Hữu nghị Viêt - Xô

- 1958-1993· Chủ tich Hôi Lich sử, sau là Chủ tịch danh dư Hội Khoa hoc Lich sử Viêt Nam (Giáo sư - Viên sĩ qua đời năm 1993)

- 1964-1979: Ủy viên Hôi đồng Trung ương cải cách giáo duc lần III

- 1982-1989 Ủy viên Hội đồng xét duyệt chức danh Khoa học

- 1961 Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

- 1984 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất

- 1984 Huân chương Hồ Chí Minh

- 2008 Huân chương Sao Vàng

- 1985 Huân chương Hữu nghị giữa các dân tộc, Huy hiệu 100 năm ngày sinh Lênin và Huy chương danh dự đóng góp vào sự nghiệp hữu nghị của Nhà nước Liên Xô tặng

- Nhân ngày sinh thứ 90 và 100 của Đimitrốp nhà nước Bungari tặng 2 huy hiệu Đimitrốp

- 1996 Truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về Khoa học cho cụm những công trình thuộc lĩnh vực sử học, trong đó nổi bật là 2 cuốn *Vài nhận xét về thời kỳ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long* (1954) và *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản* (1960)

Phần II

NHỮNG CỐNG HIẾN CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN Ở VIỆT NAM

VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG CÁCH MẠNG VÔ SẢN*

1. Vấn đề dân tộc dưới chế độ tư bản chủ nghĩa

Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang lên, vấn đề dân tộc là thuộc cách mạng tư sản và của giai cấp tư sản. Còn trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, vấn đề dân tộc là thuộc cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa và của giai cấp vô sản.

Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang lên, chế độ tư hữu phong kiến và quan hệ bóc lột phong kiến là trở ngại chính cho sự hình thành dân tộc. Dân tộc ở đây có nguồn gốc kinh tế của nó trong thị trường bên trong. Thị trường bên trong tạo thành là nhờ sự phát triển của sản xuất hàng hoá, trên cơ sở phát triển sức sản xuất chung của xã hội. Sản xuất hàng hoá phát triển, tức là mâu thuẫn với phương thức sản xuất phong kiến, mà tính chất là tự cung cấp dựa trên sự cát cứ, phân tán.

Phá vỡ quan hệ sản xuất phong kiến, nghĩa là biến quyền sở hữu phong kiến, chủ yếu là ruộng đất, thành quyền sở hữu tư sản, để cho chủ nghĩa tư bản có thể tự do khai thác nguyên liệu, xây dựng xí nghiệp, mở đường giao thông trên những đất đai từ trước bị các lãnh chúa phong kiến độc chiếm, đồng thời giải thoát cho những đám nông dân bị cột chặt vào những quan hệ ruộng đất phong kiến.

Trong khi biến quyền sở hữu phong kiến thành quyền sở hữu tư sản, thời nông dân, từ ở tay giai cấp tư sản, cũng

---

* Nguyễn Khánh Toàn. *Vấn đề dân tộc trong Cách mạng vô sản*. Nxb Sự thật. Hà Nội, tập I, 1960.

được nhân ruộng đất Nhưng đó không phải vì cách mạng tư sản đã dựa trên chủ nghĩa nhân đạo, một nền tự do và công lý nào trừu tượng như các nhà tư tưởng tư sản sau thế kỷ XVIII đã cam đoan, mà chỉ vì đó là một nhu cầu thiết thực của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, vì có biến ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến thành ruộng đất của nông dân, thời quyền sở hữu tư sản mới có cơ sở, mới cột được nền kinh tế nông nghiệp vào cái xe khải hoàn của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa tư bản mới phát triển mạnh được, nền sản xuất hàng hoá mới phổ biến được. Tự do, bình đẳng của cách mạng tư sản chỉ là tự do, bình đẳng của những người sản xuất hàng hoá, tức là bọn chủ xưởng Cho nên yêu cầu của nông dân gồm tối đại đa số trong nhân dân, trong thời kỳ đó, là thoát khỏi sự lệ thuộc vào giai cấp phong kiến, đã ăn khớp với yêu cầu của giai cấp tư sản, là phát triển thị trường bên trong và phổ biến nền sản xuất hàng hoá, cả hai bên đều chống phong kiến trên một nhu cầu phát triển chung của xã hội, ở một trình độ cao hơn, tiến bộ và tất yếu, nghĩa là duy nhất có thể đối với thời đại đó. Vì vậy mà giai cấp tư sản đối với thời đó và trước nhân dân, có vẻ đại diện cho cả nước, cho dân tộc Cho nên trong cuộc cách mạng tư sản kinh điển, giai cấp tư sản đã dựa được vào nông dân, còn nông dân, muốn thoát khỏi ách phong kiến, cũng không thể đi theo giai cấp nào khác ngoài giai cấp tư sản Do đó mà trong cuộc cách mạng tư sản kinh điển, nông dân đã làm chỗ dựa, đã dùng làm sức *dự trữ* cho giai cấp tư sản

Ở thời kỳ đó cũng có vấn đề dân tộc theo ý nghĩa một dân tộc nhỏ yếu bị một dân tộc khác xâm lược và áp bức bởi vì dưới một chế độ có giai cấp, hễ có người bóc lột thì nhất định có sự áp bức, dù giai cấp tư sản có hô hào bao nhiêu đi nữa những khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái" Như Thổ Nhĩ Kỳ áp bức Hy Lạp, Anh áp bức Iêclandơ v v Nhưng đó là những nước ở châu Âu và vấn đề dân tộc chỉ đặt ra trong phạm vi các nước tư bản châu Âu mà thôi

Còn đối với các dân tộc "màu da", Á, Phi, Nam Mỹ châu, thời hình như không thành vấn đề Cách mạng tư sản ở Pháp, trong thời kỳ phát triển đến điểm cao nhất của nó, cũng không đặt ra vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa Pháp cũ, như Guađơlup, Mácticic mà cách 40 năm sau đó thời lại bắt đầu chinh phục những thuộc địa mới châu Phi, rồi đến các châu khác Các nước tư bản khác đều làm như thế cả Chỉ có một vài nhân vật tiến bộ lên tiếng phản đối những hành vi dã man quá trắng trợn của bọn ăn cướp Tây Âu đối với một dân tộc lớn ở châu khác, như Víchto Huygô đã lên án liên quân tam nước châu Âu đốt phá và cướp bóc các cung điện và kho tàng quý báu của Trung Quốc trong trận chiến tranh nha phiến

Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn tột cùng của nó - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, như Lênin nói, phương Tây đã làm xong cách mạng tư sản, còn phương Đông thì chưa đi tới cách mạng đó[1] Vì vậy mà phương Đông, nghĩa là tất cả các dân tộc, màu da, trước con mắt của giai cấp tư sản phương Tây, chỉ là đối tượng bóc lột của giai cấp tư sản chứ không phải là đối tượng phát triển một cách bình đẳng những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa Chỉ có giai cấp vô sản cách mạng mới đứng trên lập trường triệt để bênh vực các dân tộc bị áp bức, với nguyên lý mà Mác đã nêu lên lần đầu tiên trong lịch sử quan hệ giữa các dân tộc, là Một dân tộc nào còn áp bức bóc lột một dân tộc khác, thì chính dân tộc ấy cũng không được tự do

Những việc dẫn ra ở trên cho chúng ta thấy được, dưới chế độ tư bản, vấn đề dân tộc bị thu hẹp lại trong khuôn khổ lợi ích của một giai cấp - giai cấp tư sản, để phục vụ cho sự thống trị của giai cấp đó, cả khi giai cấp đó còn tiến bộ, còn đấu tranh chống phong kiến cho sự hình thành và phát

1 *V Lênin Vấn mênh lịch sử của học thuyết Mác*, *Tuyển tập*, tiếng Việt, xuất bản lần thứ nhất, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, quyển I, phần I, tr 67

triển dân tộc Đồng thời, chúng ta cũng thấy được trong đó cái mầm của những biến đổi sau này, mà khi quyền lợi của giai cấp tư sản công khai xung đột với quyền lợi của tối đại đa số nhân dân, đặc biệt là khi mà mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trở nên sâu sắc và trầm trọng, tức là khi mà đối nội, giai cấp tư sản đã không đại diện cho quyền lợi của dân tộc nữa, trái lại, phản bội ra mặt những quyền lợi đó, còn đối ngoại thì chính sách xâm lược và áp bức các dân tộc nhỏ yếu, sự tiêu diệt nền độc lập của dân tộc khác, đã trở nên một vấn đề sống còn của chủ nghĩa tư bản Một mặt khác, chúng ta cũng thấy rõ rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ có giai cấp vô sản cách mạng, chỉ có chủ nghĩa Mác mới có một quan niệm, lập trường và cách giải quyết đúng đắn về vấn đề dân tộc, trên cơ sở của *Chủ nghĩa quốc tế cách mạng* của giai cấp vô sản, nó gắn liền với cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, nhìn nhận vấn đề dân tộc như là bộ phận của cách mạng vô sản

Vì sao trong thời đại đế quốc chủ nghĩa tư bản lại trở thành chướng ngại vật cho quyền dân tộc tự quyết, chính nó là cái phủ định của sự tồn tại và phát triển của các dân tộc, chính nó bóp chết phong trào giải phóng dân tộc

Nếu vấn đề mấu chốt mà mỗi cuộc cách mạng phải giải quyết để đạt mục đích của mình là giành chính quyền, và để củng cố chính quyền, là làm cho sự so sánh lực lượng nghiêng về phe cách mạng, tức là đảm bảo nhiều sức dự trữ, nhiều *kẻ đồng minh*, thời chúng ta phải thấy sự quan hệ giữa giai cấp tư sản và kẻ đồng minh chính của giai cấp đó trong cuộc cách mạng tư sản, là giai cấp nông dân, đã diễn biến như thế nào trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản sau khi cách mạng tư sản thành công

Như chúng ta đã thấy, khi còn chống lại giai cấp phong kiến, thời yêu cầu của nông dân và yêu cầu của giai cấp tư sản căn bản là nhất trí Và khi cách mạng tư sản thành

công, thì cái nguyên vọng muôn thuở của nông dân - có *ruộng đất*, về căn bản cũng được thoả mãn Đây chúng ta không nói đến biên pháp,mà chúng ta chỉ nhìn về kết quả mà cách mạng đã đạt được, là cái cơ sở kinh tế của chế đô phong kiến, tức là quyền sở hữu phong kiến, đã bị tiêu huỷ Như vậy là nông dân được giải phóng khỏi ách nông nô Nhưng giai cấp tư sản dựa vào nông dân để làm cách mạng tư sản, và khi cách mạng đó thành công, nông dân được ruộng đất, không phải vì nông dân, mà vì lợi ích phát triển không bị trở ngại của chủ nghĩa tư bản,vì lợi ích thống trị của những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa Trong giai đoạn đó, khi mới thoát khỏi chế đô phong kiến, thời đó cũng là con đường tiến hoá duy nhất của lịch sử

Nhưng, sau khi giai cấp tư sản đã củng cố được địa vị thống trị rồi, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành cái kỷ cương của xã hội rồi, thì dần dần tất cả các bộ phận kinh tế quốc dân - nông nghiệp, thủ công nghiệp, đều bị lôi cuốn vào guồng máy của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, bị lệ thuộc vào sự sản xuất và tích luỹ lợi nhuận cho giai cấp tư sản, để đi đến chỗ tập trung rừng vàng biển bạc, giàu sang phú quý trong tay một thiểu số bóc lột và đồng thời gây nên tình trạng bần cùng, đói khổ, phá sản, thất nghiệp, quy mô ngày càng lớn, đối với các tầng lớp nhân dân lao động Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, thì sự xa cách, cái hố giữa giai cấp thống trị - giai cấp tư sản, và nhân dân lao động, càng lớn và càng sâu Vì quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản, nó là sự mở rộng và phổ biến sản xuất hàng hoá, cho nên ruộng đất mà nông dân được chia khi cách mạng tư sản tịch thu của bọn phong kiến và của các tổ chức tôn giáo, không thể giữ nguyên vẹn và lâu dài trạng thái chia ra từng mảnh nhỏ để duy trì được mãi và một cách độc lập nền kinh tế cá thể Quy luật tập trung tư bản không chỉ riêng cho công nghiệp và ngân hàng mà thôi, mà nó còn tác động đến cả nông nghiệp nữa, mặc dù trong nông nghiệp xu hướng tập

trung có châm hơn so với công nghiệp Do đó mà đi đôi với sự phát triển của nền công nghiệp cơ khí hiện đại, nó là kết quả tất nhiên của sự thắng lợi của cách mạng tư sản ở châu Âu, *sự phân hoá giai cấp ở nông thôn* ngày càng sâu sắc Chỉ một số nào ngoi đầu lên, trở nên giàu có nhờ áp dụng kỹ thuật hiện đại vào nông nghiệp, nhất là nhờ lối bóc lột tư bản chủ nghĩa, đó là giai cấp phú nông. Còn đại bộ phận là nông dân lao động, trong đó một phần khá lớn gồm lớp trung nông mà điều kiện sinh hoạt và sản xuất ngày càng bị đe doạ bởi sự cạnh tranh của kinh tế phú nông, bởi giá tiền thuê đất ngày càng tăng, v v một lớp lớn nữa là bần nông và cố nông (vô sản nông nghiệp), hàng ngũ ngày càng đông thêm, bởi sự sa sút và phá sản của lớp trung nông

Không phải chỉ dưới chế độ phong kiến, ruộng đất tập trung vào bọn lãnh chúa quý tộc Chính dưới chế độ tư bản, đất cát cũng ngày càng tập trung vào tay bọn đại địa chủ và các công ty tư bản công nghiệp, hoặc các ngân hàng Bởi vì khi cách mạng tư sản tịch thu ruộng đất của phong kiến và nhà chung, thời chỉ mới tiêu huỷ quyền sở hữu phong kiến đối với ruộng đất mà thôi, chứ không tiêu huỷ quyền tư hữu về ruộng đất nói chung, không quốc hữu hóa về ruộng đất Vì vậy mà *tô tuyệt đối*, nghĩa là tiền thuế đất, nó là biến hiện của quyền tư hữu về ruộng đất, vẫn giữ nguyên. Do đó, những bọn đại tư bản vẫn tậu được nhiều ruộng đất, hoặc để đảm bảo cho công nghiệp mình có những nguồn nguyên liệu giá rẻ, hoặc để cho nông dân thuê mướn Tô tuyệt đối đoạt một phần không nhỏ trong các khoản thu nhập của những người mướn đất. Đó là nguyên nhân đẻ ra nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn, và nạn cầm và bán ruộng đất.

Những con số sau đây minh hoạ cho quy mô tập trung ruộng đất ở các nước tư bản lớn như thế nào

Ở Mỹ năm 1954, 73,4% nông hộ chỉ chiếm 19,6% trong

tổng số diện tích ruộng đất, còn 26,6% hộ thì chiếm tới 80,4% ruộng đất, trong đó những đồn điền và ấp lớn, có trên 1000 acơrơ (mỗi acơrơ bằng gần nửa hecta) chỉ chiếm 2,7% hộ, mà đã chiếm đến 45,9% diện tích ruộng đất.

Năm 1950, ở Anh (chưa kể Bắc Iếclanđơ) 75,9% nông hộ chỉ có 20,4% tổng số ruộng đất trồng trọt, còn 24,1% hộ thì lại chiếm 79,6% ruộng đất, 2,3% trong số các trang trại lớn nhất đã chiếm mất 34,6% ruộng đất.

Ở Pháp, năm 1956 62,7% ruộng đất trồng trọt nằm trong tay 22,5% nông hộ[1].

Không những ở các nước tư bản lớn, mà ở các nước tư bản nói chung,tình hình đều như thế cả.

Tình hình đất đai tập trung vào tay bọn đại địa chủ, bọn chủ đồn điền cà phê, mía, cacao v.v... ở châu Mỹ - Latinh cũng rất ghê gớm.

Ở *Cuba* trước cuộc cải cách ruộng đất (tháng 6 - 1959), bọn đại địa chủ có 317 000 cabalêria (1 cabalêria = 13,4 hecta) ruộng đất cày cấy. Có những đồn điền có hàng vạn hecta, trong khi đó thì trong nước có hơn 100 000 tá điền, 70% nông dân có những mảnh ruộng nhỏ, không đủ sống. Địa tô bằng 1/3 hoặc 1/2 thu nhập của tá điền.

Ở *Boredin*, 1/2 đất đai ở trong tay bọn địa chủ, mỗi đứa có ấp, đồn điền ruộng đất trên 1000 héctа. 80% nông dân không có ruộng đất.

Ở *Urugoay*, 1/2 nông dân phải mướn đất của địa chủ, trong bọn này 19 tên có hơn 700 000 héctа, phần lớn còn bỏ hoang.

Ở *Chilê* 1 300 tên địa chủ (0,74% trong số nông hộ), có 9 400 000 héctа, còn 143 000 nông dân, nghĩa là 79%

1 Viện Kinh tế Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Chương XII *Sách giáo khoa chính trị kinh tế học* tiếng Việt xuất bản lần thứ ba. Nxb Sự thật Hà Nội 1960 tr. 239 - 240.

chủ ruông chỉ có 1.700 000 hécta, tức là 8% ruông đất cày được

Ở *Vênêduêla*, theo cuộc điều tra dân số mới nhất, nông dân không có đất chiếm 59% tổng số nông dân

Ở *Ácgiăngtin* 300 000 nông dân chỉ có 5,4 % đất cày cấy, còn 25 000 tên địa chủ thì chiếm đến 74% đất[1]

Do đâu mà có tình trang như vậy? Là vì thoát khỏi ách bóc lột phong kiến, thì nông dân lại sa vào ách bóc lột tư bản chủ nghĩa - Chỉ khác nhau về hình thức bóc lột mà thôi Cho nên, phân tích tình hình giai cấp dấu tranh ở Pháp, và cảnh ngộ của nông dân giữa thế kỷ XIX, Mác đã nói

"Dân nông thôn, chiếm 2/3 dân số Pháp, phần lớn gồm những người mang tiếng là chủ đất tư do Thế hệ đầu của họ được cách mang 1789 giải phóng khỏi những lệ cống nạp cho phong kiến và đã được chia ruông đất không mất tiền. Nhưng, các thế hệ sau đã lại phải trả lại, dưới hình thức *giá đất*, cái mà cha ông họ trước kia, những người nửa nông nô, đã phải trả bằng tô và bằng các thứ phu phen tạp dịch

Người ta thấy rằng về mặt bị bóc lột, người nông dân chỉ khác với giai cấp vô sản công nghiệp về hình thức. Kẻ bóc lột chỉ là một Tư bản"[2]

Vì vậy mà dưới chế đô tư bản, với số đông nông dân, quyền tư hữu về ruông đất chỉ là hữu danh vô thực, chỉ là một thứ hão huyền

"Ở trong con mắt của họ (của người nông dân Pháp - N K T) sự có mặt của người đại địa chủ cũng đã là một việc

1 Boris Alexandrovski "L'exemple cubain" Tạp chí *Temps nouveaux*, số 2 năm 1960

2 Các Mác *Giai cấp đấu tranh ở Pháp*

xâm phạm đến những thành quả của họ hồi 1789 rồi"[1]

Phải cầm đất, do đó mà khoản nợ ngày càng to "nó đè nặng lên trên mảnh đất của họ như một cơn ác mộng, lớp vô sản nông nghiệp càng thêm đông, nông dân bị mất mau hơn bởi sự phát triển của nền nông nghiệp hiện đại và bởi sự cạnh tranh của lối canh tác tư bản chủ nghĩa"[2]

Nhưng, nếu một mặt chủ nghĩa tư bản ngày càng xô nông dân vào những chỗ bần cùng, càng đẩy mạnh sự phân hoá giai cấp ở nông thôn, thời mặt khác, giai cấp tư sản lại lợi dụng cái ảo tưởng của nông dân đối với quyền tư hữu về ruộng đất, lợi dụng đầu óc tư hữu của họ, để mỗi khi xảy ra cuộc xung đột giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, thì lôi kéo nông dân về phía giai cấp tư sản Như năm 1848, nông dân đã làm hậu thuẫn cho giai cấp tư sản để trấn áp những cuộc bạo động của công nhân, và khi tên hề Lui Bônapac trúng cử tổng thống, để rồi làm đảo chính và đoạt ngôi hoàng đế,là nhờ có nông dân bỏ phiếu cho hắn, vì nông dân còn giữ cái ảo mộng tưởng rằng Napôlêông thứ nhất là tiêu biểu cho cuộc cách mạng Pháp với những quyền lợi mà cách mạng đó đã đưa lại cho nông dân

Song, ảo tưởng đó, giai cấp tư sản không thể duy trì mãi được ở người nông dân, bởi vì không có gì giáo dục người ta, mở mắt người ta mau chóng cho bằng thực tế Mà thực tế đó đối với nông dân trong hơn 20 năm Napôlêông thứ III cầm quyền, là một thực tế chua cay Thời kỳ đế chế thứ hai là một thời kỳ mà kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Pháp, cũng như ở các nước tư bản Tây Âu khác, phát triển nhanh chóng hơn, nhưng bằng một sự tích trữ đầu cơ và bóc lột, cướp đoạt cực kỳ trắng trợn, vô liêm sỉ của giai cấp tư sản, tích lũy của cải vàng bạc, tích lũy vốn và đất đai nhà cửa, đầu cơ trong công nghiệp,

---

1 Các Mác *Nội chiến ở Pháp*

2 Các Mác *Sđd*

ngân hàng, thương mại, đầu cơ ruộng đất Đó là thời kỳ mà giai cấp đại tư sản được thả lỏng để vơ vét, mặt khác cũng là thời kỳ mà đời sống xa xỉ truỵ lạc của các tầng lớp thống trị không có gì kìm hãm Giai đoạn cuối cùng của thời kỳ đó là lúc mà những hình thức tư bản lũng đoạn đầu tiên xuất hiện

Trong thời kỳ này, tình cảnh của người nông dân lại càng bấp bênh hơn nữa, vì vậy mà họ càng ngả về phía cách mạng, họ càng gần với giai cấp vô sản Nếu năm 1848, giai cấp tư sản còn có thể đánh lừa được nông dân, làm cho họ tin rằng thuế phụ thu 45 xăngtin là cốt để phụ cấp cho công nhân, khiến họ oán ghét công nhân, cho rằng công nhân chỉ ăn không ngồi rồi, và làm cho họ phải đóng thuế nặng hơn Nếu họ bỏ phiếu cho Lui Bônapác là vì họ còn giữ ảo tưởng đối với cách mạng tư sản, mà theo họ, người tiêu biểu là Napôlêông, thì đến năm 1870 - 1871 sự ga gẫm của giai cấp tư sản đối với nông dân càng ít có tác dụng

"Nhưng, tiếng nói dễ hiểu hơn hết, chính là những kinh nghiệm mà giai cấp nông dân đã nếm qua trong việc thực hiện quyền bỏ phiếu và những điều thất vọng dồn dập mà họ trải qua trong quá trình diễn biến nhanh chóng của cách mạng. Những cuộc cách mạng là những đầu tàu của lịch sử"[1] Ngay từ năm 1847, khi tình cảnh nông dân trở nên trầm trọng, và ở nông thôn, người ta đã tỏ rõ sự phẫn uất ngày càng rõ rệt, những báo chí tư sản lớn đã thấy cái nguy cơ cho giai cấp tư sản "Bây giờ người ta không nói hãy đi đánh các lâu đài (của các lãnh chúa) nữa Người ta nói hãy giết bọn tư sản đi[2] "

Như vậy là trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự trưởng thành của giai cấp vô sản - kẻ đào mồ chôn chế độ tư bản và là kẻ sáng tạo xã hội chủ nghĩa - là một quy

1 Các Mác *Nội chiến ở Pháp*

2 Trích trong *Những tác phẩm của Jules Valles*

luật tất yếu. Nhưng sở dĩ giai cấp vô sản có thể làm được cuộc cách mạng để đánh đổ giai cấp tư sản và giải phóng cho mình và cho tất cả các tầng lớp nhân dân lao động bị bóc lột, là bởi vì giai cấp vô sản có thể tập hợp được xung quanh mình đông đảo những tầng lớp nhân dân lao động, trong đó đối với tất cả các nước tư bản thế kỷ thứ XIX, đại đa số vẫn là nông dân. Sở dĩ quảng đại quần chúng nhân dân lao động dần dần ngả về phía giai cấp vô sản, là bởi vì họ đều bị chủ nghĩa tư bản bóc lột, dưới chế độ tư bản, đời sống của họ ngày càng sa sút, họ ngày càng bị đẩy vào cảnh cùng khổ. Cho nên trong xã hội tư bản, hình thành hai chiến luỹ đối lập nhau ngày càng rõ rệt, một bên là *lao động*, một bên là *tư bản*.

Đó cũng là do cái lôgic của cách mạng tư sản, và nói chung là những cuộc cách mạng mà kết quả là đưa một giai cấp bóc lột mới lên thống trị thay thế cho một giai cấp bóc lột cũ. Ăngghen đã nói rất rõ. "Từ trước đến nay tất cả những cuộc cách mạng đã đi đến kết quả này, là đưa một giai cấp nhất định lên thống trị thay cho một giai cấp khác, nhưng tất cả những giai cấp thống trị từ trước đến nay chỉ là những số ít người so với quần chúng nhân dân bị thống trị. Như vậy là một số nhỏ thống trị bị đánh trúc thì một số nhỏ khác lên thay, chiếm lấy bộ máy nhà nước và sửa đổi chính thể theo lợi ích của họ. Và mỗi lần, số ít đó là một nhóm người vì trình độ phát triển kinh tế mà có khả năng và có tư cách cai trị, chính vì vậy mà mỗi khi có một cuộc đảo lộn, thì số đông bị thống trị, hoặc đứng về phía số ít tham gia cuộc đảo lộn đó, hoặc chí ít cũng nhân một cách yên tĩnh sự đảo lộn ấy. Song, nếu chúng ta không nhìn đến nội dung cụ thể của từng trường hợp một, thì cái hình thức chung của tất cả những cuộc cách mạng đó đều là những cuộc cách mạng của một số ít người. Thậm chí khi số đông hợp tác vào đây - hoặc hữu ý hay vô tình, thì cũng chỉ để phục vụ lợi ích của một số ít người mà thôi, nhưng như thế, và cũng vì thái độ bị động

và không chống cự của số đông mà số ít kia có vẻ đại diện cho toàn dân"[1]

Chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản dần dần đã tự tách mình ra khỏi số đông nhân dân trong nước, những tầng lớp đông đảo - như nông dân, mà trước kia giai cấp tư sản dựa vào, và họ cũng dựa vào giai cấp tư sản, thì chính giai cấp tư sản đã gạt họ ra ngoài, đẩy họ vào cương vị chống cự lại với giai cấp tư sản. Như vậy là không những đối với giai cấp công nhân, mà cả đối với toàn thể nhân dân lao động, tức là đối với tối đại đa số nhân dân trong nước, giai cấp tư sản, về mặt giai cấp, là kẻ địch tự nhiên

Đến khi giai cấp tư sản xuống dốc, chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu đi vào giai đoạn suy vong của nó, thì những khẩu hiệu tốt đẹp như "chiến tranh dân tộc", "bảo vệ Tổ quốc" chỉ còn là những sự giả dối, lừa bịp đối với nhân dân lao động, để ru ngủ họ, làm cho họ chĩa mũi nhọn vào chỗ khác, bởi vì trong giai đoạn này, những cuộc chiến tranh của giai cấp tư sản tiến hành, nếu để chống một nước tư bản khác, thì chỉ là sự giành giật miếng mồi giữa bọn tư bản của hai nước, hoặc nếu để chống một nước nhỏ yếu, là vì mục đích ăn cướp, áp bức dân tộc khác, mà trong cả hai trường hợp, kết quả chỉ là một - làm lợi thêm cho giai cấp tư sản thống trị, và do đó tăng thêm sự áp bức bóc lột đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước.

Chẳng những như vậy mà thôi Hễ mỗi khi mà sự bất mãn và tinh thần kháng cự của quần chúng lao động trong nước đã lên đến một mức cao, khiến cho giai cấp thống trị cảm thấy cái nguy cơ cho sự sống còn của nó, cho nền thống trị của nó, thì nó không ngần ngại mà bắt tay với kẻ thù ngoài, miễn là kẻ thù đó có thể giúp nó trấn áp nhân dân cách mạng và cứu vãn nó khỏi bị diệt vong

1 Ph Ăngghen Lời nói đầu quyển *Nội chiến ở Pháp* của Các Mác

Giai cấp tư sản Phap năm 1871 đã cấu kết như thế nào với quân Phổ, là kẻ xâm lược Pháp, để tiêu diệt công xã Pa - ri, Mác đã từng lên án và đó cũng là kết án không những giai cấp tư sản Pháp, mà toàn thê giai cấp tư sản nói chung

"Rằng sau cuộc chiến tranh hiên đai ghê gớm nhất, kẻ thắng trân và bai trân bắt tay nhau để cùng tàn sát giai cấp vô sản, cái biến cố chưa từng thấy đó không phải như Bismác tưởng, là sự đè bẹp vĩnh viễn một xã hội đang lên, mà là sự tan rã hoàn toàn của xã hội tư sản Xã hội cũ còn có thê cố găng để biểu thi tinh thần anh dũng trong chiến tranh dân tộc, nhưng bây giờ thì đã có những chứng cớ rõ ràng rằng cuộc chiến tranh đó chỉ là một sự lừa bịp hoàn toàn của các chính phủ, mục đích cốt để làm châm lai cuộc giai cấp đấu tranh, và nó bi vứt ra một bên, khi mà giai cấp đấu tranh nổ ra thành nội chiên Sự thống trị giai cấp không thể che giấu dưới bô áo dân tộc được nữa, tất cả các chính phủ các nước chỉ vào một bè với nhau để chống lai giai cấp vô sản"[1]

Như vậy là vấn đê dân tộc có nội dung giai cấp rõ rệt Trong thời đai cách mạng tư sản, khi mà lich sử đặt ra vấn đê huỷ bỏ những quan hệ phong kiến, để cho một phương thức sản xuất tiến bộ hơn, là chê đô tư bản chủ nghĩa, lên thay, thì tất nhiên, vấn đê dân tộc trong đo có sự thống nhất quốc gia dươi một chính thê duy nhất, co một sự lãnh đao thống nhất, dưa trên chê đô đai nghi, thời đó là một yêu cầu tiến bộ, hợp với hoàn cảnh lich sử đang thời, bởi vì có như vậy mới có thể phát triển sức sản xuất, mới đưa nền kinh tế và văn hoá tiến lên một bước Song, tính chất giai cấp cua vấn đề là ở chỗ quyền thống trị từ tay một thiểu số bóc lột nay chuyên sang tay một thiểu số bóc lột khác, và vì vậy mà thiêu số đó ngày càng tách ra khỏi tối đai đa số nhân dân trong nước Những tầng lớp mà hôm

1 Cac Mác, *Nội chiến ở Pháp*

qua giai cấp tư sản dưa vào như là kẻ đồng minh để leo lên địa vị thống trị, và trong những tầng lớp đó, nông dân chiếm số đông hơn hết, thì hôm nay, giai cấp tư sản thống trị quay lại bóc lột họ tàn nhẫn, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đưa họ đến tình trạng ngày càng bị phá sản, bị đói khổ Do đó đã đẩy họ về phía đối lập lại với giai cấp tư sản bởi vì chính giai cấp tư sản đã đối lập với họ trước tiên, đoạt của họ những quyền lợi mà họ đã giành được trong cách mạng, cả bộ máy của nhà nước tư sản đè nặng lên lưng họ Khi mà quyền lợi của giai cấp thống trị xung đột công khai với quyền lợi của những người trực tiếp sản xuất, cụ thể là công nhân và nông dân, thời vì quyền lợi giai cấp hẹp hòi, ích kỷ mà giai cấp tư sản đã đi đến chỗ phản dân phản nước, để vứt bỏ cái mà giai cấp tư sản hay nêu ra để động viên mọi người, là "quyền lợi quốc gia", mà cấu kết với kẻ thù ngoài để trấn áp nhân dân lao động Những lợi ích mà trước kia họ cho là của toàn dân, toàn quốc, của cả dân tộc, thời lần lần bị thu hẹp lại, để chỉ còn lô ra một thứ quyền lợi rất tàn nhẫn, rất ích kỷ, rất bỉ ổi và trắng trợn của một số rất ít người trong toàn dân, không bằng 1/100 (ở Pháp là 200 gia đình trong 45 triệu dân, ở Mỹ là 600 gia đình trong 170 triệu dân, v v), thiểu số đó độc chiếm trong tay tất cả những của cải và những nguồn của cải của toàn dân

Đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa thì tất cả những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trở nên nghiêm trọng và sâu sắc đến cực độ, trước hết là giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, là bởi vì tư bản lũng đoạn càng dồn của cải về một bên, về phía tập đoàn thống trị, tập đoàn này thu hẹp lại trong một số rất ít người, nắm hết ở trong tay những tài sản của quốc gia, đó là *nhóm chúa tế tài phiệt*, những "ông vua" độc chiếm các ngành công nghiệp, ngân hàng, thương mại, vận tải, chúng định đoạt tất cả đời sống kinh tế trong nước, chúng nắm trong tay cái quyền vô thương điều khiển chính

sách đối nội và đối ngoại, và sử dụng địa vị độc quyền của chúng để tăng cường sự bóc lột đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Một mặt, do tính chất lũng đoạn của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, cho nên sang giai đoạn này, các nước tư bản lớn ngày càng có xu hướng đi chiếm cứ nhiều thuộc địa, để đảm bảo địa vị độc quyền về các nguồn nguyên liệu, về thị trường bên ngoài, về nhân công rẻ mạt, về chỗ đầu tư vốn, và tất cả những thứ đó, tựu chung là để đảm bảo lợi nhuận thặng dư cao độ nhất "Chủ nghĩa đế quốc là thời kỳ tư bản tài chính và độc quyền, nó đem đến khắp nơi những xu hướng thống trị, chứ không phải tự do Phản động trên toàn diện, vô luận theo chính thể nào, những mâu thuẫn đối kháng càng thêm gay gắt Đồng thời sự áp bức dân tộc, và xu hướng chiếm lĩnh đất đai đặc biệt tăng cường, nghĩa là vi phạm đến nền độc lập dân tộc (bởi vì chiếm lĩnh đất đai chẳng qua chỉ là sự vi phạm quyền tự quyết của các dân tộc)"[1]

Bọn đế quốc đi ăn cướp thuộc địa càng tăng thêm thế lực của các công ty tư bản độc quyền do đó càng tăng cường sự bóc lột đối với nhân dân lao động, càng đào sâu thêm cái hố giữa phe thống trị chúng nắm tất cả những tài sản của quốc gia, sống đời sống đế vương xa xỉ, truỵ lạc, ăn bám, và toàn thể nhân dân lao động ngày càng bị đẩy vào cảnh bần cùng đói rét, phá sản, thất nghiệp Cho nên cuộc giai cấp đấu tranh trở nên ngày càng ác liệt, mà chỗ ra chỉ có một, là phải làm cách mạng vô sản Do đó, một mặt khác, bọn đế quốc đi ăn cướp thuộc địa còn có mục đích là vơ vét của cải ở thuộc địa bằng sự bóc lột cực kỳ dã man dân bản xứ để vớt cái phần rơi rớt trong những khoản lợi nhuận thặng dư kếch sù đó, mua chuộc một tầng lớp nào đó trong giai cấp công

1 V Lênin *Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* Tiếng Việt, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1957

nhân, đăng chia rẽ hàng ngũ của phong trào công nhân, lôi kéo lớp công nhân bị chúng mua chuộc theo phe chúng, reo rắc phong trào công nhân cái ảo tưởng rằng dưới chế độ tư bản, công nhân vẫn có thể cải thiên sinh hoạt, và che lấp sự mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân

Nhưng không phải bọn đế quốc đi ăn cướp thuộc địa để cải thiện, mặc dù là chút ít, đời sống của công nhân và nhân dân lao động trong nước chúng Điều đó là hoàn toàn không có Chúng đi cướp bóc thuộc địa, vơ vét của cải thuộc địa, để với lợi nhuận thặng dư thuộc địa, chúng củng cố địa vị thống trị và quyền lợi của chúng, chia rẽ giai cấp công nhân, lừa bịp công nhân bằng cách mua chuộc lớp công nhân quý tộc, để chống lại giai cấp vô sản, và càng tăng thêm sự bóc lột đối với toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cho nên, chúng càng có nhiều thuộc địa bao nhiêu, càng tiêu diệt nền độc lập của các dân tộc khác bao nhiêu, thì đời sống của công nhân và các tầng lớp lao động khác trong nước chúng nói chung lại càng lầm than bấy nhiêu

Ở đây, cái chân lý mà Mác nêu ra, là hễ một dân tộc còn áp bức một dân tộc khác, thì bản thân dân tộc đó cũng không được tự do, càng được chứng minh một cách rõ ràng

Như vậy là thời kỳ đế quốc chủ nghĩa tạo nên một tình thế khách quan, một cơ sở khiến cho có thể và phải có một sự *liên minh, một mặt trận thống nhất* giữa giai cấp công nhân ở các nước đế quốc và các dân tộc bị áp bức, đối lập lại với bọn đế quốc thống trị

Cách mạng vô sản ở các nước đế quốc có phát triển hay không, có điều kiện để thắng lợi hay không, là không những một mặt giai cấp công nhân ở những nước đó có thể lôi kéo được hay không các tầng lớp nhân dân lao động khác, trước hết là nông dân, biến nông dân từ chỗ làm lực lượng dự trữ của giai cấp tư sản, của cách mạng tư sản, thành lực lượng

dự trữ của giai cấp vô sản, của cách mạng vô sản, nhưng mặt khác, là nó có thể lôi kéo được hay không các dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa, biến các thuộc địa từ chỗ là lực lượng dự trữ của chủ nghĩa đế quốc, thành lực lượng dự trữ của cách mạng vô sản. Nói cách khác, là giữa cách mạng vô sản ở các nước tư bản và cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, có một mối quan hệ chặt chẽ, bên này dựa vào bên kia để chống một kẻ thù chung. Do đó mà cách mạng giải phóng thuộc địa đã trở nên bộ phận tạo thành của cách mạng vô sản, và khi nói đến cách mạng vô sản thế giới, thời bao hàm cả cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, vô luận cách mạng đó ở mức độ nào.

2. Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản, một hiện tượng lịch sử mới xuất hiện: dân tộc xã hội chủ nghĩa

Thế là chủ nghĩa tư bản đã tạo nên những điều kiện để đưa vấn đề dân tộc ra ngoài phạm vi của một nước, khiến cho vấn đề dân tộc có một nội dung khác với vấn đề dân tộc trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản còn đi lên, do đó mà tạo nên một nhân tố lịch sử mới, gây nên những điều kiện để cho một thứ *dân tộc mới, dân tộc xã hội chủ nghĩa* xuất hiện, không cần kinh qua giai đoạn dân tộc tư sản. Đó là cái cơ sở cho sự kết hợp chặt chẽ giữa tinh thần dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản, nó là sản phẩm của thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, thời kỳ cách mạng vô sản. Mà tinh thần dân tộc đó mới là tinh thần dân tộc chân chính. Các dân tộc bị áp bức có đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi của cách mạng vô sản thời cách mạng giải phóng dân tộc mới đảm bảo thắng lợi. Mặt khác, giai cấp vô sản ở các nước tư bản có liên hệ sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức với sự nghiệp giải phóng bản thân mình thì sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình mới đảm bảo thắng lợi. Rõ ràng là một dân tộc còn áp bức một dân tộc khác thì bản thân dân tộc đó không được tự do. Đó là cơ sở chính trị của chủ nghĩa

quốc tế vô sản, đồng thời cũng là của tinh thần dân tộc, chu nghĩa yêu nước chân chính

Tinh thần dân tộc tư sản sinh ra trên một cơ sở hep hòi - nó xuất phát từ muc đích thống nhất quốc gia tư sản để đảm bảo thi trường bên trong và tao cơ sở cho sư thống tri của giai cấp tư sản và để cho chủ nghĩa tư bản phát triển, thời đến thời kỳ suy mạt của chủ nghĩa tư bản, đến lúc sư mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trở nên trầm trong, đã đưa đến chủ nghĩa *sôvanh*, cũng như nền dân chủ tư sản, là dân chủ cho một thiểu số, đưa đến độc tài phát xít. Không thể lẫn lôn tinh thần dân tộc chân chính - chỉ có giai cấp vô sản cách mang mới tiêu biểu cho tinh thần dân tộc chân chính - với chủ nghĩa sôvanh, nó là một xu hướng của chủ nghĩa tư bản độc quyền, của giai cấp tư sản phản đông nhất, xâm lươc nhất Đó là xu hướng thôn tính nền đôc lâp của dân tôc khác, lấn át các dân tộc khác, gây chiến tranh xâm lược đăng mưu lơi cho một thiểu số thống tri, cho bon tài phiệt, chứ không phải vì dân vì nước gì hết Chủ nghĩa sôvanh đăc biệt phát triển mạnh ở những nước đế quôc lớn có tham vong làm bá chủ thế giới, như ở Mỹ hiên nay chẳng han

Chủ nghĩa sôvanh nếu đã trái ngược với tinh thần quốc tế vô sản, thời đồng thời cũng là trái ngươc với tinh thần dân tôc chân chính, bởi vì nó đứng về lập trường của giai cấp thống tri phản đông nhất, đôc tài nhất, mà lơi ích của chúng là đối lập hẳn với lơi ích của toàn dân trong nước, đồng thời lai có âm mưu xâm phạm đến nền đôc lâp của các dân tôc khác

Trong những thủ đoan mà chủ nghĩa đế quốc và bon tay chân của chúng, trong đó ngoài bọn vong bản như Tưởng Giới Thạch, Ngô Đình Diêm v.v .. ra, thì còn có cả bon xã hội hữu khuynh, chúng hun đúc chủ nghĩa sô vanh để chống lai chủ nghĩa xã hôi, chống phong trào hoà bình và

phong trào độc lập dân tộc, và để trì hoãn sự tan rã mau chóng của chúng, thì chủ nghĩa sô - vanh là một lợi khí rất thâm độc. Chủ nghĩa xét lại, mà tập đoàn Titô là sự biểu hiện tập trung cả về tư tưởng và hành động, đối nội cũng như đối ngoại, cũng dựa vào chủ nghĩa sôvanh để lại chủ nghĩa Mác - Lênin. Bọn đế quốc xui và gây nên những cuộc phiến loạn phản cách mạng ở Hunggari trước đây và vừa rồi ở Tây Tạng, những cuộc đảo chính có tính chất phátxít ở một số nước châu Á và châu Phi, là cũng đưa vào tính thần sôvanh của những tập đoàn phản động nhất ở các nước đó. Các khối liên minh quân sự mà đế quốc Mỹ lập ra cũng dựa trên cơ sở của chủ nghĩa sô - vanh. Trong việc phản tuyên truyền chống cộng sản của chúng, vì chúng ở vào một thế bị, vì, dù cho chúng nói gì thì nói, hành động gì thì hành động, ý thức của các dân tộc vẫn tiến, lực lượng cách mạng trên thế giới vẫn phát triển, nên chúng lợi dụng một cách rộng rãi thủ đoạn mà chúng cho là hiệu nghiệm hơn hết, đó là chủng nhân mạnh, nói đúng hơn là chủng cường điệu, thổi phồng và giả tạo nên một sự mê hoặc về *những đặc điểm của các dân tộc*, về cái mà chúng gọi là tinh thần cố hữu "bất di bất dịch" của các dân tộc trong đó chúng lợi dụng sự mê hoặc bằng tôn giáo làm phương châm chủ yếu. Bởi vì trong các nước thuộc địa cũ trước đây, vì bị phong kiến và đế quốc thống trị lâu năm, cho nên tính chất lạc hậu về kinh tế và xã hội được duy trì trong lâu năm đã đẻ ra và duy trì từ lâu năm tính chất lạc hậu về tư tưởng ý thức và văn hoá. Tuy mỗi nước xu hướng đó biểu hiện dưới một hình thức khác, nhưng bản chất vẫn là một, là mê muội quần chúng, và mục đích cũng là một, là chống lại phong trào cách mạng của quần chúng. Ở miền Nam, tập đoàn Ngô Đình Diệm nêu ra cái gọi là "duy linh" do thượng đế đinh đoạt, ở một số nước Trung Cận đông, những phần tử phản động nêu ra chủ nghĩa quốc gia Arập dựa trên Hồi giáo v v

Mồm thì niêm "duy linh" nhưng trong khi đó tập đoàn Ngô Đình Diêm dày đoa hàng triệu đồng bào miền Nam vào cảnh đói rét, thất nghiệp, phá sản để vơ vét của cải vào túi riêng của chúng và gia đình chúng, tàn sát hàng nghìn hàng vạn đồng bào, nhân viên trơ Mỹ để bo túi riêng của chúng, bày ra cái trò "cải cách điền địa" "lập khu trù mật" để gây cơ sở vật chất tốt cho bon đại địa chủ và tư sản mại bán bóc lột nông dân và công nhân không khác gì dưới thời kỳ phong kiến và thực dân, và duy trì sự chia cắt lâu dài đất nước, duy trì miền Nam dưới ách thuộc địa của đế quốc Mỹ Mồm thì bảo vệ "chủ nghĩa quốc gia" nhưng trong thực tế thì muốn thôn tính nền độc lập và bóp chết các dân tộc khác, bắt họ phụ thuộc vào một nước do một tập đoàn phản động thống trị Âm mưu thâm độc của chúng ở chỗ này, là chúng gieo rắc chủ nghĩa sô - vanh cốt để tiêu diệt bằng vũ trang phong trào cách mạng ở các nước đó, như miền Nam Việt Nam Mã lai, Phi Luật Tân, Thái Lan v v. Hoặc để khiêu khích và gây xung đột vũ trang ở các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và trong những nước độc lập, như ở Hungari, ở Tây Tang, ở Irắc, Inđônêxia, v v Và sau cùng, là cốt để làm cơ sở cho những khối liên minh quân sự do Mỹ cầm đầu, ở Trung Cận đông là khối Bát Đa trước đây và ở Á châu là khối Đông Nam Á hiện nay

Một điều nữa đáng chú ý là chúng còn lợi dụng tình hình ở những nước có nhiều thành phần dân tộc, mà trước đây dưới những chính thể phản dông, các dân tộc thiểu số ở những nước đó lâu năm chịu sự áp bức và chèn ép. Sau khi chính thể ở những nước đó đã thay đổi rồi, mặc dù là chính quyền cách mạng đã thừa nhận và thực sự đã thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, song bon đế quốc và tay sai của chúng vẫn tìm cách lợi dụng những mâu thuẫn, thành kiến và lòng ác cảm còn rớt lại của những dân tộc ít người đó đối với dân tộc nhiều người, kích thích và thổi phồng những thành kiến đó, vun

trong chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, nói đúng hơn là chủ nghĩa địa phương, để đi đến chỗ gây những cuộc phiến loạn phản cách mạng, dưới nhãn hiệu "Dân tộc tự quyết"! Việc phiến loạn ở Tây Tạng, hay là âm mưu (cố nhiên bị thất bại) của chúng đối với một vài thành phần thiểu số ở miền Bắc nước ta là những bằng cớ hiển nhiên. Những nước xã hội chủ nghĩa là mục tiêu chính của chúng, điều đó là dĩ nhiên rồi. Nhưng, chớ tưởng rằng chúng chỉ quấy rối ở những nước xã hội chủ nghĩa. Ở những nước chủ nghĩa dân tộc, chúng cũng không từ, thí dụ cụ thể là cuộc phiến loạn năm ngoái ở Inđônêxia, và âm mưu gây phiến loạn ở Irắc và ở các nước khác có chính thể tiến bộ. Đến như đối với Ấn Độ chung cũng không nể gì trong việc gây xung đột với Pakistăng, trong vấn đề Pakistăng chẳng hạn. Âm mưu thâm độc của chúng, âm mưu điển hình của chúng, là dùng người châu Á đánh người châu Á.

Trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, như Lênin nói, xu hướng của bọn đế quốc là mang đến khắp mọi nơi sự xâm lược, chứ không phải tự do, xu hướng của chúng là áp bức dân tộc chứ không phải là dân tộc tự quyết, và trong chính sách xâm lược của chúng, không những chúng nhằm nuốt các nước lạc hậu mà thôi, mà cả đến các nước tư bản có công nghiệp phát triển, chúng cũng không từ chối. Như vậy thì một thành phần dân tộc nào đó, đang ở dưới một chế độ bình đẳng trong một nước xã hội chủ nghĩa, mà đòi tách ra khỏi nước đó để thành lập một "quốc gia" riêng lẻ thời làm sao mà giữ được nền độc lập đối với bọn đế quốc? Nhất định thế nào cũng trở thành tay sai của bọn đế quốc? Ngoài việc để cho chúng vơ vét của cải, bóc lột nhân dân, lại còn làm bàn đạp cho chúng để khi cần khiêu khích và xung đột với nước xã hội chủ nghĩa, chúng đưa nhân dân đi làm bia đỡ đạn.

Do đó, phải nhìn nhận vấn đề dân tộc ngày nay dưới dấu hiệu của cuộc đấu tranh quyết liệt giữa chủ nghĩa tư bản giẫy chết, chủ nghĩa thực dân đang tan rã mau chóng và chủ nghĩa

xã hội đang lên, trong đó phong trào giải phóng dân tộc có chiều hướng không phải giải quyết vấn đề dân tộc theo tinh thần cũ - dân tộc tư sản, mà theo tinh thần mới - tinh thần dân tộc xã hội chủ nghĩa, là một bộ phận quan trọng Còn cái gọi là "vấn đề dân tộc" như cuộc phiến loạn ở Tây Tạng chẳng hạn, thì có phải là vấn đề dân tộc đâu, mà là một cuộc phá hoại sự thống nhất dân tộc, do bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng, những phần tử tối phản động, tối phản dân tộc gây nên Nhìn rộng hơn nữa, cũng trên cơ sở đó, là việc chia cắt lâu dài đối với đất nước, đối với một dân tộc như chính quyền miền Nam Việt Nam, miền Nam Triều Tiên, và Tây Đức Càng nhìn rộng ra nữa thì ta thấy có tập đoàn Tì tô ở Nam Tư, tách Nam Tư ra khỏi khối xã hội chủ nghĩa, để "tiến lên chủ nghĩa xã hội theo con đường riêng biệt"

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, những cái mà trước đây giai cấp tư sản đã dùng để chống lại và chiến thắng chủ nghĩa phong kiến, như tự do, dân chủ, bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết v v thời lại biến thành cái *trái ngược của nó*, nghĩa là giai cấp tư sản phủ nhận nó đối với những giai cấp và những dân tộc mà nó thống trị Thậm chí đến những cái mà trong thời kỳ thịnh trị, nó nêu lên như là một tôn chỉ thiêng liêng như tự do cạnh tranh chẳng hạn, đến thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, cũng bị bóp nghẹt ngay trong nội bộ của giai cấp tư sản Quyền dân tộc tự quyết chính là một nhiệm vụ của cách mạng tư sản, thế nhưng chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, đặc biệt là trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, lại xâm lược các dân tộc nhỏ yếu, lại bóp chết nền độc lập của các dân tộc, lại chà đạp lên quyền dân tộc tự quyết

Như vậy là chúng ta thấy rằng trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, không thể trông mong vào giai cấp tư sản để giải quyết vấn đề dân tộc dù là theo phương hướng và ý nghĩa tư sản của vấn đề Trong khi đi xâm lược các nước nhỏ yếu, thì bọn đế quốc không những chỉ có xu hướng chinh phục các nước lạc hậu về kinh tế, điều đó là hiển nhiên rồi, nhưng

chinh phục ngay những nước phát triển về công nghiệp, chúng cũng chẳng từ

Khi chỉ trích Caoskı về cách định nghĩa chủ nghĩa đế quốc Caoskı cho rằng "Chủ nghĩa đế quốc có xu hướng cắt xén và chinh phục ngày càng nhiều *vùng nông nghiệp lạc hậu*[1] không kể những dân tộc ở vùng đó là dân tộc nào" Lênin phê" Chính đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc là ở chỗ nó có xu hướng cắt xén *không những* các vùng nông nghiệp, mà cả đến những vùng rất phát triển về công nghiệp nữa (nước Bỉ bị Đức nhòm ngó, tỉnh Loren bị Pháp nhòm ngó), bởi vì, một là, thế giới đã bị chia xong, nếu *chia lại* thời tất nhiên người ta thò tay đến *bất cứ vùng nào*, hai là, và điều này là căn bản đối với chủ nghĩa đế quốc, sự cừu địch giữa các cường quốc lớn, chúng đều muốn làm bá chủ, nghĩa là chinh phục các nơi, không chỉ vì để chiếm được những nơi đó, mà để làm yếu địch thủ và để phá cái mưu làm bá chủ của địch thủ (nước Bỉ trước hết cần cho Đức để làm chỗ dựa chống Anh Anh trước hết cần Bátđa đê làm chỗ dựa chống Đức[2], v v) Thực tế hiện nay ở trong cái gọi là "thế giới tự do" mà bọn đế quốc Mỹ tự phong cho mình cái chức vị "lãnh đạo" không những nó đặt ra một thứ chủ nghĩa thực dân mới đối với các nước châm tiến, mà nó còn có dã tâm biến dần các nước đế quốc khác, yếu hơn ở Tây Âu thành những vệ tinh để sai khiến của bọn tài phiệt Mỹ, lại càng chứng thực một cách đanh thép sự nhận định của Lênin "Cần giải thích và kiên trì vạch rõ cho quảng đại quần chúng lao động của tất cả các nước, nhất là các nước châm tiến, thấy sự lừa dối mà các liệt cường đế quốc chủ nghĩa tiến hành có hệ thống, chúng mượn cớ lập ra những quốc gia độc lập về chính trị để tạo nên những nước hoàn toàn lệ thuộc vào chúng về mặt kinh tế, tài chính và quân sự"[3]

---

1 Do Caosky gạch dưới

2 V Lênin *Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* Tiếng Việt, xuất bản lần thứ hai, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1957

3 V Lênin *Sơ khảo đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* (đọc tại Đại hội lần thứ hai của Quốc tế Cộng sản)

Về phương diện đó, thì ở châu Á, nước Nhật hiện nay, và ở châu Âu, là vùng Tây Đức dưới sự thống trị của bè lũ Adênaơ, là những thí dụ khá rõ. Đó là chưa kể những hạng như tập đoàn Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam, Lý Thừa Vãn ở Nam Triều Tiên, v v.. Chúng là bọn tôi ở trung thành nhất của đế quốc Mỹ và đang biến các vùng đó thành những thuộc địa kiểu mới

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, cái xu hướng chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản thôn tính nền độc lập của các dân tộc ngày càng mạnh và càng phổ biến, và trong thời kỳ đó nghĩa là thời kỳ cách mạng vô sản, chỉ có giai cấp vô sản, chỉ có cách mạng vô sản mới giải quyết được một cách đúng đắn, kiên quyết triệt để vấn đề dân tộc Vì sao mà cách mạng vô sản giải quyết được một cách đúng đắn kiên quyết và triệt để Là vì nó *găn liền vấn đề giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phong lao động* Nếu quyền tư hữu về tư liệu sản xuất còn tồn tại, thì chế độ người bóc lột người còn tồn tại, mà áp bức dân tộc và bóc lột nhân dân lao động là không thể tách rời nhau, là hai chỗ dựa cho sự tồn tại của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa Đánh đổ mọi hình thức bóc lột, tức là đồng thời đánh đổ được mọi hình thức áp bức dân tộc.

" Vấn đề mấu chốt của chính sách của Quốc tế Cộng sản trong các vấn đề dân tộc và thuộc địa phải là sự liên hiệp giữa những người vô sản và những quần chúng lao động thuộc tất cả các dân tộc và các nước trong cuộc đấu tranh cách mạng chung để đánh đổ bọn đại địa chủ và giai cấp tư sản Bởi vì sự nghiệp liên hiệp đó là sự bảo chứng cho cuộc thắng lợi của chúng ta đối với chủ nghĩa tư bản, không có thắng lợi đó thì không thể tiêu huỷ được chế độ áp bức dân tộc và bất bình đẳng"[1].

1 V Lênin *Sơ thảo đề cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* (đọc tại Đại hội lần thứ hai của Quốc tế Cộng sản)

Đó là về lý luận. Nhưng, còn về thực tiễn thì chủ nghĩa Mác - Lênin giải quyết vấn đề như thế nào? Và cách giải quyết vấn đề trong thực tế, thì Cách mạng tháng Mười Nga là nơi điển hình. Nhờ Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa thắng lợi, chế độ tư bản đã bị đánh đổ, nước Nga, dưới chế độ Nga hoàng là nhà lao của các dân tộc, sau Cách mạng tháng Mười đã trở thành đại gia đình của các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, tương trợ nhau, cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội và đang cùng nhau bước vào chủ nghĩa công sản. Những dân tộc trong Liên bang Xô - Viết, trước đây rất cách biệt nhau về trình độ kinh tế, xã hội, văn hoá, chỉ trong vòng hơn 40 năm đã xoá bỏ được sự chênh lệch đó, và đều có đủ khả năng để phát huy những năng lực và sắc thái riêng của mình, bởi vì chế độ bóc lột và áp bức dân tộc đã bị tiêu huỷ. Đó là một thứ dân tộc mới, dân tộc xã hội chủ nghĩa, do cách mạng xã hội chủ nghĩa đẻ ra, và được *trưởng thành* trong sự nghiệp xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ngoài Liên Xô ra, chủ nghĩa xã hội cũng đã thắng lợi trong hơn 10 nước khác, từ Âu sang Á, trong đó có Trung Quốc vĩ đại.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa thành lập sau thế giới chiến tranh thứ hai, có những dân tộc đã hình thành và sống lâu năm dưới chế độ tư bản, ở đây giai cấp tư sản bản quốc đã thống trị trong lâu năm như các nước ở Đông Âu. Những dân tộc đó, nay là những dân tộc xã hội chủ nghĩa đã đành rồi, nhưng cũng có một số dân tộc khác như Việt Nam, Triều Tiên chẳng hạn, trước đây khi bị nước ngoài đô hộ, vẫn chưa trở nên những dân tộc tư sản, bởi vì trong hàng trăm năm họ chỉ là những thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, thời nay cũng đã trở thành những dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Vì sao có thể có được sự chuyển biến đó? Chính là vì cách mạng vô sản là một cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất ở chỗ giai cấp vô sản ở một nước tiền tiến thắng lợi rồi, có thể giúp đỡ các dân tộc khác, mặc dù họ

còn ở trong một giai đoạn phát triển thấp, khiến cho họ tiến rất nhanh, *đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà không cần phải kinh qua các chế độ xã hội mà các dân tộc đó chưa kinh qua trước khi đi vào chủ nghĩa xã hội* Đó là con đường phát triển không phải tư bản chủ nghĩa Con đường đó đã được kiểm nghiệm bởi Cách mạng tháng Mười Nga, và chính sách dân tộc Mác - Lênin của Đảng Cộng sản Liên Xô, con đường đó đang được thực hiện thắng lợi ở các nước trong phe xã hội chủ nghĩa xuất hiện sau chiến tranh thế giới thứ hai, ở miền Bắc Việt Nam, ở Bắc Triều Tiên, ở Trung Quốc, v v .

Nhưng, đó là về những dân tộc trước đây là thuộc địa mà nay đã ở trong hàng ngũ của phe xã hội chủ nghĩa rồi Còn những dân tộc chưa thoát ly khỏi ách của chủ nghĩa đế quốc, còn là những dân tộc thuộc địa thì thế nào? Ta phải đặt họ vào loại những dân tộc nào?

Để giải đáp câu hỏi đó, trước hết, ta phải nhận thức rằng thời đại đế quốc chủ nghĩa đồng thời cũng là thời đại cách mạng vô sản Trong thời đại cách mạng vô sản, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở trong các nước tư bản, một mặt, và mặt khác, mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa và bọn đế quốc thực dân, khiến cho có thể và nhất định phải thành lập một mặt trận chung giữa giai cấp vô sản cách mạng và các dân tộc bị áp bức, giữa cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản và phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa chống kẻ thù chung, là giai cấp tư sản đế quốc Như vậy là, trong thời kỳ cách mạng vô sản, các dân tộc thuộc địa từ chỗ làm hậu bị quân cho bọn đế quốc, có thể và nhất định phải trở thành hậu bị quân của cách mạng vô sản. Cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản ở các nước tư bản kết thành một mặt trận Như vậy, nghĩa là *Phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản,* và một khi ở các thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc do giai

cấp công nhân và Đảng của nó lãnh đạo và thắng lợi, thì nó có rất nhiều khả năng, nhiều điều kiện thuận lợi để chuyển biến nhanh chóng sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà không phải kinh qua con đường phát triển theo chủ nghĩa tư bản. Các Đảng Cộng sản và các Đảng Công nhân cách mạng thành lập ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, là sự thể hiện tính quy luật của phương hướng lịch sử mới đó và thể hiện một cách có ý thức quá trình chuyển biến lịch sử đó. Đối với hướng phát triển mới của các dân tộc bị áp bức, Cách mạng tháng Mười và sự tồn tại của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã có một ý nghĩa lịch sử cực kỳ trọng đại, có thể nói là có tính chất quyết định. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trung tâm cách mạng đã chuyển từ Trung Âu sang Đông Âu, từ Đức sang Nga. Trong thời kỳ này nước Nga làm cách mạng tư sản trong những điều kiện lịch sử tiến bộ hơn nước Đức hồi giữa thế kỷ XX, bởi vì vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nước Nga có một giai cấp công nhân giác ngộ hơn, có tổ chức hơn, có một giai cấp nông dân có nhiều khả năng cách mạng hơn, và trong khi đó thời chủ nghĩa tư bản đã bước sang giai đoạn tột cùng của nó, những mâu thuẫn của nó càng tăng lên và sâu thêm, và trước hết là cách mạng thêm được được một kẻ đồng minh hùng hậu, là *phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức*. Những điều kiện lịch sử tiến bộ đó đã kết tinh trong sự xuất hiện ở Nga chủ nghĩa Bônsêvich và Đảng Bônsêvich của Lênin để làm kim chỉ nam cho phong trào cách mạng thế giới. Vì vậy mà Lênin và Đảng Bônsêvich ngay từ đầu đã đặt ra, cụ thể hoá và phát triển hơn nữa học thuyết của Mác về vấn đề dân tộc, cố nhiên là xuất phát từ thực tế của nước Nga, nhưng cũng là quy luật chung đối với phong trào cách mạng thế giới, đối với phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức.

Chủ nghĩa Mác phát triển sang giai đoạn Lênin, cũng như trung tâm cách mạng đã chuyển biến từ Trung Âu

sang Đông Âu, là kết quả của quá trình phát triển của lịch sử và của phong trào công nhân quốc tế trong nửa sau thế kỷ XIX, Như vậy nghĩa là nó tổng hợp cái *xu hướng chung của lịch sử của các dân tộc*, chứ không phải chỉ riêng một mình nước Nga

Vì điều kiện lịch sử như vậy nên nếu cách mạng tư sản bùng nổ ra ở Nga, thì nhất định chuyển biến rất nhanh chóng thành cách mạng vô sản, và nó là ngọn cờ tiền phong của cách mạng thế giới Thực tế đã hoàn toàn chứng nhận điều đó Chỉ trong vòng mấy tháng từ tháng 2 đến tháng 11 năm 1917 những biến cố cách mạng ở Nga thật đã có tác dụng làm đầu tàu của lịch sử, cách mạng Nga đã có những bước nhảy vọt chưa từng có trong lịch sử Cái xu hướng mới của lịch sử thế giới khi bước vào thời kỳ cách mạng vô sản, đã chín muồi và mãnh liệt đến nỗi nó tạo ra một hoàn cảnh thuận lợi để cho cách mạng Nga có những bước nhảy vọt như vậy, mặt khác, khiến cho cách mạng đó ngày càng củng cố, mặc dù bị thế giới tư bản bao vây và tấn công ác liệt về các mặt, và ba là, nó đã vạch ra và khai thác một con đường duy nhất dùng cho phong trào cách mạng thế giới, đó là con đường xã hội chủ nghĩa khoa học của Mác - Lênin

Như vậy là khi chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, thì nó đã tạo nên một hoàn cảnh khách quan để cho cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, đồng thời để cách mạng đó có thể giải quyết những vấn đề dân tộc một cách triệt để, nghĩa là tạo nên một thứ dân tộc mới, dân tộc xã hội chủ nghĩa, trong khi mà chủ nghĩa tư bản, sau khi thế giới đã bị chia rồi, và muốn chia lại, thì không tránh khỏi những xung đột võ trang giữa các phe đế quốc, càng vi phạm trắng trợn để đi đến tiêu diệt hoàn toàn quyền dân tộc tự quyết Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa ở Nga là cái nhân tố chủ quan quyết định để biến cái khả năng khách quan do thời kỳ đế quốc chủ nghĩa đã mang lại, thành cái thực tế trên một phần sáu quả cầu

Từ Cách mạng tháng Mười thành công đến thế giới chiến tranh lần thứ hai, là thời kỳ mà cuộc khủng hoảng chung của chủ nghĩa tư bản càng trầm trọng, đồng thời là thời kỳ chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi ở Liên Xô, và là thời kỳ củng cố và phát triển của lực lượng cách mạng trong toàn thế giới, trong đó có cả cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới là không thể tách rời khỏi sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, và sự suy vi nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản. Trong thời kỳ này, cái xu hướng mới trong con đường phát triển của các dân tộc đã thể hiện một cách rõ ràng ở sự xuất hiện Đảng Mác - Lênin của giai cấp công nhân trong hầu hết các nước thuộc địa, hoặc trong những nước nửa thuộc địa và thuộc địa lớn ở khắp các châu.

Như vậy là trong quá trình phát triển của cách mạng trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất và sau sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, đã tạo nên một nhân tố lịch sử mới, là *giai cấp công nhân đảm nhiệm vai trò lãnh đạo đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, lấy sự liên minh giữa giai cấp nông dân và công nhân làm cơ sở*. Vì vậy ở những nước mà trong giai đoạn đầu cách mạng còn có nhiệm vụ đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và quét sạch những tàn tích của những quan hệ bóc lột phong kiến nông nô, như ở các nửa thuộc địa và thuộc địa chẳng hạn, thì cách mạng không cần phải theo phương hướng cũ, theo con đường của cách mạng tư sản kinh điển, mà lại theo một phương hướng mới, theo con đường mới, là con đường *dân chủ nhân dân* với cái triển vọng chuyển biến rất nhanh chóng sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau Cách mạng tháng Mười, nói chung, cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa đã bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ *dân chủ nhân dân*. Nếu chúng ta nói Cách mạng tháng Mười đã mở ra cho lịch sử thế giới một kỷ nguyên mới, là bao hàm cả mặt đó. Như thế

là trên thế giới, bên cạnh hệ thống cũ, hệ thống tư bản chủ nghĩa ngày càng đi sâu vào cuộc khủng hoảng của nó, thì đã hình thành một hệ thống mới, là hệ thống xã hội chủ nghĩa, tuy nó mới xuất hiện trong phạm vi của một nước, nhưng nó có vai trò quyết định ở chỗ là từ nay, sự diễn biến của cục diện thế giới sẽ tiến hành *trên cơ sở thế giới chia làm hai hệ thống, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội*. Một phong trào gì xảy ra ở bất cứ một nước nào, nếu nó nhằm đánh vào và làm yếu thế lực của hệ thống tư bản chủ nghĩa, thời như vậy là nó củng cố thêm vị trí của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Phong trào đó về khách quan là nằm trong lực lượng dự trữ, trong lực lượng đồng minh của cách mạng vô sản, bởi vì hễ nó đánh vào dinh luỹ của thế lực phản động chủ yếu là chủ nghĩa đế quốc, thời nó là tiến bộ.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong tình hình thế giới đã diễn ra một sự thay đổi sâu sắc: chủ nghĩa xã hội, từ trong phạm vi của một nước, đã lan rộng trong phạm vi một loạt nước trên hai đại lục Âu và Á. Cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ ở những nước đó, đã chuyển biến rất mau chóng sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cũng nhờ hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành hệ thống thế giới, nó đã đưa đến một sự thay đổi trong sự so sánh lực lượng giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa, có lợi cho hệ thống xã hội chủ nghĩa, cho nên ở những nước trước đây còn là những nửa thuộc địa hay là thuộc địa, đặc biệt như Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, miền Bắc Việt Nam (ở miền Bắc Việt Nam, vì hoàn cảnh khách quan phải trải qua một thời kỳ kháng chiến lâu, cho nên mức độ và tốc độ có hơi khác) cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đã chuyển rất nhanh sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Vì có sự thay đổi căn bản nói trên trong cục diện thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, cho nên lịch sử đã bước sang một giai đoạn mới, *giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội*.

Là giai đoạn quá đô vì cán cân lực lương nghiêng hẳn về phe xã hôi chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hôi hơn hẳn chủ nghĩa tư ban về mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học kỹ thuật, bởi vì hàng loạt nước đã trở nên độc lập, tách ra khỏi hệ thống đế quốc chủ nghĩa, khiến cho chủ nghĩa thực dân lung lay đến tận gốc và tan vỡ ra từng mảng; bởi vì nhân dân thế giới phản đối âm mưu gây chiến tranh thứ ba, càng biểu thị ý chí giữ gìn nền hoà bình thế giới. Là giai đoạn quá đô, bởi vì phong trào công sản thế giới là cái nhân tố có tính chất quyết định đối với cục diện thế giới ngày nay. Là giai đoạn quá đô bởi vì địa bàn hoạt động của chu nghĩa đế quốc bị co hẹp lại, khiến cho chủ nghĩa đế quốc trước kia đứng vững trên hai chân, nay phải co một cẳng lại mà đứng, nó càng bị cô lập, và điều này rất quan trọng, chủ nghĩa đế quốc *mất hẳn chỗ dựa trong hàng nghìn triệu dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*, mặc dù nó còn mua chuộc, du dỗ được bọn thống trị ở một số nước đó. Những bọn này lại là bọn tôi phản động, vong bản, không có cơ sở và không có uy tín trong nhân dân, chúng có duy trì được địa vị thống trị chỉ nhờ dựa vào bạo lực, dựa vào đô - la và vũ khí của tập đoàn đế quốc phản động nhất, hiếu chiến nhất, là đế quốc Mỹ.

Thế thì hiện nay, trong giai đoạn quá đô từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội lại càng có *nhiều khả năng* hơn để phá vỡ dây xích của chu nghĩa đế quốc, bởi vì dây xích đó qua không đầy nửa thế kỷ đã bị phá vỡ không những ở một khâu, mà ở nhiều khâu, không những ở một đại lục, mà ở trên hai đại lục, không những ở những nước tư bản có nền công nghiệp tương đối phát triển, mà cả ở một số nước thuộc địa và nửa thuộc địa trong đó có Trung Quốc là nước "bán lê" của thế giới thuộc địa ở phương Đông trước đây. Không những sợi dây xích đó đã bị phá vỡ hẳn ở những khâu mà ở đây đã xuất hiện các nước xã hội chủ nghĩa, mà trong một chừng mực nhất định, có thể nói rằng nó cũng đã bị *giãn đoạn ở những vùng đã thành lập*

các nước độc lập ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ - Latinh
Bởi vì những dân tộc này giành được độc lập tức là họ đã tách ra khỏi sự chi phối tuyệt đối của các nước đế quốc, và họ thiết tha bảo vệ nền độc lập của họ, do đó mà họ mong muốn được hưởng một nền hoà bình lâu dài và bền vững để củng cố địa vị độc lập của họ Như vậy là bọn đế quốc không thể dựa vào họ như trước nữa để gây tai họa chiến tranh một cách dễ dàng và tuỳ tiện

Xem đó thì thấy rằng sợi dây xích của chủ nghĩa đế quốc mong manh hơn trước nhiều, và thực tế ra, nó cũng không còn là một sợi dây xích có hệ thống và hoàn chỉnh nữa, bởi vì những nước độc lập, trước đây là thuộc địa nay tuy còn thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhưng không vì vậy mà bọn đế quốc có thể xỏ mũi được họ để dắt họ đi đâu thì dắt. Đó cũng là một đặc điểm của thời kỳ này, nó nói lên sự khủng hoảng trầm trọng, những mâu thuẫn vô cùng sâu sắc của hệ thống tư bản chủ nghĩa Đó cũng là một mặt không phải thứ yếu của tính chất quá độ của thời kỳ mà chúng ta đang trải qua

Nhưng, chúng ta cần đặc biệt chú ý một điểm sau này. Trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản tạo nên những điều kiện thuận lợi để sợi dây xích của chủ nghĩa đế quốc có thể bị phá vỡ ở khâu yếu nhất của nó, nghĩa là ở những nơi mà mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc tập trung nhất và sâu sắc nhất, và ở đó tuy không nhất thiết phải có một trình độ phát triển công nghiệp rất cao, nhưng cũng phải có một cơ sở công nghiệp nhất định Đó là rất đúng, và trong giai đoạn khi mà chủ nghĩa đế quốc còn là một hệ thống hoàn chỉnh, khi mà cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa thành công ở một nước nào trên thế giới, hoặc khi mới hình thành công ở một nước riêng lẻ Nhưng ngày nay, khi thế giới đã bước sang giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội thì nguyên lý trên do Lênin đề xướng đưa ra trước tiên, được tiếp tục phát triển

Dựa trên cơ sở nào mà nguyên lý đó được phát triển rộng hơn? Trước hết là trên cơ sở ngày nay, chủ nghĩa xã hội đã thành một hệ thống thế giới, trong khi đó thì chủ nghĩa thực dân đã bị tan rã. Hai là, ngày nay, phong trào công sản thế giới đã thành một lực lượng hùng hậu, có tác dụng quyết định đối với cục diện thế giới, trong khi đó thì lực lượng phản động ngày càng bị cô lập, càng mất uy tín đối với nhân dân. Ba là, ý chí bảo vệ hoà bình của nhân dân thế giới ngày càng cao, đi đôi với ý thức bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ tự do dân chủ, đòi cơm áo và đời sống công ăn việc làm, trong khi đó thì bọn thống trị phản động ở các nước đế quốc vẫn theo đuổi chính sách tăng cường binh bị, sản xuất và thử những vũ khí giết người hàng loạt, nuôi chiến tranh lạnh và gây ra những cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ ở các nơi, làm thêm trầm trọng khủng hoảng kinh tế, chứa chấp nạn thất nghiệp, đói khổ, khiến hàng triệu người sống trong tình thế căng thẳng, lo ngại, bất an. Bốn là, những mâu thuẫn giữa các tập đoàn đế quốc chủ nghĩa càng thêm sâu sắc. Nói tóm tắt, trận địa cách mạng ngày nay rộng lớn hơn bao giờ hết, mà nó lại có *thực lực*, mà những thực lực đó, cả về tinh thần và vật chất, hơn hẳn thực lực của trận địa đế quốc chủ nghĩa ngày càng bị thu hẹp lại. Ngày nay, vấn đề không còn là nước xã hội chủ nghĩa hiện có đứng vững được lâu không, mà là *thế giới tư bản chủ nghĩa còn sống được bao nhiêu năm nữa?* Đó là điều căn bản. Do đó mà khả năng phá vỡ những khâu còn lại trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc là nhiều hơn trước, và sự phá vỡ đó, *có thể là ở những khâu con thấp về trình độ phát triển công nghiệp*, ví dụ như ở một nước nhỏ ở châu Á, Trung Cận đông, châu Phi hay châu Mỹ - Latinh chẳng hạn, nghĩa là một nước ở trong hệ thống thuộc địa.

Ví dụ như Việt Nam làm Cách mạng tháng Tám, thiết lập chính thể dân chủ nhân dân, ngay sau đó kháng chiến trong 8 năm, và sau chiến tranh bước sang giai đoạn cách

mang xã hội chủ nghĩa, đó là một hành động cách mạng sáng tạo vô cùng anh dũng, đã đánh một đòn chí mạng vào hệ thống đế quốc chủ nghĩa Pháp, khiến cả hệ thống đó càng tan rã mau chóng, đồng thời càng làm yếu sức của toàn bộ hệ thống của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Điều đó chứng minh một cách đanh thép rằng, trong thời đại cách mạng vô sản, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, những dân tộc dù phát triển chậm, vẫn có thể và nhất định có phần đóng góp vào sự nghiệp sáng tạo lịch sử.

Những sự việc đó tất nhiên đưa đến nhận thức rằng trong giai đoạn này không nhất thiết ở một nước tư bản lớn, cách mạng có lật đổ giai cấp tư sản rồi, thì các thuộc địa của nước ấy mới được giải phóng mà có thể ngược lại, nếu các dân tộc thuộc địa được Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo một cách vững chắc, thì họ có thể được giải phóng trước, và bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi mà nước đế quốc lớn, cách mạng chưa thành công. Chứng cớ cụ thể là miền Bắc Việt Nam với Pháp, Bắc Triều Tiên với Nhật Bản, v.v. Cũng có thể áp dụng lời của Mao chủ tịch "gió Đông thổi bạt gió Tây" theo ý nghĩa đó.

Cục diện đó ngày nay có những diễn biến mới như vậy, là vì về hoàn cảnh khách quan thì có cả một hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa thực dân đã tan rã, lực lượng to lớn của phong trào hoà bình thế giới và những lực đục nghiêm trọng trong phe đế quốc nhưng về điều kiện chủ quan, chủ yếu là do sự *giác ngộ của các dân tộc đã lên cao*, mà mỗi khi họ đã được giác ngộ, thì họ tìm mọi cách để tự giải phóng lấy mình, tinh thần sáng tạo cách mạng của họ là vô tận - sự lạc hậu về kinh tế không còn là một sự trở ngại cho các dân tộc nổi lên làm cách mạng, và sau khi được giải phóng, tiến nhanh sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bởi vì có sự hợp tác quốc tế, có sự giúp đỡ vô tư của cả một phe xã hội chủ nghĩa, nhất là vì tính chất ưu

viết của chế độ xã hội chu nghĩa Trung Quốc, trước khi giải phóng, còn là một nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa nhưng trong một tương lai rất gần, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về sản xuất công nghiệp căn bản sẽ vượt qua những nước tư bản tiên tiến nhất Ai có thể đảm bảo rằng những thuộc địa cũ như miền Bắc nước ta, hiện đang tiến trên con đường xã hội chủ nghĩa, trong một tương lai cũng không xa xăm gì, dài lắm là 20, 25 năm nữa, sẽ không tiến kịp, hoặc không vượt qua những nước tư bản tương đối lớn như Pháp chẳng hạn? Nhưng, cố nhiên, một mặt khác, chúng ta cũng hết sức mong rằng trong thời gian đó, giai cấp công nhân ở những nước ấy sẽ lật đổ được giai cấp tư sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội để càng tiến nhanh hơn nữa, càng tăng cường lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa và sẽ góp một phần cực kỳ quan trọng vào việc giữ gìn an ninh và củng cố hoà bình thế giới

Điều căn bản, chính là cái ý thức, trình độ giác ngộ của quần chúng, cái ý chí ngày càng rõ rệt, càng có tổ chức của họ tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa khoa học của Mác - Lênin

Những chính khách, những nhà trí thức, thậm chí cả những nhà quân sự của thế giới tư bản chu nghĩa, nếu họ không mù quáng bởi mộng làm bá chủ hoặc tinh thần hiếu chiến, đầu óc xâm lăng của thiểu số thống trị, thời cũng phải thừa nhận rằng thế giới ngày nay không phải là của chủ nghĩa tư bản nữa Hoặc ít nhất họ cũng thấy trước rằng trong một tương lai gần đây thế giới sẽ thoát ra ngoài sự khống chế cua chủ nghĩa tư bản Bác sỹ Etua Tenlơ (Edward Teller) ở Mỹ được coi là kẻ chế tao đầu tiên ra bom khinh khí, trong một bài diễn văn đọc tại trường đại học ở thành phố Min uan ki, gần đây có nói rằng "đến cuối thế kỷ này thôi thế giới sẽ được uốn nắn theo tư tưởng của người Nga chứ không phải theo tư tưởng của chúng ta", "và trong 10 năm nữa, nước Nga sẽ trở nên lãnh tu không ai tranh chấp

nổi của thế giới trong lĩnh vực khoa hoc" (Theo hãng thông tấn Anh Roitơ ngày 21 - 5 - 1959) Cái mà bác sĩ Tenle goi là "tư tưởng của người Nga" không khác gì ngoài tư tưởng xã hôi chủ nghĩa khoa hoc của Mác - Lênin nó đã thức tỉnh hàng trăm triêu giai cấp công nhân, nhân dân lao đông và các dân tộc bi áp bức toàn thế giới, và hiên nay, nó đang ăn sâu vào ý thức của ho, chứ không đơi đến cuối thế kỷ, như bác sĩ Tenle nói Còn câu nói "nước Nga sẽ trở nên lãnh tu không ai tranh chấp nổi của thế giới trong lĩnh vực khoa hoc" thời nên hiểu là chế đô xã hôi chủ nghĩa hơn hẳn chế đô tư bản chủ nghĩa trong tất cả lĩnh vực, chứ không phải chỉ trong lĩnh vực khoa hoc mà thôi.

Nguyên soái Mônggômeri, một trong những nhân vật chỉ huy tối cao của quân đôi đồng minh Tây Âu trong chiến tranh thế giới thứ hai, sau khi qua thăm Liên Xô hồi năm ngoái, trong môt cuôc nói chuyên ở trường đai hoc Ốcxơpho (Anh) có nói· "Cuôc chiến đấu trong 10 năm tới sẽ rất khác Nó sẽ là môt cuôc chiến đấu chính trị, tài chính và kinh tế. Trước hết, nó sẽ là môt cuôc chiến tranh tư tưởng, môt cuôc chiến đấu để chinh phuc quá tim và trí tuê của người ta, và nó sẽ lan toá ra khắp thế giới, như xưa nay vẫn thế" (Theo hãng thông tấn Pháp AFP ngày 22 - 5 - 1959) Vì cũng không thể không nhân thấy cái ưu thế của phe xã hôi chủ nghĩa trong cuôc chiến đấu đó, cho nên nguyên soái Mônggômeri đã đi đến kết luận về sư cần thiết chung sống hoà bình: "Chúng ta không nên đóng cửa lại trước mỗi khả năng chung sống hoà bình với người Nga, nếu cái đó có thể thưc hiện được mà không pham đến danh dư của cả đôi bên"

Thời đai này là thời đai cách mang xã hôi chủ nghĩa là thời kỳ quá đô từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hôi, cách mang giải phóng dân tôc là bô phân của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nó don đường cho việc tiến lên chủ nghĩa xã hôi, cho nên tính chất dân tôc của cách

mang là gắn chặt với tính chất dân chủ "Cách mang tháng Mười xã hội chủ nghĩa vĩ đại thắng lợi đã phá vỡ mặt trận chủ nghĩa đế quốc thế giới, thắng lợi đó đã mở ra một thời đại mới của cách mang thuộc địa Trước kia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc kết thúc bằng sự xây dựng chính quyền của giai cấp tư sản và do đó dọn sạch đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển tự do hơn Nhưng ngày nay trong thời đại khủng hoảng chung của chủ nghĩa tư bản, cách mang dân tộc thuộc địa do giai cấp vô sản lãnh đạo dẫn tới chỗ xây dựng chính quyền nhân dân Chính quyền nhân dân sẽ đảm bảo cho nước đó phát triển theo con đường dẫn tới chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" (Lênin)

Rõ ràng là các nước nói trên sau chiến tranh thế giới thứ hai (phải nói thẳng ra rằng trừ các dân tộc nhỏ yếu ở Liên Xô không kể ra Còn tất cả các thuộc địa cũ cũng chỉ sau chiến tranh thế giới thứ hai mới giành lại được độc lập) được giải phóng chủ yếu là nhờ lực lương lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa, nhờ sự lớn mạnh của *Phong trào công sản thê giơi*, nghĩa là đứng trong phạm vi quốc tế mà nói, tức là cũng là nhờ ở *sự lãnh đạo của giai cấp công nhân*

Nói như vậy không phải là ta phủ nhận vai trò tích cực của giai cấp tư sản dân tộc trong phong trào giải phóng dân tộc Trong phong trào đó, với tinh thần yêu nước, chống đế quốc - chống phong kiến - có nhiên là trong một chừng mực nhất định, họ đã có phần đóng gop, đã tỏ ra có những khả năng cách mang, cho nên Đảng của giai cấp công nhân ở các thuộc địa coi họ là lực lương đồng minh, một thành viên trong Mặt trận dân tộc thống nhất

Do đó mà chúng ta lại cũng không phủ nhận vai trò tích cực của các thuộc địa cũ nay đã trở thành những nước độc lập, nhưng ở đây giai cấp tư sản dân tộc nắm chính quyền Chúng ta vẫn coi những nước đó là một lực lương đáng kể

trong việc giữ gìn hoà bình, cái mà cả loài người hiện nay đang thiết tha mong mỏi hơn bao giờ hết. Vì họ mới giành độc lập và giới cầm quyền ở những nước đó cũng mong củng cố địa vị của mình, cho nên họ cũng nhận thức ra rằng nếu có chiến tranh thì sẽ bất lợi cho họ, vì nó đe doạ nền độc lập dân tộc của họ và vì vậy họ không muốn chiến tranh và họ muốn hoà bình. Xu hướng đó là rất phù hợp với nguyện vọng và cố gắng của loài người tiến bộ, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa, mà mục tiêu phấn đấu cao cả nhất, quan trọng nhất hiện nay là bảo vệ hoà bình thế giới, ngăn ngừa chiến tranh.

Những nước đó có thể đóng vai trò tích cực trong việc giữ gìn hoà bình, bởi vì họ đã giành được độc lập tức là họ *đã tách ra khỏi các nước đế quốc*, họ không còn là sức dự trữ, là hậu bị quân của bọn chủ nghĩa đế quốc nữa. Chúng ta cũng đã biết từ trước, bọn đế quốc xâm chiếm thuộc địa vì hai mục đích: một là, để vơ vét của cải thuộc địa để làm giàu thêm cho bọn tư bản độc quyền ở chính quốc, hai là, để đảm bảo cho chúng có chỗ dựa, có những điều kiện có lợi trong việc tranh giành, xâu xé với bọn đế quốc khác, hoặc trong những âm mưu phản cách mạng của chúng chống các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, và chống cả những nước có một chính thể tiến bộ. Cho nên, trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng, chúng lợi dụng các thuộc địa như là kho chứa sức người, sức của, sức chứa tài nguyên và như là căn cứ chiến lược. Những thuộc địa đã thoát ly khỏi quyền khống chế và quản lý của chúng là đã giảm bớt lực lượng của chúng, giảm bớt khả năng gây chiến của chúng.

Vì vậy, chúng ta tôn trọng thái độ trung lập của các nước đó, chúng ta quý mến và mong tăng cường những quan hệ hữu nghị giữa phe xã hội chủ nghĩa với những nước đó, giúp đỡ họ phát triển nhanh chóng về kinh tế và văn hoá để củng cố nền độc lập dân tộc của họ, vì chúng ta đứng trên lợi ích

chung của nền hoà bình thế giới, trong đó tất nhiên và trước tiên có cả lợi ích của chúng ta

Chỉ có những kẻ bị chủ nghĩa quốc gia tư sản hẹp hòi làm cho mù quáng, những kẻ thiếu tinh thần dân chủ, đeo đuổi chính sách độc tài cá nhân ở các nước đó mới vu khống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa có âm mưu can thiệp vào nội trị của họ. Các nước xã hội chủ nghĩa cần gì can thiệp vào nội trị của họ, có cần gì âm mưu lật đổ họ, bởi vì cách mạng không phải là một món hàng nhập cảng. Hai là, thời đại này là thời đại *quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội*. Mặc dù những nước đó hiện giờ theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng đó cũng chỉ là *một bước qua đò*, sớm muộn họ cũng sẽ lần lượt bước vào con đường xã hội chủ nghĩa, và đó là quy luật tất yếu, lúc đó, dù những giới thống trị của những nước đó có muốn ngăn chặn cũng không được, và cũng không phải vì các nước trong phe xã hội chủ nghĩa muốn "nhập cảng" cách mạng một cách cưỡng ép vào những nước đó

Thời đại này có tính chất quá độ là ở chỗ, mặc dù Liên Xô và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa không can thiệp vào nội trị của nước nào, và mặc dù Mỹ và phe đế quốc can thiệp một cách trắng trợn vào các nước khác, điều đó không ngăn ngừa được đông tác của quy luật tất yếu, nó biểu hiện ở sự tăng cường nhanh chóng khí thế của chủ nghĩa xã hội và ở sự giảm sút nhanh chóng uy tín của chủ nghĩa tư bản trong các dân tộc bị áp bức. Một chính khách Mỹ là Dugolat (Douglas) Chánh án tòa án tối cao Mỹ, vừa rồi bất đắc dĩ đã phải thừa nhận điều đó: "Uy tín của Mỹ ngày càng xuống dốc ở châu Á. Mỹ nhằm ngăn chặn bành trướng của công sản ở châu Á là một ảo tưởng" (Theo hãng thông tấn Mỹ UPI ngày 11 -2 - 1959)

Chúng ta nên hiểu Mỹ đây tức là chủ nghĩa tư bản nói chung, châu Á tức là tất cả các dân tộc bị áp bức và nhỏ yếu nói chung, và công sản tức là chủ nghĩa xã hội

3. Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Cuộc cách mang giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một quá trình phức tap, do đó mà nó có một nội dung rất phong phú

Tất nhiên, phong trào giải phóng dân tộc bắt đầu từ khi một dân tộc bị một nước đế quốc xâm lược, và nhân dân nước bi xâm lược nổi lên chống kẻ ngoai xâm. Song, những cuộc nổi dây buổi đầu đó còn mang tính chất một thứ phản xa tư nhiên, còn thiếu tính tổ chức và thiếu ý thức (ý thức đây có nghĩa là đã có một chủ trương, đường lối, phương hướng nhất đinh, tương đối có hê thống)

Giai đoan từ chỗ tư phát đến chỗ ý thức trong phong trào giải phóng dân tộc ở Viêt Nam bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX Sở dĩ phong trào bước vào giai đoan đó, là vì cũng do hoàn cảnh khách quan chung của toàn thế giới và riêng ở Viêt Nam, do hoàn cảnh bên trong và hoàn cảnh bên ngoài mà có

Đó là thời kỳ khi chủ nghĩa tư bản đã bước sang giai đoan đế quốc chủ nghĩa Như vây, nghĩa là tất cả cơ cấu xã hôi, sư phát triển của loài người là bi chi phối bởi hê thống đế quốc chủ nghĩa, trong đó những hôi đôc quyền đã ngư tri trong đời sống kinh tế Tính chất của giai đoan đó, về măt xã hôi, đã đẻ ra hai hâu quả như sau Trong phong trào công nhân ở các nước tư bán, một phái tách ra khỏi đường lối giai cấp, để thích nghi vào hoàn cảnh mới, đó phái là phái xu thời, phái cải lương mà cơ sở xã hôi là tầng lớp giai cấp công nhân quý tôc, nó là một chỗ dưa của giai cấp tư sản đế quốc Tuy trào lưu hoà hoãn giai cấp đó trong trong trào công nhân Tây Âu có tính chất phổ biến, nó thành phong trào chính thức công khai, mà những kẻ hô xướng, cầm đầu nó cho là một thứ quy luật của thời đai mới, nhưng nó chỉ

là một hiện tượng tạm thời, mặc dầu là "không tránh khỏi", bởi vì quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản là một quá trình phát triển mâu thuẫn bên trong nó, mà giai đoạn đế quốc chủ nghĩa đã đưa mâu thuẫn đó đến trình độ phát triển cao nhất, vì vậy mà nó là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Vì rằng phong trào cải lương chỉ có cơ sở trong một lớp người nhất định, còn chủ nghĩa đế quốc thống trị là kẻ đối lập với toàn cả xã hội, sự thống trị đó lại thu hẹp trong tay một nhóm người rất ít - bọn tài phiệt. Cái đó nói lên vì sao mà trong cách mạng vô sản giai cấp công nhân có thể tập hợp được xung quanh mình đông đảo những người lao động. Trào lưu cải lương không những là một xí đồ bắt giai cấp công nhân lệ thuộc vào giai cấp tư sản về mặt tư tưởng và chính trị, biến nó thành công cụ của giai cấp tư sản nhưng còn một xí đồ chia rẽ nội bộ của giai cấp công nhân một công cụ để ngăn ngừa sự tập hợp và cách mạng hoá công nhân, nó là cái hậu quả thứ hai của sự chuyển biến giai đoạn của chủ nghĩa tư bản. Và hậu quả thứ hai này quan trọng hơn hết bởi vì nó quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản, khiến cho cách mạng vô sản từ địa hạt lý luận, bước sang địa hạt thực tế, và chính nó biến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thành giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản.

Như vậy là một mặt, thời đại đế quốc chủ nghĩa đã đẻ ra trong phong trào công nhân ở Tây Âu một xu hướng thích nghi, cải lương coi chủ nghĩa tư bản như là một hiện tượng vĩnh viễn chỉ thấy cái "mạnh" của nó, bị khuất phục trước sức mạnh "sức vạn năng" của chủ nghĩa tư bản độc quyền, thì mặt khác lại đẻ ra cái xu hướng ngược lại, đó là xu hướng cách mạng trong phong trào giai cấp công nhân quốc tế, mà xu hướng này mới có tính chất quy luật tất yếu bởi vì nó là do mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển mà nảy nở ra và khi mà chủ nghĩa tư bản đã đến thời kỳ diệt vong, thời xu hướng đó tất nhiên trở thành *chân lý phổ biến của thời đại*. Vì vậy mà chủ nghĩa Lênin mới tiếp

tục và phát triển chủ nghĩa Mác, trong điều kiện lịch sử mới, có một tính chiến đấu và sáng tạo mà chưa có một học thuyết bào bì kịp, vì vậy mà nó hấp dẫn và chinh phục một cách kỳ diệu không những đông đảo những người vô sản, mà tất cả những kẻ bị áp bức trên toàn thế giới

Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX ở vào lúc trong lịch sử thế giới có những chuyển biến căn bản như vậy, lúc mà *chủ nghĩa đế quốc ngự trị trên thế giới, nhưng cũng là lúc mà chủ nghĩa Lênin ra đời*

Ở Việt Nam thì thế nào? Vào khoảng cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, sự xâm lược đã từ thời kỳ gọi là " bình định", nghĩa là lúc dùng quân sự trấn áp những cuộc nổi dậy có tính chất phản ứng tự phát như phong trào "Cần vương", mà bước sang thời kỳ đặt nền móng cho việc cai trị thuộc địa một cách bền chắc và lâu dài, củng cố những khu vực đã chinh phục được, bắt đầu đầu tư nhiều và khai thác một cách có hệ thống, có quy củ Do đó, mà cũng ít nhiều cơ sở để đặt ra vấn đề "hợp tác giữa kẻ ngoại xâm, nay đã trở thành người "chủ" công khai, hình như là mặc nhiên, và dân tộc bị áp bức, có một sự "thích nghi" của dân tộc bị chinh phục vào hoàn cảnh mới, và ủng hộ chế độ thuộc địa"

Nhưng một mặt khác, sự củng cố nền thống trị của chủ nghĩa thực dân ở thuộc địa là kinh qua sự tăng cường áp bức và bóc lột tàn nhẫn nhân dân thuộc địa tăng cường ách áp bức dân tộc nói chung, khiến cho mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và thuộc địa nó là mâu thuẫn chính và căn bản, ngày càng sâu sắc, càng trầm trọng Cái đó không thể không thúc đẩy mạnh mẽ và nhanh chóng quá trình cách mạng hoá nhân dân thuộc địa, là cơ sở của sự phát triển ngày càng mạnh phong trào giải phóng dân tộc Vì ách thực dân đè nặng lên toàn cả dân tộc cho nên xu hướng thích nghi với chế độ thuộc địa, xu hướng 'hợp tác" với thực dân

chỉ dính líu với một số ít người bản xứ, trong khi mà chế độ thuộc địa đối lập lại một cách gắt gao với toàn cả dân tộc. Cái đó giải thích tại sao mà cách mạng giải phóng dân tộc có thể và phải tập hợp được đông đảo các tầng lớp trong dân tộc bị áp bức thành một mặt trận dân tộc rộng rãi.

Mặt khác, là cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, đối với các dân tộc thuộc địa phương Đông, thời kỳ khi mà "các nước phương Tây đã kết thúc các cuộc cách mạng tư sản, còn các dân tộc phương Đông thì chưa đi tới đó" (Lênin) đã chấm dứt. Một phong trào chống ách thực dân và chống chế độ phong kiến mục nát đã bắt đầu nổi lên ở phương Đông, đứng đầu là nhân dân Trung Hoa, cái đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào dân tộc ở Việt Nam.

Sau cùng, một hoàn cảnh quốc tế khác nữa đã có tiếng dội đến phương Đông là cuộc chiến tranh Nga - Nhật. Ảnh hưởng của biến cố này đối với các dân tộc phương Đông nên nhìn về hai mặt: mặt tốt, mặt tích cực của nó ở chỗ làm cho họ nhận thức rằng các dân tộc phương Đông không phải đã mạn như bọn đế quốc tưởng, cũng không phải sau bao nhiêu thế kỷ oanh liệt và phồn vinh, các dân tộc nhất thiết phải quay lại thời kỳ thoái hoá, đình đốn, và phải có "ánh sáng của phương Tây", nghĩa là chủ nghĩa tư bản, mới thoát ra được, như bọn học giả tư sản về Đông phương học thường lập luận. Nó nói lên rằng các dân tộc phương Đông có thể tự cường được, và có thể tiến bộ nhanh chóng, không thua kém gì các nước phương Tây, rằng con đường tiến bộ là quy luật tất yếu của lịch sử và là cái đặc thù chung của tất cả nhân loại. Nhưng, bên cạnh mặt tích cực đó, thì có mặt tiêu cực, mặt xấu. Đó là quan niệm về chủng tộc, về đồng chủng, đồng loại. Thực tế từ cuối thế kỷ XIX đã chứng minh rằng Nhật Bản đã trở thành một nước đế quốc chủ nghĩa, và như là một nước đế quốc, thì nó đã đứng *vào hàng ngũ tất cả bọn thực dân trên thế giới* trong việc đi chinh phục và áp bức các dân tộc nhỏ yếu vô luận ở đâu, thuộc nòi giống nào.

như một nước đế quốc, nó lại *xung đột với bọn đế quốc khác* trong việc chia xẻ giành giật thị trường, nghĩa là cũng nằm trong mục đích chung, có tính chất đế quốc chủ nghĩa, là áp bức các dân tộc nhỏ yếu. Về phương diện đó, thì chủ nghĩa đế quốc Nhật lại càng nguy hiểm hơn đối với các nước châu Á, nhất là các nước Viễn đông, là những nơi lân cận nhất trong địa bàn khuếch trương của bọn đế quốc Nhật. Tuy nhiên thực tế là như vậy, nhưng trong các dân tộc bị bọn đế quốc phương Tây chinh phục, có một số người có chiều hướng tin vào "đồng chủng", "đồng loại", của bọn đế quốc Nhật để giúp cho dân tộc mình thoát khỏi sự áp bức của bọn đế quốc phương Tây.

Phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã phát triển trong hoàn cảnh bên trong và bên ngoài, trong những điều kiện lịch sử phức tạp và mâu thuẫn như vậy, và tất nhiên nó đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của những biến cố đó.

Một xu hướng lấy việc "khai hoá" "mở mang dân trí" làm phương châm căn bản, về mặt chính trị, thì chủ trương của những cuộc cải cách trước hết là trong bộ máy vua quan cũ, nó đã mục nát đến tận gốc. Để tiến hành những sự thay đổi đó, thì phải dựa vào bọn đế quốc, coi chúng như là kẻ trong tài vô tư, mong chúng giúp cho trong cuộc tiến hành cải cách, và bằng con đường đó, dần dần giành độc lập dân tộc. Đó là phái Phan Chu Trinh.

Một xu hướng thứ hai thì chủ trương dùng bạo lực để đánh đuổi đế quốc để giành lại độc lập dân tộc, nhưng lại ỷ vào ngoại viện, trước hết là ỷ lại sự giúp đỡ của chủ nghĩa đế quốc Nhật. Đó là phái Phan Bội Châu.

Nhược điểm căn bản của cả hai xu hướng đó là không hiểu tính chất của chủ nghĩa đế quốc, mà không hiểu là cũng do điều kiện, hoàn cảnh lúc đó tạo nên· phương Đông đã bước vào thời kỳ cách mạng tư sản nhưng mới bắt đầu,

và trong khi mà chủ nghĩa đế quốc đang ở trong thời kỳ thịnh trị của nó, đó là giai đoạn khi mà phong trào công nhân ở Tây Âu chủ nghĩa cơ hội lan rộng và ăn sâu, và khi mà chủ nghĩa tư bản chưa bước vào giai đoạn tổng khủng hoảng của nó. Nhưng điều cốt yếu là ở Việt Nam, trong thời kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX có một lớp người làm thuê, xuất thân trong đám nông dân và thủ công ngày càng bần cùng hoá và phá sản, đó là những công nhân trong các hầm mỏ đồn điền, xí nghiệp và công trường đầu tiên của thực dân, nhưng về căn bản, *chưa thành một giai cấp công nhân* đông đảo, ngày càng tập trung như về sau này. Thời kỳ đó, giai cấp công nhân Việt Nam còn ở vào giai đoạn hình thành. Nhân thức về tính chất của chủ nghĩa đế quốc chỉ có giai cấp công nhân với thế giới quan cách mạng của họ - chủ nghĩa Mác - Lênin, mới đưa lại được. Hồi đó, chủ nghĩa Lênin đã xuất hiện nhưng cũng còn trong thời kỳ khai sinh, trong khi đó thì cả phong trào công nhân ở Tây Âu đang bị đầu độc bởi chủ nghĩa cải lương, ở các nước phương Đông nói chung, giai cấp công nhân hoặc chưa, hoặc mới bắt đầu hình thành.

Phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam phát triển trong một hoàn cảnh lịch sử như vậy, khi mà chủ nghĩa thực dân mới chỉ đặt nền móng cho sự thống trị của nó, sự phân hoá giai cấp trong xã hội Việt Nam chưa sâu, cơ cấu của xã hội phong kiến cũ dưới sự tấn công của chủ nghĩa đế quốc đã tan rã, nhưng vẫn chưa cấu tạo nên những lực lượng xã hội mới, cho nên phong trào còn mang tính chất và những đặc điểm của giai đoạn quá độ, một phong trào gồm nhiều màu, nhiều vẻ và đầy mâu thuẫn. Do đó, mà chúng ta cũng dễ hiểu là trong phong trào hồi đó, có phe thì chủ trương dựa vào thực dân Pháp để tiến hành sự nghiệp canh tân cho nước nhà có phe thì chủ trương nhờ vào sự giúp đỡ của một nước đế quốc chủ nghĩa để giành độc lập cho dân tộc. Tuy vậy, nhưng dưới mỗi một màu sắc đó, chúng ta vẫn nhận thấy

một xu hướng chung, một thực tế khách quan chung, đó là *ý chí độc lập của dân tộc và cái mâu thuẫn căn bản và không thoả hiệp giữa chủ nghĩa đế quốc và dân tộc bị áp bức*

Tất cả vấn đề là ở điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể Vì vậy nên những vị đứng đầu những chủ trương nói trên - Phan Chu Trinh hay là Phan Bô Châu vẫn là những nhà yêu nước nhiệt liệt, chân thành, tên tuổi và sự nghiệp của họ gắn liền với một giai đoạn nhất định của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, bởi vì họ đã có một cống hiến nhất định trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, mà đời sau vẫn ghi nhớ

Vấn đề đặt khác hẳn, nếu nói đến bọn cải lương, bọn "Pháp - Việt đề huề", "hợp tác" như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh hoặc bọn Đại Việt thân Nhật, Việt Nam quốc dân Đảng thân Tưởng, bọn Tờ rốt kít, bọn thân Mỹ (kể cả ở Miền Nam hiện nay) Trong khi mà xã hội Việt Nam đã phân hoá sâu sắc, ở Việt Nam đã có giai cấp công nhân để lãnh đạo phong trào, đông đảo quần chúng nhân dân đã nổi lên và chỉ có một con đường, là con đường đấu tranh cách mạng mới giải phóng được, khi mà chủ nghĩa đế quốc đã bước vào thời kỳ tổng khủng hoảng và khi mà giai cấp vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đã có thành trì cách mạng của mình là Liên Xô, thời những kẻ bám vào gót giầy của bọn đế quốc chỉ là những tay sai vô liêm sỉ của chúng, cốt để phá hoại và phản bội phong trào "Cải lương", "hợp tác", v.v . chỉ là những danh từ để che đậy bản chất bán nước hại dân, phản cách mạng của chúng.

Một nguyên nhân quan trọng nữa, khiến cho những nhà đứng đầu phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, với tất cả lòng nhiệt tình cách mạng của họ, trong nhận thức và trong chủ trương, không khỏi nhìn lệch thực tế khách quan, đó là nguồn gốc xã hội của họ Hầu hết họ xuất thân ở tầng lớp nho sĩ, nghĩa là

tầng lớp trên của xã hội phong kiến, mặc dầu bản thân họ không ra làm quan, họ oán ghét và khinh bỉ triều đình nhà Nguyễn đã trở thành cái thây ma thối tha. Dĩ nhiên, qua sách vở của nước ngoài, nhất là của Trung Quốc, họ cũng đã tiếp xúc đến một chừng mực nhất định với những trào lưu tư sản, song trong quan niệm của họ về vấn đề giải phóng dân tộc, còn nhiều chỗ mơ hồ. Do đó mà họ không gần gũi được với quần chúng, không thấy được tất cả cái bi thảm, cái ách man rợ mà chủ nghĩa đế quốc, khi đặt ách cai trị của nó lên trên một nước thuộc địa, đã mang lại cho dân chúng, trước hết là cho tầng lớp sản xuất trực tiếp trong xã hội Việt Nam thời đó, là *nông dân*, nghĩa là 95% nhân dân cả nước. Trong phong trào cách mạng, có lúc họ cũng dựa vào quần chúng nông dân, nhưng họ vẫn đứng trên lập trường của những sĩ phu thượng lưu.

Đi ăn cướp một nước, chủ nghĩa đế quốc trước hết là cướp đất đai, vì đất đai là nguồn gốc tài nguyên. Mà ở các nước châm tiến, nghĩa là sống về nông nghiệp, thời tuyệt đại đa số nhân dân là nông dân, sống về ruộng đất. Cướp đất của nông dân ra khỏi tay họ, đó là nòng cốt của chính sách thực dân. Tất cả những luật lệ, quy chế của chế độ cai trị ở thuộc địa ngay từ buổi đầu,là nhằm vào mục đích đó. Chúng dựa vào pháp luật cũ, của thời phong kiến, và những phong tục cũ của Việt Nam để " chứng minh" rằng chế độ tư hữu ở Việt Nam là hữu danh vô thực, rằng ruộng đất thực ra không phải của người nông dân mà là của nhà nước mà vua lại là đại diện tối cao, và ngày nay, thực dân Pháp là nhà nước, thì thực dân Pháp có quyền đoạt ruộng đất.

"Hình như quyền tư hữu chỉ là một danh từ trong luật An Nam, và không có gì đảm bảo cho người có đất, bởi vì khi cần cho lợi ích công cộng, thời nhà nước có quyền chiếm lấy của tư nhân mà không cần bồi thường gì hết"[1]

---

1 2 Edgar Mathieu *La propriete fonciere et ses modalites en droit annamite*

Do đó mà trong "hoà ước" Patonôtrơ có điêu khoản công nhân quyên người Pháp có ruông đất ở Viêt Nam, và chúng còn bắt triều đình nhà Nguyễn phải công nhân cho người Pháp có quyền sở hữu hoàn toàn và vĩnh viễn về ruông đất.

" nhân hiệp ước ngày 6 - 6 - 1884 công nhân cho những người công dân và bảo hô Pháp có quyền sở hữu trên toàn lãnh thổ Bắc kỳ và các cảng ở Trung kỳ môt đao du ban hành ngày 3 - 10 - 1883, công nhân cho những tài sản của ho trên lãnh thổ đó, và theo những điều khoản đã quy đinh theo pháp luât nước Pháp"[2]

Không phải đơi khi "bình đinh" xong rồi, thưc dân mới ăn cướp ruông đất của nông dân Chúng cướp môt cách trắng trơn chính ngay trong lúc chúng tiến binh vào đánh Không những chỉ những người tham gia những phong trào khởi nghĩa chống thưc dân Pháp bi tich thu ruông đất và tài sản, mà người vì lánh nan trong thời kỳ loan lac, để khỏi bi tai hoa trong những cuôc hành quân của thưc dân, cũng bi chúng tich thu, coi như là phiến loan nếu trong vòng 1 tháng không chiu trở về để "đòi của lai", nghĩa là không về đầu hàng chúng (Nghi đinh của thống đốc Nam kỳ ngày 3 - 7 tháng 3 năm 1863 và 17 - 3 - 1863)

Không những vây Những người chủ ruông đất từ bao nhiêu đời cũng có thể bi cướp ruông đất, nếu chúng kiếm cớ cho rằng quyền của những chủ đó là không "hơp lê"

"a) Viêc khẩn hoang đất bỏ không của nhà nước không đủ để cho người sử dung đất quyền sở hữu về ruông đất đó, b) Viêc khẩn hoang phải có văn bản cho phép khẩn hoang Vì vây, nếu thiếu văn bản đó và không ghi vào đia bô, thời đã khẩn hoang không có quyền tư cho mình là chủ đất và tuyệt đối không thể đòi người chủ đất hơp pháp trả lai đất cho mình"[1]

---

1 2 Chavassieux *Etude sur l'organisation de la commune annamite*

Những người khẩn hoang "không hợp lệ" thì bị cướp đất, nhưng thực dân nói như vậy cốt để đất "khỏi bị bỏ hoang"[1]

" Đưa những ruộng đất đó trở về quốc khố, như vậy là cấp cho những tư nhân để họ trở thành người chủ đất hợp pháp Mục đích đầu tiên của biện pháp đó, mà sự cần thiết là được công nhận và hoàn nghênh (!) là cốt để cho một phần lớn đất khỏi bị bỏ hoang (!) Biện pháp đó được duy trì từ khi cuộc chinh phục mới bắt đầu và nhờ nguyên tắc đã định như vậy cho nên chính quyền đã cấp rất nhiều ruộng đất cho tư nhân"[2]

Chúng khuyến khích bọn thực dân cướp đất của nông dân bằng mọi cách Nghị định ngày 11 -11 -1878 của thống đốc Nam kỳ cho phép bọn chủ đất (người Âu) khai khẩn trong 4 năm mà không mất một đồng xu, và sau 4 năm, trở thành chủ vĩnh viễn và trả mỗi héc ta 10 phơrăng! Một nghị định nữa ra ngày 4 - 1 - 1894 cho phép những người chủ đất có trên 10 héc ta được khai khẩn trong 5 năm mà không nộp một món tiền nào cả, và chỉ sau đó 3 năm mới phải trả 3/5 khoản thuế chung (trong 3 năm) còn 2/5 thì trả dần Đối với người Âu, thì lại có thêm một nghị định mới, ra ngày 23 - 3 - 1897 quy định rằng chúng chỉ phải nộp thuế đất từ ngày 1 tháng giêng năm thứ sáu kể từ khi chúng trở nên chủ đất, và cũng chỉ phải trả 1/5, còn 4/5 thời về sau, cứ mỗi năm trả 1/5, như vậy là sau 10 năm, chúng mới trả hết thuế

Trong thời kỳ từ năm năm 1890 đến 1900, trong khoảng mười năm lúc thực hiện chương trình khai thác của toàn quyền P Đume, chúng đã chiếm đoạt đến 322 044 héc ta trong toàn Việt Nam Bắc Bộ 197 769 héc ta, Trung bộ 25 033 héc ta, Nam bộ 78 274 héc ta Nhất là từ đầu thế kỷ XX, khi mà chúng mở rộng việc trồng trọt các thứ cây công nghiệp Cà phê, chè, cao su, chúng chiếm đoạt rất nhiều ruộng đất các tỉnh thượng du và trung du như Thái Nguyên, Bắc Giang, Sơn Tây ở Bắc bộ và các vùng đất đỏ ở Nam bộ và cao nguyên Trung bộ

Đó là chưa kể ruộng đất mà dưới sự "bảo trợ" của thực dân, bọn quan lại phong kiến, tay sai đắc lực của thực dân trong thời kỳ xâm lược và "bình định", như những tên tổng đốc Phương, tổng đốc Lộc, Hoàng Cao Khải v v và Nhà chung đã cướp đoạt của nông dân trong thời kỳ đó

Bị cướp ruộng đất, đó là cái thảm hoạ đầu tiên mà chủ nghĩa thực dân đưa lại cho nhân dân Việt Nam

Thảm hoạ thứ hai, đi liền với thảm hoạ thứ nhất, là *thuế má* do bọn thực dân đặt ra Nông dân cũng lại là nạn nhân chính của thảm hoạ ấy

Cũng như việc cướp ruộng đất, đất đai quy mô và có hệ thống, việc bóc lột nhân dân bằng chính sách thuế khoá (được chấn chỉnh năm 1898) càng có quy củ từ khi thực hiện chương trình khai thác của P Đume

Trong các thứ thuế, thuế thân - một vết tích của thời trung cổ, là thuế đè nặng nhất lên lưng người dân Việt Nam thời đó. Nhưng dưới chế độ phong kiến, trong xã, dân bạch đinh không phải đóng thuế thân Bọn thực dân bắt tất cả dân trong làng phải ghi vào sổ đinh để bắt họ đóng thuế Chúng thừa nhận rất trắng trợn

" Nghị định ngày 15 - 11 - 1880 đã xoá bỏ ý nghĩa cũ của danh từ "dân vào sổ" Từ nay danh từ đó không phải để áp dụng cho một hạng người đóng thuế có đặc quyền, mà sẽ áp dụng cho tất cả những người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi, như vậy là người vô sản sẽ được ghi tên vào sổ đinh trong làng, sự tham gia của những người này vào nghĩa vụ trong làng khiến bộ máy của xã phải thay đổi, chắc là có lợi cho thuế thân [1]"

Món thuế thứ hai, chủ yếu cũng bổ vào đầu nông dân, là thuế ruộng đất

1 Chavassieux, *Etude sur l'organistion de la commune annamite*

Và món thuế thứ ba là những thuê gián thu thuế muối, thuế rượu, thuế thuốc phiện. Về muối, thực dân đã nắm độc quyền từ năm 1897, chúng nâng giá muối từ 0đ50 một tạ năm 1897 lên đến 2đ25 năm 1907. Về rượu, cũng bị thực dân Pháp giữ độc quyền từ năm 1897 giá đã từ 5 -6 xu 1 lít (khi Pháp mới xâm chiếm Đông Dương) về sau lên dần. Độc quyền cả về thuốc phiện, chúng đã nâng giá 1 kilô từ 45đ năm 1896 lên đến 77đ năm 1899.

Khoản thu nhập về ba thứ thuế muối, rượu, thuốc phiện, là khoản thu chính trong ngân sách Đông Dương (1/3) năm 1899 8 triệu đồng, năm 1903 10 400 000đ.

Ở Huế, trước đại chiến thế giới lần thứ nhất, dân gian có đặt ra vè "Thất thu kinh đô" trong đó có một đoạn dài nói về các thứ thuế mà thực dân đánh vào dân ngay sau khi chúng đặt nền "bảo hộ" ở Trung - Bắc kỳ.

Đó là chúng ta mới nói đến những tai hoạ lớn nhất có tính phổ biến nhất, mà nạn nhân là 9/10 nhân dân, nghĩa là nông dân. Nếu chúng ta thêm vào nạn "công sưu", "công ích" "phu phen", "tạp dịch" và nạn cường hào, tư lý trưởng, chánh tổng, huyện, phủ cho đến quan tỉnh, thì chúng ta sẽ có một bức tranh gần đầy đủ. Kết quả là như thế nào? Là phá sản, bần cùng hoá, hàng loạt người ở nông thôn kéo lên thành thị, đi lang thang đầu đường xó chợ đói rách ăn xin. Tình trạng đó đã được phản ánh phần nào trong thơ của các nhà văn trào phúng Nguyễn Khuyến, Tú Xương, v.v.

Điều mỉa mai trớ trêu hơn hết là khi chúng tạo ra những điều kiện dễ dàng cho bọn thực dân và bọn tay sai người bản xứ của chúng chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, thì chúng lại nói là để "bớt số người ăn xôi ở thì, đi cù bơ cù bất và trộm cắp". Và chúng nhân rằng "Vì thuốc không thích hợp nên không công hiệu, không khắc phục được những sự nghèo khổ của chế độ bần cùng mà ông Bơriphô đã tố cáo chúng ta là kẻ gây nên v.v..."

Cái mà bọn thực dân sợ nhất là tinh thần cách mạng của nhân dân, mà hình như chúng cũng cảm thấy rằng cái nguy cơ lớn nhất đối với chúng là từ ở trong nông thôn, từ trong nông dân mà ra. Cho nên, trong khi chính quyền thực dân tạo ra mọi điều kiện thuận lợi để bọn thực dân, bọn mật thám tay sai của chúng và Nhà chung cướp ruộng đất của nông dân, thì chúng lại giở trò bịp bợm, bảo là để cho "những người vô sản", tức là chính những người mà chúng đã cướp mất ruộng đất "có thể trở thành hữu sản", những "chủ đất".

Điểm thứ hai, là để vơ vét, rút ria xương máu của nông dân bằng thuế khoá, và bắt họ phải đi phu phen, đi tạp dịch, đi đắp đường, xây cầu cống, v.v... cho chúng, chúng đưa vào tất cả dân làng vào sổ đinh để bắt cả những hạng bạch đinh, bần cùng cũng phải đóng thuế. Nhưng, chúng lại lo sợ rằng như vậy sẽ làm cho bộ máy trong xã, "dân chủ hoá mất", vì rằng những người trước kia không được kể vào dân làng, nay có nghĩa vụ thì tất nhiên phải có "quyền lợi", như vậy là bọn hào lý không có quyền hành vô hạn như trước nữa, không thể chế ngự dễ dàng nổi đám "dân đen". Thực ra, chúng không phải sợ "dân chủ quá trớn" nông thôn bằng cách bắt những dân bần cùng phải đóng thuế. Điều chúng lo sợ, là nông dân dưới bao nhiêu tầng áp bức nặng nề, tràn bao, tức nước vỡ bờ, nhất định sẽ vùng dậy.

Tình trạng thực tế ở Việt Nam, sau khi bị đế quốc Pháp xâm chiếm là vậy. Chúng đi xâm chiếm thuộc địa, đặt ách thống trị lên trên đầu dân tộc bị chinh phục, thời nông dân là nạn nhân chịu đựng nhiều nhất ách thống trị đó. Thực tế đó cũng do tính chất của chủ nghĩa thực dân mà ra. Để bám chặt lấy thuộc địa làm nguồn lợi nhuận thặng dư vô tận của chúng, một mặt chúng phá vỡ những quan hệ sản xuất sở hữu - tiền tư bản chủ nghĩa, chủ yếu và trước hết là trong cơ cấu xã hội ở nông thôn, cái đó đã đưa đến một sự phá sản và bần cùng hoá của những đám người bị quan hệ sản xuất cũ chi phối, tức là nông dân. Ở nước ta, cuối thế kỷ

XIX đầu thế kỷ XX, tại hoa đo đã đạt đến một tốc đô và quy mô nghiêm trong Cho nên bon học gia, luật gia thực dân hồi đó Bôriphơ Savaxiơ Srayne v v đã kêu ầm lên, hô hào tìm cách ngăn ngừa, vì chúng cũng đã đoán trước hâu quả sẽ như thê nào

Một mặt khac, chúng lai duy trì, nuôi dưỡng những quan hê sản xuất cũ kỹ, có lợi cho viêc duy trì ách thống trị của chúng, từ trong cơ cấu xã hội - kinh tế như chế đô tô tức, cho vay năng lãi, những ràng buộc của quan hê gia trưởng, phong kiến, kỹ thuật lac hâu v v cho đến thương tầng kiên thiết - pháp luật, lễ giáo Phong tục, bô máy vua quan, hào lý v v Nan nhân của những tàn dư phong kiến được duy trì đó chu yếu lai vẫn là nông dân

Đó là hai phương hướng trái ngược, rất mâu thuẫn nhau, nhưng nó là một đường lối mà chế đô thuộc địa tất nhiên phải kinh qua, mơi cố thê bắt nên kinh tế thuộc địa lê thuộc vào nền kinh tế của nước đê quốc ma không thê phát triên một cách đôc lập được Viêc thâm nhập những quan hê tư bản chủ nghĩa vào nông thôn trên cơ sở duy trì cơ cấu kinh tế phong kiến và những quan hê sản xuất phong kiến ơ nông thôn, chỉ làm cho người nông dân pha sản và bân cùng hoá ngay càng nhanh Sự phát triên những sức sản xuất co tính chât lê thuộc như vậy không tương xứng với tốc đô phá huỷ những quan hê sản xuất cũ, mà một phần lai còn dua lên những quan hê san xuất cũ đó, do đó ma ơ thuộc địa quá trình vô sản hoá nông dân và những người làm nghề thu công thì rất châm và quy mô rất han chê, còn quá trình bần cung hoá ho thì rât nhanh và quy mô ngày càng rông lớn Đó là sự biểu hiên của mâu thuẫn căn bản giữa thuộc địa va chính quốc, giữa nhu cầu phát triển đôc lập cua nước bi ap bức va ách thông trị cua một nước đế quốc, mà nan nhân của mâu thuẫn đó chính là nông dân Vì vậy, cho nên chúng ta nói rằng *thực chất của vấn đề dân tộc la vấn đê nông dân thực chất của cách mang giải phóng dân tộc la cach mang ruộng đất*

Làm cách mang là đê giải quyết môt mâu thuẫn Muốn giải quyết tốt, nghĩa là muốn cho cách mang thành công, thì phải thấy môt là, trong môt giai đoan lich sử nhất đinh của xã hôi nhất đinh, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn chính, căn bản, hai là, tầng lớp nào giai cấp nào là tầng lớp, là giai cấp có thế làm chủ lực cho cuôc cách mang, bơi vì ho là đối tương tập trung nhất của những hâu quả của mối mâu thuẫn đó

Những nhà cách mang đứng đầu phong trào giải phóng dân tôc cuối thế ky XIX đầu thế kỷ XX chưa thấy được điểm đó Ho có nhiệt tình yêu nước, có tinh thần chiến đấu anh dũng, đó là măt quý của phong trào, đó là sư nối tiếp và phát huy những truyền thống anh hùng của dân tôc, và là môt nhân tố để bồi dưỡng thêm ý chí bất khuất của dân tôc Những măt khác, chỗ không thành công của phong trào, là thiếu phương pháp cu thê, vì vẫn dưa trên những quan niệm là cứu dân, cứu nước, do đó mà thiếu môt cơ sở quần chúng rông rãi, phong trào có rất nhiều hình, nhiều vé Đông du, Đông kinh nghĩa thuc, Duy tân, Nghĩa hưng đáng, Viêt Nam quang phuc Hôi v v Nhưng tưu chung, vẫn là những nhóm cô đôc, chỉ lan ra trong đám nho sĩ, và phần nào trong thi dân

Cũng vì thiếu cơ sở quần chúng, cho nên những người đứng đầu phải đi tìm "đồng minh" ngay ở trong kẻ thù của dân tôc mình, những kẻ đoat mất quyền đôc lập của dân tôc mình và các dân tôc khác: đế quốc Pháp, đế quốc Nhât Và cũng vì vây nên, trong phong trào có những xu hướng khác nhau, có khi mâu thuẫn nhau: bằng bạo lực, bằng cải cách, bằng kinh tế, bằng văn hoá, bằng chính trị, mà thiếu sư thống nhất dưới môt phương hướng chủ đao, ranh giới mơ hồ

Phong trào trong thời kỳ đó là môt thiên anh hùng ca, nó phản ánh tinh thần quât khởi của môt dân tôc ở dưới môt ách áp bức năng nề, măc dầu nó có những nhươc điêm căn bản như đã nói ơ trên Không vì những nhươc điêm đó mà phong

trào cách mạng giải phóng dân tộc thụt lùi, phong trào vẫn tiến lên. Đó là chỗ mạnh của phong trào. Còn những nhược điểm, chỗ yếu của phong trào thì nó lại có những hậu quả về mặt khác, trước hết là đối với nhóm, những xu hướng đã tham gia phong trào. Vì không phân anh được triệt để và toàn diện bản chất, nội dung và đường lối của cuộc vận động, cho nên mỗi một xu hướng, mỗi một nhóm chỉ có tác dụng và tiêng tăm trong một thời gian lịch sử nhất định, và trong các giai đoạn sau, khi có những chuyển biến mới, phong trào bước lên một bước cao hơn, thời không có nhóm nào, xu hướng nào có một đặc tính nổi bật lên, thành một hệ thống để có khả năng đứng đầu hoặc theo kịp phong trào, tiêu biêu cho giai đoạn mới, cho thời đại mơi. Vì vậy cho nên những vị lãnh tụ xuất sắc nhất, tiêu biêu nhất của các xu hướng ấy, có lưu lại tên tuổi và được hậu đại tôn sùng, thời như là những cá nhân xuất sắc, những người tiêu biêu cho lòng yêu nước và ý chí bất khuất chung của dân tộc.

Có phải vì những nhà cách mạng của thời kỳ đó kém về mặt tài đức không, nêu ta muốn hiểu tài đức như là tinh thần cách mạng và khả năng phục vụ cách mạng? So với bất kỳ dân tộc nào, và trong điều kiện của từng thời kỳ một, thời các vị đứng đầu phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam lúc đo vẫn là những người lỗi lạc, những con người ưu tu của dân tộc, nếu không thì lam sao gây nên được sự nghiệp, mặc dù là trong một thời gian nhất định.

Nguyên nhân chu yêu theo chúng tôi, la *những truyền thông cách mang mãnh liệt của dân tộc ta*, nó là cái nguồn gốc khiến suốt trong thời kỳ bị đế quốc Pháp đô hộ, ngọn lửa cách mang luôn luôn được hun đuc, ngày càng cháy rực, ngọn cờ cách mang không bao giờ rời, phong trào cách mang ngày càng cao, sức sáng tao của cách mang ngày càng phong phú. Tinh năng đông cách mang đó là do ca một quá khứ lâu dài và oanh liệt nung đúc lên, nó đã khiến cho dân tộc ta, vượt qua được bao nhiêu cơn sóng gió của lịch sử, những lúc mà sự

sống còn của dân tộc chỉ treo ở một sợi tóc, để bảo vệ lấy số phận của mình. Tính năng động đó là cơ sở của sức sinh tồn thần kỳ của dân tộc ta. Nhà Trần chống quân Nguyên, Lê Lợi lật đổ ách nhà Minh, Nguyễn Huệ đánh tan quân Thanh, đều là những trang sử oai hùng bất hủ như nhau, nhưng mỗi một sự nghiệp đó lại có một nội dung mới và một sức sáng tạo mới của nhân dân ta. Quân Nguyên rất hùng hổ, đã chinh phục và làm bá chủ nửa thế giới, nhưng đội quân đó, dù hùng hổ tới đâu, cũng là đội quân du mục, khủng khiếp ở chỗ đi đến đâu chúng giết sạch, đốt sạch, phá sạch. Trung Quốc là căn cứ của chúng để tiến đánh quân ta, lại là một nước mênh mông có nền văn hoá lâu đời và cao, chúng thống trị một nước như vậy chẳng khác gì như hổ về đồng bằng. Ở ta lúc đó, nhà Trần, đang ở vào thời kỳ thịnh trị, trước một tai họa lớn như vậy, trên dưới càng dễ một lòng. Cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, sau khi Trung Quốc đã thoát khỏi nền đô hộ của Mông Cổ, nhà Minh là một triều đại rất kiên cố, uy tín to, mà ở ta thì nhà Trần đã đến bước suy vong cực độ, lại thêm bị người Chiêm Thành đến quấy phá nhiều phen, đến lúc Hồ Quý Ly lên cầm quyền là lúc nước nhà ở trong tình trạng điêu linh, kiệt quệ. Cuối thế kỷ XVIII, triều Càn Long là thời đại thịnh trị nhất của nhà Thanh, Trung Quốc vẫn là nước hùng cường nhất ở châu Á phong kiến, còn Việt Nam thì Bắc Nam bị chia cắt, mỗi tập đoàn phong kiến hùng cứ một phương, những cuộc chiến tranh liên tiếp giữa chúng kéo dài hàng trăm năm, đã đưa xã hội Việt Nam đến tình trạng hỗn loạn chưa từng thấy, thêm vào đó là chủ nghĩa tư bản Tây Âu đang rắp ranh chực sẵn ở ngưỡng cửa.

Mỗi thời đại có một sức sáng tạo mới, mà sức sáng tạo có nghĩa là khả năng vượt qua những vật chướng ngại to tát mà lịch sử đặt ra trên con đường tiến lên, trên con đường giải phóng dân tộc.

Đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, thì trước sự tấn công của chủ nghĩa tư bản, chế độ phong kiến Việt Nam

đang ở trong cơn khủng hoảng, phải thua, nhưng cũng chỉ có giai cấp thống trị hàng chúng, chứ *nhân dân Việt Nam thì không bao giờ chịu khuất phục, không bao giờ chịu đầu hàng* chúng. Tính sáng tạo cách mạng của nhân dân Việt Nam là ở trong tinh thần bất khuất đó, nó đã làm ngọn lửa cách mạng trong thời kỳ Pháp đô hộ ta không bao giờ tắt. Và vì kẻ thù rất mạnh, nó lại thuộc cả một hệ thống thống trị thế giới, cho nên dân tộc ta luôn luôn tìm mọi con đường và biện pháp chống lại. Do đó, dân tộc ta tiến rất nhanh từ một giai đoạn đấu tranh này sang giai đoạn đấu tranh khác, rèn luyện trong nhân dân ta một tinh thần chiến đấu không mệt mỏi, không lùi bước trước bất cứ một gian khổ, hy sinh nào.

Nhưng, khi nói đến truyền thống cách mạng của dân tộc ta, thời không phải chỉ thấy đó là một đức tính đơn thuần, nhất thành bất biến, mà thời đại này, thế hệ này tiếp thừa một cách bị động của thời đại trước, của thế hệ trước truyền lại cho. Truyền thống đó là một cái vốn mà mỗi thời đại, mỗi thế hệ bồi đắp thêm vào một phần và truyền cho nó một nghị lực mới để dân tộc có thể tiến kịp với giai đoạn lịch sử mới.

Chính trong sự tiên triển nhanh chóng của quá trình đấu tranh cách mạng mà dân tộc ta đã trưởng thành mau chóng về ý thức cách mạng, cho nên không bị những lệch lạc, sai lạc đường lối nhất thời của phong trào mà ngừng lại trong một thời gian dài.

Như vậy trong phong trào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong khi sự hoạt động của những đoàn thể cách mạng hồi đó phân tán ra trong bao nhiêu khuynh hướng như vậy, tưởng như phong trào vì thế mà tản mác và yếu đi, những cái đó đã không xảy ra, mà phong trào cứ vẫn tiến, và tiến theo con đường đúng đắn của nó, theo chiều hướng cách mạng. Đó là phong trào đấu tranh từ dưới, từ *trong quần chúng đông đảo ở nông thôn, hoặc căn bản là dựa vào lực lượng của nông dân*

Từ cuối thế kỷ XIX, nghĩa là sau khi phong trào của Phan Đình Phùng bị tan rã, cho đến khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, phong trào Hoàng Hoa Thám kéo dài đến năm 1913 mới kết thúc, nhưng kế ngay đó thì một phong trào khác tuy lẻ tẻ từng nơi, nhưng đã xảy ra trong cả nước, bằng những cuộc khởi nghĩa, hoặc mưu khởi nghĩa, đánh phá những doanh trại, cơ quan của thực dân Pháp

Chính phong trào đó làm cho thực dân Pháp lo lắng và bối rối nhất, vì rằng đối với những đoàn thể cách mạng trong thời kỳ đó, chúng đem ra xử trí, đày hoặc bắt giam những người cầm đầu thì những đoàn thể đó nói chung là không tồn tại nữa Còn những phong trào quần chúng, mặc dù chúng tàn sát, khủng bố rất dã man, nhưng phong trào này nối tiếp phong trào kia, mà mỗi lúc lại mạnh mẽ và sâu rộng hơn, phong trào Hoàng Hoa Thám là một cuộc đấu tranh bằng vũ trang, nhưng đó là lực lượng vũ trang của bản thân mình, bằng sự tham gia của nông dân địa phương Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, thậm chí cả mưu khởi nghĩa ở Huế năm 1916, đã biết làm tan rã quân đội của đế quốc, biết cướp súng giặc để giết giặc

Cần rút ra những bài học trong phong trào giải phóng dân tộc từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cho đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Mặc dầu phong trào do tầng lớp nho sĩ cầm đầu phân chia thành nhiều khuynh hướng khác nhau, nhưng nó cũng phản ánh, mỗi khuynh hướng theo quan điểm lập trường của mình, một xu hướng chung của phong trào, mà tinh thần chiến đấu liên tục và bất khuất của dân tộc là cơ sở, đó là *xu hướng đi tìm chân lý cách mạng* Sở dĩ sự tìm tòi đó đã trải qua những bước đường quanh co, sai đường lệch hướng, như đã trình bày ở trên, là do hoàn cảnh trong nước và ngoài nước trong thời kỳ đó, do điều kiện khách quan lẫn chủ quan Dù sao trong một chừng mực, một phạm vi nhất định, nó đã

bổi bổ thêm cho tinh thần yêu nước, cho ý thức dân tộc Cho nên những lệch lạc khó tránh khoi của phong trào trong giai đoạn đó, đứng về chủ quan và về phương diện lịch sử, không thể coi được như là những sự phản bội đối với phong trào

Sự tìm tòi đó là kinh qua con đường đấu tranh cách mạng gian khổ của quần chúng ngày càng mạnh, ngày càng tiến Nó đòi hỏi một đường lối toàn diện và cụ thể và hợp với nhu cầu tiến triển của quá trình cách mạng Cho nên nó có chọn lọc, và những xu hướng lệch lạc, không thích hợp *cũng rất mau chóng bị sa thải*, vì sang một giai đoạn mới, thì những lệch lạc đó sẽ là chướng ngại vật lớn cho phong trào

Đó là bài học thứ nhất

Bài học thứ hai, là thực chất của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân, cơ sở của cách mạng giải phóng dân tộc là cách mạng ruộng đất Nắm được chân lý đó tức là về căn bản nắm được toàn bộ chân lý cách mạng Bước sang thời kỳ lịch sử mới, khi đã có những điều kiện trong nước và ngoài nước thuận lợi, trên thế giới chủ yếu là *Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa thắng lợi*, và trong nước chủ yếu là *giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành*, thì Việt Nam đã chín muồi để tìm thấy chân lý cách mạng, để đi đúng đường lối của cách mạng

4. Phương hướng và lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Từ cuộc cách mạng tư sản điển hình (cách mạng tư sản pháp năm 1789) cho đến những cuộc đấu tranh kịch liệt của giai cấp công nhân châu Âu chống chủ nghĩa tư bản (cách mạng châu Âu năm 1848) và trong cuộc đấu tranh cách mạng đó, đã xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học (Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản), đã phải mất hơn nửa thế kỷ Từ cuộc cách mạng châu Âu năm 1848 đến cuộc cách mạng đầu tiên của giai cấp công nhân lật đổ giai cấp tư sản và thiết

lập chính quyền của mình (công xã Pari) đã mất hơn 20 năm. Từ công xã Pari đến khi chủ nghĩa Mác - Lênin và cách mạng Nga năm 1905, nó đánh dấu sự chuyển tiếp từ cách mạng tư sản cổ điển sang cách mạng tư sản kiểu mới, và nó là buổi tổng diễn tập của Cách mạng vô sản tháng Mười Nga đã mất hơn 30 năm. Từ cách mạng năm 1905 đến Cách mạng tháng Mười năm 1917 chỉ mất có 12 năm. Từ Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi đến khi toàn châu Âu bị chấn động bởi một loạt cách mạng vô sản, thời gian lại càng ngắn lại, chỉ trong mấy năm (1918 - 1923).

Nói chung, từ khi mà giai cấp tư sản đã hết vai trò tiến bộ của nó, và khi mà giai cấp vô sản đã xuất hiện như là một lực lượng chính trị, độc lập thời những cuộc khủng hoảng cách mạng nối tiếp nhau rất gần, mà ngày càng có tính chất quyết liệt sâu sắc, nhất là trong thời kỳ tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, mà cái màn đầu, có tính chất quyết định, là Cách mạng tháng Mười thắng lợi ở Nga.

Thời kỳ chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn tổng khủng hoảng của nó, và khi mà Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Nga, mở đầu cho một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người, mở đầu cho *thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội*, thời cũng là thời kỳ mà cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam bước sang giai đoạn mới. Đó là thời kỳ mà cách mạng Việt Nam không phải mò mẫm nữa, mà tiếp thu chân lý phổ biến của thời đại.

Vào lúc đó, nghĩa là từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ở Việt Nam đã có đủ các điều kiện để tiếp thu chân lý đó, kiên quyết bảo vệ nó và phát huy nó.

Điều kiện thứ nhất, là những sự biến đổi trong nền kinh tế Việt Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Đế quốc Pháp là kẻ thắng trận trong chiến tranh. Tuy thắng, nhưng giai cấp tư sản cũng đã rút ra được ít nhiều bài học: những bài học đó nói cho giai cấp tư sản

Phap rằng về mặt phát triển công nghiệp, nước Pháp chậm và kém hơn một số nước châu Âu, nhất là so với Đức, do đó mà những năm đầu chiến tranh, bị Đức tấn công và đánh cho liểng xiểng, và nếu không có Anh - Mỹ - Nga về một phe với Pháp, thời không chắc Pháp có thắng nổi Đức hay không Do đó mà sau chiến tranh, Pháp càng đẩy mạnh phát triển công nghiệp năng Để tiến hành công cuộc phát triển đó, cũng chỉ có mấy biện pháp căn bản Biện pháp thứ nhất là, *tăng cường quyền lực và uy thế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn*, của phái tài phiệt, tập trung vào trong tay 200 gia đình, và lấy nhà ngân hàng nước Pháp làm pháo đài và tổng hành dinh Ngân hàng nước Pháp có một quyền vô thương, cao hơn cả Quốc hội và Chính phủ, mà nó có thể lật đổ bất cứ lúc nào Một hôm, trong Ha nghị viện Pháp, Cờlêmăngxô, Thủ tướng Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phàn nàn rằng y không đủ quyền lực để làm những công việc cần cho nước Pháp, trong lúc đó, có một nghị sĩ hỏi y, trong nước Pháp, còn ai có quyền thế hơn thủ tướng nữa, Cờlêmăngxô kêu to lên

- Nhà ngân hàng nước Pháp chứ ai[1]

Biện pháp thứ hai, là *tăng cường sự bóc lột đối với giai cấp công nhân Pháp*, và đó là hậu qua tất nhiên và chủ yếu của sự tăng cường thế lực của các tập đoàn lũng đoạn Về mặt này, giai cấp tư sản cũng không phải không gặp khó khăn Vì những đau khổ và hy sinh do chiến tranh kéo dài trong 4 năm gây nên, đời sống nhân dân Pháp rất điêu đứng, và do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười trong những năm sau của chiến tranh và ngay cả sau chiến tranh mặc dù giai cấp tư sản rêu rao "chiến thắng" và gieo rắc chủ nghĩa sô - vanh, giai cấp công nhân hầu khắp nước Pháp đã nổi dấy đấu tranh rất

1 Theo cuốn *Ceux qui ont trahi la France*, của một nhóm ký gia Pháp, xuất bản trong chiến tranh thế giới lần thứ hai

anh dũng, nhất là một phong trào bãi công rộng rãi có lúc hầu như đã làm tê liệt cả mọi hoạt động Để trấn áp phong trào, một mặt, giai cấp tư sản cho quân đội đàn áp và trong việc này, chúng đã thực hiện một âm mưu rất thâm độc, đểu giả, là đưa lính thuộc địa, trong đó có lính Việt Nam, đến đàn áp công nhân bãi công, như ở Cơlécmông Pherăng, Cơrơdô, v v

Một mặt khác, chúng dùng bọn xã hội phái hữu đánh lừa giai cấp công nhân, hô hào hợp tác với giai cấp tư sản, để đời sống chóng được cải thiện và hứa rằng chiến tranh vừa qua là chiến tranh "cuối cùng" và nhất là cốt để ngăn ngừa họ theo ảnh hưởng của Đảng Công sản Pháp ra đời từ năm 1920

Để hoàn thành chính sách đại bịp đó, năm 1924 chúng thành lập chính phủ thuộc cái gọi là "cánh tả" (cartel de gauche) gồm các đảng cấp tiến của xã hội, xã hội và các đảng tư sản có vẻ " khuynh tả"

Biện pháp thứ ba, là *tăng cường sự bóc lột đối với các thuộc địa* Đó cũng là hậu quả tất nhiên và chủ yếu của sự tăng cường thế lực của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, bởi vì chủ nghĩa đế quốc tức là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Sự tăng cường và tập trung quyền lực vào tay các tập đoàn của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn đưa đến kết quả là chính sách bóc lột (mà chúng gọi là "khai thác") thuộc địa dựa hẳn theo chính sách của tư bản tài chính (tư bản tài chính là đặc tính của thời kỳ đế quốc chủ nghĩa) Trong thời kỳ từ sau giai đoạn "bình định", lúc bắt đầu thực hiện chương trình khai thác Đông Dương đầu tiên của P Đume cho đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chính sách của Pháp ở Đông Dương căn bản là thương mại - công nghiệp (vì trong thời kỳ đó, chủ nghĩa đế quốc Pháp chủ yếu là một đế quốc cho vay nợ) Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chính sách của pháp

ở Đông Dương mới thật sự và hoàn toàn có tính chất của tư bản tài chính, mà những nét lớn được phác ra trong "Chương trình khai thác thuộc địa" do Anbe Xarô, lúc đó là Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp, thao ra, và lấy *Nhà Ngân hàng Đông Dương, chi nhánh của Nhà Ngân hàng nước Pháp*, làm pháo đài và tổng hành dinh

Như vậy là chúng ta thấy rằng trong thời kỳ sau chiến tranh, tư bản chủ nghĩa lũng đoạn ở Pháp tăng cường sự thống trị của nó, càng ràng buộc chặt nền kinh tế các thuộc địa,trước hết là Đông Dương, lệ thuộc vào nó, trong khi tăng cường sự bóc lột đối với giai cấp công nhân chính quốc thì đồng thời nó tăng cường sự áp bức bóc lột đối với các thuộc địa Cái đó đã tạo nên một tình thế khách quan thuận lợi cho phong trào cách mạng vừa ở chính quốc, vừa cả ở thuộc địa, là trong khi nó tăng cường sức kháng cự, phong trào giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, thì nó lại làm cho giữa giai cấp công nhân chính quốc và dân tộc bị áp bức càng gần gũi nhau hơn, càng dễ lập thành một *mặt trận thống nhất* giữa giai cấp công nhân chính quốc và dân tộc thuộc địa chống kẻ thù chung - chủ nghĩa đế quốc

Việc khai thác của thực dân Pháp sau chiến tranh là làm cho mối mâu thuẫn giữa đế quốc chủ nghĩa và nhân dân thuộc địa càng kịch liệt và sâu sắc hơn, bởi vì dưới ách của tư bản tài chính, sự áp bức và bóc lột của chủ nghĩa thực dân với nhân dân Việt Nam đã đến cực độ

Đó là lực ma vốn của Pháp đầu tư sang Việt Nam tăng lên như sau từ năm 1888 đến 1918 vốn của Pháp bỏ vào Đông Dương là 490 triệu Phơrăng, từ năm 1924 đến 1938, số vốn lên tới 4 710 (gấp 10 lần), nhiều nhất là từ những năm 1924 - 1928 (trong khoảng 4 năm so với suốt cả 50 năm trước) Đầu tư vốn vào Việt Nam chủ yếu là để khai thác nguyên liệu cho công nghiệp nước Pháp và để bán ra thị trường thế giới Do đó mà việc khai thác các mỏ, nhất là mỏ than, trồng cây

công nghiệp, trước hết là cao su, và trồng lúa (để bán gạo cho các nước Đông Nam Á) được đẩy mạnh

Việc xuất khẩu cao su là nguồn lợi khổng lồ cho bọn thực dân Pháp, số cao su xuất khẩu hàng năm tăng lên không ngớt năm 1922 200 tấn[1], năm 1919 3 000 tấn, năm 1925 8000 tấn, năm 1930 10 500 tấn, năm 1935 20 300 tấn, năm 1939. 68 900 tấn. Cho nên, chúng tăng việc trồng cây cao su để đưa đến sự sản xuất hàng năm như sau

1916 - 1918 18 000 tấn	1928 - 1930 30 000 tấn
1919 - 1921 14 000 tấn	1931 - 1933 190 000 tấn
1922 - 1924: 43 000 tấn	1934 - 1936: 450.000 tấn
1925 - 1927: 60.000 tấn	1937 - 1939 519 000 tấn

Vì vậy mà việc *chiếm đoạt đất đai* trong thời kỳ sau chiến tranh càng trắng trợn và quy mô càng rộng lớn hơn trước chiến tranh nhiều Đến năm 1937 diện tích trồng cao su đã chiếm đến 127.000 hécta

Nguồn lợi lớn thứ hai của thực dân Pháp là việc xuất khẩu gạo, nhờ chính sách độc quyền thương mại Năm 1908, Việt Nam xuất khẩu 1 234 000 tấn (Nam bộ 974 292 tấn và Bắc bộ 253 000 tấn) Từ năm 1918 đến 1930, trung bình Việt Nam xuất khẩu mỗi năm 1.763 587 tấn

Việc sản xuất lúa gạo không phải như sản xuất cao su, cà phê phần lớn do các đồn điền của bọn thực dân kinh doanh Việc sản xuất lúa gạo vẫn là sở trường của người bản xứ, nghĩa là nông dân, dựa trên phương thức sản xuất phong kiến và nửa phong kiến, nghĩa là phát canh và thu tô, nó hút hết máu mủ, róc tận xương tuỷ của nông dân, và với một kỹ thuật canh tác cổ truyền Vì vậy mà bên cạnh việc chiếm

1 Những số liệu này và ở các trang sau là căn cứ vào những số liệu trích trong cuốn *Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước Cách mạng tháng Tám*, của Nguyễn Kiến Giang xuất bản lần thứ nhất Nxb Sự thật, Hà Nội, 1958

đoạt đất đai cho bản thân chúng dễ mở mang việc khai thác các mỏ, và trồng các thứ cây công nghiệp, một phần cũng có trồng lúa, thời bọn thực dân lại mở rộng cơ sở xã hội của chúng bằng cách tăng cường giai cấp địa chủ bản xứ, và khuyến khích việc tập trung ruộng đất vào tay bọn này. Số đại địa chủ Việt Nam, nhất là ở Nam bộ, nảy ra từ sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, tăng lên rất nhanh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

Dưới đây là số ruộng đất ở Việt Nam bị thực dân Pháp chiếm đoạt tính đến năm 1930.

Trong cả ba xứ Bắc, Trung và Nam bộ, chúng đã đoạt đến 909 300 hécta, trong đó ruộng lúa chiếm 285 900 hécta, chè 3 750 hécta, cà phê 10 700 hécta, cao su 99 678 hécta trong tổng số 4 550 000 hécta ruộng đất ở nước ta, nghĩa là gần 20%. Theo thống kê của Pháp, năm 1937 có 39 237 người Pháp ở Việt Nam, so với dân số của cả Việt Nam lúc đó là 18 972 000 người, thì số người Pháp chỉ chiếm tỷ lệ 0,22%.

Đó là về thực dân Pháp. Còn giai cấp địa chủ Việt Nam thì tỷ lệ so với số dân từ 3 đến 5%, nhưng đã nắm trong tay khoảng 50% ruộng đất.

Ở Bắc bộ, dân đông hơn Trung bộ và Nam bộ, mà ruộng đất lại rất ít. Bình quân chiếm hữu của mỗi người chỉ được 0,147 hecta, mà một thiểu số địa chủ lớn lại chiếm hết 20% ruộng đất. Ở Trung bộ tình hình cũng tương tự (số chủ đất lớn - có 10 mẫu trở lên chiếm 1,36% nhân khẩu, và vào khoảng 20% ruộng đất). Ở Nam bộ là nơi tập trung những đại trang điền, số chủ ruộng lớn (có 50 hécta trở lên) chỉ chiếm 2,5% tổng số chủ ruộng, nhưng chiếm tới 45% toàn diện tích ruộng đất. Nhất là ở miền Tây và miền Trung, có những tên đại địa chủ có tới 145 000 hécta ruộng đất (chúng chỉ chiếm 2% trong số chủ ruộng). Nam bộ lại cũng là nơi mà số nông dân không có đất chiếm tỷ lệ cao nhất: độ 2/3 nông hộ không có ruộng đất. Ngoài ra, các giáo hội

nhà chung tập trung ruộng đất cũng không ít. Riêng ở 8 tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ Thái Bình, Nam Định, Kiến An, Hà Đông, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nam, Nhà chung đã có đến 18 872 hécta, ở vùng xã Đoài (Nghệ An) Nhà chung đã chiếm 6 000 mẫu ruộng đất, và quá trình tập trung đất đến cao độ, đó là hai hiện tượng nổi bật nhất trong thực tế Việt Nam sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Đó là điều kiện tiên quyết, là cơ sở để cho chủ nghĩa thực dân tiến hành chương trình "khai thác" Việt Nam sau chiến tranh. rút nguyên liệu, đầu tư, biến Đông Dương thành một thị trường độc chiếm của dế quốc Pháp

Kèm theo đó, là tất cả các chính sách khác, mà chính sách thuế khoá là nòng cốt. Số thu (chủ yếu là do các thứ thuế) của ngân sách Đông Dương hàng năm tăng lên như sau:

Năm	*Tiền thu hàng năm (triệu đồng)*
1889	19,7
1930	95
1939	115,2
1944	219,1

Trước hết là thuế ruộng đất (theo tài liệu năm 1937)

Từ 1 thước đến 5 mẫu, đóng 2đ50 (tiền Đông Dương)

5 mẫu - 10 mẫu	7,
10 mẫu - 20 mẫu	14
20 mẫu - 40 mẫu	24
40 mẫu - 100mẫu	35
100 mẫu trở lên	50

Người có 100 mẫu "trở lên", nghĩa là có thể có hàng nghìn, hàng vạn hécta, hàng năm thu hoạch đến hàng triệu, cũng chỉ phải đóng hơn có 1 - 2 thước, nghĩa là không thu hoạch được gì hết, có 20 lần thôi! Đó là một trong những

biện pháp công hiệu nhất để bần cùng hoá và phá sản nhanh chóng nông dân lao động và tập trung nhanh chóng ruộng đất vào tay bọn địa chủ

Trong 5 năm, từ năm 1938 đến 1942, khoản thu về muối đã tăng như sau 1938 5 862 000đ, 1939 5 940 000đ, 1940 6 093 000đ, 1941 7 090 000đ, 1942 7 631 000đ

Thuế thu về rượu tăng như sau 1931 4 838 850đ, 1935 2 920 853 000đ, 1937 5 151 250đ, 1940 8 716 764đ, 1942 13 571 688đ

Thu về thuốc phiện 1899 8 000 000đ (1/3 số thu của ngân sách), 1903 10 400 000đ 1933 42 097 000đ, 1935 42 255 000đ, 1938 65 525 000đ

Đó là chưa kể các thứ khác nạn cho vay nặng lãi, đầu cơ thóc lúa, phu phen tạp dịch, v v Nghĩa là tất cả những "bạn đồng hành" của chế độ thuộc địa, mà kết quả là đưa đến sự phá sản nhanh chóng ghê gớm quần chúng nhân dân cơ bản, chủ yếu là nông dân, và dồn tiền bạc, ruộng đất của cải vào tay bọn cá mập thực dân, và địa chủ bản xứ, dưới quyền tối cao của nhà ngân hàng Đông Dương Tất cả những thủ đoạn, biện pháp bóc lột theo kiểu thuộc địa, mà chúng ta đã nói đến ở chương trước, trong thời kỳ từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, cho đến chiến tranh thế giới thứ nhất, không phải nhân đôi, mà nhân lên 10, 20 lần thời chúng ta mới thấy rõ hai kết quả trái ngược lợi nhuận thặng dư của thực dân, và mức bần cùng hoá của quần chúng nhân dân Một thí dụ vốn của nhà ngân hàng Đông Dương lúc đầu mới có 8 triệu phơ - răng, năm 1945 lên đến 157 triệu phơrăng Nhưng đó là vốn biểu diễn (nominal) còn vốn thực, trên thị trường chứng khoán (bourse) thì là 3 780 triệu phơrăng (như một cổ phần giá biểu hiện là 157 phơrăng thì giá thực bán ra là 3 780 phơrăng)

Tình trạng đó đã ảnh hưởng đến sản xuất, trước hết là nông nghiệp, cơ sở của nền kinh tế trong nước, và hơn 20

triệu dân Việt Nam sống vào nó Nói đến nông nghiệp, trước hết nói đến lúa gạo. Tình hình về diện tích và sản lượng từ năm 1912 đến 1920 là như sau:

Xứ	1912 - 1922			1925 - 1929		
	Diện tích (hec -ta)	San lương chung (tấn)	San lương 1 hécta (ta)	Diện tích (hec -ta)	San lương chung (tấn)	San lương 1 hecta (ta)
Bắc bô	1 540 000	2 100 000	14	1 250 000	1 700 0000	13
Trung bô	1 100 000	1 400 000	13	970 000	1 000 000	9
Nam bô	2 000 000	2 700 000	13,5	2 300 000	2 800 000	12

Nói tóm lai về nông nghiệp Việt Nam 10 năm sau chiên tranh đã đưa đến tình trang kiêt quê

Về thiên tai, thì Việt Nam, đăc biệt là Bắc bô, dưới chê dô thưc dân, đã giật giải quán quân. Từ năm 1902 đến 1926, ít có năm nào không vỡ đê (12 lần) vì lut Có những trân lut làm ngập hầu hết cả môt vùng Còn bão thì cũng không kém gì Trong 19 năm, từ năm 1911 đến 1929, người ta tính ra có tới 147 trân bão vừa to, vừa nhỏ, mà Bắc bô và miền Bắc Trung bô là nơi chiu đưng thường xuyên Có những trân bão rất dữ dôi như bão năm 1929, cả mưa đá, làm cho 78 640 chiếc nhà bi sup đổ ở Nam Đinh, và 10 van mẫu ruông không cấy lai đươc, ở Thái Bình 118 539 ngôi nhà sup và 119 159 mẫu ruông không cấy lai đươc

Ở Bắc bô và miền Bắc Trung bô lại cũng là nơi hàng năm xảy ra hạn hán Những công trình thuỷ nông do thưc dân Pháp tiến hành ở vài nơi sau chiến tranh (Sơn Tây, Thanh Hoá) trước hết là môt thủ đoan để chiếm thêm ruông đất của nông dân và tăng thuế ruông lên, ngoài viêc chúng làm lơi cho môt số đia chủ có nhiều ruông đất

Tất cả những cái đó đã đưa người nông dân đến tình trang, như Lui Rubô, phóng viên tờ báo tư sản Pháp "Le

petit Parisien" sang điều tra về tình hình sau khởi nghĩa Yên Bái đầu năm 1930 "Mỗi một người nông dân là nông nô của một lĩnh chúa to hay nhỏ[1] và để nộp thuế, người nông dân phải bán hết, cả con mình nữa, với giá là 15 phơ răng (1đ50)

Trước tình trạng như vậy, và cuối cùng để kéo dài cái đời ngắc ngoải thì chỉ có một cách, là *bán cả thân mình nốt*, mà đó chỉ là kết quả tất nhiên và do toàn bộ chính sách của thực dân cố tình dẫn tới, tức là có *một nguồn nhân công rẻ mạt*, nó là một trong những mục tiêu chiếm đoạt thuộc địa Bần cùng hóa, trước hết là nông dân, để có một nguồn nhân công rẻ mạt nếu không có thứ đoạn đó, mà chủ nghĩa thực dân đã đề lên thành một trong những nền tảng của chính sách thuộc địa của nó thời đã không đảm bảo được những lợi nhuận thặng dư khổng lồ Nó nằm trong quy luật tích luỹ sơ khai của chủ nghĩa tư bản mà cái phương châm cơ bản nhất, là *sự tách người sản xuất ra khỏi tư liệu sản xuất, trước hết là tách người dân cày ra khỏi tư liệu sản xuất căn bản của họ - ruộng đất*, được tái diễn ở trong thời đại đế quốc chủ nghĩa với tất cả tính chất tàn bạo, dã man hơn gấp bội so với buổi bình minh của chủ nghĩa tư bản, với một tốc độ gấp rút hơn

Cái khác nhau là ở các nước tư bản, sự tích luỹ sơ khai của chủ nghĩa tư bản đưa đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, nghĩa là tựu chung, đưa đến công nghiệp hoá, đưa đến sự giải phóng của sức sản xuất khỏi những ràng buộc của chế độ phong kiến, còn ở thuộc địa thì lại không đưa đến công nghiệp hoá, đưa đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, mà chỉ để du nhập những quan hệ tư bản chủ nghĩa trong chừng mực và dưới những hình thức mà sự hỗn hợp, xen kẽ và duy trì những quan hệ phong kiến và nửa phong kiến có lợi cho

1 *Chaque paysan est serf d'un grand ou petit seigneur* (Louis Roubaud Việt Nam)

việc duy trì và nâng cao lợi nhuận thặng dư của những tập đoàn tư bản chủ nghĩa lũng đoạn, nghĩa là tư chung, nó kìm hãm sức sản xuất Đó là trở ngại chính đối với việc công nghiệp hoá các thuộc địa, và chủ nghĩa đế quốc còn duy trì sự thống trị của nó ở thuộc địa, thời thuộc địa không bao giờ ra khỏi thời tích luỹ sơ khai

Sự ràng buộc, sự kìm hãm đó, mà một biểu hiện chủ yếu của nó là sự gián đoạn giữa quá trình " khai thác" thuộc địa và quá trình tách người sản xuất ra khỏi thủ đoạn sản xuất, là điều kiện cơ bản để đảm bảo cho chủ nghĩa thực dân có một nguồn nhân lực vô tận và tư chung, là một nguồn lợi nhuận thặng dư không hạn độ.

Nếu chúng ta căn cứ vào số người không có ruộng đất làm tiêu chuẩn để thấy được mức độ phá sản và mất ruộng đất dưới chế độ thực dân, thì chúng ta có những con số sau đây

Theo tài liệu của Ivơ Hăngry, tác giả cuốn "Nền kinh tế nông nghiệp Đông Dương" thì năm 1932 số người có ruộng đất ở Bắc bộ (chỉ tính vùng đồng bằng) là 964 490 người (tối đại đa số những người này đều có gia đình, mà trong số người có ruộng đất phần lớn là những người có rất ít ruộng đất, 1 - 2 sào cũng coi là "chủ ruộng") Số dân đinh vùng đồng bằng lúc đó là 1 933 .000 người, thì số người không có ruộng đất lên tới 968.000 người, nghĩa là hơn 1/2

Ở Trung bộ, mà số dân lúc đó vào khoảng 4 800 000 và nếu tính mỗi gia đình gồm 4 người, thì số suất đinh là 1 200 000 người, mà số người không có ruộng đất đã tới 658 038

Ở Nam bộ, trong 1 100 000 suất đinh thì chỉ có 255 047 người có ruộng đất

Như vậy là có ngót 2 triệu rưỡi người ở nông thôn không có một tý ruộng đất nào Đó là cố nông. Nếu chúng ta tính cả người có dưới 1 mẫu là những người không thể nuôi sống mình và gia đình trên mảnh đất nhỏ bé quá sức tưởng tượng

và thường phải đi kiếm nghề phụ, hoặc phải đi làm mướn cho địa chủ, phú nông, hoặc lĩnh canh đất của địa chủ và nếu có công ăn việc làm thường xuyên thì họ cũng không ngần ngại bỏ miệng ruộng chết đói, thời số người có thể *hoàn toàn sống bằng cách bán sức lao động* sẽ gấp đôi

Ở Nam bộ, nơi ruộng đất tập trung cao độ, có nhiều đại điền trang của địa chủ, thời số người không có ruộng đất, nghĩa là cô nông, đại bộ phận là bị thu hút vào các đại điền trang đó và trở nên tá điền, nhất là ở những vùng miền trung và miền tây Còn Bắc bộ và Trung bộ, ruộng đất ít, đại điền trang ít, và quy mô không lớn như ở Nam bộ, cho nên số người "thừa" nghĩa là không có công ăn việc làm, ngoài việc bán thân mình cho hạng chủ nô hiện đại để bị đày vào các đồn điền cao su, thời không có phương tiện nào khác sinh sống Nhưng, không, phải tất cả những nông dân phá sản và thất nghiệp đều có cái may mắn, được mộ đi làm ở các đồn điền Chỉ một phần thôi đó cũng lại là một nguồn kiếm chác đầu cơ cho sở mộ phu

Trong 9 năm, từ năm 1926 đến 1932, số người không có ruộng đất ở Bắc bộ phải tự bán mình đi làm phu ở các đồn điền của thực dân Pháp ở Nam bộ hoặc ở các nơi khác (Tân đảo, Calêđôni v v) là 89 800 người và số trở về là 55 600 người

Trong 4 năm (1926 1929) số nông dân không có ruộng đất ở Trung bộ phải đi làm phu cho các đồn điền của Pháp ở Nam bộ và các nơi khác là 14 823 người

Nếu tính số người mỗi năm một đi làm phu cho đồn điền với số cô nông và nông dân rất nghèo, thời tỷ lệ người mộ đi rất thấp (ở đây ta không nói đến những thủ đoạn lừa gạt, tàn ác của bọn mộ phu, mà chính ngay bọn thực dân[1] cũng đã phải kêu, và là một lối "buôn người da vàng"[2], và

---

1 Năm 1927 - 1928, vì sự cạnh tranh trong việc mộ phu đi đồn điền, nên tên Đơmongpơda một tên chủ đồn điền lớn, viết trong báo *La volte indochinoise* là cơ quan của hắn về những thủ đoạn mộ phu tàn ác

2 Theo danh từ của một người Pháp P Mônê, có viết cuốn *Les jaunes*

những thủ đoan bóc lột cực kỳ dã man ở các đồn điền, không khác gì chế đô nô lê thời thương cổ Nhưng đó là số người mô đi làm "cu li" trong các đồn điền, nghĩa là thuộc về loại công nhân nông nghiệp, những đồn điền đó trồng cây công nghiệp, để sản xuất ra một thứ nguyên liệu đưa đi chế biến ở nước khác. Và một phần những người đó lại mô đi làm cu - li cho các đồn điền ở những thuộc địa khác của Pháp

Số công nhân xí nghiệp, làm trong các hầm mỏ, công xưởng do thực dân Pháp tuyển lại càng ít hơn nữa.

Tuy số công nhân sau chiến tranh thế giới thứ nhất tăng nhiều và khá nhanh nhưng nó vẫn không thấm so với số người mà chủ nghĩa thực dân, nhất là trong thời kỳ mà tư bản tài chính thực hiện cuộc tấn công toàn diện của nó ở Việt Nam, đẩy hàng triệu người đến cảnh mất đất, phá sản, bần cùng hoá, khốn đốn, đói rách

Sự tuyển lựa công nhân mỏ ở Bắc Bộ là một bằng chứng

Năm 1904 4 000 người, 1907. 7.000 người, 1911 16 000 người; 1915· 13 500 người, 1918 16 000 người

Số công nhân mỏ và các xí nghiệp khác ở Đông Dương (ở Cao Miên và Lào chủ yếu cũng là công nhân người Việt Nam) cho đến năm 1929 trước cuộc kinh tế khung hoang (1929 - 1933)

MỎ		**Các xí nghiệp khác cả công nhân lẫn tiểu công chức**
Xứ	Số lương	Số lương
Bắc bô	49 020	38 870
Trung bô	220	6.960
Nam bô	-	31 790
Miên	-	9 420
Lào	4 000	270

Như vậy là trong toàn Đông Dương có trên 10 vạn công nhân của các ngành khai khoáng, giao thông vận tải và các xí nghiệp khác (không tính các hạng tiểu công chức và nhân viên phục vụ) còn số công nhân các đồn điền thì trên 8 vạn. Công nhân các đồn điền là nhiều nhất, rồi đến công nhân mỏ[1]

Dù sao đi nữa, chúng ta thấy rằng do chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất chuyển mạnh về hướng chính sách của tư bản tài chính, nghĩa là thực hiện một cuộc tấn công toàn diện đối với Việt Nam, nó khuếch trương và đưa đến một hệ số cao chưa từng thấy tất cả những nét tiêu cực của chủ nghĩa thực dân, xã hội Việt Nam đã bị *phân hoá rất mạnh và rất nhanh*. Trong sự phân hoá đó, có hai hiện tượng nổi bật nhất. Một là, sự bần cùng hoá ngày càng trầm trọng của toàn thể nhân dân lao động Việt Nam, họ thành cái mồi sẵn cho sự bóc lột vô hạn độ của chủ nghĩa thực dân; vô luận họ còn ở lại nông thôn, lĩnh canh hay làm thuê trên đất của địa chủ, hay là họ đi vào làm phu trong các đồn điền của thực dân, hay là họ đi làm công nhân trong hầm mỏ, trong nhà máy của bọn tư bản thực dân.

Ở châu Âu trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang lên, trong cuộc cách mạng tư sản, người nông dân ủng hộ giai cấp tư sản, đi theo giai cấp tư sản, làm chỗ dựa, làm sức dự trữ của giai cấp tư sản, bởi vì giai cấp này đưa họ ra khỏi sự ràng buộc và cấu thúc của chế độ phong kiến, và đưa lại cho họ ruộng đất giật từ trong tay bọn phong kiến. Chủ nghĩa tư bản phát triển, tức là thị trường bên trong được thống nhất và mở rộng, một mặt nó cũng làm cho bộ mặt nông thôn bị phân hoá, lớp phú nông nhoi lên, lớp bần và cố nông ngày thêm đông, nhưng mặt khác, trong thời kỳ mà chủ nghĩa

1 Tài liệu của Sở Tổng thanh tra Lao động Đông Dương trích trong cuốn *Giai cấp công nhân Việt Nam* của Trần Văn Giàu, xuất bản lần thứ 2, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1958, tr. 165 - 169.

tư bản còn ở trong giai đoạn "tự do" cạnh tranh thời tình hình của lớp trung nông, họ là số đông trong nông dân, ít nhiều vẫn còn ổn định, cố nhiên là tương đối thôi, bởi sự tập trung tư bản ở nông thôn chậm hơn ở thành thị, nhưng vẫn tập trung, do đó mà họ còn có những ảo tưởng đối với chủ nghĩa tư bản. Vì vậy mà trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang thịnh, thời nói chung, nông dân vẫn là chỗ dựa, vẫn là sức dự trữ của chủ nghĩa tư bản.

Khi chủ nghĩa tư bản bước sang thời kỳ suy vong của nó, những tiếng "tự do cạnh tranh" cũng như bao nhiêu những châm ngôn hoa mỹ của chế độ tư bản, dần dần mất hết ý nghĩa, chính tư tay nó, chủ nghĩa tư bản đã phế bỏ cả cái nó nâng lên thành một nguyên tắc thiêng liêng nhất, là quyền tư hữu, thời những ảo tưởng trước đây của nông dân cũng dần dần tiêu tan. Nói tóm lại, chủ nghĩa tư bản đã công nhiên đối lập với cả toàn xã hội, và nếu đã ra mặt đối lập hẳn với giai cấp công nhân, là giai cấp do tư nó đẻ ra để đào mồ chôn nó, thì đồng thời nó cũng đối lập lại với các giai cấp khác, bởi vì chủ nghĩa tư bản càng tập trung, nhờ sự tích luỹ giá trị thặng dư do giai cấp công nhân sản xuất ra, thì nó cũng lại dựa vào đó để khuất phục những tầng lớp khác, trước hết là nông dân. Cho nên cái guồng máy sản xuất của chế độ tư bản chủ nghĩa đã đẩy toàn phe *lao động* đối lập lại với *tư bản*, mà những tầng lớp khác thấy chỉ có đi với giai cấp công nhân mới tự giải phóng được mình. Và cũng chỉ có dựa vào sự bóc lột giá trị thặng dư do giai cấp công nhân sản xuất ra với những điều kiện sản xuất *tiến bộ*, nghĩa là nền đại công nghiệp hiện đại, thời chủ nghĩa tư bản mới có thể khuất phục được các tầng lớp khác. Vì vậy mà đối với các tầng lớp khác, giai cấp công nhân, đóng vai trò lãnh đạo tiên phong là một quy luật, mà do quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản tạo nên.

Do đó mà trong thời kỳ suy vong của chủ nghĩa tư bản, có thể và nhất định đặt ra vấn đề *liên minh giữa giai cấp*

công nhân và nông dân, mà trong đó, thì ngoài giai cấp công nhân ra, không có và không thể có một giai cấp khác đảm nhiệm được vai trò lãnh đạo

Trong thời kỳ chu nghĩa tư bản còn thịnh, nền sản xuất bước nhanh trên con đường cơ giới hoá mở rộng thị trường ra bên ngoài, cho nên nó thu hút được đông đảo những tầng lớp bị phá sản, biến họ thành những người công nhân, và khi mà chủ nghĩa tư bản chưa bị rối loạn bởi những cuộc khủng hoảng chu kỳ, nó là triệu chứng của sự mâu thuẫn căn bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nạn thất nghiệp chưa trầm trọng như về sau này, đội quân lao động hậu bị thường xuyên chưa to lắm, thời hàng ngũ của giai cấp công nhân dễ được bổ sung thêm, mà những lớp công nhân đang làm cũng có công ăn việc làm tương đối ổn định

Nhưng giai cấp tư sản đã lợi dụng chỗ này, để lái sự mâu thuẫn giữa nó với nông dân về phía *làm cho nông dân chống đối với giai cấp công nhân*, nhất là trong chính sách thuế má. Dưới chế độ tư bản, thuế má ngày càng tăng, mà một phần lớn bổ vào đầu nông dân. Giai cấp thống trị làm cho nông dân tưởng rằng họ bị đánh thuế là cốt để nuôi những người thợ. Do đó mà trong một thời gian nào đó, nó đã gây được ác cảm của nông dân đối với công nhân. Sự chia rẽ giữa công nhân với nông dân là một thủ đoạn mà giai cấp tư sản luôn luôn thi hành để kìm hãm và phá hoại phong trào cách mạng, chủ yếu là phong trào công nhân. Khi chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, khi mà dưới sự phân công ngày càng tàn bạo của tư bản lũng đoạn, sự chia rẽ giữa công nhân và nông dân ngày càng thiếu cơ sở và sự kìm hãm phong trào cách mạng của công nhân càng khó, thời chủ nghĩa tư bản lại thi hành một thủ đoạn thâm độc khác nữa, là *chia rẽ hàng ngũ công nhân*, bằng cách thí ra một chút ít trong những lợi nhuận thặng dư hút được ở máu mủ của các dân tộc thuộc địa để mua chuộc một lớp công nhân - đó là lớp công nhân quý tộc, để ủng hộ chúng và đối

lập với toàn cả giai cấp công nhân Lớp đó là cơ sở xã hội của chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân ở các nước tư bản từ thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX

Ở các nước thuộc địa nói chung, ở Việt Nam nói riêng, tình hình khác hẳn. Khi chủ nghĩa thực dân đến xâm lược thời nông dân hoàn toàn ở dưới ách của giai cấp phong kiến Chủ nghĩa thực dân đến xâm lược, không bỏ nền sở hữu phong kiến để cho nền sở hữu tư sản được phổ cập, mà nó chỉ biến nền sở hữu phong kiến thành nền sở hữu thực dân, trong đó chế độ thực dân và quan hệ phong kiến cấu kết với nhau, xen kẽ nhau, dựa vào nhau để đè lên đầu nông dân, mà kết quả một chiều - là mất ruộng đất, phá sản, bần cùng hoá, đã không được bổ sung bởi quá trình vô sản hoá Ở các nước tư bản, trên miếng đất của lãnh chúa phong kiến trước kia, mọc lên nhà máy hiện đại Ở thuộc địa, miếng đất của người nông dân trước đây thì nay là đất của địa chủ, phát canh cho người chủ cũ, tức là nông dân, hoặc đã mọc lên cái đồn điền của thực dân, mà người chủ cũ, tức là nông dân, trở nên người nô lệ, hoặc người nông dân trước kia có đất nay đi lang thang, không nhà không cửa, không cơm ăn áo mặc Đối với quy luật phát triển của lịch sử, đó là một bước thụt lùi. Sở dĩ nó có thể xảy ra được là vì chủ nghĩa tư bản, sau khi phát triển đến đỉnh cao nhất của nó, đã biến thành cái trái ngược với nó và như vậy là nó, tự dọn đường cho nó tự tạo ra những điều kiện để đi tới giai đoạn tột cùng của nó Giai đoạn này cũng là giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội.

Như vậy là chủ nghĩa thực dân, khác hẳn với chủ nghĩa tư bản cổ điển trong thời kỳ đang lên của nó, không những không giải phóng cho nông dân, mà trái lại, còn trói buộc thêm nông dân.

Nông dân được giải phóng ra khỏi ách phong kiến nhờ cuộc cách mạng tư sản, nghĩa là tựu chung nhờ giai cấp tư

sản, đó là một chân lý thuộc về qua khứ, trong thời đại khi mà chủ nghĩa tư bản đang lên. Nhưng đến khi chu nghĩa tư bản đã bước vào thời kỳ suy tàn, mà cái triệu chứng của sự suy tàn đó là chủ nghĩa thực dân, là con đẻ của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, trở nên phổ cập, thời chân lý đó đã hết tac dung, đối với thuộc địa là nước còn phải làm cuộc cách mang tư sản, bởi vì thuộc địa nghĩa là độc quyền cuả chủ nghĩa thực dân, mà muốn duy trì độc quyền đó thì chủ nghĩa thực dân không thể kìm hãm sự phát triển công nghiệp của thuộc địa, *không thể kìm hãm va không chen ep giai cấp tư sản dân tộc*, không thể không bắt giai cấp này lệ thuộc vào nó, không thể không đưa sự phát triển của giai cấp này phục vụ cho lợi ích của nó. Cho nên ở đây ta thấy nếu một mặt sự phát triển của công nghiệp ơ thuộc địa là có tác dung tiến bộ, nhưng mặt khác, vì sự phát triển tiến hành trong điều kiện và dưới quyền điều khiển cua chủ nghĩa thực dân, cho nên nó có những nhược điểm cua nó, và những nhược điểm này có tính chất căn bản, no nằm trong ban chất cua giai cấp tư sản dân tộc, không những giai cấp tư sản dân tộc quá yếu ớt về thế lực kinh tế như ở Việt Nam mà cả ở những thuộc địa, ở đây giai cấp tư sản dân tộc có cơ sơ tương đối vững hơn. Nhược điểm căn bản hơn hết là giai cấp tư sản dân tộc ở thuộc địa *không thể giải phóng dược cho nông dân thuộc địa*, như giai cấp tư sản Âu châu đã giải phóng cho nông dân cuối thê ky XVIII. Mà giải phong cho nông dân, trước hết nghĩa là đưa lại ruộng cho họ. Đưa ruộng đất lại cho nông dân, giải phóng cho họ, là nội dung, là bản chất cua cách mang giải phong dân tộc. Vì như chúng ta đã thấy, chủ nghĩa đế quốc, xâm chiếm thuộc địa, trước hết là cướp ruộng đất và tập trung ruộng đất, và làm cho hàng triệu nông dân phá sản và bần cùng hoá. Giai cấp nào, khi làm cách mang vì mình mà đồng thời có thể giải phóng cho các giai cấp khác, mới đóng dược vai trò lãnh đao đối với cách mang. Vì vậy mà trong hoàn cảnh lịch sử ngày nay, giai cấp tư sản dân tộc, trong khi vẫn là một lực lương của cách

mang, không thể lãnh đạo hoặc không thể lãnh đạo triệt để được cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa

Như vậy là vấn đề ruộng đất, vấn đề nông dân là điểm đầu tiên nổi bật nhất mà sự xâm lược và ách thống trị của chủ nghĩa thực dân đề xuất ra và nó là nội dung, là bản chất của nhiệm vụ cách mạng giải phóng ở Việt Nam, cũng như ở bất cứ một nước thuộc địa nào khác, bởi vì có dựa trên chính sách đó, thì chủ nghĩa thực dân mới thực hiện được toàn bộ chính sách thuộc địa của nó, mới thực hiện được chính sách áp bức của chúng đối với *toàn cả dân tộc*

Điểm nổi bật thứ hai, là *giai cấp công nhân hiện đại hình thành ở Việt Nam* Dĩ nhiên, nói như vậy không có nghĩa là trước thế giới chiến tranh lần thứ nhất, ở Việt Nam chưa có giai cấp công nhân, mặc dầu lúc đó chính sách thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam còn ở trong giai đoạn "khai thác" đầu tiên

Có công xưởng hiện đại, nghĩa là trước tiên phải có những người hoàn toàn thoát ly mọi cách sinh nhai khác, và chỉ sống bằng cách bán sức lao động của mình, và hai là cùng làm với những người khác trong một cơ cấu tổ chức do nhu cầu của sự sản xuất đẻ ra, và buộc người công nhân phải có mặt thường xuyên, mỗi ngày trong một quãng thời gian nhất định, tại nơi làm việc Sau khi thực dân xâm chiếm nước ta và bắt đầu khai thác các mỏ, xây dựng những nhà cửa cho chúng ở, những công sở cho bộ máy cai trị của chúng, những đường giao thông cho việc chuyển quân và phần nào cho việc lưu thông hàng hoá, sửa chữa tàu bè. và một số xí nghiệp sản xuất ra những cái cần dùng cho chúng; nhà máy điện, nhà máy nước thì đã có một lớp công nhân đầu tiên làm việc thường xuyên cho chúng Đó là cái mầm của giai cấp công nhân Việt Nam.

Chúng ta không có thống kê đầy đủ, nhưng nói chung, trong cả ba xứ Nam, Trung, Bắc kỳ vào cuối thế kỷ XIX, con

số những người làm thợ trong các công xưởng, công trường, hầm mỏ và đồn điền của thực dân Pháp nhất định không dưới vài vạn, trong dân số toàn Đông Dương khoảng 15 triệu sang đầu thế kỷ XX cho đến chiến tranh thế giới thứ nhất, với chương trình "khai thác" quy mô đầu tiên của P Dume, như hoàn thành việc xây dựng một số đường sắt, mở các thương cảng Sài Gòn và Hải Phòng để phát triển quan hệ thương mại giữa Đông Dương với Pháp và các nước châu Á, mở rộng việc khai thác các mỏ, và nhất là mở thêm đồn điền trồng các thứ cây công nghiệp và tăng cường bộ máy quân sự, cảnh sát và quan liêu của thực dân "Liên bang Đông - dương" thành lập năm 1898, thực dân Pháp không thể không tăng thêm việc tuyển mộ công nhân Chúng cũng đã bắt đầu nghĩ đến việc đào tạo một lớp công nhân lành nghề, nhất là về điện, máy, v v trong các trường công nghiệp thực hành Các trường công nghiệp thực hành Sài Gòn, Hà Nội, trường bách công Huế mở ra trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Trong thời kỳ sinh trưởng của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản có trước giai cấp vô sản, theo ý nghĩa hiện đại của danh từ đó Ở các thuộc địa thì ngược lại, giai cấp công nhân đẻ ra trước giai cấp tư sản dân tộc Đó không phải là một đặc điểm riêng của Việt Nam, mà của tất cả các nước thuộc địa Điều đó cũng dễ hiểu Vì rằng người đứng sắp đặt việc khai thác đầu tiên ở thuộc địa chính là bọn thực dân, và chúng phải tạo ra những điều kiện vật chất cần thiết để đảm bảo *độc quyền bóc lột thuộc địa*, nghĩa là bảo đảm cho chúng những điều kiện tối đa và tốt nhất để sinh ra lợi nhuận thặng dư cho chúng rồi thì chúng mới cho phép người bản xứ kinh doanh Như vậy là chúng chỉ để cho giai cấp tư sản bản xứ những cái còn rớt lại Cái đó nói lên hai điều Một là, trong một chừng mực nhất định, nó gây ra sự mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và giai cấp tư sản dân tộc - trong một chừng mực có hạn, vì rằng

ở thuộc địa, lúc hình thành giai cấp tư sản, thì thường thường là lớp tư sản mại bản ra trước, bởi vì thực dân cần những người trung gian, những người đứng ra thầu trong công việc cung cấp vật liệu, lương thực cho chúng, và những người làm môi giới để bán những hàng hoá ở chính quốc gửi sang. Lớp người này sống gửi vào sự có mặt của chủ nghĩa thực dân ở thuộc địa. Còn lớp tư sản dân tộc bao giờ cũng ra sau, và trong nhiều trường hợp, những nhà tư sản mại bản - thầu khoán, thương nhân, khi có nhiều vốn, cũng mở xí nghiệp. Một thí dụ điển hình ở Bắc kỳ về hạng tư sản như vậy là Bạch Thái Bưởi, bắt đầu là thầu thuế chợ, rồi mua tàu chạy sông để về sau, hầu như chiếm độc quyền trong ngành vận tải đường sông ở Bắc Kỳ (nhưng rồi cũng bị bọn thực dân làm cho sạt nghiệp) và lại có mỏ ở Quảng Yên nữa. Hoàng Trọng Phu, một tay đại phong kiến Việt gian có vốn bỏ vào xưởng làm đồ sứ Bát Tràng. Trương Văn Bền, một đại địa chủ ở Nam bộ, đồng thời có nhà máy xay gạo và nhà máy xà phòng v v.

Điểm thứ hai là ở thuộc địa, vai trò lãnh đạo cách mạng không phải thuộc về giai cấp tư sản dân tộc, mà thuộc về giai cấp công nhân. Là những người bị thực dân bóc lột trực tiếp và đầu tiên, trong những điều kiện cực kỳ vô nhân đạo, tuyệt đối không được hưởng một tí gì trong những quyền lợi sơ đẳng mà giai cấp công nhân các nước tiên tiến đã giành được từ lâu, cho nên mới tiếp xúc với thực dân, thời họ đã là những vật hy sinh của tất cả những thủ đoạn bóc lột và cách đối xử tàn ác của chúng, do đó mà lòng căm thù của họ đối với chủ nghĩa đế quốc rất sâu sắc. Nhờ vậy mà công nhân Việt Nam rất sớm được giác ngộ. Hai là, để làm các việc nó đòi hỏi phải có nhiều người - xây dựng, sản xuất, thực dân bắt buộc phải *tập hợp họ lại*, như vậy là vô hình chung chúng đã tổ chức họ, trao cho họ một lợi khí có tác dụng quyết định trong cuộc đấu tranh cách mạng, đó là tính tổ chức. *Giác ngộ và có tính tổ chức,*

đo là hai nhân tố mà giai cấp công nhân Việt Nam đã thu hoạch được rất sớm trong trường học của thực tế thuộc địa của Việt Nam và từ trong thời kỳ mà giai cấp đó đang hình thành, trước khi có giai cấp tư sản Việt Nam

Nhưng, những người công nhân đó là ai? Chính là những người hôm qua còn có miếng ruộng, hoặc có nghề nghiệp, thì hôm nay đã hoá ra người không có kế sinh nhai, mà kẻ tước đoạt mất ruộng đất nghề nghiệp của họ, chính lại là bọn thực dân, và nếu không phải chúng thì cũng là những kẻ tay chân của chúng, tức là bọn quan lại phong kiến, bọn địa chủ, bọn hào lý Họ bị mất đất hoặc phá sản, thì chỉ có một cách hoặc là ở lại làm thuê làm mướn trong làng cho địa chủ, phú nông, hoặc là lên tỉnh tìm công việc nghĩa là vào nhà máy, vào mỏ, vào công trường, vào đồn điền (đó là những người may mắn tìm được công việc thường xuyên) Ở đây, kẻ bóc lột, đánh đập, hành hạ, cúp lương, phạt họ lại là những tên thực dân, là bọn "Tây"

Như vậy là trong người công nhân Việt Nam có hai người một người đã thuộc về quá khứ, là người nông dân, nhưng bị mất đất, và vẫn còn giữ tâm hồn đau khổ của người nông dân bị mất đất Đối với người nông dân ở một nước nông nghiệp, miếng ruộng miếng đất là tất cả Lễ nghi, hiếu thảo, tình cảm, chỗ "chôn rau cắt rốn", "mồ mả của tổ tiên" đều tập trung vào miếng ruộng Vì ruộng đất là kế sinh nhai độc nhất của họ, cho nên tất cả thế giới - vật chất cũng như tinh thần, là thu vào trong miếng ruộng Những câu "việc làng việc nước" "phép vua thua lệ làng" cũng nói lên cái khía cạnh tâm lý đó Mất miếng ruộng, miếng đất, đối với người nông dân, cũng như bị cắt mất khúc ruột Tuy phải thích nghi vào hoàn cảnh mới để khỏi chết đói, phải đi làm thuê làm mướn, nhưng lòng uất ức, nỗi oán hận của họ không thể dập tắt được, trước hết đối với những kẻ đã cướp ruộng đất của họ

Con người thứ hai ở trong người công nhân ở nhà máy, hầm mỏ hay đồn điền của thực dân, là người ngày nay, bằng xương, bằng thịt, mà xương thịt đã hàng ngày bị nghiến, để chảy mồ hôi sôi nước mắt ra mà nuôi sống những bọn cách đây không lâu, đã cướp mất ruộng đất, nghề nghiệp của mình, mà hàng ngày còn bị chúng đánh đập, chửi mắng, phạt, cúp lương, làm đủ tội tình

Như vậy trong người công nhân Việt Nam đã thống nhất lại hai con người là người nông dân mất ruộng đất, hoặc người thủ công phá sản, và người thợ dưới chế độ thực dân Thống nhất trong sự thông cảm, sự chan hoà về tình cảnh, về nỗi đau khổ và thống nhất trong mối căm thù đối với chủ nghĩa thực dân, nó là kẻ gây ra tai hoạ về cả hai mặt Hai giai cấp, nhưng nguồn gốc là một, hai sự đau khổ nhưng dồn vào một lớp người và cùng do một bọn gây nên Sự gắn bó trong đau khổ và trong căm hờn của người công nhân và người nông dân Việt Nam là cái cơ sở thuận lợi hơn hết để hai giai cấp đó dựa vào nhau, để cho *khối liên minh công nông hình thành rất sớm*, mà thực tế đã có sẵn rồi Đối với giai cấp công nhân Việt Nam, nông dân không chỉ là kẻ đồng minh tự nhiên, chắc chắn, đông đảo nhất, mà thật là *tình anh em máu mủ, ruột thịt*, đồng cam công khổ, chết sống có nhau, với nhau Đối với người nông dân Việt Nam, người công nhân không phải ai xa lạ, không phải là dân tỉnh thành, "coi người dân quê bằng nửa con mắt" mà là bà con họ hàng, là người nhà, và khi về thăm nhà, không lòe người nông dân với những cảnh sống văn minh ở thành thị, mà là nói về những sự đau khổ, nhục nhằn chính mình đã kinh qua dưới roi vọt của thực dân hay bọn tay chân của chúng Khi đi thì trong lòng đầy hy vọng, mong kiếm được công ăn việc làm, dành dụm dăm ba hào, một đồng gửi về cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ ở làng để lo việc thuế má, hoặc đình đám ma chay, khi về thì thân thể tiều tuỵ, ho lao, mắt toét vì bụi

than, bụi kẽm, hoặc bị bệnh sốt rét, phù thũng, mang ở rừng thiêng nước độc về. Những cảnh đó lại làm cho người nông dân thông cảm với người công nhân làm cho hai bên thêm gần gụi nhau, người nông dân *càng tin tưởng ở người công nhân*, đối với họ là người nói lên được sự thật, một sự thật mà chính người nông dân đã và đang nếm mùi.

Khối liên minh công nông đó chỉ càng ngày càng thêm chặt, thêm vững, không những là một thành trì kiên cố của cách mạng mà còn là sức công phá, xung kích không sức nào ngăn cản nổi, bởi vì nhìn xung quanh thì ngoài mình ra, không còn ai là người có thể cứu vớt được mình, là người đưa đường chỉ nẻo, làm khuôn vàng thước ngọc, bắc nhịp cầu tế độ cho mình.

Nhìn vào giai cấp địa chủ chăng? Thì chúng là chỗ dựa của thực dân, câu kết với thực dân, để cướp ruộng đất của nông dân và bóc lột họ quá hơn là nông nô. Cùng với thực dân Pháp, chúng là tử thù của nông dân. Nông dân thấy điều đó rất rõ và rất rất sớm, cho nên trong cuộc kháng thuế năm 1908, họ đã bỏ chúng vào một sọt cùng với tụi thực dân, nhiều nơi họ trói và gánh như gánh lợn bọn tổng lý, phủ, huyện và quan tỉnh đến vứt ở trước cửa toà sứ! Hạng địa phủ "khai minh" như bá tước Lêvin[1] và công tước Bôlônxki[2] trong tiểu thuyết của Lêông Tônstôi, thì ở thuộc địa làm gì có. Mà những nhân vật của Tônstôi cũng chỉ là những người do mộng tưởng của nhà văn luyến tiếc cái dĩ vãng "hoàng kim" gia trưởng không trở về được. Nhưng sự mơ mộng của Tônstôi ít nhiều có cơ sở thực tế, là sự phân hoá xã hội ở nông thôn nước Nga thời đó tuy rất nhanh, nhưng vẫn chưa triệt để, và đó là cái mâu thuẫn nội tại trong tư tưởng triết học của nhà văn Tônstôi cũng như trong chủ trương chính trị của phái "dân tuý". Do đó mà cái vĩ đại của thiên tài của Tônstôi là về

1 Nhân vật trong tiểu thuyết *Anna Carênina*

2 Nhân vật trong tiểu thuyết *Chiến tranh và hoà bình*

khách quan đã phản ánh được, như "tấm gương" mâu thuẫn của thực tế nước Nga lúc đó Phải nhớ rằng Nga là một nước độc lập và cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đã đứng vào hàng các nước đế quốc chủ nghĩa Còn ở thuộc địa, thì bọn thực dân ập đến, chúng là quân giặc, chúng cướp giật một cách tàn bạo, lập ra trại ấp, đồn điền, trong đó chúng bắt nông dân bị tước đoạt làm nô lệ cho chúng Trong giai cấp thống trị bản xứ cũ, những người có khí tiết, yêu nước, thì theo dân, chống lại chúng, đó là Trương Công Đinh, Đinh Công Tráng, là Nguyễn Thiên Thuật, là Phan Đình Phùng, và sau này là Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, v v... Còn một bọn khác thì theo chúng, làm tay sai cho chúng, nghĩa là đối lập hẳn với dân. Đó là tổng đốc Phương, tổng đốc Lộc, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, và sau này là Lê Hoan, Hoàng Trọng Phu, Vũ Ngọc Hoánh, Bùi Quang Chiêu, Lê Văn Liêm, v v Trong thực tế của một thuộc địa như Việt Nam, dưới gót sắt của chủ nghĩa thực dân Pháp không có chỗ cho những địa chủ "khai minh" Trong thời kỳ mặt trận bình dân, có vài nhân sĩ, hoặc nhà văn có những tư tưởng như vậy, thì cũng chả lừa dối, lôi kéo được ai.

Nhìn vào giai cấp tư sản chăng? Cũng chẳng nước non gì Vì giai cấp này về kinh tế thì quá yếu, về tổ chức thì không có cơ sở gì hết Vả lại, những nhà tư sản có tiếng tăm ở Hà Nội hay Sài Gòn thì không mấy ai còn là gì mặt mũi đó là những người "cai" hay những tay thầu khoán, hay "ta sơ rông" ký rượu, ký chè v v đã có nhiều "thành tích" về mánh khoé bóc lột

Trong các xí nghiệp của người Việt, ông chủ ta chỉ khác ông chủ tây về màu da và lỗ mũi, còn thì cũng một loại chim mồi cá mập cả

Những tập đoàn như "Đảng lập hiến" của bọn Chiêu, Long, Bảy ở Nam, của nhóm "Nam Phong" của Phạm Quỳnh hay là như Nguyễn Văn Vĩnh, Vũ Văn An ngoài Bắc, là

những tập đoàn Việt gian, trong đó đều là quan lại, địa chủ, những tên khét tiếng bán nước hại dân, ai mà chẳng biết tên tuổi mặt mày của chúng Nếu có một lúc nào đó, đục nước béo cò, chúng múa may trên khán đài, cũng hô hào yêu nước, thương nòi thì chúng chỉ ru ngủ được trong chốc lát một số công chức và học sinh ngây thơ tin ở lời hứa suông của chúng yêu cầu Pháp có quyền "bình đẳng" tăng lương, cho vào dân tây, v v nghĩa là những cái trống bỏi hay là ông tiến sĩ giấy đối với công nhân và nông dân

Nhìn vào đám tiểu tư sản thành thị, nhất là trí thức chăng? Thời rõ ràng họ có hai nhược điểm khó làm cho họ cầm đầu được một phong trào nào có tính chất lâu dài, bền bỉ, Đó là thiếu cơ sở thực tế và thiếu tính tổ chức Đây là chúng ta nói về vai trò lãnh đạo trong cách mang, bởi vì một giai cấp trung gian không bao giờ lãnh đạo được cách mang Mỗi một thời kỳ lịch sử, giai cấp nào là giai cấp tiên tiến, nghĩa là tiêu biêu cho một phương thức sản xuất cao hơn phương thức sản xuất đương thời, thì giai cấp đó đóng vai trò lãnh đạo đối với cách mang, như giai cấp tư sản đối với cách mang tư sản kinh điển, giai cấp vô sản đối với cách mang vô sản và giải phóng dân tộc trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa Còn nông dân, tiểu tư sản là những giai cấp trung gian, trong hàng ngũ họ luôn luôn có sự phân hoá, và bị những giai cấp tiên tiến kéo mình về, còn trí thức thì không phải là một giai cấp. có trí thức phong kiến, trí thức tư sản, trí thức tiêu tư sản, trí thức vô sản Có khi những người đứng đầu một cuộc cách mang có thể xuất thân từ ơ những giai cấp, những tầng lớp trung gian, hoặc một phong trào nào đó xuất phat từ trong một giai cấp trung gian, và giai cấp đó là chủ lực. những tư tưởng và xu hướng tổng quát, cương lĩnh, chủ trương, chính sách, hành đông của họ bao giờ cũng thiên về và đưa đến một trong những chế đô xã hôi, một trong những phương thức sản xuất mà lịch sử loài người đã hoặc phải kinh qua Mà kết quả cuối cùng của cách nang là đi đến chỗ

đó Không bao giờ giữa hai chế đô xã hôi cũ và mới, như giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hôi, lai đẻ ra môt chế đô xã hôi lưng chừng, goi là "xã hôi tiểu tư sản trí thức" bao giờ

Thiếu sư am hiểu về thực tế xã hôi, đó là nhược điểm lớn nhất của lớp tiểu tư sản trí thức nói chung Điều đó cũng dễ hiểu. Vì quen ở thành thi, đời sống vật chất và tinh thần lai bi bó hep trong môt pham vi nhất đinh, lai ở trong moi sư ràng buộc của chế đô thuộc đia, nên nếu đứng trên lập trường của ho, ho không thể hiểu thấu cái thực tế Việt Nam, nhất là thực tế ở nông thôn, mà sư chỉ trích phê bình của ho nhiều lúc han chế ở những hiên tương bề ngoài và trong sinh hoat của những tầng lớp trên của xã hôi Việt Nam Cái đó đã bộc lô khá rõ trong sáng tác văn nghệ trong cả môt thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới Môn phái nào nói đến đời sống nông thôn thì chỉ phơi bày những hủ tục của bon cường hào, như đình đám, ma chay, kiên tung, xôi thit, hoặc nói đến những cái thối nát của xã hôi cũ trong gia đình bon đia chủ, quan lai cả lẽ, dâm ô, loan luân, hủ hóa, tham ô, ninh hót, thiếp, con nuôi, con ở, nhưng rất hiếm có những tài liêu về cảnh người nông dân bi cướp đất, bi đia chủ bóc lôt như thế nào, mà chính đó là cái thực tế căn bản, cái cơ sở trên đó đã nẩy nở ra tất cả cái thối nát của xã hôi Việt Nam trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất Có nói đến cuộc đấu tranh của nông dân, thì lai không thấy lực lương của ho là ở đâu, cho nên có khi đi đến chỗ xuyên tac Thâm chí có người lai thi vi hóa đời sống ở nông thôn, ca tung cái "Lac thú hương thôn" Trong điều kiên đó, thì chỉ những người trí thức tiến bô, hoặc có cảm tình hoặc đi với giai cấp vô sản, hoặc đi theo Đảng tiên phong của giai cấp, mới có thể có những tác phẩm chân thật và có giá trị Cũng đã có những người như vậy, và cũng đã có những tác phẩm như vậy

Do những điều đã trình bày ở trên, chúng ta thấy rằng trong hoàn cảnh của Việt Nam sau thế giới chiến tranh lần thứ nhất, khi mà mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và dân

tộc bị áp bức, do những diễn biến của tình hình trong nước và ngoài nước, đã đến cực độ, khi mà cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã có những điều kiện khách quan thuận lợi như vậy rồi, vấn đề lãnh đạo cách mạng, đã đặt ra với tất cả tính cấp bách và tầm quan trọng lịch sử của nó

Như đã kiểm điểm sơ bộ, trừ bọn địa chủ phong kiến và làm nghề Việt gian như loại Quỳnh ra không kể, còn các giai cấp khác, trước tiên là giai cấp tư sản Việt Nam không thể nào lãnh đạo được cách mạng. Còn như các lớp tiểu tư sản, trong đó có cả tiểu tư sản trí thức, thì không bao giờ lịch sử đặt ra cho họ nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng, cho nên nói đến sự lãnh đạo của tầng lớp đó đối với cách mạng là một việc không thiết thực.

Như vậy là trong hoàn cảnh Việt Nam, lịch sử đã đề cập ra và tạo mọi điều kiện để cho chỉ có một giai cấp có thể lãnh đạo được cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, như kẻ lãnh đạo tự nhiên, đó là giai cấp công nhân. Việc giai cấp công nhân Việt Nam nhận lấy trách nhiệm lịch sử đó là có tính quy luật rõ rệt.

Trong khi nhận lấy nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng thì giai cấp công nhân Việt Nam lại có một kẻ đồng minh tự nhiên, đông đảo nhất, nó là chỗ xuất thân của họ cách đây không lâu, cho nên khối liên minh công nông hình như là đã hình thành và trưởng thành một cách rất tự nhiên.

Nhưng làm cách mạng và lãnh đạo cách mạng thời phải có đồng minh quân. Lịch sử và thực tế đã chuẩn bị sẵn cho giai cấp công nhân Việt Nam một kẻ đồng minh tự nhiên hùng hậu nhất, có tinh thần cách mạng cao độ, vì tình cảnh và sinh hoạt mà sẵn sàng hy sinh và chiến đấu bền bỉ, giác ngộ rất mau và sẵn sàng đi với giai cấp công nhân đến cùng.

Có một giai cấp công nhân có tinh thần chiến đấu cao độ, và một giai cấp nông dân cũng có một tinh thần chiến

đấu cao đô, hai giai cấp cách mang đó kết thành môt khôi liên minh rất gắn bó, rất bền chặt, đó là sư thuân lơi cơ bản nhất cho cách mang giải phóng dân tộc trong giai đoan cách mang xã hôi đã thắng lơi trong môt nước và chủ nghĩa tư bản đã bước sang thời kỳ tổng khủng hoảng

Đó là hai giai cấp cách mang căn bản Nhưng trong các giai cấp, các tầng lớp khác của xã hôi Việt Nam, khả năng cách mạng rất dồi dào Trước hết là đám dân nghèo thành thị. Đó cũng là những người nông dân bi mất đất, những người thủ công bị phá sản Vì sư phát triển của nền kinh tế có tính chất thuôc đia, nên chỉ một số ít trong đám đó đi vào các xí nghiêp hay các đồn điền, còn môt số không nhỏ trở thành cố nông, làm thuê làm mướn cho đia chủ, phú nông, hoăc làm đầu xâu, đầu mõ trong làng, còn lai thì ra thành phố kiếm cách sinh nhai bằng những công viêc ngẫu nhiên, gặp việc gì làm viêc nấy, khi có việc, khi không viêc kéo xe, gánh thuê, khuân vác, buôn thúng bán mẹt, hàng quà hàng bánh, đi ở thầy ở tớ, môt số khác thì lưu manh hóa và truy lac hóa: ăn xin, ăn cắp, gái điếm. Ở thuôc đia, lớp người như vậy lúc nhúc ở các đô thi rất đông. Nó là sản phẩm tất nhiên và ngày càng nhân lên của chế đô thực dân. Chủ nghĩa thực dân lại có lợi trong viêc duy trì lớp người này, ho là một đôi quân hâu bị lao đông để chúng dùng làm áp lực trong việc tuyển công nhân và mô phu đi các đồn điền. Trong những cao trào cách mang, những lớp thủ công, những người buôn thúng bán met cũng có tinh thần chiến đấu rất hăng, vì hàng ngày họ trực tiếp bi các cơ quan và tay chân của các thực dân bóc lột và ức hiếp thuế đò, thuế chợ, phạt, cảnh sát đánh đập, hoăc bi những thương gia lớn chèn ép, hà hiếp, đi ở thì bị chủ đánh đập, chửi mắng, bắt làm suốt ngày suốt đêm

Một lớp người nữa mà trong phong trào cách mang ở thuôc đia, và nói chung là những nước kém phát triển, đóng môt vai trò quan trong, đó là lớp tiểu tư sản tri thức. Trong thời gian sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân

Pháp buộc phải mở nhiều trường học hơn trước. Vì bộ máy cai trị của chúng mở rộng, các cơ quan hành chính của chúng phình ra, cho nên chúng phải mở mang việc dạy cho người bản xứ đến một chừng mực nhất định đặng đào tạo những lớp nhân viên thừa hành hạ cấp như thư ký, đánh máy, kế toán viên, thầy giáo tiểu học, phiên dịch, v.v... Những việc mở mang giáo dục của chúng chỉ hạn chế ở bậc tiểu học, theo chủ trương và công thức của tên Méc-lanh, toàn quyền Đông Dương năm 1923 - 1924, mà chúng gọi là "chiều ngang"[1], nghĩa là mở các trường tiểu học là chủ yếu, hết sức hạn chế trung học và cao đẳng, càng hạn chế, nếu không phải cấm hẳn việc đi học ở Pháp, vì cũng theo tên toàn quyền đó "Con đường sang Pháp là con đường chống Pháp"[2]. Kết quả của sự nghiệp mở mang giáo dục từ sau chiến tranh đến năm 1939 là: có 40 vạn học sinh tiểu học cho cả nước, mà học sinh trung học thì chỉ 5000, còn học sinh đại học thì hơn 500 (trong đó hơn một nửa là học sinh luật)! Những cái mà bọn thực dân nghĩ ra để chặn "Con đường chống Pháp" thì chính nó lại là cái mở ra ngay ở trong nước một con đường chống Pháp còn rộng rãi và thuận lợi hơn.

Năm 1918 chúng bỏ lối thi cử cũ. Những ông cử ông nghè chung cho đâu khoa đó, mà dân gian đã gọi một cách mỉa mai là "ông cử ông nghè ân thi", nếu biết tiếng Pháp và có tiền, hay là con ông cháu cha, hay có tài nịnh hót làm mật thám cho Pháp, thì chúng cho đi làm thừa phái, bổ đi tri huyện, tri phủ, đó là số rất ít, còn nữa thì cho đi dạy chữ Hán và quốc văn ở các trường tiểu và trung học. Những hạng như tú tài và những người không đâu, thì đành nằm co ở nhà, nhờ vợ nuôi, hay đi bốc thuốc, đi làm thầy địa lý, chấm số tử vi đoán xăm đoán thẻ, nghĩa là nói láo để kiếm ăn. Phần nhiều họ xuất thân ở tầng lớp nghèo nông thôn. Dưới chế độ phong kiến lớp người như vậy cũng khá đông,

---

1 *Plan horizontal*

2 *Le chemin de la France est le chemin de l'anti - France*

nhưng vẫn có cách sinh sống được, là làm ông đồ, ngồi đay học tư, khi xưa nghề đó ở ta đã thành ra một truyền thống, nhất là ở vùng Nghệ - Tĩnh và cũng là một nguồn giai thoại trong truyện "Tiếu lâm" Sau thực dân bỏ lối khoa cử cũ rồi thì tình hình đám người đó rất bi đát, ngồi dạy học cũng không đắt, vì không mấy nhà cho con học chữ nho nữa Cảnh ngộ đó đã được miêu tả trong sáng tác của những nhà thơ trào phúng Tú Xương, Tản Đà

Những thanh niên học xong tiểu học hoặc cao đẳng tiểu học, ra đi làm ở các công sở, đại bộ phận là con những tầng lớp nghèo nông thôn và thành thị Với số lương chết đói, phải nuôi cả nhà, ở công sở thì bị chủ Tây hàng ngày mắng chửi, có khi đánh tát, gọi mày tao, những lớp đó không có tiền đồ, nhất là trong thời kỳ khủng hoảng, số thất nghiệp trong đám họ khá đông Trước kia, có bằng tiểu học, thì có thể xin làm một chân thư ký, hoặc đánh máy Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phải có bằng cao đẳng tiểu học, và trong thời kỳ khủng hoảng, có bằng tú tài mới được thì làm cảnh sát. Nếu đầu thế kỷ, nhà thơ trào phúng Tú Xương còn mơ ước:

Chi bằng đi học làm thầy ký,

Tối uống sâm banh, sáng sữa bò![1]

thì chỉ mấy năm sau, vào năm 1918, nhà thơ Tản Đà đã phải họa lại.

Chữ tây hợp thời thế,

Nhưng nhiều quá hóa ế[2]

Các trường cao đẳng, có tính chất chuyên nghiệp, và cho toàn cả Đông Dương, hàng năm mỗi trường chỉ đẻ ra được

1 Đó là hai câu cuối trong bài thơ bốn câu, mà hai câu đầu là

Còn học làm chi cái chữ nho,
Ông nghè, ông cống cũng nằm co!

2 Trong cuốn *Khối tình con*

đô 5 - 10 người (thầy thuốc, tham tá, giáo sư cao đẳng tiểu học, cán bộ trung cấp canh nông, thú ý, giao thông công chính) Học sinh các trường này là con cái các gia đình tiểu tư sản lớp trên, tư sản, địa chủ và quan lại Học xong, họ vẫn là công chức thừa hành dưới quyền điều khiển của bọn chủ Pháp, và chỉ khác các tiểu công chức (thư ký, kế toán viên) ở mức tiền lương cao hơn, còn công việc thì cũng gần như vậy Ví dụ có người đậu tham tá tài chính Vào làm Sở Bưu điện, cũng ngồi bán tem ở ghi sê nhà dây thép Mỗi năm thực dân Pháp đào tạo loại cán bộ này một cách nhỏ giọt như vậy, thế mà trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, một số người trong đám họ cũng bị thất nghiệp

Một số rất ít được đi học Pháp, đại đa số là con các gia đình, thuộc tầng lớp trên, có tiền, có thân thế, nhưng khi về nước, trừ những nghề tự do như thầy thuốc, thầy kiện, còn thì cũng không được dùng theo chuyên môn và khả năng, nếu được thu dụng, cũng vẫn làm công chức dưới quyền của người Pháp. Ở Trung bộ, khi còn triều đình Huế, một bọn quan lại, trong đó có những tên đại Việt gian như Nguyễn Hữu Bài, có lập ra hội "Bảo trợ du học", cấp học bổng cho một số thanh niên cũng là con cái bọn quan lại phong kiến, đi học Pháp, và khi về, không kể chuyên môn, chúng đều bổ đi làm quan lại cho triều đình Huế! Có người có hai ba bằng cấp cao của Pháp, về làm việc trong một cơ quan của Pháp, lương chỉ bằng 1/5, 1/6 lương của một người gác cổng, cai ngục, cảnh sát, giám thị Pháp hoặc người Ấn có quốc tịch Pháp, chưa có trình độ tiểu học!

Sau 80 năm "khai hóa" Đông Dương, trong chiến tranh thế giới thứ hai, và vì có mâu thuẫn với Nhật, thực dân Pháp mới cho một người Việt đầu tiên và duy nhất làm giáo sư đại học!

Lòng bất mãn của những lớp trí thức, thầy giáo, tiểu công chức, học sinh, sinh viên đối với chế độ thuộc địa ngày một lên cao, và phong trào cách mạng càng tiến lên, thì nó

lôi cuốn đến cả những lớp trên, lớp trí thức cao cấp nữa Bắt đầu từ năm 1925 - 1926, phong trào thanh niên học sinh và trí thức đã gây nên được một truyền thống lành mạnh chống thực dân và chống ngoại xâm trong các thời kỳ sau của cách mạng và hiện nay ở miền Nam Việt Nam

Ở Việt Nam, thanh niên học sinh và trí thức là một lực lượng quan trọng của cách mạng.

Giai cấp tư sản dân tộc ở Việt Nam rất nhỏ yếu Một phần không nhỏ là xuất thân ở lớp tư sản mại bản, hoặc cũng có ruộng đất Nhưng họ là giai cấp tư sản thuộc địa của một chủ nghĩa đế quốc lạc hậu, tính chất cho vay đặt nợ có bớt nhiều sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhưng cũng còn nặng Do đó mà giai cấp tư sản dân tộc bị chèn ép đủ mọi cách. Đó cũng do tính chất của nền kinh tế Đông Dương dưới sự thống trị của thực dân Pháp Đối với chủ nghĩa đế quốc Pháp, Đông Dương chủ yếu vẫn là một thuộc địa để làm ra nguyên liệu, và việc khai thác các mỏ cũng cốt để lấy nguyên liệu chở đi nơi khác, chứ không phải để chế biến ngay trong nước. Thậm chí những sản phẩm cần để nuôi sống nhân dân bản xứ, như gạo, mà chúng cũng xuất cảng ra ngoài một phần lớn Như năm 1930, chúng xuất cảng 1.300 000 tấn gạo ra ngoài, trong khi đó thì sản lượng thóc ở Nam Bộ chỉ là 3 triệu tấn, nghĩa là hơn 2 triệu tấn gạo.

Từ năm 1924 đến 1930, số vốn của thực dân Pháp bỏ vào các ngành trong nền kinh tế Đông Dương là như sau:

Nông nghiệp	33%
Công nghiệp	33%
Ngân hàng	19%
Thương nghiệp	10%
Vận tải	5%

Thế nghĩa là 2/3 vốn bỏ vào là cốt để lấy nguyên liệu (nông nghiệp ở đây là mở và khai thác các đồn điền cây công

nghiệp, cao su, cà phê, chè) và xuất cảng lúa gạo, còn công nghiệp chủ yếu là công nghiệp khai thác mỏ. Như vậy cũng có nghĩa là những nguồn nguyên liệu đều bị thực dân Pháp độc quyền. Nông công nghiệp bản xứ, có muốn phát triển cũng rất khó mà có cái phương tiện chính sau nhân công, là nguyên liệu. Trong những đồn điền cao su lớn - 500 hecta trở lên, và trong những giấy được phép khai những vùng mỏ lớn, không có một cái nào của người Việt Nam[1]

Đó là sự chèn ép về nguyên liệu.

Bây giờ nói đến vốn. Trong những năm 1921 - 1930, tỷ lệ vốn bỏ vào sự nghiệp ngân hàng là 19%, nghĩa là sau nông nghiệp và công nghiệp, nhưng gấp đôi so với thương nghiệp và gấp 4 lần so với vận tải. Do chỗ đó chúng ta cũng thấy rõ phương hướng phục vụ của việc bỏ vốn vào sự nghiệp ngân hàng, chủ yếu là khai thác nguyên liệu, do thực dân nắm độc quyền cho các công ty vay, trợ cấp cho những người trồng cao su và cà phê. Tính chất cho vay đặt nơ của tư bản Pháp còn khá rõ rệt. Sự nghiệp ngân hàng ở Đông Dương là do nhà ngân hàng Đông Dương làm chúa tể, phương hướng phát triển của nền kinh tế Đông Dương là do nó định đoạt việc cho vay tiền là tự nó quyết định, theo hướng nào có lợi nhất cho thực dân, cho nên nó không cho vay để người vay muốn mở cái gì tùy ý. Cũng vì vậy mà nó lấy lãi rất cao - 12%. Chỉ có những ngành nông nghiệp và công nghiệp khai thác, ở đây cơ cấu của tư bản thấp, vì chủ yếu là dùng sức lao động của công nhân, không cơ giới hóa hoặc ở mức cơ giới hóa rất thấp, mức độ giá trị thặng dư (tức là mức độ bóc lột) rất cao, thời mới có thể trả cho ngân hàng một tỷ lệ lãi cao như vậy.

Những nhà công nghiệp hoặc thương nghiệp bản xứ rất khó mà được nhà ngân hàng Đông Dương cho vay một cách

1. Ở Nam Bộ, đồn điền cao su lớn nhất là của Lê Phát Vĩnh và Nguyễn Hữu Hào, ở Gia Định và Bà Rịa có 358 hec ta (Theo Annuaire statistique de l'Indochine 1928 - 1930)

dễ dàng Đối với người bản xứ, nó có cho vay thì phần nhiều nó chỉ cho bọn địa chủ vay, để rồi bọn này lại về cho nông dân vay lại với một tỷ lệ tiền lãi gấp 100 gấp 1000 lần Nhưng đến khi xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, thì việc bóc lột của nhà Đông Dương ngân hàng đã trắng trợn đến nỗi nó tịch thu cả ruộng đất tài sản của một số không ít địa chủ, bọn này đã tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ ở Sài Gòn năm 1933 chống nhà ngân hàng Đông Dương

Đó là sự chèn ép về vốn.

Thực dân Pháp chiếm độc quyền ngoại thương Trong nước, vì chiều hướng phát triển kinh tế thuộc địa là đưa đến sự phá sản mau chóng và bần cùng hóa nhân dân, nên sức mua của quần chúng ngày càng sút kém, thị trường bên trong mở rất chậm Hai là, thực dân Pháp nắm độc quyền ngoại thương là cốt xuất và nhập khẩu những cái gì mà nền kinh tế thực dân có thể cung cấp cho thị trường Pháp và các nước khác như lúa gạo, cao su, than, v v và cái gì mà nền kinh tế thực dân cần đến, cũng để cung cấp trước hết cho những ngành mà nó định phát triển ưu tiên, như máy móc cho các ngành khai thác, cho các xí nghiệp của chúng, các vật liệu cần cho việc xây dựng nhà cửa và cho việc giao thông vận tải, v v. . Còn các hàng tiêu dùng thì hoặc nó nhập của Pháp, hoặc của những nước mua nguyên liệu của Đông Dương, như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, là những nước mua gạo, ngô, bò, lợn, cá, than, v v của Việt Nam, và bán cho Việt Nam vải, sợi, hàng tơ lụa, các đồ dùng khác như bát chén, v.v. .

Nhà kinh doanh Việt Nam sản xuất ra hàng, bán cho trong nước thì không chạy mấy vì sức mua của quần chúng rất thấp, mà lại không cạnh tranh nổi với hàng Pháp và hàng của các nước khác nhập cảng vào Việt Nam, bán ra ngoài thì không được Muốn nhập những nguyên vật liệu cần cho việc mở mang doanh nghiệp của mình, như máy móc, thì

cũng chỉ mua của Pháp thôi, với giá cao, vì thực dân Pháp giữ độc quyền về ngoại thương

Đó là cách chèn ép về thị trường tiêu thụ

Cho nên sự sản xuất của công nghiệp nước nhà phần lớn có tính chất thủ công nghiệp và nửa thủ công nghiệp Bị thực dân chèn ép về nhiều mặt, nhiều nhà kinh doanh Việt Nam, để tránh tình trạng bấp bênh đó, bèn xoay sang việc buôn bán, và những người có vốn to, lao vào đầu cơ và chợ đen, buôn vàng bạc, ngoại tệ, đầu cơ bất động sản, nhất là trong thời kỳ chiến tranh và Đông Dương bị Nhật chiếm đóng, còn một số nữa thì tậu một ít ruộng đất, biến thành nhà tư sản kiêm địa chủ, làm cho cái cơ sở kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản vốn đã mỏng manh lại càng mỏng manh thêm Hai khía cạnh trong bản chất của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam là bị chủ nghĩa đế quốc chèn ép và bị quan hệ phong kiến hạn chế sự hoạt động, họ có óc phản đế và chẳng ưa gì bọn địa chủ phong kiến Nhưng vì cơ sở của họ rất yếu ớt, lại vì quan hệ xã hội - có dính dáng ít nhiều đến ruộng đất, lại thường xen với việc đầu cơ, và những thủ đoạn bóc lột của họ cũng không kém gì bọn thực dân, nhất là họ sợ quần chúng cách mạng, cho nên cũng có xu hướng dựa phần nào vào bọn xâm lăng và tay chân của chúng Như trong phong trào 1924 - 1925 thì thấy rõ hai mặt đó Một đằng thì họ ủng hộ phong trào thanh niên, đòi thả Phan bội Châu, để tang Phan Chu Trinh, ủng hộ Nguyễn An Ninh, nhưng đằng khác, thì lại sùng bái những tên tay sai của Pháp - Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, ga gẫm những tên phong kiến Việt gian như Hoàng Trọng Phu, Vũ Ngọc Hoánh, còn tư sản Nam bộ thì một "cụ Bùi" (Bùi Quang Chiêu) hai "ông Long" (Nguyễn Phan Long) và hay lấy những gia đình phong kiến Pháp hóa như đốc phủ Phương, làm mẫu mực

Lập trường của họ đối với đế quốc và phong kiến có thể tóm tắt như sau đánh Pháp, đuổi Pháp thì cũng khoái, được

độc lập thì cũng thích Nhưng đang bị nó kiềm chế, nếu nó nới tay ra cho một ít, cho kinh doanh tự do hơn, thì vẫn có lợi Bon địa chủ, quan lại vẫn xấu, chúng hách dịch, khinh bon troc phú Nhưng nếu gả con gái mình cho con trai nó, dù có phải tốn nhiều tiền, thì con gái mình cũng sướng cả đời, về sau được làm bà lớn, bà bé, nhà mình cũng có bề thế Nếu con trai mình lấy được con gái nó, thì con trai mình cũng sẽ được tiến cử, làm ông huyên, ông phủ, nhà mình vừa phú lại quý

Nhưng, nói chung họ bị ách của chủ nghĩa thực dân đè nén, đó là mặt chính Cho nên, cũng như trong giới trí thức cao cấp chỉ có một số nhỏ vong bản, đã bán đứt mình cho thực dân Pháp cả phần xác lẫn phần hồn thì không kể, còn phần lớn vẫn có cảm tình với cách mạng, nhất là trong giai đoạn giải phóng dân tộc và dân chủ, và trong những lúc cao trào cách mạng lên, họ vẫn theo hoặc ủng hộ, ít nhất cũng có thái độ trung lập, hoặc không chống lại Phong trào Mặt trân bình dân, chống Nhật, Cách mạng tháng Tám, Kháng chiến toàn quốc, đã chứng minh điều đó Vì vậy mà giai cấp tư sản dân tộc là một lực lương trong cách mạng giải phóng dân tộc

Sau cùng, nếu nói đến một lớp người nữa, đó là địa chủ và lớp quan lại Về mặt giai cấp, giai cấp địa chủ là một giai cấp phản cách mạng, còn những quan lại cũ là bon tay chân phong kiến của thực dân Đứng về giai cấp, thời những lớp đó, cũng như tư sản mại bản, là đối tương của cách mạng Nhưng đứng về cá nhân mà nói và trong hoàn cảnh của một thuộc địa, thời cũng có những người đối với cách mạng, không phải có thái độ hoàn toàn xấu Vả lại, trong giai cấp địa chủ, cũng như trong đám quan lại, cũng có lớp trên, lớp dưới Những lớp dưới, tùy từng thời kỳ mà đã bị phân hóa Trong một nước, ở đây chiến tranh và cách mạng xen kẽ nhau, và kéo dài như ở nước ta, từ năm 1939 đến năm 1954, thời giai cấp địa chủ lại bị phân hóa càng nhiều và càng nhanh, và trong gia đình họ, con cái họ, vì là thanh niên, nên ít nhiều có tham gia hoạt đông cách mạng Vì vậy mà trong đám đó,

một số cũng có cảm tình với cách mạng Đó là về địa chủ Còn như trong đám quan lại và hoàng tộc thời cũng có sự phân hóa tương tự Cũng như bọn địa chủ bóc lột nông dân một cách rất tàn ác, bọn quan lại của triều đình Huế dưới thời Pháp thuộc đã làm tay sai rất đắc lực cho thực dân để khủng bố cách mạng rất tàn bạo Đứng về đạo đức,thì đó là một bọn sâu mọt dân, từ huyện, phủ sắp lên, và rất đê tiện trong việc nịnh hót thực dân và làm mật thám cho chúng

Nhưng cũng có một số người khi làm quan, ít nhiều giữ được thể thống và tương đối sạch sẽ Những người này thường xuất thân ở những gia đình thanh bần, có ít nhiều nho học, và có người cũng có cha ông trước kia đã tham gia các phong trào của nhà nho cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX Trong khi làm quan, họ tự cảm thấy, như Hồ Chủ tịch nói, dân mất nước thì dù làm đến chức gì, cũng vẫn là làm nô lệ Tất cả mọi cái nhất cử nhất động, đều bị tên công sứ, nếu là trị huyện, trị phủ, quan tỉnh, hoặc bị tên khâm sứ, thống sứ, nếu là quan tại triều, kiểm soát, hạch sách Một viên tổng đốc muốn tuyển một tên lính lệ, cũng phải được tên công sứ duyệt mới được phép tuyển Phủ, huyện bị Tây đồn, Tây lục lộ hay Tây đoan bắt tại đá đít, không phải là chuyện hiếm có Còn ở Huế, một tên đông lý văn phòng tòa khâm bắt các "cụ thượng" khi vào nó phải mặc áo thung xanh, rút giầy để ngoài thềm và đi đất vào! Nó vào tận trong cấm cung để làm những việc chó má Có tên khâm sứ đào cả má vua ra để tìm vàng Họ cũng cảm thấy tất cả cái nhục nhã làm vua quan bù nhìn cho bọn giặc cướp nước

Qua nhiều cuộc chuyển biến trong xã hội Việt Nam trong 15 năm, đám quan lại đó cũng đã phân hóa Pháp bị Nhật hất cẳng, Nhật đưa những phần tử mới vào bộ máy quan lại phong kiến Rồi Cách mạng tháng Tám thành công, sau đó là kháng chiến toàn quốc Trong vùng địch chiếm, khi chúng thành lập chính quyền bù nhìn Bảo Đại, thực dân Pháp cũng dùng những bọn mới Cho nên một số người trong đám quan lại

trước chiến tranh về sau chỉ còn giữ chức vị, trong những con cháu họ, có nhiều người cũng tham gia hoạt động cách mạng.

Cách mạng lên, những cá nhân đó tỏ thái độ cảm tình, theo cách mạng thời cách mạng cũng đón họ, không phải vì thành phần giai cấp của họ, vì quá khứ của họ, mà cách mạng nỡ gạt họ ra. Ở những nước phát triển, cũng có những người thuộc các thành phần bóc lột, đối tượng của cách mạng, đã theo cách mạng. Ở một số nước thuộc địa, nếu số người như vậy đông hơn, thì đó là một việc dĩ nhiên.

Nhưng dù ở thuộc địa, số người như vậy có nhiều hơn ở một nước phát triển đi nữa, thì cũng như những cá nhân, đó là những nhân sĩ yêu nước, chứ không phải là đại diện cho giai cấp họ được, họ không phải là lực lượng của cách mạng.

Ở trên đã phân tích về phương hướng và những nhân tố, đồng thời những lực lượng của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, trong thời kỳ từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc và sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã thắng lợi ở Nga.

Do sự phân tích đó, mà chúng ta thấy rằng đối với cách mạng, vấn đề lãnh đạo cách mạng là vấn đề mấu chốt, vấn đề quyết định. Chúng ta cũng đã nói vì sao mà trong một nước thuộc địa nói chung, Việt Nam nói riêng, chỉ có giai cấp công nhân mới là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng. Trong chương tới, xin sang vấn đề giai cấp công nhân Việt Nam đã chuẩn bị như thế nào để giành quyền lãnh đạo cách mạng và đã lãnh đạo cách mạng như thế nào.

5. Giai cấp công nhân Việt Nam đấu tranh để giành chính quyền lãnh đạo cách mạng và thực hiện quyền lãnh đạo cách mạng. Sự hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc

Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, không còn nghi ngờ gì nữa, đã bước vào thời kỳ chuẩn bị những trận chiến

đấu quyết liệt giữa nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp, những cuộc chiến đấu đó là "ngày hôm trước" hoặc là cuộc "tổng diễn tập" trước khi bước sang trận cuối cùng để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc

Tất cả sự diễn biến của tình thế trong nước và quốc tế đã đưa Việt Nam vào giai đoạn này, và đồng thời đã tạo nên một hoàn cảnh, những điều kiện thuận lợi trong nước cũng như ngoài nước để giải quyết những vấn đề mà cách mạng đề ra

Như đã trình bày ở các chương trên, trong tình thế mới như vậy, thời phải nhìn thấy và vạch ra cho cách mạng Việt Nam một đường lối đúng, đó là điều kiện quyết định Lúc này không phải là lúc tìm tòi mò mẫm, như trong giai đoạn trước nữa Sự tấn công ác liệt của chủ nghĩa đế quốc đối với nhân dân Việt Nam sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã mở rộng và khơi sâu đến cực độ mâu thuẫn giữa nó và nhân dân Việt Nam, khiến cho sự phân hoá trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc và rõ ràng Đó là cái cơ sở trên đó xuất hiện ra nhiệm vụ căn bản của cách mạng Việt Nam

Chúng ta có thể nói rằng đứng về phương diện bóc lột và áp bức thuộc địa thì trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chủ nghĩa đế quốc Pháp là một trong những khâu yếu nhất trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa toàn thế giới và Đông Dương là khâu yếu nhất trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa Pháp Cho nên, trước khi cách mạng thành công ở chính quốc thì cách mạng có thể bùng nổ trước tiên ở một hoặc vài thuộc địa Pháp, trong đó Đông Dương là chỗ có nhiều khả năng hơn nhất để cách mạng bùng nổ và thành công trước

Tình hình quốc tế lại là mặt thứ hai tạo điều kiện để cách mạng càng thấy rõ đường lối của mình Đó là sự *thành công của Cách mạng tháng Mười Nga* soi sáng đường đi cho cách mạng thế giới, cả cho các nước tư bản tiên tiến, cả cho các thuộc địa Trong khi đó, Cách mạng tháng Mười, mở đầu cho thời kỳ mới mà chúng ta cần phải hiểu tất cả ý nghĩa của nó về hai mặt đó là thời kỳ mà chủ nghĩa tư bản bước

vào cuộc tổng khủng hoảng của nó và cũng là thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, mở đầu của *giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội*. Không những vạch ra đường lối cho cách mạng thế giới, không những nước Nga xã hội chủ nghĩa là thành trì của cách mạng thế giới về mặt tinh thần, mà Lênin, Đảng Bônsêvích về mặt tổ chức, còn tạo cho mọi điều kiện để phong trào cách mạng ở các nước đi đúng đường, đó là sự thành lập *Quốc tế Cộng sản*, ra đời năm 1919, một năm rưỡi sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi. Sự thành lập bộ tổng tham mưu của cách mạng thế giới không những là vì cách mạng Nga đã thắng lợi, tuy đó là nhân tố căn bản, mà cũng vì trong các nước, trên đống tro tàn của Quốc tế thứ hai bị sụp đổ một cách nhục nhã, đê hèn trong cơn thử thách của cuộc chiến tranh đế quốc, đã nảy nở ra cái mầm mống của những đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân, những đảng kiểu mới, có đủ tư cách để lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động vào những cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa tư bản.

Ở các thuộc địa, nói chung cũng đã có cái mầm mống đó rồi, ví ở đó, *giai cấp công nhân đã hình thành và* hoặc nhiều nhất hoặc ít nhất đã được rèn luyện và thử thách trong đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để giành quyền độc lập cho dân tộc. Đặc biệt là ở những nước thuộc địa lớn như Ấn Độ, nửa thuộc địa như Trung Quốc, đã có một giai cấp công nhân đông đảo, có những truyền thống cách mạng vững.

Cho nên việc thành lập Quốc tế Cộng sản mà Đảng Bônsêvích và Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi là nhân tố quyết định, là một bước hoàn thiện đồng thời là bước thúc đẩy sự thành lập ở các nước một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, và *chỉ có một đảng như vậy thời mới lãnh đạo được cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi*.

Do đó mà lần hồi, sau khi Quốc tế Cộng sản ra đời, ở các nước các Đảng công sản đã xuất hiện.

Đó là điều kiện quốc tế vô cùng thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Như vậy là đường lối cách mạng đã vạch rõ cho toàn thế giới. Đó là *chủ nghĩa Lênin* là chân lý phổ biến

của thời đại. Việc tiếp thu và phổ biến chân lý đó lại được thực hiện thuận lợi bởi sự có mặt của Quốc tế Cộng sản và sự thành lập các Đảng Cộng sản ở các nước.

Về phương diện này, đối với cách mạng Việt Nam, sự thành lập *Đảng Cộng sản Pháp* năm 1920 và *Đảng Cộng sản Trung Quốc* năm 1921 là những sự kiện có một tầm quan trọng lớn.

Việt Nam là thuộc địa Pháp. Đứng về lợi ích cách mạng, thì sự liên minh, mặt trận giữa giai cấp công nhân Pháp và nhân dân Việt Nam là một trong những nhân tố quan trọng về bậc nhất cho sự thắng lợi của cách mạng. Chủ nghĩa Mác Lênin dạy rằng không có sự liên minh đó, không có một mặt trận khăng khít giữa giai cấp vô sản các nước đế quốc và các dân tộc bị áp bức thì cách mạng không thể thắng lợi được.

Điều kiện đó đã được tạo nên nhờ sự thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920. Thực dân Pháp là một tên hiến binh độc ác, hèn nhát và hẹp hòi. Đối với dân thuộc địa, nó cắt đứt hẳn sự quan hệ với thế giới bên ngoài, chỉ có được quan hệ với Pháp. Nhưng, đó cũng là chỗ yếu của nó. Ở Pháp, đã có Đảng Cộng sản Pháp, và về mặt liên hiệp với Pháp, thì điều đó có lợi cho ta. Trong chiến tranh thứ nhất, thực dân Pháp bắt nhiều người sang Pháp làm lính làm thợ, và cũng có một số khá đông sang Pháp làm bồi bếp, và thanh niên học sinh con các nhà khá giả, sau chiến tranh, sang Pháp học ngày càng đông. Cố nhiên, nhiều người sang Pháp vì cưỡng bách, và mong chiến tranh kết thúc để được về nước, hoặc vì tìm kế sinh nhai, hoặc vì mục đích học tập. Tuy vậy, nhưng đại đa số là những lớp nghèo, nhất là trong đám lính và thợ, những dân làm tàu, làm bồi bếp, hầu hết xuất thân ở những tầng lớp bị phá sản ở nông thôn. Đó là một cơ sở tốt. Hai là, lúc đó ở Pháp, không phải là thời kỳ mà quốc tế thứ hai còn giữ độc quyền trong phong trào công nhân Pháp nữa, mà đã có Đảng Cộng sản. Vả lại, nếu chỉ có một mình Đảng Xã hội đi nữa, thì Đảng này đối với vấn đề thuộc địa, là đứng trên lập trường của giai cấp tư sản, ủng hộ chính sách thuộc địa của giai cấp tư sản và bọn lãnh tụ

xã hội phe hữu có một thái độ miệt thị, khinh khi dân thuộc địa, cũng như giai cấp tư sản, chúng cho dân thuộc địa là lạc hậu, man rợ, là thuộc nòi giống thấp, phải có bọn đế quốc đỡ đầu cho thời mới đi vào đời sống văn minh được Trong các nhân vật xã hội Pháp lúc đó, cũng có một vài người thấy cái nguy cơ của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở thuộc địa trong thời kỳ sau chiến tranh, nhất là ở Đông Dương, họ cũng kêu ca, vận động trong nghị trường, trong hội dân quyền, để yêu cầu thực dân Pháp nới tay ra một ít Nhưng đó cũng là cá nhân lẻ tẻ, không làm chuyển được chiều hướng chung của toàn cả tập đoàn xã hội, đã thành bọn xã hội đế quốc chủ nghĩa, bọn xã hội sôvanh. Những nhân vật đó, trong khi gọi là bênh vực dân thuộc địa, lại vẫn đứng trên lập trường "làm ơn", "làm phúc", "thương hại", "nhân đạo" suông, chứ không phải đứng trên lập trường lợi ích giai cấp, lợi ích cách mạng đâu Sau nữa, họ chỉ hô hào vận động trong phạm vi của chế độ pháp trị, tư sản, nghĩa là bằng báo, bằng nghị trường, bằng những hội của tư sản như hội dân quyền Sự đồng tình của họ đối với dân tộc thuộc địa đến đó là hết Phần nhiều bọn họ là những người đầu cơ chính trị, chứ có phải người bênh vực chân thành cho dân thuộc địa đâu Trong những nhân vật xã hội đó,có người về sau, khi lên cầm quyền thì đã trở nên những tên thực dân không thua kém gì bọn thực dân chính cống, không "xã hội". Những nhân vật điển hình như vậy là Lêông Bơlum và Mariuýt Mutê, không chịu điều đình với ta sau khi kháng chiến bùng nổ Khi sang điều tra tình hình đầu tháng Giêng năm 1947, Mutê có nói "Rất tiếc! rằng giai đoạn quân sự là cần thiết"[1], hoặc "Chúng tôi sẽ thương lượng với những đại diện chân chính"[2] Đó là những nhà cầm đầu của một chính phủ xã hội trong đệ tứ cộng hoà, mà trong lời nói đầu của hiến pháp có khoản lên án chiến tranh xâm lược!

Nói chung, những người lao động Việt Nam ở Pháp lúc đó không lọt vào ảnh hưởng của Đảng Xã hội Pháp

1 "La phase militaire est malheureusement necessaire"

2 "Nous negocierons avec les représentants authentiques"

Hồi ấy, ở Pháp cũng có một nhóm những nhà yêu nước Việt Nam bị thực dân quản thúc, đứng đầu là nhà ái quốc lão thành Phan Chu Trinh Có tinh thần yêu nước sâu sắc và chân thành, nhưng về chu trương và lập trường thời họ đã bị tình thế vượt qua, cho nên mặc dầu ở Pháp lúc đó, có hoàn cảnh thuận lợi như vậy mà cũng không sử dụng được Do đó mà nhóm đó nếu nói về tinh thần kiên trinh thì có dư, và được đồng bào quý mến ở chỗ đó, nhưng về chủ trương đường lối cách mạng, lề lối làm việc và vận động quần chúng, thời không thích hợp với đòi hỏi của thời đại mới Cho nên ảnh hưởng của họ cũng không đi sâu được vào trong quần chúng Việt kiều ở Pháp lúc đó, lại càng khó lòng mà ảnh hưởng đến thời cuộc trong nước

Đòi hỏi của giai đoạn mới của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam cao hơn, khác trước rất nhiều, cho nên giai đoạn lịch sử mới đồng thời cũng sản sinh ra một *lớp người cách mạng kiểu mới*, và đối với thực tế Việt Nam, đang còn ở trong giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc, thời lớp người cách mạng đó vừa là tiêu biểu cho chí hướng mới, tiên tiến nhất của thời đại đồng thời tiêu biểu cho những truyền thống quật cường của dân tộc, nói cách khác là *biết cách áp dụng chân lý phổ biến của thời đại vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam*

Tiêu biểu cho lớp người cách mạng kiểu mới đó là *đồng chí Nguyễn Ái Quốc*, là Hồ chủ tịch của chúng ta ngày nay

Đồng chí tuy hoạt động ở trên đất Pháp, nhưng buổi đầu hoạt động của đồng chí ở Pháp có một ảnh hưởng quyết định đối với phong trào cách mạng Việt Nam Như chúng ta đã biết, thực dân Pháp bít hết mọi con đường liên lạc giữa nhân dân ta và thế giới bên ngoài, trừ Pháp ra Nhưng đó cũng là chỗ yếu của đế quốc Pháp, vì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tìm lối mới của cách mạng vào Việt Nam, đường lối đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, cơ sở đó thuận lợi không phải chỉ vì có thể hoạt động tương đối tự do, và không phải vì ở Pháp lúc đó có nhiều Việt kiều Điều kiện thuận lợi quan trọng bậc nhất là bởi vì lúc đó, đã có *Đảng Cộng sản Pháp*

Nói đến sự có mặt của Đảng Cộng sản Pháp và sự giúp đỡ tích cực của Đảng đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, và phổ biến tư tưởng Mác - Lênin vào Việt Nam, chúng ta nhận thức đó là một nhân tố vô cùng quan trọng, nhưng đồng thời chúng ta cũng không nên quan niệm rằng chúng ta chỉ tiếp thu ảnh hưởng của phong trào công nhân Pháp một cách hoàn toàn bị động mà không có một sự đóng góp tích cực của ta vào Sự đóng góp đó là việc *đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia vào việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp ở Đại hội Tua năm 1920, và đấu tranh để cho Đảng gia nhập Quốc tế Cộng sản*

Hoạt động đó không những nói lên tính sáng tạo, mà nhất là còn nói lên trình độ giác ngộ chính trị và tinh thần cương quyết cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam Nó càng nói lên sự nhu cầu của cách mạng Việt Nam *có một giai cấp tiên tiến và một Đảng tiên phong của giai cấp để lãnh đạo cách mạng*, rằng ở Việt Nam, đã có giai cấp như vậy và có khả năng có một Đảng như vậy

Đó là ý nghĩa lịch sử to lớn của sự hoạt động của đồng chí Nguyễn ở Pháp

Sự hoạt động đó rất phong phú, như chúng ta đều biết, và nó nhằm tạo nên cho cách mạng Việt Nam những điều kiện thuận lợi căn bản để cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi, theo đường lối mà Lênin, Đảng Bônsêvích và Quốc tế công sản đã vạch ra Đó là thắt chặt tình quốc tế chủ nghĩa cách mạng giữa giai cấp công nhân Pháp và nhân dân Việt Nam bị áp bức, thành lập một trận tuyến cách mạng giữa phong trào công nhân Pháp và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam Mặt khác, là thắt chặt tình đoàn kết giữa dân tộc Việt Nam và các dân tộc thuộc địa khác của Pháp, thành một trận tuyến chiến đấu rộng rãi giữa các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc Đó là những điều kiện cơ bản để cho cách mạng thắng lợi

Như chúng ta thấy, bước sang giai đoạn mới, ở Việt Nam đã có một giai cấp công nhân, giai cấp này thoát đầu bước lên trường đấu tranh chính trị đã tỏ ra là một đội ngũ chân

chính tiên phong,xứng đáng là lực lương lãnh đao của cách mang Viêt Nam, bởi vì nó tiếp thu được những cái cơ bản nhất, thích hợp nhất và cần thiết nhất cho cách mang Viêt Nam, có rất nhiều kha năng để ứng đung chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Viêt Nam môt cách sáng tao, bởi vì không bi ảnh hưởng của chủ nghĩa quốc gia hep hòi ràng buôc cản trở, mà cái nguyên nhân căn bản là do tinh thần chiến đấu cách mang cao đô, nó thúc đẩy phong trào cách mang Viêt Nam tiến lên nhanh chống và trên con đường tiến lên, cách mang Viêt Nam đã khăc phuc được những trở ngai lớn về măt tư tưởng mà thường thường trong môt nước thuôc đia, vì hoàn cảnh bi áp bức năng nề, vì thành kiến về chủng tôc (chủ yếu do bon đế quốc tao nên) hay mắc phải trong giai đoan đấu tranh giải phóng dân tôc Đó là môt sư kiên rất quan trong, trước hết là về măt nhân đinh vi trí của cách mang Viêt Nam trong cách mang thế giới, và đó là môt điểm mấu chốt trong chủ nghĩa Mác - Lênin Nhân đinh rằng cách mang Viêt Nam là môt bô phân của các mang thế giới như vây là xác đinh được chỗ manh của ta, gắn chăt với tất cả các phong trào cách mang thê giới, có cách mang thê giới làm hâu thuẫn và chỗ yếu của đich, nó bi cả măt trân của giai cấp công nhân va nhân dân thuôc đia chống lai Trong điều kiên đó thì tiền đồ của cách mang là rất lớn, khả năng thắng lơi cua cách mang rât to Hai là, nó giúp ta phân biêt rõ ban thù ban của ta là tất cả lực lương cách mang cua thế giới, trong đo và trước hết là giai cấp công nhân của nước đê quốc đang áp bức ta, và các dân tôc bi áp bức khác, cùng đấu tranh chông môt kẻ thù

Xác đinh được môt cách dứt khoát vê ban, thù như vây không phải là môt viêc dễ dàng vì rằng trong khi thực đân áp bức bóc lôt môt cách tàn bao dân thuôc đia, nó đã gây lên trong lòng ho môt mối căm thù sâu sắc nó bao quát không chỉ những bon thực dân mà thôi, mà nói chung, tất cả người da trăng, những kẻ đồng chủng tôc, đồng màu da với chúng Cho nên khi nói "ghét Tây, đánh Tây" thì trước kia có ai đã biết phân biêt "Tây" đó là ai, là hang người nào

Những thành kiến như vậy không phải gột rửa được dễ dàng, chính ngày nay, trong các dân tộc bị áp bức, cũng còn có nhiều người vẫn có thành kiến như vậy đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động chính quốc. Chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, cũng như chủ nghĩa đại dân tộc, là những trở ngại lớn cho sự giác ngộ cách mạng của quần chúng trong giai đoạn lịch sử mới, khi cách mạng ở mỗi nước là bộ phận của cách mạng thế giới và chủ nghĩa quốc tế vô sản là một trong những nhân tố cơ bản của sự thắng lợi cách mạng. Sở dĩ những thành kiến của dân tộc bị áp bức đối với giai cấp công nhân ở chính quốc tồn tại lâu, là cũng do bọn đế quốc duy trì, bằng sự áp bức tàn bạo của chúng, cái mầm khinh thị, ghét chủng tộc do chúng gây nên trước hết bằng chính sách phân biệt đối xử, một phần nữa, cũng do bọn lãnh tụ Quốc tế thứ hai duy trì bởi chính sách ủng hộ giai cấp tư sản của chúng trong việc đi xâm lược và áp bức, bóc lột thuộc địa. Chúng ta tự hào rằng chúng ta đã thoát được tương đối dễ dàng những thành kiến đó, bởi vì chính ngay từ đầu, bằng hành động trên nước Pháp, người đại diện đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam - đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã vạch ra và phấn đấu cho việc thực hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản đó.

Nhờ vậy việc kết hợp tinh thần yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế vô sản được thực hiện ở nước ta, và đó cũng là một sự đóng góp đáng kể của ta vào sự áp dụng có sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, vào thực tế cách mạng Việt Nam. Chúng ta đi đến chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản bằng con đường yêu nước, con đường phản đế. Đó là con đường tất yếu của tất cả phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và các dân tộc nhỏ yếu. Nhất là trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, khi mà các cường quốc đã chia thế giới ra với nhau rồi, không còn đất "vô chủ" nữa, mỗi một tên đế quốc chỉ phối một hay một số "phạm vi thế lực" nhất định, cho nên trong thời kỳ đó, những nước nhỏ yếu, phát triển chậm mà gọi là độc lập, thì cũng chẳng qua chỉ trên danh từ mà thôi. Nếu không phải là thuộc địa hẳn của một tên đế quốc, thì cũng là một nước nửa thuộc địa. Ở đây một

hay vài tên đế quốc là chủ nhân thực sự về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự ngoại giao và tập đoàn thống trị ở những nước đó thường là những bọn thân đế quốc này hoặc thân đế quốc khác. Cho nên, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, trong khi mà đế quốc chủ nghĩa là lực lượng thống trị có tính chất độc quyền, thời vấn đề thoát khỏi sự khống chế, khỏi ách đế quốc chủ nghĩa là tất yếu cho các nước thuộc địa và nhược tiểu, nghĩa là đa số nhân loại. Nếu không xuất phát từ đó, không lấy đó làm nhiệm vụ chủ yếu và đầu tiên của công cuộc đấu tranh giải phóng thì không đúng, không sát với thực tế. Cái gì là sự trở ngại lớn nhất cho sự tiến bộ xã hội của loài người trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa? Chính là chủ nghĩa đế quốc. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và toàn thể nhân loại, là mâu thuẫn căn bản, mâu thuẫn chính.

Huống gì ở một nước thuộc địa như Việt Nam bị đế quốc Pháp áp bức bóc lột một cách cực kỳ dã man, nó kìm hãm sự phát triển của các dân tộc Đông Dương một cách hết sức tàn nhẫn, nếu không bắt đầu đấu tranh chống nó, để đánh đổ nó, giành độc lập cho đất nước, thì chúng ta làm cách mạng vì mục đích gì. Cho nên nói chúng ta xuất phát từ tinh thần yêu nước, cái đó là tất nhiên, không có gì lạ và có như vậy mới đúng với chủ nghĩa Mác - Lênin, mới áp dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, là phải dựa trên thực tế của từng nơi, từng nước. Cũng vì vậy mà giai cấp công nhân chính quốc có nhiệm vụ ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. công nhân các dân tộc có quyền tự quyết, cả quyền ly khai thành một nước riêng, và như Lênin nói, nếu giai cấp vô sản chính quốc không kết hợp thành một mặt trận với phong trào giải phóng thuộc địa, thời giai cấp vô sản không thể thắng được giai cấp tư sản.

Do đó mà tinh thần yêu nước không phải là một cái gì khác, càng không thể đối lập được với tinh thần quốc tế vô sản, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa vô sản quốc tế là hai mặt của một vấn đề, là thống nhất. Thế kỷ XIX, ngoài Mác và Ăngghen là những vị sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học ra không kể, cũng có những nhà tư tưởng tiến bộ, tuy chưa phải là mác xít vì tuy đứng trên lập trường chủ nghĩa duy

vật, nhưng chưa biên chứng, như nhà văn và nhà triết học lừng danh Nga Bêlinxki cũng đã nhân thấy chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế là khăng khít, là không thể tách rời được Huống gì ngày nay, trong khi mà cách mạng thế giới, là một quá trình liên tục không phải chỉ về mặt thời gian và không gian và cả mối tương quan nội tại của nó nữa, thời việc những nhà cách mạng ở một nước thuộc địa hay nhỏ yếu đi tới chủ nghĩa Mác - Lênin bằng con đường yêu nước, phản để là không thành vấn đề

Nhưng điều quan trọng là ở chỗ có biết kết hợp giữa hai mặt đó không, để cho không xảy ra một sự gián đoạn, nó có thể biến thành mâu thuẫn giữa chủ nghĩa yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản Nếu có sự gián đoạn đó, nếu phát sinh ra mâu thuẫn, thời là vì chủ nghĩa yêu nước chân chính đã bị biến thành chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, chủ nghĩa sôvanh, và chủ nghĩa quốc tế vô sản đã bị biến thành chủ nghĩa tứ xứ (cosmopsolitisme), hoặc một thứ tả khuynh đầu mồm, không tin tưởng vào cách mạng, không tin tưởng vào quần chúng, và chỉ phá hoại cách mạng, như là bọn Tờrốtkit trong nhóm gọi là "Đệ tứ quốc tế"

Cái vĩ đại của cách mạng Việt Nam, của giai cấp công nhân Việt Nam mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người tiêu biểu đầu tiên là đã không để phát sinh sự gián đoạn đó, không làm cho sự mâu thuẫn đó nảy nở ra được, mà đã kết hợp lại một cách tài tình, biện chứng, sáng tạo, những truyền thống quật khởi của dân tộc, tinh thần dân tộc anh dũng của bao nhiêu thế kỷ và thế hệ để lại, với các chí hướng chung của giai đoạn mới của lịch sử của loài người, với cái tinh hoa nhất của tư tưởng hiện đại, tức là học thuyết và thực tế của cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Sự kết hợp đó rất tự nhiên, tinh thần quật khởi lâu đời của dân tộc không ngăn cản cho sự tiếp thu chân lý mới của thời đại, mà hình như hoà mình với nó để kết lại làm một Chân lý mới của thời đại không va chạm đến những truyền thống bất khuất của dân tộc mà hình như đưa lại cho nó một luồng gió mới, một nhựa sống mới để càng phát huy tất cả những sinh lực của nó. Trên thực tế của cách mạng Việt Nam hai cái đã bổ

sung cho nhau một cách thích đáng. Đó chính là điều kiện căn bản để cho sự áp dụng chủ nghĩa Mác - Lênin ở nước ta và sự lãnh đạo cách mạng của Đảng của giai cấp công nhân có khả năng sáng tạo đôi dào.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người đã thực hiện bước chuyển tiếp đó của hai thời kỳ của cách mạng Việt Nam, hai thời kỳ bề ngoài thì hình như là cách nhau xa lạ, nhưng thực chất thì cũng ở trong một quá trình, đó là quá trình của cách mạng giải phóng dân tộc, mà nội dung và nhiệm vụ chỉ là một. Cố nhiên là thời kỳ sau so với thời kỳ trước có những điều kiện mới, những đòi hỏi mới, cái đó nằm trong quy luật phát triển của sự vật theo luật lượng đổi thì chất đổi. Vấn đề là thấy được những sự đổi mới đó để có một chủ trương và những biện pháp thích hợp.

Tìm ra được đường lối kết hợp chặt chẽ truyền thống yêu nước mãnh liệt của dân tộc và tinh thần quốc tế vô sản, là một yếu tố rất quan trọng, rất cơ bản để về sau này không những cách mạng phát huy được tính sáng tạo của nó mà còn giữ gìn được cho cách mạng khỏi sa vào những lệch lạc nghiêm trọng. Trong cách mạng thuộc địa, nếu ảnh hưởng của chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi còn nặng thì dễ khuynh sang hữu, dễ sa vào chủ nghĩa xét lại. Nếu áp dụng chân lý phổ biến một cách máy móc, không căn cứ vào điều kiện thực tế ở trong nước, thì dễ khuynh sang "tả", dễ sa vào chủ nghĩa giáo điều, và điều nguy hại hơn nữa, là làm mồi cho tư tưởng tờrôtkít phản cách mạng.

Điều đặc biệt quan trọng là ngay từ đầu, sự kết hợp giữa tinh thần và truyền thống cách mạng của dân tộc và tư tưởng vô sản quốc tế làm đúng, thời nó tạo nên một cơ sở thuận lợi để cho chủ nghĩa Mác - Lênin phát triển được nhanh chóng, để cho Đảng của giai cấp công nhân ra đời với một tinh thần chiến đấu mạnh mẽ và một đường lối đúng, để cho *giai cấp công nhân tranh thủ được một cách thuận lợi và giữ được địa vị độc tôn trong sự lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc*. Và cũng nhờ có cơ sở đó, cho nên những giai cấp khác khó lòng mà sánh được với giai cấp công nhân

quyền lãnh đạo cách mạng không những sau khi Đảng của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản Đông Dương, đã ra đời rồi, mà cả trước đó nữa, trong thời kỳ còn đấu tranh để thành lập Đảng. Nếu chúng ta nhìn lại tình hình từ sau chiến tranh đến năm 1930 thì chúng ta thấy rõ điều đó.

Trước hết hãy nói đến xu hướng quốc gia cải lương. Ngoài Bắc, vào hồi sau chiến tranh, có một nhóm trí thức vừa có nho học vừa có tây học, tư sản mại bản, một vài phần tử của các phong trào "Đông kinh"[1], "Đông du"[2] trước, đã đầu hàng, đầu thú, tập hợp xung quanh Phạm Quỳnh, đó là nhóm của tạp chí "Nam phong" thành lập từ năm 1917, dưới sự bảo trợ của toàn quyền Anbe Xarô. Thực ra, bọn đó đã được bọn thực dân tập hợp trong chiến tranh, để làm tay chân cho chúng trong việc lừa gạt nhân dân. Vì trong chiến tranh, từ Bắc chí Nam, đâu đâu cũng nổi lên chống Pháp (phá khám lớn Sài Gòn năm 1914, âm mưu khởi nghĩa ở Huế 1916, khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 v.v.) bọn thực dân có lý do để không tin vào lòng "trung thành" của dân "bảo hộ" đối với "mẫu quốc", nên đưa ra một bọn mà chúng cho là lớp "thượng lưu" trong xã hội, nuôi chúng nó, xui chúng ra báo này, báo nọ, và hứa sau chiến tranh sẽ cho quyền lợi này, quyền lợi khác (trong một buổi gặp mặt giữa toàn quyền Xarô và mấy trăm đại diện của lớp "thượng lưu" Bắc bộ tại Văn Miếu Hà Nội năm 1917). Tạp chí "Nam phong" do Phạm Quỳnh chủ trì được quỹ đen phụ cấp mỗi năm 5 000 đồng Đông Dương, còn tờ Trung Bắc tân văn, do Nguyễn Văn Vĩnh chủ trì, là cơ quan chính thức của chính phủ thực dân.

Thế là trong chiến tranh, bọn đó đã lên sân khấu múa men, hô nhân dân hợp tác với thực dân Pháp, cổ động cho dân đóng góp tiền của và đi lính cho Pháp để cho Pháp được thắng lợi. Sau chiến tranh, chúng càng hoạt động rất riết, lúc đó về mặt báo chí công khai, bọn đó thực sự nắm độc quyền trong tay, và ảnh hưởng của chúng bắt đầu đi sâu vào lớp trên - tư sản, trí thức. Về sau, có tạp chí "Hữu

1 Tức là Hội Đông kinh nghĩa thục.

2 Đông du - tức là đi học ở Nhật.

thanh" của một nhóm trí thức cấp tiến hơn, nhưng không có anh hưởng mấy

Trong Nam, cũng có tình trang tương tự như vậy Từ trong chiến tranh, thực dân đã cho một nhóm thuộc tầng lớp trên - trí thức cao cấp, địa chủ, tư sản mại bản đứng ra hô hào hợp tác với Pháp và lấy tờ báo "Diễn đàn của người bản xứ"[1] viết bằng tiếng Pháp do Nguyễn Phú Khai chủ trì Sau chiến tranh, nhóm đó hoạt đông ráo riết, lấy "Pháp Việt đề huê" làm tôn chỉ, yêu cầu Pháp cho địa chủ và tư sản thêm quyền lợi - cho ăn lương ngang với người Pháp, cho hàng loạt người Việt Nam vào dân Tây, chống độc quyền thương cang Sài Gòn, cho số đại biểu người Việt trong Hội đồng quan hạt ngang với số đại biểu người Pháp v v Về sau, bị lục đục cá nhân giữa bon cầm đầu vì tranh chấp quyên lợi, năm 1926 tờ "Diễn đàn Đông Dương"[2] do Bùi Quang Chiêu chu trì, và mênh danh là "Cơ quan của Đảng lập hiến Đông Dương" ra thay cho tờ "Diễn đàn của người bản xứ" Còn Nguyễn Phan Long thì chu trì tờ báo 'L'écho annamite" là cơ quan chính thức của chính quyền thực dân ở Nam bộ

Nam bộ là một thuộc địa của Pháp, cho nên những yêu sách của bon Chiêu - Long, như xin vào dân tây, xin cho số đại biểu Việt Nam ngang hàng với số đại biểu Pháp trong các cơ quan đại diên v v là có lý do Còn Bắc bộ là một xứ "bảo hộ", trong phong tục tập quán, lễ giao, v v di tích cũ còn nhiều Do đó mà đề ra những yêu sách như trong Nam thì cũng lố bịch, nói chả ai nghe Cho nên bon Quỳnh - cũng do phòng nhì tên chánh mật thám Lui Mácti cầm đầu mớm cho, lại hành đông một cách xảo quyệt Chúng dựa vào hoạt đông văn hoá để qua đó, anh hưởng đến tư tưởng người đương thời Chúng cho ra những tác phẩm nghiên cứu về ngôn ngữ Việt Nam, triết học Đông phương và Tây phương, chúng đề cao Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo, tâng bốc đạo đức, về văn học Đông phương và Tây phương Về Đông phương và Tây phương lễ giáo và tôn ti trật tư phong kiến; về Tây

1 "Latribune indigene"

2 'La tribune indochinoise

phương thì chúng ca ngợi những luồng tư tưởng duy tâm, như triết học Ôgút công tơ, của Bécxông, v v. . Nhóm Phạm Quỳnh nhằm xây dựng một "tinh thần dân tộc" dựa trên đạo đức và lễ giáo phong kiến, kết hợp với những cái phản động trong tư tưởng Tây phương, nói tóm lại là hoàn toàn tư tưởng thực dân, hoàn toàn là một sự phản ánh của chế độ thuộc địa, nó kết hợp sự bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và những tàn tích của chế độ phong kiến. Yêu cầu căn bản của nhóm đó về mặt chính trị là sửa đổi lại toàn bộ máy quan liêu phong kiến, chủ yếu là triều đình Huế, và về văn hoá giáo dục là sửa đổi lại chế độ nhà trường chủ yếu là ở nông thôn, ở đây học trò được học chữ quốc ngữ, để tiện cho chúng nhồi nhét cho trẻ con đạo đức và lễ giáo phong kiến.

Cái nguy hiểm là bọn chúng đã lợi dụng học thuật để đầu độc, dưới màu sắc của "tinh thần dân tộc" Vì vậy mà trong một thời gian nào đó, chúng đã gây được ảnh hưởng trong một lớp người nào đó, nhất là trong đám sinh viên Bọn thực dân tạo ra cho chúng đủ điều kiện tinh thần và vật chất để hoạt động. Tên trùm mật thám Lui Mácti tâng bốc tên Phạm Quỳnh như là một nhà "đại triết học" rất tiêu biểu cho cả xưa và nay! Cho Quỳnh và Vĩnh sang Pháp cùng với Khải Định năm 1923

Cố nhiên, cũng có sự phân công trong nhóm sở khanh đó Trong khi Quỳnh hô hào duy trì và cải tổ bộ máy quan liêu phong kiến thì Nguyễn Văn Vĩnh lại hô hào và tán thành chế độ "trực trị" Nhóm của Vĩnh cũng dựa vào hoạt động văn hoá, dịch nhiều sách Pháp, nhất là tiểu thuyết của các tác giả cổ điển và phần nào, các tác giả lãng mạn ra tiếng Việt, nhằm làm cho người ta thấy "cái tinh hoa của nền văn hoá Pháp". Nhóm Vĩnh mệnh danh là đại diện cho "Tân phái", trong khi nhóm Quỳnh mệnh danh là đại diện cho "Cựu phái" nhưng "Canh tân"

Chúng ta nói nhiều về những bọn trên để thấy rằng sau chiến tranh cơ quan đặc vụ của thực dân Pháp hoạt động rất rảo riết để lừa bịp, ru ngủ nhân dân Việt Nam, gieo rắc, trong đầu óc họ tư tưởng cải lương, "hợp tác" với Pháp

Một mặt khác, trong chính sách thuộc địa của chúng sau chiến tranh, chúng cũng thí ra một vài cái vun vặt để làm mồi dứ dân chúng Việt Nam Sau chiến tranh, chúng lập ra ở Bắc và Trung bộ "Viện nhân dân đại biểu", mà những "nghị sĩ" toàn là bọn quan lại cũ, địa chủ và tư sản mại bản Chúng mở rộng thành phần người Việt trong các Hội đồng thành phố, các Phòng thương mại và Phòng canh nông, lập ra Thương hội đồng kinh tế tài chính trong đó có đại biểu của bọn đại địa chủ và tư sản mại bản Việt Nam, v v Năm 1924, chúng cho Varen, một nghị sĩ thuộc Đảng xã hội, sang làm toàn quyền Chúng đặt ra Sở thanh tra lao động, chúng cho phép một nhóm địa chủ và tư sản mại bản lập ra một Sở tín dụng, một thứ "ngân hàng" Việt Nam tí hon

Như vậy là trong thời kỳ sau chiến tranh, trước tình hình mới, trước giông tố sắp đến, hoạt động của thực dân Pháp và bọn tay chân của chúng là cố lái Việt Nam vào con đường hợp tác với Pháp, và cố làm cho nhân dân xa rời con đường đấu tranh cách mạng Đê thực hiện âm mưu thâm độc đó, chúng đẩy mạnh "công tác tư tưởng" đồng thời thí một ít cho bọn đại địa chủ và tư sản mại bản, ân xá cho một số tù chính trị trước đây bị bắt vì hoạt động trong thời kỳ trước chiến tranh Đông kinh nghĩa thục, kháng thuế v v Chúng để cho Phan Chu Trinh ở Pháp về nước, thả những nhà nho yêu nước ở Côn Đảo về, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Giải Huân, Tú Kiên, Huấn Quyền v v

Nhưng, một mặt khác, chúng lại đàn áp phong trào phản đê một cách gắt gao, như phong trào đòi tha Phan Bội Châu năm 1925, đi đón và đê tang Phan Chu Trinh năm 1926, phong trào bãi khoá, bãi công ở Bắc, Trung và Nam bộ năm 1926, đóng cửa những tờ báo tiến bộ, bắt giam những nhà hoạt động chính trị, những nhà báo, nhà văn cấp tiến,v v

Khuếch trương hoạt động của thực dân Pháp và bọn tay chân của chúng - địa chủ, tư sản mại bản, một số phần tử trí thức tư sản cao cấp và thân Pháp, để gây nên một cơ sở manh mẽ cho *chủ nghĩa cải lương, là một nguy hiểm thực*

tế Có thể nói đó là thời kỳ đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường *con đường cách mạng và con đường cải lương*

Trong hoàn cảnh một nước thuộc địa khác, có khi kết quả của cuộc đấu tranh đó tạm thời chưa chắc đã có lợi cho con đường cách mạng, nhất là khi ở nước đó bằng cách mạng của giai cấp công nhân chưa ra đời Đó là một thực tế đã xảy ra trong một số nước thuộc địa và nửa thuộc địa trong thời kỳ đó

Nhưng ở Việt Nam, con đường cách mạng đã thắng lợi con đường cải lương ngay cả trong thời kỳ trước khi Đảng Công sản Đông Dương ra đời

Bọn trùm cải lương như Quỳnh, Vĩnh, Chiêu, Long và bè phái, múa men và lừa bịp được dân chúng chỉ trong một thời gian rất ngắn ngủi Và khoảng từ năm 1926 trở đi, nhân dân từ Bắc chí Nam, đều quay lưng lại chỗ chúng, đã thấy rõ bộ mặt nhơ bẩn của chúng Về căn bản không ai còn có ảo tưởng về những cái "đẹp đẽ" của chủ nghĩa "Pháp Việt đề huề", "Pháp Việt hợp tác", con đường cải lương của chúng nữa, Chính tay thực dân Pháp đã tự xé toạc bức màn khói đó, bằng chính sách bóc lột và áp bức tàn ác đối với nhân dân Việt Nam, trước hết là đối với công nhân và nông dân Việt Nam bằng chính sách cướp ruộng đất đại quy mô, mở rộng các đồn điền, mở rộng và tăng cường lớp địa chủ, mộ phu đi các đồn điền và tuyển công nhân vào các hầm mỏ mà điều kiện làm việc không khác gì nông nô và nô lệ, chính sách thuế má, cho vay cắt hong, tăng cường bộ máy quan liêu và cảnh sát, trấn áp những phong trào tiến bộ, v v Đó là thời kỳ phá sản và bần cùng hoá tầng lớp nhân dân lao động Đối với họ, những "cải cách" của thực dân Pháp và những yêu cầu của cải lương không đưa lại một mảy may lợi ích gì, mà cũng không có chút quan hệ gì đối với họ cả các viên dân biểu, hội đồng thành phố, hội đồng quản hạt, được vào dân Tây, lương công chức Việt Nam có bằng cấp như người Pháp được bằng lương người Pháp, "ngân hàng Việt Nam", v v Người làm sao quả chiêm bao làm vậy đế quốc Pháp hèn hạ, ngu ngốc như thế nào thì cũng đẻ ra một lũ

tay chân người bản xứ theo hình anh của chúng. Trong khi đó thì dân chúng Việt Nam rên xiết trong những đau thương ngày càng thảm khốc không có bút nào tả xiết, mà vài nhà báo Pháp cũng đã phải kêu trời, kêu cấp cứu.

"Cuộc nổi dậy đã đẻ ra trên đia hat của lòng bất mãn chung"[1]

"Dân quê không còn là những con người nữa. Họ chỉ có chết hoặc vùng dậy nữa mà thôi"[2]

Đó là điều kiện thực tế khiến cho chủ nghĩa cải lương không ru ngủ được dễ dang nhân dân Việt Nam. Thế là 'đảng, phái' của bọn cải lương cũng chỉ loay hoay trong bọn chúng với nhau.

Tuy vậy nhưng chúng ta cũng không thể xem thường âm mưu thâm độc của bọn thực dân và tay chân của chúng. Nếu mieng đất bỉ đế trăng hoan toàn, nghĩa là trước mắt bọn thực dân và tay sai của chúng không có một đối thu nào, thì tất nhiên việc đánh bật một cách mau chóng ảnh hưởng của chúng không phải là một việc dễ dàng, trong khi mà chưa có chính Đảng của giai cấp công nhân ra đời.

Sở dĩ quần chúng không sa vào cam bẫy của chủ nghĩa cải lương, và đã chọn con đường cách mạng, là nhờ đã có đường lối. Đó là đường lối mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra, từ khi bắt đầu hoạt động ở Pháp.

Trong khi mà bọn thực dân nêu cái văn minh của nó, và bọn cải lương ca tụng tư tưởng nhân đạo vĩ đại của phương Tây, thì báo "Người cùng khổ" của đồng chí Nguyễn Ái Quốc vạch trần bộ mặt dã man, vô nhân đạo, thú tính của chủ nghĩa thực dân.

Trong khi bọn chúng nói đến những cái tốt đẹp ở thuộc địa thì cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp" của đồng chí

---

1 Louis Roubaud, *Viet Nam* (La revolte est nee sur le terrain du mecontentement general)

2 Andree Viollis *Indochine* S O S (trích ở tài liệu của Nguyễn Kiến Giang)

Nguyễn Ái Quốc là một bản cáo trạng kể ra những tội ác tầy trời của chúng ở Việt Nam

Trong khi bọn cải lương chú ý xin xỏ cho các lớp địa chủ, tư sản mại bản và con cái chúng những quyền lợi này nọ, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc trình bày những thống khổ, đau đớn của tầng lớp lao động công nhân, nông dân, những người tay nấm chân bùn

Trong khi mà bọn cải lương hô hào đi với bọn giặc cướp nước, "hợp tác" với chúng, nghĩa là chống lại với nhân dân, thời đồng chí Nguyễn Ái Quốc hô hào đoàn kết với những người cùng thuyền cùng hội, những người cùng chung số phận, những kẻ bị một kẻ thù áp bức và bóc lột, ở trong nước là dân chúng lao khổ và những người chân chính yêu nước, và trên thế giới là giai cấp vô sản các nước tư bản và các dân tộc bị áp bức để đánh đổ kẻ thù chung - chủ nghĩa đế quốc

Trong khi bọn cải lương hòng cám dỗ nhân dân đi vào con đường duy trì chế độ thuộc địa, bằng con đường cải lương, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc kêu gọi họ đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập cho dân tộc bằng con đường cách mạng

Như vậy là trong thời kỳ đó, tuy chưa có Đảng của giai cấp công nhân, nhưng ở Việt Nam đã hình thành hai trận tuyến - một bên là trận tuyến cải lương mà bọn chủ trì là tay sai của Pháp, là bọn địa chủ, tư sản mại bản và một nhóm "học giả", những phần tử trí thức lớp trên do thực dân bồi dưỡng và mua chuộc, một bên là trận tuyến cách mạng dưới ánh sáng của Cách mạng tháng Mười thắng lợi, của Quốc tế vô sản, của chủ nghĩa Mác - Lênin đã bắt đầu chiếu rọi sáng bầu trời Việt Nam, trận tuyến đó ở dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người đại diện đầu tiên của giai cấp vô sản cách mạng Việt Nam, tập hợp xung quanh mình nhân dân lao động Việt Nam, tất cả những lực lượng yêu nước và tiến bộ của dân tộc

Trong cuộc chiến đấu đó, trận tuyến cách mạng đã thắng trận tuyến cải lương. Cuộc chiến thắng đó là căn bản, có tính chất quyết định. Đó là *chiến thắng đầu tiên của chủ*

nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam Đó là một tiền đề mở đường cho giai cấp công nhân tiến tới để giữ quyền lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam

Như vậy là mối nguy hại về phía chủ nghĩa quốc gia cải lương đã bị khắc phục ngay từ trong thời kỳ mà mối nguy hại đó lớn hơn hết

Còn về phía chủ nghĩa *xã hội cải lương* như trong phong trào công nhân ở các nước tư bản Tây Âu thì thế nào? Ở các nước tư bản chủ nghĩa có một lớp trong giai cấp công nhân được ưu đãi, trả lương hậu Đó là lớp công nhân quý tộc, là chỗ dựa xã hội cho chủ nghĩa xét lại[1], chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương Nguồn gốc của lớp công nhân quý tộc đó là ở trong thời kỳ phát triển bề rộng, tương đối "hoà bình" của chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ mà các nước tư bản bóc lột thả cửa các thuộc địa, mà chưa va chạm, chưa xung đột với nhau trong lĩnh vực chia nhau thị trường thế giới Do sự bóc lột vô hạn đối thuộc địa mà chúng tích luỹ được một khối lợi nhuận thặng dư khổng lồ, và bỏ ra một ít để mua chuộc một lớp công nhân, đẩng lôi kéo họ, hủ hoá họ, biến họ thành công cụ của chính sách tư sản, ủng hộ giai cấp tư sản trong chính sách đối nội và đối ngoại Đối nội thì lấy khẩu hiệu "hòa bình giai cấp" mà thay cho nguyên tắc giai cấp đấu tranh, gieo rắc trong giai cấp công nhân ảo tưởng rằng có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường cải lương từ từ, bằng những sự cải cách trong đời sống của giai cấp công nhân, bằng việc tranh thủ đa số trong nghị trường tư sản và như vậy là sẽ biến nhà nước tư sản thành nhà nước xã hội chủ nghĩa Đối ngoại thì ủng hộ chính sách đế quốc của giai cấp tư sản, gieo rắc chủ nghĩa sôvanh đối với các nước khác, và khi chiến tranh xảy ra giữa các nước đế quốc thì mỗi bên đều cho nước mình, nghĩa là giai cấp tư sản nước mình là bảo vệ công lý và chính nghĩa, còn đối phương mới là xâm lược, là đế quốc, là phi nghĩa

1 "Xét lại" những nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác, rút hết nội dung cách mạng của học thuyết ấy biến nó thành một vỏ cô xác không hồn, vô thương vô phạt đối với giai cấp tư sản

Từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, nọc độc của chủ nghĩa xã hội cải lương đã ăn sâu vào hàng ngũ các Đảng Xã hội và Xã hội dân chủ của Quốc tế thứ hai. Khi cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản mở đầu với cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thì Quốc tế thứ hai, như là công cụ của bọn đế quốc hiếu chiến, hoàn toàn phá sản, hoàn toàn sụp đổ.

Ở các nước thuộc địa, sự bóc lột đối với giai cấp công nhân cực kỳ dã man, cho nên không thể có lớp công nhân quý tộc như ở các nước đế quốc. Những người "cai" mà thường các bọn chủ thực dân hay dùng để quản chế, theo dõi công nhân phần nhiều chỉ là tay chân của chúng, được chúng cho lương cao hơn những người công nhân thường một chút ít, bị chúng lưu manh hoá và cho một vài quyền lợi lặt vặt, như cho vợ con buôn hàng quà, hàng bánh, hoặc mở sòng bạc, hoặc cho công nhân vay tiền hàng ngày, hàng tháng hoặc nấu cơm tháng, v.v. Thường bọn cai đó rất bạc đãi công nhân và công nhân rất ghét chúng, coi chúng là chó săn của chủ, vì chúng cũng làm mật thám cho chủ nữa. Không thể gọi những tên "cai" đó là lớp công nhân quý tộc được. Ở thuộc địa, chỗ dựa của thực dân đối với công nhân là nhà tù, là cảnh sát, là rọi vọt, là quân đội, là cúp phạt, là tôn giáo, là sòng bạc, là nợ cao lãi. Nếu ở các nước tư bản, giai cấp tư sản còn lấy những cái gọi là tự do dân chủ để làm lá nho che chỗ kín của nó, thì ở thuộc địa nó để loã thân hoàn toàn. Trong các vùng mỏ như Hồng Gai, chúng lập toà án riêng, cảnh sát riêng, nhà giam riêng. Trong các đồn điền cao su, có quân đội bảo vệ. Ở nhiều ấp và đồn điền của Pháp tên chủ hoặc quản lý tư bắt, xử và trừng trị theo "pháp luật" riêng của nó. Nhiều tên địa chủ Việt Nam cũng đã học được cái "văn minh" đó trong việc đối xử với nông dân, tá điền và những người ăn ở của chúng.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Đông Dương cũng có thành lập chi nhánh của Đảng Xã hội Pháp (S.F.I.O.) nhưng chủ yếu là cho công chức Pháp, và về sau, chỉ có một số ít phần tử trí thức Việt Nam vào đảng đó, cũng như vào hội tam giác (Franc - Maconnerie) của chúng.

Thời kỳ mà chủ nghĩa cải lương trong phong trào công nhân ở Tây Âu thịnh hành nhất, thời các thuộc địa, lại là thời kỳ mà bọn đế quốc các nước Tây Âu xâm chiếm một cách trắng trợn các thuộc địa, và bóc lột các thuộc địa một cách tàn bạo, độc ác nhất. Cho nên không thể có cái cầu giữa phong trào xã hội cải lương ở Tây Âu và phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Cái cầu duy nhất có thể có được, đó là sự quan hệ, sự đoàn kết, sự liên minh, là *một mặt trận chiến đấu giữa dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản cách mạng ở chính quốc*. Ở Pháp, sau chiến tranh đã có chỗ để bắc cái cầu đó. Đó là Đảng Cộng sản Pháp. Ở Việt Nam cũng đã có cơ sở để cũng bắc cầu đó. Đó là giai cấp công nhân Việt Nam, và đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người thợ đầu tiên góp sức vào việc xây nên cái cầu đó.

Giai cấp công nhân Việt Nam lên diễn đài chính trong hoàn cảnh lịch sử mà Cách mạng tháng Mười đã thắng lợi, lúc mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã giành được cuộc thắng lợi lịch sử vĩ đại đầu tiên, lúc mà chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn tổng khủng hoảng, và lúc mà ách áp bức của chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam và chủ nghĩa đế quốc đến mức sâu sắc và ác liệt cực độ, cho nên chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới là ngọn cờ chiến đấu, và chiến thắng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, do đó mà tất cả những trào lưu tư tưởng, những xu hướng trái với tinh thần và đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin đều là không có cơ sở để đâm chồi nảy lộc rễ ở Việt Nam.

Do đó mà phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, trước hết là phong trào công nhân, không bị thêm nhiễm bởi nọc độc của chủ nghĩa cải lương của Quốc tế hai. Đó là một điều kiện thuận lợi và là một ưu điểm căn bản của cách mạng Việt Nam, là vì khi cách mạng bước sang giai đoạn mới, giai đoạn tiếp thu chân lý phổ biến của thời đại, thời tiếp thu được tất cả cái tốt, cái hay, cái đúng, cái cần thiết, cái thích hợp và cái sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là tinh thần và đường lối cách mạng không thoả hiệp, kết hợp tinh thần dân tộc bất khuất, với chủ nghĩa quốc tế vô sản, lấy công nông liên minh làm cơ sở cách mạng, lập một mặt trận chiến đấu

với giai cấp vô sản các nước tư bản và các dân tộc bị áp bức Chỉ có giai cấp công nhân mới thực hiện được tinh thần và đường lối đó, và đi theo đường lối đó thì giai cấp công nhân nhất định giành được quyền lãnh đạo cách mang

Không hề chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội cải lương, đó là một điều kiện thuận lợi căn bản nữa để phong trào cách mang Việt Nam tiến nhanh, để giai cấp công nhân Việt Nam sớm giành được quyền lãnh đạo và sẽ giữ được độc quyền lãnh dao cách mang, và để phát huy được tính sáng tao và những mặt độc đáo của cách mạng Việt Nam

Đó là một sự thắng lợi căn bản thứ hai của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam

Xu hướng thứ ba là xu hướng *quốc gia cách mang*

Vào năm 1926 - 1927, một nhóm trí thức xuất thân là thành phần tiểu tư sản, thành lập ra Việt Nam Quốc dân đảng, với tôn chỉ là đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập cho dân tộc và thiết lập một chế đô dân chủ tư sản Đảng này ít nhiều có ảnh hưởng trong một số tầng lớp tư sản và tiểu tư sản thành thị, nhất là trong thanh niên hoc sinh và công chức, trong tầng lớp trên ở nông thôn (phú nông, hào lý) và lớp ha sĩ quan trong quân đội bản xứ của Pháp (cai, đội, quản) Rõ ràng đảng đó đứng trên lập trường của giai cấp tư sản đánh đổ đế quốc để cho chủ nghĩa tư bản phát triển

Đứng về đường lối thì Việt Nam Quốc dân đảng có chủ trương tương đối rõ ràng hơn là những tổ chức cách mang của thời kỳ trước chiến tranh Những tổ chức đó, có cái thì theo xu hướng quân chủ lập hiến, có cái thì chỉ biết đánh Pháp đã, rồi sau như thế nào sẽ hay, có cái thì trong chủ trương là đưa nước nhà vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng theo chính thể nào thì còn hồ đồ Chủ trương của Việt Nam Quốc dân đảng thì dứt khoát hơn. Nó đại diện cho xu hướng và lợi ích của bộ phận cấp tiến của giai cấp tư sản dân tộc

Nếu trong thời kỳ trước chiến tranh là một đảng như Việt Nam Quốc dân đảng ra đời, với một lập trường dứt

khoát, một chủ trương rõ ràng như vậy, thời có lẽ đảng đó đã là đảng tập hợp được nhiều tầng lớp nhất, có một cơ sở rộng rãi hơn các đảng phái khác nhiều

Nhưng cái bi kịch của đảng đó, là ở chỗ khi tình thế trong và ngoài nước mà còn có địa hạt để cho một đảng như vậy có thể gây nên sự nghiệp, thì đảng đó chưa ra đời. Chưa ra đời không phải vì những người cầm đầu Việt Nam Quốc dân đảng hồi 1926 - 1927 sáng suốt, gan dạ hơn các bậc tiền bối, những lãnh tụ của phong trào Đông du, Đông kinh nghĩa thục, Duy tân, Việt Nam quang phục hội v.v. Chưa ra đời được vì thời kỳ đó, giai cấp tư sản Việt Nam chưa hình thành. Nếu đã có một lớp phú gia ở thành thị trong thời kỳ sau khi Pháp hoàn thành giai đoạn gọi là "bình định" và bắt đầu đặt cơ sở cho việc khai thác Đông Dương, thời đó mới chỉ là lớp mại bản cung cấp và làm môi giới giữa thực dân Pháp và người bản xứ, như loại Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu, công ty Quảng Hưng Long, v.v. Vì vậy mà các tổ chức cách mạng thời kỳ đó,về chủ trương đường lối thì còn mơ hồ, mâu thuẫn nhau. Trong thời kỳ trước chiến tranh chưa có một chính đảng như Việt Nam Quốc dân đảng như hồi 1926 - 1927, là vì chưa có cơ sở xã hội của nó, điều kiện khách quan chưa chín muồi. Trong lúc đó, thì giai cấp vô sản hiện đại Việt Nam lại đã hình thành.

Sang thời kỳ sau chiến tranh, tình hình đổi hẳn, giai cấp tư sản bản xứ đã xuất hiện như là giai cấp, cho nên một đảng như Việt Nam Quốc dân đảng mới có cơ sở để xuất hiện. Nhưng lại là lúc mà giai cấp công nhân Việt Nam đã lên đài chính trị với cá tính riêng của nó, với tính độc lập của nó, tuy chính đảng của giai cấp công nhân chưa ra đời. Tính độc lập của nó như đã trình bày, biểu hiện rất sớm, sớm hơn lúc Việt Nam quốc dân đảng ra đời nhiều, ngay sau chiến tranh thế giới kết thúc, ngay ở *Hội nghị hoà ước Vecxay năm 1919, với bản yêu sách của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi cho hội nghị, nhất là khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia sự thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920, và tán thành việc Đảng gia nhập Quốc tế Cộng sản* và kinh qua con đường đó, đồng chí

đã đặt quan hệ giữa *phong trào cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới*

Như vậy nghĩa là cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, sau Cách mạng tháng Mười thắng lợi, đã bước sang một giai đoạn lịch sử mới, là giai đoạn *cách mạng giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân*, nghĩa là do giai cấp công nhân lãnh đạo và để tiến lên chủ nghĩa xã hội, không kinh qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa Việt Nam Quốc dân đảng ra đời khi mà cách mạng Việt Nam đã vượt qua giai đoạn cũ, và đã bước sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân

Đó là lý do căn bản vì sao mà Việt Nam Quốc dân đảng không tạo nên được một cơ sở rộng lớn trong quần chúng, và nhất là sau khi chính đảng của giai cấp công nhân, Đảng Công sản Đông Dương ra đời rồi, thời lại càng khó cho Đảng đó gây nên một thanh thế gì bền vững Trong thời kỳ đó (sau khi có Đảng của giai cấp công nhân ra đời rồi) thì đối với những xu hướng khác, không phải vô sản, trong phong trào giải phóng dân tộc, thời chỉ có hai con đường (trừ khi nằm im thì không kể) Một là, thừa nhân sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, và hoạt động, đấu tranh theo sự lãnh đạo đó; hai là, thụt lùi, thoái hoá, chống lại sự tiến triển của cách mạng và tựu chung là chạy về phe địch.

Sau khởi nghĩa Yên Bái, trong hàng ngũ của Việt Nam Quốc dân đảng, đã xảy ra sự phân hoá như vậy Những phần tử tốt nhất cảm thấy rằng muốn tiếp tục làm cách mạng, ngoài việc theo dưới lá cờ của Đảng Công sản Đông Dương để đấu tranh, thì không còn con đường nào khác, cho nên lần hồi họ đã theo Đảng Còn một số nữa, những phần tử xấu, thì không bao lâu đã biến thành mật thám, tay sai lợi hại của địch, đi ôm chân bọn đế quốc và bọn quân phiệt nước ngoài và phá hoại cách mạng, tất cả mọi việc nhơ bẩn, hèn hạ và tàn ác của những tay chân của giặc ngoại xâm Cái nhóm mà năm 1945 sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, mệnh danh là "Việt Nam Quốc dân Đảng" theo

chân của quân Tưởng về nước đê hòng đục nước béo cò, dựa vào lực lương vũ trang và các cơ quan đặc vụ của quan thầy, giành giật quyền vị, chỉ là một nhóm lưu manh, côn đồ, vô loài, không còn gì là phẩm chất của những người yêu nước yêu nòi nữa, không có chút cội rễ gì trong quần chúng Cho nên khi lực lương của quan thầy chúng tan rã, cũng như cái thây ma, chúng cũng ủng nát theo

Và chúng ta cũng không lấy làm la, là những nhóm khác đẻ ra trong thời kỳ đánh Nhật và sau Cách mang tháng Tám, như bon Đại Việt, cũng là một môn một khoai cả Bon đó đều do giặc ngoại xâm đẻ ra

Thực tế cách mang Việt Nam trong thời kỳ sau chiến tranh và sau khi cách mang xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi ở Liên Xô, tiến nhanh đến nỗi rằng về tất cả mọi mặt, đã tao nên điều kiện để chỉ có thể đi vào một con đường, đó là con đường cách mang dân tộc dân chủ nhân dân, chỉ thừa nhân sự lãnh đao của một giai cấp, là giai cấp công nhân, chỉ theo dưới lá cờ của một chính đảng , chính đảng của giai cấp công nhân, Đảng Công sản Đông Dương

Vì thế mà mặc dầu những người cách mang vô sản Việt Nam, đã từ tinh thần yêu nước đi đến chủ nghĩa Mác - Lênin, đi đến ý thức cách mang vô sản, mà căn bản vẫn không bị ảnh hưởng của chu nghĩa quốc gia hẹp hòi chi phối, làm cho đi sai đường, hoặc có chăng nữa, thì cũng khắc phục được mau chóng Như đã nói ở trên, trong hoàn cảnh một thuộc địa, rất dễ phát sinh những lệch lac trong đường lối cách mang về phía chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi và cũng đã nhắc lại, sở dĩ ở ta, cách mang và Đảng lãnh đao cách mang, đã phát triển trên cơ sở thuận lợi, do sự hoạt đông từ đầu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị sẵn, đó là sự kết hợp những truyền thống tốt nhất của tinh thần dân tộc với chủ nghĩa quốc tế vô sản, sự kết hợp đó khéo léo ở chỗ nó không làm gián đoan giữa hai cái, mà nó làm cho sự chuyển tiếp từ giai đoan cách mang cũ sang giai đoan cách mang mới không đột ngột, khiến cho hai giai đoan nối tiếp nhau một cách tự nhiên

Vì vậy mà đường lối đó đã tranh thủ và tập hợp được ngày càng đông đảo lực lượng cách mang trong nước, làm cơ sở vững chắc cho sự lãnh đao cua giai cấp công nhân và của Đảng tiên phong đối với cách mang

Đó là thắng lợi căn bản thứ ba của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam trong thời kỳ chuẩn bi cho giai cấp công nhân Việt Nam đi đến chỗ giữ quyền lãnh đao cách mang

Vì sao trong thời kỳ mà chủ nghĩa Mác - Lênin mới bắt đầu phổ biến ở ta, lai có một cơ sở thuận lợi như vậy để chúng ta có thể tiếp thu được những cái căn bản, những cái đúng và những cái thích hợp nhất đối với cách mang Việt Nam?

Là do đồng chí Nguyễn Ái Quốc không chỉ han chế sự hoat đông của mình ở Pháp, mặc dầu Pháp là cơ sở thuận lợi đầu tiên, và không chỉ ở Pháp, đã có quan hệ với Quốc tế Công sản Sau khi ở Pháp, đồng chí đi các nước và đã lưa chon Trung Quốc làm trung tâm hoat đông của mình Điểm này có chỗ quan trong đăc biệt của nó.

Trung Quốc hồi đó là một nước nửa thuộc địa Bon đế quốc chia nhau pham vi ánh hưởng ở Trung Quốc, là tăng thêm lực lương và cơ sở để áp bức các thuộc địa khác, nhất là ở Viễn Đông và Đông Nam Á Bon đế quốc Pháp thống trị ở Việt Nam, bon quân phiệt Nhật thống trị ở Triều Tiên, bon đế quốc Anh thống trị ở Tây Tang, Diến Điện, Ấn Đô, bon đế quốc Mỹ ở Phi Luật Tân, Hà Lan ở Nam Dương v v đồng thời lợi dung những nước này làm căn cứ để xâm lược Trung Quôc, thâm nhập vào Trung Quốc, xâu xé nhau thị trường Trung Quốc, Trung Quốc là nơi tập trung những lợi ích của chủ nghĩa đế quốc thế giới, đồng thời là nơi tập trung mâu thuẫn giữa chúng với nhau. Cho nên cách mang Trung Quốc là một cuộc cách mang phản đế không những nó giải phóng cho bản thân Trung Quốc, mà còn tao những điều kiện rất thuận lợi cho cuộc cách mang giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, trước hết là ở châu Á Cách mang Trung Quốc thành công là ha được cái pháo đài kiên cố của chủ nghĩa đế quốc thế giới ở phương Đông

Trung Quốc hồi đó là nước nửa phong kiến Đối với Trung Quốc, cũng như đối với tất cả các thuộc địa, cách mạng ruộng đất gắn liền với cách mạng phản đế, bởi vì nông dân vẫn chiếm đại đa số trong nhân dân

Đối với toàn thế giới thuộc địa, Trung Quốc là thành trì, là cột trụ của cách mạng phản đế và phản phong Phong trào cách mạng Trung Quốc là cái đòn xêu đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa Từ khi bị chủ nghĩa đế quốc Tây Âu và Mỹ xâm lược, nhân dân Trung Quốc luôn luôn nổi dậy chống ách ngoại xâm, đồng thời chống chế độ phong kiến thối nát của nhà Mãn Thanh (Thái bình thiên quốc, Nghĩa hoà đoàn, Cách mạng Tân hợi, v v) trong đó nông dân là lực lượng nòng cốt

Đầu thế kỷ XX, giai cấp công nhân Trung Quốc đã trưởng thành, và đã chiến đấu rất oanh liệt, đã được rèn luyện và giác ngộ trong những cuộc đấu tranh vĩ đại chống bọn đế quốc xâm lược và tay sai của chúng là bọn phong kiến quân phiệt Trung Quốc, Công nhân Thượng hải, Bắc bình[1], Quảng Châu, Thiên Tân, Đông tam tỉnh[2], Vũ Hán, Trường sa, Hương Cảng v v đã viết ra những trang vẻ vang trong phong trào công nhân Trung Quốc

Sau chiến tranh thế giới và sau Cách mạng tháng Mười Nga thành công, ở Trung Quốc, những điều kiện chín muồi để giai cấp công nhân lãnh đạo cuộc cách mạng phản đế và phản phong, và Trung Quốc đã trở thành trung tâm của cách mạng giải phóng dân tộc đối với các thuộc địa ở châu Á

Với phong trào mồng 4 tháng 5 năm 1919 (Ngũ - tứ vận động) Trung Quốc bước sang giai đoạn mới của cách mạng, giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và *năm 1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời*

Việt Nam về mặt địa lý cũng như về các mặt khác, là nước ở châu Á gần gũi với Trung Quốc hơn hết, cho nên cách mạng Trung Quốc đối với Việt Nam rất dễ và rất mau ảnh

1 Tên cũ của Bắc Kinh

2 Tức Mãn Châu

hướng đến Việt Nam Trong hoàn cảnh lịch sử mới, sau khi ở Trung Quốc đã có Đảng Công sản để lãnh đạo cách mạng, và ở Việt Nam đã có những điều kiện thuận lợi để chủ nghĩa Mác - Lênin phổ biến, thì sự quan hệ mật thiết giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng Trung Quốc có một tác dụng vô cùng quan trọng.

Trong hàng nghìn năm, các triều đại phong kiến thống trị Trung Quốc đã xâm lược và áp bức nhiều lần nước ta, và trên cơ sở đó giữa đôi bên, có những thành kiến nhất định, về phía Trung Quốc, thời là chủ nghĩa đại Hán tộc, còn về phía Việt Nam thời là chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi Ở Việt Nam, bọn đế quốc Pháp đã lợi dụng và khơi sâu đến một chừng mực nhất định, và ở Trung Quốc, nhất là trong thời kỳ Tưởng Giới Thạch thống trị cũng đã lợi dụng và khơi sâu những thành kiến đó. Tuy vậy mặc lòng, nếu chúng có thành công, thì cũng chỉ trong một tầng lớp, nhất là tầng lớp trên và một số phần tử nào, nhất là trong những phần tử tư sản mại bản và bọn con cái "Tây hoá" của chúng, quyền lợi bọn đó thường là dính líu với bọn đế quốc ở Việt Nam, là bọn thân Pháp, ở Trung Quốc là bọn thân Anh, thân Mỹ, thân Nhật. Nhưng, nhân dân hai nước thì vẫn thông cảm sâu sắc với nhau, điều đó cũng do cảnh ngộ của hai nước, hai dân tộc giống nhau, hai bên đều thấy rằng mình bị bọn đế quốc áp bức, Hoa kiều trên đất Việt cũng bị thực dân Pháp hà hiếp, chèn ép, khinh thị, cũng như nhân dân Trung Quốc bị bọn đế quốc khác ức hiếp. Việt kiều sang đất Trung Quốc, lại vẫn ở dưới ách của thực dân Pháp như khi còn ở trong nước, vì trên đất Trung Quốc, chúng vẫn giữ quyền lợi thực dân

Thêm vào đó, là tuy trong quá khứ bọn phong kiến Trung Quốc đã từng áp bức lâu đời dân tộc Việt Nam, nhưng trong cuộc tiếp xúc hàng nghìn năm đó, cũng đã tạo nên một sự công đồng và thông cảm nhất định về văn hoá, tâm lý, phong tục tập quán v v. . nó đã làm cho nhân dân Việt Nam nói chung vẫn mến phục nền văn hoá vĩ đại của Trung Quốc, và đã gây nên một tình thần thông cảm dễ dàng với nhau trong những bước can qua, khi bên này hoặc bên no, hoặc cả hai bên cùng lâm vào một cảnh ngộ éo le, một nỗi niềm đau khổ

Trai qua những thư thách của lịch sử, hai dân tôc Trung Quốc và Việt Nam vốn có sẵn môi tình huynh đệ, thời trong hoàn cảnh lịch sử mới, đã trở nên cùng môt thuyền, cùng môt nguyên vong, môt lý tưởng và cùng đi trên môt con đường, đã trở thành hai dân tôc anh em theo ý nghĩa đầy đủ nhất cua danh từ đó

Sau khi ở Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lấy Trung Quốc làm căn cứ hoat đông, thời như vây là giai cấp công nhân Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã biểu dương mối cảm tình của nhân đân cách mang Việt Nam đối với nhân dân cách mang Trung Quốc, mà nhân dân cách mang Trung Quốc vốn cũng nuôi môt mối cảm tình như vây đối với nhân dân Việt Nam, cũng như khi sang Phap lấy nước Pháp làm căn cứ cho buổi đầu hoat đông cách mang của mình, đồng chí đã đưa lai môi cảm tình của dân tôc Việt Nam bi áp bức cho giai cấp vô sản Pháp, mà giai cấp vô sản Pháp cũng vốn có mối cảm tình như vây đối với các dân tôc bi áp bức Đó là vì lơi ích của cách mang, trước hết vì lơi ích của sư nghiệp giải phóng dân tôc Việt Nam, nếu kết hợp với phong trào cách mang Trung Quốc,là đôi tiền phong của phong trào cách mang giải phóng thuôc đia, thời cách mang Việt Nam sẽ có những điều kiên rất thuân lơi đê tiên nhanh và thành công

Thấy đươc nhu câu cua cách mang Việt Nam trong giai đoan mới và biết chỗ dưa nào làm căn cứ đia để tao cho cách mang Việt Nam những điêu kiên tôt nhất, đó là sư sáng suốt thiên tài của đồng chí Nguyễn Ái Quốc Sư kết hợp phong trào cách mang Việt Nam vơi phong trào cách mang Trung Quôc đã có môt anh hương lớn và sâu sắc đối với cả quá trình cách mang ở Việt Nam trước hết là đã thúc đây sư trưởng thành mau chong của những lực lương và những tổ chức cách mang để tiến tới sư thành lập Đảng của giai cấp công nhân

Do đó mà những tô chức đâu tiên có xu hướng công sản chủ nghĩa đã thành lập ở Trung Quốc, trong đó tổ chức quan trong hơn hết là Việt Nam thanh niên cách mang đồng chí Hôi, do đông chí Nguyễn Ái Quốc lập và là tiền

thân của Đảng Công sản Đông Dương sau này Tổ chức đó gồm những phần tử cấp tiến nhất trong đám thanh niên cách mang Việt Nam

Giai đoan đầu, khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn ở Pháp chủ yếu là giai đoan mà chủ nghĩa Mác - Lênin bắt đầu truyền bá sang nước ta và phổ biến ở ta, làm cho cách mang có môt cơ sở tư tưởng để nhìn thấy rõ đường lối, còn viêc tổ chức những lực lương cách mang để thực hiên đường lối đó thời cũng chỉ mới có ở Pháp Còn sang giai đoan thứ hai, từ khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc sang hoat động ở Trung Quốc, thì là giai đoan cao hơn, là giai đoan đăt cơ sở cho những tổ chức cách mang đầu tiên để rồi xây dưng cơ sở tổ chức ngay trong nước và chuẩn bị cho viêc thành lập Đảng của giai cấp công nhân Công viêc này được đẩy mang sau khi Viêt Nam thanh niên cách mang đồng chí Hôi ra đời, và nhờ vây mà Hôi chuyển ngay sư hoat đông của mình về trong nước và bắt đầu đi sâu vào quần chúng Có thể goi thời kỳ từ năm 1925 đến cuối năm 1929 là thời kỳ chuẩn bi thành lập Đảng

Ở đây, người ta có thể đăt ra vấn đề nói rằng ở ta, sư tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin được thuân lơi và nhanh chóng như vây, thì tại làm sao mà Đảng của giai cấp công nhân ra đời châm như vây, mãi đến 10 năm sau khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc bắt đầu hoat động ở Pháp, và đã đi dư các Đại hôi của Quốc tế công sản? Mà trong khi đó thì những điều kiên trong nước để thành lập Đảng là khá thuân lơi, vì rằng bon cải lương thì rất chóng mất ảnh hưởng với quần chúng, đảng quốc gia cách mang thì đến năm 1926 - 1927 mới moc và cũng chỉ trong môt nhóm người rất hep, nghĩa là chưa có môt tổ chức cách mang nào tương đối manh ra đời cả Và, khi Đảng của giai cấp công nhân chưa ra đời, mà nói rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã truyền bá sang ta, đã được tiếp thu những cái đúng nhất, thích hợp nhất, nói như vây có quá sớm không, có mâu thuẫn không? Vì chưa có cơ sở tô chức tiếp thu bằng cách nào, ai tiếp thu? Và tiếp thu nghĩa là phải vân dung vào trong cuôc đấu tranh, nếu vây thì phải

có một tổ chức, một đảng để làm đòng lực cho sự tiếp thu đó

Chúng ta có thể giải đáp rằng, không nhất thiết ở nước nào phải có Đảng của giai cấp công nhân ra đời rồi mới có thể truyền bá và phổ biến tư tưởng Mác - Lênin trong nước đo Cô nhiên sự ra đời của Đảng là nhân tố vô cùng quan trong và khi nó đã thành lập thời sự truyên bá, cách vân dung chu nghĩa Mác - Lênin quyết đinh là ở nó Nhưng sự truyến bá và phổ biên chủ nghĩa Mác - Lênin không nhất thiêt luôn luôn phải theo sự thành lập Đảng của giai cấp công nhân, mà vẫn có thể có trước khi Đang thành lập Nhiều nước, trong đó co ca "thánh dia" cua chủ nghĩa Mác - Lênin là nước Nga, cũng qua con đường như vậy Mãi đến năm 1903 thì Đảng chân chính của giai cấp công nhân cách mang, Đảng Bônsêvích do Lênin sáng lập, mới ra đời Trước đó cả trong thời kỳ Plêkhanôp, cũng đã có những tô chức của giai cấp công nhân và đã truyền bá hoc thuyết Mác tôi Nhưng, những nhom và tổ chức đó chưa phải là những chính Đảng kiêu mới, kiêu Lêninnít của giai cấp công nhân, vì những tàn dư của những tư tưởng phi vô sản, nhất là tư tưởng mensêvich còn lẫn lôn ở trong đó Đến năm 1903, khi chủ nghĩa Lênin, là sự phát triển cua chủ nghĩa Mác trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa và cách mang vô sản, đã thành một hệ thống tư tưởng hoàn chỉnh rồi, đã là giai đoan cao hon cua chủ nghĩa Mác, thời mới đặt ra và xuất hiên một thư đảng kiểu mơi, đảng chân chinh cách mang của giai cấp công nhân

Điều chủ yếu của một đảng kiêu mới la nắm thật vững đường lối, có tính chất quân chúng, có liên hệ chặt chẽ với quần chúng Trong những tiêu chuẩn căn bản của một đảng kiêu mới, kiểu Lênin, thì liên hệ với quần chúng là tiêu chuẩn quan trong về hàng đầu Điều quan trong thứ hai, là có cơ sở quần chúng tốt, chủ yếu là một giai cấp công nhân có tinh thần cách mang cao và có một giai cấp nông dân cũng có tinh thân cách mang cao, bởi vì hai giai

cấp đó là lực lương nòng cốt cua cách mạng, nếu cả hai giai cấp đó đều có tinh thần đấu tranh cao, thời *sự liên minh giữa ho* trơ nên rất dễ dàng, mà sư liên minh đó là cơ sở căn bán nhất của cách mang

Nếu có được những điều kiên cơ bản đó rồi, nghĩa là có một giai cấp công nhân và một giai cấp nông dân cách mang, mau giác ngộ, thời lúc Đáng ra đời, nếu chân chính là một Đáng cách mang của giai cấp công nhân và đã sinh trưởng trên cơ sở đó, Đảng sẽ rất sớm giành được quyền lãnh đao cách mang Nếu Đáng ra sớm hơn nữa thì càng hay, nhưng nếu châm một ít mà tốt, thì cũng không phải là một thiệt thòi, có khi lai có lơi nữa

Đó là vấn đề chung Nhưng ở ta, thì cũng nên nhìn về một khía canh khác Vì sao mà từ khi thành lập Viêt Nam thanh niên cách mang đồng chí Hôi đến khi thành lập Đảng, đã qua một thời gian dài như vậy (5 năm)? Ở đây có lẽ là do vấn đề đấu tranh nôi bô Đấu tranh nôi bô đây không có nghĩa là đấu tranh tư tưởng, phê bình và tư phê bình trong hàng ngũ của một đảng thuần nhất, mà là sư đá kích nhau giữa các bè phái, để tranh giành ảnh hưởng quần chúng Cuộc đấu tranh đó có tinh thần bè phái Là vì lúc đó trong nước không phải chỉ có một mình Viêt Nam thanh niên cách mang đồng chí Hôi, mà còn có những tổ chức cách mang khác, như Tân Viêt Cũng là những tổ chức cách mang cả, cũng đều muốn theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin cả, nhưng không bên nào chiu bên nào, bên này tư cho mình là mácxít chính cống, mới là cách mang và đá kích bên kia là giả dối, là cơ hôi chủ nghĩa v v Cuộc tranh chấp đó đã kéo dài để đến năm 1929, trong một nước mà xuất hiên ra đến ba Đảng Công sản, ở mỗi kỳ một Đảng

Trong khi đó thì phong trào quần chúng ngày một lên, một ăn sâu vào quần chúng công nông Nếu những năm 1924 - 1926, phong trào chu yếu là từ trong các tầng lớp thành thi, phần nhiều là thanh niên tri thức, hoc sinh,

công chức, thì sau đó, từ năm 1926 trở đi, sau khi bọn đế quốc dập tắt những phong trào trong đám tiểu tư sản trí thức ở thành thị rồi, thì trong công nhân và nông dân một phong trào đấu tranh cho quyền lợi của mình lại bắt đầu phát triển, nhất là công nhân các đồn điền cao su, và nông dân Nam bộ. Phong trào đòi hỏi được tổ chức và lãnh đạo, và nhất là từ năm 1928, tuy là năm "thịnh vượng nhất" của thực dân từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, song những dấu hiệu của cuộc khủng hoảng kinh tế sắp tới đã xuất hiện và bắt đầu ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, và sang năm 1929, khi cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu, thời phong trào đấu tranh của công nhân đã lên cao.

Lúc đó điều kiện thuận lợi là không có đảng nào của các giai cấp khác có cơ sở trong quần chúng. Dĩ nhiên, bọn cải lương loại Quỳnh, Chiêu thời không bao giờ có một tổ chức quần chúng nào, nhất là quần chúng công nông, chúng lại càng không có khả năng tổ chức họ. mà chính sách "hợp tác" với Pháp của chúng hô hào từ trong và nhất là sau chiến tranh, đã phơi bày bộ mặt của chúng như là một bọn tay sai của thực dân, do đó mà sau 1925 - 1926, chính cả một số đông dân thành thị, trước hết là công chức, học sinh, sinh viên, cũng đã quay lưng lại chỗ chúng, chưa nói gì đến công nhân và nông dân. Còn như Việt Nam Quốc dân đảng, thành lập sau năm 1926, cũng là một sự phản ứng của bộ phận cấp tiến trong giai cấp tư sản trước sự tấn công mãnh liệt của thực dân và trước sự phản bội trắng trợn của bọn cải lương, nhưng lại đứng về lập trường của cách mạng tư sản cũ, trong khi mà cách mạng Việt Nam đã bước sang giai đoạn cách mạng dân chủ nhân dân rồi, do đó mà Đảng đó đã không đi sâu vào và không thể đi sâu vào quần chúng lao động được, chỉ hoạt động trong một nhóm cô lập, lấy khủng bố cá nhân làm phương pháp đấu tranh và chuẩn bị những cuộc bạo động lẻ loi trong binh lính mà không có quan hệ với quần chúng. Như vậy là công nhân và nông dân là một địa hạt rất

thuận lợi cho việc xây dựng những tổ chức cách mạng Song các nhóm cách mạng có xu hướng công sản chủ nghĩa đã mất nhiều thì giờ trong việc tranh chấp nhau, cho nên đã thiếu sự đi sâu vào quần chúng để tổ chức họ Từ 1927 - 1928 những tổ chức như vậy trong công nhân đã bước đầu thành lập, nhưng vì còn vướng ở sự tranh chấp nhau mà những tổ chức đó (cũng mỗi bên có tổ chức quần chúng của mình) chưa trở nên những tổ chức thật sự có tính chất quần chúng

Đó là một bài học lớn cho phong trào cách mạng ở tất cả các nước nói chung, nhưng riêng cho các nước thuộc địa nơi dễ sinh ra những sự tranh chấp nội bộ như vậy Vì rằng thuộc địa là một xã hội tiểu tư sản, và những người đứng đầu phong trào phần nhiều là xuất thân trong lớp tiểu tư sản trí thức, cho nên một mặt, nếu có tinh thần cách mạng hăng hái, thì mặt khác cũng dễ đưa vào phong trào những nhược điểm của tầng lớp xã hội mà mình đã xuất thân Trong những nhược điểm đó, thì cái có tác hại lớn hơn hết là sự hay đố kị, tư ái hay tranh chấp nhau về những cái nhỏ nhặt, nó cũng do tính chất lạc hậu, phân tán của nền kinh tế mà ra, cho nên cũng dễ đẻ ra bệnh hẹp hòi, cô độc, nó làm cho dễ xa rời quần chúng, xa rời thực tế Bọn thực dân và bọn tay chân chúng rất hiểu chỗ yếu đó của các tổ chức cách mạng ở thuộc địa, cho nên chúng đã lợi dụng nhược điểm ấy để cho mật thám, đặc vụ chui vào và phá hoại phong trào từ bên trong Kinh nghiệm của phong trào ở nhiều nước thuộc địa đã chứng minh điều đó Ngay cả ở Việt Nam, chúng cũng đã dùng thủ đoạn thâm độc đó đối với Việt Nam Quốc dân đảng Đảng này từ đầu đã bị tay sai của địch lọt vào (như việc tên đội Dương) một mặt vì về tổ chức của đảng cẩu thả, không bảo đảm bí mật, nhưng mặt khác cũng vì tính chất cô độc của bản thân đảng ấy Đối với Đảng Công sản Đông Dương chúng đã dùng bọn "AB"

Nhưng, tác hại của sự chia rẽ nội bộ và bệnh cô độc trước hết là khi phong trào quần chúng lên mà lại không có sự lãnh đạo

Vì vậy nên năm 1929, trước tình trạng lực lượng cách mạng chia rẽ và phân tán như vậy, mà phong trào thì đang tiến lên, Quốc tế cộng sản đã kêu gọi sự thống nhất lực lượng của những người cộng sản Đông Dương lại. Đó là một sự kiện rất quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Một điều quan trọng nữa và là một bài học quý báu, là mặc dầu hàng ngũ của những tổ chức cách mạng bị chia rẽ như vậy, song những người cộng sản Việt Nam, trước lời kêu gọi của cơ quan lãnh đạo tối cao của cách mạng thế giới, đã nhận thấy tất cả trách nhiệm đó tức là trách nhiệm của giai cấp công nhân Việt Nam đã đến lúc phải đảm nhiệm lấy sứ mạng lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, trong hoàn cảnh mới, khi mà nhân dân Việt Nam chuẩn bị những cuộc đấu tranh quyết định chống chủ nghĩa đế quốc.

Như đã trình bày ở trên, trong phong trào cách mạng Việt Nam, có cái đặc điểm là, vì nhờ nhân dân Việt Nam có một tính năng động cách mạng mạnh mẽ, cách mạng phát triển rất nhanh và luôn luôn tiến từ thấp lên cao, cho nên khả năng sáng tạo rất phong phú, và như từ đầu khi mới bước vào giai đoạn cách mạng dân chủ nhân dân, về căn bản, đã nhận thấy được đường lối, cho nên về sau, nếu có những lệch lạc sai sót nhất, thời những lệch lạc đó cũng được khắc phục mau chóng, và điều quan trọng, là không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự nhất trí trong Đảng.

Điều đó cũng giải thích vì sao mà các tổ chức cộng sản trong nước hồi đầu năm 1930 đã đạt được sự thống nhất, trên cơ sở đó, đã thành lập được Đảng Cộng sản Đông Dương. Đó là một sự thắng lợi, có tính chất quyết định, của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có một tác dụng đặc biệt, quyết định, trong việc thành lập Đảng, vì luôn luôn đồng chí là người hô hào bền bỉ và người triệt để thực hiện sự đoàn kết nhất trí giữa những lực lượng cách mạng.

Nói tóm lại, ngay từ khi cách mang Việt Nam bước vào giai đoan mới, giai đoan cách mang dân chủ nhân dân, nhờ sư thắng lợi của cuộc cách mang xã hôi chủ nghĩa đầu tiên, và *cách mang Việt Nam đã thành một bộ phận của cách mang vô sản thế giới*, thời giai cấp công nhân Việt Nam đã kết hợp được với nông đân thành một khối chặt chẽ và trên cơ sở đó, đấu tranh để lên trường chính trị như là một lực lương độc lập, và giành quyền lãnh đao cho giai cấp công nhân trong cuộc cách mang giải phóng dân tộc ở Việt Nam Cuộc đấu tranh đó đã diễn ra trong một hoàn cảnh rất gay go, phức tap, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam dưa trên khối liên minh công nông, được chủ nghĩa Mác - Lênin càng ngày càng soi rõ đường lối, được sư ủng hộ và giúp đỡ tích cực của phong trào cách mang thế giới, nhất là phong trào cách mang Trung Quốc và phong trào công nhân Pháp, đã khắc phục được những trở ngại và những khuynh hướng trái với đường lối mới của cách mang, và đã giành được cho giai cấp công nhân quyền lãnh đao cách mang

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY XUẤT BẢN QUYỂN "TƯ BẢN" CỦA CÁC MÁC*

Trong mấy nghìn năm lịch sử văn minh của loài người, trong những giá trị mà trí tuệ của con người đã tạo nên khó lòng tìm ra một sự nghiệp thần kỳ có thể so sánh được với quyển *Tư bản* của Các Mác. Theo một ý nghĩa nào đó, may ra, việc lần đầu tiên con người tìm ra lửa mới có thể đưa ra để so sánh. Và công lao của Mác, tác giả thiên tài của quyển *Tư bản*, phải xếp ngang với công lao của Prômêtê, vị anh hùng, theo thần thoại cổ Hy Lạp, đã lấy lửa của trời để đưa lại sức sống cho loài người.

Quyển *Tư bản*, nói một cách thông tục, là bó đuốc soi đường cho giai cấp vô sản thế giới, cho cách mạng vô sản thế giới. Từ bó đuốc đó, chiếu ra một ánh sáng chói lọi, vũ trang cho lý trí của giai cấp vô sản bởi một vũ trụ quan khoa học nhất, đúng đắn nhất, hoàn chỉnh nhất, với duy vật biện chứng và duy vật lịch sử - cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa công sản khoa học.

Từ bó đuốc đó, phát ra một sức nóng, một năng lượng phi thường, nó truyền vào trái tim của giai cấp vô sản và những người bị áp bức một sức chiến đấu, một nhuệ khí cách mạng, chấp cánh cho khí thế xung thiên của họ để đánh đổ thế giới cũ và sáng tạo thế giới mới.

Từ bó đuốc đó, tỏa ra một niềm tin tưởng không gì lay chuyển nổi, đó là lòng tin tưởng của giai cấp lịch sử mới - giai cấp vô sản, đối với sứ mạng lịch sử của mình, tin tưởng ở sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

---

* *Nghiên cứu Lịch sử* số 102 tháng 9 - 1967

Nhìn về quá trình tiến hóa của loài người từ cõi bức thiết đến cõi tự do, con người của nhân loại chỉ có hai giai đoạn. Từ thời đại nguyên thủy đến hình thức xã hội có giai cấp cuối cùng - chủ nghĩa tư bản, là giai đoạn mà con người còn ở trong cõi bức thiết. Đó chỉ là tiền sử. Sang thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa là bắt đầu bước vào cõi tự do, vào lịch sử chân chính.

Việc tìm ra lửa là cái chìa khóa mở cửa cho loài người bước vào tiền sử. Học thuyết của Mác trong đó học thuyết kinh tế của Người là cái gốc, được đúc kết trong quyển *Tư bản*, là cái chìa khóa mở cửa cho loài người tiến vào lịch sử chân chính, vào thời đại con người làm chủ lịch sử, làm chủ vũ trụ.

Quyển *Tư bản* là một sự tổng hợp thiên tài lịch sử xã hội loài người. Lịch sử đó được xây dựng nên bởi lao động. Đồng thời đó cũng là lịch sử của những đau khổ của những người lao động, là cái giá mà họ phải trả cho mỗi một bước tiến của lịch sử trước đây. Quá trình tước đoạt những người lao động đã diễn ra bằng xương máu, mồ hôi nước mắt của những người bị tước đoạt. Trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà việc tiếm đoạt giá trị thặng dư là động cơ chủ yếu, và sức lao động biến thành hàng hóa, thì việc tiếm đoạt đạt tới một quy mô chưa từng có. Nó đã trở thành phổ biến, nhờ cách mạng kỹ thuật. Đồng thời, sự phân phối những của cải bị tiếm đoạt ngày càng tập trung. Chủ nghĩa tư bản ngày càng phát triển thì càng bộc lộ tính chất quá đỗ của nó.

Sự mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt đến cực độ trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là giữa tính chất xã hội ngày càng rõ ràng của nền sản xuất và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và quyền tiếm đoạt. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã chín muồi.

"Sự xã hội hóa lao động và tập trung các phương tiện vật chất của lao động đã đi đến chỗ sự xã hội hóa và tập trung

đó không còn có thể nằm trong cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng được nữa, vỏ này phải tung ra từng mảnh. Chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã đến giờ tận số. Đến lượt kẻ đi tước đoạt lại bị tước đoạt"[1]

Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản chỉ mất những xiềng xích của mình và có tất cả mọi cái để xây dựng cả một thế giới, và trước hết là chấm dứt nhanh chóng những đau khổ của mình và của cả loài người. Thiên trường hận ca của nhân loại chấm dứt. Thiên anh hùng ca của họ bắt đầu.

"Muốn biến tài sản tư hữu và phân tán đối tượng lao động cá nhân là phải tốn nhiều thời gian, nhiều cố gắng và gian khổ hơn là biến tài sản tư bản chủ nghĩa là tài sản thực ra đã dựa trên một phương thức sản xuất tập thể, thành tài sản xã hội. Một đằng, là vấn đề một số ít kẻ tiếm đoạt quần chúng, một đằng lại là quần chúng tước đoạt một số ít kẻ tiếm đoạt"[2]

Bó đuốc mà Mác nhen lên giúp cho giai cấp vô sản chóng xua tan những bóng tối của đêm dài đằng đẵng đầy ác mộng, và dẫn họ tới một mùa xuân vô tận, tới thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

Quyển *Tư bản* cũng như toàn bộ học thuyết của Mác đưa chúng ta tới nhận thức rằng chủ nghĩa tư bản nhất định bị diệt vong và chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi. Quyển *Tư bản* cũng như toàn bộ học thuyết của Mác, đưa chúng ta tới nhận thức về sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản, *là kẻ đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và là kẻ sáng tạo kỷ nguyên mới của lịch sử* - chủ nghĩa cộng sản. Quyển *Tư bản*, cũng như toàn bộ học thuyết của Mác, đưa chúng ta tới nhận thức rằng bí quyết thành công của cách mạng vô sản là *tính thân đoàn kết, nhất trí của giai cấp vô sản toàn thế giới*.

---

1 Các Mác – *Tư bản* quyển 1 tập 3, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 289

2 Các Mác – *Tư bản* quyển 1 tập 3 Nxb Sự thật Hà Nội 1963, tr 290

"Vô sản tất cả các nước liên hiệp lại!"

Trong một trăm năm qua, từ ngày quyển *Tư bản* ra đời đến nay, tư tưởng của chủ nghĩa xã hội mà quyển *Tư bản* là hạt nhân, đã tranh thủ mỗi ngày thêm hàng triệu khối óc và trái tim mới trên khắp địa cầu, không những giai cấp vô sản mà cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới

Từ nó, học thuyết đó có một sức mạnh vô địch, bởi vì nó phản ánh một cách đầy đủ nhất, trung thực nhất thực tế, cuộc sống, sự vận động của thế giới Nó không chỉ giải thích mà còn và chủ yếu là cải tạo thế giới

Cả về lý trí và tình cảm, nó đáp ứng những ý nghĩ và ước mơ của những bộ óc sáng suốt và những trái tim đầy nhiệt huyết của tất cả các thời đại.

Trong lịch sử đấu tranh tư tưởng từ xưa đến nay, từ Tây sang Đông chưa một học thuyết nào bị phe báo thù và phản động "phê phán", "bác bỏ", đả kích dữ dội như học thuyết của Mác Nhưng từ xưa đến nay, từ Tây sang Đông cũng chưa có một học thuyết nào bị "phê phán", "bác bỏ", đả kích dữ dội thì cái chân lý mà nó chứa đựng càng tỏa ra sáng ngời như học thuyết của Mác Là vì học thuyết của Mác là sản phẩm của lịch sử, theo ý nghĩa toàn diện nhất của nó, là tinh hoa của khối óc và trái tim của giai cấp tiên tiến nhất của xã hội hiện đại - giai cấp vô sản Học thuyết của Mác là ngọn cờ bách chiến bách thắng của giai cấp vô sản.

Cũng có lúc, trong một thời gian nào đó, bằng những thủ đoạn đê hèn, gian lận, tráo trở, lường gạt, giai cấp tư sản mua chuộc để chia rẽ giai cấp công nhân và đầu độc hàng ngũ họ bằng chủ nghĩa cơ hội Nhưng đó chỉ là đám mây đen, chỉ che được trong một lúc ánh sáng mặt trời Nó không ngăn cản nổi khí thế chiến thắng của tư tưởng Mác

Điều đó đã bắt buộc kẻ thù của chủ nghĩa Mác đi từ ngụy trang này đến ngụy trang khác để chống đỡ trước sự tấn

công của học thuyết Mác, như tung ra những "thuyết" nào là "tư bản chủ nghĩa nhân dân", nào là "chủ nghĩa công sản dân tộc", v v Khi ở châu Âu, cái bóng ma của chủ nghĩa công sản mới hiện ra, thì "có phải đối lập nào mà lại không bị bọn thù địch của mình đang nắm chính quyền buộc tội cho là công sản? Có phải đối lập nào đến lượt mình lại không ném trả lại cho bọn thù địch của mình thuộc phái tả hay phái hữu cái lời buộc tội nhục nhã là công sản?"

Ngày nay, trong thời đại suy sụp của chủ nghĩa tư bản và cách mạng vô sản thắng lợi, thì ngược lại, chủ nghĩa phát xít của Hítle, công cụ đẫm máu của tư bản độc quyền Đức, đề lên nắm chính quyền đã không hò hét "chống chu nghĩa tư bản", đã không tư xưng là đảng quốc gia "xã hội" đó sao? Tên trùm đế quốc xâm lược nhất, tan bạo nhất ngày nay, kẻ thù số một của cả loài người - đế quốc Mỹ, không vỗ ngực là "chống chủ nghĩa thực dân" đó sao? Bọn tư bản độc quyền Mỹ, đang thực hiện một chính sách phân biệt chủng tộc man rợ đối với người da đen ngay ở nước Mỹ và đang tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược diệt chủng đầy tội ác ở Việt Nam, không ngớt huyênh hoang là nó bảo vệ "quyền tự quyết của các dân tộc đo sao?

Những thắng lợi ngày càng lớn của tư tưởng Mác trong một trăm năm qua đã dồn chủ nghĩa tư bản vào thế phòng ngự Còn tư tưởng của Mác càng chiến đấu càng mạnh, càng qua nhiều thử thách càng thăng to Sự thực đó đã được chứng minh một cách đanh thép trong 50 năm qua

Sang đầu thế kỷ XX, học thuyết của Mác được học thuyết của Lênin kế tục và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử mới, chủ nghĩa bônsêvích xuất hiện như là lý luận và thực tiễn của cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản Xuất phát từ lý luận của Mác về sản xuất tư bản chủ nghĩa với sự mâu thuẫn cơ bản của nó, và dựa trên thực tiễn của

sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn mới - tư tưởng lũng đoạn, Lênin đã xây dựng nên lý luận về chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản Xuất phát từ học thuyết của Mác về cách mạng vô sản - nó là sự quy nạp tất nhiên của học thuyết kinh tế của Người, và dựa trên thực tiễn giai cấp đấu tranh và phong trào công nhân quốc tế, cũng như phong trào giải phóng dân tộc trong hoàn cảnh lịch sử mới Lênin đã hoàn chỉnh lý luận cách mạng vô sản, trong đó có hai điểm cơ bản nhất Một là, giai cấp vô sản có thể chọc thủng trước tiên khâu yếu nhất của sợi dây xiềng đế quốc chủ nghĩa, cách mạng vô sản có thể thành công và có thể xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội trước tiên ở một nước riêng lẻ, hai là, trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc là bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới, và có thể thắng lợi được Bí quyết của thắng lợi của giai cấp vô sản và của các dân tộc bị áp bức là

Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, liên hiệp lại!

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người

Năm mươi năm sau từ ngày xuất bản quyển *Tư bản*, đó là cuộc thắng lợi huy hoàng và toàn vẹn nhất, một sự chứng minh rực rỡ nhất cho sự đúng đắn tuyệt đối và sức sống phi thường của học thuyết của Mác Bởi vì đó không phải chỉ là một thắng lợi về mặt lý luận, tư tưởng, đối với thế giới cũ, mà nó còn là một đòn tấn công trực tiếp, sấm sét, vào hệ thống tư bản chủ nghĩa, đã đập nát thế giới cũ trên một phần sáu trái đất, và đặt ở đấy nền tảng đầu tiên của thế giới mới, theo tinh thần và khái niệm của những vị kiến trúc sư đầu tiên của nó - Mác và Ăngghen Nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên địa cầu đi vào lịch sử như là ngọn hải đăng cho cả nhân loại, như là trang đầu của thời đại mới - thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi

Năm mươi năm sau từ ngày Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi, sự sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc càng nhanh chóng, cuộc tấn công của lực lượng cách mạng thế giới càng mãnh liệt và liên tục, đưa lại những thắng lợi lịch sử mới của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mười ba nước hoàn toàn thoát khỏi ách của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân, chiếm một phần ba trái đất, với hơn 1 000 triệu dân và rải ra trên ba đại lục - Âu, Á, Mỹ la tinh, tạo thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Gần một trăm nước thuộc địa cũ đã giành lại độc lập. Bão táp cách mạng đang gầm thét ở ba châu Á, Phi, Mỹ la tinh. Cuộc đấu tranh xã hội lôi cuốn hàng triệu công nhân ở những nước tư bản phát triển nhất - Mỹ, Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Y, Hà Lan, đòi cơm áo, dân chủ, hòa bình. Hàng triệu người da đen nổi dậy chống chính sách phân biệt chủng tộc trong hai phần ba nước Mỹ. Toàn thế giới lên án chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, nhiệt liệt ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Nhân dân thế giới lên án bọn phản động Ixraen, tay sai của Mỹ, xâm lược các nước Ảrập. Trên thế giới có ngót 90 Đảng Cộng sản và công nhân, với trên 40 triệu đảng viên.

Một trăm năm sau ngày xuất bản quyển *Tư bản*, chúng ta đang sống trong

"*Thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới*"[1]

Gần một trăm năm bị đè nặng dưới ách của chủ nghĩa

1 Tuyên bố của hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân tại Matxcơva tháng 11 - 1960

thực dân nhân dân Việt Nam đã sống trong cái địa ngục rùng rợn giống hệt như chế độ thuộc địa ở thời kỳ tích lũy nguyên thủy mà Mác đã mô tả một cách hiện thực, sinh động và với một lòng phẫn nộ sâu sắc trong quyển *Tư bản*

"Những điều dã man và tàn ác đáng nguyền rủa mà những chúng tộc gọi là theo đạo Thiên Chúa đã phạm trong tất cả các vùng trên thế giới và chống tất cả các dân tộc mà chúng khuất phục được không thể so sánh được với bất kỳ một thời đại nào trong lịch sử thế giới, ở bất cứ một chủng tộc nào, dù là man rợ, thô bạo vô nhân đạo và vô liêm sỉ đến đâu đi nữa"[1]

Cũng trong gần 100 năm đó, nhân dân Việt Nam đã đấu tranh liên tục, kiên cường, anh dũng chống áp bức thuộc địa, để tự giải phóng cho mình, ghi thêm những trang chói lọi vào pho sử quật cường trên 4 000 năm của dân tộc Việt Nam Nhưng, cho đến Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, cuộc đấu tranh đó chưa bẻ gãy được xiềng xích nô lệ cho dân tộc Việt Nam, bởi vì cách mạng còn thiếu một đường lối đúng đắn

Vì thế nên, mặc dầu vào lúc Cách mạng tháng Mười nổ ra, giai cấp công nhân Việt Nam mới hình thành, còn nhỏ bé, và chưa có truyền thống của một phong trào công nhân như ở các nước Âu - Mỹ, tiếng súng tháng Mười đã vang dội đến tận góc trời Việt Nam xa xôi

Những người công sản Việt Nam đầu tiên, đứng đầu là nhà lãnh tụ lão thành của cách mạng Việt Nam Nguyễn Ái Quốc, tức là Chủ tịch Hồ Chí Minh bây giờ, ngay từ đầu đã tiếp thu đúng đắn tư tưởng Mác - Lênin nói chung, về cách mạng thuộc địa nói riêng, và đã vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng ấy vào thực tế Việt Nam Năm 1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết:

---

1 Lời của William Howitt do Mác trích trong quyển *Colonisation and Christianity A Popular history of the treatement of the natives by the Europeans in their colonies Tư bản*, (Bản tiếng Pháp), quyển I, tập 3, tr 194

"Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"[1]

Để cho tư tưởng Mác - Lênin chiến thắng và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thắng lợi, những người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã phấn đấu bền bỉ, anh dũng để thực hiện ba điểm

1. Tổ chức quần chúng công nhân, nông dân và nhân dân lao động đấu tranh chống áp bức thuộc địa và phong kiến, và qua cuộc đấu tranh đó, phổ biến rộng rãi học thuyết Mác - Lênin

2. Làm cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam liên hệ chặt chẽ với phong trào công nhân các nước tư bản, trước hết là với phong trào công nhân Pháp và với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, trước hết là cách mạng Trung Quốc và phong trào giải phóng của các thuộc địa Pháp

3. Phấn đấu thành lập đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, để lãnh đạo cách mạng Việt Nam

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời. Trong *Luận cương chính trị* của Đảng đã nêu rõ là cách mạng Việt Nam phải giải quyết hai nhiệm vụ có quan hệ mật thiết với nhau, là đánh đổ ách của chủ nghĩa đế quốc và chế độ áp bức phong kiến, và giành được độc lập. Việt Nam sẽ không kinh qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Nhờ ngay từ đầu, có một lập trường dứt khoát, đường lối đúng đắn như vậy, hợp với thời đại và hợp với nhu cầu phát

1 *Con đường dẫn tới chủ nghĩa Lênin*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr 11

triển của dân tộc Việt Nam, và tinh thần đấu tranh bền bỉ, dũng cảm, bất khuất, bất chấp mọi hy sinh gian khổ của những người công sản, mà Đảng đã giành được về tay giai cấp công nhân quyền lãnh đạo cách mang Việt Nam

Và từ đó một phong trào đấu tranh cách mang nổi lên như vũ bão trong cả nước, xưa nay chưa từng có trong lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, lôi cuốn hàng triệu công nhân, nông dân và nhân dân lao động Thừa thắng tiến lên, đến tháng 9 - 1930, phong trào đã đưa đến sư thành lập chính quyền Xô viết ở một số huyện trong hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Vì sự so sánh lực lượng lúc bấy giờ giữa cách mang và phản cách mang chưa có lợi cho cách mang, vả lai quy mô của chính quyền Xô viết còn nhỏ hẹp, Xô viết chỉ tồn tại trong mấy tháng Song, bản thân việc xuất hiện Xô viết ở Việt Nam đầu những năm 30 có một ý nghĩa quan trong

Trước hết, nó nói lên rằng cách mang Việt Nam dứt khoát đi theo con đường của giai cấp vô sản, con đường mà Mác và Lênin đã chỉ ra; con đường duy nhất hợp với thời đai và hợp với nhu cầu phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam. Hai, nó nói lên tinh thần anh dũng, khí thế xung thiên của giai cấp vô sản Việt Nam - bô phân của giai cấp vô sản thế giới, tinh thần mà Mác và sau đó, là Lênin, luôn luôn giáo duc cho giai cấp vô sản. Ba, nó nói lên ý thức và lòng tin tưởng của giai cấp công nhân Việt Nam ở sứ mang lịch sử của mình và tính tất thắng của sư nghiệp của mình Sau cùng là giai cấp công nhân Việt Nam được cổ vũ bởi tấm gương chói loi của giai cấp vô sản Nga, đã chiến thắng và làm chủ trên một phần sáu địa cầu

Ở một nước thuộc địa kém phát triển, giai cấp công nhân còn trẻ và nhỏ. Đảng của mình chỉ vừa mới thành lập, mà đã kéo được nông dân theo mình, lập khối liên minh với giai cấp này và giành được về tay mình quyền lãnh đạo cách

mang, đó là một nhân tố xây dựng đối với phong trào công sản quốc tế trong những năm 30 Mặt khác, nó nói lên rằng tư tưởng Mác - Lênin hoàn toàn có thể áp dụng cho những nước kém phát triển như Việt Nam, nghĩa là trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa có thể thắng lợi

Tiếp thu và vận dụng tư tưởng Mác - Lênin vào điều kiện của nước mình, những người công sản Việt Nam đã đặc biệt chú ý tu dưỡng cho mình những đức tính của những chiến sĩ của Đảng kiểu mới, Mácxít - Lêninnít, nó làm cho Đảng giữ được tính chủ động trong bất cứ tình huống nào để đi đến thắng lợi Đó là một, lòng trung thành tuyệt đối đối với cách mạng, cụ thể là đường lối của cách mạng Việt Nam - nó là kết tinh của sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam Hai, giữ vững và không ngừng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, là nhân tố cơ bản để tăng cường khối liên minh công nông và khối đoàn kết toàn dân Ba, là tăng cường quan hệ mật thiết với quần chúng Bốn, là luôn luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản

Nhờ vậy, mặc dầu phong trào 1930 - 1931, nhất là từ khi xuất hiện chính quyền Xô viết, chịu đựng một cuộc khủng bố mà quy mô và tính dã man không kém những tội ác đẫm máu của Hítle, Đảng vẫn sống, vẫn hoạt động Chỉ 2,3 năm sau, Đảng đã khôi phục lại đội ngũ để đứng ra lãnh đạo cao trào cách mạng mới trong thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 - 1939, mà tính chất là phù hợp với tinh thần của Đại hội thứ 7 của Quốc tế Công sản

Những người công sản Việt Nam đã sử dụng những khả năng nửa hợp pháp mà phong trào đó đã giành được để phổ biến càng sâu rộng trong quần chúng nhân dân tư tưởng Mác - Lênin, nâng cao tinh thần phấn đấu cách mạng của họ và ý chí quyết tâm giành độc lập và tự do, tăng cường

giáo duc ho theo tinh thần đoàn kết với Liên Xô, với phong trào Măt trân nhân dân Pháp, Tây Ban Nha, ủng hô giai cấp công nhân Đức chống phát xít Hítle, chống nguy cơ chiến tranh, ủng hô nhân dân Trung Quốc kháng Nhât, v v

Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, môt cuôc khủng bố dữ dội lai buôc Đảng Công sản Đông Dương đi vào bí mật Cuộc thử thách này không làm lung lay ý chí của Đảng giành đôc lập cho dân tôc Trái lai, thấy ở sư kiên đó là môt sư bùng nổ của những mâu thuẫn cực kỳ sâu sắc giữa các tập đoàn đế quốc và môt hoàn cảnh khách quan thuân lơi cho cuôc đấu tranh cách mang của nhân dân giành đôc lập dân tôc, Đảng đã tích cực chuẩn bi cho quần chúng tiến tới cuôc đấu tranh quyết liệt đánh đổ ách của chủ nghĩa thực dân

Sư thay đổi tính chất của chiến tranh bởi sư tấn công của phát xít Hítle vào Liên Xô, viêc phát xít Nhât xâm chiếm Đông Dương và hất cẳng thực dân Pháp, lai càng tăng cường lòng tin tưởng và quyết tâm của những người công sản Việt Nam thực hiên đường lối cách mang của mình và bằng những biên pháp cách mang - nhân dân tư tay mình giành giải phóng cho mình bằng môt cuôc tổng khởi nghĩa vũ trang

Liên Xô và phe dân chủ thắng lợi, khối phát xít đầu hàng Thời cơ thuận lơi mà Đảng Công sản Đông Dương nhìn thấy trước và đã chuẩn bi sẵn sàng để nghênh tiếp đã đến. Cách mang tháng Tám năm 1945 nổ ra, ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhât bi đánh đổ. Chính quyền về tay nhân dân Nước Việt Nam dân chủ công hòa ra đời. Lần đầu, môt dân tôc thuôc đia, dưới sư lãnh đao của giai cấp công nhân đã tư giải phóng cho mình Đó là môt biểu hiên danh thép của sư đúng đắn của hoc thuyết Mác - Lênin về cách mang thuôc đia Môt măt khác, chế đô dân chủ nhân dân thành lập ở Việt Nam nói lên ý chí của nhân dân Việt Nam theo con đường xã hôi chủ nghĩa, và là môt sư đóng góp tích cực, chủ đông, vào viêc mở rông và tăng

cường hệ thống xã hội chu nghĩa thế giới, được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai, và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là tiền đồn ở phía Đông

Nắm vững thời cơ thuận lợi để tự giải phóng mình, nhân dân Việt Nam đã ở vào thế chủ động và tỏ ra có một trình độ chín muồi chính trị cao

Lúc đó Việt Nam trong thực tế ở vào tình trạng bị bao vây - Liên Xô ở xa và vừa mới ra khỏi chiến tranh, lại còn bận rộn ở Đông Âu Trung Quốc còn ở dưới ách của Tưởng Giới Thạch và cố Mỹ kiểm soát Cách mạng tháng Tám thành công không bao lâu thì quân đồng minh đế quốc Anh, Mỹ - và tay sai của chúng là quân Tưởng, vào Việt Nam dưới quyền kiểm soát của chúng Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định rằng Một, sự so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi thế giới căn bản đã thay đổi có lợi cho cách mạng Hai, nhân dân Việt Nam đã đánh đổ được ách thống trị gần một trăm năm của chế độ thực dân, điều đó cổ vũ và động viên họ hăng hái chiến đấu để bảo vệ độc lập dân tộc và chế độ dân chủ đã giành được

Vì vậy, tất cả những âm mưu và áp lực của bọn đế quốc về quân sự, chính trị, khiêu khích, chia rẽ, v v. đều đã thất bại

Tinh thần chủ động trong việc chuẩn bị và giành thắng lợi cho Cách mạng tháng Tám, trong việc đánh bại âm mưu của bọn "đồng minh" đế quốc định bóp chết nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khi còn trong trứng nước, đã được giữ vững và phát huy khi đế quốc Pháp, có sự đồng tình và giúp đỡ của bọn đế quốc Anh - Mỹ, mở chiến tranh xâm lược ra cả nước Việt Nam, hòng bắt nhân dân Việt Nam, trở lại làm nô lệ cho chúng

Thà chết chứ không chịu làm nô lệ, nhân dân Việt Nam kiên quyết chống lại bọn xâm lược, mặc dầu về vật chất và quân sự, bọn xâm lược hơn hẳn nhân dân Việt Nam

Từ cuộc kháng chiến bắt đầu, năm 1946, cho đến khi Cách mạng Trung Quốc thành công, và Việt Nam có biên giới liền với phe xã hội chủ nghĩa, năm 1950, trong 4 năm, nhân dân Việt Nam đã chiến đấu đơn thương độc mã

Dựa trên tư tưởng quân sự của Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm của Liên Xô trong thời kỳ chống can thiệp vũ trang của bọn đế quốc, nội chiến và trong chiến tranh chống Hítle, và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc chống Nhật, trên tinh thần tự lực cánh sinh là chính và phát huy khả năng to lớn của chiến tranh nhân dân, sau 8 năm, Việt Nam đã chiến thắng đế quốc Pháp Đó là một thắng lợi lớn của cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa đối với chủ nghĩa đế quốc Cũng là một thắng lợi của hệ thống xã hội chủ nghĩa đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa.

* *
*

Cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp cho thấy rằng trong khi chiến đấu với một kẻ thù, mặc dầu nó mạnh hơn mình gấp bội về mặt vật chất và kỹ thuật, và trong những điều kiện rất chật vật, vẫn có thể tự tạo ra cho mình những tiến bộ về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội Vì cuộc kháng chiến đó vừa là để bảo vệ độc lập dân tộc, vừa để tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội

Xây dựng cho chiến đấu, đẩy mạnh xây dựng để hỗ trợ cho chiến đấu dẻo dai và sớm kết thúc chiến tranh một cách thắng lợi, đó là quy luật của một cuộc chiến tranh trong đó phương châm chiến lược là lấy yếu đánh mạnh, lấy quan niệm chiến tranh lâu dài chống lại quan niệm đánh nhanh và thắng nhanh của bọn đế quốc Và trong thời đại này, với sự so sánh lực lượng mới trên thế giới giữa các nước xã hội chủ nghĩa và bọn đế quốc, với yêu cầu và khả năng phát triển của cách mạng Việt Nam, thời chỉ có xây dựng theo phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội, theo đường

lối Mác - Lênin mới tạo những khả năng giành thắng lợi cho kháng chiến và giữ vững độc lập

Tiến hành từng bước cải cách ruộng đất, trên cơ sở đó, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, là nền tảng của kinh tế Việt Nam, đặt nền móng cho một nền công nghiệp quốc gia nhằm phục vụ nhu cầu quốc phòng và đời sống của nhân dân là chính, xây dựng một hệ thống tiền tệ riêng của mình, phát triển giáo dục, nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, đào tạo một đội ngũ trí thức của nhân dân, thực hành tiết kiệm, chống đầu cơ tích trữ, chợ đen, bao vây kinh tế địch, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, lấy phong trào thi đua yêu nước làm động cơ để nâng cao giác ngộ chính trị tinh thần chiến đấu, tích cực sản xuất, và tăng hiệu suất trong công tác trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân

Nhờ vậy mà Việt Nam đã kiên trì thắng lợi cuộc chiến tranh yêu nước chống Pháp trong những năm còn phải chiến đấu một mình và tay không, và khi có sự giúp đỡ của bên ngoài, thì có thể sử dụng được tốt sự giúp đỡ ấy để tạo thêm điều kiện cho kháng chiến kết thúc thắng lợi Từ năm 1950, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có biên giới với các nước xã hội chủ nghĩa và chính thực trở nên một thành viên của gia đình xã hội chủ nghĩa thế giới

Thắng lợi của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp là do ba nhân tố tạo nên lòng yêu nước và tinh thần anh dũng của nhân dân Việt Nam, tinh hơn hẳn của chế độ dân chủ nhân dân, được củng cố và phát triển trong kháng chiến, sự đồng tình và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới

Sau khi hòa bình lập lại, ở Việt Nam, một tình thế chính trị mới đã nảy ra Hiệp định Giơnevơ quy định hai miền Nam Bắc tạm chia để dễ cho việc tập kết quân đội của các bên tham chiến - đội quân viễn chinh Pháp và các đơn vị của quân đội nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng

hòa. Sau hai năm, chính quyền hai miền sẽ gặp nhau để thỏa thuận về việc tổ chức tổng tuyển cử để thực hiện thống nhất nước nhà. Nhưng, ngay lúc ấy thì đế quốc Mỹ bắt đầu tư tiên chà đạp lên Hiệp định Giơnevơ, tách miền Nam ra thành một "quốc gia" riêng, đặt dưới chế độ độc tài phát xít của một tập đoàn tay sai của Mỹ.

Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam không chút ngần ngại, tuyên bố dứt khoát rằng vô luận trong tình huống nào, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cũng tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. Mà như vậy cũng là hoàn thành những mục tiêu mà Cách mạng tháng Tám đã đặt ra và đã bắt đầu thực hiện trong 9 năm kháng chiến ở mức này hay mức khác.

Ngoài ra, việc đế quốc Mỹ chà đạp lên Hiệp định Giơnevơ, biến miền Nam thành một thuộc địa kiểu mới, đặt ra một số vấn đề mới. Bám lấy miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ không phải, như nó tuyên bố, để "ngăn ngừa sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản ra Đông Nam châu Á", mà cả để xâm lược miền Bắc Việt Nam, theo chính sách đánh tỉa phe xã hội chủ nghĩa bằng sự tấn công vào chỗ mà nó cho là khâu tương đối yếu của phe đó, dập tắt nền độc lập hoặc phong trào độc lập của các dân tộc khác ở châu Á, và để tạo những điều kiện thuận lợi, một "thế mạnh" để tấn công các nước xã hội chủ nghĩa khác. Việc Mỹ bám vào miền Nam Việt Nam nằm trong các mục tiêu của "chiến lược toàn cầu" của nó là phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa, phá hoại nền độc lập của các dân tộc và phá hoại hòa bình thế giới.

Vì vậy, song song và có quan hệ mật thiết với nhiệm vụ giành độc lập hoàn toàn và thống nhất đất nước, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa còn có nhiệm vụ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Như thế là trong những điều kiện đặc biệt của mình và trong hoàn cảnh quốc tế tuy phức tạp, nhưng căn bản là thuận lợi cho lực lượng

cách mang thế giới, và cũng đê góp phần dánh bai "chiến lươc toàn cầu" của đế quôc Mỹ, Đảng Lao đông Viêt Nam - người lãnh đao cách mang Viêt Nam, có trách nhiêm đối với vân mênh của dân tôc Viêt Nam và cũng có phần trách nhiêm đối với phong trào cách mang và phong trào công sản quốc tế, đã kiên trì giữ vững đường lối chính tri của mình Đảng đã vân dung chủ trương cách mang liên tiếp của Mác - Lênin, thưc hiên có hê thống, triêt dê, sư chuyển biến từ cách mang dân tôc dân chủ sang cách mang xã hôi chủ nghĩa Như vây cũng là thưc hiên tinh thần cách mang tấn công của thời đai, góp phần đánh bai từng bước, từng phần chủ nghĩa đế quốc, các lưc lương phản đông và gây chiến

Nhờ chuyển sang giai đoan cách mang xã hôi chủ nghĩa mà chỉ sáu năm sau chiến tranh kết thúc, từ 1954 đến 1960, nước Viêt Nam dân chủ công hòa đã khôi phuc nhanh chóng môt nền kinh tế vốn đã tiều tuy lai bi 15 năm chiến tranh làm cho kiệt quê, thiết lập nhanh và phổ biến những quan hê sản xuất mới, xã hôi chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân, bắt đầu phát triển môt nền văn hóa giáo duc có tính chất dân tôc và nôi dung xã hôi chủ nghĩa Chế đô người bóc lôt người căn bản bi xóa bỏ Công nhân, nông dân, nhân dân lao đông làm chủ Nhà nước Đời sống cua ho không ngừng dươc cải thiên

Trên cơ sở của những kết quả đat đươc trong thời kỳ khôi phuc kinh tế và cải tao xã hôi chủ nghĩa, Đảng Lao đông Viêt Nam đề ra kế hoach năm năm (1961 - 1965) lần thứ nhất phát triển kinh tế và văn hóa, là kế hoach bước đầu xây dưng chủ nghĩa xã hôi

Viêt Nam vốn là môt nước nông nghiêp lac hâu, công nghiêp chỉ mới phôi thai, cho nên vấn đề công nghiêp hóa xã hôi chủ nghĩa là vấn đề trung tâm của thời kỳ quá đô. Nhưng, ở môt nước như vây, công nghiêp hoá có những đặc tính của nó. Môt mặt phải phát triển công nghiêp, trước hết

là công nghiệp năng, có vai trò chủ đao Mặt khác, nông nghiệp là chỗ dưa của công nghiệp cho nên con đường công nghiệp hóa xã hôi chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam là "Xây dưng một nền kinh tế xã hôi chủ nghĩa cân đối và hiên đai, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, lấy công nghiệp làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp năng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhe, nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lac hâu thành một nước có công nghiệp hiên đai và nông nghiệp hiện đai"[1]

Để thực hiên những mục tiêu đó nhanh và tốt, ở Việt Nam, trong thời kỳ quá độ, phải tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau ba cuộc cách mang - cách mang về quan hê sản xuất, cách mang khoa hoc kỹ thuật và cách mang văn hóa và tư tưởng

Năm 1965, năm cuối của kế hoach 5 năm lần thứ nhất xây dưng chủ nghĩa xã hội ở nước Việt Nam dân chủ công hòa, thì cũng là lúc mà đế quốc Mỹ thực hiên bước "leo thang" mới trong chiến tranh xâm lược của chúng ở Việt Nam - từ chiến tranh đặc biệt nó chuyển sang chiến tranh cuc bộ, đưa 20 van quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam, và mở rộng chiến tranh phá hoai ra miền Bắc bằng không quân và hải quân

Chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở miền Nam Việt Nam bi thất bai thảm hai. Nhân dân miền Nam Việt Nam đã được Cách mang tháng Tám giải phóng khỏi ách thực dân Trong 9 năm[2] kháng chiến, trong vùng giải phóng ho vừa chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, vừa xây dưng chế đô dân chủ nhân dân, thực hiện cải cách ruộng đất, xóa bỏ những tàn tích phong kiến, xây dưng một nền văn hóa mới,

1 Nghị quyết của Đai hôi toan quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam
2 Thực dân Pháp bắt đầu xâm lược miền Nam Việt Nam tháng 9 - 1945, trước khi no mở rông chiến tranh xâm lược ra cả nước

làm chủ ruộng đất và đời sống của mình Rõ ràng đối với những người đã làm chủ đất nước và làm chủ đời sống của mình, bị bắt buộc phải quay trở lại chế độ nô lệ thuộc địa, và bị đặt dưới ách độc tài phát xít đẫm máu, là một điều không thể được Họ đã nổi dậy trong phong trào đồng khởi từ 1959 - 1960 đưa đến sự sụp đổ của tập đoàn phát xít Ngô Đình Diệm tay sai Mỹ Đó là một kỳ công lịch sử của nhân dân miền Nam Việt Nam - hầu như tay không, trước một bộ máy quân sự cảnh sát kinh khủng do Mỹ điều khiển, đánh sụp được cái chế độ do Mỹ nặn ra làm thí điểm cho chính sách thuộc địa kiểu mới Đồng thời, những vùng giải phóng xuất hiện và ngày càng mở rộng theo chế độ nhân dân tự quản Từ đó nhân dân miền Nam liên tiếp tấn công, xây dựng lực lượng chiến đấu, tự vũ trang cho mình bằng cách cướp vũ khí của giặc, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị Chính quyền bù nhìn, và quân đội bù nhìn, là hai cái trụ cột của chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam không ngớt sụp đổ và tan rã, "quốc sách ấp chiến lược" bị đập nát, các tầng lớp nhân dân đô thị nổi lên đấu tranh, đến cả những căn cứ an toàn nhất của Mỹ cũng bị những đòn tấn công sấm sét Như vậy là chiến lược của Mỹ ở Việt Nam đã bị dồn vào thế bị động, chống đỡ Và sau này, dù nó có chuyển sang chiến tranh cục bộ với nửa triệu quân Mỹ và 70 vạn quân ngụy và chư hầu, với một lô vũ khí khổng lồ hiện đại nhất và tăng ngân sách chiến tranh đến 30 tỷ đôla mỗi năm như hiện nay, có tăng cường hơn nữa chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, thì đó cũng chỉ là sự tiếp tục thế bị động trên một quy mô lớn và với một tinh thần tuyệt vọng trong bế tắc, như sự thất bại nặng nề của chúng trong hai chiến dịch mùa khô vừa qua, từ khi chúng chuyển sang chiến tranh cục bộ, đã chứng minh

Tinh thần anh dũng, chí quật cường và óc sáng tạo của nhân dân miền Nam, đối với họ, cũng như đối với cả dân tộc Việt Nam và tất cả các dân tộc trên thế giới, không có gì quí

hơn độc lập tự do, là nguyên nhân căn bản của cuộc kháng chiến thắng lợi của họ chống bọn xâm lược Mỹ. Nhưng có một nhân tố cơ bản nữa tăng cường ý chí quyết chiến và quyết thắng của nhân dân miền Nam, là sự tồn tại của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, những người anh em ruột thịt của nhân dân miền Nam, trên một nửa đất nước, không còn sống cuộc đời nô lệ nữa, không còn bị bóc lột nữa, thực sự làm chủ đất nước, đời sống không ngừng được cải thiện, đó là sự cổ vũ mạnh mẽ đối với cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam. Như vậy là miền Bắc trở thành hậu phương tự nhiên của miền Nam.

Phải chăng đế quốc Mỹ cũng nhìn thấy điều đó? Chúng nhất định nhìn thấy. Âm mưu của chúng định tách hẳn miền Nam ra làm một thuộc địa kiểu mới là cốt để dựng lên một hàng rào chống lại ảnh hưởng đó. Nhưng không những chúng không ngăn cản nổi, mà ngược lại, ảnh hưởng đó, trong khi miền Bắc xã hội chủ nghĩa ngày càng củng cố, càng phát triển, thì càng tăng lên, càng cổ vũ nhân dân miền Nam chiến đấu càng hăng, càng quyết tâm đánh bại đế quốc Mỹ và tay sai, và giành độc lập, tiến tới thực hiện thống nhất với miền Bắc ruột thịt. Nhân dân miền Nam càng đánh thắng giặc Mỹ, lại cổ vũ lại nhân dân miền Bắc tiến càng mạnh, càng nhanh trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam, cùng với nhiệm vụ giải phóng mình còn có nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc; cùng với nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng miền Bắc, miền Bắc còn có nhiệm vụ giải phóng miền Nam, và cả hai bên đều tiến tới thống nhất nước nhà.

Cũng như tinh thần anh dũng và chí quật cường của họ, sự đoàn kết nhất trí đó của nhân dân hai miền Nam Bắc trong mục tiêu giành và bảo vệ độc lập và tự do, là sức

vô địch làm cho đế quốc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại Vì vậy chúng ta dễ hiểu vì sao đế quốc Mỹ ngày càng điên cuồng tăng cường chiến tranh ở cả hai miền Nhưng tăng cường chừng nào thì lại thua đau chừng nấy, càng bị dồn vào thế bị động, càng tuyệt vọng Điều đó thể hiện rõ ràng trong tình thế hỗn loạn, đầy rẫy mâu thuẫn, tiến thoái lưỡng nan, trong tập đoàn thống trị Mỹ về quan niệm và cách chỉ đạo chiến lược trên chiến trường Việt Nam

Tất cả cái quy mô, những phương tiện vật chất ghê gớm và cái tính tàn bạo mà đế quốc Mỹ phô bày ra trong cuộc chiến tranh cục bộ, xâm lược Việt Nam, chỉ nói lên một điều, là một chế độ mà toà án lịch sử đã lên án, bản án đó là do vị quan toà đầu tiên và cũng là ông thầy đầu tiên của giai cấp vô sản cách mạng thế giới tuyên bố 100 năm trước đây, chế độ đó trong 50 năm nay đang giãy giụa trong cơn hấp hối, không ngăn chặn lại được tiến trình của lịch sử Hai nữa, điều đó nói rằng một dân tộc dù nhỏ, kém phát triển, nhưng đoàn kết nhất trí và chiến đấu vì độc lập và tự do, đó cũng là mục tiêu của tối đại đa số loài người, trong thời đại mà hệ thống xã hội chủ nghĩa có tác dụng quyết định với lịch sử nhân loại, hoàn toàn có thể đánh bại bất cứ bọn đế quốc nào, kể cả đế quốc Mỹ

Nhân dân Việt Nam có thể đánh thắng Mỹ không phải chỉ về mặt chính trị, không phải chỉ vì nhân dân Việt Nam có chính nghĩa Nhân dân Việt Nam có thể hoàn toàn đánh bại Mỹ cả về quân sự như thực tế chiến tranh ở Việt Nam đang mang lại những bằng chứng đanh thép, mà chính kẻ địch cũng phải thừa nhận Nhân dân Việt Nam còn đánh thắng được giặc Mỹ cả về mặt trí tuệ, về mặt trị thức Vì nhân dân Việt Nam có trí tuệ, có trị thức của giai cấp có sứ mạng lịch sử đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản mà học thuyết vô địch của Mác và Lênin là kết tinh

Học thuyết Mác - Lênin là vô địch bởi vì không phải chỉ dạy cho giai cấp vô sản đánh gục kẻ thù, bất cứ nó mạnh đến đâu về vật chất và kỹ thuật. Nó còn dạy cho giai cấp vô sản và các dân tộc xây dựng cái mới, để thêm sức mạnh giành thắng lợi sớm và hoàn toàn. Thắng lợi của miền Bắc Việt Nam trong việc chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ không phải ở chỗ đánh bại được "ưu thế tuyệt đối của không lực Hoa Kỳ", không phải ở chỗ đã bắn rơi trên 2.000 chiếc máy bay Mỹ trên miền Bắc trong hơn 2 năm qua. Thắng lợi đó trước hết và chủ yếu là ở chỗ chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ xâm lược chống miền Bắc với những bước "leo thang" hèn tiếp và ác liệt, không phá hoại nổi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Với sự leo thang điên cuồng của chúng, chúng có thể gây những tổn thương nhất định và những khó khăn tạm thời đối với sự phát triển của miền Bắc, nhưng chúng đã bất lực trong việc ngăn ngừa nhân dân miền Bắc Việt Nam đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chiến tranh, và chiến tranh có thể kéo dài và ngày càng ác liệt, chúng bất lực không ngăn ngừa nổi miền Bắc xã hội chủ nghĩa thực hiện nhiệm vụ của hậu phương lớn và vững chắc đối với tiền tuyến lớn là miền Nam.

Đảng Lao động Việt Nam đã nhận thức rất rõ ràng, hễ chủ nghĩa đế quốc còn tồn tại, thì nền an ninh của thế giới chưa được đảm bảo hoàn toàn, hoà bình thế giới luôn luôn còn bị uy hiếp, nền độc lập luôn luôn còn bị đe doạ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới chưa hết bị chúng tìm cách phá hoại. Nhưng Đảng Lao động Việt Nam cũng nhận thức rằng, tất cả những âm mưu và hành động phá hoại đó của chủ nghĩa đế quốc chỉ biểu hiện chỗ yếu, chỗ bế tắc, và thế phòng ngự của chủ nghĩa đế quốc trong hoàn cảnh khi mà lực lượng xã hội chủ nghĩa và cách mạng thế giới tỏ ra hơn hẳn lực lượng đế quốc và phản động. Mác đã dạy chúng ta không chỉ nhìn cái bề ngoài, mà phải nhìn vào thực chất của

sự vật, ngay khi chủ nghĩa tư bản còn lên như diều, nó cũng đã chứa chấp, tích luỹ cái mầm suy vong và sụp đổ của nó. Huống gì bây giờ, trong thời kỳ nó đang hấp hối, và bị tấn công dồn dập từ phía. Cái mà nó muốn, là gây cho người ta cảm tưởng rằng nó còn mạnh, rất mạnh và bất khả chiến thắng! Điều thứ hai mà nó nhằm, là gây chia rẽ trong lực lượng cách mạng thế giới. Vấn đề là không để cho nó nghỉ ngơi để lấy lại sức, không phải bằng cách tự mình gây chiến tranh lung tung như nó, nhưng không nhân nhượng với nó về những nguyên tắc lớn, về những mục tiêu đấu tranh cơ bản của cả loài người hiện nay - chủ nghĩa xã hội, độc lập, dân chủ, hoà bình, và tập trung mũi nhọn chiến đấu của mình vào chủ nghĩa đế quốc trước hết là đế quốc Mỹ, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội, độc lập, dân chủ và hoà bình.

Vì thế, hơn 10 năm trước đây, khi đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, Đảng Lao động Việt Nam đã chủ trương rằng vô luận trong tình huống nào, nước Việt Nam cũng sẽ tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, Đảng Lao động Việt Nam quyết định miền Bắc vẫn giữ vững và đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh xây dựng thì mới có lực lượng để bảo vệ miền Bắc tốt và giải phóng miền Nam, chiến đấu và sản xuất, hai nhiệm vụ đó gắn bó khăng khít với nhau, hỗ trợ nhau. Chiến đấu giỏi để bảo vệ, xây dựng và xây dựng tốt để tăng sức chiến đấu, dưới hai ngọn cờ đó, nhân dân miền Bắc Việt Nam xông lên trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước hiện nay.

Về quân sự, đế quốc Mỹ tin chắc rằng một tên khổng lồ như nó có thể nuốt chửng được 14 triệu nhân dân miền Nam trên một diện tích nhỏ hơn bang Mixixipi. Thực tế đã và đang chứng minh điều ngược lại. Về kinh tế, đế quốc Mỹ tin chắc rằng với sức tấn công ác liệt của không quân của nó, cái cơ cấu kinh tế còn nhỏ và yếu của 17 triệu nhân dân miền Bắc sẽ nhanh chóng bị sụp đổ. Thì chính một người

Mỹ đã đến miền Bắc Việt Nam vừa rồi trả lời như sau

"Khách đi thăm Bắc Việt Nam thấy rằng mình đang đứng trước những việc hình như hết sức trái ngược nhau. Một trong những việc ấy là nhân dân Việt Nam mạnh vì họ nghèo không một nước giàu có nào, có nền kỹ thuật gồm nhiều mặt và phát triển hơn (so với Bắc Việt Nam) có thể chịu đựng được dưới mức độ trừng phạt như vậy mà vẫn tồn tại

Hơn thế nữa, nhân dân Việt Nam còn đang làm được những việc tốt đẹp hơn, chứ không phải chỉ có tồn tại Nhiều mặt trong đời sống của cả nước đang tiến lên"

(Bài của Felix Greene,
trích đăng trong báo Mỹ *San Francisco Chronicle*, tháng 6 - 1967)

Đó là thực tế khách quan Chúng muốn hủy diệt những công trình công nghiệp mà nhân dân miền Bắc đã xây dựng nên từ ngày hòa bình lập lại ư? Cố nhiên là chúng không phải không thực hiện được đến một mức độ nào đó cái âm mưu đen tối, hèn hạ đó Nhưng chúng cũng phải trả một giá rất đắt, bởi vì những người chủ của những công trình công nghiệp - những người công nhân Việt Nam, tỏ ra một tinh thần anh dũng vô biên trong việc bảo vệ những thành quả của lao động sáng tạo của họ. Hơn hai nghìn máy bay ăn cướp của Mỹ bị tiêu diệt, đó là thành tích chiến đấu của lực lượng vũ trang của quân đội nhân dân Việt Nam, cả của dân quân trong đó có công nhân các xí nghiệp, và nông dân hợp tác xã Vững tay búa chắc tay súng, vững tay cày chắc tay súng, trút tất cả căm thù lên đầu giặc Mỹ xâm lược, đó là những biểu hiện huy hoàng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Việt Nam ngày nay

Nhưng bên cạnh quyết tâm bảo vệ sự nghiệp xây dựng và giáng cho địch những đòn trừng phạt đích đáng, nhân dân miền Bắc còn sáng tạo ra một phương hướng tiếp tục xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học

kỹ thuật hợp với điều kiện của chiến tranh và chiến tranh có thể kéo dài. Phương hướng đó không phải chỉ nhằm đối phó với tình thế trước mắt, chỉ để giải quyết những khó khăn trước mắt do sự phá hoại của địch gây nên, mà còn tạo cơ sở để, sau khi chiến tranh kết thúc, vô luận nó kéo dài đến bao giờ và quy mô của nó thế nào, Việt Nam sẽ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi và nhanh chóng

Một trong những vấn đề trọng tâm của phương hướng đó là đẩy mạnh công cuộc xây dựng ở các địa phương các vùng, nghĩa là thực hiện một cách rộng rãi hơn trước, chủ trương của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam là "Kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ" Những nhận xét của nhà báo Mỹ Felix Greene mà chúng ta đã trích dẫn ở trên, về công cuộc xây dựng ở miền Bắc trong thời chiến, có phần đúng với sự thật

"Họ không cho việc dân thành thị rút về nông thôn như thế là chạy loạn Họ dùng một chữ tương tự như chữ triển khai lại, nghĩa là sơ tán đi để công việc tiến hành có hiệu quả hơn"

Nông nghiệp hiện nay vẫn là ngành chủ yếu trong nền kinh tế Việt Nam, điều đó địch cũng biết Cho nên cùng với việc đánh phá các trung tâm công nghiệp, giặc Mỹ không ngừng tăng cường đánh phá các đê đập, công trình thủy lợi, thả chất độc hóa học để hủy diệt mùa màng Song người nông dân hợp tác xã, cả đến vùng rừng núi, cũng có một lòng quyết tâm như công nhân, từng trị giặc Mỹ gây tội ác Bình thường họ cứ cày cấy, gieo trồng, gặt hái, giặc đến họ chĩa súng vào đầu giặc Họ cũng hạ được một số máy bay Mỹ và bắt sống được giặc lái máy bay Nhưng cái kỳ công lớn của họ, là họ phấn đấu để đạt 5 tấn thóc trên một hécta, năng suất mà chưa nước thuộc địa cũ nào ở Đông Nam Á đạt

tới Hiên nay, có nơi, có hợp tác xã đã đat đươc trên 7 tấn

Môt đối tương chủ yếu của việc đánh phá ác liệt của giặc Mỹ là các đường giao thông vân tải của miền Bắc Làm như vây, không phải như nó nói, là để ngăn chăn miền Bắc tiếp tế cho miền Nam, mà vì giao thông vân tải là mach máu của nền kinh tế Cố nhiên là nó phá hoai ghê gớm, nhưng nó có làm cho miền Bắc bi tắc nghẽn về măt ấy được không? Hãy để môt tờ báo phương Tây *Le Monde* trả lời cho nó

"Những người lái máy bay Mỹ đi ném bom miền Bắc, trong 29 tháng nay, mỗi ngày cứ ném đi ném lai vẫn những cái cầu ấy luôn luôn được xây dưng lai"

(*Le Monde* 21 - 7 - 1967)

Điều đáng chú ý, là mặc dầu tất cả những khó khăn, thiếu thốn, tàn phá, đời sống vât chất của nhân dân vẫn được đảm bảo, giá sinh hoat vẫn được duy trì ở mức trước chiến tranh

Văn hóa, giáo duc, y tế, khoa hoc kỹ thuât phát triển manh hơn trước chiến tranh Trong ngành giáo duc phổ thông, từ 2,9 triêu hoc sinh trong năm hoc 1965 - 1966, đã lên tới 3,5 triêu trong năm hoc 1966 - 1967, ngành đai hoc, từ 26 000 sinh viên, lên đến hơn 40 000 Nhà giữ trẻ, trường mẫu giáo phát triển đến tân các xã, các thôn Săn sóc và bảo vệ thiếu niên nhi đồng, bà me và trẻ em là những nhiệm vu chính trị lớn trong chiến tranh Môt nhiệt tình sáng tác vì sư nghiệp chống Mỹ cứu nước đang thúc đẩy các ngành văn hóa Các nhà máy, các cơ quan, trường hoc, đơn vi bô đôi, các tỉnh, các huyên, thâm chí các hợp tác xã đều có những đoàn văn công của mình Mỗi hợp tác xã có tổ kỹ thuât Chính trong chiến tranh, đã phát đông phong trào "thanh niên tiến quân vào khoa hoc"

Năm nay là năm thứ 23 mà nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước mình Ho đi vào cuộc cham trán trước đây với đế quốc Pháp, và ngày nay với đế quốc Mỹ, như là kẻ chiến thắng Còn chủ nghĩa đế quốc, kể cả tên trùm của nó là đế

quốc Mỹ, là kẻ chiến bại. Vì vậy, nhân dân Việt Nam đang góp phần thực hiện mục tiêu mà Mác đặt ra cho cuộc đời hoạt động cách mạng của mình - là giải phóng nhân loại và cũng đang thực hiện điều mà Lênin đã thấy rõ khi Cách mạng tháng Mười mới thành công, là thắng lợi của Cách mạng vô sản Nga "sẽ chứng tỏ cho các dân tộc phương Đông hiểu rằng, dù họ còn yếu, dù bọn người Âu đi áp bức có vẻ bất khả chiến thắng khi chúng đem dùng vào cuộc đấu tranh mọi cái kỳ diệu của kỹ thuật và của nghệ thuật quân sự, nhưng cuộc chiến tranh cách mạng do các dân tộc bị áp bức đang tiến hành, nếu thực tế thức tỉnh được hàng triệu người lao động và bị bóc lột, thì sẽ đưa lại nhiều khả năng, nhiều cái kỳ lạ khiến cho sự giải phóng các dân tộc phương Đông ngày nay hoàn toàn có thể thực hiện được trong thực tế"

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước, là gắn liền với những thắng lợi lịch sử vĩ đại của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, của phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức và phong trào hòa bình thế giới trong 50 năm qua. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong 23 năm nay là gắn chặt với thắng lợi vĩ đại của tư tưởng Mác - Lênin trên thế giới trong nửa thế kỷ nay.

Tư tưởng Mác - Lênin đã và đang chiến thắng trên phạm vi toàn thế giới. Nhân dân Việt Nam chiến đấu thắng lợi trong một phần tư thế kỷ này, dưới ngọn cờ của Mác - Lênin, nhất định sẽ chiến thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, sẽ xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Đối với nhân dân Việt Nam, cũng như nhân dân thế giới, không có gì quý hơn độc lập và tự do. Giai cấp công nhân và

dân tộc Việt Nam đời đời biết ơn Mác và Lênin đã chỉ cho họ con đường chắc chắn nhất và cấp cho họ một vũ khí kỳ diệu để giành độc lập và tự do, để tự giải phóng mình

CHỦ NGHĨA LÊNIN VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

Năm nay, năm thứ 100 từ ngày sinh Lênin, cũng là năm thứ 40 ngày thành lập Đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam (3 - 2 - 1930) - Đảng Công sản Đông Dương trước kia, ngày nay là Đang Lao đông Việt Nam

Bôn mươi năm tiến dưới ngon cờ cua chu nghĩa Lênin là bốn mươi năm cách mang Việt Nam giành từ thắng lơi nay đến thắng lơi khác Đăc biêt trong một phần tư thế ky nay, Việt Nam đã trở thành một lò lưa cách mang chói loi ơ Đông Nam A Cũng là giai đoan oanh liêt nhất trong hch sư Việt Nam từ xưa đến nay Như Hồ Chu tich nói trong Di chúc cua Người

"Nước ta sẽ có vinh dư lớn là một nước nhỏ mà đã anh dung đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vao phong trao giải phóng dân tôc"

Không ai có thể nghi ngờ rằng vinh dư đó là do Đảng ta, chính đảng duy nhất lãnh đao cách mang Việt Nam trong 40 năm nay, có đường lối đúng đắn và đôc lập, *đương loi macxit - lêninnít*, luôn luôn trung thành với đường lối ây, và phấn đâu cho đường lối ây với một tinh thần dũng cảm và sáng tao hiêm có

Cuôi thê kỷ XIX, Việt Nam, từ một nước đôc lập, biến thành thuôc đia của đê quốc Pháp Nhưng dân tôc Việt Nam là một dân tôc anh hùng, có truyền thống lâu đời chống ngoai xâm Chủ nghĩa yêu nước cua nhân dân Việt Nam đươc bồi đắp hàng nghìn năm trong cuôc đấu tranh kiên

---

* *Nghiên cưu Lich sử* sô 131 thang 3 va thang 4 - 1970

cường, bất khuất vì độc lập, tự do, là một sức mạnh vô địch

Trong hơn 80 năm bị chủ nghĩa thực dân thống trị, chưa bao giờ nhân dân Việt Nam hạ vũ khí trước kẻ áp bức mình Các thế hệ những người yêu nước nối tiếp nhau giương cao ngọn cờ đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, không sợ gian khổ hi sinh, bất chấp sự khủng bố cực kỳ man rợ của kẻ địch Bọn thực dân tuy đã chiếm được Việt Nam, nhưng chưa bao giờ chúng khuất phục được nhân dân Việt Nam.

Nhưng, trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã không mang lại kết quả, nhân dân Việt Nam vẫn quằn quại trong xiềng xích của chế độ nô lệ thuộc địa Cuộc đấu tranh chưa đi tới thắng lợi không phải vì những người cách mạng hồi ấy thiếu quả cảm và quyết tâm, mà vì chưa có một đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn.

Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa vĩ đại đã đưa lại ánh bình minh cho loài người. Đó là ngọn đèn chiếu biển soi đường cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới đi đến thắng lợi

Những người cách mạng Việt Nam đứng đầu là đồng chí Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chủ tịch sau này, và nhân dân Việt Nam, nhiệt liệt chào mừng Cách mạng tháng Mười và Lênin

"Những người cách mạng Việt Nam đã được tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn"[1].

Từ đó cách mạng Việt Nam kiên quyết đi theo đường lối Lênin đã vạch ra, lấy ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin làm ngọn cờ quyết chiến và quyết thắng của mình

1 Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 652

Vì sao mà chủ nghĩa Lênin đã có một sức hấp dẫn kỳ diệu như vậy đối với những người cách mạng Việt Nam và nhân dân Việt Nam?

Trước hết, là vì trong chu nghĩa Lênin, nhân tố đông viên và cổ vũ mạnh mẽ, thức tỉnh nhanh chóng những người bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới là *tinh chiến đấu, tinh thần cách mạng triệt để, và liên tục* Nguyên tắc của Lênm về quyền dân tộc tự quyết, cả quyền thành lập một quốc gia độc lập, hoàn toàn phù hợp với hoài bão, ý chí và phương hướng đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong hàng nghìn năm trước kia cũng như dưới chế đô thực dân Với truyền thông bất khuất sẵn có, trong gần một trăm năm bị chủ nghĩa đế quốc nô dịch, nhân dân Việt Nam không bao giờ chịu đầu hàng, thỏa hiệp với bọn cướp nước, không bao giờ nghĩ rằng mình có thể thoát khỏi xiềng xích nô lê bằng con đường nào khác, ngoài con đường đấu tranh cách mạng kiên quyết Việt Nam là một nước thuộc địa, còn nhiều tàn dư phong kiến Trong hàng nghìn năm, nền thống trị phong kiến đã đưa lại cho nhân dân Việt Nam vô vàn đau khổ Nông dân Việt Nam đã liên tục và quyết liệt đấu tranh chống giai cấp phong kiến Dưới chế đô thực dân, bọn phong kiến câu kết với bọn đế quốc để bóc lột nhân dân đến tận xương tủy

Vì vậy, nhân dân Việt Nam hoàn toàn tiếp thu đường lối cách mạng giải phóng thuộc địa của Lênin, gắn chặt hai nhiệm vụ phản đế và phản phong - đánh đổ ách thực dân, đồng thời đánh đổ ách phong kiến, coi đó là đường lối duy nhất đúng đối với cách mạng Việt Nam

Hai là, Lênin dạy rằng *sự nghiệp giải phóng những người lao động là công việc của chính những người lao động,* và, yếu tố cơ bản để cho cách mạng thắng lợi là khối liên minh giữa hai giai cấp - công nhân và nông dân Thực tế Việt Nam đã chứng minh một cách đanh thép lời chỉ giáo ấy Trong lịch sử 4 000 năm dựng nước và giữ nước

của Việt Nam, trong sản xuất và trong chiến đấu, nhân dân luôn luôn đóng vai trò chủ đông Cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc đi liền với cuộc đấu tranh giành tự do cho nhân dân Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và tập đoàn phong kiến thống trị lúc ấy sớm đầu hàng trước kẻ thù, nhân dân tự đông cầm vũ khí khắp nơi và liên tục nổi dây chống bon cướp nước Sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân đã làm cho chúng phải mất hơn 30 năm mới chiếm được cả nước Việt Nam Dưới ách thực dân Pháp, công nhân và nông dân chiếm 95% dân số, là hai thành phần bị áp bức và bị bóc lột hơn hết Ho cũng là những tầng lớp có tiềm lực cách mang lớn nhất, có tinh thần chiến đấu dẻo dai và cao nhất Được giác ngộ và tổ chức, ho có thể làm nên những sự nghiệp kỳ diệu, đánh thắng bất kỳ tên đế quốc nào, và xây dưng cho mình đời sống no ấm, tự do, hanh phúc Chủ nghĩa Lênin đã tăng cường lòng tin tưởng của nhân dân lao đông Việt Nam ở lực lương của ho trong cuộc đấu tranh vì đốc lập và tự do

Ba là, lời kêu goi của Lênin *"Giai cấp vô sản và các dân tộc bi áp bức toàn thế giới, đoàn kết lai!"* được nhân dân Việt Nam hưởng ứng nhiệt liệt Chủ trương của Lênin trong thời đai ngày nay, cách mang giải phóng dân tộc thuộc đia là bô phân của cách mang vô sản thế giới, đã cổ vũ nhân dân Việt Nam rất manh Nó làm cho cách mang Việt Nam không bi lẻ loi mà còn thêm sức manh Mặt khác, nó nâng cao đia vi quốc tế của cách mang Việt Nam, làm cho nó có thể góp phần vào sự nghiệp giải phóng chung của nhân loai, chủ nghĩa quốc tế vô sản là một sức manh to lớn bảo đảm cho cách mang đi đến thắng lơi Trong thời kỳ trước chiến tranh lần thứ nhất, những người cách mang và những tổ chức yêu nước hồi ấy cũng đã để ý đi tìm ban đồng minh ở ngoài cho công cuộc giải phóng đất nước Song, một là vì lập trường giai cấp của ho, hai là vì nhân thức chính trị còn non, chưa hiểu được tất cả sự phức tap của hoàn cảnh lịch sử mới,

cho nên không phân biệt được ban thù, và việc đi tìm ban đồng minh đã không có kết quả

Có gì cổ vũ nhân dân Việt Nam hơn ý thức rằng mình là một đội ngũ của loài người tiến bộ, là một thành viên của mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập, tự do, và sự nghiệp giải phóng của mình được cả loài người tiến bộ ủng hộ

Bốn là, Lênin đã mở ra trước nhân dân Việt Nam những chân trời lịch sử sáng lạn và bao la *có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội* Dân tộc Việt Nam không những là một dân tộc anh hùng, mà còn là một dân tộc có một sức sáng tạo to lớn Cách đây mấy nghìn năm, Việt Nam đã tự tạo nên cho mình một nền văn hóa phong phú và độc đáo Lòng tự hào dân tộc, ý thức dân tộc và năng lực sáng tạo của nhân dân Việt Nam đã làm cho Việt Nam chiến thắng những kẻ ngoại xâm mạnh nhất của các thời đại lịch sử ấy Sau mỗi cơn thử thách như vậy Việt Nam lại trở nên vững vàng, mạnh mẽ hơn trước Nhưng, vì bên trong, bị bọn phong kiến áp bức nặng nề, cộng với những âm mưu xâm lược và thôn tính của bọn phong kiến bên ngoài luôn luôn đe dọa sự sống còn của dân tộc, cho nên Việt Nam đã không phát huy được những truyền thống tốt đẹp và những giá trị cao quý cái bản sắc tươi sáng của mình

Chế độ thuộc địa đã bắt buộc nhân dân Việt Nam làm đối tượng của sự cướp bóc, bóc lột của bọn thực dân Thậm chí tên tuổi của Việt Nam cũng bị gạch khỏi bản đồ thế giới Chủ nghĩa thực dân là sự tiếp tục dưới hình thức trắng trợn và man rợ nhất chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa Thực tế đau khổ và lịch sử đặt ra trước nhân dân Việt Nam con đường rõ ràng không phải quay về quá khứ, mà tiến thẳng vào tương lai

Trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên phạm vi thế giới, dưới một chế độ bên trong thật sự độc

lập và dân chủ, được sự hợp tác và giúp đỡ của loài người tiến bộ, Việt Nam không những có thể tiếp tục mà còn phát huy đến mức cao nhất những đức tính ưu việt của mình, và có phần đóng góp tích cực vào nền văn minh thế giới Vì vậy, Hồ Chủ tịch đã nói

"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa công sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lê chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản"[1]

Năm là, và đây là điều quan trọng hơn hết, Lênin dạy cho giai cấp công nhân thế giới và các dân tộc bị áp bức rằng muốn cho cách mạng thắng lợi thì điều kiện quyết định là giai cấp công nhân phải có *Đảng kiểu mới của mình - Đảng mácxít - lêninnít* để lãnh đạo cách mạng Đồng thời với những người bạn chiến đấu và chiến sĩ cách mạng vô sản quốc tế lão thành, gần gũi nhất với Người, Lênin đã thành lập Quốc tế Cộng sản để thống nhất và lãnh đạo phong trào công sản quốc tế

*

Ở Việt Nam, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đã có hoàn cảnh thuận lợi để cho phong trào công sản nảy sinh và phát triển nhanh chóng Giai cấp công nhân Việt Nam chưa hề có tổ chức chính trị của mình Hàng ngũ của họ cũng chưa bị nhiễm độc bởi những tư tưởng cải lương, xét lại, vì ở thuộc địa không có cơ sở xã hội cho chủ nghĩa cơ hội, không có lớp công nhân quý tộc Chủ nghĩa quốc gia tư sản cũng

1 Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 794

chưa thâm nhập vào họ. Giai cấp công nhân Việt Nam lúc đó tuy còn non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm đấu tranh và tổ chức, nhưng lại có tinh thần chiến đấu cách mạng rất cao. Họ kế thừa những truyền thống bất khuất của một dân tộc anh hùng. Họ ra đời sớm hơn giai cấp tư sản dân tộc. Những năm đầu thế kỷ XX, trước chiến tranh, họ đã bắt đầu đấu tranh cho quyền lợi của mình. Điều rất quan trọng là trước khi ở trong nước, Đảng Công sản chính thức thành lập, giai cấp công nhân Việt Nam *thông qua những đại diện ưu tú nhất của mình - những người công sản Việt Nam đầu tiên, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Ai Quốc, đã tích cực tham gia phong trao Công sản quốc tê*. Hồ Chủ tịch là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và của giai cấp công nhân Việt Nam, đồng thời là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào Công sản quốc tế từ khi phong trào này mới hình thành.

Tất cả những điều đó đã đưa đến một tình thế rất có lợi cho sự tiến triển của cách mạng Việt Nam, là lúc chính thức ra đời, đầu năm 1930, Đang Công sản Đông Dương, mà người sáng lập là Hồ Chủ tịch, *đã có một đường lối đung đăn, tranh thủ được giai cấp nông dân và giành được hoan toàn vê tay mình quyên lãnh đao cach mang Việt Nam*.

Ở trên là nói về những điều kiện trong nước đã làm cho Việt Nam tiếp thu nhanh và sâu, và vân dung sáng tao tư tưởng Mác - Lênin. Mặt khác, không nên quên rằng những điều kiện bên ngoài là rất quan trọng, trong đó những điều kiện đã có tác dung rất to lớn là:

1. Giai cấp công nhân Nga đã giành được chính quyên và làm chủ một phần sáu trái đất, tao ra một sư ran nứt không thê nào hàn găn lại được trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, và mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người, kỷ nguyên cách mang xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên pham vi thế giới, thời kỳ quá đô từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội và chu nghĩa công sản.

2 Những vấn đề mà lịch sử đặt ra trước Việt Nam bấy lâu nay đã được Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa giải quyết ở Nga một cách thấu đáo, hợp tình, hợp lý nhất đối với thời đại. Nghĩa là bằng con đường cách mạng độc lập, tự do, người cày có ruộng, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, nhân dân thoát hẳn cảnh áp bức, nghèo đói, dốt nát, xây dựng một tương lai đầy ánh sáng

3 Tiếp theo Cách mạng tháng Mười Nga, một cơn bão táp cách mạng vĩ đại đã rung chuyển cả thế giới, từ Âu sang Á, trong đó, hai sự kiện quan trọng đã phối hợp với sự thức tỉnh của nhân dân Việt Nam Đó là sự ra đời của Đảng Cộng sản Pháp (1920) mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người tham gia thành lập, và sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921) Cao trào cách mạng thế giới đó nói lên rằng những mâu thuẫn của thế giới cũ đã có *tính chất bùng nổ nhất, và lúc các lực lượng cach mang thế giơi tân công chủ nghĩa đế quốc đã chin muồi*

Cuộc tấn công của nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa thực dân Pháp bắt đầu ngay sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm cho tình hình của nhân dân lao động vốn đã thống khổ lại càng thêm điêu đứng Họ vô cùng bất mãn. Đảng đã phát động và lãnh đạo một phong trào đấu tranh của quảng đại quần chúng công nhân, nông dân và dân nghèo, với một tinh thần cương quyết và trên một quy mô chưa từng có ở Việt Nam, và đã đưa tới sự hình thành chính quyền Xô viết ở một số vùng. Nền tảng của chủ nghĩa thực dân bị lung lay Bằng việc huy động tất cả những phương tiện trấn áp của chúng ở Việt Nam, bọn thực dân đã nhân chìm trong bể máu làn sóng phẫn nộ của nhân dân Việt Nam Dưới áp lực của cuộc khủng bố vô cùng man rợ, phong trào tạm lắng xuống Nhưng nó đã *đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam* ở ba mặt 1 chủ nghĩa thực dân Pháp ơ Việt Nam đã bộc lộ tất cả sự suy yếu của nó, toàn thể

nhân dân Việt Nam đều căm ghet chế đô thực dân, và quyết tâm đánh đổ nó, 2 từ nay Việt Nam chỉ có thể tiến theo con đường cách mang dân chu nhân dân, 3 chỉ có giai cấp công nhân và Đảng tiền phong cua nó mới lãnh đao được cách mang và đưa cách mang đên thắng lơi

Mặc dầu bi tổn thất nặng nề nhất trong cuộc khủng bố vô cùng tàn khốc này, chỉ trong vòng hai năm, Đang vừa phục hồi cơ sở vừa tiếp tục lãnh đao quần chúng đấu tranh Và đến năm 1936 Đảng lai đứng đầu một cao trào cách mang mới của quảng đai quần chúng nhân dân đòi cơm áo, tự do, dân chủ. Phong trào kết hợp khéo léo với Mặt trân nhân dân Pháp Thực dân Pháp phai nhượng bô ít nhiều Đảng dưa vào những điều kiên nửa hợp pháp đã giành được để tăng cường công tác tổ chức quần chúng và phổ biến trong nhân dân đường lối cách mang của Đang và chủ nghĩa Mác - Lênin. *Uy tín va ảnh hưởng cua Dang tăng rất nhanh*

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra Một đợt khung bố ác liệt lai ập đến Không chut hoang mang dao đông vì những tổn thất, Đảng đã tỉnh tao nhân đinh tình hình và ha quyết tâm đông viên, tổ chức và lãnh đao cuộc đấu tranh của toàn dân theo hương chuẩn bi sẵn sàng đê khi thời cơ đến, giáng một đòn quyết đinh vào kẻ thù và giành chính quyền về tay nhân dân Từ 1940 đến 1945 Đảng vừa lãnh dao cuộc đấu tranh cua quần chung vì quyền lợi trước mắt, chông sư khung bố và cươp bóc cua hai bon áp bức - thực dân Pháp và phat xít Nhật, vừa chuân bi về mọi mặt chính trị, tư tưởng, quân sư, đê đi đến tổng khơi nghĩa Ngay sau khi Nhật đầu hàng đồng minh, cuộc Tổng khởi nghĩa đã nổ ra trong toàn quốc (19 - 8 - 1945) lật đô phát xít Nhật, thành lập chính quyền nhân dân cách mang trong ca nước Ngày 2 - 9 - 1945 nước Việt Nam dân chu công hòa ra đời Chủ tich Hồ Chí Minh, vi Chủ tich đầu tiên của nước Việt Nam đôc lập, trong một cuộc mít tinh tập hợp nưa triệu người ở thủ đô Hà Nội, trinh trong đoc bản Tuyên ngôn đôc lập trước toàn thế giới

Cách mang tháng Tám là cuộc *Cách mang dân tộc dân chủ nhân dân thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa* Nó mở đầu và đẩy manh sự tan rã của chủ nghĩa thực dân Nó gắn hền và phối hợp với thắng lợi lịch sử vĩ đại của các lực lương dân chủ thế giới, đứng đầu là các lực lương vũ trang Liên Xô, đã đánh bại khối phát xít Đức - Ý - Nhật Nó đã góp phần tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang hình thành, tăng cường lực lương cách mang thế giới

Song, những thử thách gay go lại đến với Việt Nam Giành độc lập chưa đầy một năm, Việt Nam đã bị thực dân Pháp, được đế quốc Mỹ hết sức giúp đỡ, quay trở lại xâm lược Cái gọi là cuộc chiến tranh Đông Dương bắt đầu (19 - 12 - 1946) và kéo dài 9 năm

Đó là một cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa đầu tiên sau chiến tranh thế giới lần thứ hai của một đế quốc phương Tây chống một nước có độc lập, chủ quyền và sống dưới chế đô dân chủ nhân dân

Đó là một thử thách không những đối với nền độc lập còn trong trứng nước của dân tộc Việt Nam, đối với tinh thần yêu nước và bất khuất, lòng dũng cảm, đức kiên cường và trí tuê thông minh, sáng tao của nhân dân Việt Nam Nó còn là một thử thách đối với thế giới mà Việt Nam là một thành viên vừa mới ra đời

Nhưng Cách mang tháng Tám thành công và nước Việt Nam dân chủ công hòa ra đời, đã đưa dân tộc Việt Nam lên địa vị của *một kẻ chiến thăng đối với chủ nghĩa đê quốc, và là chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng của các dân tộc* Ở Việt Nam bấy giờ, Đảng của giai cấp công nhân đã trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chủ tịch là người lãnh đao Nhà nước Dưa trên những nhân tố ấy, nhân dân Việt Nam đã phát huy đến cao đô những đức tính tốt đẹp của dân tộc, và được sự ủng hô và giúp đỡ ngày càng tích cực và có hiệu quả của các nước anh em, trước hết là Liên Xô và của loài người tiến bô, đã vượt

qua vô vàn khó khăn, vừa chiến đấu vừa xây dựng đất nước, đã lớn lên rất nhanh chóng, càng đánh càng mạnh, càng thắng to *Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ* vang dội khắp thế giới không những là một vinh dự lớn của Việt Nam, mà còn là một thắng lợi của phe xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam là tiền đồn ở Đông Nam Á, một niềm tự hào và một sự cổ vũ mạnh mẽ đối với các dân tộc bị áp bức

Nhân dân Việt Nam đã anh dũng vượt qua cơn thử thách, và kết quả là đã đánh sụp một đế quốc lớn, lần đầu tiên chứng minh trước thế giới rằng một dân tộc dù còn nhỏ, trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên phạm vi thế giới, cũng có thể đánh thắng những đế quốc lớn

Nhưng, quy luật của lịch sử là các giai cấp bóc lột không bao giờ tự nguyện rời bỏ vũ đài lịch sử Càng bị thua đau, chúng càng ngoan cố và điên cuồng chống lại cách mạng, tìm muôn phương nghìn kế, ngụy trang đủ kiểu để phục hồi cái thiên đường đã mất Chủ nghĩa thực dân cũ bị sụp, chủ nghĩa thực dân mới mà đế quốc Mỹ là tên cầm cờ, ngóc đầu lên *Chúng lấy Việt Nam làm thí điểm cho chiến lược toàn cầu của chúng*

Hiệp nghị Giơnevơ, tranh thủ trong công nhận trước thế giới những quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam mà Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp đã giành được, chưa ráo mực thì đã bị đế quốc Mỹ chà đạp trắng trợn Chúng tách miền Nam Việt Nam ra, biến thành một căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của chúng Từ đó nhân dân Việt Nam, một mặt, phải đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mặt khác, đấu tranh nhằm giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Từ đó đế quốc Mỹ, với "sách lược leo thang" đã bắt buộc nhân dân Việt Nam phải đương đầu với một cuộc chiến tranh xâm lược với một quy mô, những phương tiện giết người hiện

đại nhất, trừ bom nguyên tử, và có tính chất diệt chung, mà lịch sử loài người chưa từng thấy

Cũng từ đó, bất chấp những đau khổ và hy sinh vô ngàn, Đảng Lao động Việt Nam quang vinh, giương cao ngọn cờ trăm trận trăm thắng của chủ nghĩa Lênin, nơi gương anh dũng và sáng tạo tuyệt vời của Cách mạng tháng Mười và của nhân dân Xô viết trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, và theo lời kêu gọi dậy khắp non sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh[1] đã đồng viên, tập hợp và lãnh đạo toàn thể nhân dân Việt Nam vừa chống giặc Mỹ xâm lược vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Trong cuộc chiến đấu thần thánh đó mà nhân dân thế giới đã nhận là một thiên anh hùng ca bất hủ của thế kỷ này, nhân dân Việt Nam đã phát huy đến cao độ những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc và tinh hoa của loài người tiến bộ, giữ vững quyền làm chủ và phát huy tinh thần cách mạng tiến công

Cũng từ đó, cả loài người tiến bộ, đứng đầu là các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, nhiệt liệt ủng hộ và tận tình giúp đỡ nhân dân Việt Nam đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược

Một việc thần kỳ đã diễn ra trên một lãnh thổ không bằng một bang của nước Mỹ, với 14 triệu người, tên đế quốc mạnh nhất, với 1 triệu 20 vạn quân, liên tục bị đánh bại, và ngày càng sa vào thế bị động, chiến lược toàn cầu của nó bị đảo lộn, cơ cấu xã hội, quân sự, kinh tế của nó bị lung lay, uy tín quốc tế của nó bị giảm Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi của nhân dân Việt Nam là *một đòn cơ bản đánh vào chủ nghĩa thực dân mới* - dinh lũy cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc

Đế quốc Mỹ tuy thua đã rõ ràng, nhưng nó rất ngoan cố Những luận điệu bịp bợm của Tổng thống Mỹ Níchxơn về

1 Lời kêu gọi ngày 17 tháng 7 - 1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh

"thiên chí hòa bình" chỉ là màn khói che lấp âm mưu kéo dài chiến tranh dưới nhãn hiệu "phi Mỹ hóa chiến tranh", "Việt Nam hóa chiến tranh", cố bám lấy miền Nam Việt Nam như là một tấm ván để hòng cứu vớt số phận của chiến lược toàn cầu của nó

Nhưng nhân dân Việt Nam đã nhất trí và quyết tâm làm theo lời Di chúc của Hồ Chủ tịch

"Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua nhiều gian khổ hi sinh hơn nữa song nhất định thắng lợi hoàn toàn"

Trong gần nửa thế kỷ nay, từ khi cách mạng Việt Nam được tiếp xúc với chủ nghĩa Lênin, đặc biệt là từ khi có Đảng macxít - lêninnít của giai cấp công nhân lãnh đạo, mỗi một thắng lợi của cách mạng đều gắn liền với chủ nghĩa Mác - Lênin, là một thắng lợi của chủ nghĩa Lênin

Trung thành với ngọn cờ của Lênin và làm theo lời Di chúc của Hồ Chủ tịch - người học trò lỗi lạc của Mác và Lênin, nhân dân Việt Nam sẽ đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, "ra sức ủng hộ phong trào cách mạng của nhân dân các nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội[1]

1 Trích Điếu văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch

Phần III

VỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, TÁC PHONG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

LÃNH TỤ*

Cá nhân lãnh tụ không làm nên lịch sử. Nhưng vai trò của lãnh tụ cực kỳ quan trọng, đặc biệt trong những thời kỳ lịch sử khi xã hội chuyển mình, cơn bão táp sắp nổi lên, hoặc khi đất nước đang đứng trước một thử thách gay go nguy hiểm, vận mệnh của dân tộc treo đầu sợi tóc. Lúc ấy là lúc, nếu sai một ly thì có thể đi một dặm. Trong những giờ phút nghiêm trọng như thế, một lãnh tụ có đức độ và tài năng hơn người, với một ý chí kiên quyết, gang thép, thì hoạt động của nhân vật ấy có tác dụng quyết định đối với cục diện.

Đó là những lãnh tụ chân chính tiêu biểu cho cả một dân tộc đang vươn lên, một thời đại đánh dấu bước tiến mới trong lịch sử loài người. Điều quan trọng hơn hết và là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá một lãnh tụ chân chính tiêu biểu cho dân tộc và thời đại là vì lãnh tụ ấy không nhân cái gì là riêng của mình, trong tư tưởng, tình cảm, cử chỉ, hành động không bao giờ dung tung một sự tính toán cá nhân nào cả.

Danh và lợi là hai cái mồi để câu người thường trong một xã hội có giai cấp, còn có áp bức, bóc lột. Vì lãnh tụ chân chính lấy cái danh của dân tộc, của Tổ quốc làm cái danh của mình, lấy cái lợi của tập thể của nhân dân làm cái lợi của mình.

Người đời bao giờ cũng đi tìm cái sướng, tránh cái khổ. Vì lãnh tụ chân chính lấy cái khổ của quần chúng, của nhân dân làm cái khổ của mình, lấy cái sướng của hàng triệu người làm cái sướng của mình. Đạo đức của vị lãnh tụ chân chính là lo trước thiên hạ, hưởng sau thiên hạ. Đối với một lãnh tụ như vậy cái chân lý cao nhất là không gì quý hơn độc lập, tự do.

---

* Tạp chí *Văn học*, số 1 - 1970.

Cũng như trong cơn phong ba trên biển cả, người cầm lái có kinh nghiệm, tài giỏi, có tinh thần trách nhiệm cao đối với tập thể hành khách đã trao vào tay mình tính mệnh của họ, thì dù nguy hiểm đến đâu, người cầm lái không để mất phương hướng và kiên quyết đưa con tàu tới bến. Người cầm lái ấy làm chủ được tình thế, là một vị anh hùng, tuy vẫn là một thủy thủ như trăm nghìn thủy thủ khác, chứ không phải là một siêu nhân, một vị thần thánh, một nhân vật thần thoại gì hết. Vì là con của dân biển, đẻ ra và lớn lên không phải chỉ trong hoàn cảnh trời xanh nước biếc thơ mộng mà còn trong gió táp mưa sa, sóng gầm, sấm động, cho nên đã nung đúc ở mình một tình thương yêu vô hạn và một nỗi lo lắng xót xa cho tất cả những người gửi thân trên mặt nước, một tính cương nghị khác thường, một tâm hồn tỉnh táo, một đầu óc sáng suốt, một nhãn quan có thể xuyên qua những tầng mây đen bao phủ vòm trời, rẽ ngọn sóng ba đào che lấp những mỏm đá nguy hiểm, chọc thủng đám sương mù bịt kín các nẻo đường, để nhìn thấu và đưa thuyền về phía chân trời rực sáng.

Người cầm lái có tầm vóc như vậy chính là Hồ Chủ tịch, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta, của dân tộc ta.

Hồ Chủ tịch là con của nhân dân và của đất nước Việt Nam. Người là tượng trưng của những đức tính hiền hòa và hiên ngang, anh hùng và giản dị, hào hiệp và khiêm tốn, thông minh và chất phác của một dân tộc mà bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã tạo nên một thiên anh hùng ca bất diệt. Người cũng thừa kế cái quý báu nhất trong những truyền thống bất khuất của những thế hệ yêu nước thuộc thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX - Trương Công Định, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Trần Quý Cáp, Tống Duy Tân, Hoàng Hoa Thám.

Hồ Chủ tịch cũng là con của thời đại - thời đại chủ nghĩa đế quốc sụp đổ và giai cấp vô sản chiến thắng, thời đại đại

phục hưng của nền văn minh thế giới, khi tư duy của con người đã tới đỉnh cao chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, thời đại Mác - Lênin

Là người yêu nước vĩ đại nhất trong những người Việt Nam yêu nước từ xưa đến nay, khi còn thiếu thời và khi Việt Nam còn chìm đắm trong đêm tối mịt của quyền hành vô thương của chủ nghĩa đế quốc, và trước khi Cách mạng Tháng Mười xã hội chủ nghĩa đưa lại ánh bình minh cho loài người, Người đã biết từ bỏ con đường giải phóng đất nước theo quan điểm cũ của những nhà yêu nước đương thời Con đường cũ chỉ biết có phương Đông (tức là châu Á) và chỉ trông vào phương Đông, chủ yếu là Nhật Bản Cũng có người nhìn về phương Tây, nhưng chỉ thấy mặt trên của nó, tức là phương Tây tư sản, đế quốc

Do linh tính cách mạng do có một nhãn quan vượt hẳn tầm con mắt của người đương thời, Hồ Chủ tịch đã đi sang phương Tây để tìm cái cơ sở cách mạng chung của cả hai bên Cơ sở đó, Người đã tìm thấy trong số phận chung gắn bó giai cấp vô sản các nước tư bản, và các dân tộc thuộc địa, cả hai bên đều quằn quại trong xiềng xích của chủ nghĩa tư bản, đều có một kẻ thù chung Chủ nghĩa nhân đạo cao nhất - chủ nghĩa cộng sản - đẻ ra từ trong số phận đau khổ của loài người bị áp bức Như vậy chúng ta thấy rõ ràng quan điểm của Hồ Chủ tịch, cách đây hơn 60 năm, về cách mạng giải phóng dân tộc, qua sự tiếp xúc với thực tế xã hội của các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu, Mỹ và các nước thuộc địa châu Á, châu Phi, đã chứa đựng hạt nhân của lập trường giai cấp

Vì vậy, Người đã nhiệt liệt chào mừng Cách mạng Tháng Mười Nga, nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi lịch sử của Lênin Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới, đoàn kết lại!

Từ trong đáy lòng, Người hưởng ứng lời kêu gọi đó, bởi vì Người thấy ở đó thể hiện trong sáng nhất những ý nghĩ và

ước vọng của Người Chân lý mà Người đi tìm, cũng là chân lý mà cách mạng Việt Nam đang khát khao, và giao phó cho Người xứ mạng đi tìm Người hưởng ứng nhiệt liệt, bởi vì Người thấy ở đó cái bí quyết thành công của cách mạng của giai cấp vô sản các nước tư bản, cũng như cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức

Và từ đó, Người đã xuất hiện như là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào công nhân và phong trào công sản quốc tế, tham gia thành lập Đảng Công sản Pháp, phấn đấu cho Đảng Công sản Pháp gia nhập Quốc tế công sản Người đã hoạt động một cách tích cực nhất mà mục tiêu chủ yếu là đoàn kết giai cấp công nhân các nước tư bản Âu, Mỹ và các dân tộc bị áp bức, lập nên một mặt trận chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc

Hồ Chủ tịch là người đã chủ động đi tiên phong, đối với châu Á và toàn thế giới thuộc địa, trong việc đặt mối quan hệ khăng khít, hữu cơ nhưng rất độc lập, không lệ thuộc, giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản thế giới

Sự kiện đó có ảnh hưởng trong đại và sâu sắc đến việc du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, việc thành lập Đảng tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam và sự phát triển của cách mạng Việt Nam

Một việc độc đáo, kỳ diệu đã xảy ra giai cấp công nhân Việt Nam rất non trẻ, trước khi có Đảng tiên phong của mình ở trong nước, đã thông qua Hồ Chủ tịch, người công sản Việt Nam đầu tiên, mà tham gia xây dựng phong trào công sản Quốc tế

LÒNG TÔN KÍNH CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI NGƯỜI CON CỦA NHÂN DÂN*

Do ngẫu nhiên mà chúng ta được biết rằng hôm nay là ngày sinh của Chủ tịch của chúng ta

Tư tưởng và tình cảm của tất cả mọi người Việt Nam, nghèo cũng như giàu - trẻ cũng như già, hôm nay đều kính mến hướng về Người, hiện thân của linh hồn Tổ quốc Lòng tôn kính sâu sắc và chân thành ấy mà toàn thể nhân dân dâng lên Người, thay thế cho những sự biểu thị huyên náo và những lời chúc tụng nghi thức trong một ngày như vậy, thường dồn dập xảy ra đối với vị Chủ tịch của một nước cộng hòa vĩ đại, hay Quốc vương của một đế quốc hùng mạnh.

Tất cả những gì tốt đẹp nhất, mà nhân dân đã sản sinh ra, tất cả những gì cần thiết để có thể trở thành một người dẫn đường vạch lối, một lãnh tụ, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có ở mỗt mức độ cao

Hoạt động cách mạng của Người đã tiến hành trên hơn một phần tư thế kỷ Đời sống chính trị của Người đã bắt đầu vào lúc mà thế hệ các nhà văn thân, sau khi đã hoàn thành về đại thể nhiệm vụ lịch sử của họ, đã chuyển giao ngọn cờ kháng chiến cho một thế hệ mới, thế hệ sinh ra từ cuộc chấn động 1914 - 1918

Cho nên không có gì lạ là HỒ CHÍ MINH - do xuất hiện trên vũ đài chính trị vào lúc mà lịch sử có một bước ngoặt như thế - đã mang theo dấu tích sâu sắc của bước ngoặt đó trong thiên tài của Người

---

* Dịch từ tiếng Pháp bài xã luận của báo "*Le Peuple*" (Nhân dân), các số 12, 13 ngày 19 - 5 - 1946

Trong suốt 4 000 năm, nhân dân ta đã không thoát khỏi các cuộc xâm lược và chiến tranh đã gây đau thương cho xã hội loài người trước đây Song, Việt Nam đã vinh quang vượt qua những thử thách gian khổ ấy Từ khi Pháp chiếm đóng, Việt Nam cũng đã trải qua những năm tháng đen tối nhất trong lịch sử của mình Tuy nhiên, không một phút nào Việt Nam lại ngừng trỗi dậy đòi quyền tự do

HỒ CHÍ MINH đã trải qua những giờ phút khổ cực nhất, gắn liền với đời sống của một nhà cách mạng vĩ đại, thiếu thốn vật chất, lưu vong, giam cầm.. Nhưng, không bao giờ Người rời bỏ vị trí của mình là người giương cao ngọn cờ Cách mạng.

Lòng kiên trì trong hoạn nạn, niềm tin không gì lay chuyển nổi vào thắng lợi cuối cùng cho sự nghiệp đấu tranh, đó là đức tính cao nhất, nó là đặc trưng của nhân dân và của lãnh tụ chúng ta

Từ cuộc chiến tranh du kích do các văn thân lãnh đạo, chống lại sự thống trị mới thiết lập của người Pháp vào cuối thế kỷ trước, cuộc chiến tranh mà mục đích chỉ giới hạn vào việc khôi phục lại chủ quyền của Quốc vương An-Nam, cho đến cuộc cách mạng dân chủ của chúng ta ngày nay với sự tham gia đông đảo nhất của quần chúng nhân dân, phong trào vì độc lập của chúng ta không ngừng tiến triển sâu rộng, không ngừng phát triển từ thấp lên cao.

Từ hơn ba mươi năm hoạt động cách mạng, HỒ CHÍ MINH luôn luôn là một người chiến sĩ ngoan cường nhất, đấu tranh cho sự thống nhất của dân tộc Việt Nam, dưới ngọn cờ độc lập dân tộc Chính Người đã thực hiện được sự thống nhất đó vào tháng Tám năm 1945 và ngày nay, vẫn còn đang thực hiện sự thống nhất đó

Đoàn kết và thống nhất để cứu nước, đó còn là một đức tính lớn khác, nó đặc trưng cho nhân dân và lãnh tụ của chúng ta và nó là bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi.

Nhân dân ta nổi tiếng là đại lương, nhân từ và mến khach Sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng khi phải bảo vệ danh dư và tư do của Tổ quốc, nhân dân ta lại to ra hoàn toàn trung thực và có tinh thần "dĩ hòa" đối với những ké mới hôm qua dây còn áp bức mình, nhưng giờ đây, lại muốn nối lại những quan hệ hữu nghi Tinh thần sôvanh, sư trả thù thấp hèn đối với một ké thù đã ha vũ khí hoặc suy yếu đều hoàn toàn xa la đối với nhân dân ta

Lòng đại lương ấy, tâm hồn cao cả ấy, nó là tính đặc hữu của nhân dân ta và của nhân dân các nước văn minh nhất trên thế giới, cũng là một trong những dức tính lớn đặc trưng của HỒ CHÍ MINH

Ở ông già cao cả này, với phong đô khiêm nhường, nho nhã và từ tốn của một hiền giả, với cặp mắt sâu sắc của một nhà bác hoc, với nu cười hiền hậu của một nhà thuyết giáo, với tấm lòng âu yếm của một bà me, với tâm hồn nồng nhiệt cua một nhà thơ và với ý chí bất khuất của một vi khai quốc, mỗi người đều cảm thấy và nhân thấy đó là một lãnh tu Ai cũng tôn kính Người như một vi anh hùng dân tôc

Nhưng, trong bao nhiêu danh hiêu quang vinh của Người, có một danh hiêu thích hợp với Người hơn tất cả các danh hiêu khác, và nó ắt hẳn tất cả các danh hiêu khác danh hiêu "NGƯỜI CON CỦA NHÂN DÂN"

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC CHÂN CHÍNH ĐẾN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN KHOA HỌC*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn bó cả cuộc đời mình - mỗi ý nghĩ, mỗi tình cảm, mỗi hành động với cuộc đấu tranh cho lý tưởng của người là giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân

Ngọn lửa yêu nước đã dẫn đường cho Người tìm ra chân lý. Chân lý mà Người đi tìm đã gặp được và soi sáng tâm hồn, trí tuệ của Người là chủ nghĩa Mác - Lênin, chân lý của thời đại.

Tinh thần yêu nước cũng là động cơ hoạt động cách mạng của các sĩ phu tiêu biểu đương thời - Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và những tổ chức của họ như Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân hội, Việt Nam quang phục hội, v v .

Nhưng giữa chủ nghĩa yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của các sĩ phu có một sự khác biệt không phải về màu sắc hay mức độ, mà ở thực chất, ở quan điểm, ở nhận thức

Các sĩ phu cũng là những nhà yêu nước nhiệt thành rất dũng cảm. Họ sẵn sàng hy sinh - và nhiều người đã hy sinh tự do và tính mệnh của mình để mưu giành lại độc lập cho Tổ quốc. Họ là những người tiên tiến trong trí thức xuất thân từ chế độ cũ. Họ kế tục và nêu cao truyền thống bất khuất của dân tộc Nhưng vì tư duy còn bị ràng buộc trong khuôn nếp của ý thức hệ Nho giáo, và trong điều kiện đế quốc Pháp đã căn bản hoàn thành công việc "bình định"

---

* Trong cuốn *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr 7 - 26

Đông Dương và bắt đầu thực hiện kế hoạch khai thác thuộc địa lần thứ nhất, họ thấy chủ nghĩa tư bản có sức thu hút mạnh mẽ và coi đó có thể là con đường giải phóng nhân dân khỏi ách nô lệ, lầm than. Tấm gương của Nhật Bản có tác dụng thuyết phục đối với họ. Không chỉ các sĩ phu Việt Nam có cách nhìn nhận như vậy về thời cuộc. Đó cũng là cách nhìn nhận chung của nhiều nhà yêu nước có tiếng tăm ở các nước châu Á thời ấy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có cách nhìn hoàn toàn độc lập về thời cuộc. Ngay từ lúc còn trẻ tuổi, Người đã có cách nhìn vượt hẳn lên tầm nhìn của các sĩ phu khác. Vẫn kính trọng các văn thân yêu nước, khâm phục lòng trung trinh và tiết tháo của họ, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thái độ phê phán đối với lập trường cứu nước của họ. Người đã mang lại một yếu tố tích cực cho sự thức tỉnh châu Á, có tác dụng hướng sự thức tỉnh đó theo một quỹ đạo mới. Sớm nhận ra sai lầm của người đi trước, nhà cách mạng trẻ tuổi của Việt Nam đưa mắt nhìn về phía chân trời khác. Người nhạy cảm với bản chất xấu xa, bất nhân phi nghĩa của chủ nghĩa tư bản. Người đã biết có "sự chống đối ngay tại mẫu quốc", quê hương của các khẩu hiệu mỹ miều "Tự do", "Bình đẳng", "Bác ái", nơi xuất phát của các chính sách thực dân dã man, vô nhân đạo.

Trong mấy nghìn năm liền, dân tộc ta đã chiến đấu anh dũng vì độc lập tự do, biểu dương sức mạnh phi thường của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, và đã thắng tất cả các thế lực xâm lược từ phương Bắc đến.

Giữa thế kỷ XIX, một cơn bão tố ập vào chủ nghĩa tư bản phương Tây vũ trang xâm lược Việt Nam. Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp khi chế độ phong kiến Việt Nam đã bước vào thời kỳ suy vong đồi bại. Bọn vua quan triều Nguyễn hèn nhát, đầu hàng giặc quá sớm trong khi nhân

dân cả nước vẫn nổi dây anh dũng chống lại quân xâm lược dưới nhiều hình thức, với mọi thứ vũ khí trong tay.

Tất nhiên, không thể xem việc Việt Nam mất độc lập, trở thành thuộc địa của đế quốc Pháp, như là một đinh mênh Lịch sử đã phán xét tội hèn nhát, đồi bại của triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc ngoại xâm

Nhưng cũng không thể nghĩ rằng khi bọn thực dân đã đặt ách thống trị lên đất nước thì công cuộc giải phóng cứ phải tiến hành theo con đường khuôn mẫu của ông cha ta thủa trước, như khi chống giặc phong kiến Trung Quốc xâm lược.

Đứng trước một loại kẻ thù mới, khác về bản chất so với kẻ thù cũ, lịch sử đòi hỏi một phương hướng mới, cơ bản cho sự nghiệp cứu nước đã được đặt ra một cách cấp thiết

*

* *

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam đầu tiên nhậy cảm hơn hết đối với đòi hỏi mới, là một chiến sĩ cách mạng đang tuổi thanh niên, kết tinh ở mình một trí tuệ sâu rộng và một lòng yêu nước thương dân không bờ bến. Động cơ thúc đẩy Người đi tìm chân lý là rõ ràng: giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân

Nhưng đứng trên lập trường nào để tìm và để đạt tới những mục tiêu mà nhân dân Việt Nam đang khao khát?

Sang đầu thế kỷ này, chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột bậc của nó, mang theo những thay đổi lớn trong cục diện chính trị thế giới Nó đã giành được độc quyền thống trị toàn cầu Các nước đế quốc đã chia nhau xong thế giới, cắt nó làm hai: một khu vực tổng hành dinh của dăm nước công nghiệp phát triển, thường được gọi là phương Tây và khu vực kia bao gồm các nước thuộc địa, phụ thuộc thường được gọi là phương Đông.

Loài người bị chia rẽ - về lãnh thổ, của cải vật chất và thiên nhiên, những giá trị văn hóa và tinh thần, chủng tộc, dân tộc, giai cấp, địa vị xã hội và lợi ích - một cách tàn khốc, đau đớn, bất nhân, phi nghĩa

Sự thù địch của loài người bị áp bức đối với chủ nghĩa đế quốc là không đội trời chung Các dân tộc thuộc địa muốn giành lại độc lập thì phải đánh đổ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc chứ không thể thỏa hiệp với nó Hơn nữa, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như là một nhân tố phục hồi và nâng cao phẩm giá của loài người, không còn là việc riêng của từng dân tộc mà đã trở thành nghĩa vụ chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới

Khi chủ nghĩa đế quốc giành được ưu thế xem như tuyệt đối thì các lực lượng chống lại nó cần phải thấy những nhân tố có tính chất phổ biến do lịch sử tạo nên đang làm cho nó suy yếu và làm tăng thêm sức mạnh cho lực lượng của mình Đó là những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa đế quốc đang đi đến điểm bùng nổ Sự thức tỉnh của giai cấp vô sản đạt tới đỉnh cao - từ lý thuyết, cách mạng xã hội chủ nghĩa sửa soạn bước sang hành động trực tiếp, đẩy mạnh và hỗ trợ cho sự thức tỉnh của các dân tộc bị áp bức Do tác động của quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản, đã hình thành những khâu yếu trong sợi dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công trước tiên trong một số nước, thậm chí trong một nước riêng lẻ, và không nhất thiết là nước công nghiệp phát triển cao

Đầu thế kỷ XX, khi công việc "bình định" theo chúng về đại thể đã xong, thực dân Pháp bắt đầu khai thác có hệ thống đất nước này, dựa trên sức lao động rẻ mạt của lớp người vô sản bản xứ đầu tiên - công nhân mỏ, đường

sắt, cầu đường, bến cảng, xây dựng, phu các đồn điền, v.v Thực chất đó là những nô lệ thuộc địa Lớp công nhân công nghiệp này mới ra đời, chiếm một tỉ lệ rất thấp trong tổng số dân, phần nhiều còn giữ mối liên hệ với nông thôn Đó chưa thật là một giai cấp vô sản đông đảo và thuần nhất như ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển Nhưng đó lại là lực lượng chính làm ra siêu lợi nhuận thuộc địa cho bọn cá mập thực dân Họ là nạn nhân trực tiếp của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa dưới hình thức trắng trợn, lạc hậu và tàn nhẫn nhất - hình thức thuộc địa - giống như dưới thời tích lũy ban đầu của tư bản Lòng căm thù của họ đối với chủ nghĩa thực dân, vì thế phải gấp bội vừa là vì dân tộc, vừa là vì giai cấp. Lao động tập trung và có tổ chức đã tăng cường tình đoàn kết trong hàng ngũ họ Những cuộc bãi công và những cuộc đấu tranh đầu tiên nổ ra trên đường sắt và ở một số công xưởng ở Bắc Bộ trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, tuy tự phát, nhưng là những bước mở đường dũng cảm của đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam mới ra đời.

Bối cảnh ấy là một trong những yếu tố tích cực tác động vào nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người xác định phương hướng đi tìm chân lý cứu nước Thực tế xã hội Việt Nam lúc đó, nơi nhà cách mạng trẻ tuổi lăn lộn và miệt mài suy ngẫm đã sơ bộ giúp Người có cái nhìn đúng đắn tại "Chính quốc" Ở "Chính quốc" có hàng vạn, hàng triệu người phải bán sức lao động để sống, số phận cũng chẳng hơn gì mấy so với những người anh em thuộc địa của họ Đó là giai cấp công nhân Pháp, một giai cấp đã có giai đoạn "vì nó" Trước mắt, trật tự xã hội ở "Chính quốc" với vẻ phồn vinh, hào nhoáng bên ngoài và cuộc sống lông lẫy, xa hoa của các tầng lớp trên xem chừng vững như bàn thạch, nhưng trên thực tế, nó đã bắt đầu lung lay, dưới tác động của cuộc đấu tranh xã hội đang xâu xé thế giới, phương Tây dưới ách kìm kẹp của các triều đại tài phiệt trong cái đế chế của tư bản lũng đoạn

Đồng thời, phía chân trời châu Âu, những đám mây đen dần dần kéo đến, báo hiệu những mâu thuẫn sắp nổ tung giữa bọn đế quốc đinh thôn tính lẫn nhau trong khói lửa chiến tranh để chia lại thế giới

Những biến cố ấy, bằng cách này hay cách khác, ở mức độ này hay mức độ kia, đã ảnh hưởng đến ý thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần đưa đến cho Người một nhân thức sáng suốt về phương hướng để tiếp nhận chân lý của thời đại

Điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhân thức được và nó dẫn Người đi đúng hướng là nguồn gốc những đau khổ và áp bức dân tộc là ở ngay tại 'Chính quốc", ở chính nước đế quốc đang thống trị dân tộc mình Người ban đồng minh gần gũi, vì lợi ích chung mà có nghĩa vụ đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa cũng ở ngay tại "Chính quốc" Giai cấp công nhân Đó là nhân thực về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản

Đối với một thiên tài như Chủ tịch Hồ Chí Minh thì quá trình nhân thức đó hoàn toàn lôgích Kinh nghiệm về những thất bại liên tiếp của cuộc đấu tranh chống bọn thực dân Pháp xâm lược cho thấy cuộc đấu tranh này phải được tổ chức khác cuộc đấu tranh chống những kẻ thù của dân tộc trước đây

Cách nhìn xa trông rộng, sắc bén đầu óc tỉnh táo và tính nhạy cảm cách mạng là những yếu tố làm cho Người, trước những vấn đề phức tạp của lịch sử lúc đó, nhận ra ngay được cái chính phải làm để cứu nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất dương sang châu Âu, liên lạc và tiếp xúc ngay với giai cấp công nhân Pháp, công nhân châu Âu và các dân tộc thuộc địa ở các châu Như vậy có nghĩa là

Người đi ngay vào cuộc sống lao động và đấu tranh của quần chúng bị áp bức ở các nước đó, chứ không phải để tiếp xúc với tầng lớp trên Trước Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều sĩ phu yêu nước cũng đã xuất dương, chủ yếu sang Nhật Bản (phong trào Đông Du những năm 1904 -1905), nhưng là để cầu giới cầm quyền nước đó giúp Việt Nam đánh đuổi thực dân Pháp Đây là một sự khác nhau lớn, rất cơ bản Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất dương không phải để cầu xin ngoại viện, mà trước hết là để tìm con đường đúng đắn cho dân tộc mình đứng lên tự giải phóng cho mình Đó là mục tiêu thứ nhất của việc xuất dương của Người

Mục tiêu thứ hai là tìm kiếm bạn đồng minh Muốn làm việc nghĩa thì phải có người đồng tâm, đồng chí, cùng hội, cùng thuyền Trên thực tế, Người đã gặp bạn đồng minh ngay trong cuộc sống lao động và đấu tranh, từ lúc đặt chân lên các nước châu Âu và các nước thuộc địa Khi Người thấy rằng ở đâu cũng có hai hạng người - trong đó có một hạng thì giàu có, còn một hạng là những người lao động lam lũ, đói rách - đó chính là bước tích lũy về lượng trong nhận thức tư tưởng về vấn đề bạn đồng minh

Khi được ánh sáng của học thuyết Mác - Lênin chiếu rọi thì trong sự nhận thức đó của Người về bạn đồng minh có sự chuyển biến về chất Người đã có đầy đủ căn cứ lý luận và thực tiễn để khẳng định dứt khoát giai cấp vô sản ở "Chính quốc" và tất cả các dân tộc bị áp bức là đồng minh của nhau và là đồng minh gần gũi nhất của dân tộc Việt Nam đang tìm đường đấu tranh tự giải phóng Đó là bước chuyển biến vĩ đại thứ hai sau bước chuyển biến vĩ đại thứ nhất tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn nhất là con đường cách mạng vô sản

Rõ ràng là điều kiện thuận lợi để tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin là vốn thực tiễn của gần mười năm liên tục, xông pha, lao động và đấu tranh, hết sức phong phú của Chủ tịch

Hồ Chí Minh Đó là điều mà các nhà yêu nước đương thời không có được Mặc dù họ rất nhiệt thành, và trong số họ cũng có những người đã nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng vẫn không hấp thu được lý luận Mác - Lênin Họ vẫn bị mắc sai lầm trong việc tìm đường cứu nước và do đó sai lầm trong việc xác định đồng minh

Một điều cũng đặc biệt đáng chú ý là, khi một lãnh tụ cách mạng của phương Đông thuộc địa đã nhận thức được rằng những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã nổ tung trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, và cái hố ngăn cách giữa bọn chủ nô đế quốc với các dân tộc bị áp bức không có cách gì lấp được ngoài con đường cách mạng tư giải phóng của chính các dân tộc bị áp bức, thì trong điều kiện mới ấy của lịch sử, không phải là Đảng xã hội - một đảng cải lương đã phản bội lợi ích của giai cấp vô sản và quần chúng bị áp bức - lại có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản và quần chúng bị áp bức đi theo con đường đó

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười thắng lợi do Đảng của Lênin lãnh đạo, đã đáp ứng hoàn toàn hoài bão của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một lực lượng lãnh đạo đáng tin cậy của quần chúng Đó là giai cấp công nhân với chính đảng kiểu mới, chân chính cách mạng của nó

Là người cộng sản Việt Nam đầu tiên, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, có Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa soi sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện trên vũ đài lịch sử thế giới ở đầu thập kỷ hai mươi như một chiến sĩ ưu tú của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cũng là chiến sĩ cách mạng thuộc địa đầu tiên hưởng ứng nhiệt liệt lời kêu gọi lịch sử của Lênin "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại"

Hoạt động tích cực và đa dạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phong trào công sản và công nhân quốc tế sau khi tham gia sáng lập Đảng Công sản Pháp, có một ý nghĩa lịch sử to lớn Đó là thời kỳ phải đi vào chuẩn bị xây dựng cơ sở chính trị, tư tưởng và tổ chức cho cách mạng, sau khi đã xác định được con đường cứu nước Sự chuẩn bị ấy là cần thiết bởi vì hoài bão thiết tha của Người để thực hiện con đường cứu nước là phải có ở Việt Nam một đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân như Đảng của Lênin Chỉ một đảng như vậy mới có thể đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi và góp sức đẩy mạnh cách mạng thế giới như Cách mạng Tháng Mười Nga và Đảng Bônsêvich của Lênin đã nêu gương.

Việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng ở giai đoạn đó trước hết là làm cho các dân tộc thuộc địa nhận thấy sự cần thiết phải đoàn kết với nhau và đoàn kết với giai cấp công nhân "Chính quốc" cũng như giai cấp công nhân "Chính quốc" tất yếu phải đoàn kết với các dân tộc thuộc địa, ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh giải phóng của họ chống chủ nghĩa đế quốc

Trên các diễn đàn quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành cuộc đấu tranh, với tinh thần tích cực, chủ động và một nghị lực sáng tạo phi thường, để xóa bỏ những thành kiến dân tộc ở cả đôi bên. những tàn dư của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi ở phía các dân tộc thuộc địa và những tàn dư của tư tưởng sôvanh nước lớn ở phía giai cấp công nhân "Chính quốc"

Từ trước đến đó, công nhân "Chính quốc" dù sao cũng được hưởng ít nhiều quyền tự do tối thiểu, họ không hình dung nổi tình cảnh khốn khổ của người dân thuộc địa Đối với họ, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói - thuộc địa chỉ là xứ trên là mặt trời, dưới là cát trắng và mấy cây dừa xanh Tệ hơn là đối với một bộ phận công nhân "Chính quốc", dân thuộc địa bị mang tiếng là dã man, có đầu óc bài ngoại Bởi vì trong những năm chiến tranh, ở Pháp, nơi nào công nhân bãi công, biểu tình

chống chiến tranh, thì chính quyền Pháp cho binh lính thuộc địa, trong đó có lính Việt Nam, đến đàn áp

Để thực hiện đoàn kết trên thực tế thì phải cương quyết và kiên trì xóa bỏ các thành kiến dân tộc do kẻ thù gây nên Vì thế, một trong những đóng góp sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này là Người đã lấy việc tố cáo chủ nghĩa thực dân Pháp ngay trên đất Pháp để tiến hành cuộc "tấn công vào lòng người" như Nguyễn Trãi đã nói Đây là cuộc tấn công có ý nghĩa chiến lược trong thời đại mới, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tiêu biểu trên cơ sở vận dụng, cụ thể hóa khẩu hiệu chiến lược của Lênin "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!" Không thể kể hết hàng loạt bài và tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm hai mươi Tác phẩm nổi tiếng "*Bản án chế độ thực dân Pháp*" cùng với các tham luận trên diễn đàn quốc tế, đã thể hiện khí thế tiến công sôi sục và quyết liệt của Người cho việc thực hiện khẩu hiệu đó

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" vừa là một bản cáo trạng, vừa là một lời tuyên chiến chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" là một mốc đánh dấu sự trưởng thành về ý thức cách mạng của nhân dân Việt Nam, đáp ứng mọi đòi hỏi bức thiết của cách mạng Việt Nam có một đường lối đúng đắn, sáng suốt Tác phẩm này đã đưa ánh sáng chân lý cách mạng của thời đại vào tâm trí nhân dân các dân tộc bị áp bức

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" làm bừng sáng trong nhận thức của nhân dân ta về con đường cách mạng duy nhất đúng đắn, con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho mọi người thấy rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là cái mà chính mình đang mong đợi, khát khao

Không chỉ nói về tình hình Việt Nam hay Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói về tình hình của tất cả các thuộc

địa, và không chỉ lên án chế độ thực dân Pháp mà Người còn lên án chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc nói chung

Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo những tội ác của bọn đế quốc không phải gợi lên lòng thương xót của công nhân "Chính quốc" đối với "những người bà con nghèo" Người muốn chỉ cho công nhân "Chính quốc" thấy rõ trách nhiệm phải đoàn kết với các dân tộc thuộc địa và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của họ như là điều kiện cho sự nghiệp giải phóng của chính mình Nêu cao tư tưởng của Lênin trong việc kết hợp cách mạng vô sản ở "Chính quốc" với cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới. Người viết: "Theo Lênin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch, và vấn đề dân tộc, như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản" [1]

Đồng thời Người đề cao sức mạnh của lực lượng cách mạng của các dân tộc Đông Dương "Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ" . "Người Đông Dương tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương dấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến" [2]

* * *

Tiếp thu sâu sắc ý nghĩa to lớn của cách mạng phương Đông do Lênin phát hiện, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá

1 Hồ Chí Minh tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, tập I, tr 38
2 Hồ Chí Minh, Sđd, tập I, tr 7

rất cao vị trí, vai trò của cách mạng giải phóng dân tộc đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới và tính chủ động của cuộc cách mạng đó trong mối quan hệ với cuộc cách mạng vô sản ở các nước tư bản Nhưng Người cũng thấy hết những nhược điểm của phong trào ấy cũng như Người đã thấy những nhược điểm của phong trào công nhân ở "Chính quốc"

Các nước thuộc địa và nửa thuộc địa thường là những nước nông nghiệp, mang nhiều tàn dư của những quan hệ trung cổ - phong kiến, bộ lạc, gia trưởng, và bị chi phối bởi những thứ tôn giáo, tín ngưỡng Tuyệt đại bộ phận dân số những nước ấy là nông dân, hầu hết còn mù chữ Thành phần công nhân chiếm tỉ lệ rất thấp và phần lớn mới xuất thân từ nông dân Tư tưởng nông dân bắt nguồn từ nền sản xuất nhỏ cá thể đã tồn tại hàng nghìn năm là trở ngại lớn cho việc tiếp thu hệ tư tưởng của giai cấp vô sản Khó khăn là ở chỗ không thể khắc phục nhanh chóng được những thói quen bảo thủ, trì trệ trong đời sống, bám rễ trong một trật tự xã hội đã tồn tại lâu đời mà thói quen, như Lênin nói, có một sức mạnh ghê gớm

Tư tưởng nông dân cũng là cơ sở của chủ nghĩa dân tộc tư sản hẹp hòi, sôvanh

Vì vậy trong khi chuẩn bị về mặt chính trị và tư tưởng cho cách mạng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đứng trên quan điểm, lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, nêu cao tư tưởng của giai cấp công nhân, phê phán rất mạnh mẽ, rất nghiêm khắc các tư tưởng không vô sản, đặc biệt là tư tưởng nông dân Trên diễn đàn của Đại hội lần thứ nhất Quốc tế nông dân, tháng 10 năm 1923 Chủ tịch Hồ Chí Minh nói

"Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai

cấp nông dân Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, mơn trớn nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là đông lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lênin mà thôi"[1]

Là vị lãnh tụ đầu tiên của giai cấp vô sản và của dân tộc thuộc địa, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản ở một nước đế quốc có nhiều thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành một công tác tuyên truyền rộng rãi trong anh em lao động các thuộc địa khác, giáo dục cho họ tình đoàn kết giữa họ với nhau, với nhân dân Việt Nam và với giai cấp công nhân "Chính quốc" Người kêu gọi họ. "*Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em*"

"*Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ sự bạo ngược của chế độ thực dân Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta*"

"*Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta*" Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà cách mạng thuộc địa đầu tiên không những chỉ nhận thức mà còn tổ chức việc đưa cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, theo tư tưởng của Lênin Sau khi khẳng định được con đường đúng đắn nhất để giải phóng cho tất cả các dân tộc bị áp bức, Người đã tập hợp và tổ chức các lực lượng cách mạng thuộc địa, lập ra "*Hội liên hiệp thuộc địa*", sáng lập và làm tổng biên tập tờ báo "*Người cùng khổ*" (Le Paria). Rời nước Pháp, Người còn để lại những dòng chữ đầy tâm huyết với những nhà hoạt động và với những người bạn cùng chung lý

1 Hồ Chí Minh, Sđd, tập I, tr 12 – 13

tương "*Công việc chung của chúng ta "Hội liên hiệp thuộc địa" và tờ báo "Người cùng khổ" đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính, biết rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn ca mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do bình đẳng và bác ái*"

Hoạt động của Người ở Pháp và châu Âu trong thời kỳ ấy là nhằm tạo cơ sở về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức để giúp đẩy mạnh phong trào yêu nước và phản đế ở chính trong nước, đồng thời xúc tiến việc thành lập Đảng Cộng sản tại Việt Nam.

Trong khi tập hợp và tổ chức các lực lượng cách mạng thuộc địa trên đất Pháp, Người làm cho họ đi tới nhận thức rằng nhiệm vụ chính của họ là lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc ngay trên đất nước mình.

Với lòng yêu nước thương dân, thương yêu quần chúng lao khổ trên toàn thế giới, Người nhắc nhở các anh em thuộc địa về những nhiệm vụ cấp bách của họ. Người làm việc đó như một người bạn, người anh em, người đồng chí, góp ý kiến gợi ý và tôn trọng tinh thần tự nguyện tự giác của anh em.

Chúng ta phải làm gì? Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tuỳ hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta"

"*Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập*"[*]

"*Có lẽ một vài người trong các bạn cũng phải và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện*

[*] Tôi nhấn mạnh - NKT

thời của chúng ta, củng cố "Hội liên hiệp thuộc địa" và phát triển tờ báo "Người cùng khổ" của chúng ta"[1]

Sau khi rời nước Pháp, Người còn viết thư trình bày với Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp những ý kiến luôn luôn nung nấu Người về ý nghĩa của vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc đối với cách mạng vô sản trong thời đại mới

Những năm hoạt động tại các tổ chức của Quốc tế cộng sản, Người càng có thêm nhiều điều kiện để truyền bá rộng rãi những quan điểm của Lênin, của Quốc tế cộng sản về cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc Cuối năm 1924, về tới Quảng Châu (Trung Quốc), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi tới chỗ thực hiện những tư tưởng cách mạng của mình đối với Tổ quốc Việt Nam, bằng một bước ngoặt vĩ đại - thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mà thoạt tiên là thành lập tổ chức tiền thân của nó - *"Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội"*

Tác phẩm *Đường cách mệnh* của Người là chương trình hành động của Hội, tác phẩm mở đầu bằng câu trích từ tác phẩm *Làm gì?* của Lênin.

"Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động. . Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, Đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"

Đường cách mệnh có tác dụng lớn trong việc bồi dưỡng những chiến sĩ cộng sản Việt Nam đầu tiên, hạt nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam

Công việc bồi dưỡng và rèn luyện lý luận cách mạng được thực hiện trong đấu tranh thực tiễn, trong việc kết hợp phong trào yêu nước chống đế quốc với phong trào công nhân để nâng cao ý thức cộng sản chủ nghĩa cho giai cấp công nhân và những người yêu nước của Việt Nam

1 *Hồ Chí Minh*, Sđd, tập I, tr 13

Kết quả là *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* đã khắc phục được những xu hướng dân tộc chủ nghĩa, tư sản và tiểu tư sản, hữu và tả khuynh, thống nhất phong trào công sản vào một mối, đánh dấu bằng việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930, mở ra một giai đoạn mới của lịch sử cách mạng Việt Nam, diễn ra dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân

BÁC HỒ
NHÀ GIÁO DỤC THIÊN TÀI NHẤT
CŨNG LÀ GIẢN DỊ NHẤT CỦA DÂN TỘC*

Nói như vậy, chắc có người còn luyến tiếc Nho giáo, vội báo vì Bác vẫn mang phẩm chất của nhà Nho

Không! Một nghìn lần không!

Bác là nhà giáo dục thiên tài vĩ đại, đồng thời giản dị nhất của dân tộc, là vì Bác là tinh hoa của một dân tộc "vốn xưng nền văn hiến từ lâu"

Giá trị, cũng là sức mạnh của văn hiến ấy là suốt 4000 năm, nó tự bảo vệ được nó Hương sắc của văn hiến ấy không phải cái gì khác hơn là độc lập, tự do

Từ thời niên thiếu, trái tim Bác tràn ngập tình yêu Tổ quốc nồng nàn và lòng thương dân vô hạn

Một Tổ quốc "Non xanh xanh, nước xanh xanh, Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ", nhưng đã một thế kỷ, bị giặc ngoại chia cắt, dày xéo, đồng ruộng thành đất cằn, làng mạc thành lều xiêu, vách nát

Nhân dân lao động cần cù, thông minh, khéo léo, từ thời cổ, đã có công dựng lên một nền văn minh xán lạn Nhưng trong một trăm năm, bị giặc ngoại dày đoạ trong kiếp nô lệ Năm 1944 - 1945, thấy người chết đói nằm đầy đường Chợ búa vắng người mua, nhưng lại đầy ắp những đoàn người da bọc lấy xương, kéo nhau đi ăn xin

Trong đêm tối mùa đông giá lạnh, ngoài đường vắng bóng người qua lại, chỉ nghe tiếng rao hàng vang lên như

---

* Tập san đặc biệt *40 mùa thu khai trường 1945 - 1985* do Bộ Giáo dục và Công đoàn giáo dục Việt Nam xuất bản H., 1985 tr. 6 - 8

khóc như rên của những trẻ em 8 đến 10 tuổi rách rưới, bán rong quà vặt

Những nạn nhân trong trắng và ngây thơ như vậy của chế độ thực dân, kể có đến hàng triệu trên đất nước 4000 năm văn hiến này. Họ sẽ là những người chủ tương lai của nước Việt Nam độc lập, tự do, thống nhất, xã hội chu nghĩa. Họ là một đối tượng chính của tình thương yêu, đùm bọc của Bác

Khi Cách mạng Tháng Tám mới thành công, thiên tai, địch hoạ - lũ lụt, nạn đói hình như hẹn hò với nhau ập đến, trong khi đất nước thiếu thốn đủ mọi thứ Kinh tế kiệt quệ, lực lượng vũ trang của ta chỉ mới bắt đầu xây dựng, thiếu vũ khí Dưới danh nghĩa tước vũ khí của Nhật, quân "đồng minh" rầm rộ kéo nhau vào, thực tế để thủ tiêu những thành quả của cách mạng, cướp đoạt, bóc lột, vơ vét của cải tiền bạc của nhân dân ta, ở miền Nam, thực dân Pháp bắt đầu gây chiến tranh xâm lược

Trong hoàn cảnh gay go như vậy, làm thế nào gánh vác nổi cái di sản nặng nề của thực dân để lại với 95% dân số còn mù chữ?

Thiên tài sáng tạo của Bác Hồ và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng được Bác rèn luyện, giáo dục và lãnh đạo và chỉ ngay con đường đưa cách mạng Việt Nam và dân tộc Việt Nam tới tương lai sáng của

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau khi Người đọc Bản Tuyên ngôn độc lập, Người nêu ra sáu nhiệm vụ cấp bách, sau đó được cô đúc lại thành ba nhiệm vụ chính Một là diệt giặc ngoại xâm, hai là diệt giặc đói, ba là diệt giặc dốt

Trong tinh thần phấn khởi cách mạng không bờ bến, đồng bào cả nước ta đón chào những lời dạy thiêng liêng của lãnh tụ kính yêu

Cuộc cải cách giáo dục đầu tiên được thực hiện vào năm học 1950 - 1951 Thực tế, nó bắt đầu, hoặc điểm xuất phát

của nó nảy ra sớm hơn, khi Bác quyết định thanh toán nạn mù chữ đi liền với sắc lệnh của Người thành lập Nha Bình dân học vụ trong Bộ Giáo dục, "Toàn dân đi học", "đi học là yêu nước", nhiệm vụ rất trọng đại, khẩu hiệu rất hấp dẫn. Nhưng làm thế nào mà hàng chục triệu người có thể đồng thời cắp sách đến trường được? Trong một lúc tìm đâu ra hàng nghìn, hàng vạn lớp học? Tìm đâu ra một lúc hàng vạn, hàng chục vạn thầy giáo

Bác đã giải quyết tất cả những khó khăn ấy một cách vừa đơn giản, vừa đúng đắn, vững chắc, hợp tình hợp lý. Người biết chữ dạy người chưa biết chữ, bất cứ ai, già, trẻ, người làm thợ, làm thuê, làm mướn, đều có thể đi học bất cứ giờ nào trong ngày, sáng, trưa, chiều, tối, khi nào rỗi thì có thể đi học, bất cứ chỗ nào cũng có thể lấy làm lớp học - trong gia đình, trong vườn, trên vỉa hè, ở chợ, trong công xưởng, trên cánh đồng

Không những đồng bào trong nước, mà cả Việt kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng, nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch về vấn đề thanh toán nạn mù chữ. Trong thời kỳ chống Pháp, phong trào thanh toán nạn mù chữ đi sâu vào cả đồng bào những vùng tạm bị chiếm, ở đó nhiều lớp bình dân học vụ biến thành những cơ quan tuyên truyền kháng chiến

Trên cơ sở của những kết quả tốt đẹp của ngành bình dân học vụ, và tiếp theo đó là cuộc cải cách được thực hiện trong hệ thống giáo dục phổ thông, sự chuyển biến từ giáo dục thực dân thành giáo dục dân chủ nhân dân như là bước quá độ tiến tới giáo dục xã hội chủ nghĩa, mở ra một thời kỳ phát triển nhảy vọt của nền giáo dục quốc dân ở Việt Nam, được sự đồng tình, ủng hộ và kính phục của thế giới, trước hết là các dân tộc đang phát triển Nếu thời Pháp thuộc, người ta không thể tìm thấy một em bé hoặc một thanh niên con nhà nông dân trong đám học sinh trung học, chứ

đừng nói đại học, thì những năm 50 và 60, có nhiều huyện không phải chỉ có một, mà có đến hai, ba trường trung học phổ thông, mà học sinh đều là con em nông dân và công nhân. Và cũng có nhiều gia đình nông dân có con em tốt nghiệp đại học trong nước hoặc ngoài nước. Được như vậy, trước hết là nhờ sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ đối với ngành giáo dục, nhất là giáo dục cho lớp thanh, thiếu niên và nhi đồng.

Trong kháng chiến, Bác lo lắng từng ly, từng tí về công việc học hành, sức khỏe, vui chơi giải trí, nhất là vấn đề bảo vệ các em và các cháu chống máy bay địch ném bom. Bác hỏi tỉ mỉ về những biện pháp phòng không của các trường, thậm chí Bác còn bày vẽ cho cách đào hầm trú ẩn.

Khi Bác đi thăm một tỉnh nào, một trong những nơi được Bac chú ý hơn hết là trường học. Hễ thấy trường đóng ở một nơi trống trải, không có cây cao, bóng mát, không trồng hoa, Bác chỉ thị cho Chủ tịch Ủy ban Tỉnh và hiệu trưởng phải dời ngay lập tức trường tới nơi có cây cối có bóng mát, hoặc nếu vẫn phải đóng ở chỗ cũ, thì phải trồng nhiều cây xung quanh trường, theo chủ trương trồng cây gây rừng do Bác đề xướng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra đêm 19 tháng 12 năm 1946. Hai hôm sau, khi Bộ Giáo dục đã sơ tán ra ngoại thành, Bác viết cho Bộ trưởng và Thứ trưởng Bộ Giáo dục một bức thư ngắn, tự tay Bác đánh máy, trong đó, chủ yếu Bác chỉ thị bất chấp có chiến tranh, ngành giáo dục - cả Bình dân học vụ cũng như giáo dục phổ thông - phải hoạt động như thường. Nhưng phải tùy hoàn cảnh mà bố trí việc học của học sinh cho hợp lý. Bác đề nghị tất cả các trường phổ thông chia ngày học làm hai buổi. Buổi sáng học văn hóa, buổi chiều thầy trò tham gia lao động sản xuất, nhất là nông nghiệp.

Một điều rất độc đáo trong ngành giáo dục Việt Nam là phong trào thi đua yêu nước do Bác khởi xướng năm 1948,

trong đó, ngành giáo duc tham gia, cùng với các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, các lực lương vũ trang, và lần đầu tiên đã xuất hiên những anh hùng lao đông của ngành giáo duc

Bác săn sóc âu yếm chừng nào đối với công tác giáo duc thì Bác càng nghiêm khắc phê phán những khuyết điểm và sai sót của ngành

Khuyết điểm lớn nhất của ngành giáo duc lúc bấy giờ là lối "dạy vet và hoc vet", nhồi nhét vào đầu óc trẻ em những kiến thức vô ích, không gắn liền với thực tế

Khuyết điểm lớn thứ hai là ngành giáo duc ưa dùng chữ Hán, nhiều khi dùng sai mà không biết sai, chỉ cốt được người ta khen, là thông thái, như đồ dùng giảng day goi là "giáo cu trực quan"

Bác phê bình những khuyết điểm của ngành giáo duc không công khai, lô liễu, trước măt nhiều người mà rất tế nhi, chỉ goi riêng Bô trưởng hoăc Thứ trưởng đến để chỉ bảo

Măc dù phải gánh chiu những di hai của nền giáo duc thực dân Pháp trước kia và của chính quyền bù nhìn Nhật Trần Trong Kim, ngành giáo dục của ta đã có những thành tưu xuất sắc, có môt sự đóng góp xứng đáng vào sư nghiệp cách mang vĩ dai của dân tôc ta

"BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP" - MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ, MỘT NHÁT CUỐC ĐẦU TIÊN ĐÀO MỒ CHÔN CHỦ NGHĨA THỰC DÂN*

Trong những năm 20, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, môt cơn sóng gió cách mang hình thành và dâng lên trên bán đảo Đông Dương, "hòn ngoc quý" của đế quốc thuôc đia Pháp

Dân tôc Viêt Nam đã thưc tinh để bước nhanh vào kỷ nguyên mới của lich sử thế giới Phong trào phản đế lôi cuốn đông đảo các tầng lớp từ Bắc chí Nam - thơ thuyền, dân cày, những lớp nghèo thành thi, tiểu tư sản, trí thức, sinh viên, hoc sinh, các lớp trung lưu Mức đô và phương pháp đấu tranh khác nhau tùy mỗi môt tầng lớp xã hôi, nhưng phong trào tỏa ra môt tinh thần chung chống thưc dân Pháp, bon phong kiến phản dân hai nước và nhúm người mênh danh là "thương lưu" chủ trương hợp tác với quân cướp nước, thưc chất là tay chân cua phòng nhì[1] Phong trào biểu dương môt xu hướng và ý chí chung giành lây đôc lâp tư đo.

Theo quy luât phát triển của cơ cấu đế quốc chủ nghĩa, đó là dấu hiêu đầu tiên của sư chín muồi và bùng nổ của cuôc khủng hoảng có quy mô toàn quôc Cuôc khủng hoảng của cơ cấu ấy do mâu thuẫn giữa dân tôc Viêt Nam và đế quốc Pháp đưa tới, môt biểu hiên của cuôc tông khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, môt sư ran nứt không thê hàn gắn đươc trong hê thống thuôc đia của đế quốc Pháp

Tính chất bóc lôt thuôc đia hết sức tàn ác, man rơ và phổ biến của tư bản tài chính tăng gấp bôi sau chiến tranh, trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản ổn đinh tương đối và cuc bô là nguyên nhân chính làm nổ ra nhanh chóng và ngày

---

* *Nghiên cứu lich sử*, số 161, tháng 3 và 4-1975

1 "2e bureau" cơ quan mât vụ của thực dân Pháp

càng gay gắt mâu thuẫn nói trên vốn đã không sao điều hòa được từ khi thực dân Pháp đặt xiềng xích nô lệ vào cổ nhân dân ta

Về quy luật phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đó là một khâu chuyển tiếp tạo ra những tiền đề cho phong trào bước sang một giai đoạn lịch sử mới - giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân

Nhưng nếu những tiền đề để cho phong trào bước sang một giai đoạn mới được tạo ra trong thời kỳ này, thì phong trào yêu nước trước chiến tranh cũng đã góp phần tạo ra những tiền đề của những tiền đề ấy

*

* *

Trước chiến tranh, vào đầu thế kỷ, phong trào yêu nước ở Việt Nam về căn bản là do những sĩ phu ưu tú, có tâm huyết đứng đầu. Những tổ chức và hoạt động của họ (Đông kinh nghĩa thục, Duy tân hội, Phong trào Đông du, Việt Nam quang phục hội, v v...) có tính chất cách mạng, tinh thần chiến đấu dũng cảm. Nhưng về khái niệm, phương hướng, mục tiêu, lề lối tổ chức, biện pháp tiến hành, phong trào vẫn phát triển trong quỹ đạo và theo vết xe của chủ nghĩa tư bản, không thoát ra khỏi những tiêu chuẩn và quy trình của cách mạng tư sản kinh điển của phương Tây và Nhật Bản (Anh, Pháp, Bắc Mỹ, Minh trị)

Cùng trong khoảng thời gian đó, trong nước đã bắt đầu nảy sinh và hình thành từ các bậc thang dưới cùng của xã hội, những lực lượng mới trong đó nảy sinh những yếu tố khiến cho phong trào giải phóng dân tộc có thể và tất nhiên tiến theo chiều hướng mới

Đó là sự xuất hiện ngay từ những năm 90 của thế kỷ trước, đội ngũ đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam

Đại bộ phận họ xuất thân từ đám nông dân bị quân xâm

lược, bọn đồ tể phong kiến đại Việt gian, những tên đạo phủ của nhân dân - tổng đốc Phương, tổng đốc Lộc, Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân, và lũ gián điệp đội lốt thày tu trong giáo hội Cơ đốc cướp mất ruộng đất và đẩy vào cảnh tán gia bại sản trong thời kỳ chiến tranh xâm lược và 'bình định"

Ở những người công nhân ấy, áp bức xã hội, và bóc lột giai cấp, quyện vào, chồng chéo, dính liền với áp bức dân tộc, đày đoạ giống nòi

Anbe Xarô, một tên trùm thực dân đương thời, đã nói toạc ra số phận dành cho giai cấp công nhân thuộc địa: "Người bản xứ, da đen hay vàng. là công cụ lao động hơn là con người, chỉ có giá trị khi người ta còn dùng được nó, và người ta vứt đi khi nó đã gẫy" [1]

Đẻ ra trong hoàn cảnh đau khổ nước mất nhà tan, họ bắt buộc phải lao động trong xiềng xích và dưới roi vọt của bọn chủ nô hiện đại - bầy thực dân lang sói, với một đồng lương chết đói Cho nên, mặc dầu mới ra đời, hàng ngũ còn thưa thớt, lực lượng còn mỏng manh, nhưng những người vô sản Việt Nam ấy đã nổi dậy đấu tranh rất sớm cho quyền lợi của mình, bằng phương pháp đấu tranh riêng của mình (phong trào bãi công của thợ mỏ và công nhân đường sắt bắt đầu từ giữa những năm 90)

Đội quân chủ lực hùng hậu nhất của cách mạng thuộc địa vẫn là nông dân Ở Việt Nam nông dân đã từng là đội quân chủ lực của cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong suốt thời kỳ chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp Chí quật cường và tinh thần hy sinh anh dũng của họ đã được những nhà thơ yêu nước đương thời, đặc biệt là Nguyễn Đình Chiểu, ca ngợi nhiệt liệt Họ là con cháu của đám nông dân đã theo Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Đoàn Trưng, Đoàn Trực, Cao Bá Quát, đẩy nền thống trị bạo tàn của các vua triều Nguyễn, từ Gia

1 A Sarraut – La mise en valeur des colonies, Paris, 1923

Long đến Tự Đức, vào một cuộc khủng hoảng triền miên, đi đến bại vong. Họ mang trong mình dòng máu của những người tiến quân dưới bóng cờ đào của anh hùng áo vải Tây Sơn, viết ra một bản anh hùng ca bất hủ cuối thế kỷ XVIII, liên tiếp đánh sụp ba tập đoàn phong kiến thống trị Nguyễn, Trịnh, Lê, dồn dập quét sạch trong vài ngày mấy chục vạn quân xâm lược Xiêm La và Mãn Thanh.

Nông dân phải trả một giá rất đắt để cho thực dân Pháp đặt ách đô hộ lên đất nước ta. Lập đồn điền, khai thác mỏ, xây công sự, đặt đường sắt v.v... đi liền với cướp ruộng đất. Cơ cấu kinh tế cổ truyền bị phá hủy, nhưng những tàn tích của những quan hệ sở hữu và bóc lột phong kiến vẫn được giữ lại với một hệ thống thuế khóa mới nặng nề và phức tạp, những nghề thủ công truyền thống bị mai một, quan hệ hàng hóa và tiền tệ ngày càng thâm nhập vào nông thôn, tất cả "sứ mệnh văn minh" ấy trút lên đầu nông dân, vốn chiếm hơn 90% dân số cả nước, khiến cho nông nghiệp, nguồn sống chính của họ ngày càng tiều tuỵ, thoái hóa, đẩy họ vào cảnh bần cùng không lối thoát, nạn đói trở thành kinh niên.

Một nhân chứng - một sĩ quan Pháp, thời ấy đã nêu lên "thành tích" của "công lao khai hóa" của thực dân Pháp ở Đông Dương như sau: "Ai có dịp đi một vòng trong cái xứ Đông Dương này, sẽ phải sửng sốt trước cảnh khốn khổ cùng cực của những người bản xứ"[1]

*

* *

Trong tình cảnh đó, họ không có con đường nào khác ngoài đấu tranh. Cuộc đấu tranh liên tục của nông dân, từ đầu thế kỷ cho đến chiến tranh thế giới thứ nhất chống thực dân, phong kiến, cường hào, diễn ra dưới nhiều hình thức: khởi nghĩa, chiến tranh du kích, trực diện, đòi những

1 Cap, Fernand Bernard – Indochine, Erreurs et dangers

quyền lợi thiết thực, chống sưu cao thuế nặng, chống nạn đục khoét, tham nhũng hà hiếp trong làng xã. Điểm cao nhất là phong trào chống thuế năm 1908, thực chất là một cuộc nổi dậy của hàng triệu nông dân làm rung chuyển hầu hết các tỉnh Trung Bộ, bị bọn thực dân và triều đình Huế đàn áp cực kỳ dã man.

Chiến tranh du kích diễn ra cho tới khi chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu, tiêu biểu là phong trào Hoàng Hoa Thám, thủ lĩnh của một đội quân du kích hùng mạnh ở vùng rừng núi Việt Bắc, xuất thân là một nông dân lao động, trong 20 năm chống công cuộc "bình định" của Pháp, với mục tiêu giải phóng đất nước.

Phong trào khởi nghĩa và những hoạt động chống Pháp khác, như đánh các đồn biên phòng của thực dân Pháp, đầu độc quân đội Pháp, ném bom vào khách sạn, diệt những tên quan lại phong kiến ác ôn tay sai trung thành của thực dân, phá trại giam, ... năm nào cũng xảy ra, cả những năm chiến tranh và khắp ba kỳ Bắc, Trung Nam, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên vang dội năm 1917 của binh sĩ và tù chính trị.

Từ trong phong trào yêu nước, trong các hình thức đấu tranh chống thực dân thời kỳ ấy, đã bắt đầu nảy nở, dĩ nhiên là tự phát, những đường viền của một mặt trận dân tộc thống nhất bao gồm công nhân, nông dân, dân nghèo, các sĩ phu, binh sĩ, tiểu viên chức, những người làm công tác phục vụ (bồi bếp), sư sãi, đồng bào các dân tộc ít người.

Hướng dân chủ của cuộc vận động yêu nước thể hiện ngày càng rõ nét. Đó là một tiếng dội của tình hình thế giới lúc bấy giờ, chủ yếu thông qua hoạt động của các sĩ phu yêu nước. Họ là những bậc khoa cử, thâm nho, đã đoạn tuyệt với con đường làm quan, không chịu gắn cuộc đời mình với triều đình nhà Nguyễn, mang tội bán nước và làm tay sai cho giặc. Họ đã nghe tiếng gọi của lương tri và danh dự

Trên cương vị này, họ dễ tiếp nhận những luồng gió mới mà họ đinh dưa vào để thức tỉnh đồng bào "cổ dông quốc dân", "nâng cao sĩ khí", như họ nói

Nhưng là một điều rất sai lầm nếu nghĩ rằng chỉ nhờ khâu trung gian của các sĩ phu, phong trào yêu nước thời ấy mới có sắc thái dân chủ Về phương diên này, phải thừa nhân phần đóng góp và vai trò tích cực của các sĩ phu do ảnh hưởng từ ngoài vào. Song không thể cho đó là nguyên nhân duy nhất, càng không phải là nguồn gốc của xu hướng dân chủ của phong trào Ngược lai, cũng có thể phần nào chính họ đã chiu sức ép của những biến cố trong nước Bởi vì họ vẫn bi ràng buộc bằng nhiều sơi dây vô hình của hệ ý thức tư tưởng Nho giáo. Họ chống thực dân Pháp vì chúng là quân cướp nước, dày xéo lên Tổ quốc mình, đày đoa dân tộc mình, pham bao nhiêu tôi ác đối với nhân dân Nhưng, trong nhân thức của họ, đó là một hiên tương riêng lẻ, xúc pham trực tiếp đến tình cảm dân tộc của họ, không gắn liền với cả một giai đoan lich sử - giai đoan thống trị thế giới của chủ nghĩa tư bản. Họ không quan niêm và không thể quan niêm rằng chủ nghĩa thực dân đang là vật chướng ngai chung trên con đường tiến lên của các dân tộc nhỏ yếu

Vì vậy nên về triển vong dưng nước sau khi giành lai độc lập, họ thấy chủ nghĩa tư bản là con đường duy nhất làm cho dân giàu nước manh, dù chủ trương dùng bao lực đánh đuổi Pháp, với sư giúp đỡ của đế quốc Nhật Bản, như Phan Bội Châu, hay là chủ trương hiên đai hóa đất nước bằng cải cách, với sư hợp tác của chính đế quốc Pháp, như Phan Chu Trinh

Họ oán ghét triều đình Huế, một thùng rác lúc nhúc những tên bù nhìn tay sai đốn mat của thực dân Pháp, không còn phẩm chất và tư cách đai diên cho quốc gia, dân tộc nữa Về ý chí và quan điểm lập trường, chưa hẳn họ đã có thái đô dứt khoát đối với chế đô quân chủ nói chung như là một hình thái tổ chức xã hội Vì thế, nên nhiều người

trong lớp sĩ phu thời ấy khi nghĩ đến tương lai của nước nhà đã lấy nền quân chủ lập hiến theo kiểu nước Anh làm gương mẫu Cái gương Minh Trị của Nhật Bản cũng hấp dẫn họ.

Không thể phủ nhận lòng yêu nước chân thật, tính cương trực, chí bất khuất, gương tiết tháo của các sĩ phu thuộc thế hệ ấy. Nhưng về quan điểm, đường lối cứu dân cứu nước ở họ có những chỗ yếu cơ bản đã tạo ra những giới hạn mà bản thân họ không thể thoát ra để theo kịp tình thế khi những diễn biến của cục diện trong nước và trên thế giới thúc đẩy nó sớm muộn đi tới một bước ngoặt

Nói tóm lại, do thế giới quan, do ảnh hưởng xấu của nền giáo dục cũ, do nguồn gốc xã hội, mà họ quan niệm rằng cuộc đấu tranh của dân tộc ta chống thực dân để giành độc lập là một hiện tượng riêng biệt, chứ không phải là một khâu, một mắt xích trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường phát triển của lịch sử thế giới ngày nay

Cuộc đấu tranh cách mạng của đông đảo quần chúng nhân dân dưới các hình thức như bãi công, khởi nghĩa, chiến tranh du kích kháng thuế, v v có tính độc lập, hầu hết đã vượt ra ngoài khuôn khổ đường lối của các sĩ phu đứng đầu phong trào yêu nước và các tổ chức của họ Chính cuộc đấu tranh đó đã tạo ra cơ sở để cho phong trào phản đế tiến theo hướng dân chủ

Vì đó là cuộc chạm trán mặt giáp mặt với quân thù, của những người trực tiếp chịu đựng tất cả những đau khổ tủi nhục của ách thực dân Họ làm ra tất cả những của cải để cho bọn thực dân vơ vét, cướp đoạt và dùng làm công cụ quay lại đàn áp và bóc lột càng tàn bạo Trong tinh thần bền bỉ và quyết liệt của cuộc đấu tranh ấy nảy sinh ý thức về sức mạnh của những người làm nên sự giàu sang và uy thế của bọn thống trị Ý thức ấy càng được củng cố bởi tình đoàn kết này

nở một cách tự phát trong chiến đấu, lòng chung thủy, sống chết có nhau, giữa những người cùng chung một cảnh ngộ

Sự tiến triển của cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta trong những năm đầu của thế kỷ XX cho phép rút ra hai nét đặc thù cần được chú ý, bởi vì nó có tác dụng dọn đường cho Cách mạng Việt Nam đi tới những chân trời mới.

Một là, không có những hàng rào nào, vật chất và tinh thần, chính trị, kinh tế - xã hội, pháp lý, tư tưởng văn hóa, ngăn cản hoặc trì hoãn, làm giảm nhẹ tính đối kháng và sự xung đột ác liệt giữa nhân dân ta và chủ nghĩa đế quốc Về phía nhân dân ta, đó là sự phản ứng tất nhiên dưới sức ép của một chế độ thuộc địa cực kỳ tàn bạo, nhưng cũng là sự tiếp tục những truyền thống yêu nước và chí kiên cường bất khuất của một dân tộc thà chết chứ không chịu làm nô lệ, đối với dân tộc đó, không có gì quý hơn độc lập, tự do.

Hai là, không có những hàng rào nào có thể ngăn cản những lực lượng yêu nước kết tụ, đoàn kết lại để chống kẻ thù Đó là kết quả tất nhiên, phản diện, ngược chiều của chính sách chia để trị của chủ nghĩa đế quốc, nhưng cũng là sự tiếp tục những truyền thống vĩ đại của một dân tộc đã từng dựa vào sức mạnh vô địch của tình đoàn kết dân tộc để đánh thắng bất cứ kẻ thù nào

Tinh thần cách mạng kiên cường, triệt để và tình đoàn kết chiến đấu vốn đã có từ ngàn năm trong dòng máu của người Việt Nam Đó là vốn quý của dân tộc ta Ở thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, nó được quy tụ và thể hiện một cách sâu sắc và phong phú nhất ở giai cấp vô sản, bộ phận tiên tiến nhất của dân tộc

Người công nhân Việt Nam ra trường chiến đấu từ tuổi sơ sinh với hai tư cách đại diện cho giai cấp có sứ mạng lịch

sự xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng thế giới mới, không có áp bức, bóc lột, và đại diện cho một dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân - hình thái bóc lột phản động, tàn nhẫn trắng trợn nhất của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tột cùng của nó

Đầu thế kỷ này, phong trào công nhân ở ta tuy chưa có vai trò nổi bật trong đời sống chính trị và còn tự phát, nhưng nó hoàn toàn độc lập và sự có mặt của nó, dù còn mờ nhạt, trong phong trào giải phóng dân tộc chung, trong bối cảnh lịch sử khi dân tộc ta cũng như cả châu Á, bắt đầu thức tỉnh là một yếu tố tích cực quan trọng góp phần đẩy phong trào về hướng dân chủ

Điều đáng chú ý là giai cấp công nhân Việt Nam sinh ra và bắt đầu đấu tranh khi giai cấp tư sản bản xứ chưa ra đời

Một nhân tố nữa khiến cho mâu thuẫn giữa xu hướng phát triển của phong trào cả về bề rộng, cả về bề sâu, và những giới hạn của đường lối cứu nước của các tổ chức và nhân vật yêu nước hồi ấy bộc lộ ngày một rõ là sự khủng bố tàn bạo của thực dân Chúng nhấn chìm trong biển máu mọi biểu hiện của tinh thần yêu nước, không phân biệt nó xuất phát từ tầng lớp nào, mang màu sắc, xu hướng gì và dưới hình thức nào

Chúng giết hại và giam cùm những nhân sĩ, những tổ chức yêu nước hoạt động hoàn toàn trong khuôn khổ, nền nếp và triết lý tư sản (thậm chí có người thành thực chủ trương chung sống và hợp tác với chúng) cũng như chúng tàn sát đàn áp khốc liệt những chiến sĩ du kích, những người khởi nghĩa, những công nhân, nông dân, người nghèo đấu tranh để bảo vệ quyền sống Tất cả đều bị chúng ghép vào tội "làm giặc", "làm loạn", "làm rối loạn trật tự trị an"

Dưới những đòn tấn công ác liệt, man rợ của quân thù, những tổ chức yêu nước như Duy tân hội, Đông kinh nghĩa thục suy yếu và tàn lụi dần, chủ yếu không phải vì hầu

hết thủ lĩnh của họ bị sát hại và tù đày, không phải vì họ sợ hy sinh gian khổ, mà chính là vì họ không có gốc rễ trong đông đảo quần chúng nhân dân, và hoạt động theo phương thức cũ rõ ràng không có triển đồ ách thống trị của thực dân không lay chuyển, mà ngày càng nặng thêm, nỗi thống khổ của nhân dân thêm chồng chất, ngày giải phóng càng tối tăm, mù mịt

Trong khi đó, tầng tầng, lớp lớp quần chúng nhân dân không sao chịu đựng nổi kiếp ngựa trâu, lòng tràn ngập căm thù, vẫn tiến lên chiến đấu Tinh thần chiến đấu của họ ngày càng cao, bất chấp khủng bố

*

* *

Như vậy là cuộc sống đặt ra cho đội ngũ ưu tú nhất của những người yêu nước Việt Nam nhiệm vụ đi tìm con đường cứu dân, cứu nước đúng đắn để sự nghiệp giải phóng dân tộc tiến lên một cách vững chắc. Lịch sử trao trách nhiệm ấy cho bộ phận tiên tiến, năng động nhất của các lực lượng yêu nước, đứng đầu là lãnh tụ trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc không phải là người Việt Nam yêu nước đầu tiên đi ra nước ngoài để mưu việc lớn Nhưng, Người đi và mang theo một hoài bão không giống như các sĩ phu đã từng xuất dương trước Người

Những nhân vật này xuất dương cốt để yêu cầu và vận động giới cầm quyền những nước giầu mạnh trong phe tư bản chủ nghĩa giúp Việt Nam đánh đuổi pháp, giành độc lập Như vậy, trong nhận thức họ cho rằng sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam chỉ hoàn thành được nhờ có sự giúp đỡ của người ngoài Người ngoài đây lại không phải ai khác ngoài bè lũ đế quốc Họ chưa phân biệt được địch, ta, bạn, thù

Dĩ nhiên nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc ra đi như là một thanh niên yêu nước. Nhưng, nhiệt tình yêu nước của Người không phải chỉ đưa tiên sư tủi nhục chung của người dân nô lệ, của một dân tộc mất quyền độc lập, mà nó còn bắt nguồn từ cảnh lầm than đau khổ không bút nào tả xiết, nó là số phận của những người dân mất nước, và cuộc đấu tranh kiên cường, oanh liệt, một mất một còn của đông đảo nhân dân lao động chống bọn áp bức bóc lột và cái chế độ bạo tàn dựa trên súng đạn, máy chém, nhà tù của bọn chủ nô.

Cái thực tế tàn nhẫn và kinh nghiệm xương máu ấy đã rọi vào ý thức của những người cách mạng yêu nước tiên tiến đã từng gần gũi, lăn lộn, đồng cam cộng khổ với quần chúng, chiếu sáng cho họ nhận thức rõ sức mạnh nòng cốt của sự nghiệp cứu dân cứu nước chính là ở nhân dân lao động. Họ thấy được rằng mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa đế quốc tập trung, gay gắt và có tính chất bùng nổ hơn hết chính là trên bình diện này. Vì vậy nó làm cho dễ phân biệt ranh giới chỉ có những người cùng khổ, bị áp bức như họ mới có thể thông cảm với họ, mới thành thật ủng hộ, đồng tâm hiệp lực với họ, mới thủy chung cùng họ đứng trong một chiến hào.

Và cái mà những nhà cách mạng yêu nước tiền tiến có trách nhiệm tìm kiếm để cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc nhất định đi đến thắng lợi, không phải ở chỗ đi cầu cạnh một nước đế quốc khác giúp mình giải phóng, cũng không phải những phương pháp lẻ tẻ, những thủ thuật, hoặc một cái cẩm nang nào đó, mà là một tôn chỉ, một đường lối, ánh sáng của chân lý, nó có thể giải đáp một cách cơ bản và đúng đắn những câu hỏi mà cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đang đặt ra.

Được hướng dẫn bởi những mục tiêu ấy, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc ra đi, hướng về phương Tây, mấy năm trước khi chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra.

Đi về phương Tây không phải vì Người bị thu hút và khuất phục bởi nước sơn hào nhoáng của nền văn minh tư bản chủ nghĩa đã kéo theo vết xe của nước "Mặt trời mọc", và nước này đã trở thành một nước công nghiệp phát triển hiện đại đang tranh giành quyền bá chủ với các cường quốc đế quốc chủ nghĩa phương Tây Nền văn minh tư bản chủ nghĩa ấy đã tấn công, làm rung chuyển và buộc phải nhường bộ cho nó cái vương quốc phong kiến lâu đời và hùng mạnh nhất châu Á, và sự kiện này đã tác động và làm lung lạc đến tư tưởng ý thức của những nhân vật tiêu biểu cho giới thượng lưu trí thức Trung Quốc dưới triều Mãn Thanh như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu Chính nước sơn hào nhoáng của nền văn minh ấy đã làm cho nhiều sĩ phu Việt Nam yêu nước đầu thế kỷ này đi chệch đường trong việc tìm kiếm bạn đồng minh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc

Nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đi về phương Tây vì mục đích cách mạng, theo ý nghĩa triệt để của từ đó. Bởi vì một thứ linh tính, nói đúng hơn, một thứ nhạy cảm cách mạng báo cho Người rằng chính ở đây mới có thể phát hiện ra cái đầu mối, cái nguồn gốc của những thảm họa mà chủ nghĩa thực dân, dưới danh nghĩa và đội cái lốt của nền văn minh ấy, đã mang lại cho các dân tộc phương Đông trong đó có dân tộc Việt Nam

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi lấy tư cách là một người lao động bình thường, trong thân phận của một người lao công trên tàu biển, mặc dầu mình gầy thân yếu, nhưng có một sức mạnh tinh thần phi thường, quyết chí xông pha và vượt qua sóng gió, thử thách

Với bản chất của một chiến sĩ cách mạng của thời đại mới, đại diện cho đông đảo quần chúng lao khổ bị áp bức, Người có một lòng tin không lay chuyển ở cách mạng. Cách

mang nhất định thắng, nếu những người bị áp bức được giác ngộ để tự mình ra tay giải phóng lấy mình, và nếu cuộc đấu tranh của họ đi đúng hướng

Trong hoàn cảnh khủng bố thuộc địa, thực dân bịt tất cả mọi đường liên lạc giữa nhân dân ta và thế giới bên ngoài, những nhân sĩ yêu nước Việt Nam thời ấy, muốn ra hoạt động ở nước ngoài, thường phải cải trang. Có thể nói đó cũng là một lý do khiến nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc phải cải trang. Chúng ta đều biết, đề cao cảnh giác cách mạng, tuyệt đối giữ bí mật đối với Người, luôn luôn là nguyên tắc cao nhất bảo vệ cách mạng.

Nhưng chắc chắn đó không phải là lý do duy nhất và chủ yếu. Vì Người ra đi không như những nhà cách mạng thuộc lớp trước, những người được gọi một cách kính trọng là các nhà chí sĩ. Người ra đi với tư cách và tâm hồn của một người lao động, một công nhân thực sự, không phải chỉ vì đức khiêm tốn khác thường của Người, mà chính vì quan niệm của Người về hoạt động cách mạng, về mục tiêu và phương hướng của cách mạng và về tư cách và trách nhiệm của người làm cách mạng căn bản đã khác so với quan niệm của những người yêu nước thuộc thế hệ cũ.

Mục đích xuất dương của Người là làm cách mạng, nhưng không phải đứng trên quần chúng nhân dân, hoặc đứng ngoài quần chúng nhân dân để làm cách mạng, mà phải làm chiến sĩ cách mạng của quần chúng nhân dân, từ trong quần chúng nhân dân mà ra, vì quần chúng nhân dân là động lực và linh hồn của cách mạng.

Có một chí hướng rõ ràng, được trang bị về tư tưởng và tinh thần, với tư cách, tâm hồn và tác phong của một người con của nhân dân lao động, nhà cách mạng trẻ tuổi có thể đi khắp đó đây để tiếp thu tại chỗ dưới muôn màu muôn vẻ những cái sinh động, phản ánh cuộc sống và có thể bồi đắp, bổ sung, chứng minh và rọi thêm ánh sáng để dẫn Người tới

cái chân lý mà thực tế cách mạng trong nước đã nhen lên trong linh cảm của Người tia lửa đầu tiên

Người tiếp thu không phải như một "quan sát viên" thông thường, như nhà văn, nhà báo, nhà xã hội học, đi thu thập tài liệu thực tế để về sáng tác, viết thành quyển tiểu thuyết, thiên phóng sự hay công trình nghiên cứu Tất nhiên Người đi quan sát cũng để sáng tác, nhưng trong công trình sáng tác của Người sẽ thể hiện trong sự góp phần mở ra một trang sử mới của nước nhà Người viết ra nó vì nhân dân Việt Nam mà Người nguyện hết lòng hết sức phục vụ suốt đời

Điều mà Người quan sát, Người tiếp thu một cách sáng tạo, chứ không ghi chép một cách thụ động

Muốn tiếp thu sáng tạo thì phải là người trong cuộc, toàn tâm toàn ý hòa mình vào cuộc sống bấy nổi ba chìm, đầy gian truân khổ ải của những người anh em cùng hội cùng thuyền trên năm châu bốn bể

Từ cách ấy, sự nhìn xa trông rộng của một tư duy cách mạng sắc bén thấu suốt bản chất của sự vật, một trái tim rực cháy tình cảm đối với những người bị áp bức, bị bóc lột, sục sôi hận thù đối với bọn áp bức bóc lột làm cho người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, từ Á sang Âu, từ châu Phi đến châu Mỹ, ở những trung tâm lộng lẫy của nền văn minh hiện đại - Paris, Luân Đôn, Niu Óoc, cũng như ở các xứ thuộc địa xa xôi, thấy đâu đâu cũng phơi bày bức tranh của hai thế giới trái ngược nhau khủng khiếp một bên là thiên đường của hạng người giàu sang, những nhà triệu phú, sống trong cảnh đế vương, một bên là địa ngục của hàng triệu người, bần cùng đói rách thuộc các màu da trắng, vàng, đen, đỏ, sống kiếp trâu ngựa

Song, như vậy cũng chưa phải đã có đầy đủ tất cả những yếu tố để nhận thức ra ngay được chân lý.

* * *

Chiến tranh thế giới thứ nhất là một màn đã làm cho nhân thức về cuc diên thế giới hiên đai và những diễn biến phức tap của nó, của lãnh tu Nguyễn Ái Quốc và những nhà cách mang Việt Nam cùng một chí hướng với Người tiến thêm một bước Vì cuộc chiến tranh ấy là sư phổ biến một cách tập trung và tàn nhẫn quy mô toàn cầu, tấn bi kich của thế kỷ mà Việt Nam là một nan nhân

Cuộc chiến tranh đó tác đông đến cuc diên thế giới về hai măt - một măt, nó bộc lô sư suy yếu của hê thống đế quốc chủ nghĩa , măt khác, nó lai là một cơ hôi để cho chủ nghĩa đế quốc tăng cường ách bóc lôt đối với giai cấp vô sản và các dân tộc bi áp bức

Tình hình ở Việt Nam trong thời kỳ đó là kết quả của sư tác đông của chiến tranh về hai măt ấy Sư tăng cường áp bức, bóc lôt thể hiên ở sư đóng góp năng nề của nhân dân Việt Nam cho chiến tranh Hàng chuc van người Việt Nam trai tráng khỏe manh bi bắt đi làm bia đỡ đan và phuc dich trên các chiến trường châu Âu, chính quyền thực dân vơ vét tiền bac, thóc gao, lương thực, thực phẩm và đủ các thứ nguyên liêu để cung cấp cho chiến tranh Thuế má tăng thêm Nông nghiệp, các nghề thủ công đình đốn Các xí nghiệp, các công trình xây dựng ngừng hoat động hoặc giảm sút Hàng nghìn công nhân bi thất nghiệp Giá gao và các thực phẩm tăng vot Nan đói xảy ra liên tiếp

Về chính tri thì khủng bố, đàn áp dùng luật nhà binh trong thời chiến để bóp nghet bất cứ biểu hiên nào của tinh thần bất mãn và phẫn nô trong dân chúng

Nhưng một măt nữa, nhân dân Việt Nam, tỏ ra bất khuất, nổi dây đấu tranh và những lực lương yêu nước Việt Nam dũng cảm đã biết lợi dung thời cơ khi thực dân Pháp ở vào một tình thế khủng hoảng và gặp khó khăn trên chiến trường châu Âu, để phát đông một làn sóng đấu tranh cách mang mãnh liệt Trong những năm ấy, bất chấp sức ép của

bô máy đàn áp của thực dân, đã nô ra trong các nước, như một sư phản ứng dây chuyền, hàng loat cuộc khởi nghĩa trong đó có cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên oanh liệt.

Cũng nên nhắc lai một điểm trong những năm đó, một mặt, vì bận về chiến tranh, mặt khác, lo sơ trước phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp phải nới rông ít nhiều cho tư bản Việt Nam đầu tư vốn vào một vài ngành, trước hết là những ngành chế biến nguyên liệu trong nước và cũng để cung cấp sản phẩm cho chiến trường Với vài sư nhượng bô nhỏ giot ấy, đế quốc Pháp đinh mua chuộc và lôi kéo nhóm người mà chúng goi là "thương lưu bản xứ" và qua những người phát ngôn của bon này , ru ngủ nhân dân ta, hô hào hợp tác với "mẫu quốc", dốc càng nhiều sức người sức của ra giúp nước me đánh thắng "Đức tăc", và giơ ra cái bánh vẽ "tư trị" cho Việt Nam sau chiến tranh

Làn sóng đấu tranh và nổi dây trong suốt mấy năm ấy là câu trả lời đích đáng và nhất quán của nhân dân ta

Chủ nghĩa dân tộc cải lương, được thực dân Pháp hà hơi xem chừng khó ngóc đầu lên được

Chiến tranh, vì thế, về khách quan, đã góp phần đáng kể thức tỉnh nhân dân ta, bộc lô tất cả sư giả dối, lừa phỉnh bỉ ổi, phơi trần bản chất phản dông tồi tệ nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Có ai còn có áo tưởng tin rằng chủ nghĩa đế quốc tượng trưng cho nền văn minh thì thấy đây hàng chục triệu người trên trái đất trong chốc lát bi đẩy vào một lò sát sinh khủng khiếp. Bao nhiêu của cải và giá tri văn hóa của loài người tao nên trong hàng thế kỷ bi hủy diệt, vì quyền lơi ích kỷ, bẩn thỉu của một bon cá mập ở dăm ba nước đế quốc Mục đích của chiến tranh ấy là ăn cướp, bóc lột, ăn bám, mà bảo là "văn minh", bảo chiến tranh ấy là "vì công lý", "vì tư do". Vậy mà khi tiếng súng mới nổ tân đâu đâu, cách Việt Nam hàng nửa vòng trái đất, đã vội khủng bố, bắt bớ, săn người

như săn thú để ném ho vào cuộc chém giết khổng lô Bao nhờ có "mẫu quốc bảo hô" dân bản xứ mới được yên lành, an cư lac nghiệp, trong khi đó, kẻ "bảo hô" lai không tư bảo hô được mình, mà bắt những người mà mình "bảo hô" - dân thuộc dia "man rơ" - bảo hô mình!

Từ đó, nhân dân và những người Việt Nam yêu nước tiên tiến đã thấy rõ trắng đen, càng nhân rõ bô măt thật của cái 'văn minh" ăn cướp, giết người của chủ nghĩa thực dân, thấy rằng chính cuộc chiến tranh đó chống lai mình, tăng thêm nỗi thống khổ cho mình Những người bi áp bức chỉ còn có môt con đường là phải đấu tranh, phải dùng bao lực cách mang mới thoát khỏi lầm than

Nhưng, điều quan trong, có tác dung chuẩn bi về măt tư tương để lãnh tu Nguyễn Ái Quốc tiến môt bước quyết đinh từ chủ nghĩa yêu nước lên chủ nghĩa Mac - Lênin, đó là thái đô của giai cấp công nhân ơ chính quốc, cu thể là thái đô của chính đảng của giai cấp ấy đối với cuộc chiến tranh đó Thái đô này gắn liền môt cách hữu cơ, với thái đô đối với sư nghiệp giải phóng của các dân tôc bi ap bức

Cuộc chiến tranh ấy là cực kỳ phản đông Nó nhằm duy trì và củng cố đia vi thống trị của chủ nghĩa đế quốc trong khi hê thống tư bản chủ nghĩa bước vào thời kỳ suy vong với sư bùng nổ của những mâu thuẫn của nó, mà cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất là tín hiệu đầu tiên hiển nhiên nhất, cũng là lúc thế giới ở vao đêm trước của các mang xã hôi chu nghĩa

Lênin đã từng chỉ rõ thái đô của giai cấp vô sản của cách mang là chống cuộc chiên tranh đó Không phải chống môt cách bi đông và bằng lời nói mà phải chống môt cách tích cực, bằng hành đông cách mang, trước hết là biến chiến tranh đế quốc thành nôi chiến, lật đô giai cấp bóc lột, đưa cách mang vô sản đến thắng lơi, bắt tay với giai cấp vô sản các nước, thừa nhân và thực hiên quyền tư quyết của các dân

tộc bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội

Đó cũng là lập trường của phe tả, bộ phận cách mạng trong phong trào công nhân quốc tế

Nhưng, phong trào công nhân ở các nước tư bản phương Tây từ cuối thế kỷ XIX đã bị các đảng xã hội và xã hội dân chủ của Quốc tế thứ II đi theo đường xét lại, cơ hội chủ nghĩa, khống chế. Những đảng đó ra đời trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản phát triển về bề rộng và tương đối hòa bình

Nhờ vơ vét được siêu lợi nhuận ở thuộc địa, bọn tư sản lũng đoạn có thể trích ra một phần nhỏ để mua chuộc bộ phận công nhân lành nghề và được trả lương cao, lôi kéo họ vào con đường hợp tác với giai cấp tư sản, từ bỏ con đường đấu tranh giai cấp Đó là lớp công nhân quý tộc, các lãnh tụ của họ chiếm giữ những vị trí then chốt trong các đảng xã hội và xã hội dân chủ, và các tổ chức công đoàn Tôn chỉ cao nhất của họ là làm sao cho mỗi lần có cuộc bầu cử vào Nghị viện tư sản họ chiếm được nhiều ghế

Từ đó, các đảng của Quốc tế thứ II thoái hóa, và từng bước, từng bước bỏ con đường đấu tranh giai cấp, lập trường cách mạng mà lao vào con đường hợp tác giai cấp, hòa bình giai cấp, đi theo chủ nghĩa cải lương phản bội ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đi theo chủ nghĩa sôvanh Khi chiến tranh thế giới thứ II nổ ra, thì cái tổ chức quốc tế ấy cũng tự kết liễu sự tồn tại của mình một cách không lấy gì làm vẻ vang mỗi đảng của quốc tế ấy đứng hẳn về phía giai cấp tư sản hiếu chiến nước mình, ủng hộ cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng, hô hào công nhân nước mình đi chém giết công nhân các nước khác

Chiến tranh thế giới thứ nhất là một bước mở đầu tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, đồng thời nó ghi lại sự

phá sản của quốc tế thứ II, trung tâm của những chính đang kiêu cũ mênh danh là cua giai cấp công nhân Nhưng không vì sư phản bôi của Quốc tế thứ II mà cách mang vô sản bi bóp chết hoăc bi đẩy lùi Ngược lai, bô phân cách mang của giai cấp vô sản, mà giai cấp công nhân Nga là tiêu biểu, đã tư tìm ra cách thoát khoi chiên tranh theo đường lối mà Lênin đã vach ra cho ho Cách mang xã hôi chủ nghĩa Tháng Mười thắng lơi ở Nga, thiết lập nhà nước công nông đâu tiên trên môt phần sáu trái đất, làm bó đuốc soi đường cho cách mang thế giới, mở ra môt kỷ nguyên mới trong lich sử loài người, càng đẩy manh và làm sâu thêm cuôc tổng khủng khoảng của chu nghĩa tư bạn

Chính đó là chân lý của thời đai, hoàn toàn đáp ứng và thỏa mãn hoài bão thiêt tha nhất cua lãnh tu Nguyễn Ái Quôc và tất cả những người cách mang Viêt Nam tiên tiến và nhân dân Viêt Nam muốn được giải phóng

Vi vây, nhà lãnh tu trẻ tuôi nhiêt liệt chào mừng Cách mang Tháng Mười, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và ảnh hưởng cua Cách mang Thang Mười "như người đi đường đang đói mà có cơm ăn, đang khát mà có nước uống" Đối với Người và những nhà cách mang Viêt Nam cùng theo chi hương với Người, đôi với toàn thê nhân dân ta, chủ nghĩa Mác - Lênin không chi là môt cái câm nang, mà còn là mặt trời soi sáng cho cách mang đi tới thắng lơi, và chi co chu nghĩa xã hôi va chu nghĩa công sản mới thực sư giai phóng các dân tôc

Ánh hào quang của Cách mang Tháng Mười thắng lơi khiến Người nhân thức ngay được rằng chu nghĩa Mác - Lênin là lá cờ vô đich cua cách mang, và chỉ tiến dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin thì cách mang mới đi tới thắng lơi

Người nhân thức rằng tình đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp công nhân toàn thê giới và các dân tôc bi áp bức, chủ nghĩa quốc tế vô sản là sức manh to lớn

Và trên tất cả, nhân thức bao trùm, cơ bản nhất. là phải có môt chính đảng kiêu mới của giai cấp công nhân, chân chính cách mang, Đảng Mácxít - Lêninnit, để tổ chức và lãnh đao cách mang thì cách mang mới thắng lơi

Đó là bước ngoăt quyết đinh, trên con đường lãnh tu Nguyễn Ái Quốc đi từ chú nghĩa yêu nước tới chủ nghĩa Mác-Lênin Nhân thức đó đã đưa tới hành đông đầu tiên về măt tổ chức, có ý nghĩa lich sử lớn - Người đã tham gia thành lập Đảng Công sản Pháp. Người là chiến sĩ công sản Viêt Nam đầu tiên. Từ đó, Người vừa là lãnh tu của dân tôc Viêt Nam, đồng thời là lãnh tu của giai cấp công nhân Viêt Nam, và là chiến sĩ lỗi lac của phong trào công sản quốc tế

*

* *

Trong những năm 20 sau chiến tranh thế giới thứ nhất, không khí chính tri ở Viêt Nam rất sôi nổi Thiên ha, trước hết là đám thanh niên trí thức, các lớp trung lưu thành thi đai bô phân có tinh thần yêu nước và tư tưởng dân chủ, chú ý, bàn tán, bình luân về những sư viêc có liên quan đến thời sư trong nước hoăc ngoài nước Người ta ham đoc sách báo có nói đến các vấn đề chính tri, xã hôi

Không phải vì lúc ấy thưc dân Pháp đã nới tay, để lot vào Viêt Nam môt chút tư do ngôn luân, ấn loát, tuyên truyền nào đâu, chúng vẫn khủng bố, vẫn kiếm duyêt gắt gao viêc xuất bản và lưu hành những sách báo có xu hướng tư do. Chúng ráo riết cấm hoc sinh, sinh viên và công nhân viên chức đoc các đồ "quốc cấm" ấy, dù bằng tiếng Pháp. Chỉ vì mua báo "Chuông rèn" (La Gloche Fêlée) của Nguyễn An Ninh xuất bản công khai tai Sài Gòn mà ba sinh viên Trường Cao đẳng Sư pham Hà Nôi bi cắt sinh hoat phí trong ba tháng

Sau chiến tranh, để đẩy manh công viêc khai thác thuộc đia quy mô lớn, và tăng cường nô dich nhân dân ta về măt

tư tưởng, ý thức, về chính sách văn hóa giáo đục, thực dân Pháp thi hành một số biện pháp chẳng qua cũng chỉ là những thủ đoạn bịp bợm Chế độ thi cử cũ và hệ thống giáo đục theo Nho học bị bãi bỏ, chuyển hẳn sang hệ thống giáo đục lai căng, què quặt, gọi là "Pháp - Việt" đóng khung trong cấp tiểu học và dựa vào chữ quốc ngữ và chữ Pháp Vấn đề đặt ra cho thực dân sau chiến tranh là phải đào tạo những người giúp việc và nhân viên thừa hành rẻ tiền người bản xứ cho bộ máy chính quyền thuộc địa

Đó cũng là lúc cần đẩy mạnh tuyên truyền cho "sứ mạng khai hóa" Một bọn bồi bút được đưa lên sân khấu, ca tụng văn minh phương Tây, hô hào "Pháp-Nam hợp tác" trong lĩnh vực chính trị cũng như trên bình diện văn hóa

Trong những điều kiện như vậy, chữ quốc ngữ được phổ biến rộng hơn Dĩ nhiên sách bao bằng tiếng Việt cũng xuất bản nhiều hơn trước Nhiều tờ báo hàng ngày đã xuất hiện, đưa tin tức về thời sự, cho người đọc biết ở một mức độ nhất định những gì đang xảy ra ở bên Tây, bên Tàu, bên Nga, ở Ấn Độ, ở châu Phi

Bọn bồi bút được chủ Pháp giới thiệu như là "thượng lưu trí thức", đề xướng triết học Đông Tây kết duyên Tần - Tần, muốn làm ra vẻ là những nhà tư tưởng uyên bác để tranh thủ khối óc của đám thanh niên khờ khạo, ba hoa nói đến trào lưu này, trường phái nọ trên thế giới trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng

Những thủ đoạn mà thực dân dùng để lừa bịp, trấn áp và nô dịch dân ta về mặt tinh thần, đã nhanh chóng trở thành gậy ông đập lưng ông Tựu chung, đó là những cơ hội tốt để các lực lượng yêu nước và tiến bộ tiếp tục và phát huy những truyền thống tốt đẹp của các bậc tiền bối của tổ chức yêu nước trong thời kỳ trước chiến tranh như Duy tân hội, Đông Kinh nghĩa thục, về mặt tuyên truyền, viết, phiên dịch, và cho xuất bản các loại sách chính trị, xã hội, mong góp phần

vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trong giai đoạn mới

Người ta háo hức đọc tất cả những gì có thể đọc được lọt qua lưới kiểm duyệt của bọn mật thám - bằng tiếng Việt, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp

Lúc đầu trong sự bốc đồng của một thứ chủ nghĩa lãng mạn cách mạng, nó là thuộc tính của những tâm hồn non trẻ, hăng hái, bồng bột, người ta đọc tất cả cái gì có thể vớ được, không phân biệt, miễn là nó gần gũi, hoặc ít nhiều có dính líu đến các vấn đề mà sự nghiệp cứu dân cứu nước đang đặt ra - những khái niệm về bình đẳng, tự do, bác ái theo thế giới quan của những nhà triết học tư sản, những chính kiến của các nhà cải cách Trung Quốc Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, chủ nghĩa tam dân của Tôn Dật Tiên, chủ nghĩa Găngđi, chủ nghĩa vô chính phủ của Prudông, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa công sản

Từ đó mà những từ như tư sản, vô sản, các dân tộc nhược tiểu, quyền dân tộc, tự quyết, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, cách mạng vô sản, cách mạng tư sản dân quyền,v v và tên tuổi của những nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học - Các Mác, Lênin, 5,10 năm trước đó hãy còn rất xa lạ thì nay đã trở thành quen thuộc trên đất Việt Nam

Thực dân Pháp và bọn tay sai hoảng hốt Hình như linh tính của chúng báo cho chúng biết rằng ảnh hưởng của chủ nghĩa công sản trước sau rồi cũng sẽ chiếm ưu thế ở Việt Nam Chúng nổi còi báo động Chúng đinh chăn đứng cái mà chúng gọi là "cuộc khiêu vũ trí tuệ điên loạn"[1] đang lôi cuốn thế hệ trẻ, chúng tự giao cho mình trách nhiệm điều khiển sự tiến triển của tư duy của người Việt đương thời và bắt nó quay về quỹ đạo của thế giới quan tư sản và phong kiến

Một mặt chúng công kích chủ nghĩa công sản, bôi nhọ Cách mạng Tháng Mười Nga, nói xấu Lênin và những người

1 "Saturnales intellectuelles", Phạm Quỳnh, Tạp chí *Nam Phong*, 1925

Bônsêvích Mặt khác, chúng ráo riết tuyên truyền cho các hoc thuyết duy tâm của phương Đông và phương Tây (Không giáo, Phật giáo, Bécxơn, Ôguyxtơ, Công tơ)

Nhưng, âm mưu của quân thù của cách mang Việt Nam - thưc dân Pháp, đia chủ phong kiến, tư sản mai bán và nhóm trí thức vong bản - đã thất bai Nó đưa tới kết quả ngươc lai với điều mà chúng mong đơi Thất bai đó là môt biểu hiên rất cơ bản của sư phá sản của chế đô thưc dân Pháp ở Viêt Nam

Ánh sáng của chân lý thời đai mà nhân dân ta đang khát vong và lãnh tu của cách mang Việt Nam vừa tìm thấy đúng lúc, đã lot vào Việt Nam, tỏa ra với môt sức manh không gì cản lai đươc, bởi vì nó chiếu thẳng vào trái tim và khối óc của hàng triêu quần chúng lao khổ mà bản thân ho, với cuộc đời lầm than, lich sử đấu tranh bất khuất và mơ ước, nguyên vong, cũng có đóng góp phần nào, ở môt khía canh nào đó, cho sư hình thành chân lý ấy

Điều đó chứng tỏ rằng trong hoàn cảnh lich sử mới, không phải thế giới quan của bon chủ nô - chủ nghĩa đế quốc và các thế lưc phản đông, mà là thế giới quan của giai cấp tiên tiến đang vươn lên làm chủ thế giới, mới chỉ đao đươc sư phát triển tư tưởng xã hôi ở Viêt Nam

Trong bối cảnh đấu tranh xã hôi diễn ra ở Viêt Nam trong những năm 30, đó là môt thắng lơi có tính chất chiến lươc của đường lối cách mang Thắng lơi đó là tất nhiên, có tính quy luật Bởi vì qua cuộc đấu tranh nhắc tới ở trên, và sư đối sánh lực lương trong cuộc đấu tranh ấy, cũng có thể thấy đươc ưu thế nghiêng về bên nào Chủ nghĩa đế quốc ngày càng lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản mặc dầu có thời kỳ ổn đinh tam thời và cuc bô, đỡ đòn cho phần nào, đã

đứng vào vị trí thế thủ. Để chống lại trào lưu mới đang dâng lên như nước lũ trên thế giới, nó không còn có biện pháp, sách lược, chiến lược nào khác ngoài việc bới ra trong đống rác của thời gian những vũ khí tinh thần mục nát, tiều tuy, ốm yếu của giai cấp phong kiến hoặc của giai cấp tư sản đang suy tàn

Còn nhân dân Việt Nam có cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên thắng lợi trên một phần sáu trái đất, và có phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức đã bắt đầu bừng tỉnh làm hậu thuẫn, nhất là do ý thức chính trị của bản thân về căn bản tiến kịp với nhịp đô phát triển của thời đại, có đủ điều kiện để đứng trên thế tiến công.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, quyển *Le Procès de la colonisation fransaise* (Bản án chế độ thực dân Pháp) xuất hiện Rất nhanh, nhiều người trong nước biết đến nó

Đây là lần đầu tiên ở nước ta, một quyển sách chính trị, viết bằng tiếng nước ngoài, đưa về hoàn toàn bí mật, được lan truyền nhanh và rộng một cách khác thường

Nó có sức hấp dẫn như vậy vì lần đầu tiên, những người cách mạng và nhân dân ta được biết về chủ nghĩa công sản một cách rõ ràng, đúng đắn.

Trước đó, người ta cũng đã nghe nói, biết và bàn tán về chủ nghĩa công sản như là một học thuyết cách mạng nhất. Đối với những con người bị áp bức không mong muốn gì hơn là tìm được một lối thoát cho cuộc đời tối tăm tủi nhục của mình, học thuyết ấy tất nhiên phải nhen lên một niềm hy vọng

Song, một phần vì chế độ kiểm duyệt ngặt nghèo, một phần vì báo chí phản động tuyên truyền chống cộng ráo riết, phần nữa vì trong đầu óc của nhiều người xuất thân từ các tầng lớp tiểu tư sản còn nhiều tàn dư của những hệ ý thức cũ, cho nên trong quan niệm về chủ nghĩa công sản, có nhiều điểm còn mơ hồ, lôn xôn

Bản án chế độ thực dân Pháp đã tác động như một luồng gió xua tan những đám mây mù che lấp ánh sáng mặt trời. Nó đã tác động như vậy bởi vì nó thỏa mãn được cả về lý trí, cả về tình cảm, sự mong muốn hiểu biết và lòng ngưỡng mộ của nhân dân ta về chủ nghĩa cộng sản.

Thiên tài của những nhân vật lịch sử, những người mà chúng ta gọi là vĩ nhân, bất cứ về lĩnh vực nào - chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học, hoạt động của họ tác động tích cực đến quá trình phát triển của xã hội, có đóng góp vào sự tiến bộ của loài người, không phải vì họ đã tìm ra những phép lạ gì, đã tạo ra những kỳ công đột xuất và siêu tự nhiên nào.

Sự vĩ đại của họ bắt nguồn từ trong tính chất vĩ đại của những thời đại sản sinh ra họ, là ở chỗ họ nắm được cái gì đang là niềm ước mong, cái hoài bão chung, phổ biến của một cộng đồng người đang sống ngột ngạt dưới sức ép của một thế lực phản động nào đó. Ước mong đó là chính đáng, hợp với đòi hỏi của luật tiến hóa chung của sự vật, bởi vì chính cộng đồng đó là một động lực trong cuộc vận động của lịch sử.

Họ cũng ý thức được cái gì đang là chướng ngại vật chính cho sự thực hiện ước mong đó, mặc dầu lịch sử không còn bao chứa cho sự tồn tại của nó nữa.

Điều đặc biệt quan trọng là, vì tiêu biểu cho tinh hoa của thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó, họ thấy được rằng đánh đổ chướng ngại vật ấy không phải chờ từ đâu đến, ai mang lại cho, mà đã có ngay trong những người ấp ủ ước mong đó, nếu họ được giác ngộ, có đủ tin tưởng, quyết tâm và được tổ chức.

Sau cùng, theo nguyên tắc chỉ đạo của triết học tiên tiến nhất, là triết học không phải chỉ giải thích thế giới, mà phải cải tạo thế giới, qua sự tập hợp những chiến sĩ giác ngộ nhất, trung thành nhất và kiên quyết nhất vào một đội tiên phong được tổ chức chặt chẽ, họ giáo dục quần chúng, giác

ngô quần chúng, đưa niềm tin lại cho quần chúng, vận động quần chúng, tổ chức quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh để đi tới đích.

Bản án chế độ thực dân Pháp thu hút sự chú ý của những lớp người Việt Nam tiên tiến, với một sức hấp dẫn hầu như thôi miên, chính vì tác phẩm ấy, với những việc thật, người thật, những chuyện rất bình thường xảy ra hàng ngày ở những hoàn cảnh rất cụ thể trong cái địa ngục trần gian gọi là xứ thuộc địa, với một thứ ngôn ngữ giản dị, trong sáng, nhưng rất sinh động, sắc sảo, giầu hình tượng, tiếng nói của hàng triệu người mà lẽ sống là lao động và chiến đấu, cũng là tiếng nói hàng ngày của người bình dân Việt Nam đã thể hiện ở đỉnh cao những phẩm chất vừa nêu lên

Là vì tác giả viết văn không phải để viết văn Trước hết Người là một chiến sĩ cách mạng của giai cấp công nhân và của nhân dân Cũng như các lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản - Mác, Ăngghen, Lênin, mà Người là tín đồ trung thành và lỗi lạc, đối với Người mỗi một lời nói, một câu văn, một tác phẩm, một công trình, mỗi một thể loại văn, cũng như mỗi một cử chỉ, hành động là nhằm phục vụ nhân dân và phục vụ cách mạng, đưa tới hành động cách mạng, góp phần đưa cách mạng tới thắng lợi, và trước hết là, lời nói phải kèm theo việc làm, mở đường cho hành động, lý luận phải gắn liền với thực tiễn

Đó không phải chỉ là cách viết, văn phong riêng mà trong văn học người ta thấy ở cá nhân nhà văn này hoặc nhà văn khác Đúng là cách viết riêng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, nhưng cách viết riêng đó là sự quán triệt và biểu hiện độc đáo của cả một tổng thể - thế giới quan, tư tưởng, đạo đức, hành động, tác phong, một sự tích lũy kinh nghiệm hoạt động cách mạng trong quần chúng và ở khắp nơi trên

thế giới, hiểu biết sâu sắc những đặc tính của dân tộc, nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tế Việt Nam

Cũng không nên quên rằng *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử rất khẩn trương cả đối với thế giới và trong nước, khi những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc đã đạt tới điểm bùng nổ, tinh thần chống đế quốc và ý chí phấn đấu của nhân dân Việt Nam lên cao, chờ đợi có một ngọn cờ hướng đạo đúng đắn để đi vào một cuộc chiến đấu có ý nghĩa thời đại, nó sẽ quyết định vận mệnh lịch sử của dân tộc

Vì thế cho nên - và đây là điều then chốt - nó làm cho *Bản án chế độ thực dân Pháp* có một giá trị lịch sử to lớn trong khi những lực lượng cách mạng ưu tú nhất đang phấn đấu để thành lập một Đảng cách mạng kiểu mới. Ngoài phần lý luận, tư tưởng - vạch trần bản chất của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra sự diệt vong tất yếu của nó, tính không điều hòa của mâu thuẫn giữa nó và dân tộc ta, chỉ có thể giải quyết bằng con đường cách mạng, nâng cao ý thức và lòng tin tưởng của nhân dân ta ở sức mạnh của mình, sức mạnh của đoàn kết và chiến đấu, *Bản án chế độ thực dân Pháp* còn vạch ra phương hướng, đường lối và những biện pháp đấu tranh để giành thắng lợi

Dựa vào và vận dụng học thuyết của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, hợp với hoàn cảnh của Việt Nam, *Bản án chế độ thực dân Pháp* mở đầu bằng việc lột mặt nạ chủ nghĩa đế quốc, với những bằng chứng không thể chối cãi, vạch trần bản chất phản động, dã man của chủ nghĩa thực dân

Một đòn năng, quyết hết giáng vào đầu bọn thực dân, bọn cơ hội chủ nghĩa của quốc tế thứ II và bọn tay sai bản xứ

của thực dân theo chủ nghĩa dân tộc cải lương. Nó phá tan câu chuyên hoang đường, bịp bợm, sống sương, vô liêm sỉ về "sứ mang văn minh, khai hóa" của chủ nghĩa đế quốc.

Lũ kẻ cướp "toàn cầu" bị lôi ra trước vành móng ngựa của tòa án lịch sử để trả lời về những tội ác chúng đã pham đối với loài người trong hàng mấy thế kỷ

Việc luân tội đó là một yếu tố cơ bản của sách lược tấn công Các dân tộc bị áp bức đóng vai trò cúa quan tòa xử án các tội pham

Đó là một việc làm cần thiết, đúng lúc. Sau chiến tranh, thực dân Pháp có kế hoach khai thác thuộc địa quy mô lớn nghĩa là chúng áp bức, bóc lột dân bản xứ càng khốc liệt, dã man hơn. Cùng với việc bố trí chút ít cơm thừa canh căn cho một lớp người bên trên - địa chủ, tư sản mai bản, chúng khua chuông, gõ mõ cho cái "sứ mạng khai hóa", được bon theo chủ nghĩa dân tộc cải lương mà chúng mua chuộc phu hoa và hoan hô tinh thần "Pháp - Viêt hợp tác"

Không phải không có những lớp người nhất đinh bị ru ngủ. Trong thời gian ấy, trong phong trào dân tộc ở châu Á cũng đã lọt vào tư tưởng thỏa hiệp dưới một nước sơn "lý luân" khá thâm độc. Như có người dưa ra cái thuyết "phi thực dân hóa" (décolonisation) Theo thuyết này, bon đế quốc phát triển chủ nghĩa tư bản ở các thuộc địa, "công nghiệp hóa" các nước này, đưa tới kết quả là làm cho ho sẽ tách ra khỏi các nước đế quốc, và tư ho sẽ "phi thực dân hóa"[1]

Đó phần nào cũng do ảnh hưởng của "chủ nghĩa siêu đế quốc" cúa Caoxki, một lãnh tu của Quốc tế thứ II

Bon Tơrốtkit về sau cũng dưa vào những quan điểm phản mácxít đó để hoat đông chống Đảng, chống cách mang

1 Người đề xướng thuyết đó là Rôi (Roy) một chinh khách Ấn Đô, đai diên cho giai cấp đai tư san và là người cầm cờ của chu nghĩa dân tộc cai lương

Những quan điểm trên, vô tình hay hữu ý, phục vụ lợi ích của chủ nghĩa đế quốc, tô son trát phấn cho nó, tâng bốc vai trò "tiến bộ" của nó, tư bưng tai bít mắt trước thực tế tàn nhẫn, che đấu hoặc làm lu mờ một trong những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của thời đại - mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức, giữa một nhóm tư bản lũng đoạn và 9/10 nhân dân thế giới bị chúng nô dịch

Những luồng tư tưởng ấy là có độc, kìm hãm sự giác ngộ của các dân tộc thuộc địa, cản trở cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng của họ

Rõ ràng việc tố cáo, gỡ mặt nạ giả nhân giả nghĩa, thực chất là sâu mọt, thối nát, tráo trợ, phá hoại, hoàn toàn bất nhân phi nghĩa của chủ nghĩa đế quốc bị loài người tiến bộ nguyền rủa, có một ý nghĩa lý luận tư tưởng và chính trị thời sự to lớn và sâu sắc

Phải hiểu thấu cách làm tài tình, độc đáo, khoa học - cách mạng sáng tạo, của một nhà tuyên truyền cách mạng bậc thầy, một nhà giáo dục vĩ đại khi đặt và giải quyết vấn đề

Trong một tác phẩm dày chỉ trên 100 trang sách khổ nhỏ mà đề xuất và giải quyết được những vấn đề lớn của thời đại thì phải: một, nắm thật vững vấn đề; hai, biết chắc mình nhằm đi tới đâu, ba, có tư duy tổng hợp cao độ, bốn, năm chắc đối tượng, năm, có một nghệ thuật diễn đạt sắc sảo tuyệt vời

Trong tác phẩm, những đức tính ấy được thể hiện rõ

Với những sự việc trước mắt và lời lẽ giản dị, đề ra và giải quyết những vấn đề lý luận cao xa. Những thí dụ lấy từ những việc hình như vụn vặt "mọi người đều biết" dưới một ánh sáng mới, biến thành những người sống việc sống. Tính nghiêm khắc của lời buộc tội kết hợp với giọng châm biếm của văn đả kích, tăng thêm sức mạnh cho lời tố cáo. Từ những việc riêng

lẻ, những đầu đề khác nhau, nảy ra một kết cấu lô gích dẫn tới một chính thể, một bức tranh toàn diên Trên cơ sở của những việc riêng lẻ và cu thể, tư duy của người đoc được mở mang, suy nghĩ và với một nhân thức sâu sắc và rõ ràng hơn

Cùng với lòng căm thù sôi sục đối với kẻ thù, tác phẩm tỏa ra một mối tình đồng cam công khổ, lòng thương yêu đạt đào đối với tất cả những người bị áp bức Cùng với lời kêu gọi đoàn kết lại để đánh đổ kẻ thù, tác phẩm biểu thị ý chí kiên cường cống hiến tất cả sức mình cho sự nghiệp giải phóng của họ

Qua tác phẩm, cả về nội dung và hình thức, người ta thấy tác giả là người làm chủ được tình thế và sự việc Nguyễn Ái Quốc, tác giả *Bản án chế đô thực dân Pháp*, đã báo trước Hồ Chí Minh sẽ là lãnh tu vĩ đại của cách mạng Việt Nam và chiến sĩ lỗi lạc của phong trào công sản quốc tế

Biết địch biết ta, trăm trân trăm thắng, xuất phát từ nguyên lý ấy, phải làm cho quần chúng cách mạng thấy rõ kẻ thù của mình là ai, như thế nào? Kẻ thù đó là chủ nghĩa đế quốc Tất cả những đau khổ, tai hoa trút lên đầu nhân dân ta và hàng trăm dân tộc khác trên thế giới từ nhiều thế hệ là vì sự có mặt trên trái đất này và sự tác oai tác quái của chủ nghĩa đế quốc dưới hình dang chủ nghĩa thực dân

Bản án chế đô thực dân Pháp vạch trần mâu thuẫn ấy, đưa chủ nghĩa thực dân lên bàn mổ, lột xác nó, vạch ra cái ung nhọt của thời đại

Bản án không đi từ chỗ giảng giải, phân tích dài dòng theo kiểu bác học, "hàn lâm viên" về cái nguồn gốc đã đẻ ra chủ nghĩa đế quốc, mà, như các quan tòa xử một trong tội thường làm, bắt ngay thủ phạm diễn lại tại chỗ tội ác của nó Để đánh đổ luận điệu nói láo, lừa bịp trắng trợn về "sứ mạng văn minh" Bản án nêu ra ngay một sự việc trong tội ác chống văn minh là cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất mà nhân dân ta là một nạn nhân - đó là sự đóng góp bằng xương

máu và bao nhiêu đau khổ của hàng triệu dân thuộc địa cho cuộc chiến tranh phi nghĩa ấy

Từ đó, quần chúng thấy rằng sự giầu sang phú quý của bọn đế quốc là dựa trên những núi xương bể máu của các dân tộc thuộc địa, với những thủ đoạn tàn bạo, dã man nhất, bằng nô dịch cướp đoạt, bần cùng hóa, đầu độc, ngu dân, thảm sát, diệt sinh, diệt chủng, buôn bán da mầu, được đặt ra thành quốc sách, pháp luật, chế độ, triết lý, đạo đức

Nhưng biết kẻ thù không phải để biết, hoặc để than thân trách phận, van xin bọn đạo phủ rủ lòng thương, hoặc cầu mong Thần, Phật giáng phúc Biết nó để càng căm thù nó và vùng dậy đấu tranh, làm cách mạng để tiêu diệt nó, và biết đấu tranh như thế nào, bằng cách nào để đi đến thắng lợi

Bọn thực dân bóc lột tận xương tủy, đầy ải vào kiếp ngựa trâu công nhân, nông dân, nhân dân lao động Nhưng chúng cũng chẳng đối xử tốt hơn bao nhiêu với các tầng lớp khác Dưới con mắt của chúng, tất cả những người bản xứ, dù là vua, quan, tư sản, trí thức, nam, phụ, lão, ấu, đều là đám người nô lệ, thuộc giống thấp kém Chúng có quyền đối xử như đối xử với súc vật, không hơn không kém Thậm chí, chúng có thể giết chết vô tội vạ Chúng phế truất, bỏ ngục, đầy vua nếu vua làm mất lòng chúng Một tên lính Tây bạt tai, đá đít các "quan phụ mẫu", hành hung các "cụ lớn" trước công chúng là chuyện thường Một con khỉ đột với danh nghĩa là phó khâm sứ, nửa đêm có thể đột nhập vào cung như một tên côn đồ mất hàng, đè hoàng phi còn để tang chồng ra hiếp dâm dưới mũi và râu của các đại thần và thái giám

Vạch trần các tội ác của chủ nghĩa thực dân, *Bản án* chỉ rõ chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù không đội trời chung của cả dân tộc Hễ là dân mất nước thì ai cũng là nô lệ, và ai ai cũng có quyền và có nghĩa vụ nổi dậy đập tan xiềng xích nô lệ. *Bản án* kêu gọi toàn dân đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì độc lập, tự do, cơm áo, danh dự của con người

Bản án cũng là lời luân tôi, bản cáo trang của tất cả các dân tôc bi áp bức

Tố cáo những tôi ác của chủ nghĩa thưc dân, *Bản án* cho thấy chúng pham những tôi ác đó không phải chỉ ở Viêt Nam mà ở khắp moi nơi - Angiêri, Marốc, Tuynidi, Đahômê, Camơrun, ở Ấn Đô, ở Inđônêxia, ở Philíppin, ở Mã Lai, ở khắp các châu Á, châu Phi, châu Mỹ latinh, châu Đai Dương, nơi nào mà dân bản xứ đã mất đôc lâp, tư do và phải sống dưới gót sắt của đế quốc Pháp, Anh, Mỹ, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha

Chủ nghĩa đế quốc là tai ác đối với phần đông nhân loai, là kẻ thù chung của các dân tôc bi áp bức toàn thế giới Như vây nghĩa là· Sư nghiêp giải phóng dân tôc Viêt Nam gắn liền, và là bô phân khăng khít của sư nghiêp giải phóng của các dân tôc thuôc đia

Môt trong những tôi ác nham hiểm, vô nhân đao nhất của bon đế quốc, là đưa người thuôc dân tôc này đi đàn áp, giết hai người thuôc đân tôc khác, mà đáng lẽ ho phải đoàn kết với nhau để chống chủ nghĩa thưc dân, chính nó mới là kẻ thù không đôi trời chung Với tình đoàn kết ấy, từ trong các dân tôc bi áp bức, đã bắt đầu dâng lên môt dòng thác cách mang hùng manh của thời đai, góp sức đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ("Nô lê thức tỉnh", chương III)

Có người tưởng trong bon quan cai trị thuôc đia - toàn quyền, khâm sứ, thống sứ, công sứ có đứa xấu, tàn ác, nhưng cũng có tên tốt, phúc đức Làm gì có chuyên ấy? Anbe Xarô, hay là Môrixơ Long, hay là Mácxian Méclanh, những tên toàn quyền hay những viên chức thưc dân khác, đều là bon chủ nô gian ác, tham tàn và xáo quyêt Chúng đươc cử sang đê xiết chăt xiềng xích nô lê vào cổ người bản xứ Mỗi tên đươc chon

đến trấn thủ một nơi vì nó đã lập được nhiều "chiến công", nghĩa là đã có nhiều nợ máu của các thuộc địa rồi

Có người tưởng chỉ bọn cầm quyền ở thuộc địa xấu còn trong giới cầm quyền ở "thương quốc", cũng có người thực tâm muốn dìu dắt, khai hóa cho dân thuộc địa

Bản án chế độ thực dân Pháp đập tan ảo tưởng ngây ngô ấy, vạch ra bức tranh thực tế trong đó có cả một kiến trúc thượng tầng ở chính quốc - bộ máy chính quyền, nghị viện, quân đội, các đảng phái, giáo hội,v v đều là công cụ của bọn cá mập - giai cấp tư sản lũng đoạn, đế quốc, tập đoàn thống trị, bá chủ của tất cả những nguồn của cải xã hội trong nước và ở các thuộc địa Mọi chủ trương, chính sách, thủ đoạn, mánh khóe thi hành ở thuộc địa đều do chúng quyết định hết Chính quyền thuộc địa chỉ là công cụ chấp hành

Bọn tư bản lũng đoạn dựa vào cái thế lực mà chúng đã giành được trong quá trình bóc lột tàn bạo và bần cùng hóa liên tục giai cấp vô sản chính quốc để đi ăn cướp và nô dịch các thuộc địa để rồi đưa lại vào thuộc địa mà tăng cường bóc lột giai cấp vô sản chính quốc

* *

Bản án chế độ thực dân Pháp đánh dấu một mốc quan trọng trong sự trưởng thành về ý thức cách mạng của nhân dân Việt Nam Nó đáp ứng một nhu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam đang chờ đợi một đường lối sáng sủa và đúng đắn Đó là một nhát cuốc dọn đường cho cách mạng tiến lên một giai đoạn mới, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Không phải ngẫu nhiên, *Bản án* ra đời đã trở thành cuốn sách gối đầu giường của đông đảo những người tiên tiến thuộc thế hệ sau chiến tranh thế giới thứ nhất Những ai đã có nghe nói đến chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng chưa biết, thì nay cũng nhân ra chân lý, và có cảm tình ngay Những

ai đã biết, nhưng chưa sâu, trong nhận thức còn nhiều chỗ mơ hồ, thì nay thấy sáng tỏ hơn, và càng tin tưởng Những ai đã có những kiến thức sách vở tam đủ, nhưng chưa hiểu sâu về phương pháp, chiến lược, sách lược thì nay cũng thấy thoải mái, lập trường càng được kiên định.

Đối với tất cả những người có nhiệt tình yêu nước và cách mang, thiết tha mong mỏi cho dân tộc được độc lập, nhân dân được tư do và hanh phúc, *Bản án chế đô thực dân Pháp* đưa chủ nghĩa Mác - Lênin lai gần với ho, đưa ho tới nhân thức rằng chủ nghĩa Mác - Lênin chính là cái ho đang mong chờ.

Tác phẩm, với đầu đề *Bản án chế đô thực dân Pháp*, thực ra về măt lý luân và phương pháp luân, đã vươt ra khỏi khuôn khổ ấy, đề cập hoăc gơi ra những vấn đề cơ bản của thời đai có quan hệ đến vân mênh lịch sử của thế giới, đến hai con đường phát triển của lịch sử loài người trong giai đoạn ngày nay Lên án chủ nghĩa thưc dân Pháp, tác phẩm giải quyết môt vấn đề cơ bản của cách mang - vấn đề ban, thù, từ đó chỉ rõ muc tiêu của cách mang, và gơi ý về chiến lược và sách lược của cách mang

Về ý nghĩa chính trị, tác phẩm là môt đóng góp tích cưc, sáng tạo, đưa ánh sáng của chân lý cách mang của thời đại vào ý thức của nhân dân ta - cũng là của các dân tôc bi áp bức, đồng thời chỉ ra cho ho con đường vân dụng chân lý phổ biến vào điều kiên cu thể của dân tôc và đất nước

Về ý nghĩa chiến lược, *Bản án* là môt sư chuẩn bi về tư tưởng và tinh thần cho cuôc đấu tranh giành quyền lãnh đao cách mang về tay giai cấp công nhân

Như vây là vì, *Bản án* là sản phẩm của môt sư kết hợp biên chứng, sinh đông và hữu cơ viêc phổ biến những nguyên lý của Lênin về chủ nghĩa đế quốc và vấn đề dân tôc với kinh nghiêm sống của phong trào giải phóng dân tôc thuôc đia, với sư tham khảo kinh nghiêm của Cách mang Tháng Mười.

Bản án chế đô thực dân Pháp viết cách đây 50 năm. Nhưng khoảng cách về thời gian đó không làm mờ nhạt, giảm bớt ý nghĩa, tác dụng và giá trị của nó về mặt lý luận, lập trường quan điểm và về mặt thực tiễn

Cùng với việc thành lập tổ chức công sản đầu tiên ở nước ta - *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội* ra đời cùng một lúc với nó *Bản án chế đô thực dân Pháp* là bước mở đầu cho cách mạng ta trong 45 năm từ khi có Đảng Mácxít - Lêninnít do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và giáo dục, vững bước tiến lên dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, giành được những thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, đánh thắng đế quốc Pháp, đánh thắng đế quốc Mỹ.

Hiện nay, những nhiệm vụ lịch sử đặt ra trước dân tộc ta căn bản khác so với 50 năm trước đây Cả về thế và lực, cả trong nước và trên trường quốc tế, chúng ta đã ở trên một vị trí khác trước Tình hình thế giới cũng đã khác

Nhưng chúng ta tiến hành những nhiệm vụ ấy trong hoàn cảnh chủ nghĩa đế quốc còn tồn tại Chúng ta, và cả loài người tiến bộ, đang đương đầu với tên đế quốc ngoan cố và nham hiểm nhất - đế quốc Mỹ, kẻ thù số 1 của nhân loại Chủ nghĩa thực dân cũ đã tan vỡ. nhưng đế quốc Mỹ và bè lũ phản động đang chồng chất tội ác để duy trì ách thống trị của bọn chủ nô hiện đại, kéo dài và tăng thêm những đau khổ cho nhân loại trong xiềng xích của chủ nghĩa thực dân mới

Dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin được Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, lãnh đạo nhân dân ta đã chấp hành bản án, kết liễu số phận của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, mở đầu một giai đoạn mới trong sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc thuộc địa để đập tan chủ nghĩa thực dân trên phạm vi quốc tế

Cùng với loài người tiến bộ, chúng ta tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động cho đến thắng lợi hoàn toàn

Trong giai đoạn mới của cách mạng - đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc, học tập, thấm nhuần và vận dụng có sáng tạo lời dạy của Hồ Chủ tịch trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, là một nghĩa vụ phấn đấu để thực hiện di chúc thiêng liêng của Người đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, giành những thắng lợi mới

HỒ CHỦ TỊCH
VÀ TÌNH ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ *

Từ khi có Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam được phong trào công sản và công nhân quốc tế, các dân tộc bị áp bức và các lực lương tiến công trên thế giới ung hộ ngày càng manh mẽ Đó là nguồn cổ vũ lớn đối với nhân dân ta Sự ủng hộ đó đã giúp cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, giành được những thắng lợi ngày càng vang dội

Mặt khác, với những thắng lợi vẻ vang của mình, cuộc đấu tranh kiên cường và bất khuất của nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa đế quốc, vì độc lập tự do và chu nghĩa xã hội, đã góp phần tích cực tăng cường lực lương cách mạng thế giới, làm suy yếu các thế lực đế quốc và phản động quốc tế, đẩy manh sự nghiệp giải phong các dân tộc, như Hồ Chủ tịch đã viết trong Di chúc của Người

"*Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ - và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giai phong dân tộc*"

Sự đồng tình cach mang, tình đoàn kết chiến đấu ấy là một quy luật của thời kỳ phat triển ngày nay của lịch sử loài người - thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chu nghĩa công sản trên pham vi thế giới

Đó cũng là do Đảng ta, đứng đầu la Hồ Chu tịch, người sang lập và lãnh đạo Đảng trong 40 năm, đã vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cu thể của Việt Nam

---

* Tạp chí *Học tập*, số 11-1972

Gần một trăm năm thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đã hun đúc trong lòng nhân dân ta một mối thù sâu sắc, một tinh thần yêu nước nồng nàn và một ý chí gang thép đánh đuổi quân cướp nước, đập tan xiềng xích nô lệ, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Gần một trăm năm, chí quật cường của nhân dân ta biểu thị hiên ngang trong cuộc đấu tranh giải phóng liên tục và vô cùng anh dũng Những cuộc nổi dậy và khởi nghĩa nổ ra liên tiếp với tinh thần quyết chiến ngày càng cao, bất chấp địch khủng bố cực kỳ tàn bạo

Tinh thần chiến đấu bền bỉ, với lòng tin tưởng không lay chuyển vào thắng lợi cuối cùng của chính nghĩa, nói lên rằng đối với nhân dân ta và các thế hệ những người Việt Nam yêu nước, con đường đấu tranh cách mạng triệt để chống chủ nghĩa đế quốc là con đường duy nhất để giành lại độc lập, tự do thật sự

Trên con đường đó nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tự rèn đúc cho mình một phẩm chất cao quý khiến dân tộc ta có cái thế vô địch - chủ nghĩa anh hùng cách mạng và một ý chí bất khuất thể hiện một cách tập trung trong những lời đanh thép của Hồ Chủ tịch.

"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"

"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"

Giữa chí hướng cách mạng Việt Nam trong giai đoạn lịch sử ngày nay mà Hồ Chủ tịch là tượng trưng, với xu thế và tinh thần chung của thời đại kết tinh ở chủ nghĩa Mác - Lênin, có một sự nhất trí sâu sắc và tự nhiên Ngọn cờ chính nghĩa của nhân dân Việt Nam cũng là ngọn cờ chính nghĩa của loài người tiến bộ

Vì vậy, trong khi đi tìm con đường cứu dân cứu nước mới, Hồ Chủ tịch nhiệt liệt tiếp thu chủ nghĩa xã hội khoa học

"tựa như người đi đường đang đói mà có cơm ăn, đang khát mà có nước uống"

Cũng vì vậy, trên con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chu tịch đã trở thành lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

*

* *

Quy luật của lịch sử là ở đâu có áp bức, bóc lột thì ở đó có đấu tranh Trong hàng nghìn năm, đất nước ta liên tiếp bị những kẻ ngoại xâm rất mạnh và tàn bạo dày xéo Nhưng chúng đã vấp phải một dân tộc sớm có ý thức về quyền làm chủ của mình và có quyết tâm cao bảo vệ độc lập, tự do, dân tộc đó đã luôn luôn đánh thắng quân xâm lược hoàn toàn bằng sức mình

Trong 4000 năm, nhân dân Việt Nam dựng nước và giữ nước với cánh tay và bộ óc của mình, bằng những thắng lợi oanh liệt của chính mình trong một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ chống thiên nhiên, chống bọn áp bức trong nước và chống ngoại xâm

Một dải non sông tự tay mình vun đắp và tô điểm nên, một nền văn hóa do trái tim và khối óc mình sáng tạo ra, thì chỉ có mình là người chủ của nó mới tha thiết gắn bó với nó và sẵn sàng hy sinh hết thảy để bảo vệ nó

Một dân tộc từ thời xưa đã tự xác định cho mình thái độ "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", một dân tộc như vậy, mỗi khi độc lập, tự do bị đe doạ, không bao giờ chờ người ngoài đến giải phóng cho mình

Khi thực dân Pháp đến xâm chiếm Việt Nam giữa thế kỷ XIX, với vũ khí và kỹ thuật hiện đại của một nước đã từng khuất phục hầu hết các quốc gia châu Âu và Bắc Phi, thì những người nông dân Việt Nam, từ Cà Mau đến Lạng Sơn,

với giáo mác, cày cuốc, gậy gộc, đã anh dũng nổi dậy đánh lại chúng, bất chấp sự đầu hàng hèn nhát của triều đình phong kiến mục nát làm cho chúng phải mất ba mươi năm mới chinh phục được nước ta

Trong suốt nửa thế kỷ tiếp đó, nhất là từ khi có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cũng những người nông dân ấy, cùng với những người công nhân Việt Nam và các tầng lớp yêu nước khác của dân tộc, đã liên tục đánh vào đầu bọn thực dân và tay sai, làm cho cơ đồ của chúng ở Đông Dương bị lung lay trước khi đi đến sụp đổ hoàn toàn Cách mạng Tháng Tám thành công vẻ vang chủ yếu là nhờ sự đoàn kết đấu tranh và tinh thần cách mạng tiến công của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Công sản

Từ đầu thế kỷ này, Lênin đã nêu cao tiềm lực cách mạng to lớn chống chủ nghĩa đế quốc của các dân tộc phương Đông Người nhận thấy họ là bạn đồng minh tự nhiên và hùng hậu của giai cấp vô sản, cách mạng đang đi nhanh tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Người dạy rằng, nhân dân và các dân tộc bị áp bức phải đứng lên đấu tranh để tự giải phóng cho mình Người còn dạy rằng, các dân tộc bị áp bức sẽ không dừng lại ở cuộc đấu tranh để thoát khỏi ách nô lệ thuộc địa, mà trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, họ còn có thể tiến lên tham gia định đoạt vận mệnh của loài người, mở ra một trang mới trong lịch sử thế giới

Không có gì tranh thủ hoàn toàn khối óc và trái tim của nhân dân và những người cách mạng Việt Nam đang đi tìm con đường cứu nước chân chính, hơn là những lời dạy bảo thấu tình thấu lý ấy

Hồ Chủ tịch nhiệt liệt tiếp thu và cùng với Đảng ta trong 40 năm, nhất quán thực hiện và phát huy chân lý ấy trong khi lãnh đạo cách mạng Việt Nam

Đoàn kết tất cả những người bị áp bức trên thế giới để đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, tự do cho các dân tộc, đó là yếu tố quyết định bước chuyển, nói đúng hơn, sự nối liền chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản ở Hồ Chủ tịch. Đối với Người, hoài bão cao quý nhất là xây dựng một khối đại đoàn kết để đánh thắng chủ nghĩa đế quốc, giải phóng đất nước, giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Từ đó Người thấy rõ. *"chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"* [1]

Một sự kiện độc đáo, nhưng không phải ngẫu nhiên và rất lôgic theo lập trường quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã diễn ra một chiến sĩ cách mạng của một nước thuộc địa lạc hậu phương Đông đã tích cực tham gia thành lập chính đảng của giai cấp công nhân, chính đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước đế quốc chủ nghĩa và đã góp phần tổ chức và đẩy mạnh cuộc liên minh chiến đấu cách mạng giữa giai cấp công nhân chính quốc và các dân tộc thuộc địa.

Đó là sự đoàn kết chiến đấu vì cách mạng, để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Chỉ có giai cấp vô sản cách mạng mới thực hiện được một sự đoàn kết như vậy để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi. Vì là giai cấp cách mạng nhất, đại diện cho những lợi ích bao quát và lâu dài của đông đảo nhân dân lao động, giai cấp vô sản có khả năng tập hợp chung quanh mình tất cả những người bị áp bức thiết tha với độc lập, tự do và phấn đấu cho một ngày mai tươi sáng.

Vì tính đoàn kết ấy mà cách mạng ở mỗi nước được sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, và ngược lại, nó có trách nhiệm góp phần thúc đẩy sự phát triển của cách mạng thế giới. Cách mạng ở mỗi nước vừa làm

1 Hồ Chí Minh – Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 794

nghĩa vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế Như vậy, mỗi một dân tộc có khả năng phát huy nghị lực cách mạng sáng tạo của mình, sự nghiệp cách mạng có triển vọng bao la, có tiền đồ xán lạn, chủ động và tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của các dân tộc

Tất nhiên, cách mạng phải được đảng tiên phong của giai cấp công nhân, Đảng Mácxít - Lêninnít chân chính, lãnh đạo thì mới thực hiện được khối đại đoàn kết như vậy, và cũng vì thế mà Đảng có và luôn luôn giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của mình

Hiện nay, trong cuộc đấu tranh thần thánh chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta đoàn kết chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân, các dân tộc đấu tranh cho độc lập, phong trào dân chủ và hòa bình và tất cả các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới

Nhân dân cách mạng và tiến bộ trên thế giới ủng hộ và giúp đỡ chúng ta ngày càng sốt sắng bởi vì họ hiểu rằng nhân dân ta kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ không phải chỉ vì lợi ích riêng của dân tộc mình mà còn vì lợi ích chung của tất cả các dân tộc trên toàn thế giới Cuộc đấu tranh bền bỉ, anh hùng của nhân dân ta tượng trưng sáng ngời cho chính nghĩa chống phi nghĩa, cho văn minh chống dã man, cho nhân nghĩa chống bạo tàn Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta được dư luận rộng rãi trên thế giới coi là tuyến đầu và là đỉnh cao của cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đứng đầu là đế quốc Mỹ ngoan cố và hiếu chiến

Trong cuộc đấu tranh ấy, điều cổ vũ mạnh mẽ bầu ban khắp năm châu là ta đang thắng, địch đang thua Ta thắng, địch thua là vì cuộc đấu tranh của chúng ta mang tính chất cách mạng triệt để, phản ánh tinh thần và ý chí của thời đại Chính cuộc chiến đấu ngày càng thắng lợi to lớn của chúng ta đã là một nhân tố quyết định những thất

bại liên tiếp của đế quốc Mỹ, những khó khăn chồng chất về nhiều mặt, ở nhiều nơi của chúng và dẫn đến sự suy yếu rõ rệt của tên đế quốc đầu sỏ đang cố sức duy trì địa vị sen đầm quốc tế của nó Sự suy yếu nhanh chóng đó của đế quốc Mỹ là cả một sự biến đổi lớn lao, cơ bản, vô cùng thuận lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới

Những thắng lợi của chúng ta làm tăng thêm những khả năng thắng lợi của các dân tộc Những thắng lợi của Việt Nam cũng là những thắng lợi của cả loài người tiến bộ Trong khi tỏ tình đoàn kết và ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam, tất cả những người yêu chuộng độc lập, tự do, công lý, hòa bình và tiến bộ xã hội đã nêu cao lòng tin tưởng và niềm hy vọng thiết tha thấy Việt Nam sớm giành được thắng lợi hoàn toàn

Đấu tranh cách mạng triệt để, không khoan nhượng chống chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai, là cơ sở để xây dựng và củng cố tình đoàn kết chiến đấu của tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ Đó là nguyên tắc Nhưng, sự kiên trì về nguyên tắc không loại trừ, trong những trường hợp nhất định, có thể có sự mềm dẻo linh hoạt trong việc vận dụng nguyên tắc

Sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là một quá trình diễn ra trong cả một thời kỳ lịch sử, trong đó tình hình diễn biến không phải luôn luôn theo một đường thẳng mà quanh co khúc khuỷu Sự phát triển của cách mạng không rập theo một khuôn ở mọi nơi, mọi lúc

Vấn đề là nắm vững hoàn cảnh cụ thể để trong những điều kiện cụ thể, đinh ra những hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp, có lợi cho cách mạng, bảo đảm cho cách mạng vẫn tiến lên

Nắm vững tình hình trước hết là căn cứ vào lực lượng đối sánh giữa ta và địch Điều quan trọng là phân hóa hàng ngũ địch, cô lập đến mức cao nhất kẻ thù chính, nguy hiểm nhất

Cuộc đấu tranh cách mang bao giờ cũng là một sư nghiệp lâu dài, khó khăn và phức tap, có khi tiến, nhưng cũng có khi lui - lui tam thời để rồi tiến càng vững hơn. Vì không phải trong môt lúc và chỉ đánh một trận mà tiêu diêt đươc chủ nghĩa đế quốc Mà chúng ta phải đánh lùi nó từng bước, đánh đổ nó từng bô phân

Vì thế mà có khi phải đổi cách đánh, đổi phương pháp đấu tranh Có khi phải chấp nhân môt sư thỏa hiệp nào đó với kẻ thù nhưng đó nhất thiết phải là thỏa hiệp trên lập trường cách mạng, nghĩa là vẫn nhằm làm yếu lực lương của đich, tăng thêm lực lương của ta. Sự thỏa hiệp như vậy là có nguyên tắc, nó căn bản khác với lối thỏa hiệp vô nguyên tắc của chủ nghĩa cơ hôi.

Người công sản không phải lúc nào cũng gạt bỏ moi loai thỏa hiệp, cũng không phải sẵn sàng chấp nhân bất cứ thỏa hiệp nào Lúc cần thiết thực hiên thỏa hiệp, người công sản không lơ là mục tiêu cách mang của mình, không để cho những lơi ích cuc bô và nhất thời làm lu mờ ý thức về lợi ích lâu dài của toàn bô phong trào; không để cho tính ích ký dân tôc chi phối, làm hại đến lơi ích chung của cách mang thế giới, của các dân tôc khác.

Cũng vì vây mà khi tam thời thỏa hiệp với đich, chúng ta lại càng phải nâng cao cảnh giác cách mang. Từ xưa đến nay, các giai cấp bóc lôt bao giờ cũng tìm cách chia rẽ hàng ngũ nhân dân, và trong những lúc chúng phải đương đầu với những cơn bão táp cách mang, chúng ra sức chia rẽ các lực lương cách mang Về măt này, đế quốc Mỹ hiên đang bị nhân dân ta đánh cho vỡ đầu xẻ trán, là rất tiêu biểu

Chưa bao giờ tình hình thế giới sáng sủa, có lơi cho cách mang như hiên nay. Cũng chưa bao giờ tình hình khó khăn bất lơi cho chủ nghĩa đế quốc như hiện nay

Chúng ta có quyền tư hào rằng sư nghiệp cách mang của nhân dân ta trong 42 năm qua mà Hồ Chủ tịch là linh hồn, đã góp phần tích cưc xoay chuyên tình thế

Một biểu hiện có ý nghĩa trong đại của tình thế đó là tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân thế giới đối với Việt Nam chưa bao giờ chặt chẽ như hiện nay, mặt trận nhân dân thế giới chống Mỹ và ủng hộ Việt Nam chưa bao giờ rộng rãi, vững mạnh và phong phú như hiện nay

Kiên trì và đẩy mạnh chống Mỹ, cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn, bất chấp những thủ đoạn dã man, tàn bạo và mưu ma chước quỷ của Ních Xơn và bè lũ, đó là đường lối trước sau như một của Đảng ta và nhân dân ta, theo tinh thần của Hồ Chủ tịch, để tăng cường hơn nữa mối tình đoàn kết quốc tế vì độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân ta và nhân dân thế giới

"CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HÓA KIỆT XUẤT CỦA VIỆT NAM"*

Tôi được may mắn đi theo Bác như là một học trò chưa học vần ı - tờ của chủ nghĩa Mác - Lênın, mới ngoài 20 tuổi, được hân hanh Người đối xử như em út, con cháu, căn cứ vào mối tình thắm thiết ấy, tôi cứ gọi Chủ tịch là Anh, tôi tư xưng em Biết tôi không có tính tò mò vặt, đôi khi Chủ tịch kể cho tôi nghe cảnh Bác sống cùng gia đình ở Nam Đàn (Nghê An), ở Huế, ở Quảng Đông, sau khi tôi kể cho Bác nghe ở Vinh hay ở Huế tôi sống với gia đình, với ai và như thế nào Khi nghe tôi nói quê nôi tôi ở Huế, còn quê ngoại tôi ở Nam Đàn, Bác xoa đầu tôi bảo "Té ra mày là cháu ngoại của tao à!" Từ đó giữa Bác và tôi xưng hô anh em không chấm dứt Chỉ có một lần đầu tháng chap năm 1949, một buổi sáng, trước khi hop Hội đồng Bô trưởng với sư tham gia của một số nhân sĩ ngoài Đảng, Bác gọi nhỏ tôi sang phòng bên canh và dăn "Trước măt các nhân sĩ ngoài Đảng chú đừng gọi tôi bằng Anh mà phải gọi Cu nghe không? Tôi vôi đáp "Da, em sẽ gọi anh bằng Cu"

Về lý luân và đao đức của Bác, tôi chỉ muốn các đồng chí chú ý đến điều gọi là đao đức cách mang là nét cơ bản trong phẩm chất và tư cách của Bác, một lãnh tu cách mang lớn Đó là lòng nhân ái, tình yêu nhân loại xứng đáng với những lãnh tu như Mác, Ăngghen, Lênın Phẩm chất ấy cũng bắt nguồn từ nhân dân Viêt Nam ta, vốn đã có từ thuở mới bắt đầu dưng nước, dưới chế dô thi tôc, cách đây 4, 5 ngàn năm, trong ngôn ngữ của dân gian như Môi hở răng lanh, máu

---

* Ngày 18 tháng 5 năm 1989 Bài phát biểu tai *Hôi thảo của Ủy ban KH - KT VN nhân dịp ngày sinh Bác Hồ*

cháy ruột mềm, chị ngã em nâng, vắt đất ra nước thay trời làm mưa, thuận vợ, thuận chồng tát biển đông cũng can

Chúng ta chắc còn nhớ bà con ta ở nông thôn trước kia cũng như bây giờ coi việc nhà cũng là việc nước, việc nhà, việc làng, việc nước đều quan trọng như nhau Khi nói chuyện với quần chúng, cán bộ, bộ đội, thanh niên, phụ nữ để động viên họ làm một việc gì - sản xuất hay chiến đấu Bác đều nêu cao ý nghĩa những ngạn ngữ ấy khiến chúng trở thành những vũ khí sắc bén

Dân tộc ta có truyền thống vĩ đại đấu tranh kiên cường bất khuất chống ngoại xâm, nhất là trong thời đại ngày nay là nhờ có tình đoàn kết keo sơn của các dân tộc trong cả nước thành một khối sắt thép Tình đoàn kết dân tộc được Bác chăm nom giáo dục Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác gửi thư cho hội nghị các dân tộc ở Tây Nguyên nêu rõ bất cứ Kinh, Tày, Mường, Thổ, Giarai, Êđê, đều là con em một nhà, no đói giúp nhau, sướng khổ có nhau Bác cũng không kém quan tâm đến tình đoàn kết giữa đồng bào hai miền Nam Bắc ruột thịt "sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi" Đó là bản lĩnh của dân tộc ta, mà bọn đế quốc dù tàn nhẫn, man rợ đến đâu cũng không phá vỡ nổi

Trong hơn 40 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lòng nhân ái cao cả, được toàn thể loài người tiến bộ nhiệt liệt ủng hộ, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại làm cho các dân tộc năm châu bốn biển rất khâm phục

Gắn liền với những đức tính trên, có một đức tính được Bác huy động để đưa dân tộc ra khỏi đường hầm tối tăm của nạn mù chữ. Đó là một nhiệm vụ mà Bác đề ra ngay lập tức sau khi ta giành lại độc lập năm 1945. Bác Hồ đã tuyên bố là chúng ta giành được độc lập, tự do thì phải ra sức tiêu diệt ba tên giặc giặc ngoại xâm, giặc đói và giặc dốt

Ngay sau đó, Bác huy đông lực lương trí thức trong cả nước xuống tân nhân dân - thành thi, nông thôn, miền xuôi, miền ngược giúp đồng bào thoát nan mù chữ Kết quả thất là vĩ đai chỉ trong vòng 2 năm, hai triêu đồng bào trong cả nước biết đoc, biết viết Các vi tổng thống và thủ tướng các nước thuộc đia cũ của Pháp như Chinê, Malı v v yêu cầu Viêt Nam cử cán bô giúp ho biến các dân tôc còn mù chữ thành những dân tôc biết đoc, biết viết, Nhưng đó là môt viêc quả thât gay go, bởi vì tiếng Pháp đã trở thành tiếng me đẻ của ho rồi.

Thành tưu cực kỳ quan trong của viêc thanh toán nan mù chữ cho nhân dân Viêt Nam là, hai năm sau khi phát đông phong trào thoát nan mù chữ ở nông thôn Viêt Nam, có huyên đã mở cửa tiếp nhân hoc sinh trung hoc mà gần 100 năm dưới ách đô hô của thực dân Pháp chưa hề có môt thanh niên nào con cái nông dân ở nông thôn tốt nghiêp trung hoc bằng tiếng Viêt

*

* *

Nhân dịp này tôi xin phép các đồng chí được nêu ra đây hai đề nghi

Môt là về thân thế và sự nghiêp của Chủ tich Hồ Chí Minh, quả thât là môt cống hiến cho thời đai như là vi anh hùng yêu nước vĩ đai của thế kỷ XX Người đã đóng góp phần quan trong mở đầu cho môt kỷ nguyên mới cho đôc lâp, tư do, sáng tao cho dân tôc mình và cho cả loài người Bởi vì Người không những tiêu biểu cho tinh hoa của dân tôc Viêt Nam, mà còn cho tinh hoa của cả loài người, thế kỷ XX với những tai hoa to lớn không che lấp nổi phần tích cực, sáng tao, cứu vãn loài người đau khổ ra khỏi tai hoa, vả lai sự xuất hiên của Chủ tich Hồ Chí Minh trên vũ đài lich sử gắn liền với sự xuất hiên và lớn manh không ngừng những yếu tố tích cực sáng tao đôc lâp, tư do, hanh phúc, hòa bình, an ninh chính trị và tiến lên chủ nghĩa xã hôi chân chính mà tất cả các dân tôc trên toàn

câu, dưới hình thức này hay hình thức khác, có công đóng góp trong gần một thế kỷ Đó là những yếu tố tích cực hỗ trợ cho sự thành công tốt đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, như bản thân Người đã nêu rõ trong Bản Di chúc năm 1969 là Người đã từng mong ước trước ngày phải xa rời cõi thế, có thể đi một vòng trên thế giới để tỏ lòng cảm tạ các dân tộc bạn bè xa gần đã có công khuyến khích, giúp đỡ và cổ vũ dân tộc Việt Nam luôn luôn tiến trên con đường chính nghĩa

Tôi xin đề nghị UNESCO tặng phong Chủ tịch Hồ Chí Minh một phần thưởng danh dự vì đã có công viết nên một trang sử mới của thế giới ở thế kỷ XX vào dịp kỷ niệm ngày sinh Người tròn 100 tuổi

Đề nghị thứ hai là UNESCO vận động với Hội đồng giải thưởng Nobel truy tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thưởng Nobel vì đã có công mở rộng cửa văn hóa và kiến thức cho nhiều dân tộc phương Đông

Nếu giải thưởng này được trao tặng dưới hình thức kinh phí, thì kinh phí ấy sẽ được dùng xây dựng nên một đài kỷ niệm tại Geneve trong trụ sở ONU /

Phần IV

VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VÀI NHẬN XÉT VỀ THỜI KỲ TỪ CUỐI NHÀ LÊ ĐẾN NHÀ NGUYỄN GIA LONG*

I. Sự hưng thịnh và suy vong của chế đô phong kiến ở Việt Nam

Sau cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống nhà Minh, chê đô phong kiến ở Việt Nam, với vua Lê Thánh Tông, đã đạt tới mức *cao nhất* của nó. Về kinh tế thì trong nông nghiệp, là phần gốc, triều đình đặc biệt chú ý đến việc chính đốn và quy định chế đô đê điều, điều đó chứng tỏ rằng những mối quan hệ sở hữu phong kiến về ruộng đất đã chiếm ưu thế tuyệt đối. Đồng thời đó cũng là bằng chứng rằng trong nông nghiệp, năng suất khá cao. Những "quốc khố điền", dưới đời nhà Trần mới chỉ là cái mầm thôi, thì từ Lê Thánh Tông, rất phát triển. Về thủ công nghệ thì nghề dệt tơ lụa gấm vóc, nghề đúc, đã tinh xảo và đã bán ra các nước láng giềng, về thương nghiệp đã bắt đầu có giao dịch với nhiều nước Viễn Đông trong đó, trừ Trung Quốc, có Nhật Bản, Xiêm, Mã Lai, Philippin. Phố Hiến (Hưng Yên) là chỗ để cho các thương nhân ngoại quốc đến buôn bán.

Về chính trị, xã hội, thì bộ luật Hồng Đức nung đúc những pháp luật thành quy chế cho trật tự xã hội phong kiến. Về hành chính thì bộ máy cai trị được chỉnh đốn lại, các hàng quan lại và chế đô quân huyện, v.v... có quy củ và được củng cố hơn. Về quân sự thì đã có những sách lý luận về chiến lược, chiến thuật lục quân và hải quân. Về văn hóa giáo dục thì việc học hành thi cử được sửa đổi theo nền nếp phong kiến, có những trường đào tạo người cho bộ máy quan liêu phong kiến như Quốc Tử Giám, Thái Học viện. Thơ ca bằng chữ Nôm phát

---

* Bộ Giáo dục xuất bản, năm 1948, được sửa chữa bổ sung và in lại năm 1954.

triển khá cao. Văn nghệ của phe quý tộc có trung tâm của nó là hội "Tao đàn nhị thập bát tú" Nhà vua nêu gương cho các quan trong triều trong việc làm thơ bằng chữ Nôm.

Cuối thế kỷ XV sang thế kỷ XVI, chế độ phong kiến ở Việt Nam đã vượt qua đỉnh điểm của nó, và đã tỏ ra những triệu chứng đầu tiên của thời kỳ suy thoái Triệu chứng ấy bắt đầu lúc họ Mạc nổi lên chống nhà Lê, làm yếu chính quyền trung ương và phá hoại sự thống nhất của quốc gia phong kiến. Sự suy thoái ấy càng diễn ra mau chóng sau khi họ Trịnh đoạt thực quyền vào tay, để nhà Lê chỉ làm vì, và sau khi diễn ra cuộc phân tranh kéo dài giữa hai họ Trịnh và Nguyễn, đẩy mạnh quá trình tan rã của chế độ phong kiến ở Việt Nam, dưới những đòn quyết liệt của cuộc chiến tranh nông dân cuối thế kỷ XVIII.

II. Những đặc điểm của chế độ phong kiến ở Âu châu và ở Á đông, những nguyên nhân suy vong của chế độ ấy - Những điểm khác nhau giữa hai bên

Ở châu Âu, thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến là kết quả của một quá trình lịch sử, lúc mà sức sản xuất mới, phát triển đến một trình độ nhất định, xung đột với quan hệ sản xuất cũ, nghĩa là lối tổ chức của xã hội phong kiến Sức sản xuất ấy đã nảy nở - trong xã hội phong kiến thời kỳ Trung cổ, đã phát triển mạnh sau những phát minh cuối thế kỷ XV và những thế kỷ sau, mở rộng thị trường bên trong và bên ngoài, kích thích sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản thương mại.

Ở châu Âu, khi mà sức sản xuất mới chưa phát triển thì cái đặc điểm của chế độ phong kiến là thiếu chế độ trung ương tập quyền Nhưng sau khi sự tiếp xúc với phương Đông trở nên mật thiết hơn bởi những cuộc Thập tự chinh, khi mà ở các nước phương Tây, những thị trấn lần lượt mọc lên và ngày càng phồn thịnh, tập trung càng đông các lớp thợ thủ công và thương gia, khi mà ở Địa Trung Hải, các thương

thuyền đi lại ngày càng tấp nập, thì cuộc chiến tranh diễn ra trong hàng mấy thế kỷ giữa các tập đoàn phong kiến để tranh quyền bá chủ, cũng như những cuộc chiến tranh tôn giáo đẫm máu suốt thời đại ấy, là để đưa tới sự thống nhất chính thể quốc gia, dưới quyền của một họ, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Như vậy là ở châu Âu, lúc hình thành chế độ quân chủ tập trung, mà kết quả là để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, thì chế độ ấy đã có một cơ sở vật chất vững chắc rồi

Có người nhận thấy rằng ở châu Âu, chế độ trung ương tập quyền cũng đã từng có rất sớm, rất lâu trước khi chủ nghĩa tư bản phát triển Đế chế của Charlemagne là một bằng chứng Họ không hiểu rằng đế chế Charlemagne thành lập trong buổi giao thời, khi mà chế độ nô lệ đã tan rã, vào lúc mà các bộ tộc phương Bắc sắp tràn ngập vào châu Âu Lúc đó Charlemagne sở dĩ thành lập ra Tây đế chế, đem nhiều nước họp lại dưới chính quyền của vị thương quân là vì hai lý do một là để bồi lấp lại chỗ tan vỡ của đế quốc La Mã, hai là để đối phó với cái nguy cơ xâm lược của các bộ tộc phương Bắc mà - cái nguy cơ đó lại là kết quả của sự tan vỡ của đế quốc La Mã, và sau sự tan vỡ đó, châu Âu bước sang thời đại phong kiến Vì thế cho nên đế chế của Charlemagne không thể có cơ sở vững vàng và sau khi Hoàng đế mất thì sự nghiệp của ông cũng bị đổ nát

Ở Á đông, chế độ trung ương tập quyền lại xuất hiện sớm hơn ở châu Âu, như ở Trung Quốc, nền quân chủ tập trung đã có từ đời nhà Tần, lúc mà trong nền kinh tế, chủ nghĩa tư bản chưa có cơ sở gì Hơn nữa, trong sự cấu tạo xã hội, còn nhiều tàn tích của chế độ bộ lạc và chế độ nô lệ theo lối gia trưởng

Vì sao mà ở Trung Quốc, nền quân chủ tập trung có thể xuất hiện được, khi mà cái nền tảng vật chất của chế độ ấy chưa có sẵn?

Nếu Trung Quốc lúc đó đã ra khỏi thời kỳ nô lê, thì bước đường phát triên tất nhiên mà Trung Quốc phải đi tới, ấy là chế đô phong kiến cát cứ như ở phương Tây hồi trung thế kỷ

Nhưng lúc đó, luôn luôn xảy ra những biến cố mà giai cấp thống trị, nếu muốn tiếp tuc tồn tai, thì không thể không đối phó, ví du như những cuộc xâm lăng của các dị tộc, chủ yếu là từ phương Bắc đến

Người ta có thể hỏi thì ở xã hôi cổ Hy - La cũng thường xảy ra những cuộc chiến tranh xâm lăng như thế?

Cổ Hy - La là những xã hôi nô lê kinh điển, có những nét rất mạch lac, giữa xã hôi ấy và các bô tộc xung quanh đã có môt sư phân hoach rõ ràng Vì thế, những cuộc chiến tranh mà Hy Lap hay La Mã tiến hành chống các bô tộc khác (chiến tranh giữa Hy Lạp và Ba Tư (guerres médiques), chiến tranh giữa La Mã và Carthage (guerres puniques) làm cho hai xã hôi ấy càng thêm mạnh Đó là trong khi Hy Lap và La Mã còn là những nước mẫu mực cho xã hôi cổ đai Còn như lúc các bô tộc phương Bắc tràn ngập xuống các nước ở đai luc châu Âu và sang đến đảo Anh cát lơi, nghĩa là hồi đầu trung thế kỷ, thì xã hôi nô lê đã tan rã rồi. Kết quả dĩ nhiên là đã xuất hiên xã hôi phong kiến kiểu phương Tây như hồi trung thế kỷ

Trong thời kỳ bi các dị tộc uy hiếp hơn hết thì Trung Quốc cũng không phải là môt xã hôi nô lê có cơ cấu mach lac như cổ Hy - La từ thế kỷ V đến thế kỷ II trước Công nguyên, nghĩa là trong thời kỳ hưng thinh nhất của hai xã hôi đó, hoăc ở vào tình trang suy vong như đế quốc La Mã hồi đầu Công nguyên Chính thể trung ương tập quyền là do hai nguồn gốc mà nảy nở ra Môt là khi nào quốc gia đã đươc thống nhất theo môt hê thống sản xuất, như trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đã phát triển, khiến nền quân chủ đôc đoán có cơ sở để xuất hiên; hai là lúc cần đối phó với tình thế ở trong và ở ngoài, bắt buôc phải củng cố chính quyền trung ương Trường

hợp thứ hai này đã làm cho ở Trung Quốc, chế độ quân chủ tập trung có thể xuất hiện sớm một mặt thì các dị tộc phương Bắc uy hiếp, mặt khác thì bên trong, tình trạng tản mác của một xã hội còn nhiều di tích của các hệ thống sản xuất cổ đại, xen vào sự phân tranh giữa các tiểu vương quốc, tức là các tập đoàn phong kiến

Để chống sức xâm lăng của các dân tộc xung quanh, nhất là chống rợ Hung nô ở phía Bắc, phải có một tổ chức quốc gia mạnh, chính quyền tập trung vào tay một họ để có đủ uy quyền giữ vững biên cương Do đó mà ở Trung Quốc, có cái đặc điểm này, là sự thành lập nền quân chủ tập trung đã thực hiện trước khi có cơ sở của chủ nghĩa tư bản và có mục đích chống ngoại xâm, nghĩa là bởi những lý do chính trị và quân sự hơn là những lý do kinh tế

Cũng chính vì điều kiện đặc biệt ấy cho nên chế độ quân chủ tập trung ở Trung Quốc thiếu cơ sở xã hội vững chắc và khi nạn ngoại xâm dịu đi, thì cuộc đấu tranh liên miên tiếp diễn giữa các nhóm phong kiến Vì thế mà ta có thể thấy ở Trung Quốc, cái tình trạng đặc biệt này, là suốt trong thời đại phong kiến mỗi một triều vua lên, thịnh rồi lại suy, cứ thay đổi nhau mãi, cái đặc điểm đó đã định đoạt con đường phát triển của chế độ phong kiến ở châu Á, một hình thức của xã hội phong kiến, trong đó sức sản xuất phát triển một cách chậm chạp Có lẽ đó là một hình thái của "phương thức sản xuất châu Á" (le mode de production asiatique)

Có người giải thích sự phát triển chậm chạp và tình hình lạc hậu lâu năm của các nước phương Đông bằng những lý do gọi là "kinh tế" Họ thấy nguyên nhân chính làm cho các nước ấy chậm tiến hóa ở trong những điều kiện sản xuất ở các nước ấy Nhân dân sống bằng lúa gạo, mà việc canh tác thì rất vất vả, làm cho kỹ thuật khó cải tiến Đó là một hình dáng của cái quan niệm gọi là chủ nghĩa duy vật địa lý (matérialisme géographique) Nếu tin theo cái "lý thuyết" ấy thì người ta

không hiểu tại sao các dân tộc phương Đông như Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Ba Tư, Ai Cập và biết bao nhiêu dân tộc phương Đông khác nữa, trong thời kỳ thương cổ, đã có một nền văn minh rất cao, trong lúc mà các nước châu Âu còn ở vào thời kỳ dã man? Hai là nếu cho rằng kỹ thuật canh tác ở phương Đông làm cho các dân tộc ấy châm tiến, thì không hiểu vì sao ở các nước châu Âu cho đến cuối thế kỷ XVIII, việc canh điền cũng chẳng tiến bộ gì hơn cách đó 1.000 năm về trước, và kỹ thuật nông nghiệp của họ trong thời kỳ ấy cũng không hơn gì kỹ thuật nông nghiệp ở châu Á. Ở phương Tây, ruộng đất cũng ở trong tay bọn địa chủ phong kiến, lối bóc lột nông nô và cách sản xuất để tự cấp, mà lại phân tán ra từng đơn vị như các ấp, thì làm sao mà cải tiến được kỹ thuật sản xuất? Ba là nếu vì điều kiện thiên nhiên mà các nước phương Đông châm tiến, thế thì chả hóa ra ở phương Đông bây giờ và cả sau này, khó lòng mà tiến hành một cuộc thay đổi xã hội lớn lao, vì có lẽ trong một thời gian khá lâu, các dân tộc ấy còn phải sống bằng lúa gạo, sống bằng việc canh tác và với những điều kiện tự nhiên như thế.

Những lý do vô lý đó cho chúng ta thấy rằng "lý thuyết" ấy chỉ có lợi cho bọn thực dân, chúng nêu ra luận điệu ấy để bào chữa cho cái chính sách thuộc địa của chúng đối với các dân tộc phương Đông, là kìm hãm sự phát triển của họ.

Vì Trung Quốc đã có chế độ quân chủ tập trung trong những điều kiện lịch sử đặc biệt như ta đã nói trên, cho nên chế độ phong kiến ở đấy đã biểu hiện dưới hình thức đặc biệt của nó, là chế độ *phong kiến quan liêu* (féodalité bureaucratique).

Ngoài bọn quý tộc ruộng đất, chế độ này đã đẻ ra từ rất sớm một tầng lớp quý tộc khác, đó là lớp quan lại. Cố nhiên, thường bọn quan to đều có nhiều ruộng đất, nhưng bọn quan liêu đó trước hết sống bằng bổng lộc. Để nuôi họ, chính quyền trung ương bắt dân đóng các thứ thuế bằng sản vật nộp vào

các quốc khố. Các quan văn võ có công với một triều nào (công thần) được phong tước, và hưởng lộc của một số xã. Bọn quan liêu ấy là nhân viên của chính phủ trung ương, trông coi việc cai trị, từ cấp huyện trở lên, được tuyển bằng lối thi cử, và về nguyên tắc không nhất định căn cứ vào thành phần giai cấp. Vì nếu căn cứ vào thành phần xã hội như chế độ phong kiến ở phương Tây (phải thuộc dòng họ nhà vua, hay phải là những vương hầu, công khanh thì mới được lĩnh những chức vụ to trong việc phục vụ triều đình, điều khiển quân đội hoặc lãnh đạo chính quyền và đứng đầu đẳng cấp tăng lữ) thì không thể nào đủ người để cung cấp cho một chính thể tập trung đến một trình độ như vậy và dựa trên một bộ máy hành chính quan liêu năng nề như thế. Do đó mà chế độ học tập thi cử về nguyên tắc là để cho tất cả mọi người, và làm cho người ta hiểu lầm rằng chế độ phong kiến ở Trung Quốc và ở ta có vẻ "dân chủ" hơn chế độ phong kiến ở phương Tây.

Chế độ phong kiến quan liêu ở châu Á đã biểu hiện trong tư tưởng học thuật của Nho giáo, với cái quan niệm về "quân" trong bộ máy quốc gia, và "sĩ" là tầng lớp cao nhất[1] trong xã hội.

Việc thi cử và đường danh lợi mở ra cho tất cả mọi người cũng chỉ về mặt lý thuyết thôi. Thực tế ra thì chỉ con em các nhà quan, tức là lớp quý tộc quan liêu mới có điều kiện học lâu dài để ra làm quan. Thực tế xã hội ấy đã được diễn đạt bằng câu ca dao: "Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa"[2].

Đối với sự phát triển của xã hội Trung Quốc cận đại,

---

1 Cái quan niệm duy tâm độc của Nho giáo về giai cấp trong xã hội đã bị sửa chữa lại bởi cái quan niệm duy vật của triết học bình dân Việt Nam trong câu ca dao hai bước: "Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ".

2 Để bọn thống trị khỏi lợi dụng câu ấy và xuyên tạc ý nghĩa của nó khiến người đời hiểu lầm rằng làm vua làm quan là nhờ số phận đong họ và mù mờ, nhân dân lại có câu khác để bổ sung: "Bao giờ dân nổi can qua, con vua thất thế lại ra quét chùa".

chế đô phong kiến quan liêu đó lai còn ánh hưởng đến một phương diên khác nữa. Sư phát triển chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc, nẩy sinh bởi những cuộc cách mang tư sản không triệt để như cách mang 1911 và 1925 - 1927, đã đẻ ra một lớp tư bản, goi là tư bản quan liêu Đó cũng là một đặc điểm của con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc

Sư thành lập chế đô phong kiến ở Việt Nam cũng đã chiu ánh hưởng của Trung Quốc

Lúc bắt đầu Bắc thuộc, trong xã hôi Việt Nam còn nhiều tàn dư của chế đô thị tộc Trong một nghìn năm, dưới quyền thống trị của Trung Quốc, Việt Nam đã phải sống theo nền nếp của một nước phong kiến Cho nên lúc giành lai được độc lập hồi thế kỷ thứ X, thì cố nhiên là xã hôi Việt Nam cũng tổ chức theo hình ảnh của phương Bắc Cũng như trong xã hôi Trung Quốc, trong xã hôi Việt Nam, đến khi thành lập chế đô phong kiến, cũng vẫn còn giữ nhiều di tích của chế đô trước phong kiến thi tộc, nô lệ, gia trưởng Vì cũng như ở Trung Quốc, chế đô quân chủ tập trung ở Việt Nam xuất hiên trước khi trong nước có cơ sở của chủ nghĩa tư bản

Từ lúc Việt Nam giành lai độc lập, từ thế kỷ X cho đến thế kỷ XV, thì luôn luôn phải *giữ nền độc lập bằng việc tổ chức lực lương chống ngoại xâm*, do hai mặt đến phía Bắc chống phong kiến Trung Quốc và Mông Cổ, phía Nam chống các dân tộc thường đến quấy nhiễu như Chiêm Thành, cho nên đối với Việt Nam, có lẽ là còn cần hơn là đối với Trung Quốc, vì Việt Nam là một nước bé nhỏ, dễ bi đe doa hơn, sư thành lập chế đô quân chủ tập trung trước hết là do những lý do bảo vệ biên giới và lãnh thổ, nghĩa là những lý do chính trị và quân sư Và cũng như ở Trung Quốc, chế đô phong kiến ở Việt Nam trước hết là một chế đô phong kiến quan liêu

Đặc điểm đó đã ảnh hưởng đến sư phát triển của xã hôi phong kiến Việt Nam ở cả hai mặt, tích cực và tiêu cực

Về anh hưởng tích cực, thì Việt Nam, khi thoát ra khỏi ách đô hộ của Trung Quốc, đã bước những bước rất nhanh để trở thành một quốc gia có đủ sức giữ gìn nền độc lập, đánh bật được những kẻ xâm lăng hùng cường như Mông Cổ và quân nhà Minh. Đến đời Lê thì Việt Nam đã là một cường quốc trong thế giới phong kiến ở Viễn Đông. Cái kết quả, có thể nói là tích cực của chế độ trung ương tập quyền sớm xuất hiện ở Việt Nam, là đã giúp vào sự tăng cường *ý thức dân tộc* cho người Việt Nam, và đó là một sức mạnh để bồi đắp sức sống kỳ diệu của dân tộc.

Nhưng về mặt khác, về mặt ảnh hưởng tiêu cực thì chế độ phong kiến Việt Nam cũng mau đi đến chỗ suy tàn, lúc mà nhiệm vụ bảo vệ biên giới và lãnh thổ không đặt ra và trong nước lại vẫn chưa đủ cơ sở vật chất để cho xã hội tiến tới. Chính Việt Nam đã lâm vào tình trạng đó sau thời kỳ hưng thịnh của nhà Lê. Từ sau cuộc chiến tranh thắng lợi chống quân Minh, trong những mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, cho đến cuối thế kỷ XVIII, không xảy ra việc gì đáng lo ngại cho nền độc lập của đất nước. Còn đối với Chiêm Thành, thì sau khi vua Lê Thánh Tông chiếm lấy Đồ Bàn, là kinh thành của nước ấy, thì nước ấy về thực tế đã hết tồn tại.

Về phương diện phát triển kinh tế, thì thủ công nghiệp và thương nghiệp có phát triển hơn trước, song nói chung nền kinh tế căn bản là một nền kinh tế tự cung tự cấp. Chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa thành thị và nông thôn, chưa có những thị trấn sầm uất như ở châu Âu hồi trung thế kỷ, là những trung tâm của các tầng lớp thương gia và thủ công, mà thế lực càng mạnh lên thì lại đối lập ngày càng gắt gao với phong kiến quý tộc. Chỉ có một vài chỗ như Phố Hiến[1] là cốt để cho các thương gia ngoại quốc thỉnh thoảng đến trao đổi hàng hóa, chứ không có tính chất giao dịch thường

1 Thời ấy, người ta thường nói "Nhất kinh kỳ nhì Phố Hiến".

xuyên Những doanh nghiệp hoat đông trong việc khai mỏ và những thú công nghê quan trong như nghề đúc, và việc buôn bán với ngoài là do nhà nước giữ độc quyền hoặc giao cho người (Hoa kiều) kinh đoanh. Tình trang như thế là không tránh khỏi dưới một chế đô phong kiến quan liêu, và đó là trở lực chính cho sư phát triển kinh tế hàng hóa.

Một mặt thì nhiệm vu chống ngoai xâm - cái lý do căn bản làm cho chế đô quân chủ tập trung có thể xuất hiện và tồn tại - không còn nữa, mặt khác thì trong nước, chủ nghĩa tư bản là điều kiện cần thiết cho sư nảy sinh và tồn tai của chế đô quân chủ tập trung, chưa có cơ sở - hai yếu tố đó, từ cuối đời Lê, đã đưa chế đô phong kiến quan liêu ở Việt Nam đến chỗ bế tắc

III. Từ Trịnh - Nguyễn phân tranh đến Tây Sơn khởi nghĩa

Cuộc phân tranh giữa hai họ Trinh và Nguyễn làm cho chế đô phong kiến càng chóng suy yếu. Điều đó là không nghi ngờ. Song không phải vì Trịnh và Nguyễn phân tranh mà chế độ phong kiến mới bi suy vong Cuộc phân tranh đó là kết quả, chứ không phải là nguyên nhân của sư suy vong Cố nhiên, kết quả đó lai làm cho nguy cơ của chính thể phong kiến càng thêm sâu sắc Nhưng nếu nhân xét một cách khách quan, thì việc ho Trinh đoat quyền nhà Lê cũng có thể đưa tới một kết quả trái ngược, là có thể đi tới việc thống nhất quốc gia, mặc dầu các nhóm phong kiến khác có thể nổi dậy chống ho Trinh Nếu vậy, trong trường hợp nào, việc họ Trịnh đoat quyền có thể đưa tới kết quả đó? Là nếu trong xã hội Việt Nam hồi đó, thủ công nghiệp và thương nghiệp đã có sức phát triển cao hơn, và đã có một lớp thương gia khá manh để úng hô ho Trinh, thì việc ho Trinh đoat quyền sẽ là một cách giải quyết mâu thuẫn mà nhà Lê và nói chung là chế đô phong kiến Việt Nam đã mắc vào, như đã nói trên kia Song chính họ Trinh cũng không giải quyết

được mâu thuẫn ấy mà lại làm cho nó thêm sâu sắc Chính họ Trịnh cũng thoái hóa dần đê rồi cũng bị tiêu vong

Hồi thế kỷ XVII và XVIII, trong đời sống xã hội Việt Nam, có những biến cố xảy ra Nó ảnh hưởng không ít tới cục diên và tiền đề phát triển của đất nước Việt Nam về sau Đó là sự tiếp xúc với chủ nghĩa tư bản phương Tây Việc tiếp xúc ấy có thể có một tác dụng nhất định cho sự phát triển mầm mống của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam Nếu sự tiếp xúc đó không đưa lại những kết quả như thế, thì Việt Nam có kinh nghiệm đi vào con đường lệ thuộc vào chủ nghĩa tư bản phương Tây Lúc các giáo sĩ và thương gia Hà Lan, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh đến Việt Nam (thế kỷ XVII) thì trong nước vẫn thiếu cái cơ sở vật chất để cho sự tiếp xúc với tư bản nước ngoài trở thành một nhân tố phát triển sức sản xuất Một phần cũng vì lý do ấy cho nên trong ba nước ở Viễn Đông đồng thời đều tiếp cận với tư bản phương Tây, mà hai nước là Trung Quốc và Việt Nam về sau lại phải cùng đi vào một con đường tương tự nhau (một nước là nửa thuộc địa, một nước là thuộc địa), còn một nước nữa, là Nhật Bản thì lại tiến nhanh hơn theo con đường của chủ nghĩa tư bản Có chỗ khác nhau ấy, có lẽ là vì Trung Quốc và Việt Nam vẫn theo chế độ phong kiến quan liêu, còn ở Nhật Bản thì chính thê quân chủ tập trung xuất hiên châm hơn Cũng vì lý do đó mà ở Nhật cũng co một họ đoạt thực quyền là họ Tokugawa (thế kỷ XVII) đê Nhật hoàng chỉ ngồi làm vì, mà kết quả là đã đưa chế đô quân chủ tập trung vào thống nhất quốc gia Còn ở Việt Nam thì sự đoạt quyền vào tay họ Trịnh lại không đưa xã hội phong kiến Việt Nam ra khỏi cuộc khủng hoảng Điều kiên địa lý của Nhật Bản cũng giúp cho chế đô phong kiến ở nước ấy dễ duy trì trang thái tán mát, cát cứ của từng dòng họ (vì chia làm nhiều đảo), cho nên ở đấy chế đô quân chủ tập trung không xuất hiên sớm như ở Trung Quốc và Việt Nam Mặt khác, là vì ở hải đảo cho nên sự nguy hiểm về mặt ngoại xâm cũng ít nghiêm trọng hơn

Việc hai họ Trịnh, Nguyễn phân tranh trong một thời gian dài như vậy cố nhiên là không thể không đưa lại ít nhiều sự thay đổi trong cơ cấu của xã hội Việt Nam trong thời kỳ ấy. Ở Bắc Hà là chỗ họ Trịnh cầm quyền, thủ công và thương nghiệp có phát đạt ít nhiều để có phương tiện duy trì quân đội và tiếp tục đánh Nguyễn, và sống đời sống xa hoa của phe thống trị, họ Trịnh bắt dân phải chịu sưu cao thuế nặng ngày càng tăng. Mặt khác, việc giao dịch thương mại với tư bản phương Tây ảnh hưởng đến kinh tế trong nước là sự sản xuất hàng hóa tăng lên hơn trước, vì cần cho việc mậu dịch, và với cái kết quả đó, quan hệ tiền tệ phát triển hơn trước (các thứ thuế đều đánh bằng tiền, đến các tội cũng có thể chuộc bằng tiền, chức tước, phẩm hàm, các học vị cũng có thể mua bằng tiền). Những yếu tố đó không thể không làm cho nền kinh tế tự nhiên tan rã, những nghề thủ công gia đình bị suy sút. Ở các nước châu Âu, cái quá trình phá sản của nền kinh tế tự nhiên và của nền kinh tế tiểu chủ (kinh tế hàng hóa đơn thuần) đi đôi với quá trình tích lũy tư bản và phát triển tương đương của tư bản thương mại ở trong và ở ngoài, với sự xuất hiện hình thức sơ đẳng của tư bản xưởng làm bằng tay (manufacture). Ở Việt Nam, quá trình thứ nhất lại không được quá trình thứ hai nối tiếp. Những "phố phường", 'kẻ chợ" cũng chỉ mới mọc lên ở vài nơi và nói chung là chưa có một địa vị quan trọng trong đời sống kinh tế và xã hội. Ở các thành thị ấy, cũng đã có một lớp thương gia bản xứ, nhưng lớp đó còn mong manh và phần nhiều là bọn thương nhân kiêm cho vay nặng lãi. Bọn này là bọn lái buôn, và những bọn to vốn nhất lại là kẻ môi giới giữa những người sản xuất và giai cấp quý tộc. Đồng thời họ là chú nợ của hai lớp người ấy. Cho nên đối với bọn người ấy, sự duy trì chế độ bóc lột phong kiến là có lợi, mặc dầu đối với bọn quý tộc và lớp "sĩ" họ không còn giữ lòng tôn sùng tín ngưỡng như trước nữa[1]. Cái tình trạng đặc biệt của xã hội Việt Nam

1 Xem *Hoàng Lê nhất thống chí*. Long khánh bị đối với lớp người thông

trong thời kỳ ấy, khác với xã hội phương Tây - là nền kinh tế tư nhiên bị tan rã mau chóng trong khi sức sản xuất mới bị kìm hãm. Bọn phong kiến quan liêu vẫn giữ độc quyền về việc kinh doanh các cơ nghiệp lớn và về ngoại thương. Một mặt thì nhân dân (trong thời đại ấy, 99% là nông dân) càng ngày càng chịu sưu cao thuế nặng, mặt khác thì sự chiếm đoạt những nguồn sinh lợi vào tay bọn phong kiến quan liêu, trong khi những mối quan hệ tiền tệ có xu hướng khuyếch trương, những yếu tố đó giảm bớt sức mua của nhân dân và làm cho thị trường bên trong khó lòng phát triển. Kết quả là tình cảnh bần cùng đói khổ của quảng đại quần chúng nông dân ngày thêm trầm trọng càng thúc đẩy mau chóng quá trình phá sản của nền kinh tế cố hữu.

Chế độ phong kiến quan liêu đã đặt ra một bộ máy hành chính từ dưới lên trên đè nặng lên cổ nhân dân. Ở xã thì có bọn kỳ hào, bọn này tuy về danh nghĩa là địa phương cử ra nhưng họ vẫn thuộc vào bộ máy thống trị phong kiến của chế độ quân chủ tập quyền. Ở huyện, phủ, châu, tới đạo, bọn "cha mẹ dân", hà hiếp những nhiễu nhân dân đủ điều. Pháp luật dẫu có nghiêm khắc đến đâu đi nữa, cái tệ tham quan ô lại là kết quả tất nhiên của bộ máy chính quyền mang sẵn tính chất sâu mọt.

Ở phương Tây cho đến thế kỷ XVII, XVIII, khi mà sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã có cơ sở để cho chế độ trung ương tập quyền có thể thực hiện và đi đôi với nó là việc thống nhất quốc gia đã bền vững, thì mới có một lớp quan lại cao cấp ở bộ máy chính quyền trung ương như các chức thượng thư để điều khiển các ngành công, nông, thương nghiệp và tài chính quốc gia hay công việc ngoại giao. Ngoài những chức vụ đó, bọn vương công thường vào ra các cung

---

trị cũng được diễn tả rất linh động trong những truyện khôi hài của bình dân, đúc thành những truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn vào đời Lê, thể hiện tâm lý của nhân dân đã chán ngấy cái ách của bọn người thống trị thời ấy.

điên nhà vua chỉ là bọn chầu chực và phục vụ vua, hoàng hậu, các hoàng tử và công chúa Một số được tuyển trong hoàng gia, trong tầng lớp đại quý tộc ruộng đất, hoặc tầng lớp tu sĩ cao cấp, và không có những chức vụ nhất định trong bộ máy quốc gia, trừ những võ quan cao cấp ra Những chức vụ này thường cũng có tính chất thế tập, luân lưu trong một số tộc, những "nhà" trâm anh thế phiệt.

Trong khi ở các nước phương Tây, vào thời đại trung thế kỷ, nông dân vẫn bị chúa tể phong kiến khoét đẽo tận xương, nhưng vẫn ít đụng chạm đến chúa đất và hễ nộp địa tô, làm tạp dịch cho chúa đất đầy đủ, thì cũng được tương đối yên thân. Khi có bọn lãnh chúa ở địa phương khác đến đánh, thì tên lãnh chúa bản hạt phải ra đánh, và cái họa bị bọn phong kiến ngoài đến quấy nhiễu cũng không xảy ra ở các thành thị có tổ chức riêng, có những điều kiện vật chất và pháp lý để tự bảo vệ lấy quyền lợi mình, không bị bọn quý tộc và sai nha của chúng đến nhũng nhiễu. Chỉ có khi nào đi từ tỉnh nọ sang tỉnh kia để buôn bán thì bọn thương gia thường bị bọn chúa tể phong kiến và bộ hạ của chúng chặn cướp mà thôi. Vì vậy mà họ dần dần có thể trở thành một lực lượng, để về sau này, kết hợp với phong trào nông dân làm cuộc cách mạng tư sản, lật đổ phong kiến.

Ở Việt Nam thời xưa không thế. Những nghề thủ công cũng có hàng hội, nhưng có tính cách phường hội nhiều hơn là để bênh vực lợi quyền của mình chống bọn thống trị Hễ quần tam tụ ngũ là bị nhà chức trách làm tội. Ở làng xã, hễ người nào giỏi là có "máu mặt" thì bị bọn quan lại dòm ngó, sinh sự để bắt phải đút lót. Vì thế mà nhà giàu phải chôn của, có giấu thì cũng phải làm ra bộ nghèo. Nếu muốn ăn tiêu xa xỉ, mặc cái áo tốt, màu sắc sặc sỡ, làm cái nhà hơi khác nhà người thường, thì bị tố cáo là phạm thượng! Những người khéo tay về nghề gì thì bị xung công, chớ không được tự do phát triển nghề nghiệp của mình. Với cái chế độ đè nén như vậy, do một chính thể dựa trên một bộ máy quan

liêu năng nề sinh ra, thủ công nghiệp, thương nghiệp, công nghệ làm thế nào phát đạt được mau chóng?

Có người cho rằng hình như trong thời kỳ phong kiến nhà nông ta không bị ràng buộc chặt chẽ vào bọn phong kiến như nông dân các nước châu Âu. Quan niệm đó không đúng. Cần phải căn cứ và so sánh sự phát triển của sức sản xuất ở ta và ở phương Tây trong một thời đại, ở dưới một giai đoạn phát triển lịch sử, thì mới thấy được tình trạng thực tế và những mối quan hệ giữa kẻ thống trị và kẻ bị thống trị. Ở phương Tây, về thực tế cũng như về pháp luật, người nông nô bị ghép chặt vào đất của lãnh chúa. Nhưng nông nô chỉ phải đối phó với một tên địa chủ đó thôi, và tên lãnh chúa là kẻ có quyền hành cao nhất ở địa phương. Uy quyền của lãnh chúa hạn chế trong việc bắt nông dân nộp địa tô cho đúng kỳ, bắt tạp dịch cho đầy đủ. Còn đời sống của dân gian ở các thị trấn thì tuyệt đối hắn không có quyền can thiệp đến. Ở nước ta tình trạng có khác. Ách bóc lột của địa chủ đối với nông dân dính líu với sự đè nén của bọn quan lại. Ở châu Âu, nông dân ở một địa phương nào thuộc hẳn quyền của một tên lãnh chúa ở đó, cho nên bề ngoài thì bị lệ thuộc chặt chẽ vào quyền bính của hắn, tập trung vào trong tay vừa chính quyền vừa sự bóc lột về kinh tế. Ở ta thì nông dân làm tá điền cho một địa chủ, nhưng ra ngoài xã hội thì lại đụng chạm với cả một bộ máy quan liêu với tất cả những nhũng nhiễu hà lạm của nó: việc làng, việc nước, việc hội, việc cúng tế, ma chay, đình đám, thuế khóa, công ích, công sưu, v.v. Ở xã hội phương Tây thời phong kiến, những người nông nô thoát khỏi ấp của địa chủ, có thể chạy đến các thị trấn, trở thành người dân tương đối tự do. Ở ta hồi ấy, người tá điền có đi đâu nữa thì cũng không lọt khỏi vòng cương tỏa của bọn quan lại phong kiến. Vì thế cho nên bề ngoài tuy không dính líu chặt chẽ với tên địa chủ phong kiến địa phương, nhưng lại thêm một tầng đè nén nữa là bọn quan lại, kỳ hào, đại diện cho chính quyền nhà nước.

Một yếu tố nữa rất quan trọng, nó làm cho chế độ tư hữu về ruộng đất theo hình thức tư sản (người cày có ruộng) phát triển chậm và đó là một nguyên nhân ngăn trở sự phát triển sản xuất ở những xã hội nào còn giữ nhiều tàn tích của nó, ấy là chế độ công điền công thổ. Chế độ công điền công thổ là một hình thức còn lại của thời kỳ thị tộc, và từ thời kỳ trung hưng của nhà Lê, việc chia ruộng và đất công cho dân làng là một công cụ trong tay phe thống trị nhằm hai mục đích: một là ngăn cản phong trào nông dân, bị bọn địa chủ và quan lại, cường hào bóc lột áp bức ngày càng tàn nhẫn, hai là để làm chậm sự phát triển chế độ tư hữu về ruộng đất (người cày có ruộng) và do đó làm chậm trễ sự phân hóa giai cấp trong xã hội phong kiến. Sự phát triển mau chóng chế độ tư hữu trong xã hội phong kiến phương Tây khiến một lớp người ngày càng đông là bọn thương gia và thủ công, tách khỏi các địa phận bá quyền của bọn vương công phong kiến và tụ tập lại ở các thị trấn, có đời sống riêng biệt, và đủ sức để chống lại bọn quý tộc phong kiến. Một chế độ phong kiến quan liêu như ở Trung Quốc và Việt Nam hồi trước không để cho quá trình phân hóa đó tiến hành mau chóng, cũng vì sợ mất cơ sở kinh tế mà thiếu nó thì khó lòng duy trì được một bộ máy hành chính phức tạp và năng nề. Vì vậy mà chế độ đó đã đi vào vòng luẩn quẩn, sa vào một sự mâu thuẫn nan giải là muốn duy trì chính thể trung ương tập quyền thì phải giữ lại và vun trồng những mối quan hệ của những xã hội sơ cổ.

Cũng vì những lý do xã hội kể trên mà lúc họ Nguyễn khôi phục lại chế độ phong kiến quan liêu cực kỳ phản động sau khi dẹp được phong trào Tây Sơn, các vua Nguyễn như Gia Long, và nhất là Minh Mệnh, trong dao dụ ra năm 1830, đặc biệt chú ý đến và quy định rõ ràng việc chia công điền công thổ.

Những mối quan hệ tiền tệ, được tăng thêm bởi sự khuyếch trương của tư bản thương mại và tư bản cho vay

năng lãi trong một phạm vi rộng hơn trước, đã đưa đến một kết quả khác nữa là đã có sự *phân hoá rõ hơn trước trong chế độ ruộng đất,* nhất là ở Bắc Hà, vì nông dân bị phá sản ngày càng đông và một lớp thương nhân và bọn cho vay năng lãi đông đảo đã xuất hiện. Chế độ tư hữu về ruộng đất đang hình thành và phát triển mau chóng. Đầu thế kỷ XVII, ruộng tư điền đã phải nộp thuế. Cũng vì lẽ đó cho nên ở Bắc Bộ, ta thấy cái đặc điểm, là chế độ tư hữu về ruộng đất tản mác, vụn vặt hơn ở các chỗ khác. Cũng vì không hiểu cái quá trình lịch sử đó mà những nhà kinh tế học và luật học thực dân thường giải thích tình trạng tản mác đó bằng một lý do mà không có khả năng giải thích gì hết, là họ cho rằng bởi vì ở Bắc Bộ, ruộng đất ít mà dân số thì đông, nghĩa là có hiện tượng nhân mãn năng nề.

Tình hình ở phía Nam, từ sông Linh Giang trở vào, là căn cứ địa của họ Nguyễn, thì có khác. Ở đây là chỗ đất mới, mà dân lại thưa. Những người trai trẻ bị xung vào lính để đi đánh cho họ Nguyễn chống họ Trịnh. Nông nghiệp không được phát triển bằng ở Bắc Hà mà công nghệ cũng kém. Muốn có lương thực để duy trì chiến tranh thì bọn thống trị là chúa Nguyễn chỉ có thể lập ra những trại ấp gọi là của "quốc gia", trong đó những người tù tội bị đầy vào làm nông nô. Tình trạng đó kéo dài cho đến khi Tây Sơn khởi nghĩa. Mặc dầu sự giao thiệp giữa họ Nguyễn với các thương gia ngoại quốc cũng thường xuyên xong chế độ của họ Nguyễn ở Đàng Trong cũng là một chế độ phong kiến quan liêu, cho nên độc quyền về doanh nghiệp và ngoại thương vẫn ở trong tay chúng. Mặt khác, việc buôn bán với ngoại quốc là cốt cung cấp các thứ quân nhu để đánh nhau với họ Trịnh và những xa xỉ phẩm cho triều đình của chúa Nguyễn. Sự phát triển sức sản xuất ở đây đã gặp phải những trở lực lớn, là thiếu sự phát triển nông nghiệp và tiểu công nghiệp tự do. Ruộng đất phần lớn là trong tay của bọn quý tộc với cái hình thức trại, ấp, đã ngăn cản sự hình thành mau chóng chế độ

tư hữu về ruộng đất, mặc dầu việc mua bán và những mối quan hệ tiền tệ đã đến một trình độ phát triển không kém ở Bắc Hà. Để ra khỏi sự bế tắc ấy, chúa Nguyễn chỉ có một giải pháp, là đẩy mạnh *phong trào Nam tiến*. Vì thế cho nên trong thế kỷ XVII và XVIII, ta thấy những lãnh thổ phì nhiêu ở phía Nam lần lượt lọt vào tay họ Nguyễn.

Muốn có nhân công để khai thác các vùng đất mới ấy, ngoài việc đem những tù nhân đến, họ Nguyễn đã lợi dụng những người Trung Quốc trung thành với nhà Minh sau khi Mãn Thanh chinh phục Trung Quốc và chạy sang lánh nạn ở ta. Vì thế, ở phía Nam, chế độ đại địa chủ dễ có cơ sở để phát triển hơn ở phía Bắc. Mặc dầu ở hai nơi, chế độ ruộng đất phát triển theo hình thức không giống nhau, nhưng đã dẫn đến một kết quả như nhau, là sự mâu thuẫn giữa phong kiến và nông dân ngày càng sâu sắc và kịch liệt. Một mặt thì chế độ tư hữu về ruộng đất tản mác vụn vặt, làm cho nông dân phân hóa càng mau, mà thương nghiệp và thủ công nghệ lại phát triển chậm. Mặt khác, chế độ đại địa chủ ngày càng tăng sự bóc lột đối với nông dân mà tiểu công nghiệp và thương nghiệp phát triển lại càng chậm. Bởi thế cho nên ở Bắc cũng như ở Nam[1], hoàn cảnh xã hội đều đã chín muồi để thúc đẩy nông dân nổi dậy chống sự thống trị của bọn phong kiến.

IV. Khởi nghĩa Tây Sơn

Những điều mà ta vừa nói trên bác cái quan niệm sai lầm của một vài nhà viết sử, họ có xu hướng trông thấy chỉ ở Đàng Trong hồi ấy mới có điều kiện cho một cuộc khởi nghĩa nông dân thắng lợi. Những lý do mà họ dựa vào là:

1. Địa lý: cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là xuất phát ở vùng thống trị của họ Nguyễn.

2. Chính trị: họ cho rằng họ Nguyễn tách ra như vậy tức là chống với nhà Lê, và mưu đoạt quân quyền, mà trong

1 "Nam" ở đây là chỉ vùng thống trị của chúa Nguyễn, từ sông Linh Giang trở vào.

thời đại ấy, nhân dân còn sùng bái đối với nền quân chủ chính thống Họ viên lẽ rằng Tây Sơn lúc mới dựng nghiệp cũng không chống Trịnh và Lê, và về sau, lúc ra Bắc Hà, Tây Sơn được dân Bắc Hà ủng hộ là bởi vì dân Bắc trực tiếp cảm thấy cái nhục bị quân Mãn Thanh chiếm đóng, mà nhà Lê lại bất lực và câu kết với ngoại xâm, còn Nguyễn Huệ thì đánh thắng được quân nhà Thanh và giải phóng cho dân tộc

Dĩ nhiên, cái yếu tố chống ngoại xâm là vô cùng quan trọng Song phong trào nông dân khởi nghĩa đã nổi lên ở Bắc Hà suốt nửa đầu thế kỷ XVIII, trước cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, khiến cái quan niệm nói trên không thể đứng vững

Có những cuộc khởi nghĩa chống với quân của Lê - Trịnh trong hàng mấy chục năm trời và hàng vạn nông dân đi theo Những cuộc khởi nghĩa có tính chất sâu rộng hơn hết trong thời kỳ ấy là Khởi nghĩa Sơn Nam của Hoàng Công Chất (1745) ở Hải Dương khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu (1743), Nguyễn Danh Phương ở Vĩnh Yên (1740), và rất nhiều cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ trong suốt nửa đầu thế kỷ XVIII Phong trào nông dân ở Bắc Hà đã bắt đầu phát triển ngay từ thế kỷ XVII

Tình hình có lúc nghiêm trọng, đến nỗi họ Trịnh phải nuôi một đạo binh đặc biệt thường trực để đàn áp phong trào nông dân, tức là đám "ưu binh" gồm dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Những phong trào phần nhiều là do những phần tử trí thức nghèo cầm đầu Đó cũng là một đặc điểm của phong trào nông dân ở Á Đông, đặc biệt là ở Trung Quốc và Việt Nam trong thời kỳ phong kiến Tất cả những phong trào nông dân cuối đời Lê và trước khởi nghĩa Tây Sơn, đều có một khuyết điểm chung là rời rạc, lẻ tẻ, không thống nhất, cho nên mặc dầu sự mâu thuẫn giai cấp giữa nông dân và phong kiến sâu sắc không khác gì ở Đàng Trong, ta không thấy một phong trào nào có một quy mô *rộng lớn* đạt đến phạm vi toàn

quốc và đánh ngã hẳn được nền thống trị của Lê - Trịnh như cuộc khởi nghĩa Tây Sơn về sau này. Phong trào nông dân ở Bắc Hà sở dĩ rời rạc như vậy, không phải là không có lý do sâu sắc của nó. Cái đặc tính đó trước hết, như đã nói ở trên, ở Bắc Hà, chế độ sở hữu về ruộng đất quá tản mác. Như thế nghĩa là cuộc đấu tranh, nếu không có một sự lãnh đạo đúng đường, biết phối hợp và thống nhất phong trào ở các nơi lại, thì khó lòng mà phát động được đông đảo nông dân. Cố nhiên là những người lãnh đạo phong trào trong thời kỳ đó, vì địa vị xã hội của họ và những mục tiêu hạn chế mà họ đặt ra cho phong trào, không thể làm cho những cuộc đấu tranh ấy có được một trình độ giác ngộ và tổ chức cao hơn.

Mặc dầu những phong trào lẻ tẻ, và không làm cho chính thể đương thời sụp đổ ngay, những cuộc khởi nghĩa đó cũng rất quan trọng, vì nó đã làm suy yếu chế độ phong kiến, khiến chế độ này chóng đi đến chỗ tiêu vong, và chuẩn bị điều kiện cho một phong trào nông dân rộng hơn, có tính chất toàn quốc, quét tất cả các tập đoàn phong kiến thống trị - đó là *Khởi nghĩa Tây Sơn*.

Trước kia, khi nói đến phong trào Tây Sơn, trừ những bọn viết sử thuê cho nhà Nguyễn và cho thực dân Pháp thì không kể, còn những người đã hiểu được sự phụ thuộc của phong trào ấy, trước hết chỉ chú trọng về một trong ba mặt này.

1. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn cũng là một cuộc vận động đáng kính, vì nó đã gây dựng được cơ đồ, đặt ra một chính quyền cũng đáng kính như bất cứ một triều đại chính thống nào khác.

Quan điểm đó tự cho mình là "khách quan" nhưng chỉ là khách quan về một phương diện. Về phương diện khác, nó đã làm cho người ta đi đến kết luận: "kẻ nào mạnh thì kẻ ấy là phải", và "được làm vua, thua làm giặc".

2. **Quan điểm thứ hai cho Tây Sơn là oanh liệt bởi vì trước hết Tây Sơn đã đánh bại được quân xâm lược Mãn Thanh. Quan điểm ấy là của phái quốc gia cách mạng, nhất là trong đám trí thức tiểu tư sản.**
3. **Quan điểm thứ ba thấy khởi nghĩa Tây Sơn là một phong trào nông dân, nghĩa là đã thấy nó có tính chất xã hội, thấy ở nó biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp, nhưng không liên hệ nó với hoàn cảnh xã hội Việt Nam trong thời kỳ đó, và không hiểu những nguyên nhân sâu xa về sau đã đưa nó tới thất bại.**

Ba quan điểm đó tiêu biểu cho những giai đoạn tương đương trong cuộc tiến triển của phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta. Quan niệm đầu đã bác những suy luận chính thức của "quốc sử quán" họ Nguyễn, trước hết cũng vì họ này đã nhờ tay người ngoài mà chiếm ngôi, và cũng ở dưới thời kỳ thống trị của dòng họ ấy, Việt Nam đã mất nước và lúc Pháp đặt nền đô hộ ở xứ này, triều đình Huế đã làm bù nhìn cho giặc. Thái độ phê phán đó đối với nhà Nguyễn đã được phổ biến trong thời kỳ đầu của phong trào giải phóng dân tộc, trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khi mà những nhân sĩ Nho học chống Pháp cầm đầu phong trào ấy. Trong đám này, có một số chống nhà Nguyễn, nhưng lại chủ trương hợp tác với thực dân để cải cách trong nước.

Quan điểm thứ hai là một bước tiến bộ so với quan điểm thứ nhất. Nó được phổ biến trong giai đoạn sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khi mà ý thức dân tộc đã chín muồi trong các tầng lớp nhân dân, và phong trào phản đế đã sôi nổi khắp nước.

Quan điểm thứ ba đã xuất hiện trong và sau phong trào cách mạng 1930 - 1931, lúc mà cuộc cách mạng giải phóng dân tộc bước sang một giai đoạn mới, cao hơn, với sự tham gia của quần chúng lao khổ thành thị và nhất là nông thôn trong nước, lúc phong trào có tính chất dân tộc dân chủ nhân dân.

Trong giai đoan này, lúc mà cuộc cách mang giải phóng dân tộc thắng lơi và đang xây dưng chế đô dân chủ mới để tiến lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là không những ta đã đi sâu hơn vào sư hiểu biết những quy luật tiến hóa của xã hôi, mà đã bắt đầu điều khiển được những quy luật ấy, thì cố nhiên là cách giải thích những quy luật, chi phối lịch trình tiến hóa của lịch sử, so với những quan điểm trước, phải triệt để hơn

Quan điểm mới không bỏ hẳn những quan điểm kể trên, bởi vì những quan điểm ấy ít nhiều đã tiêu biểu cho những giai đoan, những thời kỳ trong quá trình lich sử phát triển tư tưởng lý luân ở nước ta, với những han chế không tránh khỏi của những giai đoạn ấy Song đồng thời nó phải chon lọc, tham bác, giữ phần tiến bô, loai phần thủ cưu, trái với khoa hoc, và phát triển thành môt quan điểm lich sử khoa học, phản chiếu được cái quá trình phát triển khách quan của xã hôi Việt Nam cuối thế kỷ XVIII. Đương nhiên là quan điểm mới không phải chiến thắng môt cách dễ dàng và mau chóng. Nó sẽ vấp phải quan điểm và cách suy luân cũ trong môt số người. Song những thành tích lớn lao mà dân tộc Việt Nam đã đat được từ ngày Cách mang tháng Tám thành công và về sau này trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, sẽ là cái bảo chứng cốt yếu - để cho quan điểm mới về lich sử được thắng thế

Ở đây, ta không nhắc lai cái quá trình phát triển của khởi nghĩa Tây Sơn, những việc mà Tây Sơn đã làm trong thời kỳ cầm quyền. Ta chỉ chú trọng đến những nguyên nhân nào đã đẻ ra phong trào ấy và những nguyên nhân nào đã kết thúc nó.

Muốn hiểu khởi nghĩa Tây Sơn về hai phương diên ấy, ta hãy nhắc lai những quan điểm đã nói trên kia về biến cố lich sử ấy.

Như đã thấy, có người khâm phuc khởi nghĩa Tây Sơn bởi vì cuộc khởi nghĩa ấy đã thắng lơi. Song tại sao mà Tây Sơn

thắng lợi, thì chỉ lấy một mình cá nhân của những người cầm đầu phong trào, nhất là Nguyễn Huệ, cũng không đủ. Nếu nói rằng đó chỉ là một phong trào tiếm ngôi, chỉ khác với họ Mạc, họ Trịnh, họ Nguyễn, cũng đều là bọn đình tiếm ngôi, là vì nó thắng. Nhưng nếu đưa so sánh thực lực của Tây Sơn lúc mới nổi lên, và thực lực của những nhóm kia, thì ta phải công nhận rằng những ưu thế không phải ở về phía Tây Sơn. Tây Sơn thắng được là bởi vì đã *dựa vào sức của nhân dân*, và có thể dựa vào nhân dân là bởi vì cuộc khởi nghĩa Tây Sơn về bản chất của nó không phải là một cuộc đảo chính hay dấy loạn tầm thường của một nhóm phong kiến đình cướp ngôi vua. Nó đã thắng lợi bởi vì nó là ngọn cờ khởi nghĩa của đông đảo nông dân bị áp bức nổi dậy chống sự áp bức của phong kiến. Và Nguyễn, Trịnh, Lê không dẹp nổi là bởi vì cái giờ suy vong của chế độ phong kiến đã điểm. Đó là bí quyết thắng lợi của Tây Sơn đối với bọn phản động bên trong.

Có người phục phong trào Tây Sơn là bởi vì Tây Sơn đã dẹp được giặc ngoại xâm. Song với những lực lượng của Tây Sơn, kinh nghiệm và vũ khí không bằng phe cầm quyền, chưa nói đến quân nhà Thanh, thì sự thắng lợi đó không phải dễ. Muốn chiến thắng được kẻ thù như vậy, cần phải tiến hành một cuộc chiến tranh có *tính chất nhân dân*. Khởi nghĩa Tây Sơn mà bản chất của nó là nông dân, đã tiến hành cuộc chiến tranh như vậy. Đó là cái bí quyết thắng lợi của Tây Sơn đối với giặc ngoại xâm. Nguyễn Huệ là một thiên tài quân sự lỗi lạc. Nhưng Nguyễn Huệ trước hết là người đại diện cho nông dân cách mạng của thời đại ấy, có trách nhiệm thực hiện những chí hướng của họ. Cho nên nếu đứng về quan điểm thứ nhất hay quan niệm thứ nhì mà nhận xét, mà không hiểu cái gốc xã hội của phong trào Tây Sơn, thì không thể nào hiểu được ý nghĩa lịch sử to lớn của phong trào ấy.

Quan điểm thứ ba nhận thấy khởi nghĩa Tây Sơn là một phong trào nông dân, nhưng lại không thấy hoàn cảnh lịch sử

của xã hội Việt Nam cuối đời Lê đã khiến cho phong trào ấy thắng, không hiểu vì sao những phong trào nông dân khác ở Bắc Hà trước Tây Sơn lại không thắng Hơn nữa, không hiểu vì sao phong trào đã thắng mà về sau, nhà Nguyễn có thể trở lại đoạt quyền và khôi phục lại chế độ phong kiến thối nát Thường người ta giải thích sự tan rã của khởi nghĩa Tây Sơn bằng hai lý do sự chia rẽ trong hàng ngũ của Tây Sơn và Nguyễn Ánh dựa vào sức của người ngoài. Những nguyên nhân đó không phải là không quan trọng. Song, vậy thì cắt nghĩa tại sao mà trong cuộc đại cách mạng Pháp, những người cầm đầu phong trào không phải bao giờ cũng luôn luôn nhất trí và có lúc cuộc đấu tranh nội bộ diễn ra bằng những trang đẫm máu, những lực lượng bên ngoài can thiệp vào để bóp chết cách mạng không phải tầm thường, thế mà cách mạng vẫn thắng, vẫn tiến tới? Cái làm cho khởi nghĩa Tây Sơn có thể thắng là có cơ sở xã hội chế độ phong kiến đã đến lúc suy tàn Cái làm cho khởi nghĩa Tây Sơn không thể tiến lên một bước cao hơn, để đưa đến một chế độ xã hội cao hơn chế độ phong kiến: cũng là vì thiếu cái cơ sở xã hội sức sản xuất mới chưa phát triển đến một mức nhất định. Phong trào không có một giai cấp tiên tiến thành thị đứng đầu Lớp thương gia có mặt hồi ấy ở Việt Nam không đủ sức để đảm nhiệm cái trọng trách lịch sử thay đổi chế độ xã hội. Dưới cái hình thức mà tư bản thương mại và tư bản cho vay lãi đã nảy nở ở Việt Nam trong thời kỳ ấy, chỉ biết hút tài sản của xã hội, chỉ có thể phục vụ cho lợi ích của phái quý tộc phong kiến, làm cho nền kinh tế thêm kiệt quệ, chứ về mặt sản xuất ra của cải, nó không sáng tạo được cái gì. Mà nông dân thì tự họ *không thể lãnh đạo được* cuộc cách mạng, mặc dầu đó là cuộc khởi nghĩa của nông dân. Như vậy, một mặt, có điều kiện xã hội cho phong trào nông dân nổi lên và thắng lợi, mặt khác lại thiếu điều kiện xã hội để cho phong trào ấy sau khi thắng lợi, có thể tiến tới một cuộc cách mạng thay đổi hẳn phương thức sản xuất, xây dựng nên cái mới. Khởi nghĩa Tây Sơn đã xảy ra và phát triển trong cái tình trạng lịch sử mâu thuẫn ấy.

Nửa thế kỷ sau khởi nghĩa Tây Sơn, ở Trung Quốc có phong trào Thái Bình thiên quốc Cũng như phong trào Tây Sơn, giữa những người cầm đầu, Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh, về sau có những mâu thuẫn, Cũng như họ Nguyễn, nhà Thanh và bọn Hán gian thời ấy (Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương, v v) đã mượn thế lực tư bản ngoại quốc để đàn áp phong trào Song sự chia rẽ giữa những người lãnh đạo phong trào có thể mang lại những kết quả tai hại, việc can thiệp của tư bản ngoại quốc có thể dẹp nổi phong trào là bởi vì phong trào đã đi tới chỗ bế tắc, vì thiếu cơ sở xã hội để tiến lên Ở Trung Quốc, giữa thế kỷ XIX, cơ sở đó còn thiếu, và ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII nó càng thiếu

Cho nên trong hoàn cảnh lịch sử đó, có nhiều khả năng cho sự khôi phục lại chế độ phong kiến Chế độ mà Tây Sơn đặt ra, từ nó thoái hóa, các lãnh tụ Tây Sơn xưng vương xưng đế, hay là một bọn phong kiến khác leo lên, điều đó không quan trọng

Những cải cách của Tây Sơn mà trong sử thường nói đến, đã không đưa lại những thay đổi quan trọng trong vấn đề căn bản nhất, đó là vấn đề ruộng đất Có giải quyết vấn đề ruộng đất, có chia ruộng đất của phong kiến cho nông dân thì mới đánh đổ được cơ sở của chế độ phong kiến, mới đưa lại những thay đổi căn bản trong cơ cấu xã hội

V. Họ Nguyễn đoạt quyền và khôi phục chế độ phong kiến và những kết quả của nó

Trong những lực lượng phong kiến bị Tây Sơn đánh đổ họ Nguyễn bị sụp đổ trước tiên, đã phục hồi lại, và gom góp sức để sau này đánh đổ Tây Sơn, khôi phục lại chế độ phong kiến Tại sao họ Nguyễn đã khôi phục được thế lực, mà nhà Lê và họ Trịnh lại bị tiêu vong hẳn?

Như chúng ta đã thấy, nhà Lê trong thời kỳ cuối cùng của nó đã suy nhược đến nỗi để quyền lực lọt hẳn vào tay họ Trịnh, vua Lê chỉ ngồi làm vì, bung xung. Như vậy nghĩa là

vai trò lịch sử của nhà Lê sư thực đã hết Họ Trịnh tuy đã đoạt được thực quyền vào tay, nhưng không dám tiếm ngôi, là vì trước mặt thiên hạ, nhà Lê còn giữ uy tín vì đã đưa đất lập và hưng thịnh lại cho quốc gia Song đó chỉ là cái danh, còn thực thì tất cả quyền bính đều là do họ Trịnh nắm Những sĩ phu trong nước, các hàng văn võ quan lại trong bộ máy phong kiến quan liêu đều do Trịnh đề bạt và cất nhắc Về xã hội và chính trị, những tầng lớp trên hoàn toàn phụ thuộc vào họ Trịnh Bởi vậy cho nên lúc bọn Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh để chống Tây Sơn, hành động ấy là màn cuối cùng để nhà Lê rời khỏi sân khấu lịch sử

Sự sụp đổ của nhà Lê đã kéo theo sự sụp đổ của họ Trịnh Như đã nói, họ Trịnh đoạt quyền cũng là một cách giải quyết bước đường bế tắc mà nhà Lê đã mắc phải trong thời kỳ suy vong của nó Song họ Trịnh đoạt quyền đã không làm cho chế độ phong kiến Việt Nam ra khỏi nguy cơ suy vong, mà lại làm cho nguy cơ ấy càng nghiêm trọng Sự tiêu vong của họ Trịnh đi đôi với sự diệt vong của nhà Lê

Đối với họ Nguyễn thì tình hình có khác Bè phái của họ Nguyễn, những cựu thần của nó trong thế kỷ XVIII, khi mà họ ấy chiếm được những lãnh thổ phì nhiêu ở miền Nam, đã trở thành một giai cấp quý tộc có nhiều ruộng đất, sống bằng sự bóc lột nông nô Quyền lợi của chúng gắn chặt với vận mệnh của chúa Nguyễn Tây Sơn lên, vì *không giải quyết vấn đề ruộng đất,* cho nên *cơ sở kinh tế của họ Nguyễn và vây cánh của nó không bị đả động đến* Việc vận động khôi phục của họ Nguyễn ở Đàng Trong vì thế mà có một cơ sở xã hội thuận lợi

Điều kiện thuận lợi thứ hai cho việc khôi phục họ Nguyễn là yếu tố ngoại viện: vì nhận thấy họ Nguyễn ở phía Nam có cơ sở, miền Nam là đất phì nhiêu, việc phát triển nông thương lại kém, cho nên tư bản ngoại quốc, mà Công ty Đông Ấn (Compagnie des Indes orientales) là đại diện, nhằm họ Nguyễn làm đối tượng để "giúp đỡ" Đó cũng là một cuộc dư

bị cho tư bản Pháp vào thế kỷ sau, chiếm Nam Bộ, là màn đầu để xâm lược toàn nước Việt Nam Giặc ngoại xâm, trước khi xâm lăng một nước, bao giờ cũng dùng chính sách kinh điển này, là bắt đầu can thiệp bằng cách giúp cho phe phản động ở nước ấy tiêu diệt lực lượng cách mạng của nhân dân

Do đó mà Nguyễn Ánh leo lên được ngôi vua và từ 1802, lập ra triều Nguyễn

Triều Nguyễn lên tức là chế độ phong kiến quan liêu được khôi phục Nhưng, như ta đã thấy, chế độ ấy từ thế kỷ XVII, đã mắc phải cái bệnh không thể cứu chữa được nữa Để đưa Việt Nam ra khỏi khủng hoảng, phải có một cuộc cách mạng chống phong kiến, đưa xã hội Việt Nam phát triển theo một con đường mới, cho sức sản xuất phát triển nhanh hơn Cuộc chiến tranh nông dân cuối thế kỷ XVIII, khởi nghĩa Tây Sơn - không hoàn thành nhiệm vụ ấy vì vậy chế độ phong kiến quan liêu có khả năng phục hồi Nhưng sự khôi phục đó dựa trên một cơ sở rất mỏng manh Cho nên triều Nguyễn lên không được bao lâu, chỉ được nửa thế kỷ, thì đã bộc lộ sự suy đồi nhược bại của nó Thêm vào đó, chủ nghĩa tư bản phương Tây đang bành trướng thế lực khắp nơi Trước sự tiến công ấy, họ Nguyễn không thể lãnh đạo nổi vận mệnh của dân tộc, đã đầu hàng giặc và để cho nước ta lọt vào tay ngoại bang trở thành thuộc địa của Pháp Những cải cách mà một vài nhân sĩ sáng suốt sau khi đi khảo sát nước ngoài về, đề nghị với triều đình Tự Đức khi họ thấy vận nước đã đến lúc nguy biến, đều bị bác bỏ, bởi vì trong nước thiếu cơ sở, thiếu những tầng lớp xã hội có lợi trong những sự đổi mới ấy

Làm cho đất nước biến thành thuộc địa của giặc ngoại xâm, đó là tội ác của họ Nguyễn Một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng ở Việt Nam nếu muốn đi tới độc lập và thống nhất chân chính, thì chỉ có thể là một cuộc cách mạng phản đế và phản phong (révolution antiimpérialiste et antiféodale), nghĩa là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và quét sạch

những tàn tích của chế đô phong kiến, thiết lâp chính quyền cách mang của nhân dân.

VI. Tiền đồ phát triển cách mạng phản đế và phản phong ở Việt Nam

Chúng ta đã thấy, môt măt, bước đường bế tắc của chế đô phong kiến Viêt Nam, cuối thế kỷ XVIII, là nguyên nhân sâu xa của sư bế tắc đó đã nảy sinh ra trong lòng xã hôi phong kiến Viêt Nam Măt khác, sức bành trướng của chủ nghĩa tư bản phương Tây mà kết quả là thế giới bi phân chia giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa, hai yếu tố đó đã đưa nước ta vào tình cánh môt nước thuộc địa

Nhưng, hên quan đến vấn đề này, có một quan niêm sai lầm, khá nguy hiểm mà ta cần phải đả phá. Có người suy luân rằng phải có sư xâm nhâp của chủ nghĩa tư bản Tây Âu thì châu Á mới ra khỏi bước đường bế tắc Đó là quan điểm của các nhà sử hoc thực dân, cố tâm bào chữa cho chính sách xâm lăng đế quốc, mà ho cho là "sứ mang văn minh".

Người ta thường cho rằng ở các nước châu Á, sức sản xuất luôn luôn phát triển chậm, kinh tế tiến châm. Sự nhân xét đó không có giá trị tuyêt đối, không đúng cho tất cả các thời đại của lich sử của các nước phương Đông. Có những thời kỳ mà chính các nước châu Á lai phát triển nhanh hơn các nước châu Âu Bằng chứng là trước Công nguyên và chính ngay cả thời đại phong kiến nữa, nhiều nước châu Á, như Trung Quốc, Ấn Độ, các quốc gia Arâp Trung Cận Đông, v v đã đat đến môt trình đô văn minh rất cao, vươt hẳn các nước Tây Âu. Riêng ở Viêt Nam, trình đô phát triển của nền văn hóa vât chất, đăc biệt là thời Lý, Trần, Lê cũng chứng tỏ điều đó.

Như vậy thì không phải các nước châu Á tư mình không có khả năng phát triển tới trình độ hiện đại, không có khả năng chuyển từ chế đô tiền tư bản sang chế đô tư bản

Một mặt, khi các nước tư bản Tây Âu đến xâm lược thì các nước châu Á còn sống trong khuôn khổ của xã hội phong kiến. Đó là một sự kiện lịch sử. Đó là thực tế khách quan. Những sự kiện lịch sử đó tuyệt đối không có tính chất định mệnh, không phải là một cái khuôn đúc sẵn cho những khu vực nhất định trên trái đất. Không thể từ đó mà kết luận hồ đồ rằng các nước châu Á nhất định phải trở thành thuộc địa của các đế quốc Tây Âu, phải kinh qua sự phụ thuộc của chủ nghĩa tư bản Tây Âu mới tiến sang xã hội hiện đại được.

Trong gần một trăm năm, dân tộc ta quằn quại dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Mất quyền độc lập chính trị, nước ta bị phụ thuộc vào thực dân Pháp về phương diện phát triển kinh tế. Kinh tế lạc hậu suy đồi, chính trị hắc ám tàn nhẫn, văn hóa nghèo nàn cằn cỗi, xã hội điêu linh thống khổ, đó là những kết quả mà gần một trăm năm trên con đường phát triển phụ thuộc theo một nước tư bản chủ nghĩa đã đưa lại cho nhân dân ta.

Để ra khỏi con đường đó, lịch sử đã đặt ra cho chúng ta những nhiệm vụ cụ thể, là đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và thanh toán sự ràng buộc trong cơ cấu xã hội Việt Nam, cái ngăn cản bước tiến của dân tộc. Những sự ràng buộc đó là những tàn tích của chế độ phong kiến mà cuộc nông dân khởi nghĩa cuối thế kỷ XVIII đã không quét được, mà về sau, thực dân Pháp đến xâm chiếm nước ta, chúng đã phá hủy một phần nào để thích ứng những nhu cầu của chúng, và vẫn giữ lại, vun trồng một bộ phận lớn để đưa vào đó mà bắt buộc sự phát triển của nước ta phục tùng lợi ích của chúng.

Trong một trăm năm bị kìm hãm trói buộc, thì trong một trăm năm dân tộc ta cũng tìm con đường thoát ly. Đó là một trăm năm hành trình của dân tộc ta trên con đường đi tìm chân lý cách mạng. Từ phong trào Cần Vương đến

khởi nghĩa tháng Tám, dân tộc ta không những biêu dương chí quật khởi hy sinh, không những đã dưa những dòng máu hào hiệp để rứa cái hân làm dân nô lê, nhưng cũng đã tư trưởng thành trong quá trình chiến đấu trường kỳ và gian khổ Từ chỗ môt sư phán ứng bắt đầu bôc phát dưới sư tấn công của giăc ngoai xâm cho đến chỗ tìm ra đươc và hiên ngang tiến lên con đường giải phóng khoa hoc, ngon lửa cách mang Viêt Nam đã bốc lên từ môt đốm lửa, cho đến khi, với Cách mang tháng Tám và cuôc kháng chiến 9 năm, ánh sáng đó không phải chí soi đường cho môt số ít người, mà soi cho cả toàn dân tộc, không những soi cho bước đường hiên tai, mà soi cho cả vận mênh tương lai của dân tôc, không những soi cho môt dải đất Đông Dương này, mà còn vươt ra ngoài biên giới để tóa đến tân chân trời của Đông Nam Á

Trong một trăm năm, cái ý thức cách mang Viêt Nam đã đươc bồi đắp và lớn lên trong hoàn cảnh thuôc đia của Viêt Nam, nghĩa là theo những đăc điểm và nhu cầu giải phóng của dân tôc, đồng thời cũng đã tiến triển theo những đòi hói và những quy luật chung của lich sử loài người giai đoan hiên tai

Như vây là dân tộc ta đã từ chỗ tên tuổi bi xóa bỏ trong lich sử mà đi đến chỗ trở về với lich sử, đồng thời có phần đóng góp tích cưc vào sư nghiệp xây dưng hch sử của thế giới hiên đai

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý HIỆN NAY TRONG KHI BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC*

Chưa bao giờ vấn đề nhận thức đối với các khoa học xã hội nói chung, đối với khoa học lịch sử nói riêng, đặt ra một cách khẩn trương, cấp thiết như ngày nay. Vấn đề lịch sử xã hội loài người tựu trung là vấn đề về con đường đi của nhân loại, vấn đề vận mệnh của nhân loại.

Tất cả chúng ta đã rõ, từ nửa đầu thế kỷ này, đặc biệt là trong 20 năm lại đây, đã diễn ra trong đời sống của các dân tộc những biến động rung chuyển cả những cơ sở của đời sống về chính trị, kinh tế, xã hội, văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật. Không biết bao nhiêu cái mới, hoặc đã phát minh, hoặc đang chớm nở, báo hiệu rằng cái kỷ nguyên mới của lịch sử nhân loại mà Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa Nga là lá cờ đầu được phất lên, là viên gạch đầu tiên được đặt ra, đang dồn dập tiến tới như dòng nước thủy triều, dòng thủy triều đó mà ngọn sóng cao nhất là cuộc bão táp cách mạng của hàng trăm triệu người trên khắp năm châu đang dồn dập tiến công vào nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Cái ý thức tấn công vào chủ nghĩa tư bản mà Xtalin đã nêu lên ở Đại hội thứ XVIII của Đảng Cộng sản Liên Xô, và đồng chí nhắc lại dưới một hình thức khác ở Đại hội thứ XIX, đã trở thành ý chí không phải chỉ riêng của giai cấp công nhân, mà nó đã trở thành hành động phổ biến và trực tiếp của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới. Một mặt khác, chưa bao giờ cuộc tổng khủng

* Bài phát biểu tại Hội nghị phương pháp luận sử học tại Hà Nội trong các ngày 28, 29, 30 tháng 6 và 1 tháng 7 năm 1966

hoang cua chu nghĩa tư bán lai nô ra môt cách sâu rông như ngày nay Vì thế mà lich sư loài người trong vài chuc năm lai đây, đã có những bước tiến kinh thiên đông địa, long trời chuyển đất, về tinh thần chiến đấu và nghi lực sáng tao, đã vươt qua hàng trăm năm trước đây Là bởi vì lich sử từ xưa đến nay vẫn là lich sử của những người sản xuất, của nhân dân lao đông Nhưng trước đây, ho chỉ đóng vai trò thu đông, làm chỗ dưa cho các giai cấp bóc lôt, còn bây giờ thì ho là những người làm ra lich sử có ý thức, như là chủ thể của lich sử chứ không phải là đối tương của lich sử nữa Hiên nay, loài người đang thực hiên lời tiên đoán cua Mác cách đây hơn môt trăm năm, là trong cuôc cách mang công sản, những người vô sản không mất gì hết, mà ho lai được cả môt thế giới Cái thế giới mà loài người đang giât ra khỏi tay các giai cấp thống trị cũ, là cả môt thế giới vât chất và tinh thần mà loài người đã sáng tao ra trong hàng mấy nghìn năm. Thế giới đó là bao gồm tất cả những nguyên vong và mong ước thiết tha nhất của loài người trên chăng đường lich sử ngày nay, đó là chủ nghĩa xã hôi, đôc lâp dân tôc, dân chủ, tư do, hòa bình, hanh phúc và tiến bô xã hôi Ở mức đô này hay mức đô khác, ở măt này hay măt khác, tất cả những chiều hướng và nguyên vong, ước mong đó đều đưa tới môt muc đích chung, tới cái chiều hướng phát triển chung của lich sử nhân loai, là thoát ly khỏi xiềng xích cua chủ nghĩa tư bán và tiến tới môt xã hôi mới, tiến tới chu nghĩa công sản

Nếu chủ nghĩa duy vât lich sử là môt sư thắng lơi vĩ đai của trí tuê loài người thì những thắng lơi chấn đông ngày nay của cách mang thế giới là môt thắng lơi cực kỳ vĩ đai cua chủ nghĩa duy vât lich sử Nó chứng minh cho sư đúng đắn tuyệt đối của hoc thuyết mácxít - lêninnít về lich sử Vì vây, chúng ta không lấy làm la nếu ngày nay hơn bao giờ hết, nhân dân lao đông càng phải nắm chắc những quy luật phát triển của lich sử xã hôi loài người Và cũng vì vây mà chúng

ta không lây làm la nếu hiên nay hơn bao giờ hết, các giai cấp thông trị - bon đế quốc, giai cấp tư sản, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, bon phan đông và bon tay sai của chúng, dưới muôn màu muôn vẻ, cố xuyên tac lich sử, phủ nhân những quy luật khách quan của lich sử, tất cả những cố gắng của chúng về tư tưởng hoc thuật chứng tỏ tinh thần hoang mang của chúng, thái đô bi đông, sư hoảng sơ, bất lực và tâm hồn tuyệt vong của giai cấp, những thế lực bi lich sử lên án và đang bi những lực lương tiến bô của lich sư tấn công

Chính ngay những sư biến đông trong những lĩnh vực co lơi trước mắt cho chu nghĩa tư bản về măt tăng lơi nhuân thăng dư của chúng, và tăng cường sức xâm lược của chúng, như cuôc cách mang to lớn về khoa hoc kỹ thuật đang diễn ra trong thế giới, cũng lai quật đổ chúng nó một măt, và đây là điêm chủ yếu, nó tăng thêm tính gay gắt trong mỗi mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giữa tính chất xã hôi của những tư liêu sản xuất, và quyền tư hữu về tư liêu sản xuất và về sư phân phối và sử dung những của cải của xã hôi , hai là, nó tăng thêm tính gay gắt của những mâu thuẫn giữa cac tập đoàn đế quốc chủ nghĩa

Cho nên, đối với chúng ta, việc đặt ra và thao luân vấn đề phương pháp luân của sử hoc là rất cần, mà nếu nói rông ra, nó không phải chỉ bó hep ở khoa sử, mà nó còn có quan hê mật thiết đến các ngành khoa hoc xã hôi nói chung, thâm chí nó cũng không phải là một vân đề xa la, một thứ xa xí phâm đối với khoa hoc tư nhiên và kỹ thuật

Từ những điều trình bay ở trên, tôi muốn nói lên một điêm này, là khi chúng ta nói đến vấn đề phương pháp luân, thì chúng ta trước hết phải nhân đinh cho kỹ cái chức năng của khoa hoc lich sử, phù hơp với tính chất của hch sử xã hôi loài người Trong các bản báo cáo và tham luân, các đồng chí nói rất đúng là lich sử đấu tranh giai cấp từ khi xã hôi loài người chia thành giai cấp, vì vây, khoa sử phải là một công

cu chiến đâu Ở đây tôi muốn nói thêm răng, cũng trên cơ sở nhân đinh rằng lich sử là hch sư cua giai cấp đấu tranh, lịch sử của những người sản xuất, của nhân dân lao đông, chúng ta phải nhân đinh thêm rằng lich sử trước hết là *lich sử giải phóng loài người noi chung, và con người nói riêng* Áp bức, bóc lôt, phi nghĩa, tàn bao, tôi ác, đau khổ, túi nhuc là vì trong xã hôi có giai cấp Có giai cấp bóc lôt áp bức, thì cũng có giai câp chống lai áp bức bóc lôt và tìm cách thoát khỏi sư áp bức bóc lột đó

Sở dĩ chủ nghĩa duy vât lich sư do Mác - Ăngghen sáng tao ra vĩ đai là ở chỗ không những nó giải thích đúng đắn, đúng với khoa hoc, nghĩa là đúng với thưc tế khách quan con đường đi của loài người, mà nó còn vach ra triển vong lich sử của loài người, con đường đi đến thắng lơi Có như vây chúng ta mới có thể nói đươc rằng từ mấy nghìn năm nay loài người không ngừng tiến bô và có như vây, chúng ta mới khẳng đinh đươc rằng loài người nhất đinh tiến lên chủ nghĩa xã hôi và chủ nghĩa công sản, môt kỷ nguyên hch sử mà màn đầu đang diễn ra trước mắt của thế hê chúng ta. Hiểu triết hoc mácxít là môt thứ triết không những có thê giải thích đươc thế giới, mà chủ yếu cái tao đươc thế giới là hiểu theo ý nghĩa đó Lênin cũng đã nói Có thể trở nên người cộng sản chân chính là khi mình tiếp thu đươc tất cả cái kho tàng kiến thức mà loài người đã tích lũy từ bao nhiêu thế kỷ Ý Lênin là nói rằng những kiến thức mà loài người đã tích lũy đươc trong quá trình đấu tranh lâu dài đã chiến thắng đối với tư nhiên và đấu tranh xã hôi, và hai cuôc đấu tranh này là khăng khít với nhau, tác đông lẫn nhau và đó là những giai đoan tất yếu đưa đến một quy luật tất yếu nữa, là sư thắng lợi của chủ nghĩa công sản

Lênin cũng còn nói rằng chỉ thừa nhân giai cấp đấu tranh chưa đủ. Người mácxít triêt để còn phải thừa nhân và phấn đấu cho cái kết quả tất yếu, lôgích của giai cấp đấu tranh là chuyên chính vô sản

Sự nghiệp giải phóng của những người lao động và sự thắng lợi của sự nghiệp đó là sợi chỉ đỏ trong toàn bộ các tác phẩm của những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, quyển *Tư bản luận* đến những quyển phân tích thời sự trước mắt như cuốn *Ngày 18 tháng Sương mù* của Lui Bônnapác đều toát ra một ý lớn, căn bản, là sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhất định thắng. Thậm chí khi phê phán một sự kiện lịch sử xảy ra, mà điều kiện khách quan chưa chín muồi như Công xã Pari, Mác và Ăngghen đứng trên lập trường quốc tế ủng hộ Công xã Pari, bởi vì đó là một sáng tạo cách mạng vĩ đại đối với lịch sử nhân loại, đó là một tia sáng đầu tiên trên con đường giải phóng loài người bị áp bức.

Trong những tác phẩm của Lênin thì điều đó càng rõ ràng, càng đanh thép, và không những trong các tác phẩm về chính trị, kinh tế, lịch sử, mà về cả khoa học như cuốn *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* về văn học nghệ thuật như tập phê phán Lêông Tônxtôi, chưa nói đến tác phẩm kiệt xuất, vĩ đại, một sự tổng hợp thiên tài, là *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* - có tính đảng, đứng trên quan điểm lập trường giai cấp, đồng thời cũng là tính khoa học chân chính có nghĩa là phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp, cho giai cấp thắng lợi. Tinh thần chủ đạo của học thuyết Mác - Lênin là lý luận và thực tiễn là thống nhất.

Một điểm nữa về quy luật giai cấp đấu tranh mà chúng ta cần chú ý khi nói về vấn đề phương pháp luận. Giai cấp đấu tranh là quy luật phổ biến của quá trình phát triển của xã hội có giai cấp. Đấu tranh giai cấp diễn ra trong ba lĩnh vực của đời sống xã hội kinh tế, chính trị và tư tưởng. Song quy luật đó không phải cứ tiến hành theo một đường thẳng, cứng đờ, mà bằng những con đường biện chứng, khi ẩn khi hiện, khi gay gắt, khi tương đối êm dịu, khi trực tiếp bộc lộ, khi gián tiếp, khi dưới hình thức này, khi dưới hình thức khác,

nghĩa là dưới muôn hình, muôn vẻ, ở những mức độ và giác ngộ khác nhau, theo cuộc sống muôn hình muôn vẻ của xã hội loài người Nó tùy ở tình hình cụ thể, trước hết là trình độ phát triển sức sản xuất, và trình độ văn hóa cua mỗi nơi, mỗi lúc, mỗi dân tộc, ở những đặc thù về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của từng dân tộc, ở trong đó sự cấu tao của xã hội đó, ở mức độ và hình thức biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp, và ở sự so sánh lực lương của các giai cấp ở bên trong xã hội lúc đó Cho nên, theo ý nghĩa ấy, Lênin đã nói thực tế là phong phú hơn quy luật

Chúng ta phải thấm nhuần tư tưởng đó trong công tác nghiên cứu lịch sử, để khỏi sa vào bệnh công thức, chủ quan, định kiến, gán ghép máy móc, nhất là không thấy được những nhân tố tích cực hoặc nhiều hoặc ít, đã góp phần tao nên những điều kiên giải phóng và thắng lợi của nhân dân

Về lịch sử châu Âu trong giai đoan phát triển từ năm, sáu trăm năm lai đây, giai cấp đấu tranh diễn ra không đồng đều trong ba mặt kinh tế, chính trị và tư tưởng, và do đó mà bước tiến của xã hội không thể có được đồng thời trong một lúc, ở mọi nơi và về các mặt Như ở thế kỷ XIV, XV thì sự tiến bộ về mặt văn hoc nghệ thuật đã nổi lên hàng đầu, trong khi đó về kinh tế còn là giai đoan chuẩn bị điều kiên cho sự phát triển của sức sản xuất, mới là thời kỳ sửa soan những tiền đề cho sự lớn lên của chủ nghĩa tư bản

Song thế kỷ XVII, XVIII, khi mà chủ nghĩa tư bản đã có cơ sở vững chắc, tức là xã hội châu Âu đã ở vào đêm hôm trước của cách mang tư sản và đang chuẩn bị cuộc cách mang công nghiệp, thì một bước tiến mới của xã hội châu Âu là về mặt tư duy khoa hoc Đến cuối thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XIX tức là vào thời kỳ xác lập và phổ biến quan hệ tư bản chủ nghĩa và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã bộc lộ ra những mâu thuẫn căn bản của nó, thì về mặt chính trị, kinh tế và xã hội mới nảy sinh ra những quan niệm tiến

bộ, về chính trị như chủ nghĩa xã hội không tưởng, về kinh tế như kinh tế chính trị học Anh, về triết học như triết học Đức. Chỉ ở nửa sau của thế kỷ XIX, lúc mà chủ nghĩa tư bản đã hết vai trò lịch sử của nó và trong xã hội đã có cơ sở vật chất để thấy được những nét lớn của con đường đi lên của xã hội loài người thì là lúc ra đời của duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Mác và Ăngghen, là đỉnh cao nhất, là một thế giới quan toàn diện và hoàn chỉnh nhất, đạt được là nhờ những bước tiến bộ từ từ, những liên tục của loài người giành được trong quá trình đấu tranh giai cấp gay go và phức tạp kéo dài hàng bao nhiêu thế kỷ.

Đúng như lời Ăngghen nói: lịch sử chỉ giải quyết được vấn đề nào mà nó đề xuất ra.

Song, tính đảng, lập trường quan điểm giai cấp, đồng thời là sự thể hiện tính khách quan, tính khoa học và lôgích, là ở chỗ này, phải thấy sự khác nhau về nguyên tắc, về căn bản giữa những tiến bộ của loài người trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đang đi lên và những tiến bộ của nhân loại trong thời kỳ suy vong của nó, trong thời kỳ xuất hiện và trưởng thành của giai cấp vô sản.

Trong tư tưởng, trong thế giới quan của con người, đã có sự đấu tranh giữa duy tâm và duy vật. Đứng về quan điểm duy vật lịch sử thì cuộc đấu tranh có diễn ra dưới hình thái là đời lại cho con người cái gì của con người, lịch sử của xã hội loài người là do người làm ra, vận mệnh của loài người là do người định đoạt.

Chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn tiến lên của nó, đã thắng được tư tưởng phong kiến và tôn giáo về mặt đó. Nhưng theo quan niệm tư sản, con người làm ra lịch sử là con người chung, và tựu chung, và suy luận đến cùng thì chỉ là con người bóc lột những người khác, là cá nhân tư sản, là đưa tới sự thống trị của giai cấp tư sản, bởi vì trong xã hội loài người có giai cấp và đấu tranh giai cấp thì làm gì có con

người nói chung Như vậy thì quan niệm của giai cấp tư sản về vai trò lịch sử của con người là siêu hình, vẫn là duy tâm Nếu giai cấp tư sản có vai trò lịch sử là thay chân cho giai cấp quý tộc phong kiến, thì mặt khác, nó lại là một giai cấp bóc lột sức lao động, có chiếm đoạt của cải của những người sản xuất làm ra, là một giai cấp ăn bám, không sản xuất, cho nên nó không phải là một giai cấp sáng tạo ra lịch sử, nếu chúng ta hiểu lịch sử là do lao động sáng tạo nên, là lịch sử của những người sản xuất

Duy vật lịch sử là một tư tưởng hoàn chỉnh nhất, triệt để nhất ở chỗ nó thực sự trả lại cho con người cái gì của con người, trả lại địa vị làm chủ của những người chủ thực sự, tức là những người sản xuất ra tất cả những giá trị vật chất và tinh thần của thế giới, những người cải tạo và xây dựng thế giới

Trong giai đoạn phát triển lịch sử nhân loại ngày nay, sự chuyển biến đó có thể làm được, bởi vì có giai cấp công nhân là giai cấp lịch sử có sứ mạng giải phóng hoàn toàn cho xã hội loài người

Đó là về lịch sử nói chung

Theo tôi, một điểm mà những cán bộ nghiên cứu sử học của chúng ta cần chú ý là trong khi xây dựng phương pháp luận về sử học nói chung thì phải chú ý xây dựng phương pháp luận về lịch sử Việt Nam nói riêng Bởi vì rất nhiều vấn đề trong lịch sử nước ta mà chúng ta cần đi sâu vào để tìm hiểu bản chất của nó, những đặc thù của nó, tức là những sự thể hiện trong thực tế Việt Nam của những quy luật phổ biến, những sự bổ sung, những chỗ phát huy những quy luật phổ biến, những mặt sáng tạo, những nét độc đáo của lịch sử dân tộc ta đã và đang góp phần mình vào lịch sử các dân tộc. Đi sâu vào những nét độc đáo đó, ta càng hiểu sâu hơn những quy luật phổ biến, càng giúp nâng cao ý thức của nhân dân, và càng phục vụ thiết thực hơn những nhiệm vụ

cách mạng của chúng ta

Tôi nêu lên một vài ví dụ, khi chúng ta nói đến lịch sử dân tộc Việt Nam thì chúng ta thường nhấn mạnh tinh thần bất khuất và anh dũng của dân tộc ta, bởi vì luôn luôn bị nạn ngoại xâm đe dọa. Điều đó cố nhiên là đúng. Nhưng khi đi sâu vào việc tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế xã hội, văn hóa của một giai đoạn, khi phát sinh ra một sự kiện lịch sử quan trọng, như cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng ở đầu thế kỷ đầu Công nguyên thì hoặc là chúng ta thoái thác, hoặc là chúng ta suy diễn, theo một số hiện tượng riêng lẻ, như vì hai Bà là phụ nữ cho nên đoán là lúc đó xã hội Việt Nam còn theo chế độ mẫu hệ, nghe truyện hai Bà là con của một lạc tướng, thì đoán ra rằng đó là chế độ dân chủ quân sự hoặc là thời kỳ chế độ thị tộc tan rã, hoặc là sơ kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ, v.v... và v.v... Đành rằng chúng ta thiếu sử liệu, và cũng vì thiếu sử liệu nên chúng ta chỉ có thể đoán mò may ra thì trúng. Nhưng theo tôi, một nguyên nhân rất quan trọng nếu không phải là nguyên nhân chính làm cho ta lúng túng, là chúng ta chưa nắm thật vững quan điểm sử học mácxít không phải trên những công thức, khái niệm chung, mà một cách tinh vi, sâu sắc hơn, và hai là vì ta chưa thật đi sâu vào thực tế lịch sử Việt Nam, không chỉ về mặt sự việc và tư liệu, mà về bản chất của vấn đề và về mặt khái quát và tổng hợp của sự việc và tư liệu.

Nếu thế thì chúng ta phải xem đến tính chất của cuộc khởi nghĩa đó, nó không phải là một cuộc nổi dậy tầm thường, vô tổ chức, không có triển vọng, không phải một phản xạ sơ đẳng có tính động vật dưới một sức ép nào đó, mà nó là một cuộc khởi nghĩa có tính quần chúng, nếu chúng ta tránh danh từ toàn dân chưa hợp với thời kỳ đó. Hai là thắng lợi của khởi nghĩa đã đi đến giành chính quyền, xây dựng một quốc gia độc lập. Những hành động sự kiện đó không phải là ngẫu nhiên. Một mặt và trực tiếp là do sự áp bức tham tàn của kẻ thống trị ngoại bang, nhưng mặt khác là do một hệ

thông nhân thức nhất dinh dưa đến Hê thống nhẫn thức, như chúng ta đã hiểu, là đã đẻ ra trên môt đời sống có tô chức, có nề nếp, có quy mô, nghĩa là trên cơ sở cua môt cộng đồng tương đối cao Tất nhiên so với phương Bắc thì còn thấp, nhưng không đến nỗi phải nhờ có gần 900 năm Bắc thuộc mà Việt Nam mới bước sang thời ky phát triên lich sư cao hơn Măc dầu cái quốc gia đôc lâp đó tồn tai không lâu, nhưng đó là môt cuôc tấn công lên trời, môt hành đông sáng tao cách mang, môt tinh thần quả cảm tuyệt vời trong khi mà đối phương đang ở giai đoan tiến lên đê muốn làm bá chu của cả môt vùng châu Á

Tôi không nói là trên cơ sở đó chúng ta đã có thể khẳng đinh rằng xã hôi Việt Nam hồi đó ở vào chế đô chiếm hữu nô lê, hay là chế đô phong kiến. Điều đó chưa giải quyết được khi ta chưa có đầy đủ tài liêu, và có lẽ cũng chưa phải là vấn đề cấp bách điều mà chúng ta có thể nói ra được là xã hôi Việt Nam đã có môt cơ sở phát triển nhất đinh, về kinh tế, chính tri, văn hóa, xã hôi, đã có môt ý thức dân tôc nhất đinh và môt lòng tư hào dân tôc khác manh

Sư nhân đinh đó có thể giúp chúng ta hiêu sâu hon và môt cách khái quát hơn quá trình diễn biến cua những sư kiên lich sử căn bản về sau của dân tôc ta

Sau cuôc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bai, dân tôc ta trải qua gần 900 năm Bắc thuộc Tất nhiên đó là môt thời gian lê thuộc khá dài, trong đó các triều đai phương Bắc đều deo đuổi môt chính sách duy nhất là thôn tính Việt Nam Về lãnh thô thì biến thành quân huyên, về xã hôi văn hóa tư tưởng thì đồng hóa Môt thời gian dài như vậy, và môt chủ trương chính sách có hê thống như vậy cua kẻ ngoại xâm, nhất đinh có ảnh hưởng to lớn đến sư phát triên về vật chất và tinh thần của dân tôc Nhưng ảnh hưởng đó đã không thể đồng hóa nổi dân tôc, đã không tiêu diệt nôi ý chí đôc lâp của dân tôc, ý chí đó đã thể hiên ở những cuôc khởi nghĩa

liên tiếp nổ ra trong suốt 900 năm, và cuối cùng là đi đến giai phóng hoàn toàn

Một mặt, điều đó chứng to tinh thần quật khởi không lay chuyên nổi của dân tộc, cho nên mặc dầu bi đô hô trong gần 10 thế kỷ mà vẫn không bi mất gốc Đó là một điều hiếm có trong lich sử của các dân tộc nhỏ yếu vào thời đai đó

Nhưng mặt khác cũng nói lên rằng, sở dĩ như vậy, là vì gần 900 năm đó, dân tộc ta không phai chỉ bắt buộc chiu sư du nhập cua những phương thực sinh hoat cua phương Bắc, mà bản thân mình cũng đã tư sáng tao ra một nền tảng nhất đinh cho cuộc sống của mình, dưa trên cái vốn sẵn có của mình Phần tư lập tư cường này là nhân tố chủ yếu, quyết đinh đã đưa đến cuộc giải phóng hoàn toan dưt khoát, bằng một cuộc đo sức với ke đich đươi hình thức cao nhất là đấu tranh võ trang Điều đó lai cũng giai thich vì sao mà mới giành dược độc lập không bao lâu, mà đã đương đầu thắng lơi đánh đuổi một cách oanh liệt kẻ xâm lược muôn quay trở lai đặt nền đô hô, dưới thời Lê Đai Hành và Ly Thường Kiệt và đã phát triển một cách nhanh chóng tuy nhiên là có sử dung vốn cua nước ngoài về cách tô chức nhà nước, phát triển kinh tế và xa hôi về tư tương hoc thuật, nhưng đã tư tao nên những giá trị vật chất, va tinh thần co sắc thai độc đáo cua Việt Nam Điều đó đã được giải thích vì sao hồi thế kỷ XIII, lúc mà Việt Nam bi coi là một quốc gia phong kiến của bước chập chững, lai làm được một việc thần kỳ, có thể nói là vô dich, là ba lần thăng quan Nguyên, trong khi đó thì nước manh nhất châu Á hồi ấy có một nền tảng quốc gia manh gấp đôi so với Việt Nam, và vẫn chưa bó mông thôn tính Việt Nam, lai bi Mông Cô khuất phục

Cũng theo tác đông cua quy luật đó, nền đô hô của nhà Minh hồi đầu thế kỷ XV trên đất nước ta chỉ tồn tai được trong 20 năm, một thời gian lich sử có thể coi là ngắn nhất trong lich sử xâm lược và đô hô cua những nước lớn đối với

những nước nhỏ trong thời đại phong kiến Thời gian đô hộ đó đã kết thúc bằng một sự thắng lợi quân sự của ta trong đó về phía ta, hai mặt dũng và trí là ngang nhau, và về mặt thuần túy quân sự mà nói, thì có thể cho đó là kết quả của một sự đo sức giữa hai địch thủ mạnh xấp xỉ như nhau

Cũng do tác động của quy luật đó trong những điều kiện lịch sử mới, nhờ sự phát triển độc lập của Việt Nam từ sau khi giải phóng khỏi quân Minh, mà cuối thế kỷ XVIII, dân tộc đã ghi một sự nghiệp thần kỳ nữa, cũng hiếm có trong lịch sử của các dân tộc nhỏ yếu bị xâm lược trong thời phong kiến, đó là không đầy bảy ngày những người Việt Nam chân đi đất với tất cả những quy luật của một cuộc chiến tranh chính quy đã quét sạch đất nước khỏi 20 vạn binh hùng tướng mạnh của quân Thanh xâm lược

Sang thời kỳ cận đại, khi Việt Nam bị một nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu - chủ nghĩa thực dân Pháp chinh phục, thì hình như là quy luật nói trên không còn tác động được nữa, bởi vì về mặt phát triển sức sản xuất và tổ chức xã hội, nước Pháp đi trước ta hàng trăm năm Thực tế không phải như vậy Pháp chiếm đất nước ta không phải trong ngày một ngày hai, mà phải mất đến 30 năm trời mới hoàn thành nổi việc chinh phục Không những thế, nơi nào bị chúng xâm lược tương đối nhanh, do sự đầu hàng của triều đình Nguyễn, thì nơi ấy nhân dân nói lên chống xâm lăng với một tinh thần anh dũng và một nghị lực sáng tạo tuyệt vời Điều đó nói lên gì ? Nó nói lên rằng cái mà các nước tư bản phương Tây cho là có một sức thuyết phục tuyệt đối nghĩa là vũ lực dựa trên một khoa học và kỹ thuật hiện đại, và nền "văn minh" tiên tiến, không khuất phục được dân tộc ta Không phải chỉ vì dân tộc ta có ý thức rằng mình là chính nghĩa mà giặc ngoại xâm là phi nghĩa; mà vì còn có ý thức rằng dân tộc ta không phải là một dân tộc lạc hậu, man dị, mà đã có một cái vốn văn hóa lâu đời, với cái vốn đó, ta đã chiến thắng bao nhiêu kẻ ngoại xâm hùng cường ở

ngay canh nách mình, và với cái vốn đó, dân ta có thể trở nên giàu, nước ta có thể trở nên mạnh mà không cần có sự đô hộ của ngoại bang, bất cứ nó mạnh đến đâu về mặt vật chất. Tinh thần tự hào dân tộc đó đã tỏ rằng lòng tự tin, tự trọng và lòng khinh bỉ và chí căm thù đối với giặc ngoại xâm, là những ngọn lửa thiêng đã nhen lên và hun đúc cái chí khí cách mạng ngày càng bốc cao của nhân dân chống Pháp đô hộ, sau khi mà chủ nghĩa tư bản phương Tây chinh phục được toàn cả phương Đông và tin rằng không một dân tộc nhỏ yếu nào trên trái đất muốn hoặc dám chống lại nền thống trị của chúng.

Song những điều nhận xét trên cũng chỉ mới phát triển thêm và khái quát hóa phần nào những đặc thù và những nét độc đáo của lịch trình phát triển lịch sử của dân tộc ta. Muốn đứng trên quan điểm và lập trường giai cấp của chủ nghĩa duy vật lịch sử - là lịch sử do nhân dân sáng tạo ra, và từ đó nâng cao tính tư tưởng, trình độ lý luận và tính khoa học trong việc nhận định đối với lịch sử Việt Nam thời còn phải đi vào bản chất của vấn đề, phải tìm ra cái "tại sao" của những cái "tại sao", phải nhìn thấy cái nguyên nhân bao trùm lên tất cả tinh thần anh dũng, ý chí bất khuất, lòng kiên cường, biểu hiện ở hai đức tính đẹp đẽ của dân tộc là đoàn kết và chiến đấu.

Theo tôi, sợi chỉ đỏ, cái cơ sở chủ yếu, nó là cái quy luật cơ bản nhất, nguyên lý chủ đạo của quá trình phát triển lịch sử của dân tộc ta trong suốt 4 000 năm nay, đó là bản chất nhân dân của toàn bộ lịch trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Cả giữ nước, cả dựng nước, vừa giữ nước vừa dựng nước, sản xuất và chiến đấu, là do quần chúng nhân dân ta đảm đương hết, từ thời cổ xưa cho đến ngày nay, điều đó đã trở thành một quy luật khách quan tất yếu, nó có căn nguyên trong điều kiện thực tế khách quan của lịch sử, là vì suốt mấy

nghìn năm, không lúc nào ngớt bị nguy cơ xâm lược Lại là một nước nhỏ so với nước láng giềng khổng lồ phương Bắc Đặc điểm này đã tác động về hai mặt một mặt, đã là một nước nhỏ, mà lại ở bên cạnh một nước lớn, phát triển cao, dưới thời chiếm hữu nô lệ, phong kiến và tư bản chủ nghĩa, thì khó lòng mà lọt ra ngoài mưu toan chinh phục và thôn tính của nước lớn Hai, là vì nhỏ bé cho nên muốn kháng cự kẻ địch và bảo vệ độc lập của mình, thì phải huy động lực lượng của cả nước, của toàn dân, phải có cả một tập thể "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh" Nếu cần thêm vào một nguyên nhân thứ ba, thì có thể nói rằng, trước khi bị đặt dưới quyền thống trị của phương Bắc, ở về phía Nam sông Dương Tử trong các bộ lạc Bắc Việt, bộ lạc Việt đã biết tổ chức đời sống của mình có quy củ, đã hình thành một quốc gia nào đó, một điều mà các dân tộc lớn không thể nào dung thứ được, và nhất định phải bắt lệ thuộc bằng cách này hoặc cách khác Hai là, đã thành một quốc độ, do tự mình xây dựng lấy, thì nhất định có lòng tự tin, có ý thức và ý chí bảo vệ lãnh thổ và đời sống của mình

Vì thế mà tính nhân dân đã biểu hiện rất sớm trong cuộc đấu tranh giải phóng chống ngoại xâm của nhân dân ta Nhờ có chiến tranh nhân dân mà ta đã thắng được Mông Cổ Học thuyết quân sự thiên tài và cách tiến hành chiến tranh xuất sắc chống Mông Cổ của Trần Quốc Tuấn căn bản là một sự áp dụng chiến tranh nhân dân Chỉ hơn một thế kỷ về sau, với Nguyễn Trãi, và áp dụng vào cuộc kháng chiến chống nhà Minh, thì về lý luận và thực tiễn, chiến tranh nhân dân đã thành một hệ thống hoàn chỉnh và tiến bộ nhất so với thời đại ấy Cuối thế kỷ XVIII, cuộc chiến tranh ái quốc dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ, chiến tranh nhân dân đã có một bước nhảy vọt kỳ diệu, vượt ra ngoài sức tưởng của người ở thời đại ấy bởi vì nó diễn ra trong lúc mà đời sống kinh tế, chính trị, xã hội hầu như là tan rã, do cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam đã ở vào giai đoạn trầm trọng nhất của nó, trong khi mà chưa có một phương thức sản xuất

mới thay thế vào (Chỗ này khác với những cuộc chiến tranh mà cuộc đại cách mạng Pháp đã tiến hành chống liên minh của các quốc gia phong kiến Tây Âu cuối thế kỷ XVIII)

Tính nhân dân của sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta là cái cơ sở đã có một ảnh hưởng quyết định đối với sự nghiệp xây dựng nước của dân tộc ta về mọi mặt, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, đạo đức tác phong

Tính nhân văn, nó đã trở thành như cái bản tính của lịch sử dân tộc Việt Nam, đã giúp cho chúng ta hiểu nhiều cái về lịch sử hiện đại của nước nhà Nó giải thích vì sao mà dân tộc ta đã tỏ rõ một tinh thần yêu nước, một tinh thần chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân bền bỉ, kiên cường, gan dạ đến như vậy, mà nội dung càng ngày càng phong phú, tiến rất nhanh, sang đến thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và tất cả các dân tộc bị áp bức nổi dậy như vũ bão, thì nhân dân ta rất nhanh chóng không do dự chuyển tất cả cái tinh thần kiên cường, bất khuất, chí anh hùng, nghị lực sáng tạo và những nguyện vọng mơ ước của mình cho giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp xứng đáng nhất về mọi mặt làm người phát ngôn và người bảo vệ chân chính những quyền lợi cơ bản, vận mệnh và tiền đồ của dân tộc Do đó mà giai cấp công nhân Việt Nam rất sớm trở thành giai cấp tiền phong, lãnh đạo cách mạng Việt Nam Do đó mà việc du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một kết cấu lôgích của quá trình phát triển lịch sử của dân tộc ta, là nằm trong quy luật, và sự biểu hiện tập trung cao nhất của tác động của quy luật phát triển của xã hội Việt Nam Cũng do đó mà, đảng tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam, Đảng Công sản Đông Dương trước kia và Đảng Lao động Việt Nam ngày nay, trong vòng 30 năm đã đưa cách mạng Việt Nam đến những thắng lợi lịch sử chói lọi, thật sự đã làm cho cách mạng Việt Nam trở thành đầu tàu của lịch sử Việt Nam.

Nếu chúng ta cố gắng đi sâu và tổng hợp các mặt có của

lịch sử nước ta, mà tôi cho đó là những mặt cơ bản, thì chúng ta có cơ sở để mạnh dạn không những đánh đổ một cách triệt để những học thuyết phản động của các sử gia tư sản, thực dân về lịch sử Việt Nam nói chung là lịch sử các dân tộc nói riêng, mà chúng ta có thể bổ sung vào quan điểm của những nhà sử học mácxít. Ví dụ như quan điểm cho rằng các dân tộc phương Đông chịu ách thống trị lâu đời của phong kiến, để đưa người ta tới kết luận rằng vì thế mà các dân tộc phương Đông trong suốt bao nhiêu thế kỷ không hề sáng tạo ra được cái gì, mà chỉ biết chịu đựng một cách bị động sự kìm hãm của nền thống trị phong kiến. Ngoài ra chúng ta còn có thể bổ sung vào lý luận kinh điển về quá trình hình thành dân tộc. Đối với các vấn đề khác như văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, cả đến khoa học cũng thế.

Có như vậy mới có sự sáng tạo trong sử học. Những nhà sử học mácxít của chúng ta đã có công trong việc phổ biến lập trường quan điểm mácxít về sử học. Điều đó rất tốt. Nhưng làm điều đó chúng ta mới thỏa mãn được bước đầu yêu cầu sơ đẳng, tối thiểu đối với những cán bộ mang danh hiệu cao quý là nhà sử học mácxít. Chúng ta không thể tự mãn với kết quả bước đầu đó. Thời đại ngày nay, cách mạng của chúng ta, sự nghiệp thần thánh chống Mỹ, cứu nước đòi hỏi cán bộ nghiên cứu lịch sử cũng như cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội nói chung, phải cố gắng hơn, vươn mình hơn lên. Trước hết là nâng cao *tính tư tưởng trong sử học*, nhận thức một cách đầy đủ sâu sắc trách nhiệm chính trị của những nhà sử học đối với cách mạng. Việc nâng cao trình độ lý luận khoa học không thể tách khỏi việc nâng cao tính tư tưởng, có đứng dưới góc độ nâng cao tính tư tưởng thời mới nâng cao được trình độ lý luận khoa học.

Chúng ta đã thấy lịch sử dân tộc ta là do nhân dân ta sáng tạo ra, với ý nghĩa đầy đủ và thực tế. Ngày nay, chúng ta thấy ở một trình độ cao hơn, đầy đủ hơn, với một lòng tự giác sắc bén hơn, toàn dân đang sáng tạo ra lịch sử ở trên

chiến trường, ở đồng ruộng, ở nhà máy, ở trường học, ở bệnh viện, ở chốn suối rừng heo lánh, ở trên mỗi mảnh đất của non sông đất Việt Ta nâng cao trình độ lý luận và tính tư tưởng của sử học để phục vụ toàn dân ta, những người làm ra lịch sử, những chủ nhân của lịch sử, để càng sớm giành thắng lợi cho cách mạng Việt Nam

Vì vậy, chúng ta không chỉ nhằm bàn bạc, thảo luận trong giới nhỏ hẹp của những cán bộ nghiên cứu về lịch sử Muốn cho nó trở thành lợi khí đấu tranh cách mạng sắc bén, đúng với chức năng của nó, thì phải lo nghĩ đến việc phổ biến rộng rãi trong quần chúng Ta đã tổ chức Hội khoa học lịch sử - đó là một việc rất tốt Nhưng còn việc dạy sử học cho con em ta, cho thanh niên ta, những người mà chúng ta dào tạo thành những chiến sĩ cách mạng kế tục sự nghiệp của chúng ta, thì thế nào ? Việc dạy sử trong trường học hiện nay còn rất lúng túng, có thể nói là rất dở Không phải chỉ lối dạy, lối viết sách giáo khoa về lịch sử còn khô khan, công thức, mà cả đến quan niệm thế nào là những kiến thức cơ bản về lịch sử cũng còn rất hồ đồ. Cho nên chúng ta phải hết sức giúp đỡ cho việc dạy sử ở nhà trường có một chuyển hướng cương quyết

Chúng ta rất sung sướng tự hào khi nghiên cứu lịch sử nước nhà, chúng ta thấy rằng trong suốt cả một quãng đường dài hàng mấy nghìn năm, dân tộc ta đã góp phần của mình trong việc tồn tại và phát triển của nhân loại, thời ngày nay, há chúng ta lại chẳng tự hào gấp trăm nghìn lần, được cổ vũ gấp trăm nghìn lần, mà đưa tất cả trái tim và bộ óc của chúng ta để phục vụ sự nghiệp của ba mươi mốt triệu người ở cả hai miền Bắc Nam trên giải đất nghìn năm văn hiến của chúng ta, những người như một ban Campuchia đã nói, đang làm rạng rỡ thanh danh của các dân tộc châu Á, những người như nhà triết học Anh là ông Béctơrăng Rútxen (Bertrand Russel) và cùng ông là cả loài người tiến bộ đã nói, đang tạo nên một bản anh hùng ca của thời đại và đang bảo vệ danh dự của toàn thể nhân loại

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT*

Trong quá trình phát triển của lịch sử, mỗi lúc cơ cấu xã hội có những thay đổi sâu sắc thì văn học nghệ thuật cũng có những bước phát triển mới. Quan niệm của con người về cái đẹp, cái xấu, cái lành, cái dữ, cái phải, cái trái, và những phương pháp diễn đạt những phạm trù ấy nảy nở ra trong ý thức của người ta qua sự tiếp xúc với thực tại khách quan, cũng biến đổi theo sự biến đổi của đời sống thực tế.

Cũng như mọi sự vật, văn học nghệ thuật tiến từ thấp lên cao, từ giản đơn đến phức tạp là vì văn học nghệ thuật, cũng như toàn bộ hệ thống văn hóa của loài người, là thuộc hệ ý thức. Nó là một mặt của giai cấp đấu tranh. Lịch sử, từ khi có giai cấp đối kháng, là lịch sử giai cấp đấu tranh. Văn học nghệ thuật đã là một mặt - mặt tinh thần - của cuộc sống, thì nó cũng là cái vũ khí rất quan trọng của giai cấp đấu tranh.

Vì vậy, nên ngay từ thời cổ đại, khi mới có xã hội, có giai cấp đầu tiên, mỹ học đã là một bộ phận cấu thành của các hệ, các môn phái triết học, những hệ và môn phái này là kẻ phát ngôn của các giai cấp, các tập đoàn người nhất định trong xã hội đó.

Đến xã hội phong kiến, giai cấp thống trị đã lợi dụng văn nghệ, cũng như chúng đã lợi dụng tôn giáo, để củng cố chế độ xã hội của bọn chúa đất.

Ở thời kỳ đang lên của giai cấp tư sản, văn học nghệ thuật đã từng là vũ khí đấu tranh mạnh mẽ chống xã hội phong kiến, chống quân quyền và thần quyền. Nhưng sau khi giai cấp tư sản lên cầm quyền, và những quan hệ tư bản

---

* Tạp chí Văn học, số tháng 5 - 1968

chủ nghĩa đã ngự trị trong toàn bộ sinh hoạt xã hội, thì giai cấp tư sản, một mặt "đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước gộp lại"[1], mặt khác, nó dìm những xúc động thiêng liêng, những mối thương cảm "trong dòng nước giá ngắt của sự tính toán vị kỷ"[2], là sự phủ nhận những giá trị tinh thần, sự phủ nhận văn hóa nói chung. Đến giai đoạn chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, với chủ nghĩa thực dân (cả cũ và mới) và chủ nghĩa phát xít, khi những bọn phân biệt chủng tộc và xâm lược trở về với bản tính của loài u-răng u-tăng, thì chúng chỉ có một cách giải thích văn hóa là "Khi nghe hai tiếng văn hóa, tay tôi sờ ngay đến khẩu súng lục"[3], còn về hành động, thì là chiến tranh hủy diệt đối với các dân tộc, như đế quốc Mỹ đang làm ở Việt Nam.

Tuy thế, nhưng khi giải thích bản chất sự hình thành và phát triển của văn học nghệ thuật, cũng như những hình thái khác trong đời sống tinh thần của xã hội, thì những nhà tư tưởng trước Mác, vô luận thuộc phương Tây hay phương Đông, nói chung, đều đứng trên quan điểm duy tâm và siêu hình.

Họ cho đó là do sự tiến hóa của trí năng của con người hoặc là do sự thể hiện cái ý niệm tuyệt đối, hoặc là do những đặc thù tâm lý của từng dân tộc, từng chủng tộc.

Mác nói các nhà triết học chỉ giải thích khác nhau về thế giới. Vấn đề là phải cải tạo thế giới. Câu nói giản dị đó cũng đủ để đưa lại cho trí tuệ của con người một ánh sáng đầy đủ về tính chất và chức năng của tất cả những gì thuộc hệ ý thức, hơn là những kho tàng triết học mà những nhà tư tưởng trước kia đã viết ra.

Văn học nghệ thuật và tất cả mọi hiện tượng văn hóa khác xuất hiện là từ lao động của con người. Qua lao động,

---

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen – *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

3. Lời của tên trùm phát xít Đức Gơben, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền dưới chế độ quốc xã của Hitle.

con người cải tạo thế giới, đồng thời tự cải tạo mình. Luận điểm này của Mác rất quan trọng. Nó đập tan hai thứ quan điểm sai lầm về vấn đề nhận thức: quan điểm duy tâm, cho rằng những cái gì thuộc về tâm hồn của con người là không dính dáng đến thực tế khách quan, quan điểm duy vật máy móc, cho rằng nhận thức chỉ là sự phản ánh một cách bị động, như chụp ảnh thế giới khách quan.

Những ý tưởng, khái niệm là kết quả của sự phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc của con người, nhưng không phải là một sự phản ánh bị động, tiêu cực, mà là tích cực, sáng tạo, qua hoạt động thực tiễn của con người. Nhận thức của con người không vượt ra ngoài sự chi phối của những điều kiện của lịch sử. Phương thức sản xuất là cơ sở của hình thái xã hội, gồm hai yếu tố: sức sản xuất và quan hệ sản xuất. Cái cốt tử của quan hệ sản xuất là quan hệ sở hữu. Giai cấp nào nắm quyền sở hữu về tư liệu sản xuất thì giai cấp đó là giai cấp thống trị của xã hội. Hệ ý thức, tức là cái kỷ cương về pháp luật, luân lý, văn học nghệ thuật, v.v... nảy nở ra trên cơ sở của những quan hệ đó, cũng là hệ ý thức thống trị trong xã hội.

Như vậy là nói cho cùng, sinh hoạt tinh thần là do điều kiện sinh hoạt vật chất định đoạt, đời sống văn hóa là do cơ sở kinh tế quyết định.

Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác tuyệt đối không sa vào chủ nghĩa định mệnh kinh tế. Cơ sở là duy vật, phương pháp là biện chứng. Chủ nghĩa Mác khẳng định tác động qua lại giữa thực tại và ý thức.

Bởi vì trong hoạt động thực tiễn của mình, bằng lao động, con người luôn tìm cách thoát ly khỏi những ràng buộc (dưới xã hội có giai cấp, nghĩa là có áp bức và bóc lột), với ý chí và nguyện vọng tiến lên, xây dựng một cuộc sống ngày mai sáng sủa, thoải mái hơn hôm nay. Văn học nghệ thuật là những phương tiện nhận thức về những ràng buộc đó, đồng

thời cũng là sự đánh dấu những bước tiến trong cuộc đấu tranh của loài người để tự giải phóng, và nói lên những ước mơ hoài bão của mình về tương lai

Vì thế, hoạt động thực tiễn của loài người là rất sáng tạo Lịch sử là do nhân dân lao động sáng tạo ra Nhân dân lao động không những là kẻ sáng tạo ra những của cải vật chất, mà còn sáng tạo ra những giá trị văn hóa và tinh thần của loài người

Vì được sáng tạo ra trong quá trình đấu tranh để tự giải phóng mình trong cuộc sống thực tế, cho nên những giá trị tinh thần đó đã có tác dụng khuyến khích, cổ vũ, động viên tinh thần của con người, dạy cho con người yêu chuộng chính nghĩa ý chí kiên cường đức tính quả cảm, lòng yêu đời và chủ nghĩa lạc quan

Vì vậy, cái xu hướng thấy ở quá khứ chỉ có tính bi kịch, là không đúng Tất nhiên, những đau khổ mà ách áp bức bóc lột đã gây nên cho loài người dưới các xã hội có giai cấp là vô ngân, số phận của con người vô cùng đen tối, đó là tấn bi kịch của các xã hội có giai cấp Chặng qua đó cũng là những đoạn đường tất yếu mà lịch sử phải kinh qua Nhưng loài người không phải chỉ biết chịu đựng những thống khổ mà phe thống trị trong xã hội bắt họ phải chịu Họ luôn luôn nổi lên đấu tranh, thậm chí chống ngay cả "trời" nữa Bởi vì bằng hoạt động sáng tạo của mình nhân dân lao động, ở mức độ này hay mức độ khác dưới hình thức này hay hình thức khác, đã đi đến nhận thức rằng cuối cùng mình là kẻ chiến thắng, là người chủ Nếu không vậy thì làm gì có được những chuyện như Prômêtê, Phù Đổng thiên vương

Bên cạnh tấn bi kịch, và để kết thúc nó, loài người cũng đã tự xây dựng nên một bản anh hùng ca diễn ra trong mấy nghìn năm nay mà vai chính là nhân dân lao động Văn học nghệ thuật tiên tiến các thời đại đã phản ánh, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, các hồi, các màn của bản anh hùng ca đó Dưới các chế độ giai cấp, bên cạnh nền văn hóa gọi là

chính thống, bao giờ cũng có những yếu tố văn hóa đối lập, cách mang, dân chủ, xã hội chủ nghĩa

Là sản phẩm của sư phản ánh thực tế khách quan vào đầu óc người ta, văn hoc nghệ thuật vẫn có những quy luật phát triển đặc thù và có tính tương đối độc lập của nó Là vì văn hoc nghệ thuật, như đã nói ở trên, phản ánh thực tế không phải theo lối bắt chước, lắp lai nguyên xi, chup ảnh, mà bằng một cách sinh động, bằng sáng tao Hai là nghệ thuật làm cho người ta lĩnh hội được thế giới bên ngoài bằng tình cảm Nó phải xúc cảm, làm rung động tâm hồn con người thì nó mới có sức thuyết phuc

Nếu nó gợi tình yêu thì tình yêu đó phải sâu sắc nồng nàn, nếu nó kích động lòng ghét thì phải là cái ghét cay ghét đắng. Vì thế nên phải có những phương pháp riêng cho nghệ thuật, như điển hình hóa, thi vi hóa, lý tưởng hóa Nếu cứ cứng đờ, cục cằn, mộc mac, thì không có nghệ thuật, và không tác động tích cực đến hoat động nhiều màu nhiều vẻ của con người sống trong xã hội Vì thế nên có nhiều tác phẩm diễn tả cuộc sống của một hang người nào đó trong một xã hội nhất định và ở một giai đoan lịch sử nhất định, đã cho người ta thấy cả một bức tranh đầy đủ, linh hoat, đậm nét hơn là tất cả kho sách đầy rẫy những sư việc thống kê, số liệu ngổn ngang và khô khan

Những phương pháp nghệ thuật bao giờ cũng mang đặc tính của những điều kiện sinh hoat, trình độ phát triển xã hội của mỗi dân tộc ở từng thời đai và tài năng cá nhân của các nghệ sĩ Nếu chỉ đưa vào những khái niệm, những công thức chỉ thích hợp cho một địa phương, một thời kỳ lịch sử nào đó mà nhìn nhận và phê phán những công trình nghệ thuật của những nơi khác và thuộc các thời đai khác, thì rõ ràng là không thỏa đáng Thí du doc một bài thơ cổ nói về chuyện người vợ một kẻ chinh phu được tin chồng sắp trở về vội vàng trang điểm, chải tóc, soi gương để đón chồng, mà ngay lập

tức ta nổi trận lôi đình, đập bàn và kết án rằng người phụ nữ ham chải chuốt như vậy, không phải là người thuộc tầng lớp lao động, thì thật là hiểu và vận dụng quan điểm giai cấp một cách quá rẻ tiền. Ở đâu, khi nào, Mác, Ăngghen, Lênin có nói rằng trong nhân dân lao động không thể có phụ nữ xinh đẹp, duyên dáng, và hễ là phụ nữ lao động thì tuyệt đối không có quyền đòi lúc được làm duyên làm dáng? Hoặc một tác phẩm khác tả một người dân nghèo, ngồi câu cá, ước mơ câu được nhiều cá để về đánh chén một bữa no nê, có cá chiên, cá nướng, cá luộc, cá gỏi, thì cho rằng anh chàng đó là thuộc giai cấp bóc lột, bởi vì có tư tưởng hưởng lạc, mơ ước những thứ chỉ giành riêng cho bọn giàu sang quyền quý.

Nếu thế thì phải lên án và xóa toẹt tất cả cái kho tàng văn học nghệ thuật của bao nhiêu thế kỷ và của hết thảy các dân tộc trên trái đất này, trong đó ở hầu hết các chuyện cổ tích, thần thoại, thi ca, vở tuồng, đều có những người dân bình thường, người nông dân, đại diện cho chính nghĩa, rút cục đã thắng phi nghĩa, lấy công chúa, lấy cả tiên trên trời nữa, làm vợ, hưởng phú quý giàu sang suốt đời.

Cách nhìn nhận như thế là thiếu quan điểm nghệ thuật và thiếu quan điểm lịch sử, chưa nói rằng về một mặt nào đó, nó có lợi cho các giai cấp thống trị. Như vậy, cũng như bảo với những người bị bóc lột hãy nên an phận thủ thường, không nên mơ ước một cuộc sống no ấm hạnh phúc. Nhân đây, nhớ lại chuyện một tên triệu phú mà Sáclơ Đíchken, nhà văn vĩ đại Anh nửa đầu thế kỷ XIX đã mô tả trong tiểu thuyết *Thời gian khó*. Biết công nhân đang được tổ chức để đấu tranh chống sự bóc lột tàn nhẫn, hắn mắng họ là có tư tưởng được voi đòi tiên, sống như đế vương rồi mà còn đòi đi xe tứ mã, ăn canh rùa bằng đĩa vàng!

Cũng trong truyện ấy tên triệu phú kia, cùng một nhân vật có "đầu óc thực tiễn", mở một trường học để dạy trẻ con theo một phương pháp mới: chỉ dạy những "việc thật và việc thật", và cấm học sinh không được xem truyện cổ tích, đọc

tiểu thuyết, thơ ca, chơi âm nhac là những thứ nuôi óc tương tương, hai đến đầu óc thực tiễn của thanh thiếu niên Chúng đinh đuổi ra khỏi trường một em gái, vì em là con của một nghê sĩ xiếc! Nghê sĩ đó đành phải trốn đi nơi khác, biệt tăm tích, bỏ con lai đê con có thê đươc hoc ở trường

Nếu suy diễn và phê phán theo cách nói trên, thì chẳng hóa ra việc Mác, Ăngghen, Lênin đánh giá cao Hôme, Đăngtơ, Sếchxpia, Lép Tônxtôi và những công trình vĩ đai bất hủ của ho là sai, hoăc lac hâu rồi hay sao?

Chủ nghĩa Mác không cho rằng nghê thuật phải là một sư chứng minh lich sử một cách đơn giản, mà nhìn nhân nó theo quan điểm lich sử, biên chứng Trước hết chủ nghĩa Mác nhìn vào cái xu hướng phát triển chung của lich sử nhân loai. Đã có giai cấp đối kháng thì nhất đinh phải có giai cấp đấu tranh. Trong nghê thuật cuộc đấu tranh đó có thể biểu hiên dưới hình thức đấu sức hay là đấu trí giữa một tên bao chúa và một người dân thường, một tên chúa đất, một tên phú ông, cường hào, ác bá và một người nông dân nghèo, hoăc là dưới hình thức xung đột giữa những người trong một gia đình Cuộc đấu tranh đó có thể được quan niêm như là một sư xung đột giữa cái thiên và cái ác, giữa những khái niêm triết lý như công lý và cường quyền, cái chính và cái tà, nhân nghĩa và bất nhân bất nghĩa. Vô luân được quan niêm như thế nào và diễn ra dưới hình thức nào, những va cham đó tưu trung là vì có xung đột giai cấp, nó là cái thực tế khách quan bao trùm trong xã hôi có giai cấp Nó cũng nói lên rằng những nan nhân của những viêc bất công - tuyệt đai đa số là nhân dân, có sư phản ứng tích cực trước những tai hoa xảy đến cho mình, nó nói lên tinh thần bất khuất của nhân dân, trong viêc bảo vệ sư sống còn của mình, nó nói lên rằng sư sống là một cuộc chiến đấu, và có chiến đấu thì cuộc sống mới tiến lên được, nó nói lên rằng tưu trung cái phải, cái lành, cái tốt bao giờ cũng thắng cái sai, cái dữ, cái xấu, chính nghĩa bao giờ cũng thắng phi nghĩa Nó còn

nói lên rằng những cái mà đinh kiến xã hội cho là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, như uy thế của thần thánh, của đê vương, hoặc do số mệnh chi phối, như giàu sang, nếu nó dựa trên phi nghĩa thì không phải không bị chính nghĩa đap đổ và khuất phục, mà đại diện cho chính nghĩa thường lại là những người rất bình thường, cày sâu cuốc bẫm, tay lấm chân bùn. Sau cùng và điều này có ý nghĩa đặc biệt, nó nói lên cái nguyên vọng, cái ý chí của những người bị bóc lột, phân đấu cho đời mình dỡ thống khổ, ho đòi cho mình cái quyền được hưởng những cái do lao động ho làm ra nhưng đã bị tước mất mà theo quy luật của lịch sử, giờ phải đến lượt bọn đi cướp đoạt bị tước đoạt trở lại.

Đứng trên lập trường giai cấp, đứng về quan điểm Mác - Lênin, mà nhìn nhân văn học nghệ thuật là như vậy. Tính Đảng của văn học nghệ thuật, nghĩa là văn học nghệ thuật đứng về phía những người bị áp bức bóc lột, đứng về phía chính nghĩa, là ở chỗ đó. Còn cách diễn đạt thì là tùy thuộc ở điều kiện sinh hoạt, trình đô nhân thức về thế giới và cái tâm lý xã hội chung của từng dân tộc, ở từng thời kỳ. Có thế thì nền văn hóa của mỗi dân tộc mới có những nét độc đáo của nó, và mới có một giá trị nhất đinh. Văn hóa của các dân tộc không phải phát triển theo một khuôn khổ chung nao đó đã được đinh trước, và nó không diễn đạt bằng những phương pháp và biện pháp giống nhau.

Vì có những nét đặc thù và tính tương đối độc lập cho nên sự phát triển của văn học nghệ thuật không nhất thiết luôn luôn phải bám sát vào quá trình tiến triển của chế đô kinh tế và chính trị xã hội. Không thiếu gì những trường hợp nhà văn, người nghệ sĩ thuộc tầng lớp trên, thuộc giai cấp thống trị, trong cái xu hướng chung của công trình sáng tạo nghệ thuật của mình, đứng về phía nhân dân, diễn đạt được xu hướng chung của thời đại. Cho nên, Lênin đã nói, khi viết về giá trị của tác phẩm của Lép Tônxtôi

"Nếu trước mắt chúng ta là một nghệ sĩ vĩ đại thật, thì nghệ sĩ này phải phản ánh qua tác phẩm của mình ít ra là vài ba khía canh chủ yếu của cách mang"[1]

Cũng có nhiều trường hợp một nền văn học nghệ thuật rực rỡ, tiên tiến, nảy sinh ra trong khi chế đô chính trị xã hội còn lạc hậu, phản đông

Một nền văn học nghệ thuật tiên tiến, rực rỡ, phong phú là ở nội dung mà nó diễn đạt Nó phải là kẻ phát ngôn của xu hướng của thời đại, sự tiến bô xã hội, xây dưng những đức tính của con người mới, phê phán, lên án chế độ phản đông, những cái cũ kỹ, lạc hậu Như Lênin khi đề cập đến những nhiệm vu của nền văn học xã hội chủ nghĩa, có nói là, những nhà văn, nhà nghệ sĩ phải gắn bó mật thiết với cuộc sống của nhân dân, những nhà sáng tao nghệ thuật phải tham gia tích cực vào sự nghiệp phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản, chủ tâm nghiên cứu hiện thực, cố gắng nâng cao trình đô thành thao nghệ thuật

* * *

Trong văn học nghệ thuật, đặc biệt là trong văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa, việc giáo dục, xây dưng con người mới là đặc biệt quan trong Con người xã hội chủ nghĩa phải có tinh thần tập thể Kẻ thù của con người đó là chủ nghĩa cá nhân. Tập thể đây phải được hiểu vừa rất cu thể, vừa rất bao quát· tập thể đó là gia đình, và đơn vị hoặc tổ chức mà mình là thành viên, là cả dân tộc, cả nước, là các dân tộc khác đang chiến đấu vì một mục tiêu chung với mình hoặc để đi tới mục tiêu đó Giữa những tập thể đó có một mối quan hệ rất khăng khít. Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi kèm với việc nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của những thành viên trong xã hội Nếu nâng cao đời sông của mọi người mà

1 V I Lênin – *Bàn về văn học nghệ thuật*

không có sự giáo dục tương đương về tinh thần tập thể nói trên, thì nó chỉ nuôi dưỡng chủ nghĩa cá nhân, bệnh tham ô, ăn cắp của công, kèn cựa, chèn ép, nan đầu cơ vẫn nảy nở, đối với các dân tộc khác đang hy sinh chiến đấu vì lý tưởng chung, thì chết sống mặc bay!

Con người xã hội chủ nghĩa yêu thắm thiết nồng nàn cái tốt, cái đẹp, cái phải, nhưng mặt khác, cũng ghét cay, ghét đắng tất cả những cái xấu xa, tàn ác, chướng tai gai mắt, ở con người mình, ở trong môi trường của mình đã đành, mà cả ở các nơi khác trên thế giới, chỗ nào nó còn tồn tại. Con người xã hội chủ nghĩa yêu chế độ xã hội chủ nghĩa bao nhiêu, nhận thức tính hơn hẳn của chế độ đó bao nhiêu thì lại càng ghét chế độ tư bản chủ nghĩa bấy nhiêu về tất cả mọi mặt biểu hiện của nó: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thấy tính chất đồi truỵ và tàn nhẫn không có tính nhân đạo và sự giả dối của nó bấy nhiêu. Nếu không, khi nói đến việc nâng cao đời sống vật chất, thì chỉ nhìn vào những tiêu chuẩn của đời sống tư sản, khi nói đến tự do, thì còn ngoái cổ nhìn về nền dân chủ tư sản, khi nói đến đời sống văn hóa và tinh thần thì trong lòng còn vấn vương những tư tưởng tôn giáo, khi nói đến yêu hòa bình thì lại đâm ra sợ chiến tranh, sợ sức mạnh của kẻ địch.

Nếu có tình trạng như vậy là vì vấn đề cơ bản của chủ nghĩa nhân đạo mới, chủ nghĩa nhân đạo của giai cấp vô sản là quan hệ giữa cá nhân và xã hội xã hội chủ nghĩa, chưa được giải quyết triệt để. Một phần trách nhiệm lớn trong việc giải quyết vấn đề đó là thuộc về văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Vì vậy nên Lênin nhấn mạnh vào nhiệm vụ của nhà văn, nhà nghệ sĩ là phải gắn bó mật thiết với cuộc sống của nhân dân, phải tham gia tích cực vào sự nghiệp phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, phải chú tâm đi sâu nghiên cứu hiện thực, không ngừng nâng cao trình độ thành thạo nghệ thuật. Cũng vì vậy nên văn học nghệ thuật có tính độc lập và tự do của nó, và nhà văn, nhà

nghệ sĩ của chế độ xã hội chủ nghĩa mang cái danh hiệu vinh dự là kỹ sư tâm hồn

Tâm hồn mà người kỹ sư phải xây dựng là tâm hồn của con người công sản, chứ không phải tâm hồn của con người nói chung Xây dựng tâm hồn đó nghĩa là biết phát hiện và nuôi dưỡng tất cả những cái cao quý, tốt đẹp, lành mạnh trong con người mà cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã mang lại cái cơ sở vật chất và tư tưởng, và nhằm mục đích là sự thắng lợi của chủ nghĩa công sản Cho nên, ngoài tính nguyên tắc đó ra, nó đòi hỏi ở văn học nghệ thuật một tính sắc sảo và tinh vi cao, những phương pháp diễn đạt phong phú và tế nhị Để làm tròn nhiệm vụ của người kỹ sư tâm hồn thì phải đi sâu vào tâm hồn của con người, phát hiện ra những chỗ thầm kín, nhưng không phải bằng lối "phân tâm học" (psychanalyse) mà bằng cách đặt con người vào cuộc sống thực tiễn, vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Qua thử thách đó, sẽ bộc lộ ra tất cả các mặt trong tình cảm và tư duy của con người Vì vậy nên nhà văn và nhà nghệ sĩ phải tích cực tham gia vào sự nghiệp chiến đấu của nhân dân Hai, là đi sâu vào tâm hồn, tức là phát hiện ra những mâu thuẫn của nó, để giải quyết những mâu thuẫn ấy có lợi cho sự nghiệp xây dựng con người mới, chứ không phải phơi bày ra một cách "khách quan" những cái xấu xa, lạc hậu, với ý định tô son trát phấn cho nó, cho đó cũng là một biểu hiện của "nghệ thuật tinh vi", cho đó cũng là những đòi hỏi "chính đáng" của cuộc sống tinh thần và muốn xã hội phải chấp nhận những đòi hỏi đó

Về mặt nghệ thuật, văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa phải sắc sảo, tinh vi Nhưng sắc sảo, tinh vi không có nghĩa là lập dị, văn veo, méo mó, kỳ quặc Văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa là để phục vụ hàng triệu người lao động xây dựng một thế giới chân thật, quả cảm, đẹp đẽ, vô cùng nhân

đạo Cho nên nghệ thuật ấy phải chân phương, trung thực, sáng sủa như mặt trời mùa xuân, như trăng rằm Nhạc cho ra nhạc, hoa cho ra hoa, thơ cho ra thơ, theo những tiêu chuẩn mà ai ai cũng lĩnh hội và thưởng thức được Nhà văn, nhà nghệ sĩ luôn luôn tìm ra những phương pháp diễn đạt nghệ thuật mới, cao hơn, nhiều màu nhiều vẻ hơn, có khả năng diễn đạt một cách độc đáo mọi khía cạnh của cuộc sống, nhưng là trên tinh thần hợp với lẽ phải thông thường và để phục vụ quảng đại quần chúng nhân dân Nói tóm lại, phải là một nghệ thuật lành mạnh, biểu đạt được sức sống vĩ đại của hàng triệu người

Khí thế của giai cấp vô sản ngày nay là khí thế của người chiến thắng, đạp lên đầu thù, khí thế cách mạng tiến công liên tục Khí thế ấy biểu hiện về tất cả các mặt - chính trị, kinh tế, quân sự, xã hội, văn hoá, tư tưởng, học thuật, đạo đức, pháp luật, trong sự nghiệp đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và xây dựng thế giới mới Trong cơn rối loạn và bế tắc, thế giới tư bản chủ nghĩa đang tìm đủ cách để kéo dài hơi thở cuối cùng của nó Những cái quái gở kỳ dị mọc ra nhan nhản trong hơn nửa thế kỷ nay và hiện giờ có chiều hướng khuếch trương trong văn học nghệ thuật tư sản như chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa trừu tượng, v v được đưa ra như là "những sản phẩm mới nhất của óc thẩm mỹ của con người" chỉ là hơi độc, là tử khí của một cơ thể ung nát đang giãy giụa một cách tuyệt vọng và điên cuồng

Phải bác bỏ, lên án, xua tan những loài côn trùng ấy, chứ không thể thông cảm, bắt tay, thỏa thiệp, đón rước nó vào trong vườn hoa tươi đẹp của nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa

* * *

Chúng ta kỷ niệm 150 năm ngày sinh Các Mác trong khi cách mạng thế giới đang nổi lên như vũ bão, khi một phần

ba loài người sống dưới chế đô xã hội chủ nghĩa, khi đã có hê thống xã hôi chủ nghĩa gồm 13 nước trên ba đai luc làm kỷ cương cho sư phát triển của lich sử thế giới ngày nay, khi chủ nghĩa đế quốc đang đổ nát và bước nhanh đến chỗ diệt vong.

Chúng ta kỷ niêm 150 năm ngày sinh Các Mác khi trên đất nước ta đang diễn ra môt thiên anh hùng ca vĩ đai trong sư nghiệp chống Mỹ cứu nước thần kỳ, với cuôc tiến công long trời chuyển đất từ đầu xuân và những chiến thắng vang dây núi sông của quân dân miền Nam Văn hoc nghê thuật là cuộc sông, thì nói chung trên thế giới, nói riêng trên đất nước ta, chưa bao giờ cuôc sống lại phong phú, huy hoàng, đầy ý nghĩa như ngày nay. Nếu Gớt cho cuôc sống là cây cổ thu muôn thuở xanh tươi, thì cuôc sông trên giải đất Việt bốn nghìn năm văn hiến của chúng ta hiên giờ là môt vườn xuân muôn hoa nở rô Đối với nhà văn, nhà nghê sĩ, thật là cơ hôi nghìn năm có môt Chưa bao giờ văn nghê sĩ có môt miếng đất phì nhiêu màu mỡ như vậy để sáng tạo

Quan niêm thông thường là muốn miêu tả cái đep, cái lành, cái phải môt cách sâu sắc, thấm thía, phải dùng đến hư cấu thì mới sáng tao nên được những điển hình. Tuy hư cấu vẫn có cơ sở trong thực tế, nhưng phải lý tưởng hóa, thì mới đat đến trình đô nghê thuật. Trước kia, như vậy là đúng, bởi vì trước đây, những cái quý nhất trên đời như đôc lập, tư do, cuộc sống no ấm, hanh phúc, công lý, bác ái, nhân nghĩa, còn là những mơ ước của loài người, những chân trời mà loài người nhằm tiến tới

Ngày nay ở ta, hư cấu như là phương pháp khái quát, điển hình hóa trong nghê thuật vẫn còn tác dung của nó, nhưng không phải là phương pháp duy nhất trong sáng tao nghệ thuật nữa. Bởi vì trong cuôc chống Mỹ cứu nước, nhân dân ta đã và đang sáng tạo ra hoặc thực hiện được bao nhiêu việc ly kỳ mà xưa kia, người ta cho rằng sức con người không

thế làm được Dân tộc ta đang đánh thắng con bạch tuộc, là đế quốc Mỹ, hiểm họa lớn nhất của loài người, chính là Hécquyn tiễu trừ con quái vật chín đầu, nhân lên mấy lần Nhân dân miền Nam ta, với tay không đã đập nát chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm, với vũ khí thô sơ, với một đội ngũ du kích chưa đông lắm, đã đập tan cuộc chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, đó là sức của Phù Đổng thiên vương tăng lên gấp mấy lần Cuộc chiến đấu thần thánh của toàn dân ta từ Cách mạng tháng Tám, qua 9 năm kháng chiến, đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong hơn 10 năm, đến cuộc chống Mỹ cứu nước hiện nay, há lại không phải là một bản anh hùng ca Ôđixê ngày nay hay sao?

Nói đến những việc thần thiên động thổ, thần thông biến hóa, thì những trận tấn công của một nhóm chiến sĩ giải phóng miền Nam vào Đại sứ quán Mỹ, "Dinh độc lập", vào các sân bay Tây Sơn Nhất, Biên Hòa, Đà Nẵng, Chu Lai, vào các hầu cứ của địch, được bảo vệ bởi những phương tiện và một hỏa lực vượt xa sức mạnh của những con quái vật và lũ hung thần trong các truyện ly kỳ thuở xưa, há chưa đủ để cho chúng ta nhận ra, mắt nhìn mắt, sờ mó được, cái đẹp, cái cao siêu, cái kỳ diệu lý tưởng đó hay sao?

Trước kia, văn học nghệ thuật nói đến phụ nữ, nếu là bậc quốc sắc thiên hương, thì thường là chịu cảnh hồng nhan bạc phận Ở người đàn bà, tài sắc là những cái làm cho "trời đất" ghen ghét Phụ nữ Việt Nam ngày nay, là chị em con cái chúng ta, có mặt ở khắp nơi trên cánh đồng, trong nhà máy, trên tuyến giao thông, trong trường học, ở cửa hàng mậu dịch, vẫn là những cô gái xinh đẹp, mặt hoa mày liễu, nói năng nhẹ nhàng êm ái như chim oanh hót, nhưng khi sản xuất, công tác, là những chiến sĩ thi đua, những anh hùng, những chị chủ tịch, bí thư đáng ủy, đại biểu Hội đồng nhân dân Đôi quân tóc dài xuất trận đã làm cho những nòng súng địch phải câm lăng, những xe bọc sắt của địch phải dừng lại Những dân quân gái, băng súng trường đã nhân đầu loài cú,

loài qua xuống bùn đen, xé tan xác những "con ma", "thần sấm" của giặc Mười "thân phận liễu bồ" mà ngày thường tiếng hò mái đẩy du dương có thể đã vang khắp núi Ngự sông Hương thơ mộng, trong khói đạn của cuộc tiến công, của xuân Mậu Thân, đã đánh tơi bời một tiểu đoàn Mỹ "Một hai nghiêng nước nghiêng thành" thật, nhưng không phải như Hêlen, Đát Kỷ, Điêu Thuyền, hay Dương Quý Phi, mà là Trưng Trắc, Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh, Bùi Thị Xuân, Cô Ba Đề Thám, đánh cho thành quách của địch, cơ quan đầu não, căn cứ hậu cần của Mỹ - nguy nghiêng ngửa, đổ nát, để cứu lấy dân, giành lại nước

Ngày nay ở ta, vợ một chiến sĩ, đợi chồng được nghỉ phép một ngày hay vài giờ về ghé thăm nhà, cũng vẫn trang điểm, chải mái tóc cho gọn, đi đôi dép mới được cung cấp, choàng cái áo len mới đan, nấu bát canh ngọt, luộc con gà béo cho chồng ăn Nhưng còn có những thứ trang sức và những sự săn sóc khác đối với chồng nữa, khiến tình nghĩa vợ chồng càng đằm thắm, chồng vẫn yên tâm tiếp tục đi làm nhiệm vụ trong lúc chồng giết giặc tiền tiền tuyến, ở nhà đã nuôi dạy các con trở thành cháu ngoan của Bác Hồ, đã tham gia đội nữ dân quân xã bắn rơi bao nhiêu máy bay địch, bắt sống giặc lái, đã giúp hợp tác xã vượt kế hoạch trồng trọt và chăn nuôi Đó là ở miền Bắc Ở miền Nam, thì đã làm bao nhiêu bẫy chông, góp phần bẻ gãy bao nhiêu trận càn của địch, cùng bà con cô bác tham gia bao nhiêu cuộc đấu tranh chính trị ở tỉnh, ở quận, phá bao nhiêu ấp chiến lược, diệt ác ôn, san bằng đồn bốt, kêu gọi ngụy quân quay súng về với nhân dân

Đó là một vài khía cạnh của một loạt vấn đề đặt ra trước các nhà văn, nhà nghệ sĩ cũng như trước các nhà triết học trên thế giới xưa và nay, mà cách mạng đã hoặc đang đưa lại cho ta cách giải quyết. Những vấn đề ấy xoay quanh một số vấn đề lớn: cái sống và cái chết, cái sướng và cái khổ, cái vinh và cái nhục, cái quý và cái tiện, cái yêu và cái ghét, lòng ưu ái và tính vị kỷ, cá nhân và xã hội, nói tóm lại, là lẽ sống của con người.

Trong khi chiến đấu vì độc lập, tự do cho chính mình, nhân dân ta đồng thời cũng chiến đấu vì những mục tiêu cao cả của loài người tiến bộ. Là vì cuộc đấu tranh cách mạng của chúng ta, về thực chất và ý nghĩa lịch sử của nó là một đòn tấn công tập trung của những sức tiến bộ của thế giới chống những sức phản động trên thế giới về toàn diện - chính trị quân sự, xã hội, tư tưởng, văn hóa. Là sản phẩm và là sự tiếp tục và phát triển trên một số địa hạt nhất định, Cách mạng tháng Mười, cuộc cách mạng vô sản thắng lợi đầu tiên trong lịch sử loài người, theo đúng như Các Mác đã dự đoán. Cách mạng Việt Nam góp phần giải quyết một số mặt về vận mệnh lịch sử của các dân tộc. Điều đó, dư luận tiến bộ ở năm châu cũng đã thừa nhận. Hầu hết mọi người nhận rằng, chúng ta chiến đấu vì độc lập, tự do của chúng ta đồng thời cũng chiến đấu vì độc lập, tự do của các dân tộc khác. Hầu hết mọi người cho rằng bằng chí khí anh hùng và óc sáng tạo, nhân dân ta đã nâng cao phẩm giá của con người, dân tộc ta đã làm vinh dự cho cả loài người. Nhiều người thấy ở cuộc chiến đấu của chúng ta một trang sử mới đang được xây dựng, một chủ nghĩa nhân đạo đang được hình thành, một con người mới đang xuất hiện và lớn lên.

Cuộc đấu tranh cách mạng của chúng ta là một cuộc nổi dậy đồng loạt của những cái cao quý, cũng như những mong ước thiết tha mà mấy nghìn năm đã bồi đắp và hun đúc trong con người của chúng ta và được học thuyết toàn diện và vạn năng của giai cấp vô sản và cả cực diện cách mạng oanh liệt trên thế giới ngày nay khích lệ và phát huy, chống tất cả những cái xấu xa, độc địa, đầy thú tính và tội ác mà bọn chủ nô, bọn phong kiến, bọn tư bản đã gây nên trong quan hệ giữa người và người, tập trung và biểu hiện một cách trắng trợn, tàn bạo và bỉ ổi nhất ở chủ nghĩa đế quốc.

Là con người chiến đấu cho sự sống, cho tất cả những cái gì cao đẹp và dễ yêu trên đời, con người mới đang được xây dựng trên đất nước ta rất yêu chuộng cái đẹp, rất yêu thích

nghệ thuật. Chưa bao giờ một phong trào văn nghệ này nở và phát triển nhanh như ngày nay trên khắp hai miền Bắc Nam Trong đơn vị, ở xí nghiệp, ở nông thôn, trên núi rừng, tiếng đàn, giọng hát, vần thơ xen với tiếng búa, lát cuốc, át tiếng bom đạn của giặc, hòa nhịp với tiếng trống thúc quân, tiếng kèn xuất trận của đoàn quân giải phóng tiến công vào cơ quan đầu não của Mỹ - nguy ở Sài Gòn, kéo cờ chiến thắng của mặt trận lên đỉnh cột cờ giữa trung tâm cố đô Huế

Càng chiến đấu oanh liệt, càng thắng lợi giòn giã, càng sản xuất và xây dựng khỏe bao nhiêu, nhân dân ta càng yêu quý văn nghệ bấy nhiêu, bởi vì văn nghệ là tinh hoa của cuộc sống, là một sức mạnh, là một vũ khí chiến đấu và để chiến thắng

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta đã vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác để giải quyết những vấn đề văn học nghệ thuật của Việt Nam Đề cương văn hóa Việt Nam (1943) đã nêu ra ba nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới trong giai đoạn đó là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Những nghị quyết về văn nghệ và những bức thư của Trung ương Đảng gửi cho các đại hội văn nghệ đã chỉ rõ nhiệm vụ cụ thể của văn nghệ trong từng thời kỳ cách mạng. Đảng luôn luôn chỉ rõ "Đối với anh chị em văn nghệ sĩ của ta, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa công sản phải là mục đích và lý tưởng đẹp đẽ nhất; Tổ quốc, nhân dân và cách mạng là đối tượng phục vụ cao quý nhất, văn hóa và tư tưởng là chiến trường, tác phẩm văn học nghệ thuật là vũ khí sắc bén"[1]. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước hiện nay, Đảng kêu gọi "Văn nghệ sĩ cả nước ta phải xứng đáng là chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ trên mặt trận văn nghệ"[2]

Nền văn học nghệ thuật Việt Nam trẻ tuổi có Đảng lãnh

1,2 Thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ IV

đạo và được Đảng đặc biệt quan tâm, có đủ mọi điều kiện thuận lợi để trưởng thành nhanh chóng, xứng đáng với cuộc chiến đấu vĩ đại của chúng ta, xứng đáng với dân tộc anh hùng của chúng ta, xứng đáng với thế hệ vẻ vang của chúng ta, thế hệ Hồ Chí Minh, xứng đáng với thời đại hùng vĩ của Mác - Lênin

VỀ TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC THÂN DÂN CỦA NGUYỄN TRÃI*

Để đánh giá đúng đắn sư đóng góp của một nhân vật lịch sử vào công cuộc cứu dân cứu nước, có ảnh hưởng lớn đến vận mệnh lịch sử của dân tộc, việc nghiên cứu sâu sắc và công phu thân thế và sư nghiệp của nhân vật ấy về phương diện tư tưởng là một nhiệm vu quan trong, có ý nghĩa trung tâm, chỉ đạo đối với các ngành khoa học xã hội nói chung

Sư đánh giá vai trò lịch sử của một thiên tài kiệt xuất, một nhân vật khổng lồ như Nguyễn Trãi phải như vậy

Trên ý thức ấy, hội nghị chúng ta tiến hành trong hai ngày nay, với một nội dung khá phong phú, một đợt nghiên cứu về tư tưởng Nguyễn Trãi, rộng rãi, tư do, trong không khí hào hứng, sôi nổi, với lòng háo hức tìm ra chân lý

Chúng ta vui mừng thấy rằng, ngoài cán bộ nghiên cứu ngành triết, sư tham gia hội nghị của đông đảo các ngành văn, sử, ngôn ngữ, dân tộc học, các nhà văn, các ngành văn hoá, giáo dục, tuyên truyền thông tin, báo chí, nói lên tầm quan trọng, không những về ý nghĩa khoa học, mà cả về tính chất thời sư chính trị của vấn đề

Thật vậy, Nguyễn Trãi là một nhân vật lịch sử vĩ đại, sư nghiệp của Nguyễn Trãi là vĩ đại với tầm vóc lịch sử của nó Chúng ta phải tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 600 năm sinh Nguyễn Trãi cho xứng đáng với Nguyễn Trãi và sư nghiệp của ông.

Nhưng, chúng ta tổ chức kỷ niệm lần này không phải chỉ

---

* Tạp chí *Triết học*, số 3 - 1980

với ý nghĩa ấy, ngoài ý nghĩa đó ra, lễ kỷ niêm còn có môt ý nghĩa đăc biêt

Cuôc xung đôt giữa hai thế lưc ấy 600 năm trước đây là ác liêt nhất, quyết liêt nhất, không khoan nhượng nhất, môt sống, môt chết, về phía đich cũng như phía ta, không những về quy mô mà cả về bản chất và kich tính của nó Đó là môt cuôc thử thách giữa cái cao quý, chính nghĩa nhân đao và những cái đê tiên, phi nhân, bất nghĩa, hiểu theo những tiêu chuẩn trong quan hê giữa người với người, giữa dân tôc với dân tôc ở thời đai ấy

Đây không phải là lần đầu tiên hai thế lưc ấy xung đôt nhau Có thể nói đó là trận chung kết của môt cuôc đo sức bắt đầu từ trước Công nguyên, cách đó trên môt nghìn năm Trong trân chung kết ấy, tư thế của Viêt Nam, là đứng trên đầu thù Tư thế ấy không phải là nhân tố thứ yếu có tác dung quyết đinh đối với kết quả cuối cùng của trân đấu

Khi cuôc xung đôt bắt đầu, tất cả những ưu thế vât chất cũng như tinh thần, về bề ngoài là thuôc về đich đang đứng trên thế tấn công Tất cả những nhươc điểm dồn về phía ta ở vào đia vi phòng ngư Nhưng sư mỉa mai của lich sử là đổi thế phòng ngư sang tấn công cho một phía, và thế tấn công ra thế phòng ngư cho phía khác

Bí quyết của sư đảo ngươc tình thế, sư thay đổi kỳ diêu ấy trong tương quan lưc lương là ở tinh thần bất khuất, không có gì quý hơn đôc lâp, tư do, thà hy sinh tất cả, chứ nhất đinh không làm nô lê, lòng yêu nước thương dân vô hạn của con người Viêt Nam, mà Nguyễn Trãi là người tiêu biểu, ở chủ nghĩa yêu nước vô đich, biểu hiên của môt tinh thần dân tôc sâu sắc, rộng rãi, chân thành, sáng tao, nhân đao, yêu chuông tự do và hoà bình, bởi vì cơ sở của nó là Tổ quốc và nhân dân. Lời day của Hồ Chủ tich là bất hủ. "Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vu nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vươt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" Đó là lời tổng kết của quá

trình phát triển lịch sử Việt Nam trong mấy nghìn năm đó dĩ nhiên có giai đoạn chúng ta đang nghiên cứu và phân tích

Lời mở đầu trong bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chủ tịch: "Các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do", đó là chân lý phổ biến, là tiêu chuẩn cơ bản cho sự chung sống hoà bình trong cộng đồng nhân loại, một chân lý mà dân tộc Việt Nam đã nhận thức rất sớm, ngay trong cuộc đụng độ lần đầu tiên giữa Việt Nam và phương Bắc. Với cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỷ XV, nhân dân ta đã nhận thức chân lý đó một cách thiết thực, sâu sắc và toàn diện nhất, mà lá cờ cứu dân cứu nước của Nguyễn Trãi - Lê Lợi là sự biểu dương rực rỡ.

Sự thành công ấy không phải vì lúc ấy Việt Nam đã tiếp thu được những luồng tư tưởng, những ý thức hệ, những thế giới quan và nhân sinh quan cao xa của Khổng, Mạnh, Trang, Lão, càng không phải vì Nguyễn Trãi là người đã khéo vận dụng và chọn lọc những cái tốt, cái chủ yếu, cái tiên tiến trong những hệ tư tưởng ấy vào điều kiện Việt Nam, để đưa cuộc kháng chiến của Việt Nam đến thắng lợi.

Nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận những nhân tố ấy, nhưng đó là việc phụ, không tác động một cách cơ bản đến tư tưởng và đường lối cứu dân cứu nước nhất quán, vì độc lập, tự do của Nguyễn Trãi.

Khi người Lạc Việt trước Công nguyên nổi dậy chống cuộc xâm lược đầu tiên của phương Bắc, anh dũng bẻ gẫy cuộc tấn công vũ bão của nửa triệu quân Tần, thì thử hỏi dân ta đã biết có tư tưởng Khổng giáo mà dựa vào nó để đánh thắng quân xâm lược chưa?

Thậm chí khi chúng đã xâm lược và đặt ách thống trị trên đất nước ta, lúc phương Bắc trong một nghìn năm có cơ hội để đồng hoá dân tộc ta, kể cả và chủ yếu về mặt văn hoá tư tưởng, thử hỏi có phải nhờ vậy mà Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, Mai Hắc Đế, Phùng Hưng, Ngô Quyền liên tiếp nổi

dây quyết tâm quét sạch chúng ra khỏi bờ cõi, cùng mưu bá đồ vương của chúng dưới sông Bạch Đằng?

Trong hội nghị khoa học về Nguyễn Trãi của Viện Văn học và Ngôn ngữ học tổ chức mấy hôm trước, có vài đồng chí trong khi tham luận có nói lên một điều trước hết phải xem Nguyễn Trãi là người Việt Nam. Tôi thấy ý kiến đó là đúng. Như vậy có nghĩa là cái cơ sở, chỗ dựa của Nguyễn Trãi là thực tế Việt Nam, với lịch sử, tinh thần, đời sống xã hội, nguyện vọng, lý tưởng, sắc thái cá tính bước vào và bước đi của lịch sử dân tộc Việt Nam, và xem xét cái gì là nhân tố cơ bản, quyết định đúc nên cái bản lĩnh của con người Việt Nam, một thứ bản lĩnh mà không một nghịch cảnh nào, một thử thách nào của lịch sử làm mờ nhạt mà trái lại, chỉ càng ngày càng được tôi luyện, bồi đắp và phát huy.

Nếu nói đến tư tưởng Nguyễn Trãi, thì tôi cho rằng đó là tư tưởng yêu nước thương dân, đó là lòng nhân nghĩa trong quan hệ giữa người với người, trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trong quan hệ giữa các dân tộc và các quốc gia, một chủ nghĩa yêu nước, một tinh thần dân tộc đậm đà tính nhân đạo dựa trên nguyên tắc không có gì quý hơn độc lập tự do.

Trong bài điếu văn của đồng chí Tổng Bí thư Trung ương Đảng ta đọc trong lễ truy điệu Hồ Chủ tịch, có nói: Hồ Chủ tịch là do đất nước ta, dân tộc ta, nhân dân ta sinh ra.

Ở một mức độ nhất định và trong bối cảnh lịch sử đương thời, sự nhận định ấy, theo tôi, có thể áp dụng với Nguyễn Trãi.

Cái gì đã làm cơ sở tư tưởng chủ đạo của Nguyễn Trãi trong sự nghiệp cứu dân, cứu nước của ông. Đó là sức sống mãnh liệt phi thường của dân tộc Việt Nam.

Sức sống của dân tộc ta trong mấy mươi thế kỷ vượt qua tất cả những bão táp, phong ba, giống như: " Cây cỏ thu muôn thuở xanh tươi".

Sản xuất và chiến đấu, dựng nước và giữ nước, trên tinh

thần không có gì quý hơn độc lập tự do, đó là những nhân tố thường xuyên, những quy luật cơ bản chi phối phương hướng phát triển của lịch sử Việt Nam ngay khi cộng đồng người Việt mới xuất hiện trên vu đài lịch sử. Lịch trình tiến hoá ấy đã diễn ra trong những điều kiện địa lý, lịch sử, xã hội văn hoá sau đây

Địa bàn cư trú của tổ tiên ta xưa kia vốn là dải đất trù phú trên đó dân tộc ta ngày nay đang sinh sống

Đất đai màu mỡ phì nhiêu nhưng thiên tai cũng nhiều Hoàn cảnh ấy đã rèn luyện cho ông cha ta có hai bàn tay rắn rỏi và khéo léo, một khối óc tinh khôn, mưu trí biết lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh. Điều quan trọng hơn hết, là có một tinh thần lao động cần cù, kiên nhẫn, lạc quan tin tưởng ở ngày mai, và trước hết là ý thức ngày càng cao về quyền làm chủ đối với đất nước và cuộc sống của mình, bất chấp mọi thử thách

Đó là cái bản lĩnh, phẩm chất cố hữu của người Việt Họ dám thách thức tạo hoá "Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa", một sự thách thức xuất phát từ tinh thần chiến thắng thiên nhiên trên mảnh đất này, trên đó họ sớm đã dựng nên một nền văn minh nông nghiệp, cơ sở của một học thuyết tiên tiến về nghề trồng trọt, giản dị diễn đạt trong bốn từ lấy trong ngôn ngữ hàng ngày của người nông dân lao động nước, phân, cần, giống

Sức ép của thiên nhiên cũng như của những thế lực thù địch từ con người, đặc biệt là sự đe dọa thường xuyên của quân xâm lược từ phương Bắc đến, sớm đã đặt cho cộng đồng người Việt yêu cầu phải đoàn tụ nhau lại, chung lưng đấu cật để bảo vệ non sông và giống nòi, bảo vệ cuộc sống

Không ai có thể phủ nhận rằng tinh thần cộng đồng, tình đoàn kết là sức mạnh vô địch chi phối toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam.

Về địa lý, đất nước Việt Nam là đa dạng Có rừng núi, có trung du, có đồng bằng, có ven biển, có hải đảo, nhưng đều gắn liên với nhau trong một cấu trúc tổng hợp với hai yếu tố Đất nước, có nghĩa là Tổ quốc

Dân cư Việt Nam gồm nhiều thành phần Kinh, Mường, Thái, Tày, Nùng, Mèo, Dao, Êđê, Giarai v v nhưng đều là trăm cành của một cội, từ một bọc trăm trứng mà ra, mà không có sự phân biệt chủng tộc, thành kiến, kỳ thị dân tộc

Trên đất nước Việt Nam, có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng Nhưng vẫn sống bên cạnh nhau, hoà hợp với nhau, đều hướng về người mẹ chung, Tổ quốc Việt Nam, không gây tổn thương cho tình đoàn kết dân tộc

Tiếng Việt là tiếng cổ xưa của dân tộc ngày nay là tiếng nói thống nhất, giàu đẹp thông dụng cho cả nước, bởi vì cùng với dân tộc và tình đoàn kết dân tộc, nó đã thắng lợi vượt qua những bước thăng trầm của lịch sử

Đó là những nhân tố đã tạo nên cuộc sống của đân tộc ta Qua cuộc sống ấy, họ đã vun đắp nên những giá trị vật chất, văn hoá và tinh thần, làm cơ sở cho bước tiến không ngừng của nhân dân ta, một thế lực thắng lợi đương đầu trong hàng nghìn năm với kẻ thù khổng lồ bao tàn nhất

Nói như vậy không có nghĩa là về phương tiện tư tưởng ý thức Việt Nam không hề chịu ảnh hưởng của ngoài Ảnh hưởng đó có, và không phải là ít Nhưng điều cần chú ý là trên cơ sở của một ý thức dân tộc sâu sắc và chân chính, lấy quyền sống, quyền độc lập, quyền tự do là yếu tố chủ đạo, ông cha ta đã có ý thức tiếp thu những cái gì tiến bộ, hợp tình, hợp lý, trước hết là hợp với con đường phát triển độc lập của dân tộc khác, chống lại, loại bỏ những cái gì trái với tinh thần tự lập, tự cường của dân tộc Ví dụ như vấn đề nhân nghĩa Không thể đồng ý với ý kiến cho rằng nguồn gốc nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là lấy từ trong hệ tư tưởng của Khổng, Mạnh mà là ở trong thế giới quan của chính dân tộc

ta, dù có nói rằng Nguyễn Trãi đã phát triển hoặc vận dụng nó phù hợp với thực tế của ta đi nữa

Nói như vậy cũng không có nghĩa là chúng ta tự thoả mãn với những giá trị tư tưởng vốn có của dân tộc, sa vào tư tưởng bảo thủ, hoặc tư tưởng giáo điều mà để nói rằng vốn đó là quý báu, là lành mạnh, là chính nghĩa, trong thời đại này khi nó được soi sáng bởi khoa học cách mạng của giai cấp công nhân, tư tưởng Mác - Lênin thì nó được phát huy tới cao độ, tạo ra cho sự nghiệp đấu tranh của dân tộc ta vì độc lập, tự do, chủ nghĩa xã hội và hoà bình thế giới những thắng lợi huy hoàng, và ngày nay đưa dân tộc ta vào kỷ nguyên mới của lịch sử loài người, đưa dân tộc ta đi lên địa vị của một đội ngũ tiên tiến của nhân loại

NGUYỄN DU, NHÀ THƠ LỚN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM*

Năm nay, chúng ta làm lễ trong thê kỷ niêm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, nhà thơ vĩ đai cua dân tôc Viêt Nam, trong môt hoàn cảnh đăc biệt trong nước và trên thế giới

Chúng ta kỷ niêm 200 năm năm sinh Nguyễn Du vào lúc nước Viêt Nam Dân chu Công hòa ra đời đươc 20 năm tròn Mở đầu môt kỷ nguyên mới trong lich sử dân tôc, sư ra đơi của nước Viêt Nam Dân chủ Công hòa cách đây 20 năm là sư thực hiên bằng hành đông cách mang, ý chí và nguyên vong của dân tôc ta từ bao đời Trong 20 năm qua, dưới sư lãnh đao của Đảng tiền phong cua giai cấp công nhân Viêt Nam, nhân dân ta đã biêu dương những truyền thống vẻ vang và những đưc tính cao cả cua dân tôc - chí quât cường, tinh thần anh dũng và óc sáng tao, để gianh lai và giữ gìn đôc lập, xây dưng đời sống tư do và hanh phúc cho nhân dân ở miền Bắc xã hôi chủ nghĩa, đâu tranh vì sư nghiệp thống nhất của Tổ quốc và góp phần xưng đáng bảo vệ hòa bình Đông Nam Á và thế giới

Trên thế giới, chúng ta đang chứng kiên môt phong trào đấu tranh manh mẽ chống đế quốc Mỹ, dưới những hình thức và bằng những biên pháp khác nhau, cua những lực lương hòa bình và tiến bô, trong đó có nhân dân Mỹ Đang hình thành môt mặt trân thế giới, mà mũi nhon chia vào đế quốc Mỹ, và mục tiêu chung là ủng hộ nhân dân Viêt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược Chúng ta có quyền tư hào rằng cách đây 11 năm, dân tôc ta đã làm tròn môt sứ mang lich sư vinh quang đối với các dân tôc bi áp bức, là đã chiến thắng thực dân Pháp xâm lược, góp phần quan trong trong việc đánh

* Kỷ niêm 200 năm năm sinh Nguyễn Du
Nhà xuất bản Khoa hoc xã hôi Ha Nội 1967

bai chủ nghĩa thực dân cũ Ngày nay, chúng ta càng có quyền tư hào rằng, dân tộc Việt Nam, trước lịch sử, trước toàn thế giới, đang giương cao ngọn cờ quyết chiến quyết thắng chống chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ

Vì vậy, cuộc kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, đã được Đoàn chủ tịch của Hội đồng hòa bình thế giới quyết định trong phiên họp tháng 12 năm 1964, đối với chúng ta có một ý nghĩa chính trị to lớn

Chúng ta kỷ niệm một nhân vật mà tâm hồn và những ý nghĩ đã chan hòa với tâm hồn và ý nghĩ của biết bao con người trên trái đất từ khi xã hội loài người có áp bức, có bóc lột Nhân vật đó đã mượn lời thơ để nói lên lòng đau xót của mình đối với số phận của con người bị chà đạp Để chiến thắng số phận đó, từ mấy nghìn năm trước đây, dân tộc ta đã phấn đấu, hy sinh và tạo ra cho chúng ta những truyền thống anh hùng, bất khuất, kiên gan, bền chí, thương nhau trong đau khổ, đoàn kết với nhau, vào sinh ra tử có nhau Trong 35 năm nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã tỏ rõ một chí khí anh hùng phi thường và một nghị lực sáng tạo tuyệt vời, đang đứng ở tuyến đầu của loài người tiến bộ, và đang viết nên những trang sáng ngời và bất diệt trong bản anh hùng ca của thời đại Đó là sự nghiệp bảo vệ tất cả những cái gì cao cả, tốt đẹp, đáng yêu, đáng quý non sông gấm vóc, đời sống no ấm và tự do Đó là sự nghiệp bảo vệ con người và đời sống của con người trong tư cách là lòng căm hờn để chống lại, đánh bại và tiêu diệt những thế lực đen tối chà đạp lên phẩm giá của con người, đày đoạ số phận của con người

Nhà thơ Nguyễn Du sinh ra cách đây 200 năm vào một thời đại khi chế độ phong kiến quần quại trong cơn hấp hối, đã đưa đất nước vào một tấn bi kịch thê thảm Một bức màn đen tối phủ lên trên xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX Nhưng ngay trong đám sương sa mù mịt đó,

những tia sáng bắt đầu xuất hiện. Nửa đầu thế kỷ XVIII, những phong trào khởi nghĩa của nông dân nổi lên khắp miền Bắc. Đến nửa sau của thế kỷ XVIII, nổ ra một đám cháy rực, một cơn bão táp cách mạng của nông dân trong cả nước. Đó là phong trào Tây Sơn, đánh dấu một thời có thể là oanh liệt nhất trong những thời oanh liệt của khí thế quật khởi, tự cường và sáng tạo của dân tộc Việt Nam.

Thời đại đó và những biến cố lịch sử đó đã có một ảnh hưởng quyết định đến thân thế và sự nghiệp của nhà thơ Nguyễn Du. Ông xuất thân từ một gia đình phong kiến có nhiều người giữ chức trọng quyền cao dưới triều Lê. Từ khi có chúa Trịnh bên cạnh vua Lê, quyền bính dần dần lọt vào tay chúa, vua chỉ làm vì. Đến cuối thế kỷ XVIII, khi Nguyễn Du ra làm quan, thì vua Lê chỉ còn là một cái bóng mờ nhạt trên sân khấu chính trị. Nguyễn Du đã mục kích tình cảnh đó.

Mắt Nguyễn Du đã chứng kiến sự mục nát, suy vong của chế độ phong kiến thời Lê mạt. Đời sống xa hoa, dâm ô, đồi trụy của giai cấp thống trị, nhất là chúa Trịnh, người nắm hết quyền bính trong tay, phơi bày ra với tất cả tính chất trơ trẽn bỉ ổi của nó. Trong cung vua, nhất là trong phủ chúa, chia thành năm bè, bảy cánh, cấu xé, giết hại lẫn nhau.

Những cảnh điêu linh loạn lạc không thể không xúc động đến tâm hồn của Nguyễn Du từ khi ông còn niên thiếu.

Cái tham họa đã mang lại bao nhiêu thống khổ cho nhân dân ở cả hai miền do chúa Trịnh và chúa Nguyễn cát cứ là chiến tranh liên miên giữa hai tập đoàn phong kiến đó.

Nguyễn Du không phải là một nhân chứng bị động trong cuộc đời điên đảo đó. Khác với cái "địa ngục" của nhà thơ Ý vĩ đại Đăngtơ, sản phẩm tuyệt diệu của khối óc giàu sức tưởng tượng của một nhà thơ thiên tài, cảnh khủng khiếp được diễn tả trong *Văn chiêu hồn* và đã được khái quát hóa với một nghệ thuật tinh vi trong *Truyện Kiều*, là một bức tranh có thực mà Nguyễn Du đã sống. Ông cũng đã sống một

cuộc đời điêu đứng trong nhiều năm, thứ nhất là khi anh hùng nông dân Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà lật đổ ách thống trị của họ Trịnh, rồi tấn công như vũ bão, đại phá 20 vạn quân Mãn Thanh Bị hạn chế bởi quan niệm chật hẹp về "trung quân", "chính thống", Nguyễn Du đã âm mưu chống lại Tây Sơn, nhưng không thành Từ đấy Nguyễn Du sống một cuộc đời phiêu bạt, nay đây mai đó, rồi về ở ẩn tại quê nhà Trong những năm long đong vất vả, Nguyễn Du cũng đã nếm mùi cay đắng của cảnh bần cùng, đói rách, có lúc không có cơm ăn, không có áo mặc, ốm đau không có thuốc uống Những lúc đó, Nguyễn Du tận mắt đã trông thấy bao nhiêu

"Những kẻ nằm cầu gối đất,

Dõi tháng ngày hành khất ngược xuôi

Thương thay cũng một kiếp người,

Sống nhờ hang xứ, chết vùi đường quan"

Tình cảnh đó không riêng gì cho thời Lê - Trịnh cuối thế kỷ XVIII, Chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh, lợi dụng tình hình khi Nguyễn Huệ mất, triều Tây Sơn suy nhược, đã cầu cứu nước Pháp để diệt Tây Sơn, lên làm vua, dọn đường cho thực dân Pháp đến cướp nước ta 50 năm về sau

Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi, Nguyễn Du bỏ cuộc sống ẩn dật, ra làm quan với nhà Nguyễn, nhưng bị hiềm nghi và không có thực quyền Cho nên, dù làm quan đến chức tham tri, Nguyễn Du cảm thấy lẻ loi, hiu quạnh

*

* *

Sáng tác của Nguyễn Du, chủ yếu là thơ, cả chữ Nôm, và chữ Hán, rất dồi dào

Tả tình, tả cảnh, tả người, những bài thơ chữ Hán nói lên nỗi xót xa và lo lắng của một dân tộc đi tìm một lối thoát, nhưng không được thỏa mãn Nó phản chiếu nội tâm của Nguyễn Du,

đồng thời cũng là sự phan ánh lòng thương cám và sự lo âu của nhà thơ đối với số phân cua con người Thơ chữ Hán của Nguyễn Du chứa đưng môt tình thương, môt niềm thông cảm và môt nỗi căm hờn, môt tiếng nói phán kháng, đồng thời cũng biểu lô những mâu thuẫn trong con người của Nguyễn Du

Trong toàn bô tác phẩm của Nguyễn Du, cả chữ Hán lẫn chữ Nôm, toát ra môt tinh thần nhân đao sâu sắc

Về chữ Nôm thì có hai tác phẩm quan trong là *Văn chiêu hồn* và *Truyên Kiều*

Truyên Kiều là tác phẩm chủ yếu của Nguyễn Du Đó là tác phẩm khái quát tâm hồn và tư tưởng của Nguyễn Du Nó cũng là đỉnh cao nhất của nghê thuât của Nguyễn Du

Cốt truyên lấy ở *Kim vân Kiêu truyên* của Thanh Tâm tài nhân (Trung Quốc) Ta nên nhớ rằng dưới thời phong kiến, đăc biêt là dưới chính thể cưc kỳ phản đông của nhà Nguyễn, viêc kiểm duyêt hết sức khắt khe Cho nên các nhà văn, nhà thơ, nhiều lúc, để diễn tả thưc tế đương thời, phải mươn môt thưc tế xa cách về không gian và thời gian Nhờ thơ Nguyễn Du mươn thưc tế của nước ngoài, cách đó mấy năm, đã sáng tao nó thành thưc tế đương thời của Viêt Nam

Sau khi ra đời, *Truyên Kiêu* ngày càng đươc nhiều người đoc. nhiều người thưởng thức, nhiều người thuộc lòng, càng ngày càng đi sâu vào trái tim của quần chung

Vì vậy, chung ta có quyền khăng đinh rằng *Truyên Kiều* là môt tác phâm thiên tài của nền văn hoc cô điên Viêt Nam và Nguyễn Du là môt nhà thơ vĩ đai của dân tôc

Hoàn cảnh lich sử và xã hôi của Viêt Nam trước đây, ở trong cái thưc tế vô cùng đau khổ của Viêt Nam thời Nguyễn Du đã nung đúc nên tâm hồn Nguyễn Du Nguyễn Du đã gửi gắm tâm hồn đó vào tác phẩm của mình Bức tranh buồn thảm đươc phác hoa trong *Truyên Kiều* đã thể hiên môt phần nào - như chúng ta đã thấy những nét lớn của xã hôi

Việt Nam thời Lê mat và Nguyễn sơ Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, một cuộc nổi dây oanh liệt nhất của nông dân trong lịch sử nước ta, nhằm giải quyết những mâu thuẫn xã hôi đã gay gắt đến cực đô cuối thế kỷ XVIII Cuộc khởi nghĩa ấy có một ý nghĩa lịch sử to lớn là đã làm sup đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến trong nước, bắt đầu thực hiên thống nhất quốc gia và ghi một công lao hiển hách nhất trong thời kỳ đó, là cứu dân tộc khỏi nguy cơ mất nước Nhưng vì thiếu sư lãnh đao của một giai cấp tiên tiến, đai điên cho một phương thức sản xuất tiến bô hơn, cao hơn phương thức sản xuất phong kiến, cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã không vach ra cho xã hôi Việt Nam đương thời một phương hướng tiến lên Đó là hoàn cảnh khách quan đã tao cho Nguyễn Ánh điều kiên thuân lơi để khôi phuc chế đô phong kiến

Nhân dân Việt Nam bi đăt dưới ách thống trị đen tối của phong kiến nhà Nguyễn Nhà Nguyễn lai nhờ vào lực lượng của người Pháp để lên ngôi, đã tao cơ hôi cho thực dân Pháp cướp nước ta trong nửa thứ hai của thế kỷ XIX

Mất quyền đôc lâp, trong gần 100 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, tình cảnh của dân tộc ta là một cổ chịu mấy tròng, thực dân, phong kiến, tư bản Những thảm hoa mà nhân dân phải chịu trong suốt cả một chặng đường lịch sử lâu dài và đau đớn đó, về tính tàn khốc và quy mô đã tăng lên gấp trăm nghìn lần so với cảnh địa ngục dưới thời Nguyễn Du Chính vì vây mà *Truyên Kiều* đã chinh phục được trái tim của những nan nhân của chế đô ấy, nghĩa là quần chúng nhân dân lao đông Thây chất thành núi, máu chảy thành sông, đó chẳng phải là những tội ác tày trời của thực dân Pháp và bon phong kiến dưới thời thực dân trước đây và của bon xâm lược Mỹ cùng bè lũ tay sai ở miền Nam Việt Nam hay sao? Dân cả làng kéo nhau đi ăn xin, bi cướp đất, phá sản, bi càn quét, bi dồn làng, bi han hán, bão lut, những nan đói khủng khiếp như năm 1944 - 1945 đã hủy diệt một lần tới hai triệu sinh linh, và như ở vùng tam bi giặc chiếm ở miền Nam Việt Nam hiên nay, đó há chẳng phải là một bản cáo

trang viết bằng máu đối với những chế độ tội ác hay sao?

Kẻ nào đã gây nên tội ác? Đó là những bọn thực dân cũ và mới, cùng bọn tay sai của chúng, "cũng phường bán thịt, cũng quân buôn người", là con dòng cháu giống của những Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Khuyển Ưng, Khuyển Phệ

Sức hấp dẫn của *Truyện Kiều* đối với nhân dân thật là kỳ diệu, nói rằng vì văn Truyện Kiều hay cũng chưa đủ để giải thích hiện tượng đó. Một tâm hồn không bị sóng gió vùi dập một trái tim không hồi hộp trước những nỗi đắng cay của bức tranh thế sự, một lương tâm không phẫn nộ trước những thói đời vô nhân bạc nghĩa, thì nghệ sĩ, dẫu có tài lỗi lạc đến đâu cũng không tìm ra được những âm điệu, những vần thơ khiến cho người trong cuộc nghe như khóc, như than, như uất ức, như oán hờn. Làm sao mà rung động và gợi lên một tiếng dội trong lòng hàng triệu người? Lời văn chỉ là lời văn có thể rất thanh tao, hào nhoáng, nhưng không thể làm cho đất bằng nổi sóng, nếu từ trong đáy lòng nghệ sĩ không bốc lên một nhiệt tình sâu sắc, một ngọn lửa căm thù.

Nói rằng, Nguyễn Du đã thành công là nhờ ông tập trung nghệ thuật lỗi lạc của mình vào việc mô tả số phận của phụ nữ là lớp người bị tủi nhục nhất dưới xã hội cũ, thậm chí nói rằng ông chú ý trước hết đến thân phận của một hạng người nhất định là đám kỹ nữ, như vậy cũng không cắt nghĩa được vì sao tác phẩm của Nguyễn Du - *Truyện Kiều* - lại được nhân dân lao động, từ thế hệ này đến thế hệ khác, yêu mến, say sưa đến thế.

Nguyễn Du, theo chúng tôi, trước hết là nhà thơ của thời đại, là người phát ngôn một phần những đau khổ lầm than của tất cả những con người bị chế độ đương thời đày đoạ. Trừ bọn thống trị và lũ tay sai của chúng, cả xã hội thời Nguyễn Du sống trong cảnh nước sôi lửa bỏng. Cuộc sống trong xã hội ấy là một vực thẳm tối tăm, ngột ngạt, không có lối

thoát Con người muốn yêu đương chính đáng, chỉ mong sao cho ven chữ "tòng", lại giữa đường đứt gánh, bình vỡ gương tan! Cha mẹ con cái, anh em, muốn cùng nhau sum họp, không có gì là sai trái với phép tắc của gia đình phong kiến, nhưng lại gặp sấm sét bất kỳ, tai bay vạ gió, phút chốc gây nên cảnh sinh ly tử biệt Dù chịu đem thân ngọc mình vàng an phận tỳ thiếp, thì ngọc nát vàng phai! Cam chịu phận tôi đòi, thì lại một phen mưa gió tan tành! Mong nương nhờ cửa Phật, hứng giọt nước cành dương, thì cửa từ bi nào cứu thoát cánh trầm luân, khổ ải? Mà nào những nguyện vọng, những mối tình, những cách thoát thân đó có vượt qua được cái trật tự và cương thường luân lý của xã hội cũ cho cam! Sức tố cáo của Nguyễn Du sâu sắc và toàn diện là ở chỗ đó Cả xã hội là như vậy, cho nên "Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung" Cảnh đau khổ không riêng gì cho một lớp, một hạng người nào, mà là số phận của tất cả những người lương thiện, những người bị lép vế, những người bị áp bức, bóc lột Một chế độ như vậy, thì bọn tiêu biểu, cầm cương này mực là kẻ thù của cả xã hội. Không có chữ "tài", chữ "sắc" nào có thể che chở cho số phận của con người. Những người tài có thể sánh với bang Ban, á Ta thì "chữ tài liền với chữ tai một vần" Về tình thì "hiếu nghĩa đủ đường" nhưng tình vẫn là một sợi dây oan nghiệt

Cả một cái lưới dày đặc bao vây số phận con người dưới chế độ đó Mỗi một cảnh vật là một công cụ xéo cắt tâm hồn và nhân cách của con người, đồng thời là một tang vật tố cáo sự tàn nhẫn, phũ phàng của xã hội. Cánh buồm thấp thoáng xa xa gợi nên cảnh sinh ly tử biệt và tấm thân bơ vơ nơi ven trời góc biển Một hạt mưa xa nhắc đến hoa trôi bèo dạt, thân phận lạc loài, ngọn cỏ rầu rầu, khách qua đường trà đạp, đó là số phận con người bị vùi dập; gió cuốn gập ghềnh, ầm ầm tiếng sóng, khiến nghĩ đến chiếc bách giữa dòng, chìm nổi lênh đênh, báo hiệu những cơn bão táp sắp đến.

Nguyễn Du là người đầu tiên trong lịch sử văn học cổ điển Việt Nam đã phác ra một bức tranh xã hội toàn diện, đã lấy những đau khổ của con người đương thời để lên thành những vấn đề xã hội chung, thành vấn đề của con người trong xã hội có áp bức, bóc lột, đã đưa nghệ thuật văn học đặc biệt là nghệ thuật thơ ca Việt Nam, đến một đỉnh cao vời vợi trước đó chưa từng thấy

Tinh thần nhân đạo của Nguyễn Du là một tinh thần nhân đạo bao quát Cái thế giới làm cho ông thông cảm, xót xa, là thế giới của tất cả những con người bị giày xéo, đày đoa về thể xác cũng như về tinh thần Lời tố cáo của ông ta là lời tố cáo đánh vào những kẻ, những chế độ trà đạp lên con người

Lời thơ của Nguyễn Du là lời thơ an ủi những kẻ bất hạnh, đồng thời gợi lên trong lòng họ một nỗi uất ức, tức giận, một sự phẫn nộ, căm hờn đối với những kẻ và những chế độ bất công, tàn nhẫn

Tinh thần nhân đạo của Nguyễn Du đã vạch rõ ranh giới giữa yêu và ghét

Trong nghệ thuật của Nguyễn Du nét đặc sắc nhất, đồng thời cũng là nét độc đáo của bút pháp Nguyễn Du là xây dựng nhân vật điển hình Ở những nhân vật phản diện trong truyện - Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh - bản chất bẩn thỉu, hèn hạ, lưu manh, xảo trá, nham hiểm của chúng phơi bày ra trong từng bộ mặt, dáng điệu, lời nói, cử chỉ, việc làm, cả trong cách trang trí nhà cửa, bằng một vài nét, nhưng rất đậm đà, sắc sảo, nổi bật lên như chạm khắc Nguyễn Du lôi cả lũ chúng ra ánh sáng, vừa như là những nhân vật điển hình của những giới, những hạng người mà chúng đại diện, vừa như là những nhân vật tiêu biểu cho cái xã hội đương thời mà chúng là "tinh hoa", là "rường cột", một xã hội trong đó người mắc nạn không còn biết đâu là công lý, không biết kêu vào chỗ nào.

Tính hiện thực vô cùng sinh động và sức tố các cực kỳ sắc bén của tác phẩm Nguyễn Du là hai ngọn lửa sáng chói của một

cái lò đỏ rực, đó là trái tim đầy tình thương xót của Nguyễn Du đối với những nỗi khổ của những con người bất hạnh dưới một chế độ xã hội bất công, đó là tâm hồn cao cả của Nguyễn Du chan chứa mối tình nhân đạo mà cảnh chiều tà của một chế độ trên bước đường diệt vong đã nhen lên ở ông một trong mấy mươi năm, trong đó chính bản thân ông cũng đã chia sẻ với thế hệ của ông những nỗi cay đắng, tủi nhục

Nguyễn Du có lòng thương xót đối với những nỗi lầm than, đau khổ của con người Trong khi nói lên những cảnh thương tâm, không phải Nguyễn Du chỉ mô tả một cách khách quan, theo chủ nghĩa tự nhiên, mà trong mỗi cảnh ngộ éo le, mỗi sự đày đọa đối với con người, đều chứa đựng một sự phẫn nộ, một lời phản kháng đánh vào những kẻ đã gây tai họa Thông cảm một cách chân thật, thấm thía với số phận của con người, Nguyễn Du thấy cái trách nhiệm của mình là bảo vệ phẩm giá con người, tố cáo chế độ xã hội đương thời qua những nhân vật tiêu biểu cho cái luân thường đạo lý của xã hội ấy Tiếng nói của Nguyễn Du là một lời bảo vệ thiết tha quyền của con người sống có phẩm giá Tiếng nói của Nguyễn Du là một lời đanh thép chống những cái gì chà đạp lên giá trị của con người

Tinh thần nhân đạo của Nguyễn Du còn bao hàm một mặt nữa là ca ngợi và đề cao mối tình chung thủy, sự đối xử có tình, có nghĩa giữa người và người Tiêu biểu hơn hết là mối tình chân thành, đằm đà giữa Thúy Kiều và Kim Trọng Về mặt này, Nguyễn Du vượt hẳn ra ngoài thời đại của ông Thúy Kiều và Kim Trọng xứng đôi vừa lứa, vì thanh khí lẽ hằng, gặp nhau và yêu nhau, đó là điều rất tự nhiên Tình yêu đó nồng nàn, chân thật, chính đáng Nếu buổi đầu, Kiều có trả lời Kim Trọng

"Dù chẳng là thắm chẳng hồng,

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha"

thì đó cũng là cử chỉ tất nhiên của người phụ nữ khuê các, sống trong một xã hội bị ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến

Nhưng không ai có thể ngăn cản hai người từ chỗ trôm nhớ thầm yêu đến khi có cơ hội thì cùng nhau hen non thề biển "một lời ghi tạc đá vàng thủy chung" Nếu về sau, mối chung tình phải nửa đường đứt gánh, thì đó là vì có những cái gì trong xã hội ấy cản trở, phá hoại hạnh phúc của con người Dâu cho thân ngọc mình vàng bị hoa trôi bèo dạt chăng nữa nhưng nếu trong lòng ngọn lửa chung tình vẫn luôn luôn rực cháy, thì tình yêu vẫn giữ tính chất chân thành và trong sạch của nó Đó là quan niệm của Nguyễn Du về tự do luyến ái và về chữ trinh, đi ngược với quan niệm của thời đại ông

Vì phải bán mình chuộc cha phải xa lìa Kim Trọng, và hơn nữa phải lạc loài chìm đắm Kiều vô cùng đau khổ, tự cho mình lỗi thề và phụ bạc với Kim Trọng Sự gặp gỡ và tình yêu giữa hai người là một bức tranh của tiết xuân êm đẹp, nên thơ trong sự vui mừng và thông cảm của cảnh vật Cho nên, trên mỗi bước đường trong cuộc đời đau khổ, trong lòng Kiều chứa chan mối tình đó với bao nhiêu hình ảnh êm ái, say sưa luôn luôn hiện ra trước mắt Cuộc tình giữa Thúy Kiều và Kim Trọng khiến chúng ta liên tưởng đến cuộc tình duyên đầy thơ mộng nhưng cũng đầy bi thảm của Rômêô và Juyliet mà nhà thơ thiên tài Anh Sếchxpia, đã để lại cho chúng ta

Đối với Nguyễn Du, tình và nghĩa không thể tách rời nhau Kiều coi tình yêu của Kim Trọng đối với mình là một ân dày nghĩa nặng, cảm động rất đáng thương, và dặn lại em là Thúy Vân

"Ngày Xuân em hãy còn dài,

Xót thương nhau mới thay lời nước non"

Tình yêu của Kim Trọng đối với Kiều rất xứng đáng với tình yêu của Kiều đối với Kim Trọng, như tiếng cầm, tiếng sắt của một cung đàn ăn nhịp với nhau Khi nghe Kiều đã bán mình và lưu lạc giang hồ, Kim Trọng cho là lỗi tại mình

vắng mặt nên đã "để cho đến nỗi bèo dạt hoa trôi" và có một cử chỉ rất hào hiệp, rất nhân nghĩa, là đưa gia đình Kiều về phụng dưỡng. Làm quan nhưng gặp lại Kiều, Kim Trọng vượt ra ngoài triết lý của thời đại về hai chữ "công danh" mà cho rằng hạnh phúc của mình chưa đầy đủ, nếu tình xưa nghĩa cũ chưa được đền bù. Và đã có một thách thức đối với những thành kiến của xã hội cũ là

"Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy song cũng lội mấy ngàn cũng qua,
Giấn mình vào đám can qua,
Vào sinh ra tử hoa là thấy nhau".

Không phải là một lời an ủi Kiều, mà là một quan niệm, một thái độ hoàn toàn mới đối với xã hội đương thời về luyến ái, về chữ trinh, khi Kim Trọng nói:

"Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường
Có khi biến, có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh?"

Trong *Truyện Kiều*, tình yêu của con cái đối với cha mẹ cũng biểu hiện dưới những màu sắc rất đẹp, thống thiết và cảm động. Tuy phải bán mình để chuộc tội cho cha, Kiều chẳng hề có một lời oán trách người cha đã để mình phải hy sinh hạnh phúc cá nhân của mình, hy sinh cả một đời của mình. Trái lại, nghĩ đến cha mẹ tuổi già phải vất vả nuôi con, trong cảnh tử biệt sinh ly, mỗi lúc tưởng nhớ đến Kim Trọng thì cũng tưởng nhớ đến cha mẹ. Nghe chim kêu vượn hót, trông cánh buồm thấp thoáng ngoài khơi, nhìn ra non nước một màu, Kiều lại đau lòng tưởng tượng cha mẹ đang ngày đêm tựa cửa trông ngóng mình và nàng càng xót xa vì không được ở bên cạnh cha mẹ để sớm hôm phụng dưỡng. Bao giờ cũng lo cho cha mẹ thân già sức yếu,

không biết sống chết thế nào, hai em còn nhỏ dại, cha mẹ biết nương tựa vào đâu? Khi gặp được Từ Hải, trong những ngày tạm thời sống thanh nhàn, lòng Kiều vẫn thổn thức

Lòng con thương cha mẹ như vậy, còn cha mẹ đối với con thế nào? Kiều phải bán mình để chuộc cha vì Vương ông cho là lỗi tại mình làm lỡ duyên phận của con gái, mặc dầu sự đính ước giữa Kiều và Kim Trọng vượt quyền cha mẹ. Ông đau đớn đến nỗi muốn vạch trời kêu oan và đập đầu vào tường định tự tử.

Một điều rất mới trong văn học cổ điển Việt Nam là sự có mặt và vai trò tích cực của những người thuộc tầng lớp đau khổ trong *Truyện Kiều*. Mã Kiều, một gái thanh lâu, và mụ quản gia trong gia đình họ Hoạn, đã cứu Kiều, bảo lãnh, săn sóc, thuốc thang và an ủi Kiều như người thân thích, tỏ ra một tấm lòng xót thương cao cả. Điều đó nói lên rằng những người đau khổ chỉ có thể tìm thấy sự thông cảm thương yêu thành thật giữa những người cùng hội cùng thuyền.

Bất cứ ở đâu, cảnh ngộ thương tâm của những người cùng cực đã động đến tấm lòng nhân ái của Nguyễn Du, cũng làm cho Nguyễn Du đau đớn trước hai thái cực xã hội, một bên là cảnh nghèo khổ tủi nhục, một bên là cảnh xa hoa phung phí.

Trong bài thơ chữ Hán *Thái bình mại ca giả*, khi đi sứ Trung Quốc, Nguyễn Du viết:

"Ngót trông canh mõm khô cổ ráo,
Được quăng cho năm sau đồng tiền,
Đứa con lại dắt khỏi thuyền,
Vẫn còn quay lại còn quyền ta ơn.

Kia chẳng thấy lê cung thuyền sứ,
Thuyền đầy cơm thuyền ứ thịt nem,

Người no no da, đã thèm,

Cơm canh thừa mứa đổ chìm đáy sông"[1]

Một tính hiên thực sâu sắc, một sức tố cáo mạnh mẽ, một tinh thần nhân đạo bao la chứa chan, đó là những đức tính nổi bật trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Du, nhất là trong *Truyện Kiều*

Sở dĩ *Truyện Kiều* đã trở nên một kiệt tác vĩ đại của Nguyễn Du, một trong những nguyên nhân cơ bản nhất là vì Nguyễn Du đã sử dụng tiếng Việt một cách thần tình, kỳ diệu

Tả người, tả cảnh, tả tình, tả từ những ý nghĩ, tình cảm sâu sắc, thầm kín đến những việc hằng ngày, Nguyễn Du đã khai thác triệt để vốn từ vựng của tiếng Việt một cách rất diệu luyện, chính xác, không gò ép, không gượng gạo, khiến người đọc cảm thấy rằng đối với sự việc đó, nhất định phải nói như vậy, và khó lòng mà lấy những tiếng, những lời lẽ khác thay thế vào được

Với *Truyện Kiều*, tiếng Việt đã trở nên rất đẹp đẽ, trong sáng, mềm mại uyển chuyển, thanh tao Được như vậy là vì Nguyễn Du đã sử dụng triệt để hai yếu tố, hai điểm đặc sắc của tiếng Việt, là âm thanh và hình tượng Lấy vài từ với tiếng có sẵn trong tiếng Việt. Nguyễn Du có thể tạo nên một cách vừa nhiều màu sắc đậm đà, nhưng lại không rườm rà, vừa sinh động, vừa gợi trong tâm tư người đọc những ý nghĩ và tình cảm mà nhà thơ muốn gợi. Cũng một tiếng, nhưng Nguyễn Du có thể dùng nó theo nhiều nghĩa, tùy lúc, tùy cảnh

Như tiếng "đâu", có khi có nghĩa là người con trai ước mong gặp được người con gái mà mình trộm dấu thầm yêu: "Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về"; có khi biểu thị lòng hoài nghi, nỗi lo lắng cho duyên phận về sau: "Người đâu gặp

1 Theo bản dịch thơ trong cuốn thơ chữ Hán Nguyễn Du, Nxb Văn học, Hà Nội, 1965

gỡ làm chi", có khi lại biêu thi sư buồn rầu, đau khổ vì phải xa nhau "Sư đâu chưa kịp đôi hồi, Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ" v v

Có tài lỗi lạc của Nguyễn Du trong việc sử dụng tiếng Việt đã cho phép ông, trong khi sang tác một thiên trữ tình dài như Truyên Kiều, dùng một cách rất manh dan và rất sang tao những tiếng gọi là "thông tục" trong tiếng Việt mà thường những nhà Nho thời đó, trong khi làm thơ, rất dè dặt, ít khi dám dùng, trư Hồ Xuân Hương là người đã phá kỷ lục về mặt đó Bút pháp của Nguyễn Du đã chinh quy hóa hơn nữa, đã thi vi hóa những cách biểu hiên tư tưởng và tình cảm rất giản dị, mộc mạc. và rất sinh động trong dân giant a Cũng như thi hào thiên tai Ý Đăng tơ Alıjerı đã đá phá sư mê tín của người dương thời đối với chữ la tinh và thành kiến của ho đối với tiếng Ý, Nguyễn Du đã đá phá thành kiến của số đông nhà Nho thời ông đối với tiếng Việt mà ho cho là "tục tằn", "quê kệch" không diễn đat nôi những y thâm thúy, thanh tao tế nhi

Tính phong phú và sinh động của tiêng Việt, cách diễn dat vừa giản dị, vưa sâu sắc tình cảm và tư tương cua nhân dân ta đã ảnh hưởng trở lai một cách quyết đinh đến phong cách làm thơ của Nguyễn Du Rất nhiều câu thơ trong *Truyên Kiêu*, người nghe tưởng như là lấy trong kho tàng tục ngữ ca dao Việt Nam, hơn 100 năm nay đã trở thành những câu ca dao tục ngư mà những bà mẹ ở nông thôn khong biết chữ cũng thuộc lòng từ bé, và hầu như trong cảnh ngộ nào, éo le đau khổ hay khoan khoái mưng vui, người ta cung có thê tìm thây trong *Truyên Kiều* những câu thơ thích hợp với lòng mình để ngâm nga

Do đó mà từ những nhân vật trong truyên, Nguyễn Du đã tao nên những điển hình rất sinh đông

Từ Hải, người nổi lên chống triều đình, bị phe "chính thống" coi là "giặc", là "tướng cướp", về diên mao, hành đông,

sư nghiệp, tư thế, đã xuất hiện như một người hào hiệp Nguyễn Du không tả Từ Hải là một tay hảo hán cục cằn, thô bạo, tàn nhẫn, như các giai cấp thống trị và bọn viết thuê của chúng thường mô tả những lãnh tụ của phe chống lại chúng, nhất là khi mà những lãnh tụ đó đứng về phía những người áp bức, bóc lột

Qua cách Nguyễn Du sử dụng tiếng Việt trong *Truyện Kiều*, chúng ta thấy rằng ở thời Nguyễn Du, tiếng nói của dân tộc ta đã là một thứ tiếng rất giàu, rất đẹp. Trong truyện, Nguyễn Du đã dùng rất nhiều điển tích Trung Quốc và điều đó chứng tỏ rằng Nguyễn Du là nhà nho học uyên bác. Nền văn hóa vĩ đại của Trung Quốc mà Nguyễn Du tiếp thu được, đã có một tác dụng to lớn trong tác phẩm của ông Nhưng bằng tiếng nói thông thường trong nhân dân, bằng cách diễn đạt ý tứ theo kiểu Việt Nam và bằng thể thơ "sáu, tám", Nguyễn Du đã sáng tạo nghệ thuật theo kiểu Việt Nam hoàn toàn.

Tự hào về những tác phẩm như *Truyện Kiều*, chúng ta tự hào về tiếng nói của dân tộc ta, bởi vì nó là do nhân dân ta sáng tạo ra trong lao động và đấu tranh, trong thử thách và chiến thắng, bởi vì nó là một mặt của lịch sử đấu tranh lâu dài, gian khổ và quang vinh của nhân dân ta Tiếng nói đó có thể sắc bén như thanh kiếm, mũi tên, cũng có thể dịu dàng, êm ái, du dương như cung đàn, bản nhạc Nó có thể nhen lên trong lòng chúng ta chí căm thù sôi sục trước những cái vô nhân, bất nghĩa, nó cũng có thể quạt lên lò lửa của lòng nhân từ, đức độ với những cảnh đau đớn lầm than của con người Tiếng nói Việt Nam là một thể hiện của tình cảm giàu đẹp trước hết là đức tính cao cả của nhân dân ta, là tinh thần nhân đạo Nó nói lên sức sống dồi dào của dân tộc ta.

Nguyễn Du đã lĩnh hội được cái vốn tiếng Việt phong phú và những hình thức nghệ thuật dân gian hồn nhiên và đẹp đẽ trong những năm ông sống xiêu bạt ẩn náu ở nông thôn

vùng đồng bằng Bắc bô và bắc Trung bô. Tỉnh Bắc Nınh là quê mc có truyền thống lâu đời về dân ca quan ho Tỉnh Hà Tĩnh quê cha, và cả vùng Nghê Tĩnh cũng có những truyền thống lâu đời về nghê thuât hát phường vải Nhưng, yếu tố chính đã giúp cho Nguyễn Du tiếp thu môt cách nhanh chóng và thấm thía kho tàng nghê thuât dân gian ấy, đó là cảnh nghèo đói, cùng cực diễn ra hàng ngày trước mắt ông và chính bản thân ông cũng đã phải chia sé với những người chung quanh

Nguyễn Du là người đã biết sử dung và khai thác đến cao đô những khả năng phong phú của tiếng Viêt, đã đề cao tiếng Viêt, đã mở ra cho nó môt giai đoan phát triển mới và môt triển vong lớn, đã đưa nó tới môt đỉnh cao, và về căn bản gần với tiếng Việt hiên đai

Về măt này, thơ ca của Nguyễn Du đối với tiếng Viêt có môt tác dung giống như thơ ca của nhà thi hào A.X Puskın đối với tiếng Nga

Truyện Kiều là môt cuốn tiểu thuyết bằng thơ rất sâu sắc, tınh vi, với tất cả những tình tiết của môt pho tiểu thuyết, bố cuc rất chăt chẽ, nhưng vẫn đảm bảo tính thơ tuyệt diêu Khai thác triệt để những khả năng nghệ thuật của tiếng Viêt, Nguyễn Du khi viết *Truyện Kiều,* đã sử dụng thể thơ phổ biến nhất và nhân dân nhất trong văn hoc Viêt Nam, là thể thơ "sáu,tám" Ông đã lơi dung đươc thời gian đi sứ Trung Quốc để tìm hiểu sâu thêm về văn hóa và thực tế của Trung Quốc Trong các nhà thơ cổ điển Trung Quốc, Khuất Nguyên, Đỗ Phủ v v đã có ảnh hưởng lớn đối với ông Ông cũng biết thêm về sự nghiệp của những anh hùng dân tộc, những người yêu nước của Trung Quốc như Nhac Phi, ông đã lên án những tên phản quốc như Tần Cối. Sư hiểu biết sâu sắc về văn hóa Trung Quốc và sự tiếp xúc với thực tế Trung Quốc thời ây đã có ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Du. Nhưng có điều là ảnh

hướng đó đã được Nguyễn Du Việt Nam hóa một cách tinh xảo và sáng tạo

Nói rằng Nguyễn Du là một nhà thơ dân tộc vĩ đại, *Truyện Kiều* là một tác phẩm văn nghệ thiên tài, chúng ta đồng thời cũng phải thấy những chỗ bị hạn chế, những mâu thuẫn và bế tắc của Nguyễn Du

Những hạn chế của Nguyễn Du trước hết là ở tư tưởng định mệnh mà người đọc, nhất là người đọc hiện đại, luôn luôn cảm thấy nó toát ra ở *Truyện Kiều* Mở đầu truyện, Nguyễn Du đã nêu ra một định lý:

"Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau"

Và kết thúc truyện bằng một lời giáo huấn:

"Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"

Đó là mâu thuẫn trong sáng tác của Nguyễn Du Mâu thuẫn đó có cơ sở trong thực tế của Việt Nam đương thời. Thế kỷ XVIII, xã hội phong kiến Việt Nam đã đến bước suy vong, nhưng quan hệ sản xuất mới, tư bản chủ nghĩa, chưa nảy nở, có thể chỉ mới ở mức manh nha mà thôi Chưa có những giai cấp xã hội đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến cao hơn phương thức sản xuất phong kiến

Nguyễn Du phê phán, chỉ trích xã hội đương thời một cách sắc bén. Ông thấy rõ những tệ hại và thối nát của xã hội đương thời và thực tế khách quan đã đưa ông tới chỗ nhận thức rằng tất cả những tai vạ đó là do bọn thống trị và chế độ của chúng gây nên.

Ta nhận thấy rằng sau khi Kiều lấy Từ Hải, Kiều đã dựa vào thế lực của Từ để báo oán, báo ân. Nghe lời nàng, Từ đã cho đi bắt bọn trước kia đã đày đọa nàng về làm tôi Những cái đó nói lên rằng những tai ương đã xảy đến cho Kiều

không phải do một sức siêu phàm nào đinh đoạt, mà do bọn người có quyền, có thế, có tiền trong xã hội gây ra và bọn đó đáng phải đền tội ngay trên cõi đời này. Nhưng, khi cần tìm ra lối thoát, Nguyễn Du lại gặp bế tắc, và rút cục cho là tại mệnh, nghĩa là vẫn do một sức siêu phàm gì ở trên con người quyết định. Vì vậy, con đường thoát chỉ còn là ở chỗ tu tâm, ở thiên căn, ở chữ tâm.

Công bằng mà nói, Nguyễn Du không phải đã thừa nhận học thuyết về mệnh và tâm một cách dễ dàng, dứt khoát và thoải mái, mà đã qua một cuộc đấu tranh chật vật, trong đó luôn luôn ông đã để cho thực tế bắt lại tư tưởng định mệnh và học thuyết về chữ tâm mà ông đề xướng. Hình như sự thừa nhận những thuyết này đối với ông có phần gượng ép, nó nói lên rằng đó là vì ông bí thế, và nó đã làm cho tâm hồn ông đau khổ.

"Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan"

Chúng ta phải xác định rõ những hạn chế và bế tắc của Nguyễn Du, nhưng cũng không nên đòi hỏi ở ông những cái mà ông không thể có được.

Tuy Nguyễn Du chỉ trích khá mạnh xã đương thời, nhưng như thế không có nghĩa là ông chống lại trật tự phong kiến nói chung. Nhưng cái xấu, cái tệ mà ông tố cáo là do bọn cầm quyền đương thời làm sai những điều như nhân, nghĩa, lễ, chí, tín mà thánh hiền "đã dạy". Trật tự mà ông muốn chấn chỉnh qua cũng là cái trật tự theo kiểu đó, một xã hội lấy chung hiếu làm gốc.

Nguyễn Du tả cuộc gặp gỡ và tình yêu giữa Kiều và Kim Trọng bằng những nét rất đẹp. Rõ ràng ông hoàn toàn tán thành và bảo vệ mối tình đó, và qua đó, ông bênh vực quan niệm về tự do luyến ái. Nhưng, cũng chớ nên do đó mà suy diễn rằng ông là người đề xướng nam nữ bình quyền theo ý nghĩa ngày nay. Tất nhiên, điều rất đáng chú ý là Nguyễn Du, đối với thân phận của người phụ nữ, đã tỏ một tấm lòng

thương xót nồng nàn và sâu sắc Nhưng ở đây, chúng ta cũng phải thấy thực tế xã hội lúc bấy giờ Thời Nguyễn Du, cảnh người phụ nữ bị đày đoa, hất hủi, bạc đãi là rất phổ biến. Bọn quí tộc hoang dâm truy lạc, bắt bao nhiêu gái đẹp vào cung làm con hầu, tì thiếp Những tên vô lại, con nhà phong kiến, cậy thế cậy thần, tha hồ ra đường cưỡng hiếp phụ nữ, ai cưỡng lại thì chúng cắt vú, xẻo tai Những thanh niên trai tráng bị bắt đi lính, bỏ lại vợ góa con côi, không phải vì chính nghĩa, vì bảo vệ Tổ quốc chống xâm lăng, mà để làm bia đỡ mũi tên, hòn đạn cho các tập đoàn phong kiến giết hại lẫn nhau Tiếng kêu oan đã dội lên ở thế kỷ XVIII, dưới các hình thức, bằng mọi âm điệu từ *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm* đến *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* và *Thơ Hồ Xuân Hương* Dưới một chế độ phong kiến đã đến bước suy vong, phụ nữ là giới chịu đau khổ, tủi nhục hơn hết, *Hồng lâu mộng* tả sinh động số phận của những người tì thiếp a hoàn trong dinh phủ của bọn vương công Trong truyện,một sư nữ nói vì sao đám con gái như họ phải đi tu. "Đã không được thành phật, thành tiên thì kiếp sau hoa may làm con trai Như thế đã là phúc rồi, không đến nỗi như cái kiếp con gái bây giờ, bao nhiêu nỗi uất ức lo buồn, đều không thể nói ra được"

Tuy nhiên, cũng không nên nói rằng trong khi về căn bản Nguyễn Du không rời bỏ lập trường và quan điểm của giai cấp phong kiến về trật tự xã hội và cương thường luân lý phong kiến, thì về một số mặt, Nguyễn Du đã có những quan điểm hết sức mạnh dạn, vượt ra ngoài thời đại ông, đi ngược lại hệ tư tưởng của phe thống trị đương thời, ví dụ như quan niệm của ông về chữ trinh Ở các nước phương Tây, từ thời xa xưa, trong tôn giáo hoặc trong văn học, cũng đã có những tiếng nói tẩy oan cho những phụ nữ gặp cảnh đoạn trường Trong truyền thuyết của đạo Thiên chúa có Madơlen, trong văn học Pháp có Mariông Đơloócmơ, Malông Letxcô, Mácgơrít Gơchiê (tức là Trà hoa nữ). Song, những điển hình đó nói lên rằng: Một gái giang hồ, mặc dầu đã đắm đuối

trong cuộc truy hoan, nhưng nếu biết hối cải và chịu tu thân tích đức, thời cũng có thể trở lên "Bậc thánh"; hoặc không nên có thành kiến với những người tuy làm nghề buôn son bán phấn, nhưng có thể có mối tình chung thủy, chân thật đối với người tri kỷ Nguyễn Du đã đi xa hơn cái triết lý đó Ông đã đặt số phận của một người gặp phải kiếp đoạn trường trong khung cảnh số phận chung của phụ nữ

"Đau đớn thay phận đàn bà,

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"

Và ông đã đặt sự bảo vệ thân phận của phụ nữ trong khung cảnh bảo vệ nhân phẩm của con người

Một hạn chế của Nguyễn Du về mặt tư tưởng là thái độ của ông đối với phong trào nông dân nói chung, đối với phong trào Tây Sơn nói riêng, thể hiện trong *Truyện Kiều* ở đoạn nói với Từ Hải Một người như Từ Hải đã làm "đông đia kinh thiên", "rạch đôi sơn hà", đã từng "nghênh ngang một cõi biên thùy", mà rốt cục lại "đem thân bách chiến làm tôi triều đình"! Người nghe người đọc bực mình khi Nguyễn Du đặt vào miệng Kiều những lời như "Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào"

Tây Sơn ra Bắc Hà giải phóng đất nước khỏi ách ngoại xâm nhưng Nguyễn Du đã không ủng hộ phong trào Tây Sơn, mà còn chống lại Cuối cùng, Nguyễn Du ra làm quan với nhà Nguyễn

Về những sự việc đó, có nhiều uẩn khúc mà chúng ta còn cần phải tiếp tục đi sâu tìm hiểu thêm nữa Song căn cứ vào những cái gọi là bằng chứng trên giấy tờ, về hình thức thì những việc đó dù sao cũng để lại một vài vết thương trong cuộc sống của một nhà thơ đã trải qua nhiều đau khổ và đã "cố tìm cho mình một hoài bão"

Về mặt này, tư tưởng và thái độ của Nguyễn Du bị nhiều nhân tố chi phối Trước hết là hoàn cảnh lịch sử Như

đã trình bày, trình độ phát triển của Việt Nam thời Nguyễn Du chưa tao ra những điều kiên khách quan để giải quyết mâu thuẫn giữa hai cấp phong kiến và nông dân theo chiều hướng tiến lên Vì vây, những cuộc khởi nghĩa nông dân chung quy vẫn thất bai. Nếu có thắng thì rồi cũng quay về trât tự cũ, như kinh nghiêm của phong trào Tây Sơn cho thấy. Có điều là trong thưc tế, các cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất thời Lê mat, tuy cuối cùng đều thất bai, nhưng cơ hồ chưa có môt lãnh tu nông dân nào đầu hàng Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu, các tướng soái của Tây Sơn đã chết trong chiến đấu Đề cao Từ Hải, nhưng lai cho Từ Hải đầu hàng nhà vua, phải chăng đó là một bước thut lùi của Nguyễn Du so với thưc tế? Môt phong trào đã dám tấn công lên trời, đánh tan trong năm ngày 20 van binh hùng tướng mạnh của "thiên triều", lãnh tu của môt phong trào như vây, "dọc ngang nào biết trên đầu có ai", dễ ai có thể đánh lừa hoăc du ra hàng? Nguyễn du có cảm tình với nông dân, nhưng ông chưa hiểu và tin ở thế lưc của nông dân

Tình cảm của Nguyễn Du đã ngừng lại ở chỗ thông cảm sâu sắc với những thống khổ của nhân dân, và làm phát ngôn cho những người bi thống khổ đó, đồng thời tố cáo bon tai mắt trong xã hôi đã gây nên thảm kich ấy Nhờ có sư thông cảm đó, Nguyễn Du đã cho thây đươc cái đep, cái hồn nhiên, cái lành mạnh, sức sống dồi dào của những giá tri tinh thần của nhân dân. Nói môt các khác, Nguyễn Du đã tiếp thu những giá tri đó với tâm hồn của môt nghệ sĩ

Nhưng, còn sức manh của nhân dân là nhân tố đẩy tới sư phát triển của lich sử xã hôi mà những chấn đông cách mang là những biểu hiên, thì trong nhân thức của Nguyễn Du còn rất mơ hồ Ở đây, tư tưởng của Nguyễn Du cũng có chỗ bế tắc

Nguyễn Du đã có những bài đề cao những nhà yêu nước Trung Quốc. Khuất Nguyên, Nhac Phi là những nhân vât

mà ông rất khâm phục. Nhưng tại sao ông lại không dám ca tụng công lao giải phóng dân tộc của Tây Sơn? Có lẽ vì lập trường quan điểm giai cấp phong kiến lấn át đi chăng?

Trong những thế lực đã hạn chế Nguyễn Du về mặt tư tưởng, cũng nên thấy cái ách chuyên chế tàn bạo của vua nhà Nguyễn. Một tác phẩm thậm chí một bài thơ, lọt được khỏi lưới kiểm duyệt của bọn vua quan nhà Nguyễn không phải dễ. Phải thật khôn khéo, phải biết "hóa trang", thì mới mong khỏi bị tội, chứ chưa nói đến tác phẩm của mình được thấy ánh sáng.

Nhưng, dù sao, những hạn chế của Nguyễn Du trong tác phẩm *Truyện Kiều* mà chúng ta đã nêu ra ở trên, chủ yếu là do những hạn chế của những điều kiện lịch sử, do hệ ý thức và nhân sinh quan của ông mà ra.

Vì vậy, đối với Nguyễn Du và tác phẩm của ông, chúng ta cũng có thể lấy lời phê phán của Lênin đối với Liep Tônxtôi và tác phẩm của Tônxtôi để đối chiếu: *"Những mâu thuẫn trong quan điểm và trong những lời giáo huấn của Tônxtôi không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà là sự thể hiện những điều kiện mâu thuẫn nó chi phối đời sống ở Nga trong phần thứ ba cuối thế kỷ thứ XIX"*.

Nói tóm lại, *Truyện Kiều* là một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại, bất hủ, một bức tranh hiện thực tuyệt đẹp, vô cùng sinh động, về những đau khổ lầm than của nhân dân dưới chế độ phong kiến thối nát, suy tàn, đang đi vào bước diệt vong, đồng thời đó cũng là một lời phản kháng, một bản cáo trạng chống bọn thống trị đương thời. Đó là một tiếng thở dài của một tâm hồn cao cả, tiếng đập của một trái tim lớn đầy tình nhân đạo, đau xót vì số phận của con người, chân thành bảo vệ phẩm giá của con người. Nhưng để thoát khỏi cảnh địa ngục trần gian đó, Nguyễn Du đã không thấy con đường đúng đắn, bởi vì ở thời Nguyễn Du, lịch sử chưa tạo ra những điều kiện thực tế để khám phá được con đường đó.

Đối với Nguyễn Du, chúng ta cần có một sự đánh giá công bằng *Truyện Kiều* bị vướng mắc bởi tư tưởng định mệnh. *Truyện Kiều* toát ra một ấn tượng bi quan, thất vọng; đó cũng là sự thể hiện tất nhiên của những bế tắc về điều kiện lịch sử trong việc tìm ra cách giải quyết những mâu thuẫn xã hội đương thời. Tuy nhiên trong đám mây u ám của tư tưởng Nguyễn Du, cũng đã lấp ló một tia sáng nào đó, tuy rất yếu ớt, mờ nhạt, nhưng cũng nói lên rằng Nguyễn Du vẫn ấp ủ trong lòng mối hy vọng trông thấy số phận đau khổ của những nạn nhân của chế độ đương thời một ngày nào đó sẽ chấm dứt. Vả lại, cái thuyết "khổ tận cam lai" không phải xa lạ đối với triết học dân gian ta.

Nhưng, ngày đó là thế nào, bao giờ tới, và làm thế nào để nó tới? Chúng ta không thể đòi hỏi ở Nguyễn Du sự giải đáp cho những câu hỏi ấy. Nhưng, chúng ta tin rằng một tâm hồn nhân đạo như tâm hồn Nguyễn Du dù sao cũng nuôi một mối hoài vọng như vậy. Kiều đã nói lên niềm hy vọng đó khi dặn lại Thúy Vân.

"Ngày xuân em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ thay lời nước non"

Để mai kia

"Hoa tàn mà lại thêm tươi,

Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa"

Hàng trăm năm nay nhân dân Việt Nam yêu chuộng *Truyện Kiều*, hâm thích *Truyện Kiều*. Cho nên bọn đế quốc thực dân đã lợi dụng sức hấp dẫn kỳ diệu của *Truyện Kiều* đối với quần chúng để thực hiện những mục đích đen tối của chúng. Theo lệnh của thực dân Pháp trước kia và đế quốc Mỹ xâm lược ngày nay, bọn bồi bút, tay sai của chúng, đã đưa *Truyện Kiều* ra làm món hàng buôn bán. Đê hèn, bẩn thỉu nhất là chúng đã lợi dụng những nhãn hiệu "bảo tồn quốc túy, quốc hồn" để mê hoặc lòng người, bào chữa cho

giặc ngoại xâm và chế độ tàn ác, và nhân đạo của bon thực dân đế quốc, của vua quan, địa chủ phong kiến và tư sản mại bản

Chúng cũng bày trò hề "kỷ niệm" Nguyễn Du, "đề cao" Nguyễn Du, nhằm phục vụ âm mưu của bon đế quốc hòng đánh lạc hướng thanh niên và nhân dân ta

Cái mà chúng đề cao ở Nguyễn Du, ở *Truyện Kiều* là "số mệnh" là chữ "tâm", v v Mục đích của chúng rất rõ Giặc Mỹ cướp nước ta, thực dân tàn sát, vơ vét nhân dân ta, đó là "do số mệnh", cho nên phải chịu đựng, không được oán trách ai, không được chống cự, mà phải tu sửa lòng mình

Đối với thực dân Pháp và tay sai của chúng trước đây, nhân dân ta đã trả lời như thế nào? Đối với bon xâm lược Mỹ và bè lũ bù nhìn của chúng ta hiện nay, nhân dân ta cả hai miền Nam và Bắc đang trả lời như thế nào, toàn thế giới đều thấy rõ Chúng ta kỷ niệm Nguyễn Du theo tinh thần của nhân dân ta từ 35 năm nay nghĩa là khi có Đảng ta lãnh đạo, để trên đất nước ta không còn lũ cướp nước và tay sai của chúng,bon buôn dân bán nước và bôi nhọ di sản văn hóa của dân tộc ta

Trong gần 100 năm, nhân dân ta được rèn luyện trong chiến đấu, rất căm thù đối với bon cướp nước và quân bán nước Đường lối mà Nguyễn Du không tìm ra và không thể tìm ra là con đường giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, giải phóng xã hội, thì 35 năm trước đây chúng ta đã tìm ra, đó là đường lối Mác-Lênin của Đảng ta Những lực lượng để hoàn thành sự nghiệp giải phóng mà Nguyễn Du chưa nhìn thấy thì 35 năm trước đây chúng ta đã nhìn thấy, đó là công nhân nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, những lực lượng yêu nước và tiến bộ Lực lượng lãnh đạo sự nghiệp giải phóng đó và đưa nó tới thắng lợi, mà thời Nguyễn Du chưa có và chưa thể có được, thì 35 năm trước đây, chúng ta đã có đó là Đảng tiền phong của giai cấp công

nhân Hơn nữa, ngày nay chúng ta có phe xã hôi chú nghĩa, chúng ta có phong trào giải phóng dân tôc và nói chúng, phong trào cách mang thế giới.

Nhờ vậy mà ngày nay, chúng ta đã quét sach trên môt nửa đất nước tất cả những bon trong hàng thế kỷ đã reo tai hoa cho nhân dân ta, cho dân tôc ta, cũng là bon đang reo tai hoa ở vùng còn tam bi giăc chiếm ở miền Nam nước ta hiện nay và ở nhiều nước khác Nhờ vây mà măc dầu những con ác thú khát máu là giăc Mỹ xâm lươc, (so với chúng thì bon thống trị thời Nguyễn Du chỉ là một bon tập sư vung về) đang gây lên trên đất nước ta bao nhiêu tôi ác man rơ trời không dung, (so với nó thì những tai hoa mà bon thống trị thời Nguyễn Du gây ra chỉ là trò chơi tré con) nhân dân ta cả hai miền Bắc và Nam đang giáng cho chúng những đòn sấm sét để bảo vê sinh mênh, tài sản và phẩm giá của dân tôc ta, của nhân dân ta, của con người

Đức tính đep đẽ nhất của dân tôc ta là tinh thần bất khuất đã được rèn luyên trong mấy nghìn năm lich sử Kỷ niêm Nguyễn Du đối với chúng ta là phát huy cao đô tinh thần bất khuất của nhân dân ta, rèn luyện cho ta trí căm thù đối với lũ giăc Mỹ cướp nước và bon tay sai bán nước, để giành thắng lơi hoàn toàn về ta

Một đức tính nữa của nhân dân ta là tinh thần nhân đạo, là sư thông cảm, sót xa về số phân của con người, những đau khổ của người khác *Truyện Kiều* là môt sư thể hiên của mối tình đau xót đó. Có cái gì làm cho chúng ta xót xa, đau khổ bằng khi cả đất nước, cả dân tộc bi giăc xâm lươc trà đap lên, tàn xát, dôi bom, càn quét, đốt phát, gây tai hoa cho hàng triêu người. Có cái gì làm cho chúng ta đau đớn bằng khi ruôt của chúng ta bi cắt làm hai khúc, khi đất nước chúng ta bi chia sẻ làm dôi. Kỷ niêm Nguyễn Du, chúng ta phát huy tinh thần đoàn kết nhất trí trong tất cả moi người, moi tầng lớp trên đất nước ta để bắt lũ giăc Mỹ cướp nước và tay sai của

chung phải đền tội, để chóng đưa sự nghiệp chống Mỹ cứu nước thiêng liêng của chúng ta đến thắng lợi, để cho Tổ quốc sớm được thống nhất. Chúng ta càng thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu với tất cả những lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới đang đấu tranh vì những mục tiêu như chúng ta đề bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ dân chủ và hòa bình, họ cùng với chúng ta có một kẻ thù chung là đế quốc Mỹ và đang nhiệt tình ủng hộ chúng ta, vì chúng ta đang ở tuyến đầu cuộc chiến tranh của cả loài người tiến bộ. Chúng ta đang đấu tranh cho tất cả những ai trong khắp năm châu và quyền sống đang bị đế quốc Mỹ cướp mất, tiêu hủy hoặc đe doạ. Tiếng dội của cuộc đấu tranh đó vang lên từ đáy lòng của những người Mỹ bình thường, đã đưa họ đến những hành động hy sinh cao cả như anh Noman Môritxơn, anh La Poóctơ, chị Xôlin Jan Caoxki, khi châm lửa tự thiêu mình để phản đối chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, chị đã nói: "Tất cả những vấn đề trên thế giới là của tôi".

Kỷ niệm Nguyễn Du, chúng ta bồi dưỡng và phát huy cái tinh hoa những giá trị cao quý trong vốn văn hóa của dân tộc. Đó là tiếng nói của dân tộc, giàu đẹp, tế nhị mà chúng ta có trách nhiệm bồi bổ trau dồi, để nó ngày càng thêm giàu, thêm đẹp, thêm tế nhị, thêm tinh vi, để nó càng phụ vụ nhiều hơn, tốt hơn sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất Tổ quốc, để nó trở nên một công cụ có hiệu quả trong việc đẩy mạnh và hoàn thành cách mạng tư tưởng, cách mạng văn hóa và cách mạng kỹ thuật của chúng ta.

Kỷ niệm Nguyễn Du, chúng ta giữ gìn và phát huy những hình thức phong phú của nền văn học dân gian Việt Nam, một nền văn học đã đẻ ra và trưởng thành trong cuộc chiến đấu gian khổ và anh dũng của nhân dân ta chống sức thiên nhiên, chống ngoại xâm và trong cuộc đấu tranh xã hội trong mấy nghìn năm nay. Đó là của cải, là vật báu do nhân dân ta sáng tạo ra, mà ta có trách nhiệm bồi bổ để đưa nó

trở về với nhân dân, phục vụ nhân dân, phục vụ những người đang chiến đấu anh dũng trên hỏa tuyến, bảo vệ Tổ quốc, quê hương, những người trên cánh đồng hợp tác xã ngày đêm lo thâm canh tăng năng suất, những người trong các xí nghiệp, hầm mỏ, trên các đường giao thông đêm ngày lo sản xuất, đắp cầu sửa đường, những thanh niên và em bé đang chăm chỉ học tập, và tất cả là để chống Mỹ, cứu nước, để giành thắng lợi cho chúng ta, để bảo vệ phẩm giá, nhân cách, đời sống độc lập tự do và hạnh phúc cho toàn cả dân tộc ta

Chúng ta phải ra sức nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân lên, làm cho mỗi người công nhân, mỗi người nông dân tập thể, mỗi chiến sĩ sản xuất giỏi, chiến đấu anh dũng, có kỹ thuật có kiến thức khoa học, có văn hóa cao, làm cho mỗi người công dân Việt Nam là một con người phát triển toàn diện, vừa được ăn no mặc ấm, vừa có hoa hồng để thưởng thức

Để thực hiện nhiệm vụ vẻ vang đó, nền văn học nghệ thuật ưu việt của chúng ta phải bám sát, phải hết lòng hết sức phục vụ cái thực tế cách mạng vĩ đại, vô cùng phong phú và toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đang sáng tạo ra để cải tạo xã hội cải tạo thiên nhiên, giải phóng đất nước, giải phóng con người

Kỷ niệm Nguyễn Du, chúng ta ra sức đấu tranh để tiêu hủy những tàn dư của tư tưởng và hệ ý thức phong kiến còn dây dưa trong con người ta, hoặc trong đời sống xã hội ở miền Bắc nước ta. Trong hệ ý thức phong kiến, cái trở ngại nhiều hơn hết cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và trái với truyền thống đẹp đẽ của dân tộc là thiếu lòng vị tha, thiếu tinh thần hữu ái. Mỗi người chúng ta phải đau xót khi thấy nhân dân ta chưa thật được sung sướng, yên vui, chúng ta đau xót để nhận rõ trách nhiệm của ta, nâng cao nhận thức của mỗi ngành trong sự nghiệp đấu tranh để hủy bỏ những tàn dư của tình hình lạc hậu, để mỗi ngành mỗi người, tích

cực thi đua làm việc bằng hai, góp sức đẩy mạnh cách mạng tư tưởng cách mạng văn hóa, cách mạng kỹ thuật

Chung ta kỷ niệm Nguyễn Du theo tinh thần và mơ ước của Nguyễn Du là làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh, làm chu lịch sử

Để kỷ niệm xứng đáng Nguyễn Du, với ý nghĩa đầy đủ và cao quý của cuộc kỷ niệm đó, dưới lá cờ quang vinh của Đảng Lao động Việt Nam, chúng ta hãy tiến lên, tiêu diệt đế quốc Mỹ xâm lược và lũ tay sai của chúng để bảo vệ độc lập chủ quyền của dân tộc, bảo vệ nhân phẩm, bảo vệ đời sống no ấm của nhân dân miền Bắc, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU NHÀ TRÍ THỨC MIỀN NAM YÊU NƯỚC VĨ ĐẠI*

Chúng ta kỷ niêm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, mà chúng ta có thê goi là môt nhà thơ chiến sĩ, trong khi tiếng súng diệt thù đang ngày đêm vang rền trên cả hai miền Nam Bắc nước ta, giữa những tin chiến thắng đều dăn từ miền Nam rực cháy lưa tiến công và nôi dây chống giăc Mỹ và tay sai.

Nguyễn Đình Chiểu sinh ở Sài Gòn vào nưa đầu thế kỷ XIX Cụ là một nhà tho, môt nhà giáo dục, môt thầy thuôc, môt nhà bác hoc Kiến thức của cu rất rông

Nhưng, giá trị chân chính của môt nhà trí thức tiêu biểu không phải ở cái hoc vân uyên thâm, mà chủ yếu là ơ chỗ hoc thức của mình có tác dung góp phần xây dưng môt xã hôi công bằng và môt ngày mai tươi sáng cho dân, cho nước hay không Trên quan niêm đó, chúng ta có thể khẳng đinh rằng Nguyễn Đình Chiêu là môt nhà trí thức chân chính, môt nhà trí thức rất xưa mà cũng rất nay. Nói môt cach khác, môt nhà trí thức tiêu biêu cho ý chí và khí phách của dân tôc Việt Nam.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU LÀ MÔT NHÀ TRÍ THỨC YÊU NƯỚC

Sinh ra và lớn lên giữa lúc chủ nghĩa tư bản phương Tây đang ở vào giai đoạn bành trướng, thưc dân Pháp lần lươt chiếm đoat ba tỉnh miền Đông rồi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, cu đồ Chiểu không thể ngồi yên trước cảnh nhà tan nước mất Nếu không mù thì cu đã xông pha dưới mũi tên, làn đan để giết giăc, cứu nước dưới trướng đốc binh Là như

* Bài phat biểu nhân kỷ niêm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiêu 1972

Nguyễn Đình Huân, người em út của cụ. Nhưng không được! Cụ đành dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu chống kẻ thù, đền nợ nước.

Cụ ca tụng những lãnh tụ kháng chiến như Trương Định được dân cử ra và vì dân mà hy sinh anh dũng. Cụ biểu dương những nghĩa sĩ trận vong, nghĩa sĩ Cần Giuộc, nghĩa sĩ Lục tỉnh, xuất thân từ nông dân và là chủ lực quân kháng chiến.

Cụ tố cáo những thủ đoạn hung tàn của lũ quỷ trắng xâm lược và cảm thù chúng đến muốn "ăn gan cắt cổ". Cụ vạch tội bọn Việt gian bán nước như Tôn Thọ Tường, và nêu cao gương của một số ban trị giao không thèm hợp tác với giặc. Tiếng nói của cụ là tiếng nói của truyền thống bất khuất của dân tộc ta. Cũng là tiếng nói của tinh thần tiết tháo của những người trí thức Việt Nam chân chính.

Ở Nguyễn Đình Chiêu tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức bảo vệ chính nghĩa. Từ lâu, một đức tính nổi bật của con người Việt Nam nói chung, con người miền Nam nói riêng, là trọng nghĩa khinh tài mà Vân Tiên. Hớn Minh trong chuyện *Lục Vân Tiên* là những nhân vật điển hình. Cụ đồ Chiểu đã minh họa đức tính ấy trong câu:

Nhơ câu kiên ngãi bất vì,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Về quan niệm, đã là nghĩa thì chính đối lập với tà, phải đối lập với quấy. Trong đối nhân xử thế ma có thủy có chung như tiểu đồng, Tử Trực, nhất là Kiều Nguyệt Nga, đó là nghĩa. Khi quốc gia hữu sự, giặc ngoại xâm dày xéo đất nước mà kiên quyết vùng lên đánh chung, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, đó là đại nghĩa. Không thể "kiên nghĩa" mà "bất vì", trái lại, phải biến long báo nghĩa, tức là chuông lẽ phải, thành hành động dũng cảm. Nghĩa là điểm xuất phát mà cũng là điểm kết tinh của lương tri nhân dân, nó tác động trực tiếp đến tâm tư cụ Đồ Chiểu, chính nó bồi bổ và uốn

nắn, chỉnh lý lại quan điểm trung quân đơn thuần của nhà nho Văn Thiên Tường mà bài *Chính khí ca* đã được hầu như sao nguyên văn vào tập *Ngư tiều vấn đáp*

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU LÀ MỘT NHÀ TRÍ THỨC THƯƠNG DÂN

Là con một viên thư lại, cụ Đồ Chiểu thuộc gia đình sĩ phu lớp dưới. Mù lúc 26 tuổi, cụ đã dốc hai phần ba cuộc đời của mình vào nghề dạy học và làm thuốc. Sống giữa nhân dân lao động, thông cảm với hoàn cảnh cơ cực của họ, cụ không thể không thương dân, không thể không thông cảm với những đau khổ của nhân dân. Thương dân là một từ ngữ chính cụ đã khai sinh

Thương dân sao chẳng lập thân,

Để khi nắng hạ toan phần làm mưa.

Lòng thương dân đó chưa bao hàm nội dung phục vụ nhân dân, nhưng nó khác hẳn với "trạch dân"[1] (ban ơn cho dân), một quan niệm của nhà nho phong kiến.

Khi bọn thực dân thống trị và bọn bù nhìn của chúng ra tay áp bức bóc lột dân nghèo, thì mượn lời nói của ông chủ quán, cụ mắng lũ Kiết Tru tân thời là *"để dân sa hầm"*, *"khiến dân lầm than"*, *"làm dân nhọc nhằn"* và *"lằng nhằng dối dân"*. Mặt khác cụ đề cao đức tính tốt của những người lao động bình thường như Kim Liên, tiểu đồng, ông ngư, ông tiều vừa là ẩn sĩ vừa là người lao động. Thương và ghét nơi cụ, thật là đúng đắn, rõ ràng.

Hơn nữa, theo cụ, lòng thương dân còn phải thể hiện bằng hành động. Cụ hết lòng chữa bệnh, *"thấy người đau giống mình đau"* coi y dân (chữa bệnh cho dân) cũng cao quý như là y quốc (chữa bệnh cho nước). Đó là một biểu hiện của tình nhân ái cổ truyền của nhân dân ta. "Thương người như

1 Thượng trí quân, hạ trạch dân (Tam tự kinh) nghĩa là: Trên thì đưa vua lên bằng Nghiêu Thuấn, dưới thì ban ơn cho dân.

thê thương thân" Cu cho rằng người lương y phải thê hiên đưc hiếu sinh của trời đất, cu bài xích mê tín đi đoan, đồi phong bai tuc, đả kích bon lang băm, phán đối viêc cầu thầy sãi, cầu thầy pháp, cầu thần quỷ và cầu đồng bóng Ngoài giò hành nghề, cu tập trung vào sáng tác Cu cung cấp cho nông dân môt món ăn tinh thần thích hợp với khẩu vi của ho truyên *Luc Vân Tiên*

Luc Vân Tiên phỏng theo kiêu tiêu thuyết chương hồi, nhưng không phai loai truyên tiểu thuyêt tài tử mà là loai tiêu thuyêt trung hiếu, tiết nghĩa Nôi dung nhằm rèn luyên con người trải qua nhiêu gian nguy thư thách và cuôi cùng đươc hưởng hanh phúc, nghĩa là chính nghĩa phải thắng phi nghĩa, nhân nghĩa nhât đinh thắng bao tàn Nó cũng nhằm đề cao người ngay bằng cách đối lập với kẻ gian Hai khái niêm này dễ đi vào tâm khảm của người nông dân

Văn phong thì ít ta canh người mà chú trong kể chuyên Ngay đến viêc ta tình thì cũng chân phương, ngay thẳng, không mau mè đèo got như trái tim đê trên lòng bàn tay Người nông dân chất phác biểu thi tâm tư tình cảm bằng hành đông hơn là lời nói, cho nên trong mối tình đâu cua Luc Vân Tiên và Nguyêt Nga chẳng han, người đoc có suy nghĩ về tâm ly và hoàn canh cua ho thì mới xuc đông trước những lời đối thoai môc mac của hai người

Ngôn ngữ thì sinh đông, bình di từ cách xưng hô cho đến những biêt ngữ Bên canh những ca dao tuc ngữ, những đề tài dân gian, tác giả còn sư dung môt cách hào phóng những từ ngữ quen thuôc cua nông dân, càng làm giàu cho ngôn ngữ văn hoc

Về nghê thuât, *Luc Vân Tiên* có chỗ manh, chỗ yếu. Có môt điều là nó rất đươc đông đảo quần chúng thưởng thức Trong chín năm kháng chiến chống Pháp, đêm đêm trên bờ

kênh xa xăm, dưới ngon đèn leo lét, cuộc " nói thơ Vân Tiên" rất phổ biến trong nhân dân và chiến sĩ vùng giải phóng. Sau truyên *Song Tinh, Luc Vân Tiên* là tập truyên thứ hai trong văn hoc miền Nam Có lẽ không quá đáng nếu nhân đinh rằng đó là loai *Iliát* và *Ôđixê* của miền Nam

Với Nguyễn Đình Chiểu, yêu nước và thương dân gắn liền với nhau như là thước đo phẩm chất của người trí thức Bên cạnh hai tư tưởng cơ bản ấy, toàn bô tác phẩm cua cu Đồ Chiểu cũng chứa đưng những khía canh đôc dáo, sáng tao về nhiều măt mà các nhà nghiên cứu khoa hoc xã hôi, trong khi tìm tòi, có thể khám phá ra cái mới Cũng cần nói thêm rằng ý thức hê Nho giáo đóng môt dấu ấn khá sâu vào tư duy của Nguyễn Đình Chiểu Nhưng có dươc quan niêm lai do truyền thống của dân tôc ta, do thưc tế của xã hôi đương thời và cũng do môi trường sinh sống của bản thân cu

Nghĩa trong Kinh, biết đăng tình,

Chỗ hay nương lay ý mình mà suy

150 năm đã trôi qua kể từ khi Nguyễn Đình Chiểu ra đời Những cái gì lỗi thời như ảnh hưởng tiêu cưc của đao Nho dần dần bi vùi dưới lớp bui của thời gian Trái lai, những ý nghĩ cao đep của cu như tinh thần bất khuất, vai trò của nông dân, đức dũng cảm đảm dang của người phu nữ, sứ mạng của người tri thức kiên quyết chống giăc kể cả việc bất hợp tác với chúng, nhiêm vụ bài trừ văn hoá đồi truy, những cái đó mang tính chất thời sư nóng hổi Dưới ánh sáng của tư tưởng cách mang ngày nay, những ý nghĩa cao đep ấy đươc bồi đắp và phát huy trong sư nghiệp cach mạng vĩ đai của nhân dân ta.

Từ khi đặt chân lên miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ đã phạm bao nhiêu tội ác cực kỳ dã man để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới trên mọi lĩnh vực mà chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh là sự biểu hiện thâm độc và man rợ nhất. Chúng dội hàng chục triệu tấn bom đạn, thả chất độc hoa học, gây nên những tội ác trời không dung, đất không tha trên cả hai miền Nam Bắc với ý đồ diệt sinh, diệt chủng. Mỉa mai thay bọn Việt gian Nguyễn Văn Thiệu cũng bày ra kỷ niệm những danh nhân của đất nước kể cả Nguyễn Đình Chiểu, trong khi ngày đêm chúng chí tính trăm phương ngàn kế phục vụ chính sách "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ.

Thấm nhuần tư tưởng *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"*, nhân dân ta đang bước vào giai đoạn quyết liệt chống Mỹ cứu nước. Đê hỗ trợ chúng ta, tiếng nói chính nghĩa, tiếng nói căm thù của cụ Đồ Chiểu từ một thế kỷ trước như đang thét vào mặt quân cướp nước và bán nước đã và đang gây ra bao nhiêu thống khổ, tai hoạ cho nhân dân miền Nam trong chiến tranh huỷ diệt đầy tội ác của chúng.

Thứ coi trong cuộc nước non,
Bốn chúa, năm vẻ chon von đường hao
Nhảy vào trong phủ quỷ lao xao,
Sớm tôi, tối chúa, ra vào giườm nhau
Muôn dân ép nhọc mỡ dầu,
Ngày trâu khi giọt, thang sâu điền dai
Thêm bầy gian nịnh chen vai,
Gây nên mọi sự tứ ngoại lẫn trong
Đánh nhau thây bỏ đầy đồng,
Máu trôi dong vũng, non sông nhơ hình

(Ngư tiều vấn đáp)

Tất cả tình cảm quý trong tôn cao của Nguyễn Đình Chiểu từ khi giặc Pháp xâm lược, là giành cho các anh hùng dân tộc và cho đông đảo nhân dân lao đông anh dũng, kiên cường chống giặc đến cùng Đó cũng là đề tài của những áng văn thơ hiên thực nhất, xúc đông nhất, hay nhất của Nguyễn Đình Chiểu *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Thơ điếu Trương Công Đinh, Văn tế Trương Công Đinh, Thơ điếu Phan Công Tòng, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*

Những áng văn bi ấy mà rất anh hùng, áo não nhưng không bi quan, gây cho ta môt nỗi căm hờn tôt đô bon đế quốc xâm lược, chứ tuyệt đối không làm cho chúng ta sơ chúng Những áng văn ấy thế hiên tương đối đầy đủ bản chất anh hùng của dân tôc ta đương thời Tác giả là người giàu tinh thần chiến đấu chống đế quốc xâm lược Và trong hòan cảnh khó khăn nhất, tác giả giữ niềm tin tưởng rằng sẽ có ngày bon đế quốc phải cút, nước sẽ đôc lâp thống nhất, nhân dân sẽ đươc tư do

Môt trân bão rồi bờ cõi sach
Trời thu như cũ mãi không nao

(Trời bão)

Môt trân mưa nhuần rửa núi sông

(Xuc cảnh)

Ngày khác xa thư về môt mối,
Danh thơm, người tới cõi hoàng đô

(Thơ điếu Phan Công Tòng)

Sau trời thuc, Quý tan mây,
Sống trong biển lăng, mắt thầy sáng ra
Bao giờ nhật nguyệt vây gương sáng,
Bốn biển âu ca hiệp môt nhà

(Ngư tiêu vấn đap)

Nguyễn Đình Chiêu đang sống với chúng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thần thánh của nhân dân ta ngày nay

Tiếng nói chính nghĩa của cụ Đồ Chiểu là lời đáp lại tiếng gọi vang dậy núi sông của Hồ Chủ tịch trong bản *Di chúc* thiêng liêng của người

"Dù khó khăn gian khổ đến mấy nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thắng lợi. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà!"

TRUYỆN KIỀU VÀ TIẾNG VIỆT*

Trong toàn bộ di sản văn học quá khứ của Việt Nam, *Truyện Kiều* hiển nhiên là tác phẩm đặc sắc nhất, nổi tiếng nhất, xét về phương diện nội dung cũng như về giá trị nghệ thuật. Kể cũng lạ. Ở các nước nếu muốn nhớ được chút ít kiệt tác của Horáxtơ hay Viếcgin, Đăngtơ hay Pêtorac, Sếchxpia, hay Bnirôn, Coonây hay Huygo, Gơtơ hay Sinle, Putskin hay Lécmôntốp thì thời nhỏ phải được học đến một trình độ nào đó. Mà chút vốn đó rất dễ bị tiêu ma nếu như khi lớn tuổi lại rời bỏ văn chương để theo đuổi công việc khác. Trái lại, ở nước chúng tôi, thật hiếm những người dù là thất học đi nữa[1] mà lại không thuộc một vài đoạn trong kiệt tác vĩ đại *Truyện Kiều*. Có những bà vú em, những bác lao công còn đọc thầm được, từ đầu chí cuối, truyện thơ dài đến ngoài ba nghìn câu đó.

Vậy thì nhờ trường học nào mà quần chúng vốn bị bóc lột thâm tệ dưới chế độ cũ và không hề được học hành, lại có thể quen với Nguyễn Du, lại có thể học thuộc lòng *Truyện Kiều* một cách dễ dàng như vậy và hàng ngày lại có thể dẫn dụ một cách thích đáng những câu *Kiều* vào những cảnh ngộ khác nhau của cuộc đời, đến mức biến chúng thành một thứ số tử vi, đoán trước được tương lai như vậy? Chúng ta tự hỏi tại sao những người Việt Nam bình thường và thất học lại dùng *Truyện Kiều* làm kinh nhật tụng? Họ đã học *Truyện Kiều* ở đâu?

---

* Tham luận tại Đại hội Đông phương học thế giới lần thứ XXV, họp tại Mátxcơva từ ngày 9 đến ngày 16 tháng 8 năm 1960. Nguyên văn viết bằng tiếng Pháp. Nguyễn Văn Hoàn dịch ra tiếng Việt. Khi dịch, có lược bỏ một đôi đoạn và sắp xếp lại trật tự trong một vài đoạn khác.

1 Đây là nói tình hình trước cách mạng năm 1946. Ngày nay, ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nạn mù chữ đã được thanh toán.

Chúng tôi cho rằng Ho đã hoc *Truyên Kiều* ngay trong trường hoc của cuôc sống, trong trường hoc của đau khổ và hoan nan Vì thơ của Nguyễn Du chính là cuôc sống Mà cũng vì thế, nó là nhân đao

Về cốt truyên thì chả có gì đăc sắc Một đôi trai gái, "người quốc sắc, ké thiên tài" găp nhau, thề thốt yêu nhau tron đời, nhưng không thể nào cùng nhau sum hop Tai hoa giáng xuống gia đình người thiếu nữ, khiến nàng đành phải bán mình chuôc cha Đó là đầu mối số phân bi thảm của cuôc đời nàng Sau 15 năm làm gái giang hồ, nàng đã phải tư vẫn để kết liễu cuôc đời đau khổ Cái cốt truyên đo, Nguyễn Du mươn ở môt cuốn tiểu thuyêt Trung Quốc, đời Thanh, rất ít người biết đến

Trong đoan kết thúc, tác giả đã để cho Thuý Kiều găp lai và sum hop với người yêu chẳng qua là vì muốn tôn trong môt khuôn mẫu truyền thống, mỗi câu chuyên đều có hâu

Không có gì bất công, tàn nhẫn và trái đao lý hơn, trường hợp thiếu nữ đang đô tuổi xuân xanh, tài sắc tuyêt vời, xứng đáng đươc hưởng hanh phúc tron ven trên đời, lai là nan nhân vĩnh viễn của số mênh cay đắng và mù quáng, nó chà đap lên đoá hoa của thương giới, bóp nát cành thiên hương vào giữa lúc mùa xuân đương đô, bẻ gãy chiếc đàn cầm đang ngân vang kỳ diêu, làm rơi xuống bùn nhơ môt ngôi sao của bầu trời xanh thẳm

"Người khách bất hanh trong tiêc đời"[1] Ôi mỉa mai thay phải chăng đấy là kết quả sư chiếu cố của tao hoá và giáo huấn, phải chăng đấy là chung cuc của tất cả những gì tuyêt diêu, là chân, là thiên, là mỹ?

Cho nên, ngay từ đầu tác phẩm, lòng nhân đao trong nhà thi sĩ, đã kêu lên phẫn nô

" Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài, chữ mênh khéo là ghet nhau

1 N I L Gilbert (1751- 1780) *Vinh biệt cuộc đời*

Trải qua một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng!"

Và suốt tác phẩm, chúng ta luôn thấy sự đối lập giữa cái gọi là "số phận" với con người, mối mâu thuẫn không thể giải quyết nổi giữa cá nhân và xã hội, trong đó bất công, tố giác, vu khống phản bội, truy lạc, mãi dâm trở thành luật lệ Trong xã hội đó, một người càng được phú bẩm và có năng lực bao nhiêu- nghĩa là được chuẩn bị tốt để cống hiến cho sự cao cả và phồn vinh của xã hội bao nhiêu- thì càng thấy xã hội phũ phàng đối với mình bấy nhiêu Giữa xã hội đó, con người cảm thấy như thân phận " cá châu chim lồng", không phương tự vệ, vô kế khả thi

Đối với Nguyễn Du, số phận không phải là một cái gì trừu tượng mà là những con người thực với những hành động thực, nằm trong phạm vi của cuộc sống. Số phận chính là "Tất cả những gì xảy ra hàng ngày trước mắt chúng ta mà những cặp mắt vô tình không trông thấy, đó là đống bùn ghê tởm của những thói nhỏ nhen, trong đó cuộc đời chúng ta bị sa lầy, tạo thành cái bối cảnh, trong đó hàng ngày người ta thấy, đầy rẫy trên mặt đất, những con người mà trái tim đã nguội lạnh và rã rời" [1]

Số phận chính là cái hiện thực buồn thảm của xã hội phong kiến, đặc biệt trong thời suy vong của nó, mà bản thân tác giả đã sống trước khi viết ra kiệt tác của mình. Đất nước thì chia thành hai phe đối địch, thành hai quốc gia, một "Đàng ngoài", một "Đàng trong", đánh nhau hơn 100 năm, nhân dân không phút nào được yên nghỉ và bị dồn vào cảnh cơ cực đen tối Kinh tế bị tàn phá, chính sự bị suy sụp Quan tước thì mua được, các hình án, kể cả án tử hình, đều có thể dùng tiền để mua chuộc Quyền lực của nhà vua chỉ còn là một bóng ma. Việc nước lại do một bọn quan lại bất

1 Gôgôn *Những linh hồn chết*

lực, ngụp lặn trong truy lạc, điều khiển, do đó thực quyền dần dần lọt vào tay bọn ninh thần vô liêm sỉ, bọn hoạn quan và phi tần. Sự suy đồi đã làm nổ ra, ở Đàng ngoài, trong nửa đầu thế kỷ XVIII, những phong trào khởi nghĩa nông dân sôi nổi, đẩy chính quyền của chúa Trịnh xích gần hố bại vong. Đàng trong, tình hình chúa Nguyễn cũng chẳng có gì khả quan hơn.

Tình thế đó đã dẫn tới sự sụp đổ mọi rường mối của chế độ phong kiến, vào cuối thế kỷ XVIII. Cuộc cách mạng nông dân Tây Sơn đã quét sạch hai tập đoàn thống trị Đàng trong, Đàng ngoài và đè bẹp các đạo quân can thiệp Xiêm La và Mãn Thanh. Đất nước lại được thống nhất. Nhưng vì thiếu một trình độ phát triển nhất định về công nghiệp, cuộc cách mạng nông dân thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến, nên đã tạo cơ sở cho sự tái lập trật tự phong kiến, đó là nguyên nhân thất bại của phong trào Tây Sơn. Tập đoàn phong kiến cũ ở Đàng trong được bọn giáo sĩ và thương nhân Pháp giúp đỡ, đã giành được quyền chính trong toàn quốc. Quãng thời gian đầu thế kỷ XIX đã chứng kiến sự khôi phục nền chuyên chế phản động ở Việt Nam.

Chính trong thời gian này, tác phẩm Nguyễn Du đã ra đời và phản ánh cuộc sống con người trong khung cảnh của hiện thực xã hội đó.

Cũng vào thời gian này, ở châu Âu, chủ nghĩa tư bản đã hoàn tất chiến thắng và mặc dầu hết sức cố gắng trong việc tô lại ngai vàng sau khi Napôlêông sụp đổ, giai cấp quý tộc đã tỏ ra bất lực trong việc ngăn trở sự can thiệp của giai cấp tư sản vào mọi lĩnh vực đời sống của xã hội đương thời. Như vậy là ở điểm giao nhau của hai con đường lịch sử lớn - con đường của phương Đông và con đường của Phương Tây - vào đầu thế kỷ XIX, khi ở phương Tây đã bắt đầu thời kỳ toàn thắng của chủ nghĩa tư bản thì ở phương Đông, mặc dầu đã trải qua một cơn khủng hoảng gay gắt, chế độ phong kiến

vẫn còn nắm vững quyền thống trị, đến nỗi ba phần tư thế kỷ sau nữa, khi chủ nghĩa tư bản phát triển lên giai đoạn tột cùng của nó là chủ nghĩa đế quốc thì phương Đông đã trở thành nạn nhân của sự bành trướng thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây, trong hoàn cảnh mà Lênin đã nói "phương Tây đã hoàn thành cách mạng tư sản, trong khi phương Đông vẫn còn chưa chín muồi đối với các cuộc cách mạng đó"[1]

Cái nền quân chủ phản động được thiết lập nên ở Việt Nam, nhờ sự giúp đỡ của lưỡi lê ngoại quốc, đã tỏ ra khó sống nổi. Ngay từ nửa đầu thế kỷ XIX, nó đã bị lay chuyển bởi những cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân. Sự "viện trợ" của bọn phiêu lưu người Pháp đối với bọn phong kiến Đàng trong hồi thế kỷ XVIII, nhằm khôi phục chế độ chuyên chế và ngu dân Trung cổ, đến nửa thế kỷ XIX lại biến thành một cuộc xâm lược của chính quyền Napôlêông thứ III. Cuộc xâm lược đó đã hoàn thành vào cuối thế kỷ thứ XIX dưới thời Đệ tam cộng hoà, khi chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển thành chủ nghĩa đế quốc. Từ đây bắt đầu một trong những thời kỳ đen tối nhất của lịch sử Việt Nam. Một quốc gia tự do đã biến thành nô lệ. Đành rằng đến lúc đó thì Nguyễn Du đã qua đời từ lâu. Nhà thơ chưa thể biết được số phận của Tổ quốc mình hơn nửa thế kỷ sau khi tác phẩm của ông ra đời. Nhưng tất cả những nỗi oan nghiệt xưa kia đã từng đày đoạ Thuý Kiều thì giờ đây, như một tai hoạ chung, lại giáng xuống đầu cả một dân tộc bị mất quyền độc lập. Cái mà người thiếu nữ bất hạnh hình dung như một vị thần "Số mệnh" bất nhân mà thực ra không phải là cái gì khác ngoài chế độ khủng bố Trung cổ của giai cấp phong kiến phản động mù quáng- thì bây giờ lại hiện ra dưới bộ mặt gớm guốc của chủ nghĩa thực dân với chính sách tước đoạt và cướp bóc thuộc địa vô liêm sỉ, với chiếc dùi cui dập

1 Lênin *Vấn mệnh lịch sử của học thuyết Mác*, *Tuyển tập*, tập I, tr 71 Nxb Ngoại văn, Mátxcơva, 1954

lên đầu, lên cổ tất cả mọi người, với bộ luật ban xứ quy định cho dân tộc bị chinh phục những điều khoản nhục nhã. Điều trước kia chỉ dành riêng cho một số người sống cay cực thì nay đã trở thành chén rượu đắng chung cho cả một dân tộc bị trói buộc trong xiềng xích nô lệ.

Sự man rợ thực dân, về tính chất tinh vi cũng như về quy mô, đã vượt qua sự tàn bạo phong kiến. Phẩm giá dân tộc bị bôi nhọ và phỉ báng. Nhân phẩm bị chà đạp. Những quan hệ cũ về xã hội và gia đình đều bị phá hoại. Tất cả những gì cao quý và trong sạch, tất cả những gì thiêng liêng và đáng kính dưới con mắt một dân tộc đã từng có một cuộc sống riêng, một nền văn hoá độc đáo, đều bị bọn thực dân chà xát dưới chân. Đối với chúng chẳng có gì thần thánh và thiêng liêng bằng siêu lợi nhuận tích luỹ được trên mồ hôi và xương máu của dân thuộc địa. Trên đất nước Việt Nam bốn nghìn năm văn hiến bọn xâm lược cai trị bằng đạo luật của kẻ chiến thắng "Phá sạch, đốt sạch, cướp sạch", chém giết tất cả những ai chống lại chúng, phế truất ngôi vua, đào cả mồ mả, lăng tẩm vua chúa, đưa bọn bồi bếp, mã cô lên làm quan đại thần. Đó là cái mà chúng mệnh danh là "bình định", là "du nhập văn minh Tây phương" vào đất nước bị chinh phục.

Cái hiện thực từng được phản ánh trong *Truyện Kiều* cũng là hiện thực của một dân tộc bị đày đoạ dưới thời của chủ nghĩa thực dân.

"Một nhà hoàng hôn ngân ngơ,

Trong oan dây đất, ai ngờ loà mây"

Một tác phẩm nghệ thuật chỉ có thể trở thành bất tử, chỉ có thể được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, trước hết vì tác giả đã vẽ được một bức tranh có thật của đời sống, đã nói lên được sự thật một sức sống trong đó. Bức tranh đó, sự thật đó, dù hiện diện hay không, chúng ta vẫn cứ tán thưởng tất cả giá trị của nó, vẫn cứ thưởng thức tất cả hương vị của nó, vì rằng chừng nào xã hội còn chia thành

giai cấp, còn dựa trên chế độ người áp bức, bóc lột người thì những nỗi khổ đau, những niềm khát vọng của quần chúng và chủ đề cuộc đấu tranh của họ, về căn bản vẫn còn giống nhau, đó là khuynh hướng vươn tới công bằng và tự do, vươn tới cuộc sống hạnh phúc

Khi mà hậu thế - tôi muốn nói nhân dân - đã xem một tác phẩm như là người phát ngôn những tình cảm phổ thông nhất mà sâu sắc nhất của mình thì đồng thời cũng có nghĩa là họ đã đánh giá tác phẩm đó một cách dứt khoát và kiên định, đã biểu lộ lòng tôn kính vô tư và chân thành đối với thiên tài đã sáng tạo ra kiệt tác đó

Khi Nguyễn Du nêu lên sự thực buồn thảm:

"Đau đớn thay phận đàn bà,

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"

thì những con người bất hạnh trên thế gian không chỉ nghĩ đến số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến mà còn thấy ở trong đó bức tranh chân thật vẽ lên tình cảm riêng của chính bản thân họ

Một dân tộc đã từng có một quá khứ vinh quang và oanh liệt như một cây tùng, cây bách kiêu hãnh, chưa từng để cho một cơn bão táp nào của lịch sử, dù là điên cuồng nhất, làm bật gốc hay xiêu đổ, thế mà nay lại phải cúi rạp mình xuống, như một cây sậy yếu đuối, trước ý muốn của bọn ngoại xâm lược ngoại bang Đối với một dân tộc như vậy, thử hỏi còn gì là sỉ nhục hơn, đau xót hơn?

"Khi sao phong gấm rủ là?

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?"

Tác phẩm của Nguyễn Du không phải là một lời kêu van tuyệt vọng, một khúc ngâm sướt mướt trên vài ba nhận định chung chung và trừu tượng về sự tàn ác của con người hay sự bấp bênh của số phận, mà lại càng không phải sự chấp

nhặt một mo châm ngôn lý luận nhạt phèo Đấy là một bức tranh cực kỳ hiện thực của cuộc sống, trong đó nghệ sĩ đã nắm được người mẫu ở điểm sinh động nhất, nổi bật nhất, về vật chất cũng như tinh thần, rồi chỉ bằng một, hai câu thơ đã hoàn thành chân dung của nhân vật một cách tuyệt diệu, hoặc diễn tả một cách tài tình, một cảnh ngộ nhất định Các nhân vật đó là những điển hình không bao giờ già cỗi và chừng nào nhân loại còn chia thành bọn áp bức và những người bị áp bức thì các cảnh ngộ đó đều có thể thấy ở dưới khắp các bầu trời và hầu như ở khắp các thời đại lịch sử khác nhau nữa Về Nguyễn Du, ở một mức độ nhất định chúng ta có thể nói lại điều mà Victo Huygô đã nói về Hônôrê đờ Banđắc

"Một cách vô tình và dù ông ta có muốn hay không, có đồng ý hay không thì tác giả bộ sách đồ sộ này vẫn thuộc vào hàng ngũ hùng mạnh của những nhà văn cách mạng Ông ta nắm rất chắc xã hội hiện đại Từ mỗi người, ông đều rút ra được một cái gì ở những người này là một ảo tưởng, ở những người kia là một tia hy vọng, ở những người kia nữa là một chiếc mặt nạ Ông phanh phui mọi tật xấu, mổ xẻ mọi dục vọng Ông đào xới và hàn gắn con người, tâm hồn, tim gan, ruột già đầu óc, vực thẳm mà mỗi người đều mang trong mình"

Ở thời kỳ nhân dân Việt Nam còn sống dưới gót sắt của chủ nghĩa thực dân Pháp, nạn tước đoạt và phá sản của nông dân và thợ thủ công ngày càng diễn ra lớn lao và có tính chất đồng loạt, thì từ trên xuống dưới bậc thang xã hội, từ chính quyền thực dân cho đến bọn quan lại, cường hào trong các làng xã, bọn thu thuế, bọn nhân viên nhà đoan, bọn cho vay nặng lãi tất cả đều vồ lấy người nông dân, cướp giật mảnh đất cuối cùng của họ, rút từng mảnh thịt, hút từng giọt máu, khảo đả họ, đã nã thuế thân, tô tức và nợ lãi, bỏ tù họ chỉ vì một lời tố cáo vu vơ về tội nấu rượu lậu, dồn họ vào bước đường cùng phải cầm bán đồ thờ cúng

tổ tiên, thậm chí cả con cái, để mong thoát khỏi những trói buộc của nơ nần nhà nước, tóm lại là tất cả mọi tội ác mà nhà đại cách mạng Nguyễn Ái Quốc, từ cuối chiến tranh thế giới thứ nhất, đã tố cáo trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tác phẩm đầu tiên kết tội chủ nghĩa thực dân Vì vậy người nông dân Việt Nam dưới chế độ Pháp thuộc chính là người thấu hiểu hơn ai hết, tất cả những gì là đau xót, là tàn bạo trong các cảnh được tác phẩm Nguyễn Du miêu tả, chẳng hạn như cái cảnh sau đây

"Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao
Người nạch thước, kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi
Già giang một lão, một trai,
Một dây vô loại buộc hai thâm tình
Đầy nhà vang tiếng rủi xanh,
Rung rời khung cửi, tan tành gói may
Đồ tế nhuyễn, của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham!"[1]

Và để khỏi bị chết đói, người nông dân Việt Nam đã buộc phải bán chính bản thân mình cho bọn "me mìn" mộ phu cho đồn điền cao su, một lối buôn người rất phổ biến và kiếm lãi to trong thời kỳ "đặc biệt khai thác thuộc địa", sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất Việc buôn dân da vàng này, thời đó, đã được nhiều nhà văn, nhà báo Pháp mô tả Sau khi bị tước mất ruộng đất, người nông dân liền rơi ngay vào tay bọn chủ đồn điền cao su, bọn chủ mỏ, chủ xưởng máy hoặc bọn địa chủ thường kiêm luôn nghề cho vay nặng lãi Con hổ đói đứng rình mồi trong một góc rừng "Hoa vô đơn chí", người nông dân Việt Nam bị xua đuổi khỏi mảnh đất

1 Tác giả trích theo một trong những dị bản của *Truyện Kiều* (BBT)

của mình liên trở thành nông nô của bọn chúa đất hoặc nô lệ của bọn thực dân, giống hệt như số phận của nàng Kiều bạc mệnh đã phải bán mình làm gái thanh lâu, cố cựa quậy để thoát ra khỏi cửa hàng mụ Tú thì lại rơi ngay vào cửa hàng mụ Bạc

Cũng nhà hạnh viện xưa nay,

Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người

Than ôi, ở Việt Nam nạn buôn "súc vật - người" lại chỉ diễn ra vào thời thịnh trị của chủ nghĩa thực dân! Còn lâu nó mới trở thành một tàn tích của quá khứ! Ngay ở thời đại chúng ta, ở đâu ách thực dân còn đè lên đầu, lên cổ các dân tộc bị áp bức thì ở đó vận mệnh người nông dân, công nhân, cu ly đồn điền, cũng chẳng hơn gì. Tình cảnh nhân dân Việt Nam hiện nay còn sống trong địa ngục của Mỹ- Ngụy thật không có ngòi bút nào tả xiết! Tất cả những gì, mà người nông dân Việt Nam được hưởng sau thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp đều bị thu tiêu một cách tàn nhẫn. Lính tráng của Ngô Đình Diệm, được đế quốc Mỹ vũ trang, đã xua đuổi hàng vạn nông dân ra khỏi làng quê của họ, thiêu đốt nhà cửa của họ, dồn họ vào các trại tập trung, ở đó công việc khổ sai đang chờ đón họ hay để buộc họ chịu sự bóc lột vô nhân đạo của bọn chủ đồn điền cao su, đồn điền mía, bông gai. Điều đó giải thích vì sao một phong trào chống đối rộng lớn của nhân dân, cũng như những cuộc đình công của công nhân đồn điền cao su hiện nay đang bùng nổ ở miền Nam Việt Nam và đã đưa tới phong trào đồng khởi.

Đó là tất cả những gì hiện nay đang diễn ra ở miền Nam Việt Nam, nơi sáu năm nay, bọn côn đồ của đế quốc Mỹ đã gieo rắc tàn phá tang tóc, đau thương, nơi do thực hiện luật phát xít mang cái tên là "Luật 10/59", máy chém đã không ngừng hoạt động, khuấy động mối căm hờn trong tất cả những con người đã từng được giải phóng khỏi ách thực dân

lâu đời bằng một giá hi sinh vô bờ bến, để rồi nay lại phải chịu những bao tàn của một chế độ dựa trên sự nô lệ, khủng bố, phản bội và sỉ nhục quốc tế Vì vậy những tiếng kêu than của Nguyễn Du đã tìm được tiếng vang đồng cảm sâu sa, trong đáy tim của mọi người Việt Nam tha thiết với lý tưởng giải phóng miền Nam khỏi cảnh nhơ bẩn của đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm

Từ ngày Nguyễn Du viết ra kiệt tác đó đến nay, hơn một thế kỷ rưỡi trôi qua Một thế kỷ rưỡi thống trị và bành trướng của chủ nghĩa tư bản cũng là một thế kỷ rưỡi đầy rẫy đau khổ, tai ách và thảm hoa đối với nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong đó có nhân dân Việt Nam Rất có thể là dưới ánh đèn dầu lạc yếu ớt, trong phòng Văn lặng ngắt của mình, nhà thơ quý tộc, vị quan to Nguyễn Du cũng chỉ dìu dặt phím đàn theo tiếng gọi của một tâm sự đau khổ riêng tây, giống như Anphrê đờ Muýtxê đã từng gửi gắm vào màn đêm yên lặng, tiếng kêu của một mối tình tuyệt vọng

"Một mình mình biết, một mình mình hay"

Có lẽ đối tượng độc giả mà ông nhe nhắm, bất quá cũng chỉ là một nhóm hạn chế những nhà nho tế nhị và sính thơ ca, số người này ở cái thời ngu dân và thịnh quan đó, chắc cũng chưa lấy gì làm đông cho lắm Nhưng tác giả *Truyện Kiều* đâu có ngờ rằng những vần thơ nảy ra từ ngọn bút lông của ông, để than thở cho mệnh bạc những ai "trong sổ đoạn trường có tên", sau này lại có thể làm xúc động trái tim, khối óc của hàng triệu quần chúng đông đảo. Cái đặc sắc thiên tài của một nghệ sĩ chính là ở chỗ làm người con của thời đại và dù muốn hay không, dù có ý thức hay không, tác phẩm của người ấy cũng phải là một tấm gương phản chiếu thực trạng và mâu thuẫn xã hội của thời đại. Thực trạng xã hội thời Nguyễn Du, đo chỗ đất nước Việt Nam chẳng còn bao lâu nữa sẽ biến thành một thuộc địa của đế quốc, nên

lại càng đau đớn và ngột ngạt hơn đối với quần chúng đang rên xiết dưới sự bóc lột ghê gớm. Do đó không nên lấy làm lạ là Nguyễn Du sau đó đã thực sự trở thành một nhà thơ của toàn dân tộc, với ý nghĩa là người bạn, người tri kỷ và nhà thơ của những kẻ lầm than bất hạnh. Vì vậy dù Nguyễn Du không muốn thế, nhưng ông vẫn duy trì ở họ lòng căm phẫn vì tinh thần phản kháng là những nhân tố đã nhanh chóng nhen nhóm lên ý thức chính trị ở một dân tộc vốn sẵn truyền thống cách mạng to lớn như dân tộc Việt Nam.

Điều đó cũng giải thích vì sao vào khoảng sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thời kỳ các tầng lớp nhân dân thuộc địa bị bóc lột tàn tệ thì bọn tôi đòi đế quốc Pháp lại vội vã làm cái việc xuyên tạc ý nghĩa và tác dụng của tác phẩm Nguyễn Du, bằng cách nhấn mạnh và đề cao những khía cạnh non yếu, những mặt duy tâm, tiêu cực trong *truyện Kiều* như luân lý nho giáo, tư tưởng thoát ly của phật giáo, chủ nghĩa định mệnh.

Thiên tài của Nguyễn Du có ý nghĩa phổ cập rộng rãi, không phải chỉ vì *Truyện Kiều* là một bức tranh rộng lớn về hiện thực xã hội, phù hợp với nhiều thời đại mà vì ngôn ngữ của nó cực kỳ trang nhã và trong sáng, cực kỳ nên thơ, với ý nghĩa đầy đủ nhất của từ đó, mặt khác lại hết sức bình dân. Ở Nguyễn Du, giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa trữ tình có một mối liên hệ hữu cơ chặt chẽ và tôi có thể nói là cảm được, thấy được, ngay từ trong văn phong. Cái gì đã mang lại cho văn phong ấy sức mạnh hiếm có và khả năng biểu đạt đó? Đó là do nhà thơ đã biết sử dụng ca dao, tục ngữ, phương ngôn, kho tàng phong phú nhất, độc đáo nhất trong sáng tác dân gian Việt Nam. Người ta đã phát hiện ở *Truyện Kiều* có một đặc điểm hiếm thấy trong các tác phẩm cổ điển khác đó là những điển cố văn học, sử học, triết học, rất phong phú ở trong tác phẩm, chứng tỏ tác giả có một kiến thức uyên bác về Hán học - lại không hề làm cho tác phẩm trở nên tối nghĩa, nặng nề hoặc cầu kỳ, quý phái.

Trái lại, tài năng của Nguyễn Du đã tái tạo, hoà hợp chúng với lời ăn tiếng nói dân gian , tài tình tới mức biến chúng trở thành dễ hiểu đối với quần chúng và nhờ đó ngôn ngữ dân tộc trở nên mềm mại hơn, nhiều hình ảnh, nhiều màu sắc hơn Bằng cách đó, Nguyễn Du khi vận dụng kho tàng văn hóa cổ điển Trung Quốc, vẫn đem lại một tính cách, một phong thái Việt Nam thuần tuý Phần lớn những câu kiều, vì vậy, vừa được coi như phương ngôn, ngạn ngữ bình dân lại vừa được dùng làm văn liệu cho những tác phẩm vĩ đại khác Giá trị của *Truyện Kiều* là ở chỗ "phóng tác" này, hay nói đúng hơn, trong sự phối hợp tài tình kho tàng cổ điển với khẩu ngữ của nhân dân, mà nhờ đó đã nâng tiếng nói của nhân dân lên một trình độ ngôn ngữ văn học trang nhã và hài hoà nhất Trong điểm này, sở dĩ Nguyễn Du đã thành công đến trình độ bậc thầy như vậy thì phép phân tích đến cùng, chính cũng là vì - chúng tôi xin phép nhắc lại- nhà thơ đã nắm được khả năng diễn tả phong phú và kỳ lạ của ngôn ngữ nhân dân Dưới ngòi bút của Nguyễn Du, cuộc sống dần dần hiển thị trước mắt chúng ta, từng tình huống, từng hành động, từng sự việc, từng động tác của nhân vật cho đến từng cảnh thiên nhiên, đều là những bức tranh sinh động, giàu màu sắc và không bao giờ đơn điệu

Cuối cùng sở dĩ *Truyện Kiều* có tính chất dân tộc và đại chúng còn là vì nó được sáng tác bằng lục bát, một hình thức rất đặc biệt và rất phổ biến của thơ ca Việt Nam Trong thể này, chữ thứ sáu, tức là chữ cuối cùng của câu thứ nhất lại vần với chữ thứ sáu của câu thứ hai, và chữ tám, tức là chữ cuối cùng của câu thứ hai, lại vần với chữ thứ sáu của câu tiếp theo và cứ tiếp tục như thế mãi, tạo thành một chuỗi câu liên tục trong toàn bộ tập thơ Thể này không quy định độ dài của toàn bài và dễ dàng làm toát lên những đặc điểm về âm thanh của tiếng nói Việt Nam rất giàu chất nhạc, thế đó cũng chính là những hình thức thích hợp nhất, hoàn hảo nhất để phục vụ trí nhớ bằng thính giác của quần chúng

Cho nên, ở nước chúng tôi dù bất cứ ai dù thất học nên không đọc được tác phẩm, vẫn có thể, chỉ nghe người khác đọc, nhất là nghe người khác ngâm là có thể nhớ được từng tập thơ mà không gặp khó khăn gì lớn lắm. Cũng vì vậy mà ở nước chúng tôi, bất kỳ ai, cũng có thể làm một đôi câu ca dao, có khi cả từng bài thơ hoàn chỉnh, giống như những người xâm rong, con cháu của những nghệ nhân hát rong anh hùng ca xưa kia, anh em của Djămbun và Xulimăn Xtanxki[1] ngay cả những gái trai thôn quê, trong những dịp hội hè cổ truyền, vẫn ứng khẩu tại chỗ, những bài hát vi đối đáp nhau.

Truyện Kiều là tác phẩm yêu thích của nhân dân nước chúng tôi trong suốt gần 100 năm bị giam hãm dưới ách hà khắc của chủ nghĩa thực dân, vì rằng không người nào có thể vượt Nguyễn Du trong việc biểu hiện những nỗi đau khổ của nhân loại dưới chế độ chuyên chế và tàn bạo bằng một hình thức có nghệ thuật và bằng một giọng tha thiết cảm động đến thế.

Tấm hồn cao cả của nhà thơ vĩ đại luôn luôn phẫn nộ, quật khởi trước những bất công, hèn hạ, tàn bạo, sai trái, gian dối, vụ lợi và chân thành thông cảm với nỗi đau khổ của những nạn nhân của các tệ nạn xấu xa đó. Mặc dầu tác phẩm cũng chứa đựng một số nhược điểm do nguồn gốc giai cấp xuất thân và do những hạn chế của lịch sử. Nguyễn Du vẫn luôn luôn đứng về phía những người xấu số trên trái đất.

---

1 Hai nghệ nhân nổi tiếng thuộc các dân tộc thiểu số Liên Xô.

CHUẨN HÓA TIẾNG NÓI CỦA DÂN TỘC LÀ MỘT VẤN ĐỀ CỰC KỲ QUAN TRỌNG*

Chuẩn hóa tiếng nói của một dân tộc là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Nó là một quy luật nằm trong những quy luật phát triển của xã hội loài người. Mỗi một giai đoạn trong xã hội có những biến động lớn, đưa vận mệnh đất nước tiến lên một bước, thì tiếng nói của dân tộc phải được cải tiến, chỉnh lí bổ sung hoàn chỉnh, không kể tiếng nói ấy đã thống nhất từ bao giờ.

Như vậy, chuẩn hóa tiếng nói có nghĩa là nó phải thích nghi và đáp ứng những nhu cầu phát triển xã hội về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật và quốc phòng.

Nói như thế không có nghĩa là tiếng nói chỉ biết thích nghi theo những đòi hỏi của xã hội, mà không có vai trò chủ động. Chắc các bạn còn nhớ câu chuyện cổ tích *"Cái lưỡi của Êđốp"* (Les langues d'Oesope). Tính biện chứng của tiếng nói là, một mặt nó phản ánh tư duy và tình cảm của con người, nhưng mặt khác, nó tác động lại đến tình cảm và tư duy. Tác động trong nhiều trường hợp có tính chất quyết định. Chính ở chỗ này khoa học phát huy tính tác dụng của nó. Nhưng muốn có tác dụng như vậy thì nó phải chuẩn mực hóa - từ cho ra từ, câu cho ra câu để khỏi làm lẫn cái no với cái kia.

Lao động và tiếng nói là hai nhân tố cơ bản sáng tạo ra loài người, sáng tạo ra lịch sử. Sức mạnh tiếng nói của một dân tộc là biểu trưng sức sống của dân tộc ấy. Tiếng Việt là một chứng minh sáng ngời.

Sự phát triển của tiếng nói dựa trên cơ sở - *dân tộc* và *quốc tế*. Dân tộc, bởi vì tiếng nói dân tộc là của riêng một

---

* Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*

dân tộc, mang trong nó bản lĩnh và sắc thái riêng của dân tộc Quốc tế, bởi vì trong quá trình phát triển của lịch sử thế giới, sự giao lưu văn hóa là một nhân tố rất quan trọng Sự giao lưu ấy có khi tự phát, có lúc tự giác, lúc ép buộc, có khi tự nguyện Dù bằng cách này hay bằng cách khác, tùy bối cảnh lịch sử, giao lưu văn hóa là một thực tế khách quan và một quy luật tất yếu Không một ngôn ngữ dân tộc nào từ khi sinh ra cho đến ngày nay, có thể giữ được toàn vẹn trạng thái nguyên thủy của nó về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ngữ nghĩa Phải có những thay đổi, bổ sung, chỉnh lí, do tác động của những biến đổi trong đời sống của chính dân tộc và do tác động của giao lưu văn hóa, nhất là trong thời hiện đại, lịch sử của mỗi một dân tộc gắn bó chặt chẽ với lịch sử thế giới, khi mà sự tồn vong của mỗi dân tộc có ảnh hưởng đến sự thịnh suy của dân tộc khác

Cái làm cho ngôn ngữ dân tộc ta có sức sống mãnh liệt, bền bỉ và dẻo dai, đó là tinh thần, là sắc thái, là phong cách riêng và cá tính của ngôn ngữ, nó như một tảng đá khắc sâu tâm hồn và bản lĩnh của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã tạo nên bản anh hùng ca dựng nước và giữ nước trong bốn nghìn năm, mà mỗi một thắng lợi giành được là từ trong chiến đấu, luôn luôn với sức mình là chính

Như trên đã nói, quy luật phát triển chung của ngôn ngữ là dựa trên hai cơ sở - *dân tộc* và *quốc tế* Như vậy không có nghĩa là trong tất cả mọi trường hợp, đối với bất cứ ngôn ngữ nào, hai cơ sở ấy đều có một tác dụng ngang nhau, cân bằng nhau Là vì ngôn ngữ dân tộc xuất hiện với sự hình thành của dân tộc Không có một khuôn mẫu, một mô thức duy nhất cho sự hình thành các dân tộc Sự hình thành ấy là do những điều kiện lịch sử, xã hội, địa lý, không gian và thời gian quyết định

Dân tộc Việt Nam hình thành rất sớm, mặc dầu thành phần của nó là đa dạng Trước Công nguyên nó đã thống

nhất, cho nên tiếng nói của đân tôc đã thống nhất rất sớm Tính thống nhất đó dã trải qua hàng nghìn năm thử thách, trước sức ép ghê gớm của xâm lươc ngoai bang hùng manh nhất ở châu Á

Một điều kỳ diêu trong lich sử đã diễn ra Sức ép và sức đe dọa của quân xâm lươc phương Bắc ngày càng tăng và càng khủng khiếp, thì sư lớn lên cả về thế và lực, cả về chính tri và trí tuê, tình đoàn kết và sư thống nhất của dân tôc ta ngày càng tăng

Trong mấy nghìn năm, vô vàn biến thiên đã diễn ra, đời sống của dân tôc đã trải qua nhiều phen vât đôi sao dời Nhưng diễn biến ấy không thể ảnh hưởng tới cá tính của tiếng nói dân tôc Nó đã luôn luôn tiếp thu những yếu tố ngoai lai, nhưng không phải với thái độ tiêu cực, bi đông, mà với tinh thần tích cực, sáng tao, nó làm cho tiếng nói của dân tôc càng phong phú, tinh vi, nó phát huy những nét đăc sắc ưu viêt của nó, càng bồi đắp cho tinh thần, phong cách và cá tính của nó Bởi vì lối tiếp thu như thế phái phuc tùng tinh thần đôc lâp tư chủ của dân tôc về chính tri và văn hóa tư tưởng

Chúng ta nên có môt nhân thức sâu sắc và đầy đủ về con đường phát triển của tiếng Viêt từ xưa đến nay đê xác minh cho rõ chuẩn hoá tiếng Viêt về chính tả và thuât ngữ để đáp ứng yêu cầu cơ bản là giữ gìn sư trong sáng của tiếng Viêt Về muc tiêu và nguyên tắc, có lẽ chúng ta đều nhất trí, nhưng về cách làm, phái bàn bac kỹ Đó là muc tiêu của Hôi nghị này

Một điều tôi xin lưu ý các ban, tiếng Viêt là ngôn ngữ có tính chất khác với ngôn ngữ Ân-Âu

Những khái niêm như từ nguyên hoc, hình thái hoc, v v là những thành tưu của ngôn ngữ hoc hiên đai, không phải ta không cần chú ý, nếu ta không muốn hiên đai hóa, chuẩn mực hóa tiếng Viêt Nhưng vấn đề là chúng ta cần vân dung nó thế

nào cho đúng lúc, đúng chỗ cho thích hợp với tinh thần và cấu trúc chung của tiếng Việt, nếu không, vô hình chung chúng ta sẽ bị lôi kéo vào quỹ đạo của hệ thống ngôn ngữ Ấn-Âu.

Nhân đây, tôi xin nêu lên vài trường hợp, chung quanh những vấn đề, mà trong Hội nghị các đại biểu cũng đã trao đổi ý kiến. Tiếng Việt có đặc điểm là lời ít mà nghĩa nhiều. Ý nghĩa và vị trí ngữ pháp của mỗi từ là tùy theo ý chung của cả câu. Ví dụ hai từ "*cha anh*" nếu nói với ai, và trong một trường hợp cụ thể như "*cha anh con khóc mành*" thì đó là *người cha của anh*, của người đối thoại. Nhưng nếu nói "Phải giáo dục thế hệ thanh niên thiếu niên thành những người xứng đáng kế tục sự nghiệp của *cha anh*, thì ai mà lại không biết rằng "*cha anh*" ở đây là chỉ những người đi trước.

Tôi nghĩ rằng người trước đã hiểu như vậy, chúng ta bây giờ cũng hiểu như vậy, và người sau cũng vẫn hiểu như vậy, hà tất phải đặt một dấu nối trong trường hợp này và không đặt dấu nối trong trường hợp khác, làm thêm rối trí và gây khó khăn cho thợ nhà in.

Một trường hợp khác. Chúng ta đều biết, trong tiếng Việt tỷ lệ từ gốc Hán khá cao. Nhưng không phải vì thế mà tiếng Việt mất sắc thái và cá tính riêng của nó, biến thành một thứ tiếng nói lai căng hay chỉ là một thứ tiếng Hán bị xuyên tạc. Hoàn toàn không phải như vậy. Bởi vì, việc cưỡng bức du nhập tiếng Hán vào Việt Nam trong thời Bắc thuộc là một việc, còn nhân dân ta sử dụng nó như thế nào, và vì sao phải sử dụng nó và ở mức độ nào lại là một việc khác. Một vài ví dụ tôi xin nêu ra ở dưới đây có lẽ sẽ cho chúng ta thấy sự khác nhau đó. Đó chỉ những việc, những vật mà tiếng Việt thiếu từ, nên phải dùng từ gốc Hán. Nhưng cũng có rất nhiều trường hợp ta dùng cả từ Hán gốc Việt. Như hai câu trong *Truyện Kiều*: "Chênh vênh bóng *nguyệt* xế mành" và "Bóng *trăng* đã xế hoa lê lại gần". Rõ ràng ở đây, không có quan hệ gì với cái gọi là "lường khả", mà ở đây là

sư vận dụng tài tình, độc đáo và sáng tạo vào tiếng Việt. Đó là trong ngôn ngữ văn chương. Trong ngôn ngữ dân gian cũng vậy. Như trường hợp "nước, phân, cần, giống" - để chỉ rõ trật tự ưu tiên, người nông dân Việt Nam thủa xưa tuy nói chung mù chữ, nhưng đã manh dan nói nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống, chứ không nói một nước, hai phân, ba cần, bốn giống, bởi vì nếu nói như vậy thì thành ra chỉ nói về số lương, hoặc mức độ của tình cảm, như trong câu hát giao duyên *một thương tóc bó đuôi gà, hai thương ăn nói mặn mà có duyên*, v v...

Một vấn đề rất quan trọng trong công việc chuẩn mực hóa là vấn đề phát âm. Tôi thấy trong vấn đề đó có hai mặt chúng ta cần chú ý. một là, một số sai lệch trong khi nói có thể đưa tới sự lẫn lộn giữa từ nọ với từ kia, chẳng qua do thói quen lâu đời của nhân dân vùng này hay vùng kia, khi nói thì không có hại, nhưng khi viết thì có thể xuyên tạc lời nói của mình. Như ở Bắc, còn lẫn lộn *l* với *n*, *x* và *s*, *tr* và *ch*, *r* và *d*, ở Trung và Nam, vần cuối *n* và *ng*, *c* và *t*, *it* và *ích*, *iêu* và *ưu*, v v.

Mặt thứ hai là cách phát âm một số từ quá cổ ở một số địa phương như *trâu* thì gọi là *tru* (trong khi đó *tru* cũng có nghĩa khác như *kêu tru tréo* theo nghĩa ầm ĩ om sòm), *vợ chồng* thì *gấy*, *nhôông*, *lúa* thì *ló*, *ruộng* thì *roong*, v v. Tôi nghĩ đó là những thói quen của một địa phương nhất định và hạn chế trong một lĩnh vực nhất định của lao động đời sống. Trong khi họ gọi *trâu* là *tru*, *ruộng* là *roong*, thì họ vẫn nói được *câu cá*, chứ không nói "*cu cá*", họ nói được *chuồng gà chuồng lợn*, chứ không nói *choòng gà choòng lợn*. Cho nên sửa đổi những thói quen đó không khó lắm.

Nhưng nó là chuẩn mực hóa về chính tả, để viết. Nhất thiết phải theo cách phát âm mà chữ quốc ngữ đã quy định và được xã hội chấp nhận như là mẫu mực chung cho cả nước để học và sử dụng tiếng nói của dân tộc từ trên ghế nhà trường cho đến ngoài xã hội.

Còn những chuẩn mực về âm thanh, âm điệu, giọng, thì ở ta không những trong lúc này, mà nói chung, là không đặt ra. Ở ta khác với các nước tư bản. Như ở Pháp, giọng nói của dân thủ đô Pa-ri (accent-parisien) về mặt thanh tao hấp dẫn được coi như là chuẩn mực. Tuy vậy mặc lòng, cho đến ngày nay vùng Mác-xây, Provence, Gascogne, Asvoie, Bretagne, vẫn giữ giọng nói riêng của địa phương. Chuẩn mực hóa cách đó chỉ có ý nghĩa về mặt xã giao trong xã hội tư sản, không ảnh hưởng gì đến giá trị tư tại của tiếng nói dân tộc.

Ở ta thì giọng nói của miền Bắc, của miền Trung, của miền Nam đều là giọng nói chung của cả dân tộc Việt Nam. Giọng nói của người dân thủ đô Hà Nội thanh nhã, ngọt ngào, giọng nói của dân Huế trìu mến, dịu dàng; giọng nói của dân Nam Bộ, của thành phố Hồ Chí Minh ấm áp, cương trực.

Cũng như cách nói của mỗi nơi là do thực tế lịch sử và đời sống quyết định. Giọng nói của từng gia đình nảy sinh từ những điều kiện lao động, chiến đấu và sinh hoạt của nhân dân địa phương quyết định.

Nhưng dù giọng nói có khác nhau ít nhiều, nhân dân cả ba miền từ ngàn xưa cho đến nay vẫn hiểu nhau hoàn toàn, bởi vì họ được bồi dưỡng bởi ba mạch máu trong cơ thể của dân tộc - đó là chí khí anh hùng bất khuất, lòng nhân ái, tình đồng bào ruột thịt và óc thông minh sáng tạo tuyệt vời. Giọng nói của đồng bào Bắc, Trung, Nam vẫn là giọng nói thống nhất của dân tộc Việt Nam là ở chỗ ấy.

Và một vấn đề chi tiết, như viết tắt, viết hoa, tôi nghĩ rằng, nếu ta muốn nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của một sự kiện nào đó đã diễn ra ở một thời điểm nào đó, như ngày 19 tháng Tám, ngày 2/9, thì nhất định phải chỉnh tề, không nên viết tắt, như mùng hai tháng chín năm 1945, còn khi chúng ta chỉ nhắc lại hoặc ghi lại để nhớ thì viết tắt (19/8/45, 2/9/1945) là việc bình thường.

Còn viết hoa, tên người hoặc tên đia phương, tôi cho rằng ta nên giữ cách viết như bây giờ, nó cũng đã đươc phổ biến rông rãi viết hoa tất cả tên người và tên đia phương

Về thuật ngữ, tôi xin lưu ý vài điểm sau đây

Nói chung là, nên sớm xóa bỏ sư khác nhau trong việc phiên âm giữa các ngành khoa hoc, cố gắng giữ lai những cái nhân dân ta đã quen dùng, về khoa hoc kỹ thuật và khoa hoc xã hôi, cũng như về danh nhân, đia danh của nước ngoài, ta muốn vân dung một cách cứng nhắc nguyên tắc phát âm của tiếng nước ngoài, mà đổi Nam Tư thành I-u-go-xla-vi-a, Kim Nhật Thành thành Kim-Ơi-Shêng, Mao Trach Đông đổi thành Mao-Txê-tung, thì thật là không nên

Mặt khác, ta cũng nên tìm cách bỏ một số vấn đề không hợp lí, có tính chất tùy tiên trong khi phiên âm tiếng nước ngoài - như Giơnevơ hoặc Giơneo, hay là Mátxcơva, Bơrêgiơniép, Xuxlốp, v v và một số từ thuộc các ngành khoa hoc kỹ thuật thường phiên âm mỗi nơi một khác, tùy theo ảnh hưởng của một thứ tiếng nước ngoài đối với từng vùng.

Vấn đề thuật ngữ, muốn đat đươc kết quả là đáp ứng nhu cầu của cách mang ta trong giai đoan hiên đai, phải dưa trên ba tính. dân tộc, khoa hoc, đai chúng (tức là phổ cập) Ba tính ấy là *tổng thể*

Muốn có một hệ thống thuật ngữ tương đối chính xác, về mặt hình thức cũng như nội dung, một điều kiên tiên quyết là phải cải tiến chữ quốc ngữ, hoặc chuẩn bi bước đầu cho việc cải tiến Cải tiến đến mức nào, như thế nào, trên cơ sở nào, vì lí do gì mà phải cải tiến đó là những vấn đề đặt ra để chúng ta suy nghĩ Một nguyên tắc cần đặc biệt chú ý là không nên gây khó khăn rắc rối cho hoc sinh và nhân dân lao đông

Vấn đề quan trong thứ hai là muốn cho người nghe, người đoc hiểu thuật ngữ nói lên cái gì, thì các ngành phải có một

quyển từ điển thuật ngữ phổ thông Nếu trong một bài giảng hay một bài văn, nói đến "tự nguyên học", "ngữ âm học", "tiến hoa luận", 'thuyết di truyền", "nhất nguyên luận", "thực chất và hiện tượng", v v mà người nghe hoặc người đọc chưa có một khái niệm sơ đẳng về những luận và những thuyết tuôn ra, thì kết quả sẽ rất có hạn Cho nên việc xuất bản những cuốn từ điển thuật ngữ chuyên ngành là rất cần thiết và cấp bách Đó là những quyển từ điển mở đầu, và phải có tính chất phổ cập, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không làm một cách thận trọng, không cần chuẩn bị chu đáo Trái lại, nó đòi hỏi ở chúng ta, những người có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công trình ấy một tinh thần trách nhiệm cao

Hội nghị của chúng ta là một sự cố gắng để các nhà ngôn ngữ học, những cán bộ có trách nhiệm chỉ đạo việc giảng dạy tiếng Việt trong các trường, cũng như các đồng chí có trách nhiệm về công tác văn hóa, văn học nghệ thuật, báo chí v v

Đây không phải là lần đầu tiên, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, chúng ta triệu tập một cuộc Hội nghị như thế này, mà mục tiêu là cùng nhau bàn bạc một số vấn đề có liên quan đến mục tiêu mà đất nước đặt ra từ sau Cách mạng tháng Tám thành công, và chúng ta cũng đã cố gắng nghiên cứu trong quá trình hơn hai chục năm nay, dưới hình thức này hay hình thức khác

Tôi xin nhắc lại là, trước Hội nghị này, cũng đã có những Hội nghị tương tự được tổ chức ở miền Bắc, ở Huế, trong đó những vấn đề này cũng đã sơ bộ đề cập tới

Vấn đề đặt ra hiện nay là vấn đề tiêu chuẩn hóa tiếng Việt có phải là vấn đề quan trọng và cấp bách hay không, và trên cơ sở nào, lấy gì làm căn cứ để tiêu chuẩn hóa tiếng Việt? Chắc các vị và các đồng chí vẫn còn nhớ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công và nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, lần đầu tiên trong lịch sử, tiếng nói của dân tộc trở thành ngôn ngữ chính thống của cả nước

Đó là một thành tựu vĩ đại của Cách mạng Việt Nam mà chúng ta có quyền tự hào, vì rằng Việt Nam là nước thuộc địa đầu tiên tự giải phóng lấy mình khỏi xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc, dân tộc Việt Nam lại có tiếng nói riêng của mình, một thứ ngôn ngữ đã vượt qua thử thách của thời gian, mà bọn xâm lược, xưa và nay, từ bọn phong kiến sô vanh nước lớn xưa kia cũng như bọn thực dân cũ và mới, không tiêu diệt nổi, thậm chí không thể làm suy vi, thoái hóa

Tôi đồng ý với ý kiến của những đồng chí đã phát biểu tại Hội nghị rằng vấn đề đặt ra cho chúng ta không phải là thống nhất tiếng Việt, bởi vì bản thân tiếng Việt đã thống nhất từ xưa, ngay trước khi ta bị bọn phong kiến phương Bắc đô hộ

Trong một nghìn năm Bắc thuộc nhân dân ta không bao giờ chịu để cho chúng đồng hóa mình Việc đồng hóa là bắt đầu với sự thủ tiêu tiếng nói của dân tộc Một trăm năm bị bọn đế quốc thống trị cũng không làm cho ngôn ngữ dân tộc bị mai một.

Hơn bao giờ hết, sức sống kiên cường, bất khuất của tiếng nói dân tộc là sự biểu hiện hiên ngang sức sống dân tộc Nhờ giữ được tiếng nói của mình, mà dân tộc ta trong 4 000 năm, bất chấp những thủ đoạn thống trị tàn ác, dã man và ngu dân của giặc cướp nước, luôn luôn xây dựng được mối tình đoàn kết, nghĩa đồng bào, tình thủy chung, lòng nhân ái, đùm bọc nhau và đã đánh bại chúng.

Nói tóm lại, không phải chúng ta đặt ra vấn đề thống nhất tiếng Việt. Lời chỉ giáo của Hồ Chủ tịch rằng, chúng ta phải tự hào về tiếng nói của dân tộc, và phải hết sức trân trọng nó, mà sự biểu hiện cao nhất là *giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*

Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

Đó là chuẩn mực hóa Nhưng chuẩn mực hóa thế nào? Đối

với ngôn ngữ, chuẩn mực hóa khác với chuẩn mực hóa ở các ngành khác, ví dụ như trong các ngành khoa học kỹ thuật. Trong vấn đề chuẩn mực hóa ngôn ngữ, ngoài yếu tố học thuật, khoa học ra, còn có yếu tố tâm lý, thói quen, lịch sử, tư tưởng, chính trị. Bởi vì ngôn ngữ là công cụ biểu đạt và trao đổi với nhau về ý nghĩa và tình cảm giữa những người trong một cộng đồng dân tộc đã có một nếp sống văn minh, có tổ chức.

Bởi vì ý nghĩa và tình cảm là do hành động thực tiễn, xuất phát từ hành động thực tiễn và đưa tới hành động thực tiễn có ý thức. Hành động thực tiễn trong xã hội ta ngày nay là thực tế vô cùng phong phú và sống động của hàng chục triệu con người, nam, phụ, lão, ấu, trí thức, công nhân, nông dân, thanh niên, học sinh, đồng bào đa số và thiểu số, những con người đang làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh mình, nghĩa là những con người phải trở nên thông thái, vì có trí thức thì mới tăng cường sức sáng tạo, mới có tài năng rời non lấp biển, góp sức làm cho dân giầu, nước mạnh, xây dựng cuộc đời ấm no, hạnh phúc.

Đối với ngôn ngữ, vấn đề đặt ra hiện nay cho chúng ta là *chuẩn hoá về chính tả* và *xây dựng thuật ngữ*. Vì sao lại chính tả?

Là vì hiện nay, trong cả nước, toàn dân đi học mà học bằng tiếng Việt. Như vậy nghĩa là tiếng Việt phải vừa trong sáng, vừa chính xác. Muốn trong sáng thì phải chính xác. Có chính xác mới phát huy tính trong sáng. Sự phát triển của tiếng Việt hiện đại bao gồm những tính chất mà chúng ta thường nhắc tới *dân tộc, khoa học, đại chúng*.

Như vậy, chúng ta cần trao đổi với nhau xem mục tiêu đề ra cho cuộc họp này có phải chuẩn hóa chính tả tiếng Việt, và kèm theo là vấn đề thuật ngữ, như là phương pháp quan trọng và cần thiết hay không.

Chúng ta không phải không ý thức rằng, đó là một công việc khó khăn phức tạp. Vì khó cho nên chúng ta mới tổ chức

các cuộc gặp gỡ, để cùng nhau trao đổi ý kiến, vì chỉ có trí tuệ tập thể, sự cố gắng và sự suy nghĩ của đông đảo những người thông thạo về vấn đề này, những người mà hoạt động có quan hệ nhiều hoặc ít, trực tiếp hoặc gián tiếp và những người quan tâm đến vấn đề

Chúng ta cũng có ít nhiều cơ sở để hy vọng rằng, sự tích cực trao đổi ý kiến, đề xuất vấn đề như chúng ta đã làm, sẽ mang lại những kết quả sơ bộ, sự nhất trí bước đầu về những chủ trương và phương pháp, không phải như là những chỉ thị, quy tắc từ trên đưa xuống, mà là những nguyên tắc, có tính chất hướng dẫn Trên cơ sở của những nguyên tắc ấy, những bộ phận có trách nhiệm sẽ xây dựng một chương trình và kế hoạch làm việc cụ thể, và chúng ta sẽ tiếp tục cùng nhau bàn bạc

Chúng ta còn có một cơ sở thứ hai nữa, là trong hơn 20 năm qua, sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng và bước đầu đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo tinh thần chỉ thị của Hồ Chủ tịch, và trước nhiệm vụ nặng nề vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, các giới khoa học và giáo dục miền Bắc đã tích cực hoạt động theo phương hướng bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, đã bắt đầu đi vào công tác chuẩn hóa tiếng Việt, chính tả và việc xây dựng thuật ngữ được đẩy mạnh và có những kết quả bước đầu

Trong lúc đó, các giới khoa học và giáo dục miền Nam, trong đó nhiều vị lão thành có mặt trong Hội nghị này cũng đã hoạt động tích cực, đã có nhiều tác phẩm, và cũng đã tích lũy được những kinh nghiệm quý báu, mặc dầu đồng bào miền Nam sống dưới ách kìm kẹp của Mỹ ngụy

Lòng yêu nước và ý thức bảo vệ tiếng Việt của anh chị em trí thức miền Nam đã vượt sông Bến Hải, đoàn kết với các nhà ngôn ngữ học và các nhà giáo dục Bắc Nam trong nỗi lo lắng chung cho tiền đồ của dân tộc

Từ hơn ba mươi năm nay, lịch sử dân tộc đã giở sang một trang mới. Chúng ta sẽ bước sang một giai đoạn mới. Trong đời sống của nhân dân ta đang diễn ra những chuyển biến sâu sắc. Các mặt trong đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa của nhân dân ta đang có những bước tiến để đáp ứng với nhu cầu của cuộc sống mới. Đương nhiên, tiếng Việt là một trong những ngành phải nhân thức sâu sắc những bước tiến lớn đó.

Những thành tựu mà ngành ngôn ngữ học miền Bắc cũng như ở miền Nam, đã giành được trong một phần tư thế kỷ trước đây là quý. Nhưng dù sao, đó là một thời kỳ mà sự phát triển của ngôn ngữ ở mỗi miền, bên cạnh những sự nỗ lực chủ quan của các giới khoa học, có những trở ngại khách quan và những hạn chế nhất định. Điều đó cũng dễ hiểu. Ở miền Bắc, đường lối và chính sách văn hóa giáo dục của Đảng và Chính phủ rõ ràng, công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy trong các trường học từ cấp I cho đến đại học tiến hành bằng tiếng Việt, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành có quan hệ đến việc nghiên cứu và sử dụng tiếng Việt, sự hoạt động đồng bộ của các giới ngôn ngữ học có sự chỉ đạo chung, đó là những nhân tố thuận lợi đẩy mạnh sự phát triển của tiếng Việt. Các giới ngôn ngữ học đi sát với những đòi hỏi của nhân dân và của cách mạng, nhờ vậy mà có một nhận thức và thái độ đúng đắn đối với những vấn đề cơ bản mà nền ngôn ngữ học thế giới đặt ra.

Tất cả những nhân tố ấy đã đưa tới những kết quả bước đầu, thể hiện trong một loạt công trình về chính tả, thuật ngữ, ngữ pháp, từ điển, lịch sử tiếng Việt, v.v... có tác dụng đẩy tiếng Việt tiến lên một bước và có tiếng vang trong trường quốc tế.

Nhưng không phải không có những khó khăn. Đó là những trở ngại lớn mà cuộc chiến tranh xâm lược man rợ, có tính chất hủy diệt do đế quốc Mỹ gây ra, ngăn cản và phá hoại sự nghiệp xây dựng đất nước của chúng ta nói chung, sự

nghiệp phát triển văn hóa giáo dục trong đó có ngành ngôn ngữ học nói riêng

Các nhà ngôn ngữ học, cũng như tất cả giới khoa học và giáo dục, ngày đêm làm việc dưới làn bom đạn của giặc, bao nhiêu lần phải sơ tán ra các vùng nông thôn, trong những điều kiện thiếu thốn gắt gao, nhất là về tư liệu và những phương tiện làm việc, xuất bản, ấn loát. Đó là chưa kể những hy sinh to lớn về người - những nhà khoa học trẻ tuổi, đầy hứa hẹn, trong những lúc chiến tranh diễn ra ác liệt, phải ra tiền tuyến làm nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, tự do, bởi vì có độc lập, tự do mới có tất cả. Nhiều người đã ra đi mà không trở về.

Ở miền Nam, những anh chị em trí thức có tinh thần dân tộc biết giá trị to lớn của tiếng Việt đối với nền giáo dục quốc dân, thiết tha và quan tâm đến tương lai của tiếng nói dân tộc, đã có cố gắng nhiều trong việc đẩy tới sự phát triển của tiếng Việt, và đã giành được những thành tựu đáng khích lệ. Đó là một sự đóng góp đáng kể đối với ngôn ngữ Việt Nam.

Trong hoàn cảnh ngày nay, nhiệm vụ xây dựng là chủ yếu, nhưng cũng phải thấy rằng, chúng ta có những khó khăn mới. Công việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt là một yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

Qua hội nghị này, chúng ta thấy rằng các đại biểu đã phát biểu rất nhiều ý kiến, và là những ý kiến rất tốt, có giá trị, đề ra nhiều khía cạnh, soi sáng thêm hoặc làm cho chúng ta chú ý và suy nghĩ sâu sắc hơn về các vấn đề có liên quan. Những lời phát biểu đó giúp cho chúng ta mở rộng tầm nhìn, chú ý đến mọi khía cạnh, mọi yếu tố.

Chúng ta vui mừng nhận thấy rằng, mặc dù những ý kiến phát biểu trong Hội nghị có khác nhau trong cách trình bày hay là đặt vấn đề, nhưng đều biểu hiện một tinh thần nhất trí về mục tiêu, trọng tâm và nhiệm vụ của ngành ngôn ngữ học trong giai đoạn hiện nay. Bởi vì đó là vấn đề

mà các giới khoa học và giáo dục đang quan tâm. Những ý kiến đó là nhằm bổ sung, làm sáng tỏ thêm những vấn đề mà những báo cáo chính đề cập tới.

Điều làm cho tôi phấn khởi là Hội nghị và mục tiêu của Hội nghị được đông đảo các giới khoa học, văn hóa, giáo dục hưởng ứng và đã góp nhiều ý kiến quý báu. Điều đó nói lên rằng Hội nghị chúng ta đã được triệu tập đúng lúc, và mục tiêu của Hội nghị đáp ứng một nhu cầu cấp bách của cách mạng ta đặt ra. Hơn nữa, qua Hội nghị và sự tham gia tích cực của đông đảo các cụ, các anh chị em nói lên tính sáng tạo của tình đoàn kết và sự hợp tác bình đẳng của các giới khoa học. Tôi hoàn toàn ủng hộ đề nghị thành lập *Hội ngôn ngữ học Việt Nam* và chắc chắn rằng, đề nghị đó xuất phát từ yêu cầu và nguyện vọng của tất cả chúng ta.

Bầu bạn của chúng ta khắp năm châu, sau khi ta giành được thắng lợi vẻ vang trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã nói: Nhân dân Việt Nam đã có một cống hiến vĩ đại cho lịch sử thế giới không những bằng tấm gương anh hùng tuyệt diệu, mà còn bằng tư duy khoa học hiện đại nữa. Chúng ta mới xới ra bước đầu. Công việc to lớn đang chờ đợi chúng ta.

Chúng tôi mong rằng sự hợp tác và đoàn kết của chúng ta ngày càng được nâng cao để chúng ta đi tới xây dựng cho ngôn ngữ học Việt Nam có những bước tiến vững chắc, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa quang vinh của chúng ta. Với lòng tin tưởng ở sự thành công, xin chúc các cụ, các đồng chí và tất cả anh chị em sức khỏe và lời chào quyết thắng và quyết thắng.

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT - MỘT NGHĨA VỤ CAO CẢ CỦA GIỚI NGÔN NGỮ HỌC*

Một câu hỏi đặt ra là ngôn ngữ học của ta hiện nay phải giải quyết vấn đề gì là vấn đề chính? Theo tôi nếu chúng ta hiểu đúng ý nghĩa của *Đề cương văn hóa* của Đảng, và quán triệt chỉ thị của Hồ Chủ tịch và của Đảng từ khi chúng ta bắt tay vào xây dựng nền văn hóa mới, sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhiệm vụ trung tâm, hàng đầu vẫn là giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Có người cho rằng như thế là lạc hậu, mà phải lấy chuẩn hóa tiếng Việt làm nhiệm vụ hàng đầu Tôi cho rằng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, không loại trừ, mà bao hàm cả chuẩn hóa, giữ gìn sự trong sáng là phương châm, còn chuẩn hóa là biện pháp, là sách lược Chuẩn hóa là nhiệm vụ của từng giai đoạn phát triển của tiếng nói, tùy theo trình độ và những nhu cầu phát triển xã hội Nhưng dù ở giai đoạn nào, nó đều góp phần thực hiện nhiệm vụ chung là giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Cũng như đại chúng hoàn toàn không phải là hạ thấp, thô sơ hóa tiếng nói của dân tộc Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không có nghĩa là thủ cựu, bám lấy cái cổ hủ, lạc hậu Trái lại, nó có nghĩa là làm cho sự phát triển tiếng nói của dân tộc theo kịp những nhu cầu phát triển của xã hội

---

* Trích bài phát biểu tại *Hội nghị ngôn ngữ học trong các trường Đại học* do Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp và Ủy ban KHXH tổ chức tại TP Hồ Chí Minh những ngày 17-18-19/1/1978 Trong cuốn *Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1981

Và đối tượng phục vụ, tôi cho rằng trong điểm lúc này là sự nghiệp giáo dục với hàng chục triệu thanh thiếu niên con em của chúng ta, thế hệ sẽ gánh vác công cuộc xây dựng đất nước. Phải coi họ là của cải của dân tộc như thế mới có kết quả, mới mong đi tới thắng lợi.

Giành được độc lập, tự do rồi thì phải hết sức lo củng cố, tăng cường bảo vệ độc lập và tự do. Đối với tiếng nói cũng như thế. Giành được quyền dùng tiếng nói của dân tộc thì phải bồi đắp, trau dồi và bảo vệ nó.

Lịch sử là do nhân dân làm ra. Là người đấu tranh cho độc lập, tự do và là người chiến thắng, nhân dân là người bảo vệ vững chắc nhất tiếng nói mà chính mình đã tạo ra, chính nhân dân, như người xưa đã nói là "ông thầy của tiếng nói"[1].

Vì vậy, bảo vệ tiếng nói của dân tộc có nghĩa là làm cho nó ngày càng giàu đẹp, càng tinh vi, càng khoa học hơn, để phục vụ nhân dân, trước hết là phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng thần thánh đầy dũng cảm và sáng tạo của toàn dân ta chống giặc Mỹ xâm lược và tay sai. Hai là, nó có thể trở nên giàu hơn, đẹp hơn, tinh hơn, khoa học hơn nếu nó giữ gìn và phát huy được tinh trong sáng của nó, nghĩa là bản chất, sắc thái, tính độc đáo của tiếng nói một dân tộc anh hùng có bốn nghìn năm văn hiến.

Tương lai của dân tộc. Cụ thể là chúng ta phải tham gia tích cực vào cuộc cải cách giáo dục đang bước đầu tiến hành. Một điều làm cho chúng ta lo ngại là, tâm lý của số đông học sinh ta hiện nay thiên về khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tỏ ra lạnh nhạt, không thích thú đối với khoa học xã hội nhất là đối với văn học. Họ cho là khó quá. Hiện tượng ấy có những nguyên nhân khách quan chính đáng. Nước ta cần đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo và có năng lực trong thời đại khoa học tiến như vũ bão, và khoa

1 Nhà triết học cổ Hy Lạp Xocrat

hoc kỹ thuật trở thành sức sản xuất trực tiếp Cho nên lòng khao khát, ham thích đối với khoa hoc kỹ thuật được khích lệ bởi phong trào tiến quân vào khoa hoc, là một hiện tượng rất tốt, đáng mừng nhưng nếu kèm theo nó là một sự thờ ơ đáng tiếc, một thái độ tiêu cực, vô trách nhiệm, cho rằng có nó cũng được, không có nó cũng không sao, đối với những lĩnh vực kiến thức có nhiệm vụ xây dựng và bồi đắp bản lĩnh của con người mới Việt Nam, thì đó là một lệch lạc lớn trong sự nghiệp đào tạo con người phát triển toàn diện

Nếu có hiện tượng nói trên, thì về chủ quan, chúng ta không phải không có phần trách nhiệm Tuyệt đối tôi không cho rằng ở bậc phổ thông cũng như ở bậc đại hoc, chúng ta không có hoặc có ít giáo viên dạy văn và dạy các môn khoa hoc xã hội giỏi, có năng lực, tận tuy yêu nghề

Tôi cũng không cho rằng chúng ta đã không cố gắng nâng cao chất lương, cải tiến chương trình, cải tiến phương pháp giảng dạy và hoc tập, không lấy phong trào thi đua "Hai tốt" làm đòn bẩy cho việc nâng cao chất lương của công tác giáo duc

Nhưng tại sao trong giáo duc, lĩnh vực khoa hoc xã hội chưa có một tác dụng giáo duc có hiệu quả lớn hơn?

Nhân Hội nghị này là Hội nghị ngôn ngữ hoc do Bộ Đại hoc và Trung hoc chuyên nghiệp triệu tập, tôi mạnh dạn nêu ra ở đây rằng, sự thiếu chú ý thích đáng đối với việc dạy tiếng dân tộc là nhân tố làm cho khoa hoc xã hội kém tác dụng giáo duc tích cực

Chúng ta chưa quán triệt đầy đủ lời dạy của Hồ Chủ tịch trước đây hơn 20 năm về công tác giáo duc "Dạy ai? Dạy gì? Dạy như thế nào?"

Đáng tiếc là chúng ta truyền đạt cho hoc sinh những kiến thức với một tiếng nói chưa thích hợp với trình độ hoc vấn của họ Một hoc sinh lớp 10, sau một bài hoc chính trị kêu là không

hiêu gì hết, vì có nhiều danh từ làm cho rối trí, như "nhất nguyên luân", "da nguyên luân", "thực tê khách quan", v v

Trên đây là một số ý kiến tôi nêu ra để trao đổi với các đồng chí, tôi vui mừng là đã được phát biêu tai Hôi nghi này, vì ở Hôi nghi tập hợp đông đủ cán bô các ngành, các giới có liên quan đến ngôn ngữ hoc Và sư tập hợp như vây là rất cần thiết vì ngôn ngữ hoc là một khoa hoc rất phức tap Những vấn đề nó đăt ra là rất rông Tôi mong rằng, theo tinh thần thực sư cầu thi, Hôi nghi chung ta là một diễn đàn phát huy tinh thần dân chủ rông rãi Có tháo luận dân chủ mới mong đat tới chân lý Có những vấn đề có thể có phương pháp giải quyêt được trước, nhưng cũng có những vấn đề cần phải suy nghĩ và tìm hiểu thêm, không nên vôi vàng

Với niềm hy vong ấy, xin chúc Hôi nghi thành công tốt đep, chúc các đồng chí manh khỏe

Cám ơn các đồng chi

Phần V
VỀ GIÁO DỤC

GIÁO DỤC DÂN CHỦ MỚI*

I - MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC DÂN CHỦ MỚI

A - Cải tạo tư tưởng

Cách mạng Tháng Tám thành công đã thanh toán nền thống trị của thực dân Pháp và bọn tay sai của chúng. Song không phải đồng thời với cuộc thanh toán về mặt chính trị đó mà ta đã thanh toán xong những dấu tích của nền đô hộ thực dân trong những lĩnh vực khác. Một trong những lĩnh vực mà ảnh hưởng nô dịch của thực dân bám chặt và ăn sâu hơn hết, là lĩnh vực tư tưởng, ý thức. Vì thế cho nên Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã đặt ra để giải quyết cấp bách vấn đề CẢI TẠO TƯ TƯỞNG CHO NHÂN DÂN. Nói thế khác, là trong lĩnh vực văn hóa cũng cần phải tiến hành một cuộc cách mạng.

Nói đến sự cần thiết của một cuộc cách mạng về tư tưởng, có người bảo:

"Trong hơn 80 năm đô hộ, thực dân Pháp đã gây ra biết bao nhiêu tội ác. Trừ một số ít người cam tâm làm chó săn cho giặc thời không kể, còn tất cả những người Việt Nam đều oán ghét bọn thực dân Pháp, làm gì mà ảnh hưởng xấu xa của chúng còn ăn sâu vào đầu óc và tâm lí người ta được nữa?" Suy xét như vậy là quá vội. Không phải là người nào có ác cảm với nền thống trị của thực dân, đều thoát li ra khỏi những xiềng xích vô hình của thực dân để lại về cách suy xét, về cách luận đoán, về lối làm việc, về quan niệm đối với sự vật. Ví dụ, có người bảo: "Thực dân Pháp không còn thống trị ta nữa thì tại làm sao mà ta lại không lợi dụng

---

* Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản 1947

cái cơ sở mà chúng đã gây sẵn ra, và đã có thành tích như các trường đại học, trung học, tiểu học của Pháp? Chương trình và han học vẫn phải theo lề lối cũ, vì nó là thuộc về khoa học, thuộc về những nguyên tắc bất di bất dịch của nền giáo dục ở bất cứ một nước văn minh nào" Hay là "Y học, dược học, giao thông công chính, nông học, luật học, v v đã có cơ sở lý luận và thực tế vững chắc rồi, đó là cái tiêu chuẩn của những chân lý vĩnh viễn về thiên nhiên, thời tại sao mà ta phải xóa bỏ nó đi, trong lúc ta chưa có cơ sở mới để thay thế vào?" Xem những cách suy xét như vậy cũng đủ hiểu rằng nhiều hay ít, ta đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng nô dịch của giáo dục thực dân Những người suy luận như vậy có thể là những người rất chân thành, rất sốt sắng với công cuộc kháng chiến và kiến quốc, họ sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc Điều đó không ai chối cãi Cái mà họ chưa thoát li ra khỏi, là cái luận lí siêu hình, cách suy xét bất biến của một nền giáo dục đã qua thời, nó ảnh hưởng đến công việc thực tế Hễ muốn thực hiện một cuộc cải cách gì để chuyển một khu vực khoa học hay nghệ thuật nào về phía nhân dân, dù khiến nó từ chỗ phụng sự lợi ích của một số thực dân mà chuyển sang chỗ phụng sự lợi ích của dân tộc thì họ quá dè dặt, sợ đông chạm đến cái cơ sở mà họ cho là "bất khả xâm phạm" của những hệ thống cũ

Cho nên công việc cải tạo tư tưởng là một công việc lâu dài, kiên nhẫn, có hệ thống, thường trực, liên tiếp và đồng thời phải kiên quyết

Vì sao ở nước ta công việc cải tạo tư trưởng lại phải lâu dài như vậy?

Trước hết là vì gần một trăm năm, ta phải sống dưới quyền đô hộ của thực dân Pháp Nền đô hộ đó đã rèn luyện trong phần đông người ta cái tính thụ động, thích hợp với mục đích nô dịch của thực dân Toàn cả nền giáo dục của thực dân là xu về một chiều làm cho chúng ta trở thành

những người thừa hành mệnh lệnh, không có sáng kiến, không có óc chỉ trích, xa rời thực tế xung quanh. Thêm vào đó, nền giáo dục của nước Pháp xưa nay vẫn là một nền giáo dục quá lạc hậu so với các nước tiên tiến. Cái nếp mà nền giáo dục thực dân ở xứ này đã để lại trong tư tưởng của những thế hệ nào đã chịu ảnh hưởng nhiều của nền giáo dục ấy, nghĩa là những người đã được học nhiều trong thời Pháp thuộc, là rất sâu.

Hai là vì cái đặc điểm của xã hội Việt Nam, là một nước mà kỹ nghệ hầu như không có. Dân thành thị chỉ chiếm một số rất ít mà trong số đó, đông hơn hết lại là công chức, tiểu thương gia, tiểu thủ công. Con ước chừng chín mươi phần trăm là nông dân. Phần nhiều nông dân sống và làm ăn tán mạc, thiếu tính cách tập thể cho nên lối làm việc thiếu tinh thần tiến thủ và cách suy xét thiếu tính cách bao quát. Nói tóm lại là xã hội Việt Nam là một xã hội tiểu tư sản, một xã hội như vậy là một chỗ đất tốt để cho những thói quen cũ kỹ dễ ẩn nấp và vun trồng.

Ba là cuộc cách mạng của ta có khác với những cuộc cách mạng cổ điển như cách mạng Pháp 1789 chẳng hạn. Cách mạng Pháp xảy ra trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản thịnh hành. Còn cách mạng ta thì xảy ra trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân mới thịnh hành. Trước khi cách mạng Pháp xảy ra, nền tư tưởng học thuật của giai cấp tư sản, bắt đầu phôi thai từ thời đại Phục hưng (La Renaissance) đã được bành trướng thành một cơ cấu vững chắc với hợp lí luận (Rationalisme) của Descartes làm phương pháp tư tưởng căn bản, và sau đó được phát triển, thành những hệ thống hoàn bị bởi những trào lưu tư tưởng do các vị bách khoa học giả (Encyclopédistes) của thế kỷ XVIII khởi xướng.

Giành chính quyền đối với giai cấp tư sản cuối thế kỷ XVIII là cái mục đích tối hậu, kết thúc cả một giai đoạn lịch sử phát triển về kinh tế, xã hội và văn hóa. Trước cuộc Cách

mang Tháng Tám của ta, thì vì nền đô hô cua thực dân quá ác nghiệt, đồng thời với sư độc quyền của chúng về kinh tế, áp bức về chính trị, và nô dịch về văn hóa, đã kìm hãm tất cả những cái gì tiến bô Thành thử những quan niệm mới mẻ về vũ tru và nhân sinh, có chăng nữa thì cũng chỉ lưu hành trong đám người cách mang hoạt đông trong bóng tối.

Giành chính quyền đối với ta mới chỉ là bước đầu, để nhân đó, tiến hành việc cải tạo về tất cả mọi mặt. kinh tế. chính trị, xã hội, văn hóa, quân sư Có hiểu cái tính cách cua cách mang ta như vậy và chấp hành những nhiệm vu mà nó đặt ra, thời mới giữ vững được nền độc lập và thống nhất thực sư cho quốc gia, mới thực hiện được nền dân chủ và phú cường chân chính cho dân tộc

Vậy thời muốn xây dưng một quốc gia và một đời sống với một nội dung mới thời không thể dùng cái lơi khí cũ được nữa, tức là phương pháp tư tưởng cũ Nền giáo duc quốc gia là một bộ phận hoạt đông rất quan trong, phải nhận lấy cái trách nhiệm tiến hành công cuộc cải tạo tư tưởng cho nhân dân Mà muốn chấp hành cái nhiệm vu năng nề và vẻ vang ấy, thời nền giáo dục phải tư cải tạo nó, phải tư chỉnh nó lai trước đã Nói thế khác, là nó phải tư kiểm thảo lai nó còn mang trong mình những cái gì cũ kỹ, vô ích và lạc hậu của cái gia tài giáo duc mà nền đô hô thực dân cũ để lai Nó phải có đủ can đảm và phương tiện để duyệt lai những giá trị giáo duc cũ, để vứt bỏ những cái không thích hợp và giữ lai và bồi bổ những cái có thể giúp cho cuộc tiến bô của dân tộc

Bốn là vì cuộc cách mang ta là một cuộc cách mang do nhân dân làm sức chủ đông, chính quyền mà cách mang ấy đặt ra lai là chính quyền của nhân dân, cho nên cái nội dung của cách mang ấy rất phong phú, nó khiến cho thực tế ở nước ta tiến rất nhanh và rất manh Những kết quả mà ta đã lươm được trong một thời gian nào đó về bất cứ mặt

nào trong thời kỳ kháng chiến thời rất nhanh chóng bị thực tế vượt qua, thành thử những thành tích đã ghi chép không thể thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng thêm của nhân dân về lượng cũng như về phẩm. Chỉ lấy một việc học trong thời kỳ kháng chiến mà xem thì đủ biết. So với năm 1947, số trường, học trò và giáo viên trong năm 1948 đã tăng lên rất nhiều, song phong trào học tập của dân chúng và của thanh niên trong các cơ quan, đoàn thể và các bộ đội bấy giờ cao đến nỗi Bộ Quốc gia Giáo dục không làm thế nào để theo kịp sự đòi hỏi của nhân dân. Hiện nay, có thể nói rằng số sách báo xuất bản ở nước ta chưa từng bao giờ thấy nhiều như vậy, mỗi khu lại nảy nở không biết bao nhiêu xưởng giấy, thế mà sách báo vẫn không đủ cho nhân dân đọc. Ba năm về trước những ông già bà lão ngoài 60 tuổi cắp sách đi học, người ta cho là một việc lạ kỳ. Bây giờ ở xã đến hàng trăm ông cụ, bà cụ đi học, mà có người tuổi đã ngoài tám, chín mươi. Biết đọc, biết viết rồi, người ta còn muốn tiếp tục học nữa. Đó là về lượng. Về phẩm thì hai ba năm về trước, giáo sư hay giáo viên còn có thể dạy cho học trò một bài về sử ký hay địa dư mà dùng những tài liệu cũ và cách dạy còn có thể theo lối cũ. Bây giờ thì không thể được. Học trò trung học phổ thông hay chuyên khoa, bởi sự tiến triển của thực tế xung quanh, đã có một sự nhận xét khác với trước. Trong tâm trí của họ, đã nảy nở ra những nhu cầu mới. Cho nên việc cải tạo tư tưởng là một nhiệm vụ cấp bách, nếu không thời khó lòng theo kịp thực tế cách mạng ngày càng vượt lên như nước thủy triều dâng.

B. Đào tạo cán bộ mới

Nói chung, việc học trong thời Pháp thuộc như đã nói trên kia là cốt để đào tạo những người chấp hành trong bộ máy cai trị do thực dân Pháp điều khiển. Mặc dầu, đối với một số người mà thực dân Pháp muốn mua chuộc và du dỗ, có khi tình hình có thể tương đối dễ chịu, như được làm những chức ngang với người Pháp, nhưng sự thực chua chát

đã cho ta thấy rằng thực dân vẫn giữ toàn quyền trong tay Có được leo lên ngang với địa vị người Pháp trong một phần công việc nào đó, thời cũng phải làm đúng theo ý chí của thực dân, cũng là những viên công chức trong bộ máy đặt ra để đàn áp dân tộc ta Nói thế khác là cán bộ mà thực dân đào tạo ra toàn là cán bộ thừa hành chứ không phải là cán bộ lãnh đạo

Ngày nay dân ta có quyền tự chủ, tự ta phải gánh vác lấy việc quản lý quốc gia, cho nên nội dung của vấn đề đào tạo cán bộ cũng khác hẳn Mỗi người nhân viên trong bộ máy chính phủ phải là một cán bộ của chính quyền, để thực hiện chính sách mà chính phủ do dân cử ra giao cho. Như vậy thời cái quan niệm đối với công việc của mình cũng phải khác trước Cái quan niệm đó trước hết là ở cái ý thức về trách nhiệm của mình đối với công việc Hiện nay, trong vô luận một cơ quan nào của chính phủ không còn phân biệt ra "ông sếp" và "thầy thông, thầy phán, ông tham" hay "loong toong", "cu li" nữa. Chỉ có những người đồng sự, những người giúp việc, mỗi người có một phân sự, một trách nhiệm, và sự phân công thành chức này, vụ khác là cốt để phân phối và điều hòa công việc, tùy theo trách nhiệm và năng lực của từng người Nói như vậy không phải cốt xui cấp dưới không phục tùng cấp trên Nói như vậy là để kỷ luật làm việc lên một mức cao hơn, để bỏ lối kỷ luật máy móc mà người ta có thể duy trì bằng hình phạt, đe dọa và uy quyền, để đi tới một kỷ luật tự đông và tự giác Trách nhiệm đối với bất cứ một người nào trong cơ quan cũng là năng cả Hơn hai năm về trước, khi tác chiến chưa xảy ra, Hồ Chủ tịch có nói một lời rất chí lí, vạch rõ trách nhiệm của nhân viên các cấp và đồng thời đề cao phẩm giá của mọi người. Người dạy rằng. "Bộ máy Nhà nước cũng như cái đồng hồ: Chính phủ cũng như cái mặt đồng hồ Nhân viên các bộ cũng như bộ máy bên trong. Khi người ta nhìn thì chỉ thấy bộ mặt. Song đồng hồ có chạy đúng là nhờ bộ máy ở trong chạy đều".

Trước kia, vì sợ ông "sếp" cho nốt xấu, không được ăn lèn, hoặc có khi sợ bị đuổi mà phải làm hay là phải nịnh hót, đút lót. Ngày nay, trừ ra khi quá lười hoặc có những lầm lỗi lớn, thời phải chịu, còn thời không phải vì sợ "oai" của ai mà làm, mà vì tự mình phải thi hành chu đáo cái trách nhiệm mà chính phủ đã giao cho.

Vậy thời trong việc đào tạo cán bộ mới cho quốc gia, cái nhiệm vụ trước tiên của nền giáo dục mới là phải làm cho những lớp cán bộ ấy mất hẳn cái óc công chức cũ, cái thói quen chỉ biết đến phòng làm việc căm cụi như cái máy, "sớm vác ô đi, tối vác ô về" để kiếm sinh nhai, ông "sếp" bảo gì làm nấy, không bảo thì thôi.

Hai nữa, quan niệm mới về việc đào tạo cán bộ là phải biểu hiện ở cái ý thức rằng mỗi cán bộ của chính quyền trước hết phải là một người công dân của một quốc gia độc lập.

Lớp công chức trước kia là một lớp đối với họ, thực dân dễ dùng áp lực nhất, vì rằng đã bị thực dân đào tạo ra để làm công việc cho chúng, thời kế sinh nhai nghĩa là địa vị công chức cũng hoàn toàn ở trong tay chúng. Hễ bị thải thì không có kế nuôi vợ, nuôi con. Bởi thế, cho nên mặc dầu có mục kích những cảnh bất công và nhục nhã, có khi tự mình phải lâm vào những cảnh ấy thì chỉ tức trộm, tủi thầm, không có phương pháp kháng cự. Ngày nay, người của chính phủ là những người tiêu biểu cho cả một quốc thể, bọn thực dân và bọn Việt gian không thể dùng tiền tài và thế lực để uy hiếp và du dỗ, vì rằng đời sống của ta và của gia đình ta, vận mệnh của cả dân tộc ta, không phải do bọn cướp nước định đoạt nữa. Bởi vậy cho nên những cán bộ mới phải là những người sốt sắng yêu nước, biết tủi nhục và căm hờn trước cái bọn vong quốc, tự rèn luyện cho mình cái ý chí tiêu diệt giặc ngoại xâm và bọn tay sai của chúng. Vô luận làm chỗ nào, phải chấp hành cái phân sự tuyệt đối của người công dân là chống ngoại xâm và trừ gian. Nền giáo dục mới phải đào tạo những lớp cán bộ ấy.

Ba là những cán bô mới, vô luân hoat đông trong môt ngành nào, hành chính, chuyên môn hay xã hôi, phải là những người mât thiết liên lac với đời sống chung của quốc gia Trước kia, thực dân gieo vào óc thanh niên trí thức cái quan niêm rằng ho là môt tầng lớp riêng biêt, cao hơn hết thẩy (élite intellectuelle), hoăc cái quan niêm hoat đông ngành nào chí biết ngành ấy, những lớp cán bô mới của ta phải có quan niêm rằng sư hoat đông của mình có kết quả tốt đep là không phải mình tách biêt ra khỏi nhân dân, ra khỏi đời sống chung của xã hôi, ho phải liên kết sư hoat đông của mình với sư hoat đông chung của quốc gia. Cán bô trí thức là môt bô phân măc dầu rất quan trong nhưng chỉ là một bô phân của nhân dân Một xã hôi mới nếu không có trí thức tham gia thời không thể xây dưng được, cũng như không có những ngành hoat đông khác của xã hôi thời trí thức cũng chẳng xây dưng nên cái gì Đây là ta đi vào sư tương quan giữa lí luân và thực hành Hoat đông của xã hôi phải dưa vào lí luân làm đuốc soi đường, làm kim chỉ nam, lí luận phải dưa vào hoat đông của xã hội làm nguồn gốc, làm cơ sở.

Vây thời nền giáo duc mới có muc đích đào tao những lớp cán bô sống và hoat đông với đời sống và với sư hoat đông chung của toàn đân, những cán bô đi sát với thực tế của dân tôc

Bốn là cái quan niêm mới về cán bô phải biểu hiên ở chỗ những người phu trách trong các ngành hoat đông của quốc gia phải có chí tiến thủ Luôn luôn phải hoc hỏi, tìm tòi, để tiến bô trong sư nhân xét và trong cách làm việc Không phải như trong thời Pháp thuộc, hễ đăt vào chỗ nào thì năm này qua năm khác, cứ theo môt lề lối mà làm việc, mặc dầu ta làm thật chăm chỉ, đầu tắt măt tối nhưng vẫn không thể nào làm cho công việc mình và công việc của cơ quan đoàn thể tiến thêm một bước Công việc của công chức trong thời Pháp thuộc là công việc thừa hành, cho nên

cái tính chất của nó không thể nào khuyến khích được sự tiến bộ. Ngày nay, thời khắc hẳn. Mỗi người có một trách nhiệm cho nên tính chất của công việc ngày nay tự nó có thể vạch ra con đường để cho ta tiến bộ. Những người đã có ý thức về trách nhiệm của mình, tự biết mình là chiến sĩ trên một vị trí nhất định trong cuộc chiến đấu để giải phóng cho dân tộc, lại khăng khít liên lạc với đời sống của toàn dân, những người ấy có đủ điều kiện để tiến bộ và nhất định phải tiến bộ.

Vậy thời nền giáo dục dân chủ mới là có phận sự đào tạo ra những cán bộ có tinh thần tiến thủ, luôn luôn tiến tới để cho công việc mình đảm nhận ngày càng được nhiều kết quả.

C - Xây dựng một nền văn hóa mới của dân tộc

Trong đời sống văn hóa, nền giáo dục là bộ phận cơ bản, là phần gốc. Vì rằng, trước khi ra đời để tham gia vào một trong những ngành hoạt động của văn hóa: khoa học, tư tưởng, nghệ thuật, thời tất nhiên cũng phải kinh qua nhà trường đã. Mặt khác, công việc của phần đông cán bộ hoạt động trong các ngành văn hóa là có liên lạc mật thiết với nền giáo dục. Những nhà khoa học, kỹ sư, nghệ sĩ, triết học v.v... một số đông giảng dạy ở các trường Đại học hay Trung học, hoặc những tác phẩm của họ được phổ biến làm sách giáo khoa cho các trường. Vai trò quan trọng của giáo dục là ở chỗ: một mặt thì nó tung ra (diffuser, propager) những kiến thức về các ngành. Mặt khác thì nó lại thu nạp những kiến thức về các ngành. Như vậy nghĩa là giáo dục là sợi dây liên lạc giữa các ngành hoạt động về văn hóa. Một sự liên lạc không phải máy móc, thụ động về bề ngoài mà linh hoạt, tích cực và kiến thiết. Vì thế cho nên nền giáo dục không thể nào không dựa vào đời sống thực tế của nhân dân để làm nền tảng, không thể nào không tiến triển theo cái đà tiến triển của nhân dân. Nó là chỗ kết hợp (synthèse)

những khoa học tự nhiên và xã hội, mà cái gốc của những khoa học ấy là đời sống thực tế của dân

Tính chất và vai trò của giáo dục đã rõ rệt như thế cho nên những sự nhận xét "Giáo dục phải trung lập", "khoa học phải đứng trên mọi việc", "nghệ thuật vì nghệ thuật", "văn hóa không trà trộn với mùi tục lụy" v.v đều là những ngụy biện. Từ khi có xã hội giai cấp, không một thời đại nào, không một nước nào mà ở đấy người ta thấy văn hóa giáo dục đứng lưng chừng trên mây, như Đam Tiên biểu hiện ra cho Thúy Kiều trong giấc mộng! "Trung lập" thế nào được trong lúc mà trong tất cả các trường học ở các nước Tây Âu và Mĩ, người ta loại ra ngoài chương trình phần triết học duy vật không cho nó là một hệ thống triết học? "Khoa học đứng trên mọi việc" thế nào được, trong lúc mà ở các nước Tây Âu trong hàng mấy mươi năm ở các trường quốc lập, người ta lờ đi, không nói đến tiến hóa luận của Darwin? "Giáo dục trung lập" thế nào được trong lúc mà người ta vẫn dạy ở các trường rằng Tây Sơn khởi nghĩa là "giặc", Đề Thám là "giặc", Pháp sang bên này là vì ta giết đạo, và họ đem văn minh sang cho ta? "Trung lập" thế nào được trong lúc mà đoạn sử trong gần một trăm năm từ lúc Pháp đặt nền đô hộ ở nước ta đến nay, cuộc chiến đấu oanh liệt của dân tộc cho độc lập và tự do bị thay thế trong những sách giáo khoa về sử học bởi những bài ca tụng công cuộc "bảo hộ" của thực dân Pháp và mạt sát những vị anh hùng ái quốc của ta? Khoa học và văn hóa "đứng trên hết", "không trà trộn với mùi tục lụy" thế nào được, trong lúc mà trong các phòng thí nghiệm ở nước Đức quốc xã trước kia và ngày nay những nhà bác học chế bom nguyên tử và các vi trùng độc để một bọn tài phiệt và quân phiệt giết hại người, còn những nhà tư tưởng thì tạo ra các học thuyết cam đoan rằng chủng tộc Nhật - nhĩ - man là hơn tất cả các chủng tộc khác, nước Mĩ là hùng cường và vô địch về mọi mặt

Có người lại bảo khoa học, văn hóa v v... không có giới hạn quốc gia, mà chỉ biết có nhân loại! Với cái "thuyết" ấy không phải là nhân loại chủ nghĩa mà là vô loại chủ nghĩa, bọn đội lốt khoa học có thể chạy sang hàng ngũ giặc, phụng sự cho giặc và bảo rằng "Tôi ở với Pháp, tôi chữa bệnh hay tôi chế tạo cho người Pháp dầu là bọn thực dân, tôi vẫn phụng sự nhân loại kia mà!" Không! Một nghìn lần không! Phụng sự cho nhân loại là để làm cho nhân loại sống, chứ không phải để làm cho nhân loại bị tiêu diệt! Nhà văn hóa, nhà khoa học chân chính chỉ phụng sự nhân loại văn minh, tiến bộ, một nhân loại kiến thiết một cuộc đời tươi sáng, tự do và hạnh phúc, chứ không phụng sự một thiểu số đi bóc lột, đi áp bức, đi giết hại nhân dân các nước và nhân dân nước mình, phá hoại hòa bình, xây dựng sự giàu sang xa xỉ và truỵ lạc của chúng trên những núi thây và trong những biển máu! Số người đó đã tự tách ra ngoài loài người, đã bị tống cổ ra ngoài lịch trình tiến hóa của loài người rồi.

Vậy thời cái nhiệm vụ cốt yếu của một nền giáo dục dân chủ mới là phải giúp vào công việc xây dựng một nền văn hóa, không phải không mùi vị, không có màu sắc chính trị nào cả gọi là một nền văn hóa "trung lập". Một nền văn hóa như vậy là không khi nào có và không thể có được. Cái mà người ta cho là thuộc về lí trí thuần túy (la raison pure) chẳng qua là một sự biểu hiện của tâm hồn bất mãn của một nhóm nghệ sĩ hay tư tưởng gia đi tìm an ủi cho chủ nghĩa cá nhân của mình trong cuộc tiêu dao trên cõi "cực lạc" của tinh thần bằng cách thoát li ra khỏi cuộc đời thực dưới chế độ tư bản suy vong, lúc mà nhà văn hóa chán nản trước cảnh truỵ lạc của văn hóa tư sản, nhưng vẫn chưa nhân thấy xuất lộ, chưa tìm ra cái lực lượng chính sẽ đem lại một nền văn hóa mới cho loài người. Còn trong hoàn cảnh thực tế của nước ta, lúc mà cái mầm của nền văn hóa mới ấy đã chớm nở trong những ngày Tháng Tám, và được thành hình với những nét ngày càng đanh thép trong khói lửa của chiến tranh giải

phóng dân tộc, thời những quan niệm đào ngũ đó là phản động, là muốn trốn tránh phận sự của người công dân Nền giáo dục dân chủ mới phải giúp vào việc xây đắp một nền văn hóa khăng khít với đời sống, với vận mệnh của dân tộc như răng với lợi

Hai là nền giáo dục dân chủ mới phải giúp vào việc xây dựng một nền văn hóa không phải là một nền văn hóa giáo điều, chỉ lặp lại những cái đã học được của người trước hoặc của người ngoài. Ta cần dùng những kiến thức về khoa học, nghệ thuật, tư tưởng đã sẵn có để làm tài liệu mà nung đúc nên những kiến trúc về khoa học, nghệ thuật, tư tưởng mới, chứ không phải để rồi lặp đi lặp lại cho giống hệt những cái mà thế giới đã biết hàng mấy trăm mấy nghìn năm nay rồi Thứ văn hóa cần cho dân tộc ta ngày nay, mà nền giáo dục mới có phận sự xây đắp không phải là một thứ văn hóa không những chỉ biết giải thích vũ trụ mà biết cải tạo cả vũ trụ nữa, không những chỉ biết ghi chép những hiện tượng của lí trí, của cảm tính và của cảm giác của người, mà biết cải tạo cả lí trí, cảm tính và cảm giác của người nữa

Nói tóm tắt, giáo dục dân chủ mới có phận sự giúp việc xây đắp một nền văn hóa đi sát với đời sống của nhân dân, lấy dân làm gốc để có thể cải tạo được đời sống của dân, để thúc đẩy sự tiến bộ chung của dân.

II - PHƯƠNG CHÂM GIÁO DỤC DÂN CHỦ MỚI

Trong phần thứ nhất, ta đã vạch ra những mục đích chính của một nền giáo dục dân chủ mới. Những mục đích ấy đều bao quát một nội dung, là rèn đúc cho nhân dân và riêng cho các lớp thanh niên cái tư tưởng mới, những quan niệm mới và một tinh thần mới để họ có thể tham gia tích cực vào các công việc kháng chiến và kiến quốc

Mục đích của nó là như vậy thời đường lối mà nó phải noi theo để đạt mục đích là phải vững chắc mà lại mềm dẻo, trong đó phải cân nhắc đến và phối hợp cái phương hướng

và những đinh luật phát triển chung của thế giới và những đặc điểm của cuộc phát triển riêng của dân tộc trong giai đoạn lịch sử hiện tại. Sự phối hợp hai yếu tố dân tộc và thế giới bởi một sự tương quan theo phép biện chứng là cái đặc tính của chế độ dân chủ mới.

Những phương châm thích hợp hơn hết, nó tiêu biểu hơn hết cái tinh thần dân chủ mới trong nền văn hóa giáo dục, vì nó hướng dẫn một cách chắc chắn hơn hết tới những mục đích kể trên, ấy là DÂN TỘC, KHOA HỌC và ĐẠI CHÚNG.

Nhưng thế nào gọi là dân tộc, khoa học, đại chúng? Ta sẽ đem áp dụng cách thế nào những phương châm ấy vào nền văn hóa giáo dục?

A - Dân tộc

1. Sử học là cái lợi khí rèn đúc tinh thần dân tộc

Hãy nói về tính chất DÂN TỘC của nền giáo dục mới. Nền giáo dục có tính chất dân tộc nghĩa là trước hết phải có nhiệm vụ rèn đúc trong đầu óc thanh niên một khái niệm rõ ràng chân chính đối với nguồn gốc của dân tộc mình, cho họ hiểu thấu những truyền thống đau khổ có, oanh liệt có của những thế hệ trước trong cuộc tranh đấu tranh giành độc lập và tự do, để cho họ có một tấm lòng yêu dân tộc nồng nàn và một tin tưởng vững chắc đối với lực lượng của dân tộc. Hai nữa, để cho họ thông thấy những sự cố gắng và hi sinh vĩ đại của dân tộc trong buổi hiện đại và sau nữa, để cho họ cảm thấy cái tiền đồ phát triển vẻ vang của dân tộc về sau này. Sau khi người thanh niên đã có một tinh thần như thế rồi, đã có cái cơ sở đó rồi, thì lúc ra đời, dầu những khả năng và sở thích của họ có xu về ngành chuyên môn nào đi nữa, họ vẫn là người phụng sự dân tộc, họ đem nghề nghiệp và kiến thức họ phục tùng vào lợi ích chung của dân tộc. Đứng về phương diện ấy, thời ta có thể coi quốc sử, nghĩa là lịch sử Việt Nam, như là môn có vai trò quyết định trong việc rèn luyện một khối óc mới, một tinh thần mới cho thanh niên.

Vì thiếu nhân đinh cái vai trò quan trong đăc biêt của sư hoc, mối liên lac mât thiết của sử hoc và cái đia vi quyết đinh của nó đối với toàn bô chương trình giáo duc cho nên việc dạy sử hoc cho tới ngày nay chưa được chú trong đến, chưa có một đia vi xứng đáng ở các trường trong nước

Song nếu đã nhân đinh vai trò quan trong của quốc sử đối với nền giáo duc mới, thì tất nhiên phải đăt ra vấn đề là phải có môt quan niêm khoa hoc đối với lich sử, cách dạy và viết sử phải theo tinh thần mới, tinh thần khoa hoc Những bô sử do thời Pháp thuộc đã để lại thời không hề dùng làm tài liêu sách giáo khoa cho các trường trong nước được nữa Những loai sử ấy ít hay nhiều đã gây ra trong đầu óc của môt số thanh niên ta thuộc về các thế hê trước, hai cái tai hại lớn trong khu vực tư tưởng Môt là đã làm cho họ mất cái bản lĩnh dân tôc, mất lòng tư tôn tư kính và tư tin đối với cán bô, để rốt cuc, khiến cho ho trở thành cái mồi của nền văn hóa nô dich của thực dân, quỵ luy trước sức manh của thực dân và của bon ngoai xâm, ỷ lai vào sức người ngoài Hai là đã gieo vào đầu óc ho cái mầm của chủ nghĩa vi chủng hep hòi đối với các chủng tôc khác ở xung quanh mình

Cho nên, nếu đã cho quốc sử là môt môn đăc biêt quan trong cho nền giáo duc thời đồng thời phải có môt quan niêm mới, quan niêm khoa hoc đối với lich sử trong lúc day hay viết sử Quan niêm đó chỉ có thể có được ở trên cơ sở của DUY VÂT LICH SỬ. Nó làm cho người hoc sử có môt quan niệm chính đáng, bởi nó mà ta có môt lòng tư tôn và tư tin đối với dân tôc, mà không sợ ngã vào chủ nghĩa vi chủng hep hòi Lich sử, day hay viết theo quan niêm khoa hoc, cho ta hiểu biết phương hướng phát triển của dân tôc từ mấy chuc thế kỷ đến nay, cho ta thấy rằng dân tôc ta có đủ lực lương và dũng cảm để tư tìm thấy môt đia vi của nó trong lich sử của các dân tôc, mà đồng thời nó vẫn tiến theo những quy luật chung trên lich trình tiến hóa chung của các

dân tộc khác, nghĩa là trong lúc mà nó vẫn giữ cái cá tính riêng của nó thì nó vẫn có những mối tương quan mật thiết với các dân tộc xung quanh Muốn cho lịch sử có những đặc tính ấy, mà những đặc tính ấy tức là biểu dương của thực tế khách quan, của chân lí lịch sử, thời lịch sử phải là lịch sử của nhân dân, của đại chúng với những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, nó đinh đoạt ra những biến thiên trong các giai đoạn lịch sử, chứ không phải bởi các triều vua hay các bậc vĩ nhân Cố nhiên trong lúc đó thì đồng thời cũng phải cân nhắc đến và phải có một sự nhận định cho đúng về vai trò của những nhân vật lịch sử và của những trào lưu tư tưởng nó ảnh hưởng lại thế nào đối với cuộc tiến hóa của lịch sử

Bởi vậy, cho nên muốn cải tạo nền giáo dục quốc gia cho hợp với tinh thần dân chủ mới, mà tinh thần ấy trước hết biểu hiện trong phương trâm dân tộc, thời cái khoa quyết định trong chương trình giáo dục phải được đặc biệt chú ý, ấy là quốc sử

Mà muốn có một bộ sử Việt Nam chân chính, quan niệm theo tinh thần mới, tinh thần khoa học, thời phải có một trung tâm chuyên môn nghiên cứu và soạn quốc sử Vậy thời cái nhiệm vụ cấp bách là thành lập ngay một VIỆN SỬ HỌC, dưới sự điều khiển và bảo trợ của Bộ Quốc gia Giáo dục

Cần phải có một trung tâm nghiên cứu sử học như vậy, là vì từ trước đến giờ, việc nghiên cứu sử học là việc riêng của từng người, tính cách của mỗi bộ sử học viết ra cũng tùy ở quan niệm riêng của từng người Viện Sử học (gọi nó là Viện, hay ban hay hội hay là gì đi nữa, điều đó không quan hệ miễn là các nhà sử học có được một trung tâm để có thể làm việc chung với nhau) có mục đích không những sưu tầm tài liệu, mà là đinh đoạt đường lối và đề xướng ra những nguyên tắc chung trong khi soạn sử Phải có một đường lối chung, vì sử học ngày nay không phải là một sự

ghi chép một cách bị động những biến cố đã xảy ra hay là một kho tàng chứa chất những việc ngẫu nhiên đã xảy ra trong những thời kỳ quá khứ Nó là một khoa học cũng đúng như bất cứ một khoa học tự nhiên nào với những định luật phát triển chung của xã hội loài người và những đặc tính phát triển riêng của từng dân tộc Cho nên sự làm việc tập thể là một điều kiện cần thiết cho nhà sử học.

2. Quốc văn là cái lợi khí tư tưởng dân tộc

Về nội dung thì phương châm dân tộc trong nền giáo dục biểu hiện trước hết ở vai trò quan trọng của sử học, còn về hình thức thời phương châm ấy phải biểu hiện trước hết ở vai trò quan trọng của quốc văn Nó là cái lợi khí để biểu dương tư tưởng của dân tộc, và nó lại ảnh hưởng đến sự rèn đúc và cải tạo tư tưởng Trong lịch sử các nước, ta cũng đã từng thấy văn học đã có ảnh hưởng sâu sắc như thế nào đối với tư tưởng ý thức của người ta

Trong thời Pháp thuộc, trong các trường, học trò đều học bằng Pháp văn. Ngày nay, ở các cấp tiểu học, trung học và một phần đại học (sư phạm, pháp lí) đã học bằng quốc văn Song nói chung thì việc dạy và học quốc văn ở các trường hiện nay chưa có một địa vị xứng đáng, chưa có một cơ sở khoa học Nền văn hóa dân tộc chỉ có thể phát triển dễ dàng, mau chóng với một thứ tiếng mẹ đẻ dồi dào phong phú mà đồng thời là đại chúng Việc dạy và học quốc văn ở các trường hiện nay có những khuyết điểm lớn như sau này

1 Các danh từ trong các ngành khoa học tự nhiên hay xã hội chưa được thống nhất, hơn thế nữa, chưa được ổn định

2 Sự lựa chọn những tác phẩm văn nghệ cổ và kim để dạy ở các trường chưa theo đúng một phương châm và đường lối nhất định

3 Việc dạy các tác phẩm văn nghệ phần nhiều chỉ chú trọng đến hình thức lời văn và nghĩa đen của từng câu từng

đoan, hơn là ý nghĩa chính trị và xã hội của tác phẩm này hay tác phẩm khác

4 Chưa có khoa lịch sử văn học Việt Nam ở các trường, và sự thiếu sót đó là vì trong nước ta cho tới ngày nay, chưa có một bộ lịch sử văn học có giá trị

Để bổ khuyết những khuyết điểm ấy, và để cho nền giáo dục ta được tiến hành dễ dàng, để trong một tương lai không xa, tất cả các cấp giáo dục trong nước nhất luận phải dạy bằng tiếng Việt, nếu không thời không thể có một nền văn hóa giáo dục chân chính dân tộc, một nhiệm vụ cấp bách thứ hai mà ta phải đặt ra và thực hiện là lập một VIỆN VĂN HỌC nếu không dưới quyền điều khiển của Bộ Quốc gia Giáo dục, thì ít ra cũng phải mật thiết liên lạc với Bộ ấy Viện có nhiệm vụ sưu tầm, phiên dịch và bình luận những tác phẩm văn nghệ cổ và kim của những nhà văn hào cũng như của bình dân, và soạn bộ sử văn học Việt Nam Ngoài ra Viện còn có nhiệm vụ khảo cứu văn học các nước Đông phương và Tây phương Sau hết, Viện phải tự đặt ra cái nhiệm vụ soạn một pho TỰ ĐIỂN VIỆT NAM

Cũng để thực hiện nguyên tắc dân tộc trong nền văn hóa giáo dục đối với các dân tộc miền núi, ta phải hoàn thành một cách có hệ thống việc la-tinh-hóa các thổ âm Trong hai năm nay, về phương diện của Bộ Quốc gia Giáo dục cũng đặt được ít nhiều cơ sở, bây giờ phải phát triển nó ra, khiến cho nó có một quy củ vững vàng và khoa học hơn Nhiệm vụ đó cũng thuộc về quyền hạn của Viện Văn học

Vậy thời việc thành lập Viện Văn học, cũng như việc thành lập Viện Sử học, là một việc không thể trì hoãn được nữa

3 Thực tế dân tộc là căn bản của nền văn hóa giáo dục của dân tộc

Từ trước đến nay, ta có một cái khuyết điểm lớn là ta chưa thâu nhập và sử dụng được một cách triệt để tất cả

những tài hêu đã có sẵn ở nước ta, trong thưc tế, trong đời sống và trong cuộc đấu tranh của dân tôc ta, bất cứ về măt nào: kinh tế, chính trı, xã hôi, quân sư v v... Đó cũng là môt thứ bệnh còn sót lai của nền giáo dục thưc dân, là bệnh giáo điều, làm cho ta bi tách ra khỏi thưc tế xung quanh Vây thì muốn tẩy trừ cho tiêt noc cái ảnh hưởng ấy, để cho nền giáo duc có môt tính cách chân chính dân tôc thời phải quay về thưc tế Việt Nam ở trong tất cả những hình thức biểu hiên của nó.

Nếu nói về LICH SỬ thời thử hỏi, ta đã nắm lấy đươc tất cả những sử liệu trong tay hay chưa? Ta đã nhận đươc những đặc tính căn bản trong lịch trình phát triển của lich sử dân tôc hay chưa? Ngoài những biến cố chính trı và quân sự mươn ở trong các sách của thời Pháp thuộc để lai thời ta chưa sưu tầm đươc những tài liêu về đời sống kinh tế xã hội văn hóa của các thời đai trước Người ta có thể bảo rằng "khuyết điểm đó là không thể tránh khỏi, vì có moi móc tất cả các pho sách về sử hoc hay tất cả những văn kiên, thì cũng chỉ có bấy nhiêu thôi". Xin trả lời rằng. viêc nghiên cứu sử học không chỉ những căn cứ vào sách và văn kiên cũ, mà còn phải căn cứ vào những vết tích, những chuyên truyền khẩu, những ca dao, và tất cả những gì thuôc về dã sử Về lich sử của các đồng bào miền núi thời có thể nói rằng chưa có môt tí gì hết. Còn cách mang vân động sử thì trừ ra môt vài tài liệu mới ra đời trong mấy năm gần đây và chỉ bao hàm thời kỳ sau Pháp thuộc, còn ngoài ra, những phong trào nông dân dưới triều Nguyễn, những cuôc nông dân khởi nghĩa như Tây Sơn và trước Tây Sơn, thời chưa có sự nghiên cứu và sưu tầm chu đáo, có hệ thống và có khoa hoc

Về VĂN HỌC, chúng ta cũng chưa hiểu rõ và thu thâp đươc những kho tàng quý báu của các thế hê trước để lai Nói về chủ nghĩa nhân bản, chẳng han thì ta chỉ chép lai những việc mà trong những sách Pháp thường day trong các trường Còn chủ nghĩa nhân bản Viêt Nam, đã nảy

nở ra trên cơ sở thực tế của Việt Nam mấy trăm năm về trước, trong cuộc đấu tranh chống chế đô áp bức của phong kiến hay chống ngoại xâm của những phần tử trí thức, với những công trình và tác phẩm của Hàn Thuyên, Trần Hưng Đao, Nguyễn Trãi, với những quyển Kim Vân Kiều, Chinh phu ngâm, Tần cung oán, với thơ phú của Lê Quý Đôn, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tú Xương, với những lời văn như "Tế trân vong tướng sĩ", chủ nghĩa nhân bản đó lai biểu hiên ra trong môt nền triết hoc bình dân với cái tinh thần và hình thức đăc biêt Việt Nam của nó là những câu ca dao, câu ví, câu hát ru em, câu tuc ngữ, với những chuyên hài hước như Trang Quỳnh, cái chủ nghĩa nhân bản Việt Nam đó, đã có ai vach những nét chính của nó hay chưa?

Về ĐIA DƯ cũng vậy Những sách hết sức sơ sài do những tác giả thực dân viết ra cho các trường trong nước trong thời Pháp thuộc, không hề cho ta thấy được bức tranh đep đẽ phong phú của thiên nhiên Việt Nam Về đia dư kinh tế, ta cũng chưa biết hết thấy những kho vô tân về khoáng chất, lâm sản, nông sản, hải sản của nước ta, về đia dư người ta cũng chưa biết được môt cách chính xác hết thảy những chúng tôc chung đung với nhau trên giải đất Việt Nam, với những chế đô xã hôi, kinh tế của ho, với phong tuc, tập quán, văn hóa, ngôn ngữ, của ho

Về TRIẾT HOC thì khi đứng về quan điểm mới mà bình luân các hê thống tư tưởng cũ phần nhiều ta chỉ nhắc đến những nhà triết hoc phương Tây Còn các hê thống triết hoc phương Đông như Nho giáo, Lão giáo, Phât giáo hàng mấy nghìn năm đã chi phối tư tưởng của phần nửa nhân loai, trong đó dân tôc ta là môt bô phân, và hiên nay vẫn đang chiu môt ảnh hưởng khá sâu thời ta chưa cố gắng để đứng về lập trường mới mà nghiên cứu và bình luân nó

Về KINH TẾ HOC, thời những vấn đề tối quan trong như chế đô ruông đất ở nước ta đời xưa như thế nào, và cách thức sản xuất theo kiểu Á Đông nó đã biểu hiên cu thê như thế nào trong những mối sinh sản quan hê phong kiến ở nước ta trong các chủng tôc ở miền xuôi và miền ngươc cũng chưa có ai để ý tới

Các khoa hoc khác như đia chất, vạn vât, canh nông, y dươc v v đều có những kho tài liêu trong nước rất dồi dào Chỉ tiếc rằng từ trước đến nay các ngành ấy chưa sử dung những tài liêu ấy trong công viêc nghiên cứu và hoat đông cúa mình

Cố nhiên viêc sử dung tất cả những tài liêu sẵn có trong thưc tế của nước ta không phải là công viêc môt sớm môt tối mà có thể làm xong Đó là cả môt công trình vĩ đai, lâu năm, liên tuc và có hê thống Những điều cốt yếu là cần phải mở bước đầu đã, những lớp sau có thể tiến theo con đường đó Phải có môt sư chuyển hướng quyết đinh thời mới làm cho nền văn hóa giáo dục ta có một cơ sở dân tôc Đồng thời với Viên Sử hoc và Viên Văn hoc, các khoa hoc khác, xã hôi và tư nhiên, cũng nên có những trung tâm nghiên cứu để đăt nền móng cho tư tưởng lí luân.

Nói tóm tắt, môt nền giáo duc có tính chất dân tôc là phải do ba yếu tố căn bản hướng dẫn và cấu tao ra.

1 Lấy quốc sử làm lợi khí chính để rèn đúc tinh thần và ý thức dân tôc;

2. Lấy quốc văn làm lơi khí chính để rèn đúc tư tưởng dân tôc,

3. Lấy thưc tế về moi măt của dân tôc làm gốc để cho viêc hoc tập và thưc hành hợp với tinh thần và tư tưởng dân tôc.

Ba yếu tố ấy là mật thiết liên quan với nhau, là môt hê thống duy nhất, không thể thiếu môt yếu tố nào. Ngoài ba yếu tố đó, không có và không thể có một nền giáo dục chân chính dân tôc

B - Khoa học

Một nền văn hóa giáo dục khoa học không phải theo nghĩa hẹp nghĩa là trong đó, các khoa học tự nhiên chiếm ưu thế tuyệt đối Khoa học nghĩa là những cái gì chống lại với sự bị đông, với quan niệm bất di bất dịch, chống với lối nhồi sọ, chống với những cái hư hại, không thích hợp cho sự tiến bộ nữa Sau hết, khoa học nghĩa là chống với giáo điều, chống với sự tích lũy kiến thức vì kiến thức, biến đầu óc thành một kho tàng hiểu biết, nhưng không có lợi ích thực dụng Khoa học là phản ánh của thực tế, lấy thực tế và kinh nghiệm làm tiêu chuẩn, luôn luôn theo sự phát triển của thực tế mà sửa đổi, và phải lấy nguyên tắc học để hành, biết để làm, làm gốc Nói tóm lại, một nền giáo dục khoa học là cái công cụ để giải phóng dân tộc về mặt tư tưởng

Muốn có một nền giáo dục theo phương châm khoa học, thời cố nhiên là ta không thể theo cái quy cũ của nền giáo dục thực dân đế lại Những cái bệnh chính trong nền giáo dục các cấp trong thời Pháp thuộc là

1 Tính cách nô dịch,

2 Biến người thành cái máy để dễ sai,

3 Năng nề, hàng chục năm vẫn giữ nguyên ven những nguyên tắc đã cũ rích,

4 Không sát với thực tế học và hành bị gián đoạn,

5 Không có công dân giáo dục, theo ý nghĩa chính đáng của nó

Nói tóm tắt, nền giáo dục do thực dân chu trương và thực hiện ở xứ này là phản khoa học, bởi vì nó là một công cụ để nô dịch dân tộc ta về mặt tư tưởng

Vậy thời một nền giáo dục dân chủ mới, theo phương châm khoa học, phải tự đặt ra những nhiệm vụ cốt yếu sau

1 Cương quyết thanh trừ những tàn tích của chế độ giáo

dục hủ bại và nô dịch của phong kiến và thực dân, những tàn tích ấy còn lưu lại ít nhiều trong bốn phương diện trong chương trình, trong các sách giáo khoa, trong cách giảng dạy và phong cách tổ chức các trường và tổ chức việc học ở trường

Công việc thanh trừ những tàn tích ấy không phải là một công việc dễ dàng và mau chóng Không phải cứ ra một nghị định hay một ít chỉ thị rồi những tàn tích ấy tự khắc nó biến mất. Công việc thanh trừ đó là mật thiết với việc cải tạo tư tưởng, mà việc cải tạo tư tưởng là một công việc thường xuyên và lâu dài. Việc thanh trừ như vậy là đòi hỏi cả một sự phối hợp công việc tổ chức hành chính lẫn với công việc giáo dục huấn luyện Nhưng trong toàn bộ công việc đó, thời việc đào tạo cán bộ mới cho các cấp của ngành giáo dục, đặc biệt là cho cấp tiểu học và trung học, là có một sự quan trọng quyết định. Vấn đề cán bộ phải giải quyết theo hai hướng mới

+ Đào tạo cán bộ cũ;

+ Đào tạo cán bộ mới.

Về việc đào tạo cán bộ mới thì đã có các trường hay các lớp cao đẳng và đại học sư phạm Còn việc cải tạo cán bộ cũ, thời liên đoàn giáo giới, nếu nó được kiện toàn, có thể đóng một vai trò rất quan trọng về việc tổ chức việc học tập của giáo giới về chuyên nghiệp và về chính trị

2. Nhiệm vụ thứ hai của một nền giáo dục theo phương châm khoa học là nền giáo dục ấy phải đi với đời sống của nhân dân phải phản ánh đời sống của nhân dân Nhiệm vụ này được giải quyết một phần lớn trong nguyên tắc dân tộc, là tất cả những khoa học dạy ở các cấp, khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội, đều phải dựa trên cơ sở của thực tế Việt Nam Song phản ánh đời sống của nhân dân không phải nghĩa là chỉ hấp thụ một cách bị động các phương diện của đời sống ấy, muốn cho nền giáo dục có tính cách chân chính khoa học, thời nó phải là một động cơ thúc đẩy sự tiến

bộ của xã hội về mọi mặt, để thực hiện cái nguyên tắc "thi hành thống nhất" là cái chủ đích của mỗi nền giáo dục tiến bộ, vì điều cốt yếu trong một nền văn hóa giáo dục mới, dựa trên cơ sở của một vũ trụ quan tiến bộ và một nhân sinh quan tiến bộ, là không chỉ giúp nhân dân hiểu biết mà là phải giúp nhân dân cải thiện đời sống của họ nữa

3 Cái nhiệm vụ thứ ba của một nền giáo dục mới dựa trên nguyên tắc khoa học là phải LINH HOẠT, phải luôn sửa đổi cho hợp với bước tiến triển của dân tộc, của thực tế tự nhiên và thực tế xã hội ở trong nước và ở trên thế giới Một trong những cái tệ hại trầm trọng nhất trong nền giáo dục của thực dân chính là ở chỗ sau mấy chục năm mà nó cứ tiến hành trên một cơ sở cũ kỹ mục nát Nền giáo dục đó phần nhiều đã dựa theo nền giáo dục cũ của nước Pháp Không phải chỉ bây giờ, mà đã 20, 30 năm về trước, dư luận bên Pháp cũng công kích kịch liệt nền giáo dục ở Pháp

Thế nào gọi là linh hoạt? Nghĩa là không những nó phải cân nhắc và phản ánh những sự thay đổi trong tự nhiên và trong xã hội, trong đời sống của dân tộc và trong đời sống của thế giới mà nó phải thích hợp với những nhu cầu thiết thực của quốc gia trong từng giai đoạn Ví dụ ở nước ta phải có chương trình giáo dục chung của chế độ dân chủ mới, nhưng chương trình đó phải có phần thích hợp cho thời kỳ kháng chiến Không những thế, phương châm giáo dục kháng chiến cũng phải chia ra từng giai đoạn nhiệm vụ của giáo dục trong giai đoạn tổng phản công cố khác với nhiệm vụ của giáo dục trong các giai đoạn khác Không phải trong chương trình chỉ đem vào môn chính trị thường thức nói về ý nghĩa của kháng chiến và nhiệm vụ của mỗi người trong cuộc kháng chiến hay thêm vào môn huấn luyện quân sự Ngay việc dạy các khoa học tự nhiên và xã hội, cũng phải lấy những nhu cầu của kháng chiến và các chương trình sinh hoạt của nhân dân và bộ đội trong thời kỳ kháng chiến làm phần chính Cố nhiên, việc nung đúc ra một chương trình

thích hợp như vậy là một công trình to tát nếu không có sự công tác chặt chẽ giữa các ngành và các giới thì không thể làm nổi. Ví dụ nếu phần sử học trong thời kỳ kháng chiến trước hết là phải thiên về lịch sử chống ngoại xâm ở nước ta và ở các nước khác, thời sự giúp đỡ của các đoàn thể và những nhận sĩ cách mạng là tối cần, chuyên nghiệp không đủ điều kiện để soạn những tài liệu ấy.

4. Nhiệm vụ thứ tư của một nền giáo dục theo phương châm khoa học là khiến những năng lực của thanh niên phát huy một cách điều hòa. Phải chống hai khuynh hướng sai lầm trong giáo dục. Một là cái khuynh hướng bắt học trò học hết thảy các môn đều nhau, từ sơ cấp đến trung cấp, khiến cho thanh niên lúc ra đời cái gì cũng biết một tí, mà không biết cái gì cho chắc cả. Khuynh hướng thứ hai là từ tuổi bé chỉ xu về một khu vực gần, khiến đứa trẻ này nở ra quá sớm thành kiến đối với môn này hay môn khác. Ở các nước tiến bộ, người ta sắp đặt chương trình và phân phối các môn tùy theo năng lực xuy xét của từng tuổi, vì trước lúc bước lên bậc đại học, người thanh niên có những kiến thức chắc chắn về các môn, mà đồng thời đã có một năng khiếu và sở trường về một môn nhất định. Người ta đạt mục đích ấy nhờ sự hướng dẫn dần dần. Lúc ở tiểu học, những trẻ em ngoài giờ học và ngoài nhà trường, được tổ chức việc chơi và giải trí ở các viên văn hóa nhi đồng, ấu trĩ viên v.v... trong đó các ngành khoa học và nghệ thuật áp dụng một cách đơn giản và vui vẻ trong các trò chơi và đồ chơi. Thanh niên các trường trung học, đại học, công nhân và viên chức thì có những câu lạc bộ, trong đó ngoài các cuộc giải trí thời có các ban học tập học văn hóa, đàn, hát, diễn kịch, vẽ, học máy móc, điện khí, cầm lái và chữa xe hơi, máy cày, học thể thao, bơi, trượt tuyết, đá bóng, đánh tenis. Ở nước ta, trong những điều kiện hiện tại chưa có thể có được những phương tiện như ở các nước tiến bộ, nhưng cũng có thể hướng dẫn cho trẻ em và thanh niên vào những công việc thực tế và có ích cho kháng chiến

5 Nhiệm vụ thứ năm của một nền giáo dục theo phương châm khoa học là đặt cho việc thanh tra các trường những nhiệm vụ bao quát và cụ thể Trong thời Pháp thuộc, ông thanh tra sau khi thanh tra về, cho nốt để ông giáo này ăn lên ông giáo kia được thăng trật, còn thì kinh nghiệm hay dở, những ông giáo khác không nói trong toàn quốc mà thậm chí cùng trong một trường hay trong một lớp học, không hề biết tới Nhà giáo đối với viên thanh tra cũng chỉ có quan niệm là do sự thẩm định của ông ấy từ lên thượng cấp, năm nay mình sẽ được ăn lên hoặc thăng chức hay không

Trong nền giáo dục dân chủ mới, việc thanh tra và mối quan hệ giữa viên thanh tra và người bị thanh tra phải đặt trên một cơ sở mới Thanh tra phải lấy việc dạy của các thầy và việc học của học trò làm đối tượng, chứ không phải lấy giáo viên làm đối tượng, để "trù" hay cất nhắc Cố nhiên, việc thăng thưởng hay khiển trách là cần, nhưng nó phải phụ thuộc vào việc chính, là sự tiến bộ của nền giáo dục, mà cả thầy lẫn trò là hai yếu tố quyết định Bởi cái khái niệm đối với công việc thanh tra mà cái quan niệm đối với giá trị con người cũng khác hẳn Viên thanh tra phải là người đi tới nhà trường để thu góp những kinh nghiệm, hay và dở, để tự mình học thêm và lại là một người giúp đỡ cho giáo viên để tiến bộ trong nghề dạy Giáo viên nhìn nhân viên thanh tra như là người đến chỉ giáo cho mình và giúp cho mình tiến bộ

Song việc thanh tra không làm tròn phận sự nếu nó chỉ tiếp xúc với từng cá nhân Như đã nói trên kia, việc thanh tra có nhiệm vụ cốt yếu là thu góp kinh nghiệm về giáo dục, để những cuộc hội nghị của giáo giới, những sách sư phạm, tạp chí hay giáo dục tập san, tổng quát những kinh nghiệm ấy và nung đúc thành những nguyên tắc lí luận căn bản cho khoa sư phạm làm kim chỉ nam cho việc giáo dục trong nước

6 Nhiệm vụ thứ sáu của một nền giáo dục theo phương châm khoa học là phát triển óc phê phán trong học sinh, kích thích trong học sinh tính tò mò về tri thức Về phương diện này, cách dạy và cách sắp đặt chương trình học là có một ảnh hưởng quyết định Lối bắt học trò thuộc lòng là một thứ thuốc độc, nó có liên lạc mật thiết với một nền giáo dục nhồi sọ, một hình thức biểu hiện của giáo điều Muốn cho học sinh có óc phê phán thì cái phương pháp hiệu nghiệm hơn hết là kiến thức phải đi đôi với thực tế, học và hành phải thống nhất Đời sống thực tại là cái tiêu chuẩn của chân lí khoa học Nguyên tắc ấy là nguyên tắc chính của một nền giáo dục theo phương châm khoa học Vì thế cho nên cần phải duyệt lại sự sắp đặt chương trình ở các trường, trước hết nhằm vào những môn khoa học nào mà ở đấy chủ nghĩa giáo điều dễ ẩn nấp và duy trì hơn hết, để sửa chữa Ví dụ như trường Pháp lí thời cần phải đổi hẳn chương trình, chứ không thể để nguyên ven các môn như trường Pháp lí trong thời kỳ Pháp thuộc, hoặc ở bên Pháp, mà chỉ chắp vá bằng thêm vào một vài môn chính trị dạy song song với các ngành luật học Cần phải làm cho sinh viên có những quan niệm cơ bản chung về những nguyên nhân kinh tế xã hội, chính trị nó đẻ ra pháp lí đã. Vậy thời năm thứ nhất những môn mà sinh viên phải được huấn luyện để có những quan niệm chung ấy là lịch sử, triết học, kinh tế học và chính trị thường thức Có cái vốn ấy rồi, sinh viên qua năm thứ hai đã có thể đem tinh thần mới mà nghiên cứu và phê phán các thứ luật cũ Cho nên năm thứ hai có thể để cho sinh viên học luật, năm thứ ba có thể gọi là thời kỳ "tập sáng tác", nghĩa là để cho sinh viên tham gia vào việc chế ra các bộ luật thích hợp với tinh thần và trình độ phát triển của dân tộc

7 Sau hết, một nhiệm vụ nữa của nền giáo dục theo phương châm khoa học là giữa ngành khoa học này với các ngành khoa học khác của xã hội, cần có một sự liên lạc và phối hợp chặt chẽ. Ví dụ học luật thì cũng phải biết đến

phong trào dân vận, vì biết bao nhiêu vấn đề có liên quan đến phong trào này, và phải có sự phản chiếu trong pháp luật. Y học phải liên lạc với công cuộc kiến thiết nông thôn. Kinh tế học phải liên lạc với phong trào công nhân, nông dân.

Nói tóm tắt, một nền giáo dục dân chủ mới theo phương châm khoa học phải sát với thực tế, nghĩa là đời sống của dân, không những để giúp dân hiểu biết tự nhiên và xã hội, mà sửa đổi được tự nhiên và xã hội để cải thiện đời sống của mình.

C. Đại chúng

Lúc ta nói, nền giáo dục phải được đại chúng hóa, cũng như khi ta nói nền văn hóa phải được đại chúng hóa, thời có người đã vội lo cho tiền đồ của giáo dục và văn hóa mà bảo rằng, nếu đại chúng hóa nền giáo dục thì chẳng giảm bớt giá trị của giáo dục, chẳng hạ thấp nền giáo dục xuống hay sao?

Xin trả lời rằng đại chúng hóa tuyệt đối không phải như vậy. Nền văn hóa giáo dục học thuật, tư tưởng v.v. dưới chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản, dưới những hình thức chế độ người bóc lột người là cái đặc quyền của một số ít người trong xã hội, những kẻ bênh vực lợi ích của giai cấp thống trị. Đến xã hội chủ nghĩa mà nền dân chủ mới là cái giai đoạn quá độ, nền văn hóa giáo dục không phải để dành riêng làm món sở trường cho một số người thuộc phái giàu, quyền quý nữa. Nó phải trở thành cái sở trường của quảng đại quần chúng nhân dân, là bước đầu để đi đến chỗ thủ tiêu sự cách biệt giữa lao động bằng trí óc và lao động bằng chân tay khi mà trong xã hội sẽ không còn các giai cấp đối lập nhau nữa. Với sự tiêu diệt dần dần chế độ tư hữu tài sản, thì sự tiêu diệt dần dần những sự chênh lệnh của các lớp người về mặt kiến thức cũng được tiến hành. Dưới chế độ dân chủ mới, nền giáo dục phải được đại chúng hóa, nghĩa là có nhiệm vụ dự bị những điều kiện để đem quảng đại quần

chúng nhân dân lên đến những khu vực siêu sao của những học thuật và tư tưởng mà xưa nay dưới chế đô áp bức và bóc lột, họ không bao giờ với tới

Nhưng tư tưởng, học thuật, những khoa học là gì, nếu không phải là những hệ thống tổng kết những kinh nghiệm trong cái quá trình đấu tranh với giới tự nhiên và đấu tranh cho tự do, cho bình đẳng, cho hạnh phúc? Mà cái chủ lực đấu tranh đó là ai, nếu không phải là nhân dân lao động, những người trong mấy mươi thế kỷ đã từng sáng tạo ra tất cả những kho tàng của cải về vật chất và tinh thần của nhân loại, những người từ tay mình đã đẩy tới bánh xe của lịch sử? Chính từ tay mình đã xây nên một lâu đài nguy nga, truyền từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, mà ngay mình lại phải đứng ở ngoài, dầm mưa dãi nắng, đó có phải là một sự ngược đời dưới những chế đô người áp bức người hay không? Nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ mới, về khu vực văn hóa, giáo dục là gây nên những điều kiện để đi đến chỗ thủ tiêu dần dần sự ngược đời ấy Và có đem khoa học, nghệ thuật tư tưởng làm của chung của quảng đại quần chúng nhân dân thời khoa học, nghệ thuật, tư tưởng mới được chân chính giải phóng, mới có thể phát triển với một sức mạnh từ trước đến giờ chưa từng thấy Vì có ai có thể thúc đẩy mau chóng sự phát triển của khoa học, nghệ thuật, tư tưởng, cho bằng những kẻ chính từ mình đã đặt cái cơ sở thực tại của khoa học, nghệ thuật, tư tưởng? Như phong trào Stakhanôvích ở Liên Xô được phát động năm 1935 là một bằng chứng rõ ràng, lúc mà, theo lời của Stalin, "người công nhân đã được đưa lên tới trình đô của người kỹ sư" Cuộc chiến thắng lịch sử của Hồng quân đối với nước Đức phát xít, của Quân giải phóng Trung Hoa đối với Quốc dân đảng Tàu, đó chẳng phải là những chiến thắng của những ngành kiến thức của nhân loại hay sao? Mà không cần nói ở đâu xa xôi, chính ngay thực tế ở nước ta, từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nhất là từ trước ngày toàn quốc kháng

chiến, cho chúng ta thấy rằng không có một mức nào có thể đo lường được sự hiểu biết của dân ta bây giờ so với ba bốn năm về trước. Trước kia, chỉ một việc bắn súng, chưa nói đến nghệ thuật đánh nhau, trong nhân dân ta đã mấy người biết? Bây giờ một anh vệ quốc quân, du kích, dân quân biết cách đánh nhau như thế nào, ít nhiều cũng hiểu được chiến lược và chiến thuật quân sự. Một chị phụ nữ thôn quê cũng biết sinh hoạt đoàn thể, hiểu ý nghĩa và cách thức tăng gia sản xuất; một ông lão trong một xóm hẻo lánh trên một cồn đất trên sông Lô cũng biết chủ trương thi đua ái quốc của Hồ Chủ tịch là sáng suốt v.v. Những sự hiểu biết đó mà ta trông thấy biểu hiện ra hằng ngày, trước mắt, trong đám chân lấm tay bùn, quần khố áo rách, chẳng phải là những kiến thức tuy còn chất phác, đơn giản, của khoa học, nghệ thuật, tư tưởng, đã bắt đầu được đại chúng hóa bởi thực tế của kháng chiến hay sao?

Lấy quảng đại quần chúng nhân dân làm đối tượng phổ biến tất cả các ngành kiến thức của nhân loại, để có thể lên tới những khu vực siêu cao của khoa học, nghệ thuật và tư tưởng, hiểu biết những định luật tiến hóa của vũ trụ và nhờ đó mà loài người có thể bước từ thời đại bị áp bức sang thời đại tự do, đó là cái nhiệm vụ căn bản của văn hóa giáo dục đại chúng.

Về phương diện này, thời bước đầu mà ta đã làm được trong nền giáo dục đại chúng và là một bước tiến rất dài không những đối với nước ta mà cả đối với bất cứ một nước nào trên thế giới, tức là sự nghiệp của *Bình dân học vụ*, mà sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công Hồ Chủ tịch và các đoàn thể nhân dân đã đề xướng và hết sức săn sóc, và đã được phát triển một cách phi thường trong thời kỳ kháng chiến. Cũng như những sự anh dũng và hi sinh của anh em bộ đội và du kích dân quân ta trên mặt trận quân sự, không ngòi bút nào có thể mô tả được một cách đầy đủ và xứng đáng những sự anh dũng và hi sinh của nhân dân ta trên

mặt trận văn hóa để cho hàng chục triệu người tranh thủ lấy cái vũ khí đầu tiên để hiểu biết và cái tạo vũ trụ. Trong lúc ta kính cẩn nghiêng mình trước anh linh những tử sĩ, vệ quốc quân, du kích quân đã hi sinh vì dân tộc trên các chiến trường, thời ta cũng không quên kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của những chiến sĩ vô danh, anh em giảng viên và cán bộ BDHV đã hi sinh trong cuộc kháng chiến để xây dựng một nền văn hóa đại chúng cho dân tộc, một bộ phận của nền văn hóa tiến bộ của nhân loại.

Bước thứ hai mà hiện nay ta phải bắt đầu làm, là mở những lớp bổ túc BDHV. Đưa gần một chục triệu người mới biết đọc biết viết lên tới trình độ sơ học bổ túc trong một thời gian ngắn, đó là cái nhiệm vụ vĩ đại và vẻ vang của chương trình và các lớp bổ túc BDHV. Chương trình học ở trường sơ học bổ túc cho các trẻ em là một việc, nhưng chương trình dạy ở các lớp bổ túc BDHV lại là một việc khác. Đối với các lớp này thì chương trình trước hết phải nhằm vào những điều kiện tuổi tác, sinh hoạt và hành phần xã hội, cho nên có thiên vào thực tế nhiều hơn, và về các môn như khoa học, sử ký, địa dư v.v.. nó chỉ gồm những phần thiết thực, rút ngắn lại, để những người học phần đông là nông dân, công nhân, tiểu công, tiểu thương, phụ nữ có gia đình có thể áp dụng ngay vào đời sống hàng ngày của mình mà trình độ họ vẫn tương đương với trình độ học trò các trường tiểu học. Hoàn toàn thanh toán nạn mù chữ và PHÁT TRIỂN NỀN GIÁO DỤC BỔ TÚC BÌNH DÂN, đó là nhiệm vụ đầu tiên của nền giáo dục mới theo nguyên tắc đại chúng.

Nhiệm vụ thứ hai là làm cho tất cả các trẻ em ở các thành thị cũng như nông thôn, đến tuổi đi học được đi học, không phân biệt giàu nghèo theo kiểu mỗi xã một trường tiểu học. Để nâng đỡ các trẻ em nghèo, chính phủ và các cơ quan đoàn thể cấp học bổng để các em nghèo có thể mua giấy, bút, sách, và Hội bảo trợ học trò nghèo đã bắt đầu thành lập là nhằm mục đích ấy.

Nhưng ngoài việc giúp đỡ đó, thì cần phải áp dụng phương tiện nữa, không những để giúp cho các trẻ em nghèo có thể đi học mà có thể giúp cho cha mẹ các em cũng có thì giờ học tập hay làm các công việc xã hội, tăng gia sản xuất. Một số đông phụ nữ ở thôn quê vì có nhiều con mọn nên không thể đi học được. Nhiều khi vì phải giúp cha mẹ trông nom em bé nên các em nhớn cũng bị thất học. Vậy thời phải có một kế hoạch phát triển khắp nơi các lớp MẪU GIÁO trong đó các giới phụ nữ phải tích cực tham gia, những lớp mẫu giáo đó phải thu hút tất cả những trẻ em chưa đến tuổi đi học, để cho cha mẹ chúng có thì giờ đi học hay làm việc, và để cho các anh chị chúng nó có thể đến trường học.

Nhiệm vụ thứ ba của một nền giáo dục đại chúng là các trường trung học phổ thông và chuyên khoa phải có một chương trình học vừa ngắn, vừa thiết thực, từ trung học phổ thông đến trung học chuyên khoa, không phải bảy năm như bây giờ, mà có thể rút lại 5 năm, hay nhiều lắm là 6 năm, điều đó bây giờ cũng có thể làm được, là vì các lớp trung học học bằng tiếng Việt. Như ở các trường trung học bên Pháp, từ tiểu học đến trung học tất cả phải là 12 năm, như vậy thời một số đông con nhà nghèo, vì phải làm việc sớm, không thể theo học được nữa.

Nhiệm vụ thứ tư của một nền giáo dục đại chúng là xúc tiến khuyến khích và nâng đỡ phong trào tự học trong nhân dân, trong các đơn vị bộ đội, cơ quan và đoàn thể để tất cả mọi người vô luận làm công tác gì cũng có điều kiện học tập và không bị thất học. Học xong chương trình, không cứ điều kiện tuổi tác, đều được quyền đi thi như học trò các trường công. Những người có công với kháng chiến được ưu đãi.

Tiện đây, nên nhắc đến một quan niệm sai lầm trong một số người về vấn đề thi cử. Theo quan niệm ấy, đã là một nền giáo dục dân chủ thời phải bỏ tất cả các kỳ thi, nó chỉ là những tàn tích của nền giáo dục nô dịch của thời Pháp

thuộc Chúng ta không thể nào đồng ý với quan niệm ấy Đã học thời phải hiểu biết, mà muốn cho người ta biết mình hiểu biết hay không, thì phải để cho người ta kiểm soát Cố nhiên sự kiểm soát đó và tính cách sát hạch trong một nước dân chủ mới không thể giống như dưới thời Pháp thuộc, hồi mà việc sát hạch là một việc mà người ta cho là ở sự "rủi ro", nguồn gốc của những sự bất công và nó là một cái công cụ để cho học sinh giật bằng cấp ấy rồi với bằng cấp ấy để kiếm việc làm, kiếm địa vị trong xã hội Sự sát hạch dưới chế độ dân chủ mới là một sự kiểm soát trình độ học thức của người học sinh, và nó phải tính cả sự cố gắng và năng lực của học sinh trong suốt cả thời kỳ học tập, hai nữa là có sát hạch như thế thì mới có thể luôn luôn đề cao phẩm chất của kiến thức lên được Không phải đại chúng hóa là để hạ thấp phẩm chất xuống đâu, như một số người tưởng Trái lại, đại chúng hóa là làm cho những kiến thức của đa số trong xã hội mới có thể theo kịp những kiến thức thiểu số trong xã hội cũ Hơn thế, những kiến thức của đa số đó phải dần dần vượt qua về lượng cũng như về chất những kiến thức của thiểu số kia. Chính cái chủ trương bỏ hẳn việc sát hạch mới là không dân chủ chút nào, một quan niệm theo bình quân chủ nghĩa trong nền giáo dục, đem liệt những người giỏi và người dốt, người chăm và người lười vào một loại[1]

Sau nữa, một nhiệm vụ của nền giáo dục đại chúng hóa là phải tiến hành một sự cải cách sâu sắc trong ngành đại học Lên đến đại học tức là chuyên môn hóa Mà mỗi một ngành chuyên môn dạy ở đại học là phải mật thiết liên lạc với sự hoạt động của nhân dân về ngành ấy Nếu cái nguyên tắc "đời sống thực tế là một tiêu chuẩn của chân lý khoa học", thời cái nguyên tắc của một nền giáo dục đại chúng lại là. "đại chúng hóa là kẻ sáng tạo ra đời sống thực tại, cái nguồn gốc của mọi kiến thức". Không có đại chúng thời không có khoa học Không thể nào quan niệm khoa học ngoài hành động thực tế của đại chúng. Như canh nông chẳng hạn, nếu

sinh viên trường canh nông cứ học theo những cái lí luận dạy trong thời kỳ Pháp thuộc, mà không để ý đến cái kinh nghiệm đã thu thập trong bàng mấy chục thế kỷ của hàng triệu nhà nông ở nước ta, không lại gần để học hỏi những điều kiện sản xuất của nhân dân nước ta để cho căn bản lí luận của mình thêm phong phú, và do đó giúp ích cho đồng bào trong nghề nông, thì việc học của mình, mặc dầu là có bằng cấp thật kêu khoác lên trên cũng vô dụng Đối với các ngành khác cũng vậy, về phương diện này ta thấy rõ cái tương quan mật thiết, theo luật biện chứng, giữa ba đặc tính của nền giáo dục mới dân tộc, khoa học, đại chúng Không có khoa học ngoài hành động thực tế của đại chúng, mà cái hành động thực tế của đại chúng đó là hành động thực tế cụ thể, ở xung quanh ta, trong dân tộc ta

Muốn cho nhiệm vụ trên kia thực hiện được một cách cụ thể và có hiệu quả, không gì bằng làm cho sinh viên thường tiếp xúc với dân chúng trong các ngành hoạt động Sự tiếp xúc trước hết biểu hiện ở chỗ nhà trường gửi những sinh viên đi thực tập ở các vùng nông thôn trong khi nghỉ hè, hoặc sau mấy tháng học xong một môn nào, để học tập trong dân chúng và giúp đỡ dân chúng

Một nhiệm vụ nữa để đại chúng hóa nền đại học là phải làm cho sinh viên đừng bo bo lấy ngành chuyên môn mà mình đang học, mà tuyệt đối ly gián đời sống của dân tộc ngoài sự học của mình Nói thế khác là sinh viên đại học và trung học phải có học tập và sinh hoạt chính trị Để đưa học sinh vào đời sống chính trị, thời ngoài sự tổ chức các lớp chính trị mà bắt buộc phải có trong chương trình, và sự tổ chức đời sống tập thể, thời phải có sự hoạt động về xã hội Sinh viên phải tự đặt ra một nhiệm vụ tổng quát, ví dụ sinh viên y khoa, mấy tháng một lần, tổ chức thành những đội xung phong đi các nơi ở thôn quê để truyền bá vệ sinh bằng lời nói và việc làm, sinh viên công chính xung phong đi đắp và sửa các cầu cống đê đường, sinh viên sư phạm xung

phong đi thanh toán nan mù chữ, v v Ngoài ra có những công việc mà các sinh viên đai hoc và hoc sinh trung hoc có thể làm chung, như đi cô đông Mùa Đông Binh Sĩ, đến giúp dân xây dưng lai những làng bi giăc đốt phá, kiểm soát việc thi đua ái quốc, gây ra môt phong trào sinh viên cho sôi nổi về phương diên hoat đông xã hôi Đó là nhiêm vu của Tổng Đoàn Thanh niên Việt Nam và Đoàn sinh viên Việt Nam công tác với Bô Quốc gia Giáo duc Trong thời kỳ dư bi tổng phản công này, các trường trung hoc và đai hoc lai có nhiêm vu huấn luyên quân sư cho sinh viên và khuyến khích sinh viên đầu quân

Môt điều nữa cần cho sư thực hiên nguyên tắc đai chúng hóa trong ngành đai hoc, là cái quan niêm dân chủ về việc đào tạo nhân tài trong thời kỳ quá đô, lúc mà cán bô chuyên môn cũ thì rất ít, còn số đông người thì chưa đủ điều kiên để vào các trường đai hoc. Trong thời kỳ đăc biêt ấy, cần phải có môt số cán bô chuyên môn để tam cung ứng cho những nhu cầu thực tế, ngày càng tăng thêm, không thể nào không đăt quyền lơi của quốc gia lên trên hết mà không tam xếp lai môt bên những quan niêm chuyên môn hep hòi, cũ kỹ, chỉ thích hợp cho những thời kỳ thái bình khi tất cả moi phương diện sinh hoat trong nước đã được chính quy hóa Đây là tôi muốn nói rằng trong môt hoàn cảnh đăc biêt như vậy, phải có những điều kiên dễ dàng để cho các cán bô chuyên môn các cấp dưới có thể hoc lên đến các cấp trên, hai nữa đối với những anh em có công trang với cách mang, với kháng chiến, trong lúc mà những người khác được hưởng thái bình để ăn hoc, ba là đối với phu nữ, sau này ho tham gia ngày càng đông vào công việc xây dưng đất nước, phải có những điều kiên vào đai hoc, trung hoc và các trường chuyên môn dễ dàng hơn bây giờ

Tôi nhắc lai, đó là những biên pháp đăc biêt do môt hoàn cảnh đăc biêt mà náy nở ra Về sau này, lúc những điều kiên sinh hoat về moi măt đã được bình thường hóa,

và khi đã có những điều kiện thuận lợi để cho việc học được tiếp tục đều đặn và chu đáo, thời sự yêu cầu đối với các cấp học ngày càng cao. Tương lai ta phải có những nhà chuyên môn, những kỹ sư, bác sỹ, hoạ sĩ, giáo sư, kiến trúc sư ngày càng nhiều và ngày càng giỏi hơn. Thực tế của nước ta về tương lai khiến ta có thể và bắt buộc phải có những nhà chuyên môn như thế.

Sau hết, một nguyên tắc nữa là vô luận trong một ngành nào của đại học, điều kiện học tập là phải như nhau đối với tất cả mọi người. Không thể vì một lý do gì mà trong một trường nào, một nhóm sinh viên lại có nhiều điều kiện học lý luận hay thực hành hơn là các anh em khác. Nói tóm lại, một nền giáo dục đại chúng là phải tạo ra những điều kiện để cho tất cả những ngành học thuật và tư tưởng trở nên của chung của nhân dân.

KẾT LUẬN

Xây dựng một nền giáo dục của nước Việt Nam dân chủ mới, theo ba phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng nghĩa là ta quyết đánh đổ cái cơ sở của nền giáo dục phong kiến và thực dân, đồng thời ta khiến nền giáo dục ta được xây dựng trên một cơ sở khác với cơ sở giáo dục cổ điển của các nước Tây Âu. Nền giáo dục cổ điển ấy, trên một trăm năm nay, bởi sự bành trướng thế lực của chủ nghĩa tư bản, bởi sự phân chia địa cầu giữa các liệt cường đế quốc, đã trở thành cơ sở giáo dục thống trị trên thế giới. Ngày nay, với phong trào dân chủ mới đang chiến thắng ở nhiều nước châu Âu và châu Á, một nền văn hóa giáo dục mới đã nảy nở và đang trưởng thành, là nền văn hóa giáo dục của nhân dân, lấy dân làm gốc, bởi dân và vì dân.

Nền văn hóa giáo dục nhân dân, một mặt là kế thừa hưởng xứng đáng nhất những giá trị tinh thần bất hủ của những đại diện ưu tú hơn hết của những thế hệ văn hóa dĩ vãng, mặt khác nó tự rèn đúc nên một lợi khí tư tưởng vô

cùng mãnh liệt để giải phóng nhân dân. Nền văn hóa giáo dục của Tây Âu tư bản chủ nghĩa đã tư nhào lấy sẵn nền nếp kiến thức Hy Lạp, La Mã cổ điển làm nguồn gốc. Trước nó là một cái lợi khí để đánh đổ những xiềng xích tư tưởng của một nền học vấn giáo điều mê tín. Song từ lúc quảng đại quần chúng tham gia đời sống chính trị xã hội, từ lúc phong trào dân chủ càng ngày càng bành trướng, thời cái cơ sở văn hóa giáo dục cũ đó đã mất cái vai trò tiên phong của nó.

Nó đã trở thành cái công cụ để duy trì nền thống trị hắc ám của một nhóm tài phiệt và quân phiệt của những công ty độc quyền Tây Âu và Mỹ để gây ra vô số tội ác thất nghiệp, khủng hoảng, chiến tranh mà nhân loại cần lao và các dân tộc nhỏ yếu là hy sinh phẩm. Nền văn hóa giáo dục đó mà người ta lợi dụng nó để áp bức và giết hại loài người, đã trở thành chướng ngại vật trên bước đường tiến thủ của tư tưởng và học thuật.

Những tư tưởng học thuật đã biến tướng mà phe thống trị vẫn nêu lên làm tiêu chuẩn và chân lý tuyệt đối trong việc rèn đúc trí tuệ và tâm lý con người, để vĩnh viễn hóa chế độ nô lệ cận đại, thời đã bị cái thực tế vĩ đại của phong trào dân chủ thế giới ngày nay vượt qua rồi. Trên cơ sở của kỷ nguyên lịch sử mới ấy, đã nảy nở ra những nhân bản học mới, một chủ nghĩa nhân bản mới, là cái kết tinh của những truyền thống tư tưởng học thuật vẻ vang nhất của những thế kỷ trước hợp với những lý tưởng mới, tiến bộ nhất của loài người.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, là người tiêu biểu cho trí tuệ minh mẫn và những đức tính đẹp đẽ của dân tộc, nhân dân ta nhất định sẽ xây dựng được một nền giáo dục mới hợp với cuộc tiến bộ của quốc gia và của thế giới.

NỀN ĐẠI HỌC VIỆT NAM*

Về phương diện văn hóa giao dục, Đai hoc là một trong những tiêu chuẩn của trình đô văn minh một nước Vì đai hoc là lò đào tao những cán bô cao cấp, chỉ đao về chuyên môn cho các ngành Hai nữa, đó là chỗ để thu nap, tổng kết và phổ biến những kiến thức trong moi lĩnh vưc hoat đông về văn hóa, hoc thuât, khoa hoc

I ĐAI HOC Ở CÁC THUÔC ĐIA VÀ Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN

Nhưng không phải chỉ nhìn vào số trường Đai hoc một nước mà đã nhân đinh được trình đô văn minh của nước ấy Như ở Việt Nam, lúc còn thuôc Pháp, về danh nghĩa cũng có trường Đai hoc Nhưng có nhìn vào thưc chất của cái goi là "Đai hoc Đông Dương" hồi đó thì mới thấy cả một thủ đoan lừa bip trong chính sách ngu dân của bon đế quốc Ở Trung Quốc, khi còn ở dưới ách thông tri của Quốc dân Đảng, tỉnh nào cũng có trường Đai hoc, nhưng chính sách đen tối của bon quân phiêt và tư bản quan liêu làm thế nào mà xây dưng được một nền văn hóa giáo dục chân chính Trừ một vài trường như Bắc Bình Đai hoc[1] là một trường có quy củ, còn thì Đai hoc, nói chung, chỉ là chỗ để cho con em của phái thống tri đến phung phí thì giờ và tiền của, rồi lúc ra, chiếm những đia vi quan trong trong bô máy chính quyền

Một số công tử công tôn sang du hoc ở Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nhật Với lối canh tranh của các nước tư bản trên thi

---

* Đăng trong bao Sư thât, số 128, ngày 19 - 2 - 1950

1 Trường này là do tư bản Mỹ lập ra, mục đích không phải khai hóa thực sư cho Trung Hoa, nhưng cốt thu phục lòng người, và dùng thủ đoan khôn khéo đo dê độc chiêm thi trường Trung Quốc, theo chính sách "mở rông cửa"

trường Trung Quốc, những trường Đại học của các nước ấy đối với du học sinh Trung Hoa, cũng giở thủ đoạn con buôn đó ra Họ nhận du học sinh Trung Hoa rất dễ dàng (cố nhiên miễn là có tiền) và khi thi ra cũng rất phóng khoáng, đến nỗi nhiều thanh niên về nước mang danh là đã tốt nghiệp trường Đại học này hay Đại học kia ở Tây Âu hay Mỹ mà kiến thức thì rất nghèo nàn

Chính ở ngay nước Pháp, một "cường quốc thế giới", nền Đại học so với các nước tư bản khác cũng còn rất lạc hậu Chủ nghĩa tư bản Pháp, mà tính chất chung là *cho vay nặng lãi*[1] , thêm vào đó có một bộ máy quan liêu, năng nề trong lối tổ chức chính quyền, là một trở ngại lớn cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật Cho nên, nói chung là nền giáo dục, nói riêng là nền Đại học của nước Pháp, từ trước cho tới bây giờ, chú trọng nhiều về hình thức, từ chương, giáo điều. Cho đến cả lối học hành thi cử, cấp văn bằng,. nhiều cái còn giữ lối trung cổ

Vậy thì trình độ tiến bộ của một nước không chỉ căn cứ vào số lượng các trường Đại học, mà còn phải nhìn xem trong các trường ấy, người ta dạy và học như thế nào, người ta đào tạo những chiến sĩ phụng sự các ngành hoạt động của xã hội, hay là những con vẹt, những cái máy hát và những con mọt sách

II. NÊN QUAN NIỆM NỀN ĐẠI HỌC TA NGÀY NAY NHƯ THẾ NÀO?

Muốn xây dựng một nền văn hóa giáo dục Việt Nam với nhiệm vụ căn bản ứng đáp những nhu cầu của nước ta để kháng chiến, và về sau, để kiến quốc theo con đường phát triển lịch sử mới của dân tộc, và của thế giới và mặt khác lại là một nền văn hóa giáo dục nhân dân, thời về tinh thần cũng như về cách tổ chức, nền Đại học Việt Nam không hề

1 Theo định nghĩa của Lênin trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản"

quan niệm theo quy củ của nền Đại học thuộc Pháp, hay như ở các nước tư bản hiện nay.

Muốn như vậy thì trước tiên ta phải có một *chính sách* rõ ràng về Đại học. Thế nào gọi là có một chính sách Đại học? Là phải nhằm vào những sự đòi hỏi thực tế và cấp bách của công cuộc chống ngoại xâm và xây dựng đất nước với những điều kiện cụ thể ở nước ta mà có một kế hoạch đào tạo cán bộ cho các ngành. Nói chung thì về ngành nào ta cũng thiếu và thiếu rất nhiều cán bộ. Nhưng mức độ cấp bách của các ngành không giống nhau. Chính sách Đại học là nhằm vào sự quan trọng và những đòi hỏi của từng ngành nghề để đào tạo cán bộ cho ngành nào trước, ngành nào sau, ngành nào nhiều, ngành nào ít. Khi đã định rõ sự quan trọng đó, thì tất cả những điều kiện và khả năng phải được tạo nên cho chính sách ấy thực hiện dễ dàng. Muốn có một chính sách như vậy, thì Đại học, cũng như công việc văn hóa giáo dục nói chung, cần sát với đời sống xã hội, cần hên lạc khăng khít với các ngành hoạt động trong nước về ba phương diện chính quyền, chuyên môn, dân vận.

Điều thứ hai là *học và hành* phải thống nhất. Một ngành Đại học nào được phát triển là cốt cung cấp cán bộ cho ngành hoạt động tương đương mà lại không dính dáng với ngành đó về mọi mặt và về các cấp thì rất khó lòng tiến bộ. Ví dụ trong ngành y học không phải học sinh[1] chuyên môn về khoa giải phẫu chỉ cần biết kỹ thuật mổ xẻ, nhưng cũng cần biết về những công việc khác, có dính dáng đến công việc ấy, như băng bó săn sóc người bị thương, v.v... Khoa học và kỹ thuật tư bản là phân công đến cực độ, nhưng lại thiếu sự thống nhất và tổng hợp giữa các ngành và trong các bộ phận của một ngành. Đó là chỗ yếu của khoa học và kĩ thuật tư bản. Khoa học và kỹ thuật dưới một chính thể dân chủ

1 Trong bài này nói về những người trong bậc Đại học, tôi xin dùng danh từ "học sinh" vì nó dung hơn là danh từ "sinh viên".

nhân dân là có sự phân công rất mạch lạc nhưng đồng thời vẫn có sự tổng hợp thống nhất và hợp đồng chặt chẽ giữa các ngành và trong các bộ phận của một ngành. Đó là sức mạnh của khoa học và kỹ thuật của chính thể ấy

Tinh thần thống nhất học và hành còn biểu hiện ở một mặt khác nữa, là phải học hỏi, hiểu biết thực hành theo những điều kiện của nước ta Ví dụ ta cần nhiều cán bộ quân sự Nhưng không phải là chỉ học những lý luận quân sự dạy trong các sách nước ngoài mà có thể trở thành người chỉ huy giỏi ở nước ta Lí luận quân sự cổ điển chỉ là một số kiến thức đại thể Nó phải được biến chế trong những điều kiện người, vật và cảnh đặc biệt của Việt Nam để xây dựng một chiến lược và chiến thuật cho cuộc chiến tranh nhân dân, về phòng thủ cũng như về tấn công Ví dụ ta cần nhiều cán bộ canh nông. Nhưng không thể hạn chế những kiến thức về canh nông trong những sách của Pháp để lại Những kiến thức đó có thể dùng làm nguyên tắc đại cương. Nó cần được bổ khuyết và sửa chữa nhờ những kiến thức về một nền nông nghiệp cổ truyền của Việt Nam, trên cơ sở đó ta phải xây dựng một nền nông nghiệp nhân dân, theo những nguyên tắc xã hội mới và trong những điều kiện kỹ thuật mới

Vậy thì việc đào tạo cán bộ ở các trường Đại học của ta là phải khăng khít với đời sống thực tế, với sự hoạt động xã hội. Mối liên lạc đó phải thực hiện bằng cách nào trong lúc học sinh còn học ở trường, đó là một vấn đề khác, thuộc phạm vi tổ chức, mà mỗi ngành Đại học phải có một kế hoạch cụ thể.

Nhưng một trong những điều kiện cần thiết để cho sự liên lạc đó dễ thực hiện, là mỗi ngành đại học phải tổ chức một *trung tâm nghiên cứu* (gọi bằng viện nghiên cứu hay bằng gì, điều đó không quan trọng lắm), có nhiệm vụ thu góp tài liệu cho ngành ấy, đồng thời là chỗ nối liền việc học

ở trường với sự hoạt động xã hội của ngành ấy và về ngành ấy. Trung tâm nghiên cứu đó không những chỉ sưu tầm tài liệu và thực hiện việc liên lạc giữa lí luận và thực hành mà còn có nhiệm vụ *vạch ra đường lối chung của từng ngành nữa*. Không thể để tồn tại lâu dài cái tình trạng này, là mở một trường đại học hay một ban, mà các giáo sư giảng về một môn lại không có một đường lối chung cho rõ rệt, một quan niệm thống nhất về môn mà mình dạy. Ví dụ cùng trong một trường mà có ba vị giáo sư dạy triết học một vị thì dạy Phật giáo, một vị thì dạy Lão giáo, một vị thì dạy triết học cổ Hy Lạp, mà cả ba không đứng trên một lập trường chung, thì thật là trống đánh xuôi kèn thổi ngược, làm cho học sinh hoang mang, không biết đâu là chân lí ! Vậy thì viện nghiên cứu là phải có nhiệm vụ thống nhất quan niệm, đường lối về ngành đó, để cho các giáo sư và học sinh có thể dựa vào một phương pháp suy luận chung mà tiến hành công việc giảng dạy và nghiên cứu.

Điều thứ ba là nền đại học của một nước theo chính thể dân chủ nhân dân phải được *chính trị hóa*, chính trị hóa đây không phải chỉ có ý nghĩa là thêm vào chương trình học của các trường mỗi tuần vài giờ về khoa học chính trị xã hội. Lối học chính trị như vậy là cần, nhưng chưa đủ. Chính trị hóa nghĩa là bất cứ khoa học tự nhiên hay nhân văn, mĩ thuật hay kỹ thuật, hay thể dục phải thấm nhuần tinh thần *tất cả các ngành đều có nhiệm vụ thiêng liêng phụng sự nhân dân giành giải phóng và kẻ hoạt động về ngành ấy là chiến sĩ trên mặt trận giải phóng của nhân dân*. Muốn như thế thì các ngành đại học phải căn cứ vào chính sách của chính phủ trong từng giai đoạn, trong từng thời kỳ để đem tất cả lực lượng dồn vào việc cung cấp cán bộ cho giai đoạn đó và cho những ngành quan trọng nhất của công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Ví dụ trong một thời kỳ nhất định, chính phủ ra lệnh bước sang tổng phản công. Các ngành đại học phải cụ thể hóa nhiệm vụ đó trong ngành mình như canh nông

thì có kế hoạch sản xuất nhiều lương thực cho *bộ đội*, cơ quan và nhân dân, giao thông công chính sửa và đắp đường, tổ chức vận tải cho bộ đội và quân nhu; giáo dục đào tạo cấp tốc những lớp thanh niên cần cho các loại binh chủng, y tế - cách cứu thương và tổ chức các trạm cứu thương, phổ biến những kiến thức cứu thương trong nhân dân v v. đó là phận sự của các Bộ, nhưng các trường đại học thuộc các ngành ấy đều phải tham gia Một ví dụ nữa Khi chính phủ định rằng, trong một thời kỳ nhất định, khâu chính trong công việc y tế là phát triển vệ sinh nông thôn, học sinh các trường Y khoa đại học, không kể chuyên về khoa nào, đều phải nghiên cứu những phương pháp và giúp thực sự vào công việc đó; trong một giai đoạn nào việc phát triển Bổ túc bình dân là công việc cần trong nền giáo dục nhân dân thời các học sinh trường đại học sư phạm, mặc dầu là học để về sau làm giáo sư các trường trung học chuyên khoa nhưng cũng phải nghiên cứu về cách phát triển công việc ấy và tích cực giúp đỡ.

Về mặt này thì các viện nghiên cứu đã nói đến trong điều hai có một tác dụng rất lớn

Nếu nói rộng hơn thời chính trị hóa nghĩa là phải áp dụng cụ thể đường lối chính trị chung vào từng bộ phận, từng vấn đề trong ngành của mình Nếu chỉ đồng ý và tuyên bố rằng nền giáo dục ở ta hiện nay phải theo những nguyên tắc của một nền giáo dục dân chủ mới mà mặt khác, trong các ngành giáo dục, từ chương trình cho đến cách giảng dạy, cách tổ chức việc học, nhà trường, lối thi cử tuyển học sinh v v , vẫn theo lề lối cũ, thời công việc chính trị hóa nền giáo dục chưa tiến được bước nào

III NÊN TỔ CHỨC ĐẠI HỌC CỦA TA NHƯ THẾ NÀO?

1. Chương trình học

Các ngành của nền văn hóa giáo dục, cũng như bất cứ một ngành hoạt động nào, đều phải dựa trên những quy luật

phát triên chung của xã hôi Vì vây không môt ngành nào có thể tư cho mình là "thuần túy" hay "trung lâp" đứng lơ lứng trên các thời đai, trên các biến chuyển của không gian và thời gian

Những quy luât phát triển chung của giới tư nhiên và của lich sử loài người là những kiến thức căn bản, mấu chốt mà tất cả các ngành cần biết Vây thì trong những chương trình của các ngành về bâc Đai hoc nhất đmh phải hoc qua môt khoa hoc chung, tức là khoa *triết hoc mới* Khoa hoc đó soi sáng cho ta con đường phát triển của muôn vât trong giới tư nhiên, của xã hôi và tư duy. Nó là môt phương pháp suy luân phản ánh được những quy luât phát triển của thực tế, nghĩa là hợp với tinh thần khoa hoc, và giúp cho sư nghiên cứu và hoat đông khoa hoc có những triển vong lớn

Ngoài môn đó ra, còn có những khoa hoc cũng cần thiết cho tất cả các ngành khoa hoc và hoat đông, như môn chính tri hoc về *chính thể dân chủ nhân dân* Vì chính thể ấy là cả môt giai đoan phát triển trong lịch sử của dân tôc, môt thời kỳ trong lich trình tiến hóa, trong đó không có môt ngành nào là tách biệt ra ngoài Có hiểu chính thể đó là thế nào thì mới nhân đinh rõ đia vi và nhiêm vu ngành hoat đông của mình trong xã hôi mà mình đang sống và đang xây dưng

Các ngành khoa hoc chia thành hai loai lớn, là khoa hoc nhân văn và khoa hoc tư nhiên Hoc sinh khi hoc xong trung hoc chuyên khoa, đi về ngành này hay ngành khác, nhưng đều vào môt trong hai loai lớn ấy, *trong thời dư bi vào Đai hoc* Ví dụ những thanh niên về sau sẽ đi vào văn hoc, sư pham văn khoa, pháp lí, kinh tế, sinh ngữ v.v ngoài khoa triết hoc và chính tri như đã nói trên, cần qua môt hay hai năm dư bị để *nghiên cứu các khoa hoc xã hôi căn bản*, như xã hôi hoc, lich sử Việt Nam và thế giới, kinh tế, chính tri v v . Còn những người sẽ

chuyển về các ngành khoa học tự nhiên hay kĩ thuật (y dược học, canh nông, giao thông công chính trị, quân giới v v.) ngoài hai môn triết học và chính trị ra trong thời kỳ dự bị đều phải qua một hay hai năm vật lí, hóa, và sinh vật Đối với các ngành khoa học tự nhiên cũng như khoa học nhân văn, thời kỳ dự bi đó là cần thiết để cho học sinh các ngành về sau bất cứ vào ngành nào, cũng có một nền nếp suy luận chung Căn bản chung đó, về sau sẽ giúp cho việc nghiên cứu của từng ngành có nhiều kết quả, nếu nó đứng trên một lập trường vững, *dựa trên một quan niệm mới, tiến bộ*. Nó phải là một phương pháp suy luận, một vũ trụ bao quát và đông đảo, thời mới giúp cho học sinh áp dụng được vào từng ngành. Ví dụ nếu có học sinh cho nhiều về vật lí, hóa học, và sinh vật, mà cứ học theo lối cũ như ở các trường của Pháp, và không nghiên cứu kỹ "Biện chứng của giới tự nhiên" của Ăngghen chẳng hạn, thời phương pháp suy luận cũng chẳng tiến được

Trên là nói về phần dự bị vào Đại học. Còn lúc bước vào Đại học chính thức, thì như đã nói ở trên, trí và hành phải mật thiết thống nhất, nghĩa là những môn lí luận ở trường phải được bổ sung bằng công việc thực tập ngoài nhà trường, trong các ngành hoạt động tương đương.

2. Cách dạy và học

Lên đến Đại học thì người thanh niên đã trưởng thành về tư tưởng, nghĩa là có thể suy luận một cách độc lập. Việc học ở trường phải giúp họ phát huy sáng kiến và đào tạo cho họ một nền nếp suy luận vững chắc. Cho nên, việc giảng và học cũng cần quan niệm và tiến hành theo những phương pháp khác với các cấp học ở dưới

Giáo sư đến lớp không phải cứ biết được bao nhiêu là tuôn ra hết cho học sinh, buộc học sinh phải nghe và ghi chép một cách thụ động, để rồi lắp lại những cái mà mình đã học thuộc lòng

Giáo sư dạy bậc Đại học phải phối hợp vai trò của một giảng viên với vai trò của một người hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu và suy luận thời việc học của học sinh mới chóng tiến, óc phê phán và sáng kiến của họ mới phát triển được. Khi dạy một môn gì, giáo sư phải soạn trước một giáo trình của môn ấy (programme du cours) chia ra từng thời kỳ, mỗi thời kỳ nghiên cứu về những vấn đề gì. Mỗi vấn đề có kế hoạch tỉ mỉ, trong đó giáo sư đặt ra những điểm chính của vấn đề, và kê những sách và tài liệu cho học sinh tham khảo. Trong các sách và tài liệu có phần chính (bắt buộc phải đọc hết) và phần phụ. Kế hoạch về mỗi vấn đề phát trước cho học sinh để họ tự nghiên cứu. Chương trình và kế hoạch, trước khi phát cho học sinh phải được viện nghiên cứu của ngành Đại học tương đương duyệt y và ban giám đốc hoặc chủ nhiệm khoa công nhận.

Tất cả học sinh cùng lớp phải nghiên cứu toàn cả kế hoạch và tham khảo những sách và tài liệu mà giáo sư đã chỉ ra. Học sinh chia thành tổ nghiên cứu cho dễ kiểm soát và giúp đỡ lẫn nhau. Sự nghiên cứu về mỗi vấn đề chia làm ba thời kỳ. Lần thứ nhất, giáo sư đến lớp nêu lên những nguyên tắc chủ đạo của vấn đề đó là nhập môn, để làm kim chỉ nam cho học sinh khi nghiên cứu vấn đề. Lần thứ hai, giáo sư đến để cho học sinh có vấn đề gì thắc mắc thì hỏi. Lần thứ ba là thuyết trình. Giáo sư chỉ định trong vấn đề phải có mấy thuyết trình chính và những học sinh nào phải thuyết trình. Còn những người khác chuẩn bị phát biểu ý kiến hoặc bổ sung. Xong rồi giáo sư kết luận. Cách này là lối nghiên cứu theo nhóm (méthode de séminaire).

Theo phương pháp này thì giữa học sinh và học sinh và giữa giáo sư và học sinh, thực hiện được tinh thần hợp tác và học sinh dễ phát triển tính tự động và sáng kiến.

Về những môn mà sách và tài liệu hiếm và chỉ có một mình giáo sư biết, thì giáo sư dùng cách diễn thuyết, nhưng

cũng phải soạn trước kế hoạch và dàn bài để cho học sinh dễ theo dõi và bài giảng của giáo sư cần được ghi và phổ biến trong các học sạn

Để kéo học sinh vào nghiên cứu khoa học, giáo sư từng ngành, từng môn có thể giao cho từng nhóm học sinh những nhiệm vụ cụ thể (sưu tầm tài liệu, thống kê, soạn những tài liệu có tính cách phổ biến, v v) Đó cũng là một hình thức tập sự về khoa học, và như vậy là giáo sư có một nhóm thanh niên công tác và giúp việc ở xung quanh mình

Một giáo sư Đại học cũng như một học sinh Đại học, không nên có cái quan niệm rằng ở trường mình chỉ biết dạy hay học khoa chuyên môn đã định trong chương trình Đó là một sự biểu hiện của quan niệm "khoa học thuần túy" ở các trường Đại học tư sản mà chúng ta cần phải tránh. Có những vấn đề tuy không ghi vào chương trình chính thức, nhưng nó có thể mở rộng kiến thức và giúp thực tế cho ngành chuyên môn Ví dụ. đời sống mới, phương pháp cải thiện dân sinh - đối với y học, sự hoạt động của các đoàn thể nhân dân - đối với pháp lí giảm tức, giảm tô, cải cách ruộng đất, tổ chức đổi công - đối với canh nông, v v

Về những vấn đề ấy thì cần có những buổi nghiên cứu, trao đổi ý kiến và tháo luận chung giữa đoàn thể, ngành chuyên môn và ngành học tương đương (giáo sư và học sinh)

3. Cách tuyển học sinh vào đào tạo nhân tài

Trong thời Pháp thuộc và hiện nay ở các nước tư bản. chỉ có một phương pháp duy nhất để đào tạo cán bộ cho các ngành là qua các trường Nếu đó là một phương pháp duy nhất thời cách đào tạo nhân tài như vậy là thiếu sót, và trái với dân chủ và với khoa học

1 Nó chỉ dành riêng cho một số người con em của những nhà có điều kiện cho con đi học từ bé đến lớn Những thanh niên khác, tuy không qua các trường học,

nhưng trong nghề đã to ra có năng lực và kinh nghiệm thực tế, đều bị gạt ra ngoài.

2. Chỉ đào tạo cán bộ theo cách đó thì làm cho kiến thức học được ở trường không sát với đời sống thực tế, vì người học sinh xa nhân dân, dễ có những quan niệm hẹp hòi về ngành chuyên môn của mình, và phần nhiều, thiên về lí luận suông.

Vậy thì nếu bổn phận của những giáo sư Dân chủ mới là làm cho ở một nước, các ngành và nhân tài của các ngành phụng sự nhân dân, thời phải bổ sung vào cách đào tạo nhân tài đó bằng một cách thứ hai.

Ngoài việc tuyển học sinh ở các trường phổ thông vào Đại học thì còn phải tuyển bằng lối sát hạch những người hoặc đã học ở các trường chuyên môn cấp dưới, và đã làm việc ở ngành mình trong một thời gian nhất định, hoặc những người chưa học ở những trường ấy, nhưng về chuyên môn cũng như về văn hóa, có đủ sức để theo học. Muốn cho lối tuyển theo cách này dễ tiến hành thì các cơ quan, công xưởng, đoàn thể cần tổ chức ở tại chỗ những lớp bổ túc về chuyên môn và văn hoá cho nhân viên của đơn vị mình.

Thường ở những nước Dân chủ nhân dân, học sinh mới tốt nghiệp một trường Đại học nào vẫn chưa phải là những người đã có những học vị như bác sỹ, tiến sỹ, v.v... Những chức đó là để cho những người sau khi ở trường Đại học ra đã có những thành tích về nghiên cứu và có thể dạy ở các trường Đại học.

Rồi đây, Chính phủ ta sẽ phải mở những kỳ thi để cấp những học vị cho những nhân tài trong nước, về thành tích và kiến thức, có thể xếp vào bậc giáo sư Đại học mặc dầu có người chưa có những bằng cấp cao của các trường của Pháp cấp cho. Cũng có những vị không chuyên hẳn về giáo dục, nhưng đã có nhiều thành tích về lí luận và hoạt động xã hội, thời Đại học Việt Nam phải cấp những học vị danh dự cho họ.

4. Chế độ quản trị các trường đại học

Về sau, với sự phát triển của nền giáo dục của ta và các Bộ sẽ được kiên toàn, thì những trường như Y khoa Đại học, Pháp lý Đại học là phải thuộc quyền quản trị các Bộ sở quản, nghĩa là Bộ Y tế, và Bộ Tư pháp. Vì học sinh mới tốt nghiệp các trường này chỉ là những nhà chuyên môn và cũng còn tập sự, mặc dầu là cao cấp, chứ chưa có tư cách để dạy ở các trường Đại học. Những người xuất sắc về một môn gì cũng có thể giúp việc dạy ở Đại học về môn ấy, nhưng chỉ mới là phụ giáo thôi. Vả lại, về sau này, không những chỉ có bốn ngành là văn học, khoa học, y học, luật học như ở các nước tư bản mới có quyền cấp các học vị, mà tất cả các ngành khoa học và kĩ thuật đều có quyền cấp những học vị ấy và theo những tiêu chuẩn cao hơn. Những trường cao đẳng chuyên môn thuộc các Bộ sở quản phụ trách sẽ ở dưới quyền điều khiển chung của một "Ban phụ trách các trường cao đẳng chuyên môn" ở trong chính phủ và có quyền hạn ngang với một Bộ.

Có người có ý kiến nên tách Đại học ra thành một cơ quan tư trị, nghĩa là không thuộc dưới quyền của một Bộ nào, có ngân sách riêng và chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và chính phủ. Như vậy là lẫn lộn Đại học với Viện khoa học. Ở một nước dân chủ mới, mà nền giáo dục là phải căn cứ vào hệ thống của trường học duy nhất (systeme de L'ecole unique), thời không thể có một lối tổ chức nền Đại học trái dân chủ như thế được.

Tốt hơn hết là ở mỗi trường có một ủy viên chính trị để giúp việc cho hiệu trưởng. Nhưng vì hiện nay chưa có điều kiện để lập chế độ ủy viên chính trị nên cũng cần có một lối tổ chức quản trị dân chủ và duy nhất cho các trường Đại học. Mỗi một trường có một ban quản trị điều khiển gồm có hiệu trưởng, đại biểu của giáo sư và đại biểu của toàn thể học sinh ở trường.

IV ĐỊA VỊ CỦA HỌC SINH TỐT NGHIỆP CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Địa vị đây không có ý nghĩa gì về quyền hạn, chức tước Địa vị đây nghĩa là sau khi tốt nghiệp ở trường ra, người học sinh Đại học phải làm gì?

Cần *bỏ hẳn lối chia ra những nghề tự do với những nghề không tự do* Đó là một sự phân chia đặc biệt ở các nước tư bản, nó chỉ là một cái hiện tượng của những quyền lợi của từng người và từng nhóm người cạnh tranh với nhau và xung đột lẫn nhau Ở nước ta, không thể để cho một người thanh niên, khi học xong ở trường, ra đời muốn làm việc cho Chính phủ hay không làm cũng được Thái độ đó trái ngược với quan niệm, Chuyên môn phải phụng sự nhân dân Một ông thầy thuốc chỉ đi chữa tư để trục lợi cho mình không thể tự cho mình phụng sự nền văn hóa của dân tộc Một ông thầy cãi chuyên đi cãi cho các tư nhân để làm giàu không hề tự hào rằng mình đã gây được trong nhân dân ý thức tôn trọng pháp luật và trật tự xã hội. Với luận điệu ấy thì một gã buôn hàng lậu cũng có thể nói được rằng vẫn phụng sự Tổ quốc

Chính phủ cần đặt ra cái lệ hễ học xong các trường Đại học và Cao đẳng chuyên môn thì học sinh phải làm việc trong một cơ quan Nhà nước trong một thời hạn tối thiểu là bao nhiêu năm Học sinh tốt nghiệp ở các trường phải nhận rõ cái danh dự làm việc trong một cơ quan của Chính phủ nhân dân Vì có làm việc ở một cơ quan, nó là tiêu biểu chính quyền nhân dân về ngành ấy, thời mới thực hiện được một cách thành thực và cụ thể cái tinh thần phụng sự nhân dân Hai là chỉ ở trong cơ quan mới thực hiện được tinh thần công tác và lối làm việc tập thể, những điều kiện cần thiết để cho ngành chuyên môn và nhà chuyên môn chóng tiến Có lẽ điều mà các nhà chuyên môn thường lo ngại hơn hết, là bị "công chức hóa" theo cái ý nghĩa tiêu cực của danh từ ấy trong xã hội tư bản

Cố nhiên, không phải tất cả các người chuyên môn đều phải có mặt ở bàn giấy từ sáng đến chiều, như những người có trách nhiệm về hành chính. Cũng có những ngành, những thứ chuyên môn mà sự có mặt ở cơ quan của người phụ trách không nhất định phải liên tục. Về sau, Chính phủ có thể quy định số giờ tối đa của từng hạng người chuyên môn mà họ bắt buộc phải làm cho cơ quan trong một ngày. Ngoài số giờ đó ra, thì họ có thể giúp việc thêm cho các cơ quan khác, đoàn thể và tư nhân, có quyền lấy tiền thù lao, nhưng sự hoạt động đó cũng phải có pháp luật và đoàn thể của họ quy định rõ ràng. Ví dụ: Đoàn y sĩ quy định số tiền khám bệnh mà một người thầy thuốc lấy tiền của bệnh nhân ngoài giờ làm việc ở bệnh viện, và định số thuế đánh vào lợi tức hàng tháng của người thầy thuốc ấy từ mấy phần trăm. Ở các nước dân chủ nhân dân, số tiền đóng đó là do đoàn thể của ngành ấy thu để chi tiêu về các công việc xã hội và cải thiện đời sống của đoàn viên (học tập, giải trí, nghỉ mát, dưỡng bệnh, cứu tế, v.v .)

Nền Đại học Việt Nam phải làm nền tảng văn hóa cho Nhà nước dân chủ mới. Nó là nơi đào tạo cho Nhà nước những lớp trí thức mới, những lớp trí thức không xa cách nhân dân, không khinh rẻ nhân dân, mà cùng với nhân dân kết làm một khối: những *lớp trí thức nhân dân*. Muốn làm tròn nhiệm vụ vẻ vang ấy, nền Đại học Việt Nam phải tự cải tạo lại về tinh thần cũng như về vật chất, về đường lối tổ chức cũng như về chương trình học và về cách giảng dạy và học tập.

Hai là nền Đại học Việt Nam, quan niệm theo những nguyên tắc mới, không phải chỉ một nhóm người mà xây dựng nổi. Nó là kết quả của sự công tác của tất cả các ngành hoạt động, của toàn dân. Vì mục đích giúp vào công cuộc giải phóng nhân dân, nó phải là sự nghiệp chung của nhân dân

TIẾNG VIỆT VÀ DẠY ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG VIỆT*

VÌ SAO CHÚNG TA BẢO VỆ TIẾNG NÓI CỦA DÂN TỘC?

Nếu chúng ta nghe một người nước ngoài nào bảo rằng tiếng nói của dân tộc họ là hay nhất, đẹp nhất, thì chúng ta cũng chớ vội chụp mũ cho người đó là có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, có đầu óc sô-vanh. Trừ một số người mất gốc, bán cả phần xác lẫn phần hồn cho bọn cướp nước không kể, còn đối với một người dân của đất nước nào thì đất nước đó là quý nhất, đáng yêu nhất, cũng như tiếng nói của dân tộc mà họ đại diện, là hay là đẹp nhất.

Trong sự tự hào đó, ở từng cá nhân, có thể có những chỗ lệch lạc hoặc có phần cường điệu, nhưng nói chung lòng tự hào ấy vẫn có một lí do chính đáng. Nó là một sự phản ứng tất nhiên trong một thế giới còn có người bóc lột và người bị bóc lột, còn có những dân tộc "lớn" áp bức những dân tộc "nhỏ yếu". Mất độc lập thì tiếng nói của dân tộc cũng mất. Những người bị bóc lột không được tự do diễn đạt ý nghĩ, tình cảm và nguyện vọng của mình, như vậy là tiếng nói của mình cũng mất.

Mối tình cảm sâu sắc đối với tiếng nói của dân tộc là một mối tình cảm tự nhiên, vì lẽ rằng tiếng nói của một dân tộc có từ khi có dân tộc đó. Hơn nữa, cùng với lao động, tiếng nói đã đưa con người từ lốt thú sang lốt người. Với tiếng nói của mình, mỗi dân tộc đã tạo nên cho mình một cuộc sống có sắc thái riêng. Nó đã chia sẻ ngọt bùi và cay đắng cùng với dân tộc trong những ngày lầm than, tủi nhục cũng như trong những buổi thịnh đạt phồn vinh.

---

* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1969

Nó là yếu tố tích cực trong những bước tiến lịch sử của xã hội, của dân tộc, của con người Nền văn hóa muôn màu nghìn vẻ của loài người là sự tập hợp và kết tinh của nền văn hóa đốc đáo của các dân tốc Nền văn hóa đôc dáo của mỗi dân tôc xây dưng nên được trước hết là bằng công cu của tiếng nói của dân tôc Yêu tiếng nói dân tôc không tách rời yêu nước, yêu đôc lâp và tư do. Không phải hễ người nào yêu tiếng nói dân tôc đều là người yêu nước Nhưng hễ đã yêu nước thì nhất đinh yêu tiếng nói dân tôc Vì vây, Lênin đã nói: "Có phải chúng ta, những người vô sản Nga, không hề có lòng tư hào dân tôc không? Tất nhiên không phải không có Chúng ta yêu tiếng nói của chúng ta là yêu Tổ quốc của chúng ta. Điều mà chúng ta phải làm nhiều hơn hết, là nâng quần chúng lao động (nghĩa là 9 phần 10 dân số) lên đời sống có ý thức của những người dân chủ và những người xã hôi chú nghĩa[1].

Yêu tiếng nói của dân tôc, người cách mạng xuất phát từ môt lâp trường chính tri Ho không phải chỉ yêu tiếng nói của dân tôc vì nó là hay, là đep đối với mình, không phải yêu môt cách bi dông, như người ta chiêm ngưỡng sắc dep của một vât gì Tình yêu đó trước hết là sư thể hiên tình yêu đôc lâp và tư do Bởi tiếng nói của dân tôc là công cu để đấu tranh cho đôc lâp và tư do - cái quý nhất trên đời đối với con người Nó là biện pháp chủ yếu để thức tỉnh, để nâng cao giác ngô chính tri và ý chí phấn đấu của quảng đại quần chúng nhân dân chống áp bức bóc lôt, giành độc lâp, tư do

Vì tiếng nói của dân tôc là công vu để nâng cao giác ngô của nhân dân và nâng cao trình đô văn hóa của nhân dân - tựu trung cũng đi đến nâng cao trình đô giác ngô - cho nên khi một bọn ngoại xâm đến chinh phuc một dân tôc và thống tri, nô dịch dân tôc đó, thì môt trong những viêc dầu tiên mà

1 Lênin *Tuyển tập* (bản tiếng Pháp) Nxb Ngoại văn Mátxcơva, 1954, T 1, tr 408

chúng làm là bắt dân tộc phải học tiếng của kẻ ngoại xâm, từ bỏ tiếng nói của cha ông mình Bọn xâm lược thời xưa đã làm như thế, bọn đế quốc thực dân - cũ và mới - ngày nay cũng làm như thế

Tiếng nói là của chung của dân tộc, nhưng dưới chế độ có các giai cấp đối kháng thì cách nói vẫn mang tính chất giai cấp Ở ta, xưa kia, mặc dầu khi nước nhà đã có độc lập chủ quyền rồi, giai cấp phong kiến thống trị vẫn học và dùng tiếng nước ngoài trong đời công, thậm chí khi làm văn làm thơ, giao dịch bằng tiếng dân tộc cũng xen rất nhiều danh từ nước ngoài vào, cho rằng như vậy tiếng mới "văn vẻ", mới "thâm uyên", mới "thanh tao" để phân biệt hẳn với cách ăn nói "phàm phu tục tằn" của đám "con đen" Ở các nước phương Tây trong thời kỳ còn chế độ phong kiến cũng vậy Tình hình đó đã được mô tả trong hài kịch *Những người đàn bà thông thái* của nhà soạn kịch Môlie

Tất cả những cái đó đều không ra ngoài ý đồ của bọn thống trị là chắn ngang con đường học vấn đối với nhân dân, giữ họ lại trong vòng tối tăm ngu muội, để duy trì sự áp bức bóc lột đối với họ

Dân tộc Việt Nam là một trong những dân tộc trên trái đất này, suốt mấy nghìn năm, đã trải qua nhiều thử thách, nhiều sóng gió nhất Nhưng cũng qua những thử thách đó mà dân tộc ta đã tỏ ra có một sức sống kỳ diệu, phi thường Sức sống của tiếng Việt là một trong những biểu thị kiệt xuất của sức sống của dân tộc

Trong gần một nghìn năm bị ngoại bang đô hộ, khi mà đất nước chỉ còn là một châu, quận trong lãnh thổ chung của nước ngoài, còn về mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán, lễ giáo v v sự đồng hóa ngày càng tăng, dưới bao nhiêu sức ép, kìm kẹp như vậy, thường thường tiếng nói của "thổ dân" khó lòng mà không bị mai một, thậm chí có thể bị thiêu hủy hoàn toàn

Nhưng tiếng Việt đã không lâm vào tình trạng đó Nó vẫn sống, vẫn phát triển, vẫn giữ được tính chất độc đáo của nó Tất nhiên, không thể phủ nhận một điều là, chính trong thời gian đó, từ vựng của tiếng Việt được bổ sung rất nhiều về từ của nước ngoài và một phần lớn những từ Hán - Việt trong tiếng ta là bắt nguồn từ đó Nhưng về đời sống vật chất cũng như tinh thần, về những hiện tượng tự nhiên cũng như xã hội, vốn chính nói chung vẫn thuộc về tiếng Việt Điều quan trọng hơn nữa là tiếng Việt đã giữ được tính độc đáo của nó trong cách nói

Điều đó không phải ngẫu nhiên Không phải là một ngoại lệ trong quy luật phát triển chung của xã hội, mà quy luật phát triển tiếng nói nằm trong đó Tiếng nói của "thổ dân" dễ bị mai một, tiêu vong là khi bị một nước ngoài chinh phục, trình độ phát triển của "thổ dân" đó chưa cao, họ còn ở vào thời kỳ bộ lạc, hoặc nguyên thủy, chưa có một sự thống nhất vững chắc về mặt sinh hoạt xã hội Cũng như khi kẻ đi chinh phục còn ở vào trình độ phát triển xã hội thấp hơn so với dân tộc bị chinh phục, thì không những kẻ chinh phục không thể làm cho nền văn hóa của dân tộc bị chinh phục thụt lùi hoặc bị tiêu vong, mà chính bọn chinh phục còn bị đồng hóa bởi nền văn hóa đó nữa Lịch sử các "Rợ" xâm chiếm đế quốc La Mã và người Mông Cổ chinh phục Trung Quốc hồi thế kỷ XIII đã chứng minh điều đó

Khi bị đặt một cách chặt chẽ dưới sự đô hộ của triều Đông Hán hồi đầu công nguyên sau khi Vương quốc do Hai Bà Trưng lập nên bị đánh bại, Việt Nam ở vào giai đoạn phát triển nào, điều đó ngành sử học ta còn phải tìm tòi và xác định Nhưng có một điều chắc chắn là vào hồi ấy, người Việt quyết không phải là một đám người man dã nữa, "nói như chim kêu", "không biết mặc quần áo", "không biết cày cấy", "không biết lễ nghĩa, cưới xin là gì" v.v

Cố nhiên, so với người Hán, hoặc cổ Hy Lạp, cổ La Mã, nền văn hóa của người Việt lúc ấy chưa cao bằng, nhưng dù sao, vào khoảng thời gian đó, người Việt cũng đã có một nền văn hóa riêng của mình rồi, được xây dựng từ hàng nghìn năm trước đó. Các bộ tộc Lạc Việt đã từng định cư lâu trên một dải đất nhất định có quốc giới, đã tổ chức thành một quốc gia, đời sống vật chất và tinh thần đi vào nề nếp, có quy củ, có hệ thống. Chúng ta không chỉ dựa vào những truyền thuyết, các truyện cổ tích để khẳng định điều đó. Những di chỉ khảo cổ tìm thấy trong những năm gần đây ở nhiều nơi trên đất nước ta dần dần đã mang lại thêm nhiều bằng chứng ngày càng rõ, rất lí thú.

Như vậy cũng có thể thấy rằng về mặt dân tộc, trước thời Bắc thuộc, trong người Việt đã có một sự thống nhất nhất định, chỉ trên cơ sở đó tiếng Việt mới có một sự ổn định và mới có một cá tính, một sắc thái riêng, nó là cơ sở của sức sống của tiếng Việt, đủ mạnh để bảo vệ cho nó khỏi bị mai một, tiêu vong sau bao nhiêu thế kỷ bị xâm lược và bị nô dịch.

Trong tinh thần của người Việt Nam lòng yêu nước, tinh thần dân tộc cao độ là nét đặc sắc nhất. Tinh thần đó, người Việt Nam có rất sớm, từ lâu. Là vì họ đã có sẵn một di sản mà nhiều thế hệ trong nhiều năm đã tạo nên và vun xới, bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu, bằng chân tay và trí óc, nó đã mang lại và củng cố trong nhân dân ta cái ý thức về trách nhiệm phải bảo vệ nó.

Vốn là một nước, hàng nghìn năm về trước còn là nhỏ, thường xuyên bị đe doạ bởi địch hoạ (chủ yếu là nạn ngoại xâm) và thiên tai, cho nên luôn luôn phải đoàn tụ, chung lưng đấu cật lại để chống đỡ và xây dựng. Đoàn kết dân tộc - đó là một sức mạnh lớn của người Việt Nam từ thời xa xưa, là một nhân tố quan trọng để cho tiếng nói của dân tộc sớm được thống nhất, và từ lâu tiếng Việt đã thành tiếng

nói chung của cả nước. Và tiếng nói thống nhất lại là một yếu tố củng cố khối đoàn kết dân tộc.

Nhưng cái yếu tố quan trọng nhất làm cho tiếng Việt có sức sống mãnh liệt và giữ được sắc thái riêng của nó, đó là tiếng Việt chủ yếu là do nhân dân xây dựng nên và bảo vệ nó. Trong thời kỳ ngoại bang đô hộ, nền văn hóa của ngoài du nhập vào ta cũng chỉ có ảnh hưởng lớn đến tầng lớp trên, lớp quan lại phong kiến bản xứ, và cũng để giao dịch và phục vụ kẻ đô hộ. Còn nhân dân thì hầu hết là mù chữ. Vì vậy, họ cũng chỉ có thể dựa vào tiếng nói của dân tộc để xây dựng cuộc sống vật chất và tinh thần. Thiếu chữ viết, họ phải lấy việc truyền miệng làm công cụ truyền đạt và giao lưu. Thực tiễn đó đã tạo ra những đặc điểm của tiếng Việt và những hình thức văn học nghệ thuật đặc sắc, thích nghi với nhu cầu truyền miệng, lời nói ngắn, gọn, hình tượng, gợi cảm, chính xác, nhịp nhàng, nhiều âm thanh, giầu tính nhạc. Những đặc điểm đó được thể hiện rất đậm nét trong kho tàng ca dao, tục ngữ cực kỳ phong phú của nhân dân ta.

Sau khi giành độc lập và chủ quyền cho đến khi nước nhà bị chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm chiếm, tình hình văn hóa của quần chúng cũng không thay đổi mấy. Để xây dựng đất nước, giai cấp phong kiến trong nước cũng vẫn dựa vào văn tự nước ngoài và với mục đích chật hẹp là đào tạo lớp người phục vụ chế độ phong kiến, và lớp người này chủ yếu xuất thân từ trong tầng lớp trên của xã hội. Cái văn hóa ấy vẫn là sở trường và độc quyền của giai cấp thống trị. Vì thế, nhân dân vẫn phải tự mình xây dựng lấy nền văn hóa của mình, và cũng vẫn phải dựa vào tiếng nói của dân tộc trong công cuộc xây dựng ấy. Và nền văn hóa mà dân gian xây dựng đó mới có tính dân tộc thực sự. Nhờ vậy mà tiếng Việt vẫn sống, vẫn phát triển, ngày càng giầu thêm. Nhân dân là người bảo vệ vững vàng nhất tiếng nói của dân tộc.

Cũng vì ở Việt Nam nhân dân có tác dụng quyết định trong việc xây dựng tiếng nói của dân tộc, cho nên ở đây, trong lịch sử phát triển văn hóa nói chung, trong lịch sử phát triển ngôn ngữ nói riêng, chúng ta có thể nhìn thấy một hiện tượng khác với điều mà chúng ta thường thấy ở trong nhiều nước trong lĩnh vực ấy. Ở những nước có một nền văn hóa lâu đời và có một văn tự riêng sớm, vai trò của nền văn học nghệ thuật dân gian, và cùng với nó là tiếng nói của dân gian, bị lép vế, lu mờ dần, và đến khi chủ nghĩa tư bản ngự trị trong đời sống xã hội, thì hầu như bị tiêu vong hoàn toàn.

Ở ta, đã không xảy ra hiện tượng đó. Ngược lại, tiếng nói của dân tộc thực chất là tiếng nói của dân gian, của đại chúng, luôn luôn ảnh hưởng trở lại nền văn học và ngôn ngữ gọi là bác học. Đặc biệt ở những giai đoạn mà ý thức dân tộc phát triển đến độ cao, thì ảnh hưởng đó càng mạnh. Trong lịch sử nước ta trong một nghìn năm lại đây, đại loại có mấy thời kỳ tiêu biểu về phương diện ấy.

1. Thời Lý - Trần

Khi đã giành được độc lập hoàn toàn sau gần mười thế kỷ bị ngoại bang đô hộ, tinh thần bất khuất và lòng tự tin của dân tộc được thể hiện ở sự thiết lập một kiến trúc thượng tầng tương đối hoàn chỉnh và vững chắc, tuy về căn bản còn dập khuôn theo phương Bắc, nhưng với ý thức là củng cố và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đó là thời kỳ Thủ đô về ở Thăng Long, thời kỳ của những chiến thắng vang dội của Lý Thường Kiệt trong cuộc đọ sức với quân nhà Tống để bảo vệ Tổ quốc, thời kỳ mà đất nước được đặt tên là Đại Việt, thời kỳ xuất hiện những nhà bác học và nhà văn cự phách, thời kỳ mà cùng với việc xây dựng Văn Miếu, Quốc học, Thái học viện, đã mọc lên những đền đài đồ sộ thời các vị anh hùng cứu nước và dựng nước Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Đinh Tiên Hoàng. Đó là thời kỳ dân tộc ta với một tinh thần quyết chiến và trấn tĩnh, biểu thị

lòng tư tin ở sức mình, sửa soan bước vào môt cơn thứ thách ghê gớm và trấn đông nhất của thời đai cuôc xâm lăng cua quân Nguyên

Khung cánh lich sử đó đã đưa lai cho người ta cái ý thức rằng người Viêt phải lấy tiếng Việt để diễn đat cuôc sống đôc lập, hiên ngang của mình Viêc xuất hiên chữ Nôm là biểu hiện của ý chí đó

2. Thời kỳ cuối nhà Trần - sang đầu thời Lê

Đây là môt thời kỳ khá phức tap Sau ba lần liên tiếp đánh bại quân Nguyên - đó là những chiến thắng hiển hách vang đôi, đã góp phần làm sup đổ đế quốc Mông Cổ rải ra trên hai đại luc - thì môt trăm năm sau, giai cấp thống trị đưa nước nhà vào môt giai đoan tiêu điều, tao điều kiên khách quan cho nan xâm lăng của quân Minh Chính lúc ấy, Hồ Quý Ly có ý đinh đưa tiếng Viêt thay chữ Hán trong đời sống xã hôi. Kế hoach đó bi gián đoan bởi sư xâm lược của quân Minh Nhưng cái chính sách đồng hóa cực đoan của quân Minh đối với môt dân tôc vốn có môt nền văn hóa cao và đã có đủ sức để đánh bai môt bon xâm lược manh nhất thế giới hồi ấy đã làm cho nền đô hô của quân Minh rất bấp bênh và chỉ hai mươi năm sau thì bi quét sach Do đó, ý thức dân tôc càng được nâng cao, và tiếng Viêt bước vào môt giai đoan phát triển mới Nguyễn Trãi, vi anh hùng dân tôc cùng với Lê Lợi đã giải phóng đất nước, là người đầu tiên biết khai thác cái vốn giàu đep của tiếng nói của dân tôc Gương của Nguyễn Trãi được vua quan nhà Lê noi theo, nhất là từ Lê Thánh Tông, tuy ở môt mức còn thấp, và bi han chế Những dẫu sao, từ thời Lê, tiếng Viêt đã được bồi đắp thêm và tư tao ra cho mình môt cơ sở nhất đinh để phát triển Nó đã bắt buôc giai cấp thống trị là lớp người bi tiêm nhiễm sâu bởi hê ý thức của Nho giáo, phải thừa nhân, tuy còn rut rè, những khả năng của nó Những người ưu tú trong tầng lớp đó đã có công vun đắp cho nó, làm cho nó thêm giàu, thêm tinh vi .

3. Thời kỳ từ thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX

Thời kỳ này càng phức tạp hơn. Lúc này, chế độ phong kiến Việt Nam ở giai đoạn suy vong trầm trọng nhất của nó. Những mâu thuẫn giai cấp, chủ yếu là giữa các tập đoàn phong kiến thống trị và nông dân gắt gao đến cao độ. Các tập đoàn thống trị thì chia rẽ, giết hại nhau hèn mạt, sống sa đọa. Trật tự và đời sống xã hội không còn có kỷ cương gì nữa. Nhân dân phải chịu vô vàn đau khổ. Từ nửa đầu thế kỷ XVIII, nông dân nổi dậy khắp nơi, với một khí thế chưa từng có, báo hiệu cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Chính trong cảnh tang thương mà cũng là trong không khí quật khởi ấy, tiếng Việt đã nổi bật lên như một tia sáng ở chân trời. Cùng với những chuyện dân gian về nhân tình thế thái, và những chuyện ngụ ngôn, giai thoại mà mũi nhọn chĩa vào cái thế lực đen tối đương thời, như truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, Tiếu lâm v.v... các nhà văn thuộc Nho phái đã quay về đời sống thực tại, dùng quốc văn biểu thị thái độ của mình đối với những vấn đề thời sự, mô tả cuộc sống xã hội về mặt này hoặc mặt khác, đã nhìn đến số phận của con người.

Nền văn học lúc này thiên về hai mặt châm biếm, đả kích, tố cáo và trữ tình. Về tư và cách nói, cơ sở vẫn là tiếng nói của dân tộc, được cây bút thiên tài của những nhà văn lớn vận dụng một cách sáng tạo vốn Hán học cổ điển của mình, gọt giũa, chải chuốt, làm cho tiếng Việt thêm giàu, uyển chuyển, tinh vi và trong sáng. Tiếng Việt biểu lộ những khả năng to lớn của nó. Thế kỷ XVIII đã đánh dấu một bước ngoặt trong quá trình phát triển của Tiếng Việt.

Tinh thần quật cường của dân tộc đã thể hiện một cách hiển hách trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, đập tan cơ đồ của các tập đoàn phong kiến trong cả nước để đi đến chiến thắng lừng lẫy của Quang Trung đại phá hai mươi vạn quân Thanh, cứu đất nước khỏi nạn xâm lăng. Nhờ vậy mà tiếng Việt có khả năng giành địa vị ưu thế, được xác định bởi chính quyền

Tây Sơn quyết đinh từ nay sẽ dùng Tiếng Việt thay thế chữ Hán trong các mặt cua đời sống xã hội

Đời sống của triều Tây Sơn quá ngắn ngủi Những thay đổi lớn trong cơ cấu xã hội không được hoặc chưa kịp thực hiện, thì ho Nguyễn, có thế lực thực dân bên ngoài giúp sức, đã đoat quyền và phục hồi ách thống trị phong kiến cực kỳ phản đông, mở đường cho giặc ngoại xâm

Nhưng, bước ngoặt mà sư phát triển của Tiếng Việt đã ghi được ở thế kỷ XVIII là sâu sắc, căn bản, nó là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ của dân tộc để giành và giữ gìn độc lập và tư do, cho nên sư thống trị đen tối, năng nề của nhà Nguyễn đã không tiêu diệt nổi cái mầm xanh tươi và lành mạnh ấy Những nhà văn lỗi lac vẫn tiếp tuc sáng tác bằng tiếng Việt và đã đé ra những áng văn kiệt tác trong đó có những tác phẩm có tác dung đánh dấu thời đai

4. Thời kỳ bị thực dân Pháp xâm lược đến đầu thế kỷ XX

Dân tộc ta bi một tai hoa lớn thực dân Pháp xâm lược và chiếm cứ đất nước ta Chúng chia cắt Việt Nam ra từng khúc, tách Nam Bô ra làm thuộc đia Pháp, ép nhân dân phải sống theo khuôn khổ của chúng đặt ra, và tất nhiên là không có quyền nói tiếng của tổ tiên nữa Nhưng không phải vì chúng goi Bắc Bô và Trung Bô là "xứ bảo hô" mà hai bô phân này của đất nước không chiu số phân của thuộc đia Bô máy vua quan cũ - triều đình Huế - chí được giữ lai như là tay sai của chúng, còn cái kiến trúc thương tầng là hoàn toàn của Pháp, và tiếng Pháp là tiếng "chính thống"

Người ta có thể nói rằng trong thời kỳ chinh phục bon xâm lược Pháp vẫn để cho tiếng Việt sống và phát triển, và người ta viên lí do rằng có những người Nho hoc kiêm Tây hoc như Trương Vĩnh Ký (tức là "Pêtơrút" Ký) đã phiên ra chữ quốc ngữ nhiều tác phẩm văn hoc, nhiều chuyên cổ tích

Việt Nam. Chúng ta không thể cho đó là một "thiên chí" của bọn cướp nước và là một sự "cống hiến" của những kẻ mà chúng lợi dụng cái tài để thực hiện mưu đồ của chúng. Muốn nô dịch lâu dài một dân tộc, bọn thực dân bao giờ cũng tìm hiểu dân tộc đó về mọi mặt. Cũng do mục đích ấy mà chúng bắt đầu cho phổ biến việc học chữ quốc ngữ, trong khi đó thì từ lớp 1 ở trường sơ học, chúng cấm trẻ em ta nói tiếng Việt. Chúng cho ra một vài tờ báo bằng quốc ngữ để ca ngợi "văn minh và công lao của Đại Pháp", mở ban Việt ngữ ở trường thuộc địa để đào tạo bọn quan lại cai trị ở Đông Dương. Bọn thực dân mở hé cửa ra cho tiếng Việt là để bóp chết tiếng Việt, nghĩa là để bóp chết ý chí độc lập của dân tộc Việt Nam.

5. Thời kỳ từ đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Cho đến cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược bằng vũ trang nước ta. Cũng là thời kỳ nhân dân ta chống lại chúng bằng vũ trang. Lúc này thực dân Pháp trước hết lo đàn áp những cuộc khởi nghĩa, gieo rắc khủng bố trong nhân dân, giết và cướp phá các làng mạc để "bình định" cho nên chúng chỉ đào tạo một số thông ngôn ký lục để phục vụ công việc xâm lược và "bình định".

Tuy vậy, trong thời kỳ ấy, cả ở Nam, ở Bắc và Trung, có những tác phẩm bằng quốc văn nói lên tinh thần yêu nước bất khuất của nhân dân ta và có tính chiến đấu sắc bén, tố cáo giặc ngoại xâm và lên án nghiêm khắc sự đầu hàng nhục nhã của triều đình Huế. Đó là những tác phẩm bất hủ của Nguyễn Đình Chiểu, bản Hà thành chính khí ca và vô số những vè và thơ ca, như vè Thất thủ kinh đô của nhân dân sáng tác ra.

Sang đầu thế kỷ XX, khi chúng cho việc "bình định" đã tạm yên, bắt đầu kế hoạch áp bức và bóc lột nhân dân ta có hệ thống và xây dựng bộ máy cai trị thuộc địa có quy củ,

thì thực dân Pháp cũng bắt đầu đẩy mạnh nô dịch nhân dân ta về văn hóa Cũng từ nay, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ngày càng tiến hành dưới nhiều hình thức, trong đó đấu tranh văn hóa và đấu tranh cho tiếng Việt là một khâu quan trọng Những nhà yêu nước và những tổ chức cách mạng đương thời như Duy tân hội, Đông kinh nghĩa thục đã giương cao ngọn cờ đấu tranh đó Họ thức tỉnh nhân dân, kêu gọi nhân dân đấu tranh cách mạng để lật đổ ách thực dân, giải phóng dân tộc, họ khuyến khích nhân dân học chữ quốc ngữ và những kiến thức văn hóa hiện đại Một số nhà văn, nhà thơ có tinh thần dân tộc, như Nguyễn Khuyến, Tú Xương, đả kích bộ mặt tàn ác, văn minh "bỉ ổi" của thực dân Pháp Tất nhiên, phong trào đó bị thực dân Pháp đàn áp dã man

6. Thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1930

Thực dân Pháp áp bức, bóc lột nhân dân ta theo một quy mô và với một tính chất tàn bạo chưa từng thấy Chúng càng đẩy mạnh nô dịch về văn hóa Chúng mở thêm trường tiểu học và một số trường chuyên nghiệp để đào tạo lớp người bản xứ làm công việc thừa hành trong bộ máy quan liêu cảnh sát thuộc địa Cố nhiên, nền "giáo dục" đó tiến hành bằng tiếng Pháp. Mặt khác, để ru ngủ nhân dân ta, chúng cho mấy tên tay sai, dưới nhãn hiệu "học thuật", làm ra vẻ đề cao tiếng Việt, nhưng để nhồi nhét những tư tưởng phong kiến và cái món hàng "Pháp-Việt đề huề" làm chỗ dựa tinh thần cho ách thống trị thực dân và để truyền bá những học thuyết phản động của đế quốc phương Tây Vì mục đích là ám muội, bất chính, cho nên thứ tiếng Việt mà bọn tay sai của sở mật thám Pháp vỗ ngực tự cho mình có sứ mạng "phục hưng" bị xuyên tạc, thành ra một thứ tiếng lai căng

Nhưng trên thế giới, bão táp cách mạng đã nổi lên, mà cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 đã phất lá cờ đầu.

Dưới ách áp bức man rợ của đế quốc Pháp, tinh thần phản đế ăn sâu vào giai cấp công nhân Việt Nam trẻ tuổi và đông đảo quần chúng nhân dân nông dân, thanh niên, trí thức, tư sản dân tộc Cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam cũng như của các dân tộc bị áp bức khác, bước vào một thời kỳ mới - thời kỳ cách mạng dân tộc và dân chủ, trong đó giai cấp công nhân, như là lực lượng lãnh đạo cách mạng, bắt đầu xuất hiện

Từ Nam chí Bắc, những hình thức đấu tranh mới phát triển hội họp, mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi khóa, truyền đơn, biểu ngữ, khẩu hiệu đều dùng tiếng Việt Báo chí bằng tiếng Việt phản ánh những sự kiện chính trị trong nước và trên thế giới Sách, báo về các tư tưởng chính trị và về cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới đưa vào Việt Nam ngày càng nhiều Những người yêu nước, những tổ chức cách mạng phiên dịch những tài liệu đó ra tiếng Việt và phổ biến trong nhân dân Trong công tác đó, vai trò nổi bật và quan trọng nhất thuộc về những người công sản Việt Nam đầu tiên, đứng đầu là nhà lãnh tụ cách mạng Việt Nam Nguyễn Ái Quốc, và tổ chức cách mạng Việt Nam đầu tiên có xu hướng Công sản chủ nghĩa, do nhà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập - Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội

Trong các tài liệu và văn kiện của mình, tổ chức cách mạng này đã có sáng kiến bắt đầu đơn giản hóa chữ quốc ngữ

Ảnh hưởng của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội về mặt chính trị và văn hóa tư tưởng ngày càng rộng, càng sâu Ngoài các sách, báo chính trị bằng tiếng Việt ra khá nhiều trong thời gian đó, một nền văn học nghệ thuật có màu sắc chính trị - chủ yếu là phản ánh tinh thần yêu nước, tư tưởng độc lập và tự do, đã xuất hiện Điều đáng chú ý là ở Nam Kỳ, phần đất Việt Nam đã hơn nửa thế kỷ là "thuộc địa" Pháp và dân bị bắt buộc chỉ được học tiếng của "nước

me", việc ra sách báo chính trị bằng tiếng Việt, không phải có một địa vị thứ yếu, mà có lẽ còn mạnh hơn ở Bắc và ở Trung. Lúc vị lãnh tụ của cách mạng Việt Nam kêu gọi toàn dân đứng lên đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, lời kêu gọi ấy đã dội vào trái tim của nhân dân cả ba kỳ, thống nhất họ lại trong một hoài bão chung, đồng thời khôi phục lại sự thống nhất của tiếng nói của dân tộc.

Một số nhà trí thức lúc đó cũng đã bàn đến việc hợp lí hóa vần quốc ngữ (thêm bớt, đổi chữ cái, các dấu v.v...) và đã bắt đầu nêu ý kiến xây dựng bằng tiếng Việt danh từ khoa học trong các ngành khoa học cơ bản.

Phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn này với tính chất dân chủ ngày càng rõ ràng, đã thúc đẩy tiếng Việt lên một bước mới, trong đó có hai xu hướng quan trọng là thống nhất và hiện đại hóa, khoa học hóa.

Trào lưu đó là vững chắc, cho nên khủng bố của thực dân Pháp, bắt bớ, kiểm duyệt gắt gao, và những âm mưu của bọn tay chân của thực dân phản bội sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiếng nói của dân tộc, đã không phá vỡ được mà chỉ làm cho nó càng tự tin và kiên quyết tiến lên.

7. Thời kỳ từ 1930 đến 1945

Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương và việc giai cấp công nhân Việt Nam giành được quyền lãnh đạo cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam ghi một bước ngoặt to lớn. Theo đường lối của Đảng, hàng triệu công nhân, nông dân, các lớp lao động khác, từ Bắc chí Nam nổi dậy đấu tranh oanh liệt, có tổ chức, đòi độc lập tự do, dân chủ, chống khủng bố, chống sưu cao thuế nặng, phu phen tạp dịch. Xô viết Nghệ Tĩnh ra đời như là hình thức chính quyền tự quản của nhân dân. Ở Trung ương và đồng bằng Nam Bộ, tuy không thành lập Xô viết, nhưng được tổ chức trong nông hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nông dân thực sự làm chủ ở nông thôn trong một thời gian nhất định.

Giác ngộ chính trị của nhân dân lao động được nâng cao, một không khí cách mạng sôi sục trong hoàn cảnh chiến đấu liên tục, cho nên sinh hoạt chính trị rất phong phú, lôi kéo đông đảo công nhân nông dân, phụ nữ, thanh niên tham gia sự nghiệp đấu tranh vì độc lập và tự do

Bị thực dân khủng bố cực kỳ dã man, phong trào tạm lắng xuống Nhưng sau một thời gian ngắn, lại nổi lên thành một cao trào mới, sâu rộng hơn Đó là thời kỳ Mặt trận dân chủ Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, quần chúng lao động đứng đầu là giai cấp công nhân Việt Nam anh hùng, bằng đấu tranh kiên cường, bất chấp khủng bố, kết hợp với phong trào dân chủ trên thế giới, đặc biệt là Mặt trận nhân dân thắng lợi ở Pháp, đã giành được một số nhượng bộ bước đầu của thực dân Pháp về mặt xuất bản báo chí, quyền bãi công, quyền hội họp, tổ chức Đảng Cộng sản và các tổ chức cách mạng giành được địa vị hợp pháp

Nhờ vậy, các tầng lớp rộng rãi có khả năng tham gia hoạt động xã hội Một mặt trận nhân dân Việt Nam chống đế quốc hình thành Trong hàng ngũ đó, mà công nhân và nông dân là nòng cốt, có đông đảo trí thức - những nhà văn, nhà báo, các giới nghệ sĩ, những nhà công tác khoa học giáo dục và tư sản dân tộc

Tư tưởng Mác - Lênin có cơ hội phổ biến rộng rãi hơn trước, làm cơ sở để cho sách và báo chí bằng tiếng Việt bàn và tranh luận về các vấn đề triết học, văn học nghệ thuật Các báo và tạp chí khoa học bằng tiếng Việt ra đời Việc xây dựng danh từ khoa học tiếng Việt được chú ý

Trong văn học, phong trào thơ mới, viết tiểu thuyết và truyện ngắn, viết kịch, mô tả cuộc sống và tinh thần đấu tranh của các tầng lớp lao khổ, phê phán, tố cáo những cái xấu xa của xã hội cũ, của các lớp người trên - quan lại phong kiến, địa chủ phản động, cường hào, bọn đầu cơ tích trữ - được phát triển Một lực lượng mới, trẻ - những văn nghệ sĩ

tiên tiến, có lí tưởng cách mang - xuất hiên Nhờ có môt nôi dung mới do đấu tranh cách mang của nhân dân lao đông đưa lại, cho nên tiếng Viêt đươc trau dồi, điêu luyên thêm, giầu thêm

Môt điều quan trong là trong thời gian đó, những người công sản Viêt Nam với sư công tác của những nhà trí thức yêu nước và tiến bô, đã gây nên và lãnh đao phong trào *truyền bá quốc ngữ* trong công nhân và nhân dân lao đông mà trung tâm hoat động là Hôi truyền bá quốc ngữ

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ Thưc dân Pháp khủng bố hết sức tàn bao phong trào yêu nước và dân chú, thủ tiêu tất cả những quyền lơi mỏng manh mà cuôc đấu tranh của nhân dân đã giành đươc Chúng bắt bớ tù đầy, chém giết hàng nghìn người yêu nước và cách mang Tất nhiên, những tôn thương năng nề nhất trút lên vai đôi tiền phong của những lưc lương ấy - Đảng Công sản Đông Dương

Nhưng mặc dầu bi kẻ thù tấn công ác liêt, Đảng Công sản Đông Dương với ý thức cao đô về trách nhiêm của mình đối với dân tôc và Tổ quốc, đối với lịch sử, và với môt tinh thần trấn tĩnh phi thường dưới ánh sáng của tư tưởng Mác - Lênin, đã nhân dinh tình hình tao nên như là bước mới, nghiêm trong của cuôc khủng hoảng chung của hê thông đế quốc chủ nghĩa thế giới, và là môt cơ hôi khách quan để đưa cách mang giải phóng dân tôc Viêt Nam tiến lên giành thắng lợi

Môt măt, Đảng đấu tranh chống khủng bố của thưc dân, măt khác chuẩn bi tâp hợp lưc lương cách mang Viêc quân Nhât tràn vào Đông Dương năm 1940 và nhân dân Viêt Nam chiu môt cổ hai tròng không làm nao núng ý chí phấn đâu của những người công sản Viêt Nam Trái lai, Đảng càng quyết tâm tâp hợp đông đảo nhân dân, toàn dân tôc để tiến tới đánh đổ ách thống trị của cả hai tên đế quốc Pháp - Nhât (dưới khẩu hiêu "đánh Pháp, đuổi Nhât")

Đảng dựa vào tinh thần yêu nước, chống đế quốc của đông đao nhân dân được phát đông trong thời kỳ Mặt trân dân chủ, tinh thần đoàn kết toàn dân mà cơ sở đã được xây dựng trong thời kỳ ấy, để nâng cao giác ngộ cách mang của quần chúng lên một mức cao hơn và tập hợp các lực lương cách mang của các tầng lớp, lập thành một mặt trân dân tộc chống chu nghĩa đế quốc hết sức rông rãi, chưa từng có trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước. Đó là *Việt Nam độc lập đồng minh, tức là Mặt trân Việt Minh*.

Khi phát xít Đức tấn công Liên Xô, tính chất của chiến tranh đã đổi và trên thế giới hình thành mặt trân của các lực lương dân chu thế giới chống khối phát xít, thì tinh thần cách mang của quần chung càng lên cao, ho càng nhân thức rõ hơn rằng cách mang Việt Nam nhất đinh sẽ thắng lơi.

Năm chắc những nhân tố cơ ban của thắng lơi, Đảng Công sản Đông Dương không những chuẩn bi về mặt tư tưởng và chính tri mà con chuẩn bi cả về các mặt khác, trong đó có mặt văn hóa. Năm 1943, Đảng ra một đề cương nổi tiếng về sư nghiệp xây dưng văn hóa ơ nước ta sau khi giành độc lập với ba tính chất *dân tộc, khoa học, đại chung*.

8. Thời kỳ từ 1945 đến nay

Phát xít Nhật đầu hàng Đông Minh ngày 15 tháng 8 năm 1945 thì ngày 19 trong toàn quốc nổ ra cuộc tổng khởi nghĩa, lật đổ ách thông tri của Nhật - Pháp, trao chính quyền về tay nhân dân. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, nước Việt Nam dân chủ công hòa ra đời. Vi lãnh tu lão thành của cách mang Việt Nam Nguyễn Ái Quốc là Chủ tich đầu tiên, tức là Hồ Chủ tich của chung ta.

Trong buổi sơ sinh, còn trứng nước của cách mang, khi đế quốc Mĩ, Anh, Pháp dưới nhãn hiêu "đồng minh", sắp sửa đưa quân vào Việt Nam hoặc đưa quân của bè lũ chư hầu là Tưởng Giới Thạch, mươn tiếng tước khí giới Nhật để lật đổ chính quyền cách mang, khôi phục chế đô thuộc địa, thì Hồ Chủ tich

vạch ra ba tên giặc mà nhân dân ta phải tập trung lực lượng để đánh thắng *giặc ngoại xâm, giặc đói và giặc dốt*

Đó là đường lối và là cương lĩnh hành động của cách mạng Việt Nam. Được độc lập tự do, được no ấm, được học hành, đó là ước vọng muôn thuở của dân tộc ta. Trong cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ của nhân dân ta, ba mặt đó luôn luôn gắn bó với nhau rất chặt chẽ.

Vì vậy, về mặt văn hóa, khi Hồ Chủ tịch, chỉ mấy ngày sau khi thiết lập chính quyền cách mạng, phát động phong trào chống nạn mù chữ, nghĩa là toàn dân phải biết đọc, biết viết tiếng mẹ đẻ, thì cả nước nhiệt liệt hoan nghênh. Tinh thần phấn khởi đó có nguyên nhân sâu xa: nhờ cách mạng thành công, tiếng nói của dân tộc, đã bao nhiêu đời bị tước mất, nay lại được trả lại cho người chủ của nó, nghĩa là nhân dân, và từ nay, khi vận mệnh của đất nước và của bản thân mình đã về tay mình, thì lại càng phải triệt để sử dụng, phát huy lợi khí ấy để nâng cao trình độ giác ngộ và trình độ học thức mình lên mới có thể góp sức xây dựng đời sống no ấm, hạnh phúc và bảo vệ đất nước.

Tiếp đó là trong cả nước, các cấp học, cả đại học, đều dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ.

Độc lập mới giành được một năm thì thực dân Pháp mở cuộc chiến tranh xâm lược ra cả nước ta.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Công cuộc chống nạn mù chữ và nền giáo dục không những không bị gián đoạn, mà vẫn tiếp tục phát triển. Cuộc chiến tranh đó là trường kỳ, lấy yếu đánh mạnh, có tính chất toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính. Vì vậy, muốn thắng địch thì phải phát huy những tiềm lực của nhân dân, lòng yêu nước, chí kiên cường bất khuất, tinh thần đoàn kết nhất trí và nghị lực sáng tạo của toàn dân để khắc phục mọi khó khăn gian khổ. Xuất phát từ những nhu cầu của cuộc chiến tranh giải phóng và có sẵn điều kiện thuận lợi là nền giáo dục được

thực hiện trong kháng chiến, năm 1950 - 1951, ngoài việc xây dựng lại chương trình mà nội dung là thực tế dân tộc, ba cấp - tiểu học, tiểu học cao đẳng và trung học - tổ chức lại thành trường phổ thông duy nhất 9 năm. Kết quả là con em đông đảo nhân dân lao động có khả năng đi học. Trên cơ sở đó, và với những thành tựu của việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho người lớn, việc nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho công nhân, nông dân, bộ đội và đông đảo thanh niên lao động, phụ nữ, các dân tộc thiểu số, được giải quyết thuận lợi. Các trường đại học y khoa, trường cao đẳng giao thông công chính, trường đại học khoa học, trường sư phạm cao cấp, các trường y sĩ trung cấp, canh nông trung cấp, trường sư phạm miền núi, phát triển trong những năm kháng chiến, song song với các cơ sở khoa học kỹ thuật, y học, được xây dựng ở trung ương, các khu và trong quân đội. Đó là chưa kể phong trào phát triển văn học nghệ thuật phục vụ kháng chiến và nghiên cứu về các ngành khoa học xã hội, mà cơ sở đã được đặt ra từ khi kháng chiến mới bắt đầu. Khẩu hiệu của Hồ Chủ tịch nêu ra "*Kháng chiến hóa văn hoá, văn hóa hóa kháng chiến*" được thực hiện.

Hàng nghìn bác sĩ, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, y sĩ, văn nghệ sĩ, giáo viên xuất thân từ những thanh niên thuộc các tầng lớp lao động, đã được đào tạo trong các vùng giải phóng, trong cánh rừng núi hoặc sát ngay sau lưng địch, dưới bom đạn của giặc. Đó là một nhân tố đã góp phần tạo nên những điều kiện của cuộc thắng lợi vẻ vang của kháng chiến.

Trong tám năm kháng chiến, nhờ phục vụ chiến đấu và xây dựng, tiếng Việt đã trưởng thành nhanh chóng. Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của cả thế giới tiến bộ. Từ năm 1950, các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với ta. Không những nước ta được mời làm thành viên của các tổ chức và đoàn thể chính trị và xã hội quốc tế, mà còn đóng góp tích cực vào các tổ chức hợp tác quốc tế về giáo dục, văn

hóa, khoa hoc Trong sư hợp tác đó, *tiếng Việt co quyên bình đẳng, ngang hàng với cac thứ tiếng khác Anh, Nga, Pháp, Hán, Đức,* v v

Sau hòa bình lập lai và bước sang giai đoan xây dưng chủ nghĩa xã hôi, con đường và những nhiêm vu lich sử đăt ra trước nhân dân ta là củng cố nền đôc lập, cái tao xã hôi cũ, đưa nước nhà chóng ra khỏi cánh nghèo nàn lac hâu, đẩy manh đấu tranh để tiến tới hòa bình thông nhất Tổ quốc, xây dựng môt nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, đôc lâp, dân chủ và giàu mạnh, góp phần bảo vê hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới

Chúng ta phải thực hiên những nhiêm vu ấy trong hoàn cảnh đất nước bị mười lăm năm chiến tranh tàn phá, trừ những hậu quả tai hai của chế đô thuôc đia và bi chiếm đóng - đói rách, bênh tât, tê lâu xã hôi, địch khi rút lui không để lai một cái gì đáng kể về kinh tế, văn hóa, giáo duc, khoa hoc, kỹ thuật, cán bô chuyên môn Nước nhà lai còn bi chia cắt

Những nhiệm vu to lớn ấy công với những điều kiên chính trị, kinh tế, văn hóa như vừa trình bày ở trên đòi hỏi môt sư phát triển trên môt quy mô và với môt tốc đô chưa từng có của giáo duc, văn hóa, khoa hoc kỹ thuât.

Dưới sư lãnh đao của Đảng, bằng sức mình là chính, trên cơ sở phát huy cao dô tinh thần yêu nước nồng nàn và năng lực sáng tạo vô song, nhân dân ta đã giành đươc những thắng lợi có tính chất lịch sử trong viêc thưc hiên những nhiêm vu ấy, khiến cho nhân dân miền Bắc trở nên chủ nhân thưc sư của đất nước, của cuôc sống

Từ tình trang hơn chín mươi phần trăm nhân dân trong nước mù chữ dưới chế đô thuộc đia, trên miền Bắc hiên nay toàn dân biết chữ. Từ tình trang mấy mươi van dân mới có môt thầy thuốc, trên miền Bắc hiên nay ở mỗi huyện đều có bác sĩ hoăc y sĩ, mỗi xã có tram y tế, có nhà hộ sinh. Từ chỗ giáo sư đai hoc và cán bô nghiên cứu khoa hoc có thể đếm đầu

ngón tay dưới thời thực dân, trên miền Bắc hiện nay có hàng nghìn giáo sư, cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học về tất cả các ngành, trong đó có những người có tên tuổi, danh vị trên thế giới, viện sĩ Viện hàn lâm khoa học các nước, công trình đã được dịch ra các thứ tiếng nước ngoài. Nhiều người cách đây 15-20 năm còn là những em bé trăn châu cho địa chủ, hoặc đi ở cho nhà giàu, nay là hoạ sĩ, nhạc sĩ, bác sĩ, kỹ sư, cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy đại học, anh hùng hải quân, anh hùng không quân, giám đốc xí nghiệp, đại biểu quốc hội. Trong lớp trí thức mới tinh hoa của đất nước đó, có trai, có gái, có dân tộc chủ thể, có dân tộc thiểu số. Chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ thực tế Việt Nam, lấy việc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người Việt Nam làm mục tiêu và thông qua tiếng nói của dân tộc, đã giải phóng cho tâm hồn và lí trí của con người.

Đế quốc Mĩ xâm lược miền Nam nước ta, đang mở rộng chiến tranh ra cả nước. Đó là một thử thách lớn nhất trong lịch sử đối với chúng ta. Kẻ địch là tên trùm đế quốc mạnh nhất. Đánh thắng kẻ địch ấy là trách nhiệm nặng nề mà chúng ta phải gánh vác. Nhưng trong cuộc chiến đấu ấy, ta là lá cờ tiêu biểu cho những lực lượng tiến bộ nhất, cách mạng nhất của thế giới, những cái cao quý nhất, tốt đẹp và lành mạnh nhất của nhân loại chống với những lực lượng đen tối, phản động, xấu xa nhất, tội ác nhất, tập trung ở đế quốc Mĩ và bọn tay sai của chúng, biểu hiện trong chiến tranh man rợ đầy thú tính của chúng trên đất nước ta.

Chúng ta đang đánh thắng chúng nhờ có đường lối lãnh đạo chiến tranh đúng đắn của Đảng, có sự đoàn kết nhất trí của toàn dân, nhờ có chủ nghĩa anh hùng cách mạng và óc sáng tạo của dân tộc được phát huy và nhờ sự nhiệt tình của loài người tiến bộ.

Không những vì chúng ta dám đánh một kẻ địch mạnh nhất, hung hãn và tàn ác nhất, mà vì chúng ta đang đánh

thắng nó, không những chúng ta tỏ ra một tinh thần bất khuất và anh dũng tuyệt vời trong sự chịu đựng những hi sinh gian khổ, mà chúng ta còn có một đầu óc thông minh, một nghị lực sáng tạo vô song, cho nên thế giới đã công nhận cuộc chiến tranh thần thánh chống Mĩ cứu nước của chúng ta là một thiên anh hùng ca vĩ đại trong lịch sử thế giới ngày nay, cuộc chiến đấu đó phát huy, đề cao và làm rạng danh phẩm giá của con người

Nhưng đế quốc Mỹ là tên giặc ngoan cố, không phải bởi vì nó tự cho nó là cường quốc đứng đầu trên thế giới, với cái mộng làm bá chủ toàn cầu, mà còn vì nó là dinh luỹ kiên cố nhất về mặt vật chất của hệ thống chủ nghĩa đế quốc quốc tế đang sụp đổ nhanh chóng Nó bị đánh bại thì cả thế giới tư bản bị đẩy vào một cuộc khủng hoảng mà hậu quả khó lường trước được

Cho nên nó tiếp tục tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược và huỷ diệt đối với cả hai miền nước ta Vì vậy, chúng ta càng phải phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao tinh thần và năng lực chiến đấu, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, triệt để khai thác tiềm lực vật chất và tinh thần của nhân dân ta Nhất định ta sẽ đánh bại hoàn toàn giặc Mỹ

Trong lúc này, khai thác và phát huy tiềm lực của nhân dân ta, không những chúng ta sẽ chắc chắn đánh bại được giặc Mỹ xâm lược, hoàn toàn giải phóng đất nước, mà còn tạo nên một cơ sở vững chắc, vô giá cho sự nghiệp kiến thiết đất nước sau khi Tổ quốc đã được giải phóng, để cho dân tộc ta bước những bước nhanh chóng, với đôi giày nghìn dặm, trong việc thực hiện các hoài bão của cả dân tộc ta trong một thế kỷ nay, là xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giầu mạnh

Đối với tiếng Việt cũng như đối với tất cả mọi ngành, mọi mặt hoạt động của chúng ta, đây thật là một cơ hội

nghìn năm mới có Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, nó phải được phát triển tới một mức cao hơn, phong phú hơn, có tính khoa học hơn thì mới phục vụ được tốt những yêu cầu to lớn ngày càng tăng và càng cao của cách mạng

Nhưng chính vì để đẩy mạnh sự phát triển của nó mà cần phải nêu cao trách nhiệm *giữ gìn sự trong sáng của nó* Tính khoa học phải kết hợp với tính chất dân tộc và tính đại chúng, nói đúng hơn, là phải dựa trên tính chất dân tộc và lấy việc phục vụ đại chúng làm mục tiêu mà xây dựng và phát triển tính khoa học của tiếng nói của dân tộc Nếu nguyên tắc đó là đúng đối với tất cả các ngành văn hoá, giáo dục, khoa học ở ta nói chung, thì nó lại càng đúng đối với tiếng nói của dân tộc ta nói riêng

Cuộc đấu tranh để đòi cho dân tộc có quyền nói, viết và học bằng tiếng dân tộc là bộ phận gắn chặt của cuộc đấu tranh của dân tộc để giành độc lập và tự do Bởi vì nó là một công cụ quý báu, có thể nói là quan trọng nhất trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do của các dân tộc Về mặt đó, có thể đồng ý với lời nói của nhà thơ F Mistơran rằng một dân tộc bị nô dịch, "nếu họ giữ được tiếng nói, thì tức là nắm được cái chìa khoá để cởi trói cho mình" [1] Nói cách khác, mình phải nói tiếng nói của mình để phục vụ chính nghĩa

Cho nên có đấu tranh giành độc lập tự do thì cuộc đấu tranh đòi quyền dùng tiếng nói của dân tộc mới có kết quả, mới mong đi đến thắng lợi

Giành được độc lập, tự do rồi thì phải hết sức lo củng cố, tăng cường, bảo vệ độc lập và tự do Đối với tiếng nói cũng như thế Giành được quyền dùng tiếng nói của dân tộc thì phải bồi đắp, trau dồi và bảo vệ nó

---

1 "S'il tient sa langue, il tient la clé
Qui de ses chaines la délivre" (F Mistral)

Lịch sử là do nhân dân làm ra Là người đấu tranh cho độc lập, tự do và là người chiến thắng, nhân dân là người bảo vệ vững chắc nhất tiếng nói mà chính mình đã tạo ra, chính nhân dân, như người xưa[1] đã nói, là "ông thầy của tiếng nói"

Vì vậy, bảo vệ tiếng nói của dân tộc có nghĩa là làm cho nó ngày càng giầu, càng đẹp, càng tinh vi, càng khoa học hơn, là cốt để phục vụ nhân dân, trước mắt là phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng thần thánh đầy dũng cảm và sáng tạo của toàn dân ta chống giặc Mỹ xâm lược và tay sai Hai là, nó có thể trở nên giầu hơn, đẹp hơn, tinh vi hơn, khoa học hơn nên nó giữ gìn và phát huy được tính trong sáng của nó, nghĩa là bản chất, sắc thái, tính độc đáo của tiếng nói của một dân tộc anh hùng trên bốn nghìn năm văn hiến

Mười ba năm nay, trên miền Bắc hoàn toàn giải phóng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đưa lại cho 17 triệu nhân dân những bước tiến về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, khoa học, văn học nghệ thuật, mà bình thường dưới các chế độ khác phải mất hàng trăm năm và bằng một giá rất đắt - vô vàn hi sinh đau khổ cho nhân dân mới giành được

Nhờ cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân miền Bắc cho chủ nghĩa xã hội - cuộc đấu tranh này không có mục tiêu nào khác ngoài việc củng cố độc lập, phát huy tự do dân chủ và tiến công vào nghèo nàn lạc hậu - cho nên tiếng nói của dân tộc mới thật sự bước vào thời kỳ phục hưng của nó.

Chúng ta càng căm tức, uất hận khi miền Nam cũng trong thời gian đó, lại bị đày đoạ, giày xéo bởi một cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội ác man rợ của giặc Mỹ và bọn tay sai của chúng để bắt nhân dân miền Nam quay trở lại kiếp nô lệ, từ bỏ những quyền dân tộc thiêng liêng, trong đó có quyền dùng tiếng dân tộc, mà 31 triệu nhân dân cả nước đã anh dũng

1 Nhà triết học cổ Hy Lạp Xôcơrat

giành lại được trong cuộc Cách mạng Tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây

Vì vậy, cuộc đấu tranh của các giới trí thức và sinh viên, học sinh ở các vùng tạm bị chiếm ở miền Nam đòi được học bằng tiếng Việt có một ý nghĩa to lớn Đó là một sự thể hiện của tinh thần tự hào dân tộc, và là một bộ phận của một cuộc đấu tranh cho quyền dân tộc tự quyết đang bị bọn xâm lược Mỹ và chế độ tay sai lưu manh Thiệu - Kỳ của chúng chà đạp và tiêu huỷ

Cuộc đấu tranh đó là chính nghĩa Nhất định nó sẽ thắng, bởi vì bên cạnh anh chị em trí thức, sinh viên và học sinh có các tầng lớp nhân dân đông đảo ở vùng bị chiếm, họ rất căm thù và nguyền rủa nền văn hoá mất gốc, đồi truỵ của giặc Mỹ gieo rắc vào miền Nam khiến cho hàng trăm nghìn con em họ thất học, sa đoạ, trở thành cao bồi và làm bia đỡ đạn, đi giết hại đồng bào trong cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của giặc Mỹ Bên cạnh họ lại có 10 triệu nhân dân vùng giải phóng, ở đấy dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, một mặt đang đánh thắng giặc Mỹ và bọn tay sai và chư hầu, mặt khác họ đang xây dựng một cuộc sống ngày càng vui tươi, lành mạnh, đang đẩy mạnh phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật hoàn toàn bằng tiếng của dân tộc Bên cạnh anh chị em, còn có 17 triệu nhân dân miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đang đưa nền văn hoá và khoa học của nước nhà đến những đỉnh cao, đang lo bồi đắp cho tiếng Việt ngày càng thêm giầu, thêm đẹp, xứng đáng và hoàn toàn có khả năng phục vụ cho cuộc đấu tranh thần thánh của cả dân tộc ta cho độc lập, hoà bình, thống nhất, dân chủ và tiến bộ xã hội

VĂN NGHỆ VÀ GIÁO DỤC*

L T S - Trong Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II họp vào tháng 2 - 1957, ông Nguyễn Khanh Toàn Thứ trưởng Bộ Giáo dục đã đọc một bản tham luận về vấn đề liên quan giữa giáo dục và văn nghệ, và đưa ra một số ý kiến để văn nghệ góp phần đạt hiệu quả hơn nữa vào việc giáo dục học sinh Chúng tôi đăng bản tham luận đó để các bạn giáo viên tham khảo

Thưa Đại hội,

Tôi xin thay mặt hơn hai vạn cán bộ của ngành giáo dục và hơn một triệu rưỡi học sinh và sinh viên toàn miền Bắc chúng ta gửi đến Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II lời chào mừng nồng nhiệt nhất của chúng tôi!

Xưa và nay, những đại diện ưu tú của văn nghệ đều hoài bão đến việc giáo dục thanh niên và nhi đồng Ruxô, Giôocgiơ Xăng, Pusơkin, Tônstôi, Macxim Goócki, Anatôn Phơrăngxơ v.v. Nhiều tác giả truyện viết truyện cổ tích cho nhi đồng, đã trở thành những ngòi bút đàn anh và bất hủ trong làng văn Ăngđecxen, Pêrô, La Phôngten, hai anh em Gơrim

Ngược lại, những nhà giáo dục xuất chúng nhiều khi cũng là những nghệ sĩ cự phách Macarencô tuy không làm thơ, nhưng vẫn là một thi sĩ của thế hệ vị thành niên.

Cái đó chứng minh một điều là, giữa giáo dục và văn nghệ, có một mối quan hệ rất chặt chẽ. nếu nhà văn là kỹ sư

---

* Đăng trong báo *Giáo dục Nhân dân*, số 19, tháng 3 - 1957

của tâm hồn nói chung, thì nhà giáo là kỹ sư của tâm hồn non trẻ nói riêng. Đặt một bức tường giữa hai lĩnh vực, hai địa bàn hoạt động đó, là vi phạm đến quy luật liên tục và tương quan của sự vật. Văn nghệ mô tả đời sống với những nét điển hình và đượm đà để tạo nên một phẩm chất mới cho con người. Giáo dục uốn nắn những tâm hồn trong trắng để có thể tiếp thu và hấp thu những cái điển hình và cái đượm đà đó để tạo nên một con người có phẩm chất mới.

Nói tóm tắt, hai loại kỹ sư đều cùng chung một sứ mạng: cải tạo xã hội cũ, cải tạo con người cũ, xây dựng xã hội mới, xây dựng con người mới, đúng với triết lí Mác - Lênin, là hiểu biết thế giới không phải chỉ để mô tả thế giới mà để cải tạo thế giới.

Ở một xã hội văn minh, giáo dục thanh niên và thiếu nhi là một đề tài lớn và một địa bàn hoạt động quan trọng của văn nghệ. Sáng tác văn nghệ là một lực lượng vĩ đại giúp đỡ rất nhiều cho việc giáo dục ở trường học. Liên Xô là nước đứng đầu trên thế giới hiện nay về phương diện văn nghệ phục vụ giáo dục thanh, thiếu nhi, và trường học dựa vào văn nghệ để bồi bổ và phát triển giáo dục. Hàng trăm, hàng nghìn cung văn hóa thiếu nhi, hàng trăm rạp hát thiếu nhi, hàng vạn cuốn phim cho thiếu nhi, hàng trăm triệu cuốn sách văn nghệ thiếu nhi, cả một bộ phận chuyên sáng tác cho thiếu nhi, cả một cơ quan của Nhà nước chuyên ấn hành và xuất bản sách báo, tạp chí, tranh ảnh cho thiếu nhi, cả một ngành công nghiệp chuyên làm đồ chơi cho thiếu nhi, đó là những thành tựu đáng tự hào của sự nghiệp giáo dục thiếu nhi ở Liên Xô. Trong thư viện các trường phổ thông Liên Xô hiện giờ có tới 142 431 000 cuốn sách văn nghệ cho thanh niên và nhi đồng. Trong các nhà nuôi trẻ, có tới 11 139 000 cuốn sách cho nhi đồng.

Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, hơn 7 năm sau giải phóng, cũng đã có những bước tiến vượt bậc trong lĩnh

vực đó Cộng hòa dân chủ Đức, Tiệp Khắc, v.v đang đua nhau để làm cho những lớp thanh niên và thiếu nhi ngày nay sẽ không bao giờ phải sống những ngày đen tối như trong cuộc đời của cha anh mình cách đây không lâu

Sự chú ý của văn nghệ đối với giáo dục thanh, thiếu nhi ở các nước trong phe xã hội chủ nghĩa là dựa trên cơ sở của chủ nghĩa nhân đạo của giai cấp vô sản, của nền đạo đức công sản, mà nội dung là sự săn sóc cho con người, làm cho con người phát triển toàn diện, để kích thích, phát huy, bồi dưỡng trong con người tất cả những cái tốt, cái đẹp, cái lành mạnh, cái tao nhã, cái dễ yêu, cái tế nhị, cái khẳng khái Tiến trên con đường chủ nghĩa xã hội, nghĩa là xây dựng ngày mai phong phú hơn, thanh thú hơn, mĩ lệ hơn và thi vị hơn ngày hôm nay Vì vậy mà chế độ xã hội chủ nghĩa không thể vun trồng với một lòng nâng niu chan chứa, với một nhiệt ái từ mẫu những thế hệ ho sẽ là kẻ sáng tạo ra cái tương lai đó Vì chúng ta yêu con người, quý con người, cho nên chúng ta coi trẻ em là của cải quý báu nhất của loài người.

Ở ta, từ Cách mạng tháng Tám, nền văn hóa giáo dục được xây dựng trên phương châm mà chúng ta đều biết, là dân tộc, khoa học, đại chúng Chí dưới chính quyền ta thì thanh niên và thiếu nhi mới được sự săn sóc âu yếm Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân đã lo cho nhi đồng Việt Nam được ăn một cái tết Trung thu đầu tiên trong hạnh phúc và trong độc lập. Rồi suốt trong thời kỳ kháng chiến, mặc dầu ở rừng núi, trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn về vật chất, mỗi năm đến ngày tết năm mới hoặc rằm tháng tám, từ Đảng, quân đội, đến các đoàn thể nhân dân, không lúc nào là không nghĩ đến các cháu, lo cho các cháu mỗi năm ăn tết vui vẻ hơn năm qua Sự săn sóc của Đảng, Chính phủ và toàn dân đối với việc giáo dục và đời sống hạnh phúc của thanh niên và thiếu nhi biểu hiện rõ rệt nhất ở Hồ Chủ tịch,

người Ông, người Bác yêu quý nhất của các lớp thanh niên và thiếu nhi Việt Nam Những lời Người dạy học sinh và nhi đồng, những buổi gặp mặt thân mật, những bài diễn từ của Người trong những buổi lễ khai giảng các trường, những bức thư của Người gửi cho thanh niên và thiếu nhi trong các ngày lễ tết và kỷ niệm, là cả một đường lối giáo dục thanh niên và thiếu nhi, hơn thế nữa, là cả một tình yêu nồng nhiệt và bao la của toàn dân tộc Việt Nam đối với thanh niên và thiếu nhi

Sự săn sóc của xã hội Việt Nam ta dưới chính quyền dân chủ nhân dân, đối với nền giáo dục thanh, thiếu nhi đã vượt ra ngoài biên giới nước ta ngay từ trong những năm gay go nhất của kháng chiến, bởi sự tham gia của các đoàn thể thanh niên, sinh viên và học sinh ta vào những cuộc đại hội liên hoan thế giới, và bằng việc thành lập ở nước ta từ năm 1952 Ủy ban bảo vệ nhi đồng ở Việt Nam, nó là một bộ phận quan trọng của phong trào bảo vệ hòa bình thế giới Ngoài ra các đoàn đại biểu phụ nữ, mỗi lúc được cử đi tham quan hoặc đi dự các cuộc đại hội ở nước ngoài, ít nhiều đều thu nhập được những kinh nghiệm và tài liệu quý báu về các vấn đề giáo dục nhi đồng

Các giới văn nghệ ta từ khi kháng chiến mới bắt đầu, cũng đã lo đến việc sáng tác để phục vụ thanh niên và thiếu nhi Nhiều nghệ sĩ có mặt tại Đại hội này, đã có những thành công nhất định về nhạc ca, vũ, kịch hoa, để phục vụ cho việc giáo dục học sinh trong và ngoài nhà trường Ở đồng bằng cũng như ở miền núi, và vào đến tận cả những vùng sau lưng địch Đầu năm 1947, trong hoàn cảnh tản cư, ở rừng núi Việt Bắc đã xuất hiện đoàn thiếu nhi Nghệ thuật Một số nhạc sĩ và họa sĩ chuyên sáng tác cho thiếu nhi, một số nhà văn chuyên viết truyện cho trẻ em với những đề tài yêu nước, thù giặc, yêu nhân dân, yêu Bác Hồ, yêu lao động, yêu chế độ ta, yêu các nước bạn, với những tấm gương thiếu nhi anh dũng trong nước và ngoài nước Loại sách "Kim

Đồng"được xuất bản bên canh những tờ báo được viết riêng cho tuổi trẻ

Những hoat động văn nghê đó đã có môt ảnh hương nhất đinh đối với nhà trường, và kết quả là phong trào văn nghê trong trường hoc ngày môt phát triển, lôi kéo hàng van hoc sinh, măc dầu phương tiên rất ít ỏi và thô sơ Nhiều đia phương, trong những buổi liên hoan và da hôi, cũng đã dưa vào lực lương văn nghê cua các trường hoc Nhiều trường phổ thông, trường Sư pham, trường Dân tôc thiêu số, đều có đôi văn công của mình

Vây là ngay từ trong kháng chiến, môt luồng gió văn nghê mới, nói chung là lành manh, đã thổi vào các trường học của chúng ta, đã gây cho thanh niên và thiếu nhi ta môt lòng yêu chuông văn nghệ, lôi cuốn hoc sinh các trường tham gia phong trào sáng tác văn nghệ, bổ sung cho nền giáo duc ở nhà trường và đã giúp cho nền giáo duc ta nâng chất lương của nó lên một mức nhất đinh

Hơn hai năm sau hòa bình được lập lai, những truyền thống đó vẫn tiếp tuc và đang được phát huy ở các trường hoc ta, từ trường phổ thông đến các trường chuyên nghiệp trung cấp và dai hoc, ở đô thi cũng như ở nông thôn

Song chúng ta cũng không thể tư mãn với những kết quả đó Chúng ta đang bước sang môt giai đoạn mới, giai đoan bắt đầu kiến thiết Nước ta sẽ tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hôi Những lớp thanh, thiếu nhi đang hoc trong các trường hoc của chúng ta ngày nay sẽ là những lớp người xây dưng xã hội mới Ho là những người của tương lai, một tương lai phồn vinh, tươi đẹp Vây thì nền giáo duc của chúng ta, về nôi dung và hình thức phải ngày càng phong phú, nghĩa là chúng ta phải nâng cao và phát triển cơ sở của nền giáo duc dân chủ mới, trên đó, nó được xây dựng từ sau Cách mang tháng Tám!

Vả lai, trong những kết quả tốt mà chúng ta đã nêu lên, cũng có những thiếu sót lêch lac, cần phải vach ra và tìm

cách sưa chữa đê phần cống hiên của văn nghê đối với nền giáo duc ơ nhà trường càng có tác dung hơn nữa

Pham vi của sáng tác văn nghê rất là rông lớn Ở đây tôi chỉ nói về văn, vì đó là bô phân chính yếu của văn nghê

Khi nói đên nghê thuật, người ta nghĩ đến cái đep Rất đúng, nhất là nghê thuật của chúng ta. nghê thuật dưa trên thế giới quan cua Mác - Lênin, môt thứ nghê thuật lành manh, làm cho người ta yêu đời Có thật yêu đời, cảm thấy đời là đep đẽ, là đế yêu, thì mới trở nên những tâm hồn manh mẽ, sống môt cách dồi dào, đầy đủ Đối với người lớn như vậy, thì đối với thanh niên và thiếu nhi càng phải như vậy Bởi vì đời sống mà hiên nay thanh niên và thiếu nhi đang sống dưới chế đô ta là do lực lương của nhân dân đã đươc giải phóng xây dưng nên và là những trang lẫm liệt của môt thiên anh hùng ca của môt dân tôc anh hùng Mai sau, khi những lớp thanh thiêu nhi đó lớn lên thì đời sống của ho lai càng tươi đep hơn, điều đó chắc chắn rồi Mà chính ho sẽ là những người thơ và những người chủ nhân của đời sống đó

Vậy thì gây cho các lớp thanh niên và thiếu nhi đó cái ý thức làm chủ nhân ông cua đất nước, của tương lai, là trách nhiêm căn bản của chung ta về cac măt trí, đức, thể, mi, duc Trong các măt đó, thì mĩ duc là phần mà văn nghê có quan hê trưc tiếp hơn hết và có vai trò quyết dinh

Trong thời gian gân đây, trong thanh niên, nhất là trong thanh niên hoc sinh, bàn luân nhiều về lí tưởng của thanh niên Bàn luân về vân đề đó là rất đúng và rất cân Nhưng vấn đề không phải hỏi, lí tưởng thanh niên là ở dâu? Lí tưởng đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công sản thế giới đã vach ra trong tiền dồ phát triển của lich sử nhân loại Lí tưởng đó đang đươc xây dựng thắng lơi bởi sức lao động sáng tạo của 900 triêu người trong phe xã hội chủ nghĩa, trong đó có nước Viêt Nam dân chủ công hòa

của chúng ta Hàng trăm triệu người trong khắp các nước tư bản và thuộc địa đang đấu tranh vì lí tưởng đó Lí tưởng của thanh niên ta là cái lí tưởng mà nhân dân ta đang xây dựng từng bước về các mặt đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam Vấn đề là thanh niên làm thế nào để góp phần tích cực vào sự thực hiện lí tưởng đó Ở chỗ này, giáo dục ta có tác dụng định đoạt, trong đó văn nghệ có vai trò không phải thứ yếu

Muốn như vậy thì phải làm cho thanh niên và nhi đồng yêu đời trong trăm ngàn mầu sắc của nó Tôi muốn nói đời đây theo ý nghĩa hết sức rộng rãi của nó Lòng yêu đời của thanh niên học sinh và nhi đồng thể hiện trong những tình yêu mà Đảng, Hồ Chủ tịch thường dạy bọ, và nền giáo dục ta trong và ngoài nhà trường vẫn cố gắng bồi dưỡng cho bọ yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu và bảo vệ của công Lí tưởng của thanh niên ta cũng xuất phát và xây dựng trên những tình yêu đó

Có lẽ tất cả chúng ta đều thống nhất ý kiến trên những điểm đó Song làm thế nào để thực hiện? Chính đấy là vấn đề mấu chốt trong khoa Sư phạm nếu là nhà giáo, và trong phương pháp sáng tác cho thanh niên và thiếu nhi nếu là nhà văn

Đối với thanh niên và thiếu nhi, nhà giáo cũng như nhà văn, nếu nhiệm vụ đều là bồi đắp cho đối tượng hoạt động và sáng tác của mình những tình yêu mà chúng tôi vừa nhắc tới, thì cái môi trường của hoạt động và sáng tác vẫn là tình cảm của thanh niên và thiếu nhi Như nhà văn Anatôn Phơrăngxơ nói: *"Trẻ em biết đời qua những sự rung cảm Một cuốn sách nhỏ, gợi lên được một ý nghĩ nên thơ, một mối tình cảm tốt đẹp, nói tóm tắt, nếu rung cảm được tâm hồn, thì cuốn sách đó đối với các trẻ em và các thanh niên có một giá trị lớn hơn là những cuốn sách đầy rẫy những ý niệm về cơ khí"*

Cố nhiên, nhà văn khi nói đến quan niệm cơ khí, hoàn toàn không có ý muốn nói là khoa học tự nhiên, kĩ thuật, là nghịch với tình cảm, là "giết chết tình cảm, giết chết thơ mộng" Ý niệm cơ khí đây là chỉ vào tinh thần giáo dục tư sản có tính chất thực tiễn hẹp hòi, vì dưới chế độ tư bản, khoa học kỹ thuật không phải để giúp giải phóng lao động, giải phóng con người, mà để nô dịch lao động và con người, vì mục đích thu tiền lãi cho bọn bóc lột

Chúng ta muốn các em, các con chúng ta trở nên chủ nhân ông của đất nước Vậy thì không có gì hơn là chúng ta làm cho những thanh niên và thiếu nhi đó thông cảm với tất cả những cái gì thuộc về đất nước, từ núi sông, cây cỏ, điểu thú, cho đến người

Nói tóm tắt, chúng ta vẫn xuất phát từ thế giới xung quanh từ thực tế xung quanh Song tâm lí của thanh niên và nhi đồng phát triển theo quy luật biện chứng của nó, là sự thông cảm của họ với thực tế, và sự hiểu biết thực tế của họ là phải xuyên qua một bức màn thơ mộng, nghĩa là xuyên qua tình cảm Cái lí trí của thanh niên và thiếu nhi chỉ có thể trưởng thành bằng con đường siêu lí trí Đẹp, hồn nhiên, thơ mộng, đó là những sắc thái của tâm hồn non trẻ, và như nhà văn Giuốcgiơ Xăng nói là "cái đẹp thần tiên của tuổi thơ ấu" Từ trước đến nay, trong việc giáo dục, nhiều lúc ta đã vi phạm quy luật đó Vì vậy cho nên rất nhiều trẻ em, khi làm bài, hoặc viết thư cho gia đình, bạn bè, ở trong nước hay ngoài nước, toàn nói giọng người lớn, nghĩa là với những ý nghĩ và lời văn mượn ở đầu óc và miệng lưỡi của người lớn Không phải vì vậy mà học sinh biết dùng quốc văn đúng đắn Trái lại, ngoài những công thức được học thuộc lòng đó ra khi tự các em phải trình bày ý nghĩ của mình thì rất lúng túng Đó là do lối dạy quốc văn, dạy sử, dạy địa lí, cả đến những môn thuộc về khoa học tự nhiên nữa, chúng ta thường dạy một cách quá khô khan Như trong giảng văn, nhiều lúc quá thiên về bối cảnh lịch sử, lập trường tư tưởng

của tác giả mà coi nhẹ cái chính, tức là bài văn Bài giảng văn nhiều lúc biến thành bài giảng về văn học sư Cố nhiên sư lệch lạc đó là trách nhiệm chính của công việc giáo dục ở nhà trường và nếu ở trường có sư thiếu sót đó là vì chính giáo viên cũng chưa được bồi dưỡng và hướng dẫn đúng đường Song, không phải bộ phận văn nghệ có trách nhiệm sáng tác cho thanh niên và thiếu nhi không có liên quan Bởi vì sau những giờ học ở lớp, học sinh thiếu món ăn tinh thần cần thiết để bồi dưỡng thêm cho họ

Nhưng hiểu biết được những đòi hỏi về tinh thần của thanh niên và nhi đồng không phải tư nhiên mà đạt được Nó phải kinh qua một quá trình tiếp xúc gần gũi với họ Vậy thì điều kiện cơ bản để sáng tác có kết quả cho thanh thiếu nhi là sự kết hợp chặt chẽ giữa những nhà văn chuyên sáng tác cho thanh thiếu nhi và những người làm công tác giáo dục với những người và những đoàn thể phụ trách công tác thanh niên và nhi đồng Từ trước đến nay, sự kết hợp đó tuy không phải tuyệt đối không có, nhưng còn lỏng lẻo, chưa có hệ thống

Trong kháng chiến và cả bây giờ nữa, vì sao mà chúng ta thấy nhiều học sinh đọc lén lút những truyện kiếm hiệp, những tiểu thuyết phiêu lưu và trinh thám, những sách khiêu dâm? Là vì việc giáo dục tình cảm cho học sinh trong và ngoài trường học còn nhiều thiếu sót, không phải vì nhà trường đã gợi lên trong học sinh cái xấu xa, cái dâm ô, cái vô nhân đạo như trường học của bọn thực dân Trái lại, nhà trường ta ngay khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, vẫn hơn hẳn trường học của chế độ cũ về căn bản, ở chỗ nó tự đặt ra và cố gắng thực hiện cái sứ mạng thiêng liêng là xây dựng con người mới, có phẩm chất khác với con người sống dưới các chế độ bóc lột

Sự thiếu sót của ta là ở chỗ ta nêu lên những đức tính của chủ nghĩa nhân đạo mới làm tôn chỉ của nền giáo dục, mà

chưa đi sâu vào những phương châm và biện pháp thực hiện, hợp với tâm lí và tính tình của thanh niên và nhi đồng

Cái mà giáo dục ở nhà trường chưa làm được đầy đủ thì cũng chưa được văn nghệ, là một nhân tố trong yếu của giáo dục xã hội và có quan hệ mật thiết hơn hết với giáo dục ở nhà trường, bổ sung kịp thời và thích đáng. Nghĩa là không đủ để hấp dẫn thanh niên và thiếu nhi, và làm cho họ ra khỏi cái khuôn khổ khô khan và công thức.

Một số thanh niên thích đọc những sách xấu không phải vì bản chất của những thanh niên đó là xấu, nhưng vì bản tính của họ là ưa thích những cái kỳ lạ, vì họ sống bằng tình cảm, cho nên họ đi tìm những cái gì mà họ tưởng có thể thỏa mãn được phần nào những đòi hỏi về tinh thần của họ. Khi đọc, họ đâu có nghĩ đến tác hại của những thứ sách đó. Và đó là chỗ thường bị bọn phản động lợi dụng để cám dỗ người ta, để đưa người ta vào cạm bẫy. Một tâm hồn non trẻ thường thích cái đẹp, cái lạ, cái thơ mộng, nói tóm tắt là họ có một tâm tình lãng mạn theo nghĩa chính xác của tiếng đó. Và nếu thanh niên và nhi đồng không có tâm tình như vậy thì không thể thành thanh niên và nhi đồng. Cái quý, cái đẹp, cái dễ yêu của tuổi trẻ là ở chỗ đó.

Nền giáo dục tư sản đế quốc nói chung và nói riêng là nền giáo dục ở miền Nam hiện nay, lợi dụng tâm tình lãng mạn sẵn có của thanh thiếu nhi và dựa trên thực tế tàn nhẫn và ghê tởm của chúng nó để đưa họ vào con đường lãng mạn, phản động, đồi trụy, với cái sản phẩm tất nhiên của nó là đám cao bồi, tức là những nạn nhân của chế độ và căn bã của xã hội. Nền giáo dục của phe ta nói chung và miền Bắc ta nói riêng, dựa trên tâm tình lãng mạn của thanh niên và thiếu nhi với cái thực tế dễ yêu và hùng vĩ của chúng ta, giáo dục họ theo chủ nghĩa lãng mạn cách mạng, để bồi dưỡng nên hàng nghìn hàng vạn Dôia, Bùi Thị Cúc, Trần Văn Ơn, Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn

Thi Chiên, nghĩa là những người tích cực xây dựng chế độ, những người chủ nhân của xã hội, những người anh hùng mà nhân dân bồi dưỡng nên để phục vụ nhân dân

Để văn nghệ góp phần có kết quả hơn nữa vào việc giáo dục học sinh, chúng tôi xin nêu ra đây một vài ý kiến

Theo chúng tôi nhận định và đó cũng là học hỏi được ít nhiều trong kinh nghiệm của nền giáo dục của những nước đàn anh trong phe ta, điều trước tiên là triệt để khai thác vốn cũ, nghĩa là những sáng tác văn nghệ truyền thống của dân tộc, bởi vì chính những sáng tác đó đã bị thi vị hóa những nét chính trong đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc trong hàng mấy nghìn năm Vì vậy mà nó bất hủ Bất cứ thời đại nào không cứ gì tuổi thanh niên và nhi đồng, mà cả người lớn nữa cũng thích nghe kể lại, hoặc tự mình kể lại những truyện thần thoại, những truyện cổ tích

Trước đây không bao lâu, và có lẽ ngay cả bây giờ, nhiều người có thái độ dè dặt, thậm chí tiêu cực đối với những truyện thần thoại, cho những cái đó là phản khoa học, cho những truyện đó đều là mang nặng tư tưởng phong kiến vì những vai chính trong truyện phần nhiều là vua, là ông hoàng, bà chúa v v Nếu phải lấy một vài chuyện nào đó để dạy cho trẻ em hoặc để biểu diễn, thì cố làm thế nào để hiện đại hóa nó ra một cách gò ép, đổi địa vị xã hội, thậm chí đổi cả những lời nói và cử chỉ của những vai đó cho phù hợp với quan điểm và lập trường của ta ngày nay Kết quả là chuyện đó biến thành một chuyện do chủ quan của tác giả tạo ra không còn là một sáng tác văn nghệ của nhân dân thời xưa truyền lại nữa. Chính thái độ như vậy là thiếu khoa học, là phản lịch sử. Qua cái vỏ thần thoại, người xưa đã dạy chúng ta yêu Tổ quốc, yêu cỏ cây loài vật, yêu lao động, yêu nhân dân, yêu chính nghĩa, ghét gian tà bạo ngược, ghét phi nghĩa áp bức. Lốt thần thoại chỉ là những hình thức mà những hình thức đó là do những điều kiện lịch sử nhất

đinh đề ra, và cố xuyên qua đó, thì mới nói lên được một cách mãnh liệt, cụ thể và điển hình hóa được những đau khổ, những hi vọng, cái ý chí và cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ của mình để đi tới một cuộc đời tự do và tươi đẹp hơn. Cái nội dung nhân đạo của những truyện thần thoại và hoang đường là ở chỗ đó. Nếu không thấy cái ý nghĩa tích cực, tiến bộ của nó, nghĩa là cái dục vọng của loài người luôn luôn vươn lên, luôn luôn tiến bộ mà cổ chấp về hình thức, như vậy là sa vào chủ nghĩa hình thức.

Qua những truyện thần thoại, chúng ta thấy được tài sáng tạo của ông cha ta, thấy đời sống về tinh thần và tình cảm của ông cha ta là phong phú, là nồng nhiệt như thế nào?

Không những phải khai thác những truyện thần thoại của ta, mà còn phải khai thác vốn cũ của các dân tộc khác nữa. Trước hết là các vốn cũ của các dân tộc anh em trên đất Việt Nam, của hai dân tộc láng giềng gần nhất Miên[1] - Lào và các dân tộc khác trên thế giới. Một điều sẽ làm cho chúng ta rất ngạc nhiên là khi chúng ta thấy rằng rất nhiều truyện thần thoại của các dân tộc khác, bất cứ là Trung Quốc, Liên Xô, Ấn Độ, Ả Rập, hay Pháp, hay Tây Ban Nha, hay Thụy Điển, đều giống như những truyện thần thoại của ta. Sở dĩ có sự giống nhau đó không phải vì dân tộc này đã mượn của một dân tộc khác hoặc là vì có một ảnh hưởng qua lại trực tiếp nào đó, nhưng vì bản chất của loài người là một, cùng có những nguồn vui sướng, thống khổ như nhau, cùng chung một nguyện vọng, một chí hướng, cùng theo đuổi một lý tưởng và mặc dù những điều kiện khác nhau trong tiến trình lịch sử đã làm cho một số dân tộc này đi nhanh hơn một số dân tộc khác, nhưng tất cả đều kinh qua một cuộc đời nguyên thủy trong một khoảng thời gian khá dài, trong đó cái quái lạ, cái thần bí, cái vô trí là những

1 Vương quốc Campuchia hiện nay

lực lương chi phối và người cùng quý thần luôn luôn chung đung với nhau

Biết những truyên thần thoai của các dân tôc khác, khiến cho chúng ta càng dễ thông cảm với các dân tôc đó và tăng thêm tình yêu nhân loai, tăng thêm tinh thần quốc tế cách mang của giai cấp vô sản

Một lĩnh vực nữa cần dược khai thác để giáo duc thanh niên và nhi đồng những đức tính cao quý, đồng thời mở rông kiến thức của ho, đó là tiêu sư cua những vĩ nhân cua các thời đai và thuôc các ngành hoat đông, và những tiêu thuyêt có tác dung rèn luyên và phát huy ý chí và cá tính cua những nhân vât tích cưc trong xã hôi

Ở các nước ban có xuất bản cho thanh niên một loai sách goi là "Đời sống của các vĩ nhân" trong đó kê lai môt cách hấp dẫn dời sống và sư nghiêp của những người đã có môt sư cống hiến nhất định về chính tri, văn hóa, khoa hoc, quân sư v v cho đất nước, cho dân tôc, bất luân là ở vào thời điêm nào và người nước nào Sở dĩ nhân loai đã tiến tới bước đường ngày nay, nền văn minh của thế giới đã đat đến mức như ngày nay, cố nhiên là do lao đông sáng tao của nhân dân, nhưng lao động sáng tao đó đã kết tinh vào cái thiên tài của những nhân vât tiêu biểu nhất cho thời đai, không phải chỉ bởi giá tri của sư nghiêp của ho, mà còn bởi những đức tính cao cả của những nhân vât đó, như tinh thần bền bỉ bất khuất trước thử thách, vì sư nghiêp giải phóng dân tôc, vì tiến bô của loài người, vì khoa hoc, vì nghệ thuât, vì chân lí mà quên mình và hi sinh tất cả của cải danh vọng, gia đình, tư do, thậm chí cả tính mang, môt đời sống tiết tháo, trong sach, một tâm hồn cao thương, hồn nhiên, môt trí tuê bao la sáng suốt như Ăngghen nói "Những người khổng lồ của những thời đai khổng lồ" Những nhân vât như Galilê, Côpecních, Tôma, Munxe, Giăng Huyxơ, Lêôna đờ Vanhsi, Sếchspia, Rôbe Oven, Xanh Ximông, Babơp, Garibandi,

Mac, Ăngghen, Lênin, Gớt, Sécnưsepski, Bettôven, Nguyễn Ái Quốc, Lỗ Tấn v v là tinh hoa của loài người và phải được nêu lên để đời đời làm gương cho những thế hệ sau

Một loại sáng tác văn nghệ nữa có một tác dụng lớn trong việc giáo dục những lớp trẻ tuổi, đó là những tiểu thuyết làm nổi bật lên được ý chí sắt đá và tình cảm mạnh mẽ của những nhân vật đại diện cho chính nghĩa Nhiều lãnh tụ cách mạng trong lúc thiếu thời đã chịu ảnh hưởng của những cuốn tiểu thuyết như *Làm gì?* của Sécnưsepski, *Người mẹ* của Mácxim Goócki và rất nhiều thanh niên Liên Xô cũng như các nước rất hâm mộ cuốn tiểu thuyết *Thép đã tuyện* của Ostrốpski hoặc cuốn *Đội thanh niên cận vệ* của Phađêép

Không những tiểu thuyết của các nhà văn vô sản, mà nhiều tác phẩm của những tác giả cổ điển cũng được văn nghệ Liên Xô và báo chí của các Đảng Công sản các nước nêu lên Ví dụ trong thời kỳ mặt trận Bình dân, báo "Nhân đạo của Đảng Công sản Pháp đăng liên tục toàn bộ tiểu thuyết *Ba tước Môngtơkristô* của Alêchxăngđrơ Đuyma Những tác phẩm cổ điển có tác dụng bồi dưỡng tinh thần kiên trinh, khẳng khái, nhân đạo, mối tình chung thủy như *Lơxit* (Lecid) của Coócnay, hoặc *Những người cùng khổ* của Vichto Huygô, *Rômêô và Giuliet* của Sếchspia cũng được văn nghệ các nước dân chủ phổ biến rộng rãi

Nói tóm tắt, để giáo dục thanh niên và thiếu nhi những tình cảm và một thẩm mĩ lành mạnh và tế nhị, chúng ta không những chỉ dựa vào sáng tạo văn nghệ hiện đại, mà còn phải dựa vào sáng tác văn nghệ truyền thống của dân tộc dựa vào cái vốn văn nghệ cũ của dân tộc và của thế giới Để giáo dục thanh niên và thiếu nhi những đức tính của con người mới, con người xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản tương lai, chúng ta không những chỉ dựa vào những điển hình của những anh hùng, những nhân vật của thời đại

trước. Nhân đây tôi lại nhớ đến lời của đồng chí Lênin đã dạy cho thanh niên Nga cách đây gần 40 năm: *"Có tiếp thu tất cả những kiến thức do loài người đã tích lũy trong bao nhiêu thế kỷ thì mới trở thành người cộng sản"*

Sau cùng, tôi xin nhắc đến hai bộ phận nữa trong phạm vi mĩ dục cho học sinh là nhạc và hoạ. Hiện nay các trường học cũng còn rất lúng túng về các mặt đó. Dân tộc ta là một dân tộc âm nhạc, lại khéo tay. Vì vậy nên tôi chắc rằng về các mặt nhạc và hoạ, thanh niên và thiếu nhi ta sẽ có những triển vọng lớn lao, nếu biết khai thác những khả năng đó, và trước hết là phải có hướng dẫn đúng đắn của cơ quan văn nghệ.

Đó là một số ý kiến của chúng tôi về quan niệm và phương hướng. Song chỉ có quan niệm đúng vẫn chưa đủ. Phải có tổ chức để đảm bảo sự thực hiện. Điều mà chúng tôi hi vọng là văn nghệ chúng ta cũng nên nghiên cứu kinh nghiệm các nước bạn, ở đây có những người và cơ quan văn nghệ riêng chuyên phục vụ cho thanh niên và nhi đồng. Nếu không chuyên trách thì dù quan niệm đúng đến đâu đi nữa, cũng không thể đảm bảo thực hiện kế hoạch được. Những đòi hỏi của xã hội ta đối với văn nghệ ngày càng cao, ngày càng nhiều, càng phức tạp, như vậy nghĩa là nó sẽ thúc đẩy sự phân hóa và chuyên môn hóa ngày càng sâu trong sáng tác văn nghệ. Đó là một quy luật chung của sự phát triển của thực tế nước ta trong lĩnh vực văn nghệ cũng như trong các lĩnh vực khác. Có sự chuyên trách như vậy thì sự liên hệ giữa hoạt động văn nghệ cho thanh niên và thiếu nhi với công tác giáo dục ở nhà trường mới được mật thiết và mới thành hệ thống.

Thưa Đại hội,

Hàng vạn cán bộ giáo dục, hàng triệu học sinh thiết tha theo dõi Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II của chúng ta. Họ đặt rất nhiều hi vọng vào sự thành công của Đại hội.

Và điều đó rất dễ hiểu, bởi vì nền văn nghệ trong sáng và phong phú của chúng ta thấm nhuần một tinh thần nhân đạo cao cả dưới lá cờ của Đảng Lao động Việt Nam, của Chủ nghĩa Mác - Lênin bất diệt và toàn thắng, không những sẽ là một cây hoa thơm ngào ngạt trong vườn xuân của nước Việt, mà nó sẽ còn mang lại những lớp quả ngon, trái ngọt để nuôi dưỡng những thế hệ đang lớn thành những người sáng tạo lịch sử, những kẻ thừa kế xứng đáng sự nghiệp vinh quang của Mác - Ăngghen - Lênin - Stalin, Mao Trạch Đông Hồ Chí Minh

Chúc Đại hội thành công rực rỡ

MẤY BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG 20 NĂM QUA*

Qua mấy nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã luôn luôn tỏ ra là một dân tộc rất hiếu học mặc dù phải liên miên đấu tranh quyết liệt với thù trong giặc ngoài để bảo vệ sự sống còn của mình. Nhưng chỉ từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nền văn hóa giáo dục mới thật sự là của nhân dân.

Trước Cách mạng Tháng Tám, bọn thực dân thống trị Pháp cấu kết với bè lũ phong kiến tay sai đã tìm mọi cách hòng phá hoại nền văn hóa lâu đời của dân tộc ta, giam hãm 95% nhân dân ta trong nạn mù chữ. Hệ thống giáo dục theo kiểu thuộc địa của chúng chỉ là một hình thức bịp bợm về cái gọi là "công ơn khai hóa của mẫu quốc" nhằm đào tạo một số công chức vừa đủ để làm môi giới cho chính quyền thực dân với quần chúng nhân dân bản xứ. Năm phồn thịnh nhất của chế độ thuộc địa (1939) mỗi tỉnh chỉ có một hai trường cấp II, một trường cấp III (có khi không toàn cấp), một trường trung cấp "kỹ nghệ thực hành". Cả Đông Dương mới có hai khoa đại học y và luật với chương trình què quặt. Cả xứ Đông Dương mới có 302938 học sinh phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp, 582 sinh viên đại học. Ngoài việc đặt ra các thể lệ phiền phức và tốn kém để hạn chế số người đi học trường công, chúng còn thẳng tay bóp nghẹt, đàn áp các phong trào khuyến học như phong trào Đông Kinh nghĩa thục (1920), Truyền bá quốc ngữ (1939) do các tầng lớp tiến bộ khởi xướng để dạy cho nhân dân. Hệ thống giáo dục nói trên chỉ là một chiếc mặt nạ quá bé nhỏ không sao che dấu nổi bộ mặt gian ác ghê tởm của chúng.

---

* Đăng trong tạp chí *Học tập, số 12, 1965, tr 23 - 30*

Là người chiến đấu cho quyền lợi và nguyện vọng thiết của dân tộc, từ năm 1943, khi còn hoạt động bí mật, Đảng Cộng sản Đông Dương đã khởi thảo ra đề cương văn hóa với ba tính chất *dân tộc, khoa học, đại chúng*, chống lại nền văn hóa giáo dục ngu dân của chế độ thực dân Pháp. Khi đã giành được chính quyền về tay nhân dân, Đảng ta chủ trương phải xây dựng nền giáo dục mới, không những phải xóa bỏ nền tảng lí luận giáo dục phản động của chúng, phải cải tạo số cán bộ giáo dục cũ và xây dựng một đội ngũ cán bộ giáo dục mới, phải xây dựng nhanh chóng cơ sở vật chất cho nhà trường mới. Nhờ có đường lối chính trị và đường lối giáo dục đúng đắn, nhờ biết phát huy truyền thống tự lực, tự cường của dân tộc và biết áp dụng một cách sáng tạo nguyên lí giáo dục của chủ nghĩa Mác - Lênin vào tình hình thực tế của nước ta, trong 20 năm qua mặc dù phải tiến hành cuộc kháng chiến gian khổ và lâu dài chống thực dân Pháp, tiến hành đấu tranh quyết liệt chống âm mưu chia cắt đất nước ta của đế quốc Mĩ, Đảng ta đã liên tục ra sức xây dựng và phát triển nền giáo dục Việt Nam với tốc độ và quy mô chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Cho đến nay, sau khi đã thanh toán nạn mù chữ trong nhân dân, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh bao gồm hệ thống bổ túc văn hóa cho người lớn tuổi, hệ thống giáo dục phổ thông cho thế hệ trẻ và hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp để đào tạo cán bộ. Trên miền Bắc nước ta ngày nay, ước mơ toàn dân được học tập mà biết bao thế hệ trước đây chưa bao giờ thực hiện được đang trở thành hiện thực. Những con số dưới đây nói lên điều đó. Trừ số trẻ em chưa đến tuổi đi học, cứ 3 đến 4 người dân thì có 1 người đi học, có những gia đình nông dân có 2, 3 con học đại học, nơi mà trước kia chỉ có con em quan lại mới được đi học. Chỉ tính riêng miền Bắc, chúng ta đã có một hệ thống trường đại học với số sinh viên đông gấp 60 lần so với trước (kể cả sinh viên học hàm thụ); hàng trăm trường trung cấp chuyên nghiệp với 10 vạn học sinh; trung

bình mỗi xã có một trường cấp I, hai xã có một trường cấp II, hai huyện có một trường cấp III với tổng số trên 3 triệu học sinh phổ thông Đội ngũ cán bộ giáo dục cũng lên gần 10 vạn người (kể cả giáo viên, mẫu giáo, vỡ lòng) Về bổ túc văn hóa, không thôn xóm nào, không xí nghiệp, cơ quan nào là không có trường lớp, hàng năm có trên một triệu người theo học các lớp từ cấp I đến đại học

Về chất lượng giáo dục thì điều cơ bản là Đảng đã biến nhà trường, một công cụ ngu dân của phong kiến và đế quốc, thành một công cụ phục vụ cho đường lối chính trị của giai cấp vô sản, đem lại cho nhân dân lòng tin cách mạng và ánh sáng khoa học để phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống

Những thành tích to lớn đó của sự nghiệp giáo dục là niềm tự hào của dân tộc ta, là biểu hiện cụ thể tính hơn hẳn của chế độ ta Từ thực tiễn của công tác giáo dục trong 20 năm qua chúng ta có thể bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu để làm cơ sở vững chắc cho những bước tiến sau này của ngành giáo dục nước ta

Bài học thứ nhất có thấu suốt đường lối chính trị và đường lối giáo dục đúng đắn của Đảng, ngành giáo dục của ta mới không ngừng lớn mạnh và phục vụ nhiệm vụ cách mạng được tốt

Đối với một dân tộc khao khát học nhưng không có quyền học như dân tộc ta trước đây thì nhu cầu về văn hóa cũng thiết thân, cấp bách như nhu cầu về độc lập dân tộc, về tự do và dân sinh hạnh phúc Cho nên ngay sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chủ tịch đã tóm tắt đường lối chung của cách mạng Việt nam lúc bấy giờ trong ba nhiệm vụ diệt giặc ngoại xâm, diệt giặc đói và diệt giặc dốt. Riêng về mặt "*diệt giặc dốt*", Người đã ký sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ để chăm lo phong trào thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân lao động.

Người còn vạch ra mục đích và chức năng của giáo dục, định rõ vị trí của nó trong sự nghiệp của cách mạng, mối quan hệ giữa học tập, sản xuất và kháng chiến. Đó là sự phát triển sáng tạo tinh thần bản đề cương văn hóa của Đảng năm 1943 trong điều kiện mới. Nhưng làm thế nào để xây dựng sự nghiệp giáo dục khi toàn dân phải dốc toàn lực ra kháng chiến, khi nền kinh tế của ta sau đại chiến thế giới thứ hai đã bị kiệt quệ? Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch đã nắm lấy khâu chính của toàn bộ sự nghiệp giáo dục lúc bấy giờ là phải thanh toán nạn mù chữ, nhanh chóng làm cho nhân dân lao động biết chữ và có kiến thức văn hóa. Thực hiện tốt nhiệm vụ này thì sẽ tạo điều kiện nâng cao nhanh chóng giác ngộ chính trị của quần chúng, làm cho quần chúng phát huy được tính tích cực cách mạng và tính sáng tạo của mình để củng cố và phát huy thành quả cách mạng trong những ngày sóng gió của chính quyền nhân dân. Mặt khác, Đảng ta và Hồ Chủ tịch lại đề ra một phương pháp học tập rất sáng tạo, đơn giản, ít tốn kém, có hiệu quả nhanh, phù hợp với hoàn cảnh còn nghèo của nhân dân ta: "Người biết chữ dạy người không biết chữ; học bất cứ bằng cách nào, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta từ Nam chí Bắc đều tích cực thực hiện khẩu hiệu "toàn dân tham gia xây dựng giáo dục". Chỉ một năm sau khi phát động phong trào thanh toán nạn mù chữ, Đảng ta lại phải lo đến việc bổ túc văn hóa cho nhân dân. Song song với việc xây dựng một hệ thống bổ túc văn hóa, nhân dân ta cũng đã góp sức người, sức của để xây dựng ngành giáo dục phổ thông, đại học và chuyên nghiệp.

Từ sáng kiến đầu tiên của Hồ Chủ tịch, sự nghiệp giáo dục của ta đã đi theo đường lối quần chúng, vì quần chúng mà phục vụ, và làm cho quần chúng thấy rằng học tập là quyền lợi thiết thân của họ, của con em họ, đồng thời cũng là nhiệm vụ thiêng liêng của họ: phải học để "kháng chiến và kiến quốc", phải học để làm chủ đất nước. Trong thời kỳ

kháng chiến chống Pháp, tất cả những gì chúng ta chưa kịp làm, hoặc chỉ mới bắt đầu làm đều được tiếp tục một cách khẩn trương hơn. Khi bắt đầu xây dựng hệ thống bổ túc văn hóa, Hồ Chủ tịch dặn: "Bổ túc văn hóa phải thiết thực, phải xoáy vào hai trọng tâm chiến đấu và sản xuất. Hình thức vừa làm vừa học là chính". Đối với hệ thống giáo dục phổ thông, Người chỉ thị trực tiếp cho Bộ Giáo dục phải "Tiếp tục phát triển ngành giáo dục phổ thông, phải thay đổi lại cơ cấu cũng như nội dung học cho thích hợp với hoàn cảnh mới: học đi đôi với hành, nửa ngày học, nửa ngày tham gia lao động sản xuất hoặc giúp vào công tác kháng chiến".

Nhờ đường lối sáng tạo và biện pháp thiết thực đó của Đảng và Hồ Chủ tịch, mỗi lớp học bổ túc văn hóa không những đã trở thành nơi tuyên truyền cho kháng chiến, mà còn là nơi phổ biến kỹ thuật canh tác mới, nơi học tập gương mẫu chính sách của Đảng và Chính phủ. Về giáo dục phổ thông thì toàn bộ cơ cấu và nội dung đã thay đổi cùng với sự thay đổi tính chất của xã hội, do đó, thành phần xã hội của học sinh cũng thay đổi về căn bản. Không riêng gì con em những người có tiền, có ruộng mới được đi học mà con em các tầng lớp lao động đều có thể đi học. Đường lối đó làm cho nhân dân lao động càng thấy rõ việc xây dựng giáo dục là việc của mình. Họ thi đua đóng góp công của cho sự nghiệp giáo dục, các hội phụ huynh thi đua nhau bảo trợ nhà trường, mặt trận thống nhất dân tộc đứng ra tổ chức trường lớp, giáo viên "công tâm" tự nguyện đi dạy không lĩnh lương... đó cũng là cơ sở đầu tiên trong sự hình thành hệ thống trường dân lập sau này.

Hệ thống giáo dục cao đẳng cũng được xây dựng theo nhu cầu của kháng chiến. Ngoài trường đại học y dược đã được chuyển ra vùng tự do, chúng ta còn xây dựng thêm các trường văn khoa và ngoại ngữ, trường khoa học cơ bản ở Trung ương, trường cao đẳng giao thông công chính ở Liên khu 4. Bên cạnh hệ thống cao đẳng đã hình thành một

hệ thống trung cấp chuyên nghiệp với những trường đầu tiên như trường y học, nông lâm, mĩ nghệ. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, thì sự nghiệp giáo dục cũng đạt được một kết quả to lớn: chúng ta đã xây dựng xong về căn bản một hệ thống giáo dục toàn diện, làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển giáo dục sau ngày hòa bình được lập lại.

Chỉ trong hai năm sau khi hòa bình được lập lại, chúng ta đã hoàn thành việc sát nhập hệ thống trường công, trong vùng tạm bị chiếm do đối phương để lại vào hệ thống giáo dục của ta, đã biến trường tư thục thành trường dân lập, tiếp đó đã đập tan hoạt động chống đối của bọn Nhân văn - Giai phẩm, những kẻ mưu đồ phục hồi nền văn hóa và giáo dục tư sản phản động. Trong thời kỳ khôi phục kinh tế, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ phải phát triển nền văn hóa giáo dục của ta. Đây là một chủ trương đúng đắn, có tính chất sáng tạo, bởi vì nền văn hóa giáo dục lạc hậu phản động trong vùng tạm bị chiếm cũ chẳng có gì đáng để khôi phục cả. Còn nền giáo dục của ta thì đã có cả một hệ thống tương đối toàn diện, có thể làm rường cột trong việc thanh toán những tàn tích của giáo dục thực dân, nên giáo dục ấy của ta phải được phát triển ngay để tạo điều kiện xúc tiến cuộc cách mạng tư tưởng, khoa học kỹ thuật sau này.

Bước sang thời kỳ 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, ngành giáo dục phải giải quyết nhiều vấn đề phức tạp. Nông dân đã được tổ chức lại, đòi hỏi phải có trình độ văn hoá cao hơn để có thể học tập, nắm vững được kỹ thuật và quản lý nền sản xuất tập thể được tốt. Công nhân đòi hỏi trình độ kỹ thuật để xây dựng một nền công nghiệp tự chủ tương đối hoàn chỉnh. Vấn đề cán bộ được đặt ra một cách cấp thiết. Đó cũng là nhiệm vụ lớn của ngành giáo dục. Nhà trường phải đào tạo những người cán bộ vừa có đạo đức xã hội chủ nghĩa, vừa có đủ trình độ văn hóa và kỹ thuật cần thiết cho giai đoạn cách mạng mới.

Do đó ngành giáo dục phải xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa nhằm đào tạo con người phát triển toàn diện, con người vừa "đỏ" vừa "chuyên"

Đến năm 1960, Đại hội lần thứ 3 của Đảng, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm đã qua, vạch ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Nghị quyết của Đại hội đã xác định rõ vị trí và nội dung của cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật và cách mạng về văn hóa, tư tưởng Riêng về công tác giáo dục, Đại hội chỉ rõ "Công tác *giáo dục* phải phát triển theo quy mô lớn, nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ nước nhà, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hóa và kỹ thuật, có sức khỏe, nhằm phục vụ đắc lực cho việc đào tạo cán bộ và nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân lao động Công tác giáo dục phải phục vụ đường lối và nhiệm vụ cách mạng của Đảng, phải kết hợp giáo dục với lao động sản xuất, kết hợp lí luận với thực tế, giáo dục nhà trường với giáo dục xã hội"[1]

Cả ba nhiệm vụ: giáo dục thế hệ trẻ, nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân lao động, đào tạo cán bộ, đều quan trọng và phải được kết hợp chặt chẽ với nhau mà tiến hành, có làm như thế thì mới phù hợp với những đặc điểm sau đây

1. Nước Việt Nam vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên cần phải tiến hành song song ba cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, về kỹ thuật và văn hóa, tư tưởng

2 Tuy quan hệ bóc lột về căn bản đã bị xóa bỏ từ sau thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, song cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" vẫn còn tiếp diễn, và chúng

1 *Văn kiện Đại hội* BCH Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xuất bản, 1960, tập I, tr 186

ta vẫn phải tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, cung cố quan hệ sản xuất mới, công cuộc này tất nhiên đòi hỏi nền giáo dục phải đóng góp sức mình vào việc nâng cao giác ngộ giai cấp và trình độ văn hóa kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân lao động

3 Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh đất nước ta còn bị chia cắt Chúng ta còn phải đấu tranh để giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà Miền Bắc phải tiến nhanh tiến mạnh, tiến vững chắc về mọi mặt để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh đó

4 Chúng ta đi vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội với một cơ sở giáo dục đã được xây dựng từ trong kháng chiến, nhất là từ 5 năm sau hòa bình được lập lại, nghĩa là chúng ta đã có một nền giáo dục tương đối hoàn chỉnh gồm ba hệ thống bổ túc văn hoa, phổ thông và đại học chuyên nghiệp Cả ba hệ thống đó đều phải được phát triển mạnh mẽ để đào tạo cán bộ quản lí và kỹ thuật, đào tạo công nhân lành nghề, đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội

Theo chủ trương đó, trong 5 năm qua ngành giáo dục đã đạt được những thắng lợi to lớn Nhưng so với khí thế cách mạng của quần chúng đang dâng lên như nước thủy triều hiện nay thì ngành giáo dục phải phát huy đầy đủ và triệt để chức năng của mình mới có thể đáp ứng được yêu cầu về cán bộ, về người lao động mới cần thiết cho sự phát triển về mọi mặt của cách mạng xã hội chủ nghĩa Đảng ta đã kịp thời quyết định tiến hành một cuộc cải cách trong ngành giáo dục, khẳng định mục đích giáo dục xã hội chủ nghĩa mà Đại hội lần thứ 3 của Đảng đã đề ra Ngành giáo dục phải đi đúng đường lối giai cấp trong việc đào tạo thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ nước nhà, những người chiến sĩ cách mạng vừa có đức, vừa có tài Phương châm giáo

duc phải là *kết hợp với thực tế Việt Nam* Nội dung giáo duc phải mang *tính chất xã hội* và *tính chất dân tộc*. Nhà trường phải gắn liền với cuộc sống, với sản xuất hơn nữa Nhất là giáo duc chính trị, tư tưởng phải là linh hồn của toàn bộ sự nghiệp giáo duc Có làm được như thế, chúng ta mới giải quyết được cả số lương và chất lương trong việc đào tao con người mà cách mang xã hội chủ nghĩa cần có

Nhưng trước khi bước vào thực hiện một cách toàn diện cuộc cải cách giáo duc thì đế quốc Mĩ mở rông chiến tranh xâm lược ra miền Bắc Để phục vu đắc lực cho sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước, ngành giáo duc phải tổ chức trường lớp và cải tiến cách giảng day sao cho phù hợp với tình hình mới, đảm bảo được chất lương giáo duc Đây cũng là một dịp tốt để cho nhà trường gắn liền hơn nữa với cuộc sống, với thực tế, phục vu tốt hơn nữa cuộc chiến đấu chống Mĩ xâm lược và công cuộc xây dưng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến thêm một bước trong việc chính trị hóa giáo duc Tình hình mới không ngăn cản mà cũng không hạn chế việc thực hiện cải cách giáo duc Trái lại, công cuộc cải cách giáo duc cần tiến hành mạnh mẽ và vững chắc hơn Những thành tích giáo duc của các tỉnh Quảng Bình, Hưng Yên và một số địa phương khác trong mấy tháng qua đã chứng minh rằng. nếu ngành giáo duc biết thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng thì bất cứ trong tình hình nào cũng có thể giành được những thắng lợi to lớn

Bài học thứ hai Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành giáo duc đã phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh làm cho nhân dân và cán bộ giáo duc có tinh thần sẵn sàng vượt qua gian khổ, khắc phục khó khăn, phấn đấu kiên cường để xây dưng và phát triển sự nghiệp giáo duc của dân tộc

Đảng ta luôn luôn chăm lo đến quyền lợi học tập của nhân dân lao động, hết sức cố gắng tìm mọi cách đáp ứng lòng khát khao học tập của họ Nhưng Đảng cũng rèn luyện

cho nhân dân lao động ý chí phấn đấu tự mình xây dựng lấy sự nghiệp giáo dục phù hợp với tính chất và đặc điểm của mình. Cũng như cuộc cách mạng giải phóng người lao động phải là sự nghiệp của bản thân những người lao động, sự nghiệp giáo dục của nhân dân lao động phải do chính nhân dân lao động xây dựng nên. Từ xưa cha ông ta vừa đánh giặc vừa dựng nước bằng đức tính kiên cường, cần cù và nhẫn nại, bằng sức lao động sáng tạo của bản thân mình. Tinh thần tự lực cánh sinh đó là một truyền thống rất tốt đẹp của dân tộc ta. Nhờ biết phát huy tinh thần đó, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, tiến hành kháng chiến chống Pháp thắng lợi, giành được nhiều thắng lợi to lớn trong cuộc chiến đấu chống Mĩ, cứu nước, và đang tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Ngành giáo dục cũng đã biết kế tục truyền thống đó mà đi *từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ dưới đi lên* trong việc xây dựng một nền giáo dục toàn diện và tương đối hoàn chỉnh.

Do hoàn cảnh lịch sử xã hội, địa lí, dân tộc Việt Nam ta phải đấu tranh không ngừng chống ngoại xâm và đấu tranh với tự nhiên vì sự sống còn của mình, do đó đã tự rèn luyện cho mình một tinh thần quyết chiến quyết thắng trước mọi khó khăn. Đảng đã giáo dục cho nhân dân ta vận dụng một cách sáng tạo tinh thần đó trong sự nghiệp cách mạng nói chung và trong sự nghiệp giáo dục nói riêng.

Tuy bị thất học hàng nghìn năm, nhưng nhân dân ta rất hiếu học và khi đã được học thì nhân dân ta hiểu biết rất nhanh và áp dụng ngay những điều hiểu biết đó vào cuộc sống. Do đó khi Đảng đem lại quyền lợi học tập cho họ thì nhân dân ta nhận thức ngay rằng việc xây dựng nền giáo dục cho mình, cho con em mình là một quyền lợi thiết thân và một nghĩa vụ cấp bách của bản thân. Ngay từ những ngày đầu của chính quyền nhân dân, nhân dân ta đã nhiệt liệt hưởng ứng và hăng hái thực hiện chủ trương diệt giặc đốt, xây dựng nền giáo dục cho toàn dân mà Đảng và Hồ

Chủ tịch đã đề ra. Với tinh thần tự lực cánh sinh cao, nhân dân ta đã hoàn thành công cuộc thanh toán nạn mù chữ cho hàng chục triệu người trong một thời gian ngắn. Nếu chỉ trông vào phương tiện và cán bộ sẵn có thì một nước mới thoát ra khỏi ách thống trị của thực dân và phong kiến như nước ta không thể nào giải quyết nổi nhiệm vụ to lớn đó. Giáo viên của chúng ta lúc đó là "người biết chữ dạy người không biết chữ", những em thiếu nhi học phổ thông cũng làm được "giáo viên tí tờ". Trường sở của chúng ta là "học bất cứ ở đâu, học bất cứ bằng cách gì". Phương thức đó về sau được phát triển và nâng cao trong công tác bổ túc văn hóa. Vấn đề giáo viên bổ túc văn hóa là vấn đề cấp bách. Nhưng giáo viên bổ túc văn hóa lại không giống như giáo viên tí tờ. Ngoài kiến thức văn hóa chung, họ còn phải có kiến thức về chuyên môn, về kỹ thuật và phải biết cách giảng dạy cho người lớn tuổi. Chúng ta đã bồi dưỡng cho giáo viên phổ thông những kiến thức mà họ thiếu, dựa vào họ, và dựa vào những cán bộ kỹ thuật và chuyên môn ở hợp tác xã, xí nghiệp, công trường, nông trường, cơ quan để mở rộng mạng lưới giáo viên bổ túc văn hóa. Tinh thần tự lực cánh sinh càng được thể hiện rõ trong việc xây dựng đội ngũ giáo viên đại học. Khi hòa bình lập lại, chúng ta chỉ có mươi người giảng dạy trường đại học y khoa, vài ba người có khả năng giảng dạy các môn khoa học tự nhiên, còn về môn khoa học ứng dụng thì hầu như không có ai hết. Chúng ta đã mạnh dạn điều động và bồi dưỡng những giáo viên cấp III tốt, có kinh nghiệp thành giảng viên đại học; mặt khác, chúng ta đã giữ lại những sinh viên xuất sắc ở các khóa đầu của trường đại học Tổng hợp và Sư phạm để làm trợ lí giảng dạy. Sau đó, một số sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài về cũng được dần dần tuyển lựa bổ sung cho đội ngũ giảng viên. Nhờ vậy mà đội ngũ giảng dạy đại học đến nay đã lên đến mấy nghìn người, gấp 5 lần số sinh viên đại học của cả Đông Dương thời thuộc Pháp.

Về giáo dục phổ thông, việc xây dựng đội ngũ giáo viên cũng theo phương hướng đó mới đuổi kịp được con số học sinh phát triển nhanh chóng từ dưới 30 vạn ở các cấp trên toàn cõi Đông Dương hồi trước cách mạng, lên đến trên 3 triệu chỉ riêng ở miền Bắc. Chúng ta đã kịp thời mở rộng diện đào tạo giáo viên mới, nhanh chóng cải tạo tư tưởng cho số giáo viên của chế độ cũ. Các đoàn thể quần chúng cũng tự nguyện đài thọ cho số giáo viên trong địa phương mình, nhân dân tự nguyện chăm lo đến đời sống của giáo viên.

Tinh thần tự lực cánh sinh còn được vận dụng trong việc xây dựng trường sở và thiết bị giáo dục. Trong tình hình số học sinh các loại tăng nhanh chưa từng thấy trong lịch sử như thế, nếu nhân dân không tự mình xây dựng trường, sắm bàn ghế và thiết bị thì không có ngân sách Nhà nước nào có thể đài thọ nổi. Các trường đại học cũng bắt đầu xây dựng bằng tre, nứa, lá để tiến lên thành những công trình đồ sộ như ngày nay. Dưới chế độ ta, không thể có tình trạng quá đông học sinh ở mỗi phòng học. (Ở các vùng tạm bị chiếm ở miền Nam nước ta hiện nay, có lớp chứa tới 100 trẻ em!) và nhà trường cũng không thể chỉ dạy cho con em của một tầng lớp nào đó, cho nên nhân dân và ngành giáo dục của ta đã sáng tạo ra lối học theo kíp. Mỗi ngày học sinh học một buổi, còn một buổi thì tham gia lao động hoặc hoạt động ngoại khóa. Như vậy, những em đến tuổi đi học đều được học, nhà trường lại quy định được thời gian dứt khoát để đi sát với thực tế xã hội và đời sống. Cho đến nay nền nếp đó vẫn được tiếp tục không phải chỉ vì nó giải quyết được vấn đề thiếu trường sở mà còn vì nó phù hợp với nguyên lí và phương châm giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Về thiết bị giảng dạy, ngay trong hoàn cảnh kháng chiến, thiếu thốn đủ mọi mặt, thầy và trò đã có kinh nghiệm tự làm lấy những cái có thể làm được để cho việc giảng dạy của thầy được cụ thể và sinh động. Hiện nay các trường còn phát triển nhanh về tân xã, thầy và trò càng phải tự túc lấy đồ dùng

giảng day. Trường Bắc Lý đã vét bùn ao lên xây dưng thành vườn trường, trường Hải Nhân đã biến bãi tha ma thành sân thể dục . Hầu hết các trường tư làm lấy bản đồ nổi, dung cu đo mưa, đo gió, xây dưng môt vườn đia lí sinh đông.

Về nôi dung, chương trình hoc tâp, chúng ta đã xây dưng đươc môt đường lối giáo duc đúng đắn kết hợp chăt chẽ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với thưc tiễn cách mạng Viêt Nam, đem nôi dung lành manh của ngành giáo duc xã hôi chủ nghĩa thay thế cho nôi dung phản đông của nền giáo duc phong kiến và thưc dân, đào tao những con người toàn diên phục vụ cho cách mang Từ một lối hoc sách vở mất gốc của thời Pháp, chúng ta đã xây dưng nên môt lối học trưc tiếp từ viêc thât, người thât, tìm hiểu tư nhiên và xã hôi ngay ở quê hương để yêu mến quê hương đất nước và tin tưởng vào tiền đồ của dân tôc, của cách mạng Từ học thức đơn thuần, sống bên lề cuôc sống, chúng ta đã đưa lao đông sản xuất, hoạt đông xã hôi phuc vu cuôc sống vào chính khóa Xưa kia phải mười mây năm dèn sách mới hoc đến cấp III, mới có dươc môt số kiến thức phổ thông tam đủ để ra làm viêc kiếm ăn, ngày nay, con em ta hoc đến mỗi cấp là đã có những kiến thức, tuy sơ bô ở cấp này hoăc sâu sắc ở cấp cao hơn, nhưng cũng tam đủ để ra làm người lao động có sơ sở kiến thức để học hoăc nghiên cứu thêm kỹ thuật Nhưng điều căn bản là chúng ta đã đưa môn hoc chính trị và tư tưởng, môt môn hoc mà trước kia bon thưc dân sợ hãi và cấm đoán, vào trong chương trình giáo duc, coi nó là linh hồn của toàn bô sư nghiêp giáo duc xã hôi chủ nghĩa nhằm đào tao những con người vừa có nhiệt tình cách mạng, vừa có kiến thức để kế tuc sư nghiệp cách mang của cha anh, phát huy truyền thống tốt đep của dân tôc.

Bài hoc về tinh thần tư lưc cánh sinh rút ra từ thực tế cách mạng Việt Nam đang đươc phát huy cao đô hơn nữa trong công cuôc xây dưng nền giáo duc xã hội chủ nghĩa, mà thưc chất là giáo duc cộng sản trong những điều kiên mới

Bai hoc thư ba Trong bất cứ tình hình nào, nền giáo duc của ta cũng không ngừng nâng cao chất lượng băng cách áp dung từng bước nguyên lý và phương châm giáo duc xã hôi chủ nghĩa hoc đi đôi với hành, nhà trường găn liền với đời sống

Nói đến chất lương của con người do nhà trường ta đào tao ra thì phải nói đến hai măt chủ yếu của nó là đao đức cách mang và khả năng chuyên môn "Người không có đức thì vô dung, người không có tài thì làm gì cũng khó"[1] Đức và tài không thể tách rời nhau Người có đao đức cách mang là người có có lâp trường tư tưởng vững vàng, trung thành với cách mang, với chế đô, phuc vu cách mang không điều kiên Người có tài là người có trình đô chuyên môn cao, có óc sáng tao làm cho công tác của mình đem lai hiêu quả cao nhất cho cách mang Nhưng đao đức và tài năng của người đó phải phù hợp với những đức tính truyền thống của dân tôc Viêt Nam, phù hợp với nhu cầu của cách mang Viêt Nam Đó là người "chiến sĩ cách mang" Viêt Nam, con người "toàn diên", "có giác ngô cách mang", có văn hóa, có sức khỏe để phuc vu cách mang Viêt Nam Muốn đào tao con người như thế không phải môt sớm môt chiều mà làm được Từ khi, Cách mang Tháng Tám thành công đến nay, Đảng ta đã từng bước thay đổi triêt để muc đích, cơ cấu, nôi dung và phương châm giáo duc của phong kiến và thực dân, dần dần xây dưng nên môt nền giáo duc mới nhằm đào tao con người đức tài toàn ven đó Qua những cuôc cải cách giáo duc, qua những đợt cải tổ giáo duc, Đảng đã phải đấu tranh không khoan nhương chống những quan điểm giáo duc phong kiến và tư sản, mới đưa được vào chính khóa những yếu tố xã hôi chủ nghĩa là giáo duc chính trị và tư tưởng, lao đông sản xuất, hoat đông xã hôi, với mức đô và yêu cầu phù hợp với từng giai đoan cách mang

1 Bài nói chuyên của Bác Hô ở Trường Đai hoc Sư pham Hà Nôi năm 1964

Mục đích giáo dục của chế độ cũ là nô dịch con người. Bè lũ phong kiến và thực dân chỉ muốn đào tạo một lớp người sống yếm thế, chạy theo hư văn, sống cách biệt với nhân dân lao động, coi khinh lao động chân tay - một lớp người tay sai cho bọn thống trị để đàn áp bóc lột nhân dân. Mục đích giáo dục của chế độ ta là giải phóng con người lao động, làm cho con người lao động có lí tưởng cách mạng, có kiến thức văn hóa và kỹ thuật để làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời, đưa giai cấp mình, nhân dân mình tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đích tuyệt vời của cách mạng.

Ngay từ đầu, Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, đã vạch ra cho nhà trường của ta nhiệm vụ phải thay đổi lại cơ cấu và nội dung học tập cho phù hợp với chế độ dân chủ nhân dân nhằm làm cho nhà trường có thể tham gia lao động sản xuất, tham gia hoạt động xã hội. Và đến năm 1950 - 1951, Đảng phát động một cuộc cải cách giáo dục nhằm xác định rõ chất lượng cách mạng của nền giáo dục mới mang ba tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng, xóa bỏ cái quan niệm "giáo dục trung lập" còn khá phổ biến trong giáo giới và trong nhân dân lúc đó, nhằm đào tạo những người công dân tốt, trung thành với chế độ mới. Yêu cầu cơ bản của việc giáo dục chính trị lúc đó là làm cho học sinh thấm nhuần tinh thần tự hào dân tộc. Muốn vậy, phải làm cho học sinh biết rõ lịch sử, tiếng nói, nền văn học dân tộc là những môn mà chương trình của thực dân loại ra, làm lu mờ hoặc xuyên tạc đi. Việc học sinh tham gia lao động cũng được đưa vào chương trình chính thức. Cuộc cải cách đó còn mang lại tính chất dân chủ cho trường học. Nó xóa bỏ ranh giới giả tạo của chế độ cũ phân chia thành các cấp "tiểu học" cho con em nhân dân lao động, "tiểu học cao đẳng" cho con em các tầng lớp khá hơn nhằm đào tạo những nhân viên kỹ thuật, "trung học" (lycée) cho con cái tầng lớp trên để học lên đại học. Nó thống nhất các cấp lại thành một hệ thống phổ thông duy nhất 9 năm, học xong hệ thống này học sinh có

đủ kiến thức cơ bản tương đối toàn diện để hoặc có thể tiếp tục học lên, hoặc có thể ra phục vụ ngay cho công tác, cho kháng chiến.

Điều quan trọng nhất trong cuộc cải cách giáo dục đó là phải bồi dưỡng, củng cố lại đội ngũ giáo viên.

Tất cả giáo viên lúc đó đều do trường học thời Pháp thuộc đào tạo ra. Nói chung, giáo giới Việt Nam có truyền thống yêu nước. Trừ một số nhỏ theo địch, còn phần lớn đi theo cách mạng, nhưng còn mơ hồ về quan điểm, lập trường chính trị nhất là về quan điểm giáo dục mới. Tư tưởng phổ biến hơn hết là "giáo dục trung lập", là "văn hóa đơn thuần". Cho nên công việc đầu tiên và cấp bách là bồi dưỡng họ về lập trường chính trị để họ có một quan điểm giáo dục theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặt khác, cuộc cải cách giáo dục cũng đặt cơ sở đào tạo gấp một lớp giáo viên mới lớn lên từ trong kháng chiến.

Sau khi đánh bại bọn Nhân văn - Giai phẩm, vấn đề nâng cao chất lượng chính trị được coi như yếu tố sơ bản nhất trong việc đào tạo con người mới trong các loại trường, nhất là trường đại học, nơi đào tạo những người trí thức của chế độ mới.

Bước qua thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, Đại hội lần thứ 3 của Đảng đã đề ra cho nhà trường việc đào tạo con người toàn diện nghĩa là con người có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hóa và kỹ thuật, có sức khỏe để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đang trên đà phát triển cực kỳ nhanh chóng. Muốn đào tạo được con người có chất lượng như thế, Đảng quyết định thực hiện một cuộc cải cách giáo dục trong thời gian tới. Thực chất của cuộc cải cách giáo dục lần này là *nâng cao chất lượng giáo dục*, bằng cách khẳng định mục đích giáo dục xã hội chủ nghĩa, củng cố đường lối giai cấp của Đảng trong giáo dục, củng cố phương châm giáo dục kết

hợp với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với đời sống và sản xuất. Con người phát triển toàn diện phải học những cái mới nhất của thế giới hiện nay về văn hóa và kỹ thuật, biết vận dụng hiểu biết mới của mình vào hoàn cảnh thực tế của nước nhà để không ngừng nâng cao năng suất lao động và phát triển sản suất trong điều kiện chống Mĩ, cứu nước ngày nay, con người mới, phát triển toàn diện do ngành giáo dục đào tạo, ngoài tinh thần dũng cảm chiến đấu, phải biết vận dụng một cách sáng tạo những kiến thức mới của mình để vượt khó khăn đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu giỏi.

Đối với bổ túc văn hóa, giảng dạy cần liên hệ chặt chẽ với công tác, sản xuất và chiến đấu để nâng cao chất lượng kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức kỹ thuật nghiệp vụ. Có nâng cao được chất lượng bổ túc văn hóa mới đưa *công nông tiến nhanh lên mặt trận văn hóa và kỹ thuật*.

Đối với việc đào tạo cán bộ trí thức của công nông, những người ra trực tiếp làm công tác khoa học, kĩ thuật, lí luận, lại càng phải áp dụng triệt để những tiêu chuẩn nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là tiêu chuẩn "giác ngộ chính trị". Lớp người đó phải là những người tiêu biểu cho sự kết hợp chặt chẽ ở mức độ cao giữa *đức* và *tài*.

Trước khi ta thật sự bắt tay vào công việc cải cách giáo dục thì đế quốc Mĩ liều lĩnh tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc hòng làm nhụt ý chí quật cường bất khuất của nhân dân ta. Đương nhiên, chúng đã và còn gây khó khăn cho ta. Mặc dù vậy ta vẫn xúc tiến mạnh mẽ việc nâng cao chất lượng giáo dục theo phương hướng cải cách giáo dục trong điều kiện mới. Thực tiễn của các tỉnh đã chiến đấu gay gắt với giặc Mĩ đã chứng minh rằng trong điều kiện mới nếu biết lợi dụng những nhân tố mới, chúng ta sẽ tạo ra được nhiều thuận lợi trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Trong khí thế bừng bừng chiến thắng đế quốc Mĩ của quân và dân ta, chúng ta càng quyết tâm nâng cao hơn nữa

chất lương giáo dục Với quyết tâm ấy, nhà trường ta đã đào tao nên bao lớp người phục vụ đắc lực cho cách mang Ngày nay, phần lớn học sinh, sinh viên khi còn học ở trường cũng như khi đã ra trường đã tỏ ra có đạo đức tốt đẹp, có trình đô văn hóa và kỹ thuật vững vàng

Phần lớn học sinh cấp I, cấp II đã lấy 5 điều Bác Hồ day làm một nếp sống hàng ngày Số "cháu ngoan Bác Hồ" tăng rất nhanh Những tấm gương anh dũng giúp ban, cứu ban, thật thà ngay thẳng ở đâu cũng có Ở các tỉnh bi máy bay địch ném bom bắn phá hàng ngày, học sinh nhỏ các trường trực tiếp hoặc tham gia chiến đấu là những hiện tương phổ biến Trong một hội nghi của ngành giáo dục năm 1964, Hồ Chủ tich đã đánh giá nhiều thiếu nhi học sinh ta là "vừa khôn lai vừa ngoan" Đương nhiên, trong phẩm chất tốt đẹp đó, có phần giáo dục của xã hội, của thực tế cách mang xung quanh, nhưng phải nhân rằng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa của chúng ta đã góp một phần quan trong

Thanh niên ta ngày nay kể cả thanh niên ở các thành phố lớn, nơi còn nhiều tàn tích của lối sống cũ, cũng đã khác hẳn thanh niên trước đây Trong phong trào học sinh học hết cấp II, cấp III tình nguyên đi vào sản xuất và đi phát triển kinh tế và văn hóa miền núi, nhiều em đã về lao đông ở hợp tác xã, xi nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường và không bao lâu đã trở thành cốt cán của cơ sở không những về kiến thực văn hóa mà cả về phẩm chất đạo đức Trong quân đội cũng như trong các ngành khác, số đông thanh niên nam nữ học sinh phổ thông mới rời ghế nhà trường đã tỏ ra có ý chí kiên cường anh dũng Trong công cuộc chống Mĩ, cứu nước, hầu hết thanh niên học sinh và sinh viên trên miền Bắc đã đăng ký "ba sẵn sàng" Noi gương sáng ngời của anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, họ quyết hiến dâng tuổi trẻ của mình cho sư nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc

Sinh viên đai học ngày nay, trừ một số ít nào đó mơ

hồ về mục đích học tập, còn tính toán cá nhân, mong tốt nghiệp để "có địa vị", còn thì đều đã tiến bộ khá. Họ được nhà trường tổ chức cho đi thực tập ở xí nghiệp, hợp tác xã, cho nên đã bước đầu học tập được ở công nhân, nông dân, cán bộ nếp sống giản dị, và tinh thần làm việc quên mình. Việc học đến đại học hiện nay cũng không còn là một chuyện "thần thánh", chỉ dành cho một số "thiên tài đặc biệt" gì nữa. Có những em bé hồi kháng chiến làm liên lạc nay đã là kỹ sư, bác sĩ, giảng viên đại học. Đồng bào thiểu số cũng đã có hàng nghìn người đã tốt nghiệp hoặc đang học đại học. Kiến thức của smh viên ta tuy còn phải nâng cao lên nữa nhưng cũng đáp ứng được phần lớn nhu cầu hiện nay của ta. Một nhà báo tư sản phương Tây đã đánh giá năng lực chuyên môn của kỹ sư ta ở khu công nghiệp Việt Trì như sau: "Đó là một khu liên hợp đồ sộ ở đấy những trách nhiệm to lớn đã được giao cho những kỹ sư Việt Nam rất trẻ, mà hình như không có chuyên gia ngoại quốc, dù là xã hội chủ nghĩa giúp đỡ"[1]. Những chuyên gia giáo dục và y tế của ta sang giúp các nước Cộng hòa Ma Li và Ghi Nê đã được các nhà lãnh đạo và nhân dân các nước đó đánh giá cao về đạo đức tư cách, tinh thần làm việc cũng như về trình độ chuyên môn.

Nói đến chất lượng giáo dục thì không thể không nói đến chất lượng của ông thầy, nòng cốt của việc nâng cao chất lượng giáo dục. Việc giáo dục tư tưởng và chính trị của Đảng, cũng như thực tiễn kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bồi dưỡng cho họ có nhiệt tình cách mạng và nhiều kinh nghiệm về nghiệp vụ. Hiện nay, đội ngũ giáo viên của ta nói chung là cần cù, tận tuy, say sưa với nghề nghiệp của mình. Họ thấy họ không phải là người gõ đầu trẻ như xưa kia mà thật sự là người kỹ sư tâm hồn, dẫn dắt thế hệ trẻ kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh. Do đó họ quan tâm trau dồi đạo đức, học tập

1 Giăng Lacutuyrơ. Lơ Phigarô. Tạp chí *Văn học* ngày 13 và 19 tháng 8 năm 1964.

kĩ thuật thực hành nâng cao trình độ nghiệp vụ để dạy tốt, đáp lại lòng mong đợi của học sinh và của nhân dân. Trong khi hướng dẫn học sinh tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội có kết quả thì bản thân họ cũng thu hoạch được nhiều kinh nghiệm tốt. Những anh hùng như Nguyễn Văn Bổn lăn mình vào công tác thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy, những tổ giáo viên lao động xã hội chủ nghĩa như các tổ giáo viên ở trường Bắc Lý, ở trường Hải Nhân thì tỉnh nào cũng có.

Qua 20 năm nay, nền giáo dục của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, con đẻ của Cách mạng Tháng Tám, được nuôi dưỡng và lớn lên dưới sự chăm sóc của Đảng và Hồ Chủ tịch, được tôi luyện trong ngọn lửa thiêng của cách mạng, của kháng chiến, đã và đang một lòng một dạ phục vụ đường lối cách mạng của Đảng. Được cổ vũ bởi tinh thần anh dũng tuyệt vời và những thắng lợi to lớn của quân dân hai miền, ngành giáo dục quyết khắc phục những thiếu sót và nhược điểm còn lại như nhận thức chưa sâu, chưa đầy đủ về mục đích của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ bổ túc văn hóa cho công nhân và nông dân, chưa quan tâm đầy đủ đến việc giáo dục ở miền núi, chưa thực hiện đúng tính toàn diện của giáo dục, để bất kỳ trong tình hình nào cũng quyết thực hiện cho kỳ được cuộc cải cách giáo dục do Đảng đề ra, qua đó mà tỏ rõ quyết tâm chiến thắng giặc Mĩ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

TRƯỚC CUỘC CHUYỂN HƯỚNG QUYẾT ĐỊNH TRONG GIÁO DỤC*

Năm 1950 là một năm đáng được ghi vào lịch sử văn hóa nước nhà. Với sự trưởng thành trong cuộc chiến đấu gian lao và vĩ đại để xây đắp nền móng cho chế độ dân chủ nhân dân, dân tộc ta trong 5 năm nay vẫn đòi hỏi một nền giáo dục thích hợp với những nhu cầu của mình Mà dân tộc Việt Nam, được giải phóng nhờ cuộc Cách mạng tháng Tám, có quyền đòi hỏi một nền giáo dục mới

Tinh thần hiếu học của dân tộc ta đã được các nước trên thế giới công nhận Nhưng trải mấy ngàn năm lịch sử, bị kìm hãm dưới ách phong kiến, tinh thần đó không hề được phát huy Luân lí đạo đức phong kiến dựa trên những giáo lí như: "Con vua thì lại làm vua, con nhà sãi chùa thì quét lá đa" hay là "Học tài thi phận" làm cho học thức trở thành sở trường và đặc quyền của phe thống trị

Trải gần một trăm năm dưới ách thực dân Pháp, tính hiếu học của dân tộc Việt Nam bị bóp chết Chính sách ngu dân của chúng cố làm cho lí tưởng người ta không vượt ra ngoài sự ước mong "chỉ bằng đi học làm ông ký" để "sớm vác ô đi, tối vác về".

Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã đưa lại những sự thay đổi mới trong đời sống của dân tộc Kháng chiến tiếp tục mở rộng và làm cho sâu sắc thêm những sự sửa đổi do Cách mạng tháng Tám đã đưa lại

Trong khi đó thì ngành giáo dục, một ngành hoạt động xã hội đặc biệt quan trọng, bởi vì nó có trách nhiệm hướng

---

* Đăng trong báo *Sự thật*, số 148, 6 - 11 - 1950

dẫn nhân dân về mặt tư tưởng, ý thức, vẫn ở vào tình trang "tam bơ", "cầm chưng", nhà trường vẫn là bốn bức tường kín mít, rêu mọc, mang nhện chăng, chưa có một luồng không khí mạnh khoẻ ở ngoài thổi vào

Chương trình học và hệ thống tổ chức giáo dục phần lớn là chương trình và hệ thống của phe thân Nhật sau ngày đảo chính 9-3-1945 để lại, chỉ sửa đổi ít nhiều về hình thức Mà chương trình và hệ thống của nhóm đó lại cũng là di sản của *Nha học chính* thời thuộc Pháp, chỉ sửa đổi ít nhiều về hình thức

Vì tình trang không hợp lí đó, ta mới thấy nảy ra hiện tượng này, là ngành giáo dục quốc gia thiếu thống nhất về chỉ đạo, thiếu một nền nếp chung Song song với ngành học gọi là chính quy, luẩn quẩn trong những trường tiểu học, trung học, và vài trường đại học có tăng về lượng, nhưng tiến chậm về phần chất, đã phát triển ra một ngành học gọi là không chính quy, có tính chất độc lập, như Bình dân học vụ, các lớp và các trường bổ túc văn hóa do các đoàn thể, các cơ quan và bổ đôi mở Thêm vào đó, là những trường tư thục mọc lên như nấm ở khắp mọi nơi Nói tóm lại, nền giáo dục quốc gia đã không làm tròn bổn phận của nó là *điều khiển việc học tập của nhân dân về mọi mặt*

Tình trang phức tạp đó sở dĩ tồn tại rất lâu là vì *tư tưởng ý thức của chúng ta chưa thoát khỏi những quan niệm cũ về giáo dục* Vì bị lệ thuộc quá chặt chẽ vào những quan niệm cũ cho nên ta không nhận định rõ sự quan hệ mật thiết giữa chính thể quốc gia với ngành giáo dục, không nhận định rõ sự cần thiết phải thay đổi hẳn hệ thống giáo dục cho kịp thời

Trong ý thức hệ (biểu hiện ở tư tưởng học thuật) của xã hội cũ, một quan niệm khá phổ biến là sự bám vào "những ý nguyện chung", "những đức tính chung", "những đòi hỏi chung" mà "đòi hỏi chung" người ta xem như là thuộc về

bản chất tự nhiên của con người, cho rằng nó đinh đoạt ra đời sống của xã hội loài người Quan niệm đó làm cho người ta mất lập trường, làm cho sự hoạt động của người ta không ăn nhịp với những nhu cầu cụ thể của từng giai đoạn phát triển của xã hội, của từng thời đại Nó làm cho người ta không tin tưởng vào hành động sáng tạo của nhân dân là kẻ làm ra lịch sử

Do đó mà ngành giáo dục tuy nói là phụng sự kháng chiến nhưng thực ra vẫn đứng ngoài và bàng quang với kháng chiến, ít phản ánh được những nhu cầu của kháng chiến và không thỏa mãn được đầy đủ những nhu cầu ấy

Chỉ bắt đầu từ cuối năm ngoái sang đầu năm nay, những nhân tố mới trong đời sống của dân tộc và của thế giới đã soi sáng nhiều cho ý thức của số đông người

Mức tiến của dân tộc trong giai đoạn vừa qua của kháng chiến đã đặt ra trước toàn dân nhiệm vụ tích cực chuẩn bị chuyển mạnh sang giai đoạn *Tổng phản công* Đứng trước trách nhiệm lịch sử nặng nề ấy, mọi ngành cảm thấy mình còn thiếu sót quá nhiều Cũng nhờ đó mà người ta đã bắt đầu hiểu chiến tranh nhân dân là thế nào, chiến tranh toàn diện là thế nào

Nhân tố thứ hai là cuộc thắng lợi lịch sử của nhân dân và quân giải phóng Trung Quốc đã làm cho cán cân nghiêng hẳn về phe dân chủ Cách mạng Trung Quốc tiến như vũ bão, đánh tan nền thống trị của Quốc dân đảng, đồng thời đã làm cho sụp đổ một trong những rường cột quan trọng nhất trong kế hoạch làm bá chủ thế giới của đế quốc Mỹ

Biến cố đã làm cho các tầng lớp trong nước ta thấy rõ ràng ngày giải phóng của dân tộc cũng không xa. Hai làm nó tăng lòng tin tưởng của mọi người đối với lực lượng của nhân dân cách mạng Ba là, nó đã phá được một phần ý

thức cũ, những giáo lí và thành kiến chật hẹp và hủ bại do một nền giáo dục nhồi sọ và lối tuyên truyền một chiều, phản động, của chủ nghĩa tư bản và thực dân đã gieo vào tư tưởng của người ta trong nhiều năm

Nhân tố thứ ba là các nước dân chủ, trong đó hai nước lớn nhất là Liên Xô và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thừa nhận ta

Thắng lợi ngoại giao vĩ đại đó, với lòng phấn khởi nhiệt liệt, đã đề cao niềm tin tưởng của chúng ta đối với sức mạnh của chúng ta, làm cho chúng ta nhận thấy rằng chúng ta không bị cô lập, và sau cùng là giúp cho chúng ta thấy rõ trách nhiệm phải làm sao cho xứng đáng với cương vị vẻ vang của chúng ta, là ở trong đại gia đình dân chủ thế giới

Những nhân tố kể trên đã giúp cho các cấp giáo dục và Chính phủ cảm thấy sự cần thiết thực hiện cấp bách việc sửa đổi mạnh dạn và căn bản trong ngành giáo dục, điều mà nhân dân đang đợi, đời sống thực tế đang đợi *Dự án cải cách giáo dục* ra đời với hệ thống trường phổ thông 9 năm, với sự kiên liên quan mật thiết và quy theo một đường lối chỉ đạo duy nhất của các ngành học phổ thông, bình dân và chuyên nghiệp Việc cải cách hệ thống đại học cũng sẽ được đặt ra theo tinh thần mới

Phải có một sự sửa đổi theo phương pháp mới thì nền giáo dục mới có thể có tính chất là một nền giáo dục nhân dân Có quan niệm phải cải tổ nền giáo dục theo phương hướng mới thì ba phương châm của một nền văn hóa giáo dục nhân dân mới có thể thực hiện được, là *dân tộc, khoa học, đại chúng*

Thế nào là dân tộc, khoa học, đại chúng? Vấn đề đó báo chí và sách đã nói nhiều Có lẽ nhiều người cũng đã có một quan niệm rõ ràng và đầy đủ rồi Chỉ xin nhắc lại một

cách tóm tắt, sơ lược ý nghĩa của ba phương châm ấy

Một nền giáo dục nhân dân, về *tinh thần phải là dân tộc* nghĩa là phải nhằm vào dân tộc mình mà căn cứ, có mục đích phụng sự dân tộc, giúp vào công cuộc giải phóng dân tộc, phục vụ sự nghiệp tiến bộ của dân tộc Nó là một bộ phận trong cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Cho nên nó phải phản ánh đời sống thực tế của nước nhà trong các giai đoạn phát triển về các mặt Để cho bản sắc dân tộc phát huy dễ dàng và mau chóng, nền giáo dục nhân dân đồng thời phải thu hái những kinh nghiệm và truyền thống tích cực, đẹp đẽ của các dân tộc khác trong cuộc đấu tranh của họ cho đời sống tự do Vì những kinh nghiệm và truyền thống đó là ở trong công cuộc giải phóng chung của loài người, và nó có thể giúp vào công cuộc giải phóng của bản thân dân tộc ta Mặt khác, cũng để cho bản sắc dân tộc phát huy dễ dàng, nền giáo dục nhân dân đấu tranh chống óc sùng bái mù quáng trước những học thuyết và tư tưởng phản động, truỵ lạc, do chủ nghĩa tư bản Tây Âu và Mỹ nhập cảng

Một nền giáo dục nhân dân về *phương pháp, phải là khoa học* nghĩa là về chương trình học, cách tổ chức các lớp học, cách tổ chức các cấp học, phương pháp sư phạm phải hợp với những điều mà sự phát huy tinh thần dân tộc đòi hỏi Vì nếu muốn cho nền giáo dục có tinh thần dân tộc mà lại không kết hợp việc học ở trường với đời sống thực tại, như vậy là thiếu phương pháp khoa học Hay là giảng dạy cho học sinh một cách bị động, không phát huy óc phán đoán của họ, để cho họ có thể so sánh kiến thức với thực tế, và đưa kiến thức áp dụng vào thực tế, thì đó là thiếu phương pháp thực tế, thiếu phương pháp khoa học

Một nền giáo dục nhân dân về *đối tượng phải là đại chúng*. Lịch sử là do đại chúng làm ra. Đại chúng là động lực chính của đời sống thực tại Một nền giáo dục tự đặt

ra cho mình mục đích phản ánh đời sống hiện tại, xúc tiến công cuộc giải phóng dân tộc, và muốn tiến hành theo phương pháp khoa học, mà lại không làm cho đại chúng thu hái được những kiến thức, thì thật là một mâu thuẫn quái gở

Do đó mà ta thấy rằng dân tộc, khoa học, đại chúng chỉ là ba phương diện của một vấn đề, ba sự biểu hiện của một nội dung. Nội dung ấy tức là nhân dân. Ba phương diện ấy gắn chặt với nhau.

Nói một cách giản dị và cụ thể, một nền giáo dục nhân dân, muốn thấm nhuần ba phương pháp trên thì

1. Phải giáo dục lòng yêu nước, yêu nhân dân, yêu nhân loại tiến bộ, yêu lao động và yêu đời sống tập thể.

2. Chương trình học và cách tổ chức các cấp học phải *hợp lí và linh động*, phải kết hợp *học và hành* làm một, phải sát với điều kiện thực tế của từng vùng.

3. Phải làm cho bất cứ người làm nghề gì và ở trình độ nào cũng *có thể học tập và luôn luôn được tiếp tục học tập*.

Việc cải tạo giáo dục, mà dự án đã được Chính phủ thông qua là một cố gắng để đi tới thực hiện những nguyên tắc nêu ra.

Một điều mà ta cần chú ý là, không phải cứ đưa dự án ra thi hành rồi thì mọi nguyên tắc của nó sẽ thực hiện một cách trôi chảy.

Một bản dự án, dầu đầy đủ đến mức nào, cũng chỉ gồm những nét chính. Trong mỗi mục, mỗi vấn đề, còn biết bao nhiêu khía cạnh đến lúc thi hành mới bộc lộ ra. Muốn thực hiện chu đáo khía cạnh đó thì trước hết phải nắm vững quan niệm và có một phương pháp làm việc thích hợp.

Có thể đảm bảo rằng trong ngành giáo dục, hết thảy cán bộ đều nắm vững đường lối và có một phương pháp

làm việc thích hợp chưa? E rằng chưa. Điều đó không có gì lạ. Vì từ trước đến giờ các lớp cán bộ đó luôn luôn hoạt động trong và theo khuôn khổ của nền giáo dục cũ. Mà tư tưởng, ý thức và phương pháp làm việc không phải một nay một mai mà đã sửa đổi được.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là ta phải đợi đến bao giờ cán bộ giáo dục cải tạo xong tư tưởng và sửa đổi xong lối làm việc mới thực hiện được các cuộc cải cách hay là cuộc cải cách đó mới đem lại những kết quả mĩ mãn, còn cứ như tình trạng bây giờ thì thế nào cũng thất bại. Quan niệm đó hoàn toàn sai và rất nguy hiểm. Nó gieo sự thiếu tin tưởng, gây hoang mang và tách lí luận ra khỏi thực hành. Ta chớ nên quên rằng ta vừa làm vừa học. Trong lúc làm thì ta cần học tập, và ta luôn luôn phải học tập trong việc làm. Phàm một việc gì, có nhúng tay vào mới biết đúng hay sai, mới có kinh nghiệm thành công hay thất bại, mới rút được kinh nghiệm và xây dựng lí luận công tác. Công việc thực tế là cái tiêu chuẩn nó cho ta thấy tư tưởng đường lối và cách làm việc của ta đúng hay sai, đồng thời nó sửa chữa, bổ khuyết những chỗ thiếu sót. Công việc thực tế cũng là tiêu chuẩn cho thấy phương pháp làm việc của ta có hợp lí hay không, đồng thời nó sửa chữa, bổ khuyết cho phương pháp làm việc của ta.

Chính phủ phải tự thực hiện việc cải cách thì mới trông thấy rõ những khuyết điểm của nền giáo dục cũ, mới thấy rõ đường lối mới phải thể hiện ra trong thực tế như thế nào. Có cán bộ giỏi thì việc gì làm cũng thành, nếu cán bộ kém thì công việc thường bị thất bại hay ít có kết quả. Nói như vậy không có nghĩa là hiện nay vì trong ngành giáo dục cán bộ phần đông còn kém (so với những đòi hỏi mới của ngành giáo dục) mà việc thi hành cải cách sẽ khó khăn và đi đến thất bại. Nếu cán bộ còn kém thì cần phải học tập, phải bồ túc, phải tu dưỡng.

Vậy thì điều cần thiết cho cán bộ giáo dục hiện nay là *học tập*. Học tập nghĩa là tu dưỡng. Tu dưỡng những gì? Tu dưỡng tư tưởng, tu dưỡng văn hóa, tu dưỡng chuyên môn, tu dưỡng tư cách. Chính vì để thực hiện nền giáo dục mới cho có kết quả, mà cán bộ giáo dục cần phải tu dưỡng về các mặt đó. Thực tế ở nước ta luôn luôn tiến tới. Nhân dân đặt ra những đòi hỏi ngày càng nhiều và càng cao đối với cán bộ. Cán bộ giáo dục luôn luôn phải tiến lên cho kịp với những đòi hỏi của thực tế, của nhân dân. Có luôn luôn tu dưỡng về mọi mặt thì mới nâng cao trình độ của mình, mới đề cao vai trò quan trọng, giá trị và uy tín của ngành mà mình phụng sự, của giới mà mình đại diện trong sự nghiệp kháng chiến và dựng nước.

Lời kết luận đầu tiên của chúng ta là, *cán bộ giáo dục thuộc tất cả các cấp phải thi hành nghĩa vụ học tập như là một nghĩa vụ tuyệt đối. Mà phong trào Rèn cán Chỉnh cơ đã đặt ra những phương hướng chính*.

Phương pháp làm việc trong các ngành hoạt động dưới chính thể dân chủ nhân dân là dựa trên tinh thần *cộng tác* theo phương pháp *tập thể*. Phương pháp làm việc tập thể là một lợi khí vô cùng hiệu nghiệm, vì nó là sự thể hiện tinh thần dân chủ. Nó nâng cao hiệu suất của đoàn thể, của từng ngành, của từng người. Nó đưa lại cho ta cái ý thức về sức mạnh của toàn thể, của từng bộ phận, của từng cá nhân. Nó giúp cho ta nhận rõ địa vị quan trọng của ngành mình, của riêng mình trong sự nghiệp chung, đồng thời nó lại làm cho bộ phận của mình liên kết chặt chẽ với các bộ phận khác, với những người khác. Nhờ vậy mà nó đề cao ý thức và sự tin tưởng đối với lực lượng của mình, mà nó bài trừ được chủ nghĩa bản vị và chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi, là những thói xấu của xã hội bóc lột, dựa trên sự cạnh tranh giữa những quyền lợi ích kỷ khác nhau và xung đột nhau.

Muốn công việc cải cách giáo dục đưa lại nhiều kết quả, để xứng đáng là một nền giáo dục nhân dân, thì việc tu dưỡng và phương pháp làm việc cho cán bộ giáo dục phải được tổ chức theo tinh thần và hình thức tập thể. Nếu cứ để mạnh ai nấy làm thì riêng từng người cũng không tiến được mà công việc chung cũng không có kết quả. Trong sự học tập và công việc của cán bộ giáo dục, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh, của từng vấn đề, cần có sự công tác chặt chẽ giữa các cấp Trung học, Tiểu học, và cấp Bình dân, giữa ngành chính quy và ngành không chính quy, để phối hợp với tinh thần và lề lối tổ chức mới của hệ thống giáo dục.

Vậy thì kết luận thứ hai của chúng ta là *phương pháp học tập và làm việc của cán bộ giáo dục nhất định phải theo hình thức tập thể, mà công đoàn giáo dục phải lãnh đạo phần trách nhiệm chính trong việc khuyến khích hướng dẫn và giúp đỡ*

Muốn cho nền giáo dục có tính chất nhân dân, thì nó phải quan hệ mật thiết với tất cả đời sống của nhân dân, với tất cả các ngành hoạt động và các tầng lớp nhân dân. Chỉ nhờ sự tiếp xúc với đời sống về mọi mặt thì mới có thể phản ánh được những nhu cầu thực tế. Chỉ nhờ liên hệ khăng khít với tất cả mọi mặt của thực tế thì mình mới dễ nhận thấy những thiếu sót của mình, và mới có nhiều phương hướng sửa chữa và hoạt động. Kinh nghiệm cho ta thấy rằng sở dĩ ngành Bình dân học vụ tiến nhanh, có nhiều thành tích tốt đẹp là vì nó đi sát nhân dân, nó tiếp xúc với các ngành hoạt động. Ngành Bình dân học vụ đạt được, nghĩa là những kết quả khả quan, sự nhiệt liệt ủng hộ của toàn dân, và tinh thần tháo vát, chịu khó của cán bộ, thì các cấp học khác cũng có thể đạt được, với điều kiện tất yếu là phải công tác chặt chẽ, phải hiện hệ mật thiết với các ngành hoạt động trong nước, với các tầng lớp nhân dân. Cần có sự liên kết

và công tác đó thì việc giúp đỡ của mình cho ngành mới có nhiều kết quả, hiệu suất của ngành mình mới tăng thêm, vai trò của ngành mình mới được đề cao

Vậy thì kết luận thứ ba của chúng ta là, *sự hoạt động của cán bộ giáo dục và của các cấp giáo dục phải xây dựng trên sự công tác thân mật và liên kết cùng phối hợp chặt chẽ với các ngành các giới, các cơ quan và đoàn thể đúng theo tinh thần của nghị định của Bộ về việc tổ chức các Hội giúp giáo dục và theo tinh thần của Dự án cải cách giáo dục*

Cán bộ giáo dục tu dưỡng tư tưởng, chuyên môn, văn hóa và đạo đức, áp dụng phương pháp học tập và làm việc tập thể, ngành giáo dục phải công tác và liên kết mật thiết với toàn dân và tất cả các ngành đó là ba điều kiện quyết định bảo đảm cho việc cải cách giáo dục thành công

Phần VI

VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

VỊ TRÍ VÀ Ý NGHĨA QUỐC TẾ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM*

Cách mang tháng Tám có một vị trí và ý nghĩa quốc tế rất lớn.

Nhưng muốn hiểu rõ vì sao Cách mang tháng Tám có một vị trí và ý nghĩa quốc tế lớn như vậy, cũng nên nhắc lại sơ qua những tiếng vang dội của phong trào cách mang Việt Nam trước đó trên khắp thế giới, nhất là từ năm 1930

Ở thời đại chúng ta, cách mang giải phóng thuộc địa đã trở thành bộ phận của cách mang vô sản thế giới Vì, như Hồ Chủ tịch đã nói cách đây gần nửa thế kỷ, chủ nghĩa thực dân là con đỉa có hai vòi, một vòi hút máu giai cấp vô sản chính quốc, một vòi hút máu của giai cấp vô sản thuộc địa Chủ nghĩa đế quốc, mà cơ sở thống trị quốc tế là chủ nghĩa thực dân, là kẻ thù chung của công nhân, nhân dân lao động các nước tư bản và của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc

Một dân tộc bị áp bức nối dây chặt dây xiềng của chủ nghĩa thực dân để tự giải phóng mình, đồng thời góp sức vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản nước tư bản và các dân tộc thuộc địa khác

Nêu cao tinh thần đoàn kết giữa giai cấp công nhân các nước tư bản và các dân tộc thuộc địa, vạch ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mang vô sản ở các nước tư bản và cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa như là một sức mạnh vô địch, như là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mang Lênin đã đề ra khẩu hiệu bất hủ ghi bằng chữ vàng trên lá cờ của cách mang thế giới ở thế kỷ này

---

* *Nghiên cứu Lịch sử*, số 126, năm 1969

"Những người vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, đoàn kết lại!"

Vì vậy nên từ đầu năm 1930, sau khi Đảng tiền phong của giai cấp công nhân - Đảng Công sản Đông Dương ra đời để lãnh đạo cách mang Việt Nam ở giai đoan lịch sử mới, và một cao trào cách mạng oanh liệt chưa từng có nổi lên khắp cả nước, thì Việt Nam trước kia rất xa lạ đối với thế giới, đã trở thành trung tâm chú ý của loài người tiến bô

Tinh thần dũng cảm vô song của dân tộc Việt Nam, gương hy sinh cao cả và chí khí anh hùng tuyệt vời của giai cấp công nhân Việt Nam trẻ tuổi và của Đảng tiền phong của nó vừa mới ra đời, khiến cho nhân dân thế giới rất khâm phuc, đã tranh thủ được sư đồng tình sâu sắc của ho đối với cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc ta Một nhân vật trong phong trào công nhân quốc tế hồi đó đã ví giai cấp vô sản Việt Nam như một em bé lớn lên như thổi, em bé khổng lồ, vô hình chung đồng chí đó đã gơi lên hình ánh của Phù Đổng Thiên Vương của ta

Từ đó, những biến cố lớn của phong trào cách mang Việt Nam như ngày thành lập Đảng, phong trào Xô-viết Nghê Tĩnh . hằng năm được phong trào công sản quốc tế kỷ niêm trọng thể Trong một buổi kỷ niêm ấy, một nhân vật của phong trào công sản quốc tế nói. "Cách mang Việt Nam, với sự xuất hiên của chính quyền Xô-viết đầu tiên, đã đưa nhân dân Việt Nam vào hàng ngũ của những dân tộc tiên tiến trên thế giới".

Các bạn bè quốc tế, trong khi nói chuyên về thời sự và đề cập đến triển vong của cách mang Việt Nam tỏ lòng tin tưởng rằng cách mang Việt Nam sẽ sớm thấy ngày thắng lợi.

Quả thât. Linh tính của ban bè quốc tế của chúng ta không nhầm. Lòng tin tưởng của ho đối với cách mang Việt Nam đã được thỏa mãn một cách tốt đep Mười lăm năm sau

khi Đảng của giai cấp công nhân ra đời, Cách mang tháng Tám đã thắng lơi huy hoàng mở môt kỷ nguyên mới trong lich sử bốn nghìn năm của dân tôc và đưa Viêt Nam lên đia vi vẻ vang làm tiền đồn phía đông của hê thống xã hôi chủ nghĩa thế giới

Vì sao mà ngay từ đầu, giai cấp công nhân và các dân tôc bi áp bức trên thế giới có môt mối cảm tình sâu sắc đối với dân tôc ta và đối với cách mang Viêt Nam như vậy?

Trước hết, dân tôc ta tỏ ra là môt dân tôc anh hùng Trong gần môt trăm năm dưới ách thống tri của thực dân Pháp, nhân dân ta đã chiến đấu dẻo dai, chí quật cường không bao giờ tắt, không ngừng phát triển truyền thống anh hùng của dân tôc Song, trong khi xóa tên tuổi của Viêt Nam trên bản đồ thế giới, chủ nghĩa thực dân đồng thời đã bưng bít, ngăn chăn, bóp nghet tất cả những gì có thể báo cho nhân dân thế giới sư có mặt và phần đóng góp tích cực của dân tôc ta trong quá trình phát triển của lich sử loài người, nhất là trong thời kỳ hiên đai

Phong trào cách mang mãnh liệt 1930 - 1931, làm rung chuyển nền thống tri của chủ nghĩa đế quốc ở Viêt Nam, đã giới thiêu môt cách đanh thép cho toàn thế giới chí quật cường rang rỡ và lực lương cách mang hùng hâu của nhân dân ta, những đức tính và lực lương đó, nếu được lãnh đao đúng đắn và đưa vào hàng triệu quần chúng lao đông được giác ngộ, thì như Lênin day, có thể sáng tao nên những sư nghiệp kỳ diêu, có thể đánh thắng bất cứ bon đế quốc nào

Nhờ có Đảng Mácxít - Lêninnít lãnh đao, phong trào cách mang 1930 - 1931 ở Viêt Nam đã thể hiên đức tính cao quý đó nó tiêu biểu cho khí thế của môt dân tôc nổi dậy tư cứu lấy mình giữa môt thế kỷ mà giai cấp lich sử mới - giai cấp công nhân đang vươn lên giành thắng lơi quyền làm chủ thế giới, khí thế đó tức là chủ nghĩa anh hùng cách mang

Cách mạng tháng Tám thành công là sự biểu dương hiển hách chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam vốn có sẵn mầm mống trong truyền thống quật cường của dân tộc, và được chủ nghĩa Mác - Lênin truyền cho một luồng sinh khí mới. Loài người tiến bộ chào mừng Cách mạng tháng Tám của ta, thấy đó là cái kết cấu tất yếu của cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân ta trong 15 năm, kết cấu mà về phía bạn bè ta, lòng đã chắc những ngày một hai.

Tuy nhiên, trong hàng ngũ bạn bè ta, cũng có những người lấy làm "ngạc nhiên" khi được tin Cách mạng tháng Tám thành công huy hoàng như vậy. Họ nói "Không ngờ cách mạng Việt Nam thành công sớm thế!" Cái gọi là sự "bất ngờ" đó cũng dễ hiểu. Đối với họ, sự "bất ngờ" đó hoàn toàn không có nghĩa rằng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám của ta là một sự tình cờ. Bất ngờ đối với họ là vì họ không theo dõi hoặc không có điều kiện theo dõi cuộc đấu tranh ngoan cường và oanh liệt của nhân dân ta chống Pháp - Nhật trong suốt 6 năm của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Họ chưa biết rằng cuộc Cách mạng tháng Tám thành công vẻ vang là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài, liên tục và gian khổ, mà những yếu tố quyết định là ở cuộc đấu tranh bền bỉ và bất khuất của hàng triệu quần chúng bị áp bức trong những khó khăn, nguy hiểm và hy sinh vô ngàn, ở tinh thần giác ngộ cách mạng và tính tổ chức của họ không ngừng được nâng cao, lòng căm thù giặc và ý chí làm chủ của nhân dân không ngừng được rèn luyện, ở sự lãnh đạo khôn khéo, sinh động của Đảng tiền phong biết vận dụng học thuyết Mác - Lênin về khởi nghĩa, về bạo lực cách mạng, biết kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, biết thực hiện nền đại đoàn kết dân tộc trong giờ phút quyết định, và biết nắm chắc thời cơ để tấn công vào dinh lũy của kẻ địch, giành lấy chính quyền và cắm ngọn cờ chiến thắng lên khắp núi sông của Tổ quốc.

Sự 'ngạc nhiên' của một số bạn bè đó không có gì đáng làm mếch lòng ta cả, mà còn là biểu hiện thiện ý và lòng kính phục trước sự vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, trước khí phách anh hùng của dân tộc ta, trước năng lực sáng tạo của Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đã hơn một tháng, có một số bạn bè nước ngoài cũng chưa nhận rõ tính chất của chế độ mới ở ta, chưa biết các nhân vật lãnh đạo của ta là ai. Nhưng khi được biết dích xác Cách mạng tháng Tám là do nhân dân ta làm, có Đảng ta lãnh đạo, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở toàn châu Á, và Chủ tịch nước là lãnh tụ cách mạng vĩ đại HỒ CHÍ MINH, thì nỗi vui mừng, sung sướng tràn ngập trái tim họ.

Cách mạng tháng Tám là một cuộc *tấn công thắng lợi* của dân tộc ta vào một đinh lũy kiên cố của chủ nghĩa đế quốc, Cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ hơi vì nó là một biểu hiện hiên ngang và độc đáo tinh thần cách mạng tân công của thời đại.

Phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam đã thu hút sự chú ý, lòng kính phục, mối cảm tình và gây nên một niềm hy vọng tốt đẹp của nhân dân yêu chuộng độc lập và tự do trên thế giới, bởi vì họ thấy ở phong trào ấy một dấu hiệu của tinh thần cách mạng tiến công của cả một thế giới cần lao, nơi gương của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, tiến theo hướng mà Lênin đã chỉ ra: vung dây đập tan xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc đang bị lún ngập trong cuộc tổng khủng hoảng. Trong hoàn cảnh lịch sử đó, chỉ có tinh thần cách mạng tiến công mới bảo đảm cho cách mạng thắng lợi. Cách mạng tiến công là biểu hiện quyết tâm giành quyền làm chủ.

Những năm 30 là lúc, như một nhân vật lãnh đạo phong trào công sản quốc tế hồi ấy đã nhận định, tư tưởng cách

mang tiến công đang chín muồi nhanh chóng trong ý thức của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức Phong trào cách mang 1930 - 1931 ở ta với đỉnh cao là Xô-viết Nghệ Tĩnh, đã nói lên ý thức của giai cấp công nhân Việt Nam đối với sứ mang lịch sử của mình, là khi mới xuất hiện trên vũ đài chính trị như là lực lương lãnh đao duy nhất của cách mang, đã mang lai ý thức cách mang tiến công cho phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân lao đông, đã biểu thị khí thế của những người quyết tâm giành quyền làm chu đất nước mình và vân mênh mình

Cách mang tháng Tám thành công là kết quả của tinh thần cách mang tiến công của nhân dân Việt Nam không ngừng dược tôi luyên và nâng cao trong 15 năm, và kết qua của tinh thần cách mang tiến công ấy, là nhân dân Việt Nam đã trở nên người chủ của đất nước mình, số phân mình, dân tôc Việt Nam sống trên 4 000 năm, đã tái sinh trong mùa xuân của nhân loai, góp phần sáng tao ra lịch sử

Bởi vây cho nên, như Hồ Chủ tich đã day, *"chẳng những giai cấp lao đông và nhân dân Việt Nam ta có thể tư hào, mà giai cấp lao đông và những dân tôc bị áp bức nơi khac cũng có thể tư hào rằng lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mang của các dân tôc thuôc đia và nửa thuôc đia, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đao cach mang thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"*

Cách mang tháng Tám thành công, đã nêu môt tấm gương thắng lơi của cách mang giải phóng dân tôc trong thời đai đế quốc chủ nghĩa và cách mang vô sản, cho các dân tôc thuôc đia, trước hết là các dân tôc bị áp bức ở khu vực Đông Nam Á Cách mang tháng Tám thắng lơi và sư ra đời của nước Việt Nam dân chủ công hòa cũng giới thiêu với ho con đường *phát triển không tư bản chủ nghĩa*, con đường cho phép các dân tôc vừa thoát khỏi ách của chủ nghĩa thực dân vươt qua giai đoan phat triển

tư bản chủ nghĩa, giành độc lập và tự do vững chắc và nhanh chóng trở nên giàu mạnh

Bọn đế quốc và tay sai của chúng, trong đó có bọn cải lương hàng trăm năm gieo rắc vào đầu óc của các dân tộc thuộc địa rằng họ không thể nào tự giải phóng khỏi nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc, rằng chỉ có "hợp tác" với chủ nghĩa thực dân để tiếp thu cái "văn minh" của bọn đế quốc đưa lại cho và lớn lên từ từ thì sau này mới có thể "mở mày mở mặt" với thế giới[1]

Tuy nhiên, sự áp bức, bóc lột đã man của chúng ở thuộc địa đã làm cho những lời đường mật bịp bợm của chúng mất hết hiệu lực Các dân tộc thuộc địa sớm đã được thức tỉnh và từ khi ở các thuộc địa, phong trào công sản đã nẩy nở và lớn lên, các dân tộc ấy đã tiến hành một cuộc đấu tranh ngày càng mãnh liệt, có ý thức và có tổ chức Việt Nam là một tấm gương sáng ngời Cách mạng tháng Tam Việt Nam thắng lợi không những đã đưa lại cho họ niềm hy vọng chung về thắng lợi sẽ đến cua họ No còn vạch ra cho họ thấy rất cụ thể nhân dân Việt Nam đã thắng lợi như thế nào Bài học quan trọng nhất mà họ rút ra được ở sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám la một dân tộc dù nhỏ, nhưng nếu có quyết tâm chiến đấu và đoàn kết chặt chẽ, cũng có thể đánh bại được bọn đế quốc, du chúng mạnh đến đâu

Tấm gương tốt đẹp đo đã gây nên trong các dân tộc bị áp bức một mối tình cam sâu sắc và nồng nhiệt đối với nhân dân Việt Nam Nhiều bạn bè ta ở các nước Đông Nam Á, châu Phi, v v sau khi tin Cách mạng tháng Tám đã truyên đến họ, không ngần ngại thừa nhân Việt Nam là mẫu mực đối với họ Khi thực dân Pháp gây cuộc chiến tranh xâm lược thứ hai đối với đất nước ta, thì một phong trào mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam kháng chiến đã nổi lên trong các dân tộc Đông Nam Á, châu Phi, Mỹ Latinh Sở dĩ có phong trào ủng hộ mạnh mẽ đó là bởi vì họ nhân thức rằng Việt Nam kháng

chiến là để bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám, cuộc cách mạng đó đã tranh thủ được trái tim và khối óc của họ. Họ ủng hộ Việt Nam kháng chiến tức là họ bảo vệ đường lối của Cách mạng tháng Tám, đường lối mà họ đã nhận là mẫu mực đối với họ. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, sau cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi tháng Tám năm 1945, là một thắng lợi chấn động năm châu của đường lối của Cách mạng tháng Tám. Như một luồng điện, nó đã mang lại một niềm hân hoan, phấn khởi và tự hào cho các dân tộc thuộc địa và những người yêu chuộng độc lập, tự do và hòa bình trên toàn thế giới. Các nhà lãnh đạo phong trào độc lập của các dân tộc châu Phi đã tuyên bố "Điện Biên Phủ đã mở đầu một giai đoạn mới, giai đoạn các dân tộc thuộc địa chiến thắng chủ nghĩa đế quốc", "Việt Nam đã đánh gãy một mốc trong dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa", "chúng tôi biết ơn nhân dân Việt Nam đã nêu gương sáng cho chúng tôi", "chúng tôi nhận Việt Nam làm thầy của chúng tôi", v.v.

Mối cảm tình sâu sắc của các dân tộc bị áp bức đối với Cách mạng tháng Tám không phải chỉ vì cách mạng đó đã đánh đổ ách thực dân, giành lại độc lập cho dân tộc, mà còn vì, cùng với độc lập dân tộc, Cách mạng tháng Tám đã đưa lại tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam, còn vì ở Việt Nam đã thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, chính thể dân chủ cộng hòa.

Ai đã cướp mất quyền sống độc lập của các dân tộc thuộc địa, nô dịch, dầy đọa họ, gây nên cho họ biết bao tang tóc thống khổ trong hàng mấy trăm năm, nếu không phải chủ nghĩa tư bản dưới lốt thực dân? Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Lênin, được Cách mạng tháng Mười Nga lần đầu tiên vạch ra cách giải quyết, các dân tộc bị áp bức dần dần nhận thức được rằng độc lập và tự do dân chủ là không thể tách rời, muốn có độc lập thực sự thì phải có tự do dân chủ, nhân dân có làm chủ thì dân tộc mới giữ vững được quyền độc lập. Vì vậy, họ nhận thấy rằng giành lại được độc lập, họ có thể

không cần trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, không cần quay về con đường giữ đặc quyền đặc lợi cho một số ít, chính nó đã làm cho họ mất độc lập và tự do. Chịu đau khổ tủi nhục trong hàng trăm năm, được thức tỉnh bởi kinh nghiệm bản thân và được gương của cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi lần đầu trên thế giới - Cách mạng tháng Mười Nga soi sáng và khích lệ, các dân tộc bị áp bức phấn đấu theo một con đường giải phóng thực sự - không tách rời độc lập và tự do, theo một phương hướng lịch sử mới không phải tư bản chủ nghĩa, đó là con đường thực hiện một cách triệt để, trọn vẹn quyền dân tộc tự quyết.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân, thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á - một khu vực thuộc địa với những quyền lợi phức tạp rối ren của các tập đoàn, các hệ thống đế quốc chủ nghĩa, đã đưa lại cho các dân tộc bị áp bức một bằng chứng đanh thép rằng đã đến lúc họ có thể đi thẳng vào con đường ấy, tự họ họ có thể thực hiện được quyền tự quyết ấy.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi ở Việt Nam là nơi xa các chiến trường lớn, xa những nơi quyết định số phận của phát xít Đức - Nhật như Đông Âu và Đông Bắc Á. Đương nhiên, một điều kiện vô cùng quan trọng, có tính chất quyết định đối với sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, là sự thất bại của phát xít Đức - Nhật dưới những đòn tiến công quyết liệt của đồng minh chủ lực trong liên minh các lực lượng dân chủ lúc đó, là Hồng quân Liên Xô. Tuy nhiên, không phải bất cứ ở đâu sự sụp đổ của phát xít Đức - Nhật cũng đưa lại thắng lợi ngay cho cách mạng, nhất là những nước ở xa các chiến trường quyết định. Nói cách khác, tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam đã nắm vững thời cơ là sự sụp đổ của chủ nghĩa phát xít, để *hoàn toàn từ tay mình giải phóng cho mình*, đã chủ động phá tung một mắc trong dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa, biến khả năng thắng lợi của cách mạng thành hiện thực.

Phát xít Đức bị đánh bại, hàng chục nước Đông Âu bị quân Hitle chiếm đóng và nô dịch, đã thoát khỏi nanh vuốt của ngoại xâm, đồng thời nhân dân đã giành được chính quyền và thiết lập chế đô dân chủ nhân dân Như thế là thời gian khi Cách mang tháng Tám ở Việt Nam thắng lợi và nước Việt Nam dân chủ công hòa ra đời, về căn bản ăn khớp với thời gian khi ở châu Âu xuất hiên hình thái đầu tiên của hê thống chính trị - xã hôi mới - hê thống xã hôi chủ nghĩa, tuy Việt Nam thiếu những điều kiên quốc tế thuân lợi như các nước Đông Âu lúc đó

Cách mang tháng Tám thắng lợi với sư xuất hiên nước Việt Nam dân chủ công hòa là môt sư *đóng góp tích cực, chủ đông cho sư hình thành hê thống xã hôi chủ nghĩa thế giới* Sư đóng góp đó rất quan trong đối với viêc củng cố hê thống ấy, tầm quan trong ấy ngày càng tăng, bởi vì sau khi thành công, cách mang Việt Nam phải đương đầu và thắng lợi vươt qua bao nhiêu thử thách, đã đánh bại tất cả những âm mưu bao vây, bóp chết cách mang, can thiệp, lật đổ và xâm lược vũ trang của các tập đoàn đế quốc và các lực lương phản đông ngoài và trong nước, bởi vì nó kiên trì và không ngừng phát huy tác dung như là tiền đồn phía Đông của phe xã hội chủ nghĩa, bởi vì nó luôn luôn giương cao ngon cờ bảo vệ đôc lập và tư do cho dân tôc và làm tròn nghĩa vu quốc tế của mình

Cách mang tháng Tám thắng lợi có môt vị trí hàng đầu và môt ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế còn nhờ có môt yếu tố cực kỳ quan trong này nữa, là *vai trò rất to lớn, kiệt xuất của sự hoạt đông cách mang trong bao nhiêu năm của Hồ Chủ tịch trên quốc tế*

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mỗi bước phát triển mới của cách mang Việt Nam gắn chặt với tên tuổi và sư hoạt đông của Người. Chiến tranh vừa kết thúc, Hồ Chủ tịch, với bản yêu sách nổi tiếng, đã bắn môt phát súng

vào pháo đài của bon đế quốc - Hòa hội Vécxai Phe đế quốc chiến thắng dương dương tự đắc, bàn nhau chia quá thực của chiến thắng mà những mục tiêu cơ bản là tăng cường ách nô dịch đối với các dân tộc bị áp bức, bao vây và bóp chết nước Nga Xô-viết, đè bẹp cơn bão táp cách mạng đang bốc cháy ở châu Âu và ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa

Việc đưa "bản yêu sách" đó đã nổ ra trong lòng chúng như một quả bom Đó là một lời cảnh cáo đối với chúng của nhân dân Việt Nam, mà thực chất là của các dân tộc bị áp bức nói chung, lần đầu tiên và công khai, hiên ngang đòi lại những quyền dân tộc cơ bản của mình No nói cho chúng biết nhân dân Việt Nam, cũng như các dân tộc thuộc địa khác đã được thức tỉnh và từ nay sắp đi, bên cạnh giai cấp vô sản các nước tư bản, có hàng trăm triệu nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa chiến đấu để thoát khỏi ách nô lê của chúng

Miếng đòn ấy khá đau đối với bon đế quốc Bằng chứng là 26 năm sau, khi nói đến Cách mạng tháng Tám và vị lãnh tụ của cách mạng, việc đầu tiên là chúng nhắc lại tung tích của Hồ Chủ tịch Tháng 10-1945 trong một bài xã luận nói về Cách mạng tháng Tám, tờ báo Mỹ "News week" (Tin hàng tuần) đã viết: "Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa Hồ Chí Minh tên thật là Nguyễn Ái Quốc, người đã gửi đến Hòa hội Vécxai năm 1919 bản yêu sách nổi tiếng"

Từ đó sắp đi sự hoạt động của Hồ Chủ tịch một mặt là nhằm tạo ra cho cách mạng Việt Nam một cơ sở chính trị, tư tưởng và tổ chức vững chắc để đi đến thắng lợi, mà những yếu tố quyết định là. có đường lối cách mạng đúng đắn, thành lập Đảng tiền phong của giai cấp công nhân, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng, khối liên minh công nông vững mạnh và khối đoàn kết rộng rãi của toàn dân chống chủ nghĩa đế quốc Mặc khác, là tăng cường sự đoàn kết chiến đấu quốc tế, giữa giai cấp công nhân ở các nước tư

bản và dân tộc thuộc địa, và giữa các dân tộc bị áp bức

Trong một phần tư thế kỷ, hoạt động của Hồ Chủ tịch trên trường quốc tế, với sự giúp đỡ của phong trào công sản quốc tế, mà Người là một nhân vật lãnh đạo, đã xây dựng và tích tụ lực lượng tạo tiền đề cho cách mạng Việt Nam thắng lợi, đồng thời, bằng nhiệt tình cách mạng mà Người là tấm gương chói lọi, bằng hoạt động cách mạng không mệt mỏi, tinh thần chịu đựng và vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, nêu cao gương đạo đức cách mạng sáng ngời như pha lê, tính nguyên tắc cao độ, không khoan nhượng, kết hợp với sự khôn khéo, mềm dẻo điển hình, tinh thần nhân dạo cao cả và bao la, và sự tiếp xúc, liên hệ chặt chẽ và hòa mình với quần chúng Người đã góp phần rất tích cực trong việc nhen lên tinh thần cách mạng trong giai cấp công nhân các nước tư bản và các dân tộc bị áp bức ở Âu, Mỹ, Á, Phi, đã góp một phần rất quan trọng trong việc xây dựng và tăng cường tinh thần đoàn kết chiến đấu trong phong trào công sản quốc tế, đã lãnh đạo Đảng ta trong việc vận dụng một cách tài tình, sáng tạo học thuyết Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, phát triển và làm giàu thêm lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa

Trước Cách mạng tháng Tám trong những năm 20 và 30, khi nhắc đến tên tuổi của Hồ Chủ tịch, những nhân vật của phong trào công nhân các nước tư bản và của phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa đều nói lên những lời nói ấm áp, trìu mến và kính trọng sâu sắc Cho nên, khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, mặc dầu họ chưa biết gì hết về tính chất của Cách mạng tháng Tám, nhưng khi chỉ mới biết được Hồ Chủ tịch đứng đầu Chính phủ cách mạng, thì mọi người đều tỏ sự vui mừng và niềm tin tuyệt đối

Như vậy, chúng ta nhận thấy rằng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, vị trí và ảnh hưởng quốc tế của nó, là xuất phát từ sự vận dụng đúng đắn và độc đáo, sáng tạo học

thuyết của Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở những mặt chính sau đây

1 *Về lý luận* triệt để vận dụng theo tinh thần cách mạng một trong những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc là mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa đế quốc, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và dân chủ, kết hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản ở các nước tư bản do mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa hai giai cấp ấy. Hai dòng thác cách mạng ấy kết hợp lại trong một mặt trận thống nhất quốc tế chống kẻ thù chung - chủ nghĩa đế quốc Đó là cơ sở giai cấp của cách mạng giải phóng thuộc địa

Mâu thuẫn giữa bọn đế quốc, nó là mâu thuẫn cơ bản thứ ba của thời đại, cũng rất quan trọng, nhưng là phụ Nó chỉ tạo thời cơ, một hoàn cảnh khách quan thuận lợi nhất định, chứ không quyết định được thắng lợi của cách mạng Khi cần, có thể và phải lợi dụng nó, song phải đứng vững trên lập trường giai cấp nói trên - sự đoàn kết trong mặt trận chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân các nước tư bản và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa

Ví dụ điển hình về mặt ấy là việc Cách mạng tháng Tám đã phá được âm mưu của các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế hòng bóp chết cách mạng trong thời kỳ quân "đồng minh" kéo vào Việt Nam

Nếu chỉ dựa vào mâu thuẫn giữa bọn đế quốc mà không có cơ sở, lập trường giai cấp, không đi theo đường lối cách mạng của giai cấp vô sản, thì cái kết quả không tránh khỏi là thay đổi xiềng xích nô lệ, thay thầy đổi chủ, dầu có núp dưới chiêu bài "độc lập" hay "quốc gia" gì đó (như bọn Đại Việt thân Nhật, bọn Việt Quốc, Việt Cách thân Mỹ - Tưởng) Trong giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ hai, thì đó là con đường đẩy đất nước vào nanh vuốt của chủ nghĩa thực dân mới

Đi theo đường lối cách mạng của giai cấp vô sản - đường lối của chủ nghĩa quốc tế vô sản, thì cách mạng thuộc địa, trong một hoàn cảnh quốc tế nhất định, hoàn toàn có khả năng thành công trước khi giai cấp công nhân giành thắng lợi ở chính quốc Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là một sự thuyết minh huy hoàng cho luận điểm của Lênin rằng trong thời đại chúng ta, thời đại cách mạng vô sản thắng lợi, các dân tộc bị áp bức có thể góp phần tích cực quyết định vận mệnh của loài người

Điểm quan trọng thứ hai, là đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản, mặc dầu hoàn cảnh quốc tế chưa thuận lợi, mặc dầu còn ở trong tình thế bị các lực lượng thù địch bao vây, cách mạng vẫn có thể đứng vững Vấn đề là không sợ đế quốc và kiên trì cách mạng

2 *Tinh thần cách mạng tiến công* Trong thời đại suy vong của chủ nghĩa đế quốc và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần cách mạng triệt để, cách mạng tiến công là nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi Nhưng phải hiểu và vận dụng một cách biện chứng tinh thần đó Tinh thần đó không có nghĩa là trong một lúc, ở khắp nơi, cách mạng nổi lên đồng loạt, theo một công thức như nhau và đánh sụp toàn bộ chủ nghĩa đế quốc ngay tức khắc Nó có nghĩa là đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc từng bước, đánh đổ nó từng bộ phận Tất nhiên bất cứ ở đâu và lúc nào, bất cứ đối với tên đế quốc nào, không dùng bạo lực cách mạng thì không thể đánh đổ nó được Nhưng, việc dùng bạo lực cách mạng phải rất sáng tạo, tùy nơi và tùy lúc

3 *Đường lối độc lập, tinh thần chủ động* Để thực hiện tinh thần cách mạng nói trên, yếu tố rất quan trọng là Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng phải có đường lối độc lập, có tinh thần chủ động Có đường lối độc lập, tinh thần chủ động để đưa cách mạng tiến lên, góp phần tích cực và có hiệu quả nhất vào cuộc cách mạng tiến

công chung của thời đại, chứ không phải để thỏa hiệp với đế quốc, để đưa cách mạng thụt lùi. Nhờ có đường lối độc lập, nhờ chủ động, phát huy sáng kiến cách mạng theo tinh thần nói trên mà Cách mạng tháng Tám đã đạt được ba mục tiêu, thực hiện một cách vẻ vang nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ quốc tế của mình:

1) Giải phóng cho dân tộc khỏi xiềng xích nô lệ,

2) Phá vỡ một mắc trong sợi dây xích của hệ thống đế quốc chủ nghĩa quốc tế, giúp thiết thực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa khác,

3) Góp phần củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

* * *

Chiến tranh xâm lược mà đế quốc Mỹ tiến hành chống nhân dân ta với một tính chất ngoan cố, tàn bạo, dã man và quy mô chưa từng có, đó là một sự tấn công của chủ nghĩa thực dân mới vào một trong những dinh lũy kiên cường của cách mạng thế giới.

Nhưng đó là cuộc tấn công trong thế yếu, của chủ nghĩa đế quốc nói chung. Bởi vì Cách mạng tháng Tám, dưới ngọn cờ của nó, nhân dân ta tiến lên trong 24 năm, có một vị trí và ảnh hưởng quốc tế ngày càng lớn. Nó là một trở ngại lớn trên con đường giành lại những vị trí đã mất của chủ nghĩa đế quốc.

Nhân dân ta ngày nay đã mạnh hơn khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, mạnh hơn lúc tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp, mạnh hơn khi miền Bắc mới đi vào chủ nghĩa xã hội. Phe xã hội chủ nghĩa ngày nay mạnh hơn cách đây 20 năm. Trong hơn 20 năm nay, phong trào giải phóng dân tộc cũng đã giành được những thắng lợi vĩ đại. Cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân ở các nước tư bản phát triển ngày càng mạnh. Cuộc đấu tranh vì hòa bình,

dân chủ, tiến bộ xã hội của đông đảo các tầng lớp trí thức, thanh niên, sinh viên ở các nước tư bản dâng lên ngày càng cao Chủ nghĩa đế quốc bị đánh sụp từ mảng này đến mảng khác, bị đẩy lùi từ vị trí này đến vị trí khác, sấm sét từ bốn phương giáng vào đầu nó

Nhân dân ta, giương cao ngọn cờ của Cách mạng tháng Tám, đang thắng lợi vượt qua cơn thử thách lớn nhất của thời đại, đang đánh thắng tên đế quốc mạnh nhất trên thế giới, kẻ thù số một của loài người Ta đang đánh thắng nó và sẽ hoàn toàn đánh thắng nó bởi vì ta có ngọn cờ chính nghĩa của Cách mạng tháng Tám tiêu biểu cho chí quật cường của 4 000 năm lịch sử của dân tộc và tinh thần làm chủ của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong giai đoạn lịch sử ngày nay Ta đánh thắng đế quốc Mỹ, bởi vì ta có sự ủng hộ của toàn cả loài người tiến bộ, và cuộc đấu tranh thắng lợi của ta lại là một sự động viên, cổ vũ và đẩy mạnh phong trào của nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam, chống Mỹ

Ta đánh thắng đế quốc Mỹ, đó là đòn thất bại nặng nề đầu tiên của chủ nghĩa thực dân mới Chủ nghĩa thực dân mới, là sản phẩm của sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc bị dồn vào thế thủ, thì nhất định nó bị thất bại khi nó húc đầu vào ý chí của một dân tộc đã chiến thắng chủ nghĩa thực dân và đứng trong hàng ngũ các lực lượng tiến bộ thế giới đang *tiến công* chủ nghĩa đế quốc khắp nơi, trong cuộc tấn công đó nhân dân ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay luôn luôn đứng ở tuyến đầu

Không sợ đế quốc, không khoan nhượng, thỏa hiệp với đế quốc và có khả năng thắng nó và biết thắng nó, đó là bài học to lớn mà Cách mạng tháng Tám đã nêu lên, mà cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã phát triển đến cao độ

Vì vậy, nhân dân thế giới chân thành tặng cho nhân dân ta danh hiệu cao quý là *vinh dự của loài người* Ủng hộ nhân

dân Việt Nam chống Mỹ đã trở thành một nghĩa vụ, một tiêu chuẩn của tinh thần cách mạng, của chính nghĩa, của tiến bộ. Bởi vì vấn đề không phải chỉ là thông cảm với nhân dân Việt Nam đang chịu những hy sinh đau khổ vô ngần, mà còn là vì quyền lợi thiết thân của các dân tộc. Không phải chỉ là vấn đề lương tri, mà nó còn có quan hệ đến vận mệnh của các dân tộc nữa.

Sự quang vinh bất diệt của Cách mạng tháng Tám là không những nó đã thực hiện sự tái sinh của dân tộc ta, mà nó còn mở đường cho dân tộc ta tham gia tích cực và có hiệu quả vào việc phá tan xiềng xích của các dân tộc khác. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì độc lập, tự do là một cống hiến kiệt xuất cho cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc. Đối với toàn thể loài người, không gì quý hơn độc lập, tự do. Vì vậy, mà cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta có một sức hấp dẫn kỳ diệu đối với sự tập hợp, đồng viên, đoàn kết các lực lượng tiến bộ trên thế giới ủng hộ nhân dân ta ngày càng mạnh mẽ, điều mà cả loài người tiến bộ nhận là một nghĩa vụ quang vinh của mình, nghĩa vụ của tình cảm và lý trí của hàng triệu người trên trái đất.

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

I. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG Ở VIỆT NAM

1. Nhân dân Việt Nam đối với phong trào cách mạng thế giới

Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ, Việt Nam hồi đó chưa có phong trào công nhân và những tổ chức của giai cấp công nhân, lẽ tất nhiên nhân dân Việt Nam chưa thể đón chào, chưa thể hưởng ứng đối với biến cố lịch sử trong đại đó như giai cấp công nhân và nhân dân các nước châu Âu hoặc gần với châu Âu

Sự đón chào đó thể hiện dưới những hình thức khác, bằng cả một quá trình, hợp với tình hình của Việt Nam lúc đó, với trình đô phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam Tuy nhiên, không phải vì vậy mà sự đón tiếp thắng lợi của Cách mang tháng Mười ở Việt Nam kém phần nồng nhiệt, sâu sắc, thắm thiết

Là một dân tộc bị áp bức và không ngừng đấu tranh chống áp bức, nhân dân Việt Nam luôn luôn tỏ rõ mối cảm tình nồng nhiệt của mình đối với cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc khác.

Mở đầu thế kỷ này, khi chiến tranh Nga - Nhật đưa lại thất bại cho Nga hoàng, những người yêu nước và những tổ

---

* In trong cuốn *Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với Việt Nam* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962

chức cách mạng Việt Nam lúc đó đều cảm thấy khoan khoái. Điều ấy cũng dễ hiểu, vì lúc đó chưa mấy ai rõ bản chất của đế quốc Nhật. Hồi đó, trước con mắt của các dân tộc châu Á chỉ có hai phe: một bên là các cường quốc tư bản chủ nghĩa phương Tây, là những nước đi chinh phục và áp bức các dân tộc thuộc địa; còn một bên là các nước châu Á, là đối tượng của sự chinh phục và áp bức thuộc địa. Hồi đó, người ta chỉ thấy Nga hoàng là thuộc phe các cường quốc tư bản chủ nghĩa phương Tây, còn Nhật Bản là một nước thuộc châu Á. Ta không nói đến sự đánh giá chủ quan của thế hệ yêu nước lúc đó đối với Nhật Bản, mà ta chỉ ghi nhận yếu tố khách quan, đó là tinh thần dân tộc, là lòng thù ghét sâu sắc của một dân tộc bị áp bức đối với chủ nghĩa thực dân, mà kẻ đại diện trực tiếp và phổ biến hồi ấy là các nước tư bản chủ nghĩa lớn phương Tây.

Cách mạng Nga 1905 tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam, nhưng qua phong trào Đông du, những người yêu nước Việt Nam hồi đó sang Nhật, sang Trung Quốc đã biết đến cuộc cách mạng đó và phần nào đã chịu ảnh hưởng của nó, nhất là ảnh hưởng của *tư tưởng dân chủ*. Phong trào chống Pháp ở Việt Nam từ khi thực dân xâm chiếm nước ta cho tới cuối thế kỷ XIX căn bản tiến hành dưới lá cờ "Cần vương", sang đầu thế kỷ XX, phong trào giải phóng dân tộc đã dần dần đi vào xu hướng dân chủ, tuy còn mơ hồ, còn nhiều mâu thuẫn, nhưng xu hướng đó đã nảy nở và ngày càng triển với những cuộc vận động Đông kinh nghĩa thục, Duy tân hội, v.v... Sự mơ hồ, mâu thuẫn đó cũng do nhiều nguyên nhân, trước hết là vì lúc đó thực dân Pháp mới bắt đầu đặt cơ sở nền thống trị của chúng và mới bắt đầu cướp bóc nhân dân ta có hệ thống, và về phong trào cách mạng thì chủ trương, phương hướng và biện pháp còn ở trình độ thấp. Nhưng mặt khác, cũng do những nhân vật yêu nước và những tổ chức cách mạng của ta lúc đó ít nhiều đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản phương Tây. Điđơrô,

Ruxô, Môngtexkiơ, v v va phần nào của những nhân vật thuộc phái cải lương ở Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu

Nhưng, có lẽ phần nào cũng do ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, cộng với thực tế của Việt Nam cho nên trong quan niệm của các nhà yêu nước Việt Nam sau những năm 1904 - 1905, xu hướng chống bọn vua quan của triều đình nhà Nguyễn càng rõ rệt hơn, và xu hướng dân chủ, ý thức về vận động quần chúng cũng càng bộc lộ, mà biểu hiện cụ thể là phong trào chống thuế của nông dân ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ năm 1908

Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc nổ ra Những người yêu nước và những tổ chức cách mạng Việt Nam hồi đó đều vui mừng phấn khởi Tuy cuộc cách mạng đó không chặt đứt được xiềng xích của nhân dân Trung Quốc, nhưng lòng hân hoan của nhân dân Việt Nam là chính đáng Cách mạng Tân Hợi đã có tác dụng như tiếng chuông thức tỉnh đầu tiên đối với các dân tộc châu Á Nó cũng là một bước trên con đường giải phóng của dân tộc Trung Hoa, một sự biểu dương tinh thần quật khởi của nhân dân Trung Quốc Vận mệnh của hai dân tộc Việt - Trung vốn có quan hệ mật thiết với nhau, nhân dân Việt Nam không thể không cảm thấy rằng từ nay, những biến cố lớn ở Trung Quốc sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến Việt Nam

Năm 1914, chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra Trong những năm đầu của chiến tranh, Pháp bị Đức đánh những đòn nặng Những người yêu nước và các tổ chức cách mạng Việt Nam lúc ấy thấy đó là một cơ hội tốt, cho rằng thời cơ đã đến Từ Bắc chí Nam, họ đã đứng dậy đấu tranh Một làn sóng khởi nghĩa lan ra nhằm lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp Các nhà cách mạng và những tổ chức yêu nước Việt Nam ở hải ngoại cũng hoạt động ráo riết ở vùng biên giới Việt Nam là thuộc địa của Pháp, không ở sát ngay

chiến trường, nhưng cũng bị đế quốc Pháp trút lên lưng một phần gánh nặng của chiến tranh về người và của cải. Lòng phẫn uất của nhân dân lên cao. Thời kỳ này có những cuộc khởi nghĩa, như cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, đã có một tiếng vang lớn trong cả nước, đã khiến cho chính quyền thực dân hoang mang. Đặc điểm của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, cũng như của vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội trước đó 5 - 6 năm, là đã biết làm công tác binh vận trong nguỵ quân.

Như vậy là nhân dân Việt Nam đã có sẵn những truyền thống mạnh mẽ trong việc hưởng ứng các phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng của các dân tộc khác, hoặc biết sử dụng những thời cơ và hoàn cảnh thuận lợi do những mâu thuẫn và xung đột trong nội bộ quân thù gây nên.

Cố nhiên, chúng ta không thể vội coi những truyền thống đó là biểu hiện của tinh thần quốc tế vô sản lêninnít. Nhưng dù sao, vì là một dân tộc bị áp bức nặng nề, lại có truyền thống cách mạng lâu đời, nên dân tộc ta dễ thông cảm và dễ hưởng ứng đối với những biến cố ở ngoài nước khi thấy ở đó những nhân tố có thể giúp trực tiếp hoặc gián tiếp cho sự nghiệp giải phóng của bản thân mình. Đó là một yếu tố rất quan trọng để về sau khi có một cuộc cách mạng nào đáp ứng được một cách sâu sắc và đầy đủ những vấn đề đang đặt ra cho nhân dân ta, thì nhân dân ta tiếp thu nó mau lẹ và đúng đắn.

2. Bằng cuộc đấu tranh giải phóng bền bỉ và phong phú của mình, nhân dân Việt Nam đã tạo nên một cơ sở thuận lợi để hưởng ứng tích cực những biến cố cách mạng trên thế giới.

Nhưng dân tộc Việt Nam không phải chỉ ngồi chờ khi có phong trào giải phóng của các dân tộc khác, hoặc có những cuộc xung đột kịch liệt giữa bọn đế quốc, mới nổi dậy đấu tranh.

Trong hơn 80 năm bị thực dân đô hộ, không lúc nào nhân dân ta để cho kẻ thù được nghỉ ngơi. Cuộc đấu tranh

giải phóng của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn tay sai của chúng là liên tục. Có khi bột phát, có khi âm ỉ, có khi tự phát, có khi có tổ chức, cuộc đấu tranh đó cũng như một ngọn lửa khi cháy rực, khi cháy ngún, nhưng không bao giờ tắt và không một sức nào của kẻ thù có thể dập tắt được. Nó tiêu biểu cho đức tính khẳng khái, chí bất khuất, tinh thần yêu nước nồng nàn và muôn thuở của dân tộc ta. Trong hơn nửa thế kỷ, từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta cho đến Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã có một lịch sử phát triển phong phú. Cuộc đấu tranh đó, về cả nội dung và hình thức, đã trải qua nhiều giai đoạn: phong trào "Cần vương" với hình thức đấu tranh trực tiếp bằng võ trang ở từng vùng, phong trào Đông kinh nghĩa thục, Đông du, có hình thức đấu tranh văn hóa, kinh tế, kết hợp với đấu tranh chính trị, tuyên truyền cổ động, du học, cuộc đấu tranh võ trang của phong trào Hoàng Hoa Thám kết hợp với công tác bí mật trong lòng địch và binh vận, khủng bố cá nhân, đấu tranh quần chúng, công khai hoặc nửa công khai kết hợp với không hợp pháp, rồi võ trang khởi nghĩa và binh vận trong những năm chiến tranh thế giới, v.v.

Từ đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất, việc đặt cơ sở thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp đã làm đảo lộn đời sống cố hữu của dân tộc ta, mà kết quả là nhân dân ta phải chịu một sự áp bức năng nề chưa từng thấy. Trong khoảng thời gian đó, chủ nghĩa tư bản đã bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, nó đã bắt đầu bộc lộ sự ràn rứt bằng những mâu thuẫn nội bộ, từ sự va chạm, xung đột dưa đến cái kết cấu tất nhiên là chiến tranh thế giới thứ nhất, và bằng sự bắt đầu thức tỉnh của các dân tộc bị áp bức, mà về phía châu Á, cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc là dấu hiệu hiển nhiên. Cho nên trong khoảng hơn mười năm đó, cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta tiến triển khá nhanh. Sự xuất hiện nhiều xu

hướng và sự thay đổi mau lẹ hình thức này sang hình thức khác, tính mâu thuẫn của phong trào, một mặt nói lên nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam phức tạp hơn trước, hơn thời kỳ chinh phục và "bình định", nhưng mặt khác, nó cũng nói lên sự non nớt của phong trào về các phương diện chủ trương đường lối tổ chức và biện pháp đấu tranh, do sự phân hóa trong xã hội Việt Nam lúc đó chưa sâu sắc, những tầng lớp, giai cấp mới của xã hội hoặc chỉ mới bắt đầu hình thành, hoặc mới manh nha

Tuy nhiên, sự tiến triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam trong những năm đó nói lên hai điều căn bản, rất quan trọng một là sự khát vọng của nhân dân Việt Nam mong tìm ra *một con đường đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng của mình*. Nhân dân ta đi tìm con đường đó không phải bằng cách ngồi đợi hoặc chỉ bằng sách vở, lý thuyết, mà bằng đấu tranh cách mạng, bằng sự xông pha của hàng trăm, hàng nghìn người yêu nước thuộc các tầng lớp khác nhau, thuộc những thế hệ khác nhau, những người con ưu tú của dân tộc vào sinh ra tử trong bom đạn, máy chém, tra tấn, nhà tù và nơi đày ải của giặc. Dưới xã hội cũ, nhà khoa học thiên tài trong khi đi tìm chân lý, thường bị dư luận phỉ báng, xã hội bạc đãi, đói không có cơm ăn, rét không có áo mặc, nhưng vẫn chịu đau khổ mà tinh thần và ý chí không nao núng. Một nhà khoa học như vậy, khi đã tìm được chân lý rồi, thì tất cả sấm sét búa rìu của xã hội cũ cũng không thể làm cho nhà khoa học đó từ bỏ cái chân lý là "quả đất vẫn xoay". Phẩm chất của những nhà khoa học như vậy có thể ví với phẩm chất của nhân dân ta, của những người yêu nước của ta trên các đoạn đường đi tìm chân lý cách mạng, tìm khoa học thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Biết chịu đau khổ, không quản hy sinh để đi tìm đường lối đúng đắn cho cách mạng, cho nên khi đã tìm thấy một đường lối đúng đắn, thì những nhà yêu nước của ta tiếp thu nó một cách nhanh chóng và dù phải gian khổ, phải

chịu hy sinh đến thế nào cũng vẫn bam chat lấy nó và phân đấu với một tinh thần gan da, bền bỉ không gì lay chuyên nổi để thực hiên nó cho kỳ được

Chính cái tính tích cực, tinh thần đâu tranh cach mang của nhân dân ta là cơ sở, là nhân tố chủ yêu để chúng ta tìm ra đường lối đúng đắn của cách mang, và cũng chính nó lam cho sư áp dung một cách *sáng tạo* chân lý phô biến vào thực tiễn nước ta được thuân lợi, khiến nó có một sắc thái, những nét độc đáo trở thành đường lối của cách mang Viêt Nam, mặc dầu chân lý đó không phải xuất phát ở ta, mà ở một nước khac xa ta hàng van dăm Sư sáng tao là do đấu tranh mà có

Mặt khác, cuộc chiến đấu kiên trì của nhân dân ta trong bao nhiêu năm chống chủ nghĩa đê quốc nhằm giành lai độc lập cho dân tộc nói lên tinh thần *tự lực canh sinh* nói lên rằng sư nghiệp giải phóng của mình chính do tư tay mình làm nên Khi một số người nào, hay một phe nào trong những nhà yêu nước hồi đó có tư tưởng dưa vào lực lương của một nước ngoài để giải phóng cho mình, thì như vây không có nghĩa là ho hoàn toàn chờ đơi lực lương bên ngoài vào giải phóng cho mình Trong khi dưa vào lực lương bên ngoài, ho vẫn có quan hê với trong nước, vẫn tổ chức đấu tranh, vẫn hô hào, kêu goi nhân dân thức tỉnh để làm việc lớn Vá lai, dù ho có tư tưởng hoàn toàn ỷ lai vào người ngoài chăng nữa, thì điều đó cũng không có ảnh hưởng quyết đinh đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ở trong nước. Bằng chứng là trong những năm đó phong trào đấu tranh phát triển manh, diễn biến muôn màu muôn vẻ và dưới nhiều hình thức khác nhau

Cũng có xu hướng muốn đưa nước nhà đến nền tư chủ, độc lập bằng con đường cải cách, khai hóa dần dần, mở mang dân trí và đặt vào chủ nghĩa đế quốc sự tin tưởng rằng chúng có thể giúp đỡ và dìu dắt một dân tộc do chúng áp bức tiến theo con đường đó, và người ta có thể cho như

thế là v lai vào người ngoài, mà người ngoài đây chính lai là kẻ tư thu của đân tộc Cái sai lầm, sư ngây thơ là tin rằng có thể hợp tac được giữa giặc cướp nước và dân mất nước Đo la điêu sai lâm là ngây thơ chính trị thật sư, chứ không phai là dã tâm bán nước phan dân bi ôi như bon cai lương tay sai của chu nghĩa thực dân sau chiến tranh thế giơi thứ nhất, hoặc trong thời Nhật chiêm, hay của bon lưu manh mươn danh "Việt cách", 'Việt quốc", "Đai Việt", v v tay sai của Tương Giới Thach thực dân Pháp, phát xít Nhật và đê quốc Mỹ sau Cach mang thang Tam, vả hiên nay là tập đoàn ác ôn Ngô Đình Diêm ơ miền Nam Việt Nam

Tuy chủ trương của những nha yêu nươc đầu thế kỷ XX về khả năng hợp tac với thực dân là sai về nguyên tăc, nhưng tinh thần của ho vẫn là tinh thần yêu nước Ho không mong thực dan bô thí cho chut com thưa canh căn dê làm công cu cho chúng trong viêc làm hai dân hai nước, mê hoặc đồng bào Bên canh chu trương hợp tac vơi đê quốc, ho kêu goi nhân dân, thúc đẩy đồng bào phai thức tỉnh, phải tư cường, phai chuẩn bi lực lương, phai tư mình tìm lấy con đường và nỗ lực đê tiến bô, rồi mới mong đi đến độc lập Ho cương quyết phan đối và đòi huy bo tât cả những cái gì hủ bai, mục nát, sâu mot đôi với dân với nước vi chính no đã lam cho dân tộc lâm vào cảnh nô le Ho cũng đã hy sinh vi lv tưởng

Vì có một quan niêm đúng đăn về tư lực cánh sinh cho nen ho phai tim những ke cung hoi cùng thuyên cung mot mục tiêu phân đâu với mình đê gop sức đánh đô ke thu chung Đông tình chao đon và tích cực hương ưng những biên cô bên ngoài về mặt này hay mặt khac co thê tao điêu kiên thuân lơi cho cuoc đâu tranh giai phóng của mình, đo la một khía canh, và là khía canh rất quan trong của nguyên tăc tìm ban đông minh của cách mang Với một nội dung mới, nhất là khi đứng trên một lập trường giai cấp vững chắc và đã nhân thức rõ ràng về ban thù, thì tinh thần đo sẽ la nguyên lý co ban của chu nghĩa quốc tế vô sản

lêninnít Chủ nghĩa Lênin day rằng, giai cấp nào muốn làm cách mang và muốn đưa cách mang đến thắng lơi thời phải dì tìm ban đồng minh Và khi đã tìm được những người ban, những đồng minh chân chính rồi và tân dung lực lương đồng minh đó, thì sư cố gắng, tính tích cực và tinh thần tư lực cánh sinh lai càng được phát huy, càng tăng lên manh mẽ

Như vây trong suốt thời kỳ trước Cách mang tháng Mười, nhân dân ta, trong cuộc đấu tranh để giành độc lập cho dân tộc, đã kết hợp được tinh thần lơi dung thời cơ bên ngoài. đón chào và hướng ứng những biến cố cách mang ở các nước khác với tinh thần tư mình phải đấu tranh để giải phóng cho mình, tinh thần tư lực cánh sinh

Phải nhìn thấy các mặt đó chúng ta mới hiểu được vì sao sau này, khi Cách mang tháng Mười ở Nga nổ ra, nhân dân ta tiếp thu nó, và qua nó, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin một cách đúng đắn, và từ khi có Đảng mácxít-lêninnít của chúng ta lãnh đao cách mang, sư phát triển của cách mang Việt Nam không những là một thiên anh hùng ca, mà còn là cả một quá trình sáng tao dồi dào. Quá trình đấu tranh cách mang của nhân dân ta trước Cách mang tháng Mười, nhất là từ đầu thế kỷ XX với tính phức tap, mâu thuẫn nhưng anh dũng và phong phú của nó, đã góp phần vào việc chuẩn bi điều kiên cho sư tiếp thu đó Nói một cách khác, sư tiếp thụ và tích cực hưởng ứng cuộc Cách mạng tháng Mười, mà những thắng lơi lich sử vĩ đai của Cách mang Việt Nam là kết quả, là nằm trong *quy luật phát triển của thực tiễn Việt Nam* trong mấy mươi năm đấu tranh của nhân dân ta chông chủ nghĩa đế quốc Pháp

3. Cái gì ở Cách mạng tháng Mười đã tranh thủ được trái tim và khối óc của nhân dân ta?

Vì trong giai đoan phát triển trước Cách mang tháng Mười, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã tao nên một số nhân tố thuân lơi, cho nên Việt Nam có sư chuẩn bi

để tiếp thu Cách mạng tháng Mười, và không phải là quá đáng nếu chúng ta nói rằng sự tiếp thu đó tuy không phải tức khắc, trực tiếp như một số nước, nhưng có bề sâu và có phần vững chắc

Những điều đặc biệt quan trọng có tính chất quyết định, là Cách mạng tháng Mười đã giải quyết được những vấn đề thiết thân mà trong lịch sử đấu tranh của mình, nhân dân Việt Nam, cũng như giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới đã đặt ra và đang tìm cách giải quyết, hoặc nó mới nảy ra trong tiềm thức của họ, hoặc giả rồi nó nhất định cũng sẽ đặt ra cho họ bởi quá trình tiến triển tất yếu của thực tế Chính cách đặt ra và giải quyết những vấn đề đó làm cho Cách mạng tháng Mười đã chinh phục được trái tim và khối óc của nhân dân Việt Nam

Vậy đó là những vấn đề gì?

a. Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc

Học thuyết Lênin là sự phát triển của chủ nghĩa Mác trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa Thiên tài của Lênin là đã tìm ra quy luật phát triển của chủ nghĩa đế quốc, là sự tiếp tục và phát triển đến cao độ những quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản Xuất phát từ đó, đồng thời Lênin đã tìm ra mối quan hệ hữu cơ giữa phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, giữa cách mạng vô sản đánh đổ giai cấp tư sản ở các nước tư bản và cách mạng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa, đã gắn liền cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản thế giới mà cách mạng thuộc địa là bộ phận, đã liên kết giai cấp vô sản cách mạng và các dân tộc bị áp bức lại thành *một mặt trận*

Như vậy là Lênin đã nâng cao địa vị của cách mạng thuộc địa lên thành nhiệm vụ của sự nghiệp giải phóng chung của loài người Chủ nghĩa Lênin đã mang lại một tiền đồ sáng sủa và một niềm tin tưởng vô biên cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức, vì nó đưa lại

cho họ sự nhận thức rằng cuộc đấu tranh của họ tất nhiên sẽ đi đến thắng lợi không những nó là cuộc đấu tranh chính nghĩa, là bộ phận tạo thành sự nghiệp giải phóng của loài người, là lý tưởng cao siêu nhất trong tất cả các lý tưởng mà còn vì nó sẽ thực hiện trên một cơ sở khoa học, theo tính quy luật của thời đại, và vì nó không bị cô lập, lẻ loi

Nhưng, trong học thuyết của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, luận điểm sáng tạo thiên tài, xuất sắc nhất là luận điểm về sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa đế quốc, nó là nhân tố quyết định, tạo nên khả năng làm cho *chủ nghĩa đế quốc bị chọc thủng ở khâu yếu nhất*, và như vậy, *cách mạng có thể thành công trước tiên ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ* Khâu yếu nhất đó không nhất thiết ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao, mà có thể ở những nước phát triển tương đối chậm

Cách mạng tháng Mười đã thực hiện thắng lợi và đã xác minh luận điểm đó của Lênin Đánh đổ chế độ Nga hoàng, Cách mạng tháng Mười đã chọc thủng khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc toàn thế giới trong nửa đầu của thế kỷ XX, đã đạp đổ một thành trì phản động không những ở châu Âu mà cả ở châu Á nữa Đó là một đòn chí mạng đầu tiên, mở rộng và khoét sâu cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, làm cho nó không còn tính chất đơn nhất nữa Cách mạng tháng Mười đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử thế giới vì nó đã chỉ đường và tạo *điều kiện thực tế* không những cho giai cấp vô sản, mà đồng thời cho các dân tộc bị áp bức có thể tự giải phóng và góp phần sáng tạo ra lịch sử Kết quả của Cách mạng tháng Mười là chủ nghĩa đế quốc thế giới bị suy yếu nhanh chóng, mà lực lượng cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng thuộc địa lớn mạnh lên nhanh chóng Nhờ cơ sở do Cách mạng tháng Mười đã tạo nên, cho nên chỉ 15 năm sau khi Đảng của giai cấp công nhân ra đời, nhân dân ta đã đánh một đòn năng vào chủ nghĩa thực dân Pháp, *bắt đầu chọc thủng một trong những khâu yếu nhất*

của chủ nghĩa đế quốc Pháp, nó là một nhân tố quan trọng dọn đường cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân nói chung sau chiến tranh thế giới thứ hai góp phần vào việc tăng cường sự hoạt động của những quy luật của thời đại chúng ta, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, góp sức vào công cuộc sáng tạo ra những trang sử mới của loài người

b. Chỉ có thể đánh đổ chủ nghĩa đế quốc bằng đấu tranh cách mạng

Thiên tài sáng tạo của học thuyết Mác là do *tinh thần cách mạng*, tính chiến đấu của nó mà ra. Xuất phát từ đặc điểm và nhu cầu của thời kỳ mới trong lịch sử, thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, Lênin đã phát huy đến cao độ tinh thần đó. Lênin và chủ nghĩa Lênin đấu tranh không ngừng và không thỏa hiệp không những với tất cả mọi kẻ địch của giai cấp công nhân, mọi kẻ thù của cách mạng vô sản, mà đối với cả những xu hướng đầu hàng thỏa hiệp, với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cải lương.

Sau khi giai cấp tư sản lên nắm quyền, cái hố giữa giai cấp này với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ngày càng rộng thêm, sâu thêm. Mâu thuẫn giữa lao động và tư bản ngày càng ác liệt, không thể thỏa hiệp, hòa giải được. Sang thời kỳ đế quốc chủ nghĩa là thời kỳ tư bản lũng đoạn, mâu thuẫn đó không những không thể hòa giải được, mà nhất định đưa đến xung đột gắt gao, đưa đến bùng nổ, đưa đến những cuộc cách mạng. Cho nên thời kỳ đế quốc chủ nghĩa là cái ngày trước cuộc cách mạng vô sản.

Ở các thuộc địa, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và dân tộc bị áp bức ngày càng không thể nào hòa giải được. Nó không phải là mâu thuẫn đơn thuần giữa kẻ bóc lột sức lao động của người khác và kẻ bán sức lao động của mình mà là giữa chủ nô và người nô lệ hoàn toàn theo nghĩa đen của nó.

Ở ta, không nói đến thời kỳ chinh phục, mà chỉ nói từ đầu thế kỷ cho đến Cách mạng tháng Mười, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc Pháp và nhân dân ta biểu hiện ở một phong trào giải phóng dân tộc ngày càng mãnh liệt. Làm thế nào để đánh đổ bọn thực dân, chặt đứt xiềng xích nô lệ và giành độc lập cho dân tộc, đó là ý chí kiên cường, bất di bất dịch của nhân dân Việt Nam trong mấy mươi năm. Như đã nói, trong thời kỳ đó tuy cũng có xu hướng muốn "hợp tác" với chủ nghĩa đế quốc, nhưng tinh thần chung vẫn là đấu tranh cách mạng, và những xu hướng đó không hề làm lệch chí hướng chung của dân tộc.

Vì thời kỳ đế quốc chủ nghĩa là thời kỳ bùng nổ ra những cuộc cách mạng vô sản và những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, cho nên trong thời kỳ đó, có thể và tất nhiên phải tạo ra một sự liên minh chiến đấu giữa giai cấp vô sản và dân tộc bị áp bức, một mặt trận chung giữa cách mạng vô sản ở các nước tư bản và cách mạng thuộc địa chống kẻ thù chung.

Như vậy là tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân thuộc địa được khích lệ, cổ vũ và phát huy, và sự thắng lợi là chắc chắn.

Cách mạng tháng Mười Nga đã đánh đổ chế độ Nga hoàng và giai cấp tư sản, đồng thời đã giải phóng cho các dân tộc bị Nga hoàng áp bức. Nhân dân Việt Nam hưởng ứng nồng nhiệt và sâu sắc Cách mạng tháng Mười vì nó hoàn toàn đáp ứng được những truyền thống đấu tranh cách mạng của mình, nguyện vọng của mình và nó chỉ cho con đường đúng đắn đi đến giải phóng, con đường đó là sự liên minh giữa giai cấp công nhân ở chính quốc và dân tộc bị áp bức, Cách mạng tháng Mười Nga là sự thể hiện điển hình, xuất sắc và thắng lợi của liên minh chiến đấu đó.

Do đó mà chúng ta thấy vì sao trong thời kỳ sau chiến tranh, đế quốc Pháp hết sức vun trồng các xu hướng và các

phe phái quốc gia cải lương tại Việt Nam, nhưng không một xu hướng và phe phái nào đâm chồi mọc rễ được trong quần chúng nhân dân. Từ khi có Đảng mácxít - lêninnít của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng, cơ sở cho những xu hướng thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc lại càng mỏng manh. Đồng thời chúng ta cũng hiểu vì sao mà từ đó, Đảng mácxít - lêninnít của chúng ta ngày càng có uy tín trong quảng đại quần chúng nhân dân, luôn luôn nắm vững ngọn cờ lãnh đạo cách mạng, bởi vì Đảng là tiêu biểu hơn ai hết cho những truyền thống cao quý nhất của dân tộc. Và chúng ta cũng hiểu vì sao mà từ đó cho đến ngày nay, qua các phong trào và các cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo, tinh thần cách mạng của nhân dân ta ngày càng được phát huy và càng có tính sáng tạo phong phú.

c. Giải quyết vấn đề nông dân và công nông liên minh

Chủ nghĩa Lênin dạy rằng đồng minh đông đảo nhất, chắc chắn nhất và tự nhiên của giai cấp công nhân, là nông dân. Điều đó là tất nhiên. Nền sản xuất vật chất xã hội hiện nay gồm hai phần căn bản - công nghiệp và nông nghiệp. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai giai cấp lao động chính trong xã hội. Nhưng trừ vài nước tư bản chủ nghĩa cực kỳ phát triển, trong tuyệt đại đa số các nước, nông dân chiếm số đông.

Dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, thuộc địa luôn luôn là xứ nông nghiệp lạc hậu. Bọn thực dân xâm chiếm thuộc địa, trước hết là cướp ruộng đất của nông dân. Chính sách cướp ruộng đất của chúng có quy mô ngày càng lớn, ngày càng trắng trợn. Một mặt chúng phá hủy những quan hệ sở hữu ở nông thôn, nhưng lại không thay thế bằng những quan hệ mới, mà còn giữ lại và vun trồng những lề lối bóc lột tiền tư bản, những hủ tục có lợi cho sự duy trì nền thống trị của chúng ở thuộc địa. Do đó, chúng câu kết với bọn phong kiến bản xứ, với giai cấp địa chủ bản xứ, và dùng bọn này làm chỗ

dưa Cho nên ở thuộc địa, đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và hủy bỏ những tàn tích phong kiến là hai nhiệm vụ gắn chặt với nhau Đánh đổ bọn đế quốc mà không đồng thời đánh đổ bọn phong kiến thì cách mạng không thành công Không giải phóng cho nông dân thì không thể thật sự giải phóng cho dân tộc Cách mạng phản đế và phản phong là hai nhiệm vụ đi liền với nhau của cách mạng thuộc địa

Trong thời kỳ chinh phục và "bình định", thực dân Pháp và bọn phong kiến giúp thực dân trấn áp nhân dân ta, đã cướp hàng loạt ruộng đất của nông dân ở những vùng có phong trào chống lại chúng, và chúng ghép nông dân ở những vùng đó vào "tội làm giặc" Sang thời kỳ sau, khi việc cai trị của chúng bắt đầu ổn định, đồng thời cũng là thời kỳ bắt đầu "khai thác", thì chúng lại cướp đoạt ruộng đất của nông dân với một quy mô rộng lớn, trắng trợn, nhưng dưới nước sơn "pháp lý" Đồng thời chúng đặt ra cả một hệ thống thuế khóa mới, những khoản phu phen tạp dịch, mà gánh nặng chủ yếu là đổ lên đầu nông dân Thời kỳ này cũng là thời kỳ mà chúng thủ tiêu những mảnh quyền hành còn rớt lại của bọn vua quan phong kiến để bắt bọn này hoàn toàn biến thành công cụ dễ sai khiến Mặt khác, thực dân bố thí cho bọn này một ít lợi lộc để giúp chúng cướp ruộng đất và đục khoét nhân dân, để bảo đảm lòng trung thành với chúng

Trong cả thời kỳ đó, cuộc đấu tranh của nhân dân ta không những chĩa mũi dùi vào thực dân Pháp, mà cả vào bọn tay sai của chúng là bọn quan lại phong kiến bù nhìn và bọn hào lý Phong trào chống thuế năm 1908 ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ là biểu hiện điển hình của lòng phẫn nộ đó Nhà yêu nước Phan Chu Trinh và các nho sĩ yêu nước khác đã nghiêm khắc lên án tội vua quan hại dân hại nước của triều đình Huế

Những phong trào yêu nước, từ phong trào khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đến phong trào

chống thuế, những cuộc vận động và vũ trang bạo động rải rác đều dựa vào nông dân là chính. Nhưng chưa một tổ chức cách mạng nào, một nhân sĩ yêu nước nào đặt ra vấn đề nông dân, mà cũng chưa thể đặt ra được. Quan niệm về dân tộc, về dân chủ vẫn còn nằm trong khuôn khổ của những quan niệm cũ. Vấn đề nông dân là vấn đề mấu chốt, cho nên nếu không đặt ra và đề ra phương hướng giải quyết đúng đắn thì phong trào vẫn cứ loay hoay trong sự mò mẫm, đầy mâu thuẫn, và dù tinh thần chiến đấu rất cao, song những tổ chức đó khó lòng mà đương đầu với những trận tấn công ác liệt và dồn dập của địch. Cho nên trong thời kỳ đó, nếu một mặt cuộc đấu tranh liên tục chứng tỏ chí bất khuất của những tổ chức và những nhà cách mạng lúc đó, thì mặt khác sự diễn biến dưới nhiều hình thức - mà hình thức nào cũng bị địch dập tắt tương đối dễ và nhanh, không một phong trào nào có một sắc thái độc đáo, làm cơ sở cho sự phát triển lâu dài, liên tục của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng - điều đó chỉ cho người ta thấy rằng còn thiếu một cái gì, còn có một vấn đề căn bản nào đó chưa được giải quyết.

Sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi, Lênin ký sắc lệnh về ruộng đất. Thế là ở Nga, và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, *cách mạng xã hội chủ nghĩa đã giải quyết một cách triệt để vấn đề ruộng đất*, đã giải phóng cho nông dân.

Trong tất cả các nhân tố của Cách mạng tháng Mười đã tác động đến các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, có lẽ việc cách mạng giải quyết vấn đề ruộng đất là nhân tố đã tác động mạnh mẽ nhất, sâu sắc nhất đến hàng trăm triệu người. Nó có tác dụng như một chiếc thuyền đang chơi vơi trong đêm tối mịt mù trên biển cả, bỗng nhiên được một ngọn đèn pha từ xa tỏa ra một luồng ánh sáng, chỉ cho con thuyền thấy rõ như ban ngày đâu là bờ bến.

Động lực cách mạng nhất của Cách mạng tháng Mười đối

với phong trào giải phóng thuộc địa là ở chỗ đó, vì lần đầu tiên nó đã đem lại cho phong trào giải phóng thuộc địa một nhận thức rõ ràng, nó có tác dụng soi sáng toàn bộ vấn đề dân tộc và cách mạng thuộc địa

Đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, động lực đó to lớn như thế nào, điều đó rất dễ hiểu Một là, trước Cách mạng tháng Mười, phong trào đó dù dưới hình thức nào, do tổ chức yêu nước nào cầm đầu, dù có tổ chức hay tự phát, đều dựa vào nông dân, quần chúng lực vẫn là nông dân Hai là, phong trào diễn biến dưới nhiều hình thức, thay đổi nhau mau lẹ, hoặc xen lẫn với nhau, điều đó cũng nói lên tính tích cực của phong trào cố tìm ra một phương hướng, một đường lối đúng đắn Chưa tìm được một đường lối đúng đắn, chưa đặt ra được vấn đề then chốt, trước hết vì điều kiện khách quan của Việt Nam lúc đó, và cũng vì hoàn cảnh của phong trào cách mạng chung trên toàn thế giới, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc

Nhờ phong trào cách mạng trong nước đã chuẩn bị một số tiền đề như vậy, nên khi phong trào bước sang một giai đoạn mới với những điều kiện khách quan và chủ quan thích hợp, thì như cá gặp nước, sự tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười về mặt đó rất mau lẹ, đúng đắn và sâu sắc Điều đó giải thích vì sao từ đầu Đảng ta đã có một đường lối căn bản đúng, nó giải thích vì sao Đảng có một sức mạnh to lớn như vậy, và vì sao từ khi thành lập, Đảng trở nên lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng

Đúng như vậy Khi đã có Đảng của giai cấp ra đời và Đảng đã nắm vững được đường lối của cách mạng, đã tranh thủ được nông dân, thì quyền lãnh đạo của Đảng được đảm bảo, các đảng phái dân tộc chủ nghĩa không phải vô sản, khó lòng mà giành giật được quyền lãnh đạo đó Nhất là những đảng phái đó, về lập trường và chủ trương cách mạng, không đưa lại cái gì mới, mà chỉ là lặp lại những

cái cũ, không khác gì các tổ chức cách mang thời kỳ trước Chính ngay khi đã có Cách mang tháng Mười, đã có Liên Xô đã có Quốc tế Công sản, đã có kinh nghiêm của những nước thuộc đia hoặc nửa thuộc đia lớn như Trung Quốc, và trong nước cũng đã có những xu hướng công sản chủ nghĩa, những đáng như Việt Nam quốc dân đảng ra đời vào những năm 1925 - 1926 nhưng trong nước chưa có Đảng Công sản, cũng đã không gây được cơ sở vững chắc trong quần chúng nhân dân Bởi vì tuy giai cấp công nhân chưa có chính đảng chính thức của mình, nhưng do diễn biến của thời cuộc, mà thắng lơi của Cách mang tháng Mười là nhân tố quyết đinh, do cách mang giai phóng dân tộc ở thuộc đia nói chung đã chuyển sang giai đoan mới, cho nên ý thức của quần chúng cũng đã chuyển

Khi giai cấp công nhân đã có đảng của mình, và đã nắm được quyền lãnh đao cách mang, thì không những các đảng dân tộc chủ nghĩa càng khó lòng giành được quyền lãnh đao cách mang, mà còn bi phân hóa nhanh chóng Còn những bon quốc gia cải lương thì lai càng lô mặt là tay sai vô liêm sỉ của thực dân, càng bi quần chúng phỉ nhổ

Cách mang tháng Mười giải quyết đúng đắn, triệt để vấn đề nông dân, tức là tranh thủ được nông dân, tức là tao điều kiên cơ bản nhất cho cách mang thắng lơi, *đo là khối liên minh công nông*, nó là cơ sở của cách mang

Giai cấp công nhân Việt Nam một mặt là giai cấp công nhân ở một nước thuộc đia, mặt khác là giai cấp sinh sau đẻ muộn, số lương còn ít, chỉ chiếm vài ba phần trăm số dân Những đặc điểm đó có những chỗ không thuận lơi và những chỗ thuận lơi của nó Vì là giai cấp công nhân ở một nước thuộc đia lac hậu, cho nên về văn hóa thì bi thất hoc, về chính trị thì không được một chút quyền tư do dân chủ nào như quyền tổ chức lập hội, bãi công, v v là những quyền lơi mà công nhân ở các nước tư bản phát triển đã giành

được qua các giai đoan của một cuộc đấu tranh bền bỉ và lâu dài Về kinh tế và xã hội thì bị bóc lột cực kỳ dã man, hàng tháng lĩnh một số lương đủ để khỏi chết đói là may, mỗi ngày làm việc 12 14 giờ mà phải làm suốt cả năm, đau ốm không được nghỉ, lại thêm thường ngày bị chủ, cai đánh đập tàn nhẫn Là giai cấp công nhân sinh sau đẻ muộn (so với giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển) giai cấp công nhân Việt Nam hôm qua còn là nông dân hoặc tho thủ công, cho nên còn có nhiều quan hệ với nông thôn, với những phong tục cũ kỹ, cách sống và cách làm ăn tản man Công nhân về số lương thì ít, mà ở một nước thuộc địa như Việt Nam, những chỗ gọi là "trung tâm công nghiệp", những thành phố lớn tập trung các xí nghiệp đều không đáng kể Cho nên sư phân phối về công nhân rất không đều Trừ vài vùng và xí nghiệp như vùng mỏ than Hòn Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy dệt Nam Định, các nhà máy Trường Thi và Bến Thủy ở Vinh, sở Ba Son Sài Gòn và một số đồn điền cao su ra, ở đấy tập trung công nhân từ dăm ba nghìn đến vài van là nhiều nhất[1], còn thì rải rác mỗi nơi một ít

Đó là những chỗ bất lơi nếu nhìn nhân giai cấp công nhân Việt Nam theo những tiêu chuân kinh điển của giai cấp công nhân ở một nước tư bản chủ nghĩa phát triển Song, đứng về hoàn cảnh Việt Nam mà nói, (và những thuộc địa có những điểm tương tư như Việt Nam) thì trong hoàn cảnh cuộc đấu tranh cách mang phát triển manh, những điều bất lợi đó không có tác dung quyết đinh đối với sư nâng cao nhanh chóng giác ngộ chính trị, phát huy tính tích cực cách mang, khả năng sáng tao và khả năng lãnh đao quần chúng Bởi vì bên cạnh những chỗ bất lợi đó thì trong tình hình của giai cấp công nhân Việt Nam cũng có những điểm thuân lơi cho phong trào giải phóng dân tộc

1 Chỉ có mỏ than Hòn Gai mới có tới hàng van công nhân

Những điểm thuận lợi đó là ở chỗ nào? Một là, trước hết dân tộc Việt Nam có những truyền thống yêu nước và cách mạng lâu đời và anh dũng. Giai cấp công nhân Việt Nam, bộ phận tiên tiến nhất của dân tộc, rất dễ tiếp thu những truyền thống đó, là kẻ bảo vệ và phát triển chắc chắn nhất những truyền thống đó.

Hai là, giai cấp công nhân Việt Nam, về đại đa số trực tiếp bị bọn chủ Pháp bóc lột, nên họ dễ dàng trông thấy bộ mặt của chủ nghĩa thực dân. Do đó mà ở họ, lòng căm thù đối với bọn bóc lột dã man và đối với quân cướp nước áp bức dân tộc, kết hợp rất khăng khít.

Ba là, công nhân Việt Nam phần đông xuất thân từ nông dân, là những người mới ngày nào đây bị thực dân hoặc bọn địa chủ phong kiến có thế lực dựa vào thực dân cướp mất mảnh đất, khiến họ phải tan cửa nát nhà, đi lang thang kiếm kế sinh nhai. Như vậy là kẻ đã cướp đất của họ và kẻ hiện đang bóc lột họ tận xương tủy chỉ là một. Lòng căm thù của họ đối với chúng càng mạnh mẽ và sâu sắc. Và cũng vì vậy mà họ hoàn toàn thông cảm với nông dân.

Bốn là, vì là công nhân của một nước thuộc địa, cho nên trong hàng ngũ của họ không có lớp công nhân quý tộc như ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, để cho giai cấp tư sản dùng làm chỗ dựa đặng chia rẽ phong trào công nhân, rao rắc tư tưởng thỏa hiệp và cải lương. Họ không có hàng trăm năm truyền thống hoạt động như công nhân các nước châu Âu, nhưng cũng vì vậy mà họ tránh được cái nạn có lúc bị chủ nghĩa cơ hội chi phối. Khi đã thành giai cấp "tự mình", thì giai cấp công nhân Việt Nam chỉ tiếp thu có một thế giới quan, đó là *thế giới quan cách mạng mácxít - lêninnít*. Cho nên sự chuyển biến của giai cấp công nhân Việt Nam từ giai cấp "tự mình" sang giai cấp "cho mình" rất mau lẹ, thậm chí có thể nói, khi giai cấp công nhân Việt Nam trở thành giai cấp "tự mình" thì cũng thành giai cấp

"cho mình" nữa, trở thành "một cậu bé khổng lồ", như một nhân vật nước ngoài của phong trào công nhân quốc tế cách đây hơn ba mươi năm đã đánh giá

Năm là, tuy số lương ít, lại phân tán, nhưng ở những chỗ nào đã tập trung công nhân thì lại rất tập trung (vùng mỏ, đồn điền cao su, v v) làm việc ở đấy, ăn ở, sống chết ngay tại đấy, cho nên ngoài khả năng tổ chức do quá trình sản xuất tạo nên, họ còn tự bồi dưỡng được một lòng căm thù sâu sắc đối với chế đô bóc lột và áp bức thuộc địa, bởi vì những chỗ đó cũng là những chỗ tập trung tất cả những cái tàn nhẫn, dã man nhất, phổ biến và có hệ thống của chế đô thuộc địa Hoàn cảnh tập trung công nhân ấy còn rèn luyện cho họ một đức tính nữa, đức tính này có ngay trong bản chất của những người vô sản, đó là *tinh thần đoàn kết, tình yêu đối với giai cấp*

Sáu là, vì số lương ít, cho nên giai cấp công nhân Việt Nam tất nhiên cảm thấy mình phải có kẻ đồng minh, phải có bạn chiến đấu, mà người bạn này phải đông đúc, và phải có những khả năng cách mạng dồi dào Trong khi cảm thấy sự cần thiết phải có bạn đồng minh, giai cấp công nhân Việt Nam không phải chỉ xuất phát từ ý thức về số lương ít ỏi của mình mà còn xuất phát từ ý thức về *khả năng tập hợp xung quanh mình* một đồng minh đông đảo, và lại xuất phát cả từ sự nhận định về *khả năng của bạn đồng minh chịu sự tập hợp đó*

Đối với một giai cấp công nhân như vậy thì chỉ có một giai cấp có đủ điều kiện để sẵn sàng trở thành bạn đồng minh, đó là giai cấp nông dân Việt Nam

Tình hình nông dân Việt Nam từ sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhất là sau chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào, chúng ta đều rõ, các sách báo của ta miêu tả tình hình đó cũng nhiều Từ khi thực dân Pháp xâm lược đất nước ta, nông dân Việt Nam đã đấu tranh chống thực dân và

bè lũ tay sai là bọn quan lại, cường hào, địa chủ phong kiến như thế nào, chúng ta cũng đã biết. Nhưng có những điểm này cần chú ý.

Một là, từ trước đây họ chưa bao giờ có tổ chức, mà họ chưa có tổ chức là vì trước đó, họ chưa hề chịu ảnh hưởng của một chính đảng, một giai cấp nào khác. Đành rằng các phong trào chống thực dân Pháp và bọn vua quan phong kiến trong thời kỳ trước, các tổ chức yêu nước hồi đó bao giờ cũng dựa vào sức của nông dân là chính, nhưng khi phong trào nổi lên, nông dân tích cực hưởng ứng và đấu tranh quyết liệt là do họ không chịu nổi ách áp bức và bóc lột, và do họ có một tinh thần yêu nước cao độ, chứ không phải là do được tập hợp, động viên, hướng dẫn bởi một tổ chức của họ và cho họ, và công tác thường xuyên trong hàng ngũ họ, ảnh hưởng đến họ một cách có hệ thống về chính trị và tư tưởng.

Hai là, và điều này cũng là lẽ tất nhiên, chưa một đảng phái nào, một giai cấp nào đặt ra và tìm cách giải quyết vấn đề nông dân.

Do những đặc điểm như vậy, cho nên khi có một giai cấp công nhân như giai cấp công nhân Việt Nam xuất hiện và giơ bàn tay ra để bắt tay người nông dân, thì người nông dân thấy ở người công nhân không phải chỉ là người bạn, mà là người anh em ruột thịt, cũng như người công nhân Việt Nam đã nhận thấy người nông dân là anh em ruột thịt.

Cách mạng tháng Mười đã đưa lại cho hai giai cấp chính của xã hội Việt Nam, hai giai cấp gồm tuyệt đại đa số nhân dân, nhận thức được rằng, cách mạng thắng lợi được là nhờ dựa trên cơ sở của sự liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

Tất cả quá trình phát triển của xã hội Việt Nam và của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã chuẩn bị những điều kiện cơ bản nhất để cho giai cấp công nhân và giai cấp

nông dân Việt Nam tiếp thu một cách mau le và thấm thia bài hoc chính trị vĩ đai đó

Vì vậy Đảng Công sản, là đáng của giai cấp công nhân Việt Nam, khi mới ra đời đã tranh thủ ngay được nông dân và đã xây dưng được cơ sở của cách mang, tức là khối liên minh công nông Có cơ sở đó, phong trào cách mang ngày môt phát triển mạnh, thắng lơi của cách mang được bảo đảm, quyền lãnh đao của giai cấp công nhân đối với cách mang là nhân tố quyết đinh, không lung lay. Ba mươi hai năm từ khi Đảng thành lập, từ phong trào cách mang vĩ đai 1930 - 1931 cho đến giai đoan cách mang xã hôi chú nghĩa hiên nay ở miền Bắc và cuôc đấu tranh của nhân dân miền Nam để hoàn thành cách mang dân tôc dân chủ và thống nhất Tổ quốc, là cả môt quá trình xây dưng, củng cố và tăng cường khối liên minh công nông theo tinh thần của Lênin, theo tinh thần của Cách mang tháng Mười

4. Mặt trận Dân tộc Thống nhất

Cách mạng tháng Mười là cách mang vô sản, cách mang xã hội chủ nghĩa. Nhưng nó lai có tính chất toàn dân. Trừ Nga hoàng, bon quý tôc, các tướng soái, bon đia chủ và bô phân phản đông của giai cấp tư sản đứng về phe phản cách mạng, còn thì đai đa số nhân dân đều tham gia cách mang, hoặc có cảm tình với cách mang Chế đô Nga hoàng là thành trì phản động cả ở châu Âu lẫn châu Á, hồi đó nó là tên sen đầm của các dân tôc, chỗ dưa của chủ nghĩa đế quốc phương Tây trong chính sách đối nôi cũng như đối ngoại rất phản động. Chế đô Nga hoàng là nơi nghet thở của mọi người, là nhà tù của các dân tôc. Cho nên hầu hết các tầng lớp, tất cả các dân tôc bi nó áp bức đều căm thù nó, và không mong gì hơn là đánh đổ nó.

Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Nga đứng về phía các cường quốc đồng minh (Pháp - Anh), trong cuôc chiến tranh đó, quân đôi Nga bi thiệt hai nặng hơn hết về

số thương vong, đã phải dỡ lấy những đòn chính của những cuộc tấn công ác liệt của chủ nghĩa đế quốc Đức Nhân dân Nga còn nhớ và chưa tha thứ cho Nga hoàng cái quốc nhục do thất bại trong chiến tranh Nga - Nhật hồi 1904 - 1905 gây nên. Cho nên nhân dân Nga rất chán ghét chiến tranh, chỉ mong muốn hòa bình Vì vậy mà chính phủ tư sản thành lập sau hồi tháng hai khi nền quân chủ đã bị đánh đổ, khi chủ trương "tiếp tục chiến tranh đến thắng lợi", đã bị quần chúng oán ghét, số đông nhân dân Nga hồi đó là nông dân bị ách phong kiến áp bức từ lâu đời mong mỏi sau khi Nga hoàng và bọn quý tộc địa chủ bị đánh đổ họ sẽ được ruộng đất Nhưng chính phủ của bọn xã hội - cách mạng không thỏa mãn yêu cầu đó của nông dân, chúng nói rằng họ phải đợi triệu tập Hội nghị lập hiến đã, hơn nữa chúng lại còn chủ trương tiếp tục chiến tranh nên đã bị nông dân căm ghét

Chỉ có Lênin và Đảng Bônsêvích mới có thể thỏa mãn được hai yêu cầu thiết thân nhất của tối đại đa số nhân dân Nga lúc đó là hòa bình và ruộng đất, cho nên đã tranh thủ được toàn thể nhân dân lao động Nga về phía cách mạng

Lênin và Đảng Bônsêvích giải quyết vấn đề dân tộc một cách đúng đắn, tuyên bố các dân tộc có quyền tự quyết và độc lập, hủy bỏ tất cả những đặc quyền của chính phủ Nga hoàng ở Trung Quốc, v v cho nên đã được các dân tộc trước kia bị Nga hoàng áp bức nhiệt liệt hưởng ứng

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười là kết quả của sự liên minh rộng rãi tất cả các lực lượng dân chủ của nước Nga hồi đó, giữa nhân dân Nga và tất cả các dân tộc bị đế quốc Nga hoàng cũ áp bức, mà sự liên minh đó là dựa trên khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân Nga

Lênin đã dạy rằng, cần phân hóa và cô lập kẻ địch được nhiều chừng nào hay chừng nấy, phải tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ được mặc dầu kẻ đồng minh đó là tạm thời, là không chắc chắn

Việt Nam, một nước thuộc địa, có đủ điều kiện thuận lợi để tiếp thu lời giáo huấn của Lênin và những bài học của Cách mạng tháng Mười về phương diện đó.

Tại hoa bị chủ nghĩa đế quốc thống trị đè nặng lên toàn thể dân tộc. Như Hồ Chủ tịch đã dạy, dân mất nước thì dù làm gì cũng chỉ là làm nô lệ. Cho nên ở Việt Nam, truyền thống yêu nước là một truyền thống ăn sâu vào tất cả các tầng lớp nhân dân. Trừ bọn phong kiến, đại địa chủ, một nhúm trí thức vong bản lớp trên và một thiểu số tư sản mại bản kếch sù làm tay sai cho địch không kể, còn tất cả đều có tinh thần yêu nước, đều căm thù chủ nghĩa thực dân, nhiều hoặc ít mong cho dân tộc được độc lập. Tuyệt đại đa số nhân dân đều không ưa gì bọn địa chủ phong kiến, đều mong được hưởng tự do dân chủ.

Thậm chí trong các tầng lớp quan lại, địa chủ, khi sự áp bức của thực dân càng gắt gao, và khi gặp hoàn cảnh có chiến tranh chẳng hạn, cũng có sự phân hóa, và một bộ phận, nhất là tầng lớp dưới, đã đi theo cách mạng, hoặc có cảm tình và ủng hộ cách mạng, có con em trong hàng ngũ cán bộ cách mạng.

Trong thực tế của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Mười và trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, những khả năng về phương diện đó rất dồi dào. Nhưng nó chỉ được thực hiện một cách tự phát. Chưa một cuộc vận động nào, chưa một tổ chức cách mạng nào có một khái niệm về mặt trận dân tộc thống nhất theo ý nghĩa khoa học như học thuyết Lênin đề ra, và lại luôn luôn bị hạn chế ở những khẩu hiệu trừu tượng như: "quốc dân đồng bào phải đồng tâm". Tuy vậy, đó cũng là một xu hướng tiến tới một mặt trận dân tộc thống nhất. Chưa một cuộc vận động nào đặt ra và chưa thể đặt ra được vấn đề một cách rõ ràng, chính xác, vì đường lối của cách mạng cũng chưa được quan niệm rõ ràng, và chưa thấy rõ đường lối thì tất nhiên chưa

thể có được quan niệm về động lực của cách mạng và về cơ sở của cách mạng, tức là khối liên minh công nông, nòng cốt của sự đoàn kết toàn dân, của mặt trận dân tộc thống nhất

Từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời và lãnh đạo phong trào cách mạng ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của nó, đồng thời với việc xây dựng và củng cố khối liên minh công nông, Đảng không ngừng lo xây dựng, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

Từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng, mặc dầu luôn luôn giữ địa vị độc tôn lãnh đạo cách mạng, nhưng Đảng không đi chệch đường lối lêninnít trong việc thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Cũng có từng lúc, từng nơi, trong một số cán bộ nào đó, về quan niệm và chủ trương, có những biểu hiện của tư tưởng cô độc, hẹp hòi. Ví dụ như trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, lẻ tẻ có chủ trương không đúng về "trí, phú, địa, hào" chẳng hạn. Cả về sau nữa, không phải bệnh cô độc đó đã hoàn toàn hết hẳn. Nhưng, nói chung trong toàn Đảng, đường lối về sự cần thiết tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân dưới lá cờ của cách mạng là đúng, và đã có những nét độc đáo, một tính sáng tạo kỳ diệu. Ngay cả những năm 1930 - 1931, và trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, là lúc mà bệnh ấu trĩ còn nặng về nhiều mặt, tuy thế sự tham gia của những tầng lớp đông đảo vào phong trào, kể cả những đại diện của các tầng lớp trên, là một sự kiện có trong thực tế. Sự việc đó có được, là vì lúc đó Đảng đã chủ trương thành lập những tổ chức thu hút rộng rãi quần chúng của tất cả các tầng lớp, như Hội đồng minh phản đế.

Từ phong trào Mặt trận Dân chủ 1936 - 1939, Đảng lại càng tích cực tranh thủ các tầng lớp rộng rãi, không những trong nhân dân Việt Nam, mà cả một số trí thức và công chức Pháp ít nhiều có xu hướng dân chủ và chống phát xít. Đặc biệt là trong chiến tranh thế giới thứ hai, trong thời kỳ

quân Nhật chiếm đóng, lúc mà nhân dân Việt Nam chịu sự áp bức và bóc lột vô cùng nặng nề của cả thực dân Pháp và phát xít Nhật, Đảng đã thành lập được một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chưa từng có trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc không những ở Việt Nam mà cả ở bất kỳ một thuộc địa nào Đó là *Mặt trận Việt minh* thành lập năm 1941 Thành công đó là một trong những nhân tố đã đưa Cách mạng tháng Tám đến thắng lợi huy hoàng

Rồi từ đó bước sang giai đoạn kháng chiến, mặt trận dân tộc thống nhất về nội dung và hình thức có thay đổi nhưng để thích hợp với nhu cầu củng cố, phát triển và mở rộng của nó thể theo tình hình mới

Ở Việt Nam có đặc điểm này· từ sau khi hòa bình lập lại, và khi miền Bắc Việt Nam bước sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, mặt trận dân tộc thống nhất, tuy về nội dung và hình thức có khác trước, nhưng *không những không bị thu hẹp, mà vẫn giữ được tính chất rộng rãi của nó*, vẫn bao gồm các tầng lớp, các xu hướng chính trị, các tôn giáo, các thân sĩ yêu nước

Trong cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ chống Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam đang phát huy một cách sáng tạo những truyền thống tốt đẹp của dân tộc về tinh thần toàn dân đoàn kết, trong những điều kiện mới và phức tạp của một nửa đất nước bị cột vào xiềng xích của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ và chế độ độc tài phát xít khát máu của tập đoàn họ Ngô *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam*, Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam là mẫu mực của tinh thần sáng tạo đó

Trong khi tiến hành đấu tranh cách mạng, phân hóa và cô lập triệt để kẻ thù, và cố gắng tập hợp được càng đông đảo quần chúng, càng tranh thủ được nhiều bạn đồng minh càng tốt, những người công sản Việt Nam đã áp dụng đúng đắn những nguyên lý sách lược quan trọng đó của học thuyết

Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam, dựa vào hai nhân tố một là tinh thần yêu nước cao độ và sâu sắc của nhân dân Việt Nam, ý chí bất khuất, nó là một truyền thống lâu đời và vẻ vang của dân tộc, hai là, tính linh hoạt và khéo léo, mềm dẻo của chính sách của Đảng trong những hoàn cảnh mới, phức tạp và gay go

5. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng Mácxít - Lêninnít của giai cấp công nhân

Trong tất cả những bài học của Cách mạng tháng Mười, bài học có tính chất quyết định hơn hết là bài học về sự lãnh đạo cách mạng Ai, giai cấp nào, chính đảng nào lãnh đạo cách mạng thì cách mạng mới thắng lợi, và vì sao thắng lợi?

Sự chuyển biến từ một phương thức sản xuất này sang một phương thức sản xuất mới, cao hơn, được thực hiện bằng những cuộc cách mạng Trong những cuộc cách mạng có tính chất thay đổi chế độ xã hội như vậy (gọi là cách mạng xã hội) thì phải có một giai cấp tiên tiến cầm đầu Là giai cấp tiên tiến bởi vì phải tiến bộ hơn giai cấp cầm quyền trong xã hội cũ, và tiên tiến là vì tiêu biểu cho những quan hệ sản xuất cao hơn, cho một phương thức sản xuất cao hơn

Sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tạo nên những tiền đề cho một phương thức sản xuất cao hơn lên thay thế nó, đó là phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa Đồng thời nó cũng đã đẻ ra một giai cấp tiên tiến tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến đó, giai cấp sẽ đánh đổ giai cấp tư sản, sẽ đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản, và xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Giai cấp tiên tiến đó là giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo sự chuyển biến từ chế độ tư bản chủ nghĩa sang chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa (hay là cách mạng vô sản cũng vậy)

Cách mang xã hôi chú nghĩa là môt cuôc cách mang toàn diên, sâu sắc, triêt để Nó nhằm muc đích giái phóng hoàn toàn không phải chỉ cho giai cấp vô sản mà thôi, mà cho toàn thế xã hôi, cho tất cả nhân loai Cuôc cách mang đó nhằm đưa con người lên làm chủ vân mênh của mình, làm chủ vũ tru Nó nhằm đưa con người, như Ăngghen nói, "từ cõi bức thiết vào cõi tư do" Cho nên, làm cuôc cách mạng như vây đòi hói phải có môt thế giới quan và môt nhân sinh quan khoa học, cách mang, môt sư giác ngô cao đô, môt ý chí và môt quyết tâm sắt đá, môt tổ chức chăt chẽ và môt kỷ luật nghiêm minh Nó đòi hói môt sư nhất trí kiên cường của giai cấp công nhân về tư tưởng, tổ chức và hành đông Phải có môt tổ chức chính tri của giai cấp công nhân gồm những đai diện giác ngô nhất, ưu tú nhất của giai cấp công nhân, có ý thức về sứ mênh lich sử của giai cấp và về những lơi ích bao quát, lâu đài của giai cấp, và quyết tâm phấn đấu cho những lợi ích đó. Tổ chức chính tri ấy phải là đôi tiền phong của giai cấp công nhân Chỉ có môt Đảng kiểu mới, Đảng mácxít - lênninnít mới có thể làm tròn đươc nhiêm vu của đôi tiền phong đó.

Vì vây, sư lãnh đao của Đáng là nhân tố quyết đinh thắng lơi của cách mang

Từ khi chủ nghĩa Lênin ra đời, nó đã phát triển hoc thuyết Mác đến một trình đô cao hơn về lý luận và thực tiễn của cách mang vô sản, và lai là thời kỳ giai cấp vô sản tấn công trực tiếp chủ nghĩa tư bán, thời kỳ cách mang vô sản bùng nổ, đồng thời cũng là thời kỳ Lênin phấn đấu để xây dựng đảng kiểu mới đó Đảng đã lãnh đao Cách mạng Nga 1905. Cách mang tuy không thành công nhưng nó đã có tác dung to lớn và sâu sắc đối với sư phát triển về sau của phong trào cách mang ở Nga, đối với thắng lơi của Cách mang tháng Mười 1917. Cách mạng 1905 là cuộc tổng diễn tập của Cách mang tháng Mười.

Nhờ Đảng đã rút ra được những bài học căn bản và quý báu của Cách mạng 1905 về lãnh đạo quần chúng, về tranh thủ đồng minh và cô lập kẻ thù, về bố trí lực lượng, về khởi nghĩa vũ trang, v v... nhờ có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt và nhờ nắm vững thời cơ, cho nên Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga làm Cách mạng tháng Mười. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử đã thắng lợi huy hoàng. Cách mạng đã chấn động cả thế giới. Một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người mở đầu.

Tất cả những người thiết tha với sự nghiệp cách mạng, những người cảm thấy chỉ có cách mạng mới đưa lại một sự thay đổi căn bản trong kiếp lầm than của mình, mới chấm dứt được những đau khổ của mình, những người đó ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Phi, là những người vô sản hay những người nghèo khổ, những người không thấy lối thoát trong đời sống đen tối của mình, hay những người mà nhân phẩm và thể thống của dân tộc đang bị chà đạp dưới ách của chủ nghĩa thực dân, đều thấy rõ rằng Cách mạng tháng Mười thắng lợi là nhờ có Lênin, mà Lênin là người lãnh đạo một đảng, đó là Đảng *Bônsêvích, Đảng Cộng sản*.

Sấm sét của Cách mạng tháng Mười đối với giai cấp tư sản toàn thế giới là một đòn "bất ngờ". Chúng không ngờ rằng cách mạng thắng lợi nhanh chóng như vậy, có một hiệu lực sâu sắc và phổ biến như vậy, vì theo chúng quan niệm, nó không theo những phương hướng và biện pháp thông thường, "kinh điển" của những sự thay đổi trong đời sống xã hội từ trước đến nay.

Và từ đó, với sự trợ thủ của cánh hữu của các Đảng Xã hội và Xã hội - dân chủ, chúng mở một cuộc tấn công điên rồ thù tính vào cách mạng về hai mặt: tư tưởng và quân sự. Chúng vu khống, bôi nhọ, bịa đặt ra những cái gọi là "dã man", "tội ác" của Cách mạng tháng Mười, tiên đoán rằng Cách mạng tháng Mười thế nào cũng sẽ thất bại thảm hại

Mặt khác, chúng xúi giục và viện trợ cho bọn tướng soái phản động của Nga hoàng, bọn bạch vệ, bọn quý tộc, địa chủ và tư sản Nga nổi lên khắp nơi dùng vũ trang chống lại cách mạng để rồi đi tới vũ trang can thiệp trực tiếp, trắng trợn từ bốn phía, có mười bốn nước tư bản chủ nghĩa tham gia

Cả thế giới cũ, chủ nghĩa đế quốc thế giới đã lao mình vào để dập tắt ngọn lửa thiêng liêng từ nước Nga tỏa ra khắp năm châu

Nhưng không phải Cách mạng tháng Mười mà chính bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng đã thất bại thảm hại Chúng thất bại, và Cách mạng tháng Mười thắng lợi, một là, vì Cách mạng tháng Mười là chính nghĩa, còn bọn đế quốc là phi nghĩa. Hai là, vì bảo vệ cho chính nghĩa, cho nên giai cấp công nhân Nga, nhân dân Nga, và Hồng quân Nga có đủ dũng cảm, sức mạnh và tinh thần sáng tạo để đè bẹp kẻ thù Ba là, chính nghĩa mà Cách mạng tháng Mười Nga là tượng trưng, là chính nghĩa phổ biến, nó đáp ứng được những ước ao thiết tha nhất của loài người, vì nó là chân lý của thời đại, lần đầu tiên nó chiếu sáng một cách rực rỡ trên khắp địa cầu, có một sức hấp dẫn kỳ diệu, cho nên được sự ủng hộ của toàn thể loài người tiến bộ

Từ chỗ được hấp thụ bởi ánh sáng của Cách mạng tháng Mười, chào mừng cách mạng với một trái tim tràn ngập lòng tin tưởng và niềm hy vọng, giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới đã đi tới khám phá ra cái bí quyết của thắng lợi của cách mạng, đi tới nguyên nhân quyết định thắng lợi đó, đi tới nhận thức về Đảng cách mạng *kiểu mới* của giai cấp công nhân.

Từ đầu thế kỷ cho đến Cách mạng tháng Mười, cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong đại bộ phận là do các tổ chức cách mạng, các đoàn thể yêu nước cầm đầu Có tổ chức thì hoàn toàn bí mật, gồm một số rất ít người, theo lối các "hội kín" của thời kỳ trước, với một kế hoạch hành động nhất

đinh, và bằng những biên pháp đặc biệt, có tổ chức thì hoặc công khai hoặc nửa công khai, mượn màu sắc văn hóa, kinh tế, có tổ chức ít nhiều đã có tính chất của một đảng phái chính trị Nhưng dù dưới hình thức nào, các tổ chức đó cũng nói lên được một điều là, những nhà yêu nước thời đó đã cảm thấy rằng cuộc đấu tranh cách mạng muốn có kết quả thì phải có tổ chức, phải có bộ tham mưu Nhưng cái tổ chức đó phải như thế nào mới tập hợp được quần chúng, theo đuổi những mục đích gì, hoạt động ra sao, dựa vào ai, v v thì những nhà yêu nước lúc đó chưa nhận thức được những vấn đề đó một cách cụ thể, có hệ thống Cho nên những tổ chức của họ hợp rồi lại tan, tan rồi lại hợp, bởi vì nó thiếu cơ sở quần chúng Ở một nước nông nghiệp, nông dân là quân chủ lực của cách mạng, sự có mặt của một chính đảng đại diện cho một giai cấp tiền phong để lãnh đạo cách mạng là một nhu cầu cấp thiết, vì bản thân nông dân không đảm nhiệm được vai trò lãnh đạo đối với cách mạng

Nhưng trong thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ nhất, nhất là những năm đầu của thế kỷ XX, ở Việt Nam, giai cấp tư sản chưa hình thành Còn giai cấp công nhân cũng chỉ mới bắt đầu thành hình, số lương còn quá ít, còn phân tán, và nếu đã có những cuộc đấu tranh thì nó còn có tính chất tự phát, chưa phải đã có một ý thức giai cấp rõ rệt

Do đó mà những tổ chức yêu nước thời đó, một mặt có vẻ phong phú về hình thức, nhưng mặt khác cũng nói lên sự thiếu sót chung, đó là thiếu một cơ sở giai cấp chắc chắn Cho nên trong thời kỳ tới một chính đảng nào ra đời, phải là *một chính đảng có một cơ sở giai cấp, đại diện chân chính cho một giai cấp tiên phong*, thì mới có thể tồn tại và phát triển, vì có một chính đảng như vậy thì mới lãnh đạo được cuộc đấu tranh bền bỉ, liên tục và anh dũng của một dân tộc bất khuất

Thời kỳ trước Cách mạng tháng Mười là thời kỳ mà phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đi tìm đường lối Việc đi

tìm đường lối và sự xuất hiện chính đảng để thực hiện đường lối của cách mạng là hai sự việc gắn liền với nhau Trong thời kỳ đó, nếu đường lối chưa tìm ra, thì một chính đảng có đủ tiêu chuẩn và khả năng để lãnh đạo cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi cũng chưa thể xuất hiện được. Đầu thế kỷ này, chủ nghĩa bônsêvích ra đời như là đường lối của cách mạng vô sản. Đồng thời cũng xuất hiện Đảng của Lênin, Đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp vô sản

Giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam nhận thức được đường lối của cách mạng, đồng thời cũng nhận thức được yêu cầu phải có một chính đảng kiểu mới để lãnh đạo cách mạng. Điều này đặc biệt quan trọng, vì nó mở đường cho sự xuất hiện sau này ở Việt Nam một chính đảng kiểu mới, Đảng Công sản, và làm cho Đảng ngay từ đầu đã có một đường lối đúng và đã thực hiện được quyền lãnh đạo đối với cách mạng Việt Nam một cách bền bỉ, dũng cảm và sáng tạo.

II. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ VIỆT NAM

1. Sự giác ngộ của giai cấp công nhân Việt Nam

Thường thường người ta quan niệm rằng ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với Việt Nam chậm hơn đối với các nước khác Người ta lấy cớ rằng trong khi ở nhiều nước thuộc địa và nửa thuộc địa lớn (Triều Tiên, Inđônêxia, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, v.v ..), Đảng Công sản thành lập ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công và sau khi Quốc tế Công sản ra đời không bao lâu, còn ở Việt Nam, Đảng Công sản ra đời muộn hơn Pháp là nước mà trong thời kỳ thuộc Pháp, Việt Nam có nhiều quan hệ hơn hết, và Trung Quốc là nước gần ta nhất và chịu ảnh hưởng sâu nhất, Đảng Công sản cũng đã được thành lập đến hàng mười năm rồi Đảng Công sản Đông Dương mới ra đời

Cố nhiên, một trong những biểu hiện cao nhất của ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với các nước là sự thành lập Đảng Cộng sản ở các nước đó. Song không nhất thiết hễ thấy chỗ nào chưa có Đảng Cộng sản ra đời ngay sau Cách mạng tháng Mười, thì cho rằng ở đấy ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười lan tới chậm. Tuy việc thành lập Đảng Cộng sản là mặt chủ yếu, rất quan trọng của ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, nhưng cũng phải nhìn vào nhiều mặt khác nữa. Cũng có những nước ở đấy Đảng Cộng sản thành lập khá sớm, nhưng vì điều kiện này hoặc vì điều kiện khác, Đảng chưa đủ tính chiến đấu cho nên sau khi thành lập một thời gian lâu rồi, vẫn chưa đẩy được phong trào cách mạng lên tới mức cần thiết, ảnh hưởng của Đảng chưa ăn sâu vào quần chúng. Cũng có những nước thì ngược lại, tuy Đảng Cộng sản ra đời tương đối muộn, muộn hơn nhiều nước, nhưng lại có một tính chiến đấu cao, và sau khi Đảng thành lập, phong trào cách mạng ngày một lên cao và lan rộng, ảnh hưởng của Đảng phát triển rất nhanh. Trong số các nước này, Việt Nam là một.

Bây giờ ta hãy xem ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với Việt Nam cụ thể có từ bao giờ, biểu hiện ở chỗ nào và sang ta bằng những con đường nào.

Như trên đã nói, trong khi các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu can thiệp bằng vũ trang vào nước Nga năm 1918, hòng bóp chết Cách mạng tháng Mười, thì một phong trào ủng hộ Cách mạng Nga và phản đối sự can thiệp của các nước tư bản chủ nghĩa đã lan ra trong công nhân và nhân dân các nước tư bản. Thủy thủ Pháp khởi nghĩa đã nêu lên gương chiến đấu anh dũng chống can thiệp, trong cuộc khởi nghĩa đó có đại diện công nhân Việt Nam tham gia là cụ Tôn Đức Thắng. Đó là một việc vẻ vang cho giai cấp công nhân Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam.

Nhưng, chúng ta cũng cần biết vì sao trong cuộc đấu tranh đó có đại diện của giai cấp công nhân ta tham gia

Trong thời kỳ toàn quyền Đume cầm quyền (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam), đế quốc Pháp sau khi "bình định" nghĩa là dùng vũ lực trấn áp phong trào Cần vương, liền bắt đầu gây cơ sở để vơ vét tài nguyên trong nước theo kế hoạch của Đume Công nhân các ngành như đường sắt, kiến thiết, mỏ, điện khí, một số xưởng công nghiệp nhẹ, xuất hiện và tăng dần lên ở các thành phố lớn và các vùng mỏ, các vùng giao thông Vào đầu thế kỷ XX, thực dân mở những trường công nghiệp thực hành sơ cấp ở Hà Nội, Huế Sài Gòn để đào tạo công nhân lành nghề

Những lớp công nhân đầu tiên đó, tuy số lượng còn ít, nhưng phần nhiều họ là những nông dân bị mất đất và phá sản vì đất của họ bị thực dân chiếm đoạt làm đồn điền, làm ấp của bọn côlông Pháp, của Nhà chung, của những tên quan lại bản xứ giúp chúng trong công việc "bình định", trong việc trấn áp phong trào Trương Đình, Tán Thuật, Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Đề Thám, v v

Mất đất, một số trong những nông dân đó phải đi làm phu mỏ, phu đồn điền, làm các đường giao thông, các công xưởng Ở mỏ, ở đồn điền, nhà máy hay công trường, họ biến thành những người nô lệ lĩnh một số tiền công không làm cho họ chết đói là may lắm Còn những quyền lợi này quyền lợi nọ, như tổ chức, hội họp, bảo hiểm xã hội, phụ cấp tai nạn lao động, ngày làm việc 8 giờ, v v mà công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa nhờ đấu tranh bền bỉ nên phe chủ và Chính phủ tư sản phải công nhân thi hành từ lâu, thì ở thuộc địa nói chung, và trong thời kỳ đó nói riêng, công nhân Việt Nam làm gì mà biết đến. Ở các đồn điền cao su, mỏ than Hòn Gai, quyền sinh sát đối với công nhân nằm trong tay bọn chủ, chúng lập tòa án, nhà lao, pháp luật riêng để cai trị công nhân mà không cần qua bộ máy chính quyền thông thường của thực dân

Như vậy là những người nông dân Việt Nam đã *bị mất*

đất về tay thực dân và xa quê hương làng mạc, *phải vào làm phu, làm công trong các đồn điền, xí nghiệp, công trường của thực dân*, qua khỏi tai nạn này, họ lại sa vào hoạn nạn khác, mà đều do tay một kẻ gây nên Kẻ đó chính là bọn cướp nước, là thực dân Pháp Vì vậy nên không thể nghĩ ngờ rằng tinh thần chiến đấu của một giai cấp công nhân đã ra đời, đã làm việc và sống trong những điều kiện như vậy, nói chung, cao như thế nào, khả năng cách mạng của họ dồi dào như thế nào

Chúng ta còn chưa đủ tài liệu về phong trào công nhân ở Việt Nam trong thời kỳ trước và trong chiến tranh thế giới thứ nhất Lúc đó, nhất định cũng thường xảy ra những cuộc đấu tranh bãi công mãnh liệt rải rác ở các nơi, nhưng vì giao thông chưa thuận tiện, báo chí chưa phổ biến, nếu những cuộc đấu tranh của công nhân có xảy ra ở chỗ này hay chỗ khác, thì cũng ít ai biết đến và cũng ít ai chú ý đến [1] Vả lại, lúc đó người ta chú ý nhiều về những phong trào chính trị như Đông du, Đông kinh nghĩa thục, kháng thuế, Đề Thám, khởi nghĩa Thái Nguyên, v v Song một điều rất chắc chắn là truyền thống cách mạng của dân tộc được phát huy liên tục từ khi thực dân xâm lược Việt Nam cho đến khi chiến tranh nổ ra và trong suốt thời kỳ chiến tranh

Hoàn cảnh xuất thân của công nhân Việt Nam và sự áp bức bóc lột cực kỳ dã man của thực dân đối với công nhân Việt Nam, tất cả những điều kiện đó đã làm cho giai cấp công nhân Việt Nam giác ngộ rất sớm

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới, thực dân Pháp tăng cường áp bức bóc lột nhân dân Việt Nam, vơ vét của cải, tài nguyên, bắt nhân dân phải quyên góp, bắt hàng vạn lính ra

1 Chính tác giả bài này còn nhớ lúc còn nhỏ, năm 1916, ở Huế có xảy ra một cuộc bãi khoá của học sinh trường Công nghiệp thực hành sơ cấp (gọi là trường Bạch công) chống tên Hiệu trưởng Pháp
Cuộc bãi khóa bị trấn áp tàn nhẫn, nhiều người tham gia bị bắt giam và kết án đến hàng năm tù

mặt trận và hàng vạn lính thợ để phục vụ tiền tuyến. Một phong trào bất mãn trong nhân dân sôi sục, và thừa dịp chiến tranh, lúc mà đế quốc Pháp đang đánh nhau, phong trào đó đã bùng nổ khắp nơi từ Bắc chí Nam với những cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, âm mưu khởi nghĩa của vua Duy Tân ở Huế, vụ phá khám lớn Sài Gòn, v.v... Phong trào lan cả đến đám binh lính do thực dân tuyển mộ để gửi sang chiến trường châu Âu (vụ Duy Tân ở Huế).

Những biến cố đó không thể không có ảnh hưởng trong công nhân Việt Nam, cùng với nông dân, họ là những người bị thực dân Pháp bóc lột càng nặng nề trong thời kỳ chiến tranh. Trong đám công nhân đó có một số khá đông cũng bị đông viên sang mặt trận châu Âu. Cụ Tôn Đức Thắng là một người trong số đó.

Như vậy là Cách mạng tháng Mười đã có ảnh hưởng đến Việt Nam qua những người con đương giác ngộ trước tiên của giai cấp công nhân Việt Nam, họ đã có cơ hội để tiếp thu ảnh hưởng đó trên đất nước Pháp, ở đấy giai cấp công nhân đã chịu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười một cách khá sâu sắc.

Nói một cách khác, Việt Nam lúc đó đã có cơ sở tốt để bằng cách này hay cách khác, có thể tiếp thu được ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười. Cơ sở đó trước hết là cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển trong toàn quốc trong những năm chiến tranh. Lần đầu tiên, vì nhu cầu chiến tranh mà thực dân phải đưa một loạt hàng mấy vạn nhân dân lao động Việt Nam sang Pháp, trong đó có những người con ưu tú của dân tộc, những công nhân giác ngộ đầu tiên, được tiếp xúc với phong trào công nhân ở Pháp và trực tiếp chịu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, khi bị bắt buộc tham gia cuộc can thiệp phản cách mạng của giai cấp tư sản chống nước Nga Xô viết, họ đã có một cử chỉ xứng đáng với giai cấp công nhân là bắt tay với Cách mạng Nga

và quay súng lại chống giai cấp tư sản Tuy đó là hành đông của một cá nhân, nhưng nó có đầy đủ ý nghĩa để tượng trưng cho một chuyển biến mới trong phong trào của giai cấp công nhân Việt Nam, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam Tuy lẻ loi và còn xa xăm, nhưng đó là dấu hiệu đầu tiên của một trang mới trong lịch sử cách mang Việt Nam

2. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên vũ đài quốc tế

Nhưng, sư tác đông lớn hơn hết và có ý nghĩa quốc tế, vì nó bắt buộc dư luân thế giới phải chú ý, là những điều yêu sách [1] của nhà lãnh tu cách mang Việt Nam *Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị hoa bình Vécxây năm 1919* Trong bản yêu sách, nhà cách mang Nguyễn Ái Quốc đòi Pháp và tất cả các nước dư Hội nghị phải công nhân cho Việt Nam những quyền lợi căn bản

Xuất dương từ khi còn là thiếu niên, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc nhiều với các giới cách mang và phong trào cách mang ở các nước trên thế giới Trong thời kỳ chiến tranh, Người rất gần gũi với phong trào công nhân ở Pháp, với những lãnh tu xã hôi chân chính, theo lập trường của chủ nghĩa quốc tế

Tham gia cách mang từ lúc nhỏ, trong các phong trào Văn thân, Duy tân, Đông kinh nghĩa thuc, nhà cách mang trẻ tuổi cảm thấy một cách thấm thía rằng những cuộc vân

1 Bản yêu sach gồm 8 điều
1 – Quyền tư trị
2 – Tư do ngôn luân
3 – Tư do đi lai
4 – Tư do tín ngưỡng
5 – Tư do hôi hop
6 – Đai xá chính trị pham
7 – Pháp Việt bình đẳng
8 – Thủ tiêu việc ép uống rươu và hút thuốc phiên, miễn trừ thuê muối và lê đi phu

động đó thiếu một cơ sở tư tưởng vững chắc, ổn định, cho nên phong trào này nhen lên rồi lại tắt, phong trào khác lên nhưng rồi cũng thất bại, nhưng mặt khác khả năng cách mạng, tinh thần chiến đấu của nhân dân Việt Nam thì lại rất dồi dào và rất cao. Vì vậy nhà cách mạng đã xuất dương, quyết tâm đi tìm chân lý, nghĩa là tìm một con đường mới cho cách mạng để cách mạng đi đến thắng lợi. Nghị lực rèn luyện nên ý chí và khiến nhà cách mạng vượt nghìn trùng, không quản gian nan lao khổ, là lòng tin tưởng sắt đá ở chí bất khuất và tinh thần chiến đấu của dân tộc, ở tiền đồ của cách mạng Việt Nam, ở sự tất thắng của cách mạng.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc không những tiêu biểu cho tinh thần bất khuất, chí dũng cảm của dân tộc Việt Nam, đồng chí còn tiêu biểu cho cả *sự phát triển không ngừng, sự tiến bộ liên tục* của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Khi phong trào giải phóng của một dân tộc có xu hướng tiến lên như vậy, và vào lúc đã có hoàn cảnh khách quan thuận lợi, nghĩa là ở trong nước *giai cấp công nhân* đã hình thành và bắt đầu trưởng thành, vấn đề dân tộc đã được Cách mạng Nga giải quyết đúng đắn vì vậy mà cách mạng thuộc địa có tiền đồ rõ ràng, thì đã có cơ sở để tiếp thụ chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thụ ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, để *nối liền Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam với cách mạng thế giới*.

Do đó, hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ đó có một ý nghĩa lịch sử trong đại đối với cách mạng Việt Nam. Nó chuẩn bị cho cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới, dọn đường cho sự phát triển của tư tưởng Mác - Lênin ở Việt Nam.

Bản yêu sách của vị lãnh tụ của dân tộc gửi cho Hội nghị hòa bình Vécxây năm 1919 là tiếng mìn nổ đầu tiên của công cuộc dọn đường đó. Cách mạng tháng Mười Nga đã tuyên bố các dân tộc có quyền tự quyết và hoàn toàn bình đẳng, đã giải

phóng các dân tộc trước kia bị Nga hoàng áp bức, làm chấn động cả thế giới thuộc địa mà cái âm hưởng là bản yêu sách của đồng chí Nguyễn Ái Quốc Không phải là nhà cách mạng tin tưởng ở bon đế quốc, vì Hội nghị hòa bình Vécxây gồm các nước Anh - Pháp - Mỹ trong tập đoàn đế quốc đã chiến thắng trong chiến tranh thế giới thứ nhất, hội nghị này họp để chia sẻ các nước thua trận, nhà cách mạng không mong bon đó trả lại quyền độc lập cho dân tộc Việt Nam. Ý nghĩa của bản yêu sách đó là ở chỗ nó biểu hiện sự thức tỉnh của một dân tộc bị áp bức, được Cách mạng tháng Mười càng làm cho giác ngộ về quyền lợi dân tộc của mình, và quyết không chịu ở dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc nữa, *không chịu làm chỗ dựa, làm sức dự trữ cho chủ nghĩa đế quốc nữa* Bản yêu sách đã gắn liền tiền đồ của cách mạng Việt Nam với Cách mạng tháng Mười

Cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam sau chiến tranh thê giới thứ nhất sẽ phát triển dưới dấu hiệu đó, nó thúc đẩy nhanh chóng sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam, để giai cấp này đấu tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong thời kỳ sau chiến tranh và sẽ giành được quyền lãnh đạo đó một cách thắng lợi

3. Tư tưởng Mác - Lênin đã vào Việt Nam bằng những con đường nào?

Một sự kiện quan trọng nữa là tháng chạp năm 1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành Tua (Tours) phe tả Đảng Xã hội Pháp bỏ phiếu gia nhập *Quốc tế Cộng sản* và từ đó Đảng Cộng sản Pháp ra đời, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tán thành chủ trương của phe tả Đảng Xã hội

Tuy trong nước chưa có một tổ chức độc lập của giai cấp công nhân, vì lúc đó giai cấp công nhân Việt Nam đang ở trong thời kỳ trưởng thành, nhưng thái độ của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc có ý nghĩa lịch sử về ba mặt một là,

về lập trường thì tán thành đường lối của *Quốc tế Cộng sản*, của Đảng Cộng sản Pháp về cách mạng thuộc địa, nghĩa là tán thành đường lối của cách mạng giải phóng dân tộc mà Cách mạng tháng Mười đã nêu lên hướng giải quyết, hai là, về quyền lãnh đạo đối với cách mạng thuộc địa, như vậy là thừa nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, của Đảng Công sản, ba là, về mối tương quan giữa cách mạng vô sản ở nước đế quốc chủ nghĩa và cách mạng thuộc địa, như vậy là gắn liền hai cuộc cách mạng lại thành một trận tuyến.

Như vậy, chúng ta thấy rằng ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, và do đó chủ nghĩa Mác truyền sang Việt Nam tương đối sớm, không bao lâu sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi. Ảnh hưởng đó sang ta lúc đầu không phải qua tin tức, báo chí, sách vở như ở nhiều nước, hoặc bằng con đường của những tổ chức hay chính đảng sẵn có của giai cấp công nhân, như các đảng xã hội ở các nước châu Âu. Trước chiến tranh, ở ta có những tổ chức yêu nước như Đông kinh nghĩa thục, Duy tân, Hội Nghĩa hưng, Việt Nam quang phục hội, song khi những phong trào do các nhóm đó cầm đầu bị đàn áp, thì những tổ chức đó cũng bị tiêu tan, còn những người thoát khỏi khủng bố phải lén lút ra hải ngoại, nếu có tập hợp thành những nhóm, những tổ chức cách mạng thì cũng không có cơ sở rộng lớn. Ảnh hưởng đó lúc đầu cũng không phải thông qua những tầng lớp trí thức cấp tiến đã được biết Cách mạng tháng Mười qua sách vở, bởi vì lúc đó những tầng lớp trí thức nho học cũ có tư tưởng yêu nước thì hầu hết đều bị thực dân giết, tù đầy trong những phong trào trước chiến tranh, còn tầng lớp trí thức mới do thực dân đào tạo ra thì hãy còn rất ít, phần nhiều được thực dân đưa lên những địa vị quan trọng trong bộ máy thuộc địa, nói chung là ít có tư tưởng tiến bộ, chỉ mong hợp tác với thực dân Pháp để được nhiều quyền lợi (như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh ở Bắc, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long ở Nam). Nếu có những phần tử tiến bộ trong tầng lớp trí thức mới, thì chỉ có dăm

ba người đu học ở Pháp Chi mấy năm sau chiến tranh, nhất la từ năm 1924 - 1925 trở đi, khi đã nảy nở ra một lớp thanh niên trí thức tương đối đông, xuất thân từ gia đình quan lại, địa chủ, tư sản và tiểu tư sản, thì những phần tử cấp tiến trong đam đó, và một số thuộc lớp trí thức nho học cũ còn sót lại hoặc ở các nhà lao, các chỗ tù đầy trở về, mới tiếp thu được tư tưởng của chủ nghĩa Mac qua các sách báo của Đảng Cộng sản Pháp. hoặc của Đảng Cộng sản Trung Quốc chuyển về

Phân tích ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười bắt đầu đội vào Việt Nam, chúng ta thấy có những đặc điểm sau

Vào thời kỳ Cách mạng tháng Mười nổ ra ở Nga, thì ở Việt Nam, giai cấp công nhân còn ở trong quá trình trưởng thành, lại ở trong hoàn cảnh của một nước thuộc địa của Pháp, ách thống trị của thực dân Pháp hết sức tàn bạo Lẽ dĩ nhiên chưa có và chưa thể có được một phong trào công nhân có truyền thống lâu năm, có cơ sở rộng lớn như ở các nước châu Âu Cũng chưa có, và chưa thể có một tổ chức, một chính đảng của giai cấp công nhân như các đảng xã hội và xã hội dân chủ như các nước Tây Âu hoặc như Nhật Bản chẳng hạn

Nhưng một mặt khác, ở Việt Nam lại có một tinh thần dân tộc quật khởi mãnh liệt, những truyền thống yêu nước lâu đời, biểu hiện ở những cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra từ khi thực dân Pháp xâm lược đất nước Trong nửa thế kỷ, những hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc đa rất phong phú vũ trang và không vũ trang, chính trị, kinh tế, văn hóa dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quân chủ, hoặc chủ nghĩa cải cách, hoặc dân chủ tư sản theo lối cũ Nhưng cuối cùng phong trào nào cũng thất bại Những cuộc đấu tranh vũ trang trong những năm chiến tranh là những trang kết thúc của một giai đoạn lịch sử giải phóng dân tộc ở Việt Nam, trước khi bước sang một giai đoạn mới, sau chiến tranh, nó sẽ tiến triển dưới ảnh hưởng ngày càng rõ ràng, ngày càng sâu sắc của Cách mạng tháng Mười

Những bài học thất bại đo những phong trào đấu tranh từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, là cơ sở tốt nhất để cho những người yêu nước Việt Nam luôn luôn tìm tòi đường lối mới cho cách mang Việt Nam Tinh thần dân tộc bất khuất đó biểu hiên ở lòng khát khao đi tìm chân lý cách mang, được kết tinh trong những chiến sĩ cách mang tiêu biểu cho hai thế hê, thế hê cũ đại diên cho những truyền thống quật cường của dân tôc, và thế hê mới đai diên cho tiền đồ và phương hướng mới của cách mạng Việt Nam Kẻ cầm cờ cho lớp người cách mang đó chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc

Như vây, chúng ta thấy rằng mặc dù ngay sau khi Cách mạng tháng Mười mới thành công, ngay sau khi Quốc tế Công sản mới thành lập, ở nước ta, Đảng Công sản chưa ra đời, mà giai cấp công nhân cũng còn ở trong thời kỳ trưởng thành, song những hoat đông của lớp người cách mang đứng đầu là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã có môt tác dung lớn, đã đặt viên gach đầu tiên, hay nói đúng hơn, đã khai thông con đường cho chủ nghĩa Mác - Lênin phát triển ở Việt Nam Trong việc khai thông này, phong trào công nhân Pháp và việc thành lập Đảng Công sản Pháp năm 1920, trong đó có nhà cách mang Nguyễn Ái Quôc tham gia, đã góp môt phần nhất định.

Đó là môt nguồn để Việt Nam tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và để chủ nghĩa Mác - Lênin phát triển ở Việt Nam.

Sau cơn bão táp cách mang và cuộc khủng hoảng chính trị rung đông hệ thống của chủ nghĩa tư bản, và nó là kết quả trực tiếp của ảnh hưởng của Cách mang tháng Mười, thì thế giới tư bản chủ nghĩa bước sang thời kỳ ổn đinh tương đối Thời kỳ này cũng là thời kỳ mà tư bản tài chính Pháp bóc lột Đông Dương theo môt quy mô rông lớn và có hệ thống hơn trước chiến tranh

Từ năm 1924, năm đầu của thời kỳ tương đối ổn đinh của chủ nghĩa tư bản, cho đến năm 1929, năm mà cuộc khủng

hoảng kinh tế thế giới bắt đầu, và cũng là năm kết thúc thời kỳ ổn định tương đối của chu nghĩa tư bản, việc đầu tư vốn của Pháp sang Việt Nam biểu hiện bằng những con số dưới đây (tính theo triệu phơ-răng)

Năm	Nông nghiệp	Mo	Công nghiệp	Vận tải	Thương mại	Bất động sản và ngân hàng
1924	52,1	18,7	71,7	6,0	40,9	54,5
1925	76,9	19,3	62,2	5,0	32,6	2,2
1926	275,7	94,3	112,9	5,1	60,2	84,7
1927	400,7	79,5	62,4	31.1	17,2	65,3
1928	213,5	184,4	88,4	37,2	55,0	174,0
1929	135,7	149,0	110,6	46 6	42,3	244,9

Cộng tất cả trong sáu năm đó, về tất cả các ngành, tư bản Pháp đầu tư vào Việt Nam hơn 3 000 triệu phơ-răng Số vốn đầu tư vào các ngành từ năm 1898 đến 1918, tức là trong khoảng 20 năm, chỉ có 492 triệu phơ-răng, như vậy là tư bản Pháp đầu tư vào Việt Nam trong sáu năm sau chiến tranh gấp hơn gần 6 lần số vốn đầu tư trong 20 năm trước Trong số vốn đầu tư trong sáu năm đó thì số vốn bỏ vào *nông nghiệp* là nhiều nhất 1 154 triệu (hơn 1 phần 3)

Nói chung thuộc địa vẫn là chỗ để thực dân cướp nguyên liệu, để chúng dùng làm nơi dự trữ nguyên liệu Nói cách khác, cơ sở của chính sách thuộc địa là *việc cướp ruộng đất của nông dân thuộc địa* Trong thời kỳ sau chiến tranh, khi mà chúng triệt để thi hành chính sách lấy nguyên liệu và bỏ nhiều vốn vào nông nghiệp, thì rất rõ ràng là chính sách cướp ruộng đất của nông dân đạt tới một quy mô rộng lớn hơn trước chiến tranh và theo một tốc độ còn nhanh chóng hơn trước chiến tranh nhiều Một thí dụ sau đây đủ rõ năm 1917, diện tích các đồn điền cao su mới có 17.000 hécta,

năm 1926, lên tới 51 000 hécta, và năm 1929, đã lên tới gần 100 000 hécta

Song không phải chỉ vì thực dân và bọn địa chủ Việt Nam mở rộng đồn điền và trại ấp của chúng mà nông dân mất ruộng đất. Ruộng đất của họ còn bị cướp do chính sách công nghiệp của thực dân nữa, nhất là công nghiệp khai thác mỏ. Như năm 1914, chính phủ thuộc địa mới cấp có 257 giấy phép tìm mỏ, mà đến năm 1921 đã cấp 1 923 giấy phép, và năm 1930 cấp đến 17 685 giấy phép. Mỗi một giấy phép tìm mỏ là một giấy được phép cướp hàng nghìn mẫu đất của nông dân và cũng đẩy hàng nghìn, hàng vạn nông dân đi vào làm phu ở các mỏ và các đồn điền.

Kèm theo chính sách "khai thác" của thực dân Pháp sau chiến tranh, số lượng giai cấp công nhân Việt Nam cũng tăng lên tương đối nhanh. Nếu năm 1913, số công nhân các mỏ đồ trên dưới 12 000 người thì năm 1928 số đó đã lên ngót 55 000 người. Số công nhân các đồn điền cao su năm 1921 chỉ có 4 000 mà trong năm 1927 đã lên tới 18 000. Công nhân các công xưởng, xí nghiệp, năm 1905 mới có 12 000, năm 1930 đã có đến trên 50 000. Nếu năm 1918, số công nhân các ngành mỏ, công nghiệp, thương nghiệp và các đồn điền có chừng từ ba đến năm vạn người thì đến 1930 số công nhân các ngành trên cộng với số công nhân nông nghiệp đã lên tới 221 000 người[1]

Như vậy, chúng ta thấy rằng sau chiến tranh, trong thời kỳ ổn định tương đối của chủ nghĩa tư bản, chương trình "khai thác" thuộc địa của thực dân đã thúc đẩy tương đối nhanh sự phân hóa trong xã hội Việt Nam, mà cái nổi bật hơn hết trong sự phân hóa đó, một là, *số lượng giai cấp công nhân Việt Nam đã tăng lên hơn trước và tập trung hơn trước nhiều*, nhất là ở các vùng mỏ, trong các đồn điền, trong các

1 Những con số trên là dựa theo tài liệu trong *"Cách mạng cận đại Việt Nam"* tập IV (do Ban nghiên cứu Văn - Sử - Địa xuất bản)

thành phố lớn và ở những đường giao thông chính, hai là, hàng vạn nông dân bị cướp đất, một số trong đám nông dân đó vào làm phu ở các đồn điền và các mỏ, một số nhỏ nữa thì vào các công xưởng, còn số đông thì trở thành cố nông ở nông thôn, hoặc đi lang thang ở các thành phố, tìm được việc gì làm việc nấy, ngày nào làm ngày nấy, bổ sung thêm cho hàng ngũ của đội quân lao động hầu bị

Sự phân hóa trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh có đặc điểm này, tuy giai cấp tư sản đã hình thành, song về kinh tế giai cấp đó rất yếu, mà phần đông lại có tính chất thương nghiệp, hoạt động công nghiệp của họ bị thực dân Pháp chèn ép và hạn chế rất nhiều. Số đông công nhân Việt Nam không kể là công nhân mỏ, đồn điền, hay xí nghiệp, kiến trúc hoặc vận tải, đều tiếp xúc với bọn chủ người Pháp, với thực dân Pháp nhiều hơn, còn số công nhân làm với chủ người Việt Nam thì còn ít

Chúng ta cần ghi điều đó để thấy rằng *tính thân phản đế của giai cấp công nhân Việt Nam* hết sức cao, và để giải thích hiện tượng này, tuy giai cấp công nhân Việt Nam xuất hiện trên vũ đài chính trị tương đối chậm so với các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu và so với một số nước thuộc địa lớn, nhưng lại có một tinh thần chiến đấu rất cao, và *sớm năm được ngọn cờ lãnh đạo trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam và sau khi đảng của mình là Đảng Cộng sản ra đời đã giữ được địa vị lãnh đạo duy nhất trong cuộc cách mạng Việt Nam*

Trong thời kỳ thực dân Pháp bắt đầu tăng cường ách thống trị của chúng trong giai đoạn sau chiến tranh, một cao trào phản đế lại nảy nở ra ở Việt Nam. Cao trào này lại được một hoàn cảnh quốc tế thuận lợi đẩy mạnh thêm. Hoàn cảnh quốc tế đó, trước hết là cao trào cách mạng ở Trung Quốc sau phong trào Ngũ tứ, nhất là sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời và sau khi phái cấp tiến trong giai cấp

tư sản dân tộc Trung Quốc, mà đại diện là Tôn Trung Sơn, thấy rằng cần phải gần gũi và phải dựa vào Liên Xô, phải dựa vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, phải dựa vào lực lượng cách mạng của công nông. Trong hoàn cảnh đó, thì năm 1923, chính phủ cách mạng của Quốc dân đảng Trung Quốc được thành lập ở Quảng Châu, do Tôn Trung Sơn đứng đầu.

Đó là một biến cố rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, vì ở ngay gần biên giới Việt Nam đã có một căn cứ cách mạng, tuy còn nhỏ, còn mới, nhưng nó có ảnh hưởng rất lớn về sau này, bởi vì do sự hợp tác giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và phái tư sản cách mạng của Trung Quốc, mà chủ nghĩa Mác - Lênin có điều kiện để phát triển ở Trung Quốc và kinh qua Trung Quốc, sang Việt Nam. Trong lúc đó, nhiều phần tử cách mạng, phần đông là thanh niên, và những người yêu nước, trong đó thuộc phái nho sĩ cũng có, thuộc phái tân học cũng có, được căn cứ cách mạng mới đó hấp dẫn và có chí hướng đi tìm chân lý cách mạng, bèn sang Quảng Châu để hoạt động. Nhờ vậy mà *năm 1923, đã xuất hiện ở Quảng Châu nhóm "Tâm tâm xã"*, tổ chức cách mạng đầu tiên của phái đó ở nước ngoài sau chiến tranh. Năm 1924, cũng ở Quảng Châu, nhà yêu nước *Phạm Hồng Thái ném bom vào tên Toàn quyền Đông Dương Méclanh*.

Phong trào phản đế lên cao ở Việt Nam sau chiến tranh

Từ đó trở đi, cao trào phản đế trong nước lại được một nguồn thứ hai bồi dưỡng là căn cứ cách mạng ở Quảng Châu, với sự hoạt động ngày càng phát triển của những người cách mạng Việt Nam xuất dương. Sau đó, những sách báo về Cách mạng tháng Mười, về chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là bằng tiếng Trung Quốc được phổ biến tương đối rộng hơn trước.

Một mặt khác, cũng không phải vì vậy mà cái nguồn gốc thứ nhất là phong trào công nhân ở Pháp bị lu mờ và hết tác dụng. Cũng trong những năm đó, lớp thanh niên trí thức cấp tiến, không có cơ sở Hán học, và chỉ có cơ sở Tây

học, lại được đọc những sách báo bằng tiếng Pháp và do bên Pháp gửi về. Cùng với báo '*Nhân đạo*', cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp, những sách của Lênin và sách về Cách mạng tháng Mười được dịch ra tiếng Pháp, những lớp thanh niên cách mạng Việt Nam còn được đọc tờ *"Người cùng khổ"* (Le Paria), cơ quan của Liên minh các dân tộc thuộc địa Pháp, do vị lãnh tụ cách mạng Việt Nam Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Những nhà trí thức cấp tiến Việt Nam lúc đó, như Nguyễn An Ninh[1] cũng chịu ảnh hưởng của những sách báo đó. Những thủy thủ Việt Nam, trong đó có nhiều công nhân cách mạng Việt Nam sang Pháp hoặc trong hoặc sau chiến tranh, đã đóng vai trò tích cực trong việc chuyển tài liệu cách mạng ở Pháp về nước.

Những tài liệu ở Pháp gửi về, nhất là báo *"Nhân đạo"* và báo *"Người cùng khổ"* được những lớp thanh niên cấp tiến trong nước nhiệt liệt hoan nghênh, bởi vì báo *"Nhân đạo"* ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp, còn báo *"Người cùng khổ"* thì nói đến tình cảnh khổ nhục của dân Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp và kêu gọi nhân dân Việt Nam đấu tranh chống thực dân Pháp. Cũng trong những năm đó, quyển *"Lên án chế độ thực dân Pháp"* (Le procès de la colonisation française) của đồng chí Nguyễn Ái Quốc xuất bản. Sách đó đã có một tác dụng lớn trong việc nâng cao ý thức dân tộc của người Việt Nam. Trong những năm sau, cuốn đó được đăng lại trong các báo bằng tiếng Pháp của phái thanh niên cấp tiến ở Nam-Bộ, như báo *"Chuông rè"*, *"An Nam"*. Lần đầu tiên bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân được diễn tả một cách đầy đủ, rõ ràng.

Những năm 1924 - 1925 - 1926 là những năm mà tinh thần phản đế lên cao ở Việt Nam, từ Nam chí Bắc, và cũng

1 Năm 1923, Nguyễn An Ninh ở Sài Gòn ra tờ báo "Chuông rè" (La Cloche fêlee), năm 1926, báo bị cấm và Nguyễn An Ninh bị bắt. Tờ báo đứng trên lập trường dân tộc.

là những năm mà tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin được phổ biến tương đối rộng rãi bằng tiếng Việt trong đám thanh niên trí thức Nam Bộ là nơi tương đối thuận lợi hơn ở Bắc và Trung, cho nên những lớp trí thức cấp tiến bèn mở ra ở đấy những nhà xuất bản để phổ biến những tư tưởng cách mạng Song việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin một cách trực tiếp và có hệ thống thì chưa có, mà chỉ kinh qua sự giải thích của những nhà văn cấp tiến Chỉ có những báo tiếng Pháp của những nhà trí thức cấp tiến Việt Nam (như báo *"Chuông rè"*, *"An Nam"*) mới đăng lại những tin tức hoặc những bài của báo *"Nhân đạo"* và vài văn kiện chính về chủ nghĩa Mác như *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"* của Mác và Ăngghen Song cũng không mấy người đọc được tiếng Pháp Còn báo bằng tiếng Việt thì bị kiểm duyệt không được phép ra.

Như vậy là trong thời kỳ mà ở Việt Nam có một hoàn cảnh chính trị tương đối thuận lợi, nghĩa là phong trào phản đế lên cao, và có hai nguồn để truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, tức là phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, lại có cả cách mạng Trung Quốc 1924 - 1927 và Đảng Cộng sản Trung Quốc, có sự hoạt động của những lực lượng cách mạng Việt Nam ở hai nơi đó, thì trong nước lại cũng bị những yếu tố khác kìm hãm sự phổ biến mau chóng, rộng rãi và trực tiếp của tư tưởng đó Trong số những trở ngại đó, thì trước hết là ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, biểu hiện ở chế độ kiểm duyệt cực kỳ khắt khe, nhất là đối với cái gì có dính dáng đến Cách mạng tháng Mười, với Liên Xô, với chủ nghĩa Mác - Lênin Chỉ có một ít sách báo bằng tiếng Pháp được lọt vào, nhưng cũng không phải được lưu hành ở các nơi, mà chỉ được lưu hành trong một số người ở Sài Gòn Ở Bắc thì có sự liên lạc gần hơn với Trung Quốc, song sự kiểm duyệt ở Bắc lại gay gắt hơn ở Nam, vì vậy những sách về chủ nghĩa Mác - Lênin, về Cách mạng tháng Mười, nếu có dịch ra quốc văn, cũng không thể xuất bản và phổ biến được

Khi đó tư tưởng Mác - Lênin có hoàn cảnh thuận tiện để phổ biến ở Việt Nam, nghĩa là khi phong trào phản đế lên cao, và tuy bị thực dân kiểm duyệt gắt gao, nhưng không khí hồi đó nói chung vẫn tương đối dễ thở hơn trong thời kỳ chiến tranh , lúc đó ở Pháp cũng như ở Trung Quốc, sự quan hệ với Việt Nam qua các nhóm cách mạng ở những nước đó có điều kiện để phát triển mạnh, và sách báo về chủ nghĩa Mác - Lênin cũng được gửi về nước nhiều hơn trước Song không khí chung lúc đó là *không khí phản đế*, nó lôi cuốn hầu hết các tầng lớp, mà đó cũng do một hoàn cảnh khách quan nhất định tạo nên, bởi vì đó là thời kỳ thực dân Pháp triệt để "khai thác" thuộc địa trực tiếp đụng chạm một cách rất thô bạo, trắng trợn đến các tầng lớp nhân dân Việt Nam, vì vậy tất cả mối căm hờn đều tập trung vào chủ nghĩa thực dân, mọi người, mọi tầng lớp đều chỉ thấy có một kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa đế quốc qua bộ mặt tàn nhẫn nhất của nó là *áp bức thuộc địa* Những người nào lúc đó biết đến Cách mạng tháng Mười, biết đến chủ nghĩa Mác - Lênin, có cảm tình và ủng hộ Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết vì đó là những chỗ dựa, là ánh sáng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Và sở dĩ có tình trạng đó cũng do thực tế khách quan đẻ ra và là một hiện tượng tất nhiên và chính đáng Nhưng một mặt, nếu việc bồi dưỡng tinh thần quật khởi dân tộc, lòng căm thù chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn đó của cách mạng Việt Nam là nhiệm vụ chủ yếu, thì mặt khác muốn giai cấp công nhân lãnh đạo cuộc cách mạng đó thì đồng thời cũng cần đẩy mạnh việc bồi dưỡng *ý thức giai cấp, tư tưởng của chủ nghĩa quốc tế vô sản* trong giai cấp công nhân Hai nhiệm vụ đó không thể tách rời nhau được, vì có nhận thức đầy đủ quyền lợi, trách nhiệm và sứ mệnh lịch sử của mình, thì giai cấp công nhân mới thật hăng hái đồng viên và đoàn kết toàn dân đánh đổ kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa đế quốc Muốn lãnh đạo cách mạng và muốn cách mạng thành công thì trước hết giai cấp công nhân phải tỏ rõ *tính độc lập* của mình về tư tưởng và

tổ chức Cũng do việc bồi dưỡng ý thức giai cấp chưa được chú trọng, cho nên sau chiến tranh, trong khi giai cấp tư sản và các tầng lớp tiểu tư sản bắt đầu có những tổ chức của họ thì giai cấp công nhân vẫn chưa có những tổ chức riêng, độc lập của mình để bồi dưỡng nên một lớp chiến sĩ cách mạng vô sản xuất thân trong hàng ngũ của giai cấp công nhân và trong phong trào công nhân Vì những lý do đó mà chúng ta thấy rằng trên con đường phát triển cách mạng ở Việt Nam từ sau chiến tranh cho đến năm 1926 - 1927, tư tưởng phản đế, tinh thần dân tộc là tinh thần duy nhất chi phối Những năm 1924 - 1925 - 1926, có nhiều cuộc đấu tranh của công nhân ở những công xưởng và xí nghiệp lớn như mỏ than Hòn Gai, nhà máy dệt Nam Định, hãng chữa tàu thủy ở Sài Gòn, v v Trong số đó, nhiều cuộc đấu tranh cũng do ảnh hưởng của phong trào chính trị chung trong toàn quốc chống thực dân, như cuộc bãi công của công nhân hãng chữa tàu thủy đòi tha Nguyễn An Ninh (năm 1926), song bên cạnh tinh thần chung đó, công nhân cũng có những *yêu cầu riêng của mình* như chống nhục hình, đòi bớt giờ làm, tăng tiền công, v.v Những cuộc đấu tranh đó chưa được nêu lên cho đúng mức, lúc đó dư luận chỉ chú trọng tới những cuộc hội họp, mít tinh, biểu tình đón Toàn quyền Varen, đòi tha Phan Bội Châu, truy điệu Phan Chu Trinh, vụ xử án Nguyễn An Ninh, v v (1925 - 1926) của tầng lớp học sinh, sinh viên, công chức, trí thức, v v

Trong thời gian ngắn mà Toàn quyền "xã hội" Varen nhậm chức ở Đông Dương, tuy những lời hứa của y là giả dối, nhưng cũng có thể lợi dụng được ít nhiều khả năng hợp pháp để đặt nền móng cho những *tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân*, mặc dù dưới hình thức thấp Cơ hội đó đã bị bỏ lỡ Năm 1925 sau khi hoạt động ở châu Âu, đồng chí Nguyễn Ái Quốc sang Trung Quốc và cùng những nhà cách mạng xuất dương, thành lập *"Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội"* ở Quảng Châu, nó là chính đảng cấp tiến nhất

trong lúc đó, và sẽ là chỗ xuất phát của phong trào công sản ở Việt Nam sau này. Nhưng đảng thành lập ở hải ngoại, lập trường về chủ nghĩa quốc tế cũng chưa được rõ ràng, và lúc đầu, cơ sở tổ chức ở trong nước chưa được phát triển.

Như vậy chúng ta thấy rằng trong hoàn cảnh sau chiến tranh thế giới thứ nhất cho đến năm 1926 - 1927 phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam có những điều kiện trong nước và quốc tế khá thuận lợi. Trong nước thì hầu hết các tầng lớp được lôi cuốn vào phong trào chống thực dân Pháp, do đó ý thức dân tộc lên rất mạnh. Điều kiện quốc tế thuận lợi ở chỗ quan hệ giữa Việt Nam và phong trào công nhân Pháp, giữa Việt Nam và cách mạng Trung Quốc chặt chẽ hơn bao giờ hết, cách mạng Việt Nam lại được phong trào công sản thế giới giúp đỡ (đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi dự Đại hội Quốc tế Công sản năm 1923). Song những điều kiện thuận lợi đó hầu như đã bị lái theo chiều hướng duy nhất là tinh thần phản đế, tinh thần dân tộc, khiến cho mặt khác trong tính chất của phong trào, cái căn bản mà một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Mười phải có là *tinh thần quốc tế vô sản cách mạng*, bị lu mờ. Do đó sự phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin ở trong nước đã bị hạn chế phần nào, nhất là về bề sâu.

Mặt khác, nó cũng hạn chế ít nhiều sự phát triển của tư tưởng Mác - Lênin ở Việt Nam trong giai đoạn đó, là *tư tưởng quốc gia cải lương*, trong một thời gian nhất định, đã ảnh hưởng đến những tầng lớp ở thành thị: tư sản dân tộc, trí thức, sinh viên, công chức và những tầng lớp trên ở nông thôn.

4. Âm mưu của Thực dân Pháp

Trong thời kỳ chiến tranh, một mặt để động viên nhân lực, vật lực của Việt Nam "bảo vệ mẫu quốc", mặt khác, trước những phong trào khởi nghĩa nổ ra trong nước trong những năm chiến tranh, thực dân Pháp, ngoài việc trấn áp

dã man bằng vũ lực, còn dùng những thu đoan lừa dối, hứa hão, để quốc Pháp mà Toàn quyền Anbe Xarô là đai diên lúc đó, với sư trơ lực của các cơ quan mât thám, của những tô chức của Pháp lấy chiêu bài hoat đông văn hóa để làm gián điệp, đã hứa hen sau chiến tranh sẽ cho Việt Nam quyền lơi này quyền lơi no Bon thưc dân bèn mua chuộc và tập hop môt số trí thức làm công chức cao cấp cho Pháp, hoăc làm văn, làm báo, như Pham Quỳnh, những "thân sĩ" thuộc tầng lớp tư sản mai bản kiêm làm báo như Nguyễn Văn Vĩnh, và môt số nho sĩ trước có xuất dương (sang Nhật trong thời kỳ "Đông du"), về sau trở về đầu hàng đầu thú, như Nguyễn Bá Trác và môt số người nữa Nhóm đó là "hat nhân" để gieo rắc trong dân chúng tư tưởng hợp tác với Pháp, mà về sau này, sau chiến tranh, trong thời kỳ mà tinh thần chống Pháp lên cao, bon tư sản mai bản và đia chủ đưa ra thành môt "chủ nghĩa" goi là "Pháp - Việt đề huề"! Thưc dân Pháp trơ cấp tiền cho bon đó để ra các báo và tap chí như loai "Trung Bắc tân văn", "Nam phong", lơi dung hai chữ văn hóa dưới nhãn hiêu khai thác vốn cũ của dân tôc để khôi phuc những cái cũ kỹ, phản đông trong học thuật phong kiến của phương Đông và phương Tây, giả tạo ra môt "tinh thần dân tôc" giả dối, kết hợp với óc sùng bái văn hóa của tư sản Pháp, của thưc dân pháp và chủ nghĩa đế quốc nói chung.

Ngoài ra, để củng cố bô máy cai trị thuộc đia của chúng và để ngăn ngừa đám thanh niên trí thức đi du hoc nước ngoài, thâm chí ngăn cản ho sang Pháp nữa, từ 1917 - 1918, sau khi bỏ hẳn các lối thi cử cũ của thời kỳ phong kiến, thưc dân Pháp, ngoài trường y sĩ mở từ năm 1904, còn mở thêm môt số trường cao đẳng luật, sư pham, canh nông, thú y, thương mai, mỹ thuật, gồm tất cả chừng 300 - 400 sinh viên, đươc chúng ưu đãi Chúng goi chung là "trường Đai học Đông Dương"

Về chính trị, chúng đổi tên các Hôi đồng tư vấn ở Bắc và Trung ra "Viên dân biểu", đai biểu của đia chủ và tư sản mai bản, còn ở Nam thì chúng cũng mở rông thêm thành phần

người bản xứ trong Hội đồng quản hạt, các phòng thương mại, canh nông và các Hội đồng thành phố, v.v.

Với những việc bố thí nhỏ giọt đó, chỉ lợi cho bọn đại địa chủ và tư sản mại bản, với ngòi bút và miệng lưỡi của bọn Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh ở Bắc, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long ở Nam, thực dân Pháp, trong một thời gian nhất định, trong một chừng mực nào đó và trong những tầng lớp xã hội nào đó, đã vun trồng nên cái ảo tưởng có thể và phải đi với thực dân Pháp, hợp tác với thực dân Pháp. Một mặt, sự yếu ớt của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam và mặt khác, sự thiếu trưởng thành về mặt chính trị và tổ chức của giai cấp công nhân Việt Nam cũng đã làm cho những xu hướng đó có thể tác hại được trong một thời gian. Đó cũng là một trở ngại cho việc phát triển tư tưởng Mác - Lênin.

Riêng về giai cấp công nhân, ngoài những yếu tố chính trị đã trình bày, chúng ta cũng nên nhắc lại những khó khăn đặc biệt mà giai cấp công nhân Việt Nam đã vấp phải trong quá trình trưởng thành của mình.

Sau khi hoàn thành việc chinh phục Việt Nam, thì về hành chính, thực dân Pháp cắt nước ta ra làm ba khu gọi là Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ, giống như ba nước riêng biệt, mỗi kỳ vào trong khối 'Liên hiệp Đông Dương' như một đơn vị hành chính riêng rẽ cũng như Miên và Lào, mỗi một kỳ có một chế độ cai trị và pháp luật riêng. Tệ hơn nữa, thân phận của người dân ở mỗi một kỳ một khác, không những không có quyền tự do cư trú, mà cũng không có quyền tự do đi lại từ kỳ này sang kỳ khác. Hễ người Trung kỳ hay Bắc kỳ vào Nam có làm điều gì gọi là "phạm pháp", thì chính quyền thực dân địa phương trục xuất họ, đó là việc thường. Đây là một trở ngại lớn cho việc liên lạc trong giai cấp công nhân, nhất là trong thời kỳ sau chiến tranh, do chính sách bóc lột tàn bạo, một số đông nông dân và tiểu tư sản miền Bắc và miền Trung bị phá sản, phải vào Nam kiếm kế sinh nhai,

bon thực dân lại thường hay gây mầm chia rẽ giữa người miền Nam và họ

Như vậy, khi mà về số lượng, giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông thêm và càng tập trung hơn, thì thực dân Pháp lại càng bày ra nhiều thủ đoạn để ngăn cản họ liên lạc với nhau, thông cảm với nhau, và chúng gây những mối chia rẽ giữa họ với nhau

Ở Việt Nam, sau chiến tranh, trong một số ngành, công nhân tập trung tới một mức độ khá cao, nhất là ở các vùng mỏ và các đồn điền cao su Ở vùng mỏ Hòn Gai, trong những năm thịnh nhất của ngành đó, đã tập trung trên 5 vạn công nhân, ở các đồn điền cao su lớn ở miền Nam Phú Riềng, Dầu Tiếng, Thủ Dầu Một, v v mỗi đồn điền có đến mấy nghìn công nhân Những đường giao thông quan trọng và những thành phố lớn như Hà Nội - Hải Phòng, Nam Định - Vinh - Bến Thủy, Sài Gòn - Nha Trang, v v cũng là chỗ tập trung nhiều công nhân Nhưng mặt khác, thực dân Pháp cũng tìm cách dựng nên một bức tường giữa công nhân và thế giới bên ngoài, ở chỗ nào mà chúng có thể ngăn cách được Các vùng mỏ, các đồn điền cao su chẳng khác gì những thái ấp, những giang sơn riêng của bọn chủ, mà quyền hành của chúng đối với công nhân ở đó không khác gì quyền hành của bọn lãnh chúa đối với nông nô dưới thời phong kiến Chúng lập ra pháp luật riêng, tòa án riêng, nhà lao riêng, có bộ đội và cảnh sát riêng do chúng tổ chức và trả lương để canh gác và giữ gìn trật tự

Sự liên lạc giữa công nhân ở đó và người ngoài rất khó, cũng như người ngoài mà đi lại được ở các vùng đó cũng không phải việc dễ

Như vậy là trong thời kỳ mà ở Việt Nam, công nhân ngày càng tập trung vào những ngành lớn và thành những trung tâm sản xuất, thì thực dân Pháp lại biến những khu vực đó thành những thế giới riêng biệt, tách khỏi thế giới

bên ngoài, ngăn cách sự liên hệ và thông cảm giữa công nhân các ngành và các địa phương với nhau

Ngoài một số ngành không thể không có công nhân thường xuyên như các công xưởng, hầm mỏ, đồn điền cao su, xe lửa, v v có những ngành mà thực dân Pháp áp dụng rộng rãi chế độ làm theo mùa, theo đợt, như công nhân ngành xây dựng, công nhân làm đường sá, một phần công nhân mỏ và công nhân trong các đồn điền trồng cà phê Những công nhân này chủ yếu là tuyển trong đám bần cố nông, trong đám nông dân bị cướp đất và bị phá sản ở những vùng lân cận các công trường và nông trường Mỗi năm, không phải vào những ngày mùa, họ lại đi tìm việc ở các công trường, nông trường này, và sau đó, họ lại trở về nông thôn Còn đám công nhân làm trong các đồn điền cà phê, chè của bọn chủ Pháp, đồng thời họ lại là những tá điền của chúng Những đồn điền cà phê mà họ là công nhân, phần nhiều là đất đai của họ trước đây Khi bọn thực dân đã cướp về tay chúng ruộng đất của những nông dân đó, thì bọn kẻ cướp, để có nhân công không mất tiền và gắn chặt họ với chúng, bèn lấy đất đó phát canh cho họ, bắt họ mỗi tuần, mỗi tháng hoặc mỗi năm làm không công ở đồn điền và ruộng đất của chúng trong một thời gian nhất định Đám công nhân làm mùa ở các công trường, như phu lục lộ, thợ kiến trúc, v v là đám người nửa thất nghiệp ngày càng đông, nhất là ở Bắc kỳ và Trung kỳ Một mặt, họ dính dáng với thành thị, nhưng mặt khác, họ lại không thoát ly hẳn thôn quê, mà với công tác ở công trường, sự liên hệ của họ với thành thị cũng rất bấp bênh, lỏng lẻo bất thường, thành phần của họ luôn luôn thay đổi, khi lên khi xuống, do đó nơi cư trú của họ cũng không cố định, vì vậy, khả năng tổ chức của họ cũng rất có hạn

Như vậy là trong thời kỳ mà giai cấp công nhân Việt Nam có xu hướng tăng lên tương đối nhanh về số lượng, thì thực dân Pháp, với chính sách bần cùng hóa nhân dân lao động

chứ không phải vô sản hóa, tìm mọi cách để biến một số trong đám nông dân và thợ thủ công trước hết là nông dân, không phải thành những người vô sản chuyên trách, mà chỉ thành những người nửa vô sản để chúng càng dễ bóc lột họ và để ngăn cản ý chí đấu tranh của họ Sự lạc hậu về kỹ thuật trong công nghiệp thuộc địa cũng làm cho bọn thực dân dễ thực hiện chính sách tuyển mộ công nhân của chúng theo kiểu đó

Ngoài những "chủ trương" lớn đó trong toàn bộ chính sách của đế quốc Pháp ở Việt Nam đối với công nhân, chủ trương này nằm trong chính sách thuộc địa chung của chúng, thực dân Pháp còn lợi dụng nhiều thủ đoạn khác để buộc chân người công nhân, nhất là công nhân đồn điền cao su và mỏ than vào tròng của chúng, ví dụ như chế độ trả lương Mỗi tháng chúng giữ lại một tỷ số nhất định trong số lương của công nhân, nói là để tiết kiệm dùm cho công nhân, để công nhân khỏi xài hết, và đánh bạc hết, nhưng thực ra là cốt để giữ công nhân lại, vì nếu công nhân xin thôi, hoặc bỏ việc thì chúng không trả lại số tiền đó Trong khi đó thì chúng khuyến khích phát triển nạn cờ bạc trong đồn điền, vùng mỏ, phát triển nạn cho vay cắt họng và bán thực phẩm (căng tin) với giá cắt họng để người công nhân phải mắc nợ năng nề, và dù muốn hay không muốn, khi hết hạn, công nhân cũng phải ký thêm giao kèo ở lại làm việc cho chúng

Như vậy chúng ta thấy rằng, sau chiến tranh, trong khi chính sách thuộc địa của thực dân Pháp là cướp bóc những của cải của Việt Nam theo một quy mô rộng lớn, chúng phải khai thác một số ngành công nghiệp, mở mang thêm đường giao thông vận tải, và giai cấp công nhân, về số lượng, tăng lên tương đối nhanh, thì đi đôi với sự bóc lột hết sức dã man, vô nhân đạo, chúng còn tìm đủ cách để ngăn cản sự phát triển của giai cấp công nhân về ý thức và về tổ chức

Bức tranh mà chúng ta vừa phác hoạ ra bằng những nét rất sơ sài về ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười

và sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam đã cho chúng ta thấy rằng Việt Nam đã tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những con đường khá phức tạp. Một mặt, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đã dội vào Việt Nam tương đối sớm, và ngay ở Việt Nam, đã có cơ sở để tiếp thu ảnh hưởng đó, mặc dù khi Cách mạng tháng Mười mới thành công, giai cấp công nhân Việt Nam chưa hoàn toàn trưởng thành. Cơ sở đó là tinh thần yêu nước và truyền thống đấu tranh vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam rất mạnh mẽ. Tinh thần đó không thỏa mãn với những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã kinh qua trong nửa thế kỷ, từ khi nước nhà bị thực dân Pháp chinh phục cho đến khi cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga nổ ra. Cho nên tinh thần dân tộc đó, khi gặp Cách mạng tháng Mười, thì như cá gặp nước, bởi vì cuộc cách mạng đó là ngọn cờ thắng lợi, đồng thời vạch ra một tiền đồ sáng sủa cho cách mạng thuộc địa. Đó là bước thứ nhất.

Nhưng, sang bước thứ hai khi mà trong nước cũng như ngoài nước đã có điều kiện thuận lợi cho ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam đi vào bề sâu, khi mà trong nước, lòng căm thù của nhân dân đối với ách thống trị của thực dân Pháp đã phổ biến trong toàn quốc, khi mà giai cấp công nhân Việt Nam, về số lượng, so với trước chiến tranh và trong chiến tranh, đã lớn lên nhiều, khi mà ở Trung Quốc đã có căn cứ địa cho phong trào cách mạng ở Việt Nam, khi mà sự liên lạc với phong trào công nhân Pháp cũng thuận lợi và thường xuyên hơn trước, thì sự phát triển ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin về bề sâu đã bị hạn chế hoặc bị chậm trễ phần nào. Sự phát triển về bề sâu nghĩa là sự trưởng thành của giai cấp công nhân về *ý thức giai cấp và về tổ chức*.

Những nguyên nhân của sự hạn chế hay nói đúng hơn, của sự chậm trễ đó là: trước nhất chúng ta đã tiếp thu ảnh

hưởng của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở của một tinh thần dân tộc thực là mãnh liệt, dũng cảm, bất khuất, nhưng đã qua các phong trào yêu nước trong hàng nửa thế kỷ, trong đó các tầng lớp nho sĩ đã đóng vai trò chủ yếu, với những sở trường và sở đoản, những chỗ tiến bộ và những chỗ bảo thủ của tầng lớp đó. Các nước Tây Âu tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và của chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở của một phong trào công nhân lâu đời, có những truyền thống đấu tranh lâu dài, nhưng mặt khác, nó đã phải trải qua một thời kỳ thống trị khá lâu của Quốc tế thứ hai trong đó phái cơ hội, phái cải lương đã chiếm địa vị độc tôn. Các nước thuộc địa nói chung, và nước ta nói riêng, khác với các nước Tây Âu ở chỗ ta tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin không phải trên cơ sở của những đảng xã hội và xã hội - dân chủ, nhưng trên cơ sở của tinh thần dân tộc quật khởi và những truyền thống yêu nước và chiến đấu cho độc lập lâu năm và mãnh liệt, và cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của những phong trào dân tộc đã nảy nở ra trong hoàn cảnh lịch sử của những lớp người hoặc những nhân vật xuất thân từ xã hội cũ đứng đầu những phong trào đó. Điều đó tất nhiên cũng có mặt trái của nó.

Nguyên nhân thứ hai, chúng ta nên tìm ở phong trào phản đế có tính chất tư sản sôi nổi phát triển trong nước, sau chiến tranh đặc biệt là trong những năm 1924, 1925, 1926. Lúc đó tất cả mọi người tập trung lòng căm phẫn của mình vào tên địch tàn ác nhất là thực dân, là đế quốc. Sự tiêu hóa những tài liệu, sách báo về Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin bị chi phối bởi tinh thần đó. Cố nhiên, nguyên nhân thứ nhất đã có một ảnh hưởng không nhỏ trong việc sản sinh ra nguyên nhân thứ hai. Mà những biến cố kế tiếp nhau trong những năm đó cũng đã tạo nên một không khí nhất định để duy trì tinh thần đó: thực dân bắt và đem xử Phan Bội Châu, nhân dân tổ chức đám tang

và làm lễ truy điệu Phan Chu Trinh, việc các nhà cách mang cũ như Lê Huân, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Lê Kiên ở Côn Đảo về, v v nghĩa là những biến cố có dính dáng đến tên tuổi của lớp nho sĩ tiêu biểu cho những phong trào yêu nước từ trước đến nay

Sau cùng, nguyên nhân thứ ba là những khó khăn do cả một hệ thống của chính sách thuộc địa của thực dân Pháp gây nên khủng bố, ngăn cấm những biểu hiện của tư tưởng tiến bộ, chia rẽ dân tộc bằng chính sách lừa bịp, hứa hão, mua chuộc một số tay sai để gieo rắc trong nhân dân nọc độc của tư tưởng hợp tác với thực dân, của xu hướng quốc gia cải lương, chia rẽ bưng bít, khủng bố và đầu độc giai cấp công nhân bằng một chính sách đối với công nhân và một luật lệ lao động đặc biệt của bọn chủ nô thuộc địa

5. Sự trưởng thành của tư tưởng Mác - Lênin

Tuy nhiên, những nhân tố đó không thể ngăn cản được về căn bản và lâu dài sự tiến bộ của giai cấp công nhân Việt Nam về ý thức và về tổ chức Từ sau năm 1926, chúng ta đã thấy những dấu hiệu của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam để trở nên một lực lượng độc lập trên vũ đài chính trị và để tranh thủ quyền lãnh đạo trong cuộc cách mang giải phóng dân tộc Việt Nam Những nhân tố nào đã làm cho nhân dân Việt Nam bước nhanh trên con đường cấp tiến, làm cho công nhân Việt Nam tích cực phát huy khả năng cách mang và tính sáng tạo của mình?

Trước hết là sự khủng bố của thực dân Pháp đối với các phong trào yêu nước và đối với những nhà yêu nước, chúng thẳng tay đàn áp báo chí, sách vở tiến bộ, bắt bớ, truy tố những ai lên tiếng chỉ trích chế độ thuộc địa và đòi quyền tự do dân chủ Bộ mặt nạ của Toàn quyền "xã hội" Varen bị lột trần Ngoài những lời hứa phù phiếm giả dối của y, người ta chỉ thấy y là một tên thực dân cũng giống như những tên thực dân khác. Hai năm quyền bính của Varen ở Đông Dương đã

giáo dục rất mau và rất thiết thực cho nhân dân Việt Nam thấy rằng các đảng phái tư sản Pháp, từ những đảng cực kỳ phản động cho đến đảng xã hội, đều không bao giờ muốn nhả miếng mồi thuộc địa ra, và chỉ có giai cấp vô sản Pháp, Đảng Công sản Pháp mới thật là người bạn chí tình và là kẻ đồng minh chân thành của mình Chính trong thời kỳ Varen làm Toàn quyền và phong trào đấu tranh ở Việt Nam lên cao, báo *"Nhân đạo"* luôn luôn đứng về phía nhân dân Việt Nam, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam Những việc do Varen làm, như giả "ân xá" cho Phan Bội Châu, nhưng lại bắt ông về ở quản thúc một nơi ở Huế, ra lệnh bắt và kết án Nguyễn An Ninh, cấm lễ truy điệu Phan Chu Trinh và đàn áp những sinh viên, học sinh tham gia lễ truy điệu đó, cấm sách báo tiến bộ, bắt những nhà văn, nhà báo yêu nước, v v và những hành động trơ tráo như "làm quà" 25 000 héc ta đất đỏ ở cao nguyên Đắc Lắc cho một người bạn hắn, tất cả những việc đó đã làm tiêu tan cái ảo tưởng có thể chờ đợi ở bọn thực dân một sự thay đổi gì trong số phận của những người nô lệ thuộc địa, dù chúng khoác áo "xã hội"

Cùng với bọn thực dân, những tập đoàn tay sai của chúng, những đại diện của bọn đại địa chủ và đại tư sản mại bản cứ hộ hào dân chúng hợp tác với thực dân, cũng bị lột mặt nạ luôn Ngay từ khi mới bắt đầu có phong trào đòi tự do dân chủ, đòi thả những nhà yêu nước bị bắt, nhóm Quỳnh, Vĩnh ở Bắc, Đảng "Lập hiến" của bọn Chiêu, Long, Liêm, v v ở Nam đã ra mặt là những kẻ thù của nhân dân Nếu năm 1923 - 1924, bọn Quỳnh với thủ đoạn "khôi phục giá trị văn hóa dân tộc" để lừa bịp nhân dân, có gây được ít nhiều ảnh hưởng trong một tầng lớp nào đó, nhất là trong trí thức và sinh viên thì đến năm 1925 - 1926, người ta đều biết tên đó và những tên khác trong nhóm "khai trí tiến đức" ở Hà Nội chỉ là kẻ thừa hành cơ quan đặc vụ của Pháp do tên Chánh mật thám Bắc kỳ Lui Mácty cầm đầu. Tập đoàn của Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long ở Nam cũng vậy Nếu đầu năm 1926,

thanh niên, công chức và dân chúng Sài Gòn tổ chức long trọng cuộc đón tiếp Bùi Quang Chiêu ở Pháp về, thì cách đó không bao lâu, những cử chỉ hành động của bọn đó đã cho người ta thấy rằng chúng cũng chỉ là một phường buôn dân bán nước.

Còn những phong trào do lớp thanh niên trí thức tiểu tư sản duy trì như phong trào học sinh và thanh niên ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn trong những năm đó thì khi lên, khi xuống, bồng bột, thiếu tổ chức, khi bị phong trào chung lôi cuốn thì hăng hái, nhưng hễ bị thực dân khủng bố như khi những người cầm đầu phong trào sinh viên và học sinh ở Hà Nội bị đuổi ra khỏi trường, và những người cầm đầu phong trào thanh niên ở Sài Gòn bị bắt, thì lại dễ xẹp xuống.

Nhưng đối với công nhân và nông dân, thì những năm đó là những năm mà *đời sống vật chất của họ là một bức tranh cực kỳ rùng rợn*. Thời kỳ phồn vinh nhất của kinh tế thuộc địa mà năm 1928 là điểm cao nhất, là kết quả của một chế độ bóc lột tàn bạo, chỉ có thể so sánh được với những trang đen tối nhất của thời kỳ tích lũy sơ khai của chủ nghĩa tư bản. Nếu trước chiến tranh, trong số vốn đầu tư vào Việt Nam, nông nghiệp còn đứng vào hàng thứ tư, thì sau chiến tranh, với chính sách vơ vét nguyên liệu của tư bản tài chính Pháp, vốn bỏ vào nông nghiệp lại được ưu tiên và đứng hàng đầu. Nếu năm 1924 diện tích trồng cao su là 15 000 hécta thì năm 1929 diện tích đó lên tới 100 000 hécta. Nếu năm 1919 số phu các đồn điền cao su mới có 3 000, thì năm 1927 đã lên tới 18 000. Muốn có đất và có nhân công cho các đồn điền cao su và đồn điền lúa, thực dân Pháp tiến hành ráo riết chính sách bần cùng hóa nông dân bằng cách làm cho hàng loạt nông dân bị phá sản, đoạt lấy đất đai của họ, và cưỡng bức họ phải bán mình cho các chủ đồn điền. Nhưng không phải những người nông dân bị phá sản ở các tỉnh thuộc Trung châu Bắc Bộ chỉ bị đưa đi làm phu trong các đồn điền Nam Bộ và Campuchia. Họ còn bị đưa đi làm phu đồn điền trong

các thuộc dia khác của Pháp ở Thái Bình Dương nữa. Từ năm 1920 đến năm 1930, 16.537 người bi đưa đi Tân đảo Các bon chú đồn điền, có chính quyền thuộc địa và nguy quyền phong kiến bán xứ giúp sức, đã dùng những thủ doan cực kỳ dã man, trắng trơn, hung bao để lừa bịp và cưỡng ép nông dân mất sach đất đai, nhà cửa ở các tỉnh Thái Bình, Nam Đinh, Nghê An, Hà Tĩnh phải bán thân cho bon quỷ dữ là tui thực dân chủ đồn diền Những thủ đoan đó đã được vach trần ra môt phần trong những tác phẩm hoăc báo chí của chính người Pháp, như trong cuốn *"Người An Nam và người Pháp"*, của P Monê, *"Những lối ức chế nhân cách"* của G Garô hoăc những tờ báo như *"Ý chí Đông Dương"* (La Volonté Indochinoise) hay là trong tập bút ký của những nhà văn, nhà báo tư sản Pháp như Cami Đơrơvê sang tham quan Viêt Nam hồi đó Vì trong các công ty cao su có sư canh tranh, cho nên chúng vach lưng nhau ra Như tờ báo *"Ý chí Đông Dương"* là cơ quan của công tước Đơ Môngpơra, môt tên thực dân có nhiều đồn điền, hắn bị môt công ty khác canh tranh trong viêc mộ phu để đưa đi Tân đảo, nên hắn xoi mói tất cả những thủ đoạn mô phu gian ác và cách đối xử vô nhân đao đối với phu. Nhưng, cách mô phu và cách đối xử với phu ở đồn điền của Đơ Môngpơra và các đồn điền khác của thực dân Pháp ở Việt Nam cũng không hơn gì. Còn P. Monê là người của đao Tin lành, đao này cạnh tranh với các giáo hôi Giatô, là bon có nhiều ruông đất, nhiều đồn diền và ấp nhất, và cũng là chỗ dựa chắc chắn nhất của bon thực dân phản đông P. Monê đã goi bon thực dân mô phu vào các đồn điền là bon "buôn người da vàng" (La traite des jaunes[1])

Đời sống của các tầng lớp nhân dân lao đông ngày càng đắt đỏ, trước hết do chính sách thuế má của thực dân Ở

1 Có ý so sánh với nghề buôn người da đen (la traite des nègres) rất thinh hành trong bon thương gia ở các nước Tây Âu hồi thế kỷ XVIII, chúng buôn người da đen châu Phi để bán cho bon chủ nô người da trắng ở châu Mỹ

Nam kỳ thuế chiếm 6,3% và ở Bắc kỳ chiếm 7,2% thu hoạch hàng năm của người nông dân, đó là chưa kể các khoản phụ phen tạp dịch mà bộ máy quan lại phong kiến bản xứ trút lên đầu nông dân

Làm ruộng là nguồn sinh sống chính của gần 90% dân Việt Nam, và là thực phẩm chính của toàn dân Việt Nam Nhưng sau chiến tranh, chính sách của thực dân là biến Việt Nam thành chỗ sản xuất lúa gạo để bán ra ngoài năm 1929, số gạo Đông Dương tải ra ngoài là 2 860 309 tấn Như vậy nghĩa là các công ty buôn gạo đi vơ vét ở nông thôn thóc lúa của nông dân với một giá rẻ mạt để bán ra ngoài cho nhiều với một giá "dum-ping" trong lúc đó thì nhân dân trong nước khan gạo phải mua lại của các hãng xay gạo với một giá cắt hong Chính sách muối cũng là một công cụ trong tay thực dân để bóp cổ nông dân Năm 1928, chính phủ thuộc địa do Toàn quyền Paxkiê cầm đầu, mua muối của những người sản xuất với giá 1đ60 một tạ, để bán lại cho người tiêu thụ với giá 4đ50 một tạ[1]

Còn về điều kiện lao việc và sinh sống của người công nhân, thì đại thể như sau trong các hầm mỏ, giờ làm việc từ 11, 12 đến 14 giờ Còn ở các đồn điền cao su thì từ tảng sáng đến tối mờ tối Chủ nhật, ngày lễ không được nghỉ, vì theo chế độ lĩnh tiền công hàng ngày Ở mỏ, tiền công đàn ông một ngày 40 xu, trong đó đã phải trừ đi 11 xu tiền gạo (bắt buộc phải mua gạo của công ty mỏ bán lại) Đàn bà lĩnh từ 25 đến 28 xu, trẻ con từ 15 đến 18 xu Chế độ phạt vì đi trễ, vì nói chuyện, vì cãi nhau với cai, vì việc này, việc nọ, và không phải vì việc gì hết, tiền đút lót cho bọn cai, bọn thầy ký, v v đã trở thành thường lệ

Trong thời kỳ sau chiến tranh, người dân Việt Nam phải đóng một số tiền thuế nhiều gấp ba lần, có nơi gấp bốn lần so với trước chiến tranh, còn giá sinh hoạt thì đắt gấp hai lần,

1 Theo tài liệu của Ban Văn-Sử-Địa (*Cách mạng Việt Nam*, tập IV)

hoặc hơn nữa Nhưng tiền công của thợ thuyền thì lại tăng rất chậm nếu lấy thời gian từ 1910 - 1914 làm mức trung bình là 100, thì năm 1924 là 158 và năm 1928 là 163[1]

Chúng ta phác ra một vài nét như trên về đời sống của quần chúng Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp trong những năm mà chúng thực hiện chương trình "khai thác" thuộc địa lần thứ hai, để chứng minh rằng với tất cả chính sách lừa bịp, gian dối của thực dân và bọn tay sai của chúng, với chính sách tàn sát khủng bố của chúng, chúng không thể nào ngăn ngừa được quá trình giác ngộ cách mạng của nhân dân Việt Nam Với những kinh nghiệm của phong trào từ trong những năm 1924 - 1925, quần chúng nhân dân trước hết là công nhân và nông dân, thấy rằng cách mạng cần phải tiến lên, tiến hơn nữa, phải có một cơ sở tư tưởng vững chắc, một phương hướng rõ ràng cho cách mạng, và lực lượng cách mạng phải được tổ chức chặt chẽ

6. Giai cấp công nhân Việt Nam trên đường giành quyền lãnh đạo cách mạng

Có thể nói trước hết là nhờ đời sống thực tế giáo dục, giai cấp công nhân đã trưởng thành khá nhanh chóng và từ 1926 trở đi, sự trưởng thành đó biểu hiện ở sự cố gắng để hoạt động như một lực lượng chính trị độc lập và để tranh thủ quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam về mình Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đã phát triển được tương đối nhiều cơ sở tổ chức của mình ở ba kỳ, về lập trường tư tưởng, tuy chưa phải là một đảng hoàn toàn mácxít, nhưng nhờ có quan hệ với quần chúng hơn trước, nhờ đã có cơ sở tổ chức trong nước, nên đã tiến bộ hơn lúc mới thành lập Có thể nói năm 1927 là một bước ngoặt, vì tháng bảy năm đó ở Đại hội của Đảng ở Thừa Thiên, *Đảng công nhân chương trình của Quốc tế Công sản*[2]

1 Theo tài liệu cũ của Pháp, "Statistique générale de l'indochine"

2 Theo một tài liệu của đồng chí Hà Huy Tập, viết năm 1931 (N K T)

Thời kỳ từ năm 1927 cho đến lúc Đảng Công sản Đông Dương ra đời là thời kỳ tích cực phat triên cơ sở tổ chức cua Hôi, và của các tổ chức quần chúng do Hôi lãnh đao· Công hôi, Nông hôi, Hoc sinh hôi, là thời kỳ tuyên truyền manh hơn tư tưởng Mác - Lênin qua báo chí bí mât của Hôi và là thời kỳ Hôi ngày càng tích cực lãnh đao nhiều cuôc đấu tranh của quần chúng Đồng thời, cũng là thời kỳ *phân hoa* ngày càng thêm sâu trong hàng ngũ cách mang Sư phân hóa đó đat đến cao đô năm 1929, khi ở ba kỳ thành lâp ba nhóm Công sán, để rồi đầu tháng hai năm 1930, đi đến kết quả tất nhiên của nó, đi đến biến cố lich sử trong đai, là sư *xuất hiên Đáng Công sản Đông Dương* Người đã đóng vai trò tích cực hơn hết để chuân bi cho biến cố đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc

Ngoài thưc tế Viêt Nam đã giáo duc môt cách trưc tiếp và rất thiết thưc cho giai cấp công nhân, và do đó đã đẩy manh sư trưởng thành của giai cấp công nhân về chính tri và về tổ chức, còn có những biên cố trên thế giới, đã ánh hưởng không ít đến quá trình đó Những biến cố đó trước hết là cuôc *phản biến của Tương Giơi Thach* đối với cách mang Trung Quốc năm 1927 Sư kiên đó đã làm cho các dân tôc bi áp bức mở mắt ra, mà trước hết là dân tôc Viêt Nam, láng giềng của Trung Quốc và cách mang Viêt Nam lai chiu ánh hương rất sâu của cách mang Trung Quốc Ho thấy rằng ở môt nước thuôc đia, hay nửa thuôc đia hễ giai cấp tư sản, nhất là phái hữu, lên cầm quyên, thì dễ ngả về phe đê quốc để câu kết với bon đế quốc, đê han chế cách mang, han chế công nông, thâm chí đi đến thu tiêu những thành quả của cách mang, trấn áp và tàn sát công nông Sư phản biến của Tưởng Giới Thach và sư phân biệt giữa Quốc - Công năm 1927 là môt bài hoc rất lớn đối với cách mang thuộc địa nói chung Do đó mà giai cấp công nhân Viêt Nam thấy rằng mình cần phải có môt đáng manh, và phải giành lấy chính quyền lãnh đao cách mang

Tiếp đó, biến cố thứ hai đã rung động đến Việt Nam là *Công xã Quảng Châu cuối năm 1927* Công xã lại càng làm cho người ta thấy rõ chân tướng phản cách mạng của chính quyền Tưởng, đại diện cho bọn đại tư sản mại bản, quan liêu và cho bọn đại địa chủ Trung Quốc; biến cố đó cũng làm cho người ta trông thấy tính chất bấp bênh, không triệt để, dao động của phái tiểu tư sản, mà tiêu biểu là chính phủ phái tả Vũ Hán, do Uông Tinh Vệ cầm đầu[1]. Một mặt khác, Công xã Quảng Châu lại làm cho người ta trông thấy tinh thần anh dũng của giai cấp công nhân Trung Quốc, quyết tâm cầm vũ khí chống lại sự phản biến của Quốc dân Đảng, đồng thời bằng hành động đó, phân biệt rõ bạn và thù, và từ nay, với lực lượng của mình, sẽ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc đi theo con đường mới, con đường dân chủ mới và sẽ đưa cách mạng đến thành công Vì vậy từ 1929 trở đi, Đảng tổ chức những đơn vị đầu tiên của Hồng quân Trung Quốc và phát triển cách mạng ở các tỉnh miền Nam Trung Quốc Dựa vào khối liên minh công nông và thành lập ở đấy những cơ quan chính quyền kiểu mới, chính quyền công nông dưới hình thức *xô viết* Cũng nên nhắc rằng, trong thời gian đó, Đảng Công sản Pháp càng tích cực ủng hộ phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam Bên cạnh những lớp thanh niên cách mạng Việt Nam sang Trung Quốc ngày càng nhiều từ năm 1924 - 1925, được Đảng Công sản Trung Quốc giúp đỡ và giáo dục, cũng có những thanh niên cách mạng Việt Nam sang Pháp, ở đó họ được Đảng Công sản Pháp giáo dục, và từ năm 1926 - 1927 nhiều người được Đảng cử đi học trường Đại học Đông phương (trường Đảng) ở Mạc Tư Khoa.

Sau nữa, trong những năm 1924 - 1925 - 1926, tại các nước thuộc địa ở Á-Phi, như *Ấn Độ, Indônêxia, Marốc,*

1 Về sau, Uông Tinh Vệ theo Tưởng và năm 1936, sau sự biến ở Tây An, thì hẳn ra đầu hàng Nhật, đứng đầu chính quyền bù nhìn do Nhật dặt ra Chết trước khi Nhật đầu hang

Xy-ri, v v phong trào phản đế lên rất cao, và đã có tiếng vang lớn đến Việt Nam Một mặt, bản thân những phong trào đó chứng minh sự khủng hoảng của cả hệ thống chủ nghĩa đế quốc, của chủ nghĩa thực dân, và khiến cho cách mạng Việt Nam thấy rằng mình không cô lập, càng kích thích lòng tin tưởng và tinh thần chiến đấu của nhân dân Việt Nam Mặt khác, những phong trào đó đều thất bại, cũng chỉ cho cách mạng Việt Nam thêm một kinh nghiệm nữa là cách mạng muốn thành công thì phải đi theo con đường mới và nhất là phải có một giai cấp cách mạng mới để lãnh đạo cách mạng

Sau cùng, năm 1928, ở Mạc Tư Khoa, *Quốc tế Cộng sản họp Đại hội lần thứ VI* Đại hội thảo ra và thông qua bản đề cương về thuộc địa, đề cương này bổ sung và phát triển bản đề cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa trình bày ở Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản năm 1920

Bản đề cương của Quốc tế Cộng sản là cương lĩnh của cách mạng thuộc địa, nó vạch ra một đường lối rõ ràng cho cách mạng thuộc địa Đó là một văn kiện rất quan trọng, nhất là cho những nước như nước ta, nơi mà Đảng Cộng sản ra đời chậm hơn nhiều nước khác

Như vậy là thực tế trong nước và những biến cố trên thế giới từ 1926 - 1927 trở đi đã thúc đẩy nhanh chóng sự lớn mạnh của giai cấp công nhân Việt Nam tạo điều kiện để trong hoàn cảnh mới, khi thời kỳ ổn định tương đối của chủ nghĩa tư bản kết thúc và thế giới tư bản bước vào giai đoạn mới của cuộc tổng khủng hoảng của nó, mở đầu là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1930, có thể *giành được quyền lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, và từ đó sẽ luôn luôn là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng*

Sự trưởng thành nhanh chóng của giai cấp công nhân Việt Nam, và do đó cách mạng Việt Nam ngày càng tiến mạnh, lực lượng cách mạng Việt Nam ngày càng thêm hùng

hâu, là do môt nguyên nhân bao quát, trùm lên hết thảy các nguyên nhân mà chúng ta đã trình bày: đó là nhờ thắng lơi của *Cách mang tháng Mười xã hội chủ nghĩa, nhờ sư tồn tai, củng cố và phát triển của Liên Xô*, nó là yếu tố quyết đinh trong viêc làm suy yếu hê thống tư bản chủ nghĩa thế giới, tạo nhiều điều kiên thuân lơi cho cách mang thế giới, kích thích, động viên, tâp hơp, gây lòng tin tưởng, phát huy tính sáng tao của lực lương cách mạng thế giới Nên ghi rằng lúc mà giai cấp công nhân Viêt Nam đã trở nên lực lượng độc lâp trên trường chính trị, khi mà Đảng Công sản Đông Dương xuất hiên, thì cũng là lúc mà ở Liên Xô, thời kỳ chính sách kinh tế mới đã kết thúc, phong trào tâp thể hóa nông nghiêp đang phát triển và nền kmh tế xã hôi chủ nghĩa đang thực hiên thắng lơi kế hoach 5 năm lần thứ nhất Đó là những thắng lợi lich sử, có quan hê đến tiền đồ của thế giới, của hệ thống xã hôi chủ nghĩa.

Trong tất cả những thắng lơi của Liên Xô trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, có môt thắng lơi to lớn đã gây xúc động trực tiếp và sâu sắc đến các dân tôc bi áp bức và phong trào giải phóng dân tôc ở các thuôc đia Đó là sự thành lâp *Liên bang các nước công hòa xã hôi chủ nghĩa Xô viết*, một cộng đồng của các dân tộc khác nhau nhưng bình đẳng và gắn bó với nhau bằng sư giúp đỡ lẫn nhau và hợp tác với nhau

Khi mới thành công, Cách mang tháng Mười đã gây chấn đông các dân tộc bi áp bức do chính sách dân tôc của Lênin, tức chính sách giải phóng các dân tôc bi áp bức trong đế quốc Nga hoàng, công nhân họ có quyền tư quyết, cả đến quyền tách ra thành môt nước đôc lâp Ba Lan, Phần Lan, v v.. đã được Cách mang tháng Mười giải phóng Cách mạng cũng đã tuyên bố hủy bỏ tất cả những đặc quyền đặc lơi của đế quốc Nga hoàng ở những nước khác, như ở Trung Quốc chẳng han.

Thời kỳ này, sau khi Liên Xô đã thắng lợi vẻ vang trong cuộc nội chiến và trong cuộc kháng chiến chống can thiệp vũ trang của bọn đế quốc, đã bước đầu đạt được những thắng lợi trong sự nghiệp và xây dựng kinh tế và văn hóa thì, giai cấp công nhân và nhân dân Nga đã ra sức giúp đỡ cho các dân tộc nhỏ yếu, là các dân tộc đã góp sức với công nông Nga để đưa Cách mạng tháng Mười đến thắng lợi. Nhờ sự giúp đỡ tận tình đó, các dân tộc này đã trưởng thành mau chóng, và đã tự nguyện liên kết với nhân dân Nga thành một đại gia đình trong đó không còn sự áp bức dân tộc nữa, nhưng mỗi dân tộc vẫn giữ sắc thái riêng của mình, nền văn hóa riêng của mình và có mọi khả năng để phát huy sắc thái đó. Thế là lần đầu tiên trong lịch sử đã xuất hiện một loại *dân tộc mới, dân tộc xã hội chủ nghĩa không cần phải kinh qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa* để hình thành, mà nhờ Cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng cho, nhờ sự giúp đỡ và hợp tác của giai cấp công nhân thắng lợi nên đã trưởng thành mau chóng, đã được hưởng quyền bình đẳng và sự tương trợ của các dân tộc khác, cùng với các dân tộc khác kết thành một khối *liên minh tự nguyện*, trong đó tất cả mọi quyền lợi cơ bản của từng dân tộc được tôn trọng.

Liên Xô xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, thế giới tư bản chủ nghĩa tiến sâu thêm vào cuộc khủng hoảng chung của nó, Đảng Cộng sản Đông Dương giành được địa vị lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đó là những điều kiện căn bản thuận lợi để cho ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, để cho tư tưởng Mác - Lênin ngày càng lan rộng và ăn sâu vào thực tế Việt Nam. Kết quả này cũng đã tạo nên một nhân tố khác, năm 1945, mười lăm năm sau khi Đảng ra đời, Đảng đã lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công, và qua tám năm kháng chiến thắng lợi, đã hoàn toàn giải phóng một nửa nước, hoàn thành cách mạng phản đế và phản phong ở miền Bắc và đưa nước *Việt Nam dân chủ cộng hòa vào khối của các*

nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới Hiện nay Đảng đang lãnh đạo thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh anh dũng để thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà

Nhờ có Cách mạng tháng Mười thắng lợi mà chúng ta thấy rằng đối với Việt Nam, trong vòng 45 năm, bánh xe lịch sử quay nhanh hơn là trong hàng thế kỷ, đầu tầu của cách mạng Việt Nam chạy nhanh hơn là trong hàng thế kỷ Mà trong thời gian đó, tinh thần anh dũng và sức sáng tạo của những lực lượng cách mạng Việt Nam đã viết nên những trang lịch sử lẫm liệt, chói lọi và bất diệt ngang với những trang anh hùng nhất trong hai nghìn năm lịch sử của dân tộc

Trong thời kỳ trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam về ý thức và tổ chức, nghĩa là trong giai đoạn từ 1926 đến khi Đảng Công sản Đông Dương ra đời, phong trào cách mạng Việt Nam có một xu hướng nữa mà chúng ta cũng cần nhắc lại và phân tích, đó là phong trào *Việt Nam quốc dân Đảng*

Đảng này xuất hiện khi nhân dân Việt Nam, trước sức tấn công dã man của chủ nghĩa đế quốc, đã hết tin tưởng vào những lời hứa hão của bọn thực dân, và cũng không còn ảo tưởng gì nữa đối với chính sách "Pháp - Việt hợp tác", "Pháp - Việt đề huề" của bọn đại tư sản mại bản và bọn đại địa chủ thân Pháp và bọn tay sai của thực dân Pháp Về thành phần xã hội, đại bộ phận Việt Nam quốc dân đảng gồm những phần tử trí thức, tiểu tư sản thành thị, công chức, giáo viên (một số nhà văn, nhà báo, học sinh), các tầng lớp trên ở nông thôn (lý phú, hào nông) và quân nhân Việt Nam cấp trên như đội, quản[1]. Nhưng về lập trường thì đảng đó tiêu biểu cho xu hướng và nguyện vọng của phái cấp tiến, cánh tả của

1 Hồi đo, nếu không có quốc tịch Pháp, người Việt Nam chỉ được làm hạ sĩ quan, không được làm sĩ quan

giai cấp tư sản dân tộc Đang do chủ trương Việt Nam độc lập với một chính thể công hòa dân chủ tư sản đại nghi

Lịch sử của đảng đó rất ngắn ngủi, thực tế đến năm 1929, khi bị thực dân bắt gần hết những người lãnh đạo thì đảng này bị tan rã Cuộc khởi nghĩa Yên Bái tháng hai 1930 chỉ là tiếng vang ầm ĩ báo hiệu sự sup đổ của đảng đó Trong các đang phái thuộc xu hướng dân tộc chủ nghĩa tư sản trong thời kỳ đo, thì Việt Nam quốc dân đảng là một đảng cấp tiến hơn cả, co một cơ sở tổ chức vững hơn những đảng phái của bon tư san mai bản và địa chủ, như Đảng lập hiến chẳng hạn Vậy thì vì sao số phân của nó lại non yếu như vậy? Nếu đảng đó sinh trưởng trong thời kỳ trước chiên tranh hoặc ngay sau chiên tranh thì có lẽ ánh hưởng và thế lực của nó có thể bành trướng hơn Nhưng trong những thời kỳ đó, chưa thể có một đảng như vậy được, vì trong thời kỳ trước chiến tranh, giai cấp tư sản Việt Nam mới chỉ là mầm mống mà thôi, còn mấy năm sau khi chiến tranh kết thúc thì giai cấp đó chỉ mới thành hình, thế lực kinh tế chưa có gì đáng kê, về tư tương thì còn mong hợp tác với thực dân Pháp

Khi giai cấp đó đã lớn lên so với trước chiến tranh, nó lại bị chiến tranh chèn ép, kìm hãm, và khi giai cấp này bắt đầu giác ngộ về quyền lợi của họ, có tổ chức ra một chính đảng nhằm lãnh đạo cách mang và đưa cách mang đi theo con đường của họ, thì *giai cấp công nhân va nông dân Việt Nam, la những lực lương chủ yêu của cách mang, đã đi được mot quãng đường khá xa rôi, đã vượt qua họ rôi*

Khi Việt Nam quốc dân đảng thành lập, tuy Đảng Công san chưa xuất hiên nhưng quần chúng nhân dân, nhất là giai cấp công nhân đang trương thành, mà sư trưởng thành của họ đi theo một phương hướng khác, theo phương hướng tư đứng ra làm *một lực lương chính trị độc lập va làm lực lương lãnh đao cach mang*, theo phương hướng đưa cách mang giải phóng dân tộc Việt Nam vào con đường dân chủ

mới, dân chủ nhân dân, chứ không phải vào con đường dân chủ tư sản cũ nữa

Học thuyết Mác - Lênin và kinh nghiệm lịch sử, trước hết là kinh nghiệm lịch sử cách mạng Nga, cũng dạy cho chúng ta rằng so với những nước mà cách mạng tư sản đã thành công trong khi chưa có một giai cấp vô sản tiến bộ, thì ở nơi nào cách mạng tư sản nổ ra chậm nhưng lại có *một giai cấp vô sản tiến bộ hơn*, nơi đó cuộc cách mạng tư sản sẽ tiến hành trong những điều kiện thuận lợi và tiến bộ hơn, nghĩa là cách mạng có nhiều khả năng chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa

Đứng về hoàn cảnh Việt Nam mà nói, thì vào lúc mà giai cấp tư sản dân tộc mới bắt đầu có chính đảng theo ý nghĩa hiện đại, tuy giai cấp vô sản chưa có đảng tiền phong của mình, nhưng hướng phát triển của cách mạng Việt Nam nói chung, và của giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng, đã vượt qua khuôn khổ của cách mạng tư sản theo lối cũ rồi Đó cũng là một quy luật tất nhiên, không tránh khỏi, bởi vì giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam trưởng thành trong một hoàn cảnh lịch sử mới, trong hoàn cảnh *sau Cách mạng tháng Mười*, cho nên hàng ngũ cách mạng phân hóa càng nhanh, giai cấp công nhân và nhân dân lao động trưởng thành càng nhanh, và nếu giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc thì cách mạng đó nhất định có tính chất dân chủ nhân dân Vì vậy không phải nó chỉ có khả năng, mà *nhất định* nó sẽ chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa

Do đó, những đảng như Việt Nam quốc dân đảng, mặc dầu trong giai đoạn phát triển đầu của nó (cho đến khởi nghĩa Yên Bái) tỏ ra cương quyết, nhiều nhà lãnh đạo của đảng đó như Nguyễn Thái Học, Xứ Nhu, Ký Con, Phó Đức Chính, v v là những nhà cách mạng kiên trinh, đảng đó vẫn không tranh thủ được quảng đại quần chúng nhân dân,

vẫn không thể có cơ sở rông lớn trong quần chúng lao đông Viêt Nam đươc Sau khi đáng bi tan rã, dù có những cố gắng đê khôi phuc lai đáng, song những cố gắng đó lai càng không thế mang lai kết quả gì bởi vì, khi sự tồn tai của đảng đó cáo chung với cuôc khởi nghĩa Yên Bái thì đảng tiền phong cúa giai cấp công nhân Viêt Nam, Đảng Công sản Đông Dương, vừa xuất hiên

7. Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đao cách mang di từ thắng lơi này đến thắng lợi khác

Và từ đó về sau, hàng ngũ cua Viêt Nam quốc dân đảng cũ phân hóa rất nhanh và rất rõ rêt Những phần tử ưu tú nhất, những phần tử cách mang chân chính thì theo lá cờ của Đảng Cộng sản Đông Dương Còn môt nhóm khác thì dưới cái tên cũ, đã làm những viêc hai dân hai nước, tập hợp những phần tử mất gốc, gián điêp, đặc vu, phản cách mang, không còn bản chất cách mang gì nữa Đó cũng là môt quy luật tất nhiên của con đường phát triển của cách mang Vì vậy cho nên sau khởi nghĩa Yên Bái, những cố gắng của Viêt Nam quốc dân đảng để gây lai thanh thế đã không có ảnh hưởng gì trong nhân dân, sau Cách mang tháng Tám, khi những bon muốn lấy danh nghĩa của Viêt Nam quốc dân đảng đê chống lai cách mang, thì tất cả những người yêu nước, dù không phải là người công sản, không ai không coi chúng là kẻ thù của cách mang, kẻ thù của dân tôc Như vây chúng ta thấy rằng ở Viêt Nam, sau khi giai cấp công nhân đã lớn lên, nó trưởng thành rất mau về phương diên giai cấp, đến nỗi ngoài đảng tiền phong ây ra, không thể có môt đảng nào khác có thể giành đươc quyền lãnh đao cách mang Vì vây từ sau khi Đảng ta thành lâp, măc dù có những lúc bi kẻ thù khủng bố rất năng nề, khủng khiếp, như năm 1930 - 1931, và năm 1940, phong trào cách mang Viêt Nam vẫn luôn luôn giương cao ngon cờ chiến đấu, luôn luôn tiến lên, và đi đến tổng khởi nghĩa thắng lơi hồi tháng Tám

1945 Điều đó chứng tỏ giai cấp công nhân là giai cấp cách mang hơn hết, là giai cấp trung thành với cách mang hơn hết, và nắm chắc hơn hết thắng lơi của cách mang

Chúng ta cũng nên nhắc lai rằng, chính những năm mà phong trào cách mang và Đáng bi thưc dân khủng bố tàn nhẫn nhất, như năm 1930 - 1931, thì những nhóm do bon tay sai của thưc dân Pháp cầm đầu như nhóm Quỳnh, Vĩnh ở Bắc hoặc do bon đai đia chủ và tư sản mai bản cầm đầu như nhóm Chiêu, Long ở Nam, càng múa may ráo riết Nhưng kết quả là nhân dân càng chán ghét bon chúng, chúng càng lô măt là những tên tay sai hèn ha của thưc dân Nếu trong thời kỳ sau chiến tranh, những năm 1924 - 1925, chúng còn gây đươc ít nhiều cơ sở trong đám trí thức công chức ở thành thi, thì sau năm 1930, uy tín của chúng không đáng kể

Cũng vì vây nên sau môt thời gian bi kẻ thù phá hoai hầu hết cơ sở, Đảng Công sản Đông Dương lai khôi phuc đươc quan hê với quần chúng, khôi phuc đươc cơ sở, uy tín của Đáng trong nhân dân càng đươc đề cao, Đảng lai ra lãnh đao cao trào cách mang khác như cao trào dân chủ trong thời kỳ Măt trân nhân dân, măc dù có bon tơrốtkít tích cưc phá hoai Kế đó là phong trào khởi nghĩa năm 1940, phong trào chống Nhât trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai Uy tín của Đảng ngày càng lớn, ngày càng đi sâu vào các tầng lớp nhân dân, cho đến khi Đảng lãnh đao Cách mang tháng Tám thắng lơi

Cách mang tháng Tám thắng lơi đươc vì có Đảng Công sản Đông Dương lãnh đao, mà Đảng Công sản Đông Dương là sản phẩm của ảnh hưởng của Cách mang tháng Mười đối với cách mang Viêt Nam Cách mang tháng Tám thắng lơi đươc là vì Liên Xô đã đánh quy khối phát xít, tức là làm cho hê thống của chủ nghĩa đế quốc, hê thống của chủ nghĩa thưc dân càng suy nhươc, và tao điều kiên cho Cách mang

tháng Tám thắng lợi Thắng lợi của Liên Xô đối với chủ nghĩa phát xít là sự tiếp tục và phát triển thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, thắng lợi của hệ thống xã hội chủ nghĩa đang tiến lên đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa đang sụp đổ Nói một cách khác, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam cũng là sản phẩm của sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa

Vì thắng lợi của Cách mạng tháng Tám dựa trên một cơ sở vững chắc như vậy cho nên khi kẻ thù của cách mạng, khi bọn thực dân đình xâm lược lại đất nước ta hòng thủ tiêu thắng lợi của cách mạng, chúng đã vấp phải sức kháng cự của cả một dân tộc đứng lên làm cuộc kháng chiến thần thánh dưới lá cờ của Đảng của giai cấp công nhân Không có Đảng Cộng sản Đông Dương, và kế tiếp Đảng Cộng sản Đông Dương là Đảng Lao động Việt Nam, thì nhất định không thể có được tinh thần đấu tranh bền bỉ, tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn của dân và quân ta trong 8-9 năm trời Đành rằng tinh thần quật khởi của dân tộc, truyền thống chiến đấu và đoàn kết của dân tộc ta vốn có từ lâu đời, nhưng chính nhờ sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân ta mới phát huy được tinh thần và những truyền thống đó đúng hướng và tới mức độ cần thiết, mới kết hợp được với triển vọng của phong trào dân chủ và hòa bình thế giới, với lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa, với uy thế của Liên Xô và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, với sự tan rã của chủ nghĩa thực dân, với những mâu thuẫn trong nội bộ của phe đế quốc chủ nghĩa, để đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ và hiệp nghị Giơnevơ

Cách mạng tháng Tám của ta thành công, cuộc kháng chiến của ta trong tám năm đã đưa lại hòa bình cho Đông Dương và hoàn toàn giải phóng miền Bắc, hai biến cố

trong đại đó trong lịch sử chiến đâu của dân tộc ta gắn chăt với những thắng lơi lịch sử vĩ đai của Liên Xô trong cuộc đấu tranh khổng lồ, quyết đinh vân mênh của nhân loai hiên nay, giữa chủ nghĩa xã hôi đang lên và chủ nghĩa tư bản suy vong Cách mang tháng Tám thành công lúc Liên Xô đã tiêu diêt khối phát xít, giải phóng cho môt loat nước ở châu Âu và châu Á, giúp cho những nước đó tiến lên chủ nghĩa xã hôi, khiến cho *chủ nghĩa xã hôi trở thanh môt hê thống thế giới*

Cuộc kháng chiến của Viêt Nam thắng lơi và hòa bình lập lai ở Đông Dương vào lúc cách mang Trung Quốc đã thắng lơi, nước Công hòa nhân dân Trung Hoa xuất hiện trên thế giới như tru côt của nền hòa bình ở châu Á, khi mà nhờ Cách mang Trung Quốc thắng lơi, trong lực lương so sánh giữa phe hòa bình và phe gây chiến, lực lương tiến bô và lực lương phản đông, *cán cân đã nghiêng về phe hòa bình, về phe tiến bô, thế giới càng có nhiều khả năng hơn để duy trì và bảo vệ hòa bình,* loài người có nhiều điều kiên thuân lợi để tiến bô

Hiên nay, Việt Nam đang đứng trước hai nhiêm vu cách mang. xây dưng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình để thống nhất nước nhà Hai nhiêm vu đó tiến hành song song trong sư liên quan mât thiết với nhau Sư nghiệp cúng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hôi nhất đinh sẽ thành công rực rỡ vì đó là ý chí, là mục tiêu đấu tranh của nhân dân ta không phải bắt đầu từ bây giờ mà từ trên 30 năm nay, và vì ngày nay chúng ta đi vào con đường của chủ nghĩa xã hôi trong sư hợp tác anh em, trong tình hữu nghi và đoàn kết nhất trí, trong tinh thần tương trơ bình đẳng và vô tư giữa các nước trong phe xã hôi chủ nghĩa. Sư nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hôi của miền Bắc có môt triển vong sáng sủa như vây nên sư nghiệp đấu tranh thông nhất Bắc - Nam của chúng ta chắc chắn cũng sẽ thành công rực rỡ, bởi vì cúng cố miền Bắc và thống

nhất nước nhà là hai nhiệm vụ gắn bó khăng khít với nhau. Cũng như ý chí độc lập và ý chí tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa, ý chí thống nhất nước nhà không phải chỉ là ý chí của nhân dân ta trong giai đoạn này. Đó là ý chí của cả dân tộc Việt Nam từ lâu đời, mà từ ngày có Đảng Công sản Đông Dương, nó lại càng biểu hiện một cách đanh thép. Ý chí đó biểu hiện trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, trong thắng lợi của kháng chiến, trong những điều khoản của Hiệp nghị Giơnevơ. Ý chí đó đang biểu hiện trong công cuộc củng cố miền Bắc và trong tinh thần đấu tranh bền bỉ của nhân dân miền Nam. Ý chí đó dựa trên cả một sức hậu thuẫn vô cùng tận, đó là sự đoàn kết nhất trí ngày càng chặt chẽ trong phe xã hội chủ nghĩa, sự đoàn kết chặt chẽ nhất trí trong các dân tộc đang đấu tranh để giành độc lập và giữ gìn độc lập, sự đoàn kết nhất trí trong các lực lượng hòa bình thế giới. Mỗi một thắng lợi của cách mạng ta hoặc của bất cứ nước nào, đều do sự cố gắng của chúng ta, và của nhân dân nước đó là chính. Song, từ sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi, từ khi trên thế giới có hệ thống xã hội chủ nghĩa, và trong mỗi một thử thách lịch sử, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng tỏ rõ tính hơn hẳn của nó, thì sự cố gắng của ta lại được thêm sự hỗ trợ của cả phe xã hội chủ nghĩa. Cho nên, dù cuộc đấu tranh gian khổ, phức tạp đến đâu, âm mưu của kẻ thù quỷ quyệt, thâm độc đến đâu, *thắng lợi cũng nhất định sẽ về ta*.

Chúng ta là thế hệ sinh trưởng trong nửa đầu thế kỷ XX đã được mục kích những biến động lừng lẫy trong lịch sử nhân loại cũng như trong lịch sử dân tộc ta từ 40 năm trở lại đây, và do sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa đưa lại. Những biến động đó đã thúc đẩy lịch sử thế giới hiện đại trong 45 năm qua tiến những bước rất nhanh. Riêng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, thì biến cố trọng đại bậc nhất, có tính chất quyết định, là sự xuất hiện của *Đảng Mác - Lênin, Đảng tiền phong*

của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Đông Dương, mà người thừa kế vẻ vang là Đảng Lao động Việt Nam hiện nay. Biến cố trong đại thứ hai, và là kết quả của sự xuất hiện của Đảng Công sản Đông Dương và dưới sự lãnh đạo của Đảng, là *Cach mang tháng Tám thành công, và kế đó là cuộc kháng chiến trong tám năm*, nó tiếp tục sự nghiệp của Cách mang tháng Tám Biến cố trong đại thứ ba, và là kết quả của *kháng chiến thăng lợi, là hòa bình lập lại ở Đông Dương, nửa nước Việt Nam hoàn toàn giải phong khỏi ách đế quốc, hoàn thành cách mang chống phong kiến, và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội*

Trong gần 100 năm dưới ách nô lệ, 70 năm ròng dân tộc ta bao phen anh dũng chiến đấu không tiếc hy sinh dòng máu thiêng liêng của những người con ưu tú của dân tộc, nhưng mỗi cuộc đấu tranh lại thất bại, bao nhiêu đau khổ lầm than vẫn đè lên lưng nhân dân ta Nhưng trong gần 30 năm về sau, cục diên căn bản đã biến đổi Sau khi Cách mang tháng Mười xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nhân dân ta đã thấy được ánh sáng của chân lý, giai cấp công nhân đã nắm lấy và giương cao được ngọn cờ giải phóng dân tộc, đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc từ thắng lợi này đến thắng lợi khác Vì vậy mà trong hai giai đoạn của đời sống của dân tộc ta trong gần một thế kỷ, chúng ta thấy trong gần 30 năm về sau, bước tiến của dân tộc ta là bước tiến có một không hai trong suốt cả lịch sử nước nhà

Từ ngày Cách mang tháng Mười thắng lợi, từ ngày có phong trào công sản thế giới, lịch sử loài người tiến rất nhanh, lịch sử nước ta cũng đã theo kịp dà tiến đó, bởi vì Cách mang tháng Mười đã vạch ra cho nhân loại con đường giải phóng và con đường thắng lợi, đã phát huy được nghị lực sáng tạo của kẻ sáng tạo ra lịch sử là nhân dân lao động

Khi nói đến hoàn cảnh lịch sử trong đó nước ta đã tiếp thu ảnh hưởng của Cách mang tháng Mười và chủ nghĩa

Mác - Lênin, chúng ta có nói rằng sự tiếp thu đó là qua tinh thần yêu nước của những phong trào chống Pháp trước chiến tranh, trong đó những lớp người cách mạng phần nhiều xuất thân trong đám nho sĩ là cốt cán. Đặc điểm đó đã có một ảnh hưởng nhất định đối với sự phát triển về bề sâu của chủ nghĩa Mác - Lênin trong một thời gian nhất định. Nhưng chúng ta cũng không nên quên rằng trong quá trình phát triển cách mạng ở nước ta, đặc điểm đó cũng đã có một ảnh hưởng tích cực nhất định. Một đặc điểm trong lịch sử cách mạng nước ta là khả năng đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân dưới ngọn cờ của cách mạng. Đành rằng tinh thần quật khởi của dân tộc được bồi dưỡng trong hàng nghìn năm chiến đấu cho độc lập, không thể không có tác dụng đối với quá trình phát triển của cách mạng, nhất là trong giai đoạn giải phóng dân tộc của nó.

Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có thể tập hợp và đoàn kết xung quanh mình đông đảo quần chúng nhân dân lao động, đó cũng là một việc dĩ nhiên. Song ở Việt Nam, có chỗ khác so với nhiều nước cùng ở trong hoàn cảnh như ta, là ở ta sự đoàn kết dân tộc, *mặt trận dân tộc thống nhất nói chung bao giờ cũng rất rộng rãi*. Đặc điểm đó, chúng ta thấy rất rõ trong Cách mạng tháng Tám, trong kháng chiến và trong giai đoạn đấu tranh hiện tại, mà Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là tiêu biểu. Các dân tộc anh em, các dân tộc bạn, thậm chí cả quân thù cũng đều công nhận điều đó. Không những cách mạng ta có khả năng đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong nước, mà Việt kiều ở hải ngoại, bất cứ ở đâu, và bất cứ thuộc tầng lớp nào, khi Cách mạng tháng Tám thành công cũng như trong thời kỳ kháng chiến, khi hòa bình lập lại cũng như trong cuộc đấu tranh củng cố miền Bắc và thống nhất nước nhà hiện nay, đều luôn luôn hướng về Tổ quốc, đều hướng về cách mạng, đều hướng về nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đều hướng về Hồ Chủ tịch.

Đặc điểm đó - một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng - một phần lớn là sản phẩm của hoàn cảnh và truyền thông lịch sử, nhờ nó, nước ta đã tiếp thu ảnh hưởng của Cách mang tháng Mười và nhờ nó, tư tưởng Mác - Lênin bắt đầu phát triển ở nước ta. Nhân vật tiêu biểu và kết tinh cho những truyền thống đó chính là vị lãnh tụ của Đảng và của dân tộc, là *Hồ Chủ tịch*, mà đời sống và hoạt đông gắn liền với lịch sử cách mang Việt Nam, với những thắng lợi của Cách mang Việt Nam

Cố nhiên, trong khi phát huy đến cao đô tính tích cực của đặc điểm đó, *Đảng ta vẫn đứng trên lập trường của giai cấp vô sản, của chủ nghĩa quốc tế vô sản, và dựa trên khối liên minh công nông.*

Đặc điểm thứ hai mà chúng ta cũng cần phải nói tới, và nó cũng do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt trong đó chúng ta đã tiếp thu ảnh hưởng của Cách mang tháng Mười, và chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát triển ở ta Đặc điểm này, có thể nói là cái trái ngược của đặc điểm trên

Ở phần trên, chúng ta có nói rằng lúc Cách mang tháng Mười xảy ra, và khi chủ nghĩa Mác - Lênin bắt đầu phát triển, thì, khác với các nước châu Âu, ở nước ta chưa có một đảng xã hội hay xã hội - dân chủ, và chưa có phong trào công nhân thành thực Đảng Công sản Đông Dương là sản phẩm trực tiếp của Cách mang tháng Mười thắng lợi, chứ không phải là kết quả của sự phân liệt của một phong trào công nhân cũ, trong đó phe tả tách ra để thành lập một đảng mới - Đảng Công sản, như ở các nước Tây Âu Ở châu Âu, phong trào công nhân đã có đến hàng trăm năm truyền thống, nhưng từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trong 30, 40 năm, phong trào đó đã phải chịu sự chi phối của chủ nghĩa cơ hội, của chủ nghĩa cải lương của Quốc tế thứ hai. Tuy nhiên sau Cách mang tháng Mười, nhất là sau khi thành lập Quốc tế Công sản, khi mà phe tả trong

các đảng xã hội đã tách ra khỏi Quốc tế thứ hai để thành lập các Đảng Công sản và gia nhập Quốc tế Công sản rồi, thì ảnh hưởng của tư tưởng xã hội - dân chủ cũ chưa phải đã tẩy sạch được trong hàng ngũ của Đảng Công sản Vì vậy nên trong một thời gian lâu, nhất là trong thời kỳ ổn định tương đối của chủ nghĩa tư bản, và cả ngay trong thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ hai, các đảng đó đã nêu những nhiệm vụ quan trọng như bônsêvích hóa Đảng, tăng cường giáo dục lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường đấu tranh chống nguy cơ phát xít và nguy cơ chiến tranh, tích cực ủng hộ cách mạng thuộc địa, v.v Ở ta thì có khác, một là vì phong trào công nhân sinh sau đẻ muộn, thực ra thì sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nghĩa là sau Cách mạng tháng Mười, trong nước mới có phong trào công nhân thực sự; hai là ở thuộc địa nói chung, thiếu cơ sở xã hội cho chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương trong phong trào công nhân, nghĩa là không có lớp *công nhân quý tộc* như ở các nước tư bản chủ nghĩa châu Âu. Trong các công xưởng, mỏ, đồn điền, công trường, thường có một số người được bọn chủ ưu đãi hơn, trả lương cao hơn lương công nhân thường, đó là bọn "cai", song, đó là một số rất ít, một số cá nhân lẻ tẻ, bị bọn chủ mua chuộc, để làm tay sai cho chúng, và đã tách ra khỏi công nhân, *không thành một tầng lớp xã hội* Cho nên không thể coi hạng người đó như là lớp công nhân quý tộc được

Vì hoàn cảnh lịch sử ở ta như vậy, nên đã tạo điều kiện thuận lợi để tiếp thu một cách trực tiếp và chính thống tư tưởng Mác - Lênin, do đó có khả năng tránh được nhiều lệch lạc do ảnh hưởng của tư tưởng xã hội cải lương có thể gây nên

Đó là phía tích cực của hoàn cảnh lịch sử trên. Song không phải vì thế mà đồng thời nó không kèm theo một khía cạnh tiêu cực Một mặt, cái tốt là ở chỗ ta có nhiều khả năng để tiếp nhận được những cái chính xác, cái đúng, cái

chân chính cách mang đã đươc thưc tế đấu tranh của Liên Xô và các phong trào cách mang thế giới công nhân Nhưng mặt khác, cũng vì vậy mà ta phải đề phòng mặt trái của nó là, tình hình như vậy cũng dễ tao nên ở ta cái cơ sở cho *chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái* Nếu chúng ta thêm vào đó cả quá khứ của một nước thuộc địa lâu năm bị áp bức, nó thường đẻ ra tinh thần dân tộc tư ty, thì chủ nghĩa giáo điều lại càng dễ có điều kiện nảy nở

Hiện nay trong phong trào công sản thế giới, cần đề phòng hai bệnh là chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều Về chủ nghĩa xét lại, chúng ta đã nói qua

Chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều xuất phát từ hai thái cực Trong khi chủ nghĩa xét lại chỉ chú ý và cường điệu những đặc điểm riêng của từng nước, từng thời kỳ, từng giai đoạn, chỉ nhìn thấy cục bộ, nhìn thấy cái trước mắt mà không nhìn đến những nguyên lý tổng quát, không nhìn thấy toàn diện, không nhìn thấy cái lâu dài, thì chủ nghĩa giáo điều chỉ nhìn thấy cái chung, cái bao trùm, chỉ nhìn về phía tĩnh, chứ không nhìn về phía đông của sư vật, chỉ thấy đâu cũng là chân lý vĩnh viễn, bất biến, chứ không thấy những đặc điểm của từng lúc, từng nơi

Song cái chung cho cả hai bệnh đó là lập trường Mác - Lênin non kém Chủ nghĩa xét lại thiếu lập trường của giai cập vô sản, điều đó đã rõ ràng rồi Nhưng chủ nghĩa giáo điều cũng hoàn toàn không phải vì đã thông thao lý luận rồi mà chỉ thiếu thực tế, thiếu cu thể, không phải chỉ vì không biết vân dụng lý luận vào hoàn cảnh cu thể Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự *thống nhất giữa lý luận và thực tiễn*. Nếu chỉ biết lý luân mà không biết vận dung vào thực tiễn, thì như vậy chưa phải đã thực sự hiểu biết lý luận Mác - Lênin. Đó chỉ mới là biết chữ, thuộc chữ, thuộc công thức, chứ chưa biết nghĩa, chưa hiểu nghĩa. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết là hiểu tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, hiểu một cách có

phê phán, có phân tích, có suy nghĩ, *có điều tra nghiên cứu*, hiểu một cách sáng tạo trong hoàn cảnh nào đã đẻ ra những nguyên lý nào mà những nguyên lý nào có thể vận dụng được vào những hoàn cảnh nào, và vận dụng như thế nào

Để tránh bệnh giáo điều, Đảng luôn luôn nhắc ta không ngừng nâng cao *trình độ nhận thức chính trị, học tập lý luận kết hợp với thực tế Việt Nam, đi sát với tình hình trong nước*

Chủ nghĩa xét lại hòng kéo thụt lùi chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa giáo điều nhằm làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin cứ dẫm chân ở một chỗ. Nhưng đã là chủ nghĩa Mác - Lênin thì không có sức nào có thể kéo thụt lùi lại được, và không bao giờ lại dẫm chân ở một chỗ.

Dưới lá cờ của Cách mạng tháng Mười, của chủ nghĩa Mác - Lênin, Cách mạng Việt Nam đã đạt được những thắng lợi lịch sử vĩ đại. Dưới lá cờ đó, chúng ta đang tiến và Cách mạng ta sẽ thắng lợi hoàn toàn. Vì vậy, chúng ta quyết sẽ không để cho chủ nghĩa xét lại nảy nở ra được trong hàng ngũ ta.

Không sát với tình hình thực tế, đó là cái đất tốt thứ hai để cho chủ nghĩa giáo điều nảy nở. Trước khi nước nhà bị xâm chiếm, xã hội ta là một xã hội phong kiến, xã hội đó ở trong tình trạng kinh tế đình đốn lâu năm. Học vấn là một lối học vẹt từ chương, giáo điều. Lối suy luận bị uốn nắn theo những công thức nhất định. Kế đó thì thực dân đến chinh phục. Chúng đặt ra một thứ giáo dục mất gốc, bởi vì kinh tế, chính trị, quân sự, tất thảy đều bị chúng nắm hết. Lớp người mà trường học chúng đào tạo ra chỉ để trở nên những công chức hạ đẳng, dê chung sai vặt, viết công văn, chép lại giấy tờ, đánh máy, kê khai, làm sổ sách, dạy học trò theo những chương trình, sách, phương pháp và quy chế mà chúng đặt ra, cao hơn nữa là biết xử những vụ án nhỏ theo những luật lệ mà chúng đã cho học thuộc lòng, biết chữa bệnh với những phương pháp, thuốc men và theo tác

phong của chúng, v v Không khi nào chúng có ý đinh đào tao ra những người có thể đứng ra tổ chức và điều khiển công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, vân tải, tô chức và điều khiển bô máy Nhà nước, bô máy quân sư, không đời nào chúng nhằm bồi dưỡng nên những khối óc có thể tìm tòi nghiên cứu, có thể phát minh sáng tao Nếu có một số con nhà có tiền được đi Pháp hoc, thì khi về cũng không được chúng sử dung đúng chỗ, thành ra nếu cái hoc có chút nào rộng hơn trong nước đi nữa thì cũng không sâu

Trình đô văn hóa thấp cũng là một trở ngai cho viêc đi sát với thực tế Đó cũng là một di sản của chế đô thuộc địa Kém trình đô văn hóa, không nhìn xa thấy rông sẽ dễ sa vào chủ nghĩa kinh nghiệm, một biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều

Bao nhiêu của cải của nước ta, của dân tộc ta về thiên nhiên và về xã hội, về quá khứ và về hiện tai, đang đơi chúng ta tìm tòi, khai thác, phân tích, đối chiếu, sắp xếp, hệ thống hóa, tổng kết Điều căn bản trước hết là phải thu thập tỉ mỉ những tài liệu cụ thể, những sự việc chính xác Chủ nghĩa Mác - Lênin là dựa trên những kiến thức chắc chắn về thực tế để đi đến tổng luận. Có như vậy mới làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin phong phú thêm, mới vận dung sáng tao được chủ nghĩa Mác - Lênin Dựa trên tinh thần điều tra tỉ mỉ và chính xác mà Lênin là người tiêu biểu cao nhất, ngay trong những tác phẩm sơ kỳ của Lênin như *"Những đặc điểm của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga"* và về sau, như *"Chủ nghĩa đế quốc la giai đoan tột cùng của chủ nghĩa tư bản"*, hoặc những nhận xét về thống kê ở nông thôn, khoa hoc Liên Xô, bất cứ về lĩnh vực nào, Lênin đều đòi hỏi rất nghiêm khắc tư liệu và số liệu cu thể và chính xác Dựa trên tinh thần "thực sư cầu thị" của đồng chí Mao Trach Đông, thể hiện rõ ràng trong cuốn *"Điều tra nông thôn"*, các tác phẩm khoa hoc khác của Trung Quốc ngày nay cũng có một thái đô nghiêm túc đối với tài liệu chính xác

Một nhà khoa học phương Tây thế kỷ XVIII có nói "Thiên tài tức là nhẫn nại" Khoa học Mác - Lênin là kết tinh của thiên tài sáng tạo đời sống thực tế của hàng triệu nhân dân lao động, lại càng đòi hỏi một tinh thần nhẫn nại cao độ trong việc điều tra nghiên cứu thực tế, thu thập và tích lũy những sự việc cụ thể và chính xác

Các bạn ngoại quốc thường nói với chúng ta rằng họ biết Việt Nam về phương diện chính trị, về tinh thần đấu tranh anh dũng và bền bỉ của dân tộc ta nhưng về các mặt khác, thì họ không biết đến hoặc chỉ biết rất ít và rất mong biết Điều đó làm cho những nhà công tác văn hóa, khoa học, kinh tế, v v của chúng ta nên suy nghĩ

Cách mạng Việt Nam sở dĩ đã thu được những thắng lợi vĩ đại, vì Đảng Công sản Đông Dương và Đảng Lao động Việt Nam đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin Mà cách mạng ta cần phải tiến lên nữa, tiến mãi, bởi vì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà tức là làm cho cách mạng tiến lên Vì vậy nên chúng ta phải đề phòng chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái, một trở ngại lớn cho bước tiến của cách mạng

III. KẾT LUẬN

Sau 45 năm, từ ngày Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa thắng lợi, Liên Xô từ một nước trước cách mạng, tuy là một nước đế quốc, nhưng lạc hậu hơn so với nhiều nước Tây Âu, nay đã trở nên một đại cường quốc trên thế giới, với một nền công nghiệp tiên tiến, về trình độ kỹ thuật, không những không thua kém, mà trong những lĩnh vực cơ bản còn hơn các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất châu Âu và châu Mỹ

Từ một nước, trước Cách mạng tháng Mười, như lịch sử Nga đã chứng minh, thua kém các nước tư bản lớn về nhiều mặt, Liên Xô đã chiến thắng cuộc can thiệp bằng vũ trang của 14 nước tư bản chủ nghĩa trong đó có Anh, Pháp, Mỹ,

Nhật trong thời kỳ cách mạng mới thành công, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở cả hai châu Âu và Á trong chiến tranh thế giới thứ hai và giải phóng cho hàng chục quốc gia, cho mấy trăm triệu người ở hai châu Âu và Á khỏi ách phát xít, khỏi ách của chủ nghĩa tư bản

Từ một nước hiếu chiến, như lời Lênin nói, một "đế quốc chủ nghĩa quân phiệt phong kiến", bởi vì Nga hoàng luôn luôn bị bọn đế quốc Tây Âu lôi kéo vào các tập đoàn xâm lược của chúng, làm tên "hiến binh" của châu Âu, bởi vì nước Nga là một nguồn nhân lực rất lớn, đã trở thành tru cột vững chắc nhất của nền hòa bình giữa các dân tộc trên thế giới

Từ một nước ở đấy công nhân, nông dân luôn luôn bị đói khổ, không được hưởng các quyền tự do dân chủ, một nước còn nhiều tàn tích nửa nông nô, nửa phong kiến, đã trở nên một nước mà đời sống vật chất của nhân dân được dư thừa, những đòi hỏi về vật chất và văn hóa của nhân dân ngày càng tăng và càng được thỏa mãn, trong hiến pháp của mình, lần đầu tiên trong lịch sử loài người, ghi được những quyền lợi cơ bản và thiêng liêng của mình là "quyền làm việc, quyền học tập, quyền nghỉ ngơi", một nước mà ở đấy nhân dân làm chủ đời sống của mình, một nước đang tiến mạnh trên con đường xây dựng chủ nghĩa công sản, đang thực hiện thắng lợi bản Tuyên ngôn công sản của thời đại

Từ một nước mà Lênin đã gọi là "nhà tù của các dân tộc", ở đấy các dân tộc nhỏ yếu bị đè nén, áp bức tàn nhẫn, Nga hoàng lại luôn luôn gieo rắc những mối hiềm thù trong các dân tộc, khiêu khích họ tàn sát lẫn nhau , khi có phong trào cách mạng thì lợi dụng họ đàn áp quần chúng cách mạng, khi có chiến tranh thì đẩy họ vào lò sát sinh, làm bia đỡ đạn, ngày nay Liên Xô đã trở thành một nước làm gương mẫu cho nhân loại về tinh thần đoàn kết nhất trí, về tình hữu nghị giữa các dân tộc, thực hiện quan hệ bình đẳng và tương thân tương trợ giữa các dân tộc, liên kết các dân tộc trong liên

bang và thành một đại gia đình trong đó tuyệt đối không có và không thể có áp bức dân tộc, trong đó mọi người đều tham gia sự nghiệp sáng tạo một đời sống mới, một nền văn minh mới cho loài người, đồng thời mỗi dân tộc vẫn giữ và phát huy được sắc thái riêng của mình

Khi cách mạng mới thành công, bị thế giới tư bản chủ nghĩa bao vây chặt chẽ, chèn ép, không muốn đếm xỉa đến, hầu như bị cắt đứt liên lạc với thế giới bên ngoài, và bọn đế quốc tưởng như vậy, dù chúng không dùng vũ lực để đối xử thì rồi nước đó tự nó sẽ không thể sống đơn độc, lẻ loi mãi được, và một là sẽ bắt buộc phải đầu hàng chúng và khôi phục lại trật tự tư bản chủ nghĩa, hai là sẽ phải bị chết nghẹt Từ một nước như vậy, ngày nay Liên Xô đã trở nên một lực lượng quyết định trên bàn cờ thế giới, bất cứ vấn đề gì có quan hệ đến vận mệnh của các quốc gia, nếu không có sự tham gia của Liên Xô đều không thể nào giải quyết được một cách ổn thỏa không có Liên Xô, thì không thể tiêu diệt được chủ nghĩa phát xít ở châu Âu và châu Á năm 1945, không có Liên Xô, thì bọn đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu, ắt còn kéo dài và mở rộng hơn nữa chiến tranh ở Triều Tiên, ở Đông Dương và đã bóp chết cách mạng Cuba, không có Liên Xô, ắt là bọn đế quốc Anh, Pháp còn kéo dài và mở rộng hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược ở Ai Cập và Trung Cận Đông, không có Liên Xô, thì bàn tay đẫm máu của đế quốc Mỹ khó mà bị chặn lại được ở Hungari và một số nước khác ở Đông Âu

Đó là về phía Liên Xô

Về phía thế giới thì thế nào?

Bốn mươi lăm năm sau ngày Cách mạng tháng Mười thành công, thế giới tư bản chủ nghĩa, từ một hệ thống kinh tế xã hội duy nhất trên trái đất, đã bị vỡ lở, sau chiến tranh thế giới thứ nhất chỉ còn năm phần sáu diện tích thế giới, mà nay chỉ còn hoành hành được trên non phần nửa thế giới.

Từ chỗ nó thống trị cả loài người, nay chỉ còn giữ lại được dưới ách nó một bộ phận nhỏ của nhân loại

Thế giới, từ chỗ trừ nước Nga ra không ở đâu có một đảng chân chính của giai cấp công nhân, từ chỗ trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa ở châu Âu và châu Mỹ, bọn phản bội của Quốc tế thứ hai chi phối hoàn toàn phong trào công nhân, bắt nó làm công cụ cho chính sách bóc lột và xâm lược của bọn tư bản đế quốc, đã đi đến chỗ hầu hết các nước đều có đảng cách mạng của giai cấp công nhân, vạch cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động con đường đấu tranh để giải phóng khỏi xiềng xích của chủ nghĩa tư bản, ở nhiều nước, các Đảng Công sản, nếu chưa giành được chính quyền, thì cũng đã trở nên một nhân tố quan trọng trong đời sống chính trị của các nước đó, uy tín của các đảng đó trong nhân dân ngày càng lớn, ngày càng đoàn kết được xung quanh mình đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động Phong trào cộng sản quốc tế với 88 Đảng Công sản và công nhân và non 40 triệu đảng viên, ngày càng trở nên nhân tố quyết định vận mệnh của các dân tộc

Từ chỗ chỉ có một nước xã hội chủ nghĩa duy nhất trên thế giới, như một hòn đảo ở giữa một đại dương, chủ nghĩa xã hội đã trở nên một lực lượng thế giới gồm 12 nước nằm trên hai đại lục Âu và Á, chạy dài trên hàng vạn cây số, từ Béclin đến Hà Nội, kết thành gia đình của những nước, những dân tộc anh em, lấy sự bình đẳng, tôn trọng chủ quyền dân tộc làm kỷ cương, lấy sự giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ làm nguồn gốc của sức mạnh chung, vì vậy mà về người, về của, về kỹ thuật, về sự nhất trí trong mục đích và ý chí, đều có nhiều khả năng bẻ gẫy những âm mưu xâm lược và gây chiến của bọn đế quốc và giữ gìn hòa bình cho các dân tộc

Từ chỗ trên thế giới có một thiểu số các nước, gọi là "văn minh", những nước đế quốc chủ nghĩa nô dịch hàng

trăm nước nhỏ yếu, một nhóm bọn đại tư bản lũng đoạn đại diện cho "người da trắng" bắt hàng trăm triệu người thuộc các mầu da khác phải làm tôi mọi cho chúng, các dân tộc bị áp bức đã nổi dậy, hàng loạt các nước thuộc địa đã tách rời khỏi ách thực dân, chủ nghĩa thực dân đang đi đến chỗ sụp đổ hoàn toàn Từ chỗ bị bắt ép làm nguồn dự trữ cho bọn đế quốc và làm công cụ cho lịch sử, những dân tộc đó đã sống lại với thế giới, giành lại địa vị của mình trong lịch sử, có nước đã ở trong phe xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, Triều Tiên, có nước như Trung Quốc, trước đây là nửa thuộc địa, bị các đế quốc xâu xé hàng trăm năm, nay đã trở thành một cường quốc lớn trên thế giới, cùng với Liên Xô, đóng vai trò trong đại trong đời sống quốc tế, có những nước tuy chưa ở trong phe xã hội chủ nghĩa, nhưng quyết không để cho bọn đế quốc cướp lại quyền độc lập dân tộc của mình, không để chúng lợi dụng mình làm công cụ chiến tranh xâm lược của chúng

Từ chỗ bọn hôn quân bạo chúa ngày nay, tức là bọn thống trị ở các nước đế quốc chủ nghĩa, bọn chủ các công ty tư bản lũng đoạn Tây Âu và Mỹ, vì kho vàng tủ bạc của chúng, muốn gây hoả chiến tranh lúc nào cũng được, muốn đẩy hàng triệu người vào khói lửa lúc nào cũng được, muốn gieo rắc tan nát, chết chóc, thương tật, đói rách, cô quả lúc nào cũng được, ngày nay thế giới đã đi tới chỗ không để cho chúng tùy tiện đẩy đoạ loài người vào những thảm hoạ chiến tranh Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới có một khối gồm các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trung tâm, làm bức thành đồng, và gồm hàng nghìn triệu người thuộc các màu da, các tầng lớp, các chính kiến ở dưới các chế độ xã hội khác nhau, là một sức mạnh mà bọn hiếu chiến không phá được dễ dàng, là một ý chí mà bọn gây chiến không khuất phục được dễ dàng Nhưng nếu các dân tộc, vì thiếu cảnh giác mà để cho chúng lợi dụng thời cơ gây hoạ binh đao, thì ngày nay, nhất định họ sẽ biết áp dụng kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

trong hai cuộc chiến tranh thế giới, mà kết quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất là nước Nga tách ra khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa, của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai là hàng chục nước khác tách ra khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa, đó là chưa kể hàng chục nước thuộc địa cũng tách ra khỏi hệ thống thực dân

Đó là về thế giới

Về Việt Nam thì thế nào?

Nước ta ở dưới ách nô lệ của thực dân Pháp trong hơn 80 năm Trong khoảng thời gian lâu dài đó, dân tộc Việt Nam anh hùng không bao giờ hạ lá cờ chiến đấu vì độc lập, không bao giờ hạ vũ khí trước kẻ thù, mặc dù phải trải qua những cuộc khủng bố kinh khủng, những thử thách ghê gớm Chính những thử thách đó đã rèn luyện cho ý chí chiến đấu, cho truyền thống bất khuất của dân tộc ta

Nhưng trong hơn 80 năm đó, thì gần 50 năm nhân dân ta đã chịu long đong, ba chìm bảy nổi, chiến đấu không lúc nào ngừng, thế hệ này rời khỏi sân khấu thì có thế hệ khác lên thay, phong trào này cáo chung, lại trao ngọn cờ giải phóng lại cho phong trào khác, tuy thế tất cả những cố gắng đều không có kết quả, đều không mang lại thắng lợi, mà hầu như sau mỗi cuộc đấu tranh, địch quốc lại vững hơn trước, xiềng xích của chúng lại xiết chặt lại

Tình trạng mâu thuẫn sau đây đã nảy nở, càng bị đè nén, nhân dân ta càng nâng cao ý chí phấn đấu, tuy tạm thời thất bại, nhưng vẫn tin tưởng ở thắng lợi Song càng chiến đấu, càng tin tưởng ở thắng lợi, thì hình như cái mục đích của cuộc chiến đấu của mình ngày càng xa, càng thấy hình như không thể chiến thắng nổi kẻ thù Đó là tình trạng từ Cách mạng tháng Mười về trước Có tình trạng đó bởi vì có một ý chí đấu tranh quyết liệt, có một tinh thần bất khuất do hàng nghìn năm nung đúc, nhưng chưa hiểu nguyên nhân của những đau khổ của mình và chưa tìm thấy con đường chân

chính giải phóng cho mình Tinh thần bất khuất ấy đã công với lòng khát khao đi tìm ánh sáng của chân lý *Thì ánh sáng của chân ly đã đến vơi Cach mang tháng Mười*

Từ đó, môt trang mới trong lich sử cách mang giải phóng dân tôc ở Viêt Nam đã mở đầu Dân tôc Viêt Nam đời đời biết ơn Cách mang tháng Mười, biết ơn Mác, Lênin, biết ơn Đảng Bônsêvích Nga đã đưa lai cho mình ánh sáng của chân lý Dân tôc ta đời đời biết ơn những người con xứng đáng của mình, lớp người cách mang do vi lãnh tu Nguyễn Ái Quốc đứng đầu đã đáp lai lòng khát khao của dân tôc, là những người đầu tiên biết tiếp thu chân lý đó và đã phát huy sức manh của chân lý đó trên đất nước Viêt Nam

Dân tôc Viêt Nam đời đời biết ơn Cách mang tháng Mười, biết ơn Quốc tế Công sản, là sản phẩm của Cách mang tháng Mười, đã đẩy manh sư trưởng thành của giai cấp công nhân Viêt Nam, để giai cấp đó có thể nắm lấy lá cờ lãnh đao cách mang, đưa cách mang đến thắng lơi, đã đưa tới sư thành lập Đảng Công sản Đông Dương mà người kế tuc là Đảng Lao đông Viêt Nam hiên nay, Đảng tiêu biểu cho *sư thỏa mãn và tổng hợp hai nhân tố trong lý tưởng cách mang của nhân dân Viêt Nam, là tinh thần cach mang bât khuất và lòng khat khao đi tìm chân ly*

Thỏa mãn và tổng hợp hai nhân tố đó, Đảng đã và đang lãnh đao dân tôc ta thưc hiên lý tưởng của mình, mà Cách mang tháng Tám thành công là màn đầu Kế tiếp cách mang thắng lơi, là kháng chiến, và kháng chiến kết thúc thắng lơi đã đưa lai hòa bình cho toàn Đông Dương, hoàn toàn chấm dứt nền thống tri của chủ nghĩa đế quốc trên nửa nước ta, cách mang phản phong đã hoàn thành ở miền Bắc, khiến miền Bắc đang ở vào thời kỳ xây dưng chủ nghĩa xã hội.

Từ một dân tôc bi áp bức, làm cá làm thớt cho thưc dân, tên tuổi bị xóa trên bản đồ thế giới, thâm chí mất cả quốc

tích, sau 32 năm nhân dân ta đã kết thúc được kiếp nô lê kéo dài trong gần một trăm năm trên một nửa đất nước, đã làm cho hệ thống thực dân tan rã một bộ phận lớn và quan trọng ở Đông Nam châu Á, đã và đang ngăn cản bàn tay xâm lược gây chiến của đế quốc Mỹ, đã làm cho ta có chỗ ngồi danh dự trong hàng ngũ của những nước tiên tiến nhất của thế giới ngày nay về chế độ xã hội, những nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, đang đẩy lùi một cách thắng lợi sự lạc hậu và nghèo nàn

Những thắng lợi lịch sử vẻ vang đó có được là nhờ ánh sáng của Cách mạng tháng Mười

Dưới sánh sáng của Cách mạng tháng Mười, nhân dân ta sẽ thắng lợi huy hoàng trong cuộc đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội, để hòa bình thống nhất Tổ quốc, để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh

Nhờ ánh sáng của Cách mạng tháng Mười mà lịch sử nhân loại, trong đó có cả lịch sử nước ta, trong 45 năm lại đây đã tiến những bước nhanh hơn hàng mấy trăm năm trước kia Cách mạng tháng Mười là ngọn đèn chiếu sáng cho lịch sử loài người Liên Xô là trung tâm, là thành trì của cách mạng thế giới.

Từ nay về sau, dưới ánh sáng của Cách mạng tháng Mười, lịch sử các dân tộc, trong đó có lịch sử dân tộc ta, sẽ tiến những bước còn nhanh hơn 45 năm qua

Hiện nay phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trung tâm, mạnh và nhất trí hơn bao giờ hết Mặc dầu bọn đế quốc phương Tây, sau khi thất bại trong âm mưu lợi dụng bọn phản cách mạng và bọn phản động để phá hoại từ bên trong một vài nước xã hội chủ nghĩa, (cố nhiên là chúng vẫn tiếp tục dùng thủ đoạn đểu cáng đó) và hòng lợi dụng một vài điểm chưa đồng ý kiến giữa một vài nước xã hội chủ nghĩa gần đây để gây chia rẽ và làm yếu phe xã hội chủ nghĩa, sự

lớn mạnh phi thường của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng thắng lợi chủ nghĩa công sản là nhân tố có tính chất quyết định để tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong toàn phe xã hội chủ nghĩa Như vị Bí thư thứ nhất Đảng Công sản Liên Xô và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô N S Khơrútsốp đã nói, bản Tuyên bố của Hội nghị 81 đảng công sản và đảng công nhân năm 1960 đã nêu lên, và Bản cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa công sản ở Liên Xô của Đảng Công sản Liên Xô đã ghi rõ, sự nghiệp xây dựng thắng lợi chủ nghĩa công sản ở Liên Xô sẽ giúp các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, vô luận trình đô phát triển có khác nhau, sớm hay muộn không cách nhau mấy, sẽ đồng thời cùng tiến lên chủ nghĩa công sản

Sự đoàn kết nhất trí trong phe xã hội chủ nghĩa là cái bản lề của sự tăng cường nhanh chóng phong trào công sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào bảo vệ hòa bình thế giới Từ hơn 60 đảng công sản và công nhân hồi năm 1957, đến 81 đảng năm 1960, hiện nay trên thế giới đã có đến 88 đảng Cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và phụ thuộc, từ giai đoạn khó khăn, đấu tranh gay go với sự can thiệp khổng lồ của đế quốc Mỹ, cách đây mấy năm đã giành được những thắng lợi căn bản, có tính quyết định, như ở Cuba, Lào, Angiêri, hoặc đang trên đường giành thắng lợi quyết định như ở miền Nam Việt Nam Từ chỗ phát triển ở những nước từ trước đến nay có phong trào dân chủ lớn mạnh, phong trào chống độc tài phát xít, đòi tự do dân chủ hiện nay đã lan ra với một sức mạnh như nước vỡ bờ ở những bộ phận thế giới và những nước mà trước đây bọn đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ, coi là chỗ dựa kiên cố nhất của chúng, như các nước Mỹ La tinh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, v v Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới, từ những hội nghị gồm hàng trăm đại biểu của mấy mươi nước chống chiến tranh, đòi cấm thử vũ khí nguyên tử và cấm chiến tranh hạt nhân, đã tiến tới thành một cuộc tập hợp vĩ đại mà trong

lịch sử chưa từng thấy, gồm hàng nghìn đại biểu của hàng trăm nước, nói lên quyết tâm của toàn thể loài người đòi giải trừ quân bị toàn diện và triệt để, đòi loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống, đòi xóa bỏ hoàn toàn cái nhục của thời đại chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức

Những biểu hiện đó phải chăng không liên quan đến sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa, mà sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa lại không gắn bó mật thiết với sự lớn mạnh vô địch của Liên Xô, nước đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản và là trung tâm của toàn phe xã hội chủ nghĩa?

Những biểu hiện đó phải chăng không liên quan đến sự đoàn kết nhất trí, vững chắc của phe xã hội chủ nghĩa mà Liên Xô là trung tâm?

Nhất là gần đây, Liên Xô đã đạt được những bước tiến tuyệt vời mà cách đây không lâu, chỉ có những đầu óc sáng suốt nhất của nhân loại mới có thể mơ ước được, Liên Xô đã chỉ một cách đanh thép cho thế giới thấy tính hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, và qua đó sự tác động kỳ diệu của những quy luật của thời đại của chúng ta, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản Đó là hai sự kiện có tính chất quyết định đối với lịch sử thế giới Một là bản Cương lĩnh của chủ nghĩa cộng sản. Đó là bản Tuyên ngôn cộng sản của thời đại, nó có tính chất quyết định không phải ở chỗ nó chỉ vạch ra phương hướng, đường lối, mục tiêu phấn đấu của loài người, nó cũng không phải chỉ làm cho người ta trông thấy những kết quả bước đầu, như sự thành công của một cuộc thí nghiệm vĩ đại nhưng riêng lẻ. Nó có tính chất quyết định ở chỗ những kết quả đó đã thành nếp trong đời sống hàng ngày của người dân Xô viết, đã trở thành những quy tắc của cuộc đời mới, của một nền đạo đức mới, không những nó xác định cái đã đạt được, mà nó còn làm cho con người nắm chắc cụ thể, chi li những cái còn tốt đẹp, còn cao quý hơn trong 10 - 20 năm về sau. Nó quyết định ở chỗ những quy luật đó,

trong một tương lai rất gần, nhất định sẽ chi phối đời sống của tất cả các nước trong toàn phe xã hội chủ nghĩa Do đó, nó càng thúc đẩy nhanh chóng hơn nữa bước quá đô của thế giới từ chủ nghĩa tư ban lên chu nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản

Thắng lợi thứ hai có tính chất quyết đinh là việc phóng những con tàu vũ tru phương Đông 1, 2 và 3, 4 Nhất là việc phóng hai con tàu phương Đông 3 và 4 trong tháng tám năm nay có thể coi là một trong những chứng minh điển hình cua những luân cương cua bản cương lĩnh công sản chủ nghĩa, vì về trình đô khoa hoc và tính chính xác, nó vươt xa những sư tính toán và dư đoán táo bao nhất cúa những nhà bác hoc xuất sắc cúa thế giới tư bản, nó vươt xa khoa hoc kỹ thuật Mỹ hàng chuc năm, nó mở ra những kha năng không thể tương tương dược của khoa hoc công san chu nghĩa trong việc chinh phuc vũ tru và thiên nhiên Nhưng trong thắng lợi chấn đông thế giới đó, cái nó chấn đông lòng người hơn hết, nó tranh thủ chắc chắn và sâu sắc hơn hết trái tim cua hàng nghìn triêu người trên thế giới, đó là muc đích hòa bình của những thành tưu khoa hoc tuyệt vời đó Vì nó nhằm phuc vu những muc đích hòa bình cho nên nó khiến cho các dân tộc càng tin tưởng vào khả năng bảo vệ hòa bình Một nên hòa bình vững chắc là điều kiên cốt yếu để cho hàng trăm triêu người vưng tâm hưởng nền đôc lập chắc chắn nếu ho mới giành dược đôc lập, nhất đinh sẽ giành dược đôc lập trong một tương lai không xa nếu ho đang đấu tranh cho nền đôc lập, dược hưởng một nền tư do dân chủ lâu bền, nếu ho đang đâu tranh cho tư do dân chủ Toàn thể loài người thấy ở Liên Xô sức manh của chủ nghĩa công sản và chủ nghĩa xã hội không những về mặt tinh thần, ở chỗ nó tương trưng cho những lý tưởng cao quý của loài người, nêu gương sáng cho các dân tộc, mà còn cả về vật chất nữa, ở chỗ nó có những phương tiên ưu viêt để thực hiên và bảo vệ những lý tưởng của ho Nó là một sư cổ vũ cực kỳ to lớn đối với lòng quyết tâm bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới Vì vậy nó lai càng đẩy manh hơn nữa bước quá đô của

thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

Toàn thể loài người đang gửi ở Liên Xô những mối kỳ vọng và hoài bão cao cả nhất của mình bởi vì Liên Xô đang đưa lại cho thế giới một mùa xuân vô tận, trong đó hương thơm bát ngát tỏa ra làm cho không khí trên địa cầu ngày càng trong sạch, hương thơm của những đóa hoa thiêng liêng, Lao động, Hòa bình, Tự do, Bình đẳng, Bác ái và Hạnh phúc

Phong trào công sản thế giới đang đặt một niềm tin tưởng không bờ bến vào Đảng Công sản Liên Xô, người tổ chức những thắng lợi vẻ vang, có ý nghĩa quyết định đối với lịch sử thế giới, người phát huy với một tinh thần sáng tạo tuyệt vời chủ nghĩa Mác - Lênin, khiến nó đang chiến thắng và nhất định sẽ chiến thắng trên toàn thế giới

Việt Nam tuy xa cách Liên Xô hàng vạn dặm về địa lý, Đảng Lao động Việt Nam tuy ra đời sau Đảng Công sản Liên Xô gần 30 năm, nhưng là anh em ruột thịt của Đảng Công sản Liên Xô, là con đẻ của phong trào công sản thế giới mà Đảng Công sản Liên Xô đã khai sinh, rất tự hào là đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm hai cuộc cách mạng thắng lợi trong không đầy 30 năm, đang lãnh đạo nhân dân miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo nhân dân toàn quốc đấu tranh thắng lợi để hòa bình thống nhất Tổ quốc, vì đã tiếp thu đúng đắn những bài học của Cách mạng tháng Mười và trong phạm vi khả năng của mình, đã góp sức vào việc sáng tạo ra thế giới mới

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ VÔ SẢN*

Dân tộc ta có một sức sống kỳ diệu Trên 4 000 năm, đất nước ta hiên ngang tồn tại, dân tộc ta phát triển, vượt qua mọi thử thách, chiến thắng mọi thế lực ngoại xâm

Tồn tại và phát triển được trong những hoàn cảnh lịch sử hết sức ác nghiệt, là vì nhân dân ta có sức mạnh vô địch của *tinh thần yêu nước*

"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước Đó là một truyền thống quý báu của ta Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và lũ cướp nước"[1]

Lòng yêu nước và tình cảm chính đáng, tự nhiên đối với quê hương của những người đã nhiều thế hệ chia ngọt sẻ bùi, sống chung trong một công đồng đã ổn định về tiếng nói, lãnh thổ, kinh tế, văn hoá, tâm lý, phong tục tập quán

Cái nền tảng của sức mạnh ấy là *tình đoàn kết* Đó là tình nghĩa đồng bào ruột thịt nảy sinh từ những truyền thống tương thân tương trợ có từ lâu trong cuộc sống hằng ngày, trong sản xuất và chiến đấu và khi có tai biến Tiếng nói của nhân dân ta rất giàu ca dao, tục ngữ diễn đạt một cách sinh động và nhiều màu nhiều vẻ lòng nhân ái, tình chung thuỷ ấy *môi hở răng lạnh, chị ngã em nâng, máu chảy ruột mềm, thương người như thể thương thân, đồng cam cộng khổ, một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao, gọp gió thanh bão,v v*

---

* Tạp chí *Học tập*, số 8 - 1973

1 Hồ Chí Minh *Tuyển tập* Nxb Sự thật Hà Nội, 1960, tr 366

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là sự biểu thị *ý thức làm chủ* của một dân tộc tự mình đã xây dựng nên một cuộc sống có nền nếp, một nền văn hoá riêng và có quyết tâm bảo vệ quyền tự định đoạt lấy vận mệnh của mình

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư"

(Sông núi nước Nam, vua Nam ở)[1]

Đó cũng là sự biểu thị lòng dân tộc tự tôn tự trọng, tinh thần *tự hào dân tộc* chính đáng, và sự khẳng định quyền bình đẳng đối với các dân tộc khác

"Tuy manh yếu có lúc khác nhau
Nhưng hào kiệt đời nào cũng có"[2].

Lòng yêu nước của người Việt gắn liền với lòng thương dân, lấy lòng thương dân làm nội dung chủ yếu. Xây dựng đất nước, bảo vệ giống nòi đều là nhờ sức dân. Đền ơn nước báo ơn dân là một. Từ xưa những nhà yêu nước vĩ đại của ta đã nói

"Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày"[3]
"Thường nghĩ quy mô lớn lao lông lẫy,
Đều là sức lao khổ của quân dân"[4]
"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"[5].
"Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân mà thay cường bạo"[6]

Lòng yêu nước của nhân dân ta mang *tính chất dân chủ đậm đà*. Từ xưa dân ta coi việc nước cũng là việc nhà. Trong nhân thức, *họ hàng làng nước*, gắn bó với nhau chặt chẽ

1 Lý Thường Kiệt. Xem *Lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1971, tập 1, tr 181
2 Nguyễn Trãi *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, tr 63
3 Nguyễn Trãi Sách đã dẫn, tr 438
4 Nguyễn Trãi Sách đã dẫn, tr 135
5 Nguyễn Trãi Sách đã dẫn, tr 63
6 Nguyễn Trãi Sách đã dẫn, tr 65

Sức mạnh của tinh thần yêu nước của nhân dân ta còn ở xu hướng và ý chí *thống nhất*. Trong lịch sử nước ta, đấu tranh cho thống nhất không tách khỏi đấu tranh vì độc lập và chủ quyền. Ngọn cờ khởi nghĩa của chị em Bà Trưng, phất lên từ quận Giao Chỉ, được 65 huyện thành và nhân dân các quận Hợp Phố, Cửu Chân, Nhật Nam nhất tề hưởng ứng và tham gia. Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, làm tiền đề cho một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, có chủ quyền và thống nhất, nước Đại Việt hùng cường. Lãnh tụ nông dân Nguyễn Huệ đánh sụp đổ các tập đoàn phong kiến thống trị chia cắt đất nước, đánh tan các đạo quân ngoại xâm, khôi phục thống nhất Tổ Quốc từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

"Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được"[1]

"Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi"[2]

Lịch sử của dân tộc Việt Nam là lịch sử đấu tranh kiên cường bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Cuộc đấu tranh đó hoàn toàn chính nghĩa. Nó thể hiện lẽ sống của loài người. "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[3]

Bằng cuộc đấu tranh bất khuất và thắng lợi chống ngoại xâm trong hàng nghìn năm dưới thời phong kiến, nhân dân ta từ lâu đã chứng minh rằng dù nhỏ, một dân tộc vẫn có quyền tự định đoạt lấy vận mệnh của mình, và nếu dân tộc đó đoàn kết và quyết tâm thì hoàn toàn có thể chiến thắng bất cứ thế lực ngoại xâm nào. Cuộc đấu tranh kiên cường và thắng lợi đó có ý nghĩa rất quan trọng nhờ có cuộc đấu tranh

---

1 *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1956, tập III, tr. 94.

2 Hồ Chí Minh. *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 65.

3 Hồ Chí Minh. Sách đã dẫn, tr. 53.

đó mà dân tộc ta có thể tự vươn mình, không ngừng tiến lên, hoà nhịp với bước phát triển của lịch sử thế giới

Bằng cuộc đấu tranh thắng lợi chống các thế lực xâm lược và áp bức từ bên ngoài dưới thời phong kiến, nhân dân ta đã rất sớm đưa ra những bằng chứng hùng hồn của quy luật lịch sử này *Vận mệnh của các dân tộc là do các dân tộc quyết định, lịch sử của mỗi một dân tộc là do dân tộc đó làm ra*

*

* *

Về bản chất, chủ nghĩa yêu nước của nhân dân ta, trước kia trong các thời kỳ đấu tranh chống các thế lực phong kiến nước ngoài đến xâm lược, cũng như ngày nay, khi đấu tranh liên tục và anh dũng vì độc lập, tự do, chống các thế lực áp bức và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, là chủ nghĩa yêu nước chân chính, tích cực, tiến bộ, hoàn toàn khác hẳn với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, đầu óc chủng tộc, tư tưởng bài ngoại mù quáng và chủ nghĩa sôvanh

Nó không xuất phát từ những thành kiến bởi những sự khác nhau về chủng tộc, tiếng nói, trình độ văn hoá hoặc tín ngưỡng, tôn giáo mà sinh ra, mặc dù trong nước Việt Nam có nhiều thành phần dân tộc Những thành phần này trong suốt mấy nghìn năm sống hoà hợp với nhau, điều đó chứng tỏ rằng những thành kiến dân tộc đã không ăn sâu vào đầu óc nhân dân ta.

Trong thời đại tư bản chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa, để bắt công nhân và những người lao động đi làm bia đỡ đạn trong những cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa tự chúng gây ra, tập đoàn thống trị các nước tư bản chủ nghĩa thường kêu gọi lòng yêu nước của họ, hô hào và động viên họ hy sinh "vì tổ quốc", "vì quang vinh của xứ sở"

Đó là một trò lừa bịp, thực chất là để kích động đầu óc sôvanh, khuấy lên những thành kiến dân tộc trong nhân dân nước này chống lại nhân dân nước khác.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng công sản*, những người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản, sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học Mác và Ăngghen - có nói rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa "công nhân không có Tổ quốc"[1], là cốt vạch trần thủ đoạn lừa dối của bọn hiếu chiến quân phiệt trong giai cấp tư sản

Để cho giai cấp công nhân phân biệt được tình thần yêu nước chân chính của những dân tộc bị kẻ ngoại xâm nô dịch, và bị chúng tước mất quyền độc lập và tự do, với "chủ nghĩa yêu nước" giả hiệu của bọn thống trị các nước đi xâm lược Mác và Ăngghen nói "Dân tộc nào còn áp bức những dân tộc khác thì chính dân tộc đó cũng không được tự do"[2]

Chủ nghĩa Mác phản đối "chủ nghĩa yêu nước" bịp bợm của bọn tư sản phản động Chủ nghĩa Mác chống tư tưởng sôvanh và chủ nghĩa dân tộc tư sản hẹp hòi Chủ nghĩa Mác không phủ nhận mà còn khích lệ, đề cao chủ nghĩa yêu nước chân chính, tình thần dân tộc chính đáng, bởi vì tình thần ấy là một yếu tố tích cực, một sức mạnh to lớn của cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, vì độc lập, tự do của các dân tộc, như Lênin đã xác định.

"Đối với chúng ta, những người vô sản đại Nga[3] giác ngộ, lòng tự hào dân tộc có phải là một tình cảm xa lạ không? Tất nhiên là không Chúng ta yêu tiếng nói và yêu Tổ quốc chúng ta

Chúng ta vô cùng đau đớn trước những cảnh tàn bạo, áp bức và tủi nhục mà bọn đao phủ Sa hoàng, bọn quý tộc và bọn tư bản bắt Tổ quốc xinh đẹp của chúng ta phải chịu Chúng ta tự hào rằng những cảnh ấy đã làm nổi lên sức

---

1 C Mác và F Ăngghen *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tập I, tr 45

2 Lênin Trích lại theo lời trích của Lênin trong *Tuyển tập*, bản tiếng Nga, Nxb Ngoại văn, Mạc Tư Khoa, 1962, quyển I, tr 769

3 Phân biệt với vài thành phần dân tộc cùng gốc Nga, nhưng có khác nhau ít nhiều về tiếng nói, nơi cư trú, như dân Ucơren, Bêlarútxia

đề kháng trong những người đại Nga chúng ta, đã sinh ra Radisép[1], những người khởi nghĩa tháng Chap[2], những nhà cách mạng bình dân thời kỳ 1870-1880, giai cấp công nhân đại Nga năm 1905 đã lập được một Đảng quần chúng cách mang hùng manh"[3]

Nhờ có chủ nghĩa Mác - Lênin, lá cờ của thời đại, cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân để giành độc lập, trước kia là một vấn đề riêng lẻ, "việc riêng" giữa dân tộc bị áp bức với nước đế quốc thực dân, nay nhập vào cơn bão táp cách mang chung của nhân dân thế giới nhằm xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giải phóng loài người khỏi áp bức, quyết định con đường tiến lên của lịch sử.

"Lênin đã mở ra một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa...

Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lênin đã thể hiện được một bước ngoặt trong lịch sử đau khổ của cuộc đời nô lệ của họ, đã tượng trưng cho một tương lai mới xán lạn"[4].

Phát huy sức manh của tinh thần yêu nước chân chính, nêu cao quyền dân tộc tự quyết lên tới tầm vóc thế giới, khiến nó có một tác dụng to lớn trong diễn biến mới của lịch sử, Lênin đồng thời đưa lại cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức một sinh lực mới, bảo đảm cho sự nghiệp ấy chắc chắn đi đến thắng lợi Đó *là Chủ nghĩa quốc tế vô sản, đó là tình đoàn kết chiến đấu của giai cấp vô sản toàn thế giới*

Chủ nghĩa quốc tế vô sản Lêninnít là mối quan hệ anh em, tương hỗ, tương trợ của những người chiến đấu trên một

---

1. Radisép Nhà văn lớn Nga, có tư tưởng cách mang (1749-1820)

2 Những sĩ quan tiến bộ, tổ chức chiến binh chống Sa hoàng hồi tháng 12-1825

3 Lênin *Tuyển tập,* bản tiếng Pháp, Nxb Ngoại văn, Mac Tư Khoa, 1962, quyển I, tr 768

4 Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 98-99

chiến hào để hoàn thành sứ mang lịch sử chung đánh đô ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên phạm vi thế giới Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung đó, thắng lợi của mỗi dòng thác cách mang là một sự cổ vũ, một sự góp phần vào thắng lợi của dòng thác kia

Vì vậy, trong khi một bên đấu tranh quyết liệt chống bọn đế quốc, thì bên kia có nghĩa vụ hết lòng hết sức ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, đứng hẳn về phía cách mang và tăng cường đấu tranh cách mang ngay ở phía mình

Làm tròn nghĩa vụ dân tộc đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế, đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước mình và góp phần vào sự nghiệp giải phóng của các dân tộc, đó vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi của cách mang mỗi nước, và là sự thực hiện đúng đắn tinh thần quốc tế vô sản Thực hiện được đầy đủ những điều trên đây tức là đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề *giai cấp* và vấn đề *dân tộc*, giữa vấn đề *dân tộc* và vấn đề *quốc tế*

Chủ nghĩa Mác - Lênin là chân lý cách mang phổ biến của thời đại Chân lý đó chỉ có thể thực hiện được đúng đắn qua sự kết hợp chặt chẽ hai dòng thác cách mang của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức, dưới lá cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản

Trong hơn 40 năm có Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mang giải phóng dân tộc Việt Nam là một quá trình vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và phát huy tinh thần quốc tế vô sản, cho nên đã giành được những thắng lợi rất quan trọng

Những thắng lợi này đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, góp phần vào phong trào cách mạng thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc

Việt Nam vốn là một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp kém phát triển, giai cấp công nhân mới hình thành, còn ít, mà tại sao những người cách mạng Việt Nam lại nhạy cảm với chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu đúng đắn và vận dụng sáng tạo vào điều kiện nước mình chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác - Lênin bắt nguồn từ phương Tây tư bản chủ nghĩa ở giai đoạn phát triển cao nhất của nó?

Điều đó chứng minh sức sống kỳ diệu của học thuyết Mác - Lênin và tính phổ biến của học thuyết ấy. Mặt khác, nó cũng chứng minh tính năng động và khả năng cách mạng to lớn của nhân dân ta.

Bằng cuộc đấu tranh anh hùng, bất khuất và liên tục vì độc lập, tự do, trong thời đại mới, nhân dân ta đương nhiên đứng vào hàng ngũ của loài người tiến bộ.

Hồ Chủ tịch, người sáng lập ra Đảng ta, là nhà cách mạng Việt Nam đầu tiên đi tìm và gặp được chân lý mới. Người tiêu biểu cho tinh hoa của dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn, những truyền thống cách mạng anh dũng và kiên cường, trí thông minh, óc nhìn xa thấy rộng, luôn luôn hướng về phía trước. Mang theo hoài bão của một dân tộc đang khao khát độc lập và tự do, đang chiến đấu chống một kẻ thù đang ngự trị trên thế giới.

Người đã hoàn toàn chủ động tìm con đường cứu nước mới. Người nhiệt liệt đón chào Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa, thấy ở chủ nghĩa Lênin ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam.

"Những người cách mạng Việt Nam đã được tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó ưa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn[1]"

"Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm

1 Hồ Chí Minh *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 652

nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"[1]

Sự gặp gỡ, mở đầu cho sự kết hợp, sự chan hoà, sự nhất trí, giữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mà bản chất là chủ nghĩa anh hùng và tính năng động cách mạng, với chủ nghĩa quốc tế vô sản Lêninnít là một sự gặp gỡ tất yếu, có tính quy luật lịch sử

Dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã có một đường lối đúng đắn, đã phát huy mạnh mẽ tiềm lực cách mạng, nghị lực sáng tạo và tinh thần chiến đấu của nhân dân ta

Trở nên bộ phận hợp thành của cách mạng thế giới không có nghĩa là cách mạng Việt Nam tự khắc sẽ thành công, chỉ nhờ sự giúp đỡ của cách mạng ở các nước khác. Trái lại, bản thân cách mạng Việt Nam càng phải phát triển mạnh mẽ, nhân dân ta càng có ý chí và tinh thần phấn đấu cao, cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc ta càng có giác ngộ và có tổ chức, thu hút đông đảo quần chúng lao động và bị áp bức trong một khối đại đoàn kết toàn dân, dựa trên khối liên minh công nông làm cơ sở

Cái mà chủ nghĩa Mác - Lênin đưa lại cho các dân tộc để họ tự giải phóng và chắc chắn đi tới thắng lợi không phải là tinh thần ỷ lại và chờ đợi thắng lợi cách mạng từ nơi khác đưa đến

Lênin đã từng chỉ rõ rằng sự nghiệp giải phóng của những người lao động là chính của những người lao động. Hồ Chủ tịch đã nói

"Lênin đã mở ra một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa"[2]

Tinh thần cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin

1 Hồ Chí Minh. Sách đã dẫn, tr. 794.
2 Hồ Chí Minh. Sách đã dẫn, tr. 98.

là điều mà Hồ Chủ tịch, Đảng và nhân dân ta, tiếp thu một cách sâu sắc hơn hết.

Cả một quá khứ hàng nghìn năm chiến đấu và chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh và tàn bạo nhất, chứng minh hùng hồn rằng nhân dân ta bao giờ cũng tự giải phóng bằng sức mình là chính

Vì vậy mà từ đầu, Đảng đã vạch ra cho cách mạng Việt Nam một đường lối đúng đắn, độc lập và tự chủ, vừa phát huy mạnh mẽ tinh thần chiến đấu vì độc lập, tự do cho dân tộc, vừa góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của phong trào cách mạng thế giới, vừa làm nghĩa vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế

Cuộc Cách mạng tháng Tám nổ ra và thành công huy hoàng không phải chỉ là thắng lợi của tinh thần yêu nước, của ý chí và quyết tâm của nhân dân ta đập tan xiềng xích nô lệ Nó còn là kết quả của *sự tham gia của dân tộc ta vào mặt trận các lực lượng dân chủ thế giới chống chủ nghĩa phát xít quốc tế*, của cuộc đấu tranh trực tiếp của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng chống chủ nghĩa phát xít Nhật ngay từ những ngày đầu của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

Cách mạng tháng Tám thắng lợi, trao chính quyền về tay nhân dân, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, *một Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á*, không những là một thành tựu vẻ vang của phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mà còn là một đóng góp quan trọng vào *thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa* trên phạm vi quốc tế, một đóng góp xứng đáng vào việc hình thành và củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp thắng lợi huy hoàng là thắng lợi của lòng yêu nước, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần đoàn kết vô địch của dân tộc Việt Nam đồng thời cũng là thắng lợi của tình đoàn

kết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới, nhất là giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, của các dân tộc thuộc địa và của loài người tiến bộ

Thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp không những đã mang lại độc lập, tự do cho mình, mà còn giáng một đòn chí mạng vào nền thống trị của một tên đế quốc lâu đời, giáng một đòn quyết định vào chủ nghĩa thực dân, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Một khâu quan trọng của nền thống trị thế giới của chủ nghĩa đế quốc bị đánh sụp.

Với Hiệp định Giơnevơ, lần đầu tiên phe đế quốc chủ nghĩa bắt buộc phải thừa nhận những quyền dân tộc cơ bản và quyền dân tộc tự quyết.

Thời kỳ từ sau cuộc kháng chiến thắng lợi của nhân dân Việt Nam chống Pháp cũng là thời kỳ đế quốc Mỹ đẩy mạnh việc thực hiện âm mưu làm bá chủ toàn cầu bằng chủ nghĩa thực dân mới và với một cuộc thập tự chinh phản cách mạng trên phạm vi thế giới.

Chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ nhằm đánh vào ba lực lượng cách mạng vĩ đại: phong trào xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức và phong trào đấu tranh vì tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa.

Đế quốc Mỹ lại lấy nước Việt Nam làm thí điểm cho việc thực hiện chiến lược toàn cầu của nó. Việt Nam đã trở thành nơi tập trung và tiêu biểu của cuộc xung đột giữa những lực lượng tiến bộ và những lực lượng phản động trong giai đoạn lịch sử ngày nay.

Đây cũng là thời kỳ cách mạng Việt Nam thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

ở miền Bắc, và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước

Trong hoàn cảnh và điều kiện lịch sử như vậy, phải đồng thời triệt để phát huy và càng kết hợp chặt chẽ tinh thần yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản thì mới kiên trì đẩy mạnh và đưa tới thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta

Trong gần 20 năm lãnh đạo cuộc đấu tranh của toàn dân ta chống đế quốc Mỹ, Đảng ta đã giữ vững đường lối ấy, và đã đưa dân tộc ta đến thắng lợi lịch sử vĩ đại, thắng lợi này là thắng lợi của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc bị áp bức và của nhân dân thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ Cách mạng Việt Nam đã giáng một đòn quyết định vào chủ nghĩa thực dân mới, làm cho nước ta *có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là nước Pháp và Mỹ, và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc*

* *

Trong thời đại chúng ta, khi cách mạng ở mỗi nước là bộ phận của cách mạng thế giới, tinh thần dân tộc đúng đắn, chủ nghĩa yêu nước chân chính không thể không kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản Nếu không ủng hộ và tích cực giúp đỡ phong trào cách mạng của nhân dân các nước khác để họ tự giải phóng và góp phần xứng đáng vào phong trào cách mạng chung trên thế giới thì không phải là chủ nghĩa quốc tế vô sản

Chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản là một thể thống nhất và có mối quan hệ biện chứng Theo chủ nghĩa Mác - Lênin mà không nêu cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản thì không phải là Mácxít - Lêninnít chân

chính Mặt khác, không thể có chu nghĩa quốc tế vô sản nếu không theo chu nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa quốc tế vô sản dựa trên *sự nhất trí về tinh thần đấu tranh cách mạng* chống kẻ thù chung - chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu - mưu cầu giải phóng cho cả loài người

Chu nghĩa quốc tế vô sản xây dựng trên tinh thần *đoàn kết chiến đấu* của các lực lương cách mang và tiến bô, nghĩa là xuất phát từ lơi ích cua cách mang nước mình nhưng đồng thời phai quan tâm và không xúc pham đến lơi ích cách mang của các dân tôc khác và lơi ich chung cua thế giới

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi những người cách mang ơ tất ca các nước vừa làm tròn nhiêm vu đối với dân tôc mình vừa làm tròn nghĩa vu quôc tế

THAM LUẬN TRÌNH BÀY TẠI HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ỦY BAN NHIỀU NƯỚC VỀ CÁC VẤN ĐỀ CỦA CÁC NGÀNH KHOA HỌC, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT MÁCXÍT - LÊNINNÍT HỌP TẠI BÉCLIN*

Thưa các đồng chí thân mến,

Chúng tôi, Đoàn đại biểu của các ngành khoa hoc văn hóa và nghê thuât của nước Công hòa xã hôi chủ nghĩa Viêt Nam, lấy làm vinh dư đươc mời tới dư lễ thành lâp Ủy ban nhiều nước về *"Các vấn đề của các ngành khoa hoc, văn hóa và nghệ thuật Mácxit - Lêninnít"* hop tai Béclin, thủ đô của nước Cộng hòa dân chủ Đức.

Chúng tôi xin gửi tới hôi nghị lời chào đoàn kết và hữu nghi và chúc Hôi nghi thành công tốt đep

Như chương trình hôi nghi đã ghi, vấn đề trung tâm của Hội nghi là "Tổ chức khoa hoc văn hóa và nghê thuât trong xã hôi xã hội chủ nghĩa Các vấn đề về chính sách văn hóa và sư phát triển văn hóa tai các Đai hôi các Đảng anh em các nước xã hôi chủ nghĩa".

Đó là môt vấn đề rất lớn, rất quan trọng và rất thiết thực đối với chúng tôi, môt dân tôc sau khi giành thắng lơi vẻ vang và tron ven - đâp tan chủ nghĩa thực dân mới của tên đế quốc đầu só, ở môt vùng xung yếu của thế giới, và hoàn thành thống nhất đất nước đang đăt ra cho mình nhiêm vu lich sử trong đai· cả nước tiến nhanh, tiến manh,

---

* Hop từ ngày 22-9 đên ngày 25-9-1976

tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, với những mục tiêu cơ bản - xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, một nền nông nghiệp hiện đại, một nền quốc phòng vững mạnh, một nền văn hóa khoa học tiên tiến và cuộc đời ấm no và văn minh cho toàn dân

Đó cũng là một vấn đề đang thu hút sự quan tâm của toàn thể loài người tiến bộ, của các lực lượng độc lập, tự do, hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới

Bộ phận lành mạnh của loài người - họ là tuyệt đại đa số, những ai còn giữ được phẩm giá của con người, những ai cho rằng con người trong xã hội không thể sống không có lý tưởng, lại không phẫn nộ trước cái văn hóa nghệ thuật hủy hoại tâm hồn, bóp méo lý trí và tình cảm của con người, chà đạp lên nhân cách mà từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng với bom napan và chất độc hóa học, gieo rắc khắp nơi, hòng bắt các dân tộc phải chọn một trong hai con đường: hoặc là trở về thời đại đồ đá, hoặc là đi vào nếp sống theo bản năng của loài dã thú?

Cái nọc độc văn hóa nghệ thuật của bọn đế quốc là một công cụ nô dịch các dân tộc, bóp nghẹt ý chí giành độc lập, tự do, tiến bộ xã hội về mọi mặt chính trị, kinh tế văn hóa, khoa học Đó là một thứ vũ khí chiến lược tổng hợp để dựng lên hai cái cọc chống đỡ nền thống trị của chủ nghĩa đế quốc phân biệt chủng tộc và chiến tranh diệt sinh, diệt chủng.

Thưa các đồng chí!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới đi vào giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội Như vậy là chúng tôi đến đây trước hết chủ yếu là để học hỏi các đồng chí, tiếp thu những kinh nghiệm quý báu và phong phú của các đồng chí Chúng tôi xin thành thực nói rằng chúng tôi không có tham vọng đóng góp nhiều đối với hội nghị.

Chúng tôi mong học hỏi nhiều ở các đồng chí và hi vọng rằng những quan hệ hợp tác anh em giữa chúng ta trên các lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật sẽ phát triển mạnh mẽ

Chúng tôi mong muốn như vậy, vì rằng tuy chúng tôi mới đi vào giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhưng trước mắt, chúng tôi phải thực hiện nhiệm vụ to lớn và phức tạp là đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy nghĩa là ngay trong giai đoạn này, trong nhiều mặt xây dựng kinh tế và văn hóa, chúng tôi đã phải đề cập đến và giải quyết những vấn đề mà các đồng chí quan tâm

Riêng về phía chúng tôi, chúng tôi cũng có những lý do chính đáng để tin tưởng rằng chúng tôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ lịch sử mà Đảng chúng tôi đã vạch ra đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội

Chúng tôi xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội không phải trên một mảnh đất hoang. Cách đây 26 năm, sau khi được hoàn toàn giải phóng, miền Bắc Việt Nam tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa Mặc dầu từ đó cho đến thắng lợi hoàn toàn và đất nước được thống nhất, Việt Nam phải đương đầu với một cuộc đấu tranh xâm lược vô cùng tàn khốc, chưa từng thấy trong lịch sử, của đế quốc Mỹ, như các đồng chí đều biết, nhân dân chúng tôi vừa anh dũng đấu tranh chống giặc ngoại xâm, vừa hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm hậu phương vững mạnh cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang ấy. nhờ miền Bắc đẩy mạnh sản xuất mà quân dân miền Nam có thể kiên trì kháng chiến, bẻ gãy hết chiến lược chiến tranh này đến chiến lược chiến tranh khác của giặc Mỹ Quân dân miền Bắc đập tan các cuộc chiến tranh phá hoại của địch Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân miền Bắc được ổn định. Việc học hành của thanh thiếu niên, công việc nghiên cứu của các nhà khoa học và hoạt động sáng

tạo của văn nghệ sĩ không bị gián đoạn. Trái lại, còn được đẩy mạnh ở một mức độ nhất định.

Điều quang vinh đối với Việt Nam là đã tỏ ra là một *tiền đồn vững chắc, không gì lay chuyển nổi của chủ nghĩa xã hội ở châu Á*, không những đấu tranh thắng lợi về chính trị và quân sự, mà cả về mặt xây dựng có hiệu quả một nền văn hóa khoa học tiên tiến.

Hàng trăm năm sống dưới ách kìm kẹp của chủ nghĩa đế quốc, Việt Nam bị sa vào tình cảnh nghèo nàn lạc hậu. Nhưng dân tộc Việt Nam có một lịch sử lâu đời, đã tạo nên những giá trị văn hóa và tinh thần quý báu.

Cuộc thắng lợi vĩ đại, toàn diện của Việt Nam vừa qua đã đưa lại cho nhân dân cả nước, kể cả nhân dân miền Nam Việt Nam trong hơn 20 năm bị đầy đọa dưới ách dã man của Mỹ và bọn tay sai, một niềm phấn khởi cách mạng vô biên, một ngày hội lớn nghìn năm mới có của cả dân tộc. Nó báo hiệu rằng kỷ nguyên Đại Phục hưng đã mở ra, giờ thực hiện hoài bão cao cả nhất của dân tộc đã điểm.

Thưa các đồng chí,

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giải phóng về chính trị và kinh tế không tách rời với giải phóng về trí tuệ và tâm hồn. Giải phóng một dân tộc về chính trị và kinh tế là điều kiện căn bản để giải phóng họ về tư tưởng và văn hóa. Giải phóng về tư tưởng và văn hóa lại tạo ra cơ sở để hoàn thành giải phóng về chính trị và kinh tế.

Khoa học, văn hóa, văn học, nghệ thuật, tất cả những cái gì do trí óc và tâm hồn của con người tạo nên là từ cuộc sống mà ra. Chúng nảy nở từ trong hoạt động thực tiễn của con người, trong lao động sản xuất. Văn hóa, nghệ thuật, khoa học là con đẻ của lao động, trở lại duy trì lao động, hỗ trợ cho lao động, tăng năng suất và tăng sức sáng tạo của lao động.

Vai trò nhân đao của văn hóa, nghê thuât là góp phần làm cho lao đông trở thành môt nhu cầu thiết yếu cúa cuôc sống, một nghĩa vu quang vinh tao nên đời sống hanh phúc

Khi loài người đã bắt đầu khuất phuc đươc thiên nhiên, ổn đinh cuộc sống và bước đầu xây dưng văn hóa, thì ho đã bước vào con đường đi tìm hanh phúc, và ý thức về quyền tư quyết đã manh nha

Nhưng, khi trong xã hôi đã có giai cấp và có giai cấp đấu tranh thì những của cải văn hóa tinh thần do những người lao động làm ra bi bọn bóc lôt chiếm đoat, cũng như chúng chiếm đoat những của cải vật chất của ho làm ra Văn hóa, nghê thuât vốn có tác dung góp phần giải phóng lao đông, thì lai trở thành công cu nô dich lao động

Nhưng, hễ có áp bức bóc lôt thì có đâu tranh Những người bi áp bức và bi bóc lôt đấu tranh liên tuc không những chông áp bức bóc lôt về chính tri, kinh tế, mà còn chống cả nô dich về tư tưởng, văn hóa Cho nên, đưới các chế đô xã hội dưa trên quyền tư hữu, bên canh và đối choi với nền văn hóa của giai cấp thống trị, bao giờ cũng có nền văn hóa của những người lao khổ bi áp bức, trong đó ho lấy thế giới quan và nhân sinh quan của mình đối lập với thế giới quan và nhân sinh quan gọi là chính thông.

Trong nền văn hóa dân gian bao giờ cũng có yếu tố dân chủ và xã hôi chủ nghĩa, vì nó nói lên nguyên vong và ước mơ của những người lao khổ chịu cảnh lầm than và muốn thoát khỏi bất công và tàn bạo. Nhưng vì dưới chế độ có giai cấp, những quan hê xã hôi rất phức tap và bi che đây dưới những màn khói thần bí, huyền ảo, bon thống tri lai luôn luôn tìm cách chia rẽ và ly gián quần chúng lao khổ, vì vậy, cuôc đấu tranh của ho chống bạo tàn thường thiếu sự hỗ trơ của một vũ khí tư tưởng có công hiệu

Cho nên, muốn dưa văn hóa, văn hoc nghệ thuât lên vi trí xứng đáng của nó, và muốn tăng thêm sức sống, tính giàu

đẹp và phát huy sức sáng tạo của nó, thì trước hết phải giành cho nhân dân *quyền làm chủ đất nước làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình*

Nhân dân Việt Nam, suốt trong lịch sử lâu dài của mình, liên tục đấu tranh vì độc lập, tự do, và đấu tranh với thiên nhiên, tựu chung cũng để giành quyền làm chủ. Trong cuộc đấu tranh ấy, họ đã tạo nên những truyền thống cao quý cùng với tinh thần kiên cường bất khuất và chủ nghĩa anh hùng, không khuất phục trước ách nô lệ, không hạ vũ khí trước bất cứ bạo lực nào, họ đã bảo vệ được những giá trị văn hóa của dân tộc, trong đó có ngôn ngữ, xây đắp tình đoàn kết keo sơn, lòng ưu ái, niềm lạc quan yêu đời, sự hài hòa, tính siêng năng cần mẫn, trí thông minh sáng tạo, xu thế không ngừng vươn lên phía trước.

Cái vốn đó được tích lũy trong những cuộc thử thách trong đó con người, để giành quyền sống, vừa thích nghi với hoàn cảnh, vừa cải tạo hoàn cảnh.

Nên thấy trong lịch sử của dân tộc Việt Nam cái đặc điểm nổi bật này: trong suốt hàng nghìn năm, không ngừng bị giặc ngoại xâm đe dọa và không ngừng đánh thắng giặc ngoại xâm, dù dân tộc chúng tôi ở vào trình độ phát triển nào, và kẻ thù hùng mạnh đến đâu.

Đặc tính ấy đã bồi đắp trong dân tộc chúng tôi một đức tính nổi bật là tinh thần yêu nước mạnh mẽ gắn liền với ý thức *không có gì quý hơn độc lập, tự do*.

Cho nên, mặc dù dân tộc Việt Nam cũng đã trải qua các phương thức sản xuất - chế độ thị tộc, phương thức sản xuất châu Á, chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa thực dân và đã bắt đầu bị lôi cuốn vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, mặc dù Việt Nam cũng đã tiếp xúc và có chịu ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng triết học và tôn giáo lớn của phương Đông và phương Tây, không bao giờ những biến thiên ấy tiêu hủy hoặc làm phai mờ được tinh thần nhất quán của người Việt:

ho luôn luôn lấy lòng yêu nước thương nòi, tinh thần bất khuất và ý thức độc lập, tư do để đánh giá và phân biêt cái thiên và cái ác, cái thật và cái giả, cái đep và cái xấu

Quá trình phát triển tâm hồn và đức tính của con người Viêt Nam đươc phản ánh và cô đúc lai ở câu *"Không có gì quý hơn đôc lâp, tư do"* trong lời Chủ tich Hồ Chí Minh kêu goi toàn dân đứng lên đánh đuổi giăc Mỹ khi chúng mở rông chiến tranh xâm lươc ra cả nước Đó cũng là sư khẳng đinh tiên tri thắng lơi hoàn toàn nhất đinh thuôc về nhân dân Viêt Nam

Câu châm ngôn ấy cũng là sư nhắc nhở lai môt cách cô đúc, sáng ngời và cu thể lời tuyên bố trong phần mở đầu của Bản Tuyên ngôn lich sử của Người đoc trước toàn thế giới ngày 2/9/1945, ngày thành lâp nước Viêt Nam dân chủ công hòa

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tôc nào cũng co quyền sống, quyền sung sướng và quyền tư do"

Sư nghiêp xây dưng nền văn hóa mới phải dưa trên di sản quý báu của dân tôc và của cả loài người Con người mới, xã hôi mới nảy sinh ra từ trên cơ sở tiếp thu và phát huy các di sản của ông cha, kết hơp với sư tiếp thu những giá tri ưu viêt của nền văn hóa nhân loai

Ngay trong thời kỳ còn hoat đông bí mât, trước Cách mang tháng Tám, Đảng Công sản Đông Dương, trong bản *Đề cương văn hóa* nổi tiếng, vach ra đường lối xây dưng nền văn hóa mới của Viêt Nam, đăt *"tính dân tôc"* lên hàng đầu

Nói rằng nền văn hóa có tính chất dân tôc, hoàn toàn không có nghĩa là nó có tính chất sôvanh, mang màu sắc của chủ nghĩa dân tôc tư sản hep hòi Có tính dân tôc có nghĩa là nó phải phát huy tất cả những khả năng văn hóa tiềm tàng mà nó vốn có, nhưng lâu năm bi đè nén, han chế, trấn áp, bóp nghet, dưới các chế đô phản đông Đươc phát

huy đầy đủ, dưới ánh sáng của sự nghiệp cách mạng, và với sự tiếp thu tinh hoa của loài người, những bông hoa ấy được nở rộ, đưa lại hương sắc mới và tô điểm thêm cho nền văn minh mới của nhân loại. Tính chất thứ hai được nêu lên trong *"Đề cương văn hoá"* của Đảng là *tính khoa học*.

Văn hóa phải có tính khoa học. Trong thời đại này, thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, sự phát triển của văn hóa nghệ thuật gắn liền với phát triển khoa học kỹ thuật, có một sự thâm nhập vào nhau (interpénétration) hiện nay căn bản còn là tự phát, có khi còn đẻ ra đối chọi, xung khắc, nhưng phải điều hòa, làm cho sự thâm nhập vào nhau đó càng rộng, càng sâu thì lại càng hài hòa, nhịp nhàng, để tiến tới một sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới tinh thần và thế giới vật chất, hai bên thúc đẩy lẫn nhau, tác động lẫn nhau, làm cho con người thực sự là hình ảnh của thế giới. Tư cách làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân mình là không thể tách nhau.

Tính chất thứ ba là *tính đại chúng*. Tính đại chúng của văn hóa thể hiện một nền văn hoá dân chủ rộng rãi và triệt để trao về tay nhân dân kho tàng văn hóa của dân tộc và của loài người, phổ cập giáo dục trong nhân dân để họ có thể thưởng thức văn hoá và tích cực tham gia xây dựng văn hóa.

Tính đại chúng của văn hóa cũng đặt ra vấn đề cần phải đưa nhân dân lên làm chủ.

Đảng Cộng sản Đông Dương - nay là Đảng Lao động Việt Nam, mới ra đời, đã giành ngay được quyền lãnh đạo cách mạng về tay giai cấp công nhân và trong 15 năm, sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, vẫn giữ vững quyền lãnh đạo ấy. Nhờ có ưu thế ấy mà trong khi lãnh đạo cách mạng, Đảng rất lo lắng đến việc nâng cao giác ngộ cách mạng của quần chúng qua việc phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, công khai trình bày quan điểm lập trường của mình về các vấn

đề văn hoc nghê thuât, và gơi lên mốt cuôc tranh luân sôi nổi với báo chí tư sản; măt khác đẩy manh viêc xóa nan mù chữ trong nhân dân lao đông qua viêc phổ biến chữ quốc ngữ trong nhân dân lao đông

Như vây, Đảng đã đăt viên gach đầu tiên cho cuôc cách mang văn hóa tư tưởng, đê đến khi chuẩn bi cho cách mang đi đến thắng lơi, trong những năm gay go nhất của cuôc chiến tranh thế giới lần thứ hai, đồng thời với viêc chuẩn bi về măt chính tri, quân sư, chính quyền, Đảng đã đưa ra bản *Đề cương văn hóa* nổi tiếng như đã trình bày ở trên

Cách mang tháng Tám thành công huy hoàng, nhưng đất nước đã bi kiệt quê sau 6 năm chiến tranh đế quốc và bi phát xít Nhật chiếm đóng Thêm vào đó, trên miền Bắc, mươn danh nghĩa đồng minh vào tiếp quán sư đầu hàng của quân Nhật, mấy chuc van quân của Tưởng Giới Thach kéo vào như môt lũ ma đói, vơ vét của cải của nhân dân, tìm đủ cách để lât đổ chính quyền cách mang, trong khi môt nan đói khủng khiếp giết hai 2 triêu người Ở miền Nam Viêt Nam, quân Anh kéo vào, dắt theo nó tàn quân của thưc dân Pháp, và ủng hô chúng tấn công cách mang, đăt lai ách thưc dân

Trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, Chủ tich Hồ Chí Minh, lãnh tu Đảng và lãnh tu Nhà nước, với môt tinh thần chủ đông và bình tĩnh phi thường, với ý thức sâu sắc về tính tất thắng của sư nghiệp chính nghĩa của nhân dân Viêt Nam, nhất là với lòng tin tưởng sắt đá ở tình đoàn kết của toàn dân và ở sư ủng hô của loài người tiến bô, vach ra môt cương lĩnh hành đông rất ngắn gon, cu thể, thiết thưc, trong đó Người chỉ ra ba kẻ thù mà nhân dân Viêt Nam phải dốc toàn lưc để đánh thắng chúng - *nan ngoai xâm, nan đói, nạn đốt*

Như vây là trong môt cuôc cách mang do đôi tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đao, đưới môt chế đô mà giai cấp công nhân và nhân dân lao đông là người làm chủ tập thể,

đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, đấu tranh kinh tế và đấu tranh văn hóa gắn bó khăng khít với nhau

Chỉ vài ngày sau Cách mạng thành công, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh phát động phong trào xóa nạn mù chữ trong cả nước, kèm theo phong trào xây dựng nếp sống mới. Tiếng Việt được dùng trong tất cả các cấp học.

Đường lối đó của Đảng chúng tôi mà nội dung là tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, là nhất quán trong hơn 30 năm nay, từ Cách mạng tháng Tám, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân đầu tiên ở thế giới thuộc địa.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, dưới khẩu hiệu "kháng chiến hóa văn hóa, văn hoa hóa kháng chiến" của Hồ Chủ tịch và phong trào "thi đua yêu nước" do Người phát động năm 1948 bao gồm không những các ngành sản xuất công nông nghiệp, quân sự (thi đua giết giặc) mà cả các ngành văn hóa giáo dục ("mỗi một lớp học bình dân là một pháo đài chống giặc"), y tế ("lương y như từ mẫu"), Việt Nam đã đi tới chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy, đánh sụp chủ nghĩa thực dân cũ, đưa lại hòa bình cho Đông Dương, mở đường cho nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhưng, tên sen đầm quốc tế, kẻ thù số một của cả loài người, với chiến lược làm bá chủ toàn cầu, và dựa vào hai thế lực mà nó cho là bất khả chiến thắng - kinh tế và vũ khí hiện đại, không muốn để cho một nước nhỏ bé như Việt Nam thách thức nó, tiến theo một con đường khác, ngoài quỹ đạo của "thế giới tự do" mà nó tư phong là lãnh tụ.

Việt Nam, nhờ có đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch, nhờ có nhiệt tình yêu nước và tinh thần phấn khởi cách mạng, tình đoàn kết chặt chẽ của nhân dân miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhờ có tinh thần cần cù, óc

thông minh, mưu trí của nhân dân Việt Nam, phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và nhờ có sự giúp đỡ tận tình của các nước anh em, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đầu những năm 60, về bản chất và bộ mặt, không còn là một nước thuộc địa nửa phong kiến nữa, mà đã bắt đầu xây dựng nền móng cho chủ nghĩa xã hội.

Như các đồng chí đều biết, chiến tranh phi nghĩa của Mỹ chống Việt Nam đã kết thúc bi thảm và nhục nhã như thế nào đối với đế quốc Mỹ

Mỹ đại bại không phải vì thiếu phương tiện, vì ở xa Việt Nam, vì xã hội Mỹ lục đục bên trong, vì chế độ "dân chủ" Mỹ suy đồi đến cực độ, và vì chiến tranh ấy mất lòng dân v.v

Việt Nam thắng lợi toàn diện, tron ven, dĩ nhiên vì có chính nghĩa, có dân, có Đảng Mácxít - Lêninnít lãnh đạo, có loài người tiến bộ ủng hộ

Nhưng, nói cho cùng, đó là thắng lợi của con người, con người *ở tư thế làm chủ* làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh mình, làm chủ thế giới, làm chủ kỹ thuật, làm chủ vũ khí

Đế quốc Mỹ và bọn đại tư bản Tây Âu rêu rao và phô trương sức mạnh thần kỳ của kỹ thuật, của vũ khí, lợi dụng, khai thác, khoét sâu mặt *sinh vật* của con người, để bắt con người trở lại làm nô lệ cho kỹ thuật Để đạt mục đích ấy, công tác văn hóa tư tưởng, văn học nghệ thuật của giai cấp tư sản lũng đoạn phản động Mỹ và Tây Âu, các học thuyết "mới" về triết học, sử học, kinh tế học, xã hội học, văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ v.v . hướng tư duy và tâm hồn của con người vào hai con đường, nhằm tạo ra hai hạng người: một là, sợ chết, hoảng hốt, hoang mang, hoài nghi đối với tất cả· đối với xã hội, dân tộc, loài người, đối với cả bản thân mình, đối với thực tại. Hai là, hưởng thụ một cách cuồng loạn, sống theo bản năng, đã phá những giá trị cao quý của loài người, căm thù chủ nghĩa xã hội, tâng bốc những hành động thú tính - phát xít, phân biệt chủng tộc, xâm lược v.v Nói tóm

lại, dưới danh nghĩa "khoa học", cố tìm ra những cái "mới nhất", "bất ngờ", "giật gân" do tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật mang lại trong quan hệ và tình cảm giữa người và người trong xã hội, và trong tâm linh của con người

Nền văn hóa, nghệ thuật đó, sự phô trương lộ liễu sức mạnh "siêu tự nhiên" ấy của kỹ thuật không nhằm mục đích nào khác ngoài việc khuấy lên những mặt tiêu cực, xấu xa, bi ổi nhất của chủ nghĩa cá nhân bị chi phối bởi những đòi hỏi sinh lý hạ đẳng

Việt Nam đã đánh tan chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, một thứ chủ nghĩa thực dân bắt con người khuất phục trước kỹ thuật Việt Nam thắng đế quốc Mỹ vì Việt Nam có một nền văn hóa tôn trọng và đề cao phẩm giá con người, trong đó con người làm chủ kỹ thuật

Thưa các đồng chí,

Việt Nam vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu, kỹ thuật thấp kém Tuy nhân dân chúng tôi đã liên tiếp đánh suy chủ nghĩa thực dân cũ và đập tan chủ nghĩa thực dân mới, nhưng hiện giờ đất nước chúng tôi còn phải cố gắng nhiều để, như bản Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch đã dạy "Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới", và để đạt tới những đỉnh cao nhất chói lọi của nền văn minh của nhân loại

Trong hoàn cảnh của nước chúng tôi hiện nay, chúng tôi phải quét sạch trong một lúc bao nhiêu những rác rưởi của các chế độ phản động để lại, những tàn dư của tư tưởng phong kiến và sản xuất nhỏ, cá thể lâu đời và những ảnh hưởng của văn hóa tư tưởng tư sản phản động nhất Chỉ bằng cách làm cho tinh hoa của chủ nghĩa xã hội khoa học thâm nhập vào trí óc và tâm hồn của quần chúng nhân dân lao động mới xua tan được nhanh chóng và triệt để bóng đêm của quá khứ và trên cơ sở đó mới xuất hiện con người lao động mới

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ của chúng tôi rất nặng nề và phức tạp Trước mắt, chúng tôi còn gặp nhiều khó khăn Nhưng chúng tôi tin chắc rằng với sự giúp đỡ tận tình và hợp tác anh em của các đồng chí, chúng tôi nhất định sẽ hoàn thành nhiệm vụ

Phần VII

NHÀ BÁO XUẤT SẮC

ĐÁP LẠI* BỨC THƯ NGỎ CỦA QUAN NĂM ĐỖ HỮU CHẤN**

Chúng tôi đã nhận được bức thư dưới đây của một thông tín viên tòa báo chúng tôi, đây là một lời đáp đanh thép nhưng lịch sự, đối với bức thư của ông quan Năm Đỗ Hữu Chẩn đăng trên các báo Nam Kỳ mới đây

Ban đọc sẽ đánh giá

Hiện nay, chúng tôi chỉ rut ra kết luận sau đây về bức thư này Từ sau cuộc chém giết quy mô ở châu Âu, thế giới đã đổi khác va thời kỳ của những lơi phỉnh phờ đã qua rồi

L T S

Sài Gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1926

Thưa ông quan Năm,

Xin ông hãy cho phép một đồng bào trẻ tuổi của ông, bằng những dòng chữ này, được trả lời bức thư mà ông đã gửi từ nước Pháp về cho những người An Nam, bức thư mà báo chí Nam Kỳ đã quảng cáo rông rãi

Là người kém tuổi ông và do đó chưa có được kinh nghiệm như ông, cũng chưa được phung sư nước Pháp một cách đắc lực như ông, lẽ ra tôi phải xem tất cả những điều ông đã nói như Kinh Thánh Nhưng vì bức thư của ông đã đề ra một nguyên tắc có liên quan đến toàn thể dân chúng Đông Dương cho nên, tôi là người cũng tư coi là mang năng tình yêu sâu sắc đối với Tổ quốc tôi, tôi tư đặt cho mình một bổn

---

* Bài viết bằng tiếng Pháp, đăng (xã luân) trong báo L'Annam xuất bản ở Sài Gòn Chiếm cả 4 trang trong sô báo ngày 15/7/1926

** Quan Năm (đai tá) trong quân đôi Pháp, con của tên đai Viêt gian Đỗ Hữu Phương đã giúp giăc tàn sát đồng bào ta từ khi thưc dân Pháp chiếm Nam Kỳ

phân, dĩ nhiên và táo bạo, nhưng là rất cần thiết, phải trả lời ông

Tôi không có tham vọng nói thay cho tất cả đồng bào chúng ta, vì rằng, về mặt đó, tôi tuyệt nhiên không đủ tư cách bằng ông Vả lại, tôi biết rằng, vẫn có một hạng người Đông Dương nào đó cùng quan niệm với ông, nhưng bởi vì ông đã định dạy khôn cho Đảng Thanh niên, hay nói đúng ra là những thanh niên An Nam, thì tôi, vì có vinh dự là một thành viên của Đảng đó, tôi tự cho phép mình tranh luận những ý kiến mà ông đã đề xuất. Tuy nhiên, cùng với việc đó, tôi vẫn bảo đảm sự kính trọng mà chúng tôi thường dành cho những người như ông.

Trong bức thư của ông, ông đã bắt đầu bằng lời mở đầu tuyệt diệu sau đây, điều đó tự nó cũng vô tội vạ, nhưng nó đã để lộ một sự vụng về nào đó mà chúng ta không hề ngờ tới ở một nhân vật đường bệ như ông "Mặc dù khoảng cách phân chia chúng ta, tôi không quên rằng chúng ta cùng một nòi giống, rằng tất cả (nguyên văn) những gì liên quan tới các bạn không thể làm tôi dửng dưng được, tôi không quên rằng tôi là anh cả của các bạn và, với tư cách đó, bổn phận của tôi là cho các bạn những lời khuyên không vụ lợi và làm cho các bạn thừa hưởng kinh nghiệm của tôi, bởi lẽ hơn ba mươi năm tiếp xúc với những người Pháp bảo hộ chúng ta mà không bao giờ hy sinh một mẩu nhỏ của sự vĩ đại và lòng tự tôn của nòi giống chúng ta, cho phép tôi hiểu rõ tinh thần và tâm lý của hai chủng tộc" - Ông muốn nói tới khoảng cách nào đây? Phải chăng là về khoảng cách hình học? Ít ra tôi cũng muốn tin như vậy. Nhưng thưa ông quan Năm, sự thật hiển nhiên là chưa bao giờ tôi thấy người nào mà không giản lại làm cho anh ta quên nòi giống của mình cả Tuyệt nhiên không cần phải có học thức như ông, phải có kinh nghiệm như ông mới nhớ được ít ỏi như vậy. Về việc này, trí nhớ kém nhất cũng đủ. Ông hãy xem một người Minh Hương, nghĩa là con của một người Trung Quốc và một người An Nam và tổ tiên hầu

hết là người An Nam, anh ta luôn luôn đòi hỏi được mang quốc tịch Trung Hoa ngay trên đất An Nam; huống hồ ông, bố ông là An Nam chính cống, mẹ ông là gái nước Nam và tổ tiên đều là con Hồng cháu Lạc. Ông sinh ra trên một mảnh đất đã từng chứng kiến cái sống và cái chết của biết bao vị tiên bối của ông, cũng như (đã từng chứng kiến) sự nảy sinh và tiêu vong của biết bao sự huy hoàng của một quá khứ lịch sử hiên hách, thì dù tự đặt mình ở điểm nào trên quả đất, ông cũng không thể quên được nòi giống ông, cái nòi giống An Nam mà một sự ngẫu hợp tình huống độc lập ngoài ý muốn của nó, đã đặt nó dưới ách của một dân tộc khác. Là một người An Nam thực thụ, ông phải luôn luôn nghĩ đến cái tình cảnh sỉ nhục của Tổ quốc thống khổ, đê hơn lúc nào hết nhớ lấy gốc gác của mình.

Ông khẳng định một cách trịnh trọng rằng không có điều gì liên quan đến chúng tôi có thể làm cho ông dửng dưng. Đây lại thêm một sự thú nhận về sự ngây thơ khó tưởng tượng nổi của ông. Nếu không phải là một kẻ bán mình, một kẻ phản quốc, người ta không thể thờ ơ trước công việc của đất nước mình mà phải coi đó như những công việc của chính bản thân mình. Từ khi bị xâm chiếm, người An Nam sống trong tủi hờn, ô nhục, hơn bao giờ hết phải nghĩ đến tình cảnh nguy khốn của mình. Đối với bất kỳ người nào thực sự yêu nước, nếu họ thuộc một dân tộc độc lập, thì sự lớn mạnh của dân tộc phải được coi là nguyên tắc và cứu cánh của mình, là đường lối hành động trong suốt đời mình. Nếu họ thuộc một dân tộc nô lệ thì việc giải phóng nòi giống phải là điều ám ảnh ý nghĩa của họ lúc ban ngày và nuôi dưỡng những giấc mơ của họ lúc ban đêm, và, sau khi chỉ là lý tưởng đối với anh ta, cuối cùng sẽ đi đến cụ thể hóa đến mức thu hút hoàn toàn con người đó cho tới cái ngày nghìn lần đáng ban phúc lành: ngày Giải phóng Tổ quốc.

Tôi không nghĩ rằng một người dân An Nam lại cần phải làm như Việt vương Câu Tiễn của nước Trung Hoa cổ đại là

phải dùng đến những sư hành xác như nằm gai và nếm mật trong mỗi bữa cơm, để không thể quên sứ mệnh của mình là một ngày kia phải đuổi quân thù ra khỏi đất nước Những điều bất công sỉ nhục đối với đất nước chúng ta chồng chất quá nhiều khiến mỗi một chúng ta không thể không nghĩ đến Chỉ riêng việc nhìn thấy mảnh đất trên đó tổ tiên chúng ta yên nghỉ đang bị gót giầy ngoại bang chà đạp đã là một vết thương đau nhói trong lòng mỗi chúng ta Thật xấu hổ và đáng nguyền rủa kẻ nào không cảm thấy đau đớn về điều đó!

"Rằng tôi là người anh cả của các bạn", ông đã nói như vậy Cũng được Chúng tôi đành công nhận ngay cho ông cái tư cách ấy, cái tư cách mà ông đã tự gán cho mình một cách rộng rãi, nhưng, trong khi không có tham vọng cho ông một bài học luân lý, chúng tôi thú nhận là tuyệt đối ông không có khả năng làm điều đó, chúng tôi muốn rằng ông nên khiêm tốn hơn Sự khiêm tốn của ông sẽ không hạ thấp sự trân trọng của chúng tôi đối với ông mà trái lại Chúng tôi sẽ để cho ông tự hỏi xem ông đã có những hành động xứng đáng nào nhằm đưa lại hạnh phúc cho đồng bào ông để đưa ông lên địa vị anh cả của họ? Ông đừng quên rằng danh hiệu anh cả của một dân tộc có hai mươi triệu người, mà những người anh cả trước đây của họ là những Lê Đại Hành, những Trần Hưng Đạo, những Lê Lợi và những Quang Trung, tất cả đều mang dũng khí chiến đấu của mình ra chống lại làn sóng xâm lăng, danh hiệu đó nói lên một tài năng vượt hẳn lên trên cái bình thường, rằng danh hiệu đó phải được chứng tỏ bằng những chiến công kỳ diệu, và do đó, nó có quyền được sự kính trọng của mọi người khi còn sống và được sự tôn thờ vĩnh viễn của họ sau khi đã chết Dĩ nhiên, khi người ta tự phong cho mình một cách không công và một cách nhỉnh ỏi một danh hiệu mà mình không có quyền mang một cách chính đáng, thì tiếng cười là món tiền mà công chúng được giải trí sẽ trả cho anh ta về những cảnh hài kịch hay hơ như thế!

Ông có nói rằng ông muốn làm cho chúng tôi thừa hưởng được kinh nghiệm của ông Nhưng, thưa ngài quan Năm, trừ những ngoại lệ rất hiếm hoi, chúng tôi đây, đều có một kinh nghiệm nào đó Kinh nghiệm ấy, chúng tôi đã thu được trong suốt một nửa thế kỷ đau khổ và do trường học khắc nghiệt của thân phận nô lệ đã dạy cho chúng tôi Và chính là để nhằm làm tiêu tan những nỗi thống khổ của mình và kết thúc cuộc đời nô lệ của mình mà tất cả chúng tôi muốn sử dụng một cách có ích kinh nghiệm của chúng tôi.

Ông nói rằng ông biết rõ tinh thần và tâm lý của hai chủng tộc Tôi có quyền nghi ngờ điều đó Ông chỉ hiểu tâm lý người An Nam qua tâm lý của chính bản thân ông mà thôi Nhưng, có thể là tâm lý của ông khác một cách sâu sắc với tâm lý của phần lớn người An Nam, và không bắt buộc là điều gì ông suy nghĩ cũng là điều mà chúng tôi suy nghĩ Về tâm lý của người Pháp, ông chỉ biết nó qua sự giao du với những người Pháp có danh vọng, những người đó yêu mến ông, tỏ lòng vô cùng tôn trọng ông, bởi vì, là một người lính quá cảm, ông đã phụng sự một cách trung thành đất nước họ trên chiến trường, nhưng, có một điều mà lẽ ra ông phải biết, là những người Pháp đó không có những quan hệ tốt nhất với tất cả đồng bào ông và quy tắc chung cho tất cả diễn viên trên thế giới là thay đổi mặt nạ ngay sau khi chuyên cảnh "Câu chuyện của những kẻ âm mưu" do Luật sư Phan Văn Trường soạn xác nhận luận điểm của tôi Ông hoàn toàn có lý khi ông nói rằng nước Pháp quá rộng lượng nên không thể quên sự đóng góp của chúng ta trong chiến tranh Quả vậy, khi một người bạn giúp ta một việc gì, chúng ta khó có thể quên người đó, trái lại chúng ta càng yêu mến người đó hơn bao giờ hết, chúng ta càng tìm cách gắn bó người đó với chúng ta, không rời anh ta một khoảnh khắc, có phải không thưa ông? Tại sao lại từ bỏ một vật chừng nào vật đó có ích đối với ta và, trong khi nó có thể giúp ích cho ta về mặt nào đó, chúng ta hãy giữ lấy nó để tận dụng nó

Khi ông tâng bốc chủ nghĩa tự do của Chính phủ Pháp, ông đã làm cho chúng tôi trố mắt lên vì kinh ngạc. Người ta tưởng ông từ cung trăng rơi xuống. Ông hãy từ bỏ trong giây lát hai cái tư cách là người Pháp và là một vị quan Năm, ông hãy chui vào trong cái xác của một người nhà quê An Nam và ông sẽ có thể đánh giá được cái thứ chủ nghĩa tự do đó mà ông đã tán tụng hết lời.

"Về phía chúng ta, chúng ta đã dùng những phương tiện xứng đáng với nòi giống chúng ta để thu hút sự chú ý của nước Pháp hay chưa?", ông đã mắng mỏ chúng tôi với một vẻ oai vệ như vậy. Thế thì ông thực sự không hài lòng về những phương tiện mà đồng bào của ông đã dùng hay sao? Nhưng thưa ngài quan Năm, phẩm cách thực sự của một người An Nam là ở chỗ mong muốn giành lại độc lập cho xứ sở chứ không phải ở chỗ tìm cách thu hút một cách lén lút sự chú ý của những kẻ áp bức mình, giống như một con chó xu nịnh phải bò lê, rên rỉ, quẫy đuôi và liếm tay chủ, nhằm xin chủ nó một cái đá yêu. Hẳn ông có biết nhà yêu nước Phan Chu Trinh khi còn sống? Khi Phan Chu Trinh mất, những người An Nam ở Đông Dương, theo một truyền thống mạnh mẽ và cao quý, đã tỏ lòng thương tiếc một con người dũng cảm như vậy, do đó họ đã tổ chức tang lễ trong các đền chùa. Sở Mật thám Đông Dương đã được trao nhiệm vụ thanh toán càng nhiều càng tốt những cuộc biểu tình chỉ mang tính chất hoàn toàn tôn giáo đó và những người biểu tình sau đó đã là nạn nhân của đủ mọi thứ đàn áp. Ông hãy xem đấy, đâu là lòng tư tôn và đâu là sự đê tiện. Sự kiện tôi vừa dẫn ra là một trong trăm ngàn ví dụ và tôi muốn tha cho ông khỏi phải đọc một bảng thống kê dài dòng vì tôi tin chắc rằng, đối với một người có phần học thức, có phần thông minh, một vài chữ cũng đủ để làm sáng tỏ. Ông là người đã học lịch sử nước Pháp, há ông lại không biết rằng, để lấy lại hai tỉnh bị mất là Andaxơ và Loren, sát nhập vào Đức từ cuộc chiến tranh năm 1870, nước mẹ của ông đã phải

mất bốn mươi năm chuẩn bị phục thù hay sao? Những kẻ bò sát đất để ăn xin từng mảnh nền tự do mà người ta đã đi tước đi của chúng bằng sức mạnh, đều tỏ ra hèn hạ, nô lệ và ngu ngốc. Về chính trị, không thể có thỏa hiệp với quân thù và mọi phương tiện đều có thể sử dụng, miễn là mục tiêu theo đuổi phải là mục tiêu cao quý.

Ông sợ rằng, với những cuộc biểu tình gần đây, chúng tôi đã đi nhầm đường chăng. Chúng tôi không ngờ rằng những cuộc biểu tình của chúng tôi lại nghiêm trọng đến mức gây ra cho ngài quan Năm Chẩn dũng cảm một mối lo sợ mạnh mẽ như vậy. Nếu chúng tôi có đủ sáng suốt để đoán định một tình cảm như vậy ở ông ta, thì chúng tôi đã dùng đủ mọi hình thức phòng ngừa nhằm ngăn chặn không để cho những tin tức khẩn cấp ở Đông Dương đến được tai ông ta.

Một nhóm sinh viên đòi tự do cho một đồng bào của họ[1], một người đã không phạm tội ác nào ngoài việc tìm đường trốn ra nước ngoài để mong thoát khỏi thảm cảnh đất nước đang làm mồi cho những niềm đau khổ, dân chúng bày tỏ lòng thương tiếc trước cái chết của một nhà nho[2] đã dũng cảm bảo vệ sự nghiệp của họ, học sinh bãi khóa, một vài bài diễn văn[3] bày tỏ với viên Toàn quyền mới những lời thỉnh cầu chính đáng của người An Nam và phàn nàn về hiến trang. Ông thấy có gì kỳ lạ trong tất cả những cuộc biểu tình bình thường này để tìm ra trong đó điều mới lạ có tính chất lật đổ? Thực ra, không một người An Nam nào công khai tuyên truyền nổi loạn cả và những người bảo hộ chúng ta đã cho chúng ta một bằng chứng rực rỡ về sự vụng về của họ, về lòng hẹp hòi và sự thiếu can đảm của họ khi

1 Vụ xử án nhà yêu nước Phan Bội Châu tại Hà Nội tháng 12/1925

2 Lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh tổ chức tại đền Hai Bà ở Hà Nội tháng 3/1926

3 Diễn văn do Nguyễn Khánh Toàn thảo đọc trước Toàn quyền Varenne khi ý đến thăm câu lạc bộ sinh viên Việt Nam tại số 5 phố Vọng Đức Hà Nội, tháng 4 năm 1926

họ đàn áp những phong trào trên đây với một sự tàn nhẫn không đáng với tính chất và tầm của những phong trào đó Người ta đã đối xử với một số đảng viên Đảng Thanh niên như thể họ đã gây ra một cuộc tổng khởi nghĩa trên toàn Đông Dương vậy

Việc ông trách móc Đảng này đã có những tham vọng quá đáng có đúng không? Tôi hiểu tại sao ông, là người nói tiếng Pháp ngót sáu mươi năm nay, ông lại không chịu khó nghĩ ra cái định nghĩa chính xác của từ "tham vọng" Như vậy là ông xem việc một người bị mất hết của cải mà lại đòi nó một điều kỳ lạ, mà hơn nữa người này lại đòi nó với thái độ bình tĩnh, lễ phép và có thể nói là rụt rè nữa, anh ta cũng chẳng dùng đến những phương tiện nhờ đó người ta đã cướp của cải của anh ta Thưa ông quan Năm, chừng nào dân tộc An Nam còn sống trong cảnh nô lệ, không những dân tộc đó luôn luôn có quyền mà còn có bổn phận tìm cách giành lại nền tự do đã bị cướp đi

Ông đã có lý khi nói rằng bọn thực dân Pháp không hề chịu từ bỏ chút nào đặc quyền của chúng, nhưng tại sao ông còn nói thêm sau đó một cách phi lý rằng, đúng ra phải này tuyên bố rằng người ta không thể thỏa mãn nguyện vọng của dân An Nam nếu những nguyện vọng đó được đòi hỏi bằng những lời đe dọa và bằng cách giơ quả đấm? Tại sao lại quanh co như vậy, sự quanh co đó quyết không chứng tỏ rằng ông có lý mà ngược lại, còn làm cho chúng tôi tin rằng mối lo lắng to lớn của ông là làm vừa lòng những người Pháp ở đây Vâng, khi nói điều đó, ông chỉ muốn làm vừa lòng bọn họ, bởi vì, tôi nghĩ rằng không phải là ông không biết về sự chống đối mà ông Varen đã vấp phải trong bọn họ, khi ông ta quyết định cho người An Nam được vào ngạch Tây Đó là chưa nói rằng sự cải cách đó chỉ làm lợi cho vài người An Nam, còn những người "dân" khốn khổ thì vẫn tiếp tục làm lụng khó nhọc và đổ mồ hôi hơn bao giờ hết, và sự cải cách đó đã không được đòi hỏi với những hàm răng nghiến chặt

va những ngon tay xiết lại Ngài quan Năm hình như quên rằng nếu người An Nam còn mãi mãi vấp phải sư ngoan cố có hệ thống ở những người "bảo hộ" họ, thì một ngày nào đó, họ sẽ được toại nguyện, và được như vậy là nhờ những phương tiện ve vang hơn nữa

Ông đã xét đến việc thành lập một ủy ban chính trị tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương Cam ơn ông đã làm cho chúng tôi cảm thấy hiệu lực của sư sáng suốt của ông Nhưng, trong khi giả thiết rằng uy ban đó sẽ ra đời, tôi tư hỏi không biết có nên mong muốn rằng trong số thành viên của nó sẽ có những người Phap không phải là công chức, những người luôn luôn lo lắng cho đời sống hanh phúc về vật chất và tinh thần của người An Nam, như ông đã nói một cách ngây ngô hay không? Đồng bào chúng ta đều có thể cho ông những bằng chứng không lấy gì làm đẹp đẽ về số đông những nhân vật ấy, những bằng chứng này có nguy cơ sẽ đánh tan hoàn toàn sư lạc quan của ông nếu thực ra sư lạc quan đó là thành thật Ví dụ, họ sẽ nói với ông rằng một người nào đó đã đến Đông Dương, lúc đầu thì xác xơ, nhưng sau khi nhờ có ân huệ của chính quyền Đông Dương đã có được những đồn điền rộng lớn, người đó sống như một vị chúa phong kiến thực sự, có quyền sinh quyền sát đối với những người An Nam láng giềng của nó, đối với những người cu li của nó, một số những người cu li này khi ốm đau tuyệt nhiên không được nghỉ ngơi, không được chăm sóc, chết gục một cách khốn khổ trong một xó rừng, còn chủ họ thì không máy may lo nghĩ đến số phận của họ Không có một đạo luật lao động nào được đặt ra để bảo vệ cho những kẻ khốn khổ đó, thế mà ông lại nói đến đời sống hanh phúc về vật chất của họ và ông còn muốn chờ đợi ở chính bon áp bức họ một tình cảm tốt đẹp với họ, thật chẳng khác gì đi tìm chính ngọ lúc đã hai giờ chiều Thế vẫn chưa biết, ông còn muốn rằng bon thực dân lo lắng đến hanh phúc về tinh thần cho dân bản xứ Nhưng người ta đã chứng minh

một cách toán học như A công B rằng đạo đức của phần lớn bọn thực dân già đời đó chẳng có gì là hơn đạo đức của dân An Nam. Làm sao ông lại muốn rằng bọn họ làm cho người khác những điều mà họ không thể làm được cho chính bản thân họ? Ý thức công bằng đòi hỏi ông không nên buộc họ phải có một sự cố gắng hoàn toàn vượt quá khả năng của họ hoặc phải có những sự hy sinh quá cao so với ý muốn của họ.

Hơn thế nữa, ủy ban cũng sẽ gồm có hai thành viên độc lập người bản xứ, nghĩa là, về hình thức, không bị lệ thuộc vào chính quyền, như ông Phạm Quỳnh và những người đồng lõa với ông ta chẳng hạn. Thế cũng chưa đủ. Những thành viên đó sẽ là những người mà lòng trung thành được thử thách, nghĩa là khi mẫu quốc cần đến sự đóng góp tiền nong của cô con gái Á châu, thì những kẻ đại diện cho nguyện vọng của nhân dân, với một lòng hiếu thảo không gì lay chuyển nổi, sẽ xả thân tuyên truyền đắc lực cho việc tăng thuế hoặc nặn ra các thứ thuế má đập vào lưng những người An Nam cùng nòi giống với họ. Số còn lại của cái ủy ban đó không đáng cho người ta nói đến. Mọi người đều biết rõ về những tình cảm đáng khen của những vị đó đối với dân chúng.

Ông có nói rằng chúng tôi cũng có thể sẽ có đại biểu trong Hội đồng thuộc địa tối cao. Nhưng ngay cách nói của ông cũng khẳng định rằng chưa có cái gì chắc chắn cả, rằng đó là một điều có thể có chứ chưa phải là điều sẽ có. Cho tới đây, mọi việc đều tuyệt đẹp. Nhưng cuối cùng, khi ông tuyên bố rằng nước Pháp sẽ hy sinh đến người lính cuối cùng nếu lá cờ của nó bị đe dọa ở Đông Dương, thì, ngoài ý muốn và sự hiểu biết của ông về điều đó, ông đã đứng ra làm người buộc tội nước mẹ của ông, kẻ đã ban đầy ơn cho ông. Thực vậy, ông có vẻ như nói rằng nước Pháp nắm chắc Đông Dương như nắm chắc cuộc sống của nó, rằng nước Pháp không thể bỏ được cái xứ thuộc địa rộng lớn và giàu có của nó, đó là tất yếu đối với nó, là cái gì quý giá hơn cả danh dự của nó, bởi vì, cái danh dự đó, nước Pháp đã mất nó một

lần vào năm 1871 trong cuộc chiến bại trong khi nó không chịu hy sinh vào đó người lính cuối cùng của nó Như vậy thì, chế độ thực dân là một tổng hợp của những thủ đoạn không lấy gì làm lương thiện nhằm bóc lột kẻ yếu, và thuộc địa là một mảnh đất bóc lột rộng lớn, bởi vì nếu những kẻ bảo hộ chúng ta đến với mục đích thực sự làm người dẫn dắt không vụ lợi trên con đường vẫn mênh của chúng ta, thì họ sẽ không khỏi giận dữ một cách cao cả, rút đi một cách tự trọng nếu, về phía chúng ta, chúng ta nghi ngờ sự trong sạch của những ý đồ của họ bằng cách nói với họ những điều ít êm tai Khi một người giúp đỡ chúng ta một cách vô tư mà chúng ta lại buộc tội họ là vụ lợi thì việc làm đầu tiên của họ trong trường hợp đó là xa lìa càng nhanh càng tốt kẻ vong ân bội nghĩa Tâm lý con người là như vậy Một số người An Nam ranh mãnh muốn thử thách phẩm chất của những kẻ bảo hộ chúng ta họ công kích Chính phủ Pháp bằng lời lẽ phần nào mạnh mẽ Các nhà giáo dục của chúng ta đã nổi giận, đã đoạ bỏ ra đi! Đúng là người ta đã chờ đợi điều đó Nhưng họ có đủ can đảm để cho lời nói đi đôi với việc làm không? Ồ, không đâu Sự giận dữ của họ rất mực hiền lành Họ quá yêu cô con gái nuôi của họ nên không thể đối xử một cách nhẫn tâm như vậy được Họ luôn luôn làm ra vẻ như sắp vĩnh biệt Đông Dương nhưng lại không muốn buông tha nhả nhớm nó ra!

Nhưng, thưa ông quan Năm dũng cảm, trong khi, theo ông những kẻ đi chinh phục có quyền và có bổn phận hy sinh đến tên lính cuối cùng để giữ lấy một đất nước không phải của họ, thì, đối với một người bị chinh phục mà nói đến việc hy sinh đến người cuối cùng để giành lại mảnh đất thiêng liêng của cha ông họ, thì ông tính sao? Hay là, ngược lại, ông sẽ xem họ như những người nổi loạn, những người chống Pháp và dùng những từ khác nữa rập khuôn theo kiểu thực dân mà chắc ông cũng biết rõ như tôi? Vấn đề chính là ở đó

Để kết thúc, tôi nhắc lại với ông rằng nhiều đồng bào của chúng ta không thừa nhận cái uv quyền mà chắc rằng ông tướng có thể chờ đợi những lời lẽ của ông và họ không chấp nhận đường lối mà lời lẽ của ông muốn vạch ra

Xin ông quan Năm hãy nhận những lời chào trân trọng của tôi

Người dịch: Phan Gia Bền

BẮC KỲ TRONG CẢNH LẦM THAN DƯỚI SỰ BẢO HỘ TỐT LÀNH CỦA NƯỚC PHÁP*

Thật đáng buồn khi nhận thấy rằng sau bảy mươi năm đô hộ, chính phủ bảo hộ đã tỏ ra trì trệ đến như vậy trước những cảnh lầm than của một dân tộc mà chính phủ đó bảo là bảo đảm hạnh phúc. Lúc nào cũng đem ra khoe mấy đoạn đường sắt đã đặt, vài nghìn cây số đường chạy ôtô mà người ta đã làm, những dinh thự đẹp đẽ cất lên ở các thành phố lớn.

Tất cả những cái đó là tiến bộ, là văn minh, là sự tiến hóa của dân tộc Việt Nam, và nước Pháp thực dân vin vào đó để tự xưng là "Người giải phóng vũ trụ".

Ta hãy thừa nhận rằng cuộc sống hiện đại với những nhu cầu nhiều mặt của nó, không thể không có tất cả những tiện nghi vật chất ấy. Nhưng gạt bỏ sang một bên mọi sự vận động cố ý, mọi khẳng định trước, chúng ta nhận thấy rằng các vị bảo hộ chúng ta, trong sự hưởng thụ các lợi ích vật chất đó, đã chiếm phần lớn nhất. Và trong số hai mươi triệu người Việt Nam sống trên đất này, ai là những người được chính phủ bảo hộ bố thí cho chỗ phúc lợi còn lại? Trước hết là giai cấp những kẻ mới giàu, tức là những kẻ, sau cuộc chinh phục, đã vội vã phục vụ các ông chủ mới. Sau là đến các công chức. Do nghề nghiệp của họ, những người này buộc phải sống ở thành phố và trực tiếp nhận được những cái lợi của văn minh phương Tây mà thật ra người ta cũng bắt họ phải trả giá đắt.

---

* Báo *L'Annam*, số 151, 152, 154 ngày 4 - 4, 7 - 4 và 14 - 4 -1927

Còn quần chúng nhân dân thì chỉ là cái máy đóng thuế, con bò vắt sữa, bầy súc vật người, đời đời kiếp kiếp còng lưng dưới ách và bị đánh, bị đâm tới tấp, máu chảy dòng dòng, làm món ăn cho bầy cá mập thuộc địa

Từ gần một thế kỷ nay, chẳng những số phận của họ không hề thay đổi mà họ còn càng đau khổ thêm vì những thuế mới mà chính phủ bảo hộ ngày càng đổ lên đầu họ để nuôi dưỡng bọn tay sai của chính phủ như những ông hoàng Liệu chính phủ đó có thể khoe khoang được là nó đã cải thiện được mặt này hay mặt khác tình cảnh của dân Bắc Kỳ chẳng hạn không?

Các trận lụt ở Bắc Kỳ đã giải đáp dứt khoát câu hỏi đó

Với cả đội quân kỹ thuật mà chính phủ xưa nay vẫn khoe khoang tài cán, chính phủ vẫn chưa giải quyết được vấn đề đê điều Chính phủ có biết tội xưa kia dành cho các viên quan chịu trách nhiệm về việc vỡ đê không? Thường thường các viên quan đứng đầu một tỉnh có đê bị vỡ là phải lấy đầu mình ra trả cho hàng nghìn sinh mạng đã bị làn nước vô tình cuốn đi do sự sơ xuất của viên quan đó Ngày nay, hàng năm người ta tính ra ở đó có tới hàng vạn người là nạn nhân của lũ lụt mà chính phủ chẳng hề bận tâm đến gì! Thật là ảo tưởng nếu tin rằng tất cả chỗ tiền bạc đã quyên góp được dùng vào việc cứu trợ các nạn nhân Các viên tỉnh trưởng thường chịu trách nhiệm thu nhận các món quyên góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật, đã nghĩ ngay đến ngân sách trước Nếu có sự thâm hụt do thiên tai thì họ lấy chỗ tiền cứu trợ các nạn nhân đó đem bù vào Chẳng hạn viên Công sứ tỉnh Hải Dương, viên cớ dân chúng tỉnh này không đóng thuế một năm họ bị nạn lụt, đã đem bỏ vào quỹ chính phủ bốn mươi nghìn đồng là tiền cứu trợ những người bị nạn. Dĩ nhiên, những viên quan cai trị cỡ ấy thường có những kẻ công sự xứng đáng với họ Năm ngoái, viên tri huyện Gia Lâm (Bắc Ninh) nhận được lệnh bắt huyện phải nộp tre để làm cừ chắn nước lũ từ thượng du đổ về, đã bắt

những người dân khốn khổ đó đóng vào quỹ của tỉnh sáu mươi đồng tiền phạt vì đã không nộp tre có chiều dài đều nhau.

Sau lũ lụt, nhiều gia đình bị nước cuốn mất nhà cửa, đồ đạc, trâu bò, thóc lúa, đã phải đi ăn mày và cầu bơ cầu bất

Sau khi nước rút, các nhà không bị lụt cuốn trôi đi thì cũng không ở được nữa. Người ta đứng trước một bãi sình lầy hôi thối, ngổn ngang xác chết và rác rưởi đủ các loại. Rồi dịch tả và dịch hạch hoàn thành nốt sự nghiệp của nước, giết nốt những người mà nạn đói chưa giết chết.

Ấy thế mà, trong lúc hàng nghìn hàng vạn người An Nam chết đói lăn ra dọc các ngả đường thì những cuộc truy hoan của chính phủ, tiệc tùng và vũ hội vẫn cứ tiếp diễn như không có chuyện gì khác thường xảy ra. Có thể nói là các vị bảo hộ đang khiêu vũ trên xác những người dân bảo hộ.

Nỗi đau lòng làm ngòi bút tôi phải dừng lại đây. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này với những ý kiến bổ ích.

Chính phủ vừa mới ra lời kêu gọi tình nguyện đóng góp để vực đồng "phờrăng" và chuẩn bị phát hành công trái mới. Để ngăn cản việc quyên góp giúp đỡ những người bị lụt có thể làm hại đến việc quyên góp mà chính phủ sắp tiến hànhlih cho mình, chính phủ đã ra thông báo chính thức trên báo chí cho biết rằng từ nay, mọi sự cứu trợ cho những người bị lụt đều phải gửi về cho một Uỷ ban mà Chủ tịch là Bác sĩ Lơ Roa đờ Barơ. Tất cả đồng bào miền Bắc hẳn là đều biết rõ ông Lơ Roa đờ Barơ.

Bất chấp sự cảnh báo đó, người ta vẫn cứ không chịu nhờ đến những nhân viên trung gian của chính phủ để giúp đỡ những người bị nạn. Thái độ hoài nghi này của dân bảo hộ đối với những người bảo hộ họ đã được xác minh đầy đủ là đúng. Là vì rằng người Việt Nam, được soi sáng bằng kinh nghiệm của họ, không muốn nuôi béo quỹ chính phủ mà làm thiệt hại đến những người bị lụt khốn khổ. Mặt khác, họ

cũng có kinh nghiệm biết rằng những người bảo hộ họ vốn có thói quen tự gán cho mình những công lao mà chỉ có họ phải bỏ công sức ra mà thôi

Và họ tin thế nào được cái chính phủ này vì nhiều đại diện của nó như Công sứ Hải Dương, mà chúng tôi đã nói đến lần trước, chỉ cần nêu một thí dụ đó thôi, đã phạm những tội lừa gạt tệ hại như vậy?

Người Việt Nam chờ đợi gì được ở một chính phủ chỉ ra sức bóp nghẹt mọi tình cảm đoàn kết của họ?

Chính phủ đã làm cho họ hoàn toàn mất lòng tin vì những thủ đoạn không trung thực của mình Chẳng hạn, ai không biết chính phủ đã tung rất nhiều mật thám theo dõi những người Việt Nam đi phát chẩn cho các làng bị lụt. Người ta đã thấy rõ những tên mật thám cải dạng làm lái đò

Do bọn mật thám đó hầu hết đã bị lột mặt nạ, nên chính phủ cuối cùng đã đưa ra một tên nữ mật thám, theo ý các vị bảo hộ của chúng ta, tên nữ mật thám này là một con người hoàn hảo đối với chúng ta, vì á tự giới thiệu là con gái một thủ lĩnh quân sự ghê gớm Để thành công tốt đẹp trong tấn hài kịch này, các nhà chức trách Pháp đã trả tiền rất hậu hĩ những ảnh chụp cảnh lụt lội mà ả đó chịu trách nhiệm đem bán

Nhưng người Việt Nam không thể tin cậy ở chính phủ được ngay cả khi chính phủ muốn thành thực làm điều tốt cho họ. Nói chung, chính phủ rất bần, nên trao việc cho những kẻ cộng sự thiếu lương tâm Và chính phủ đã làm như vậy trong việc phân phát cứu trợ cho những người bị lụt

Thí dụ, ở tỉnh Thái Bình. Ủy ban Cứu trợ gồm toàn những người thuộc cùng một dòng họ Ở Bắc Kỳ, ai ai cũng công nhận về sự lựa chọn đó, nó đã gây ra những chuyện hà lạm hết sức đáng tiếc. Bên cạnh những kẻ lợi dụng nạn đói

đó, còn những người Việt Nam tìm cách, không hiểu tại sao, hay nói cho đúng hơn, người ta hiểu rõ quá, chống lại mọi biểu hiện đoàn kết của đồng bào họ

Thí dụ, hai Ủy viên hội đồng thành phố Hà Nội, những người làm báo nổi tiếng, đã thẳng tay gạt một đề nghị đưa ra nhằm thành lập một Ủy ban Cứu trợ những người bị nạn lụt. Dư luận buộc tội họ là đã nhân lệnh của chính phủ phải cản trở mọi hành động từ thiện có thể đạt một phần kết quả dự tính cho việc cứu vãn đồng "phờrăng" hay công trái sắp phát hành, để đem làm lợi cho dân bản xứ. Như vậy là những người đó phải chịu trách nhiệm về cái chết của hàng nghìn nạn nhân hiện nay của tỉnh Thái Bình.

Độc giả có thể nhận thấy, qua hai bức ảnh đăng ở bên cạnh bài báo này, dân tộc Việt Nam sống dưới sự bảo hộ của nước Pháp thực dân có nguy cơ bị tiêu diệt vì những tai họa chồng chất.

Hỡi đồng bào miền Nam! Không để anh em chúng ta ở miền Bắc chết đói!

Lần này hãy chú ý đừng để cho tiền quyên góp của các bạn rơi vào quỹ của chính phủ!

Cho đến nay nền kỹ thuật Pháp đã tỏ ra hoàn toàn bất lực trước những vụ nước lũ của sông Hồng.

Đây là cả một vấn đề, và chúng tôi đồng ý là một vấn đề vào loại gay go nhất: tìm cách ngăn chặn những vụ lụt thường kỳ ở xứ Bắc Kỳ. Những khó khăn của vấn đề này chủ yếu là thuộc về phương diện địa lý.

Sông Hồng có một đê cao 2 500m đổ xuống và không có, như sông Mêcông, một cái gì để điều hòa như kiểu hồ Tônglê Sáp. Lũ sông Hồng dữ dội và nhanh đến mức có thể cuốn phăng đi hết thảy. Và chẳng có gì cho phép dự liệu được rằng tình hình này sẽ thay đổi trong một tương lai gần gụi. Các công trình bảo vệ hiện có chỉ là những kế sách tạm bợ

Kỹ thuật bác học của Pháp cũng chẳng làm gì được hơn chủ nghĩa kinh nghiệm cổ truyền của Việt Nam Về lý thuyết, nó đề ra khá nhiều giải pháp, nhưng trên thực tế nó chỉ làm mỗi một việc là duy trì các đê điều do Chính phủ Việt Nam xưa đã đắp Tình hình thảm hại này một mặt là do sự bất tài của các kỹ sư Pháp và mặt khác, do thiếu phương tiện vì những lãng phí trắng trợn đã ngốn hết mọi thu thập của ngân sách.

Chính phủ đã cho tra cứu nguồn gốc của tai hoa này và Nha Luc lô đã đề nghị một số phương sách

Người ta quy tội cho việc phá rừng quá đáng ở thượng du Bắc Kỳ và ở Vân Nam đã gây ra lũ liên tiếp ở triền sông Hồng Tóm lại, người ta nói vậy, tai hoa là do phá rừng mà ra, phải cứu vãn bằng cách trồng rừng lại Nhưng khi muốn đi vào con đường đó thì người ta đã dừng lại trước những lý do mẫu thuẫn nhau Người ta nói rằng trồng rừng lại ít có hiệu quả vì xưa kia ở Pháp người ta đã ghi nhận có những vụ lũ hết sức dữ dội mặc dầu núi non vẫn còn rừng Nhưng tình hình hai bên không giống nhau Sông Hồng là một con sông miền núi theo nghĩa nó chảy qua vùng thượng du Trung Hoa - Việt Nam trước khi tới vùng châu thổ Bắc Kỳ Ở Pháp, các vụ lụt lớn hầu hết là do độ thấm nước của đất đai, do đất hút nước quá nhiều đến mức không còn hút được nữa, giống như một mảnh vải bông vậy Còn lũ sông Hồng thì lại do các thác nước cung cấp nước cho nó gây ra

Mặc khác, muốn trồng rừng lại các núi non miền Vân Nam, nơi sông Hồng chảy qua, cần phải có sự đồng ý của Chính phủ Trung Quốc

Khó khăn thứ hai này, theo ý chúng tôi, không phải là không thể khắc phục được Nước láng giềng phía Bắc của chúng ta sẽ chẳng có lý do chính đáng nào để phản đối một công việc có tính chất đơn thuần kinh tế mà bản thân họ cũng được lợi do chỗ việc đó sẽ bảo đảm an toàn cho đồng

bào của họ sống dọc châu thổ Bắc Kỳ. Còn dân Vân Nam trực tiếp bị thiệt thòi vì bị cấm không được tự do đốn gỗ, thì có thể dễ dàng làm cho họ hài lòng được bằng cách, với sự đồng ý của Chính phủ Trung Quốc, cấp cho họ một món tiền bồi thường hằng năm do ngân sách Đông Dương trả

Giải pháp thứ hai được đề nghị là xây dựng những hồ chứa nước Nhưng, các nhà báo hô của chúng ta nói đó là những công trình hết sức tốn kém và cách điều hành những hồ chứa nước này rất khó khăn Ta hãy cứ tạm chấp nhận các lý lẽ đó, mặc dầu chúng mơ hồ và chẳng lôgic mấy, vì, như một Thượng Nghị sĩ đã đề nghị mới đây, ta có thể sử dụng một vài lưu vực như lưu vực sông Đà, đó là một nơi chứa nước tự nhiên sẵn có vì sông này chảy giữa hai triền núi rất gần nhau

Giải pháp thứ ba là tu bổ hai chi lưu của sông Hồng là sông Đáy và sông Đuống Nhưng sông Đáy dài hơn sông Hồng kể từ chỗ hợp lưu cho đến cửa sông và chính phủ ưng để nó y nguyên vì công trình tu bổ, theo chính phủ, sẽ rất tốn tiền Còn sông Đuống vốn chảy ra tới biển nhanh hơn thì người ta e ngại, một mặt sẽ làm cho cảng Hải Phòng bị ứ nhiều bùn quá, mà cảng này thì vốn đã nhiều bùn rồi, mặt khác, sông Hồng có thể bất thần đổ nước sang dòng mới Chuyện này đã từng xảy ra với sông Hoàng (Trung Quốc) năm 1853 và đã làm vỡ đê

Giải pháp thứ tư là đào rất nhiều kênh lạch ở khắp châu thổ, dùng các kênh lạch đó là nơi chứa nước sông Hồng trong mùa lũ. Nhưng người ta bảo làm như thế rất khó khăn

Vậy còn lại giải pháp cuối cùng là đắp đê Đó là giải pháp cổ truyền Trước khi người Pháp tới, người Việt Nam đã biết phương pháp phòng vệ này rồi

Về công việc đắp đê, chúng tôi xin phép độc giả kể lại câu chuyện sau đây

Năm ngoái, tại Hà Nội, nước sông Hồng lên nhanh, đe doạ tràn qua đê. Các nhà bảo hộ của chúng ta đi ôtô đến rất đông để tò mò nhìn mức nước sông lên, đã bắt các người Việt Nam qua đường, cùng với những người phu đang làm việc ở đó, phải khuân những tảng đất đến đắp cho đê cao lên.

Một bài học dân chủ hay một biện pháp tiết kiệm? Đây là một biện pháp tiết kiệm vì những người bị đi phu nhất thời đó không được trả công. Tốt lắm, nhưng vậy thì phải trưng dụng tất cả dân chúng Hà Nội không phân biệt màu da, đa trắng cũng như da vàng, mới được.

Ông bạn đồng nghiệp *L'Argus*[1] của chúng tôi đã có ý nghĩ hào hiệp là phản đối sự bóc lột đáng xấu hổ này. Ông nói rằng ông sẽ sung sướng được thấy tất cả người Pháp cũng tham gia vào công việc lao dịch đó, vì như thế công bằng hơn.

Sau hết, tổ chức một hệ thống phòng vệ hữu hiệu chống lại nước sông Hồng không phải là việc không thể làm được. Nhưng chính phủ bảo hộ của chúng ta cho rằng tất cả các giải pháp đã được đề nghị đều là quá tốn kém cả và chẳng tìm được biện pháp nào hay hơn là bằng lòng với những con đê cổ lỗ của chúng ta, và những con đê này để chế giễu, kỹ thuật Pháp, đã giở trò năm nào cũng vỡ chơi.

Không có tiền để bảo vệ người Việt Nam chống lại lũ lụt hằng năm đã giết chết hàng nghìn người, nhưng lại có tiền cho những cuộc viễn chinh sang Xiri và Marốc, cung cấp vũ khí, đạn dược cho T'ang K'i Yao, xây dựng một nhạc viện, mở những cuộc vũ hội và đủ các thứ hội hè dưới con mắt hấp hối của một dân tộc đang chết dần chết mòn vì đói.

Không cần phải bình luận, có phải không?

Người dịch. Ngô Vĩnh Viễn

1 *L'Argus Indochinois* (Con trĩ Đông Dương) là một tờ báo do A. Clêmăngti làm chủ nhiệm, một thời gian có xu hướng tiến bộ.

PHÁP ĐÌNH TRUNG CỔ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG*

Ở thế kỷ XX, và sau một nửa thế kỷ khai hóa của nước Pháp, chúng ta đang chứng kiến, trên đất nước đầy phước lành của Đông Dương, sự tái sinh hay tiếp tục tồn tại của chế độ hình phạt cổ xưa của Việt Nam Chẳng cần phải trở lại thời gian xa trước đây trong quá khứ, dưới đây là một số bằng chứng chỉ gần đây thôi.

1 B D đúng hay sai không biết, đã bị bắt rồi và bị Tòa án của quan lại kết án chín năm đi đày Bố anh ta, chỉ vì mỗi tội là bố của anh ta, - xin độc giả đừng cười - đã bị bắt giam nhiều tháng để phòng ngừa và kết án bị đánh đòn bằng roi mây, có thể chuộc bằng tiền

Xin đừng cãi rằng, nếu quả có như vậy, thì chỉ nên bực mình với công lý của quan lại Nhà nước bảo hộ chẳng bênh vực gì hết! Vì các quan Việt Nam chỉ là những con rối do các nhà bảo hộ của chúng ta giật dây và họ không hề làm việc gì mà không có lệnh hay sự đồng ý của các nhà bảo hộ đó Với lại, hai thí dụ dưới đây chứng tỏ rằng các nhà khai hóa của chúng ta có liên can trực tiếp, cũng bất công chẳng khác gì các quan ta, những công cụ ngoan ngoãn của họ

2 Một người Bắc Kỳ, ông Phạm Tất Đắc có viết một cuốn sách bị xem là có tính chất chống Pháp và cách mạng *"Chiêu hồn nước"*. Chẳng những họ bắt tác giả cuốn sách mà các ông chủ của chúng ta còn đình đưa bố ông ta ra tòa nữa Nhưng vì ông cụ đáng kính trong đó đã có một thái độ kiên quyết và dũng cảm nên các vị Phán quan Trung cổ của chúng ta đã phải đầu hàng và thả cụ ra.

---

* Báo *L'Annam*, số 162, ngày 16 - 5 - 1927

3. Nhà nước bảo hô vốn nhát như cáy, sơ những cuộc bãi khóa mới và có thể cả một cuộc tổng nổi loạn (?) của trẻ em Việt Nam ở Trung Kỳ, đã quyết định học sinh nào không ở với bố mẹ, thì mỗi người phải có một người liên lạc chịu trách nhiệm, bằng đơn viết hẳn hoi, về hạnh kiểm của đứa trẻ

Trên thế giới, có nước "văn minh" nào ngoài xứ Đông Dương thuộc Pháp ra, mà bố mẹ lại bị trừng phạt vì hành vi của con cái mình đã trưởng thành, mà các người liên lạc lại phải nhận trách nhiệm về hạnh kiểm của học sinh? Quả thật là sứ mệnh khai hóa của nước Pháp thì chỉ có bọn theo "chủ nghĩa đề huề" mới tin được mà thôi!

Người dịch, Ngô Vĩnh Viễn

GIAI ĐOẠN THỨ HAI CỦA NHIỆM KỲ TOÀN QUYỀN CỦA ÔNG VAREN*

Phó vương Varen đã trở lại cầm đầu chính phủ thuộc địa. Từ khi Đông Dương bị tai hoạ mất độc lập, việc lên cầm quyền của một viên Thống đốc kiểu La Mã cổ đại là một trong những sự kiện chính nếu không phải là một trong những sự kiện lớn nhất trong đời sống của một đất nước bị chinh phục. Việc "tái đăng quang" của Varen như vậy là đáng để chúng ta nói tới và rút ra những bài học của nó.

Trước hết, cần có nhận xét sự khác nhau giữa lần đổ bộ thứ nhất và lần đổ bộ thứ hai của ông Varen lên đất Đông Dương. Ai không nhớ niềm hy vọng và phấn khởi đã đón tiếp cái tin ông ta đến cai trị, năm ngoái? Kế tục tên Meclanh lạc hậu là một đảng viên xã hội, mà lại là một đảng viên xã hội chiến đấu - một số báo chí nào đó dễ hy vọng đã không bỏ lỡ cơ hội nhấn mạnh điều này. Than ôi! Nhà xã hội chủ nghĩa đó đã chẳng xã hội hóa cái gì ở Đông Dương. Nhà hoạt động đấu tranh này đã chẳng đấu tranh gì hết cho dân bản xứ! Chúng ta còn nhớ rằng đến thăm trụ sở sinh viên Việt Nam ở Hà Nội, đáp lại bài diễn văn của sinh viên, một bài diễn văn bị các nhà bảo hộ của chúng ta nhận định là có tính chất phiến loạn, nhà hoạt động đấu tranh này đã giở bộ mặt dữ tợn mà đe rằng: "Tôi không có sợ những tư tưởng cực đoan cũng như những lời lẽ dữ dội! Tôi đã từng là một người hoạt động tranh đấu!"

Khi ông Varen lần đầu tiên đặt chân lên đất nước chúng ta, một đám đông đã phấn khởi tiếp đón ông ta. Từ khắp nơi khắp trốn của xứ Nam Kỳ, những đại diện có đủ tư cách hay ít nhiều của tầng lớp trí thức bản xứ đã kéo về Sài Gòn và họp nhau tại dinh Toàn quyền để trình bày với ông ta một bản

---

* Báo *L'Annam* số 166 ngày 2 - 6 -1927

nguyên vong Bằng chứng không thể chối cãi được về niềm tin tưởng của đại đa số nếu không phải là của toàn thể người Việt Nam đối với ông ta Than ôi! Kinh nghiệm cho thấy rằng niềm tin đó đặt không đúng chỗ Hy vong đó là không có cơ sở Không có một nguyên vong nào được thỏa mãn cả

Ngày nay khi ông Varen trở lại với chúng ta, thì việc ông ta trở lại đã diễn ra trong sư thờ ơ lãnh đam chung Ngay cả bon "đề huề" cũng không tỏ ra hoặc không dám tỏ ra hí hứng, sợ làm moi người ngac nhiên và không được ai hưởng ứng Ông Toàn quyền đã được dân chúng đón tiếp rất lanh nhat. Chỉ có các đại biểu chính thức đi đón và chúc mừng ông ta mà thôi.

Ông Varen đáng được đối xử lanh nhat như thế Thật vậy, cho đến nay, ông ta đã làm được cái gì? Ông ta đã tư khoe khoang về mình rất nhiều ở Nghi viên và ở Hôi Nhân quyền Cứ nghe ông, tưởng đâu như ông đã thiết lập được sư trị vì của *Công bằng* ở Đông Dương và moi sư ở thuộc đia đều tốt đep hết sức. Sư thật là ông ta đã chẳng làm gì cho dân bản xứ Hay nói cho đúng hơn, ông ta có làm vài cuộc cải cách quan trong đến nỗi người ta đặt tên là những "cải cách chuột nhắt": người bản xứ được vào ngach Tây nếu có học vi của chính quốc; đưa chế đô chính trị vào các nhà tù (!) Cần chú ý là cải cách này chỉ được áp dung ở Nam Kỳ Còn ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tù chính trị vẫn bi nhốt cùng xà lim với tù thường phạm Hơn nữa, ho còn bi ngược đãi hơn Những cải cách khác thì mới chỉ là dư án, chẳng han việc cải tổ các Trường Luật với Trường Y khoa ở Hà Nôi và các trường phổ thông

Cải cách quan trọng nhất, nếu quả đó là cải cách, đã ra đời dưới triều đại tri vì của ông Varen là . thuế tiêu dùng 2% Chắc hẳn moi người sẽ phải đồng ý với chúng tôi rằng cái đó không hề nhằm phuc vu cho hanh phúc của dân Đông Dương.

Vi Toàn quyền cưu đảng viên xã hôi đó không ngừng tuyên bố, cũng phải nói là rất khéo léo, rằng giai đoan thứ

nhất của sư trì vì của ông ta là hoàn toàn được giành cho việc nghiên cứu các vấn đề Đông Dương và phải đợi đến giai đoạn thứ hai mới có được các giải pháp cho các vấn đề đó Bây giờ giai đoạn thứ hai đã bắt đầu rồi! Hỡi các vị "đề huề" và những kẻ ủng hộ Varen, các vị hãy chờ đón những thay đổi lớn lao và hãy chuẩn bị ca ngợi những thay đổi đó cho xứng đáng! Miễn là các vị không phải cất tiếng ca tụng những cải cách chuột nhắt khác!

Tuy nhiên, cho phép chúng tôi được hoài nghi Trước hết, ông Varen là cựu đảng viên Xã hội, vì ông ta đã bị đảng của ông ta khai trừ rồi Sau nữa, chế độ thực dân là một cái gì vô luân lý và hủ bại đến mức nó làm hư hỏng tất cả những gì nó đụng chạm đến và tất cả những ai dính dáng đến nó Cuối cùng, có biết bao sức ì và thế lực phản động cản trở sự tiến bộ của xứ thuộc địa này, nên người ta có thể tin được rằng các cuộc cải cách là không thể thực hiện được và vô hiệu quả, dù cho ông Varen có thực lòng và kiên quyết muốn cải thiện số phận dân bản xứ Muốn thắng các sức ì và thế lực phản động đang chống lại sự giải phóng của chúng ta, sự tiến hóa không ăn thua gì mà phải cần có cách mạng

Chúng ta không còn mắc lừa những lời phỉnh phờ, những lời hứa hẹn của những bài diễn văn chính thức nữa Chúng ta không chia sẻ sự lạc quan ngây thơ hay vụ lợi của bọn "đề huề" Chúng ta đã quyết định khước từ những ảo tưởng giả dối, dù cho những ảo tưởng đó êm ái và an ủi chúng ta đến đâu đi nữa Chúng ta không còn hy vọng rằng sự bóc lột và áp bức dân bản xứ sẽ chấm dứt ở xứ thuộc địa này chỉ vì có một ông Toàn quyền này đứng đầu chứ không phải ông khác! Chúng ta chỉ chấm dứt được những sự lộng hành, chỉ hưởng đầy đủ các quyền của chúng ta, tự do của chúng ta bằng sự giải phóng! Nhưng các ông chủ của chúng ta sẽ không bao giờ tự ý ban cho chúng ta sự giải phóng đó!

Người dịch Ngô Vĩnh Viễn

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN Ở ĐÔNG DƯƠNG*

Xin đừng chờ đợi các dòng chữ dưới đây là một công trình nghiên cứu bác học và tinh vi mà chúng tôi khiêm tốn tự nhận là không đủ sức làm. Vả chăng về đề tài này cũng không thể làm một công trình nghiên cứu như thế được. Những nhận xét xoàng xĩnh các bạn sẽ đọc, ai cũng có thể có được, miễn là có tí chút lẽ phải thông thường, là cái phổ biến nhất, theo Đêcác, và một chút thiên chí, một cái rõ ràng là hiếm hoi hơn nhiều. Sở dĩ chúng tôi quyết định nói những nhận xét đó là vì, con người ta căn bản vốn độc ác, trái với *Tam tự kinh*, thiên chí đó thường bị bóp nghẹt và cái lẽ phải thông thường đó thường bị cái lợi và tình cảm làm sai lạc đi.

Chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương! Quả là một đề tài thời sự. Một số nhà báo hô của chúng ta chẳng phải luôn luôn sởn da gà đó sao, chỉ vì, trong cơn sợ hãi thường xuyên của họ, họ coi bất cứ người dân bản xứ nào cũng là một người triết để ủng hộ chủ nghĩa bônsêvích? Đối với họ, sự đô hộ của người Pháp đang bị một cuộc nổi dậy sắp nổ ra đến nơi đe doạ, vì chẳng bao lâu nữa lá cờ đỏ của chủ nghĩa cộng sản Đông Dương sẽ giương lên, báo hiệu sự giải phóng 20 triệu nô lệ! Có những kẻ khác, khôn ngoan hơn, không tin chuyện đó cũng chẳng khác gì dân vô đạo không tin ở Hoài thai trinh khiết[1] nhưng vẫn cứ sử dụng nó làm ngoáo ộp tiện lợi cho việc doạ dẫm những kẻ cả tin ở chính quốc, làm một cái cớ dễ dãi để chứng minh cho sự độc ác và chuyên quyền của họ. Những người Việt Nam tìm cách thoát khỏi

---

* Báo *L'Annam*, số 167, ngày 9 - 6 - 1927

1 Immaculée Conception một tín điều của Kitô giáo, trong đó có Thanh Mẫu không giao hợp với đàn ông mà có mang Kitô, gọi là Hoài thai trinh khiết

nhà ngục Basti Đông Dương đã bị bỏ tù, những học sinh vô tội, đáng thương bị "dồn" về quê, thư từ của tư nhân bị xâm phạm, làm thế nào để đem lại một sự chứng minh bề ngoài cho sự xét xử bất công đó, cho biện pháp bỉ ổi đó, cho công việc thối tha đó? Người ta nêu lên bóng ma của chủ nghĩa bônsêvich, cứ nêu lên luôn luôn, nêu mãi!

Một số trí thức Việt Nam, bị buộc tội một cách công khai hay ngấm ngầm là theo chủ nghĩa công sản, đã chối đây đẩy tựa hồ như đó là một thứ học thuyết hết sức tồi tệ - thật ra, dưới mắt họ, nó gây ra nhiều liên luỵ. Họ còn khẳng định rằng học thuyết "cực đoan" này không được ai biết đến ở Đông Dương, và không thể được hoan nghênh ở Đông Dương vì chế độ sở hữu ở nước ta, vì ý thức mức độ của dân tộc chúng ta... và trong khi quả quyết như vậy, họ bị thúc đẩy bởi lòng mong muốn - mà là lòng mong muốn đáng khen, chứng minh rằng chẳng có gì bào chữa được cho những tội ác của bọn thực dân.

Mới đây, chúng tôi nhận được những tiếng vang của một cuộc họp ở câu lạc bộ ngoại ô Pari, các diễn giả đã tranh cãi nhiều vấn đề, trong đó có các vấn đề sau đây: "Có một chủ nghĩa công sản Đông Dương không?" Chúng tôi sẽ trả lời vắn tắt câu hỏi này và trước hết, để tránh mọi hiểu lầm, tuyên bố rằng câu trả lời của chúng tôi không hề xuất phát từ một định kiến có sẵn nào là chỉ nhằm nói lên sự thật thôi. Sự thật ư? Đây là sự thật, nó vắn tắt, không úp mở: chủ nghĩa công sản Đông Dương không tồn tại lúc này, nhưng dân bản xứ sẵn sàng hoan nghênh chủ nghĩa công sản. Chế độ sở hữu nhỏ ư? Ý thức mức độ của dân bản xứ ư? Chà! Những lý do rỗng tuếch, sặc mùi chủ nghĩa "đề huề".

Nếu chủ nghĩa công sản Đông Dương mới chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của các nhà chinh phục chúng ta, thì đó là vì không hề có một sự tuyên truyền công sản nào ở nước ta. Ở đây cũng như ở mọi nơi khác, và hơn cả mọi nơi

khác, quần chúng bị bóc lột, và nếu như cho đến nay họ để cho mình bị áp bức, bóc lột thì thái độ cam chịu của họ là do ở chỗ họ không có ý thức về quyền lợi và sức mạnh của họ. Các bác nhà quê của chúng ta vẫn luôn luôn bị bòn rút, áp bức bởi bọn nhà giàu và kỳ hào ở làng, bọn vua quan. Công vào cái ách đó lại có thêm cái ách của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài, còn bỉ ổi hơn nữa. Như vậy là ngày nay người nhà quê bị bòn rút và áp bức bởi các kỳ hào, quan lại và nhất là chính phủ thuộc địa. Không nghi ngờ gì nữa, phần lớn đám quan lại, kỳ hào, tuy họ là những nạn nhân đầu tiên của chế độ ăn cướp mà họ là những công cụ ngoan ngoãn, đã đồng tình với các kẻ chinh phục và mong muốn cảnh nô lệ của chúng ta cứ kéo dài mãi. Chắc chắn rằng, trong đám trí thức Việt Nam, cũng có những người chủ trương, với một sự thành thật hoặc ít hoặc nhiều, thuyết "Pháp - Việt đề huề" quá ư lố bịch và không tưởng. Nhưng quần chúng chịu đau khổ vì chế độ ăn cướp của bọn thực dân và sự phản bội của chính những kẻ, do địa vị xã hội của chúng, lẽ ra phải làm người hướng dẫn cho quần chúng trong cuộc đấu tranh cho sự giải thoát chung, nên vẫn ấp ủ sự bất mãn và lòng tức giận của mình.

Muốn cho quần chúng thức tỉnh, chỉ cần quần chúng nhận thức được quyền lợi và sức mạnh của mình.

Và chính chủ nghĩa công sản từ đặt cho mình nhiệm vụ đem lại cho quần chúng ý thức về sức mạnh và quyền lợi đó. Dân bản xứ hầu hết không biết gì về học thuyết này, nhưng biết rất rõ một điều là những người cộng sản có khẩu hiệu "đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc". Họ khâm phục cái đẹp và cái hào hiệp của học thuyết đó, đã được thực hiện một cách cao cả ở Liên Xô, ở Trung Quốc, ở Giava, ở Marốc. Những ai đọc báo đều biết cuộc đấu tranh anh dũng của báo Nhân đạo, của các Nghị sĩ Cộng sản ở ngay đất Pháp... Và dĩ nhiên họ không thể không chia sẻ sự phấn khởi của họ với các đồng bào của họ ít học hơn. Thành thử, đối với tất cả mọi

người, *Đệ tam Quốc tế* vừa là hiện thân của *Công lý* vừa là hiện thân của sức mạnh, sẽ sửa lại những sự bất công, bênh vực người yếu và giải phóng những người bị áp bức

Niềm hy vọng đó của cả một dân tộc có cơ sở không? Hay chỉ là ngây thơ? Áo tưởng? Theo ý chúng tôi, do chế độ bóc lột và áp bức chúng ta đang sống, do thái đô của Đảng Công sản trên thế giới, hy vong đó là rất chính đáng Vả chăng, tại sao lại nhận xét về nó? Chúng tôi chỉ cần nói lên sự thật, có thể nào nói vậy Chúng tôi cũng không sợ những người nhút nhát trách chúng tôi mắc mưu bon phản đông, chắc chắn chúng sẽ lợi dụng những điều chúng tôi nói để tăng cường các tội ác của chúng, giả bô là để ngăn chăn sự đe doa của chủ nghĩa công sản Đông Dương Vài sự bất công nữa đối với chúng tôi đã từng phải chịu đựng nhiều rồi, có sao đâu? Chúng sẽ chỉ thúc đẩy nhanh thêm bước tiến của chúng ta tới giải phóng Vũ lực làm gì nổi học thuyết giải phóng, lẽ phải, quyền lợi của chúng ta?

Người dịch, Ngô Vĩnh Viễn

VỤ ÁN BÁO "NGƯỜI NHÀ QUÊ"*

Nguyễn Khánh Toàn "Người phá rối an ninh công cộng"

Tờ báo bất hanh "Người nhà quê" bi chen cổ hong ngay số đầu tiên ra ngày thứ bảy 11 tháng 12 năm 1926, sau khi đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục của đao luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 về tư do báo chí

Ngày hôm sau hoặc hôm sau nữa, có lênh tịch thu tờ báo đó ở khắp nơi, lênh khám nhà và bắt ba thanh niên đã tham gia về các mặt trí tuê, vật chất và xuất bản tờ báo đó Đó là Nguyễn Khánh Toàn - tác giả bài báo, Lê Văn Chất - quản lý tờ bác và Pham Văn Duyêt - chủ nhà in hay nói đúng hơn là nhân viên nhà ın. Tất cả ba người đều đã bi giam

Vi phạm Luật Báo chí ư? Không phải Vì nếu thế thì đã không có tịch thu báo và bắt tam giam

Buôc tôi đặc biêt Đăc biêt đươc dưng nên đối với người bản xứ Buôc tội về cái đươc goi là "những hành động làm tổn hai đến an ninh công công và gây nên những rối loan chính tri nghiêm trong"

Vâng, chúng ta hãy chấp nhân sư buôc tôi đó, dù nó rất kỳ lạ, bởi vì nó được thực hiên bởi ý muốn của những kẻ xâm chiếm nước ta

Nhưng, chúng ta hãy xem thưc tế những người bi kết tội là những kẻ "gây rối an ninh công công" đó đã làm gì khiến cho chính quyền bảo hô của chúng ta không bao giờ quên tuyên bố trong những bài diễn văn là ho hoàn toàn yên tâm về lòng trung thành tuyệt đối của nhân dân bản xứ. Thế nhưng, thái độ của ho trong vu này lai cho thây

---

* Lời toà soan Báo *L' Annam*, ngày 20 - 1 - 1927

ho thấy sư rối loan ở khắp nơi trong khi chẳng có cái gì goi là rối loan cả

Trong ba người "gây rối loan" bi bắt, dĩ nhiên Nguyễn Khánh Toàn đươc đăt lên hàng đầu vì là tác giả bài báo đươc Tòa án xem là "những hành đông làm tổn hai đến an ninh công công và gây nên những rối loan chính tri nghiêm trong", còn hai người kia thì không viết gì trên tờ báo bi hành ha đó

Chúng tôi đăng lai dưới đây bài báo đó để công luân đánh giá, vì chúng tôi không tư giải thích đươc là làm thế nào mà bài báo này có thể gây nên sư rối loan.

Người dịch Bùi Đình Thanh

THẾ NÀO LÀ MỘT QUỐC GIA TỰ DO?*

Đã đến lúc mà các nhà đại diện của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp phải họp bàn để chế định một cách dứt khoát về vận mệnh của nước chúng tôi.

Vấn đề Việt Nam tham gia công đồng Pháp sẽ đứng hàng đầu trong các cuộc đàm phán. Nói một cách chính xác hơn, hai bên sẽ phải quyết định về vị trí của Việt Nam trong khối Liên hiệp ấy và về kiểu quan hệ giữa nước chúng tôi và nước Pháp.

Việt Nam là một quốc gia tự do và liên hiệp nghĩa là một thành viên của khối Liên hiệp Pháp. Như vậy là đã rành mạch và rõ ràng. E rằng mang tiếng là kẻ phàm tục, chúng tôi không có ý định đưa ra định nghĩa thế nào là một quốc gia tự do và liên hiệp với mong muốn định nghĩa ấy sẽ được sự tán thưởng của tất cả các môn đồ của Cejas. Chúng tôi chỉ nói một cách đơn giản rằng, theo chúng tôi, một quốc gia tự do trước hết phải có tự do trong những mối quan hệ với các quốc gia khác.

Miễn là nền tự do ấy được thừa nhận và bảo đảm và không thể nào lại không như thế được - chúng tôi sẽ sẵn sàng có những nhượng bộ. Chẳng hạn như chúng tôi chỉ đòi hỏi quyền đại diện ngoại giao và lãnh sự tại các nước đồng minh như Trung Hoa, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết, Hoa Kỳ và Anh quốc và tại các quốc gia láng giềng kế cận của Đông Dương. Đối với các nước ở xa hoặc không có quan hệ trực tiếp với chúng tôi, nước Pháp sẽ uỷ nhiệm quyền đại diện cho chúng tôi ở đó.

Tuy là một quốc gia tự do, nước Việt Nam sẽ ở lại trong khối Liên hiệp Pháp. Điều đó có nghĩa là Chính phủ Việt Nam sẽ có đại diện thẩm quyền ở cấp bậc đại sứ bên cạnh Chính phủ Pháp cũng như nước Pháp sẽ có đại diện của

---

* *Le Peuple*, số 4, ngày 18 - 4 - 1946

mình bên canh Chính phủ chúng tôi

Hai là, Việt Nam sẽ không cam kết ký với bất cứ nước ngoài nào một hiệp ước hoặc một đinh ước nào làm tổn hai đến quyền lơi hoặc đe doa nền an ninh của nước Pháp.

Cuối cùng, nước Việt Nam sẽ tôn trong các quyền lơi kinh tế và văn hoá của nước Pháp ở Đông Dương Trong những lĩnh vực này, nước Pháp sẽ được hưởng một sư ưu đãi và quyền ưu tiên của nước Pháp so với các quốc gia khác sẽ được thừa nhân và đảm bảo

Vấn đề đăt ra như vây tư bản thân nó đã khá minh bach không cần phải bình luân dài dòng gì nữa

Tuy nhiên, đó lai không phải là ý kiến của một số nhân vât Nhà nước Pháp Ông Eđua Heriô, hình như thuộc vào những người trên Thái đô của ông trong vấn dề này làm chúng tôi ngac nhiên nhất là ông lai là một chính khách từng trái và nổi tiếng trên thế giới là người có những tư tưởng tư do Trước đây chúng tôi có một ý niêm tốt đep hơn đối với sư tiến triển chính tri của ông Thi trưởng thành phố Li-ông, một trong những nan nhân của chế đô quốc xã.

Thú thât rằng, chúng tôi càng ít hiểu ông Mariuýt Mute hơn khi nghe ông nói đến những khó khăn mà ông lường trước trong cuộc đàm phán Pháp - Việt về vấn đề ngoai giao Ở bô trưởng Bô Pháp quốc hải ngoai, đảng viên Đảng xã hội, chúng tôi có quyền chờ đợi một lập trường rõ ràng hơn nhiều

Người ta không thê nói một cách hợp lý đến những khó khăn, nếu như những quyền lơi của nước Pháp không bi tổn thương do vấn đề được giải quyết theo hướng chúng tôi đã vạch ra Nếu có khó khăn đi nữa thì đó là do sư thiếu thiên chí hay thiện ý Nhưng mọi người đều biết rằng người ta không thể chê trách Chính phủ và nhân dân Việt Nam điều đó được

Người dịch Bùi Đình Thanh

LIÊN BANG ĐÔNG DƯƠNG*

Nếu người ta hỏi ý kiến chúng tôi về Căm pu chia và Lào, chúng tôi sẽ thẳng thắn nói rằng chúng tôi hết lòng mong muốn cho hai nước đó được hưởng một quy chế chính trị giống như chúng tôi, nghĩa là cũng được thừa nhận là những quốc gia tự do. Bởi vì, đối với mỗi người Việt Nam có ý thức, nước Việt Nam chỉ được thực sự và hoàn toàn giải phóng cùng với việc giải phóng hai nước trên. Để chứng minh cho một thái độ như vậy ngoài những lý do về sự công bằng cố hữu, theo đó nhân dân một nước có quyền sắp đặt cuộc sống của mình theo ý muốn, còn có những lý do khẩn thiết nhất về địa lý, kinh tế, chính trị, và chiến lược.

Hiện nay, chỉ có một mình nước Việt Nam đóng vai Quốc gia tự do. Nếu người ta tin vào lời hứa thì không bao lâu nước Căm pu chia và Lào sẽ được hưởng một thứ tự trị Chúng tôi hi vọng rằng tương lai sẽ sửa chữa sự bất công đó, nó có hại cho những người anh em Khơme và Lào cũng như cho bản thân chúng tôi Những cố gắng của nhân dân ba nước chúng tôi có nhiệm vụ chuẩn bị cho tương lai ấy

Định nghĩa về Liên bang Đông Dương theo như sự hiểu ngầm trong Hiệp định sơ bộ và theo đúng ý nghĩa luật pháp của nó phải xuất phát từ những điều mà chúng tôi vừa nói ở trên. Do việc nước Việt Nam hưởng một quy chế chính trị tiên tiến hơn so với hai nước khác ở Đông Dương, do tình hình của Việt Nam khác với tình hình của hai nước đó, Liên bang Đông Dương chỉ có thể coi như là một liên hệ về kinh tế và về địa lý Trong lĩnh vực này, một Hội nghị hay một Ủy ban toàn liên bang gồm đại diện của

---

* *Le Peuple*, số 5, ngày 21 - 4 - 1945

Chính phủ ba nước với sự tham dự của những tiểu ban kỹ thuật và cố vấn Pháp, sẽ có trách nhiệm chế định những vấn đề lợi ích chung

Mọi âm mưu đặt Việt Nam dưới sự đỡ đầu về chính trị của một Chính phủ liên bang làm cho nước này mất tư cách là quốc gia tự do Đó sẽ là một chế độ toàn quyền cũ ít nhiều được nguy trang mà người ta làm sống lại

Không nghi ngờ gì nữa, nhân dân Việt Nam sẽ kiên quyết bác bỏ cái món ăn cũ kỹ ấy được hòa thêm với nước sốt mới

Người dịch Bùi Đình Thanh

CHÚNG TA HÃY ĐOÀN KẾT LẠI*

Chúng ta không khỏi tư hào nhân thấy rằng cùng với nhân dân nhiều nước ở châu Âu đã đươc giải phóng, hôm nay Viêt Nam long trong chào mừng ngày 1-5 đầu tiên sau chiến tranh của mình

Gần môt thế kỷ đấu tranh cho nền đôc lâp dân tôc, trong đó có 5 năm đấu tranh chống phát xít bên canh các nước đồng minh, đã đưa nhân dân chúng ta lên hàng đầu của nền dân chủ thế giới

Nhưng càng sang càng phải giữ gìn. Không phải để đem lai cho chúng ta cái thích thú duy nhất là đi diễu hành, ca hát và hô khẩu hiêu ngày 1-5 mà máu của nhân dân chúng ta đã đổ.

Việt Nam đã trở thành môt quôc gia tư do nhưng chưa giành lai đươc đôc lâp hoàn toàn Cho nên Tổ quốc có quyền đòi hỏi ở những người con của mình môt sư cố gắng vĩ đai trong thời kỳ xây dựng đã bắt đầu Tất cả những người Viêt Nam, không phân biêt giai cấp, nghề nghiêp, chính kiến hoăc tín ngưỡng, hãy đoàn kết lai xung quanh lãnh tu Hồ Chí Minh và Chính phủ của mình để lao đông trong trât tư và kỷ luât, cho môt nền đôc lâp hoàn toàn

Nhưng muốn cho phong phú, những cố gắng của chúng ta cần có sư ủng hô và giúp đỡ của tất cả những người Pháp mà tinh thần mới đã chiến thắng những thành kiến của quá khứ Ho phải thẳng thắn đón lấy bàn tay hữu nghi mà chúng ta chìa ra cho ho

Thât đã đến lúc mà người ta phải hiểu rằng cái goi là

---

* *Le Peuple*, số 8, ngày 1 - 5 - 1946

sư phồn vinh dưa trên áp bức và bóc lột nhân dân các nước khác chỉ là những tên khổng lồ chân đất Sư cáo chung thảm hai của các đế quốc Đức, Ý và Nhật, sư sup đổ của đế quốc Pháp và cuộc khủng hoảng sâu sắc đang duc ruỗng đế quốc Anh là những bằng chứng không thể bác bỏ được Trái lai, chính là bằng lao đông trung thực của mình, bằng sư từ bỏ những cuộc chinh phục và xâm lược mà nhân dân các nước tư tao nên hanh phúc thật sư của mình Những kết quả tốt đẹp của sư cố gắng anh dũng của nhân dân Pháp trong công cuộc phục hưng quốc gia là một bằng chứng chói loi Nói toạc ra là thời kỳ ăn bám đế quốc chủ nghĩa đã qua rồi Kỷ nguyên dân chủ và lao đông bắt đầu đối với nước Pháp dân chủ đang xây dưng sư quang vinh bằng lao đông của những người con của mình, chúng tôi xin gửi lời chào nồng nhiệt của chúng tôi nhân ngày 1-5

Đồng thời, nhân ngày Quốc tế Lao đông này, chung tôi xin gửi đến giai cấp công nhân và tất cả những người dân chủ Pháp lời kêu goi đoàn kết với nhân dân Việt Nam đang lao đông và hợp tác chân thành

Người dịch Bùi Đình Thanh

CHUẨN BỊ CHO CUỘC TRƯNG CẦU DÂN Ý Ở NAM BỘ*

Báo chí cho chúng tôi biết ngay từ lúc này. Nam Bô đang chuẩn bị cho cuộc trưng cầu dân ý nhằm tách khỏi Viêt Nam.Báo chí cũng cho chúng tôi biết rằng những kẻ tổ chức chiến dịch chia cắt này tỏ ra có tài khôn khéo, trước cái tài đó, thì một Nakiaven hay môt Hitle cũng phải kính cẩn bái phục; và so với cái tài đó, thì những thủ đoan do quân đôi Anh sử dung trong cuôc bầu cử gần đây ở Hy Lap và quân đôi Mỹ sử dụng trong cuộc bầu cử gần đây ở Nhât Bản tỏ ra còn non nớt.

Phải chăng, những kẻ đã tuyên bố cần phải từ bỏ chiến tranh xâm lược và phải tranh thủ trái tim, chủ yếu bằng sư tỏa chiếu của tư tưởng, có ý đinh thuyết giáo trong sa mac?

Sư thât là những kẻ mà đầu óc còn đầy rẫy những thành kiến thực dân không thể nhìn thấy ánh sáng của nền văn minh Pháp ở đâu khác hơn là qua những mảnh bom đan

Chúng tôi nói với ho rằng những thủ đoan ấy có thể có môt hiệu quả nào đó trong quá khứ, khi nhân dân chúng tôi còn bi buộc tay trói chân vào môt chế đô nô dich, mà chế đô này lai dẫn đến cái mà người ta biết. quốc gia tư do Việt Nam

Nhưng bây giờ, lai mưu toan lăp lai kinh nghiêm của những phương pháp tương tư nhằm làm tổn hai cho chúng tôi, thì thật là không hiểu gì lô-gich của lich sử cả Về tinh thần cũng như vât chất, chúng tôi còn là hang trâu bò thuôc địa thời xa xưa nữa

Người ta có thể bất chấp dư luân thế giới Người ta không

---

* *Le Peuple*, số 14, ngày 12 - 5 - 1946

thế không đếm xỉa đến sự tiến triển của nhân dân chúng tôi

Về cuộc dân chúng biểu quyết ở Nam Bộ, xin đủ rồi, đừng đùa giai nữa!

Đương nhiên, chúng tôi luôn luôn lên tiếng chống lại ngay bản thân cái tư tưởng trưng cầu dân ý. Các đại biểu của chúng tôi ở Hội nghị Đà Lạt đã đòi huỷ bỏ điều đó. Để không vi phạm hiệp định, các đồng sự người Pháp của họ đã phản đối điều đó. Sự trung thành với những điều đã ký kết sẽ có lợi nếu được mở rộng sang những lĩnh vực khác. Sẽ tránh khỏi được nhiều sự hiểu lầm, máu sẽ đổ ít hơn và sự nghiệp nhích lại gần nhau giữa nhân dân hai nước sẽ tiến mạnh hơn.

Nhưng, bởi vì cái điều không hàn gắn được đã xảy ra, nghĩa là cuộc thăm dò ý kiến dân chúng đã được dự định và đại để sẽ diễn ra. Ít nhất chúng ta hãy chú ý phòng ngừa và ngăn cản những gì có thể sẽ gây trở ngại cho việc biểu thị thực sự tự do, ý chí của nhân dân.

Đoàn kết ư? Hữu nghị ư? Hợp tác ư? Chúng tôi rất muốn.

Nhưng phải tự do, trung thực, bình đẳng trước đã!

Người dịch Bùi Đình Thanh

ĐOÀN KẾT DÂN TỘC*

Lịch sử các dân tộc từ thời cổ đại đến thời hiện đại đều biết đến một thời điểm nguy kịch mà ở đó dễ thoát khỏi tai ương của dân tộc, phải có một nỗ lực chung. Điều đó cũng đã xảy ra ở nước chúng ta vào thời kỳ đế quốc Nguyên Mông xâm lược. Sau 300 năm thoát khỏi ách thống trị của phong kiến Trung Quốc, Việt Nam phải đương đầu với những kẻ xâm lược hùng mạnh nhất của thời đại đó. Nhưng, từ những điều kiện dân tộc đó, có những điều kiện thành công và cũng có những điều kiện thất bại.

Đoàn kết dân tộc của Việt Nam được thực hiện dưới triều Trần trong cuộc chiến tranh chống Nguyên Mông dẫn đến kết quả là tiêu diệt quân xâm lược và sự tỏa sáng chưa từng có về uy tín và vinh quang của Tổ quốc chúng ta ở Viễn Đông.

Năm 1789, sự tập hợp nhân dân Pháp dẫn tới sự dè bẹp lực lượng phản cách mạng trong nước và ngoài nước và chiến thắng trọn vẹn của nước Cộng hòa.

Với nước Pháp thời đó được giao nhiệm vụ lịch sử truyền bá cho châu Âu trung cổ kinh thánh của tự do và dân chủ. Những cuộc tập hợp nhân dân Pháp năm 1936 do sự đe dọa của nguy cơ phát xít đã không thể chiến thắng bọn phản động và cuối cùng bị tan rã. Những đảng phái chính trị và những giới trung lập ở Việt Nam ngày nay bắt tay vào một nhiệm vụ vĩ đại: hành động để đi tới thành lập một khối đoàn kết dân tộc vì sự phồn vinh và độc lập quốc gia.

Trong những điều kiện hiện nay, đó là một tất yếu lịch sử cần thực hiện hơn là một kinh nghiệm. Chiến thắng bọn phản động thuộc địa hãy còn khá mạnh và đang tìm cách thủ tiêu những thành quả của Cách mạng tháng Tám nhằm

---

* *Le Peuple*, số 17, 1946

khôi phục chế độ nô dịch mà chúng ta đã xóa bỏ, đó là mục tiêu mà lịch sử đặt ra cho dân tộc ta lúc này

Một nguy cơ thực sự đe doạ chúng ta

Chống lại nó, toàn dân tộc phải đoàn kết lại

Tuy nhiên, điều tương đối dễ là tuyên bố thành lập khối đoàn kết dân tộc Điều khó hơn là làm cho khối đoàn kết đó sống và phát triển

Điều kiện cơ bản làm cho khối đoàn kết tồn tại và được cung cố là kỷ luật. Nếu tất cả các đảng phái tham gia mặt trận dân tộc không bị những cam kết nào ràng buộc, hoặc chỉ có những cam kết trên đầu lưỡi mà họ được tự do thực hiện hay không thì đó không còn là một khối đoàn kết

Những bài học của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đặc biệt có ý nghĩa về mặt do Sự tham gia một khối đoàn kết không có nghĩa là sự hủy bỏ những nguyên tắc và lòng tin của nó Tư cách của một đảng được đảm bảo trong lòng khối đoàn kết trong chừng mực mà sự hoạt động của đảng đó không mẫu thuẫn với những lợi ích của dân tộc Những lợi ích của dân tộc, đó là cơ sở của kỷ luật, điều kiện cần thiết cho sức sống của khối đoàn kết xứng đáng với cái tên đó

Điều kiện thứ hai, đó là một tổ chức Rõ ràng là mỗi công dân, mỗi đảng phái, mỗi tầng lớp xã hội phải hành động vì mục đích chung - độc lập dân tộc Nhưng mỗi đối tượng riêng đó đi đến mục đích bằng con đường khác nhau, bằng sự chỉ dẫn của vị trí của nó trong xã hội và bằng thể loại hoạt động của nó Điều đó có nghĩa là lòng yêu nước của mỗi người được thể hiện cụ thể trong ngành hoạt động xã hội mà người đó tham dự Để có được sự phát triển tự do cho hoạt động yêu nước, mọi ngành đều phải có một cơ sở về tổ chức với những nhiệm vụ cụ thể bắt nguồn từ tính chất riêng biệt của mỗi ngành Sự tổ chức đó của nhân dân trên cơ sở sự phân công lao động xã hội phải được bổ sung bằng sự tổ chức về chính trị, bởi vì từ nay, cuộc đấu tranh

giành độc lập dân tộc sẽ diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước

Kỷ luật cho tất cả, tổ chức của tất cả, đó là những điều kiện của một khối đoàn kết dân tộc sống được làm cơ sở cho tương lai đất nước chúng ta

Người dịch. Bùi Đình Thanh

HÃY TĂNG CƯỜNG CẢNH GIÁC*

Trên tờ báo này, đã có lúc chúng tôi cảnh báo các đôc giả về khả năng xảy ra những hành đông khiêu khích khi vi Chủ tich của chúng ta vắng măt ở trong nước, đồng thời chúng tôi cũng khuyến cáo cần phải cảnh giác, kỷ luật và bình tĩnh.

Môt loạt các sư kiên rắc rối đáng tiếc xảy ra trong những ngày gần đây đã chứng minh một phần cho sư cảnh báo của chúng tôi. Dĩ nhiên, sư vô kỷ luật của một số quân nhân Pháp là nguyên nhân chính của những sư kiên rắc rối đó Và dù cho môt tờ báo Pháp ở Hà Nội tìm moi cách để đổ lỗi cho người Việt Nam thì sư kiên vẫn là sư kiên· bên canh những hành động cướp bóc, bao lực, thâm chí ám sát đối với đồng bào của chúng ta, còn có những vu nghiêm trong hơn nhiều ném lựu đan vào nhà các thường dân hoăc các công sở làm nhiều người chết và bi thương trong đó có các em nhỏ.

Ban liên lac Việt Pháp có trách nhiêm thưc hiên những chủ trương kiên quyết đối với Bô chỉ huy quân đội Pháp để họ tiến hành không châm trễ những biên pháp đươc coi là hữu hiêu nhằm ngăn chăn sư tái diễn những hành đông thuôc loai đó đã làm tổn thương danh dư quân đôi Pháp, điều mà chúng ta muốn xem nó khác với quân đôi Pháp trước đây

Một măt khác, phải chấm dứt những lời nói quá đáng của một cơ quan báo chí đã khai thác và cường điêu những sư kiên rắc rối đó với muc đích không dám thú nhân là tao nên những cuộc xung đột đẫm máu và biên mình cho sư can thiệp của quân đội Pháp Điều cần ghi nhân là cơ quan kiểm duyệt của Viêt Nam không bao giờ tha thứ cho một giọng điêu như thế đối với báo chí Viêt Nam Về phía Viêt Nam, chúng tôi hài

---

* *Le Peuple*, số 23, 1946

lòng nhân thấy là nhân dân và quân đôi, cho đến hiên nay đã tó rõ lòng tư trọng và sư kiềm chế, điều đó chí có thể thấy đươc ở môt dân tôc đã trưởng thành về chính trı và đat tới môt trình đô khá cao

Chính thái đô gương mẫu đó đã bảo đảm cho các công dân Pháp và ngoai kiều môt sự an ninh tuyêt đối trước khi quân đội Pháp đến, điều mà người ta phải thừa nhân môt cách trung thực và nếu người ta có thiên chí và trí nhớ tốt Sau nữa, chính thái độ đáng khen đó giúp chúng ta tránh không để xảy ra những sư kiện rắc rối mà chúng ta sẽ không có lợi gì nếu tao ra nó

Cuối cùng, cũng nhờ thái độ đó mà những sư kiên rắc rối xảy ra không biến thành những sư kiện bi thảm dẫn đến tang tóc và khiến cho những tình cảm đối đich của cả hai phía được duy trì và sống lai

Nhưng, trong khi tỏ lòng cảm phuc tinh thần kỷ luật của quân đội và nhân dân, chúng tôi có trách nhiêm lưu ý nhân dân chúng ta về khả năng có một số phần tử khiêu khích Những phần tử đó khai thác các sự kiện rắc rối làm cho chúng đi chêch hướng con đường đúng và cụ thể mà chính phủ đã vạch ra Nhiêt tình yêu nước của thanh niên chúng ta đã bi khích đông cao đô dẫn đến lòng căm phẫn trước sư vi pham có hê thống các điều khoản của Hiệp đinh sơ bô và sự giết hại hàng ngàn đồng bào của chúng ta ở Nam Bô và Nam Trung Bô

Công an thành phố của chúng ta đã hoat đông tốt trong những ngày này bằng cách bắt môt số phần tử khả nghı Hy vong rằng họ sẽ tiếp tục sư quét sach đó. Những phần tử nghı vấn có quan hê với những tổ chức nước ngoài mà chúng phuc vu cho những ý đồ đen tối và tài trợ cho hành đông phạm tôi của chúng, có hay không? Sư điều tra của pháp luật sẽ cho chúng ta biết rõ Trong tình hình nghiêm trong đất nước đang trải qua, pháp luật không được tỏ ra khoan hồng đối với

những phần tử đang hoạt động gây rối trật tự và do đó, tạo thuận lợi cho những mục tiêu thực dân của bọn phản động

Quyền lực của Chính phủ chúng ta phải được tôn trọng ở khắp mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh. Những chỉ thị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ (lúc này là cụ Huỳnh Thúc Kháng được giao nhiệm vụ Quyền Chủ tịch nước trong khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp - BĐT chú thích) phải được chấp hành một cách triệt để. Với một Chính phủ quốc gia mà quyền lực là điều không thể phủ nhận có trong tay quân đội thường trực và được toàn dân tin tưởng, Nhà nước tự do của Việt Nam tỏ rõ khả năng tuyệt đối duy trì trật tự và an ninh trong nước cũng như trước đây từ Cách mạng tháng Tám, điều đã gây nên sự tôn trọng và ngưỡng mộ của những người quan sát nước ngoài có thái độ khách quan.

Không được để cho những sự kiện rắc rối không phải lỗi của chúng ta trở thành cái cớ cho bọn thực dân phản động đổ lỗi cho công an của chúng ta và lu loa đòi quyền can thiệp vào nội bộ của chúng ta, làm tổn hại đến chủ quyền dân tộc của chúng ta.

Cuối cùng, trong những giờ phút nguy kịch này, đối mặt với những hành động của bọn thực dân phản động và hoạt động phá hoại của bọn tay sai của chúng, tất cả các đảng phái, các tầng lớp nhân dân cần phải xiết chặt hàng ngũ và đoàn kết chặt chẽ hơn bao giờ hết xung quanh Chính phủ.

Sức mạnh của chúng ta nằm trong sự bình tĩnh, tính tổ chức, tinh thần đoàn kết và kỷ luật. Sức mạnh đó nằm trong sự tuân theo sự chỉ đạo của Chính phủ.

Người dịch Bùi Đình Thanh

VÌ HÒA BÌNH*

Ngày thứ năm 29-7-1946, Hội nghị hòa bình đã khai mạc ở Paris, với 1 500 đại biểu của 25 nước

Trước số lượng không thể tưởng tượng các đại biểu và những vấn đề được tranh luận, cũng như trước sự bất đồng của các "cường quốc", những bộ óc hoài nghi có thể nhận định "chỉ là một cuộc khua môi, múa mép, chẳng có gì khác"

Chúng tôi không bị quan điểm thế Cùng với Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, chúng tôi tin rằng Hội nghị sẽ đi đến những kết quả tích cực. Chỉ với cái giá đó, chúng tôi xin nói thêm, mà hòa bình, một nền hòa bình tương đối, tạm thời, một sự ổn định nào đó, hoặc đúng hơn là một tình trạng bớt căng thẳng có thể thiết lập giữa Liên Xô và khối Ăng-glô-sắc-xông, hai ngôi sao quay quanh đó là các vệ tinh

Trong hoàn cảnh hiện nay, đối với cả hai phe, hòa bình là rất có lợi Bởi vì trong cuộc đua tranh của giai đoạn hiện tại có tính chất toàn cầu giữa hai hệ thống chính trị, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, những cơ may là ngang bằng Đó là điều đã dẫn ông Byrne tỏ thái độ trước khi đến Paris, khác với thái độ của Luân Đôn và Washington thường có là răn đe Liên Xô. Thời kỳ chính sách răn đe và đe dọa đã qua rồi, nhất là sau thất bại ở Iran, những kinh nghiệm về bom nguyên tử ở Bikini, vấn đề Trung Quốc và những tuyên bố huyênh hoang của William Bullit

Sự thẳng thắn của ông Byrne là không thể nghi ngờ Để bắt đầu, ông đã chấp nhận đề nghị của Liên Xô về việc công bố các hiệp ước hòa bình Hơn thế nữa, báo chí Mỹ cho biết là vào lúc này, Mỹ không ủng hộ Tưởng Giới Thạch chống Mao Trạch Đông, đồng thời đòi hỏi một cách ầm ĩ một chính phủ dân chủ

Chúng tôi hy vọng rằng sự ồn ào đó không chỉ là trong bối cảnh một chiến dịch bầu cử

---

* *Le Peuple*, số 34, 1946

Điều rõ ràng là ít nhất no cũng cho phép hy vong rằng trương đoàn đai biêu Mỹ tai Hôi nghi sẽ làm nhiều hơn cho viêc tao ra không khí thuân lơi cho sư hiêu biết giữa các "cường quôc", điều kiên không thê thiếu của môt nền hòa bình thât sư

Nhưng sư nhương bô cua Anh - Mỹ tới đâu và tinh chất cua chung ra ra sao còn là điều khó nói

Khi người ta chấp nhân những nhân nhương cho đối tác cua mình có nghĩa là chấp nhân sư hy sinh môt phần lơi ích của mình Thế nhưng, những loi ích của Anh - Mỹ trên pham vi toàn thế giới thê hiên chu yếu bằng những sư chiếm hữu thuôc đia và các khu vưc anh hưởng

Chúng tôi không mong Mỹ hoăc Anh từ bó môt phân thuôc đia của ho cho Liên Xô vì những nguyên nhân rất đơn gian sau đây

Thứ nhất, Liên Xo với tư cach môt Nhà nươc xã hôi chu nghĩa không thể có những y đô về các thuôc đia

Thứ hai, môt sư hy sinh như thế là ơ trên các lưc lương cua Mỹ va Anh

Thứ ba, cuối cùng các dân tôc thuôc đia không chấp nhân ngươi ta đối xư với ho như mot vât trao đôi, nếu môt sư trao đôi như vây diễn ra

Những sư nhân nhương mà chung tôi mong muôn ở khối Anh - Mỹ là thuôc về môt ban chất khác Chung không phai chi để thưc hiên riêng voi Liên Xô hay với cac cương quoc khác mà là với tất ca các dân tôc đa bi chu nghĩa đê quôc Anh Mỹ tước mất các quyền Những sư nhân nhượng đó phải đươc hiểu theo nghĩa sư áp dung tức thời và không giới han những nguyên tắc đã đươc nêu rõ trong Hiến chương Đai Tây Dương và trong Hiến pháp cua Hôi nghi San Francisco (để thành lâp Liên hợp quốc - BĐT chú thích), trong trường hợp tôn trong những cam kết long trong tai các Hôi nghi quốc tế ở Mátxcơva, Teheran, Yalta, Potsdam, những cam kêt đó là sư loai trừ chu nghĩa phát xit và những tàn dư của nó, quyền của các dân tôc tư quyết đinh vân mình của mình

và lựa chọn một cách tự do hình thức dân chủ và chính phủ mà họ muốn, sự không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, và sự từ chối ủng hộ các lực lượng phản động trong bất cứ nước nào

Trong lĩnh vực các ý tưởng đó, và đối với chúng tôi, chúng tôi mong muốn rằng ở những nước đã đạt đến trình độ trưởng thành cao như các nước Việt Nam, Ấn Độ, Inđônêxia, Myanma và các nước khác, nền độc lập cần được công nhận ngay lập tức và một cách trang trọng, rằng phải có những biện pháp khẩn cấp nhất nhằm loại trừ các lực lượng phản động đã coi thường các Hiệp định đã ký và các cuộc thương lượng đang tiến hành, đã giết hại nhân dân các thuộc địa và nhằm khôi khục các "quyền" của chủ nghĩa đế quốc xâm lược

Đó là những biện pháp cần áp dụng để bảo đảm một nền hòa bình bền vững cho thế giới nếu ý định của Mỹ và Anh tổ chức một nền hòa bình bền vững là chân thành Tự do và dân chủ, những nhân tố đó tạo nên hòa bình, đó là những nguyên tắc cơ bản mà các đại biểu tại Hội nghị hòa bình phải dựa vào

Người dịch Bùi Đình Thanh

ĐOÀN ĐẠI BIỂU CỦA CHÚNG TA VÀ HÒA BÌNH THẾ GIỚI*

Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng trong một công hàm gửi đoàn đại biểu Pháp, đã chính thức bày tỏ lập trường đối với Hội nghị Đà Lạt.

Giọng văn hết sức lịch sự và trân trọng của công hàm và cơ sở hết sức vững chãi của những lập luận được trình bày đã khiến cho báo chí phái hữu mất công trốn tránh bằng cách nhai lại hàng ngàn lần những luận điệu chẳng còn thuyết phục được ai. Bản thân đoàn đại biểu Pháp khi trả lời sự phản kháng của Việt Nam cũng không tìm được cách gì khác hơn là thú nhận sự không đủ thẩm quyền của họ và hứa chuyển công hàm của Việt Nam cho Chính phủ Pháp.

Nếu chính sách của các nhà cầm quyền Pháp ở Việt Nam là đặt dư luận trước việc đã rồi thì chính sách của Chính phủ ta là dồn chính sách của Pháp vào chân tường bằng cách yêu cầu Chính phủ Pháp chọn giữa Đà Lạt và Fontainebleau, hoặc các nhà cầm quyền Pháp ở Việt Nam áp đặt ý định của họ, vậy thì việc dàn cảnh ở Fontainebleau chỉ là một "hề ngoài giá dối" hoặc một "trò lừa những kẻ dại khờ", hoặc Paris chỉ đạo, vậy thì phải nói chuyện một cách trung thực và chấm dứt ngay tức khắc vở hài kịch quá đắt vì đến nay nó đã khiến cho nước Pháp tổn thất 1 500 người chết và 3 500 người bị thương, đó là những con số chính thức do tướng Laleu công bố.

Với những thanh niên nói tiên, người ta đã hứa hẹn một sự nghiệp quang vinh là đem lại hòa bình cho một nước mà

---

* *Le Peuple*, số 35, 1946

ở đó, những đôi quân Nhật đang tiếp tục chống cự, người ta đã ném họ vào một cuộc phiêu lưu mà trong đó họ phải đóng vai trò những tên đồ tể đối với phong trào độc lập của một dân tộc tự bảo vệ một cách anh hùng do nhận thức được sứ nghiệp của mình là chính nghĩa

Người ta đã làm lóa mắt những thanh niên đó về một cuộc sống dễ dàng, người ta đã dẫn họ đến một cuộc chém giết tàn bạo Cả nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp đều không muốn có cuộc đổ máu đó Những thanh niên Pháp sống sót qua những thảm hoạ mà Tổ quốc của họ đã phải chịu đựng không phải đến Đông Dương để chết một cách ngốc nghếch. Những binh sĩ đã chiến đấu suốt 4 năm vì tự do của họ không phải đến Đông Dương để tước đoạt tự do của một dân tộc Vì thế, không những để đem lại hòa bình cho nhân dân mình, mà còn để cứu sinh mệnh của hàng ngàn thanh niên Pháp, Chính phủ của chúng ta đã ký với nước Pháp Hiệp định sơ bộ 6 - 3 - 1946 và cử đại biểu đến đàm phán ở Paris Chính sách của chúng ta khi chúng ta kv kết nền hòa bình, là một chính sách đoàn kết các dân tộc chính sách mà chính bản thân nước Pháp cũng chủ trương và sẽ là cơ sở cho một khối Liên hiệp Pháp mà nước Pháp định xây dựng

Đối với chính sách đó, những người cầm quyền Pháp ở Đông Dương đã đưa ra một chính sách trái ngược, một chính sách chia rẽ các dân tộc Bằng cách chia rẽ các dân tộc Đông Dương, họ phá hoại ngay cả công cuộc xây dựng khối Liên hiệp Pháp Nếu có hai trung tâm Đà Lạt và Fontainebleau cùng song song chỉ đạo các sự kiện, sẽ không thể có hòa bình và hơn thế nữa, Liên hiệp Pháp là một ảo tưởng thuần túy

Công hàm phản kháng của đoàn đại biểu Việt Nam không thể hợp thời hơn

Trước hết, đây là lúc mà hành động của quân đội Pháp vượt quá rất xa khung cảnh Nam Bộ và những hành động

khiêu khích mở rộng ra những địa điểm khác của lãnh thổ Việt Nam

Sau đó, là lúc mà ở Hội nghị hòa bình, nước Pháp long trọng tuyên bố trước 1 500 đại biểu của 25 nước sự tham gia của mình vào sự nghiệp hòa bình. Cuối cùng, là lúc bên cạnh các cường quốc còn có mặt ở Paris những nước nhỏ mà nếu không có sự góp mặt của họ, hòa bình chỉ là một từ rỗng tuếch

Vì sự đoàn kết của các dân tộc, vì hòa bình, chống lại sự chia rẽ các dân tộc, chống chiến tranh, đó là tầm quan trọng quốc tế của thái độ đoàn đại biểu Việt Nam trước hành động chia rẽ các dân tộc và phá hoại hòa bình có tên gọi là "Hội nghị liên bang ở Đà Lạt"

Người dịch Bùi Đình Thanh

GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ*

Một năm trước đây, mảnh đất thân yêu là thịt của thịt chúng ta, là máu của máu chúng ta đã bị tiến công một cách hèn hạ. Và các đồng bào đã giáng trả cuộc tiến công đó một cách kiên cường. Bằng cuộc chiến tranh phòng ngự đó, các bạn đã viết nên một trang bất tử trong lịch sử nền độc lập của Việt Nam.

Với những người con ưu tú của nhân dân ta, nam và nữ, với những nam và nữ anh hùng đã đổ máu để bảo vệ mảnh đất đó của lãnh thổ quốc gia, toàn quốc tỏ lòng biết ơn vĩnh viễn, qua đó ghi sâu kỷ niệm những người bạn Pháp, Trung Quốc, Campuchia và những dân tộc khác đã vinh dự ngã xuống vì sự nghiệp của chúng ta.

Một năm đã qua. Một năm đấu tranh với những thiếu thốn, hy sinh và hành động anh hùng vô danh. Nhưng các bạn đã không chiến đấu và chịu đựng đau khổ một cách vô nghĩa. Máu của các bạn đã đổ không phải là vô ích.

Bằng sự kiên trì của các bạn, bằng sự coi thường những khó khăn không thể tưởng tượng được trong cuộc chiến đấu, các bạn đã làm sống lại những đức tính cao quý nhất của nhân dân ta, đã chỉ cho thế giới thấy rõ là nhân dân ta muốn chết đứng hơn là sống quỳ.

Bằng tấm gương của các bạn và xung quanh tên của mình, các bạn đã tập hợp 20 triệu người Việt Nam mà dưới con mắt thế giới, các bạn đã là hiện thân của ý chí giành độc lập không gì lay chuyển nổi của nhân dân ta. Trong khi đấu tranh cho sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, các bạn đã tạo

---

* *Le Peuple*, số 50, 1946

nên một nhân tố mới mạnh mẽ của sự đoàn kết dân tộc

Bằng chủ nghĩa anh hùng, các bạn đã nâng cao nhân thức của nhân dân ta về sức mạnh của chính mình, tăng cường lòng tin vào ngày mai tươi sáng mà tất cả những người con của Tổ quốc cùng nhiệt thành xây dựng

Hỡi đồng bào Nam Bộ! Cũng chính cuộc chiến đấu trên mặt trận là một sự cống hiến quan trọng, một sự tham gia trực tiếp, một sự bổ sung cần thiết vào sự nghiệp hòa bình và xây dựng mà chúng ta theo đuổi trong lúc này trên toàn bộ lãnh thổ còn lại của đất nước

Chính vì thế, đối với chung tôi, các bạn thân thiết gấp hai lần. Chính vì thế, cách đây 4 tháng, trước ngày sang Pháp, vị Chủ tịch kính mến của chúng ta đã gửi đến các bạn những lời nói giản dị đầy xúc động và thể hiện rõ vị trí của các bạn trong trí óc và trái tim của chúng tôi

"Nam Bộ là lãnh thổ của Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi"

Trong ngày này, khi mà toàn quốc Việt Nam kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến, tất cả chúng tôi hướng về các bạn với những tư tưởng trong sáng nhất. Trong khi xung quanh chúng tôi, mỗi sự vật, mỗi sự kiện, mỗi lời nói nhắc nhở chúng tôi ngày 23 - 9 - 1945 và gây nên cho chúng tôi những nhịp đập của trái tim đau khổ

Nhưng nỗi đau khổ của chúng ta không phải là vô hiệu và bất lực. Nó rất phong phú và sáng tạo. Nó kêu gọi chúng ta hành động vì nó gắn bó chặt chẽ với lòng tự hào mà tấm gương của các bạn gợi nên cho chúng ta. Chúng ta tự hứa với mình, hỡi đồng bào Nam Bộ, rằng chừng nào tên của Việt Nam chưa bị xóa khỏi bản đồ thế giới thì chúng ta còn biết tỏ ra xứng đáng với những hy sinh vĩ đại của các bạn để giành cho dân tộc chúng ta một cuộc sống độc lập, tự do, hạnh phúc

Không có gì chứng minh rõ hơn ý chí kiên quyết của chúng ta đi đến đó bằng thái độ tự trong của đoàn đại biểu Việt Nam ở Đà Lạt, đặc biệt là của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn đại biểu của chúng ta ở Fontainbleau trong vấn đề Nam Bộ. Và bản Tam ước mà vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta vừa ký với Chính phủ Pháp đã tỏ rõ lòng quan tâm sâu sắc luôn giành cho Nam Bộ, người con yêu của Tổ quốc không bị cắt khỏi khúc ruột của mình.

Trong một năm qua, các bạn đã tỏ ra xứng đáng với nhân dân, bằng cách giương cao và kiên quyết ngọn cờ của tự do. Chúng tôi tin chắc rằng chừng nào các bạn còn bảo vệ danh dự của Việt Nam, ngọn cờ đó mà không một sức mạnh nào có thể làm rời khỏi tay các bạn sẽ vẫn phấp phới tung bay một cách hãnh diện khi mang trong lòng nó sự tin tưởng vào tương lai của Tổ quốc.

Nam Bộ là lãnh thổ của Việt Nam muôn năm!

Người dịch Bùi Đình Thanh

HIẾN PHÁP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA*

Các cuộc tranh luận của Quốc hội về Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà sắp kết thúc

Nếu đôi khi, cuộc tranh luận rất sôi nổi về những vấn đề chi tiết, thì ngược lại, mọi người đều nhất trí tán thành những nguyên tắc chung Trong điều kiện ấy, có hi vọng rằng, các đại biểu Quốc hội, dù thuộc phái quốc gia, dù thuộc Mặt trận Việt Minh, dù là dân chủ, xã hội chủ nghĩa, mác xít hay trung lập, sẽ bỏ phiếu tán thành Hiến pháp

Và đó sẽ là một thắng lợi đáng kể của nền dân chủ mà người ta không thể đánh giá thấp tầm quan trọng quốc tế

Hiến pháp là sự hợp thức hoá những kết quả do nhân dân ta đạt được sau 80 năm đấu tranh kiên cường chống sự áp bức thuộc địa và ách phong kiến, vì giải phóng dân tộc và vì tiến bộ xã hội của Việt Nam

Trong một giai đoạn đau thương khá dài của lịch sử, nhân dân ta sống khom lưng, dưới uy quyền của bọn chủ ngoại quốc Chúng thực hiện một chế độ nô lệ hà khắc nhất về chính trị, đè nặng lên nhân dân ta về kinh tế Chúng ta không có quyền phàn nàn về số phận, chúng ta bị cấm không được tổ chức nhau lại một cách hợp pháp để bảo vệ quyền lợi, chúng ta chỉ được phép học trong phạm vi mà nền học vấn phục vụ cho những mưu đồ thống trị thực dân, chúng ta không được tự do đi lại

Song cũng trong quá trình đau thương lâu dài ấy, nhân dân ta đã nhiều lần cố gắng bẻ gãy xiềng xích Vì sự giải

---

* *Le Peuple* số 63, 7 - 11 - 1946

phóng chính trị và xã hội của đất nước, những người con ưu tú của dân tộc đã đổ máu, hàng nghìn người Việt Nam yêu nước - công nhân, nông dân, trí thức đã bất chấp tù đày, khủng bố man rợ

Cuộc tranh đấu kiên trì ấy chỉ đạt được thắng lợi khi mà một thiên tài phi thường, xuất thân từ nhân dân, và kết tinh ở nơi mình những đức tính cao quý nhất của nhân dân, đã biết tập hợp mọi tầng lớp xã hội thành một khối vững chắc bất diệt trong cuộc chiến đấu quyết định lật đổ ách thuộc địa

Như vậy cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam, do toàn dân tham gia, trong suốt 80 năm, đã thành công được nhờ ở sự đoàn kết không gì phá vỡ nổi của nhân dân

Do đó, được khởi thảo sau Cách mạng tháng Tám và giờ đây được đệ trình Quốc hội xét duyệt, không gặp phải một sự phản đối đáng kể nào của bất kỳ Đảng phái hay nhóm chính trị nào

Hiến pháp Việt Nam, xuất phát từ những nguyên tắc tự do và dân chủ mà trong gần một thế kỷ, toàn dân ta đã đấu tranh nhằm thực hiện, là sự hoàn thành tất nhiên của cả một thời kỳ tiến triển lịch sử của Việt Nam Vì vậy, bất kỳ mưu toan nào nhằm làm cho Hiến pháp biến chất, lấy cớ tu chỉnh nó, để làm cho nó thoát khỏi tinh thần gọi là Đảng phái, chắc chắn vấp phải thất bại

Đó là lý do đầu tiên, lý do lịch sử, nếu các bạn muốn, nhờ đó mà Hiến pháp được nhất trí tán thành một cách dễ dàng đến mức ấy

Song còn có một lý do nữa, lý do xã hội quyết định sự tán thành nhiệt liệt Hiến pháp trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam Hiến pháp của ta không giống như hiến pháp của các nước Tây Âu hay của Mỹ, nó khẳng định nền thống trị của các giai cấp hữu sản đối với các giai cấp cần lao, và cũng không giống hiến pháp Liên Xô, nó biểu hiện nền chuyên

chính của giai cấp công nhân và tiêu biêu cho thời kỳ quá đô từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hôi

Hiến pháp của nước ta, trong khi duy trì nguyên tắc về quyền tư hữu tư liêu sản xuất, vẫn thừa nhân cho những tâng lớp rông rãi trong nhân dân, không phân biêt nam nữ, tôn giáo và chủng tôc, sư bình đẳng về quyền lơi trong moi lĩnh vưc

Nếu trong hoàn cảnh hiên tai, rõ ràng là đất nước ta chưa cô đủ điều kiên cần thiết đô chuyên sang chủ nghĩa xã hôi, thì cũng không nghi ngờ gì nữa là nếu loai trừ khỏi đời sống xã hôi đai đa số nhân dân, bằng mồ hôi và máu của mình đã kiên trì, anh dũng dêt nên những ngày lich sử mà chúng ta đã và đang sống thì không những là môt điều bất công ma còn là môt sư lac hâu, môt sư thut lùi, môt điều khich lệ đối với sư áp bức, môt khả năng quay trở lai tình trang cũ, nói tóm lai môt sư thách thức đối với lương tri Nhân dân, người đã làm tất ca cho nền tư do và dân chủ, không thê bi đối xử như vây, va cũng không để cho ai đối xử với mình như vây

Sau hết, còn môt lý do chính tri nữa, nó làm cho Hiến pháp co môt giá tri không chối cãi được và nó bảo đam cho Hiên pháp môt sư thànhg côn hoàn toàn· Hiến pháp đã nêu thành nguyên tắc thiêng liêng chủ quyền quốc gia va toàn ven lãnh thô cua Viêt Nam

Đôc lâp và dân chu, đó là những nền móng cua đời sống quôc gia Viêt Nam trong giai đoan tiến triển hiên tai

Hiến pháp cua ta là viêc hợp thức hoá các quy luât cua sư tiến triên ấy

GỬI CÁC VỊ ĐẦY TỚ CỦA NHÂN DÂN*

Hôm nay Quốc hôi Viêt Nam kết thúc công viêc

Quốc hôi đã hop trong gần hai tuần lễ

Người ta chí có thể hoan nghênh viêc Quốc hôi đã không để phí thì giờ

Ý thức cao cúa mỗi vị đại biểu Quốc hôi về trách nhiêm cúa mình là đai biểu cúa nhân dân, làm cho các vi đat đươc hai thắng lợi lớn mà toàn thể Quốc hôi có thể tư hào

Thắng lơi đầu tiên là thành lâp môt chính phủ quốc gia mà tính chất và thành phần, về căn bán, đáp ứng tinh thần những yêu cầu mà các đai biểu Quốc hôi thuôc moi đảng phái đã nêu ra

Và thắng lợi thứ hai là viêc thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ công hòa

Tại buổi họp khai mac, chúng tôi đã đề đat nguyên vong là Quốc hội cần giương cao và vững chắc ngon cờ đoàn kêt dân tôc

Chúng tôi sung sướng xác đinh rằng chúng tôi đã không thất vong và mong ước của chúng tôi đã đươc thưc hiên

Những thắng lơi mà chúng tôi vừa nhắc lai, sở dĩ Quốc hôi đat đươc là hoàn toàn nhờ ở tinh thần hòa hợp, tinh thần nhất trí mà Quốc hôi đã giữ vững đươc từ đầu đến cuối

Thưa các vi đai biểu Quốc hôi! Rồi đây các vi sẽ trở về đia phương. Các vi sẽ sinh hoat cùng với cử tri của các vi, các thương gia, các giới chu, các nhà kỹ nghê, công chức,

---

* *Le Peuple*, số 64, ngay 10 - 11 - 1946

trí thức, công nhân, nông dân, đồng bào thiêu số, các tín đồ công giáo, Phật giáo, các con em Việt Nam thuộc mọi giai cấp, thuộc mọi nghề nghiệp, thuộc mọi tín ngưỡng

Các vị sẽ tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ là đại biểu của nhân dân giữa những con người đó

Nếu nhiệm vụ của các vị tại Thủ đô, trong các buổi họp của Quốc hội ở trụ sở Nhà hát thành phố Hà Nội, là phát biểu ý kiến nhân danh những người đã bầu ra các vị, thì giờ đây, nhiệm vụ đặt ra cho các vị sẽ nặng nề hơn nhiều

Đó sẽ không phải là một bài tham luận đọc trong nửa giờ đồng hồ mà là cuộc chiến đấu hàng ngày mà các vị sẽ tiến hành cùng với nhân dân, vì nhân dân, trên đồng ruộng, trong nhà máy, trong các công sở trường học

Các vị hãy đấu tranh để cho nhân dân ta được ăn no mặc ấm

Các vị hãy đấu tranh để cho nhân dân ta được sống trong những điều kiện vệ sinh hơn

Các vị hãy đấu tranh để cho nhân dân ta có thể cắp sách đến trường

Các vị hãy đấu tranh để cho nhân dân ta không lạc hậu trong lĩnh vực văn hóa

Các vị hãy đấu tranh cho việc thực hiện những nguyên tắc dân chủ mà Hiến pháp đã ban bố

Các vị hãy đấu tranh cho chủ quyền của Việt Nam

Các vị hãy đấu tranh cho toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam

Tóm lại, các vị hãy đấu tranh cho chương trình của cụ Hồ Chí Minh, đó cũng là chương trình của các vị, của chúng ta, của cả dân tộc

Thắng lợi của các vị trước đây, các vị đã đạt được nhờ sự

nhất trí mà các vị đã biết thực hiện một cách rực rỡ

Cũng chính sự nhất trí sẽ đảm bảo cho các vị đạt được những thắng lợi sau này. Tuy nhiên, sự nhất trí ấy cần được thực hiện trên một cơ sở rộng rãi nhiều hơn nữa, trong toàn thể công dân Việt Nam.

Chắc chắn là, nhiều khó khăn đương chờ đợi các vị. Song chính vì biết nhìn thẳng và vượt qua những khó khăn đó mà các vị sẽ tỏ ra thực sự xứng đáng với danh hiệu vẻ vang là đầy tớ của nhân dân.

DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA NHỮNG SỰ KIỆN XẢY RA TẠI HÀ NỘI CHÚNG TA SẴN SÀNG*

Mọi việc đã được dinh liêu trước, mọi việc đã được chuẩn bị trước

Các vụ khiêu khích liên tiếp trong những đêm gần đây hình như đã đạt tới cao điểm của nó qua những sự kiện xảy ra hôm qua

Không còn thể viện tới kiểu bào chữa cổ điển sự vô kỷ luật của một số quân nhân, khi mà quân đội, có xe tăng và thiết giáp yểm hộ, đồng thời tấn công nhiều khu vực trong thành phố

Không thể coi các cuộc tấn công đồng thời ấy là do một sự trùng hợp đơn giản, khi mà một máy bay trinh sát đã bay trên thành phố từ 7giờ 30 đến 12 giờ trưa

Không còn thể la lối rằng đó là do " sự khiêu khích của quân đội Việt Nam" như người ta vẫn quen thói làm như vậy, và đó là "sự cần thiết phải tự vệ của quân đội Pháp" khi mà, tại các khu vực bị tấn công, tuyệt nhiên không có quân đội Việt Nam và thường dân bị xả súng liên thanh không ngừng, để lại trên hè phố hàng chục xác chết phụ nữ và trẻ em!

Người ta tự hỏi đây có phải là đoạn mở đầu cho một tấn bi kịch mới tiếp nối tấn bi kịch hãy còn đang dở, diễn ra ở Hải Phòng không?

Phải chăng đó là cơ hội nhằm buộc chúng ta phải chịu đựng một cuộc chiến tranh tổng lực, mà cho đến nay, chúng ta đã làm mọi cách để tránh?

---

* *Le Peuple*, số 83, ngày 18 và 19 - 12 - 1946

Phải chăng đó là ý đồ của các nhà chức trách Pháp ở Việt Nam không cho Chính phủ ta có khả năng kêu gọi Chính phủ mới của ông Leon Blum giải quyết vấn đề Việt Nam bằng biện pháp hoà bình nhằm tránh đổ máu?

Phải chăng đó là sự xác định lập trường của các nhà chức trách Pháp trước triển vọng giải quyết một cách ổn thỏa các mối quan hệ giữa Pháp và Việt Nam mà Chính phủ mới của Pháp có thể có ý định đi tới?

Phải chăng đó là niềm mong muốn mà các nhà chức trách Pháp ở Việt Nam chứng tỏ rằng ngoài sức mạnh ra, không còn phương tiện hiệu nghiệm nào nữa để cải thiện mối quan hệ giữa hai nước?

Phải chăng đó là luận cứ tối cao của các nhà chức trách Pháp nói trên, nối bước đô đốc D'Argenlieu, cho rằng cần thiết "phô trương sức mạnh, để không phải dùng tới sức mạnh"?

Đại bác nhả đạn vào các khu phố không có phòng thủ, súng liên thanh quật ngã hàng chục phụ nữ và trẻ em, binh lính cùng canh gác với chiến sĩ ta mà lại hèn nhát giết hại chiến sĩ ta, phải chăng đó là cái mà người ta gọi là "phô trương sức mạnh để không phải dùng tới sức mạnh"

Điều xảy ra hôm qua, có thể tái diễn vào ngày hôm nay hay ngày mai và chuyển hoá xấu thành một vụ xung đột đẫm máu lan rộng ra khắp Việt Nam

Đó chính là lúc mà những kẻ không ngừng tăng cường các vụ khiêu khích ở Hà Nội từ mấy ngày qua, chờ đợi

Chúng ta nhắc lại điều này chúng ta không muốn chiến tranh và sẵn sàng cùng với Chính phủ mới của Pháp nghiên cứu những biện pháp có thể đưa tới một lối thoát hoà bình cho cuộc khủng hoảng hiện nay, tất nhiên với điều kiện là những hiệp định mà chúng ta đã ký kết phải được tôn trọng

Tuy nhiên, nếu người ta chĩa súng và đại bác vào chúng ta, nhằm tỏ cho chúng ta thấy một sự phô diễn sức mạnh, chúng ta trả lời người ta nhầm địa chỉ rồi

Nếu người ta buộc chúng ta phải chịu đựng chiến tranh, mặc dầu phương tiện vật chất của chúng ta có hạn, chúng ta sẽ kháng chiến với niềm tin tuyệt đối rằng chúng ta sẽ chiến thắng bởi vì cuộc chiến tranh ấy, đối với chúng ta, có nghĩa là sự bảo vệ những nguyên lý cao cả của một sự nghiệp chính đáng và do đó, là một sự nghiệp thiêng liêng

Chúng ta không từ chối bắt bàn tay thân thiện của nước Pháp nhưng chúng ta cũng chẳng ngần ngại gì mà không giơ cao bàn tay trả thù đối với những kẻ dồn chúng ta đến chỗ bắt buộc phải bảo vệ danh dự, Tổ quốc, độc lập của chúng ta!

Người dịch Bùi Đình Thanh

Phần VIII

NGUYỄN KHÁNH TOÀN
TRONG LÒNG ĐẢNG, CÁC ĐỒNG CHÍ, NGƯỜI THÂN VÀ CÁC HỌC TRÒ

ĐIẾU VĂN TẠI LỄ TANG ĐỒNG CHÍ NGUYỄN KHÁNH TOÀN*

Thưa các đồng chí và các bạn,

Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, người chiến sĩ cách mạng kiên cường, nhà khoa học uyên bác, người đồng chí thân thiết của chung ta không còn nữa!

Hôm nay, với lòng đau buồn và tiếc thương vô hạn, những chiên hữu và đồng nghiệp, những bè bạn và học trò cùng với cơ quan và gia đình đến đây tương niệm đồng chí và tiễn đưa đồng chí tới nơi an nghỉ cuối cùng

Với 88 tuổi thọ và gần 70 năm hoạt động, đồng chí đã hiến dâng cả cuộc đời cho cách mạng và khoa học, cho Tổ quốc và nhân dân, cho tình hữu nghị giữa các dân tộc

Đồng chí Nguyễn Khanh Toan thật xứng đáng với truyền thống quê hương Đồng chí sinh ngày 1 tháng 8 năm 1905, trong một gia đình trí thức tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An Nguyên quán của đồng chí ở xã Thanh Lương, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế Nếp sống văn hóa thanh lịch của Thừa Thiên Huế đã kết hợp với hào khí anh hùng của quê hương Nghệ Tĩnh ở người thanh niên lấy bí danh là Hồng Lĩnh Có lẽ, đồng chí đã muốn qua bí danh này thể hiện tình cảm sâu nặng đối với một vùng đất đã ảnh hưởng nhiều đến tâm hồn và chí hướng của mình

Từ năm 19 tuổi khi còn là sinh viên tại Hà Nội, đồng chí đã viết báo đả kích chế độ thực dân, tham gia đấu tranh chống đế quốc Từ đó Hà Nội cũng như ở Sài Gòn, cùng với

---

* Do đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị Bí thư Trung ương Đảng đọc

những thanh niên yêu nước, đồng chí vẫn tiếp tục sôi nổi hoạt động. Ra báo "Le Nhà quê", chủ bút báo "L'An nam", đồng chí liên tục viết những bài văn cổ vũ lòng yêu nước, tranh luận với những quan niệm mơ hồ, đả kích những tư tưởng phản động. Đồng chí cho đăng trên báo *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác-Ăngghen, yêu sách của Nguyễn Ái Quốc ở Hội nghị Vécxây.

Bị thực dân Pháp bắt giam, ở trong tù đồng chí đã không chịu khuất phục và ra tù lại tiếp tục hoạt động.

Năm 1928, đồng chí sang Pháp học tập, từ đó mở ra một giai đoạn hoạt động phong phú trong môi trường quốc tế, mở rộng tầm hiểu biết về thế giới và thời cuộc, nhanh chóng trưởng thành cả về lý luận và thực tiễn cách mạng.

Đồng chí đã theo học ở trường Đảng Liên Xô, được Đông Phương bộ Quốc tế Cộng sản giới thiệu làm nghiên cứu sinh Sử học tại Đại học Đông Phương, tham gia công tác của Quốc tế Công hội đỏ và Quốc tế Cộng sản về các vấn đề cách mạng ở phương Đông.

Năm 1931, đồng chí gia nhập Đảng.

Năm 1939, đồng chí về làm việc và hoạt động với nhóm Cộng sản Việt Nam ở Diên An, gần gũi với những nhà lãnh đạo quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Có thể nói gần 20 năm hoạt động ở nước ngoài đã rèn luyện đồng chí trở thành một nhà cách mạng có trình độ khoa học cao, và một nhà khoa học gắn bó suốt đời với cách mạng. Chúng ta ngày nay có thể nhìn thấy ở đồng chí một bài học về sự kết hợp giữa cách mạng và khoa học, giữa khoa học và cách mạng, giữa lý luận và thực tiễn, giữa lập trường giai cấp với lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế.

Cuối năm 1945, đồng chí về nhận công tác ở trong nước. Căn cứ vào trình độ uyên bác và năng lực của đồng chí, Đảng và Nhà nước đã giao cho đồng chí đảm nhận rất nhiều công việc quan trọng. Đồng chí được cử làm Thứ trưởng (1946)

và Bí thư Đảng Đoàn (1951) của Bộ Giáo dục, làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước (1959). Là Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa III (từ năm 1960 đến năm 1976) và Phó Ban Khoa giáo Trung ương Đảng, đồng chí đã có nhiều đóng góp cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối xây dựng và phát triển hai ngành Giáo dục và khoa học.

Từ năm 1965 đến năm 1982, đồng chí là Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia). Trong thời gian 17 năm này, đồng chí đã tập hợp quanh mình đông đảo những nhà trí thức hàng đầu của đất nước: Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều, Hoài Thanh, Nguyễn Đổng Chi, Vũ Ngọc Phan, Đào Văn Tập, Phạm Huy Thông, Nguyễn Ngọc Minh, Trần Văn Giàu, và nhiều nhà khoa học khác. Với uy tín và năng lực trí tuệ của mình, đồng chí đã nhanh chóng xây dựng được đội ngũ cán bộ của Ủy ban Khoa học xã hội và các viện trực thuộc, tích cực đào tạo cán bộ, củng cố các viện cũ, xây dựng các viện mới. Việc nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh, nhiều công trình lớn có giá trị đã được xuất bản trong thời gian này.

Ngoài những hoạt động nói trên, đồng chí còn được giao nhiều công việc quan trọng khác. Đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa II và khóa III. Đồng chí làm Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, Chủ tịch Ủy ban Thiếu niên, Nhi đồng Trung ương, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Xô. Đồng chí đã góp phần nâng cao tình cảm quốc tế của nhân dân ta và củng cố mối quan hệ giữa Việt Nam với thế giới.

Do công lao và thành tích đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều Huân chương cao quý khác.

Đánh giá cao sự cống hiến của đồng chí vào sự nghiệp

nghiên cứu và phát triển khoa hoc, năm 1975 Viên Hàn lâm khoa hoc Công hòa Dân chủ Đức và năm 1976 Viên Hàn lâm khoa hoc Liên Xô đã bầu đồng chí làm Viên sĩ nước ngoài Đồng chí cũng đã đươc tăng nhiều Huân chương và Huy chương cao quý của Liên Xô, Bungari và Tiệp khắc

Năm 1982 sau khi đươc nghỉ công tác quản lý, đồng chí đã tập trung toàn bô sức lưc còn lai cho công tác nghiên cứu khoa hoc, hướng dẫn nhiều công trình khoa hoc, tiếp tuc là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ

Thưa các đồng chí và các ban,

Hôm nay thay mặt Bô Chính trị và Ban Bí thư, tôi xin chia xẻ nỗi đau thương vô han này cùng chi Nguyễn Khánh Toàn và thân quyến Xin cùng tất cả các ban và tất cả các đồng chí kính cẩn nghiêng mình trước anh linh đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, môt người Anh, môt người thầy, người đồng chí, người ban thân thiết của chúng ta

Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn kính mến,

Đồng chí ra đi để lai cho chúng tôi niềm tiếc thương sâu sắc, để lai cho đất nước những đóng góp xứng đáng, để lai cho khoa hoc nhiều tác phẩm giá trị Đối với moi người, đồng chí để lai tấm gương sáng về đấu tranh cách mang và hoat đông khoa hoc Tên tuổi đồng chí sẽ sống mãi với thời gian, sử sách và trong lòng chúng tôi

Sống tron lẽ sống xứng đáng của môt cuộc đời, đồng chí có thể thanh thản trong giấc ngàn thu

Xin vĩnh biệt đồng chí /

GIÁO SƯ, VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN, NHÀ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TIÊU BIỂU*

GS. TS. Nguyễn Duy Quý
Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội
và Nhân văn Quốc gia

Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn trước hết là một trí thức yêu nước và cách mạng. Sinh ra lớn lên trên đất Nghệ An, quê hương của những sĩ phu yêu nước và nhân dân anh hùng, đồng chí sớm có tinh thần chống thực dân nhằm giải phóng dân tộc. Suốt trong quá trình đi học từ thấp đến cao, con người trí thức đã hình thành song song với con người cách mạng. Không lúc nào đồng chí không gắn liền việc học tập với hoạt động cách mạng thông qua việc viết báo lên án những hành động áp bức bóc lột của đế quốc, chống lại những quan điểm phản động, tuyên truyền cho những phong trào đấu tranh cách mạng. Đồng chí đã đăng trên báo *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác - Ăngghen, yêu sách của Nguyễn Ái Quốc ở Hội nghị Vecxây.

Năm 1928, đồng chí sang Pháp học và hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước. Ở đây đồng chí được tiếp xúc với phong trào công sản quốc tế và đặc biệt được nâng cao hiểu biết của mình bằng những kiến thức đầu tiên về chủ nghĩa Mác - Lênin. Được sang Liên Xô, học tại trường Đảng rồi làm nghiên cứu sinh sử học tại Đại học Đông Phương, đồng chí đã đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, bắt

---

* Báo Nhân dân, 15 - 12 - 1993

đầu vận dụng thế giới quan và phương pháp luận mácxít để tìm hiểu lịch sử và xã hội. Từ lúc đó, người thanh niên 25 tuổi ấy (1930) đã có một cơ sở kiến thức cơ bản để dần dần trở thành một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, uyên bác về nhiều mặt: sử học, triết học, văn học, ngôn ngữ học, dân tộc học, kinh tế học, xã hội học, luật học.

Những năm hoạt động ở Liên Xô, rồi Trung Quốc và cuối cùng về nước nhận nhiệm vụ quan trọng do Đảng và Nhà nước giao (1945), đồng chí đã có điều kiện vận dụng chủ nghĩa Mác–Lênin và các khoa học xã hội vào thực tiễn cách mạng của đất nước, vừa hoàn thành tốt đẹp những trọng trách được giao vừa tranh thủ viết được nhiều công trình khoa học có giá trị.

Là Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa III (1960), được giao làm Phó trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, đồng chí đã có nhiều đóng góp vào việc hoạch định đường lối của Đảng ở hai ngành quan trọng mà đồng chí là người lãnh đạo chủ chốt: Giáo dục và Khoa học.

Từ ngày lãnh đạo cơ quan Khoa học xã hội đầu tiên của đất nước, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã thể hiện trình độ khoa học uyên bác và tài năng tổ chức của mình trong việc xây dựng và phát triển các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Là Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, đồng chí đã cùng với các Phó Chủ nhiệm có năng lực như: Trần Huy Liệu, Trần Phương, Phạm Huy Thông, Đào Văn Tập, Phạm Như Cương, Vũ Khiêu và đông đảo đội ngũ trí thức hàng đầu của đất nước như: Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu, Trần Văn Giáp, Phạm Văn Bạch, Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều, Thiên Chiểu, Nguyễn Đổng Chi, Văn Tân, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, v.v... đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học xã hội xây dựng và phát triển các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta.

Đồng chí đã có công củng cố các viện cũ, xây dựng các viện mới, phát triển đồng bộ các ngành khoa học xã hội

và nhăn văn Cùng với việc viết và cho xuất bản những công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân, đồng chí còn chỉ đạo biên soạn nhiều công trình khoa học quan trọng như *Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Văn học, Từ điển tiếng Việt phổ thông*

Đồng chí rất quan tâm đến việc đào tạo cán bộ khoa học, mở lớp trên đại học ở trong nước, cử nghiên cứu sinh và thực tập sinh ra nước ngoài Đồng chí còn trực tiếp giảng dạy tại nhiều lớp của Ủy ban, trực tiếp hướng dẫn một số cán bộ trẻ Đối với cán bộ nói chung và đặc biệt đối với cán bộ trẻ, đồng trí luôn luôn có một thái độ ân cần thương yêu và rộng lượng

Đồng chí đã đóng góp nhiều công sức trong việc mở rộng các quan hệ quốc tế và Khoa học xã hội giữa Việt Nam và các nước Đánh giá cao sự cống hiến của đồng chí trong nghiên cứu và phát triển khoa học, năm 1975, Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hoà dân chủ Đức và năm 1976, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô đã bầu đồng chí làm Viện sĩ nước ngoài Ở cương vị là Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Xô, đồng chí đã có nhiều đóng góp vào việc mở rộng, tăng cường quan hệ văn hóa, hữu nghị với các nước

Hôm nay, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, nhà khoa học xã hội tiêu biểu không còn nữa Những cống hiến của đồng chí, những công trình khoa học của đồng chí, tấm gương sáng về đấu tranh cách mạng và hoạt động khoa học của đồng chí sẽ còn trong lòng nhân dân Việt Nam, trong lòng mỗi nhà khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam

THƯ CỦA ĐỒNG CHÍ XUÂN THUỶ BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG GỬI ĐỒNG CHÍ NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Anh Nguyễn Khánh Toàn thân mến!

Tôi đã nhận được đôi câu đối của anh mừng tôi tròn 70 tuổi

- Dưới trời Việt Công viên Lê
lũy tre xanh Xuân vô tận,
- Trên đất Xô Quảng trường Hồ
rừng dương trắng Thủy trường lưu

Cám ơn anh lắm

Cảm ơn anh Nguyễn Khánh Toàn
Mừng tôi câu đối tình chan chứa tình
"Rừng dương trắng, lũy tre xanh"
Việt Xô, Xô Việt ta mình mến yêu
"Xuân vô tận Thủy trường lưu"
Bảy mươi ắt hẳn, còn nhiều xuân sau
Chúc mừng trăm tuổi dài lâu
Tuy đầu anh bạc phải đâu anh già
Chuyện đời anh nở như hoa
Nhiều câu dí dỏm, đậm đà, trẻ trung

XUÂN THỦY

PHÁT BIỂU CỦA GIÁO SƯ PHẠM NHƯ CƯƠNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM, TẠI BUỔI HỌP MẶT MỪNG SINH NHẬT LẦN THỨ 80 CỦA GIÁO SƯ, VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Thưa đồng chí Nguyễn Khánh Toàn kính mến!

Thưa các đồng chí thân mến!

Cho phép tôi được thay mặt tất cả các đồng chí cán bộ, nhân viên đã và đang công tác tại Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, bày tỏ niềm vui mừng của chúng ta hôm nay trong buổi mừng thương thọ 80 của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, một cán bộ lão thành của Đảng, một người anh đi trước chúng ta trong hoạt động cách mạng cũng như trong nghiên cứu khoa học, đồng thời là đồng chí Chủ nhiệm đầu tiên của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam chúng ta, người đã cùng với một số đồng chí lãnh đạo khác, trong đó có đồng chí Trần Huy Liệu kính mến đã quá cố, đặt nền móng cho việc xây dựng cơ quan khoa học của chúng ta.

Dân gian có câu "Chúc sống lâu trăm tuổi". Ai cũng mong đạt tới sự trường thọ, đó là lẽ thường, là niềm mong ước chính đáng. Nhưng với những người trường thọ 80 xuân mà tất cả các năm tháng của cuộc đời, từ khi còn ở tuổi thanh niên cho đến hôm nay, vẫn không ngừng cống hiến tất cả tinh thần, trí tuệ và kiến thức cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, như đồng chí Nguyễn Khánh Toàn kính mến của chúng ta là điều hiếm. Chúng ta chân thành mong đồng chí tiếp tục thọ lâu hơn nữa, luôn luôn mạnh khỏe, lạc quan, luôn luôn là một trong số những người chiến sĩ đi đầu trên mặt trận khoa học, cổ vũ và khích lệ chúng ta bằng cuộc đời phong phú của đồng

chí, bằng sư trung thành với sư nghiệp của Đảng và nhân dân và bằng tấm gương miệt mài lao động của đồng chí

Người sinh viên Trường Cao đẳng Sư pham Đông Dương Nguyễn Khánh Toàn đã sớm giác ngộ về con đường đấu tranh giành độc lập tư do mà Đảng ta đã chỉ ra cho thế hệ thanh niên những năm 20-30, vừa rời ghế nhà trường (và cả ngay từ khi còn đi hoc) đã tham gia các hoat đông chính trị, xã hội, viết văn, viết báo lên án chế đô thuộc địa và bon tay sai bản xứ của thực dân Pháp ở nước ta Bị đế quốc truy nã, bắt bớ, đồng chí vẫn không hề nhut chí, tiếp tuc đấu tranh dưới sư lãnh đao của Đảng Và từ đây, từ cuối những năm 20 bắt đầu một chăng đường hoat đông mới của đồng chí trên khắp đất Pháp mà ở đó đồng chí đã được gặp Bác Hồ kính yêu, được Bác dìu dắt, bồi dưỡng ngay từ ngày đó Hoat đông cách mang đã đưa đồng chí Nguyễn Khánh Toàn tới Liên Xô - Tổ quốc của Lênin vĩ đai và quê hương của Cách mang tháng Mười vĩ đai, ở đó đồng chí đã có điều kiên nghiên cứu sâu thêm lý luân của chủ nghĩa Mác-Lênin, bồi bổ thêm kiến thức khoa hoc Cũng nhiêm vu của Đảng đã phái đồng chí Nguyễn Khánh Toàn tới Trung Quốc trong những ngày cách mang nước này đang ở thời kỳ gay go gian khổ, rồi từ Trung Quốc, theo chỉ thi của Đảng, đồng chí đã trở về Tổ quốc năm 1946, ít lâu sau Cách mang tháng Tám

Suốt trong 40 năm qua, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã được Đảng và Nhà nước ta trao cho nhiều chức vu lãnh đao quan trong trong các cơ quan giáo duc, văn hóa, khoa hoc, đồng chí đã được bầu làm Ủy viên dư khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 3 (1960-1976) Trong lĩnh vực giáo duc, với tư cách là người lãnh đao ngành và nhà lý luân, đồng chí đã có nhiều cống hiến đối với việc xây dưng ngành giáo duc phổ thông về lý luân và về tổ chức, và đã đóng góp cho ngành một khối lương không nhỏ công trình, tác phẩm bàn về công tác giáo duc

Trong lĩnh vực tổ chức khoa hoc và nghiên cứu khoa hoc, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đều có nhiều công lao và đóng góp quý báu Ở cương vi Phó Chủ nhiêm Ủy ban Khoa hoc

Nhà nước và đặc biệt là trong 15 năm làm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, trong điều kiện gay go gian khổ của cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân do đế quốc Mỹ gây ra với miền Bắc nước ta, đồng chí đã đề xuất nhiều chủ trương đúng đắn về tổ chức các viện nghiên cứu khoa học, kiến lập một số viện mới, đẩy mạnh việc triển khai các đề tài khoa học phục vụ nhiệm vụ cách mạng của Đảng, từng bước xây dựng nên đội ngũ cán bộ khoa học xã hội của Ủy ban chúng ta hôm nay

Tất nhiên, trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, chúng ta còn phải cố gắng rất nhiều trong việc củng cố và kiện toàn tổ chức khoa học, bổ sung các phương hướng và đề tài nghiên cứu, đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ, song những cơ sở và tiềm năng khoa học mà đồng chí Nguyễn Khánh Toàn và tập thể Ủy ban đã xây dựng nên là cái vốn rất quý, rất cơ bản, để với cái đó, chúng ta tiếp tục đi lên, tiến bước xa hơn

Là một nhà hoạt động lâu năm của Đảng, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã góp phần xứng đáng vào việc thực hiện sự đoàn kết và hợp tác quốc tế theo quan điểm chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trên những cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc Văn hóa với nước ngoài, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Xô và nhiều cương vị khác. Đồng chí đã làm hết sức mình để vun đắp tình hữu nghị Việt - Xô và tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Đặc biệt, đồng chí đã góp một phần quan trọng trong việc triển khai hợp tác khoa học giữa các nhà khoa học xã hội nước ta với các nhà khoa học Liên Xô và các nước anh em, đưa tới nhiều kết quả cụ thể trong công tác đào tạo cán bộ cũng như trong việc hợp tác nghiên cứu và biên soạn công trình khoa học.

Với tư cách là nhà khoa học mácxít, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn là một trong mấy "Giáo sư Đỏ" đầu tiên của Việt Nam từ những năm 30. Đồng chí đã được bầu làm Viện sĩ nước ngoài của hai Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và Cộng hòa dân chủ Đức. Đồng chí đã chủ trì nhiều công trình

nghiên cứu sử học, văn học quan trọng của nước ta, là tác giả của nhiều bài nghiên cứu đăng trên hàng chục tạp chí khoa học thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau ở trong nước và nước ngoài. Tất cả những công trình, bài viết của đồng chí đều thể hiện nhất quán quan điểm của Đảng, lập trường mácxít - lêninnít trong nghiên cứu khoa học, bảo vệ và đề cao chủ nghĩa Mác - Lênin trong cuộc đấu tranh chống các quan điểm và tư tưởng tư sản, sôvanh, cơ hội chủ nghĩa, v.v. trên bình diện lý luận và trong nghiên cứu khoa học. Như một anh em trong chúng ta đã làm thơ chúc mừng đồng chí nhân dịp đồng chí được Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh cao quý, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn thật đúng là:

"Khoa học đi đầu,
Báo chí, văn chương, sử, triết toàn năng
Hơn nửa thế kỷ xông pha,
Kiên tướng múa gươm giữa rừng lý luận."

Điều chúng ta cần học hỏi ở đồng chí Nguyễn Khánh Toàn là tấm gương của một nhà khoa học thật sự lấy việc nghiên cứu khoa học làm niềm say mê, làm lẽ sống, niềm vui, làm sự nghiệp của cả cuộc đời.

Thưa anh Toàn kính mến,

Chúng tôi rất vui mừng hôm nay có dịp được chia vui và chúc mừng ngày anh lên lão tám mươi.

Xin cảm ơn anh về những nỗ lực anh đã làm để xây dựng Ủy ban chúng ta. Cùng với tập thể lãnh đạo của Ủy ban và anh chị em cán bộ nhân viên ở Ủy ban đang đoàn kết phấn khởi tiến bước trong sự chuyển biến mới mạnh mẽ của xã hội ta dưới ánh sáng đường lối, quan điểm của Đảng, tôi sẽ xin tiếp tục công việc của anh bằng những cố gắng cao nhất, quyết phấn đấu làm cho Ủy ban chúng ta có thêm nhiều thành tựu mới trong nghiên cứu khoa học.

Xin kính chúc anh và chị bách niên giai lão!

Xin cảm ơn tất cả các đồng chí và các bạn có mặt trong buổi họp thân mật này./.

BÀI PHÁT BIỂU TẠI LỄ KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH GIÁO SƯ - VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN (01-8-1905 – 01-8-2005)

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Uy viên Trung ương Đảng
Chu tich Viện Khoa hoc xã hôi Viêt Nam

Kính thưa các vi đai biểu,

Thưa các đồng chi va cac ban

Hôm nay, chúng ta hop mãt tai đây long trong kỷ niêm 100 năm ngày sinh Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, nhà hoat đông cách mang trung kiên, nhà khoa hoc uyên thâm, nhà văn hóa và giáo duc lớn, nguyên Chu nhiêm Uy ban Khoa hoc xã hôi Viêt Nam (nay là Viên Khoa hoc xã hôi Viêt Nam)

Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn sinh ngày 1 tháng 8 năm 1905 tai quê me là thành phố Vinh, Nghê An Nguyên quán của ông là làng Thanh Lương, huyên Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

Năm 1921, ông hoc tai trường Quốc hoc Huế Năm 1925, đang hoc năm cuối trường Cao đẳng Sư pham Hà Nôi, vì tham gia tích cực phong trào yêu nước đòi thực dân Pháp tha Phan Bôi Châu, ông bi đuổi hoc Ông vào Sài Gòn viết báo, sáng lập tờ báo *Le Nha quê* đăng nhiều bài chống Pháp nên bi chúng bắt giam nửa năm Năm 1927, ông bi đưa ra xử với môt năm án treo Ngay sau đó, ông làm chủ bút tờ báo *Le Annam*, công khai tuyên truyền cho chủ nghĩa công sản Vì vây, ông lai bi chính quyền thực dân bắt và bi xử hai năm tù án

treo, đến năm 1928, thì được tha tự do Ra tù ông sang Pháp học (1928) và tích cực hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước Ông được Đảng Công sản Pháp giới thiệu sang Liên Xô học tại Trường Đại học Công sản dành cho những người công sản Phương Đông Học ở đây không đầy một năm, ông được Phương Đông bổ Quốc tế Công sản chuyển lên Ban Nghiên cứu sinh của Viện Nghiên cứu khoa học các vấn đề dân tộc và thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành Quốc tế Công sản Ông được kết nạp vào Đảng Công sản năm 1931 Cương vị của ông trong Quốc tế Công sản là Phó ban Đông Dương Ông tham gia giảng dạy, viết nhiều bài báo đăng trên các báo và tạp chí của Quốc tế Công sản, tham gia dịch tài liệu của Quốc tế Công sản và sách của Lênin ra tiếng Việt, đấu tranh đòi thực dân Pháp ở Đông Dương không được xử tử những người tù chính trị Việt Nam ở Côn Đảo

Năm 1939, ông đến Khu giải phóng ở Diên An (Trung Quốc) tham gia giảng dạy Nga văn và lịch sử cách mạng thế giới cho các cán bộ của Đảng Công sản Trung Quốc

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông về nước hoạt động, làm Thứ trưởng và là Bí thư Đảng đoàn Bộ Giáo dục cho đến năm 1960 và đã có nhiều cống hiến to lớn cho ngành giáo dục

Từ năm 1961 đến năm 1965, ông là Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học Nhà nước và từ năm 1965, ông được giao làm Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam

Trong quá trình công tác, ông còn đảm đương nhiều cương vị khác, như Chủ nhiệm Uỷ ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Xô, Chủ tịch Hội Sử học Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn hóa dân gian Việt Nam, đại biểu Quốc hội khóa II và III

Do những công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng, Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều huân chương, huy chương và chức danh

cao quý, như Huân chương Kháng chiến chống Pháp hang Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hang Nhất, Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiêu 50 năm tuổi Đáng, Giải thưởng Hồ Chí Minh

Ông còn đươc môt số nước tăng các huân chương và huy chương cao quý và đươc bầu làm Viện sĩ nước ngoài Viên Hàn lâm Khoa hoc Liên Xô và Viên sĩ nước ngoài Viên Hàn lâm Khoa hoc Công hòa Dân chủ Đức

Kính thưa các vi đai biêu!

Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã tham gia các hoat đông yêu nước từ rất sơm, và đươc giác ngô cách mang từ những tác phẩm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đươc bí mât đưa vào Viêt Nam luc ấy, như *Bản án chê đô thực dân Pháp* và tờ báo *Người cung khổ* Ông đã đi theo con đường mà Nguyễn Ái Quốc là người mở đường Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa công sản

Trong thời gian hoc tâp và công tác tai Liên Xô, ông đã đươc đào tao môt cách cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, đươc gần gũi Nguyễn Ai Quôc và đươc Người bồi đưỡng, dìu dắt và trở thành môt trong những hoc trò ưu tú của Người Nhiều tác phâm do Giao sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn viết đã chứng tỏ ông có sư hiêu biết sâu sắc về cuôc đời hoat đông cách mang, về tư tưởng và đao đức của Chủ tich Hồ Chí Minh Chính vì vây mà năm 1969 ngay sau khi Chủ tich Hô Chí Minh qua đời, trong *Dự thảo về phương hướng nghiên cứu khoa hoc xã hội* trình Trung ương Đáng, Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã đề nghi cần xúc tiến nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, xem đó là cơ sơ cho sư phát triên lý luân Mác - Lênin và đường lối cho cách mang Viêt Nam

Trong cuôc đời hoat đông cách mang của mình, Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn luôn có sư kết hơp nhuần nhuyễn các yếu tố khoa hoc và cách mang Trong công tác đào tao, ông là môt "Giáo sư Đỏ" ngay từ khi ở Mátxcơva

(Liên Xô) sau đó là ở Diên An (Trung Quốc) và khi về nước công tác Ông được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho trong trách là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của ngành giáo dục, ông đã là người thiết kế đồng thời tích cực chỉ đạo và thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất với các phương châm học đi đôi với hành, nâng cao trình độ văn hóa kết hợp với lao động sản xuất, đẩy mạnh phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, dùng tiếng Việt để giảng dạy ở tất cả các bậc học Trong cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1960, ông lại là người thiết kế chính và tích cực thực hiện cuộc cải cách này

Khi được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ lãnh đạo Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam), Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã tích cực xây dựng Uỷ ban ngày càng vững mạnh, trở thành trung tâm lớn nhất nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn của cả nước Ông đã tập hợp được một đội ngũ đông đảo các trí thức hàng đầu của cả nước về khoa học xã hội và nhân văn như Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Nguyễn Đổng Chi, Nguyễn Ngọc Minh, Phạm Huy Thông, Trần Văn Giàu và nhiều nhà khoa học khác Với uy tín và tầm nhìn xa của mình, ông đã cùng với các đồng chí lãnh đạo nhanh chóng xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, vững vàng về chính trị của Uỷ ban Khoa học xã hội và các viện trực thuộc, củng cố các viện đã có, xây dựng thêm các viện mới, đẩy mạnh công tác nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, đề ra và tích cực thực hiện nhiều đề án khoa học phục vụ nhiệm vụ cách mạng do Đảng và Nhà nước giao phó

Là một nhà nghiên cứu uyên thâm, một nhà bác học với kiến thức vừa bao quát vừa sâu sắc trong các lĩnh vực như sử học, triết học, ngôn ngữ học, văn học, dân tộc học, văn hóa học, trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Giáo sư,

Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã để lại nhiều tác phẩm khoa học xã hội có giá trị. Năm 1999 Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia đã tập hợp xuất bản *Tuyển tập Khoa học xã hội và Nhân văn* của ông. Ngoài ra, nhiều công trình của ông được xuất bản riêng, trong đó có cuốn *Vài nhận xét về thời kỳ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long* và hai tập của bộ sách *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản* là những công trình được tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh*.

Kính thưa các vị đại biểu!

Có thể nói cuộc đời hoạt động của Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn thật phong phú, đa dạng. Là một nhà cách mạng lão thành, một nhà lãnh đạo sắc sảo, nhạy bén với nhiệm vụ chính trị của đất nước, một nhà khoa học uyên bác, ông đã có nhiều đóng góp to lớn trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học xã hội và nhân văn. Là người đứng đầu Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam trong gần 20 năm (từ năm 1956 đến năm 1982), ông đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển cơ quan ngày càng lớn mạnh. Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, ôn lại cuộc đời hoạt động và những đóng góp của ông với lòng biết ơn sâu sắc, chúng ta nguyện noi theo tinh thần cách mạng, tấm gương lao động miệt mài và có hiệu quả của ông nhằm đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa trong công tác nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

Xin cảm ơn các vị đại biểu, các đồng chí và các bạn.

THƯ CHÚC MỪNG GIÁO SƯ ,VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN 80 TUỔI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

VIỆN MÁC - LÊNIN

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 1985

Kính gửi Anh Nguyễn Khánh Toàn

Thưa anh.

Năm nay Ủy ban Khoa học xã hội tổ chức lễ mừng thọ anh 80 tuổi. Tôi vẫn định đến chúc mừng anh và tham dự vui chung Đối với tôi anh chẳng những là một đồng chí lão thành đi trước dìu dắt trong hoạt động khoa học mà tôi còn ghi nhớ mãi anh là một trong các đồng chí đã dạy dỗ tôi trong những năm đầu của cuộc đời hoạt động cách mạng

Nhưng hiện nay tôi đang phải cùng với anh em chuẩn bị cho chương trình nghiên cứu để kịp trình bày với anh Tô, chưa xong nên tôi không về được Vì vậy xin nhờ anh Vũ Khiêu chuyển thư này thay mặt để chúc mừng anh nhân dịp anh được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và mừng thọ anh 80 tuổi Xin chúc anh sống lâu để tiếp tục cống hiến nhiều cho khoa học, cho cách mạng và dìu dắt chúng tôi

Kính thư

Nguyễn Vịnh

Viện Trưởng Viện Mác - Lênin

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG THỂ NÀO QUÊN*

Đào Ngọc Bích

Kính thưa

Trước tiên tôi xin thay mặt gia đình cảm ơn Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Duy Quý - Ủy viên Trung ương Đảng - Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia và Ban Tổ chức đã tạo điều kiện nhân ngày sinh thứ 90 (1905-1995) của Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, người ban đời yêu quý của tôi, để những công sư và ban hữu thân thiết được gặp mặt và ôn lại những kỷ niệm về Anh

Sinh thời mỗi dịp sinh nhật tới lại là dịp anh Toàn nhìn lại năm qua mình đã làm được gì và sẽ còn phải làm những gì trong năm tới và cả nhiều năm tới Người ta thường nói "Trẻ trồng na, già trồng chuối" Vậy mà càng những sinh nhật cuối đời tôi càng cảm nhân rõ hơn những tâm sư toan tính, dư định lâu dài với sư kiên nhẫn và lạc quan của một người trồng na Trong sư nghiệp giáo dục và khoa học mà anh đã gắn bó suốt đời

Qua bao năm tháng gần gũi và giúp việc cho Anh, có nhiều vấn đề, nhiều luận điểm khoa học Anh nêu ra vượt quá tầm hiểu biết của tôi, nhưng có một điểm tôi luôn cảm nhân được rõ ràng

- Anh là một nhà hoạt đông cách mạng trung kiên từ những năm còn ngồi trong ghế nhà trường

- Một học trò ưu tú của Bác Hồ

---

* Do Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn tổ chức

- Giáo dục và khoa học là để phục vụ nhân dân, phục vụ con người

Tôi còn nhớ hồi năm 1981, khi được hỏi ý kiến đóng góp cho Đại hội Đảng lần thứ V, Anh đã viết bài nêu những suy nghĩ của mình về chủ trương xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững về quân sự, một trung tâm văn hóa du lịch với chỗ dựa là quần thể Vịnh Hạ Long Mọi việc ngày nay, đang chuyển biến ở tỉnh Quảng Ninh đã từ nó xác nhận cho ý kiến và nhận định của Anh là đúng đắn Cách đây 3 tháng khi nghe tin UNESCO công nhận Vịnh Hạ Long là di sản văn hóa thế giới, tôi rơm rớm nước mắt, Anh sẽ mừng biết bao nếu còn được chứng kiến sự kiện này

Trong thời kỳ chiến tranh phá hoại, khoảng đầu thập kỷ 70, Anh chủ trương thành lập một số viện mới trực thuộc Ủy ban Khoa học trong đó có Viện Đông Nam Á Khi đó còn đa số ý kiến chưa thống nhất, mặc dù vậy Anh đã cương quyết thực hiện ý đồ của mình với một quyết tâm cao và một nghị lực mà người ta thường thấy ở những nhà khoa học chân chính Chừng như muốn gạt bỏ lo nghĩ của tôi về nỗi Anh phải quá vất vả Anh tâm sự "Mình còn sức khỏe, còn có trách nhiệm không chỉ với hiện tại mà còn với tương lai đừng lo" Sau này, càng gần đây được xem các bài báo của các chuyên viên về Đông Nam Á và ASEAN về việc chuẩn bị để Việt Nam thành thành viên[1] chính thức của ASEAN, tôi càng nhớ, càng thương Anh ngày ấy vì tinh thần trách nhiệm phục vụ sự nghiệp cách mạng khoa học một cách tận tình sáng tạo hết mình và càng khâm phục Anh thêm tầm nhìn xa trông rộng

1 Ngày 28 - 7 - 1995, Thông tấn xã Việt Nam đưa tin Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN

Từ đâu những năm 60 anh đã viết sách[1] và nhiều bài báo đề cập đến vấn đề giao dục và viết sách cho thiếu nhi Phải có sách xuất bản dành cho các em thiếu nhi và phải đưa được sách đến tận tay các em, Anh đề xuất chủ trương đào tạo đội ngũ người viết sách cho các em và xây dựng thư viện, nhà văn hóa thiếu nhi đến tận phường, xã bằng cách vận đông nhân dân xây dựng tủ sách, câu lac bô đoc sách chứ không chỉ đợi có ngân sách nhà nước mới làm Trong khi chờ đợi những sách cua mình sáng tác càng nhiều với nhiều đề tài phong phú có chất lương cao, chúng ta hãy dịch những chuyên cổ tích cua tất ca những nước trên thế giới không phân biệt tôn giáo, màu da. thê chế chính trị Ngày đó sau một chuyến đi công tác ở Pháp về, Anh trao cho tôi cuốn chuyên Don Quichotte và nói "Anh mua sách này bằng tiền tiết kiệm công tác phí, Anh muốn em cùng góp sức xây dựng tủ sách giới thiêu di sản văn hóa thế giới cho thiếu nhi" Sau này chuyên cổ tích cua hầu như khắp các nước trên thê giới đã có mặt trên thị trường làm phong phú thêm cho các đầu sách đoc cua thiếu nhi do Nhà xuất bản Kim Đồng biên dịch va xuất bản

Và tôi còn nhớ rõ một kỷ niệm khi tôi còn là giáo viên sinh hóa ở trường cấp II Vân Hồ Đó là năm 1961, Anh Toàn đi thăm Ghinê, Mali, Marốc, Tuynidi và một số nước châu Phi mới giành được độc lập để trao đổi và ký kết văn hóa giáo dục trong đó có kinh nghiệm giảng dạy tiếng mẹ đẻ của Việt Nam từ bậc phổ thông cơ sở đến đại học Khi vừa bước vào nhà Anh đã lục vali trao ngay cho tôi một chiếc hộp được gói cẩn thận va một hộp nhỏ có trô mấy lỗ thông hơi Mở ra thì, đó là một chiếc kính hiển vi rất tốt cho công tác giang dạy và một con rùa Con rùa Anh đã mang từ sa mạc Sahara, tôi thật xúc động vì món quà

1 Cuốn sách *Một số vấn đề công tác giáo dục và viết sách cho thiếu nhi* (nhân cuộc cải cách giáo dục lần thứ III sắp tới) Nxb Giáo dục Hà Nội 1965

đó, tôi cảm thấy Anh mong muốn thông qua tôi để gửi một thông điệp quan trọng là "Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền thực tiễn" đến các nhà giáo và các em học sinh trong sự nghiệp trồng người của Bác Hồ. Đối với tôi, một giáo viên sinh hóa thì món quà đó thật vô giá.

Đến bây giờ trong những dịp giỗ tết hoặc những ngày lễ lớn được gặp lại các em trong "Đoàn thiếu nhi nghệ thuật" do Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước tổ chức đào tạo và Anh là cha đỡ đầu thời đầu kháng chiến chống Pháp khoảng năm 1947 ở Chiến khu Việt Bắc lúc bấy giờ gọi là khu ATK. Những em Vĩnh Cát, Vĩnh Long, Cẩm Bích, Cẩm Trong, Mông Lân, Lô Thanh v v... nhiều em đã thành đạt, tóc đã điểm sương vẫn gọi tôi là "má" một cách yêu thương. Đó là tình yêu và sự kính trọng đối với Anh Toàn mà tôi có hạnh phúc được chia sẻ.

Ôn lại một vài kỷ niệm về Anh với các bạn chiến đấu và đồng sự trong khoa học và giáo dục, tôi muốn thay mặt Anh, thay mặt gia đình trân trọng cảm ơn các đồng chí, các bạn đã đến đây dự buổi gặp mặt thân mật này, trân trọng cám ơn các đồng chí, các bạn đang tiếp tục những ước mơ, hoài bão, dự định còn ấp ủ trong Anh.

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 1995

ĐÀO TẠO NHỮNG CÁN BỘ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRÊN ĐẤT XÔVIẾT*

A. Sôcôlốp
Viên Phương Đông học,
Viên Hàn lâm Khoa học Nga

Những người cách mạng trẻ tuổi Việt Nam theo học ở các trường cao đẳng công sản Liên Xô trong những năm 1920 - 1930 góp phần tăng cương số can bô cách mang cho Việt Nam sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những cống hiến trong việc đào tao ở Liên Xô những cán bô chính trị Việt Nam

Bài viết dưới đây gơi lai không khí những ngay sôi nổi cách đây hơn 70 năm trên đất nước Xôviết

Những cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa những người yêu nước Việt Nam và đai diên Liên Xô đã diễn ra vào năm 1920, và người đề xướng là Phan Bôi Châu Nhằm tìm đường cứu nước khỏi chủ nghĩa thưc dân Pháp, Phan Bôi Châu rất muốn tìm hiêu cách mang Nga và những sư kiên xảy ra ở nước Nga Xôviết

Theo hồi ký của Phan Bôi Châu, cuộc gặp này đã diễn ra vào tháng 11, 12 năm 1920 tai Bắc Kinh Phía Liên Xô có mặt G N Vôitinxki, đai diên Quốc tế và Giáo sư X A Pôlêvôi Hai bên trao đổi ý kiến về việc cử sinh viên Việt Nam đi học ở nước Nga

Ba năm sau, năm 1923, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến Mátxcơva Người đã nghiên cứu kỹ lưỡng những vấn đề và hê

---

* *Nhân dân hang thang*, số 16, thang 8 - 1998

thống giáo duc ở Liên Xô, trao đôi ý kiến với đai diên những cơ quan khác nhau, viết bài cho báo chí, tham gia các đai hôi và hôi nghi quốc tế nhằm thu hút sư chú ý của dư luân đối với tình hình ở các thuộc đia, và tìm khả năng cử người Việt Nam sang Mátxcơva hoc tâp

Theo tư liêu lưu trữ cua Quốc tế Công sản, những người Việt Nam đầu tiên lai từ Pháp đến Mátxcơva hoc tâp là cuối năm 1925 Đó là Phônsơn (tức Nguyễn Thế Rue), Taphihen (tức Nguyễn Thế Vinh) và Lanô (tên thât chưa phát hiên đươc) Nhóm thứ hai đến Liên Xô vào tháng 10-1926, là Minkhan (tức Nguyễn Văn Xích), Lêman (tức Ngô Đức Trì),v v.

Trong những năm tiếp sau số lương sinh viên Việt Nam đã tăng lên vào năm 1927 - bảy người, năm 1928 - chin người; năm 1929 - bảy người Phần lớn sinh viên Việt Nam từ bên Pháp đến, qua đường Ủy ban thuộc đia Đảng Công sản Pháp, còn lai từ Đông Dương đến (qua Trung Quốc)

Từ năm 1925 đến 1938, sinh viên Việt Nam hoc tâp trong Trường đai hoc Tổng hợp công sản dành cho những người lao đông phương Đông, Viên nghiên cứu Những vấn đề dân tôc và thuộc đia và Trường quốc tế Lênin Số lương sinh viên Việt Nam hoc tâp trong ba trường cao đẳng công sản này khoảng 60 người Đa số ho theo hoc trong Trường đai hoc Tổng hợp công sản, bởi vì ngay cả những người có trình đô hoc vấn sơ đẳng cũng có thể hoc tai đó

Quốc tế Công sản chỉ đao trực tiếp ba trường cao đẳng công san này nhằm đào tao và giáo duc những cán bô quốc tế vô sản, giúp thành lâp và củng cố những Đảng Công sản kiểu mới

Ở Mátxcơva, sinh viên Việt Nam thời đó được Chính phủ Liên Xô đài tho toàn bô

Sinh viên Việt Nam đến Liên Xô lă những người nông dân và cả những người trí thức biết nhiều ngoai ngữ Ho hoc

tập qua tiếng Pháp (với sự giúp đỡ của người phiên dịch) Một số môn học được dạy bằng tiếng Nga Ngoài các chương trình học ngoại ngữ, học lịch sử cách mạng Nga, lịch sử Quốc tế Cộng sản, triết học, chính trị kinh tế học, học thuyết Lênin, công tác xây dựng Đảng Người ta rất chu trong công tác hoạt động bí mật Suốt thời gian học tập ở Liên Xô, các sinh viên Việt Nam đều được đặt bí danh thay tên thật Chẳng hạn Lê Hồng Phong là Litvinốp, Nguyễn Khánh Toàn là Minin, Trần Văn Giàu là Hồ Nam, v v

Giảng viên là những cán bộ giảng dạy ưu tú của Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Công đoàn Một số giảng viên thời ấy được sinh viên Việt Nam biết nhiều là bà V la Vaxiliêva. Trưởng phòng Đông Dương và Xiêm trong Viện nghiên cứu Những vấn đề dân tộc và thuộc địa dạy về công tác xây dựng Đảng và những vấn đề Đông Dương Bà cũng nhận nhiệm vụ chăm sóc lớp sinh viên Việt Nam trong Trường Đại học Tổng hợp công sản Chị A L Radumôva dạy môn học về công tác Đảng, công tác quần chúng Đảng viên cộng sản Italia Edmôndô Pêludô dạy lịch sử cận đại và lịch sử Quốc tế Cộng sản Nhà sử học phương Đông nổi tiếng A A Gube dạy một số giáo trình chuyên môn cho sinh viên Việt Nam Bản thân một số cán bộ Việt Nam cũng tham gia dạy một số môn học Hồ Chí Minh dạy về Đông Dương học, Nguyễn Khanh Toàn dạy chính trị kinh tế học, v v

Sinh viên Việt Nam ngoài giờ lên lớp, còn thực tập lao động tại các nhà máy ở Mátxcơva, viết bài cho các tờ báo và tạp chí cộng sản Đông Dương và Pháp, dịch tài liệu, sách báo cách mạng ra tiếng Việt để gửi về phổ biến ở trong nước

Có ba người Việt Nam là nghiên cứu sinh Nguyễn Khánh Toàn viết luận án phó tiến sĩ về đề tài *Chiến tranh nông dân ở Đông Dương vào thế kỷ XVIII Khởi nghĩa Tây Sơn* Ông cũng có công soạn ra sách giáo khoa *Tiếng Việt thực*

hành đầu tiên ở Liên Xô Lê Hồng Phong viết luận án phó tiến sĩ, nhưng không kịp hoàn thành vì phải trở về nước do cách mạng yêu cầu. Đến nay, trong kho lưu trữ Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, người ta vẫn giữ bản viết tay đầu tiên vào năm 1931 của công trình khoa học này là *Tình hình kinh tế và chính trị ở Đông Dương* của Lê Hồng Phong Vào tháng 1-1937, Nguyễn Ái Quốc cũng theo học với tư cách nghiên cứu sinh Theo một số tài liệu, Nguyễn Ái Quốc dự định viết luận án về đề tài *Cách mạng nông nghiệp trong các nước Đông Nam Á*, song vào cuối năm 1938, Người phải rời Liên Xô trên đường tiến dần về Tổ quốc để chỉ đạo phong trào cách mạng

Theo phân công của tổ chức, một số người sau khi ra trường đã về nước hoạt động, một số vẫn tiếp tục sống, học tập ở Liên Xô, họ tham gia chiến đấu chống phát xít và bảo vệ thủ đô Mátxcơva vào mùa đông năm 1941 - 1942 với tư cách là bộ đội của Lữ đoàn bộ binh quốc tế đặc biệt

MỘT NHÀ VĂN HÓA LỚN

GS. Vũ Khiêu

Tôi được may mắn quen biết anh Toàn, cách đây gần 50 năm. Từ đó cho đến lúc Anh qua đời, tôi lại luôn luôn có điều kiện gần gũi Anh, không chỉ trong thời gian tôi được công tác với Anh trong việc điều hành Ủy ban Khoa học xã hội mà còn trước đó từ lâu. Qua một thời gian gần nửa thế kỷ ấy, anh đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc và những ấn tượng không bao giờ phai. Tôi chỉ xin nêu lên ở đây một đôi điều đáng ghi nhận.

1. Một Giáo sư đỏ

Người ta gọi Anh như thế, từ ngày Anh được Đảng cử đến giảng ở lớp lý luận chính trị, tổ chức năm 1946 tại Hà Đông, cho nhiều cán bộ cốt cán ở các tỉnh miền Bắc. Học sinh ra về lan truyền đi khắp nơi những lời khâm phục về sự uyên bác và sắc sảo của một giáo sư đỏ, một trí thức lỗi lạc của Đảng đã đem lại cho anh chị em những kiến thức sơ đẳng và khái quát về học thuyết Mác - Lênin, tăng thêm niềm tin tưởng của anh chị em vào con đường cách mạng của Đảng và Bác Hồ.

Từ năm 1947 trở đi, Anh có nhiều dịp qua lại đất Phú Thọ, thuộc liên khu 10, một trung tâm tập hợp nhiều trí thức và văn nghệ sĩ yêu nước. Lúc đó ngoài nhiệm vụ làm Giám đốc Thông tin tuyên truyền, tôi được Khu ủy giao phụ trách công tác trí thức vận. Ban Văn hóa của Khu ủy và Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác. Tôi biết ơn anh Toàn đã sẵn sàng giúp đỡ tôi, điều hành nhiều cuộc hội thảo về lý luận Mác - Lênin và nói truyện nhiều buổi về văn hóa văn nghệ. Với tài hùng biện và trình độ uyên bác,

anh trả lời mọi câu hỏi được nêu lên và luôn luôn chinh phục lòng người

Lúc đó anh thương ở Đào Giã, cách Thanh Cù (Phú Thọ) 3 cây số, tại nhà cụ Đào Đình Quang, nhạc phụ anh, người thân sinh chị Toàn, cũng có mặt hôm nay Cụ Đào Đình Quang là một trí thức yêu nước đồng thời là một Mạnh Thường Quân luôn luôn đón tiếp trong nhà đông đảo trí thức của khu 10 Đó cũng là một thuận lợi để động đảo trí thức có dịp gần gũi anh Toàn và thông qua Anh mà củng cố thêm mềm tin đối với Đảng và sự nghiệp kháng chiến

2 Một ngọn cờ của khoa học xã hội

Ngọn cờ của khoa học xã hội là ngọn cờ của Đảng, ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội Nguyễn Khánh Toàn là người đã giương ngọn cờ ấy trong lĩnh vực hoạt động của mình suốt đời trung thành với ngọn cờ ấy và luôn luôn xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng Chúng ta ngồi đây hôm nay cùng tỏ lòng biết ơn với một trong những người đã đặt những viên gạch đầu tiên cho lâu đài khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam

Không phải Nguyễn Khánh Toàn là người đầu tiên chịu trách nhiệm xây dựng cơ quan khoa học của chúng ta hôm nay Trước hết phải nói đến Trần Huy Liệu, người tổ chức và điều hành Ban Văn - Sử - Địa, tiền thân của các cơ quan khoa học xã hội Và phải nói tới Trần Quang Huy, người Trưởng Ban Khoa học xã hội kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước ngay từ năm 1952, những ngày đầu thành lập những cơ quan nhà nước này Dưới sự chỉ đạo của Chủ nhiệm Trường Chinh, đồng chí Trần Quang Huy lúc đó đã dồn công sức của mình trong việc thành lập các viện như Viện Sử, Viện Văn học, Viện Kinh tế và đặt nền móng cho việc thành lập các Viện Triết học và Luật học sau này Mặc dầu lúc đó anh Nguyễn Khánh Toàn còn làm Thứ trưởng Bộ Giáo dục, chưa phải là người chịu trách nhiệm chính của Ban Khoa học xã hội, nhưng với tư cách là Phó Chủ

nhiệm kiêm nhiệm của Uy ban Khoa học Nhà nước, anh Toàn trong những buổi họp thường kỳ của Ban Khoa học xã hội cũng đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho công việc tổ chức và điều hành chung

Công lao của anh Nguyễn Khánh Toàn nổi bật lên từ ngày Ban Khoa học xã hội tách khỏi Ủy ban Khoa học Nhà nước để thành Viện Khoa học xã hội sau đổi thành Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam Lúc đó, anh Toàn thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Giáo dục để chính thức làm chủ nhiệm cơ quan khoa học xã hội nói trên Đó là năm 1965, năm đánh dấu một bước chuyển biến mới trên con đường xây dựng và phát triển khoa học xã hội Việt Nam Với trọng trách mới của mình, anh Toàn tập trung vào việc lãnh đạo khoa học xã hội cả về tổ chức và học thuật Các bộ môn khoa học xã hội lần lượt được thành lập Những kế hoạch nghiên cứu ngắn hạn và lâu dài được xét duyệt và phân công thực hiện Những công trình quan trọng nhất của Ủy ban đều được anh Toàn chỉ đạo và thường được chính anh dự thảo đề cương biên soạn Đề cương được anh viết rất công phu Có đề cương dài trên dưới 100 trang Sự lãnh đạo chặt chẽ ấy của Anh khiến cho hoạt động khoa học xã hội nhanh chóng đi vào nền nếp Lúc ấy vào tuổi 60, với trình độ hiểu biết phong phú, với sức làm việc đang dồi dào, anh tham gia những công trình quan trọng của các khối Sử học, Văn học, Triết học và nghiên cứu thế giới Tôi nghĩ rằng sẽ không quá đáng nếu nói Anh chính là linh hồn của khoa học xã hội ở thời gian đó

Từ thuở ngài hai mươi tuổi cho đến lúc qua đời Nguyễn Khánh Toàn luôn luôn là một cây bút dồi dào và sắc sảo, đề cập đến mọi vấn đề của cuộc sống, đi sâu vào mọi lãnh vực của trí tuệ nhân loại

3 Một thái độ văn minh trong quan hệ xã hội hàng ngày

Ai được tiếp xúc với Nguyễn Khánh Toàn, dù người ấy là Việt Nam hay ngoại quốc, đều lập tức thấy ở Anh không chỉ là một nhà bác học mà còn là một trí thức theo nghĩa đầy đủ

từ này Từ quần áo, đi đứng, cử chỉ, nói năng anh luôn luôn biểu lộ những nét đẹp nhất của cá văn minh phương Đông và phương Tây Anh rất ghét sự luồn thuồn cẩu thả trong giao tiếp Anh nhiều lúc buộc phải nói thẳng với cán bộ và cả với những người quen biết của mình khi những người này có những thái độ thiếu lịch sự như quần áo, giày dép không nghiêm túc, đầu không chải, râu không cạo, chân gác lên bàn, đội mũ trong nhà v v Với cử trỉ đàng hoàng và tế nhị, nhiều lúc hài hước một cách rất trí tuệ, anh dễ thu phục cảm tình của bè bạn nước ngoài và do đó cũng dễ dàng trình bày một cách thuyết phục những quan điểm lý luận và chính trị của mình

Là Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và Cộng hòa dân chủ Đức, anh đã tạo những quan hệ tốt đẹp về khoa học xã hội giữa ta và các nước xã hội chủ nghĩa

Nói và viết thông thạo các thứ tiếng Pháp, Nga, Anh, Hoa, anh Toàn nêu một tấm gương sáng cho cán bộ khoa học trong việc học tập ngoại ngữ và sử dụng ngoại ngữ như một điều kiện thiết yếu để mở rộng tầm hiểu biết trong nghiên cứu.

Với những phẩm chất đầy đủ của một người trí thức công sản, Anh là một trung tâm thu hút và đoàn kết những nhà khoa học xã hội có tài năng về làm việc ở cơ quan ta Bên cạnh Anh, ngày ấy và đã cùng anh ra đi phải kể đến Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Cao Xuân Huy, Trần Đức Thảo, Phạm Huy Thông, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Thiên Chiếu, Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều, Vũ Ngọc Phan, Văn Tân, Nguyễn Lương Bích, Đào Văn Tập, Nguyễn Ngọc Mỉnh, Hoài Thanh, Hoàng Trung Đông, Cao Huy Đỉnh. Những bộ mặt quang vinh ấy của khoa học xã hội ngày nay đã không còn nữa Họ đã cùng Nguyễn Khánh Toàn trở thành người thiên cổ Ngày nay nhìn về quá khứ, để kỷ niệm 90 năm ngày sinh Nguyễn Khánh Toàn, chúng ta lại thấy nổi lên bên cạnh Anh, những gương mặt rực rỡ ấy, những người đã cùng với Anh vang bóng một thời, những người đã cùng Anh

để lại cho chúng ta sự nghiệp vẻ vang mà chúng ta đang nối tiếp và phát triển

Hôm nay với tấm lòng kính yêu sâu sắc, chúng ta cùng tưởng nhớ Nguyễn Khánh Toàn như một trong những người sống mãi

NGUYỄN KHÁNH TOÀN, KIẾN TRÚC SƯ NHỮNG THẮNG LỢI TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÁCH MẠNG Ở NƯỚC TA*

GS.TS. Nguyễn Cảnh Toàn

Cách mang tháng Tám thành công, đất nước ta đứng trước vô vàn khó khăn của sư nghiệp giữ nước và dưng nước Phải chống giặc đói, giăc dốt và giăc ngoai xâm Để chống giăc dốt, chúng ta kế thừa đươc cái gì của chế đô cũ? 95% dân số mù chữ, mỗi huyên môt trường tiểu hoc, vài tỉnh chung nhau môt trường cấp hai, cả nước dăm trường cấp ba toàn cấp, cả Đông Dương chung nhau môt trường đai học vài ba trăm sinh viên, phần lớn là Luật và Y Mà nào có yên để lo sư nghiệp giáo duc vì kẻ thù đã sớm trở lai, buôc chúng ta phải kháng chiến Đất nước bi tàn phá, bao vây, chia cắt lâu dài Rõ ràng đó là một bài toán cực kỳ khó khăn cho những ai có trách nhiê đưa nền giáo duc cách mang, từ môt xuất phát điểm như vây, tiến lên nhanh, phuc vu cho kháng chiến và kiến quôc Nguyễn Khánh Toàn sớm đươc Đảng và Chính phủ giao cho trong trách lớn trong viêc giải bài toán nói trên: trong thời gian đầu khoảng mười lăm năm, ông là Bí thư Đảng Đoàn và Thứ trưởng Bô Giáo duc. Cương vi đó cùng với sư uyên bác và trình đô lý luân đã nghiễm nhiên phó thác cho ông trách nhiêm chính trong viêc thiết kế đường đi, nước bước để đưa nền giáo duc cách mang tiến lên và, trong thi công, ông lai là công sư gần gũi nhất của

* Báo *Giao duc va Thoi đai* sô 99, 10 - 12 - 1996

lên và, trong thi công, ông lại là công sư gần gũi nhất của Bô trưởng. Là nhà trí thức cách mang đã từng hoat đông ở nhiều nước, đã rất sớm được gặp Bác Hồ khi ở hải ngoại, ông có điều kiện để vân dung lý luân giáo duc tiến bô của loài người vào thực tiễn Việt Nam, nền giao duc thực dân, phong kiến còm cõi, trở thành một nền giao duc cách mang, sớm được xã hội thừa nhân là một bông hoa của chê đô. Ngày nay, nhìn lại, càng nhìn thấy rõ ông đã vân dung tài tình chu nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn giáo duc Việt Nam. Ông là người thấy rõ đặc điểm của ngành giáo duc, của nghề dạy học, do đó biết vân dung mối quan hệ biên chứng giữa "dễ" và "khó", biết biến "khó" thành "dễ", đồng thời biết lo trước phòng xa cái "dễ" sẽ nay sinh ra cái "khó". Ông cũng thấy rõ những nội lực trong từng người học, trong từng tập thể giáo viên, học sinh trong cả xã hội và cố gắng làm cho giáo duc, tác đông công hướng đến các nội lực đó. Lòng tin vào các nội lực đó cũng chính là lòng tin vào sức dân, quán triệt lời dạy Bác Hồ:

Khó một lần không dân cũng chịu,

Khó trăm lần dân liệu cũng xong.

Dưới đây minh hoa cu thể những điều vừa nói. Trước hết, về mặt lý luận, ông đã viết một số sách về nền giáo duc Việt Nam, trong đó có quyển "*Giáo duc dân chủ mới*", xuất bản năm 1947, để bồi dưỡng cho cán bô, giáo viên trong ngành[1]. Vân dung lý luân giáo duc dân chủ mới vào thực tiễn Việt Nam ông cô gắng thể hiện ra thành sư quán triệt phương châm "dân tộc, khoa học, đại chúng" của Đảng vào trong giáo duc. Nói về dân tộc thì lúc đó mục tiêu lớn nhất là "độc lập dân tộc" và sức mạnh lớn nhất cũng nằm trong hai chữ "dân tộc", tiềm tang trong các truyền thống

1 Nhà xuất bản Giáo duc đã lựa chọn một số bài tiêu biểu, đưa vào tuyển tập *Nền giáo duc Việt Nam – Lý luận và thực hành* xuất bản năm 1991.

"yêu nước, hiếu học, chịu thương, chịu khó" của nhân dân ta. Cho nên, giáo dục phải phục vụ kháng chiến, kiến quốc, và phải tìm nguồn sức mạnh của mình chính ngay trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc đó. Phải kiên quyết chống lại tư tưởng "giáo dục trung lập" và nhiều tư tưởng sai lầm khác mà ít nhiều nhân dân ta trong đó có hàng ngũ trí thức đã bị chế độ cũ làm cho tiêm nhiễm. Định hướng này thể hiện ra rất rõ không chỉ trong nội dung, chương trình mà cả trong tổ chức huy động lực lượng xây dựng giáo dục. Về mặt vật chất của giáo dục, hồi đó, trong một thời gian dài, ta dựa hầu hết vào dân, trường ở trong nhà dân, ở các đình, chùa, một bộ phận khá lớn giáo viên (dân lập) cũng do dân nuôi, các hiệu đoàn học sinh hồi đó hoạt động khá có hiệu quả, làm một cánh tay đắc lực cho nhà trường trong việc tổ chức đoàn kết nội bộ, quan hệ với dân, gắn với nhà trường gắn với cách mạng, với kháng chiến. Giáo dục phải phục vụ cho đông đảo nhân dân lao động mới thể hiện được phương châm "đại chúng". Để phát triển mạnh thì về cơ sở vật chất phải dựa vào dân như trên đã nói, nhưng còn "giáo viên" thì phải giải quyết sao đây? Nếu lúc đó mà cầu toàn, đòi giáo viên phải hơn hẳn học sinh một cái đầu thì có lẽ đành bó tay. Nhưng một đặc điểm của nghề dạy học đã được vận dụng một cách khá thích hợp với tình hình: nghề dạy học là nghề vừa có vẻ dễ, vừa rất khó, cái dễ và cái khó quyện vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau. Xin hiểu như sau: "dễ" có nghĩa là có thể hạ thấp yêu cầu cho ngang với khả năng, là khi thực hiện yêu cầu đã hạ thấp, không đòi hỏi một lao động phức tạp trong đó phải vận dụng những quy luật rắm rối, những kiến thức sâu rộng, những thao tác tinh vi hoặc đòi hỏi những dụng cụ tinh vi, là gặp được những quan hệ về tổ chức, về tâm lý xã hội thuận lợi. "Khó" có nghĩa là yêu cầu cao và khi thực hiện các yêu cầu đó phải vận dụng nhiều quy luật rắm rối, huy động nhiều kiến thức sâu rộng, thành thạo nhiều thao tác tinh vi hoặc đòi hỏi dụng cụ tinh vi, là gặp

phải những quan hệ về tổ chức phức tạp, một tâm lý xã hội không thuận chiều. Trong lĩnh vực giáo dục "khó" và "dễ" có thể cùng tồn tại song song hoặc có thể chuyển hóa lẫn nhau. Ví dụ, muốn có một giáo viên, nếu đòi hỏi cao là "hơn hẳn học sinh một cái đầu" thì "khó", nhưng nếu chịu bằng lòng (và có thể bằng lòng) với "cơm chấm cơm" thì lại "dễ", cái "dễ" ngày hôm nay đã chứa đựng mầm mống của cái "khó" ngày mai và ngược lại cái "khó" ngày hôm nay sẽ tạo cái "dễ" cho về sau, vì như ngày nay thì cứ "dễ dãi" ("nghiêm túc", "chặt chẽ") thì ngày mai sẽ gặt hái những cái "khó" ("thuận lợi") của chất lượng sản phẩm "thấp" ("cao"). Như vậy, trong lĩnh vực giáo viên, có thể thiết kế ra một thang nhiều bậc về mức độ yêu cầu rồi tùy tình hình mà chọn bậc thang khả thi. Chẳng hạn như trong "xóa mù chữ" thì có thể chọn giáo viên ở bậc thang "biết chữ" để đề ra khẩu hiệu có tính chất phong trào 'Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ" nhưng nếu muốn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi thì ngay việc dạy "đọc, viết" cũng đòi hỏi giáo viên được đào tạo, tay nghề càng cao càng tốt. hoặc như đã từng có những thời kỳ ta chọn giáo viên không qua đào tạo sư phạm hoặc đào tạo cấp tốc, ngắn hạn, sử dụng giáo viên dạy ép, dạy kè, "cơm chấm cơm". Những biện pháp tình thế đó đã "dễ hóa" việc cung cấp giáo viên cho một nền giáo dục cách mạng đương bị sức ép rất lớn về số lượng. Nhưng dùng những biện pháp tình thế đó cũng không phải là làm ẩu, làm liều, mà có cơ sở khoa học. Bởi lẽ, đối tượng của giáo dục là con người mà con người thì có sức tự thân vận động. Trong mỗi người, dù còn bé thơ (nếu không bị khuyết tật tâm thần) đều tồn tại khách quan một nội lực gồm các khả năng tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu. Nếu bé thơ sơ ý sờ vào ngọn nến thì, dù chả ai dạy, thì bé cũng hiểu thêm về ngọn nến (nóng) và vận dụng hiểu biết đó (chớ dại mà mó tay vào đó). Bé thơ không thích đồ chơi làm sẵn với cách chơi bày sẵn mà bao giờ cũng muốn sáng tạo. Giáo dục, với tư cách là ngoại lực,

sẽ có hiệu quả cao, nếu tác động công hưởng đến nội lực nói trên. Đó là nội lực trong mỗi người học. Nội lực đó lại được nhân lên bởi nội lực trong từng tập thể từ nhỏ đến lớn như sức mạnh của các hiệu đoàn học sinh thời đó, sức mạnh của cả một xã hội đương đứng lên làm cách mạng, kháng chiến cứu nước. Các nội lực nói trên được khơi dậy đã bù đắp vào chỗ yếu, kém của tổ chức, quản lý giáo dục còn non trẻ, của đội ngũ giáo viên được tuyển nhờ các biện pháp tình thế nói trên. Mà bản thân giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, dưới tác động của những nội lực nói trên, lúc đầu có thể yếu kém, cũng trưởng thành dần, nhiều người đã đạt đến những trình độ rất cao. Như vậy là phương châm "đại chúng" đã được thỏa mãn nhờ phương châm "khoa học". Dĩ nhiên, hồi đó, việc khai thác các nội lực nói trên cũng còn cảm tính và tự phát nhiều. Các nội lực đó tồn tại và phát triển theo những quy luật khách quan, giống như rừng khi chưa có sự can thiệp của con người, vẫn phát triển theo những quy luật của tự nhiên và có ích cho đời, sau này, rất đáng tiếc là, trong giáo dục, khi có sự can thiệp của tổ chức, quản lý thì lại làm trái quy luật, coi dạy chỉ là truyền thụ, học chỉ là tiếp thu thụ động. Không đặt người học vào vị trí chủ thể để ra sức phát huy sức tự thân vận động của họ, gây ra tai hại cũng giống như khi con người phá rừng làm rẫy, những nội lực trên bị ức chế và xuống cấp.

Nguyễn Khánh Toàn cũng ý thức được rằng cái "dễ" ngày hôm nay trong việc giải quyết nhu cầu về số lượng giáo viên chuyển hóa thành nhiều cái "khó" về sau nếu chỉ thả nổi trông chờ ở tác dụng phần lớn còn là tự phát của các nội lực, nên ông cũng rất sớm lo đến việc hình thành dần những mầm mống của việc đào tạo giáo viên một cách chính quy, khá sớm sau ngày 19-12-1946, ông đã xây dựng được ở vùng tự do những trường trung học chuyên khoa, tách ra từ những trường vốn có tại các đô thị lớn, như đã xây dựng lên các trường trung học chuyên khoa kháng chiến

Chu Văn An ở Việt Bắc, Huỳnh Thúc Kháng ở Liên khu 4, tạo nguồn cho đào tạo Đại học trong đó Đại học Y dược khôi phục sớm nhất để phục vụ cho chiến trường (quân Y) rồi đến Đại học Sư phạm đặt trong mối quan hệ tác động qua lại giữa khoa học giáo dục với khoa học cơ bản. Trong hoàn cảnh khó khăn hồi đó, lập cho được một trường trung học chuyên khoa đã khó, lập cho được đại học càng khó khăn gấp bội. Nhưng ông đã tận dụng hết mọi thuận lợi, dù là nhỏ nhất, như dã cho mở lớp toán đại cương (trong đó có bộ phận Sư phạm) ở Nghệ An và ở Việt Bắc dù chỉ có một người dạy (Giáo sư Nguyễn Thúc Hào ở Nghệ An và Giáo sư Nguyễn Kiên ở Việt Bắc), mở Đại học Văn khoa ở Liên khu 4 rồi tổ chức khu học xá trung ương (ở đó có bậc đại học gồm trường Sư phạm cao cấp và trường Khoa học cơ bản). Ngày nay, mỗi lần họp mặt thầy, trò cũ của các trường trên mới thấy hết tầm quan trọng của những quyết tâm mở cho được các trường đó ngày xưa. Ngày nay, hầu hết các vị trí quan trọng trong việc quản lý đất nước, từ chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự đến văn hóa, khoa học, giáo dục, đều do các học sinh, sinh viên cũ của các trường đó nắm.

Nguyễn Khánh Toàn là linh hồn của cải cách giáo dục lần thứ nhất (1950) lần thứ hai (1960). Ông chăm lo sao cho giáo dục luôn luôn tiến kịp với những bước phát triển mới của đất nước, cả về nội dung và cả về tổ chức hệ thống giáo dục. Để đáp ứng được nhu cầu về số lượng, năm 1950 đã có sự chuyển sang hệ thông giáo dục phổ thông 9 năm, tạm thời lùi một bước cho gọn nhẹ, phù hợp với tình hình để dễ phát triển số lượng, bậc trung học chuyên khoa được thay bằng "phổ thông cấp ba" chỉ có hai năm, để rồi sau đó lại tiến lên một bước với hệ 10 năm (cấp 3 có 3 năm) khi hòa bình được lập lại trên miền Bắc. Qua những chủ trương này, ta thấy ông rất mềm dẻo, uyên chuyên, luôn luôn làm sao cho chủ quan phù hợp với khách quan.

Lược qua vài nét như trên, có thể thấy rằng sở dĩ nền giáo dục cách mạng nước ta, với một xuất phát điểm rất thấp đã lớn nhanh như Phù Đổng. Trong vòng hai mươi lăm năm đầy khó khăn gian khổ của chiến tranh, đất nước bị bao vây, chia cắt, đã trưởng thành vững vàng, đầy sức sống, được xã hội tin cậy coi là một bông hoa của chế độ, là nhờ:

1/ Đã biết biến "khó" thành "dễ" nhưng không chủ quan với cái "dễ" mà đã nhìn thấy từ xa những cái "khó" sẽ nảy sinh từ cái "dễ" đó để sớm lo tích cực, chuẩn bị tận dụng mọi thuận lợi nhằm nâng mình lên ngang với tầm phát triển của cách mạng.

2/ Đã làm cho ngoại lực tác động cộng hưởng với các nội lực tiềm ẩn trong từng người học, trong từng tập thể học sinh, giáo viên, trong toàn xã hội.

Chính sự lựa chọn đúng bậc thang yêu cầu (về các mục tiêu giáo dục) đã tạo nên sự khả thi trong từng giai đoạn và sự cộng hưởng nói trên đã giúp chúng ta làm nên sự nghiệp trong những điều kiện khách quan cực kỳ khó khăn. Truyền thống dân tộc và hoàn cảnh lịch sử kết tinh trong đường lối cách mạng và kháng chiến đã chỉ cho chúng ta cách làm như vậy và làm có hiệu quả. Đó là công lao của toàn dân tộc, toàn ngành giáo dục dưới sự lãnh đạo của Đảng mà Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn là người đại diện trong giai đoạn đó. Trách nhiệm trước dân, trước Đảng cộng với sự uyên bác đã khiến cho ông trở thành kiến trúc sư của những thắng lợi nói trên.

MỘT NHÀ HỌC GIẢ XUẤT SẮC, MỘT NHÀ TRIẾT HỌC*

GS. VS. Hoàng Trinh

Công tác ở Viện Văn học, tôi đã có nhiều dịp xúc tiếp với cố Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn. Trước hết là tôi thường đến xin những ý kiến chỉ đạo về công tác của Viện và của Tạp chí Văn học. Cũng có lúc tôi xin những ý kiến về công tác chuyên môn của tôi, về các công trình đang làm.

Những cuộc gặp gỡ lâu năm như vậy, ở Hà Nội, ở các nơi sơ tán trong kháng chiến đã để lại cho tôi những ấn tượng rất sâu sắc về một nhà cách mạng, nhà lãnh đạo và một nhà khoa học.

Ông rất nhiệt tình trong mọi công việc, gần gụi, chan hòa với anh em cấp dưới và thuộc các thế hệ mới. Mỗi lần gặp ông trước hết là ông cho những ý kiến chỉ đạo về những vấn đề của Viện mà tôi đã nêu ra, sau đó là ông chuyện trò thân mật, thoải mái về các vấn đề thời sự trong nước và ngoài nước, bồi dưỡng cho chúng tôi về niềm tin ở thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sau đó là sang các cuộc trao đổi ý kiến về văn hóa, văn học. Ông rất say sưa trong khi truyền thụ những hiểu biết của ông cho chúng tôi và cả trong khi thảo luận rất dân chủ với chúng tôi về những trào lưu văn hóa, về những tác giả, tác phẩm nào đó.

Tôi thấy ông đúng là một nhà khoa học có trình độ uyên bác, một nhà bác học làm vinh dự cho nền khoa học xã

---

* Bài phát biểu tại *Lễ Kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh GS. VS. Nguyễn Khánh Toàn*.

hôi và nhân văn của nước nhà Ngoài môn Sư hoc là môn chuyên môn của ông, ông có những tri thức rất sâu rông về nền văn hóa và văn hoc dân tôc, văn hóa và văn hoc Pháp, Liên Xô, Trung Quốc Ông đã từng phân tích với tôi hết sức tinh tế môt số tác phẩm của Rútxô, Vônterơ, Anphôngxơ Đôđê, Annatôn, Phờrăngxơ, Lép Tônxtôi, Lỗ Tấn, Cù Thu Bach Cho đến nay tôi vẫn giữ những dòng ghi chép các ý kiến của ông về Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, về môt số tác giả cổ điển trên thế giới mà tôi đã hoc dươc rất nhiều

Thỉnh thoảng tôi tò mò muốn đươc biết về quá trình hoat dộng của ông ở nước ngoài ví du hồi ở Pháp, ở Nga, ở Diên An . Nhưng ông rất ít nói về mình mà chủ yếu là nói về sự nghiệp cách mang của Bác Hồ mà ông đã có nhiều dịp gần gui

Môt kỷ niêm không bao giờ quên là có lần tôi đã đươc đi với ông sang Trung Quốc, Liên Xô, và chính trong những dịp ấy, qua những câu chuyên của các ban ở Trung Quốc và Liên Xô nhắc lai về ông, tôi mới hiểu thêm về sư nghiệp cách mang của ông Hồi ấy ông làm Trưởng phái đoàn giáo duc và văn hóa Viêt Nam sang Trung Quốc và Liên Xô ký kết các hiệp đinh hơp tác hàng năm và tôi dươc cử làm thư ký của phái đoàn. Sang Trung Quốc ông nói tiếng Trung Quốc, sang Liên Xô ông nói tiếng Nga và đôi khi cả tiếng Pháp Qua các cuôc hội đàm, bàn bac với ban, qua những chuyến đi thăm các trung tâm văn hóa lớn, các nước cộng hòa ở Liên Xô hồi ấy, tôi rất kinh ngac và đương nhiên là rất khâm phuc trình đô bách khoa của ông, trình đô am hiểu sâu sắc nền văn hóa, văn học của các nước thể hiên qua các cuôc gặp gỡ chính thức hoăc ban bè giữa trưởng phái đoàn là ông và các ban

Kỷ niêm lần thứ 90 ngày sinh của cố Giáo sư Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, là môt dịp để các nhà khoa hoc ngày nay thuôc các thế hê lớp sau, nhớ lai công lao của ông đối với nền khoa hoc nước nhà và công ơn của ông đối với những người được ông dạy dỗ, bồi dưỡng

Riêng đối với cá nhân tôi, khi đi hoạt động ở các nước, trước câu hỏi ông đã từng chịu ảnh hưởng sâu sắc của ai, tôi đã trả lời nhiều lần rất nhiều nhà khoa học nhà thơ, nhà văn, nhưng có Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Khanh Toàn và cô Giáo sư Đặng Thai Mai là những vị thầy trực tiếp của chúng tôi /

HÌNH ẢNH ĐỒNG CHÍ NGUYỄN KHÁNH TOÀN TRONG TÂM KHẢM TÔI*

GS. Bùi Đình Thanh

Tôi có may mắn được làm việc với đồng chí Nguyễn Khánh Toàn trong hơn 30 năm, từ đầu những năm 60

Đối với đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, tôi là kẻ hậu sinh Khi đồng chí bắt đầu cuộc đời hoạt động chính trị (1925) thì tôi mới chào đời Nhưng, cái tên Nguyễn Khánh Toàn đã được ghi lại trong ký ức tôi từ khi 12 tuổi - Lúc đó, tôi là một học sinh lớp Nhất trường tiểu học - Bố tôi là một công chức thời thuộc Pháp, có quen biết anh của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn là ông Nguyễn Khánh Quang Trong một buổi bố tôi tiếp đãi bè bạn, tôi nghe lóm được câu chuyện trong đó ông Nguyễn Khánh Quang nói Nguyễn Khánh Toàn đang ở nước Nga công sản - trí óc ngây thơ của cậu bé 12 tuổi chưa thể hiểu được "ở nước Nga cộng sản" lúc đó có ý nghĩa gì?

Sau Cách mạng tháng Tám, tôi rất thích thú khi đọc những bài viết trên báo Le Peuple thường ký bút danh Mía Mai với giọng văn châm biếm sâu sắc phê phán những tư tưởng và hành động của bọn thực dân Pháp đang lăm le xâm lược nước ta một lần nữa

Hỏi một số bạn học đã sớm giác ngộ cách mạng và tham gia hoạt động Việt Minh từ thời bí mật (đồng chí Nguyễn Chương), tôi mới biết tác giả những bài báo đó là Nguyễn Khánh Toàn

---

* Bài phát biểu tại *Lễ Kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh GS VS Nguyễn Khánh Toàn*

Nhìn lại quá trình gần 40 năm nghiên cứu khoa học, tôi luôn luôn biết ơn những bậc đàn anh đi trước đã hết lòng động viên, giúp đỡ tôi, trước hết là các đồng chí Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn

Năm 1964, tôi có viết một bài nghiên cứu chuẩn bị cho kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và trong một lần làm việc với đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, tôi đã mạnh dạn đưa bài viết để nghị đồng chí cho ý kiến nhận xét. Điều bất ngờ đối với tôi là chỉ sau hai ngày, đồng chí đã trả lại bài với những nhận xét cụ thể, thậm chí đi vào các chi tiết, chỉ ra các nguồn tài liệu bổ sung, đặc biệt nhấn mạnh những quan điểm và tư tưởng cần làm nổi bật trong bài viết. Sau khi nhận xét, đồng chí gợi ý: năm 1965 sẽ là năm kỷ niệm 20 năm Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là một cái mốc lớn, nên có một quyển sách phổ thông về sự kiện lịch sử trong đại đó, không dày lắm, khoảng 200 trang. Đồng chí động viên tôi thực hiện gợi ý đó - tôi nói đó là một công việc vượt quá sức của mình. Đồng chí nói: muốn tiến bộ, trong bất cứ việc gì, nhất là trong nghiên cứu khoa học, không bao giờ được bằng lòng với thái độ chấp nhận thường thường bậc trung, mà phải tự đề ra cho mình một mục tiêu phấn đấu cao hơn. Được sự động viên đó, tôi tự tin bắt tay vào việc. Sau 8 tháng, công trình đã hoàn thành. Tất cả các khâu, từ đề cương biên soạn đến nội dung từng phần và cuối cùng là duyệt công trình đề xuất ban đầu, in đậm nét dấu ấn sự hướng dẫn, giúp đỡ của đồng chí.

Tác phẩm đầu tay của tôi *Hai mươi năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* đã ra đời như thế. Khi tôi đưa tặng đồng chí sản phẩm đầu lòng của mình, đồng chí nói: bây giờ, chú "đã có văn chương bán phố phường", nhưng đừng vì thế mà phồng mũi, trái lại, phải thấy đó mới chỉ là bước đầu, còn phải học tập nhiều, phấn đấu bền bỉ hơn nữa mới mong có sự nghiệp khoa học ở trình độ cao

Đầu những năm 70, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta bước vào giai đoạn ác liệt nhất, trong một cuộc hội thảo khoa học về chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, đồng chí nói với tôi thắng lợi cuối cùng của dân tộc ta đang đến gần, điều đó là chắc chắn. Vì vậy, phải chuẩn bị để tổng kết thắng lợi đó bằng những công trình mang tính lý luận dựa trên thực tiễn cuộc chiến đấu oanh liệt của dân tộc ta, phân tích thực chất chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ. Đó là vinh dự, đồng thời cũng là trách nhiệm của nhân dân ta nói chung, các nhà khoa học nói riêng đối với nhân dân và các nhà khoa học thế giới. Trước mắt, nên tổng hợp tài liệu viết một công trình nghiên cứu vạch trần những chính sách thâm độc, tàn bạo của cái gọi là "tổ hợp quân sự - công nghiệp Mỹ".

Theo sự gợi ý đó, tôi đã cùng một số đồng chí viết tác phẩm *Tổ hợp quân sự - công nghiệp Mỹ và cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*. Công trình nghiên cứu được xuất bản khoảng một năm trước khi diễn ra cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 kết thúc với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giành toàn thắng cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Qua nhiều năm làm việc với đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, tôi nhận thấy không chỉ đối với riêng tôi, mà bất cứ đối với cán bộ nghiên cứu nào, dù là người Việt Nam hay người nước ngoài, đặc biệt là cán bộ trẻ cần đến sự giúp đỡ của đồng chí thì đồng chí không bao giờ tiếc thời gian để chỉ bảo, hướng dẫn tận tình.

Một trong những nét nổi bật nhất ở đồng chí Nguyễn Khánh Toàn với tư cách là nhà nghiên cứu khoa học xã hội mà ai có nhiều dịp tiếp xúc với đồng chí, đọc các bài và công trình nghiên cứu của đồng chí đều nhận thấy là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính Đảng và tính khoa học. Sự kết hợp này đã diễn ra một cách rất tự nhiên, không có vẻ gì là khiên cưỡng vì đó là sự kết

hợp giữa bản lĩnh chính trị vững vàng và trình độ tư duy khoa học cao. Là một nhà trí thức uyên bác, có kiến thức sâu rộng về nhiều môn khoa học xã hội, nhưng có lẽ đồng chí Nguyễn Khánh Toàn dành nhiều thời gian, công sức nhất vào lĩnh vực văn hóa Việt Nam (bao gồm cả văn học).

Tôi không bao giờ quên những buổi làm việc trong đó, từng giờ, từng giờ nối tiếp nhau trôi qua, nhưng đồng chí vẫn say sưa phân tích, tưởng như không bao giờ dứt, những đặc điểm của lịch sử dân tộc Việt Nam, những cái hay, cái đẹp của nền văn hóa Việt Nam. Trong những năm tháng cuối đời, mặc dù sức đã yếu nhiều, nhưng mỗi lần tôi đến thăm, qua trò chuyện, tôi thấy rõ đồng chí vẫn trăn trở một ý định, nói đúng hơn là một đam mê viết nên một bộ lịch sử văn hóa Việt Nam. Đồng chí nói hết những suy nghĩ, nhận xét đã chất chứa, tích lũy đầy ắp trong trái tim và khối óc nay cần được thổ lộ. Đến nay, nhớ lại những giờ phút xúc động đó, tôi cảm nhận phải chăng đó là những lời tâm huyết của một thế hệ sắp ra đi trao lại cho thế hệ tiếp theo một nhiệm vụ còn dang dở?

Tôi cũng nhớ đến những ngày đi theo đồng chí Nguyễn Khánh Toàn vào khu vực an toàn của quân đội với sự giúp đỡ của thiếu tướng Tô Ký để viết *Lịch sử Việt Nam* tập 2, đó là thời gian diễn ra những trận ném bom ác liệt nhất của đế quốc Mỹ vào thủ đô Hà Nội năm 1972. Ngày và đêm, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn và chúng tôi nhìn về phía Hà Nội rực lửa chiến đấu và chiến thắng, tự hào về "Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi" (Nguyễn Tuân), nhưng trong lòng không thể không lo lắng cho gia đình, bè bạn, nhân dân thủ đô.

Trong những lúc đó, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn vẫn nói vui với chất humour đặc biệt của đồng chí: lên tướng Mỹ Curtis Le May hỗn xược nói rằng không quân của chúng đưa chúng ta trở lại thời kỳ đồ đá. Đúng là bây giờ chúng ta đang ở trong hang đá thật, nhưng chúng ta ở đây là để tổng kết

lịch sử thất bại của tên đế quốc đầu sỏ một khi chúng dụng đến dân tộc Việt Nam anh hùng, bất khuất

Trong những ngày ở trong hang, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn kể cho chúng tôi nghe thời kỳ ở Matsxcơva, được gần Bác Hồ, được Bác giáo dục, đào tạo Qua những câu chuyện đó, thấy rõ tình cảm sâu sắc của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn với Bác Hồ Có lẽ ít có nhà nghiên cứu nào viết nhiều về Bác Hồ như đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, từ phân tích các văn phẩm chính trị của Bác *(Đường Kạch mệnh, Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn độc lập)* đến các bài nghiên cứu về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác Chúng ta đã biết rằng sau khi Bác Hồ mất, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã đề nghị với Đảng và Nhà nước xây dựng kế hoạch nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh một cách căn bản, có hệ thống và lâu dài, xem đó như một tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam và của nhân loại Chúng ta vui mừng thấy ngày nay, đề nghị đó đang được thực hiện với những kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi

Cũng trong những ngày chiến tranh ác liệt đó, với tinh thần lạc quan cách mạng, đồng chí đã nói với chúng tôi về những dự án phát triển nền khoa học xã hội nước nhà một cách căn bản và toàn diện sau ngày chiến thắng

Đánh giá sự cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đối với khoa học xã hội, văn hóa, giáo dục của đất nước Đảng và Nhà nước ta đã truy tặng đồng chí giải thưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ý nghĩa nhiều mặt của giải thưởng vinh dự đó, tôi chỉ muốn nhấn mạnh một ý nghĩa giải thưởng làm nổi bật gương mặt, tầm vóc, trí tuệ của một nhà trí thức mà lẽ sống của cuộc đời hoạt động cách mạng và khoa học hơn 60 năm luôn luôn hướng vào lý tưởng và mục tiêu: phục vụ nhân dân./.

VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN NHÀ SỬ HỌC MÁCXÍT*

GS. Văn Tạo

Trong lịch sử Sử học Việt Nam, trường phái Sử học Mácxít ra đời từ nửa đầu thế kỷ XX Mở đầu là những tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh như "*Diễn ca lịch sử Việt Nam*", Người không là nhà sử học chuyên nghiệp nhưng đã sử dụng khoa học lịch sử như một vũ khí đấu tranh cách mạng và đã nêu một tấm gương yêu nước, yêu sử học, đưa sử học phục vụ cách mạng

Từ sau Cách mạng tháng Tám, nền sử học mácxít Việt Nam từng bước phát triển, mà sự trưởng thành rõ nét là vào những năm 50, nhất là từ khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi

Lúc đó, cùng với sự ra đời của Ban Văn - Sử - Địa trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng là các khoa Sử các trường Đại học Trong sự trưởng thành này nổi bật nên là một số nhà sử học có tên tuổi là Đào Duy Anh, Trần Huy Liệu, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn

Đào Duy Anh là nhà uyên thâm đã sớm chuyển sang lập trường Mácxít Còn đi vào lịch sử cận, hiện đại thì có ba nhà cách mạng Trần Huy Liệu, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn đi chuyên sâu

Nguyễn Khánh Toàn - một "Giáo sư đỏ" từng theo học

---

* Bài phát biểu tại *Hội thảo Khoa học Kỷ niệm 90 năm ngày sinh cố Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toan* do Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia tổ chức tại Hà Nội, ngày 27 - 7 - 1995

ở Pháp và Liên Xô về, đã đem về cho nền sử học Việt Nam một phong cách nghiên cứu mới - mà theo nhãn thức của tôi - là coi trọng nhân thức lôgíc phát triển ca lịch sử

Cố nhiên trong mối quan hệ biên chứng giữa lôgíc và hch sử thì chẳng nhân thức lôgíc nào mà không bao hàm cả "cái lịch sử" Nhưng nếu những tác phẩm của Trần Văn Giàu, Trần Huy Liêu thường đi sâu vào "cái lịch sử", sưu tầm, nghiên cứu, sử dụng nhiều tư liêu lịch sử để trình bày, biên soạn các công trình lịch sử như *"Dư thảo lịch sử Cach mạng cân đai Việt Nam,* rồi *Lịch sử 80 năm chống Pháp của Trần Huy Liêu*, hay *Lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam, Miền Nam giữ vững thành đồng*" của Trần Văn Giàu đã cho ta thấy "cái hch sử" phong phú thể hiên "cái lôgíc" chặt chẽ

Nguyễn Khánh Toàn đã để lai cho chúng ta một công trình nghiên cứu lịch sử đầu tiên rất có giá trị là cuốn *"Vài nhân xét về thời kỳ từ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long"*, xuất bản năm 1954 Cuốn sách chỉ dày có 60 trang in khổ nhỏ, nhưng thật là xúc tích về mặt tư duy lý luân Tất nhiên nhận thức từ 40 năm qua, đến nay nhìn lai có chỗ cần phải xem xét bổ sung, nhưng đây là một công trình khái quát lý luân ra đời khá sớm, về lịch sử Việt Nam suốt gần 4 thế kỷ, từ thế kỷ XVI (Lê mạt) đến đầu thế kỷ XIX, thời Nguyễn Gia Long, và từ đó nhân thức về yêu cầu của cách mang Việt Nam thế kỷ thứ XX

Với chúng tôi, khi mới bước vào ngưỡng cửa của ngành sử học (năm 1953-1954) thì phải nói rằng Trần Huy Liêu, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn, Đào Duy Anh đều là mẫu mực của chúng tôi Và riêng Nguyễn Khánh Toàn đã đi vào con đường khoa học của chúng tôi như một kiểu mẫu về *tầm nhìn lịch sử một cách có tính lý luận*

Thật vậy, đọc công trình đầu tiên kể trên của Nguyễn Khánh Toàn tuy lúc đó chúng tôi chưa thấu hiểu phương pháp lịch sử và phương pháp lô gích nhưng đã thấy rằng khái quát

lịch sử như vậy là cần thiết. Cần thiết để có cách nhìn biện chứng từ quá khứ đến hiện tại và định hướng cho tương lai.

Tác phẩm kể trên đã đi vào phân tích những đặc điểm của chế độ phong kiến ở Âu châu và Á Đông, làm rõ cái mạnh cái yếu của chế độ phong kiến Á Đông, chỉ ra cái lạc hậu, trì trệ, bảo thủ của nó, có gắn với cái gọi là "Phương thức sản xuất châu Á" mà Mác, Ăng ghen đã chỉ ra. Từ đó làm rõ, tại sao mầm mống tư bản chủ nghĩa lại chậm ra đời và khó phát triển ở Á Đông, khiến như ở Việt Nam từ Lê mạt đến Nguyễn sơ suốt hơn 3 thế kỷ mà kinh tế xã hội vẫn cứ dậm chân tại chỗ, thậm chí có cái thụt lùi, nhất là từ Nguyễn Gia Long. Sự mất nước của Việt Nam trước họa thực dân về trách nhiệm cụ thể là thuộc về nhà Nguyễn, còn về thực trạng kinh tế xã hội lại phải tìm từ nguồn gốc xa xưa đó để mà định hướng cho sự phát triển của cách mạng trong hiện tại và tương lai.

Cuộc cách mạng phản đế phản phong tất yếu phải diễn ra, mà trong điều kiện như trên, thì phải đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản mới thành công.

Lược qua nhận thức lý luận như vậy để đi đến một *kết luận* là, từ những năm 50 đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã là nhà sử học mácxít, đưa những kiến thức tiếp thu được từ bên ngoài vận dụng vào nhận thức lịch sử xã hội Việt Nam một cách sâu sắc để đưa ra những luận điểm có sức thuyết phục (Điều mà các Giáo sư Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh, Trần Huy Liệu cùng làm, nhưng với một phong cách riêng của từng người mà ở đây tôi không so sánh).

Tiếp tới công trình thứ hai ra đời năm 1960, cách công trình trên 6 năm là *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản* (dày hơn, hai tập, 320 trang) cũng theo phương pháp phân tích lịch sử khái quát lý luận mà về mặt lôgíc của tư duy, là nối tiếp công trình trên, để phục vụ trực tiếp cho cuộc cách mạng đương thời.

Ở đây, các chương mục không theo biên niên sử hay theo các giai đoạn lịch sử mà là nhằm giải quyết các vấn đề lịch sử Cụ thể

Chương thứ nhất là *Vấn đề dân tộc dưới chế độ tư bản chủ nghĩa* Chương thứ hai *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản* Từ việc phân tích các vấn đề khoa học cần làm rõ trong nhận thức lịch sử, phải đi đến giải quyết các vấn đề mà lịch sử hiện đại đang đặt ra Đó là *Đặc điểm của các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* và *giai cấp nào có thể lãnh đạo thành công được cuộc cách mạng ấy* Sự khẳng định vai trò của giai cấp vô sản trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đã được tác giả đi vào phân tích qua các cao trào cách mạng, từ năm 1930 trở đi Tức từ nhận thức lô gích đã đi vào "cái lịch sử" cửa từng giai đoạn để chứng minh sao cho có sức thuyết phục

Nhìn chung lại, trong khi còn nhận trong trách công tác giáo dục (Thứ trưởng Bộ Giáo dục), Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã trở thành một nhà sử học mácxít với phong cách nghiên cứu riêng của mình góp phần vào trào lưu sử học mácxít chung của dân tộc - một đóng góp rất đáng trân trọng

Nhưng nói đến cống hiến cho khoa học lịch sử của Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn là phải nói tới thời kỳ Viện sĩ chính thức sang làm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội và tham gia chỉ đạo biên soạn bộ *Lịch sử Việt Nam*

Khỏi phải nói là dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quan tâm đặc biệt của các đồng chí lãnh đạo các cấp của Đảng và Nhà nước, việc biên soạn lịch sử dân tộc để giáo dục chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và tinh thần cách mạng vô sản luôn cần được đẩy mạnh Nhưng để thực hiện được nhiệm vụ ấy phải có người chỉ đạo tin cậy và một bộ máy giúp việc đắc lực

Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã được trao trách nhiệm này Thực tế là từ những năm 50, khi trào lưu sử học mácxít

phát triển, lịch sử Việt Nam đã được biên soạn và giảng dạy ở các trường đại học (Tổng hợp và Sư phạm) dưới dạng Giáo trình lịch sử được sự chỉ đạo của GS Trần Văn Giàu, GS Đào Duy Anh đã có những cống hiến tích cực Về phía Ban Văn - Sử - Địa (và kế thừa ban Sử sau này là Viện Sử học) cũng đã biên soạn được một số công trình lịch sử như của Minh Tranh, Trần Huy Liệu và các công trình nghiên cứu đã giải quyết được nhiều vấn đề lịch sử, do các nhà nghiên cưu uyên thâm như Trần Văn Giáp. Nguyễn Đổng Chi, Nguyễn Lương Bích v v đóng góp

Nhưng để có được một bộ lịch sử Việt Nam hoàn chỉnh thay thế cho các bộ sử cũ (tiêu biểu như *Việt Nam Sử lược* của Trần Trọng Kim) phải biên soạn lại theo quan điểm Mácxít

Dưới sự chỉ đạo của GS Nguyễn Khánh Toàn và với sự hợp tác của một số nhà nghiên cứu, hai quyển Thông sử (*Lịch sử Việt Nam tập I, tập II*) đã ra đời và được tái bản

Dẫu còn có những sai sót khó có thể tránh khỏi, nhưng hai công trình sử học đó cũng có đóng góp tích cực ở một thời kỳ, khi mà toàn dân ta đang lao mình vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước gian khổ Sử học cùng với các ngành khoa học, văn học, nghệ thuật đã góp phần vào việc nâng cao đời sống tinh thần của toàn dân, góp phần vào việc giáo dục lịch sử ở học đường, bồi dưỡng nhân sinh quan cách mạng và thế giới khoa học cho thế hệ trẻ

Không thể phủ nhận được công lao của Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, người chỉ đạo chủ yếu của các công trình này

Điều mà tôi tâm đắc nhất ở Viện sĩ vẫn là cách nhìn lôgíc về lịch sử, luôn luôn từ thực tiễn sinh động của lịch sử mà tìm ra bản chất, quy luật của lịch sử Trọng tâm là tìm ra *cái hiện tại* và *hướng đi tới tương lai* của lịch sử để đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng

Cố nhiên trong nguyên vong lớn lao như vây thì sư han chế của tầm nhìn cá nhân là khó có thể tránh được những cách nhìn đó của nhà làm sử mácxít vẫn là cái cần thiết cho chúng tôi noi theo

Cũng từ cách nhìn lich sử như vây đi vào chỉ đao khoa hoc, GS Nguyễn Khánh Toàn đã có những chủ trương đúng đắn với tầm *"nhìn xa thấy rông"*

Cu thể như

- Nhìn sư phát triển lich sử thế giới và trong khu vực, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn đã sớm thấy rõ sư phát triên của khu vực Đông Nam Á mà đăt ra vấn đề xây dưng tổ chức và xúc tiến viêc nghiên cứu về khu vực này

- Cũng vây, trong sư phát triển lý luân của chủ nghĩa Mác - Lênin ở thời đai mới và trước sư sáng tao của Đảng cách mang, các lãnh tu cách mang ở từng nước, từng khu vực, GS Nguyễn Khánh Toàn đã sớm thấy được vi trí đăc biêt của tư tưởng Hồ Chí Minh trong trào lưu cách mang vô sản cuối thế kỷ XX Giáo sư đã sớm đề ra viêc nghiên cứu và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh như môt bô môn khoa hoc trong ngành khoa hoc xã hôi và nhân văn Viêt Nam

Từ năm 1969, trong Dư tháo phương hướng nghiên cứu khoa hoc gửi lên Trung ương Đảng, GS Nguyễn Khánh Toàn đã đề ra Cần nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh Dư tháo nêu rõ "Cả ngành khoa hoc xã hôi làm công tác nghiên cứu lý luân để phuc vu cách mang Viêt Nam, tưu trung là để vân dung đúng đắn lý luân Mác - Lênin vào thưc tế Viêt Nam, góp phần xây dưng cơ sở khoa hoc cho đường lối cách mang của Đảng và phát triển lý luân Mác - Lênin vào thưc tế Viêt Nam Hồ Chủ tich là người đầu tiên đã vân dung lý luân ấy môt cách thiên tài, sáng tao trong đường lối cách mang Viêt Nam trong thưc hiên đường lối ấy Vì vây, chúng ta phải khai thác triêt để di sản của Bác về các măt

Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng

Hồ Chí Minh là nhà hoạt động cách mạng

Hồ Chí Minh là tiêu biểu cho đạo đức cách mạng

Đến nay Dự án đó đã trở thành hiện thực

Những đề xuất kể trên của GS Nguyễn Khánh Toàn đã biểu lộ cách nhìn lịch sử một cách khoa học, có tư duy lý luận sắc bén để góp phần chỉ đạo khoa học, phát triển cách mạng

Trên đây, với tầm nhìn hạn chế của mình, tôi chỉ xin có một vài ý nhỏ đánh giá sự cống hiến của Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn trong khoa học lịch sử, mà đó cũng chỉ là một khía cạnh trong toàn bộ sự cống hiến của vị "Giáo sư đỏ" này

GIÁO SƯ NGUYỄN KHÁNH TOÀN: MỘT TRÍ TUỆ VÀ MỘT TẤM LÒNG*

GS. Văn Trong

Hồi đầu kháng chiến chống Pháp, tôi ở Hải Dương, được nghe tiếng về anh Nguyễn Khánh Toàn chứ chưa được gặp Tình cờ tôi được xem một bức ảnh chụp anh trong Đoàn Đại biểu Đặc ủy đoàn của Chính phủ về thăm Liên khu Ba Anh mặc bơ lu dông Mỹ, cao to, oai vệ, dáng rất hào hoa Sau này, một lần được nói chuyện với anh, tôi kể lại chuyện ấy và nhận xét "Dạo ấy anh đẹp trai thật!" Anh cười bảo "Mình lúc trẻ khôi cô mê!" Và anh nói thêm: "Bây giờ mình vẫn đẹp trai phải không chứ?" Người ta nói với tôi anh đã từng hoạt động cách mạng ở Pháp, ở Nga, ở Tàu, học vấn rộng, về nước được Bác Hồ và Đảng giao trọng trách làm Thứ trưởng Bộ Giáo dục, tôi thường mường tượng anh là một con người chắc là nghiêm nghị Tôi đã lầm. Nguyễn Khánh Toàn - người anh lớn, người thầy của tôi là một con người rất hồn nhiên, sẵn sàng cởi mở tấm lòng mình cho ai gần gũi Do hoàn cảnh công việc, nhiều anh em chúng ta có may mắn được làm việc gần anh Xong công việc, anh thường giữ chúng tôi lại, nói với chúng tôi về cái bài anh đang viết, cuốn sách anh đang chủ biên, những quan điểm đúng và không đúng đang thịnh hành trong xã hội ta và trên thế giới Có khi là chuyện thời thế, chuyện đời Có khi là chuyện triết, chuyện sử, chuyện văn Rồi chuyện Mỹ, chuyện Liên Xô,

---

* Bài phát biểu tại *Hội thảo khoa học Kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh GS VS Nguyễn Khánh Toàn* do Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia tổ chức tại Hà Nội ngày 27 - 7 - 1995

chuyên Trung Quốc. Riêng về gạo nước củi đóm anh ít hỏi đến có lẽ bởi vì chị Bích, người bạn đời tận tuỵ hết lòng với anh, đã lo toan chu đáo để bộ óc thông thái của anh khỏi phải vướng víu.

Cảm nhận sâu sắc nhất của tôi về cố chu nhiệm, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, đó là anh là một con người thuỷ chung sơn sắt với sự nghiệp cách mạng và với Đảng Cộng sản, một con người luôn luôn mong ước dân tộc ta sớm thoát khỏi cảnh nô lệ nghèo khổ, và cảm nhận lắng đọng vững bền trong tôi sau hơn 40 năm được nhiều dịp làm việc dưới sự chỉ bảo và bồi dưỡng của anh, đó là Nguyễn Khánh Toàn là một trí thức lớn suốt đời phụng sự dân tộc bằng tài năng và vốn kiến thức tuyệt vời của mình. Người cựu sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương Nguyễn Khánh Toàn sau khi tốt nghiệp xuất sắc tại trung tâm đào tạo người làm thầy lớn nhất xứ này đã nhanh chóng được xã hội biết tiếng trên vị trí một nhà báo trẻ với những bài báo hùng hồn viết bằng tiếng Việt và tiếng Pháp chống lại chế độ thuộc địa, đòi hỏi tự do dân chủ cho đồng bào Việt Nam, bất chấp những đe đoạ và khủng bố của thực dân Pháp.

Lòng yêu nước, tinh thần thiết tha với tự do đã đưa Nguyễn Khánh Toàn sớm đi đến với cách mạng, gặp Đảng, gặp Bác Hồ. Trong các tác phẩm của Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, nói chung là ít các trích dẫn kinh điển mà nếu có thì chủ yếu là trích dẫn Mác hoặc Lênin. Nhưng tiếp xúc với anh Toàn, qua hàng chục năm ròng, tôi thấy người mà anh nhắc tới nhiều nhất là Bác Hồ. Anh nói về các tư tưởng, các quan điểm về dân tộc, về thế giới, về công nông, về trí thức của "ông Cụ"- lời anh gọi tôn kính thân mật Bác Hồ. Những tư tưởng của Bác Hồ mà anh tán thành và tiếp nhận, cùng những ngày tháng được chung sống, hoạt động gần Bác Hồ ở Pháp, ở Nga đã gắn bó Nguyễn Khánh Toàn cả về lý trí và tình cảm với Bác Hồ suốt cả cuộc đời của anh. Từ năm 1969, khi Bác Hồ mất, anh Toàn rước ảnh thờ Bác Hồ vào phòng

làm việc của anh , và chúng tôi thường được nghe anh nói "Mình phải cố gắng làm cái này", "cố gắng viết cái này" "vì mình nghĩ tới Bác Hồ" Chúng ta đều biết rằng những năm gần cuối đời, anh Toàn có nhiều lần ốm, có lần nguy kịch Nhưng vừa mới khỏe lại, anh lại ngồi lên bàn duyệt sách, viết báo, viết ý kiến gửi lên Trung ương Đảng đóng góp về vấn đề này, vấn đề khác, nhân Hội nghị này Hội nghị khác của Đảng Với một người ở tuổi 80 như anh Toàn, đó không chỉ là những cố gắng phi thường Đó là một tấm lòng son với dân với nước Đó cũng còn là tấm lòng với Bác Hồ

Có thể nói rằng lớp trí thức như Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn không phải là nhiều lắm ở nước ta Ông viết văn Pháp bằng một thứ tiếng Pháp tuyệt siêu (impeccable). Ông viết bài bằng tiếng Nga, viết một mạch, không cần nháp Ông đọc thạo sách tiếng Anh, ông viết chữ Trung Quốc nhanh thoăn thoắt Với một học vấn cơ bản, một vốn kiến thức rộng bao trùm nhiều lĩnh vực, do yêu cầu của hoạt động cách mạng, ông lại đã sống nhiều năm trong lòng các xã hội phương Tây và phương Đông như ở Pháp, ở Liên Xô, ở Trung Quốc Thế nhưng ông vẫn là một người Việt Nam, một trí thức Việt Nam trăm phần trăm Ông độc lập trong suy luận chính trị, ông không có thiên kiến với ai, song ông không ca ngợi nước ngoài một cách mù quáng Đối với Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, như tôi được lĩnh hội, "bắt chước" bất cứ ai một cách không cân nhắc, không phải là điều ông đồng tình Chính là với tư tưởng đó mà ông đã để rất nhiều tâm huyết đi sâu vào lịch sử của dân tộc chúng ta, vào bản sắc và bản lĩnh của người Việt Nam mà chứng tích còn được để lại trong cái biển văn hóa, văn chương triết lí mênh mông của tổ tiên. Là người chủ biên hai tập Thông sử nước nhà, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn - như ông đã nhiều lần nói với anh em chúng tôi, muốn từ các cây mà nhìn ra cả khu rừng. Ông biết rằng phải quý chi tiết, quý sự kiện, nhưng điều ông muốn làm nổi bật hơn nữa, đó là cái gì đây

đã xuyên suốt lịch sử dân tộc ta, đã tạo nên sức mạnh cho dân tộc vượt qua các phong ba bão táp là những cản trở đầy dẫy trên "con đường đi tìm hạnh phúc" của cộng đồng Việt Nam. Là người học trò kém của ông, tôi đã hai lần làm ông không hài lòng. Một lần, khi tôi phục vụ ở ngành khảo cổ học, ông hỏi tôi cái gì tạo nên cái độc đáo của các văn hóa Phùng Nguyên, và nhất là văn hóa Đông Sơn. Lần thứ hai, khi tôi làm Viện trưởng Viện Châu Á và Thái Bình Dương, ông bảo tôi hãy thử tìm hiểu xem văn hóa Việt Nam, sẽ có vị trí như thế nào trong văn hóa châu Á-Thái Bình Dương. Tôi chưa đủ trình độ để trình bày với ông các vấn đề thú vị mà quá sức tôi như vậy. Song tôi hiểu ông muốn bảo tôi điều gì.

Là người Chủ nhiệm đầu tiên của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn cùng với các đồng chí có chung trách nhiệm lãnh đạo với ông như cố Viện sĩ Trần Huy Liệu, Giáo sư Trần Phương, cố Giáo sư Phạm Huy Thông, cố Giáo sư Đào Văn Tập, Giáo sư Phạm Như Cương, Giáo sư Vũ Khiêu, Giáo sư Phạm Xuân Nam đã phải gian khổ chèo lái con tàu khoa học này trong ba thập kỷ đầy biến động, từ lúc bắt đầu cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ chống miền Bắc nước ta cho đến suốt giai đoạn từ sau chiến thắng 1975 tới trước khi đất nước chuyển sang thời kỳ "Đổi mới". Thời kỳ này trong đời sống chính trị - xã hội cũng như học thuật của nước ta, bên cạnh dòng chủ lưu là cách mạng và tiến bộ còn có không ít dòng nước ngược níu kéo sự phát triển đi lên của đất nước, tạo ra một trạng thái trì trệ kéo dài và chỉ chấm dứt khi Đại hội VI tuyên bố chiến lược đổi mới toàn diện. Đấy cũng là thời kỳ khủng hoảng trầm trọng đang xảy ra tại hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh ấy, cả học thuyết chính trị và niềm tin, cả lý luận khoa học và con đường phát triển của dân tộc đều đứng được thử thách. Đội ngũ cán bộ của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam đã mạnh hơn lên qua thời kỳ sôi động ấy và nhanh chóng chuyển mình hòa nhập vào

trào lưu Đổi mới Trong những thơi điêm khó khăn, cố Chủ nhiêm Nguyễn Khánh Toàn giúp chúng tôi củng cố niềm tin vào lý tưởng và vào tiền dồ của dân tôc Ông nêu tấm gương đôc lâp suy nghĩ không nô lê vào sách vở, và cần gắn liền lý luân với thưc tiễn trong khi đi tìm lời giải cho các vấn đề khoa hoc.

Sư thât, làm đươc như vây không dễ dàng Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã từng phải đấu tranh nhiều năm để bảo vê các chủ trương đúng đắn trong lĩnh vưc giáo duc - đào tao và nghiên cứu khoa hoc Ông đã lên tiếng không phải chỉ có một lần đòi hỏi nâng cao chất lương đào tao con người từ tiểu hoc và trung hoc, cũng như ông đã khuyến khích lưa chon nhân tài không câu nê quá vào hoàn cảnh xuất thân của ho. Trong khi có người cho rằng viêc nghiên cứu Đông Nam Á là viêc của các cơ quan chính trị, ngoai giao, thì Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn kiến nghị phải lâp cơ quan khoa học nghiên cứu về Đông Nam Á Trong khi còn có quan niêm nghiên cứu Trung Quốc chủ yếu để tìm hiểu chính sách của nước này với thế giới và với nước ta, thì Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn chủ trương nên lâp Viên nghiên cứu Trung Quốc hoc có nhiêm vu nghiên cứu toàn diên về Trung Quốc Đai tướng Võ Nguyên Giáp, khi đó là Phó Chủ tich Hôi đồng Bô trưởng, còn nhấn manh "Phải nghiên cứu Trung Quốc hoc theo ý nghĩa đầy đủ của danh từ này" Cũng chính Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn với tầm nhìn rông của ông và đồng sư, đã thúc đẩy việc thành lâp thêm môt số viên nghiên cứu chuyên ngành trong pham vi Ủy ban Khoa học xã hôi Viêt Nam

Cống hiến về lý luân của Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, như chúng ta đều biết, thể hiên tâp trung trong nhiều tác phẩm sử hoc và tác phẩm về công tác giáo duc Song ở các lĩnh vưc khác như văn hoc, triết hoc, giáo sư cũng có những đóng góp có giá trị Bài nghiên cứu về *Truyên Kiều* nổi tiếng của ông công bố vào giữa những năm 60 là môt công trình

nghiên cứu độc đáo về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*, là bai đầu tiền đề cập tới *Truyện Kiều* theo quan điểm tiếp cận so sánh với các tác phẩm văn hoc Đông-Tây

Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đê lai trong tôi hình ảnh cao đep của môt nhà tri thức cách mang suốt đời phấn đấu cho các lý tướng đôc lâp tư do, cho tiền đồ tươi sáng của đất nước Trong mỗi bước đi lên của những người nghiên cứu khoa hoc xã hôi, có sư đông viên thúc đẩy của tấm lòng Nguyễn Khánh Toàn và sư đóng góp của trí tuê Nguyễn Khánh Toàn Tấm lòng của anh Toàn, đó làm tấm lòng bao dung thể tất đối với lớp đi sau

Môt lần cách đây gần 40 năm, anh giao cho tôi viết bài chính luân cho môt tap chí mà anh làm Tổng biên tâp, tôi làm Thư ký Tòa soan Loai bài này tôi rất ngai viết song tôi cũng cố gắng Bài viết xong, tôi trình anh xem, anh không chữa môt chữ, ký cho đăng nguyên văn Tôi như mở cờ trong bung thầm nghĩ: "Té ra viết chính luân cũng chả khó gì! Mình viết chắc phải khá, cu Toàn mới không sửa" Bẵng đi môt tháng, tôi có dịp đươc ngồi uống nước với anh Toàn Hai anh em chuyên trò lan man Bỗng anh cười bảo 'Này Văn Trong, cái bài hôm no ấy mà, chú viết chả ra cái đếch gì cả!" Tôi sửng sốt "Thưa anh, sao không thấy anh chữa chữ nào, cũng không thấy anh bảo viết lai?" Anh Toàn đáp "À, là nó tồi so với mình viết về chủ đề ấy chẳng han Còn với trình đô của chú, chú chỉ viết đươc đến thế thôi Bài chú nông qua Nhưng cũng đăng đươc Nên mình không sửa"

Hôm nay Kỷ niêm 90 năm ngày sinh của anh Nguyễn Khánh Toàn, tôi như thấy anh vẫn có mặt giữa chúng ta, vì những lý tưởng và hoài bão của anh đang thể hiên trong cuôc sống và nhất là, đối với tôi anh để lai hình ảnh trong sáng của môt người trí thức lớn có môt tấm lòng nhân hâu hiếm thấy

Hà Nôi, tháng 7 năm 1995

CÕI HỌC VÀ NGƯỜI THẦY*

GS. Hà Minh Đức

Trong gần 70 năm hoat đông với nhiều cương vi và trách nhiệm quan trong khác nhau, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã có những đóng góp xứng đáng cho phong trào cách mang Ngay từ khi còn trên ghế nhà trường người thanh niên yêu nước ấy đã suc sôi bầu nhiêt huyết của tuổi trẻ, tham gia phong trào hoc sinh sinh viên dòi trả tự do cho Phan Bôi Châu và viết nhiều bài báo chống đàn áp của chính quyền thưc dân Pháp. Ra trường, không đươc bổ nhiêm đay hoc vì có những hành đông chống Pháp, con đường đi của Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, không bi ngăn chăn lai mà ý chí cách mang, lại tiếp tuc mở ra những hướng hoat đông mới! Ông vào Sài Gòn và làm báo Hoat đông báo chí tuy chỉ diễn ra trong môt thời gian ngắn nhưng đã đủ thể hiên bản lĩnh của môt nhà báo vô sản năng đông và có trí tuệ. Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn làm báo *L' Annam* do Phan Văn Trường chủ trương thay tờ *Tiếng chuông ran* (La cloche fê lée) của Nguyễn An Ninh và sau đó cho ra tờ *Le Nhà quê* Những bài báo mang nhiều tính chất tố cáo và luân chiến, tố cáo chính sách của thưc dân Pháp ở Đông Dương và luân chiến chống lai những luân điêu và nhân thức mơ hồ về thời cuộc của môt số người mà về thưc chất là có lơi cho thưc dân Pháp. Bản lĩnh của nhà báo vô sản bôc lộ rõ rêt nhất trong viêc chủ trương cho đăng trên báo *Tuyên ngôn của Đảng*

---

* Trong cuốn *Vi giáo sư và ẩn sĩ đương* cua cung tac giả - Nxb Văn hoc. H , 1996, tr 16 - 26

Công sản của Mác và Ăngghen và yêu sách cua Nguyễn Ái Quốc ơ hôi nghi Vécxây, Bon thưc dân Pháp đã bắt giam, nhưng nhà tù không hề làm giảm tinh thần đấu tranh của người chiến sĩ cách mang. Ra tù người trí thức cách mang lai tìm đến những chân trời hoat đông mới Năm 1928 nhờ sư giúp đỡ của ban bè Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn sang Pháp hoc và lai tiếp tuc hoat đông trong phong trào Viêt Kiều yêu nươc Là môt trí thức tre thông minh, giàu nhiêt huyêt, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đươc Đảng Công sản Pháp giới thiêu sang hoc ơ trường Đang Liên Xô Năm 1930 nhờ sư giới thiêu cua Đông phương bô Quốc tê Công sản ông đươc làm nghiên cứu sinh sử hoc tai Đai hoc phương Đông Co thê nói con đường hoat đông cách mang cua Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn vừa gắn với môi trường đấu tranh cua người trí thưc lai vừa đươc ren luyên hoc tâp môt cách chinh quy và hê thống những kiến thức chính tri, xã hội ơ những trường đai hoc tiêu biêu nhất Cũng vì thế mà sư hiêu biết của Giáo sư thât rông lơn, sâu sắc, trên nhiều linh vưc của các ngành khoa hoc xã hôi, nhân văn, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn sử dung thanh thao nhiều thư tiếng Pháp, Nga, Trung Quốc Hoc ban văn ở trường Cao đẳng Sư pham Hà Nôi trường hoc đào tao nhiều trí thức tên tuôi như Đăng Thai Mai, Nguyễn Lân, Nguyễn Thúc Hao và Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn thuôc thế hê đi trước Là nghiên cứu sinh của trường Đai hoc phương Đông, sử hoc đã góp phần trực tiêp bồi đắp va hoàn chinh hê thông kiên thưc về khoa hoc xã hôi mà hat nhân là triết hoc Mác - Lênin Trong thoi gian hoc ơ Liên Xô Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã tham gia những công tác của Quôc tê Công sản va Công hôi đỏ Năm 1931 Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn gia nhập Đảng Công sản Người chiến sĩ công san đươc rèn luyên trong môi trường giao lưu quốc tế rông lớn, nên tinh thần quốc tế vô sản càng sớm đươc khẳng đinh vững chắc. Dù ở Liên Xô hay sau này về hoat đông ơ Trung Quốc, ở đâu cũng biêu hiên sư kết hợp sâu sắc giữa tinh thần dân tôc và quốc tế vô sản

Một trong những sự kiện lớn lao trong cuộc đời của Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn là được vinh dự gặp Bác và sống gần gũi với Bác trong nhiều năm trong thời kỳ ở trường Đại học phương Đông. Bác hơn Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn mười lăm tuổi và xem Giáo sư như một người em. Ngoại tình đồng chí là tình thân ái có tính chất gia đình. Ngay từ thời kỳ còn ở trong nước, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn luôn nghĩ về Bác với tấm lòng ngưỡng mộ và trân trọng vô hạn. "Tôi còn nhớ năm 1922 là năm tên vua bù nhìn Khải Định đi Pháp dự cuộc triển lãm thuộc địa ở Mácxây. Trên báo *Nhân đạo* đăng ngay một bài đả kích tên vua lố lăng này. Tác giả bài báo là Nguyễn Ái Quốc. Tôi đã được đọc bài này qua bản đánh máy trích từ báo *Nhân đạo* do một người quen thân làm ở Sở Bưu điện Đà Nẵng giới thiệu. Lần đầu tiên tôi được đọc một bài có nội dung tư tưởng và phong cách mới mẻ như vậy. Và nó đã để lại ấn tượng sâu sắc trong óc tôi. Tên tuổi, văn phong của Bác ngay từ đó đã đi vào trái tim tôi." Và bây giờ thì niềm vui thật lớn lao khi hàng ngày được trông thấy Bác, chuyện trò thân tình và được phép xưng hô với Bác là anh với em. Phải chăng đó là trường hợp duy nhất, là vinh dự lớn lao mà Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã cố được. Sau này trở về nước, trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám, rồi những năm kháng chiến chống Pháp khi Bác đã ở cương vị chủ tịch nước, Người vẫn cho phép giữ cách xưng hô thân thiết đó. Bác thương yêu và quan tâm săn sóc Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn. Trong một lần sinh nhật, Bác cho gọi "chú Toàn" đến ăn cơm. Ở Việt Bắc Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn bị sốt rét nặng, Bác thăm hỏi và căn dặn "chú phải chịu khó thuốc thang, chú ốm nặng anh cũng lo". Một lần Bác tổ chức gặp gỡ với các cụ thân sĩ cao niên Bác bảo với chú Toàn "Hôm nay anh gặp các cụ thân sĩ. Trước mặt các cụ chú không nên gọi anh bằng anh, mà gọi là Bác". Giáo sư Toàn gật đầu, mỉm cười và nói "Thưa Bác xin vâng". Thời kỳ này Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đảm nhiệm chức Thứ trưởng và Bí thư Đảng đoàn Bộ Giáo dục. Sự phân công của

Đảng thật sát đúng. Dù hoạt động ở ngành gì hoặc trên cương vị nào ở Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn vẫn có cốt cách của một người thầy. Sự chọn lựa ngay từ thời trẻ vào trường Cao đẳng Sư phạm không phải là chuyện ngẫu nhiên. Trong suốt cuộc đời Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã không ngừng học tập. Cõi học mênh mông và sự tích lũy của người thầy thật công phu theo năm tháng. Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn luôn có ham muốn được truyền đạt lại kiến thức cho những thế hệ trẻ qua những bài viết, bài giảng. Cùng với Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã có những cống hiến to lớn cho ngành giáo dục trong thời kỳ xây dựng nền giáo dục nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn là một người am hiểu thực tiễn nhưng trước hết là một nhà lý luận. Ông đề xuất hàng loạt vấn đề lý luận có ý nghĩa quan trọng với công tác giáo dục. Cuốn sách của ông về những vấn đề giáo dục được viết ra với nhiệt huyết của một trí thức cách mạng, một người thầy yêu nghề gắn bó với nghề, yêu thế hệ trẻ.

Hoà bình được lập lại các trường đại học được mở ra, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn đã có dịp làm thầy theo đúng ý nghĩa cao quý và bình dị của nó.

Dạo ấy chúng tôi theo học khoa Văn trường Đại học Sư phạm. Lần đầu tiên từ những trường trung học kháng chiến về học ở đại học Hà Nội, mọi người đều không khỏi bàng khuâng, ngơ ngác. Điều hấp dẫn nhất là được học với những thầy mà tên tuổi từ lâu đã đến với chúng tôi với tình cảm ngưỡng mộ kính yêu. Các Giáo sư Đặng Thai Mai, Phạm Huy Thông, Trần Văn Giàu, Hoàng Xuân Nhị, Trần Đức Thảo đều là những trí thức lớn, giàu trí tuệ và có phong độ. Lớp học hàng trăm người nhưng thường bao giờ cũng im phăng phắc nghe lời thầy "phán truyền" ấm áp, trang trọng. Và chúng tôi cũng vinh dự được học Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn. Thầy Toàn bận nhiều công việc ở Bộ Giáo dục, ở Ủy ban Khoa học nhà nước, ở Ban Khoa giáo Trung ương nhưng vẫn yêu thích

thế hệ trẻ và những giờ dạy trên lớp Thầy Toàn người cao lớn và có vẻ đẹp khiến mọi người phải kính nể Vầng trán cao, thanh thán, đôi tai rộng, có thành quách. cặp mắt luôn ánh lên những tia sáng của ý chí và nghị lực và đặc biệt là nụ cười âm vang và sang trọng Khi Thầy cười thì khoảng cách giữa người nói và người nghe trở nên thật gần gũi Thầy Toàn giảng cho chúng tôi về văn học Nga Với kiến thức uyên bác, lại nhiều năm sống trên đất nước Xô Viết nên các giờ giảng đều có sức cuốn hút Thầy thích tiếp xúc với lớp sinh viên trẻ và hay đùa vui Một lần trong giờ nghỉ Thầy cầm mấy thanh sôcôla trên bìa có in hình nhà văn Nga và bảo "Đây là quà cho tụi con gái, không đủ cho bọn con trai" Nữ sinh ùa đến quây quanh Thầy để nhận quà. Tính thầy hay nói vui, tạo không khí vui tươi với mọi người Một lần khi kết thúc buổi chấm luận án, một nữ sinh viên chào Thầy "Cháu chào Bác ạ" Thầy Toàn tươi cười vỗ vai cô sinh viên và bảo "con cháu này lâu nay đi đâu mà Bác không thấy", cô nữ sinh xúc động và hơi ngơ ngác Thầy Toàn dễ tạo được sự gần gũi, cởi mở với mọi người ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên Nhà nghiên cứu văn học Nga Niculin nhớ lại lần đầu được gặp Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn một người "cao lớn tráng kiện, nét mặt tươi cười" đã viết "Này anh bạn trẻ có phải anh hỏi rằng Giooc Rôbe, Minime tác giả cuốn sách giáo khoa tiếng Việt đầu tiên cho người Nga được xuất bản vào những năm 30 là ai phải không?" Nguyễn Khánh Toàn nói với tôi và không nhịn được cười, chà anh bạn trẻ, tác giả đó là tôi Nhiều vấn đề lý luận quan trọng, nhiều kinh nghiệm sâu sắc thường được diễn tả hấp dẫn và vui qua câu chuyện của Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn Một lần Thầy dự một cuộc họp ở nước ngoài về và chuyện trò với cán bộ Thầy Toàn nói "Kinh nghiệm ở hội nghị quốc tế là phải chủ động Đàng sau mình là dân tộc và nhân dân anh hùng Phải đề cao văn hóa dân tộc, không tự ti trước bất kỳ một thế lực nào Ở hội nghị có một anh chàng nói láo về văn hóa Việt Nam Mình phê phán mạnh, có lý lẽ và mọi người vỗ tay" ông cười vang lên rồi lại tiếp "Muốn chu

đông phải có kiến thức để bàn bạc và bảo vệ mình, phải thạo tiếng", và cuối cùng thầy vỗ vào túi và bảo "cái này cũng phải phồng phồng, phải đủ tiêu"

Vào những năm 60 thầy Nguyễn Khánh Toàn tập trung vào lãnh đạo ngành khoa học xã hội với tư cách Uỷ viên Trung ương Đảng phụ trách Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học xã hội Lúc này các Viện được thành lập, tất cả đang ở thời kỳ xây dựng Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học xã hội Nguyễn Khánh Toàn luôn nhấn mạnh những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu phải kết hợp được tính đảng và tính khoa học, phải đề cao tinh thần dân tộc, phẩm chất dân tộc trong các công trình nghiên cứu Uỷ ban Khoa học xã hội đã tổ chức các lớp nghiên cứu sinh về triết học, mỹ học đầu tiên cho cán bộ của các Viện và các trường Chúng tôi còn nhớ trong lần giới thiệu Viên sĩ Baiép gốc ở một nước Trung Á thuộc Liên Xô. Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn căn dặn mọi người "Cả học mênh mông cán bộ nghiên cứu phải học suốt đời Đã cắp sách đi học phải chuyên cần, kinh nghiệm là càng học sẽ càng thấy hứng thu" Viên sĩ Baiép giảng về triết, dáng người đậm và không cao mang nhiều nét Á Đông còn Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn lại to cao, có phong thái và những nét của một người Âu Chúng tôi thầm thì đùa với nhau "không biết ông nào là chuyên gia Liên Xô" Tuy bận nhiều công việc nhưng thầy Toàn vẫn ân cần quan tâm đến cán bộ Mùa hè năm 1982 tôi và anh Phan Cự Đệ được mời đi dự cuộc hội thảo quốc tế về Văn chương Việt Nam giữa hai cuộc the chiến' do trường Đại học Harvard Mỹ tổ chức Mỗi chúng tôi đều chuẩn bị hai tham luận Tôi viết về thơ mới và Nam Cao Anh Phan Cự Đệ tham luận về Ngô Tất Tố và một vấn đề văn học sử Dạo ấy việc đi Mỹ gặp khá nhiều khó khăn vì quan hệ giao lưu chưa được mở ra thuận lợi giữa hai nước. Mặc dù chúng tôi là cán bộ của Trường Đại học nhưng cũng được thầy Toàn cho mời đến căn dặn chỉ đạo những kiến thức và kinh nghiệm bổ ích

Thầy Toàn bảo "Về thơ mới thì mình cũng không đọc được nhiều nhưng phải khẳng định đúng phần đóng góp của các nhà thơ này Chắc chắn là chịu ảnh hưởng nhiều của thơ Pháp, chuyên ảnh hưởng, vay mượn trong văn chương thế giới là bình thường Vấn đề là ở chỗ vay mượn như thế nào? phải sòng phẳng trong chuyên này, nhưng quan trọng hơn là phần sáng tạo ở mỗi người, tính dân tộc của trào lưu thơ ca này như thế nào?" Thầy Toàn cho rằng đề tài *Tình yêu quê hương đất nước trong phong trào thơ mới là thích hợp*, dễ được chấp nhận Về trường hợp Nam Cao thầy Toàn cũng góp cho tôi những ý sâu sắc Thầy nói "tiểu thuyết ta xuất hiện chậm, và trước kia thiên về chuyên kể Vấn đề quan trọng là phải dựng được nhân vật và nhân vật của thời kỳ hiện đại phải có tâm lý Tây thường xem nhẹ tiểu thuyết của ta họ cho rằng, tiểu thuyết Việt Nam yếu về khâu miêu tả và phân tích tâm lý Thành công của Nam Cao là nghệ thuật phân tích tâm lý theo kiểu hiện đại, tâm lý tư tưởng bế tắc của anh trí thức nghèo Đóng góp quan trọng của Nam theo mình là ở chỗ đó" Những ý kiến của thầy Toàn góp cho chúng tôi đều sâu sắc, không chung chung mà rất cụ thể Thầy Toàn hiểu biết sâu nhiều lĩnh vực khoa học xã hội khác, riêng với văn học Thầy cũng tỏ ra rất am tường Thầy luôn có một phương pháp luận sắc bén để đánh giá các hiện tượng trong các ngành khoa học xã hội Những kiến thức liên ngành đã tạo cơ sở để Thầy có thể khám phá sâu vào từng ngành khoa học cụ thể với cách nhìn bao quát và tổng hợp Tuy tuổi đời đã cao, nhưng thầy Toàn luôn giữ được nếp làm việc cần mẫn Ngọn đèn vẫn sáng đêm đêm trong căn phòng làm việc ở ngôi nhà hai tầng phố Tăng Bạt Hổ Thông tin khoa học xã hội từ nhiều nước vẫn được Thầy quan tâm tìm hiểu, chỉ đạo sự phát triển của từng ngành khoa học, từng Viện, không thể là việc làm chung chung mà phải sát sao, kịp thời đúng phương hướng và có nhịp độ phát triển Công lao của thầy Toàn là đã đặt nền móng cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam Năm 1975 Viện

Hàn lâm khoa học Cộng hòa dân chủ Đức và năm 1976 Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô đã phong danh hiệu Viện sĩ nước ngoài cho Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn Danh hiệu ấy xứng đáng với những đóng góp to lớn của Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn cho khoa học Trong một lần gặp thầy Toàn tôi hỏi về chuyện này và thầy Toàn cho biết đôi điều "Điều quan trọng là thực lực, vì trong nhiều trường hợp danh hiệu chỉ là tượng trưng thôi Cũng có ba bốn nước nữa muốn tặng danh hiệu viện sĩ cho mình, nhưng thôi như thế là đủ, không phải là vấn đề của số nhiều "ce n' etait pas le problème des plus" và Thầy nói thêm khe khẽ số nhiều không phải bao giờ cũng tốt Trong những dịp đến thăm Thầy tôi luôn tìm cách hỏi Thầy về cuộc đời và sự nghiệp văn thơ của Hồ Chủ tịch. Thầy bảo tôi: "Cuộc đời của ông già là một kho báu không dễ khai thác hết được" Tôi bày tỏ ý định viết một cuốn sách về tác phẩm văn của Hồ Chủ tịch bao gồm cả văn chương chính luận, truyện ký và truyện ngắn và trình bày những khó khăn trong nghiên cứu Thầy Toàn động viên tôi "Đấy là một ý định tốt, một việc rất nên làm" Thầy kể lại đôi nét về những ngày được sống và làm việc bên cạnh Hồ Chủ tịch và như sống lại với từng kỷ niệm khuôn mặt Thầy sáng lên và tươi tắn lạ thường Năm 1984 khi viết xong cuốn sách tôi báo cáo lại với thầy Toàn và bày tỏ ý định muốn xin Thầy viết cho ít dòng giới thiệu Thầy vui vẻ nhận lời Tôi nói với Thầy "Thầy ơi, em làm phiền thầy quá, Thầy không được khỏe" Thầy Toàn cười "Không sao, mình vẫn khỏe chỉ có cái chân đi lại hơi khó thôi" Lời giới thiệu của Thầy cho cuốn sách đối với tôi là một niềm khích lệ vô giá vì Thầy là một người có thẩm quyền để nói về cuộc đời và văn chương của Bác Năm tháng trôi qua, thầy Toàn cũng yếu dần Nghĩ đến Thầy một trí thức cách mạng lớn, một nhà khoa học uyên bác, tôi mạnh dạn trình bày với đồng chí Hán Giám đốc Đài truyền hình Trung ương về ý định làm một bộ phim về cuộc đời Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn Anh Hán là một người có tầm nhìn xa và anh chấp nhận đề nghị của tôi Tôi

trình bày ý của tôi với anh Thành Duy là Vu trưởng Vu Tổ chức của Ủy ban Khoa học xã hội Tôi than phiền về tình trạng bao nhiêu hình ảnh của những trí thức và văn nghệ sĩ tên tuổi đều không được ghi lại như Giáo sư Đặng Thai Mai, Phạm Huy Thông, các nhà thơ Xuân Diệu, Chế Lan Viên, nhà văn Nguyên Hồng anh Thành Duy hoan nghênh sáng kiến đó và làm giấy tờ chính thức chuyển cho Đài Truyền hình Trung ương nhưng rồi không hiểu vì sao công việc ấy không được thực hiện Thật là một tổn thất không thể bù đắp và làm lại được

Thầy Nguyễn Khánh Toàn mất vào 10 giờ 20 phút tối ngày 9/12/1993, thọ 88 tuổi, Thầy tỉnh táo và minh mẫn cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời Cô Bích người bạn đời của Thầy cho biết chỉ một vài ngày thôi mà bệnh tình đã quá nguy kịch Thầy nắm tay cô và nói khẽ "Đi với anh đi" Rất yêu thương, nhưng người còn lại chưa thể ra đi, và đây chính là lời yêu thương cuối cùng của người ra đi nói với người bạn đời yêu quý Thầy ra đi với tâm hồn thanh cao của một người trí thức lớn đang khép lại những trang đời, nhưng lòng như vẫn còn lưu luyến với cuộc sống với những người thân yêu Qua lời điếu trong lễ tang, đồng chí Nguyễn Đức Bình đã nói lên nỗi tiếc thương vô hạn của đồng chí, bạn bè "Đồng chí ra đi để lại cho chúng tôi niềm tiếc thương sâu sắc, để lại cho đất nước những đóng góp xứng đáng, để lại cho khoa học nhiều tác phẩm giá trị Đối với mọi người đồng chí để lại một tấm gương sáng về đấu tranh cách mạng và hoạt động khoa học, tên tuổi đồng chí sẽ sống mãi với thời gian sử sách và trong lòng chúng tôi Sống trọn lẽ sống, xứng đáng của một cuộc đời, đồng chí có thể thanh thản trong giấc ngủ ngàn thu" /

HÌNH ẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO SƯ, VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN TRÊN CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC, GIÁO DỤC, VĂN HÓA, XÃ HỘI, NGOẠI GIAO, BÁO CHÍ... VỚI NHIỀU CƯƠNG VỊ VÀ CHỨC VỤ

***

Chú Lĩnh,
Chớ ốm đi ốm lại mãi. Mình lo cho sức khỏe của chú. Phải gắng uống thuốc đi cho khỏi, Hoặc nhờ thầy thuốc tiêm cho. Chớ để ốm mãi như vậy, chú đã yếu mà anh cũng lo.

Thân ái và quyết thắng.

20/8/47

Anh

Thư của Bác Hồ gửi cho đồng chí Nguyễn Khánh Toàn (bí danh Lĩnh) nhân lúc đồng chí Toàn bị ốm, năm 1947



Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn ký kết Hiệp định trao đổi về văn hóa – giáo dục giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô, năm 1958



Bộ trưởng Bộ Giáo dục Cộng hòa dân chủ Đức chiêu đãi
Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn và Đoàn văn hóa giáo dục
Việt Nam sang thăm Cộng hòa dân chủ Đức, 1958



Bộ trưởng Bộ Giáo dục Tiệp Khắc tiếp Giáo sư, Viện sĩ
Nguyễn Khánh Toàn, Trưởng đoàn văn hóa – giáo dục Việt Nam
sang thăm Tiệp Khắc, 1958



Tổng thống Ghinê Xêcuturê tiếp Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, Trưởng đoàn văn hóa – giáo dục Việt Nam đi thăm và ký kết Hiệp định trao đổi văn hóa giáo dục ở một số nước Châu Phi, 3-1961



Lãnh đạo cấp cao Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp và chụp ảnh chung với Giáo sư, Viện sĩ, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoa đoi ngoai Việt Nam Nguyễn Khanh Toan nhân chuyến thăm chính thức và ky kết hiệp đinh trao đôi Văn hoa và Khoa hoc giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc ngày 1-5-1962, tai Quang trương Thiên An Môn

Trong anh, từ phải sang trai, hang đầu: Bo trưởng Ngoai giao Trung Quoc Trần Nghi (thứ 2),
Giao sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toan (thứ 8)
Chu tich Trung Quoc Mao Trach Đong (thứ 9),
Thu tướng Trung Quoc Lưu Thieu Kỳ (thứ 11)



Giáo sư, Viện sĩ
Nguyễn Khánh Toan,
làm việc tại nơi sơ tán
ở Chi Nê, Hà Sơn Bình (1972)



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn tại Chi Nê, mùa hè năm 1972
(Người đứng cạnh bên trái Giáo sư Nguyễn Khanh Toàn
là Giáo sư Bùi Đình Thanh)



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn – Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam dự lễ khai giảng lớp Hán Nôm tiền Đại học tại Viện Văn học, 1972



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn tại buổi lễ chào mừng 25 năm ngày tuyên bố độc lập của nước Lào anh em, 1970



Giáo sư Ngô Như Khang, Trưởng đoàn khảo cổ học Trung Quốc đến chào Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn nhân chuyến thăm và làm việc với Viện Khảo cổ học, 12-1974



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn và các đồng chí lãnh đạo Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam chụp ảnh với Đoàn đại biểu trí thức miền Nam ra thăm miền Bắc, tháng 9-1975



Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn và các đại biểu dự Đại hội Đảng
lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 4-1976
Từ trái sang phải đồng chí Nguyễn Khanh Toàn (thứ 1),
đồng chí Võ Nguyên Giap (thứ 2), đồng chí Nguyễn Cơ Thạch (thứ 3)



Ảnh chụp tại "Hội nghị chuyên đề lý luận bàn về Chiến lược
của đế quốc Mỹ hiện nay" do đồng chí Trường Chinh,
Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội chủ trì (1976)
Từ phải sang trái đồng chí Nguyễn Cơ Thạch (thứ 2),
Đồng chí Trường Chinh (thứ 3), đồng chí Nguyễn Khánh Toàn (thứ 4),
đồng chí Đào Văn Tập (thứ 5)



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn – Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam tiếp Giáo sư văn học NYRE thuộc Viện Văn học Hunggari, tháng 10-1977



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn – Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tiếp Đoàn đại biểu Viện Hàn lâm khoa học Ba Lan. Cùng tiếp có Giáo sư Vũ Khiêu (ngoài cùng bên phải) và Giáo sư Phạm Huy Thông – Phó Chủ nhiệm UBKHXH Việt Nam, 1978



Viện sĩ Phêđôsep, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa Liên Xô ôm hôn thăm thiết Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toàn, thể hiện tình cảm chân thành và sự hợp tác hữu nghị về khoa học giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô, tháng 11-1978



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn - Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam phát biểu tại buổi mít tinh chào mừng đoàn cán bộ khoa học Liên Xô do Viện sĩ Phêđôsép, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô dẫn đầu sang thăm và làm việc với Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, tháng 11-1978



Đoàn các nhà triết học Mácxít Nhật Bản đến chào
Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn – Chủ nhiệm Ủy ban
Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 11-1979



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn – Chủ nhiệm Ủy ban
Khoa học xã hội Việt Nam chụp ảnh với các đại biểu dự
Hội nghị khoa học về Thái Lan, ngày 26-4-1980



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toàn Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục đến dự lễ kỷ niệm 25 năm thành lập NXB Giáo dục và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất, tại Câu lạc bộ Lao động, Hà Nội ngày 1-6-1982



Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toàn đứng giữa tại Huế chào mừng Đoàn Hữu nghị Xô Viết do Trung tướng Germantitốp làm Trưởng đoàn sang thăm chính thức Việt Nam, 11-1982
(Từ trái sang phải, Trung tướng Germantitốp (thứ 2))



Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 5-1984



Giao sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toan tại Hội nghị khoa học kỷ niệm 30 năm chiên thắng Điên Biên Phủ, tháng 4-1984 tại Hà Nội
(Đại tướng Võ Nguyên Giáp đang trao đổi với Đại tướng Hoang Văn Thái)



Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn chung vui thân mật với Giáo sư Trần Đại Nghĩa, cu Nguyễn Văn Hiếu nguyên Giam đoc Nha Trung hoc Bộ Giáo dục, đồng chí Vũ Kỳ Pho Viên trưởng Viên Bảo tàng Hồ Chu Minh, cu Vương Kiêm Toàn nguyên Giam đoc Nha Binh dân hoc vu Bộ Giao dục đến chuc mưng sinh nhật lần thư 80 của Giao sư Nguyễn Khánh Toàn (1-8-1985)



Phó Chủ tich Z N PALALP thay mặt Đoàn Chủ tich Xô Viết tối cao Liên Xô, trao tặng Giao sư, Viên sĩ Nguyễn Khanh Toàn Huân chương Hữu nghi giữa các dân tôc, ngay 13-9-1985, tai Điên Cremly



Đại sứ Liên Xô Japơlin và các đồng nghiệp chúc mừng Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn nhân dịp đồng chí được Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô công nhận là Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, năm 1985 đúng dịp kỷ niệm 61 năm Cách mạng tháng Mười Nga



Đồng chí Đỗ Mười - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đến viếng Giao sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, 12-1993



GS. TS. Đỗ Hoài Nam – Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam đọc diễn văn khai mạc tại lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toàn (1/8/1905 – 1/8/2005) tại Hà Nội



GS TS Đỗ Hoài Nam – Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam và đại diện gia đình cố Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toan tại lễ truy tặng Huân chương Sao vàng cho Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, 2008

HÌNH ẢNH GIÁO SU, VIỆN SĨ NGUYỄN KHÁNH TOÀN VÀ GIA ĐÌNH

***



Nguyễn Khanh Toan lúc 21 tuổi (đứng giữa) tại gia đình
ở Thanh phố Vinh



Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toan cùng phu nhân và con trai cả Nguyễn Khánh Tiếp, năm 1954



Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn với hai con gái Anna và Bạch Lan tại Nhà sàn của Bác Hồ, tháng 6 - 1988



Bac Hồ với Anna và
Bạch Lan – hai con gái
của Giáo sư, Viện sĩ
Nguyễn Khánh Toàn - 1957



Vợ con, họ hàng, người thân chúc mừng sinh nhật
lần thứ 85 của Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khanh Toan (1- 8- 199



Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn và phu nhân, tháng 3 - 1990



Gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp và gia đình Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn chung vui nhân ngay sinh nhật lần thứ 86 của Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn (1-8-1991) tại Hà Nội

Phần IX

THƯ MỤC
CHỌN LỌC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ NHỮNG BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ
1926 - 1985

I. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG NÓI CHUNG

I.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề cách mang thế giới

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bảo vệ sư trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin *Hoc tập*, H , 1958, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bốn mươi năm dưới ngọn cờ quanh vinh của chủ nghĩa Mác - Lênin. *Nghiên cứu lich sử*, H , 1970, No 130

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chân lý của Lênin mãi mãi sáng ngời, cuộc khủng hoáng của tư bản thế giới *Nghiên cứu lich sử*, H , 1974, No 155

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa Mác-Lênin - Chân lý của thời đai *Thông tin khoa hoc xã hôi*, H , 1983, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa Mác - Lênin và văn hoc nghê thuật *Văn hoc*, H , 1968, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa Mác xây dưng con người mới, xã hôi và cá nhân *Triết hoc*, H , 1968, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chiến thắng chống chủ nghĩa phát xít Hítle đánh dấu môt bước quyết đinh trong thời kỳ quá đô từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hôi *Khoa hoc xã hôi Viêt Nam*, H , 1985, No 2.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Dưới lá cờ vĩ đai của Lênin, tiến lên *Nghiên cứu lich sử*, H , 1972, No 144

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Kỷ niêm 100 năm ngày xuất bản "Tư bản" của Các Mác. *Nghiên cứu lich sử, H* , 1967, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - "Lênin phát triển chủ nghĩa Mác trong thời đai chủ nghĩa đế quốc" *Nhân dân*, H , 30-31/3 và 1 - 4 - 1970

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một giai đoan mới trong sư phát triển của chủ nghĩa Mác - Thời đai Lênin *Hoc tâp*, H , 1959, No 4

I.2. Những vấn đề cách mang – chính trị - kinh tế - xã hội toàn cầu

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bó đuốc của Cách mang Tháng Mười sáng ngời mãi mãi khắp thế giới *Hoc tâp*, H , 1956, No 10

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mang Tháng Mười, sư kiện quy đinh thời đai chúng ta Trong cuốn *Cách mang tháng Mười vĩ đai và thời đai ngày nay* M 1977 tr 127-151 (tiếng Nga).

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản *Hoc tâp*, H , 1973, No 8.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hoà bình thế giới và cuộc đấu tranh cho hoà bình tai khu vực Đông Nam Á *Thông tin khoa hoc xã hôi*, H , 1979, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Kỷ nguyên mở đầu mùa xuân của loài người *Dân tôc hoc*, H , 1973, No 3.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một mốc lớn của lich sử thế giới. *Thông tin khoa hoc xã hôi*, H., 1982, No 11.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nguy cơ chiến tranh mới và cuốc chiến đấu cho hòa bình thế giới H , Nxb Sư thât 1950

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhân kỷ niêm 60 năm Cách mang Xã hôi chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đai - kỷ nguyên mở đầu mùa xuân của loài người *Triết hoc*, H., 1977, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những bài hoc vô giá đối với cách mang thế giới Cách mạng Tháng Mười đã vươt qua như thế nào *Nghiên cứu kinh tế*, H., 1977, No 99.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Kỷ niệm lần thứ 50 thành lập Quốc tế Công sản Học tập và phát huy truyền thống cách mạng triệt để của Quốc tế Công sản *Học tập*, H , 1969, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Quan hệ giữa các lục địa và các dân tộc, và các vấn đề dân tộc *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1980, No 8

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Trao đổi văn hoá giữa các nước, một nhu cầu của thời đại chúng ta *Học tập*, H , 1962, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vị trí và ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Tám *Nghiên cứu lịch sử*, H , 1969, No 126

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

II.1. Những lý luận nói chung về cách mạng Việt Nam

(bài nghiên cứu và xã luận)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ánh hưởng của Cách mạng Tháng Mười đối với Việt Nam Nxb *Sự thật*, H , 1962, 112 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - "Bản án chế độ thực dân Pháp" và sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản Trong cuốn "Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh" Nxb *Khoa học xã hội*, 1979, tr 45- 56

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng Tháng Mười và cách mạng Việt Nam *Học tập*, H , 1967, No 7

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng Tháng Mười xã hội chủ nghĩa vĩ đại. Cách mạng Tháng Mười và ảnh hưởng của nó đối với cách mạng thế giới và Việt Nam Nxb *Sự thật*, H 1957, 127 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mang Tháng Mười và cách mang Việt Nam Trong cuốn "Cách mang Tháng Mười và Cách mang Việt Nam" Nxb *Khoa hoc xã hôi*, H 1977, 390 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mang Tháng Tám, một thành công lớn của khoa hoc cách mang Nxb *Sư thât*, H , 1949, 19 - 8

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa Lênin và phong trào giải phóng dân tôc ở Việt Nam *Thông tin khoa hoc xã hôi*, H , 1986, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa Mác - Lênin và Việt Nam. *Nghiên cứu lich sử Đáng*, H , 1970, No 1.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ tich Hồ Chí Minh, lãnh tu vĩ đai của cách mang Việt Nam, chiến sĩ lỗi lac của cách mang thế giới *Nhân dân*, H , 1980, 5-6/5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lênin và cách mang Việt Nam. *Thông tin khoa hoc xã hôi*, H , 1980, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Môt thắng lơi có ý nghĩa lich sử vĩ đai *Luật hoc*, H., 1973, No 3-4.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ngon cờ đoàn kết quốc tế, chống phát xít, chống đế quốc *Hoc tập*, H , 1972, No 7

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Thông qua Cách mang Tháng Mười, chủ nghĩa Mác - Lênin du nhập vào Việt Nam như thế nào *Triết hoc*, H , 1967, No 11

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vấn đề dân tộc trong cách mang vô sản Thử bàn tai sao giai cấp công nhân Việt Nam nắm đia vi lãnh đao cách mang Việt Nam Tập 1, H , Nxb *Sư thật*, 1960, 157tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vi trí và ý nghĩa của Cách mang Tháng Tám *Nghiên cứu lich sử*, H , 1966, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vấn đề dân tôc trong cách mang vô sản Tập II, Nxb *Sư thât*, 1962, 168tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN- Xoá bỏ chú nghĩa thực dân là nhiêm vu của thời đai chúng ta *Nhân dân*, H , 1961, 9 - 1.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Xung quanh vấn đề chú nghĩa Mác - Lênin du nhập vào Việt Nam *Nhân dân*, H , 1972, 3-2

II.2. Những bài nghiên cứu xã luận thời kỳ trước Cách mang Tháng Tám

(Trong *Tổng tập văn hoc Việt Nam*, quyển 35, Nxb *Khoa hoc xã hôi*, H , 1980, tr 120-147)

H Đứng trước tình hình

H Căn bênh là chế đô thực dân

H Chú nghĩa công sản ở Đông Dương

H Pháp đình trung cổ của Pháp ở Đông Dương.

THANH YÊN N K T - Chế đô kỳ la của trường đai hoc Hà Nôi

H Giai đoan thứ hai của nhiêm kỳ Toàn quyền của ông Varen

THANH YÊN - Lai thêm môt nhà khai hoá cầm dùi cui

THANH YÊN - Tâm trang mới của người Việt Nam

THANH YÊN - Bắc Kỳ trong cánh lầm than dưới sư bảo hô tốt lành của nước Pháp

Những bài đăng trên báo *L'ANNAM*

(Bút danh: A, H. Hồng lĩnh, N.K.T. Thanh Yên)

- Al'instar de Voltaire, 1927, 2 juin.
- Ce que veut la jeunesse Annamite, 1927, 20 janvier
- Cérémonie à la mémoire de M Lương Văn Can, 1927, 20 juin

- Le trafic des jaunes, 1926, 30 aout
- Toujours les mêmes, 1927, 21 février
- Une doctrine qu'il faut encore dé oncer, 1927, 7 juillet
- Le communisme en Indochine, 1927, 9 juin
- Le mal, éest la colonisation, 1927, 30 mai.
- L' Inquisition Française en Indochine, 1927, 16 mai
- "Mesure de refoulement" contre les élèves indigènes, 1927, 16 mai
- Nos civilisation. Un appel aux Đêhuêistes, 1927, 9 mai
- La Prise de la Bastille, 1927, 11 juiller
- A propos des gèves scolaires d l'enségnement privé en Indochine. 1927, 5 mai
- En face des éléments, 1927, 16 juin
- Fonctionharisme en Indochine, 1927, 28 mars
- Le Tokin dans la misère noire sous la bienveillante tutelle de la France, 1927, 4 avril
- Lettre ouverte à M Thalamas, Dire teur général de L'Intruction publique en Indochine, 1927, 21 mars
- Lettre ouverte à M Varenne, Gouverneur Général de L'Indochine, au aujet de ses déclarations au Comp é central de la Ligue des Droits de LHomme à Paris, 1928, 10 mar
- La deuxième phase du ptoconsulat de M Varenne, 1927, 2 juin
- Quand nos compatriotes du Centre auron Ils un journal? 1927, 21 mars.
- Un départ peu regretté, 1927, 24 février
- Le délit démigration, 1927, 7 mar
- Dans l'antre du Cyclope 1927, 20 juin.
- Des cauchonneries coloniales 1927, 4 juillet

- Entre anarchistes 1927, 7 juillet
- L'hypocrisie de nos protecteurs 1927, 23 juin
- Justice et Galanterie 1927, 9 mai
- La Sureté indochinoise à l'oeuvre 1926, 4 novembre
- L'education normale aux colonies Une double injure 1926, 14 novembre
- L'expérience du Kouomintang 1927, 27 janvier
- L'expérience du Kouomintang (II) 1927, 27 février.
- L'ingratitude de noa protecteurs 1927, 13 juin
- Le machiavélisme européen en Chine 1927, 11 avril
- Le mouahardage dans la colonie 1927, mars
- Le rôle del Internationale des travailleurs de l'enseignement 1927, 9 juin
- Une réplique à la lettre ouverte du Colonel Đỗ Hữu Chuẩn 1926, 26, juillet
- Tribune libre 1927, 16 mai
- Sous le régime du cabinet noir 1926, 6 septembre
- Vantardise 1927, 28 février
- Le singulier régime de l'Université de Hanoi 1927, 23 mai
- Des bourdes mal brossées 1927, 28 mars

  Le nouvel etat d'esprit des annamites 1927, 19 mai
- La brutalité du Pandore 1927, 28 févfier
- Les amicales en Indochine 1927, 24 mars
- Les jardins d'enfants au Tonkin. 1927, 10 mars
- Le Tonkin dans la misère noire sous la bienveillante tutelle de la France II L'Annam 1927, 7 avril, P L
- Le Tonkin dans la misère noire sous la bienveillanté tutelle de la France III 1927 14 avril

II.3. Những bài báo và xã luân thời kỳ đầu Cách mạng tháng Tám mới thành công

(Những bài viết trên báo Le Peuple
Bút danh Cổ Tích)

- Assaut de Vanité 1946, No 52
- Bouddha en mauvaise posture 1946, No 38
- "Cacher sa téte tout en laissant voir son derrière 1946, No 22.
- Ce monsieur ci et cette madame là. 1946, No 45
- Comment le Trạng Quỳnh s'y prenait pour duper les gens les mieux avertis 1946, No 25.
- Docteur Grenouille 1946, No 37.
- Il y aura trois semaines 1946, No 10
- L'accusé, les plaignants et le juge. 1946, No 47
- Le chat du roi et le chat du peuple 1946, No 23
- La révolte des anges 1946, No 4
- Le caprice de Mairanne 1946, No 42
- Le malheur davoir de l'esprit ou un collègue vietnamien de l'archevêque de Grenade 1946, No 30.
- Les pêches de "longévité" 1946, No 21
- Le Trang Quỳnh, peintre de génie. 1946, No 21
- Le Trang Quỳnh, premier lettré du pays. 1946, No 33
- Les dieux protégés par le Trang Quỳnh 1946, No 26
- Les dieux roulés par le Trang Quỳnh 1946, No 32
- Plus savant que son maitre 1946, No 40
- Pris la main dans le sac 1946, No 44
- Quand l'hôte est trop exigeant 1946, No 51.
- Têtative d'empoisonnement du roi ou voyage aux frais de la princesse 1946, No 28

- Un buffleton vietnamien suffisait à battre un grand buffle chinois 1946, No 34
- Un champion 1946, No 46
- Un gourmand qui sers puni 1946, No 48
- Un habile devin 1946, No 35
- Un moyen de sacquitter de ses dettes 1946, No 27

(Những bài viết dưới bút danh MỈA MAI)

- Ces messieurs de "L'épopue" sont des dialecticiens nés 1946, No 50
- Ceux qui meurent jeunes sont aimés des dieux 1946, No 45
- Conte des mille et une nuits Le dormeur éveillé 1946, No 25
- Corporationdesdevinsetdessorriresou Gouvernement des techniciens, médecins et philosophes 1946, No 22
- Dictionnaire philosophique Colonialiste 1946, No 15
- Encore un gouvernement de techniciens 1946, No 28
- Etourderie enfantine et indulgence maternelle No 19
- Fatuité politique 1946, No 52
- Il faut rendre à César ect 1946, No 11, 12 mai
- La cigale et la fourmi 1946, No 31
- L'art de plaire aux femmes 1946, No 20
- La progéniture de Cauchon Le Peuple, 1946, No 12 – 13, 19 mai, p 23
- De la résistance à la De la Chevrotière 1946, No 29
- Les noix vietnamiens et dents artif cielles de Monsieur Indosinicus. 1946, No 48
- Le drapeau national 1946, No 24
- L'oeuvre des immortels 1946, No 26

- Les habitants de la lune 1946, No 41, 25 aout
- Fille – Mère 1946, No 23.
- Mes condoléances à MM Thinh, Xuân et consorts 1946, No 18
- "Nos ancêtres les Gaulois " 1946, No 17
- Notre contribution à la acience atomique 1946, No 27
- Oeuvres pacifiques des pacificateurs 1946, No 40
- On ne badine pas avec la royauté 1946, No 21
- Où l'autruche et Mister Churchill sentendent, et où ils ne sentendent point 1946, No 1
- Où va Fontainebleau? 1946, No 35.
- Les hommers des quatre coine de L'ulivers soft frèves No 36
- Potraits d'hommes illustres Edouard, 1946, No 32
- Pour que le Nippon Koku ne kokufie plus les gens 1946, No 30.
- Pudeur colonialiate, 1946, No 47.
- Quand le ridicule ne tu pas, 1946, No 38.
- Soldats mandarins. 1946, No 42.
- Un conciliateur, 1946, No 33.
- Un type original, M Edouard Herriot, 1946, No 43.
- Une gaffe, 1946, No 44
- Vive le Gouverneur socialiste Varenne! 1946, No 46
- Voilà où se retrouvent Confucius et les phi losophes occidentaux, 1946, No 34

* * *

(Những bài viết trên báo *Le Peuple* dưới bút danh N.K.T)

- A propos de la délégation du Gouverement français Le Peuple, 1946, No 2, 11 avril, p 1
- A propos de Nguyễn Văn Xuân et Cie, 1946, No 27
- Aux compatriotes du Nam Bô, 1946, No 50
- Aimons et haissons, 1946, No 20
- Bắc Sơn, première scène de l'acte final Le Peuple, 1946, No 51
- Ce qu'est un peuple libéré, 1946, No 43
- Ce qu'il faut et ce qu'il ne faut pas faire, 1946, No 6
- Coalition nationale, 1946, No 17
- Dangereuses suggestions, 1946, No 52
- Đa số người Pháp tán thành nền dân chủ, 1946, No 65 (tiếng Pháp)
- De l'union francaise à l'unité Vietnamience, 1946, No 19
- Đi với Việt Nam, mọi việc đều xong, không có Việt Nam chẳng được gì cả, 1946, No 82
- Dưới ánh sáng của những sự kiện xảy ra tại Hà Nội chúng ta sẵn sàng, 1946, No 83 (tiếng Pháp).
- Fête de la resurrection, 1946, No 40
- Gửi các vị đầy tớ của nhân dân, 1946, No 64 (tiếng Pháp)
- Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ công hoà, 1946, No 63 (tiếng Pháp)
- Họ đã xứng đáng với Tổ quốc, 1946, 3 - 10 (tiếng Pháp)
- Il ne faut jurer de rien, 1946, No 14
- Ily aura trois semaines, 1946, No 10
- Ils ont été trouver la France, 1946, No 14
- Ils ont notre confiance absolue, 1946, No 16.

- Kẻ nào gieo gió thì gặp bão, 1946, No 57 (tiếng Pháp)
- Kính chào Người Hồ Chí Minh' 1946, No 58 (tiếng Pháp)
- Le ciel commence à séclaireir, 1946, No 41
- La force d'avant- garde du peuple, 1946, No 44
- L'esprit d'entente, 1946, No 24
- La fédération indochinoise, 1946, No 5
- La portée internationale de la Révolution dAout, 1946, No 39.
- Le sens d'ure grève générale, 1946, No 25.
- Le Nam Bô a été, est et sera nôtre, 1946, No 15
- L'offerensive contre les plateaux Mois, 1946, No 26
- Le peuple laborieux de France et nous, 1946, No 22,
- Le Viêt Minh, 1946, No 39
- Les gradiens de l'ordre révolutionaire, 1946, No 30
- Les peuples nè se haissent pas, 1946, No 42
- Les préparatifs du référendum au Nam Bô, 1946, No 11
- Les taches immédiates de la délégation française, 1946, No 3
- Leutre ouverts aux militaires français, 1946, No 33
- Niềm mong ước của chúng ta gửi Quốc hôi, 1946, No 60 (tiếng Pháp)
- Noitre délégation et la paix du monde, 1946, No 35
- On va tout de même un peu fort , 1946, No 45
- Pas de solution boiteuse, 1946, No 32.
- Prechaines régociations et intrigues colonialistes 1946, No 21
- Paris et son peuple, 1946, No 29.
- Pour la paix, 1946, No 34

- Pour le rayonnement de l'union Française, 1946, No 28
- Paroles historiques 1946, No 27
- Pour une solution rapide 1946, No 38
- Que la France choisisse! 1946, No 31
- Redoublons de vigilance 1946, No 23
- Signer et applique 1946, No 48
- "Une année après sa mort, il n'est plus vivant" 1946, No 51
- Unissons-nous 1946, No 8
- Vive l'Hitlerisme !1946, No 46

Những bài về thời sự quốc tế viết trên báo *SỰ THẬT* (Hà Nội, 1946) dưới bút danh TRẦN QUỐC BẢO

- Sự thật đọc sách canh nông Việt Nam, No 32
  Anh rút quân khỏi Ai Cập, No 36.
- Ba ổ phát xít mới· Tây Ban Nha, Hy Lạp, Nhật No 34
- Bản hiến pháp mới của Pháp được thông qua No 58
- Biến cố Lư Cầu Kiều No 44
- Các dân tộc nhỏ yếu và Liên Hiệp quốc No 19
- Chính phhủ Pháp mới thành lập No 42
- Cuộc bầu cử Hội đồng Cộng hoà ở Pháp No 64
- Cuộc nội chiến ở Tàu bước vào giai đoạn mới, No 63
- Cuộc nổi loạn ở Tàu, No 37
- Cuộc tổng tuyển cử ở Pháp, No 39
- Cuộc xung đột Pháp - Xiêm, No 38
- Dưới ngọn cờ của Đảng Lênin - Xtalin, No 61
- Hiến pháp mới của nước Pháp, No 57

- Hiệp ước Anh - Xiêm, No 12
- Hội nghị chính trị hiệp thương ở Tàu, No 55
- Hội nghị hoà bình, No 52
- Hội nghị Mac Tư Khoa và vấn đề Đông Dương, No 54
- Hội nghị Phôngtennơblô sẽ tiếp tục, No 51
- Hội nghị tứ cường lần thứ hai, No 41
- Hội nghị tứ cường ở Pari, No 32
- Hội nghị tứ cường và vấn đề Tơriet, No 35.
- Kết quả của Hội nghị Hoà bình, No 59
- Kỷ niệm một năm phát xít Nhật đầu hàng, No 49
- Liên Hiệp quốc, No 15
- Lấy vốn đâu mà xây dưng nền kinh tế quốc dân, No 39
- Liên Xô và Thổ Nhĩ Kỳ, No 9
- Mong hội nghị Liên Á chóng thành lập, No 54
- Một năm ở Thái Bình Dương, No 50
- Ngày 1 tháng 5 đầu tiên ở nước Việt Nam tư do, No 35
- Người con đẻ của nhân dân, No 37.
- Nội chiến Tàu lại nổi lên, No 48
- Nôi tình nước Pháp, No 55
- Phong trào đôc lâp của Ấn Độ, No 23
- Tình hình Ấn Đô, No 46
- Tình hình nôi chiến ở Tàu, No 68
- Tiêu diệt chế đô Phơrăngcô, No 45
- Tiền đề của hội nghị Phôngtennơblô, No 46.
- Vấn đề dân Do Thái đi sang Palestin, No 13.
- Quốc Cộng xung dôt ở Mãn Châu, No 64.
- Vấn đề dân tôc thiểu số, No 42

- Vấn đề Quốc Công ở Tàu và chính sách Mỹ, No 43
- Vận động tuyển cử ở Pháp, No 60
- Về chính phủ Quốc dân Ấn Độ, No 53
- Xung quanh cuộc bầu cử Chủ tịch Pháp, No 68
- Ý nghĩa Độc lập của Phi Luật Tân, No 44

II.4. Những bài nghiên cứu về kháng chiến chống Pháp

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục kháng chiến *Sự thật*, H., 1947, No 73

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tình hình chính trị trong nước từ sau Hiệp định sơ bộ *Cứu quốc*, H , 1956, 5-8

II.5. Những sách và bài viết về đấu tranh chống Mỹ thống nhất đất nước.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những bộ mặt của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam. *Văn học*, H , 1978, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, *Quân đội nhân dân*, H , 1957, No 23.7-8

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Toàn thế giới ủng hộ chúng ta, Nxb *Lao động*, H , 1966, 154 tr

II.6. Về Đảng Cộng sản Việt Nam

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, có Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, dân tộc Việt Nam trở nên một lực lượng to lớn của thời đại anh hùng cua chúng ta *Nghiên cứu lịch sử*, H , 1975, No 161

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đảng Công sản lãnh đạo, *Luật học*, H , 1981, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đảng Công sản Việt Nam quang vinh muôn năm, *Luật học*, H , 1985, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đang Công sản Viêt Nam Người tổ chức và cổ vũ tất ca những thắng lơi của Viêt Nam, *Nhân dân*, H , 1981, 3-2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đảng Công sản Viêt Nam và cuôc cách mang văn hoá Văn hoá xã hôi chủ nghĩa, môt giai đoan mới trong sư tiến bô văn hóa cúa nhân loai, Nxb. *Khoa hoc xã hôi*, H , 1983.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đón mừng Đai hôi lich sử lần thứ 4 của Đảng Lao đông Viêt Nam, *Luật hoc*, H , 1976, No 3.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhiêt liêt đón mừng Đai hôi lich sử lần thứ 4 của Đảng Lao đông Viêt Nam: Đôi ngũ kiên cường và quang vinh của phong trào cộng sản quốc tế *Nghiên cứu kinh tế*, H , 1976, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vai trò lãnh đạo của Đảng Công sản Viêt Nam. Hiến pháp nước Công hoà xã hôi chủ nghĩa Việt Nam tập I, tr 85- 94, *Nxb Khoa hoc xã hôi*, H., 1985

II.7. Về Chủ tich Hồ Chí Minh

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - À noitre vénéré chef confiance, amour et gratitute. *Le Peuple*, 1946, No 47

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bác Hồ của chúng ta, *Văn hoc*, H., 1969, No 12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bác luôn ở bên canh chúng ta, Nxb, *Khoa hoc xã hội*, H , 1970, 44tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN- Bác Hồ, nhà giáo duc thiên tài vĩ đai nhất, cũng là giản dị nhất của dân tôc ta Trong cuốn *40 mùa thu khai trường* Bô Giáo duc và Công đoàn Giáo duc Viêt Nam xuất bản, H , 1975

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bác sống mãi mãi trong lòng chúng ta, trong sư nghiêp cách mang vĩ đai của chúng ta, *Khảo cổ hoc*, H , 1969, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hồ Chủ tịch nhà kiến trúc thiên tài của lịch sử Việt Nam hiện đại, *Nghiên cứu lịch sử*, H , 1972, No 144

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục thanh niên theo gương Bác Hồ vĩ đại, *Xã hội học*, H , 1985, số 2 (10)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hồ Chủ tịch - Người cha, người thầy vĩ đại của dân tộc, vị lãnh tụ thiên tài đời đời kính yêu của cách mạng Việt Nam - Triết học, H , 1976, No 2 3- 21, *Nghiên cứu lịch sử*, H , 6 - 1965, 3 (168)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hồ Chủ tịch, nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc *Người giáo viên nhân dân*, H , 1968, No 285

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hồ Chí Minh niềm tự hào của dân tộc và của loài người, *Thông tin Khoa học xã hội*, H , 1981, No 5, tr 16 - 25

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hồ Chủ tịch và tình đoàn kết quốc tế, *Học tập*, H , 1972, No 11, tr 14 - 20

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hồ Chủ tịch và văn học *Văn học*, H , 1970, No 4, tr 1 - 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ tịch Hồ Chí Minh, người khai sinh cho nền giáo dục quốc dân của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, *Người giáo viên nhân dân*, H , 1985, tr 22 - 23

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Người con dẻ của nhân dân - Hồ Chí Minh, *Sự thật*, H , 1946, No 37

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhờ Bác mà tôi đi đến chủ nghĩa công sản, *Nghiên cứu lịch sử Đảng*, H , 1971, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những ngày tháng 5 sống gần Bác mãi mãi không quên, *Đại đoàn kết*, H , 1984, No 11

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Thiên tài của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, *Tổ quốc* H , 1960, No 151, tr 16 - 20

II.8. Những vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội

HỒNG LĨNH - Một trang sử vẻ vang của dân tộc ta, *Công sản,* H , 1981, No 3

NGUYÊN KHÁNH TOÀN - Hai mươi năm tiến trên con đường xã hội chủ nghĩa, *Nghiên cứu lịch sử,* H , 1974, No 158

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nâng cao ý thức tổ chức Việt Nam xã hội chủ nghĩa, *Dân tộc học,* H , 1980, No 1

II.9. Những vấn đề chính trị và xã hội khác

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa vĩ đại, Nxb *Sự thật,* H , 1957, 127 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ, Nxb *Sự thật,* H , 1961

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Công sản với gia đình, Nxb *Sự thật,* H , 1949, 72 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hãy xứng đáng hơn nữa với sự quan tâm và lòng mong chờ của Đảng và Nhà nước, *Nghiên cứu kinh tế,* H , 1981, No 6

HỒNG LĨNH - Học tập và phát huy truyền thống cách mạng triệt để của Quốc tế Công sản, *Học tập,* H., 1961, No 3

NGUYÊN KHÁNH TOÀN - Lao động chân tay và lao động trí óc, Nxb *Sự thật,* H , 1950, 62 tr

NGUYÊN KHÁNH TOÀN - Mấy vấn đề về giáo dục chủ nghĩa công sản cho thế hệ trẻ *Công sản,* H , 1982, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những truyền thống vẻ vang của Cách mạng tháng Tám về thanh niên. *Thanh niên,* H , 1982, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Pur le 25è anniversaire de la R D V La République Démocratique du Vietnam à vingtcin ans. *Temp Nouveaux,* M 1970

II.10. Bài viết về đấu tranh chống bành chướng Trung Quốc

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bat cuốn "Văn hoc Viêt Nam trên những chăng đường chống phong kiến Trung Quốc", Nxb *Khoa hoc xã hôi*, H , 1981

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cá nước môt lòng, toàn dân là lính *Thông tin Khoa hoc xã hôi*, H , 1979, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Khảo cổ hoc và chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn của những người cầm quyền phản đông Bắc Kinh. *Khảo cổ hoc*, H , 1979, No 4.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tiêu diêt giặc Trung Quốc xâm lược, không có gì quý hơn đôc lâp tư do *Triết hoc*, H , 1979, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tư tưởng Mao Trach Đông - Môt công cu của các thế lực phản đông quốc tế *Thông tin Khoa hoc xã hôi*, H , 1981, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - "Bài hoc lich sử vô giá, trang sử mới huy hoàng" *Nhân dân*, H , 1979, No 9061

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về phương hướng nghiên cứu vấn đề Trung Quốc *Thông tin Khoa hoc xã hôi*, H , 1979, No 1

III. NHỮNG VẤN ĐỀ KHOA HỌC XÃ HỘI

III.1. Lý luận chung và những vấn đề nghiên cứu Khoa học xã hội Viêt Nam

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bài phát biểu tai hôi nghi khoa hoc kỷ niêm 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu *Văn hoc*, H , 1982, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Báo cáo về Khoa hoc xã hôi - Kỷ yếu Hôi nghi Văn hóa toàn quốc lần thứ 2 Viêt Bắc, *Hôi Văn hóa Viêt Nam*, 1948

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mang và khoa hoc, *Tin tức hoat đông khoa hoc,* H , 1959

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Diễn văn khai mac Hôi nghi khoa hoc về Nghi quyết lần thứ 6 của Trung ương Đảng *Thông tin Khoa hoc xã hôi,* H , 1980 No 1.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Diễn văn khai mac tai "Hôi nghi khoa học 65 năm văn hoc Xô viết". *Văn hoc,* H . 1983. No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Diễn văn đoc tại Hôi nghi khoa hoc toàn quốc về Nguyễn Trãi, *Nhân dân,* H , 1980 tr 3 - 10

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đường lối khoa hoc của chúng ta *Hoc tâp,* H , 1959 No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giá trị văn hóa tinh thần của Viêt Nam *Công sản,* H , 1982 No 12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Khoa hoc xã hôi trước bước ngoăt vĩ đai. *Văn hoc,* H , 1973, No 6.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Khoa hoc xã hôi và đấu tranh cách mang *Hoc tâp,* H , 1967, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lãnh tu *Văn hoc,* H , 1970 No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời điếu đồng chí Trần Huy Liệu, *Nghiên cứu lich sử,* H , 1969, No 125

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời khai mac Hôi nghi khoa hoc lần thứ nhất về đồng bằng sông Cửu Long. Trong cuốn "Môt số vấn đề khoa hoc xã hôi về đồng bằng sông Cửu Long" Nxb *Khoa hoc xã hôi,* H , 1982

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Môt gợi ý về lề lối làm viêc và phương hướng phát triển của các ngành khoa hoc xã hôi *Khảo cổ,* H , 1969, No 3 - 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhân kỷ niêm 150 năm ngày sinh Các Mác Chủ nghĩa Mác và văn hoc nghê thuât *Văn hoc,* H., 1968, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phương hướng nghiên cứu khoa học của chúng ta *Hoạt động khoa học*, H , 1968, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tên tuổi Nguyễn Trãi gắn liền với một trong những trang sử vẻ vang nhất của Việt Nam thời Trung đại *Hà Nội mới*, 1980, ngày 3-10

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tình hình năm 1961 và sự hoạt động của các ngành khoa học xã hội, phương hướng hoạt động trong kế hoạch 5 năm và trong năm 1962 *Tin tức hoạt động khoa học*, H , 1962, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Trích diễn văn đọc trong buổi lễ Kỷ niệm 100 năm ngày sinh M Gorki tại Hà Nội ngày 15-6-4968 *Văn học* H , 1968, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Việc xây dựng con người mới và trách nhiệm của khoa học xã hội *Học tập*, H , 1968, No 8

III.2. Những bài viết và sách nghiên cứu các khoa học xã hội riêng biệt

III.2.1. Triết học - Tâm lý học - Xã hội học

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng Việt Nam và chủ nghĩa duy vật lịch sử *Triết học*, H , 1975, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hòa bình *Triết học*, H , 1979, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa công sản khoa học "Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh" Nxb *Sự thật*, H , 1982, tr 7-26

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời khai mạc Hội nghị biên soạn lịch sử tư tưởng Việt Nam *Triết học*, H., 1969, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Mấy nét về truyền thống dân tộc trong buổi đầu dựng nước và giữ nước. *Triết học*, H , 1973, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những nhiêm vu của xã hôi hoc Viêt Nam hiên nay *Xã hôi hoc,* H , 1983, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Thời đai chúng ta *Triết hoc,* H , 1967, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tính tất yếu của xã hôi hoc trong xã hôi ta ngày nay *Xã hôi hoc,* H , 1983, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Triết hoc và thời đai *Triết hoc,* H , 1981, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về cuôc đấu tranh tư tưởng trong thời đai chúng ta *Triết hoc,* H , 1968, No 10

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về đức duc và mỹ duc đối với thế hê trẻ *Triết hoc,* H , 1974, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về giá trı văn hóa và tınh thần Viêt Nam Kỷ yếu cuôc toa đàm tai Viên Mác - Lênın ngày 22-9-1982 *Về giá trı văn hóa tınh thần Viêt Nam,* tập 1, H , 1983, tr 27- 28

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - "Về cuốn lich sử tư tưởng Viêt Nam" *Triết hoc,* H , 1984, No 47

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về tư tưởng yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi *Triết hoc,* H , 1980, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Xây dựng xã hôi Viêt Nam lành manh, văn mınh, tiên tiến *Xã hôi hoc,* H., 1983, No 1

III.2.2. Lich sử – Khảo cổ – Dân tôc hoc

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bài nói chuyên về công xã nông thôn Viêt Nam, H , 1970 *(Tư liêu Viên Sử hoc)*

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bài phát biểu tai Hôi nghı 15 năm thành lâp Viên Dân tôc hoc *Dân tôc hoc,* H , 1983, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Công tác dân tôc hoc theo phương hướng của Nghı quyết 22 *Dân tôc hoc,* H , 1975, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Công tác nghiên cứu dân tộc học trong tình hình hiện nay *Dân tộc học*, H , 1982, No 1.

NGUYỄN KHÁNH TOAN - Đề cương lịch sử văn hóa Việt Nam Nxb Khoa học xã hội, H , 1983, 74 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đề cương lịch sử Việt Nam *Uy ban Khoa học xã hội Việt Nam* H , 1970. 300 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đề cương lịch sử Việt Nam tập II *Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam*, H , 1981, 76 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Góp một số ý kiến về lề lối làm việc của cán bộ làm công tác nghiên cứu về dân tộc học *Dân tộc học*, H , 1974, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hôn nhân và gia đình trong lịch sử *Xã hội học*, H , 1983, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời mở đầu và kết luận cuốn "Lịch sử Việt Nam" tập I, Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1971

NGUYỄN KHÁNH TOAN - Lời nói đầu cuốn "Lịch sư Việt Nam" tập II, tr 9 - 19 Nxb *Khoa học xã hội*, H 1985

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời giới thiệu cuốn "Bản án chế đô thực dân Pháp", Nxb *Sự thật*, H , 1975, tr 7-19

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Khảo cô học trong giai đoạn mới của lịch sử dân tộc *Khảo cổ học*, H , 1977 No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Kỷ niệm 50 năm "Bản án chế đô thực dân Pháp", một sự kiện lịch sử, một nhát cuốc đao mồ chôn chủ nghĩa thực dân *Nghiên cứu lịch sử*, H , 1975, No 161, tr 3-7

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lịch sử anh hùng của một dân tộc anh hùng *Học tập*, H , 1971, No 10

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lịch sư dân tộc Việt Nam, một bản anh hùng ca vĩ đại *Nhân dân*, H , 1971, 14 - 15 tháng 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời giới thiêu cuôn "Đai Viêt sử ký toàn thư", Nxb *Khoa hoc xã hôi,* H , 1982

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Mấy bài hoc của Xô viết Nghê Tĩnh. *Thư viên Bảo tàng Cách mang,* H , 1961.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Môt nền văn hóa cổ vĩ đai *Nhân dân,* H , 1959, No 1835, 24-3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Môt vài quan điểm cơ bản cần đươc quán triêt trong quá trình xây dưng danh muc các dân tộc thiểu số ở miền Bắc nước ta. *Dân tôc hoc,* H , 1974, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ngành sử hoc phuc vu cách mang, phục vu nhân dân. *Nghiên cứu lich sử,* H., 1959, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhân xét về cuốn Lich sử văn học Viêt Nam (T.I) *Thông tin Khoa hoc xã hôi,* H., 1978, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhân xét về quyên "Le Vietnam" của J. Chesneaux, 9 trang. Tl 35 Thư viên Viên Sử hoc

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những điều cần chú ý hiện nay trong khi bàn về phương pháp luân sử hoc *Nghiên cứu lich sử,* H , 1966, No 90

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những nhiêm vu trước mắt của Viên Dân tôc hoc *Dân tôc hoc,* H , 1976, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phần thưởng cao quý dành cho ngành sử hoc *Nghiên cứu lich sử,* H , 1980, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Sơ lươc sử Viêt Nam Khu giáo duc Liên khu V, 1954 (Thư viên *Viên Báo tàng Cách mang*)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Thắng lơi lich sử vĩ đai. *Nghiên cứu lich sử,* H , 1972, No 147

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Thư gửi Hội nghị Sử học các trường Đại học lần thứ nhất tại thành phố Hồ Chí Minh Sử học số 2 – Những vấn đề khoa học lịch sử ngày nay Nxb *Đại học và Trung học chuyên nghiệp,* H , 1981

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tóm tắt lịch sử Cách mạng tháng Mười, H , Nxb *Sự thật,* xuất bản lần thứ ba, 1967, 32 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vài gợi ý về việc biên soạn cuốn sử Việt Nam về thời kỳ bắt đầu dựng nước Hùng Vương - An Dương Vương, Văn Lang - Âu Lạc Vai trò của khảo cổ trong việc soi sáng những vấn đề thuộc giai đoạn ấy *Khảo cổ học,* H , 1959, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vài nét về phương hướng công tác nghiên cứu lịch sử địa phương và chuyên ngành *Nghiên cứu lịch sử,* H , 1979, No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vài nét nhận xét về thời kỳ từ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn (Gia Long) *Bộ Giáo dục,* H , 1954, 60 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Văn minh thời Trần *Khảo cổ học,* H , 1970, No 3

HỒNG LĨNH - Vấn đề dân tộc thiểu số Nxb *Sự thật,* H , 1976, No 42

NGUYÊN KHÁNH TOÀN - Về phương hướng và nhiệm vụ nghiên cứu của Dân tộc học hiện nay *Thông tin Khoa học xã hội,* H , 1979, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về phương hướng và nhiệm vụ nghiên cứu Đông Nam Á của chúng ta *Thông tin Khoa học,* H , No 5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về vấn đề dân tộc và dân tộc học. *Dân tộc học,* H , 1981, No 1

NGUYÊN KHÁNH TOÀN - Việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam *Thông tin Khoa học xã hội,* H , 1982, No 7

THANH LƯƠNG (N K T) - Histoire resumée du Vietnam Nxb *Ngoại văn*, H , 1966

III.2.3. Kinh tế học – Luật học

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng tháng Mười và vấn đề chính quyền *Nghiên cứu Nhà nước và Pháp quyền*, H , 1968, tập 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng tháng Mười và vấn đề chính quyền *Nghiên cứu Nhà nước và Pháp quyền*, H , No 68, tập 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đẩy mạnh công tác luật học *Nghiên cứu Nhà nước va Pháp quyền*, H , 1963, tập I

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục tuân thủ pháp chế xã hội chủ nghĩa là nâng cao lập trường tư tưởng và bồi dưỡng đạo đức cách mạng *Nghiên cứu Nhà nước va Pháp quyền*, H , 1963, tập 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lịch sử Việt Nam và hiến pháp năm 1980 Nxb *Khoa học xã hội*, tập II, tr 371 - 392 H., 1985

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa và công tác nghiên cứu luật học. *Nghiên cứu Nhà nước và Pháp quyền*, H , 1963, tập I

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa *Luật học*, H , 1972, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN (HỒNG LĨNH) - Tư bản Mỹ Nxb *Sự thật*, H , 1951

III.2.4. Văn học - Ngôn ngữ học - Văn hóa - Nghệ thuật

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bài phát biểu trong Hội nghị Văn học dân gian toàn miền Bắc Trong cuốn *Những ý kiến về văn học dân gian Việt Nam*, Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1966

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Bước ngoặt vĩ đại và ngành ngôn ngữ học *Ngôn ngữ*, H , 1973, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cách mạng tháng Mười và văn học *Văn học*, H . 1967, No 11

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chuẩn hóa tiếng nói của dân tộc là một vấn đề cực kỳ quan trọng *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1979, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chuẩn hóa tiếng Việt *Ngôn ngữ*, H , 1978, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đại cương văn học sử Việt Nam Nxb *Giáo dục*, H , 1954

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đề tựa cho cuốn "Về tính dân tộc trong văn học" của Thành Duy, Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1982.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt - một nghĩa vụ cao cả của giới ngôn ngữ *Ngôn ngữ*, H , 1980, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hai quan điểm về văn hóa dân gian *Văn hóa dân gian*, H , 1983, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Làm cho ngôn ngữ trở thành một công cụ sắc bén để phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng *Ngôn ngữ*, H . 1982, No 11.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời khai mạc Hội nghị khoa học "Bàn về vấn đề thuật ngữ khoa học nước ngoài" Trong cuốn *Về vấn đề xây dựng thuật ngữ khoa học* Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1977, (In lần 2)

NGUYỄN KHÁNH TOAN - Nhà thi hào dân tộc Nguyễn Du và sự nghiệp văn học của ông *Văn nghệ*, H , 1965, No 135

NGUYỄN KHÁNH TOAN - Lời phát biểu nhân kỷ niệm năm năm ngày thành lập Viện Văn học *Văn học*, H . 1964, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời phát biểu tại Hội nghị vấn đề thư tịch Hán Nôm Trong *Thư tịch cổ và nhiệm vụ mới* Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1979

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lời tựa *Tổng tập văn học*, quyển 1 Nxb *Khoa học xã hội*, H., 1980, tr. 11 - 48

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Mácxim Goorki *Văn học*, H , 1968, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Mácxim Goorki sống mãi *Văn học*, H., 1978, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nguyễn Du nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam Nxb. *Khoa học xã hội*, H , 1964

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nguyên Đình Chiểu - nhà trí thức miền Nam rất xưa mà cũng rất nay *Viện Văn học* xuất bản, 1973

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nguyễn Du và thời đại của ông Trong *Xung quanh một số vấn đề về văn học và giáo dục* Nxb. *Khoa học xã hội*, H , 1972

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một số vấn đề về ngôn ngữ học Việt Nam Nxb *Đại học và Trung học chuyên nghiệp*, H , 1981

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nguyễn Trãi, nhà văn nhà anh hùng dân tộc. *Văn học*, H., 1980, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phải triệt để khai thác vốn văn nghệ dân gian giàu có của dân tộc *Văn học*, H , 1967, No 1.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN (Bút danh Nguyễn Thị Đoan Trang) - Phê bình *Văn nghệ bình dân* của Trương Tửu *Người giáo viên nhân dân*, H , 1952, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tiếng Việt và dạy đại học bằng tiếng Việt Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1967, tr 136

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Truyền thống cao quý và nền văn hóa vững chắc của dân tộc *Cộng sản,* H , 1980, No 10

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tưa *Tổng tập văn học,* quyển 36 (Văn thơ Hồ Chủ tịch) Nxb *Khoa học xã hội,* H , 1980

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tưa cuốn *Lịch sử văn học Việt Nam,* tập 1 Nxb *Khoa học xã hội,* H , 1980, tr 7 - 16

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tưa cuốn *Tác phẩm văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh* Nxb Khoa học xã hội, H , 1985

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vai trò của văn học dân gian trong văn học Việt Nam nói chung, trong *Truyện Kiều* nói riêng *Văn học,* H , 1965, No 11

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Văn hóa dân gian *Văn hoa dân gian* H , 1983, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Văn hóa dân gian và chủ nghĩa xã hội *Văn hóa dân gian,* H., 1982, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Văn học dân gian Việt Nam, một biểu hiện độc đáo và xuất sắc sức sống mãnh liệt của dân tộc *Văn học,* H , 1974, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Văn học Việt Nam biểu hiện sâu sắc bản lĩnh dân tộc *Văn học,* H , 1979. No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Văn nghệ, bộ phận của sự nghiệp cách mạng *Văn nghệ,* H , 1968, No 257

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về lịch sử tiếng Việt *Ngôn ngữ,* H , 1978, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về văn học các dân tộc thiểu số ở Việt Nam Trong "Về văn hóa các dân tộc thiểu số". Nxb *Văn hóa,* H , 1976

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về văn học các dân tộc thiểu số ở Việt Nam *Văn học*, H , 1981, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về việc biên soạn một cuốn ngữ pháp phổ thông *Ngôn ngữ*, H , 1969, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về nhiệm vụ của ngành ngôn ngữ học *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1978, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Xung quanh một số vấn đề về văn học và giáo dục Nxb *Khoa học xã hội*, H., 1972, 723 tr

III.2.5. Giáo dục

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cán bộ giáo dục cần được bồi dưỡng *Giáo dục nhân dân*, H , 1945, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Cần thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành giáo dục trong tình hình mới *Học tập*, H , 1965, No 11

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chấn chỉnh lề lối làm việc của cơ quan lãnh đạo giáo dục tỉnh như thế nào *Giáo dục nhân dân*, H., 1956, No 15

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chống lãng phí trong ngành *Giáo dục nhân dân*, H , 1957, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Dạy học là phục vụ nhân dân Nxb *Giáo dục*, H , 1962, 74 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Diễn văn đọc trong buổi lễ phát phần thưởng cho học sinh Trường Cao đẳng Sư phạm (Thư viện *Viện Bảo tàng cách mạng*), H , 1952

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục ở miền núi nhằm hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và thực hiện chủ trương "Miền núi tiến kịp miền xuôi" *Học tập*, H , 1964, No 8

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục dân chu mới (chuẩn bị cải cách giáo dục lần thứ 1) Nxb *Giáo dục,* H , 1947, 38 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục bình dân ở các nước *Ty Bình dân học vụ Hải Dương,* H , 1949, 64 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục nhi đồng *Ty Giáo dục Quảng Nam,* 1951, 24 tr (Thư viện *Viện Bảo tàng Cách mạng*)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục nhân dân *Hà Nam,* H , 1950, 62 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục tư sản và giáo dục xã hội chủ nghĩa *Học tập,* H , 1958, No 11 - 12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục kháng chiến Nxb. *Sự thật,* H , 1947, No 73

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo dục xã hội chủ nghĩa *Học tập,* H , 1958, No 12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giáo viên phải tích cực tự giác cải tạo tư tưởng *Bộ Giáo dục,* H , 1952 (Thư viện Viện Bảo tàng Cách mạng)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Hai mươi năm xây dựng giáo dục H , Nxb *Giáo dục,* 1965, 124 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Le développement de L'éducation en vingt ans en République démocratique au Vietnam *Edition du Ministere de l'Education de la* R D V 1965

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Liên đoàn giáo giới Nxb Giáo dục, H , 1950, 28 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Lý luận giáo dục dân chủ nhân dân. *Sở Giáo dục Liên khu III,* H., 1950, 92 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Mấy bài học kinh nghiệm của ngành giáo dục Việt Nam trong 20 năm qua *Học tập,* H, 1965, No 12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Mẫu giáo *Sở Giao dục phổ thông Liên khu* V,H , 1951, 132 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một cuộc cải cách lớn về giáo dục Bộ Giáo dục, (Thư viện *Viện Bảo tàng Cách mạng*), H , 1950 ,34 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một số kinh nghiệm giáo dục ở vài nước bạn Nxb *Giáo dục,* H , 1958 101 tr.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một số ý kiến về công tác giáo dục và chăm sóc thiếu niên nhi đồng *Học tập,* H , 1966, No 7

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một số vấn đề về công tác giáo dục và viết sách cho thiếu nhi Nxb *Giáo dục,* H , 1965, 80 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nền đại học Việt Nam *Sự thật,* H , 1949, No 125.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nền giáo dục nước ta trong giai đoạn phát triển mới *Học tập,* H , 1956, No 9

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ngành giáo dục nước ta bước ngoặt lịch sử *Người giáo viên nhân dân* H , 1960, 20-12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ngành giáo dục với cuộc đấu tranh đòi mở hội nghị hiệp thương *Giáo dục nhân dân,* H , 1955, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ngày 1 - 6 và ngành giáo dục *Người giáo viên nhân dân,* H., 1965, 3-6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhà trường xã hội chủ nghĩa *Giáo dục nhân dân,* H , 1958, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhân các trường bắt đầu năm học 1955 - 1956 *Giáo dục nhân dân,* H., 1955, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhân ngày Quốc tế Lao đông 1 - 5 và phương hướng của ngành giáo duc *Giao duc nhân dân,* H , 1957, No 21

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Nhiêm vu của người giáo viên trong năm hoc này *Giáo duc nhân dân,* H , 1957, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những bài hoc của đai hôi chiến sĩ thi đua đối với việc thống nhất giáo dục *Giáo duc nhân dân,* H , 1956, No 8

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phái đặc biêt tăng cường lãnh đao về chuyên môn ở cấp ty giáo duc *Giáo duc nhân dân,* H , 1957, No 12

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những vấn đề về giáo duc Nxb *Giáo duc,* H , 1950, 211 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phu nữ cần tham gia tích cưc và đông đáo hơn nữa trong công tác văn hóa giáo duc. *Người giáo viên nhân dân*, H , 1961, 5-3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Săn sóc cho thiếu nhi nhi đồng là môt trách nhiêm lớn của toàn Đảng toàn dân *Hoc tâp*, H., 1962, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tăng cường công tác bảo vê, chăm sóc và giáo dục thiếu nhi, nhi đồng *Nhân Dân,* H , 1966, 31-5

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tổ chức mới của nền giáo duc Viêt Nam *Nhà binh dân hoc vu,* 20 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tóm tắt lý luân công đoàn trong giáo duc 1951, 8 tr (Thư viên *Viên Bảo tàng Cách mang*)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tiến hành công tác kiểm tra như thế nào *Giáo duc nhân dân,* H , 1957, No 2

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Trong năm hoc 1957 cần chú trong đến những vấn đề gì *Giáo duc nhân dân,* H , 1957, No 17

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Trở lại vấn đề chấn chỉnh công việc lãnh đạo của các cấp ty giáo dục *Giáo dục nhân dân,* H , 1956, No 16.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Trường đại học Nxb *Giáo dục*, H , 1958, 50 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Vài nét lớn về mười năm xây dựng của ngành giáo dục Việt Nam Dân chủ công hòa *Giáo dục nhân dân,* H , 1956, No 13

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về đức dục và mỹ dục đối với thế hệ trẻ. *Triết học,* H., 1976, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về vấn đề bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ cho những người làm công tác giáo dục. *Giáo dục nhân dân,* H , 1956, No 11

N.K.T (THANH PHONG) - Về mục đích và nhiệm vụ của nền giáo dục phổ thông (góp ý kiến để chuẩn bị cho việc thống nhất hai hệ thống giáo dục. Cải cách giáo dục lần thứ II, năm học 1956 - 1957). Nxb *Giáo dục,* H., 1956, 46 tr.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về vấn đề giáo dục ở các trường vùng dân tộc thiểu số *Giáo dục nhân dân,* H., 1957, No 20.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Về việc thống nhất hai hệ thống giáo dục *Giáo dục nhân dân,* H , 1957, No 4

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Xác định lập trường một phe trong giáo dục. *Thanh Hóa*, 1953, 22 tr. (Thư viện *Viện Bảo tàng Cách mạng*).

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Xung quanh vấn đề giáo dục thiếu nhi. Nxb *Giáo dục,* H , 1960, 74 tr

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Xung quanh vấn đề biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo Nxb *Đại học và trung học chuyên nghiệp,* H , 1971

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Ý kiến phát biểu tại buổi lễ phát bằng cho các phó tiến sĩ bảo vệ luận án trong nước Nxb *Đại học và trung học chuyên nghiệp*, H , 1980

III.2.6. Khoa học thông tin – thư viện

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Giới thiệu cuốn *V I Lênin bàn về thư viện khoa học* Nxb *Khoa học xã hội*, H , 1970

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Thông tin khoa học xã hội phải làm gì và làm như thế nào *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1978, No 3

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Tính chất, chức năng, nhiệm vụ, nội dung thể tài của tạp chí Thông tin khoa học xã hội *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1979, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phát triển công tác thông tin khoa học xã hội, phục vụ tốt hơn nữa nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn trước mắt *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1980, No 1

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Phương hướng công tác thông tin khoa học xã hội. *Thông tin khoa học xã hội*, H , 1982, No 1

IV. NHỮNG TÀI LIỆU CÓ TÍNH CHẤT TỔNG HỢP

HỒNG LĨNH - Các dân tộc ở Liên Xô Nxb *Sự thật*, H , 1950 (Thư viện *Viện Bảo tàng Cách mạng*)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Chuyên chính vô sản, sản phẩm của Cách mạng tháng Mười Nga *Học tập*, H , 1957, No 10.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Kinh tế kế hoạch dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, 1949 (Thư viện *Viện sử học*)

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Một vài cảm tưởng về cuộc đi thăm Liên Xô *Giáo dục nhân dân,* H , 1958, No 6

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Sức manh của Liên Xô Nxb. *Sự thật,* H , 1949

NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Những vấn đề châu Á - Những vấn đề nóng bỏng của thời đai Trong cuốn *Về lịch sử Đông Nam Á hiện đai Viên Đông Nam Á* xuất bản H., 1983, tr. 7-17

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 5

Lời nói đầu 7

Phần I

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP 11

- Hồi ký của GS VS Nguyễn Khánh Toàn 13
- Các nhiệm vụ và chức danh đã đảm nhiệm, các tăng thưởng trong nước và quốc tế 82

Phần II

NHỮNG CỐNG HIẾN CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN Ở VIỆT NAM 85

- Vấn đề dân tộc trong cách mang vô sản 87
- Kỷ niệm 100 năm ngày xuất bản quyển "Tư bản" của Các Mác 221
- Chủ nghĩa Lênin và Cach mang Việt Nam 249

Phần III

VỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, TÁC PHONG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH 263

- Lãnh tu 265
- Lòng tôn kính của chúng ta đối với người con của nhân dân 269
- Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa công sản khoa hoc 272
- Bác Hồ, nhà giáo duc thiên tài nhất cũng là gian dị nhất cua dân tôc 288

- "Bản án chế đô thực dân Pháp" - một sự kiện lịch sử, một nhát cuốc đầu tiên đào mồ chôn chủ nghĩa thực dân . 293
- Hồ Chủ tịch và tình đoàn kết quốc tế 329
- "Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam" 338

Phần IV
VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN 343

- Vài nhận xét về thời kỳ từ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long . . . 345
- Những điều cần chú ý hiện nay trong khi bàn về phương pháp luận sử học 375
- Chủ nghĩa Mác và văn học nghệ thuật 392
- Về tư tưởng yêu nước thân dân của Nguyễn Trãi 410
- Nguyễn Du, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam . 417
- Nguyên Đình Chiểu nhà trí thức miền Nam yêu nước vĩ đại 446
- Truyện Kiều và tiếng Việt 454
- Chuẩn hóa tiếng nói của dân tộc là một vấn đề cực kỳ quan trọng 468
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt - một nghĩa vụ cao cả của giới ngôn ngữ học 482

Phần V
VỀ GIÁO DỤC . 487

- Giáo dục dân chủ mới 489
- Nền đại học Việt Nam 525
- Tiếng Việt và dạy đại học bằng tiếng Việt . 539
- Văn nghệ và giáo dục 564
- Mấy bài học kinh nghiệm của ngành giáo dục Việt Nam trong 20 năm qua 580

- Trước cuộc chuyển hướng quyết định trong giáo dục 600

Phần VI
VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI 611

- Vị trí và ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám 613
- Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với Cách mạng Việt Nam 630
- Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản 727
- Tham luận trình bày tại Hội nghị thành lập Uỷ ban nhiều nước về các vấn đề của các ngành khoa học văn hóa và nghệ thuật mácxít - lêninnít họp tại Beclin 740

Phần VII
NHÀ BÁO XUẤT SẮC 753

Đáp lại bức thư ngỏ của quan Năm Đỗ Hữu Chấn 755
- Bắc kỳ trong cảnh lầm than dưới sự bao hộ tốt lành của nước Pháp 767
- Pháp đình Trung cô của Pháp ở Đông Dương 775

Giai đoạn thứ hai của nhiệm kỳ Toàn quyền của ông Varen 777
- Chủ nghĩa Công sản ở Đông Dương 780

Vụ án báo "Người nhà quê" 784
- Thế nào là một quốc gia tự do 786
- Liên bang Đông Dương 788
- Chúng ta hãy đoàn kết lại 790
- Chuẩn bị cho cuộc trưng cầu dân ý ở Nam Bộ 792
- Đoàn kết dân tộc ...794

- Hãy tăng cường cảnh giác 797
- Vì hòa bình 800
- Đoàn đại biểu của chúng ta và hoa bình thế giới 803
- Gửi đồng bào Nam Bô 806
- Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ công hòa 809
- Gửi các vị đầy tớ của nhân dân 812
- Dưới ánh sáng của những sư kiên xảy ra tai Hà Nôi - chúng ta sẵn sàng 815

Phần VIII

NGUYỄN KHÁNH TOÀN TRONG LÒNG ĐẢNG, CÁC ĐỒNG CHÍ, NGƯỜI THÂN VÀ CÁC HỌC TRÒ 819

- Điếu văn đoc tai lễ tang đồng chí Nguyễn Khánh Toàn .. 821

Nguyễn Đức Bình

- Giáo sư, Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, nhà khoa hoc xã hôi và nhân văn tiêu biểu 825

GS TS Nguyễn Duy Quý

- Thư của đồng chí Xuân Thủy, Bí thư Trung ương Đảng, gửi đồng chí Nguyên Khánh Toàn . . 828

Xuân Thủy

- Phát biểu của Giáo sư Pham Như Cương, Chủ nhiêm Úy ban Khoa hoc xã hôi Việt Nam, tai buổi hop măt mừng sinh nhât lần thứ 80 của GS VS Nguyễn Khánh Toàn 829

GS Pham Như Cương

- Bài phát biểu tai lễ kỷ niêm 100 năm ngày sinh Giáo sư , Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn (01 - 8 - 1905 — 01 - 8 - 2005) 833

GS TS Đỗ Hoài Nam

- Thư chúc mừng GS VS Nguyễn Khánh Toàn 80 tuổi 838
Nguyễn Vinh
- Những kỷ niệm không thể nào quên 839
Đào Ngọc Bích
- Đào tạo những cán bộ cách mạng Việt Nam trên đất Xôviết 843
A Sôcôlốp
- Một nhà văn hóa lớn 847
GS Vũ Khiêu
- Nguyễn Khánh Toàn, kiến trúc sư những thắng lợi trong giai đoạn đầu của sự nghiệp giáo dục cách mạng ở nước ta 852
GS TS Nguyễn Cảnh Toàn
- Một nhà học giả xuất sắc, một nhà triết học 859
GS VS Hoàng Trinh
- Hình ảnh đồng chí Nguyễn Khánh Toàn trong tâm khảm tôi 862
Bùi Đình Thanh
- Viên sĩ Nguyễn Khánh Toàn, nhà sử học mácxít 867
GS Văn Tạo

Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn một trí tuệ và một tâm lòng 874
GS Văn Trọng
- Cõi học và người thầy 880
GS Hà Minh Đức

Phần IX

THƯ MỤC 889

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

36 Hang Chuối - Hai Ba Trưng - Hà Nội

ĐT 04 39719073 - Fax 04 39719071

Website http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxh

Email nxbkhxh@gmail.com

TUYỂN TẬP

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG

Biên tập nội dung	BAN BIÊN TẬP
Kỹ thuật vi tính	THẾ HOÀNG
Sửa bản in	BAN BIÊN TẬP
Trình bày bìa	NGUYỄN MẠNH HÙNG

In 300 cuốn khổ 16 x 24 cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Thế giới

Số đăng ký KHXB 896 – 2010 / CXB / 08 - 98 / KHXH

Số QĐXB 96 / QĐ NXB KHXH ngày 24/9/2010

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2010

THƯ VIỆN VTTKHXH
VV00010998

TUYỂN TẬP
NGUYỄN KHÁNH TOÀN



Giá: 225.000 đ